

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2017-2022)

Hà Nội, tháng 8 - 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC HÌNH

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC 1

1. Khái quát về HUP 1

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị của Nhà trường; tóm tắt thành tích nổi bật của Trường theo các giai đoạn phát triển: tổng số đơn vị, chương trình đào tạo, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng 1

1.2. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường 4

1.3. Cấu trúc tổ chức của HĐT 5

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của HUP 5

2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của Nhà trường và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà trường 5

2.2. Mô tả những thách thức chính mà Nhà trường gặp phải và kế hoạch của Trường để khắc phục những thách thức đó. 9

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng HUP (xem Phụ lục 1).....12

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUỖC HÀ NỘI
.....13

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa 13

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. 13

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD. 16

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện. 17

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. 18

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. 20

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1: 21

Tiêu chuẩn 2. Quản trị 24

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc HĐQT; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.	24
Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.	29
Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.	31
Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.....	34
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:	38
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý.....	41
Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	41
Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	44
Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.	46
Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.	49
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:	56
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược.....	58
Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCD.	58
Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện	66
Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD	69
Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD	71
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:	72

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....	77
Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	77
Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.	79
Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát thường xuyên.	81
Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	83
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:	86
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực.....	88
Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	88
Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.	92
Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.....	94
Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.....	97
Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	100
Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.....	105
Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	107
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:	111
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	115
Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	115

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và CSHT như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	120
Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	131
Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	134
Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.	142
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:.....	144
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	150
Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.....	150
Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.	153
Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.....	164
Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.....	170
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:.....	174
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.....	180
Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.	180
Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	185
Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.	188

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.	189
Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.	191
Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	193
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:	199
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	201
Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.....	201
Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và ĐGN được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.	204
Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và ĐGN được rà soát.	206
Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.....	210
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:.....	212
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	216
Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD được thiết lập.	216
Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.	218
Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.	220
Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	222
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:.....	226
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng.....	228
Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	228

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.	232
Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.....	235
Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.	240
Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	242
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:.....	244
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	246
Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.	246
Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.	251
Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.	257
Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.....	259
Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.	261
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:.....	262
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	264
Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan. ...	264
Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6	268
Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.....	268
Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CDR.	272
Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.	276
Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và CTDH được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.....	281
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:.....	286

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập.....	289
Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CĐR	289
Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.....	293
Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CĐR.....	297
Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.	301
Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.	304
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:.....	307
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học.....	310
Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.	310
Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR.	314
Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR.	318
Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.	321
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:.....	324
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	327
Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát NH.....	327
Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	331
Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.	337
Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	340
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:.....	342

Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	344
Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.	344
Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	347
Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.	349
Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.	350
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:	352
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ.....	355
Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.	355
Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	358
Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	361
Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.	362
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:	363
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH.....	365
Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	365
Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.	368
Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.	370
Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.	373
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:	375
Tiêu chuẩn 21. KN&PVCĐ.....	378
Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD	378

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động KN&PVCD được thực hiện.....	383
Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc KN&PVCD.	388
Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	392
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:.....	394
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo.....	396
Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	396
Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	398
Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	400
Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	406
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:.....	410
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học.....	412
Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	412
Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	415
Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	416
Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	423
Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	425
Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	427
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:.....	429
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng.....	433
Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	433

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động KN&PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	434
Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	441
Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động KN&PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	444
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:	446
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường.....	447
Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	447
Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	454
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25	464

DANH MỤC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC²

PHỤ LỤC 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC MINH CHỨNG

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Nội dung
1	BCH	Ban chấp hành
2	BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	BGH	Ban Giám hiệu
4	BM	Bộ môn
5	BYT	Bộ Y tế
6	CĐR	Chuẩn đầu ra
7	CGCN	Chuyên gia công nghệ
8	CLGD	Chất lượng giáo dục
9	CNTT	Công nghệ thông tin
10	CSDL	Cơ sở dữ liệu
11	CSGD	Cơ sở giáo dục
12	CSHT	Cơ sở hạ tầng
13	CSVC	Cơ sở vật chất
14	CTCT	Chương trình chi tiết
15	CTDH	Chương trình dạy học
16	CTĐT	Chương trình đào tạo
17	CVHT	Cổ vấn học tập
18	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
19	ĐBCL&KT	Đảm bảo chất lượng và Khảo thí
20	ĐGN	Đánh giá ngoài
21	ĐH	Đại học
22	ĐHCQ	Đại học chính quy
23	DLS	Dược lâm sàng
24	ĐMST	Đổi mới sáng tạo
25	DSCK	Dược sỹ chuyên khoa
26	ĐTN	Đoàn thanh niên
27	ĐU	Đảng uỷ
28	HĐT	Hội đồng trường
29	HTPT	Hợp tác phát triển
30	HTQT	Hợp tác quốc tế
31	HUP	Trường Đại học Dược Hà Nội
32	HVSV	Học viên sinh viên
33	KĐCL	Kiểm định chất lượng
34	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
35	KHCN	Khoa học công nghệ
36	KN&PVCD	Kết nối và phục vụ cộng đồng
37	MOU	Biên bản thỏa thuận
38	NC	Nghiên cứu

TT	Ký hiệu	Nội dung
39	NCKH	Nghiên cứu khoa học
40	NCS	Nghiên cứu sinh
41	NCV	Nghiên cứu viên
42	NHCHT	Ngân hàng câu hỏi thi
43	NSNN	Ngân sách Nhà nước
44	PVCD	Phục vụ cộng đồng
45	QLDA	Quản lý dự án
46	QLĐT	Quản lý Đào tạo
47	QLKH	Quản lý khoa học
48	QLKTD	Quản lý Kinh tế được
49	QLSV	Quản lý sinh viên
50	SDH	Sau đại học
51	SHTT	Sở hữu trí tuệ
52	SV	Sinh viên
53	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
54	TB	trung bình
55	TC-HC	Tổ chức-Hành chính
56	TCKT	Tài chính kế toán
57	THPT	Trung học phổ thông
58	TN	Tốt nghiệp
59	TNSM	Tầm nhìn sứ mạng
60	TS	Tuyển sinh
61	TTB	Trang thiết bị
62	TTTT-TV	Trung tâm thông tin thư viện
63	VC-NLĐ	Viên chức-Người lao động
64	VCQL	Viên chức quản lý
65	VPDD	Văn phòng đại diện
66	VTTTB	Vật tư trang thiết bị

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1.1. Tổng nguồn thu và kinh phí chi cho các hoạt động 2017-2021.....	15
Bảng 1.4.1. So sánh sự thay đổi của sứ mạng, tầm nhìn năm 2020 với giai đoạn 2018-2020	19
Bảng 3.4.1. Thống kê danh mục cán bộ quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại giai đoạn 2017-2022	55
Bảng 4.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản trong chiến lược phát triển của từng giai đoạn.....	62
Bảng 4.2.1. Đối sánh chỉ tiêu của giai đoạn 2021-2025 với giai đoạn 2025-2045	68
Bảng 6.3.1. Chỉ tiêu, tiêu chuẩn xét tuyển viên chức năm 2019	95
Bảng 6.5.1. Thống kê kết quả đánh giá xếp loại VC-NLĐ (từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 (<i>DVT: người</i>)	103
Bảng 6.5.2. Thống kê danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (giai đoạn 2017-2021) (<i>Đơn vị tính: người</i>).....	103
Bảng 6.7.1. Nội dung cải tiến trong quy chế nâng bậc lương	107
Bảng 7.2.1. Diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng.....	121
Bảng 7.2.2. Diện tích tổng thể các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, hội trường, phòng học, thư viện	121
Bảng 7.2.3. Diện tích chi tiết các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, hội trường, phòng học, thư viện	122
Bảng 7.2.4. Diện tích đất/SV; diện tích sàn/SV:	124
Bảng 7.2.5. Danh mục đầu tư CSVC, TTB	125
Bảng 7.3.1. Danh mục 16 phần mềm phục vụ công tác quản lý tại các đơn vị:	132
Bảng 7.3.2. Tổng vốn đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị CNTT	134
Bảng 7.5.1. Nguồn kinh phí phân bổ giai đoạn 2017-2022 (đơn vị: VNĐ).....	143
Bảng 8.1.1. Một số chỉ tiêu HTPT chính giai đoạn 2021-2025	151
Bảng 8.2.1. Kết quả hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2022	155
Bảng 8.2.2. Một số kết quả chính trong triển khai dự án, chương trình hợp tác giai đoạn 2017-2020	156
Bảng 8.3.1. Thống kê thỏa thuận hợp tác trong nước đã ký giai đoạn 2017-2022	166
Bảng 8.4.1. Một số kết quả thực hiện chính về phát triển mạng lưới đối tác giai đoạn 2017-2022.....	171
Bảng 9.6.1. So sánh các chỉ tiêu phân đầu chính giữa hai giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025	194

Bảng 9.6.2. Kết quả cải tiến một số chỉ tiêu ĐBCL cốt lõi giai đoạn 2017-2022.....	195
Bảng 10.2.1. Danh sách các khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo 2017-2022	204
Bảng 10.3.1. Bảng tổng hợp kết quả cải tiến theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN.....	207
Bảng 10.4.1. So sánh quy trình tự đánh giá năm 2020 và 2022.....	210
Bảng 11.4.1. Một số kết quả phản hồi từ người học về giảng viên và học phần giai đoạn 2017-2022.....	223
Bảng 11.4.2. Một số kết quả phản hồi từ người học trước và sau khi tốt nghiệp và người sử dụng lao động.....	224
Bảng 12.3.1. Kết quả so chuẩn, đối sánh chất lượng đào tạo và tình hình việc làm...	235
Bảng 13.2.2. Kết quả so chuẩn, đối sánh chất lượng nghiên cứu và chuyển giao tri thức	237
Bảng 12.3.3. Kết quả đối sánh hoạt động KN&PVCĐ vì 17 mục tiêu SDGs của Liên hợp quốc	238
Bảng 12.3.4. Kết quả so chuẩn, đối sánh nguồn nhân lực.....	239
Bảng 13.1.1 Kết quả tuyển sinh đại học giai đoạn 2017 - 2021.....	250
Bảng 13.1.2. Kết quả tuyển sinh SDH giai đoạn 2017 - 2021	250
Bảng 13.2.1. Tiêu chí xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường	252
Bảng 13.2.2. Tiêu chí xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế SAT hoặc ACT	253
Bảng 13.2. 3 Các ngành được đăng ký xét tuyển tương ứng với các môn chuyên	253
Bảng 13.2.4 Điểm cộng khuyến khích đối với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	254
Bảng 14.3.1. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về việc đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy được phổ biến và thực hiện dựa trên CDR	275
Bảng 14.4.1. Điều chỉnh khối kiến thức chung CTDH giai đoạn 2018-2021	279
Bảng 14.4.2. Điều chỉnh của định hướng Công nghiệp Dược và ĐBCL giai đoạn 2018-2021	279
Bảng 14.4.3. Điều chỉnh định hướng DLS VÀ QLKTD giai đoạn 2018-2021	280
Bảng 14.4.4. Điều chỉnh định hướng DL VÀ DHCT giai đoạn 2018-2021	280
Bảng 15.2.1: Thống kê số lượng giảng viên tuyển dụng giai đoạn 2017-2022	294
Bảng 15.2.2. Thống kê số lượt viên chức được đào tạo bồi dưỡng trong giai đoạn 2017-2022	295
Bảng 17.1.1 Kết quả phản hồi của SV khóa cuối về hoạt động hỗ trợ người học	330

Bảng 17.1.2 Kết quả phản hồi của SV sau 1 năm TN về hoạt động hỗ trợ người học	330
Bảng 17.2.1. Thống kê học bổng khuyến khích học tập	332
Bảng 17.2.2. Thống kê học bổng thu hút từ bên ngoài	333
Bảng 17.2.3. Kết quả phản hồi của SV khóa cuối về hoạt động hỗ trợ người học	336
Bảng 17.2.4. Kết quả phản hồi của SV sau 1 năm TN về hoạt động hỗ trợ người học	337
Bảng 18.2.1. Nguồn thu từ hoạt động KHCN giai đoạn 2017-2021	347
Bảng 18.2.2. Doanh thu từ NCKH và CGCN của Trường giai đoạn 2017-2021	348
Bảng 19.2.1. Danh mục tài sản trí tuệ của HUP giai đoạn 2017 - 7/2022	359
Bảng 20.1.1. Các chỉ tiêu KHCN giai đoạn 2021-2025 [TC.20.01.04]	366
Bảng 20.2.1. Số lượng bài báo được đăng tạp chí giai đoạn 2017-2021 [TC.20.02.38]	370
Bảng 20.3.1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính về KHCN 2016-2020	372
Bảng 20.4.1. Doanh thu từ NCKH và CGCN của Trường 2021-2025 [TC.20.04.28].	374
Bảng 20.4.2. Số lượng bài báo giai đoạn 2017-2021 [TC.20.04.28]	374
Bảng 20.4.4. Số lượng đề tài các cấp giai đoạn 2017-2021 [TC.20.04.28]	375
Bảng 21.4.1. thống kê số liệu các lớp đào tạo liên tục	393
Bảng 22.1.1 Thống kê thời gian tốt nghiệp TB của hệ Đại học chính quy	396
Bảng 22.1.2 Thống kê thời gian tốt nghiệp TB của cao học	397
Bảng 22.1.3 Thống kê tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của người học (ĐHCQ).....	397
Bảng 22.1.4. Thống kê tỷ lệ thôi học của sinh viên đại học chính quy.....	398
Bảng 22.2.1 Thống kê thời gian tốt nghiệp TB của hệ Đại học chính quy	399
Bảng 22.2.2 Thống kê thời gian tốt nghiệp TB của cao học	399
Bảng 22.3.1. Tỷ lệ có việc làm của người học	401
Bảng 22.3.2. Thời gian có việc làm sau khi tốt nghiệp	401
Bảng 22.3.3. Việc làm đúng ngành đào tạo.....	402
Bảng 23.2.4. Mức thu nhập bình quân/tháng của DS sau tốt nghiệp 1 năm	403
Bảng 23.2.6. Mức thu nhập bình quân/tháng	404
Bảng 22.4.1. Đánh giá của người sử dụng lao động về mức độ đáp ứng với công việc của DS tốt nghiệp HUP	407
Bảng 22.4.2. Mức độ hài lòng của người sử dụng lao động đối với DS tốt nghiệp HUP	407

Bảng 22.4.3. Tình trạng việc làm của người học sau 1 năm tốt nghiệp	407
Bảng 22.4.4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo.....	408
Bảng 22.4.5. Mức độ hài lòng của người học về khóa học tại trường	408
Bảng 23.1.1. Số lượng đề tài các cấp giai đoạn 2017-2021	414
Bảng 23.1.2. So sánh số lượng đề tài các cấp giai đoạn 2017-2021 với 2021-2016...	414
Bảng 23.2.1. Người học thực hiện đề tài NCKH	415
Bảng 23.3.1. Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành giai đoạn 2017-2021	417
Bảng 23.3.2. Số trích dẫn TB của công bố quốc tế của Trường giai đoạn 2017-2021	418
Bảng 23.3.3. Số lượng báo cáo tham gia hội nghị, hội thảo giai đoạn 2017-2021	420
Bảng 23.3.4. Số lượng giáo trình, sách xuất bản giai đoạn 2017-2021.....	420
Bảng 23.4.1. Đối sánh loại hình và số lượng các công bố khoa học của HUP giai đoạn 2017-2021	424
Bảng 24.2.1. Các chỉ tiêu của hoạt động Học tập gắn kết với cộng đồng.....	435
Bảng 24.2.2. Các chỉ tiêu của hoạt động NCKH gắn kết cộng đồng	435
Bảng 24.2.3. Các chỉ tiêu của hoạt động hướng tới và vì sự phát triển cộng đồng.....	436
Bảng 24.2.4. Các chỉ tiêu của hoạt động tình nguyện	436
Bảng 24.2.5. Kết quả so chuẩn, đối sánh mục tiêu 3: good health and well-being.....	438
Bảng 24.2.6. Kết quả so chuẩn, đối sánh mục tiêu 4: quality education.....	439
Bảng 24.2.7. Kết quả so chuẩn, đối sánh mục tiêu 16: life on land	440
Bảng 23.3.1. Kết quả đối sánh về một số chỉ tiêu chính của hoạt động KN&PVCD .	443
Bảng 25.1.1. Thống kê nguồn thu từ hoạt động KHCN.....	449
Bảng 25.2.1. Thống kê kết quả tuyển sinh khối A00 ngành Dược học.....	455
Bảng 25.2.2. Kết quả đối sánh các chỉ số về đào tạo	457
Bảng 25.2.3. Kết quả các chỉ số hoạt động NCKH	459
Bảng 25.2.4. Kết quả các chỉ số về PVCD.....	461

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 3.4.1. Cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý của Trường giai đoạn 2011-2019	50
Hình 3.4.2. Cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý của Trường giai đoạn 2019-7/2022	51
Hình 3.4.3. Cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý của Trường giai đoạn 7/2022-nay.....	52
Hình 3.4.4. Cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý của Trường trong tương lai gần.....	53
Hình 7.1.1: Cơ cấu nguồn thu của Trường giai đoạn 2017-2021.....	118
Hình 7.1.2: Cơ cấu chi cho các hoạt động giai đoạn 2017-2021.....	119
Hình 7.4.1. Biểu đồ kinh phí đầu tư hàng năm (đơn vị: triệu đồng)	139
Hình 13.2.1. Cơ cấu tuyển sinh giai đoạn 2017 – 2021 của Trường.....	255
Hình 13.2.2. Đối sánh điểm trúng tuyển năm 2020 ngành Dược học của HUP và một số CSGD đại học có đào tạo Dược (<i>Điểm chuẩn ngành Dược học theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (A00) - Ngưỡng ĐBCL ngành Dược học là 21,00</i>)	256
Hình 21.2.1 Tổng chi cho hoạt động NCKH, CGCN và PVCĐ	385
Hình 21.2.2. Tổng thu từ hoạt động NCKH, CGCN và PVCĐ	387
Hình 23.3.1. Số bài báo quốc tế và số ượng trích dẫn TB hàng năm của HUP.	419
Hình 23.3.2. Phân nhóm các bài báo theo số lượng trích dẫn.....	420
Hình 23.5.1. Cơ cấu nguồn thu hoạt động KHCN 2017-2021	426
Hình 23.5.2. Cơ cấu chi hoạt động KHCN 2017-2021	426
Hình 25.01.01. Nguồn thu từ hoạt động đào tạo	449
Hình 25.1.2. Cơ cấu kinh phí chi cho hoạt động KHCN.....	450
Hình 25.1.3. Chi hoạt động PVCĐ.....	451
Hình 25.1.4. Cơ cấu nguồn kinh phí được sử dụng của Trường giai đoạn 2017-2021	452
Hình 25.1.5: Thống kê cơ cấu chi giai đoạn 2017-2021	452

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về HUP

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị của Nhà trường; tóm tắt thành tích nổi bật của Trường theo các giai đoạn phát triển: tổng số đơn vị, chương trình đào tạo, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

1.1.1. Lịch sử phát triển

Trường Đại học Dược Hà Nội là một trong những Trường đại học có bề dày lịch sử trong nước. Ngày 8 tháng 1 năm 1902, Chính phủ Pháp ký quyết định thành lập Trường Thuốc Đông Dương (École de Médecine l'Indochine) tại Hà Nội để đào tạo y sĩ và dược sỹ phụ tá. Khóa tốt nghiệp đầu tiên năm 1917 được cấp bằng DS Đông dương. Năm 1926, Trường Thuốc Đông Dương được chuyển thành Trường Y Dược thực hành đào tạo bác sỹ và dược sỹ hạng nhất. Năm 1941, Chính phủ Pháp ký sắc lệnh đổi tên thành Trường Đại học Y Dược Đông Dương.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Trường Đại học Y Dược Đông Dương được đổi thành Trường Đại học Y Dược khoa và được Bộ Quốc gia Giáo dục quyết định khai giảng khóa đầu tiên ngày 15/11/1946. Do yêu cầu phát triển của ngành Y tế, ngày 29/9/1961, Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch ký Quyết định số 828/BYT-QĐ tách Trường Đại học Y Dược khoa thành 2 trường: Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa trực thuộc Bộ Y tế. Năm 1985, Trường chính thức được đổi tên thành HUP theo Quyết định số 1004/BYT-QĐ, ngày 11/9/1985 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Ngày nay, HUP là một trong những trường đại học dẫn đầu toàn quốc về nghiên cứu và ứng dụng KHCN trong giảng dạy, học tập, quản lý, chuyển giao để sản xuất, đem lại hiệu quả rõ rệt trong hoạt động đào tạo, quản lý của Nhà trường và công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường

Trong chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2040, Nhà trường đã xác định sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi, mục tiêu chiến lược như sau:

Sứ mạng

1. Đào tạo nhân lực có chất lượng, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế.

2. Tạo ra các công trình nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực được được ứng dụng trong thực tiễn, tạo ra giá trị cho xã hội.

3. Là trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp hàng đầu để hỗ trợ phát triển thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, sản phẩm thảo dược đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và quốc gia.

4. Là trung tâm ĐMST trong lĩnh vực Dược, nuôi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam.

Tầm nhìn

Đến năm 2030, HUP đại học đa ngành định hướng nghiên cứu, bước đầu là đại học ĐMST; là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học, nuôi dưỡng và hỗ trợ khởi nghiệp có uy tín, cung cấp cho người học môi trường giáo dục và NCKH tốt nhất, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu. Đến năm 2050 là đại học ĐMST.

Triết lý giáo dục

Đào tạo, nghiên cứu có chất lượng gắn liền với thực tiễn, lấy PVCĐ làm định hướng hành động.

Giá trị cốt lõi

1. *Chất lượng - hiệu quả*: Yếu tố cốt lõi làm nên thương hiệu HUP là chất lượng cao gắn liền với hiệu quả tối ưu trong mọi hoạt động và trên mọi phương diện.

2. *Tài năng cá nhân - trí tuệ tập thể*: Mọi thành công đột phá đều bắt nguồn từ sáng tạo và tài năng cá nhân, nhưng chìa khóa đảm bảo thành công là sự đoàn kết, hợp tác và trí tuệ tập thể.

3. *Kế thừa - sáng tạo*: Động lực chính cho phát triển bền vững là ĐMST dựa trên tiếp thu tinh hoa tri thức của nhân loại, kế thừa những thành quả của thế hệ trước, trí tuệ dân tộc và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp.

4. *Chuyên nghiệp*: Chuyên nghiệp trong kiến thức, kỹ năng, thời gian làm việc, thu nhập, từ đó tạo nên hiệu chất lượng và hiệu quả cao.

5. *Khát vọng*: Nhận thức rõ mình đang ở đâu và cùng nhau quyết tâm bằng những chương trình hành động cụ thể, phấn đấu trở thành một trong những trường đại học hàng đầu trong nước và có vị trí nhất định trong khu vực.

6. *Tiên phong*: Chủ động thích ứng, hội nhập và tiên phong ĐMST.

Mục tiêu chiến lược: Xây dựng HUP thành trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực (trong lĩnh vực dược) theo định hướng đại học nghiên cứu (2025/2030), thành một trung

tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về dược của cả nước; và định hướng đại học ĐMST (2030), và trở thành đại học ĐMST vào 2050.

Chiến lược đào tạo:

- Đến năm 2025, HUP là trường đại học định hướng nghiên cứu kết hợp thực hành nghề nghiệp.

- Đổi mới, đa dạng hóa công tác đào tạo, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả, đạt chuẩn đào tạo của các nước tiên tiến trong khu vực và tiếp cận quốc tế, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của xã hội.

Chiến lược KHCN:

- Đến năm 2025, HUP phấn đấu đạt được 80-90% tiêu chí của trường đại học định hướng nghiên cứu.

- HUP là trung tâm dịch vụ và tư vấn KHCN và ĐMST, ươm tạo và hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực Dược và các ngành liên quan.

Chiến lược HTQT:

- Tăng cường hội nhập giáo dục trong đào tạo, NCKH và quản trị đại học tại HUP.

Chiến lược nhân sự:

- Cơ cấu lại tổ chức các phòng, ban theo hướng tinh giản, gọn nhẹ; thành lập các khoa đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phù hợp với mô hình đào tạo trong giai đoạn mới, đáp ứng được mục tiêu của Trường trở thành đại học định hướng nghiên cứu, dần hướng tới đại học ĐMST.

- Xác định số lượng vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu công việc. Phát triển đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực sáng tạo, tư duy đổi; có đạo đức, sức khỏe tốt; có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; yêu nghề, gắn bó với Nhà trường. Hoàn thiện bộ chỉ số KPI làm cơ sở đánh giá hiệu quả công việc và trả lương.

Chiến lược tài chính:

- Tích cực mở rộng, đa dạng hóa nguồn thu, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường.

Chiến lược ĐBCLGD:

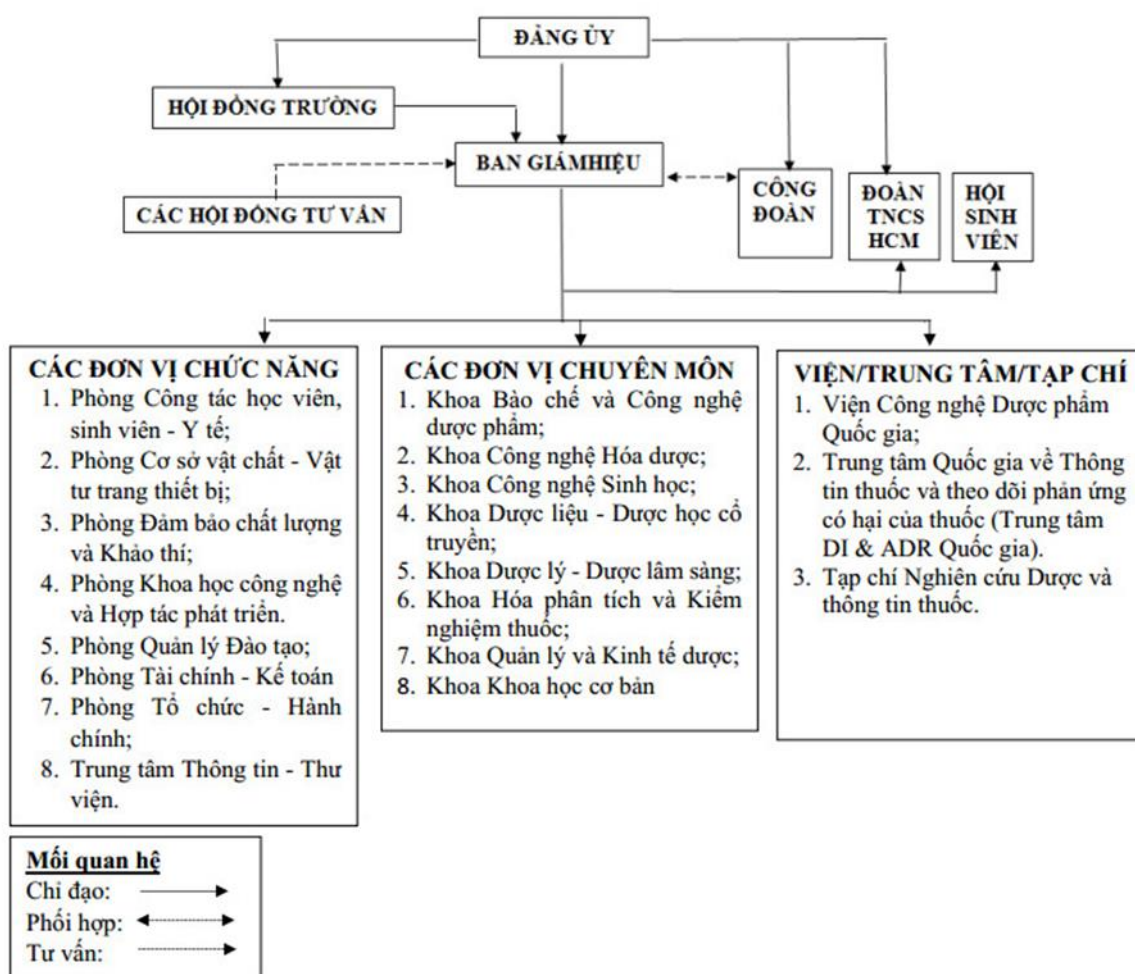
- Phát triển văn hóa chất lượng trở thành yếu tố xuyên suốt trong mọi hoạt động của Nhà trường. Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD cấp quốc gia theo chu kỳ KĐCLGD và có một số CTĐT đạt tiêu chuẩn KĐCLGD của AUN-QA.

1.3. Những thành tích nổi bật của Trường theo các giai đoạn phát triển

Trong lĩnh vực đào tạo, Trường là cơ sở độc lập duy nhất đào tạo nhân lực trình độ cao cho ngành Dược, đi đầu trong thực hiện đào tạo theo nhu cầu của các địa phương, xã hội, đào tạo sinh viên quốc tế. Đến nay Trường đã đào tạo 14,198 DS đại học, hơn 2,685 DS chuyên khoa I và chuyên khoa II; trên 1,083 thạc sĩ và hơn 131 tiến sĩ, chiếm hơn 50% nhân lực của toàn ngành Dược. CTĐT được cập nhật chương trình tiên tiến của châu Âu và thế giới. Chất lượng đào tạo được kiểm soát chặt chẽ, điểm tuyển sinh những năm gần đây luôn ở mức cao (23,05-27,5 điểm).

Trong lĩnh vực NCKH và phát triển công nghệ, trong 5 năm qua, Trường đã triển khai thực hiện 199 đề tài NCKH, trong đó có 6 đề tài cấp Nhà nước, 31 đề tài cấp Bộ và tương đương; 162 đề tài cấp trường. Từ kết quả nghiên cứu đề tài các cấp đã đăng ký 10 bằng sáng chế quốc tế về nghiên cứu phát triển thuốc mới có tiềm năng điều trị ung thư, trong đó 9 bằng sáng chế được đăng ký ở Hàn Quốc và 1 ở Nga. Trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, Trường có quan hệ và hợp tác với hơn 100 tổ chức và các trường đại học trên thế giới, ký kết hơn 40 văn bản thỏa thuận hợp tác, đã vận động và tiếp nhận hơn 20 dự án, mở ra các hướng hợp tác, trao đổi và học tập của nhiều giảng viên và sinh viên.

1.2. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường



1.3. Cấu trúc tổ chức của HĐT

HĐT HUP năm 2019 gồm 17 thành viên được thành lập theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế. Năm 2020, thực hiện quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục sửa đổi và các văn bản liên quan, HUP đã triển khai thành lập và được Bộ Y Tế công nhận HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 17 thành viên, bao gồm 11 thành viên trong Nhà trường và 6 thành viên ngoài Nhà trường. Các thành viên trong Trường đều là nhân sự đảm nhiệm các vị trí chủ chốt: Bí thư ĐU, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng các đơn vị, ủy viên Ban chấp hành Đoàn Thanh niên, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ của HĐT. Các Ban chuyên trách của HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 cũng được thành lập, bao gồm các Ban: Tổ chức và Nhân sự, Tài chính và Tài sản, Chuyên môn, có nhiệm vụ giúp cho HĐT trong các lĩnh vực hoạt động, nhân sự của các Ban hầu hết là thành viên HĐT và các viên chức có kinh nghiệm, chuyên môn cao.

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của HUP

2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của Nhà trường và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà trường.

- Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc tách Trường Đại học Y Dược thành hai trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa trực thuộc Bộ Y tế

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 Quy định về tổ chức và hoạt động Thanh tra của CSGD đại học, Trường Trung cấp chuyên nghiệp;

- Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các CSGD đại học;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc của giảng viên CSGD đại học;
- Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các CSGD đại học công lập;
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;
- Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp thâm niên đối với Nhà giáo;
- Nghị quyết 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 về kết quả thực hiện Nghị Quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014
- Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các CSGD công lập;
- Thông tư số 27/2018/TT-BGDĐT ngày 25/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo và điểm a khoản 2 Mục I Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các CSGD công lập;
- Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/05/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các CSGD đại học;
- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các CSGD và cơ sở dạy nghề;
- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 và Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức;

- Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao;

- Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

- Thông tư số 03/2019/TT-BNV sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 01/2018/TT-BNV hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

- Bộ luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;

- Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân;

- Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập;

- Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập;

- Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

- Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC;

- Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do NSNN bảo đảm kinh phí;

- Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các CSGD công lập;

- Thông tư liên tịch số 130/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 19/9/2013 của Bộ Tài Chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn chế độ tài chính thực hiện Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/06/2010 về Đề án "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020";

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN;

- Thông tư số 54/2012/TT-BGDĐT ngày 21/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về cộng tác viên thanh tra giáo dục và Thông tư số 31/2014/TTBGDĐT ngày 16/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Thông tư số 54/2012/TT-BGDĐT ngày 21/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về cộng tác viên thanh tra giáo dục;

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của BTC về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

- Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/08/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước (thay thế Thông tư số 01/2010/TT-BTC);

- Thông tư số 54/2021/TT-BTC ngày 06/7/2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của bộ

trường bộ tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

- Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam;

- Quyết định 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2015 về việc quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có sử dụng NSNN của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm Xã hội về việc ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;

- Quyết định số 888/QĐ-BHXH ngày 16/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế theo

- Quyết định số 595/QĐ-BHXH và Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH;

- Quyết định số 811/QĐ-BHXH ngày 16/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH.

Các quy định của Nhà nước đã trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động của HUP trong giai đoạn vừa qua và Nhà trường đã có những thành công trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Trường. Nhà trường đã tuân thủ nghiêm túc các quy định và thực hiện đúng những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cơ quan cấp trên. Đồng thời, Nhà trường cũng đã xây dựng các quy định nội bộ phù hợp với những đặc thù của Nhà trường để đảm bảo các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cơ quan cấp trên được thực hiện một cách hiệu quả, có hiệu lực.

2.2. Mô tả những thách thức chính mà Nhà trường gặp phải và kế hoạch của Trường để khắc phục những thách thức đó.

Thách thức chung: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh chóng, dẫn đến sự thay đổi nhanh chóng về hoạt động nghề được. Một số lĩnh vực có thể bị thay đổi nhanh chóng bởi IoT, CSDL lớn, dữ liệu khối, trí tuệ nhân tạo,...

Sản phẩm/dịch vụ: Trình độ công nghệ trong một số lĩnh vực chậm hơn so với thực tế phát triển của doanh nghiệp.

Tài chính: Mâu thuẫn giữa nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong khi chi phí cho đào tạo thấp.

Đầu vào: Bị cạnh tranh rất lớn trong phân khúc đào tạo DS cho các bệnh viện, nhà thuốc.

KHCN: Chưa hình thành cơ cấu thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động NCKH, phát triển công nghệ, CGCN.

Nhân lực: Yêu cầu ĐBCL đào tạo và NCKH, đòi hỏi nâng cao số lượng, chất lượng cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao từ tiến sĩ trở lên.

Môi trường hoạt động:

- Xu hướng phát triển giáo dục đại học đặt ra yêu cầu mỗi nhà trường cần đáp ứng đòi hỏi của nền “Kinh tế tri thức”.

- Thị trường lao động biến động và phát triển, đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của trường ĐH ngày càng cao.

- Một số chính sách của Nhà nước về quản lý, điều tiết đào tạo, sử dụng nhân lực và KHCN còn bất cập.

- Hệ thống ĐBCL cấp quốc gia và chuẩn nghề nghiệp chưa định hình rõ nét.

- Đầu tư của Nhà nước cho đào tạo và KHCN còn thấp.

- Việt Nam đã vượt qua nhóm các nước nghèo nhưng năng lực cạnh tranh còn thấp.

Đối thủ:

- Số lượng các trường đào tạo Dược ngày càng nhiều cùng với sự cạnh tranh về thu hút người học, chất lượng và sự đa dạng hóa các loại hình đào tạo.

- Nhà trường cần cân đối giữa bài toán chất lượng hoạt động và hiệu quả kinh tế, giải pháp để vẫn đảm bảo và nâng cao chất lượng trong giới hạn nguồn kinh phí còn hạn hẹp.

c) Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của Nhà trường và cách mà Trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó.

Điểm mạnh chung: Có văn hóa truyền thống trong hoạt động dạy và học theo hướng coi trọng đạo đức nghề nghiệp.

Sản phẩm/dịch vụ:

- SVTN Trường được các doanh nghiệp và ngành đánh giá cao hơn nhiều trường khác.

- Đã có kinh nghiệm nghiên cứu thành công và chuyển giao một số sản phẩm KHCN.

Đầu vào (để tổ chức đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ khác):

- Vị trí nơi đào tạo là trung tâm của Thành phố Hà Nội.
- CSVC kỹ thuật tương đối hiện đại.
- Người học có trình độ đầu vào cao.

Phát triển tổ chức:

- Đã hình thành được đơn vị: Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc Gia, có Trung tâm ADR&DI Quốc gia, trong đó Trung tâm ADR&DI Quốc gia đã có đóng góp nhất định cho ngành và xã hội.

KHCN (ứng dụng KHCN trong dạy học, nghiên cứu, dịch vụ):

Có tương đối đầy đủ các bộ môn khoa học cần thiết để phát triển ngành dược: Phát triển sản phẩm (KT/CN), sử dụng sản phẩm (thực hành nghề nghiệp).

Nhân lực:

- Có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao hơn đại đa số các trường đào tạo dược trong nước, lại có mối quan hệ với các trường trên thế giới do đã được đào tạo tại các trường đó.

- Một số giảng viên có năng lực và kinh nghiệm hội nhập, như tổ chức các hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế, xây dựng, triển khai dự án HTQT.

CƠ HỘI (Môi trường bên ngoài/xu hướng/...):

- Kinh tế - xã hội tăng trưởng và phát triển nhanh, dẫn đến nhu cầu về các loại dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm,... phát triển mạnh, nhu cầu nghiên cứu ứng dụng, nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng giỏi trong hoạt động nghề nghiệp ngày càng tăng và đa dạng.

- Yêu cầu của xã hội về chất lượng đào tạo, giải pháp kiểm định chất lượng và công khai chất lượng đào tạo các trường Đại học là cơ hội để Nhà trường khẳng định và phát triển.

- Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu và toàn diện, tạo điều kiện để nhà trường học tập kinh nghiệm xây dựng và phát triển của các trường Đại học trong khu vực và quốc tế. Đặc biệt là cơ hội tốt để nhà trường liên kết đào tạo với các trường Dược trong khu vực và thế giới, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

- Đảng và Nhà nước và ngành Y tế đã có chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các CSGD đại học, tạo cơ hội tăng nguồn thu hợp pháp và tăng cường các nguồn đầu tư.

- Nhu cầu của người học muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao trong nước ngày càng tăng.
- Nhu cầu mối liên kết giữa trường đại học với các địa phương và doanh nghiệp có xu hướng tăng.
- Nguồn tài nguyên được liệu sẵn có và thế mạnh về Y học cổ truyền của Việt Nam.
- Cách mạng 4.0 tạo cơ hội phát triển các hình thức, phương pháp, công cụ đào tạo mới.
- Khởi nghiệp quốc gia được phát triển, tạo cơ hội cho phát triển các CTĐT, huấn luyện, xây dựng mối quan hệ, vốn,... với các doanh nghiệp khởi nghiệp.
- Trường xây dựng xong cơ sở 2 tại Bắc Ninh (mở rộng quy mô, điều kiện làm việc).

Đối thủ:

Chất lượng đào tạo của phần lớn các trường đào tạo được còn kém do thiếu CSVC, đội ngũ và bề dày kinh nghiệm.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng HUP (xem Phụ lục 1)

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tại Quy hoạch phát triển HUP giai đoạn 2001-2010 và định hướng đến năm 2020 được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt, HUP đã công khai sứ mạng: *“HUP là trường có sứ mạng đi tiên phong trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ dược cho ngành y tế Việt Nam, đặc biệt là đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao ngang tầm với khu vực và thế giới. Trường phải là một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học dược vào sản xuất, là đầu mối giao lưu quốc tế của ngành trong lĩnh vực đào tạo và NCKH về dược trong khu vực”*. Nhà trường đã rà soát sứ mạng và công bố vào năm 2009 *“HUP là trường có sứ mạng đi tiên phong trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ dược cho ngành Y tế Việt Nam, đặc biệt là đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao ngang tầm với khu vực và thế giới. Trường phải là một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, là đầu mối giao lưu quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và NCKH của ngành Dược”* [TC.01.01.01]. Năm 2020, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường đã được rà soát, sửa đổi, công bố trong Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [TC.01.01.02], cụ thể:

Sứ mạng:

- 1) Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế.
- 2) Tạo ra các công trình nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực dược được ứng dụng trong thực tiễn, tạo ra giá trị cho xã hội.
- 3) Là trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp, hàng đầu để hỗ trợ phát triển thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, sản phẩm thảo dược đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và quốc gia.
- 4) Là trung tâm ĐMST trong lĩnh vực Dược, nuôi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, HUP là đại học đa ngành trong lĩnh vực Dược, định hướng nghiên cứu kết hợp với thực hành nghề nghiệp, bước đầu là đại học ĐMST; là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học, nuôi dưỡng và hỗ trợ khởi nghiệp có uy tín, cung cấp cho người học môi trường giáo dục và NCKH tốt nhất, đảm

bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu. Đến năm 2045, Trường là đại học ĐMST.

Sứ mạng của Trường phù hợp và gắn kết với Chiến lược phát triển kinh tế trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đào tạo nguồn nhân lực Dược: *“Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở” [TC.01.01.03], “Phát triển hệ thống y tế vừa hoàn chỉnh, vừa phổ cập, vừa chuyên sâu nhằm đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân” [TC.01.01.04]* và phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu và trọng tâm phát triển Thủ đô 5 năm 2015-2020 *“... Văn hoá - xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển ... nâng cao vị thế và uy tín của Thủ đô, phát huy vai trò đầu tàu, trung tâm phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước”, “Hiện đại hoá và phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và y đức của đội ngũ cán bộ ngành Y tế, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân... chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế hiện đại, ứng dụng CNTT, đào tạo nhân lực có tay nghề cao...” [TC.01.01.05].*

Sứ mạng của Nhà trường cũng đáp ứng được Chiến lược phát triển ngành Dược Việt Nam. Quan điểm phát triển ngành dược theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và trên thế giới được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển ngành Dược. Mục tiêu đến 2020 đạt tỉ lệ 2,5 dược sỹ/1 vạn dân trong đó dược sỹ lâm sàng chiếm 30%. Giải pháp: Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực Dược đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Dược, chú trọng đào tạo dược sỹ lâm sàng [TC.01.01.06].

Trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, Nhà trường đã xin ý kiến đóng góp của GV, VC-NLĐ, NH, các Nhà tuyển dụng lao động và các tổ chức xã hội nghề nghiệp thông qua các hình thức: gửi văn bản đến các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường đề nghị góp ý kiến rà soát, sửa đổi, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa; gửi Dự thảo tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa đã rà soát, sửa đổi xin ý kiến các phòng, ban, bộ môn, VC-NLĐ; phỏng vấn một số các nhà khoa học, nhà quản lý, cựu sinh viên thành đạt, các giảng viên [TC.01.01.07], [TC.01.01.08]. Mọi ý kiến góp ý được Nhà trường tổng hợp, chỉnh sửa để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, ý kiến góp ý cho dự thảo tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường của một số nhà tuyển dụng lao động còn khiêm tốn [TC.01.01.09].

Nội dung tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường, đào tạo đội ngũ nhân lực Dược có chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng về bảo vệ, chăm sóc và

nâng cao sức khỏe của nhân dân, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Sứ mạng phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể: “Xây dựng HUP thành trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực (trong lĩnh vực dược) theo định hướng đại học nghiên cứu kết hợp thực hành nghề nghiệp (2025 - 2030), thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về dược của cả nước; định hướng đại học ĐMST (2030), và trở thành đại học ĐMST vào 2045”, và được triển khai có hiệu quả [TC.01.01.02].

Để triển khai tầm nhìn, sứ mạng, Hiệu trưởng Nhà trường chỉ đạo các đơn vị xây dựng, ban hành chiến lược, kế hoạch hoạt động trong các lĩnh vực Đào tạo, KHCN, Nhân sự, ĐBCL, Tài chính, HTQT và của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định [TC.01.01.10]; [TC.01.01.11].

Trường có đủ nhân lực, vật lực và tài lực để thực hiện sứ mạng đã tuyên bố, cụ thể như sau:

+ Về nhân lực: Tính đến tháng 4 năm 2022, Trường có 313 cán bộ cơ hữu, trong đó có 06 Giáo sư, 37 Phó Giáo sư, 101 Tiến sĩ, 115 Thạc sĩ, 76 Đại học, 21 trình độ khác [TC.01.01.12].

+ Về CSVC: Trường có tổng diện tích đất: 220.109,7 m² [TC.01.01.12]. Trường hiện có 30 phòng học lý thuyết được trang bị hiện đại: projector, hệ thống loa âm thanh, có đường truyền internet; 46 phòng thực hành, phòng học lâm sàng [TC.01.01.12]. Về nguồn tài liệu, hiện nay Thư viện có 33.393 đầu sách và 35.195 bản [TC.01.01.12].

+ Về tài chính: Nhà trường có năng lực để tự chủ phục vụ công tác dạy và học.

Bảng 1.1.1. Tổng nguồn thu và kinh phí chi cho các hoạt động 2017-2021

TT	Nội dung	Kinh phí hằng năm (triệu đồng)				
		2017	2018	2019	2020	2021
1.	Tổng kinh phí từ các nguồn thu của Trường	126.849	132.705	137.213	133.240	140.848
2.	Tổng chi cho hoạt động NCKH-CGCN và PVCĐ	16.392	24.988	29.929	26.369	28.248
3.	Tổng chi cho hoạt động đào tạo	115.589	111.992	114.527	105.090	109.723

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Nhà trường đã xác định các giá trị cốt lõi của mình với vị thế là trường đại học đầu ngành về Dược. Các giá trị cốt lõi được xem như là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Nhà trường và được tuyên bố lần đầu năm 2020 trong Chiến lược, kế hoạch phát triển HUP đến 2030 tầm nhìn 2045 **[TC.01.02.01]**:

1) *Chất lượng - hiệu quả*: Yếu tố cốt lõi làm nên thương hiệu HUP là chất lượng cao gắn liền với hiệu quả tối ưu trong mọi hoạt động và trên mọi phương diện.

2) *Tài năng cá nhân - trí tuệ tập thể*: Mọi thành công đột phá đều bắt nguồn từ sáng tạo và tài năng cá nhân, nhưng chìa khóa đảm bảo thành công là sự đoàn kết, hợp tác và trí tuệ tập thể.

3) *Kế thừa - sáng tạo*: Động lực chính cho phát triển bền vững là ĐMST dựa trên tiếp thu tinh hoa tri thức của nhân loại, kế thừa những thành quả của thế hệ trước, trí tuệ dân tộc và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp.

4) *Chuyên nghiệp*: Chuyên nghiệp trong kiến thức, kỹ năng, thời gian làm việc, thu nhập, từ đó tạo nên hiệu chất lượng và hiệu quả cao.

5) *Khát vọng*: Nhận thức rõ mình đang ở đâu và cùng nhau quyết tâm bằng những chương trình hành động cụ thể, phấn đấu trở thành một trong những trường đại học hàng đầu trong nước và có vị trí nhất định trong khu vực.

6) *Tiên phong*: Chủ động thích ứng, hội nhập và tiên phong ĐMST.

Đây cũng là tôn chỉ để đưa Nhà trường phát triển và xác lập vị trí là trường đại học hàng đầu chuyên ngành Dược của Việt Nam, đào tạo SV là những Dược sỹ có đạo đức, phát triển toàn diện về kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, năng động - bản lĩnh - tự tin hội nhập với cộng đồng quốc tế, đảm nhận tốt công việc trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường **[TC.01.02.01]**.

Giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định từ các giá trị truyền thống của Nhà trường ngay từ khi được thành lập, đào tạo những cán bộ Dược vừa hồng vừa chuyên, có đạo đức nghề nghiệp, thành thạo về chuyên môn đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ. Giá trị cốt lõi của Nhà trường làm nên linh hồn và tạo nên uy tín của Nhà trường trong xã hội ngày nay.

Các giá trị cốt lõi phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường đó là đào tạo những dược sỹ có tri thức phục vụ sự nghiệp chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, đồng thời chuyển giao những kết quả NCKH vào thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế, xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu...đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp

có đủ năng lực chuyên môn để đáp ứng với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân và cộng đồng **[TC.01.02.01]**.

Trên cơ sở giá trị cốt lõi, Nhà trường đã xây dựng các chiến lược thành phần, kế hoạch hành động hàng năm phổ biến triển khai đến các đơn vị, VC-NLĐ và người học nhằm giữ gìn và phát triển các giá trị cốt lõi của Nhà trường thông qua Tuần sinh hoạt công dân SV đầu khóa, đầu năm học **[TC.01.02.02]**; Hội nghị VC-NLĐ **[TC.01.02.03]**; Hội nghị cán bộ chủ chốt **[TC.01.02.04]**. Các chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch hoạt động hàng năm của Nhà trường đã thể hiện được mục đích giữ gìn, phát triển giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của Trường, thể hiện qua mục tiêu phấn đấu: đến năm 2030 trở thành đại học định hướng nghiên cứu, Cơ bản đạt các chỉ tiêu vào 2030 và trở thành đại học ĐMST vào 2045; mở rộng quy mô, loại hình đào tạo, hiện đại hóa chương trình, liên kết đào tạo với nước ngoài, tăng cường ĐMST trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực dược; Lựa chọn (theo tiêu chí) và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có thể đào tạo sinh viên tài năng để triển khai CTĐT bồi dưỡng sinh viên tài năng theo hướng đào tạo cả trong nước và quốc tế; Nghiên cứu cơ bản gắn với các định hướng ứng dụng, giải quyết được những vấn đề trọng yếu trước mắt và lâu dài của ngành, đạt trình độ của khu vực và thế giới; tạo ra được các tri thức và luận cứ khoa học, góp phần giải quyết các vấn đề của ngành, phục vụ phát triển ngành và kinh tế đất nước, tăng số bài báo, báo cáo quốc tế, tăng lượng trích dẫn; tăng cường CGCN, HTPT trong lĩnh vực Dược và các lĩnh vực liên quan; phấn đấu có nhiều phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, CGCN đến doanh nghiệp; có nhiều công nghệ lõi, đủ năng lực phát triển một số sản phẩm cấp quốc gia **[TC.01.02.01]**, **[TC.01.02.05]**, **[TC.01.02.06]**, **[TC.01.02.07]**, **[TC.01.02.08]**, **[TC.01.02.09]**, **[TC.01.02.10]**.

Tuy nhiên, qua quá trình tổ chức triển khai các kế hoạch hành động nhằm giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống, giá trị cốt lõi của Nhà trường vẫn còn một số ít cán bộ, GV, nhân viên và SV chưa thực sự trân trọng, chưa toàn tâm toàn ý với công việc để giữ gìn những nét đẹp truyền thống của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố rộng rãi, hiển ngôn trong các văn bản như Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển HUP đến 2030, tầm nhìn 2045 **[TC.01.03.01]**, tại các buổi lễ, các sự kiện do Nhà trường tổ chức như Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa các

năm học [TC.01.03.02]; Hội nghị viên chức người lao động hàng năm [TC.01.03.03]; [TC.01.03.04]. Ngoài ra tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cũng được phổ biến công khai cho mọi người thông qua hệ thống bảng, biển báo trong khuôn viên Trường, trên Website của Trường, trên hệ thống bảng LED trong khuôn viên, các phòng họp của Nhà trường [TC.01.03.05]; [TC.01.03.06].

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường cũng được quán triệt và giải thích rõ ràng để mọi người thực hiện, thông qua các nội dung sinh hoạt, nội quy Nhà trường dành cho VC-NLĐ, GV, viên chức mới được tuyển dụng, nội dung các buổi họp mặt đầu năm học của Nhà trường, các ngày lễ họp mặt VC-NLĐ (khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, đại hội các cấp của các tổ chức đoàn thể...) và thông qua nội dung của các chương trình sinh hoạt công dân đầu khóa học, nội dung các buổi gặp mặt tân SV đầu năm của Nhà trường [TC.01.03.02].

Để đánh giá kết quả việc quán triệt tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường, sau mỗi đợt sinh hoạt đó, Nhà trường tiến hành kiểm tra thông qua các bài kiểm tra, thu hoạch cá nhân hoặc các kết quả cuộc thi. Đối với VC-NLĐ, thể hiện qua văn hóa công sở, thực hiện nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường, qua hoạt động dạy học.

Tuy nhiên, chưa đa dạng các hình thức tuyên truyền, quảng bá, truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Nhà trường đến VC-NLĐ, HVSV và các bên liên quan. Việc đánh giá kết quả việc quán triệt tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường thực hiện chưa bài bản, thường xuyên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển sứ mạng, tầm nhìn và văn hóa của Trường, trong đó Phòng TC-HC là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện việc rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường, [TC.01.04.01].

Việc rà soát, đánh giá tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường chủ yếu được thực hiện trong nội bộ Nhà trường. Việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan đã có nhưng còn khiêm tốn.

Tổ chức lấy ý kiến tham gia của cán bộ, GV, nhân viên, SV và các bên liên quan về việc chỉnh sửa tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi từ cấp phòng/bộ môn đến cấp Trường [TC.01.04.02].

Năm 2020, sứ mạng, tầm nhìn của Trường đã được thay đổi so với giai đoạn từ 2018 -2020.

Bảng 1.4.1. So sánh sự thay đổi của sứ mạng, tầm nhìn năm 2020 với giai đoạn 2018-2020

Nội dung	Giai đoạn trước năm 2020	Giai đoạn từ năm 2020 đến nay
Sứ mạng	“HUP là trường có sứ mạng đi tiên phong trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ được cho ngành Y tế Việt Nam, đặc biệt là đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao ngang tầm với khu vực và thế giới. Trường phải là một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, là đầu mối giao lưu quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và NCKH của ngành Dược” [TC.01.04.03].	1) Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế; 2) Tạo ra các công trình nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực được được ứng dụng trong thực tiễn, tạo ra giá trị cho xã hội. 3) Là trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp, hàng đầu để hỗ trợ phát triển thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, sản phẩm thảo dược đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và quốc gia. 4) Là trung tâm ĐMST trong lĩnh vực Dược, nuôi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam. [TC.01.04.04].
Tầm nhìn	“Xây dựng HUP thành một trường trọng điểm quốc gia, một trung tâm đào tạo cán bộ và nghiên cứu về Dược của cả nước, ngang tầm với khu vực vào năm 2020 và thế giới vào năm 2030” [TC.01.04.03]	“Đến năm 2030, HUP là đại học đa ngành trong lĩnh vực Dược, định hướng nghiên cứu kết hợp với thực hành nghề nghiệp, bước đầu là đại học ĐMST; là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học, nuôi dưỡng và hỗ trợ khởi nghiệp có uy tín, cung cấp cho người học môi trường giáo dục và NCKH tốt nhất, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu. Đến năm 2045, Trường là đại học ĐMST” [TC.01.04.04]

Qua khảo sát, trên 80% người được hỏi nhất trí với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường đã được rà soát, chỉnh sửa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, chiến lược phát triển của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của cán bộ, GV, nhân viên và SV [TC.01.04.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Nhà trường luôn được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của HUP, trong đó Phòng TC-HC là đầu mối triển khai việc rà soát theo quy định [TC.01.05.01]. Sau các đợt rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi, Phòng TC-HC của Nhà trường tổng hợp ý kiến góp ý thông qua việc xin ý kiến góp ý của VC-NLĐ, HVSV và các bên liên quan tại hội nghị, hội thảo về điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường để phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế; đồng thời đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. [TC.01.05.02]; [TC.01.05.03]; [TC.01.05.04].

Qua khảo sát xin ý kiến phản hồi của các bên liên quan về rà soát, cải tiến, phát triển tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường, trên 80% đồng ý với nội dung phát triển tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi giai đoạn đến năm 2030 gồm các nội dung [TC.01.05.05].

Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Nhà trường đã được điều chỉnh năm 2020 để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi được tuyên bố chính thức [TC.01.05.06] và phổ biến cho các bên liên quan, bao gồm VC-NLĐ, HVSV và các nhà tuyển dụng và được đăng tải trên Website: hup.edu.vn, trên cuốn “Những điều cần biết”; sổ tay CVHT và các phương tiện truyền thông khác [TC.01.05.07]. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát xin ý kiến các bên liên quan để chỉnh sửa tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường vẫn còn một số VC-NLĐ, HVSV chưa biết rõ về tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Nhà trường.

Để xây dựng và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường đáp ứng với chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, chiến lược phát triển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, quy trình luôn được cải tiến nhằm nâng

cao chất lượng của tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi đáp ứng với nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường đã được rà soát, sửa đổi, công bố rõ ràng, nội dung tầm nhìn, sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường và của Ngành Dược; được công bố rộng rãi, công khai, quán triệt và giải thích rõ ràng trên các phương tiện truyền thông của Trường và các kênh chính thống; thể hiện qua văn hóa công sở, thực hiện nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường, qua hoạt động dạy học.

- Trường có đủ nhân lực, vật lực và tài lực để thực hiện sứ mạng đã tuyên bố.

- Nhà trường có kế hoạch hoạt động trong các lĩnh vực Đào tạo, KHCN, Nhân sự, ĐBCL, Tài chính, HTQT và của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi đầy đủ, rộng rãi của các bên có liên quan về sứ mạng, tầm nhìn trong quá trình rà soát, cập nhật và sau 1 năm công bố.

- Vẫn còn một bộ phận VC-NLĐ, người học chưa thực sự trân trọng, chưa toàn tâm toàn ý với công việc để giữ gìn những nét đẹp truyền thống của Nhà trường.

- Chưa đa dạng các hình thức tuyên truyền, quảng bá, truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Nhà trường; việc đánh giá kết quả nắm bắt, thực hiện chưa bài bản, thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại 1	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan về sứ mạng, tầm nhìn của Trường	BGH/ các đơn vị, toàn thể VC-NLĐ, người học; nhà tuyển dụng; các doanh	Hoàn thành trước 31/12/2022	

			ng nghiệp, đơn vị, tổ chức, cá nhân.		
2.	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng để VC-NLĐ và người học thực sự trân trọng, toàn tâm toàn ý với công việc để giữ gìn những nét đẹp truyền thống của Nhà trường.	ĐU/BGH Các đơn vị	Thường xuyên liên tục trong năm học Trước 30/6 hàng năm	
3.	Khắc phục tồn tại 3	Đánh giá kết quả việc quán triệt tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường bài bản, thường xuyên	BGH TC-HC Các đơn vị	Khi kết thúc các hoạt động/các sự kiện/các đợt thi đua; 6 tháng/lần khi kết thúc năm học (Trước 30/6 hàng năm) hoặc kết thúc năm tài chính (trước 31/12 hàng năm)	TC-HC là đầu mối
4.	Khắc phục tồn tại 4	Đa dạng các hình thức tuyên truyền, quảng bá, truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Nhà trường	Trung tâm Thông tin tư viện đầu mối Toàn trường	Toàn năm học	
5.	Khắc phục tồn tại 5	Thực hiện tham khảo ý kiến của các bên liên quan về việc chỉnh sửa tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi với nhiều đối tượng, thường xuyên, liên tục hơn.	BGH TC-HC	Hằng năm	

6.	Khắc phục tồn tại 6	Tăng cường các hình thức, giải pháp trong quá trình rà soát xin ý kiến các bên liên quan để chỉnh sửa tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường để 100% VC-NLĐ, HVSV biết rõ về tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Nhà trường.	BGH TC-HC Trung tâm thông tin thư viện Các đơn vị	Thường xuyên trong năm học	
7.	Phát huy điểm mạnh 1	Rà soát Sứ mạng, tầm nhìn, văn hoá hằng năm	ĐU/HĐT/BGH Các đơn vị	31/12 hàng năm	
8.	Phát huy điểm mạnh 2	Xây dựng kế hoạch hoạt động từng năm học phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định	ĐU/HĐT/BGH Các đơn vị	30/6 hàng năm	
9.	Phát huy điểm mạnh 3	Củng cố, phát huy các giá trị văn hoá mang bản sắc Dược	ĐU/BGH Các đơn vị	Thường xuyên liên tục trong năm học Trước 30/6 hàng năm	
10.	Phát huy điểm mạnh 4	Duy trì và tăng cường công bố rộng rãi, công khai, quán triệt và giải thích rõ ràng về Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường khi tổ chức các hoạt động, sự kiện, trên các phương tiện truyền thông của Trường, các kênh thông tin, phương tiện truyền thông, mạng xã hội.	Toàn trường	Toàn năm học	
11.	Phát huy điểm mạnh 5	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, chiến lược phát triển của Nhà trường,	BGH TC-HC Các đơn vị	Hằng năm	

		đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của cán bộ, GV, nhân viên và SV			
12.	Phát huy điểm mạnh 6	Định kỳ rà soát, cải tiến, phát triển tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường	BGH TC-HC Các đơn vị	Trước 30/6 hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	5
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	5

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc HĐT; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.

Hệ thống quản trị của HUP được thiết lập theo đúng quy định của pháp luật, bao gồm: ĐU, HĐT, BGH, 13 phòng, ban; 21 bộ môn, 1 trung tâm, 1 viện, 1 tạp chí; Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và các Hội đồng tư vấn đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các quy định khác của pháp luật và các quy định của Bộ Y tế. Trong giai đoạn 2017-2022, Đảng bộ HUP đã trải qua hai nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025. Ban chấp hành Đảng bộ và Ủy ban kiểm tra ĐU qua các nhiệm kỳ đều được bầu và được ĐU khôi các trường đại học, cao đẳng Hà Nội chuẩn y theo đúng quy định **[TC.02.01.01]**. Hiện nay, BCH ĐU gồm 11 đồng chí bao gồm bí thư, phó bí thư, thường vụ ĐU và các ĐU viên có đủ năng lực để đảm nhiệm trọng trách lãnh đạo hoạt động của Nhà trường, đó là các đảng viên đang giữ vị trí Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng các Viện, Trung tâm, Bộ môn, Phòng, Ban thuộc và trực thuộc Trường. Hoạt động của ĐU được tổ chức định kỳ hoặc đột xuất, đưa ra các định hướng, chiến lược, chủ trương để HĐT, BGH làm cơ sở

thực hiện. Trong mỗi kỳ họp, hoạt động của Nhà trường về các mặt đều được đánh giá, từ đó xác định phương hướng hoạt động trong thời gian tiếp theo.

HĐT HUP năm 2019 gồm 17 thành viên được thành lập theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế **[TC.02.01.02]** Năm 2020, thực hiện quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục sửa đổi và các văn bản liên quan, HUP đã triển khai thành lập và được Bộ Y Tế công nhận HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 17 thành viên, bao gồm 11 thành viên trong Nhà trường và 6 thành viên ngoài Nhà trường. Các thành viên trong Trường đều là nhân sự đảm nhiệm các vị trí chủ chốt: Bí thư ĐU, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng các đơn vị, ủy viên Ban chấp hành Đoàn Thanh niên, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ của HĐT **[TC.02.01.03]**, **[TC.02.01.04]**. Các Ban chuyên trách của HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 cũng được thành lập, bao gồm các Ban: Tổ chức và Nhân sự, Tài chính và Tài sản, Chuyên môn, có nhiệm vụ giúp cho HĐT trong các lĩnh vực hoạt động, nhân sự của các Ban hầu hết là thành viên HĐT và các viên chức có kinh nghiệm, chuyên môn cao **[TC.02.01.02]**. HĐT triển khai thực hiện chức năng theo quy định trên cơ sở nghị quyết của ĐU, đó là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của HUP và các bên có lợi ích liên quan, chịu trách nhiệm quyết định về chính sách, phương hướng hoạt động, huy động các nguồn lực cho Trường; thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động của Trường; gắn Trường với xã hội, bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Trường theo quy định của pháp luật. HĐT thực hiện nhiệm vụ thông qua nghị quyết của các kỳ họp, BGH thực hiện nghị quyết của HĐT, báo cáo kết quả trong các kỳ họp. Tuy nhiên do chưa có sự thống nhất giữa Luật Giáo dục đại học với các Luật trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của trường đại học: như NCKH, tài chính, tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý cán bộ... nên đôi khi HĐT gặp khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được quy định trong Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Thành viên BGH (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng) trong giai đoạn 2017-2021 đã được Bộ Y tế bổ nhiệm theo đúng quy định. Chức danh Hiệu trưởng đã được HĐT đề xuất và được Bộ Y Tế công nhận theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục sửa đổi **[TC.02.01.05]**. Các chức danh Phó Hiệu trưởng cũng được thực hiện theo quy định tại các quyết định của Bộ Y tế và Nghị quyết của HĐT **[TC.02.01.05]**, **[TC.02.01.06]**. Nhân sự BGH là các thầy cô có trình độ, học hàm, học vị cao (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ), có đủ năng lực điều hành hoạt động của Trường. Nhà trường có sự phân công rõ ràng về nhiệm vụ của các thành viên BGH **[TC.02.01.07]**, đồng thời có sự phân định về nhiệm vụ, quyền hạn giữa HĐT và BGH **[TC.02.01.08]**. Hệ thống quản trị của trường vận hành theo cơ chế: ĐU thực hiện vai trò lãnh đạo, HĐT thực hiện chức

năng quản trị, BGH thực hiện chức năng điều hành hoạt động của trường, do đó các hoạt động của Trường đều được thực hiện thông suốt. Trong hệ thống quản trị, Nhà trường có 13 phòng ban, 21 bộ môn, 01 trung tâm (Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc), 01 viện (Viện Công nghệ dược phẩm Quốc gia). Các đơn vị này đều được thành lập theo đúng quy định. **[TC.02.01.09], [TC.02.01.10].**

Công đoàn HUP trực thuộc Công đoàn Y tế Việt Nam. Nhân sự Ban chấp hành Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017-2022 được Công đoàn Y tế chuẩn y với 15 thành viên **[TC.02.01.11], [TC.02.01.12]** Ủy ban kiểm tra Công đoàn trường được thành lập, kiện toàn theo đúng Điều lệ Công đoàn **[TC.02.01.13].**

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên HUP là một bộ phận trong hệ thống quản trị của Trường, được Thành Đoàn Thành phố Hà Nội chuẩn y nhân sự Ban chấp hành theo từng nhiệm kỳ **[TC.02.01.14], [TC.02.01.15].**

Bên cạnh các đơn vị nói trên, các Hội đồng chuyên môn được thành lập làm nhiệm vụ tư vấn trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường như Hội đồng Khoa học và Đào tạo **[TC.02.01.16]**, Hội đồng ĐBCLGD **[TC.02.01.17]** , Hội đồng Thi đua khen thưởng **[TC.02.01.18]**, Hội đồng xét nâng lương **[TC.02.01.19]**, Hội đồng tuyển dụng **[TC.02.01.20]**, Hội đồng tuyển sinh **[TC.02.01.21]**. Các hội đồng đều có số lượng, thành phần đảm bảo năng lực tư vấn trong các hoạt động của Nhà trường, ví dụ Hội đồng Khoa học và Đào tạo có 21 thành viên gồm các giáo sư, phó giáo sư có uy tín về lĩnh vực chuyên ngành đào tạo, có đủ năng lực tư vấn cho Nhà trường trong các hoạt động xây dựng quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm; kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của nhà trường; đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các CTĐT; định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ.

Đảng bộ Trường hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ pháp luật và theo hướng dẫn của các tổ chức Đảng cấp trên. Trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ của ĐU được quy định trong Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ **[TC.02.01.22].**

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐT, BGH và các phòng ban, đơn vị được quy định trong Quy chế Tổ chức Hoạt động của Trường **[TC.02.01.23]**, Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc và Viện Công nghệ dược phẩm Quốc gia có quy chế Tổ chức hoạt động riêng với chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể **[TC.02.01.24], [TC.02.01.25].**

Tạp chí Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc hoạt động theo giấy phép xuất bản đúng quy định **[TC.02.01.26]** Tổng biên tập và Phó tổng biên tập của Tạp chí được bổ nhiệm/ công nhận theo quyết định của Ban Tuyên giáo Trung ương **[TC.02.01.27]**

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. **[TC.02.01.28]**

Công đoàn Trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Ban chấp hành Công đoàn Trường được cụ thể hóa trong Quy chế hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2017-2022 **[TC.02.01.29]**.

Các hội đồng tư vấn được Hiệu trưởng thành lập khi có nhu cầu, có nhiệm vụ tư vấn cho Nhà trường về các vấn đề cần thiết có liên quan đến việc triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường như đào tạo, NCKH và phát triển công nghệ, CGCN, HTPT, gắn đào tạo với NCKH và thực tiễn sản xuất, kinh doanh, cung ứng dịch vụ ... Hội đồng tư vấn có thể bao gồm các thành viên trong Trường, thành viên ngoài Trường có chuyên môn phù hợp. **[TC.02.01.16], [TC.02.01.17]**.

Hệ thống quản trị được thành lập một cách hoàn thiện đã giúp thiết lập định hướng chiến lược của Nhà trường một cách tốt nhất, phù hợp với điều kiện thực tế đồng thời đảm bảo được trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động. Nhà trường có quy trình Quản lý rủi ro, khắc phục phòng ngừa trong đó quy định thống nhất phương pháp trong việc thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro, khắc phục phòng ngừa đối với hệ thống quản trị của HUP nhằm phát hiện, ngăn chặn và hạn chế tối đa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH, hoạt động KN&PVCD và các hoạt động khác của Nhà trường **[TC.02.01.30]**. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, giám sát của Nhà trường cũng được tiến hành rất bài bản từ xây dựng kế hoạch đến kiểm tra, đánh giá. **[TC.02.01.31]**.

ĐU là cơ quan lãnh đạo cao nhất, chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Nhà trường. Hoạt động của ĐU được kiểm tra, giám sát bởi Ủy ban Kiểm tra ĐU. HĐT có chức năng hoạch định chiến lược phát triển của Nhà trường dựa trên nghị quyết của ĐU, giám sát hoạt động của việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐT, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng; báo cáo hàng năm trước Hội nghị VC, NLD về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của HĐT. Trách nhiệm giải trình của HĐT nói chung và Chủ tịch HĐT nói riêng được quy định trong Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường **[TC.02.01.23]**.

BGH chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của Nhà trường và báo cáo kết quả hoạt động với VC-NLĐ trong hội nghị tổng kết hàng năm. Trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng cũng như BGH được quy định trong Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường, cụ thể là: hàng năm, báo cáo trước HĐT về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng và BGH, tài chính, tài sản của Trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐT và các bên liên quan; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức có liên quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao **[TC.02.01.23]**. BGH có văn bản phân công công việc rõ ràng đối với các thành viên bao gồm các nguyên tắc phân công công việc, việc ký các văn bản thuộc thẩm quyền và công việc phân công cụ thể **[TC.02.01.07]**.

Quy chế thực hiện dân chủ trong HUP cũng như Quy chế phối hợp công tác giữa chính quyền và Công đoàn Trường đã quy định trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, chức năng kiểm tra giám sát của Công đoàn Trường đối với hoạt động của chính quyền, kết hợp với chức năng kiểm tra giám sát của Ban Thanh tra Nhân dân, Ủy ban kiểm tra Công đoàn là điều kiện đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính minh bạch đồng thời góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của chính quyền **[TC.02.01.32]**

Các tổ chức trong hệ thống quản trị của Nhà trường đều có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc xây dựng các văn bản quản lý được Nhà trường đặc biệt chú trọng và có quy trình cho việc xây dựng ban hành các văn bản quản lý của Trường **[TC.02.01.33]** cũng như việc xử lý các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐT **[TC.02.01.33]**. Việc xây dựng các văn bản được căn cứ vào yêu cầu công tác hoặc chỉ đạo của cấp trên, HĐT hoặc Hiệu trưởng báo cáo HĐT để xin chủ trương (có thể thông qua ĐU nếu cần thiết), Nhà trường thành lập các Ban Tư vấn, tổ soạn thảo để triển khai xây dựng, rà soát văn bản **[TC.02.01.34]**. Sau khi tổ chức soạn thảo mới dự thảo hoặc rà soát, sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan của văn bản đã có, tổ soạn thảo xin ý kiến Ban Tư vấn để hoàn thiện Dự thảo, trình HĐT/Hiệu trưởng ban hành. **[TC.02.01.35]**. Về mặt cơ cấu tổ chức và nhân sự, ĐU đã xây dựng quy chế làm việc của nhiệm kỳ quy định cách thức tổ chức, làm việc trong nội bộ ĐU **[TC.02.01.22]**. Hoạt động của HĐT tuân thủ theo Quy chế Tổ chức hoạt động của HĐT **[TC.02.01.23]**, các Ban chuyên trách giúp việc cho HĐT tùy theo lĩnh vực liên quan bao gồm Ban Tổ chức Nhân sự, Ban chuyên môn, Ban Tài chính và tài sản **[TC.02.01.02]** Các phòng, ban, bộ môn, viện, trung tâm được tổ chức,

quản lý theo Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường [TC.02.01.23] và cụ thể hóa hơn nữa trong đề án thành lập, sáp nhập các đơn vị trong trường [TC.02.01.36]. Để hoàn thiện hệ thống quản lý, Nhà trường đã có Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức vụ quản lý đơn vị thuộc, trực thuộc Trường [TC.02.01.37]. Các VCQL cũng được bổ nhiệm để đảm bảo điều hành hoạt động của các đơn vị trong trường [TC.02.01.38].

Về hoạt động đào tạo, Nhà trường có quy định về ĐBCLGD, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quy chế tuyển sinh và đào tạo các trình độ (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ), Quy định về quản lý văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ,... [TC.02.01.39].

Để tổ chức và quản lý tốt các hoạt động KHCN, Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản như: Quy định về quản lý đề tài KHCN cấp trường, Quy định về quản lý hoạt động SHTT trong trường, Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên. [TC.02.01.40]

Về lĩnh vực KN&PVCD, Nhà trường cũng có những văn bản phục vụ công tác quản lý như: Quy định hoạt động KN&PVCD, kế hoạch hoạt động KN&PVCD, Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCD. [TC.02.01.41].

Kết quả khảo sát cho thấy hệ thống văn bản của Nhà trường đã hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản trị, quản lý các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị [TC.02.01.42].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các đơn vị cấp trên, kế hoạch toàn khóa, các nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường, ĐU Trường xây dựng kế hoạch toàn khóa theo từng năm [TC.02.02.01], căn cứ vào kế hoạch đó để định kỳ tổ chức họp để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trong toàn Trường, trong đó đánh giá kết quả công việc đã triển khai, xác định phương hướng nhiệm vụ tiếp theo. Các chỉ đạo của ĐU sau đó được chuyển thành nghị quyết, phổ biến tới tất cả chi bộ trong Trường để thực hiện [TC.02.02.02].

HĐT đã xây dựng và chuyển thành nghị quyết ban hành chiến lược, kế hoạch phát triển của Trường (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) làm cơ sở để triển khai các hoạt động trong các lĩnh vực [TC.02.02.03]. Nhà trường đã có Chiến lược, kế hoạch phát triển đến năm 2030 tầm nhìn 2045. Từ Chiến lược dài hạn này, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổng thể trung hạn 5 năm (2021-2025) và các chiến lược kế hoạch thành phần về các lĩnh vực: nhân sự, đào tạo, tài chính, ĐBCLGD, KHCN [TC.02.02.03]. Từ kế

hoạch trung hạn 2021-2025, Nhà trường có kế hoạch công tác hàng năm **[TC.02.02.03]**. Căn cứ nghị quyết của ĐU **[TC.02.02.04]**, chiến lược và kế hoạch phát triển của Trường và các chức năng nhiệm vụ khác theo quy định, HĐT tổ chức họp định kỳ, quyết định các nhiệm vụ có liên quan cần triển khai **[TC.02.02.04]**.

Trên cơ sở nghị quyết lãnh đạo của ĐU, nghị quyết của HĐT **[TC.02.02.05]**, BGH chỉ đạo thực hiện **[TC.02.02.06]**. Việc triển khai chỉ đạo của ĐU còn được thực hiện qua các buổi giao ban, có thông báo kết luận cuộc họp giao ban gửi đến các đơn vị trong toàn trường để hướng dẫn thực hiện **[TC.02.02.07]**.

Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, ĐTN, Hội SV... cũng định kỳ tổ chức họp theo quy chế hoạt động, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động toàn khóa hay của cả nhiệm kỳ, được cụ thể hóa thông qua các kế hoạch hoạt động hàng năm **[TC.02.02.08]**.

Các Hội đồng tư vấn như Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng ĐBCL, Hội đồng Thi đua Khen thưởng, Hội đồng xét nâng bậc lương, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng tuyển dụng... làm việc theo cơ chế tập thể để thực hiện chức năng tư vấn cho Nhà trường theo từng lĩnh vực cụ thể. Các nội dung thống nhất tại cuộc họp được đưa vào Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng để đề xuất ý kiến tham mưu, tư vấn **[TC.02.02.09]**, **[TC.02.02.10]**, **[TC.02.02.11]**.

Các kế hoạch, hướng dẫn, kết luận của BGH được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cần triển khai đối với các đơn vị trong Trường (phòng ban, bộ môn, Viện, Trung tâm) và sẽ được các đơn vị tùy theo chức năng nhiệm vụ được giao sẽ xây dựng kế hoạch và thực hiện tại đơn vị. Chẳng hạn đối với kế hoạch giảng dạy chung của toàn trường, từng bộ môn sẽ xây dựng kế hoạch giảng dạy các học phần được phụ trách, phân công giảng viên đảm nhiệm đối với các học phần, chuẩn bị CSV, TTB phục vụ thực hành, triển khai giảng dạy theo tiến độ đã đề ra, đảm bảo tiến trình giảng dạy của bộ môn **[TC.02.02.12]**. Cuối năm học, kết quả hoạt động của các đơn vị được đánh giá mức độ hoàn thành, xác định các vấn đề tồn tại cũng như nguyên nhân của tồn tại, đề xuất giải pháp khắc phục và xác định phương hướng hành động tiếp theo **[TC.02.02.13]**. Các báo cáo tổng kết của các đơn vị được BGH tổng hợp thành báo cáo chung của toàn trường trình tại Hội nghị cán bộ chủ chốt cuối năm học và Hội nghị viên chức NLĐ cuối năm tài chính để đánh giá kết quả đã thực hiện được trong năm, đồng thời xác định các nhiệm vụ trọng tâm kèm theo phương hướng hoạt động của năm tiếp theo **[TC.02.02.13]**, **[TC.02.02.14]**.

Công đoàn Trường căn cứ chỉ đạo của Công đoàn cấp trên và kế hoạch nhiệm kỳ, định kỳ tổ chức họp Ban chấp hành Công đoàn Trường để triển khai công tác

[TC.02.02.15] Các nhiệm vụ sẽ được cụ thể hóa thành các văn bản gửi tới các tổ công đoàn và triển khai thực hiện **[TC.02.02.16]** BCH định kỳ tổ chức cuộc họp với các tổ trưởng công đoàn, báo cáo kết quả hoạt động trong thời gian vừa qua đồng thời phổ biến nhiệm vụ của thời gian tới. **[TC.02.02.17]**.

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên xây dựng chương trình hành động toàn khóa, định kỳ họp để triển khai nhiệm vụ tới các tổ, đội, nhóm...**[TC.02.02.18]**, ...**[TC.02.02.19]**.

Việc triển khai thực hiện tại các đơn vị bài bản, đạt hiệu quả cao. Thể hiện ở kết quả hầu hết các đơn vị đều hoàn thành xuất sắc/hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao **[TC.02.02.20]** Công đoàn Trường cũng được đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ ở mức độ xuất sắc/ tốt trong giai đoạn 2017-2022 **[TC.02.02.21]** Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Trường cũng đạt được nhiều thành tích trong công tác. **[TC.02.02.22]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.

Quản trị đại học đóng vai trò quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của trường đại học, do đó việc rà soát hệ thống quản trị rất được chú trọng tại HUP.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm ĐU, BGH, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các hội đồng tư vấn thường xuyên được rà soát.

ĐU Trường thường xuyên có chỉ đạo về việc rà soát cơ cấu tổ chức Đảng, sắp xếp các chi bộ phù hợp với tình hình thực tế. Năm 2017, ĐU đã kiện toàn các ban giúp việc ĐU và phân công ĐU viên phụ trách các chi bộ, đoàn thể. Công tác kiện toàn này tiếp tục được rà soát trong năm 2018 **[TC.02.03.01]**. Cơ cấu tổ chức của các chi bộ luôn được rà soát, thay đổi căn cứ điều kiện thực tế nhằm tăng cường hoạt động của chi bộ hiệu quả hơn. Năm 2017, ĐU quyết định tách chi bộ Hóa hữu cơ-Hóa Đại cương Vô cơ thành hai chi bộ Hóa hữu cơ và Hóa Đại cương Vô cơ, tách chi bộ Đào tạo- QLSV thành hai chi bộ Đào tạo và QLSV **[TC.02.03.02]**. Năm 2019, để đáp ứng yêu cầu tinh giản đầu mối hướng đến hoạt động tinh gọn, hiệu quả, một số các chi bộ đã được sáp nhập để hình thành các chi bộ mới như: chi bộ TCKT - Vật tư TTB - Quản Trị năm 2020 đổi tên thành chi bộ Hậu cần, chi bộ Quản lý kinh tế được – ADR,...**[TC.02.03.03]**. Năm 2020, ĐU có quyết định đổi tên một số chi bộ để phù hợp với Quy chế Tổ chức hoạt động mới của Nhà trường như chi bộ ĐBCL và Khảo thí, Thư viện; chi bộ Khoa học cơ bản **[TC.02.03.04]**.

Trước yêu cầu hoạt động của Nhà trường cần thích ứng với sự thay đổi của điều kiện kinh tế-xã hội, năm 2017, ĐU Trường đã có các nghị quyết công tác tổ chức bộ máy trong Nhà trường và định hướng phát triển của Trường giai đoạn 2020-2025 và

2030 **[TC.02.03.05]**. Trong các năm tiếp theo, ĐU tiếp tục có chỉ đạo xây dựng kế hoạch và thực hiện cải cách bộ máy hành chính của Nhà trường tinh gọn, hiệu quả **[TC.02.03.06]**.

Công đoàn Trường cũng bám sát những thay đổi của cơ cấu bộ máy các đơn vị để có sự điều chỉnh tổ chức các tổ công đoàn. Theo đó một số tổ công đoàn được sáp nhập, thành lập tương ứng với các đơn vị hành chính trong Trường. **[TC.02.03.07]**.

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường cũng thường xuyên được rà soát, kết quả quá trình rà soát đó dẫn đến việc thành lập, sát nhập, đổi tên các đơn vị để thích ứng với chức năng, nhiệm vụ trong tình hình thực tế. Đối với các đơn vị mới hình thành, sát nhập, chức năng nhiệm vụ được mô tả chi tiết trong đề án đã được phê duyệt. Hiện nay, chức năng nhiệm vụ của tất cả các đơn vị trong Trường được tích hợp trong Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường **[TC.02.03.08]**.

Kết quả của quá trình rà soát, đánh giá hàng năm đều được Nhà trường tổng kết để báo cáo Bộ Y tế **[TC.02.03.09]**.

Năm 2017, cơ cấu tổ chức của Nhà trường được hình thành theo Quy chế Tổ chức Hoạt động của Trường ban hành năm 2009, gồm 40 đơn vị (13 phòng, 21 bộ môn trực thuộc, 01 viện, 01 trung tâm, Thư viện, Tạp chí, ban quản lý khu nội trú, Trạm Y tế). Từ năm 2019, Nhà trường đã thành lập HĐT theo hướng dẫn của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục sửa đổi và các văn bản liên quan. Đến năm 2020, thực hiện hướng dẫn của Bộ Y Tế , HĐT đã được thành lập lại và có những thay đổi về nhân sự, cơ cấu và tiếp tục hoàn thiện cho đến nay với 03 Ban chuyên trách giúp việc cho HĐT. **[TC.02.03.10]**.

Năm 2020, Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường đã được sửa đổi bổ sung **[TC.02.03.08]**. Theo đó có sự sát nhập, đổi tên một số đơn vị như sáp nhập Phòng Công tác chính trị và Phòng Tổ chức cán bộ vào Phòng Hành chính tổng hợp, và tiếp theo là đổi tên Phòng hành chính tổng hợp thành Phòng TC-HC **[TC.02.03.11]**; sáp nhập Phòng Quản trị và Phòng CNTT, đổi tên phòng CNTT thành phòng Quản lý CSVC **[TC.02.03.12]**. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng thành Phòng ĐBCL và Khảo thí **[TC.02.03.12]**,....

Quy chế tổ chức hoạt động của Trường tiếp tục được rà soát, sửa đổi và ban hành năm 2021, theo đó tổ chức bộ máy của Nhà trường có nhiều sự thay đổi được thiết lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả với sự thành lập của các Khoa, các Ban, Trung tâm bao gồm: các phòng /ban chức năng (6 phòng, 1 viện, 1 trung tâm), các đơn vị chuyên môn (8 khoa, phòng Thiết bị nghiên cứu trung tâm, phòng Thực tập chung), Trung tâm quốc gia về thông tin thuốc và phản ứng có hại của thuốc, Viện Công nghệ dược phẩm Quốc

gia và các viện, trung tâm khác **[TC.02.03.08]**. Trước đó tổ chức Nhà trường được quản lý theo các cấp: Nhà trường rồi đến Bộ môn, Phòng Ban, Viện, Trung tâm, còn trong quy chế mới, tổ chức được quản lý theo các cấp Nhà trường-Khoa, Phòng Ban, Viện, Trung tâm, trong Khoa có các bộ môn như là đơn vị chuyên môn. Các đơn vị trong cơ cấu tổ chức mới đã được HĐT phê duyệt trong đề án thành lập, sáp nhập các đơn vị **[TC.02.03.08]**.

Việc tổ chức rà soát hệ thống quản trị được thực hiện bài bản, có kế hoạch rõ ràng. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch cải cách hành chính, trong đó bao gồm cải cách về thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, Các quy định, quy chế, quy trình xây dựng văn bản trong nhà trường cũng được rà soát **[TC.02.03.13]**. Bên cạnh cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thì hệ thống văn bản quản trị cũng được chú trọng rà soát thường xuyên, thể hiện trong kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm từ 2017 đến nay. **[TC.02.03.14]**, **[TC.02.03.06]**. Nhà trường có 21 quy chế, quy định và 82 quy trình, qua quá trình rà soát từ năm 2017 đến 2021 đã sửa đổi 13 quy chế, quy định và 35 quy trình, xây dựng mới 5 văn bản mới (gồm cả quy chế, quy định, quy trình) **[TC.02.03.14]**. Việc rà soát sửa đổi các văn bản quản lý trong Nhà trường được thực hiện bài bản. Nhà trường đã tiến hành khảo sát tính hiệu quả của các văn bản để làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản mới **[TC.02.03.15]**. Quá trình rà soát văn bản có kế hoạch, được triển khai và tổng kết kết quả thực hiện.

Việc rà soát hệ thống quản trị còn được thể hiện thông qua công tác đánh giá, tổng kết của các đơn vị, bộ phận trong Trường được tiến hành bài bản hàng năm **[TC.02.03.15]**.

ĐU và các chi bộ trong Đảng bộ Trường đều tiến hành đánh giá, phân loại đảng viên và tổ chức đảng theo hướng dẫn của ĐU Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội. Trên cơ sở báo cáo tổng kết hoạt động của các chi bộ, ĐU đánh giá chất lượng của chi bộ và từng đảng viên theo quy định. Hoạt động của ĐU trường cũng được đánh giá hàng năm và do ĐU Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội tiến hành **[TC.02.03.16]**.

HĐT tuy mới được thành lập lại năm 2020 nhưng đã hoạt động hiệu quả. Cuối năm 2021, HĐT đã có báo cáo về kết quả hoạt động của HĐT cũng như Báo cáo về kết quả giám sát hoạt động của Trường năm 2021 **[TC.02.03.17]**.

Cuối năm học, các đơn vị trong Trường đều tiến hành tổng kết đánh giá hoạt động trong năm một cách toàn diện, nhìn nhận những thành tích cũng như tồn tại của đơn vị, tìm ra nguyên nhân, đề xuất giải pháp cho năm học kế tiếp. Trên cơ sở hoạt động của các đơn vị, Nhà trường có báo cáo hàng năm tổng kết hoạt động chung của toàn trường, trình tại

Hội nghị cán bộ chủ chốt và Hội nghị VC-NLĐ. Sau Hội nghị sẽ có nghị quyết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của năm học vừa qua, phương hướng hoạt động cho năm học sắp tới [TC.02.03.18], [TC.02.03.19].

Hoạt động của Công đoàn hàng năm cũng được đánh giá thông qua việc bình xét các danh hiệu thi đua của các tổ công đoàn. Định kỳ hàng năm, các tổ công đoàn đều tổ chức tổng kết, đánh giá thi đua theo biểu mẫu của Công đoàn trường và được BCH Công đoàn xem xét đánh giá [TC.02.03.20]. Tuy đã có những tiêu chí đánh giá đoàn viên công đoàn theo yêu cầu của Công đoàn cấp trên được cụ thể hóa cho từng khối đoàn viên như: giảng viên, chuyên viên, kỹ thuật viên nhưng cần chi tiết hơn nữa để phù hợp với đặc thù của từng khối đoàn viên. [TC.02.03.21].

Nhân sự của các đơn vị trong Trường cũng được đánh giá hàng năm và gắn liền với hoạt động của đơn vị. [TC.02.03.22]. Việc đánh giá chất lượng tổ chức Đảng gắn liền với năng lực lãnh đạo của Bí thư ĐU và được ĐU khối đánh giá hàng năm [TC.02.03.23].

Với nhân sự thuộc thẩm quyền đánh giá của Bộ Y tế là Chủ tịch HĐT và Hiệu trưởng, hàng năm Bộ Y tế đều tiến hành đánh giá thông qua hội nghị đánh giá viên chức thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế quản lý [TC.02.03.24].

Cuối mỗi năm học, các viên chức trong đơn vị đều được đánh giá thông qua Phiếu đánh giá phân loại viên chức, đặc biệt đối với VCQL thì còn được đánh giá bởi tiêu chí năng lực lãnh đạo quản lý và kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý [TC.02.03.22]. Nhà trường có tiêu chí đánh giá riêng đối với Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng [TC.02.03.22],[TC.02.03.24]. Ngoài ra, căn cứ đánh giá về năng lực của viên chức, Nhà trường có các quyết định bổ nhiệm VCQL phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ [TC.02.03.25].

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên cũng tiến hành đánh giá hoạt động theo định kỳ hàng năm trong Báo cáo công tác đoàn và phong trào thanh niên theo từng năm học. [TC.02.03.26].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

Trong quá trình hoạt động, hệ thống quản trị của Nhà trường luôn được điều chỉnh để phù hợp với các quy định của Trường, của Bộ Giáo dục, Bộ Y tế nhằm tăng cường hiệu quả và hạn chế các rủi ro có thể xuất hiện trong quá trình hoạt động của Trường.

Về cơ cấu tổ chức, ĐU, HĐT, BGH, các tổ chức đoàn thể gồm Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các Hội đồng tư vấn được cải tiến. Về nhân sự của hệ thống quản trị cũng được cải tiến để phù hợp với tình hình thực tế nhằm tăng hiệu quả hoạt động và phòng tránh các rủi ro xảy ra khi có sự thay đổi.

Năm 2017 hoạt động của Nhà trường được sự chỉ đạo của ĐU trường nhiệm kỳ 2015-2020 với 11 ủy viên **[TC.02.04.01]**. Trong quá trình hoạt động, do yêu cầu về công tác cán bộ, để đảm bảo cơ cấu của ĐU khi một số đồng chí không còn tham gia, BCH được kiện toàn thêm 2 đồng chí, Ủy ban kiểm tra ĐU được bổ sung 02 đồng chí **[TC.02.04.01]**. Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Dược năm 2020 đã bầu BCH mới nhiệm kỳ 2020-2025 với 11 đồng chí **[TC.02.04.01]**. Năm 2017 Đảng bộ Trường có 32 chi bộ, khi số lượng đảng viên đáp ứng yêu cầu thì các chi bộ được tách riêng để thuận lợi hơn cho hoạt động của chi bộ như tách chi bộ Đào tạo-QLSV thành 2 chi bộ Đào tạo và chi bộ QLSV; tách chi bộ Hóa Hữu cơ-Hóa đại cương Vô cơ thành hai chi bộ Hóa Hữu cơ và chi bộ Hóa đại cương Vô cơ. **[TC.02.04.02]**.

Trước năm 2020, HĐT hoạt động còn nặng về hình thức, HĐT hiện nay hoạt động theo Luật giáo dục đại học sửa đổi và Nghị định 99, đi vào thực chất hơn, thể hiện rõ vai trò quản trị trong Nhà trường. Năm 2020, thực hiện hướng dẫn của Bộ Y Tế về thành lập lại HĐT, Nhà trường đã tiến hành thủ tục thành lập lại HĐT theo quy định **[TC.02.04.04]**. Sau khi thành lập, HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 đã ban hành Quy chế Tổ chức Hoạt động của HĐT và thành lập 3 ban chuyên trách giúp việc cho HĐT **[TC.02.04.05]**.

Năm 2019 và 2021, trước yêu cầu đổi mới về hoạt động của Trường nhằm đáp ứng thay đổi của điều kiện kinh tế xã hội, Nhà trường đã rà soát sửa đổi và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả, theo đó một số phòng ban được sáp nhập, đổi tên để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới, cùng với đó các chi bộ trong Đảng bộ cũng được rà soát để thích ứng với cơ cấu mới như sáp nhập, đổi tên chi bộ **[TC.02.04.02]**, **[TC.02.04.03]**. Hiện tại Đảng bộ Trường có 18 chi bộ, so với năm 2017 thì cơ cấu các chi bộ đã được tinh giản nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Để đảm bảo hoạt động ổn định của Trường, HĐT đã thực hiện công tác nhân sự Hiệu trưởng tháng 4/2021, kiện toàn chức danh Phó Hiệu trưởng **[TC.02.04.06]**.

Về chiến lược phát triển: Nhà trường có Đề án phát triển Trường năm 2003 và được điều chỉnh năm 2009 **[TC.02.04.07]**. Chiến lược phát triển trường năm 2017 còn sơ sài **[TC.02.04.07]**, tuy nhiên trước yêu cầu trong tình hình mới, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển dài hạn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, đồng thời xây

dựng chiến lược phát triển trung hạn giai đoạn 2020-2025 **[TC.02.04.08]**, **[TC.02.04.09]** cũng như xây dựng các chiến lược thành phần trong giai đoạn 2021-2025 **[TC.02.04.08]**.

Về tổ chức bộ máy, Nhà trường đã có những thay đổi, cải tiến để đáp ứng với yêu cầu trong giai đoạn mới. Năm 2017 Nhà trường có 40 đơn vị (13 phòng, 21 bộ môn trực thuộc, 01 viện, 01 trung tâm, Thư viện, Tạp chí, ban quản lý khu nội trú, Trạm Y tế). Năm 2019 Nhà trường đã sửa đổi bổ sung Quy chế Tổ chức Hoạt động của Trường theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục sửa đổi, Nghị định 99/NĐ-CP **[TC.02.04.10]**.

Về các văn bản quản trị, quy chế, quy định, Nhà trường đều có sự rà soát, cải tiến. Năm 2021, HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 cũng đã rà soát và ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường **[TC.02.04.10]**. Cơ cấu tổ chức mới cũng như chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được thiết lập phù hợp với các quy định liên quan đến HĐT, tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản liên quan khác **[TC.02.04.10]**, **[TC.02.04.11]**. HĐT đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức vụ quản lý đơn vị thuộc, trực thuộc Trường. Nhân sự quản lý của các đơn vị được bổ nhiệm theo quy định này **[TC.02.04.12]**. Việc kiện toàn cơ cấu tổ chức giúp cho bộ máy của Trường vận hành ổn định, hiệu quả.

BCH Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017-2022 được Công đoàn Y tế Việt Nam chuẩn y với 15 đồng chí **[TC.02.04.13]**. Trong quá trình hoạt động, có một số đồng chí không tiếp tục tham gia, Công đoàn trường đều kịp thời kiện toàn, bổ sung để đảm bảo về số lượng ủy viên và cơ cấu BCH, ủy ban kiểm tra công đoàn theo đúng quy định **[TC.02.04.13]**. Công đoàn trường đã thành lập câu lạc bộ thể thao, tạo điều kiện để viên chức trong trường tham gia, phát triển phong trào thể thao Trường **[TC.02.04.14]**.

BCH Đoàn HUP khóa XXIV được bầu ra tại Đại hội Đại biểu Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trường Đại học Dược HN lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2017 – 2019 vào ngày 16/04/2017 gồm 17 thành viên **[TC.02.04.15]**. Các câu lạc bộ thuộc Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên cũng được thành lập **[TC.02.04.16]**. Cơ cấu nhân sự của Hội sinh viên cũng được kiện toàn và bổ sung, công nhận kịp thời trong quá trình hoạt động của HSV khi có nhân sự không tiếp tục tham gia **[TC.02.04.17]**. Nhà trường đã thiết lập cơ chế nhận diện và giải quyết rủi ro thông qua Quy trình quản lý rủi ro khắc phục phòng ngừa, trong đó quy định nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống quản trị trong việc quản lý rủi ro, đề xuất giải pháp khắc phục rủi ro nếu xảy ra, các biện pháp phòng ngừa rủi ro. **[TC.02.04.18]**.

Trong quá trình hoạt động, Nhà trường luôn chú trọng đến công tác nhân sự, vì đây là yếu tố then chốt của sự phát triển của Trường. Ngoài việc đánh giá nhân sự ở các đơn vị định kỳ (hàng năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ) **[TC.02.04.19]**, Nhà trường còn căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị, năng lực của viên chức để có phương án tuyển dụng, sử dụng, bố trí phù hợp, phát huy được năng lực của viên chức và đáp ứng yêu cầu của Nhà trường-Bên cạnh đó, trong một số tình huống cụ thể, Nhà trường thực hiện điều động các viên chức giữa các đơn vị (chính thức và tạm thời), **[TC.02.04.20]**. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức được Nhà trường thực hiện hiệu quả, do đó tránh được các rủi ro về nhân lực. **[TC.02.04.21]**.

Việc phát triển, nâng cao năng lực của viên chức luôn được quan tâm. Nhà trường có quy chế Đào tạo bồi dưỡng viên chức, trong đó quy định rõ về các hình thức, mục tiêu đào tạo, nguyên tắc đào tạo bồi dưỡng **[TC.02.04.22]**. Hàng năm căn cứ trên nhu cầu của các đơn vị, quy hoạch VCQL, Nhà trường đều có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức cả về năng lực chuyên môn và các kiến thức đáp ứng chuẩn chức danh nghề nghiệp, chức danh quản lý. Viên chức được cử tham gia các khóa học dài hạn (thạc sĩ, tiến sĩ, cao cấp chính trị) **[TC.02.04.23]**, **[TC.02.04.24]**. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các khóa tập huấn về phương pháp dạy học, SHTT, năng lực quản trị đại học để cung cấp cho viên chức các kiến thức toàn diện về chuyên môn, NCKH, quản trị đại học **[TC.02.04.25]**.

Việc, điều chỉnh, kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bố trí, sử dụng nhân lực phù hợp, nâng cao năng lực toàn diện của viên chức đã giúp Nhà trường hoạt động hiệu quả, hạn chế được các rủi ro có thể xảy ra, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hệ thống văn bản quản lý đóng vai trò xương sống, làm cơ sở pháp lý để bộ máy tổ chức của Nhà trường vận hành. Do đó, khi cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong trường có sự thay đổi (ví dụ ự rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy chế tổ chức hoạt động của Trường qua các thời kỳ hoặc do yêu cầu của các quy định của Nhà nước và các Bộ ngành liên quan) thì đòi hỏi hệ thống văn bản phải có sự điều chỉnh theo cho phù hợp. Chẳng hạn khi có những quy định, văn bản hướng dẫn của Chính phủ, về quản lý sử dụng viên chức **[TC.02.04.011]** thì Nhà trường ban hành những văn bản cụ thể hóa tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức vụ quản lý đơn vị thuộc, trực thuộc Trường **[TC.02.04.12]**. Khi có sự sát nhập, thành lập các đơn vị thì văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cũng được điều chỉnh theo **[TC.02.04.10]**. Hoặc theo xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, Nhà trường đã ban hành các

quy định, quy trình liên quan đến thi trực tuyến [TC.02.04.26]. Trong bối cảnh sự phát triển của trường đứng trước nhiều thách thức thì Nhà trường đã ban hành quy trình quản lý rủi ro khắc phục phòng ngừa [TC.02.04.18].

Trong giai đoạn từ 2017 đến nay, Nhà trường đã ban hành 46 Quy chế, quy định, trong đó rà soát, sửa đổi 13 văn bản, xây dựng mới 33 văn bản, trong đó có những cải tiến như sau: [TC.02.04.27].

Kết quả khảo sát cho thấy hệ thống văn bản của Nhà trường đã hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản trị, quản lý các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị; hệ thống văn bản đã đáp ứng hiệu quả với chiến lược phát triển của Nhà trường; hệ thống văn bản đã được cải tiến, điều chỉnh hiệu quả [TC.02.04.27].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Các tổ chức quản trị của HUP được thành lập đầy đủ theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục sửa đổi, Điều lệ trường đại học, các quy định khác của pháp luật và các quy định của Bộ Y Tế.

Các tổ chức quản trị của HUP bao gồm ĐU, BGH, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các Hội đồng tư vấn được thành lập đầy đủ theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục sửa đổi, Điều lệ trường đại học, các quy định khác của pháp luật và các quy định của Bộ Y Tế.

Nhân sự của hệ thống quản trị đủ năng lực để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành phần trong hệ thống quản trị được quy định rõ ràng.

Hệ thống quản trị được thành lập một cách hoàn thiện đã giúp thiết lập định hướng chiến lược của Nhà trường một cách tốt nhất, phù hợp với điều kiện thực tế đồng thời đảm bảo được trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động

Nhà trường có hệ thống các văn bản tổ chức, quản lý toàn diện, được xây dựng một cách khoa học, bài bản, bao quát toàn bộ các mặt hoạt động của Nhà trường, làm cơ sở vững chắc để Nhà trường tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các nghị quyết/quyết định/kết luận của ĐU, HĐT, BGH, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các hội đồng tư vấn được chuyển tải đầy đủ, kịp thời thành các kế hoạch hành động, hướng dẫn tới các đơn vị trong Trường.

Hệ thống quản trị được Nhà trường chú trọng rà soát hàng năm một cách bài bản, khoa học và toàn diện cả về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và nhân sự của các đơn vị.

Hệ thống quản trị của Nhà trường được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn. Hệ thống văn bản của Nhà trường đã hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản trị, quản lý các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị; hệ thống văn bản đã đáp ứng hiệu quả với chiến lược phát triển của Nhà trường; hệ thống văn bản đã được cải tiến, điều chỉnh hiệu quả.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số chức năng, nhiệm vụ của HĐT được quy định trong Luật Giáo dục và Luật Giáo dục sửa đổi còn chưa thực sự rõ ràng, chưa có tính phân biệt với nhiệm vụ của Hiệu trưởng, do đó Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường cũng còn tồn tại vấn đề này.

Hình thức chuyển tải các nghị quyết/quyết định/kết luận của các bộ phận trong hệ thống quản trị tới các đơn vị chưa đa dạng, phong phú.

Tiêu chí đánh giá đoàn viên công đoàn cần chi tiết hơn nữa để phù hợp với đặc thù của từng khối đoàn viên.

Việc phát hiện rủi ro, đề xuất giải pháp khắc phục, phòng ngừa còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền các nghị quyết/quyết định/kết luận tới các đơn vị	HĐT, BGH và các đơn vị liên quan	Quý 1/2023	
2	Khắc phục tồn tại	Rà soát các tiêu chí đánh giá đoàn viên	Công đoàn Trường	Quý 3/2022	
3	Khắc phục	Mở lớp tập huấn về	Phòng Tổ	Năm 2023	

	tồn tại	phát hiện rủi ro, khắc phục phòng ngừa	chức cán bộ		
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các văn bản quản lý của Trường định kỳ hoặc khi văn bản quy định của Chính phủ, các Bộ ngành liên quan có sự thay đổi	Phòng TC-HC là đầu mối, tham mưu cho BGH, xây dựng kế hoạch định kỳ rà soát văn bản quản lý	Phát huy điểm mạnh	
5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì hoạt động bài bản của các đơn vị trong việc triển khai kế hoạch/ hướng dẫn của Nhà trường	Các đơn vị trong Trường	Thường xuyên	
6	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát hệ thống quản trị	HĐT, BGH, Công đoàn, Đoàn TN	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến hệ thống quản trị của Nhà trường	HĐT, BGH	Định kỳ	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	4,75
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	4

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

HUP có cơ cấu quản lý rõ ràng, có hệ thống quy chế, quy định rõ cơ chế quản lý, điều hành, phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, nhiệm vụ của từng đơn vị thuộc và trực thuộc trường đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng lãnh đạo toàn diện, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đề cao vai trò của người đứng đầu các đơn vị cụ thể:

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường do Bộ Y tế ban hành năm 2009, cơ cấu quản lý của Trường bao gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học và các Hội đồng tư vấn khác, các đơn vị hành chính (phòng, ban, trung tâm, thư viện...), các đơn vị chuyên môn (bộ môn). Quy chế cũng quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị phòng, ban, bộ môn. Đồng thời các đơn vị này cũng có cơ cấu quản lý rõ ràng, chức năng nhiệm vụ cụ thể. Trách nhiệm và cách thức giải quyết công việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng, Phó trưởng các đơn vị và viên chức cũng được quy định cụ thể [TC.03.01.01]. Nhiệm vụ của các thành viên trong BGH được phân công bằng văn bản chính thức, được gửi đến toàn Trường trong đó có sự phân công của Hiệu Trưởng và các Phó hiệu trưởng đối với từng mảng công tác cũng như đối với các đơn vị chức năng và đơn vị chuyên môn trong Trường [TC.03.01.02]. Cơ cấu quản lý này phù hợp với sứ mạng, mục tiêu được đề ra trong quy hoạch phát triển nhà trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [TC.03.01.03]. Đến năm 2019, triển khai thi hành Luật Giáo dục Đại học, theo hướng dẫn của Bộ Y tế [TC.03.01.04] trường mới thành lập HĐT nhiệm kỳ 2019-2024 [TC.03.01.05]. Sau khi được công nhận, HĐT đã xây dựng và ban hành nghị quyết về một số nguyên tắc hoạt động của HĐT [TC.03.01.06]. Mối quan hệ công tác giữa Hiệu trưởng và HĐT, giữa các Trưởng đơn vị và đơn vị cũng đã được quy định cụ thể tại văn bản nhằm tránh chồng chéo trong thực thi công việc [TC.03.01.07], [TC.03.01.08]. Việc thành lập mới các đơn vị, giải thể, sáp nhập, đổi tên các đơn vị được thực hiện căn cứ quy chế tổ chức hiện hành, định hướng chiến lược phát triển của nhà trường và phù hợp với bối cảnh thực tiễn của Trường. Trong giai đoạn đánh giá, trước nhu cầu thực tiễn công tác của Trường, tại thời điểm nhân sự quản lý phòng Tổ chức cán bộ, phòng Công tác chính trị, phòng Quản trị đến tuổi nghỉ hưu, và nhu cầu tái cấu trúc các đơn vị trực thuộc, căn cứ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, trường đã tiến hành sáp nhập nguyên trạng phòng Tổ chức cán bộ, phòng Công tác chính trị vào Phòng Hành chính tổng hợp và đổi tên thành

phòng Tổ chức - Hành chính; sáp nhập phòng Quản trị vào CNTT và đổi tên thành phòng thành phòng Quản lý CSVC; đổi tên phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng thành phòng ĐBCL và Khảo thí... **[TC.03.01.09]**.

Năm 2020, Sau khi được thành lập lại, HĐT đã xây dựng và ban hành Nghị quyết về Quy chế tổ chức hoạt động của HĐT, Quy chế tổ chức hoạt động của Trường **[TC.03.01.08]**, **[TC.03.01.07]**. Theo quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Nghị quyết 02/NQ-HĐT của HĐT ngày 19/2/2021, cơ cấu quản lý của Trường bao gồm: Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học và các Hội đồng tư vấn khác, đơn vị hành chính: gồm 08 phòng, ban chức năng, các đơn vị chuyên môn: 8 khoa, 2 phòng, 1 viện và 1 trung tâm. Cơ cấu này theo hướng tinh gọn đầu mối và sẽ triển khai kiện toàn cơ cấu tổ chức trong thời gian tới **[TC.03.01.07]**. Đến tháng 7/2022, Nhà trường đã sáp nhập các đơn vị chuyên môn thành lập 08 Khoa chuyên môn và 08 đơn vị hành chính **[TC.03.01.10]**. Việc rà soát cơ cấu quản lý mới nhằm đáp ứng sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn đến 2030 và tầm nhìn 2045 để trở thành Trường Đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu và đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế **[TC.03.01.11]**.

Trường đã ban hành hệ thống văn bản phù hợp để phân định rõ vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo, mối quan hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của trường. Quy chế phối hợp giữa Đảng uỷ, BGH và các tổ chức đoàn thể **[TC.03.01.12]**, Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐT **[TC.03.01.08]**, Quy chế tổ chức hoạt động của Trường **[TC.03.01.07]**, Quy chế phối hợp công tác giữa chính quyền và công đoàn **[TC.03.01.13]**, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường **[TC.03.01.14]** đã thể hiện rõ cơ cấu quản lý, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền ra quyết định, mối quan hệ công tác, chế độ thông tin, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức vụ quản lý trong cơ cấu tổ chức của Trường, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của Đảng uỷ, vai trò quản trị của HĐT, vai trò quản lý, điều hành của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, vai trò phối hợp, kiểm tra, giám sát của Công đoàn và vai trò triển khai của các đơn vị trực thuộc Trường.

Để tăng cường hiệu quả công tác quản lý, trường đã ban hành các quyết định quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban chức năng, các bộ môn, viện, trung tâm, các đơn vị thuộc, trực thuộc đảm bảo rõ ràng, không chồng chéo **[TC.03.01.15]**; sửa đổi bổ sung chức năng nhiệm vụ tư vấn cho BGH về công tác hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp cho phòng QLSV; điều chuyển tổ in từ Thư viện về phòng Vật tư và TTB **[TC.03.01.16]**. Để chuẩn bị cho việc sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, Trường

đã xây dựng đề án thành lập, sáp nhập các đơn vị thuộc trường **[TC.03.01.17]** và ra quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường **[TC.03.01.15]**. Để từng bước giao quyền tự chủ cho Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc gia, Trung tâm thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc, HĐT đã ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Viện công nghệ Dược phẩm quốc gia và Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc **[TC.03.01.18]**.

Đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý được đề nghị bổ nhiệm/bổ nhiệm hoặc đề nghị giao phụ trách/giao phụ trách, bổ nhiệm lại, luân chuyển, cho thôi chức vụ được thực hiện đúng theo quy định hiện hành, đáp ứng tiêu chuẩn, đúng quy trình, trong danh sách quy hoạch **[TC.03.01.19]**, **[TC.03.01.20]**, **[TC.03.01.21]**, **[TC.03.01.22]**, **[TC.03.01.23]**, **[TC.03.01.24]**, **[TC.03.01.25]**. Tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, số nhiệm kỳ giữ chức vụ quản lý, số lượng các vị trí quản lý... được xác định cụ thể theo từng đơn vị, mỗi vị trí quản lý đều được mô tả công việc, xác định khung năng lực tối thiểu qua đề án vị trí việc làm **[TC.03.01.26]** và thể hiện trong Quy chế tổ chức hoạt động của trường **[TC.03.01.07]**, **[TC.03.01.01]** Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ quản lý các đơn vị thuộc trường **[TC.03.01.27]**, trong đó quy định rõ không giữ chức vụ quản lý quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp, đơn vị từ 7-9 người có tối đa 1 cấp phó, trên 10 người có tối đa 2 cấp phó.

Về chế độ thông tin báo cáo, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường quy định vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin báo cáo cụ thể chức năng nhiệm vụ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các hội đồng tư vấn khác, các phòng/ban chức năng, các khoa/phòng chuyên môn **[TC.03.01.01]**, **[TC.03.01.07]**; Quy chế làm việc của trường quy định rõ nguyên tắc làm việc, trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, BGH, người đứng đầu các đơn vị, người đứng đầu bộ môn và cấp phó của người đứng đầu đơn vị thuộc trường cũng như mối quan hệ công tác giữa các đơn vị, cá nhân trong, và ngoài trường **[TC.03.01.28]**; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt của HUP **[TC.03.01.14]** quy định rõ trách nhiệm của Hiệu trưởng, VC-NLĐ, HĐT, các đơn vị, tổ chức, người đứng đầu các tổ chức, đoàn thể ... trong việc thực hiện dân chủ ở Trường. Nhà trường cũng duy trì Hội nghị cán bộ công chức hàng năm **[TC.03.01.29]**, giao ban khối phòng ban thường xuyên **[TC.03.01.30]**, giao ban đào tạo hàng kỳ **[TC.03.01.31]**.

Các quyết định phân công công tác của các thành viên BGH được điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường, trong đó quy định các nguyên tắc chủ yếu trong phân công và thực hiện công tác của BGH, việc ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BGH, các lĩnh vực công tác cụ thể của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu

trường, các đơn vị chức năng, các lĩnh vực công tác do các thành viên BGH trực tiếp theo dõi và chỉ đạo [TC.03.01.02].

Nguyên tắc làm việc, chế độ trách nhiệm, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc cũng như quy định về việc cung cấp thông tin, báo cáo của các đơn vị thuộc trường theo lĩnh vực công tác; của các thành viên BGH và người đứng đầu đơn vị, phù hợp với chức năng nhiệm vụ được quy định đầy đủ trong Quy chế làm việc của Trường [TC.03.01.28]; Quy chế quản lý thông tin, tuyên truyền, quảng cáo [TC.03.01.32].

Như vậy, Trường Đại học Dược Hà Nội đã thiết lập được cơ cấu quản lý với sự phân định rõ vai trò, trách nhiệm, chế độ thông tin, báo cáo để tổ chức triển khai nhiệm vụ đảm bảo các mục tiêu chiến lược, tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Trong Quy hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2001 - 2010 và định hướng đến năm 2020 được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt, nhà trường đã công bố sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu phát triển [TC.03.02.01]. Ngay sau khi sứ mạng được công bố, Lãnh đạo Trường đã tích cực tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược thông qua nhiều phương thức khác nhau để VC-NLĐ, cộng đồng được biết.

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển nhà trường trong giai đoạn mới, Đảng uỷ đã chỉ đạo tiếp tục chỉnh sửa điều chỉnh sứ mạng mục tiêu cho phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, thực tiễn của ngành, địa phương và xã hội [TC.03.02.02]. Thực hiện chỉ đạo của Đảng uỷ, BGH đã triển khai xây dựng Chiến lược phát triển HUP đến 2030, tầm nhìn đến 2045 theo định hướng đại học nghiên cứu và được HĐT thông qua tại Nghị quyết 01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020, trong đó thể hiện rõ các thông tin về tầm nhìn sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của trường với những chỉ số cơ bản được xây dựng trên cơ sở phân tích cụ thể bối cảnh, điểm mạnh, thời cơ, thách thức, ưu thế... của Trường [TC.03.02.03]. Đồng thời để triển khai chiến lược tổng thể, BGH đã thành lập các Ban xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn từng lĩnh vực công tác trọng yếu trong trường [TC.03.02.04], [TC.03.02.05].

Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển, nhà trường đã tổ chức rà soát, sửa đổi bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, văn hoá, mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi của Trường đến giai đoạn 2030 và tầm nhìn 2050 [TC.03.02.06]. Như vậy, tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu phát triển được xây dựng và rà soát với sự tham gia của VC-NLĐ và các bên liên quan thuộc trường cũng như được phổ biến ngay cả trong

quá trình xây dựng, công bố. Sau khi chiến lược được ban hành, Đảng uỷ đã chỉ đạo phổ biến chiến lược đến tất cả các đơn vị, cá nhân trong trường, người học, các bên liên quan [TC.03.02.07]. Hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [TC.03.02.08], giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, cá nhân trong đó phòng TC-HC và P.QLSV là đơn vị đầu mối thực hiện công tác tuyên truyền, hình thức tuyên truyền và thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến biến thường xuyên, liên tục trên hệ thống bảng tin trên website của trường [TC.03.02.09]; bảng, biển thông báo trong khuôn viên trường [TC.03.02.09], truyền thông trong công tác tuyển sinh, đào tạo liên tục, chương trình làm việc với các đối tác [TC.03.02.10], trên các ấn phẩm KHCN của Trường [TC.03.02.11] để thông tin đến toàn thể VC-NLĐ, học viên, người sử dụng lao động và các bên liên quan hiểu được sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi... của Nhà trường [TC.03.02.09], [TC.03.02.10], [TC.03.02.11].

Để kết nối với các bên liên quan trong việc định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của trường, trong giai đoạn 2021-2025, nhà trường đã cụ thể hoá chiến lược phát triển nhà trường thành các chiến lược thành phần, bao gồm: chiến lược HTQT, chiến lược tài chính, chiến lược nhân sự, chiến lược ĐBCL, chiến lược KHCN, chiến lược đào tạo và chiến lược phát triển Viện công nghệ được phẩm quốc gia trên cơ sở phân tích bối cảnh, xu hướng phát triển, thực trạng của Trường... từ đó xác định mục đích, các chỉ tiêu, các kế hoạch hoạt động và giải pháp cụ thể nhằm đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của Trường cũng như phương thức kết nối với các bên liên quan [TC.03.02.04].

Lãnh đạo trường đã tích cực tham gia công tác truyền thông, kết nối với các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của Trường bằng nhiều cách thức khác nhau như: phát hành văn bản đến tất cả các đơn vị của trường qua trang thông tin nội bộ của trường [TC.03.02.12]; triển khai chiến lược phát triển trường và các chiến lược thành phần, truyền thông tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu đến trưởng, phó các đơn vị và viên chức thuộc diện quy hoạch chức danh quản lý các đơn vị tại các lớp tập huấn về quản trị đại học [TC.03.02.13] từ đó lan toả đến toàn thể VC-NLĐ nhà trường, thông tin trực tiếp đến người học tại tuần sinh hoạt chính trị công dân sinh viên phổ biến đến người học, trên ấn phẩm phát hành đến người học [TC.03.02.14]. Để tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược, trong cuộc họp giao ban với trưởng, phó trưởng đơn vị, lãnh đạo Nhà trường đã lồng ghép nội dung sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [TC.03.02.15], TC.03.02.16]. Trong Hội nghị công chức viên chức hàng năm [TC.03.02.17], trong buổi khai giảng năm học, lãnh đạo Nhà trường đã trao đổi và nhấn

mạnh sức mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược, giao nhiệm vụ cụ thể cho năm học mới **[TC.03.02.18]**.

Đối với cộng đồng xã hội, lãnh đạo nhà trường có nhiều hoạt động tích cực để tuyên truyền về sức mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường. Thông qua việc trả lời phỏng vấn các cơ quan báo chí, ký kết thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, các đối tác trong nước và nước ngoài, trong các hội thảo với các đối tác, trong buổi gặp các cơ sở thực tế hàng năm lãnh đạo Nhà trường đã tuyên truyền sức mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan qua các bài phát biểu của lãnh đạo nhà trường **[TC.03.02.19]**.

Sức mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đã được thể hiện trong các hoạt động xây dựng CTĐT mới của Trường. Trong giai đoạn đánh giá Trường đã mở mới 04 CTĐT: Hóa dược, Hóa học, Công nghệ vi sinh, Dược chất lượng cao... **[TC.03.02.20]** để định hướng Trường đa ngành. Bên cạnh đó để định hướng tầm nhìn trở thành một trường đại học ĐMST, các CTĐT được ban hành trong năm 2021 đều bổ sung học phần ĐMST hoặc khởi nghiệp là học phần bắt buộc **[TC.03.02.21]**.

Kết quả phản hồi của giảng viên về một số lĩnh vực hoạt động của nhà trường cho thấy, tầm nhìn, sức mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường được phổ biến rộng rãi qua nhiều kênh thông tin; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển nhà trường; triết lý giáo dục phù hợp với giá trị cốt lõi của trường và phù hợp với sức mạng, tầm nhìn, mục tiêu phát triển; phản hồi về hoạt động KHCN của trường cũng được giảng viên đánh giá cao và thể hiện được chiến lược phát triển KHCN (KHCN) phù hợp với sức mạng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển của Nhà trường **[TC.03.02.22]**.

Với các hoạt động tuyên truyền có định hướng và mang tính tổng thể, sức mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường đã được tuyên truyền, phổ biến đến các bên liên quan, từ đó tạo tiền đề giúp việc lãnh đạo quản lý Trường được thực hiện theo đúng sức mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã đặt ra..

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.

Phòng Tổ chức - Hành chính (trước đây là phòng Tổ chức cán bộ) là đầu mối tham mưu, tư vấn cho Lãnh đạo trường trong việc rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường. Cơ cấu tổ chức, cơ cấu lãnh đạo và quản lý được rà soát và báo cáo hàng năm căn cứ kế hoạch của Bộ Y tế, đảm bảo theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường và phù hợp với tình hình thực tiễn **[TC.03.03.01]**, **[TC.03.03.02]**.

Về cơ cấu lãnh đạo được Nhà trường tiến hành rà soát thường xuyên nhằm đáp ứng với sứ mạng, mục tiêu, yêu cầu của các bên liên quan cụ thể: Năm 2019, triển khai thi hành Luật Giáo dục Đại học, theo hướng dẫn của Bộ Y tế **[TC.03.03.03]** trường mới thành lập HĐT nhiệm kỳ 2019-2024 **[TC.03.03.04]**. Năm 2020, Trường thành lập HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 và kiện toàn thành viên HĐT đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn nhận sự Chủ tịch HĐT là Bí thư ĐU, đã kinh qua giám hiệu theo hướng dẫn của Bộ Y tế **[TC.03.03.05]**, **[TC.03.03.06]**, đồng thời cũng theo Luật giáo dục Đại học, Chủ tịch HĐT không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý khác. Trong thời gian chờ kiện toàn nhân sự Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020-2025, tập thể lãnh đạo đã đề nghị và được Bộ Y tế giao nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng cho một đồng chí Phó Hiệu trưởng **[TC.03.03.07]**. Đối với BGH, trong giai đoạn 2016-2021, nhà trường đã thực hiện quy trình bổ nhiệm, công nhận nhân sự Hiệu trưởng cho 02 đồng chí, bổ nhiệm, kiện toàn chức danh Phó hiệu trưởng cho 02 đồng chí đảm bảo đội ngũ nhân sự lãnh đạo quản lý cấp cao đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành nhà trường **[TC.03.03.08]**, **[TC.03.03.09]**. Trong quá trình làm việc, việc phân công nhiệm vụ trong BGH được rà soát và thay đổi cho phù hợp với thực tiễn của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan **[TC.03.03.10]**.

Về cơ cấu tổ chức của trường, trong giai đoạn đánh giá căn cứ kết quả rà soát, trên cơ sở tình hình thực tiễn và định hướng phát triển mới, Trường đã sáp nhập phòng Tổ chức cán bộ, phòng Công tác chính trị, hợp nhất chức năng nhiệm vụ vào phòng Hành chính tổng hợp và đổi tên thành phòng Tổ chức - Hành chính; sáp nhập phòng Quản trị, hợp nhất chức năng nhiệm vụ vào phòng CNTT và đổi tên thành phòng Quản lý CSVC, đổi tên phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng thành phòng ĐBCL và khảo thí cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ **[TC.03.03.11]**. Như vậy, từ 39 đơn vị trong giai đoạn trước đây và không có HĐT, giai đoạn 2020-6/2022 trường còn 36 đơn vị và đã kiện toàn được HĐT trong cơ cấu tổ chức. Theo chủ trương chỉ đạo của Đảng uỷ **[TC.03.03.12]**, đến tháng 7/2022 trường đã rà soát và thu gọn còn 18 đơn vị theo quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường, đảm bảo số lĩnh vực công tác của mỗi đơn vị chức năng đạt tối thiểu từ 02 mảng công tác trở lên, số lượng NLD là viên chức từ 07 trở lên theo yêu cầu của Nghị định 120 **[TC.03.03.13]**, cũng như trên cơ sở ý kiến sau kiểm tra công tác tổ chức cán bộ của Bộ Y tế và xây dựng lại đề án vị trí việc làm **[TC.03.03.14]**, **[TC.03.03.15]**, **[TC.03.03.16]**, **[TC.03.03.17]**, các đơn vị khác sẽ được thành lập bổ sung khi đủ điều kiện. Việc rà soát này không chỉ đáp ứng yêu cầu của các cơ quan ban ngành mà còn nhằm đáp ứng sứ mạng, mục tiêu phát triển của Nhà trường là trở thành Trường đa ngành đến năm 2030 **[TC.03.03.18]**.

Các văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, mối quan hệ giữa các đơn vị trong cơ cấu tổ chức cũng được rà soát thường xuyên. Nhà trường đã ban hành quyết định bổ sung chức năng nhiệm vụ cho phòng QLSV tham mưu tư vấn cho BGH về lĩnh vực hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp **[TC.03.03.19]**. Sau khi thành lập HĐT, trường đã xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của HĐT, trong đó thể hiện rõ mối quan hệ giữa lãnh đạo, quản lý cùng với các chủ thể trong cơ cấu tổ chức **[TC.03.03.20]** Trên cơ sở sứ mạng, mục tiêu phát triển mới **[TC.03.03.18]** cùng với việc rà soát đề án vị trí việc làm **[TC.03.03.17]** và yêu cầu của các bên liên quan, Quy chế tổ chức hoạt động của Trường được ban hành mới vào tháng 2/2021 và cũng đã được kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và đáp ứng yêu cầu công việc **[TC.03.03.21]**; Nhà trường cũng đã rà soát, bổ sung và xây dựng, ban hành Quyết định quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới và thay thế các quy định trước đây **[TC.03.03.22]**.

Nhằm đánh giá về kết quả trong triển khai nhiệm vụ của từng vị trí lãnh đạo, quản lý công tác đánh giá phân loại viên chức lãnh đạo, quản lý được nhà trường tiến hành hàng năm. Căn cứ các quy định hiện hành, nhà trường ban hành hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức NLĐ theo năm học. Việc đánh giá viên chức, bao gồm viên chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện trên cơ sở nhiệm vụ được giao, đối với VCQL còn dựa trên kết quả của tập thể nơi viên chức được giao phụ trách **[TC.03.03.23]**. Các quy trình, tiêu chí đánh giá được hướng dẫn đầy đủ, chi tiết và được rà soát hàng năm trong công văn tổng kết năm học **[TC.03.03.23]**, **[TC.03.02.24]**, được thực hiện trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai, toàn diện và minh bạch. Theo hướng dẫn của Bộ Y tế, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế còn được đánh giá vào thời điểm kết thúc năm tài chính tại Hội nghị cán bộ quản lý **[TC.03.03.25]**, trình Bộ Y tế đánh giá, xếp loại chất lượng **[TC.03.03.26]** và điều đạt loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Căn cứ kết quả đánh giá phân loại từ các đơn vị, Hội đồng thi đua khen thưởng họp bình xét, đánh giá viên chức lao động và cán bộ quản lý của trường. Hiệu trưởng ra quyết định xếp loại VC-NLĐ của trường **[TC.03.03.27]**, 100% VCQL hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có nhiều VCQL hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Các tiêu chí đánh giá, kế hoạch tổng kết, đánh giá và kết quả đánh giá đều được công bố công khai trên hệ thống thông tin nội bộ của Trường **[TC.03.03.28]**.

Nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ luôn có tính kế thừa, tạo động lực cho sự phấn đấu góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược, Trường thực hiện xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý theo giai đoạn và tiến hành rà soát quy hoạch hàng năm.

Trong công văn gửi đến các đơn vị để thực hiện quy hoạch cán bộ quản lý cấp phòng luôn có các tiêu chí rõ ràng phù hợp với từng vị trí cán bộ quản lý và có hướng dẫn quy trình cụ thể để việc thực hiện tại các đơn vị công khai, minh bạch **[TC.03.03.29]**. Nhân sự được quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý được thực hiện theo đúng quy trình, đảm bảo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế, đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn các chức danh quy hoạch về trình độ chuyên môn, năng lực, phẩm chất đạo đức; căn cứ kết quả quy hoạch cán bộ quản lý tại các đơn vị, Phòng TC-HC (trước đây là phòng Tổ chức cán bộ) tổng hợp và trình Hiệu trưởng/Bí thư Đảng uỷ ký quyết định phê duyệt quy hoạch cán bộ quản lý các đơn vị thuộc trường; đại diện tập thể lãnh đạo trình Ban cán sự đảng Bộ Y tế ký phê duyệt quy hoạch VCQL Trường. Các nhân sự được bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý đều nằm trong quy hoạch và đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm **[TC.03.03.30]**.

Nhờ cơ cấu lãnh đạo và quản lý của trường được rà soát, đánh giá thường xuyên nên trường đã xây dựng được đội ngũ và quy hoạch được đội ngũ cán bộ quản lý đủ về số lượng, đảm bảo năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

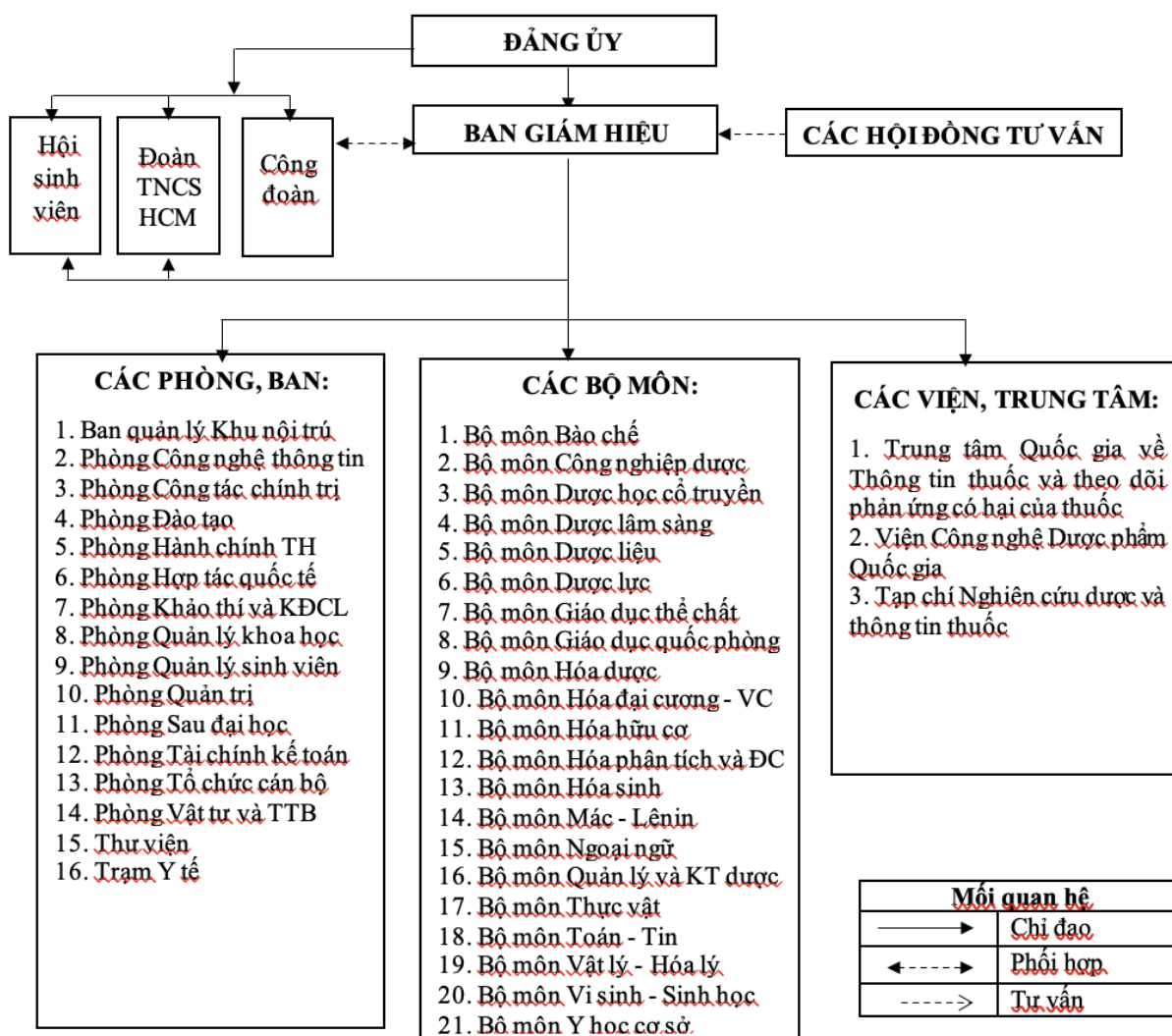
Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.

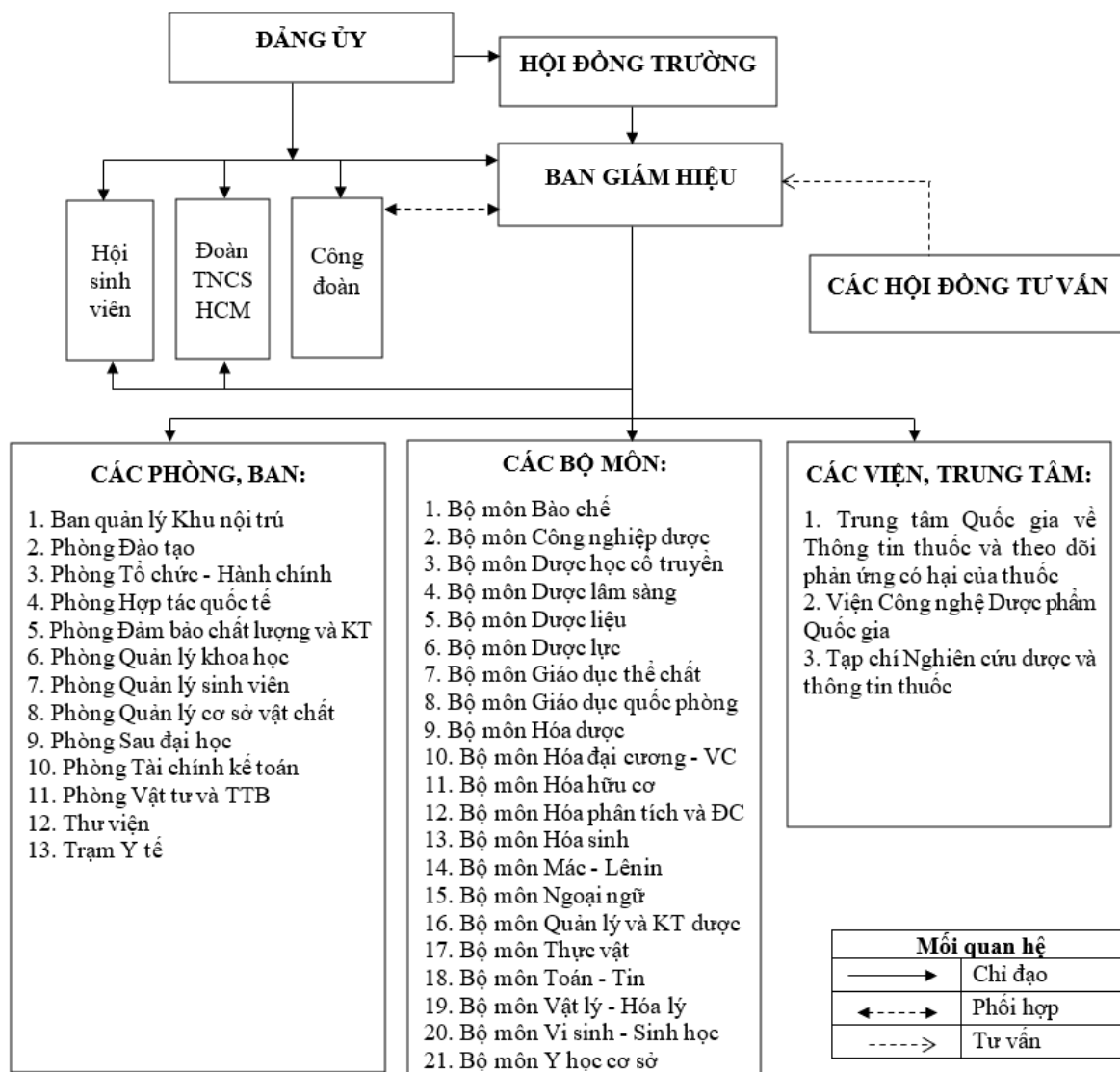
Căn cứ kết quả rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý, Nhà trường đã thực hiện cải tiến nhằm tăng cường hiệu quả quản lý để đạt được hiệu quả công việc như mong muốn. Nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo, quản lý của trường được rà soát, bổ sung kịp thời, ĐBCL, hiệu quả công việc Trong giai đoạn đánh giá, ĐU đã có những thay đổi về nhân sự để đảm bảo cơ cấu hợp lý trong giai đoạn mới **[TC.03.04.01]**. Để tăng cường hiệu quả công việc, tăng cường tính tự chủ của Trường, thực hiện Luật giáo dục Đại học và hướng dẫn của Bộ Y tế, HĐT cũng đã thay đổi nhân sự trong giai đoạn 2019-2021. Trường đã thực hiện quy trình kiện toàn 02 Hiệu trưởng **[TC.03.04.02]**, kiện toàn 02 Phó Hiệu trưởng **[TC.03.04.03]**, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 33 lượt cán bộ quản lý cấp trường đơn vị; 22 lượt cán bộ quản lý cấp phó trường đơn vị; giao 28 lượt cán bộ phụ trách đơn vị để đảm bảo hiệu quả hoạt động của Trường; trên cơ sở đánh giá, xếp loại chất lượng của cán bộ được giao phụ trách, trường tiến hành thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý **[TC.03.04.04]**, **[TC.03.04.05]**.

Trên cơ sở rà soát cơ cấu tổ chức, thực hiện chủ trương điều chỉnh cơ cấu tổ chức của trường theo mô hình 3 cấp đối với khối đơn vị chuyên môn: Trường-Khoa-Bộ môn. Mô hình chuyển đổi này đáp ứng nhu cầu cấp thiết thực hiện sứ mạng, mục tiêu phát

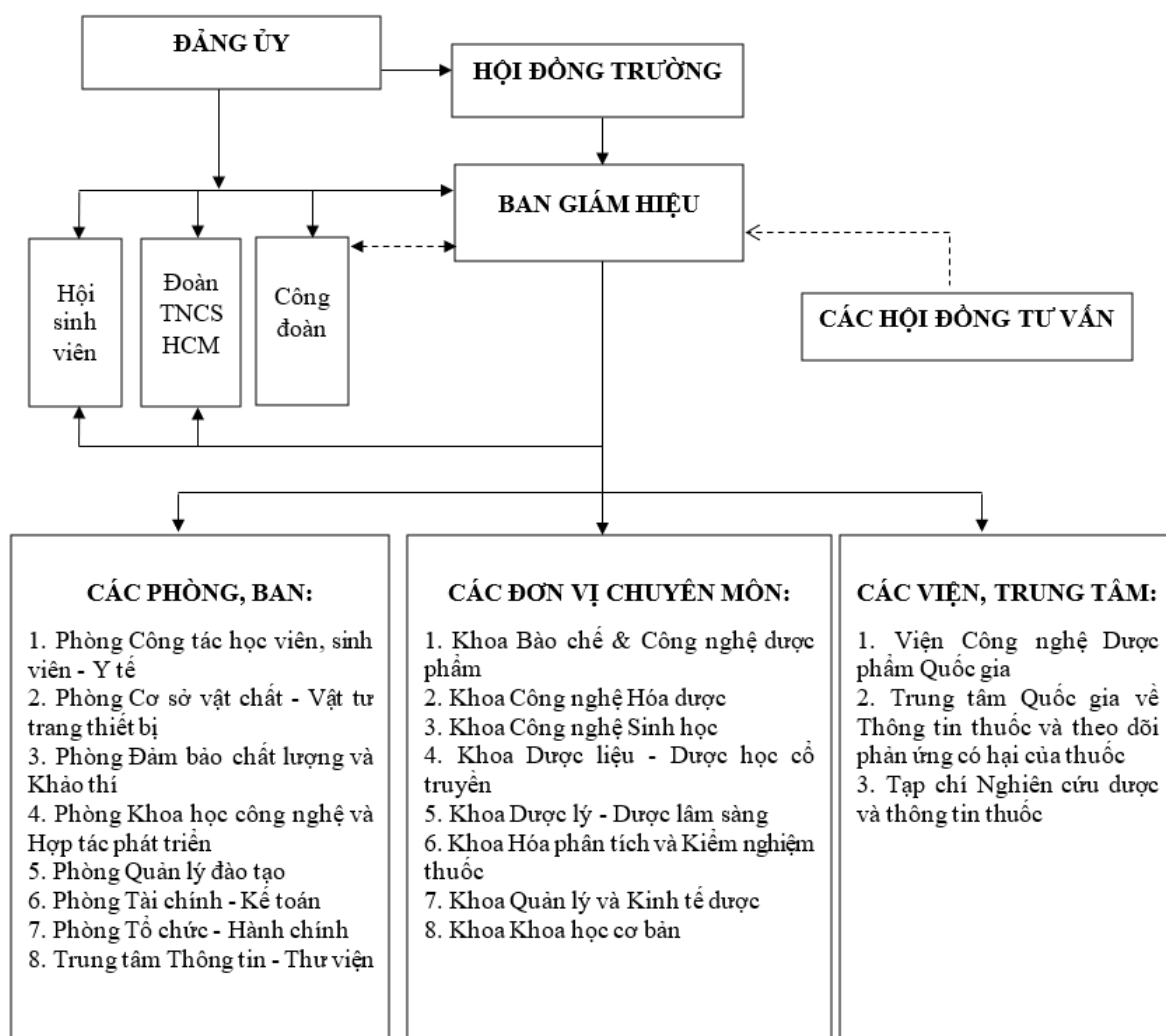
triển của Trường là mở mới mã ngành đào tạo Cử nhân Hóa dược, Cử nhân Công nghệ sinh học và Cử nhân Hoá học [TC.03.04.06] và đồng thời cũng đáp ứng nhu cầu thực tiễn về tổ chức sắp xếp lại đơn vị theo quy định của Nghị định 120 [TC.03.04.07]. Căn cứ tình hình thực tiễn, Trường đã tiến hành sáp nhập các phòng Tổ chức cán bộ và Công tác chính trị vào phòng Hành chính tổng hợp và đổi tên thành phòng Tổ chức - Hành chính để tăng cường hiệu quả và thống nhất quản lý về mặt nhân sự và hành chính của Trường; sáp nhập phòng Quản trị vào phòng CNTT và đổi tên thành Quản lý CSVC để việc phối hợp trong công tác xây dựng, sửa chữa CSVC trong Nhà trường được nhịp nhàng và tránh lãng phí không cần thiết [TC.03.04.08]. Tháng 7/2022 Trường tiến hành sáp nhập các đơn vị theo quy chế tổ chức hoạt động mới được ban hành giảm từ 36 đơn vị hiện tại xuống còn 8 đơn vị chuyên môn tương ứng với các ngành Đào tạo của Trường, 08 đơn vị hành chính và 03 viện trung tâm, tạp chí [TC.03.04.09]. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường qua các giai đoạn có sự thay đổi như sau:



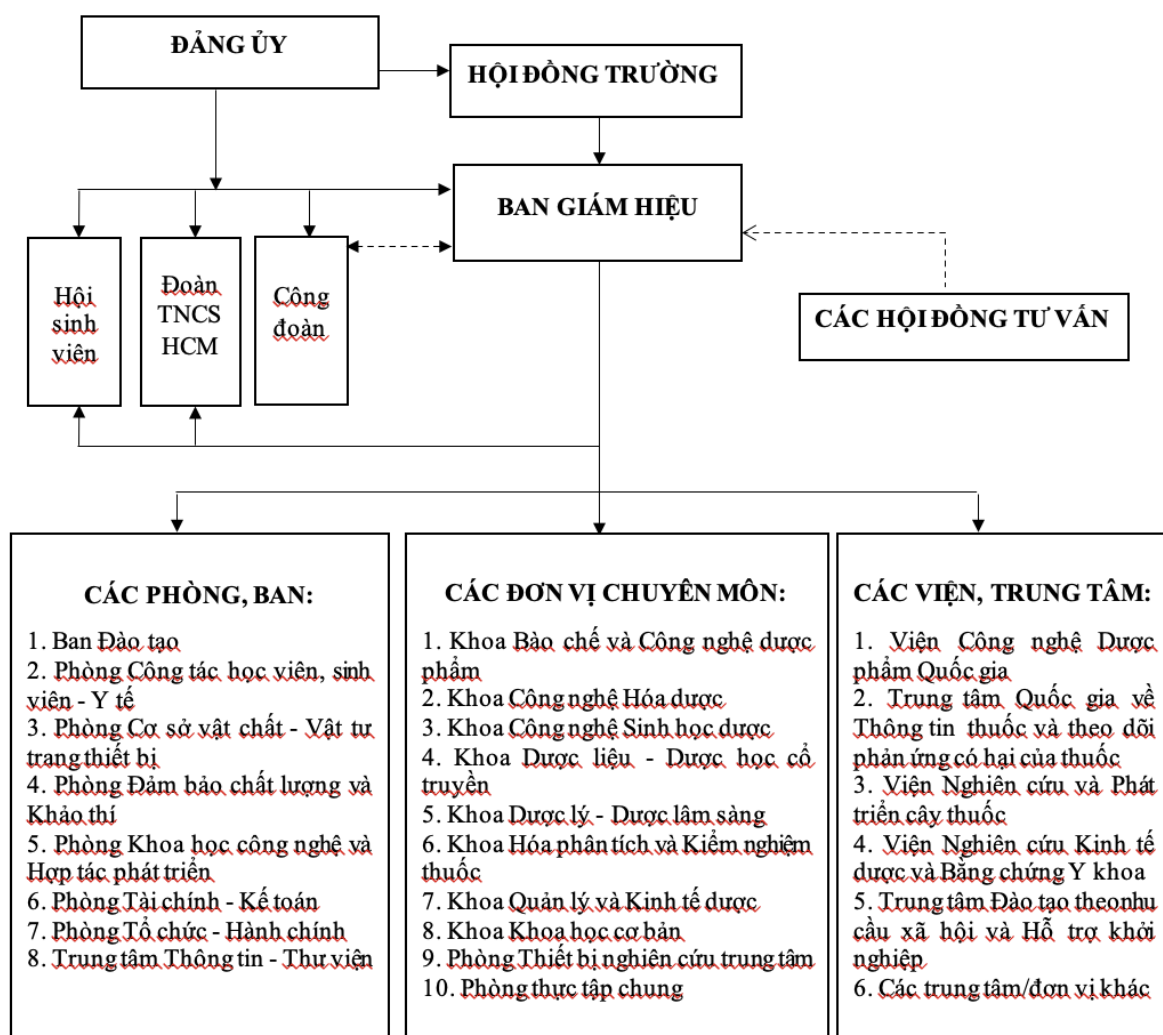
Hình 3.4.1. Cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý của Trường giai đoạn 2011-2019



Hình 3.4.2. Cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý của Trường giai đoạn 2019-7/2022



Hình 3.4.3. Cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý của Trường giai đoạn 7/2022-nay



Hình 3.4.4. Cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý của Trường trong tương lai gần

Như vậy việc cải tiến cơ cấu tổ chức đã được thực hiện 03 lần trong chu kỳ đánh giá theo xu hướng cải tiến liên tục, đảm bảo cơ cấu quản lý tinh gọn, hiệu quả và chuyên nghiệp. Việc sắp xếp lại các đơn vị theo xu hướng giảm đầu mỗi đơn vị, tăng số lượng lĩnh vực công tác đã thể hiện rõ hiệu quả công tác. Theo đó, số vị trí VCQL giảm, số lượng NLD là viên chức trong các đơn vị đảm bảo theo quy định. Các đơn vị được sắp xếp lại đều được phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đóng góp cho thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được cấp trên khen thưởng, vinh danh của Trường [TC.03.04.10]. Như vậy với việc rà soát, cải tiến liên tục, đến nay Nhà trường đã kiện toàn bộ máy tổ chức bao gồm ĐU, HĐT, BGH, Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các hội đồng tư vấn khác, 8 đơn vị quản lý hành chính, 8 khoa chuyên môn và 03 viện, trung tâm, tạp chí.

Để tăng cường hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc như mong muốn, trường thường xuyên tiến hành rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý. Ngay sau Đại hội, Đảng

ủy đã ban hành quyết định về quy chế làm việc của Đảng ủy. Trong quá trình hoạt động, Đảng ủy đã xem xét và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn **[TC.03.04.11]**. Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐT năm 2020 đã được ban hành chi tiết, cụ thể với 4 chương 25 điều áp dụng đối với thành viên HĐT, các đơn vị, tổ chức cá nhân thuộc và trực thuộc trường và các tổ chức cá nhân khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của HĐT **[TC.03.04.12]**. Quy định cụ thể hơn rất nhiều so với nguyên tắc hoạt động của HĐT nhiệm kỳ 2019-2024 ban hành năm 2019 **[TC.03.04.13]**; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2021 đã có những cải tiến, bổ sung so với Quy chế năm 2009 về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, chức năng nhiệm vụ, tổ chức nhân sự... **[TC.03.04.14]**. Quy chế quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho thôi chức vụ quản lý ... và điều chỉnh, bổ sung để triển khai thực hiện khi gặp vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý **[TC.03.04.05]**; Điều chỉnh, bổ sung các điều khoản liên quan đến điều kiện, quy trình bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng trong quy chế tổ chức hoạt động của Trường **[TC.03.04.15]**; Bổ sung chức năng nhiệm vụ tham mưu tư vấn cho BGH về lĩnh vực hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp cho sinh viên cho phòng QLSV **[TC.03.04.16]**; năm 2020 rà soát, ban hành lại Quy chế phối hợp công tác giữa chính quyền và công đoàn thay thế cho quy chế năm 2016 **[TC.03.04.17]**. Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát và điều chỉnh hàng năm trên cơ sở lấy ý kiến từ toàn thể viên chức, đơn vị trong Trường **[TC.03.04.18]**. Quy định về chế độ làm việc của Giảng viên cũng được rà soát 03 lần trong giai đoạn đánh giá, trong đó bổ sung thêm nhiệm vụ PVCĐ cũng như quy đổi giờ phục vụ cộng đồng cho giảng viên **[TC.03.04.19]**. Nhiều quy chế, quy định khác của Trường đã được ban hành mới và rà soát như Quy chế đảm bảo an toàn thông tin... **[TC.03.04.20]** để đề tăng cường hiệu quả lãnh đạo, quản lý, đáp ứng nhu cầu công tác của Trường, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động; để chuẩn bị tiền đề cho việc sáp nhập các đơn vị, thành lập các đơn vị mới, trường đã ban hành Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường **[TC.03.04.21]**.

Nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường thường xuyên được đánh giá, xếp loại chất lượng. Do đặc thù của Trường phần lớn các đơn vị có lĩnh vực chuyên môn hẹp, nên đại đa số cán bộ quản lý được bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ. Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn tốt và có năng lực lãnh đạo, quản lý tốt nên phần lớn được xem xét, bổ nhiệm lại khi hết nhiệm kỳ **[TC.03.04.04]**. Vì lý do lĩnh vực chuyên môn hẹp, thời gian giữ chức vụ quản lý của các VCQL khác nhau, do vậy phần lớn các trường hợp hết hai nhiệm kỳ quản lý liên tiếp được cho thôi chức vụ quản lý mà không luân chuyển theo quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ quản lý của Trường theo quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ quản

lý của Trường [TC.03.04.05], [TC.03.04.22]; Các trường hợp VCQL đến tuổi nghỉ hưu được xem xét cho thôi chức vụ quản lý để làm công tác chuyên môn, một số trường hợp xin thôi chức vụ cán bộ quản lý vì lý do cá nhân hoặc không đủ phiếu tín nhiệm được xem xét không bổ nhiệm lại hoặc cho thôi chức vụ quản lý... Trong giai đoạn đánh giá, một số trường hợp cán bộ quản lý được luân chuyển để phù hợp với quy định về số lượng nhân sự cấp phó với quy mô đơn vị, năng lực chuyên môn và nguyện vọng cá nhân VCQL, sắp xếp lại đơn vị [TC.03.04.04], tuy nhiên số cán bộ được luân chuyển còn hạn chế do đặc thù riêng của Trường, nhiều trường hợp phải giao phụ trách trong thời gian chờ sắp xếp lại tổ chức.

Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã thực hiện 05 lần thực hiện quy hoạch/rà soát quy hoạch. Tổng số viên chức được quy hoạch là 572 lượt người, trong đó có 08 lượt đồng chí được quy hoạch các chức danh Hiệu trưởng, 22 lượt đồng chí được quy hoạch chức danh phó hiệu trưởng, 03 đồng chí được quy hoạch chức danh chủ tịch HĐQT; có 539 lượt đồng chí được quy hoạch các chức danh quản lý cấp phòng và tương đương, đảm bảo có các nguồn nhân sự quy hoạch phục vụ cho công tác quản lý của Nhà trường [TC.03.04.23].

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường thực hiện bổ nhiệm và bổ nhiệm lại, luân chuyển các cán bộ quản lý dựa trên đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc. Trong giai đoạn 2017-nay, số lượng các viên chức quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển được thể hiện qua số liệu sau:

Bảng 3.4.1. Thống kê danh mục cán bộ quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại giai đoạn 2017-2022

Năm	Cấp trưởng đơn vị		Cấp phó trưởng đơn vị		Số VCQL được luân chuyển	Số VCQL thôi giữ chức vụ do hết 2 nhiệm kỳ	Số VCQL miễn nhiệm/ không bổ nhiệm lại/cá nhân xin thôi/nghỉ hưu/kéo dài thời gian công tác ...
	Bổ nhiệm	Bổ nhiệm lại	Bổ nhiệm	Bổ nhiệm lại			
2017	00	06	00	08	02	00	01
2018	09	06	03	00	00	03	01
2019	01	03	02	00	00	01	04
2020	05	01	02	00	01	03	07
2021	00	04	01	04	00	04	01
2022	08	02	12	00	01	02	00

Có thể nói nhờ những kết quả cải tiến về cơ cấu lãnh đạo, quản lý Trường đã từng bước thực hiện được các mục tiêu chiến lược đó là đa ngành đào tạo nhằm đáp ứng sứ mạng mới, những quy định trong giai đoạn mới. Đến tháng 8/2022 Nhà trường đã kiện toàn cơ bản được đội ngũ VCQL tại các đơn vị và có sự luân chuyển cho phù hợp [TC.03.04.24]. Nhà trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, công tác quản lý điều hành có hiệu quả cao, góp phần cho những thành tựu và những thành tích vượt bậc của Nhà trường trong giai đoạn vừa qua: Nhà trường đã có 03 tập thể nhận huân chương lao động hạng ba, 01 tập thể được nhận cờ thi đua chính phủ, 05 tập thể và 05 cá nhân được nhận bằng khen của Thủ tướng chính phủ và rất nhiều chiến sỹ thi đua cấp bộ và tập thể lao động xuất sắc [TC.03.04.25], [TC.03.04.26], [TC.03.04.27], [TC.03.04.28], [TC.03.04.29], [TC.03.04.30].

Công tác rà soát, cải tiến các quy định, quy chế của Nhà trường, cơ cấu tổ chức, chức năng của các đơn vị trong trường, công tác quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm trong thời gian qua đáp ứng tình hình thực tiễn nhưng chưa theo kịp tiến độ, kế hoạch đã đề ra.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường đã thiết lập được cơ cấu quản lý phù hợp với thực tiễn nhà trường, các đơn vị, bộ phận trong Trường được tổ chức phù hợp với điều kiện thực tiễn đáp ứng được định hướng chiến lược, sứ mạng, mục tiêu phát triển và từng bước kiện toàn cơ cấu tổ chức cho phù hợp.

- Trường có hệ thống văn bản đầy đủ, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ vai trò, vị trí, mối quan hệ công tác của các chủ thể tham gia cơ cấu quản lý của trường.

- Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của trường được rà soát thường xuyên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý có trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao..

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc kiện toàn cơ cấu tổ chức còn chưa được triển khai theo đúng kế hoạch.

- Một số quy chế, quy định như Quy chế làm việc, Quy chế quản lý thông tin tuyên truyền, quảng cáo còn chưa kịp thời cập nhật so với sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, mô hình quản lý nhà trường.

- Chậm ban hành kế hoạch phổ biến tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi. Một số hình thức phổ biến chưa được kịp thời triển khai.

- Chưa đánh giá được kết quả và hiệu quả thực hiện kế hoạch phổ biến tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Trường.

- Do ở trong giai đoạn chuyển tiếp, với thiết chế quản lý mới, nhiều hoạt động vừa làm vừa học hỏi, vừa xây dựng quy chế, quy định, do vậy việc kiện toàn cơ cấu tổ chức theo quy chế tổ chức hoạt động và đội ngũ VCQL còn chậm.

- Việc luân chuyển cán bộ quản lý còn hạn chế, nhiều trường hợp giao phụ trách đơn vị.

- Chưa ban hành được kế hoạch rà soát cơ cấu tổ chức và đánh giá hiệu quả của thay đổi cơ cấu lãnh đạo quản lý.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Kiến toàn cơ cấu tổ chức và đội ngũ VCQL	Tập thể lãnh đạo/Phòng Tổ chức – Hành chính, các đơn vị	Năm 2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Cập nhật bổ sung các quy chế: quy chế làm việc, Quy chế quản lý thông tin tuyên truyền, quảng cáo...	Phòng Tổ chức - Hành chính	Năm 2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng kế hoạch rà soát cơ cấu tổ chức và đánh giá hiệu quả của thay đổi cơ cấu lãnh đạo quản lý	Hiệu trưởng/Phòng TC-HC	2023	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục triển khai việc kiện toàn cơ cấu tổ chức theo quy chế Tổ chức và Hoạt động của trường	Tập thể lãnh đạo, HĐT, phòng Tổ chức - Hành chính, các đơn vị	Năm 2022	
5	Phát huy	Rà soát, bổ sung,	Phòng Tổ chức-	Định kỳ	

	điểm mạnh 2	cập nhật hệ thống văn bản dùng trong quản lý điều hành	Hành chính	hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3	5.75
Tiêu chí 3.1	6
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	6
Tiêu chí 3.4	6

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCD.

Giá trị cốt lõi của Nhà trường là “*Chất lượng - hiệu quả, Tài năng cá nhân - trí tuệ tập thể, Kế thừa - sáng tạo, Chuyên nghiệp, Khát vọng, Tiên phong*”. Đây là kim chỉ nam cho các quyết định của lãnh đạo, là định hướng chiến lược cho mọi hoạt động của VC-NLĐ, người học trong toàn HUP. HUP căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của mình để xây dựng chiến lược phát triển nhà trường. Nhà trường đã thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa, đáp ứng nhu cầu của xã hội, kế hoạch phát triển HUP đến 2030 và tầm nhìn đến 2045 [TC.04.01.01], [TC.04.01.02], [TC.04.01.03], [TC.04.01.04]. Nhà trường đã tiến hành phân tích, dự đoán xu hướng và đánh giá, phân tích nguồn lực hiện có để làm căn cứ cho việc lập kế hoạch chiến lược.

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu tổng quát được Nghị quyết xác định là: Đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực ASEAN về công nghiệp, trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tầm nhìn đến năm 2045 là Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại [TC.04.01.03].

Cơ hội của công nghiệp được Việt Nam hiện nay nằm ở quy mô dân số (dự báo sẽ đạt 100 triệu dân vào năm 2020), nhu cầu thuốc tăng nhanh do thu nhập bình quân đầu người được cải thiện dẫn đến nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng tăng cao, chi phí thuốc bình quân đầu người còn thấp so với bình quân trên thế giới

[TC.04.01.03]. Ngành Dược Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đứng thứ 13 trên thế giới và đứng đầu Đông Nam Á về tốc độ tăng trưởng: Mức độ trung bình giai đoạn 2010-2015 đạt 14,6%; năm 2017, doanh thu thị trường dược phẩm đạt khoảng 5,2 tỉ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2016 và dự báo sẽ được duy trì ở mức tăng ít nhất 14% cho đến năm 2025. Bên cạnh đó, chỉ tiêu thuốc theo đầu người tại Việt Nam đạt 56USD năm 2017, được dự báo sẽ tăng 85 USD năm 2010 và 163 USD trong năm 2025 **[TC.04.01.03].**

Trong bối cảnh như vậy, dược phẩm được đánh giá là mảnh đất màu mỡ thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài, tập đoàn quốc gia trên thế giới cũng như nhà đầu tư trong nước hoạt động ngoài ngành. Thị trường ngành Dược được dự đoán sẽ có nhiều thay đổi với sự tham gia của những “ông lớn” trên thị trường bán lẻ như Nguyễn Kim, Thế giới di động... Cùng với đó là sự gia nhập của nhiều tập đoàn dược phẩm nước ngoài như Taisho, Sanofi... **[TC.04.01.03].**

Dự báo, đến năm 2020 toàn ngành Dược Việt Nam sẽ có nhu cầu cần hơn 25,000 cán bộ dược có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên. Số lượng cán bộ dược tham gia vào quá trình sản xuất, lưu thông, phân phối thuốc dự kiến lên tới hơn 16,000 người, chiếm gần hai phần tổng số nhu cầu của toàn ngành. Ngoài ra, hệ thống phân phối thuốc ngày càng được mở rộng cũng sẽ thu hút hơn 7,000 DS tham gia trực tiếp vào công tác cung ứng thuốc tại các nhà thuốc đạt chuẩn Thực hành tốt phân phối thuốc (GPP).

Theo kế hoạch phát triển nhân lực của Bộ Y tế trong hệ thống khám - chữa bệnh giai đoạn từ 2015- 2020, thì cần phải bổ sung 10,887 DS đại học **[TC.04.01.03].** HUP là một trong những trường đại học dẫn đầu toàn quốc về đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng KHCN trong giảng dạy, học tập, quản lý, chuyển giao để sản xuất, đem lại hiệu quả rõ rệt trong hoạt động đào tạo, quản lý của Nhà trường và công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Trong lĩnh vực đào tạo, HUP là cơ sở độc lập duy nhất đào tạo nhân lực trình độ cao cho ngành Dược, đi đầu trong thực hiện đào tạo theo nhu cầu của các địa phương, xã hội, đào tạo sinh viên quốc tế. Đến nay Trường đã đào tạo 14,198 DS đại học, hơn 2,685 DS chuyên khoa I và chuyên khoa II; trên 1,083 thạc sĩ và hơn 131 tiến sĩ, chiếm hơn 50% nhân lực của toàn ngành Dược. CTĐT được cập nhật chương trình tiên tiến của châu Âu và thế giới. Chất lượng đào tạo được kiểm soát chặt chẽ, điểm tuyển sinh những năm gần đây luôn ở mức cao (23,05-27,5 điểm) **[TC.04.01.03].**

Trong lĩnh vực NCKH và phát triển công nghệ, trong 5 năm qua, HUP đã triển khai thực hiện 199 đề tài NCKH, trong đó có 6 đề tài cấp Nhà nước, 31 đề tài cấp Bộ và tương đương; 162 đề tài cấp trường. Từ kết quả nghiên cứu đề tài các cấp đã đăng ký 10

bằng sáng chế quốc tế về nghiên cứu phát triển thuốc mới có tiềm năng điều trị ung thư, trong đó 9 bằng sáng chế được đăng ký ở Hàn Quốc và 1 ở Nga. **[TC.04.01.03]**.

Trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, Trường có quan hệ và hợp tác với hơn 100 tổ chức và các trường đại học trên thế giới, ký kết hơn 40 văn bản thỏa thuận hợp tác, đã vận động và tiếp nhận hơn 20 dự án, mở ra các hướng hợp tác, trao đổi và học tập của nhiều giảng viên và sinh viên. **[TC.04.01.03]**.

Điểm mạnh của nhà trường trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu được **[TC.04.01.03]**:

- Trường có văn hóa truyền thống trong hoạt động dạy - học theo hướng coi trọng chất lượng và đạo đức nghề nghiệp.

- SVTN Trường được các đơn vị sử dụng lao động và ngành đánh giá cao hơn nhiều trường khác.

- Đã có kinh nghiệm nghiên cứu thành công và chuyển giao một số sản phẩm KHCN.

- Trường có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao hơn đại đa số các trường đào tạo được trong nước, lại có mối quan hệ với các trường trên thế giới do đã được đào tạo tại các trường đó.

- Một số giảng viên có năng lực và kinh nghiệm hội nhập, như tổ chức các hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế, xây dựng, triển khai dự án HTQT.

- Kinh tế-xã hội tăng trưởng và phát triển nhanh, dẫn đến nhu cầu về các loại dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm... phát triển mạnh, nhu cầu nghiên cứu ứng dụng, nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng giỏi ("có thể làm được") trong hoạt động nghề nghiệp ngày càng tăng và đa dạng.

- Yêu cầu của xã hội về chất lượng đào tạo, giải pháp kiểm định chất lượng và công khai chất lượng đào tạo các trường Đại học là cơ hội để Nhà trường khẳng định và phát triển.

- Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu và toàn diện, tạo điều kiện để nhà trường học tập kinh nghiệm xây dựng và phát triển của các trường Đại học trong khu vực và quốc tế. Đặc biệt là cơ hội tốt để nhà trường liên kết đào tạo với các trường Dược trong khu vực và thế giới, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

- Đảng và Nhà nước và ngành Y tế đã có chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các CSGD đại học, tạo cơ hội tăng nguồn thu hợp pháp và tăng cường các nguồn đầu tư.

- Nhu cầu của người học muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao ngày càng tăng.

- Nhu cầu mối liên kết giữa các trường đại học với các địa phương và doanh nghiệp có xu hướng tăng.

- Nguồn tài nguyên được liệu sẵn có và thế mạnh về y học cổ truyền của Việt Nam.

- Cách mạng 4.0 tạo cơ hội phát triển các hình thức, phương pháp, công cụ đào tạo mới.

- Khởi nghiệp quốc gia được phát triển, tạo cơ hội cho phát triển các CTĐT, huấn luyện, xây dựng mối quan hệ, vốn... với các doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Trường xây dựng xong cơ sở 2 tại Bắc Ninh (mở rộng quy mô, điều kiện làm việc).

Trước năm 2017, Nhà trường chưa có đơn vị đầu mối chuyên trách giúp lãnh đạo trong việc xây dựng Kế hoạch chiến lược. Nhà trường đã giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược cho các nhóm làm việc qua việc ban hành văn bản thành lập các tổ tư vấn và soạn thảo xây dựng, rà soát Sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, văn hóa, mục tiêu, giá trị cốt lõi, Kế hoạch phát triển 5 năm của HUP (2016-2021). Sau đó Phòng TC-HC là đầu mối để triển khai Quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược giúp chuẩn hóa cách thức làm việc và tạo ra sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận **[TC.04.01.05]**.

Nhằm đạt mục tiêu qua từng giai đoạn phát triển, Nhà trường đã thực hiện các bước lập kế hoạch chiến lược gồm **[TC.04.01.01]**, **[TC.04.01.02]**, **[TC.04.01.05]**:

- Xin ý kiến Tập thể lãnh đạo, ĐU, HĐT về rà soát sứ mạng, tầm nhìn và phương hướng xây dựng Chiến lược.

- Triển khai xây dựng Chiến lược

- Tổ chức lấy ý kiến xây dựng Chiến lược: (1) Hội nghị CB chủ chốt; (2) Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan; (3) Gửi dự thảo Chiến lược để tổ chức góp ý tại các đơn vị trong trường

- Hoàn thiện và ban hành Chiến lược: Bản dự thảo được trình ĐU, HĐT thông qua và ban hành chính thức

- Rà soát và cải tiến: Sau khi ban hành chính thức về tầm nhìn sứ mạng và Chiến lược phát triển, Nhà trường trường công bố trên website và định kỳ tổ chức lấy ý kiến đóng góp để bổ sung, điều chỉnh tầm nhìn sứ mạng chiến lược phát triển cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, của cả nước và định hướng phát triển của Nhà trường.

Chiến lược phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 xác định mục tiêu chung: Xây dựng HUP thành trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực (trong lĩnh vực dược) theo định hướng đại học nghiên cứu kết hợp thực hành nghề nghiệp (2025 - 2030), thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về dược của cả nước; định hướng đại học ĐMST (2030), và trở thành đại học ĐMST vào 2045; tự chủ một phần (từ 2020-2025), và hướng tới tự chủ toàn phần theo yêu cầu/lộ trình của Nhà nước) **[TC.04.01.03]**.

Nhằm cụ thể hóa Chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, Nhà trường ban hành 6 chiến lược thành phần bao gồm: chiến lược đào tạo; chiến lược KHCN; chiến lược nhân sự, chiến lược tài chính, chiến lược HTQT, chiến lược ĐBCL, chiến lược hoạt động KN&PVCĐ **[TC.04.01.03]**, **[TC.04.01.04]**. Nhà trường tổ chức thực hiện triển khai thành từng giai đoạn: (i): - Đạt 60% các chỉ tiêu của đại học nghiên cứu vào năm 2025; Tự chủ một phần; (ii): đạt 80-100% các chỉ tiêu của đại học nghiên cứu vào năm 2030; Đạt các chỉ tiêu cơ bản của đại học định hướng ĐMST; hướng tới tự chủ toàn phần (iii): trở thành đại học ĐMST vào năm 2045.

Nhà trường yêu cầu Lãnh đạo các bộ môn, phòng chức năng và đơn vị trực thuộc xây dựng các chính sách, đề án, kế hoạch hành động cụ thể của đơn vị mình, huy động và phát triển các nguồn lực để tổ chức thực hiện, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Để triển khai chiến lược từng giai đoạn, nhà trường đã đưa ra các chỉ tiêu cơ bản tương ứng với các giai đoạn cụ thể:

Bảng 4.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản trong chiến lược phát triển của từng giai đoạn

STT	Nội dung	2025	2030	Định hướng đến 2045
1	ĐÀO TẠO			
1.1	Quy mô đào tạo			
	Đào tạo đại học (số sinh viên)	5,800	7,600	Số lượng phù hợp
	Đào tạo SĐH			
	Tỷ lệ cao học, NCS/tổng người học (%)	≥ 25%	≥ 25%	Đạt yêu cầu ĐH ĐMST
	Tỉ lệ NCS/tổng số người học (%)	3.50%	≥ 5%	Đạt yêu cầu ĐH ĐMST
	Tỉ lệ NCS tốt nghiệp/cử nhân tốt nghiệp chính qui mỗi năm (%)	3%	≥ 10%	Đạt yêu cầu ĐH ĐMST
	SĐH (số học viên)	1,250	1,550	Đạt yêu cầu ĐH ĐMST
	Số trường liên kết đào tạo quốc tế	1	3	5

STT	Nội dung	2025	2030	Định hướng đến 2045
1.2	Đa dạng hóa loại hình đào			
	Số CTĐT (CTĐT) chính quy	36	45	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số CTĐT thạc sĩ	6	10	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số CTĐT tiến sĩ	7	11	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số CTĐT chuyên khoa cấp 1	6	6	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số CTĐT chuyên khoa cấp 2	7	7	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số chuyên đề đào tạo liên tục (số chuyên đề)	60	60	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số chuyên đề/CTĐT ngắn hạn cho sinh viên quốc tế	6	8	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số chuyên đề/CTĐT cho nhu cầu xã hội ngoài yêu cầu quản lý NN	15	34	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số chuyên đề/CTĐT qua mạng	8	17	Phù hợp theo yêu cầu ngành
1.3	Kiểm định chất lượng			
	Số CTĐT được kiểm định quốc gia	18	45	Theo yêu cầu của Bộ
	Số CTĐT được kiểm định quốc tế	9	15	Theo yêu cầu của Bộ
	Tỷ lệ các CTĐT liên quan trực tiếp đến công nghệ 4.0 (*)	15	17	Theo yêu cầu của ĐH ĐMST
2	KHCN			
	Số bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế trung bình trên cán bộ khoa học hàng năm.	1.5	2	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST
	Số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học trong 5 năm	1	5	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST
	Số lượng trích dẫn/bài báo khoa học trong 5 năm gần đây	3	5	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST
	Sách chuyên khảo xuất bản mỗi năm	2	5	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST

STT	Nội dung	2025	2030	Định hướng đến 2045
	Tạp chí chuyên ngành:			Theo nhu cầu xã hội
	Tạp chí Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc	2 số/tháng	2 số/tháng +Bản tiếng Anh	
	Tạp chí Mỹ phẩm	1 số/tháng	2 số/tháng	
	Thực phẩm và Sức khỏe	1 số/tháng	2 số/tháng	
	Sản phẩm KH&CN tiêu biểu quốc gia, quốc tế mỗi năm	2	5	
	Số lượng giải thưởng khoa học quốc gia, quốc tế của cán bộ và người học trong 5 năm	5	10	
	Số đề tài, dự án hợp tác trong nước	15	34	Theo nhu cầu
	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích trong nước được công nhận mỗi năm	≥ 10	≥ 20	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST
	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích quốc tế được công nhận mỗi năm	≥ 5	≥ 5	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST
	Chuyển giao tri thức mỗi năm	≥ 4	≥ 5	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST
	Số nhóm nghiên cứu liên chuyên ngành trong trường	15	17	Theo nhu cầu
	Số nhóm nghiên cứu liên ngành (ngoài trường)	5	5	Theo nhu cầu
	Số đề tài/dự án KHCN trọng điểm	5	5	Theo nhu cầu
3	NHÂN SỰ			
	Tổng số nhân lực	587	883	Theo nhu cầu và yêu cầu
	Tổng nhân lực hỗ trợ (phòng ban, kỹ thuật viên)	200	250	
	Tuyển dụng (%)	70%	60%	
	Trọng dụng (%)	25%	30%	
	Trung dụng (%)	5%	10%	
	Tỷ lệ giảng viên/người học	15	12	Theo yêu cầu
	Số lượng giảng viên	387	633	
	Tỷ lệ giảng viên/tổng nhân lực	65.91	71.70	

STT	Nội dung	2025	2030	Định hướng đến 2045
	Tỷ lệ cán bộ có học vị tiến sĩ trở lên trên tổng số cán bộ khoa học	60%	80%	Theo yêu cầu
	Tỷ lệ cán bộ có chức danh giáo sư, phó giáo sư (%)	40%	60%	Theo yêu cầu
	Tỷ lệ nghiên cứu viên sau tiến sĩ (post-doc), kể cả số tiến sĩ đang làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (%)	12	32	Theo yêu cầu
4	CSVC			
	Số phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc gia	5	5	Theo nhu cầu
	Số phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế	0	1	2
	Số kỹ thuật viên vận hành thành thạo các thiết bị phòng thí nghiệm hiện đại (%)	10%	50%	100%
5	CƠ CẤU NGUỒN THU			
	Học phí (%)	39%	39%	
	CGCN (%)	10%	25%	
	Dịch vụ xã hội (%)	5%	10%	
	Vận động tài trợ (%)	1%	2%	Không thấp hơn 2%
	Các nguồn khác (%)	10%	9%	Không thấp hơn 10%
6	HTQT			
	Số lượng các nhà khoa học được mời đọc báo cáo mời tại các hội nghị khoa học quốc gia mỗi năm	2	3	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST
	Số lượng các nhà khoa học được mời đọc báo cáo, mời tại các hội nghị khoa học quốc tế mỗi năm	1	1	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST
	Số hội nghị/hội thảo quốc tế do Trường chủ trì/chuyên ngành (*)	1	2	Theo yêu cầu ĐH ĐMST
	Số đề tài, dự án HTQT	15	17	Theo nhu cầu
	Hợp tác nghiên cứu quốc tế có công bố chung trong vòng 3 năm	≥ 15	≥ 30	Theo yêu cầu ĐH nghiên cứu và ĐMST

Căn cứ chiến lược chung của nhà trường, các đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch hoạt động các chiến lược thành phần và tổ chức thực **hiện** [TC.04.01.06],

[TC.04.01.07], [TC.04.01.08], [TC.04.01.09], [TC.04.01.10]. Hàng năm các đơn vị đều báo cáo kết quả thực hiện công việc theo Kế hoạch phát triển của trường [TC.04.01.11], [TC.04.01.12], [TC.04.01.13].

Cuối năm 2020, Nhà trường đã tổng kết giai đoạn 1 của việc thực hiện chiến lược phát triển chung của toàn trường giai đoạn 2016-2020 [TC.04.02.08]. Đồng thời các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025 được tiếp tục xây dựng và đề xuất [TC.04.01.03], [TC.04.01.04].

Các kế hoạch triển khai thực hiện, các kết luận hội nghị tổng kết công tác năm đều được gửi cho các đơn vị trong.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Cũng như tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi, các kế hoạch chiến lược của Nhà trường được quán triệt đến toàn thể VC-NLĐ để triển khai thực hiện và đạt mục tiêu chung là xây dựng HUP phát triển vững mạnh [TC.04.02.01].

- Kế hoạch hàng năm: căn cứ vào kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, các đơn vị của Trường xây dựng kế hoạch công tác năm theo các mảng công tác để thực hiện mục tiêu chiến lược. Hàng năm, Nhà trường tiến hành giao kế hoạch công tác năm của đơn vị trong toàn Trường theo chức năng, nhiệm vụ và từng mảng công tác của đơn vị [TC.04.02.02]. Kế hoạch chiến lược phát triển được Nhà trường cụ thể hóa bởi các kế hoạch năm học và chi tiết hóa bằng các kế hoạch công tác tháng về các mảng hoạt động: đào tạo, KHCN, tổ chức cán bộ, hành chính tổng hợp, kế hoạch tài chính, các công việc cụ thể như tuyển dụng nhân sự, tư vấn tuyển sinh, truyền thông, CSVC, CNTT trong quản lý và giảng dạy, ĐBCL, thanh tra, công tác Đảng, Đoàn...do các VCQL của các bộ phận chức năng, đào tạo, tổ chức đoàn thể xây dựng [TC.04.02.02].

+ Về đào tạo: chất lượng đào tạo được Trường coi là mục tiêu quan trọng hàng đầu. Sau mỗi năm học kết thúc, Trường tiến hành đánh giá tổng kết kết quả đào tạo, rút kinh nghiệm cho năm sau, đồng thời lập kế hoạch chi tiết cho từng nội dung cho năm học kế tiếp như: rà soát lại CTĐT, các hướng dẫn xây dựng CTĐT, đề cương chi tiết học phần,... [TC.04.02.02], [TC.04.02.03].

+ Về NCKH: rà soát, ban hành quy định liên quan đến hoạt động KHCN, xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị KHCN hàng năm của Trường và tham gia Hội nghị Khoa học ngành Y tế, ngành Dược; kế hoạch xuất bản Tạp chí Nghiên cứu và Thông tin thuốc; xây dựng chỉ tiêu về bài báo khoa học trong nước và quốc tế. Trường xác định một số hướng nghiên cứu thuộc thế mạnh của Trường, gắn liền với yêu cầu phát triển

của đất nước để xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh công bố quốc tế [TC.04.02.02],[TC.04.02.03].

+ Về ĐBCL: Kế hoạch ĐBCL hàng năm được triển khai đến từng đơn vị. Hệ thống ĐBCLGD bên trong được hoàn thiện, thực hiện các công việc thường qui như rà soát các quy định về CĐR, CTĐT, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan, tổ chức tập huấn về công tác ĐBCL,... [TC.04.02.02], [TC.04.02.03], [TC.04.02.04].

+ Về HTQT: củng cố, duy trì các mối quan hệ sẵn có; mở rộng các quan hệ hợp tác có yếu tố quốc tế để nâng cao năng lực đội ngũ viên chức, từng bước hòa nhập CTĐT với các nước trong khu vực được Trường chú trọng. Báo cáo tổng kết công tác hợp tác và kế hoạch hoạt động được thực hiện hàng năm như: công tác ký kết, triển khai dự án, chương trình hợp tác, công tác tham gia, tổ chức và phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế [TC.04.02.02], [TC.04.02.03].

- Đối với kế hoạch trung và dài hạn: kế hoạch dài hạn của Nhà trường thể hiện trong Chiến lược phát triển-[TC.04.02.05] được cụ thể hóa bằng các kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn phát triển-[TC.04.02.06].

Chiến lược đào tạo giai đoạn 2021-2025 có các mục tiêu:

- Quy mô các bậc đào tạo hợp lý, phù hợp với tiêu chí đại học nghiên cứu và ĐMST, đặc biệt là các tiêu chí về tỷ lệ quy mô đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ.

- Đa dạng hóa loại hình đào tạo (đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ ngành Dược, đào tạo theo nhu cầu xã hội), ngành nghề đào tạo, kết hợp đào tạo với NCKH góp phần xây dựng và phát triển ngành Dược theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Có CTĐT được kiểm định chất lượng quốc gia và quốc tế. SVTN có thể làm việc hoặc tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trong nước và quốc tế.

- Dẫn đầu cả nước về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực dược.

Các mục tiêu trên của giai đoạn 2021-2025 được thể hiện qua các chỉ tiêu phấn đấu, khi so sánh với Chiến lược phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 cho thấy sự phù hợp giữa kế hoạch trung hạn 5 năm, giai đoạn 2021-2025 với giai đoạn dài hạn 2025-2045, đồng thời đã có sự điều chỉnh trong 1 số chỉ tiêu để phù hợp với tình hình thực tế.

Bảng 4.2.1. Đối sánh chỉ tiêu của giai đoạn 2021-2025 với giai đoạn 2025-2045

STT	Nội dung	CLĐT 2021-2025	Chiến lược phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045		
			2025	2030	Định hướng đến 2045
1	ĐÀO TẠO				
1.1	Quy mô đào tạo				
	Đào tạo đại học (số sinh viên)	4,200	5,800	7,600	Số lượng phù hợp
	Đào tạo SDH				
	SDH (số học viên)	1,000	1,250	1,550	Đạt yêu cầu ĐH ĐMST
	Tỷ lệ cao học, NCS/tổng người học (%)	$\geq 20\%$	$\geq 25\%$	$\geq 25\%$	Đạt yêu cầu ĐH ĐMST
	Tỉ lệ NCS tốt nghiệp/cử nhân tốt nghiệp chính qui mỗi năm (%)		3%	$\geq 10\%$	Đạt yêu cầu ĐH ĐMST
	Số trường liên kết đào tạo quốc tế	1	1	3	5
1.2	Đa dạng hóa loại hình đào tạo				
	Số CTĐT (CTĐT) chính quy	5	5	5	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số CTĐT thạc sĩ	6	6	10	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số CTĐT tiến sĩ	7	7	11	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số CTĐT chuyên khoa cấp 1	6	6	6	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số CTĐT chuyên khoa cấp 2	7	7	7	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số chuyên đề đào tạo liên tục (số chuyên đề)	60	60	60	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số chuyên đề/CTĐT ngắn hạn cho sinh viên quốc tế	6	6	8	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số chuyên đề/CTĐT cho nhu cầu xã hội ngoài yêu cầu quản lý NN	15	15	34	Phù hợp theo yêu cầu ngành
	Số chuyên đề/CTĐT qua mạng	8	8	17	Phù hợp theo yêu cầu ngành
1.3	Kiểm định chất lượng				
	Số CTĐT được kiểm định quốc gia	7	18	45	Theo yêu cầu của Bộ

STT	Nội dung	CLĐT 2021-2025	Chiến lược phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045		
			2025	2030	Định hướng đến 2045
	Số CTĐT được kiểm định quốc tế	7	9	15	Theo yêu cầu của Bộ
	Tỷ lệ các CTĐT liên quan trực tiếp đến công nghệ 4.0 (*)		15	17	Theo yêu cầu của ĐH ĐMST

Sau khi ban hành, việc công bố, phổ biến kế hoạch phát triển chung, các kế hoạch chiến lược trung hạn và ngắn hạn để các bên liên quan biết và thực hiện được Nhà trường quan tâm thực hiện. Hình thức phổ biến kế hoạch chiến lược được thực hiện thông qua các hình thức như: ĐU quán triệt tại các cuộc họp của ĐU, Đại hội Đảng bộ, tại các buổi sinh hoạt chi bộ; BGH thông báo tại các cuộc họp cán bộ chủ chốt, các cuộc họp của BGH với các bộ môn, phòng ban, tại các hội nghị cán bộ viên chức, qua các công văn được gửi đến các đơn vị, các báo cáo công tác hàng tháng, hàng năm,... [TC.04.02.05], [TC.04.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD

Để thực hiện mục tiêu kế hoạch chiến lược đã đề ra, Nhà trường xây dựng các chỉ số thực hiện cụ thể cho từng hoạt động (hoạt động đào tạo, nhân lực, tài chính, KHCN, HTQT & trong nước và PVCD [TC.04.03.01], [TC.04.03.02].

- Về đào tạo: đánh giá dựa trên các chỉ tiêu quy mô tuyển sinh hệ đại học, hệ SDH, tỷ lệ cao học, nghiên cứu sinh/tổng người học (%) , số CTĐT (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên khoa...); số chuyên đề đào tạo liên tục (số chuyên đề), số chuyên đề/CTĐT ngắn hạn cho sinh viên quốc tế [TC.04.03.02], [TC.04.03.03].

- Về KHCN: số đề tài cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp tỉnh/thành phố, số lượng hội thảo khoa học tổ chức và tham gia, số lượng hợp đồng dịch vụ và nghiên cứu phát triển, số lượng công bố trên các tạp chí ISI/Scopus, tạp chí quốc gia, số sáng chế hay đăng ký bảo hộ quyền SHTT,... [TC.04.03.02], [TC.04.03.04].

- Về ĐBCL: số viên chức được tập huấn về ĐBCL, các chỉ tiêu về mức độ hài lòng của các bên liên quan, số CTĐT đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của AUN-QA, số chỉ số ĐBCL đạt tiêu chuẩn trường đại học nghiên cứu,... [TC.04.03.02], [TC.04.03.05], [TC.04.03.06].

- Về công tác tài chính: tỷ lệ tổng nguồn thu hợp pháp khác ngoài NSNN trên tổng thu, tỷ lệ nguồn thu từ hoạt động KHCN trên tổng nguồn thu, thời điểm tự chủ chi

thường xuyên, tỷ lệ cho cán bộ trên tổng chi thường xuyên hàng năm... [TC.04.03.02], [TC.04.03.07].

- Về nhân lực: các chỉ tiêu về tổng số nhân lực, tỷ lệ giảng viên/người học, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, tỷ lệ giảng viên có chức danh GS, PGS, số viên chức được đào tạo kỹ năng mềm, số VCQL cấp trung được đào tạo kiến thức và kỹ năng quản trị,...[TC.04.03.02], [TC.04.03.08], [TC.04.03.09], [TC.04.03.10].

- Về HTQT: số chương trình bằng kép, chương trình liên kết, số CTĐT ngắn hạn cho SV quốc tế, số lượt GV của HUP tham gia giảng dạy tại các trường đối tác, số giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy tại HUP, số kinh phí từ các nghiên cứu quốc tế, số lượng sinh viên trao đổi... [TC.04.03.02], [TC.04.03.11].

Các chỉ số này được rà soát theo năm (báo cáo công tác thực hiện của đào tạo, KHCN, công tác ĐBCL, công tác tài chính, công tác nhân lực, công tác HTQT) nhằm kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, điều chỉnh kịp thời những tồn tại, bổ sung những chỉ số mới (nếu có) để đảm bảo mục tiêu của chiến lược không đi chệch hướng [TC.04.03.03], [TC.04.03.05], [TC.04.03.06] [TC.04.03.09], [TC.04.03.11], [TC.04.03.12], [TC.04.03.13],.

Đối với từng cá nhân, đơn vị thực hiện nhiệm vụ công tác hàng năm gồm công tác hành chính đối với viên chức hành chính, công tác giảng dạy đối với giảng viên, NCKH, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ ... với những chỉ số rõ ràng (giảng dạy và NCKH bao nhiêu tiết/năm, công tác khác ...). Định kỳ hàng năm vào cuối năm học, từng cá nhân thực hiện tổng kết công tác và họp xét thi đua để đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch công tác tại đơn vị [TC.04.03.03].

Phòng TC-HC là đơn vị đầu mối thực hiện việc tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch công tác năm của đơn vị. Trước khi có các cuộc họp sơ kết, tổng kết kế hoạch nhiệm vụ, phòng TC-HC thông báo tới các đơn vị trong Trường tập hợp số liệu liên quan từ các cá nhân theo từng lĩnh vực. Căn cứ báo cáo kết quả tại các cuộc họp tổng kết công tác năm của các đơn vị gửi về, Phòng TC-HC lập bảng tổng hợp những nhiệm vụ hoàn thành, những nhiệm vụ chưa hoàn thành của các đơn vị, xây dựng báo cáo tổng kết công tác năm của Nhà trường, chỉ rõ những kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục, xây dựng kế hoạch trong giai đoạn tiếp theo [TC.04.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD

Mục tiêu phát triển Nhà trường là “Đến năm 2030, HUP là đại học đa ngành trong lĩnh vực Dược, định hướng nghiên cứu kết hợp với thực hành nghề nghiệp, bước đầu là đại học ĐMST; là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học, nuôi dưỡng và hỗ trợ khởi nghiệp có uy tín, cung cấp cho người học môi trường giáo dục và NCKH tốt nhất, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu. Đến năm 2045, Trường là đại học ĐMST” **[TC.04.04.01]**. Vì vậy, định kỳ sau mỗi năm học, mỗi giai đoạn phát triển của Nhà trường, Trường đều yêu cầu các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công việc của đơn vị. Các báo cáo của các đơn vị cũng đánh giá các hoạt động, phân tích đánh giá các ưu điểm, tồn tại, hạn chế để xây dựng kế hoạch hành động, giải pháp thực hiện nhiệm vụ Nhà trường giao trong năm học, đề xuất các hướng phát triển mới để bổ sung cho kế hoạch chung của Nhà trường, đảm bảo bám sát mục tiêu phát triển của Trường, của kế hoạch phát triển chung và các chiến lược thành phần **[TC.04.04.02], [TC.04.04.03], [TC.04.04.04], [TC.04.04.05]**.

Dựa trên các báo cáo này Nhà trường tổ chức tiến hành rà soát đánh giá chung những nhiệm vụ đã đạt được, nhiệm vụ chưa hoàn thành hay chưa thực hiện được **[TC.04.04.05]**. Từ đó lập kế hoạch hoạt động giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với thực tế và cải tiến những nhiệm vụ, hoạt động không còn phù hợp với sự phát triển của Nhà trường **[TC.04.04.04], [TC.04.04.05], [TC.04.04.06], [TC.04.04.07], [TC.04.04.02] [TC.04.04.08], [TC.04.04.09]**.

Kế hoạch chiến lược phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045 được đánh giá giữa kì và điều chỉnh bắt đầu từ năm 2021 **[TC.04.04.10]**. Lấy năm 2021 là mốc tham chiếu chuẩn, từ đó Trường đưa ra những đánh giá về kết quả đạt được và những mục tiêu phấn đấu chính cho giai đoạn tiếp theo 2021-2025, cụ thể là: quy mô tuyển sinh hàng năm; số lượng SVTN; số lượng nhân sự (VC-NLĐ); Ngân sách hàng năm; Số lượng CTĐT mở mới...

Việc cải tiến chính của Nhà trường theo hướng điều chỉnh sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển, đảm bảo và tăng chất lượng đào tạo, chất lượng công tác tuyển sinh, chất lượng NCKH, nâng cao chất lượng CTĐT, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng viên chức, nâng cao đời sống viên chức, khuyến khích các hoạt động giúp phát triển Nhà trường,...

- Tính linh hoạt, thích ứng với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của các chỉ tiêu được thể hiện ở việc Quy chế chỉ tiêu nội bộ được điều chỉnh từng năm [TC.04.04.11].

- Sự phân bổ các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu chiến lược được xem xét và phân bổ thích hợp trong từng giai đoạn của Kế hoạch tài chính giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch tài chính năm 2021-2022 [TC.04.04.02], [TC.04.04.12].

- Về đào tạo: Trường đã tiến hành các điều chỉnh trong hoạch định chiến lược: xây dựng CTĐT chất lượng cao theo hướng xã hội hóa (01 chương trình), tận dụng thế mạnh sẵn có về CSVC để đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, xây dựng mới 03 CTĐT (hóa dược, hóa học, công nghệ sinh học) [TC.04.04.06], [TC.04.04.12], [TC.04.04.07], [TC.04.04.08].

- Về KHCN: tập trung xây dựng kế hoạch chiến lược theo hướng tổ chức nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trung tâm ... Nhà trường có chính sách đãi ngộ cho việc NCKH và công bố quốc tế (tính giờ NCKH cao hơn cho các bài báo công bố quốc tế, thực hiện chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp trường (mức hỗ trợ cao hơn 5 lần so với các đề tài cấp trường khác) có kết quả là các bài báo được đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI, có IF>5 [TC.04.04.06], [TC.04.04.12].

- Về công tác quản lý và công tác nhân sự: Nhà trường chú trọng đổi mới công tác quản lý theo hướng tăng cường tính tự chủ, thực hiện quản lý công việc theo kế hoạch, đánh giá công việc theo chỉ số KPI (đã áp dụng đánh giá hiệu quả công việc qua chỉ số KPI cho hệ thống phòng/ban, bước đầu triển khai xây dựng bộ tiêu chí KPI áp dụng cho giảng viên). Nhà trường hiện đại hóa công tác văn phòng, áp dụng hiệu quả CNTT trong nhiều hoạt động của Nhà trường [TC.04.04.06], [TC.04.04.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Tất cả các bên liên quan đều tham gia vào xây dựng, thực hiện và báo cáo giám sát các kế hoạch chiến lược của Nhà trường.

- Các mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu, kế hoạch nhiệm vụ chiến lược phát triển chung và các chiến lược trọng tâm phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, giá trị cốt lõi của HUP.

- Việc lập kế hoạch chiến lược được thực hiện trong mỗi giai đoạn 5 năm, tầm nhìn 10-15 năm. Các kế hoạch trung hạn được cụ thể hóa trong kế hoạch hoạt động hàng năm của các bên liên quan.

- Đã xây dựng được Quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược và Quy trình xây dựng, triển khai theo dõi việc thực hiện kế hoạch.

- Các kế hoạch chiến lược phát triển chung, chiến lược trung hạn và ngắn hạn của Trường đã bao gồm tất cả các mặt hoạt động của Nhà trường.

- Có sự phân bổ rõ ràng trách nhiệm cho từng mặt hoạt động cụ thể trong kế hoạch chiến lược các hoạt động của Trường.

- Các kế hoạch chiến lược được Nhà trường ban hành đã kết nối được giữa chiến lược với các hoạt động, định hướng được cho sự phát triển và thành công của HUP.

- Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong Kế hoạch phát triển chung và kế hoạch chiến lược thành phần được xây dựng theo mục tiêu chiến lược của Nhà trường, vì vậy mỗi đơn vị, cá nhân trong Nhà trường đều có thể hiểu và vận dụng để hướng tới sự phát triển chung của Trường.

- Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong Kế hoạch chiến lược thành phần rõ ràng, cụ thể, đo lường được và có tính khả thi.

- Nhà trường đã thực hiện lập kế hoạch hoạt động hàng năm và thực hiện tổng kết báo cáo các nhiệm vụ hoàn thành để từ đó điều chỉnh kế hoạch tiếp theo phù hợp với từng giai đoạn phát triển, phù hợp với triết lý giáo dục, với mục tiêu phát triển dài hạn của HUP.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Phòng TC-HC là đơn vị đầu mối nhưng chưa có cán bộ theo dõi về xây dựng, triển khai và giám sát các kế hoạch chiến lược chung, kế hoạch chiến lược cụ thể của các đơn vị.

- Còn thiếu phương pháp phù hợp để theo dõi các mặt hoạt động một cách có hệ thống phục vụ cho việc cải tiến quy trình lập kế hoạch chiến lược.

- Còn thiếu các tiêu chí xác định cho việc khi nào cần thay đổi chiến lược.

- Chưa xác định trọng số cho các chỉ số thực hiện được của từng lĩnh vực trong mục tiêu chung của chiến lược tổng thể phát triển của Nhà trường.

- Công tác truyền thông để các đơn vị thấy được tầm quan trọng của việc thực hiện các chỉ số đã xác định trong các kế hoạch thực hiện và báo cáo công việc của từng bộ môn/phòng ban còn hạn chế.

- Còn thiếu hệ thống rà soát nhằm thu thập ý kiến phản hồi để xác định mục đích, mục tiêu trong quá trình thực hiện có khả thi không; kết quả rà soát này phục vụ cho chu kỳ lập chiến lược và kế hoạch chiến lược tiếp theo.

- Từ giai đoạn 2021-2025 kế hoạch phát triển chung và các kế hoạch chiến lược riêng lẻ cho từng lĩnh vực (đào tạo, khoa học CN, nhân sự, tài chính, ĐBCL, kết nối và

hoạt động cộng đồng) được ban hành, các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xây dựng còn chưa bao phủ được hết các lĩnh vực hoạt động của trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Phát huy điểm mạnh 1	Xây dựng bản khảo sát mẫu lấy ý kiến về việc xây dựng, giám sát và thực hiện các kế hoạch chiến lược .	Phòng TC-HC	Từ học năm học 2022-2023	
	Phát huy điểm mạnh 2	Xây dựng bản đối sánh về mức độ tương thích giữa mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu thực hiện với mục tiêu, sứ mạng, giá trị cốt lõi của HUP.	Phòng TC-HC, Phòng QLĐT Phòng ĐBCL&KT, Phòng QLKH, Phòng TCKT	Từ học năm học 2022-2023	
	Phát huy điểm mạnh 3	Đưa nội dung lập kế hoạch chiến lược và kế hoạch hoạt động trung hạn/hàng năm vào trong các báo cáo tổng kết hoạt động của Nhà trường, ĐU, các đơn vị.	Phòng TC-HC, Các đơn vị	Từ học năm học 2022-2023	
	Phát huy điểm mạnh 4	Đưa nội dung lập kế hoạch chiến lược và kế hoạch hoạt động trung hạn/hàng năm vào trong các báo cáo xây dựng kế	Phòng TC-HC, Các đơn vị	Từ học năm học 2022-2023	

		hoạch hoạt động của Nhà trường, ĐU, các đơn vị.			
	Phát huy điểm mạnh 5	Xây dựng bản đối sánh chiến lược, chỉ tiêu thực hiện với kế hoạch thực hiện và báo cáo tổng kết của từng đơn vị, của Nhà trường nói chung	Phòng TC-HC, Các đơn vị	Từ học năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 1	Phân công cán bộ theo dõi về xây dựng, triển khai và giám sát các kế hoạch chiến lược chung và kế hoạch chiến lược cụ thể; giám sát, đánh giá và báo cáo kịp thời các chỉ số thực hiện được	Phòng TC-HC	Từ học năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng phương pháp giám sát đối các mặt hoạt động một cách có hệ thống ngay từ khi xây dựng chiến lược	Phòng TC-HC,	Từ học năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng các chỉ số để đưa ra các tiêu chuẩn xác định khi nào cần thay đổi chiến lược	Phòng TC-HC, Phòng ĐBCL&KT	Từ học năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng quy định về thu thập ý kiến	Phòng TC-HC, Phòng	Từ học năm học 2022-2023	

		phản hồi để xác định mục đích, mục tiêu trong quá trình thực hiện có khả thi không (giai đoạn hàng năm, kỳ đánh giá giai đoạn 3 năm,...)	ĐBCL&KT		
	Khắc phục tồn tại 5	Xác định trọng số cho các chỉ số thực hiện được của từng lĩnh vực trong mục tiêu chung của chiến lược tổng thể phát triển của Nhà trường	Phòng TC-HC, Phòng ĐBCL&KT	Từ học năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 6	Truyền thông rộng rãi trong toàn trường về các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính và đưa vào nội dung của các báo cáo kế hoạch hoạt động và báo cáo kết quả hoạt động của các đơn vị	Phòng TC-HC, Các đơn vị	Từ học năm học 2022-2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	5
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Chiến lược phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định “Xây dựng HUP thành trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực (trong lĩnh vực dược) theo định hướng đại học nghiên cứu kết hợp thực hành nghề nghiệp (2025-2030), thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về dược của cả nước, định hướng đại học ĐMST (2030) và trở thành đại học ĐMST vào 2045” là định hướng phát triển phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục và Giá trị cốt lõi của Trường [TC.05.01.01].

Để thực hiện chiến lược này, HĐT đã xây dựng Quy chế Tổ chức và hoạt động của HUP ‘quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ giữa các đơn vị, cá nhân thuộc trường’ [TC.05.01.02]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong trường, trong đó nêu rõ nhiệm vụ chức năng của 3 phòng: QLĐT (trước đây là phòng Đào tạo và phòng SDH), KHCN và HTPT (trước đây là phòng QLKH và phòng HTQT) và phòng Tổ chức- Hành chính là các đơn vị đầu mối xây dựng chính sách đào tạo, phát triển KHCN, KN&PVCĐ của Nhà trường. [TC.05.01.03].

Để triển khai xây dựng được các chính sách trên, Nhà trường tổ chức tập huấn cho VCQL cấp trung về Quản trị trường đại học, hướng dẫn cho các đơn vị đầu mối xây dựng chính sách, chiến lược phát triển của Trường, gồm Chiến lược đào tạo, KHCN, Nhân sự, Tài chính và Hoạt động KN&PVCĐ [TC.05.01.04].

Sau khi HĐT ban hành Chiến lược phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Nhà trường thành lập ban tư vấn và tổ soạn thảo năm chiến lược thành phần, trong đó xây dựng chính sách về đào tạo, KHCN và PVCĐ là 3 hoạt động cốt lõi của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

- *Chính sách về đào tạo:* Nhà trường xác định “Đào tạo nhân lực đủ về số lượng, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có đủ năng lực hội nhập quốc tế” [TC.05.01.05].

Để triển khai chính sách về đào tạo, Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng QLĐT là đầu mối xây dựng chính sách tuyển sinh, chính sách học bổng để thu hút được nguồn nhân lực đủ về số lượng và có chất lượng. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng đề án đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao (từ năm 2022 Nhà trường mở CTĐT chất lượng cao ngành Dược học, trình độ đại học); mở thêm mã ngành mới nhằm đa dạng hóa hoạt động đào tạo như 03 mã ngành: Cử nhân Hóa dược (từ năm 2020), Cử nhân hóa học (2022), Cử nhân Công nghệ sinh học (2022), mở rộng quy mô và đối tượng tuyển sinh.

- *Chính sách về KHCN*: Nhà trường xác định “NCKH và phát triển công nghệ là mục tiêu là động lực cho sự phát triển của HUP. Khoa học và công nghệ đóng vai trò chủ đạo để nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút các nguồn lực, tạo nên thương hiệu của Trường” [TC.05.01.06].

Để triển khai chính sách phát triển KHCN, phòng KHCN-HTPT xây dựng chương trình phát triển KHCN đầu tư cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, hỗ trợ các giảng viên, nghiên cứu viên công bố quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên và học viên của Trường; hình thành cơ chế đặc biệt cho các nhóm nghiên cứu mạnh nhằm tăng công bố quốc tế, CGCN, thương mại hóa kết quả nghiên cứu [TC.05.01.07]; xây dựng quy chế thi đua, khen thưởng, đặc biệt đối với cán bộ, viên chức có thành tích xuất sắc trong NCKH.

- *Chính sách về KN&PVCD*: Quan điểm của Nhà trường về hoạt động KN&PVCD là lấy triết lý giáo dục ‘đào tạo, nghiên cứu có chất lượng gắn liền với thực tiễn, lấy sáng tạo và PVCD làm định hướng hành động’. Do vậy, chính sách về kết nối và phục cộng đồng của Nhà trường là gắn kết đào tạo và NCKH với cộng đồng; các hoạt động của Nhà trường đều hướng tới và vì sự phát triển của cộng đồng và tổ chức các hoạt động tình nguyện [TC.05.01.08].

Để triển khai chính sách về KN&PVCD, các đơn vị đầu mối được phân công nhiệm vụ như sau [TC.05.01.09]:

- Phòng QLĐT (gồm các phòng Đào tạo, phòng SDH) thực hiện các hoạt động học tập gắn kết với cộng đồng: hợp tác, xây dựng và tổ chức các CTĐT, CTĐT theo nhu cầu xã hội nhằm mục đích nâng cao năng lực học tập suốt đời cho người học trong và ngoài trường.

- Phòng KHCN thực hiện các hoạt động NCKH gắn kết với cộng đồng: hợp tác và chuyển giao tri thức trong lĩnh vực Dược và các ngành khác có liên quan nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng, cơ hội phát triển nghề nghiệp của giảng viên và năng lực NCKH của sinh viên.

- Phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện các hoạt động hướng tới và vì sự phát triển của cộng đồng: tham gia xây dựng, góp ý, thẩm định các văn bản pháp quy của Nhà nước, thẩm định các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Dược và Khoa học sức khỏe.

- Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức thực hiện các hoạt động tình nguyện; phòng ĐBCL & Khảo thí đo lường đánh giá hoạt động KN&PVCD.

Trong quá trình soạn thảo các chính sách đào tạo, phát triển KHCN và PVCD, các bản dự thảo chính sách được gửi đến các đơn vị chức năng và các bộ môn trong

trường để lấy ý kiến đóng góp và phản hồi từ cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường [TC.05.01.10]. Các đơn vị chức năng, bộ môn tổ chức các cuộc họp chuyên đề để đóng góp ý kiến và gửi về Ban soạn thảo chính sách [TC.05.01.11]. Các văn bản được đơn vị đầu mối xây dựng và hoàn thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan, được BGH phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện.

Để triển khai và cụ thể hóa các chính sách trên, Nhà trường đã phê duyệt và ban hành các văn bản quản lý về đào tạo, KHCN, KN&PVCĐ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

Trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường, phòng QLĐT, phòng KHCN - HTPT, phòng Tổ chức - Hành chính là đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN, KN&PVCĐ trong Nhà trường [TC.05.02.01]. Từ năm 2020, Nhà trường chỉ đạo xây dựng và triển khai áp dụng Bộ chỉ tiêu KPI khối phòng/ban [TC.05.02.02], thành lập Ban chỉ đạo thực hiện KPI [TC.05.02.03] nhằm quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của các đơn vị khối phòng/ ban chức năng trong quá trình triển khai, giám sát và đánh giá các hoạt động đào tạo, KHCN và PVCĐ. Định kỳ hàng tháng, các phòng chức năng có nhiệm vụ báo cáo kết quả thực hiện theo chỉ tiêu KPI về Ban chỉ đạo.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các phòng chức năng xây dựng kế hoạch hoạt động, các quy định, quy trình nhằm giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCĐ do đơn vị mình phụ trách. Cụ thể:

Về hoạt động đào tạo: Phòng QLĐT cùng với phòng ĐBCL và Khảo thí, chịu trách nhiệm giám sát hoạt động dạy học, giờ lên lớp của giảng viên, giám sát việc giảng dạy của giảng viên; lập kế hoạch đào tạo, gửi văn bản thông báo và theo dõi kế hoạch kiểm tra đánh giá, tổ chức thi kết thúc môn học, thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp, chấm bài, công bố kết quả thi [TC.05.02.04], [TC.05.02.05], [TC.05.02.06]. Song song với các hoạt động giám sát trên, phòng QLĐT lập kế hoạch, thông báo rà soát CTĐT hàng năm phù hợp với chuẩn năng lực và nhu cầu đào tạo và ban hành CTĐT [TC.05.02.07]. Việc thanh tra tuyển sinh và nhập học được thực hiện theo Hướng dẫn thanh tra/kiểm tra công tác tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo [TC.05.02.08].

- *Về hoạt động KHCN:* Phòng KHCN-HTPT thực hiện nhiệm vụ giám sát chung hoạt động KHCN của Trường thông qua việc quản lý hoạt động KHCN. Phòng đã xây dựng các quy định, quy trình, hướng dẫn thực hiện đề tài KHCN như: Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường [TC.05.02.09]; Quy trình đăng ký, thẩm định, thực hiện và

nghiệm thu đề tài KHCN cấp Trường [TC.05.02.10]; Hướng dẫn triển khai đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương [TC.05.02.11] nhằm giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN các cấp do Trường là cơ quan chủ trì thực hiện. Song song với quản lý hoạt động KHCN, Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế quản trị tài sản trí tuệ nhằm giám sát việc thực thi và bảo vệ quyền SHTT cũng như ghi nhận tài sản trí tuệ của Trường, đồng thời hướng dẫn giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký bảo hộ kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật [TC.05.02.12].

- Về hoạt động PVCD: Nhà trường đã ban hành Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCD [TC.05.02.13] trong đó có hướng dẫn về việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động KN&PVCD do các đơn vị thực hiện. Phòng Tổ chức - Hành chính là đầu mối xây dựng kế hoạch đồng thời thực hiện báo cáo tổng hợp, đánh giá kết quả hoạt động kết nối và phục vụ công đồng của Nhà trường [TC.05.02.14], [TC.05.02.15].

Trong các hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị viên chức NLĐ hàng năm, Hội nghị giao ban khối phòng ban, lãnh đạo Nhà trường đã phổ biến việc theo dõi, giám sát các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD đến toàn thể VC-NLĐ thông qua báo cáo của các phòng chức năng [TC.05.02.16], [TC.05.02.17]. Việc triển khai thực hiện giám sát các chính sách còn được thể hiện trong báo cáo chính trị của ĐU Trường [TC.05.02.18], Báo cáo kết quả hoạt động của HĐT [TC.05.02.19] và Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng năm học tới [TC.05.02.20].

Trong thời gian hoạt động, tất cả các văn bản quy định theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD đều được phổ biến, công khai trên website Nhà trường, gửi email nội bộ đến các đơn vị [TC.05.02.21]. Giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD của Trường được thực hiện thông qua quá trình tự giám sát. Các phòng chức năng có báo cáo tiến độ các công việc thực hiện, đưa ra những vướng mắc cần giải quyết xin ý kiến chỉ đạo, lấy ý kiến các bên liên quan và tổng kết việc triển khai thực hiện các chính sách đó. Kết quả việc giám sát của các đơn vị xây dựng và triển khai các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD được thể hiện thông qua báo cáo tổng kết năm học [TC.05.02.19], công khai kết quả giám sát đến VC-NLĐ qua báo cáo tại hội nghị VC-NLĐ hàng năm [TC.05.02.17].

Như vậy, thông qua hệ thống văn bản, các quy trình nghiệp vụ, các cuộc họp, kế hoạch công việc... các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD của Nhà trường được phổ biến, thực hiện và giám sát chặt chẽ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát thường xuyên.

Chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 [TC.05.03.01] của HUP đã đưa ra giải pháp “Duy trì và tăng cường công tác thanh tra, giám sát trong mọi lĩnh vực công tác của Nhà trường”. Nghị quyết về việc ban hành chính sách ĐBCLGD của HUP ban hành theo Quyết định số 02/NQ-HĐTDHN ngày 27/11/2020 [TC.05.03.02] cũng nêu rõ “Thường xuyên đánh giá, xem xét và liên tục cải tiến chất lượng, vận hành hệ thống ĐBCL hiệu quả trên cơ sở quản trị hệ thống nhằm tối ưu hóa các nguồn lực để đạt mục tiêu: Chất lượng-Hiệu quả”.

Để thực hiện công tác ĐBCLGD, định kỳ các giai đoạn 5 năm và định kỳ hàng năm Nhà trường xây dựng và thực hiện Kế hoạch ĐBCLGD [TC.05.03.03] trong đó có kế hoạch định kỳ rà soát điều chỉnh các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCĐ do các đơn vị chức năng thực hiện theo từng năm học. Đồng thời, Nhà trường cũng đã ban hành chiến lược ĐBCL, chiến lược phát triển Trường và các chiến lược thành phần đảm bảo việc thực hiện và rà soát các chính sách được diễn ra định kỳ và được cập nhật kịp thời. Chiến lược ĐBCL của HUP, giai đoạn 2021-2025 [TC.05.03.04] ban hành theo quyết định số 296/QĐ-DHN ngày 29 tháng 4 năm 2021 với chính sách ĐBCL “Thường xuyên đánh giá, xem xét và liên tục cải tiến chất lượng, vận hành hệ thống ĐBCL hiệu quả trên cơ sở quản trị hệ thống nhằm tối ưu hóa các nguồn lực để đạt mục tiêu Chất lượng-Hiệu quả”. Chiến lược Đào tạo của HUP, giai đoạn 2021-2025 [TC.05.03.05] quy định hàng năm các đơn vị tổ chức thực hiện việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chiến lược và kế hoạch đào tạo vào cuối năm học, đồng thời xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo phù hợp với mục tiêu chiến lược đào tạo của Trường. Chiến lược Khoa học và Công nghệ của HUP giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.05.03.06] đề ra chỉ tiêu KHCN của trường đại học định hướng nghiên cứu và các giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện được mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Chiến lược hoạt động KN&PVCĐ của HUP, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.05.03.07] quy định định kỳ vào đầu năm học Phòng Tổ chức - Hành chính chịu trách nhiệm tổng hợp các kế hoạch của các đơn vị và xây dựng kế hoạch hoạt động KN&PVCĐ của Trường; định kỳ vào cuối năm học Phòng tổng hợp báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các chính sách PVCĐ.

Nhà trường thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCĐ theo định kỳ hàng năm: Chủ tịch HĐT báo cáo về công tác giám sát thông qua hoạt động của các ban chuyên trách của HĐT qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐT [TC.05.03.08]; BGH báo cáo việc triển khai thực hiện giám sát các hoạt động qua Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng năm học tới [TC.05.03.09]. Đồng thời, trong các buổi giao ban được tổ chức định kỳ hàng quý, lãnh

đạo các đơn vị chức năng báo cáo kết quả triển khai và việc giám sát các chính sách thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình: Phòng QLĐT báo cáo về kết quả và việc giám sát các chính sách đào tạo thông qua Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược và kế hoạch đào tạo của Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [TC.05.03.10]; Hợp giao ban đào tạo từng học kỳ [TC.05.03.11] và Hợp hội đồng Khoa học & Đào tạo về vấn đề đào tạo [TC.05.03.12]; Phòng KHCN-HTPT thực hiện báo cáo về kết quả giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách KHCN trong Hội nghị viên chức NLĐ tổ chức hàng năm. [TC.05.03.13]; Phòng ĐBCL&KT rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch KN&PVCĐ. Phòng TC-HC tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng [TC.05.03.14]; Các ban thanh tra năm học, thanh tra đào tạo, thanh tra thi báo cáo về công tác thanh tra giám sát thực hiện kế hoạch, chính sách đào tạo của các đơn vị trong năm học đó [TC.05.03.15]; Các đơn vị chức năng tiến hành rà soát các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCĐ để rút kinh nghiệm, cải tiến, cập nhật chính sách cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Nhà trường tập hợp và xây dựng báo cáo tổng kết năm học gửi Bộ giáo dục và đào tạo đánh giá các hoạt động đào tạo trong năm học qua và phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới, bao gồm việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCĐ [TC.05.03.16]. Các báo cáo cũng đánh giá việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy chế và các thủ tục, quy trình hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo.

Bên cạnh việc rà soát định kỳ các chính sách, Nhà trường cũng đã triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, KHCN và PVCĐ. Kết quả khảo sát được sử dụng để góp ý và đề xuất các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCĐ. Năm 2021 Nhà trường ban hành văn bản Hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT [TC.05.03.17]. Căn cứ vào các yêu cầu của hoạt động ĐBCL, phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch so chuẩn, đối sánh về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, thời gian tiến hành so chuẩn, đối sánh: định kỳ đầu năm học (tháng 8 hàng năm). Việc so chuẩn, đối sánh với các cơ sở đào tạo khác hàng năm là đợt rà soát tổng thể các hoạt động đào tạo, KHCN và PVCĐ của Nhà trường, đánh giá điểm mạnh cũng như những điểm còn tồn tại của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học. Xây dựng các CSDL tham khảo có giá trị để Nhà trường tiến hành các hoạt động cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, KHCN và PVCĐ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Dựa trên kết quả đánh giá thực hiện chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD, Nhà trường thực hiện việc điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả triển khai các hoạt động, đồng thời các chính sách luôn được cập nhật theo đúng chủ trương của các văn bản quản lý Nhà nước hiện hành. Sự điều chỉnh, cải tiến và cập nhật các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD được thể hiện theo từng cụ thể theo từng lĩnh vực hoạt động như sau:

- *Đối với các văn bản QLĐT*: Ngày 15/8/2007 Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT vv Ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”. Sau quá trình nghiên cứu văn bản và chuẩn bị các điều kiện thực hiện chuyển đổi quản lý niên chế sang quản lý tín chỉ, ngày 22/8/2013 Nhà trường ban hành Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ 538/QĐ-DHN [TC.05.04.01]. Sau 04 năm thực hiện giao thời chuyển đổi, dựa vào các kết quả rà soát đánh giá việc thực hiện QLĐT theo tín chỉ, ngày 26/10/2017 Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HUP theo Quyết định số 880/QĐ-DHN [TC.05.04.02] chính thức chuyển từ quản lý niên chế sang quản lý theo tín chỉ. Quy chế đào tạo theo tín chỉ đã thay đổi cách tính điểm từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 và ngoài điểm số còn có điểm chữ. Văn bản này được cập nhật, sửa đổi vào ngày 08/10/2020 [TC.05.04.03] để phù hợp với hoạt động thực tế tại Nhà trường. Thực hiện hướng dẫn của Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, Nhà trường đã tổ chức nghiên cứu văn bản, khảo sát ý kiến các bên liên quan và tổ chức xây dựng, ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của HUP theo Quyết định số 702/QĐ-DHN ngày 16/09/2021 [TC.05.04.04].

- *Đối với hoạt động tuyển sinh đại học hệ chính quy*, hàng năm Nhà trường điều chỉnh chính sách, cách thức tuyển sinh kịp thời để phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [TC.05.04.05]. Năm 2020, Nhà trường xét tuyển thêm phương thức tuyển sinh, xét điểm cộng tiếng Anh và điểm khuyến khích học sinh giỏi cấp tỉnh, tuyển thẳng SAT và ACT. Nhà trường mở mới thêm 1 số ngành đào tạo trình độ đại học: Ngành Hóa dược bắt đầu tuyển sinh năm 2020, các ngành Hóa học và Công nghệ sinh học bắt đầu tuyển sinh năm 2022.

- *Đối với hoạt động tuyển sinh SDH*: Hằng năm, sau khi có đề án tuyển sinh, Trường ban hành Thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ và thạc sĩ các năm [TC.05.04.06].

Trong Thông báo tuyển sinh có đầy đủ các thông tin về các đợt tuyển sinh, các chuyên ngành tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, môn thi tuyển sinh, tiêu chuẩn xét tuyển thẳng/ưu tiên xét tuyển, chính sách ưu tiên, các mốc thời gian thực hiện công tác tuyển sinh, đầu mối liên hệ giải đáp thông tin tuyển sinh, địa điểm tổ chức thi tuyển sinh. Công tác tổ chức thi, các môn thi được giữ ổn định từ năm 2017, đến năm 2021 có điều chỉnh do ảnh hưởng dịch bệnh và do Bộ ra Quy chế tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ mới. Chỉ tiêu tuyển sinh do HUP giao hằng năm, tùy theo thực tế công tác tuyển sinh và năng lực đào tạo của Trường, chỉ tiêu tuyển sinh được điều chỉnh phù hợp. Công tác đăng ký dự thi được điều chỉnh, thay cho việc nộp hồ sơ đăng ký dự thi trực tiếp tại phòng Đào tạo và Phòng SĐH, thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh do Trường xây dựng. Năm 2021, Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ **[TC.05.04.07]**, bổ sung thêm phương thức xét tuyển đào tạo thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ mới ban hành; tổ chức thi ngoại ngữ đầu vào đối với tuyển sinh đào tạo thạc sĩ do các trường ngoại ngữ không tổ chức thi được vì dịch bệnh.

- *Đối với việc Quản lý CTĐT*: Nhà trường đã ban hành Quy định về quy trình xây dựng, rà soát phát triển CTĐT **[TC.05.04.08]**.

- *Hoạt động tốt nghiệp/thực tập cuối khóa* cũng được cải tiến nhằm giúp người học sớm thích nghi được với công việc sau khi ra trường cũng như đáp ứng được với nhiều loại hình tổ chức công việc trong tương lai **[TC.05.04.09]**. Kỳ thi lý thuyết tổng hợp năm học 2018 - 2019 chuyển sang thi trắc nghiệm. Danh sách thuốc thiết yếu tân dược và dược liệu giảng dạy trong học phần Lý thuyết tổng hợp được phân loại dựa trên hệ thống ATC, bao gồm: 56 thuốc thiết yếu tân dược và 40 thuốc thiết yếu có nguồn gốc dược liệu. Nội dung ôn thi giúp người học một lần nữa được tổng hợp lại các kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức mới ở thời điểm hiện tại của các nhóm thuốc cơ bản, thiết yếu nhất theo quy định của Bộ Y tế. Điều này giúp người học khi ra trường có thể tiếp cận luôn với thực tế sản xuất và sử dụng thuốc. Trên thế giới, khi người Dược sỹ hoạt động trong một số lĩnh vực của ngành Dược yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề được cấp trong kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề Quốc gia. Dự kiến trong những năm tới, để ĐBCL Dược sỹ trong lĩnh vực lâm sàng, ở Việt Nam cũng sẽ tổ chức kỳ thi này, dự kiến thi theo hình thức trắc nghiệm. Do đó, chủ trương của Nhà trường tổ chức thi Lý thuyết tổng hợp theo hình thức trắc nghiệm giúp người học được tiếp cận và làm quen với dạng câu hỏi thi sau này **[TC.05.04.10]**. Việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp cũng luôn được cải tiến theo xu hướng tiếp cận với yêu cầu của thị trường lao động. Các đề tài nghiên cứu Khóa luận tốt nghiệp được gắn liền với thực tế yêu cầu của xã hội. Nhà

trường đã ký hết thỏa thuận hợp tác với nhiều cơ sở sử dụng lao động Được. Sinh viên không chỉ tiến hành nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm trong Trường mà còn được làm trực tiếp tại các bệnh viện, viện nghiên cứu, công ty kinh doanh dược phẩm. Trong các phản hồi của người sử dụng lao động có yêu cầu về sử dụng ngoại ngữ của người học. Do vậy, từ năm học 2021-2022, Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện để sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp được bảo vệ đề tài bằng tiếng Anh **[TC.05.04.11]**.

- *Đối với các chính sách phát triển KHCN*: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến sau ĐGN như xây dựng chính sách thưởng cho các tác giả có công trình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín; xây dựng chương trình phát triển KHCN thông qua các hoạt động tăng kinh phí hỗ trợ đề tài KHCN cấp cơ sở **[TC.05.04.12]**. Đồng thời, phòng chức năng xây dựng kế hoạch rà soát và bổ sung mục tiêu dài hạn (10 năm), trung hạn (5 năm) và ngắn hạn (hàng năm) và đề xuất các chỉ tiêu KHCN giai đoạn tiếp theo vào Chiến lược phát triển KHCN của Trường **[TC.05.04.13]**; Xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm vào đầu năm học và đối sánh kết quả thực hiện vào cuối năm **[TC.05.04.14]**; Ban hành chính thức Quy định quản lý hoạt động KHCN và SHTT **[TC.05.04.15]**; Xây dựng chính sách khuyến khích trong hoạt động KHCN: thưởng cho các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế **[TC.05.04.16]**; Hỗ trợ tăng số lượng và chất lượng đề tài trọng điểm và công bố quốc tế **[TC.05.04.17]**. Trong giai đoạn 2020-2022, Nhà trường tiếp tục thực hiện cải tiến công tác QLKH, cụ thể: Xây dựng và ban hành Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường **[TC.05.04.18]** trên cơ sở nâng cấp nội dung của Quy trình đăng ký, thẩm định, thực hiện và nghiệm thu đề tài KHCN cấp trường thực hiện ở giai đoạn 2011-2016; Xây dựng và ban hành Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV nhằm thúc đẩy SV tham gia làm thực nghiệm khoa học, tham gia các đề tài KHCN **[TC.05.04.19]**; Xây dựng và ban hành Quy định về tổ chức hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh và thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh **[TC.05.04.20]**.

- *Đối với chính sách PVCD*: Từ năm 2017 trở về trước, do nhiệm vụ KN&PVCD chưa được thể chế hóa trong các văn bản luật cấp Nhà nước nên các hoạt động KN&PVCD của Nhà trường được tổ chức ở cấp độ các đơn vị, đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV. Ngày 24/12/2021 Nhà trường ban hành Chiến lược hoạt động KN&PVCD của HUP, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 theo Quyết định số 1008/QĐ-DHN **[TC.05.04.21]**. Chiến lược này là cơ sở định hướng cho các hoạt động KN&PVCD của Trường giai đoạn 2021-2025 và là cơ sở để Nhà trường xây dựng một chính sách riêng về hoạt động KN&PVCD, bao gồm chính sách của 4 lĩnh vực: (i) Học tập gắn kết với cộng đồng; (ii) NCKH gắn kết cộng đồng; (iii) Hoạt động hướng tới và vì sự phát triển cộng đồng; (iv) Hoạt động tình nguyện. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã

xây dựng và ban hành Quy định hoạt động KN&PVCD của Trường [TC.05.04.22] và Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCD [TC.05.04.23].

Các chính sách về đào tạo, KHCN và phục vụ cộng đồng đã nhận được sự phản hồi của các bên liên quan thông qua: Hội nghị viên chức và NLĐ hàng năm [TC.05.04.24]; các cuộc họp giao ban khối phòng ban, viện, trung tâm [TC.05.04.25], Hội đồng khoa học và Đào tạo [TC.05.04.27], [TC.05.04.28] các văn bản góp ý; ý kiến phản hồi của các bên liên quan [TC.05.04.29]. Trong các tài liệu này, các bên liên quan đã thể hiện sự hoàn toàn hài lòng đối với các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD của Nhà trường. Các chính sách này tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo của HUP..

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đã thiết lập được hệ thống chỉ đạo - ĐU, HĐT; điều hành - BGH và thực hiện - phòng chức năng trong xây dựng các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD.
- Nhà trường đã triển khai được quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD thông qua các phòng chức năng và hệ thống văn bản hướng dẫn, giám sát sự tuân thủ các chính sách đó.
- Nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD theo định kỳ hàng năm và 5 năm thông qua các phòng chức năng và có những điều chỉnh kịp thời, hiệu quả.
- Đã thực hiện cải tiến các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD kịp thời theo điều chỉnh của cơ quan quản lý Nhà nước và đạt được mục tiêu làm tăng hiệu quả các hoạt động của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nhà trường chưa kịp thời xây dựng kế hoạch dài hạn trong việc triển khai, tập huấn về việc xây dựng các chính sách đào tạo, KHCN và PVCD.
- Nhà trường còn chậm triển khai mạng lưới KN&PVCD như đã xây dựng trong hoạch hoạt động KN&PVCD của Trường giai đoạn 2021-2025.
- Nhà trường có rất nhiều hoạt động hướng đến cộng đồng nhưng việc rà soát các hoạt động PVCD chưa được chú trọng nhiều.
- Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị thụ hưởng chính sách để kịp thời cải tiến.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tổ chức tập huấn xây dựng chính sách cho các đơn vị	Phòng TC-HC	12/2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Thành lập mạng lưới KN&PVCD trong trường	- Phòng TC-HC - Các đơn vị	2022-2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	Thành lập Tổ rà soát các hoạt động PVCD	- Phòng TC-HC - Các đơn vị	12/2022	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị thụ hưởng các hoạt động PVCD	- Phòng ĐBCL&KT - Các đơn vị	2023	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát tầm nhìn, chiến lược kế hoạch phát triển trường để xây dựng các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD	- Phòng QLĐT - Phòng KHCN-HTPT - Phòng TC-HC	2022	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường triển khai các quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD	- Phòng QLĐT - Phòng KHCN-HTPT - Phòng TH-HC - Phòng ĐBCL&KT	Hàng năm	

7	Phát huy điểm mạnh 3	Đẩy mạnh rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD theo định kỳ hàng năm	- Phòng TC-HC - Các đơn vị	2023	
8	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục thực hiện cải tiến các chính sách về đào tạo, KHCN và PVCD	- Phòng chức năng - Các đơn vị	2022-2027	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường xác định việc quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu trọng tâm nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Trong giai đoạn 2016-2020, để định hướng phát triển Nhà trường trong giai đoạn mới, đáp ứng yêu cầu mới về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực Dược có chất lượng cao của ngành Y tế, đáp ứng yêu cầu NCKH và CGCN, phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế (tăng quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội về nhân lực Dược trình độ cao; đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại tiếp cận với trình độ các trường đại học lớn trong khu vực và trên thế giới; từng bước thực hiện cơ chế tự chủ tài chính và hướng đến trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu), dựa trên kết quả sau 5 năm phân đầu thực hiện kế hoạch trong giai đoạn 2010 - 2015, trên cơ sở đánh giá thực trạng về công tác tổ chức, nhân sự của Nhà trường (*mô hình quản lý 2 cấp Trường-bộ môn/phòng ban; đã kiện toàn bộ máy tổ chức của Trường thực hiện mục tiêu Quy hoạch đến năm 2020, thành lập đủ các bộ môn, phòng ban theo quy hoạch; thành lập các đơn vị chuyên môn mới phù hợp, giải thể các đơn vị hoạt động kém hiệu quả; Hoạt động quản lý - điều hành của Nhà trường giai đoạn 2010- 2015 đảm bảo cơ chế đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả; Cơ chế quản lý - điều hành được hoàn thiện hơn giúp cho Nhà trường tăng cường tính tự chủ, hiệu quả trong công*

tác quản lí. Các quy chế, quy định, quy trình quản lí được cụ thể hóa và thực hiện nghiêm túc.), phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và những thay đổi của Nhà trường, của sự nghiệp giáo dục, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch nhân lực HUP giai đoạn 2016 – 2020. Kế hoạch trung hạn này là chương trình triển khai tiếp tục thực hiện “Quy hoạch tổng thể phát triển HUP đến năm 2020” và thực hiện Đề án vị trí việc làm đã được Bộ Y tế phê duyệt tháng 11/2015, phân đầu đạt được các mục tiêu cơ bản, toàn diện của Nhà trường, giúp Nhà trường phát triển ổn định, bền vững **[TC.06.01.01]**. Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển Trường đến 2030 tầm nhìn 2045. Nhà trường xác định xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp với tất cả các đối tượng viên chức của Trường (giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên), trong đó đội ngũ giảng viên giữ vai trò quyết định về chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD của Trường **[TC.06.01.02]**.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá bối cảnh, thực trạng của Trường giai đoạn 2016-2020 (một số kết quả nổi bật như: đã thành lập được HĐT, hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo Quy hoạch; nhân lực có trình độ SDH tăng, giảm tỷ lệ nhân lực có trình độ đại học và dưới đại học, số nhân lực hỗ trợ, phục vụ; số giảng viên có học hàm Giáo sư/Phó Giáo sư tăng 164%, có học vị tiến sĩ tăng 130%; Nhà trường đã có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển giáo dục của Nhà nước (*Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020: đến năm 2020 có 25% giảng viên đại học là tiến sĩ – tỷ lệ này của Nhà trường là 92/180, đạt trên 50%*), xu hướng phát triển trong giai đoạn mới, Nhà trường đã Ban hành Chiến lược phát triển Trường đến 2030 tầm nhìn 2045 **[TC.06.01.02]**. Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường đến 2030 tầm nhìn 2045 Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch phát triển 5 năm của HUP, xây dựng Chiến lược Nhân sự của HUP giai đoạn 2021-2025 **[TC.06.01.03]** và Kế hoạch tổ chức, nhân sự giai đoạn 2021-2025 **[TC.06.01.04]**. Mục tiêu xây dựng phát triển đội ngũ giai đoạn 2021-2025 của Trường cụ thể như sau:

- Về chất lượng: Tiếp tục chuẩn đội ngũ để đáp ứng quá trình hội nhập khu vực trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Thay đổi cơ cấu giảng viên: tăng tỷ lệ tiến sĩ, tăng giảng viên có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; xác lập tỷ lệ hợp lý, hài hòa giữa đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm với đội ngũ giảng viên trẻ, có tiềm năng (*tăng cường đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ; ưu tiên và tăng cường tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ*). Đến năm 2025 tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt khoảng 55-60%; 100% VCQL đương nhiệm và dự bị nguồn quy hoạch đạt tiêu chuẩn theo quy định đối với từng loại chức vụ và từng chức danh nghề nghiệp, được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý; 100% viên chức tuyển dụng đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm; tuyển dụng

nhân lực vừa ĐBCL đội ngũ và đáp ứng nhịp độ tăng quy mô đào tạo đến năm 2025; duy trì tỷ lệ ≤ 15 SV/giảng viên (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) **[TC.06.01.02]**.

- Về số lượng: xác định tỷ lệ giảng viên chiếm $\geq 70\%$ số viên chức. Đề án vị trí việc làm Bộ Y tế phê duyệt đến năm 2020 toàn Trường có 398 giảng viên, VC-NLĐ **[TC.06.01.02]**.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, Nhà trường đã đề ra các nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực ở tất cả các khâu từ đổi mới công tác tư tưởng, tổ chức, quản lý theo hướng quản trị đại học, xây dựng văn hóa chất lượng; hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo định hướng đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống văn bản, chế độ chính sách; phát triển nguồn nhân lực **[TC.06.01.02]**. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch luân chuyển đào tạo bồi dưỡng viên chức quy hoạch chức danh quản lý Trường nhiệm kỳ 2021-2026; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm **[TC.06.01.05]**; kế hoạch tập huấn công tác Quản trị Trường Đại học cho VCQL cấp trung của Trường **[TC.06.01.06]**. Hiện nay, Nhà trường có lực lượng cán bộ khoa học hàng đầu trong lĩnh vực dược, đảm bảo giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, CGCN. Nhà trường đã xác định vị trí việc làm và tháng 11/2015 đã được Bộ Y tế phê duyệt Đề án vị trí việc làm là cơ sở cho tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực của Trường **[TC.06.01.07]**. Để phù hợp với yêu cầu thực tế và các văn bản quy định hiện hành, Nhà trường đã rà soát, xây dựng Đề án xác định Vị trí việc làm theo quy định cho giai đoạn mới **[TC.06.01.08]**.

Hàng năm, Nhà trường gửi văn bản đến các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường đề nghị đơn vị căn cứ nhiệm vụ, quy mô đào tạo, quy hoạch phát triển của đơn vị và Nhà trường, xác định nhu cầu tuyển dụng bổ sung nhân lực cho đơn vị. Căn cứ trên nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị **[TC.06.01.09]**, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức và tổ chức triển khai tuyển dụng theo kế hoạch đã được Bộ Y tế phê duyệt **[TC.06.01.10]**.

Dữ liệu đội ngũ nhân lực của Trường thường xuyên được cập nhật, thống kê, theo dõi đầy đủ, trong đó có cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn... Hiện nay, đội ngũ VC-NLĐ của Trường về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD; đội ngũ giảng viên của Trường đảm bảo tỷ lệ SV/giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Tính đến ngày 31/12/2021, tổng số VC-NLĐ của Trường là 304 người, trong có 06 Giáo sư, 37 Phó Giáo sư, 55 Tiến sĩ và 110 Thạc sĩ **[TC.06.01.11]**, **[TC.06.01.12]**.

Căn cứ trên khuyến nghị của Đoàn ĐGN sau khi kiểm định chất lượng CSGD giai đoạn 2012-2016, các quy định hiện hành (Luật Giáo dục đại học, Nghị định 99/2019/NĐ-CP; các quy chế/quy định của Bộ Y tế, ...), và điều kiện thực tế trong giai đoạn mới, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch thành lập HĐT, kiện toàn các chức danh lãnh đạo của Trường; ĐU, HĐT chỉ đạo công tác tổ chức cán bộ thông qua các nghị quyết: ĐU đã ban hành các nghị quyết về kiện toàn các chức danh ĐU tiếp tục nhiệm kỳ 2015-2020 **[TC.06.01.13]**; nghị quyết kiện toàn chức danh Hiệu trưởng; nghị quyết về Công tác tổ chức nhân sự **[TC.06.01.14]**. Công tác nhân sự được thực hiện theo đúng quy định hiện hành: Bộ trưởng Bộ Y tế đã có quyết định công nhận Chủ tịch HĐT HUP **[TC.06.01.15]**, **[TC.06.01.16]**, Quyết định công nhận/bỏ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng HUP; HĐT đã có nghị quyết Kiện toàn chức danh Phó Hiệu trưởng HUP đối với bà Đinh Thị Thanh Hải và ông Phạm Văn Quyến **[TC.06.01.17]**, **[TC.06.01.18]**, **[TC.06.01.19]**.

Để xây dựng đội ngũ VCQL kế cận có chất lượng, căn cứ Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường, Chiến lược nhân sự giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn về công tác quy hoạch, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tổ chức, nhân sự giai đoạn 2021-2025 **[TC.06.01.04]**, kế hoạch luân chuyển đào tạo bồi dưỡng viên chức quy hoạch chức danh quản lý Trường nhiệm kỳ 2021-2026; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm **[TC.06.01.05]**; xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch VCQL đơn vị thuộc, trực thuộc Trường nhiệm kỳ 2021-2026 **[TC.06.01.20]**, bao gồm: Ban hành Kế hoạch trong đó nêu rõ nguyên tắc, yêu cầu thực hiện quy hoạch, số lượng đưa vào quy hoạch, tiêu chuẩn từng chức danh quy hoạch (bao gồm các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn về chính trị, tiêu chuẩn về chuyên môn), Hướng dẫn thực hiện Quy hoạch (Tập thể lãnh đạo đơn vị là đầu mối thực hiện công tác chuẩn bị, rà soát đề xuất nhân sự đưa vào quy hoạch, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm,...), phân công ĐU viên phụ trách chi bộ, triển khai thực hiện tại các đơn vị, Tập thể lãnh đạo Trường họp thông qua danh sách, ĐU Trường phê duyệt Quy hoạch chức danh VCQL đơn vị thuộc trực thuộc Trường nhiệm kỳ 2021-2026 **[TC.06.01.21]**.

Việc triển khai đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của Trường đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đang thực hiện theo năm, cần có đánh giá cụ thể cho giai đoạn và hàng năm rà soát, đối chiếu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

Con người là nguồn lực quý giá nhất, quyết định sự tồn tại của Nhà trường; công tác tuyển dụng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nhà trường thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo quy định của Luật Viên chức và các văn bản quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên [TC.06.02.01], [TC.06.02.02]. Trường đã xây dựng kế hoạch dài hạn về tuyển dụng trong Chiến lược phát triển Trường đến 2030 tầm nhìn 2045, Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường, Chiến lược Nhân sự của HUP giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch tổ chức, nhân sự giai đoạn 2021-2025 [TC.06.02.03], hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, báo cáo Bộ Y tế phê duyệt để làm căn cứ trước mỗi kỳ tuyển dụng [TC.06.02.04]. Công tác tuyển dụng được Nhà trường tổ chức thực hiện rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước. Thông báo tuyển dụng [TC.06.02.05] được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng: trên báo in; trên Hệ thống quản lý văn bản nội bộ (Intranet) - Mục Quy trình hiện hành <http://intranet.hup.edu.vn/Pages/Cac-quy-trinh-hien-hanh.aspx> [TC.06.02.06]; trên website của Trường, Mục Thông báo chung http://www.hup.edu.vn/cpbdv/phcth/noidung/Lists/ThongBao/View_Detail.aspx?Page=12. Trong đó nêu rõ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển, số lượng cần tuyển, nội dung và hình thức tuyển dụng, thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ, xét tuyển. Nhà trường thực hiện việc báo cáo Bộ Y tế đầy đủ về kết quả tuyển dụng [TC.06.02.07] và thực hiện đánh giá viên chức trong thời gian tập sự theo đúng quy định và được lưu trữ cùng với quyết định tuyển dụng, hợp đồng làm việc trong hồ sơ cá nhân [TC.06.02.08].

Năm 2015, căn cứ vào Luật Giáo dục đại học, Luật Viên chức và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và đã được Bộ Y tế phê duyệt với đầy đủ các tiêu chuẩn, trình độ, năng lực đầy đủ, rõ ràng cho từng vị trí việc làm. Đề án vị trí việc làm là cơ sở cho tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực của Trường. Năm 2021, Nhà trường đã rà soát và xây dựng Đề án vị trí việc làm theo các quy định hiện hành và phù hợp với yêu cầu thực tế của Trường, [TC.06.02.09]. Dựa vào quy hoạch phát triển, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường, chỉ tiêu biên chế được giao và Đề án vị trí việc làm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch nhân lực giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 [TC.06.02.03].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại VCQL theo đúng các văn bản quy định hiện hành và đảm bảo khách quan, công khai. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thực hiện theo chỉ đạo trong các nghị quyết của ĐU, HĐT **[TC.06.02.10]**. Các cán bộ lãnh đạo, quản lý đều đáp ứng tiêu chuẩn cho từng vị trí quản lý theo quy định, các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được ban hành theo đúng thẩm quyền được phân cấp **[TC.06.02.11]**. Từ tháng 10/2020 trở về trước, Nhà trường thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo các quy định, quy trình, thủ tục của Bộ Y tế **[TC.06.02.12]** và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của Trường **[TC.06.02.13]**. Thẩm quyền bổ nhiệm: Bộ Y tế bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý Nhà trường (Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng), Hiệu trưởng bổ nhiệm VCQL các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường (Trưởng/Phó Trưởng bộ môn/phòng/ban...): Bộ trưởng Bộ Y tế đã bổ nhiệm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng **[TC.06.02.11]**; Hiệu trưởng đã bổ nhiệm VCQL đơn vị thuộc và trực thuộc trường, ví dụ: quyết định bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng, Trưởng bộ môn **[TC.06.02.14]**.

Tháng 6/2019, HĐT HUP được thành lập lần đầu theo quy định tại Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Điều lệ trường đại học **[TC.06.02.15]** và Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành quyết định thành lập HĐT **[TC.06.02.16]** và Quyết định phê chuẩn Chủ tịch HĐT HUP **[TC.06.02.11]**. Từ tháng 10/2020 đến nay, HĐT được thành lập lại theo quy định tại Luật Giáo dục đại học **[TC.06.02.15]** và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Nghị định 99/2019/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế **[TC.06.02.17]**. Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành quyết định thành lập HĐT và Quyết định công nhận Chủ tịch HĐT HUP **[TC.06.02.18]**. Ngay sau khi thành lập lại, HĐT HUP đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường **[TC.06.02.19]** thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường được Bộ Y tế ban hành năm 2009 và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường sửa đổi, bổ sung năm 2020 **[TC.06.02.20]** để làm căn cứ cho mọi hoạt động của Trường. Trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường hiện hành quy định rõ thẩm quyền bổ nhiệm của HĐT và Hiệu trưởng: HĐT quyết định và trình Bộ Y tế công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng; việc quyết định các chức danh quản lý khác do Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường quy định. Hiệu trưởng đề xuất HĐT xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của HĐT; thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý khác của Trường theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường. Căn cứ vào các quy định của Nhà nước và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường, Nhà trường đã ban hành Quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng HUP **[TC.06.02.21]**, ban hành Quy định về Tiêu chuẩn, điều

kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức vụ quản lý đơn vị thuộc và trực thuộc Trường [TC.06.02.22] để thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại. Thực hiện các quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, HĐT/Hiệu trưởng đã ban hành nghị quyết/quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo thẩm quyền, ví dụ: HĐT đã ban hành nghị quyết bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng bộ môn [TC.06.02.23] và Hiệu trưởng đã ban hành quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Phó Trưởng bộ môn [TC.06.02.24]. Các quy chế, quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được phổ biến rộng rãi đến từng đơn vị trong Trường qua Hệ thống quản lý văn bản nội bộ (Intranet) - Mục Quy chế, quy định nội bộ <http://intranet.hup.edu.vn/Pages/Quy-che-Quy-trinh.aspx>.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại VCQL đều căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn, năng lực của viên chức, quy hoạch VCQL và tình hình thực tế của Trường, kết quả đánh giá xếp loại viên chức. Căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Trường [TC.06.02.25], [TC.06.02.26], Nhà trường thực hiện đánh giá VCQL theo năm học [TC.06.02.27]. Các VCQL của Trường đều phát huy được năng lực và trách nhiệm trong công việc, các kết quả đánh giá xếp loại viên chức đều được thông báo tới các đơn vị [TC.06.02.28].

Hiện nay, Nhà trường đã thực hiện và hoàn thành bước 1 sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường [TC.06.02.19]; thông qua Đề án xác định vị trí việc làm theo cơ cấu tổ chức sau kiện toàn và các quy định hiện hành [TC.06.02.29] để làm căn cứ tuyển dụng viên chức và kiện toàn đội ngũ VCQL theo đơn vị mới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.

Tiêu chuẩn năng lực của các nhóm CB, GV, nhân viên được Trường xác định là yếu tố quan trọng để Nhà trường lựa chọn và xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, giỏi về chuyên môn và có phẩm chất đạo đức tốt.

Việc xây dựng Đề án VTVL với khung năng lực và tiêu chuẩn của từng VTVL cụ thể (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của mỗi VTVL là rất cần thiết để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Trường và mỗi đơn vị, đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực [TC.06.03.01]. Căn cứ tiêu chuẩn năng lực của các chức danh nghề nghiệp, Trường đã xây dựng Đề án VTVL với danh mục gồm nhiều VTVL khác nhau [TC.06.03.01]; [TC.06.03.02].

Trên cơ sở thông kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường, Trường phân thành 4 nhóm công việc như sau: Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý; Nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong trường đại học; Nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ. Trong mỗi nhóm công việc đều có các vị trí, các vị trí đều được mô tả công việc, khối lượng công việc của từng vị trí và đưa ra tiêu chuẩn năng lực cụ thể [TC.06.03.01].

Đối với nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, năng lực tổ chức, lãnh đạo, quản lý, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ VC trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng tư duy chiến lược, hoạch định chính sách và ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích và dự báo; kỹ năng quản lý, điều hành; Kỹ năng giảng dạy, giao tiếp công vụ và giải quyết vấn đề. Tùy từng vị trí quản lý là các khoa/đơn vị chuyên môn hay các phòng ban chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý, một số trường đơn vị phải có học vị TS, ví dụ như Trưởng các khoa/đơn vị chuyên môn, Trưởng phòng QLĐT, Trưởng phòng KHCN-HTPT, ...[TC.06.03.03]. Các vị trí quản lý cấp cao như Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có các yêu cầu về số năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực giáo dục [TC.06.03.04].

Căn cứ vào các văn bản pháp luật hiện hành, Chiến lược phát triển Trường, Đề án VTVL của Trường và nhu cầu các đơn vị, Nhà trường tiến hành việc tuyển dụng VC. Xác định chất lượng đội ngũ nhân sự đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm, trong kế hoạch và thông báo tuyển dụng, Nhà trường có nêu rõ các quy định cụ thể điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức, quy trình và các bước thực hiện trong tuyển dụng, nhận việc và ký hợp đồng làm việc. Nhà trường đặc biệt chú trọng ưu tiên tuyển dụng người có học hàm, học vị, người tốt nghiệp từ nước ngoài về tham gia giảng dạy tại Trường [TC.06.03.04], [TC.06.03.05].

Bảng 6.3.1. Chỉ tiêu, tiêu chuẩn xét tuyển viên chức năm 2019

STT	Tên vị trí việc làm cần tuyển	SL tuyển dụng	Điều kiện, tiêu chuẩn cơ bản (Văn bằng, chứng chỉ theo Khung năng lực vị trí việc làm)
1.	Giảng viên Bộ môn Bào chế Hạng III (V.07.01.03)	1	Thạc sĩ Dược học trở lên, chuyên ngành Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc (tốt nghiệp đại học loại khá trở lên); ưu tiên tiến sĩ.

STT	Tên vị trí việc làm cần tuyển	SL tuyển dụng	Điều kiện, tiêu chuẩn cơ bản (Văn bằng, chứng chỉ theo Khung năng lực vị trí việc làm)
2.	Giảng viên Bộ môn Công nghiệp dược Hạng III (V.07.01.03)	1	Thạc sĩ Dược học trở lên, chuyên ngành Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc (tốt nghiệp đại học loại khá trở lên).
3.	Giảng viên Bộ môn DLS Hạng III (V.07.01.03)	2	Thạc sĩ Dược học trở lên, chuyên ngành Dược lý và DLS (tốt nghiệp đại học loại khá trở lên).
4.	Giảng viên Bộ môn Dược liệu Hạng III (V.07.01.03)	1	Thạc sĩ Dược học trở lên, chuyên ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (tốt nghiệp đại học loại khá trở lên).
5.	Giảng viên Bộ môn Dược lực Hạng III (V.07.01.03)	2	Thạc sĩ Dược học trở lên, chuyên ngành Dược lý và DLS (tốt nghiệp đại học loại khá trở lên).
6.	Giảng viên Bộ môn Vật lý - Hóa lý Hạng III (V.07.01.03)	1	Thạc sĩ Hóa dược hoặc Dược học trở lên (tốt nghiệp đại học loại khá trở lên).
7.	Giảng viên Bộ môn Vi sinh - Sinh học Hạng III (V.07.01.03)	1	Thạc sĩ trở lên, chuyên ngành Sinh học hoặc Vi sinh hoặc Dược học (tốt nghiệp đại học loại khá trở lên).
8.	Giảng viên Bộ môn Y học cơ sở Hạng III (V.07.01.03)	1	Thạc sĩ trở lên, chuyên ngành Sinh lý bệnh - Miễn dịch (tốt nghiệp đại học loại khá trở lên).
9.	Nghiên cứu viên Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc gia Hạng III (V.05.01.03)	2	Dược sỹ, tốt nghiệp đại học loại khá trở lên.
10.	Chuyên viên Phòng Đào tạo (01.003)	1	Tốt nghiệp đại học Dược trở lên
11.	Kế toán viên Phòng TCKT (06.031)	1	Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành TCKT.
12.	Kỹ thuật viên chính dược Bộ môn Bào chế (16.137)	1	Tốt nghiệp cao đẳng Dược trở lên, có kinh nghiệm làm kỹ thuật viên Bào chế trong đào tạo đại học Dược
13.	Y sĩ Trạm Y tế Hạng IV (V.08.03.07)	1	Tốt nghiệp Y sĩ trình độ trung cấp.

STT	Tên vị trí việc làm cần tuyển	SL tuyển dụng	Điều kiện, tiêu chuẩn cơ bản (Văn bằng, chứng chỉ theo Khung năng lực vị trí việc làm)
	Tổng cộng	16	

Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt Tập huấn về công tác quản trị trường đại học cho đội ngũ VCQL cấp trung của Trường [TC.06.03.06]. Các VC lãnh đạo, quản lý được Nhà trường cử đi bồi dưỡng về cao cấp lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, kỹ năng lãnh đạo để có những chứng chỉ phù hợp với các chức vụ được bổ nhiệm nhằm đáp ứng đủ tiêu chuẩn về công tác lãnh đạo, quản lý; Các VC được quy hoạch được cử đi học trung cấp lý luận chính trị [TC.06.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ VC-NLĐ của Trường luôn được chú trọng và quan tâm, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức. Trong giai đoạn 2017-2020, căn cứ Đề án xác định vị trí việc làm 2015, Quy hoạch tổng thể phát triển trường giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn 2030 Nhà trường đã triển khai việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các bộ môn, phòng, ban; và đã tổng hợp, ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020 [TC.06.04.01] với một số yêu cầu, chỉ tiêu cụ thể:

- Đào tạo chuyên môn: 63 tiến sĩ (28 tại nước ngoài), 34 thạc sĩ (6 tại nước ngoài);
- Đào tạo lý luận chính trị: 14 cao cấp, 10 trung cấp;
- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ 201 lượt; bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp 81 lượt; bồi dưỡng viên chức nguồn quản lý 42 lượt; bồi dưỡng quốc phòng an ninh 4 lượt; bồi dưỡng học tập kinh nghiệm nước ngoài 52 lượt;...

Nhà trường căn cứ vào Chiến lược phát triển Trường đến 2030 tầm nhìn 2045, Kế hoạch phát triển 5 năm của HUP, xây dựng Chiến lược Nhân sự của HUP giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch tổ chức, nhân sự giai đoạn 2021-2025 [TC.06.04.02] và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, quản lý giảng viên, VC-NLĐ để xây dựng kế hoạch giai đoạn và hàng năm về đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên và viên chức của Trường [TC.06.04.03]. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trong cả nước và trên thế giới, Nhà trường đã chủ động và thích ứng linh hoạt, tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ tại Trường để nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ giảng viên và VCQL; thông qua các lớp này,

giảng viên được bồi dưỡng về phương pháp dạy, học tiên tiến hơn, nâng cao chất lượng dạy và học, đặc biệt là phương pháp dạy-học trực tuyến **[TC.06.04.04]**. Để nâng cao kiến thức về phòng, chống dịch COVID-19 cho VC-NLĐ, Nhà trường đã mở lớp tập huấn “Hướng dẫn cơ bản trong phòng, chống dịch COVID-19” cho VC-NLĐ, đồng thời chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng tham gia tình nguyện phòng, chống dịch COVID-19 theo triệu tập của Bộ Y tế **[TC.06.04.05]**.

Căn cứ vào các quy định của Nhà nước (*Tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo và quản lý quy định tại Điều lệ trường đại học; tiêu chuẩn viên chức theo quy định tại Luật viên chức và Nghị định 115/2020 của Chính phủ; tiêu chuẩn nhà giáo, giảng viên đại học và nghiên cứu viên của liên bộ Nội vụ, GD&ĐT số 36/2014/TTLT ngày 28/11/2014 và các quy định hiện hành*) và tiêu chuẩn khung năng lực vị trí việc làm của Trường, Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng để tạo điều kiện cho giảng viên, nhân viên được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn và quản lý. Trong Quy chế có quy định cụ thể về đối tượng, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng, điều kiện, thủ tục để được đi đào tạo, bồi dưỡng, quy định về QLĐT, bồi dưỡng ở trong nước, nước ngoài; trong đó Phòng Tổ chức cán bộ (nay là Phòng Tổ chức - Hành chính) là đơn vị đầu mối giúp BGH triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng VC-NLĐ.... Đối với các viên chức được Nhà trường cử đi học ở trong nước sẽ được Nhà trường chi trả toàn bộ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định, đối với các viên chức được Nhà trường đồng ý cho đi học, Nhà trường tạo điều kiện hỗ trợ về thời gian tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng **[TC.06.04.06]**,

Bên cạnh việc chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, Nhà trường còn quan tâm, tạo điều kiện, giải quyết kịp thời về các mặt hồ sơ, thủ tục để giảng viên, viên chức tham gia các hội thảo, hội nghị hoặc tập huấn các khóa học trong và ngoài nước. Trong giai đoạn đại dịch COVID-19 xảy ra, Nhà trường đã chủ động mở rộng hợp tác, liên kết quốc tế để đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên, viên chức của Trường thông qua việc tham gia các hội nghị, hội thảo trực tuyến để được trao đổi chuyên môn với các đối tác nước ngoài và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, đặc biệt là hoạt động đào tạo trực tuyến **[TC.06.04.07]**.

Việc đào tạo, bồi dưỡng VCQL và giảng viên, nhân viên được Nhà trường tiến hành cả trong nước và ngoài nước, với các hình thức và trình độ khác nhau (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, sau tiến sĩ), bồi dưỡng cả về chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, quản lý nhà nước (chuyên viên, chuyên viên chính, lãnh đạo cấp phòng/cấp vụ và tương đương...), bồi dưỡng theo tiêu chuẩn danh nghề nghiệp giảng viên chính, giảng viên cao cấp, QLĐT, lý luận chính trị (cao cấp, trung cấp), tin học (ứng dụng CNTT cơ bản), tuy nhiên trong giai đoạn này có rất ít giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi

dưỡng về công nghệ cao ở nước ngoài. Hàng năm, Nhà trường gửi văn bản đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đến các đơn vị, căn cứ vào nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của viên chức, nhân viên và nhiệm vụ của đơn vị, đơn vị tổng hợp nhu cầu đăng ký trong đơn vị gửi Phòng Tổ chức-Hành chính. Căn cứ đề xuất của các đơn vị, Phòng Tổ chức-Hành chính tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của toàn Trường và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với Chiến lược phát triển Trường, Chiến lược nhân sự, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Y tế, trình Lãnh đạo Nhà trường phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường thông báo tới các đơn vị để triển khai thực hiện **[TC.06.04.03]**, **[TC.06.04.08]**. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, viên chức, nhân viên được lưu tại Phòng Tổ chức-Hành chính; các quyết định cử/đồng ý cho viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và tài liệu liên quan được lưu trữ trong hồ sơ cá nhân **[TC.06.04.09]**.

Nhà trường luôn chú trọng, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách khuyến khích thúc đẩy giảng viên trẻ nâng cao trình độ chuyên môn thông qua việc hỗ trợ kinh phí, học phí đào tạo **[TC.06.04.06]**, giảm định mức giờ NCKH để giảng viên trẻ tập trung thời gian vào học tập bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn **[TC.06.04.10]**. Đối với giảng viên trẻ mới tuyển dụng được những giảng viên có thâm niên, có kinh nghiệm hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt trong thời gian tập sự **[TC.06.04.11]**.

Trong 5 năm qua, tổng số lượt viên chức, nhân viên của Trường tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng là 2714 lượt, trong đó: đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước là 232 (tham gia khóa đào tạo là 18, bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị hội thảo là 214 lượt), đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước là 2482 (tham gia khóa đào tạo là 31, bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị hội thảo là 2451 lượt); do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên giảng viên, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước năm 2020 và năm 2021 giảm nhiều **[TC.06.04.12]**. Số viên chức, nhân viên trung bình trong 5 năm (2017-2021) là 318 người **[TC.06.04.13]**. Như vậy, viên chức, nhân viên của Trường được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn trung bình là 1,7 lượt/năm. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, viên chức, nhân viên được huy động từ các nguồn tài trợ, học bổng, ngân sách, trong đó nguồn kinh phí chi trả từ Nhà trường là khoảng 3,6 tỷ đồng **[TC.06.04.13]**. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của VC-NLĐ về hoạt động quản lý, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực của Trường, trong đó có phản hồi về việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức, nhân viên, về công tác quản lý và triển khai các hoạt động đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển

đội ngũ giảng viên, viên chức và nhân viên. Kết quả phản hồi của VC-NLĐ về các tiêu chí liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đều đạt ở mức khá với điểm trung bình từ 3,92 - 4,17 trong thang đo Likert 5 mức với quy ước: Từ “Mức 1: Không đồng ý” đến “Mức 5: Hoàn toàn đồng ý” [TC.06.04.14]..

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

HUP đã ban hành các văn bản quy định về quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của VC-NLĐ [TC.06.05.01], [TC.06.05.02], [TC.06.05.03]. Việc đánh giá hiệu quả công việc của VC-NLĐ được thực hiện theo năm học. Hiệu quả công việc của đội ngũ VC-NLĐ hỗ trợ, phục vụ được đánh giá căn cứ vào quy định chung trong Quy chế làm việc [TC.06.05.02], Quy chế Thi đua khen thưởng [TC.06.05.01], Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đơn vị và VC-NLĐ [TC.06.05.03]. Hiệu quả công việc đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đánh giá còn dựa trên Quy định về định mức thời gian/chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên [TC.06.05.04]. Từ tháng 10/2021 đến nay, Nhà trường đang triển khai thí điểm đánh giá hiệu quả công việc hàng tháng của VC-NLĐ khối phòng ban dựa trên chỉ số KPI và đang lấy ý kiến góp ý của các đơn vị cho Dự thảo bộ tiêu chí KPI cho khối giảng viên [TC.06.05.05]. Phòng Tổ chức - Hành chính (sáp nhập Phòng Tổ chức cán bộ, Hành chính tổng hợp, công tác chính trị) [TC.06.05.06] là đơn vị tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác tổ chức bộ máy, quản lý VC-NLĐ (trong đó có nội dung liên quan đến đánh giá hiệu quả công việc, thi đua khen thưởng và các chế độ khác có liên quan) [TC.06.05.07]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn tổng kết năm học gửi đến các đơn vị trong Trường [TC.06.05.08].

Quy trình đánh giá xếp loại VC-NLĐ được quy định trong Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [TC.06.05.01]. Tháng 9/2021, Nhà trường đã ban hành Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đối với đơn vị và VC-NLĐ, tách riêng nội dung đánh giá xếp loại chất lượng với bình bầu danh hiệu thi đua (áp dụng từ năm học 2021-2022) theo quy định của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức [TC.06.05.03]. Quy trình đánh giá xếp loại chất lượng hiện nay được quy định chi tiết trong Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đối với đơn vị và VC-NLĐ của Trường [TC.06.05.03]:

- VC-NLĐ làm báo cáo tự đánh giá, nhận mức xếp loại kết quả công tác theo chức trách, nhiệm vụ được giao;

- Đơn vị họp và tiến hành nhận xét, đánh giá đối với VC-NLĐ. Thành phần cuộc họp: toàn thể VC-NLĐ của đơn vị. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có tối thiểu 2/3 tổng số VC-NLĐ thuộc thành phần tham dự có mặt. Đơn vị nộp kết quả đánh giá xếp loại về Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Tổ chức - Hành chính là đầu mối tổng hợp kết quả đánh giá của các đơn vị, đề xuất nội dung đánh giá và mức xếp loại chất lượng đối với VC-NLĐ, trình Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng xem xét;

- Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng căn cứ đề xuất của Phòng Tổ chức - Hành chính tiến hành thảo luận và thống nhất, tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định;

- Phòng Tổ chức - Hành chính thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của Hội đồng tới VC-NLĐ; tổng hợp ý kiến phản hồi và báo cáo Chủ tịch Hội đồng (nếu có) trước trình Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định.

Kết quả đánh giá xếp chất lượng VC-NLĐ được công bố công khai và gửi trực tiếp đến các đơn vị trên cổng thông tin nội bộ www.intranet.hup.edu.vn của Trường [TC.06.05.09], [TC.06.05.10].

Việc xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc được thực hiện dân chủ, công khai, đảm bảo sự tham gia của VC-NLĐ trong Trường [TC.06.05.11]. Trước khi ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đơn vị và VC-NLĐ, Quy định định mức thời gian/chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên, Nhà trường gửi Công văn lấy ý kiến góp ý của các đơn vị. Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp ý kiến, báo cáo Hiệu trưởng và các thành viên Ban tư vấn xem xét, quyết định trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành [TC.06.05.12].

Tiêu chí chung đánh giá xếp loại chất lượng VC-NLĐ dựa trên 05 yếu tố: chính trị tư tưởng; đạo đức, lối sống; tác phong, lề lối làm việc; ý thức tổ chức kỷ luật; kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao [TC.06.05.03]. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao có sự khác nhau với từng đối tượng, căn cứ vào ngạch/chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm và vị trí công việc:

Giảng viên làm việc theo giờ giảng dạy, theo chế độ và định mức thời gian quy định của Nhà nước, quy định định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy của Trường [TC.06.05.02]. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên và nghiên cứu viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Trường là 1760 giờ hành chính sau khi trừ đi số ngày nghỉ theo quy định (tương đương 44 tuần làm việc; 40 giờ hành chính/tuần) [TC.06.05.04]. Khung định mức giờ chuẩn giảng dạy trong năm học đối với giảng viên

là 270 giờ chuẩn (tính theo giờ chuẩn 50 phút). Mỗi năm giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm (đối với giảng viên là 196 giờ chuẩn, giảng viên chính là 235 giờ chuẩn, giảng viên cao cấp là 275 giờ chuẩn (01 giờ chuẩn tương đương với 03 giờ hành chính)) **[TC.06.05.04]**. Kết quả NCKH của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và CGCN; tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở (hoặc tương đương) nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc một báo cáo khoa học được đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo chuyên ngành có số xuất bản **[TC.06.05.04]**. Khung định mức giờ chuẩn NCKH và giảng dạy của nghiên cứu viên là 391 giờ, nghiên cứu viên chính là 421 giờ, nghiên cứu viên cao cấp là 451 giờ (01 giờ chuẩn tương đương với 03 giờ hành chính). Nghiên cứu viên phải dành ít nhất 2/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm để thực hiện công việc quy ra nhiệm vụ NCKH và giảng dạy **[TC.06.05.04]**. Giảng viên, nghiên cứu viên được bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể, giáo vụ, giáo tài ... và các trường hợp đặc biệt khác được tính giảm trừ giờ chuẩn phải thực hiện **[TC.06.05.04]**. Thời gian làm việc với VC-NLĐ (không phải là giảng viên, nghiên cứu viên), kỹ thuật viên theo giờ hành chính (8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần, 5 ngày/tuần). Các đơn vị liên quan đến phục vụ giảng dạy thường xuyên, liên tục như Trạm Y tế (nay thuộc Phòng Công tác HVSV - Y tế), Thư viện và Phòng CNTT (nay là Trung tâm Thông tin - Thư viện), nhân viên bảo vệ, kỹ thuật viên tại các bộ môn ... làm việc theo giờ hành chính nhưng được bố trí trực hoặc phân kíp làm việc để đảm bảo phục vụ người học theo giờ giảng dạy, học tập **[TC.06.05.02]**. VC-NLĐ (không phải là giảng viên, nghiên cứu viên), kỹ thuật viên, ... hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả có thời gian làm việc từ 200 ngày làm việc trở lên tính theo chế độ làm việc, được xem xét đánh giá ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kết quả đánh giá xếp loại VC-NLĐ hàng năm được lưu trữ tại Phòng Tổ chức - Hành chính (biên bản phân loại viên chức, phân loại lao động và bình bầu danh hiệu thi đua của các đơn vị; Biên bản họp của Hội đồng Thi đua, khen thưởng; Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, Quyết định xếp loại viên chức, xếp loại lao động để hưởng hệ số điều chỉnh tăng thêm lương hàng năm) và lưu tại hồ sơ VC-NLĐ (Phiếu đánh giá của VC-NLĐ) **[TC.06.05.13]**, **[TC.06.05.14]**, **[TC.06.05.15]**, **[TC.06.05.16]**, **[TC.06.05.10]**, **[TC.06.05.17]**.

Bảng 6.5.1. Thống kê kết quả đánh giá xếp loại VC-NLĐ (từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 (ĐVT: người)

Năm học	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Không phân loại VC-NLĐ
2016-2017	41	279	03	00	21
2017-2018	41	249	20	00	25
2018-2019	40	235	20	00	29
2019-2020	42	234	20	01	24
2020-2021	42	236	13	0	21

Kết quả đánh giá xếp loại hàng năm là căn cứ để thực hiện chế độ tiền lương tăng thêm [TC.06.05.18], [TC.06.05.19], [TC.06.05.20] và bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ Y tế, ...), được quy định cụ thể trong Quy chế Thi đua khen thưởng của Trường [TC.06.05.01]. VC-NLĐ hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được Nhà trường ghi nhận và động viên, khuyến khích hoặc đề nghị cấp trên ghi nhận [TC.06.05.20]. VC-NLĐ được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp hoặc được tặng Bằng khen của cấp Bộ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương Lao động và các hình thức khen thưởng khác được xét nâng bậc lương trước thời hạn theo thẩm quyền [TC.06.05.21]. Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ báo kết quả thi đua, khen thưởng theo yêu cầu của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo [TC.06.05.20].

Bảng 6.5.2. Thống kê danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (giai đoạn 2017-2021) (Đơn vị tính: người)

	2017	2018	2019	2020	2021	2022
I. Tập thể						
- Tập thể Lao động tiên tiến	15	21	19	16	14	
- Tập thể Lao động xuất sắc	24	18	21	20	23	
- Cờ thi đua Bộ Y tế	00	01	00	00	01	
- Cờ thi đua Chính phủ	00	00	00	01	00	
- Bằng khen cấp Bộ	14	09	07	17	19	01
- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ	00	01	00	00	04	
- Huân chương Lao động:						
+ Huân chương lao động hạng nhất	00	00	00	00	00	
+ Huân chương Lao động hạng nhì	00	00	00	00	00	
+ Huân chương Lao động hạng ba	00	00	01	00	02	

II. Cá nhân						
- Chiến sĩ thi đua cơ sở	51	41	40	42	42	
- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	05	08	05	02	11	
- Bằng khen cấp Bộ	18	24	11	26	33	
- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ	00	02	00	02	01	
- Huân chương Lao động:						
+ Huân chương Lao động hạng nhất	00	00	00	00	00	
+ Huân chương Lao động hạng nhì	00	00	01	00	00	
+ Huân chương Lao động hạng ba	00	00	01	00	00	
- Nhà giáo Nhân dân	01	00	00	00	00	
- Nhà giáo Ưu tú	01	00	00	02	00	

Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng nhằm khuyến khích VC-NLĐ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ **[TC.06.05.22]**. Hàng năm, Nhà trường gửi công văn đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đến các đơn vị **[TC.06.05.23]**, Phòng Tổ chức - Hành chính căn cứ đề xuất của các đơn vị, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng báo cáo Bộ Y tế **[TC.06.05.24]**.

Công tác phát triển đội ngũ VC-NLĐ được Nhà trường chú trọng và quan tâm. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch nhân lực giai đoạn 2016-2020 **[TC.06.05.25]**, ban hành Chiến lược nhân sự HUP giai đoạn 2021-2025 **[TC.06.05.26]**. HĐT đã thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045 **[TC.06.05.27]**, Kế hoạch phát triển 5 năm của HUP 2021-2025 **[TC.06.05.28]**. Trường đã ban hành Đề án xác định vị trí việc làm năm 2015 được Bộ Y tế phê duyệt và Đề án xác định vị trí việc làm năm 2022 được HĐT thông qua, phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế, là cơ sở cho tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ VC-NLĐ **[TC.06.05.29]**.

Nhà trường có phần mềm quản lý cán bộ khoa học và phần mềm quản lý cán bộ do Phòng Tổ chức - Hành chính quản lý **[TC.06.05.30]**. Định kỳ hàng quý, Phòng Tổ chức - Hành chính xây dựng bảng tổng hợp nhân lực (báo cáo nội bộ), theo dõi biến động nhân lực về số lượng, giới tính, cơ cấu độ tuổi, học hàm, trình độ chuyên môn, ... **[TC.06.05.31]** giúp BGH quản lý nhân sự, trích xuất dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý và báo cáo nhân lực theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên. Tuy nhiên, phần mềm quản lý cán bộ khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp còn nhiều hạn chế trong cập nhật dữ liệu mới, phần mềm quản lý cán bộ của Trường còn thiếu đồng bộ, chưa kết nối dữ liệu với các phần mềm quản lý khác.

Dữ liệu về nghiên cứu và công bố khoa học của VC-NLĐ do Phòng QLKH quản lý bằng phần mềm lý lịch khoa học online **[TC.06.05.32]**. Việc tổng kết, đánh giá hoạt động NCKH của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của phòng

QLKH [TC.06.05.33] và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của Trường [TC.06.05.34]. Kết quả hoạt động PVCĐ của VC-NLĐ được thể hiện thông qua báo cáo đánh giá hoạt động KN&PVCĐ [TC.06.05.35] và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của Trường [TC.06.05.33].

Hàng năm, bên cạnh Nghị quyết lãnh đạo tháng, ĐU Trường đều ban hành Nghị quyết chuyên đề liên quan đến công tác nhân sự [TC.06.05.36].

Hệ thống quản lý và các chế độ chính sách liên quan đến VC-NLĐ của Trường đã hỗ trợ hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các quy chế, quy định về đào tạo, bồi dưỡng tạo điều kiện cho VC-NLĐ nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ từ năm 2020 đạt chuẩn quốc gia và tăng 13.74% so với năm 2017. Tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư đạt chuẩn quốc gia, UPM và top 200 Châu Á ... góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng nhân lực và chất lượng đào tạo của Nhà trường [TC.06.05.37]. 04 tiêu chí về chất lượng đào tạo và tình hình việc làm của ngời học đều đạt mức chuẩn quốc gia, top 200 Châu Á và top 500 thế giới [TC.06.05.37]. Các quy chế, quy định về chế độ làm việc, thi đua, khen thưởng, NCKH, nâng bậc lương, đánh giá xếp loại ... đã tạo động lực cho VC-NLĐ hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao, tích cực tham gia NCKH và KN&PVCĐ. Tiêu chí về số bài báo trong nước, quốc tế; số phát minh, sáng chế được công nhận của Trường đều đạt chuẩn quốc gia và top 200 Châu Á [TC.06.05.37]. Tiêu chí về hoạt động KN&PVCĐ đều tăng so với năm trước, đặc biệt là các tiêu chí về “good health and well-being” và “quality education” [TC.06.05.37]. Kết quả và hiệu quả tích cực trong triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đã cho thấy nhờ có hệ thống quản lý mà hoạt động giảng dạy, NCKH, KN&PVCĐ của Trường được nâng cao.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Phòng TC-HC là đơn vị được giao chịu trách nhiệm theo dõi, rà soát tổng hợp việc thực hiện chế độ, chính sách cho VC-NLĐ toàn Trường, bao gồm chế độ nâng bậc lương, chế độ phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp độc hại, phụ cấp thâm niên nghề, chế độ ốm đau, thai sản, thôi việc, hưu trí. Bên cạnh đó, Phòng TC-HC còn chịu trách nhiệm theo dõi, rà soát việc thực hiện các quy trình về nguồn nhân lực như: tuyển dụng, tập sự, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, điều động, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại. Ngoài ra, Phòng TC-HC còn là đơn vị theo dõi, rà soát việc quy hoạch cán bộ

các cấp, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực và kế hoạch thực hiện hàng năm **[TC.06.06.01]**.

Định kỳ vào đầu năm học mới, căn cứ vào sự thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật hoặc hướng dẫn của cấp trên, Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức rà soát các chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường như chế độ phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm; quy chế nâng bậc lương; quy chế đào tạo, bồi dưỡng; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo, quản lý; Quy chế đánh giá đơn vị, viên chức và người lao động, Quy chế chi tiêu nội bộ; chế độ tuyển dụng,... trong năm học **[TC.06.06.02]**, Nhà trường đã ban hành Quy định về việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế của Trường, bao gồm các bước: thành lập ban tư vấn và tổ soạn thảo **[TC.06.06.03]**; dự thảo văn bản rà soát, sửa đổi; gửi Dự thảo xin ý kiến của VC-NLĐ Nhà trường và các bên liên quan (nếu cần) trong thời gian ít nhất 5 ngày làm việc **[TC.06.06.04]**; hoàn thiện Dự thảo, trình ký (HĐT/hiệu trưởng) ban hành để triển khai thực hiện **[TC.06.06.05]**. Các chế độ, chính sách sau thay đổi đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Trường.

Hàng năm, Phòng TC-HC còn là đơn vị theo dõi, rà soát việc quy hoạch cán bộ các cấp, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực và kế hoạch thực hiện chiến lược nguồn nhân lực **[TC.06.06.06]**. Việc rà soát các quy trình, quy định và quy hoạch được xây dựng dựa trên các ý kiến đánh giá, đề xuất của tập thể VC-NLĐ và các đơn vị toàn Trường **[TC.06.06.04]**. **[TC.06.06.07]**.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các cuộc họp, hội nghị để đánh giá về chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực như: Hội nghị CBCC VC vào dịp cuối năm; Hội nghị cán bộ chủ chốt vào dịp đầu năm học mới; Các cuộc họp giao ban; Rà soát quy hoạch VCQL hàng năm. Tại các cuộc họp, có báo cáo, đánh giá của các đơn vị việc thực hiện chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch, cũng như các ý kiến tham luận, phát biểu trực tiếp tại hội nghị của cán bộ, GV, nhân viên **[TC.06.06.08]**. Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của VC-NLĐ toàn Trường về việc thực hiện chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực **[TC.06.06.09]**. Ngoài ra, hàng năm còn có các cuộc thanh, kiểm tra của các cơ quan cấp trên như Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Kiểm toán Nhà nước... để đánh giá về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Nhà trường **[TC.06.06.10]**. Kết quả lấy ý kiến của VC-NLĐ và các ý kiến kết luận của các đợt thanh, kiểm tra là cơ sở để Nhà trường đánh giá và điều chỉnh việc thực hiện chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Giai đoạn 2017-2022 Nhà trường đã cải tiến được 51 chế độ, chính sách, quy định, quy chế liên quan đến đội ngũ GV, nhân viên hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH, trong đó 24 chế độ, chính sách, quy chế, quy định được ban hành mới **[TC.06.07.01]**. Các chế độ, chính sách được cải tiến, ban hành mới phù hợp với các quy định hiện hành và nhu cầu, điều kiện thực tế của Trường, hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý, đánh giá, hỗ trợ người học; tạo động lực cho phong trào thi đua yêu nước và khen thưởng của Trường; nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, KN&PVCD; khuyến khích, động viên VC-NLĐ thi đua, phấn đấu, tăng cường hiệu quả, chất lượng công việc; tăng cường đào tạo, tự đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn; góp phần cải thiện đời sống cả vật chất và tinh thần; VC-NLĐ tích cực đóng góp cho Nhà trường, giữ gìn và quảng bá hình ảnh, thương hiệu, chất lượng công tác đào tạo, NCKH của Trường; góp phần nâng cao vị thế của Trường, từng bước trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu; phấn đấu đến năm 2045 trở thành Trường đại học ĐMST **[TC.06.07.01]**.

Từ năm 2017 đến nay, Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật, bổ sung các định mức chi, nâng mức chi cho các hoạt động đào tạo và NCKH, cũng như các khoản chi cho VC-NLĐ; bổ sung thêm một số khoản chi mới như: chi xây dựng câu hỏi cho NHCHT trắc nghiệm và thi LTTH, hỗ trợ 10 triệu đồng cho việc thực hiện đề tài cấp cơ sở và tối đa đến 50 triệu đồng đối với đề tài trọng điểm cấp Trường; thưởng 20-50 triệu đồng khi đăng bài báo trên tạp chí quốc tế... **[TC.06.07.02]**.

Từ năm 2017, Quy chế nâng bậc lương được rà soát, điều chỉnh đã mở rộng thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn, bổ sung thêm điều kiện về kết quả bình xét công lao động hàng tháng **[TC.06.07.03]**.

Bảng 6.7.1. Nội dung cải tiến trong quy chế nâng bậc lương

TT	Nội dung cải tiến	Thời gian được nâng bậc lương sớm (số tháng/ lần)	
		QC 2014	QC 2017
1.	Bảng khen của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội cấp thành phố, ngành	3	6
2.	Bảng khen cấp Bộ và tương đương trở lên (thành tích đạt được là đột xuất)	6	12

Bên cạnh đó, các tiêu chí bình xét thi đua, khen thưởng được cụ thể hóa và lấy từ trên xuống cho đến khi hết tỷ lệ % quy định. Tiêu chí chấm điểm được phân loại theo nhóm GV và nhóm chuyên viên, nhân viên khối phòng ban, mỗi nhóm có tiêu chí chấm điểm riêng **[TC.06.07.04]**, VD: khi xét danh hiệu “Lao động Tiên tiến”, ngoài các tiêu chuẩn chung thì có quy định riêng về tiêu chuẩn đối với giảng viên/chuyên viên, nhân

viên như sau “e) Hoàn thành định mức giờ giảng, giờ NCKH chuẩn theo quy định (đối với giảng viên và nghiên cứu viên) hoặc có thời gian làm việc từ 200 ngày làm việc trở lên tính theo chế độ làm việc (đối với kỹ thuật viên và VC-NLĐ khối phòng, ban, viện, trung tâm). Trường hợp giảng viên/nghiên cứu viên không đủ giờ NCKH thì có thể bù giờ giảng thừa cho đủ giờ NCKH (tỷ lệ 1:1)” ; hoặc tiêu chuẩn để xem xét đưa vào bình bầu Chiến sĩ Thi đua cơ sở gồm: b) Có thành tích đột xuất được tặng bằng khen từ cấp Bộ, ngành hoặc tương đương trở lên hoặc có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Nhà trường công nhận hoặc có đề tài NCKH đã nghiệm thu ở mức đạt trở lên phù hợp với ngạch/chức danh nghề nghiệp viên chức, cụ thể như sau:

- Chủ trì/Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn và đạt loại xuất sắc;

- Chủ trì/Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp quốc gia, Nafosted, cấp Bộ hoặc tương đương triển khai đúng tiến độ được phê duyệt (có minh chứng);

- Người trực tiếp tham gia đề tài NCKH cấp Quốc gia, Nafosted, cấp Bộ hoặc tương đương (có minh chứng: quyết định, hợp đồng...) triển khai đúng tiến độ được phê duyệt (có minh chứng) nếu có tổng số giờ tích lũy các đề tài này tương đương với số giờ của chủ trì/chủ nhiệm đề tài cấp Bộ;

- Hướng dẫn viên chức/học viên/SV NCKH đạt từ Giải ba trở lên trong Hội nghị KHCN tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng Y Dược Việt Nam hoặc các cuộc thi cấp Bộ, ngành trở lên (chỉ tính cho 01 người);

- Tác giả chính hoặc tác giả liên hệ của bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành nước ngoài có trong danh mục ISI, Scopus (chỉ tính 01 người);

- Tác giả chính hoặc tác giả liên hệ của 03 bài báo được đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc hoặc các tạp chí quốc tế khác (chỉ tính 01 người).

- Đối với giảng viên bộ môn khoa học cơ bản có ít nhất 01 bài báo là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ đăng trên tạp chí chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đơn vị có chỉ số ISSN (chỉ tính 01 người);

(Tác giả chính là người có tên đứng đầu - First author; tác giả liên hệ là người có dấu

* - Corresponding hoặc có dấu “hòm thư” hoặc có chỉ rõ là tác giả liên hệ).

- Thực hiện nhiệm vụ NCKH với tổng số giờ gấp từ 02 lần trở lên định mức giờ NCKH theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp tương ứng (Điều 5, Điều 7 của Quy định Định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên ban hành kèm theo Quyết định số 119/QĐ-DHN ngày 31/01/2019 của HUP);

- Chủ biên giáo trình đã được nghiệm thu hoặc sách tham khảo đã xuất bản (được Nhà trường xác nhận phục vụ đào tạo); đồng chủ biên hoặc người tham gia phải có số giờ tích lũy tương đương với chủ biên;
 - Tác giả chính của ít nhất 01 sáng chế/giải pháp hữu ích trong nước hoặc quốc tế; đồng tác giả phải có số giờ tích lũy tương đương với tác giả chính;
 - Tổ trưởng tổ soạn thảo xây dựng hoặc sửa đổi ít nhất 01 quy chế, quy định được ban hành (được tính 1/3 nhiệm vụ); thành viên tham gia phải tích lũy tương đương với nhiệm vụ của tổ trưởng;
 - Các cá nhân tham gia tích cực, đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động lớn của Nhà trường như: tham gia kiêm nhiệm Ban QLDA/Chương trình lớn/những công việc mang tính đổi mới có tính định hướng chiến lược của Nhà trường, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có xác nhận của Giám đốc hoặc Trưởng ban QLDA/Chương trình hoặc của Giám hiệu phụ trách mảng công việc đó và được Hội đồng Thi đua, khen thưởng thông qua;
 - Người tham gia soạn thảo, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Đề án trình Chính phủ, Điều ước quốc tế theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 43 Thông tư số 38/2018-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành y tế;
 - Chủ trì ít nhất 01 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng quy trình mới để cải cách thủ tục hành chính, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác đã được nghiệm thu.
- Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong toàn Trường”;

Đồng thời, Nhà trường đã ban hành Quy chế đánh giá đơn vị và viên chức và người lao động, các tiêu chí chấm điểm được phân theo các nhóm **[TC.06.07.05]**, gồm:

+ VCQL: ngoài các tiêu chuẩn chung như đối với VC, NLĐ không giữ chức vụ quản lý, VCQL cần đạt các tiêu chuẩn khác gồm: Đơn vị được giao phụ trách, quản lý hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức; 100% VC, NLĐ thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 70% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ Giảng viên: hoàn thành các nhiệm vụ chính là hoạt động giảng dạy/biên soạn giáo trình; hoạt động NCKH (chủ trì đề tài/sáng kiến, giải pháp hữu ích/bài báo quốc tế...); hoạt động KNPVCĐ;

+ Chuyên viên và nhân viên, hợp đồng lao động: Tổ trưởng tổ soạn thảo xây dựng hoặc sửa đổi ít nhất 01 quy chế, quy định được ban hành (được tính 1/3 nhiệm vụ); thành viên tham gia phải tích lũy tương đương với nhiệm vụ của tổ trưởng; VC, NLĐ tham gia

tích cực, đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động lớn của Nhà trường như: tham gia kiêm nhiệm Ban QLDA/Chương trình lớn/những công việc mang tính đổi mới có tính định hướng chiến lược của Nhà trường, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; tham gia soạn thảo, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Đề án trình Chính phủ, Điều ước quốc tế; Chủ trì ít nhất 01 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng quy trình mới để cải cách thủ tục hành chính, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác đã được nghiệm thu;

Công tác quy hoạch viên chức được rà soát, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chuẩn bị nguồn cán bộ kế cận. Năm 2019, Nhà trường yêu cầu viên chức đã được quy hoạch phải đăng ký đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thành tiêu chuẩn chức danh được quy hoạch **[TC.06.07.06]**. Đồng thời, Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm được Bộ Y tế phê duyệt năm 2015, hiện nay Nhà trường đang sửa đổi, bổ sung để phù hợp với các yêu cầu thực tế **[TC.06.07.07]**. Kế hoạch thực hiện chiến lược về nguồn nhân lực cũng được điều chỉnh hàng năm, bổ sung các chỉ tiêu về nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ nhân lực, tăng số lượng nhân lực được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ theo vị trí việc làm và theo chức danh nghề nghiệp **[TC.06.07.08]**, **[TC.06.07.07]**.

Kết quả các cải tiến các yếu tố về nguồn nhân lực có sự tác động rất lớn đến công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ cụ thể như sau: Trình độ SDH của đội ngũ GV tăng từ 86,9% năm 2017 lên 95,56 % năm 2020, số lượng GV có học hàm GS, PGS tăng từ 16,48% năm 2017 lên 22,78% năm 2020; Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đã có 21 sáng chế, giải pháp hữu ích, 03 chương trình hợp tác NCKH và phát triển sản xuất, 20 hợp đồng hợp tác nghiên cứu và 14 hợp đồng dịch vụ. Trong đó, nổi bật là các hợp đồng nghiên cứu và phát triển sản phẩm giữa Traphaco và Nhà trường, các hợp đồng hợp tác nghiên cứu với Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương, hợp đồng hợp tác nghiên cứu với công ty cổ phần Dược phẩm Hoàng Phương. Số lượng đề tài liên kết với địa phương bắt đầu được triển khai nhưng chưa nhiều. Trong giai đoạn 2016-2020, có 6 đề tài liên kết với tỉnh, thành phố, 4 đề tài dự án liên kết với doanh nghiệp trong nước và 1 đề tài dự án hợp tác với doanh nghiệp quốc tế **[TC.06.07.08]**.

Kết quả các cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực làm cơ sở cho việc điều chỉnh công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ nhân lực, từ đó có các chính sách đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực hợp lý. Kết quả cải tiến, xây dựng bổ sung các chỉ về đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng bậc lương trước thời hạn....đảm bảo khuyến khích kịp thời đội ngũ giảng viên, viên chức và người lao động, đồng thời giúp VC-NLĐ có định hướng và mục tiêu phấn đấu rõ ràng hơn, theo đó chất lượng nguồn nhân lực cũng được nâng lên.

Từ năm 2017 đến nay, trên cơ sở đề án vị trí việc làm, Nhà trường thực hiện tuyển dụng bổ sung nhân lực theo đúng yêu cầu, tiêu chuẩn của vị trí cần tuyển dụng (ví dụ: ưu tiên tuyển dụng giảng viên đủ số lượng, ĐBCL để mở rộng quy mô, loại hình đào tạo; trong tuyển dụng giảng viên, ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ, người được đào tạo từ các nước, các trường có chất lượng cao, tiên tiến...). Vì vậy, với số lượng và cơ cấu nhân lực của Nhà trường như hiện nay, hoàn toàn đáp ứng tốt việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao **[TC.06.07.09], [TC.06.07.10]**.

Nhà trường xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ GV đến năm 2025 có trên 55% đạt trình độ tiến sĩ, trong đó ít nhất 35 % có học hàm GS, PGS **[TC06.07.08]**. Trên cơ sở nguồn nhân lực được rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm, Nhà trường cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, yêu cầu về nghiệp vụ của vị trí việc làm, vị trí quản lý, chức danh nghề nghiệp hoặc chức danh được quy hoạch. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng trong 5 năm vừa qua cụ thể như sau: Có 43 lượt viên chức được cử đi học SDH (trong nước: 25, nước ngoài: 18; có 05 lượt viên chức được cử đi học lý luận chính trị; có 2665 lượt viên chức được cử tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ **[TC.06.07.06]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Đội ngũ viên chức, giảng viên của Trường có bản lĩnh vững vàng, trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo; đội ngũ cán bộ khoa học hàng đầu trong lĩnh vực được, đảm bảo giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, CGCN và đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Nhà trường đã xác định và xây dựng hệ thống mô tả công việc với khung tiêu chuẩn và tiêu chí năng lực cụ thể, bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của mỗi vị trí việc làm.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn và hàng năm dựa trên yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ của giảng viên, viên chức và nhân viên phù hợp với kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy định về đào tạo, bồi dưỡng được quy định rõ ràng, cụ thể trong Quy chế đào tạo, bồi dưỡng của Trường. Các giảng viên, viên chức và nhân viên được Nhà trường tạo điều kiện, hỗ trợ về thời gian và kinh phí đi học, hội thảo, hội nghị, tham gia các hoạt động chuyên môn, trung bình trong 5 năm qua là 1,7 lượt/năm.

HĐT, ĐU, BGH quan tâm và coi trọng công tác quản lý nhân sự nói chung và chế độ, chính sách liên quan đến VC-NLĐ nói riêng; kịp thời chỉ đạo, lãnh đạo các vấn

đề liên quan đến công tác cán bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Nhà trường.

Các văn bản quản lý do Nhà trường ban hành tương đối đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, đảm bảo sự tham gia của VC-NLĐ. Chế độ, chính sách đối với viên chức người lao động (đánh giá hiệu quả công việc, thi đua, khen thưởng, lương, đào tạo, bồi dưỡng) được thực hiện công khai, minh bạch, công bằng, khách quan; kịp thời động viên về tinh thần và vật chất cho VC-NLĐ hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đã phân công đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, rà soát tổng hợp việc thực hiện chế độ, chính sách, các quy trình, quy định về nguồn nhân lực;

Định kỳ rà soát các quy trình, quy định và quy hoạch dựa trên các ý kiến đánh giá, đề xuất của tập thể VC-NLĐ và các đơn vị toàn Trường.

Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực cụ thể, rõ ràng, luôn được rà soát, bổ sung, cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ;

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Đề án vị trí việc làm đang áp dụng tại Trường được Bộ Y tế phê duyệt năm 2015 có nhiều nội dung chưa còn phù hợp với quy mô, cơ cấu tổ chức, nhân sự của Trường hiện tại. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án VTVL của Trường còn chậm, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tế, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm đối với VCQL các cấp và VC-NLĐ.

Giảng viên đi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực về công nghệ cao ở ngoài nước còn ít. Một số giảng viên, viên chức được cử đi đào tạo ở nước ngoài, sau khi kết thúc khóa học không trở về Trường công tác.

Đánh giá hiệu quả công việc dựa trên chỉ số KPI, đang trong thời gian thử nghiệm và chưa bao quát hết các đối tượng VC-NLĐ.

Phần mềm quản lý cán bộ khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp hiện đã lỗi thời, hạn chế trong việc cập nhật các dữ liệu mới. Phần mềm quản lý nhân sự do Trường viết còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng kế hoạch đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của Trường đáp	HĐT BGH	Hàng năm	

		ứng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ theo giai đoạn cụ thể hơn và hàng năm có rà soát, đối chiếu	Các đơn vị		
2	Khắc phục tồn tại 2	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và Đề án vị trí việc làm theo đơn vị mới để làm căn cứ tuyển dụng và kiện toàn đội ngũ VCQL	HĐT BGH Các đơn vị	Năm 2022 và hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại 3	Sớm hoàn thiện rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án VTVL của Trường đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tế, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm đối với VCQL các cấp và VC-NLĐ	HĐT BGH Các đơn vị	Trước 31/12/2022	
	Khắc phục tồn tại 4	Tăng cường trao đổi hợp các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao năng lực về công nghệ cao ở nước ngoài cho giảng viên	HĐT BGH Các đơn vị	Hàng năm	
	Khắc phục tồn tại 5	Cần có chế tài đối với giảng viên, viên chức đi đào tạo ở nước ngoài sau khi kết thúc khóa học không trở về Trường công tác	HĐT BGH Tổ chức-Hành chính và các đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Khắc phục tồn tại 6	Triển khai đánh giá hiệu quả công việc dựa trên chỉ số KPI đồng bộ cho các đối tượng VC-NLĐ trong Trường	BGH; Tổ chức – Hành chính; các đơn vị	Năm học 2021-2022	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục giữ vững và phát huy lực lượng cán bộ khoa học hàng đầu trong lĩnh vực được, đảm bảo giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, CGCN đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ	HĐT BGH Các đơn vị	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.	HĐT BGH Các đơn vị	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 3	Thường xuyên rà soát hệ thống mô tả công việc với khung tiêu chuẩn và tiêu chí năng lực cụ thể, bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của mỗi vị trí việc làm phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực	HĐT BGH Các đơn vị	Hàng năm	

		tế.			
	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng. Khuyến khích, tạo điều kiện, hỗ trợ giảng viên, viên chức và nhân viên của Trường tích cực đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, viên chức và nhân viên	HĐT BGH Các đơn vị	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 5	Tăng cường sự quan tâm, chỉ đạo, lãnh đạo của HĐT, ĐU, BGH đối với công tác quản lý nhân sự	HĐT ĐU BGH	Tiến hành thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 6	Văn bản quản lý được ban hành kịp thời, đầy đủ, đúng quy định	HĐT BGH Tổ chức-Hành chính, các đơn vị liên quan		
	Phát huy điểm mạnh 7	Tăng cường sự tham gia của VC-NLĐ trong quá trình xây dựng các quy chế, quy định của Trường	VC-NLĐ	Duy trì thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 8	Cải tiến, nâng cấp phần mềm quản lý cán bộ khoa học và phần mềm quản lý nhân sự	Phòng CSVC-Vật tư TTB; Tổ chức-Hành chính	Năm học 2021-2022	
	Phát huy điểm mạnh 9	Thường xuyên theo dõi, rà soát tổng hợp việc thực hiện chế độ, chính sách, các quy trình, quy định về nguồn nhân lực	HĐT BGH Tổ chức-Hành chính Các đơn vị	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 9	Định kỳ rà soát các quy trình, quy định và quy hoạch dựa trên các ý kiến đánh giá, đề xuất của tập thể VC-NLĐ và các đơn vị toàn Trường	HĐT BGH Tổ chức-Hành chính Các đơn vị	Hàng năm	
	Phát huy	Duy trì các chế độ, chính sách, quy	BGH	Hàng năm	

	điểm mạnh 9	trình và quy hoạch nguồn nhân lực cụ thể, rõ ràng, thường xuyên rà soát, bổ sung, cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ;	Tổ chức- Hành chính Các đơn vị		

4. *Mức đánh giá:*

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	5
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Phòng TCKT là đơn vị đầu mối triển khai xây dựng kế hoạch, chiến lược tài chính của Trường; chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện theo dõi, giám sát trong việc tăng cường các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [TC.07.01.01]. Năm 1961 sau khi Trường được tách ra từ Trường Đại học Y Dược khoa, phòng TCKT chỉ là một bộ phận thuộc phòng Hành chính quản trị [TC.07.01.02]. Ngày 26/12/1966, Bộ Y tế ra Quyết định số 1060/ BYT- QĐ về việc tổ chức của Trường Đại học Dược khoa, quyết định thành lập 07 phòng ban và một số bộ môn, trong đó có phòng Kế toán Tài vụ (sau này đổi tên thành TCKT) [TC.07.01.03]. Hiện nay, phòng có 09 kế toán viên, trong đó có 04 thạc sĩ và 05 cử nhân, các kế toán viên được Nhà trường tạo điều kiện để tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực tài chính, kế toán. Số lượng và cơ cấu viên chức của phòng tạm thời đáp ứng được yêu cầu thực hiện các công tác tài chính, kế toán trong Nhà trường [TC.07.01.04].

Công tác lập kế hoạch, theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu và PVCĐ được triển khai qua hệ thống các văn bản quản lý điều hành và phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp EIE để theo dõi hệ thống tài

chính trong toàn trường, từ đó nâng cao hiệu quả công tác kế hoạch, công tác quản lý tài chính và hoàn thành các nhiệm vụ được giao [TC.07.01.05], [TC.07.01.06], [TC.07.01.07], [TC.07.01.13]. Để đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động, Nhà trường đã xây dựng chiến lược tài chính trong từng giai đoạn, trong đó chú trọng mở rộng, đa dạng hóa nguồn thu, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường [TC.07.01.08], [TC.07.01.09]. Trên cơ sở chiến lược đặt ra, Trường đã xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm [TC.07.01.10], kế hoạch hoạt động tài chính giai đoạn 2021-2025 nhằm cụ thể hóa các giải pháp tăng cường nguồn lực tài chính để triển khai nhiệm vụ chiến lược, hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường [TC.07.01.11]. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu chuyên môn chủ yếu 6 tháng đầu năm, dự kiến kế hoạch 6 tháng cuối năm, Nhà trường tiến hành đánh giá công tác thực hiện dự toán năm hiện hành, xây dựng dự toán ngân sách năm sau và kế hoạch NSNN 03 năm tiếp theo [TC.07.01.12]. Việc lập kế hoạch và dự toán thu chi ngân sách năm, kế hoạch NSNN 03 năm do phòng TCKT là đầu mối xây dựng dựa trên cơ sở tổng hợp dự trù từ các đơn vị, căn cứ chiến lược đã đặt ra của Trường, Luật NSNN năm 2015, Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016, các thông tư hướng dẫn, công văn hướng dẫn của Bộ Y tế hàng năm và các quy định hiện hành về tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân sách, đấu thầu...có liên quan [TC.07.01.13].

Từ năm 2020, công tác lập kế hoạch đã được cải tiến, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch tài chính 6 tháng cuối năm 2020, năm 2021, năm 2022 chi tiết cho từng hoạt động theo tình hình thực tế, phù hợp với kế hoạch phát triển Nhà trường và các định mức đã được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định tài chính khác có liên quan [TC.07.01.14]. Căn cứ vào tình hình thực tế năm trước và dự kiến các nhiệm vụ của năm tài chính, các phòng ban, đơn vị đề xuất kế hoạch; dựa trên dự kiến nguồn thu, Trường thực hiện cân đối, phân bổ và phê duyệt kế hoạch tài chính để thực hiện các nhiệm vụ công tác của các lĩnh vực góp phần thực hiện mục tiêu phát triển Nhà trường đề ra [TC.07.01.14], [TC.07.01.15].

Trong giai đoạn Nhà nước có chính sách đổi mới cơ chế tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Trường đã được Bộ Y tế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Nghị định 43/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ với loại hình là đơn vị sự nghiệp công lập, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên [TC.07.01.16]. Để thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính, căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động [TC.07.01.17], Trường thực hiện rà soát toàn bộ các văn bản quản lý tài chính trong đó quy định thống nhất về nguyên tắc quản lý tài chính, các

định mức chi tiêu, quy trình các nghiệp vụ quản lý tài chính bao gồm: Quy chế quản lý tài chính **[TC.07.01.18]**, Quy chế chi tiêu nội bộ **[TC.07.01.19]**, Quy trình tạm ứng, thanh toán công tác phí **[TC.07.01.20]**, Quy trình tổ chức thu và quản lý học phí **[TC.07.01.21]**, Quy trình thanh toán tiền NCKH **[TC.07.01.22]**, Quy trình tổ chức thanh toán lương và các khoản trích nộp theo lương **[TC.07.01.23]**, Quy trình thanh toán công tác mua sắm và quản lý tài sản, vật tư, hóa chất **[TC.07.01.24]**.

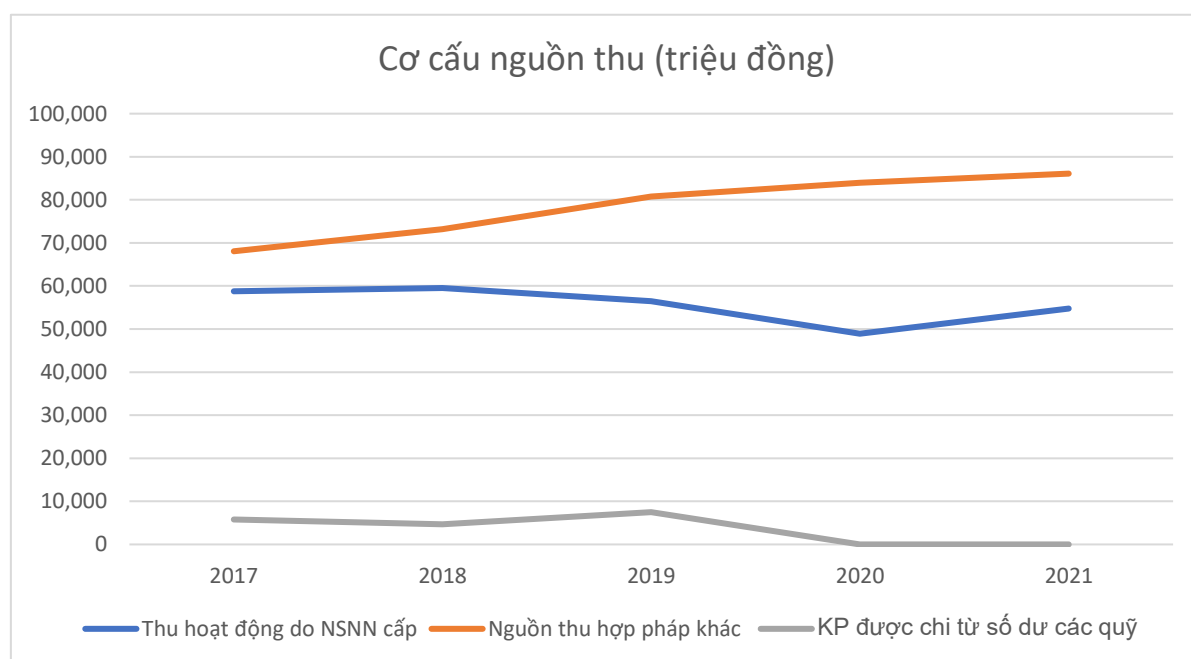
Nhà trường thực hiện kiểm soát hoạt động thu, chi minh bạch, hiệu quả, công khai tài chính đúng theo quy định **[TC.07.01.25]**, **[TC.07.01.26]**, **[TC.07.01.27]**, **[TC.07.01.28]**, **[TC.07.01.29]**. Nguồn ngân sách của Trường được cấp hàng năm thông qua quyết định giao dự toán của Bộ Y tế **[TC.07.01.30]**. Các quyết định thu học phí do Nhà trường xây dựng chi tiết cho từng khóa, từng hệ đào tạo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Quy chế Chi tiêu nội bộ của Nhà trường **[TC.07.01.19]**, **[TC.07.01.31]**. Bên cạnh đó, nhằm tăng cường các nguồn thu hợp lệ, hợp pháp, Nhà trường đã chú trọng nghiên cứu nhu cầu của các đơn vị, thiết kế chương trình phù hợp để mở rộng các lớp đào tạo theo nhu cầu xã hội như: Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp DS các hạng, cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược, các lớp đào tạo liên tục về DLS, các chuyên đề về quy trình sản xuất thuốc, ĐBCL... **[TC.07.01.32]**. Về thu từ hoạt động NCKH, ngoài nguồn kinh phí từ đề tài các cấp, Trường cũng thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, doanh nghiệp, góp phần gia tăng nguồn thu hỗ trợ tích cực cho hoạt động nghiên cứu của Nhà trường **[TC.07.01.33]**. Tất cả các nguồn thu khác của Trường được quản lý tập trung và được hạch toán vào các tài khoản theo đúng quy định của Luật kế toán số 88/2015/QH13, Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 (năm 2017), Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 (từ 2018 đến nay) và các văn bản khác có liên quan **[TC.07.01.34]**.

Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, kế hoạch tài chính được duyệt và nguồn tài chính dự kiến trong năm, Trường đã triển khai thực hiện đảm bảo đúng chế độ, quy định hiện hành; mọi khoản chi tiêu đều được rà soát, kiểm tra bởi các phòng chức năng và được BGH phê duyệt trước khi thực hiện chi **[TC.07.01.35]**. Kết quả triển khai được thể hiện thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm **[TC.07.01.36]**.

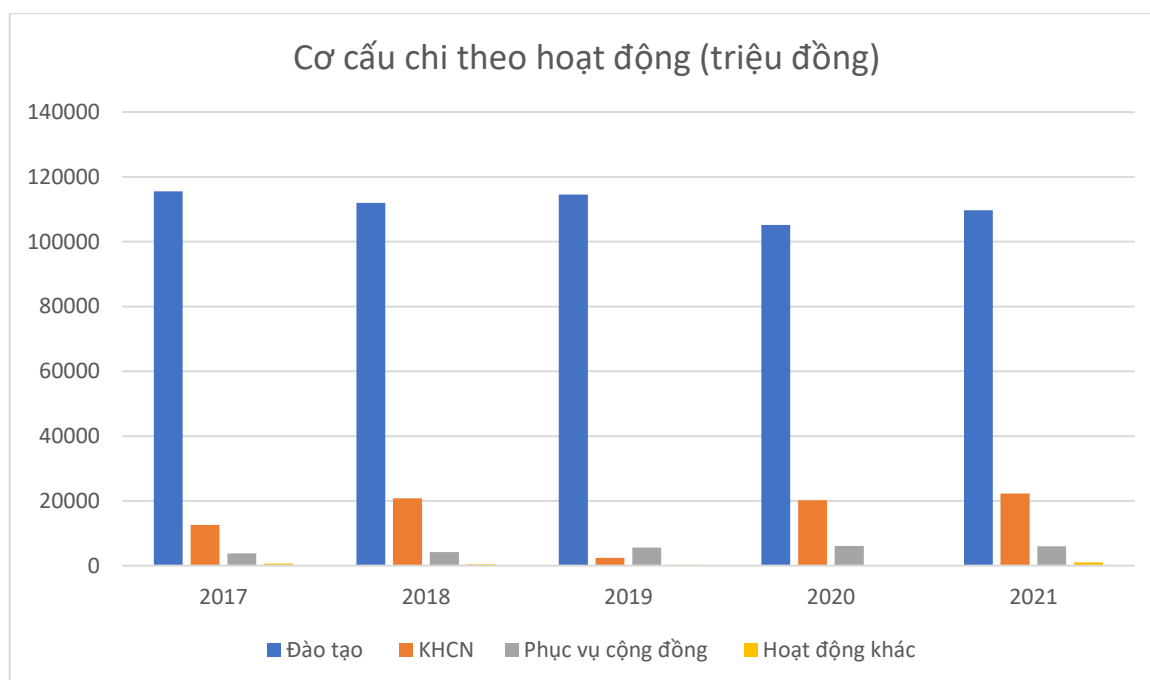
Việc kiểm tra, giám sát công tác kế hoạch và quản lý tài chính trong toàn trường được thực hiện thường xuyên, liên tục. Bên cạnh việc thực hiện tự kiểm tra tài chính chặt chẽ tại từng khâu trong quá trình thu, chi, hạch toán thì định kỳ còn có sự kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân về công tác lập, phân bổ dự toán hàng năm, những giải pháp

và kế hoạch tài chính, kiểm tra các khoản thu, các khoản chi và việc thực hiện công khai tài chính..., kiểm tra của Ban chuyên trách HĐT [TC.07.01.37]. Công tác quản lý tài chính của Trường được Kiểm toán Nhà nước hoặc Bộ Y tế thẩm tra quyết toán, các đoàn kiểm tra đều kết luận về cơ bản Nhà trường đã thực hiện tốt việc sử dụng có hiệu quả kinh phí nói riêng và công tác quản lý tài chính nói chung [TC.07.01.38], [TC.07.01.39].

Công tác đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch đã được Nhà trường thực hiện đầy đủ gồm: Đánh giá tình hình thực hiện chiến lược 2016-2020 và các định hướng cho các năm tiếp theo [TC.07.01.40]; hàng năm rà soát đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách [TC.07.01.12]; rà soát, cập nhật đánh giá cơ cấu thu chi [TC.07.01.06], [TC.07.01.07], [TC.07.01.41], [TC.07.01.42]; đánh giá về hiệu quả đầu tư tài chính cho các hoạt động [TC.07.01.12]; [TC.07.01.43]. Thống kê cơ cấu nguồn thu và cơ cấu chi giai đoạn 2017-2021 như sau:



Hình 7.1.1: Cơ cấu nguồn thu của Trường giai đoạn 2017-2021



Hình 7.1.2: Cơ cấu chi cho các hoạt động giai đoạn 2017-2021

Tổng thu năm và kinh phí được sử dụng từ số dư các quỹ đạt từ 132,6 tỷ đồng (2017) đến 144,7 tỷ đồng (2019). Trong đó, thu hoạt động đào tạo đạt từ 106,3 tỷ đồng (2019) đến 110,8 tỷ đồng (2021) với số thu học phí các hệ theo nghị định từ 40,5 tỷ đồng (2017) đến 55,7 tỷ đồng (2021) và số thu từ các lớp đào tạo liên tục đạt từ 1,07 tỷ đồng (2017) đến 4,5 tỷ đồng (2019). Thu từ hoạt động KHCN đạt từ 11,2 tỷ đồng (2017) đến 21,3 tỷ đồng (2019), chủ yếu thu từ đề tài cấp NN, Bộ, Sở nhánh và tương đương đạt từ 6,2 tỷ đồng (2017) đến 18,3 tỷ đồng (2019). Về số chi, tổng chi của Trường có sự biến động không lớn qua các năm từ 2017-2021, thấp nhất năm 2020 (131,6 tỷ đồng) và cao nhất năm 2019 (144,7 tỷ đồng), với số chi thực hiện đề tài cấp NN, Bộ, Sở nhánh và tương đương từ 6,2 tỷ đồng (2017) đến 18,3 tỷ đồng (2019). Nguồn tài chính của Trường về cơ bản đã đáp ứng đủ cho các hoạt động đào tạo, NCKH, hoạt động của các đoàn thể và chăm lo đời sống của công chức viên chức, người học, hỗ trợ thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu của Trường. Hàng năm, Trường đều thực hiện trích các quỹ đúng quy định, mức trích vào các quỹ từ 8,6 tỷ đồng (2017) đến 36 tỷ đồng (2020), trong đó chủ yếu trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp từ 7,7 tỷ đồng (2017) đến 9,8 tỷ đồng (2020) và Quỹ bổ sung thu nhập với mức trích cao nhất là 22,7 tỷ đồng (2020). Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường được sử dụng để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa CSVC, mua sắm sách, tài liệu tham khảo, vật tư, công cụ, TTB, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi hỗ trợ cho các đề tài khoa học cấp Trường; đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, năng lực quản lý cho VC-NLĐ... Quỹ bổ sung thu nhập của Trường được sử dụng để chi bổ sung thu nhập cho

VC-NLĐ trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho VC-NLĐ năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho VC-NLĐ được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác. Ngoài ra, Trường còn thực hiện trích Quỹ khen thưởng để chi khen thưởng định kỳ hay đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công tác, thành tích đóng góp nhằm khuyến khích, động viên kịp thời tinh thần công tác trong toàn Trường và trích Quỹ phúc lợi để chi kỷ niệm các ngày Lễ, Tết; nghỉ mát; chi quà tặng đám cưới; hoạt động của tổ chức quần chúng; trợ cấp khó khăn; thăm hỏi cán bộ, VC-NLĐ ốm nằm viện...[TC.07.01.19].

Công tác cải tiến chất lượng hoạt động tài chính được Nhà trường quan tâm thực hiện thường xuyên thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ toàn thể cán bộ, VC-NLĐ của Trường tại Hội nghị VC-NLĐ [TC.07.01.44]; thu thập ý kiến góp ý về các nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [TC.07.01.45]. Qua đó, Trường luôn có những điều chỉnh, cải tiến kịp thời, cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản có liên quan nhằm sử dụng nguồn tài chính có hiệu quả [TC.07.01.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và CSHT như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Công tác CSVC và CSHT tập trung ở phòng CSVC – Vật tư TTB với tổng 08 biên chế và 05 cán bộ hợp đồng luôn được HUP quan tâm và coi trọng. Phòng CSVC – Vật tư TTB có chức năng nhiệm vụ tham mưu cho BGH trong công tác quản lý, mua sắm, bảo trì, sửa chữa và sử dụng CSVC và CSHT; giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá và nâng cấp CSVC và CSHT như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ [TC.07.02.01], [TC.07.02.02], [TC.07.02.03].

Để nâng cao CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường luôn chú trọng công tác lập kế hoạch. Nhà đã xây dựng Chiến lược, Kế hoạch phát triển HUP đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 và Kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025, trong đó chủ yếu đầu tư cho nâng cấp CSVC, tăng cường TTB, hiện đại hóa thiết bị giảng dạy của phòng thí nghiệm, giảng đường, hội trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và NCKH. Theo đó sẽ đến năm 2025 sẽ mở rộng đào tạo tăng 2,5 lần diện tích giảng đường, tăng 3,1 diện tích các phòng làm việc và tăng 7 lần diện tích phòng thí nghiệm; có 5 phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc gia và 01 phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế, kỹ thuật viên thành thạo vận

hành TTB hiện đại chiếm 10%, đẩy mạnh ứng dụng CNTT hướng đến có $\geq 0,2$ máy tính/người học và 100% người học có tài khoản vào CSDL trực tuyến [TC.07.02.04], [TC.07.02.05]. Hàng năm, sau khi kết thúc năm học, BGH có yêu cầu các phòng chức năng đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, lập kế hoạch mua sắm và dự toán ngân sách năm học mới và lộ trình cho 3 năm tiếp theo [TC.07.02.06]. Trên cơ sở nhu cầu của các Bộ môn, đơn vị, các phòng chức năng tập hợp nhu cầu và lập kế hoạch đầu tư CSVC [TC.07.02.07] với mong muốn cải tạo CSHT hiện có, nâng cao năng lực phục vụ của các TTB. Hiện nay, nhà trường đang phải từng bước khắc phục khó khăn để ĐBCL dạy và học trong nhà trường. CSHT hiện có còn nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

Bảng 7.2.1. Diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	220.109
	Trong đó:	
a	Trụ sở chính 13-15 Lê Thánh Tông	11.983
b	Ký túc xá 1A Thọ Lão	2.448
c	Cơ sở 2 tại TP. Bắc Ninh*	205.678
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH	18.908
	Trong đó:	
a	Trụ sở chính	14.629
b	Ký túc xá 1A Thọ Lão	4.279
c	Cơ sở 2 tại TP. Bắc Ninh*	

(Ghi chú: Diện tích đất Cơ sở 2 tại TP Bắc Ninh hiện đang triển khai dự án, chưa đưa vào sử dụng)

Bảng 7.2.2. Diện tích tổng thể các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, hội trường, phòng học, thư viện

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Phòng thí nghiệm	29	Đào tạo, nghiên cứu	Giảng viên, SV	1912
2	Phòng thực hành	20	Đào tạo, nghiên cứu	Giảng viên, SV	Error! Not a valid link.
3	Xưởng thực tập	1	Nhà thuốc	SV	13

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
4	Hội trường	1	Phục vụ hoạt động chung	Cán bộ, HVSV	470
5	Phòng học	25	Đào tạo, nghiên cứu	SV	3.099
6	Trung tâm thông tin Thư viện	1	Đào tạo, nghiên cứu	SV	800
7	Các phòng chức năng khác	83	Phòng ban chức năng, văn	Cán bộ phòng ban	3.633

Cụ thể như sau:

Bảng 7.2.3. Diện tích chi tiết các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, hội trường, phòng học, thư viện

TT	Tên Khoa/phòng	Số lượng phòng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Khoa Dược liệu - Dược học cổ truyền		
	Bộ môn Dược Cổ truyền	4	200 - Phòng làm việc: 2 phòng 57; Phòng thực hành 83, (phòng nghiên cứu 30 + phòng máy 30)
	Bộ môn Dược Liệu	5	331 - Phòng làm việc: 2 phòng 106; Phòng thực hành và nghiên cứu: 2 phòng 106, 1 phòng 119
	Bộ môn Thực Vật	5	387 - Phòng làm việc: 2 phòng 106 - Phòng thực hành và nghiên cứu: 2 phòng 135, 1 phòng 146
2	Khoa Bào chế và Công nghệ dược phẩm		
	Bộ môn Bào chế	5	DT:521
	Bộ môn Hoá lý	3	76 (2 phòng thực hành 26, 1 phòng làm việc 24)
	Bộ môn Công nghiệp dược	6	294 Toàn bộ tầng 1 nhà E, Tầng 2 Nhà E: 116,4, 01 phòng GV-KTV + 02 phòng thí nghiệm
3	Khoa Công nghệ Hoá dược		
	Bộ môn Hoá Dược	4	237 - Phòng làm việc: 2 phòng 63; Phòng thực hành và nghiên cứu: 1 phòng 30, 1 phòng 144

	Bộ môn Hoá Hữu cơ	4	250
			- Phòng làm việc: 2 phòng 74
			- Phòng thực hành và nghiên cứu: 1 phòng 30, 1 phòng 146
	Bộ môn Kỹ thuật Hoá dược & chiết xuất (BM Hóa ĐC&VC)	4	250
			- Phòng làm việc: 2 phòng 74
			- Phòng thực hành và nghiên cứu: 1 phòng 30, 1 phòng 146
4	Khoa công nghệ sinh học		
	Bộ môn Hoá sinh và BP Vi sinh (Công nghiệp Dược cũ)	4	443
			- Phòng làm việc: 2 phòng 110
			- Phòng thực hành và nghiên cứu: 6 phòng 333
	Bộ môn Vi sinh và sinh học	4	DT: 209
			- Phòng làm việc: 1 phòng 63
			- Phòng thực hành 111 và Phòng nghiên cứu 25
5	Khoa Khoa học cơ bản		464
	Bộ môn Vật lý	3	220
			- Phòng làm việc: 1 phòng 42
			- Phòng thực hành và nghiên cứu: 1 phòng 30, 1 phòng 139
	Bộ môn Mác- Lênin	1	30
	BM Hóa đại cương Vô cơ	1	38
	Bộ môn Toán tin	2	68
	BM Ngoại ngữ	1	62
	Bộ môn Giáo dục thể chất	1	23
	Bộ môn Giáo dục quốc phòng	1	23
6	Khoa Dược lý - DLS		679
	Bộ môn Dược lực	6	299
			- Phòng làm việc: 2 phòng 68; Phòng thực hành và nghiên cứu: 1 phòng 20, 1 phòng 35, 1 phòng 65, nhà nuôi động vật 46
	Bộ môn DLS	3	160
			- Phòng làm việc: 2 phòng 75; - Phòng thực hành và nghiên cứu: 1 phòng 85,
	Bộ môn Y học cơ sở	3	220
			- Phòng làm việc: 1 phòng 37
			- Phòng thực hành: 1 phòng 20, 1 phòng 163
7	Khoa Hoá phân tích và Kiểm nghiệm thuốc	5	364
			- Phòng làm việc: 3 phòng 114
			- Phòng thực hành và nghiên cứu: 1 phòng 59, 1 phòng 191

8	Khoa Quản lý và Kinh tế được	4	250
			- Phòng làm việc: 3 phòng 125
			- Phòng thực hành và nghiên cứu: 1 phòng 125
9	Ban đào tạo	5	Nhà D 191, Nhà A 11,6
11	Phòng Công tác HVSV - Y tế	5	185 (KNT 60, QLSV 68, Y tế 57)
11	Phòng CSVN - Vật tư TTB	3	258: 01 phòng làm việc 84, 02 phòng làm việc 42, 01 phòng chờ GV+ kho 30, kho nhà F+ kho hoá chất, kho hầm nhà 60
12	Phòng KHCN - HTPT	3	100
13	Trung tâm thông tin thư viện	5	799; Nhà T 500, Nhà F 01 phòng máy 125, 01 phòng thực tập 84, 02 phòng làm việc 70, 01 phòng máy chủ 20
14	Viện CNĐPQG	7	375
			- Phòng làm việc: 1 phòng 34
			- Phòng thực hành và nghiên cứu: 4 phòng 221, 2 phòng 120
15	Phòng Tổ chức - Hành chính	4	DT: 130
			- Phòng làm việc: 2 phòng 65, 1 phòng 34, 1 phòng 31
16	Phòng TCKT	2	DT: 190
			- Phòng làm việc: 2 phòng 95
17	Giảng đường		
	Giảng đường 1,2	2	217 (2 GĐ)
	Giảng đường 16	1	70
	Giảng đường 17,18,19	1	400 (1 GĐ)
	Giảng đường 3	1	125.3
	Giảng đường 20	1	113
	Giảng đường 9,10,11	3	334 (giảng đường (9 +10)= 222, giảng đường 11 = 111
	Giảng đường 4,5	1	222
	Giảng đường 6	1	112
	Giảng đường 13,14,15	3	334 (3 GD)
	Giảng đường 7, 8	2	470 (2 GĐ)
	Giảng đường 12	1	470
	Giảng đường 22,23,24	3	350 (3 GĐ); GĐ22 = 150; giảng đường 23,24 = 200

Bảng 7.2.4. Diện tích đất/SV; diện tích sàn/SV:

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/SV*	2,9
2	Diện tích sàn/SV* (tính trung bình cho cả giảng đường và phòng thí nghiệm)	3,9
3	Yêu cầu Tiêu chuẩn theo TT03-2020/BGD (Điều 5)	6

Tuy còn khó khăn nhưng bằng nỗ lực của từ BGH đến các phòng chức năng và các khoa chuyên môn, HUP đã đáp ứng được tương đối ổn định nhu cầu đào tạo, nghiên cứu. Năm học 2021-2023 Nhà trường có mở mới 03 mã ngành: Công nghệ Hóa dược, Công nghệ sinh học và cử nhân Hóa học; 01 lớp học chất lượng cao và đang xây dựng CTĐT liên kết. Nhằm đáp ứng được nhu cầu về CSVC khi mở mã ngành mới và lớp học chất lượng cao, nhà trường đã tổ chức sắp xếp lịch học lý thuyết đan xen với thực hành, tổ chức thực hành cho SV 3 ca một ngày, cải tạo các giảng đường lớn cho phù hợp với quy mô đào tạo của năm học đáp ứng nhu cầu ĐBCL dạy và học trong nhà trường. Dự kiến khi hoàn thành dự án xây dựng cơ sở 2 Bắc Ninh thì sẽ đáp ứng được yêu cầu tiêu chuẩn diện tích trên/1 SV của Bộ.

Hàng năm Nhà trường triển khai đầu tư từ các nguồn kinh phí bao gồm NSNN không tự chủ chi thường xuyên và nguồn Quỹ, nguồn học phí và nguồn xã hội hóa. Thông thường vào tháng 7, nhà trường có công văn xin dự toán ngân sách năm mới và kế hoạch 03 năm gửi Bộ Y tế [TC.07.02.08] và Bộ Y tế phê duyệt dự toán là cơ sở để triển khai đầu tư [TC.07.02.09]. Đối với nguồn kinh phí mua sắm thường xuyên từ các nguồn quỹ, học phí..., các phòng chức năng lập kế hoạch mua sắm làm cơ sở để nhà trường thông qua kế hoạch tài chính hàng năm [TC.07.02.10]. Có thể nói là công tác lập kế hoạch đã được làm tốt nên các hoạt động của nhà trường tương đối ổn định và mang lại hiệu quả.

Nhà trường đã triển khai đầu tư mua sắm TTB trên cơ sở dự án mua sắm TTB, đầu tư sửa chữa và nâng cấp CSHT trên cơ sở đề cương và dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật [TC.07.02.11], [TC.07.02.12] chi tiết tại bảng dưới đây:

Bảng 7.2.5. Danh mục đầu tư CSVC, TTB

TT	Nội dung đầu tư	Số lượng	Kinh phí đầu tư (tr đ)
I	TTB và Công trình		76,601,5
	Năm 2017		
1	08 danh mục thiết bị CNTT	8	879,550
2	25 danh mục thiết bị chuyên ngành dược	25	8,305,680
3	06 Danh mục bàn thí nghiệm	6	643,000
4	03 danh mục thiết bị điều hòa 1 chiều lạnh, 2 cục	3	168,929
5	Cải tạo sửa chữa nhà C1A		922,736
	<i>Cộng:</i>		<i>10,919,895</i>
	Năm 2018		
1	Bàn thí nghiệm và tủ hút		1,332,800
2	Điều hòa nhiệt độ		324,796

TT	Nội dung đầu tư	Số lượng	Kinh phí đầu tư (tr đ)
3	Thiết bị CNTT và nâng cấp hệ thống hạ tầng mạng	14	2,952,000
4	Thiết bị chuyên ngành dược	18	6,655,000
5	Mua kết dư sau đấu thầu		122,800
6	Thi công xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa tầng 3 nhà E		921,335
	<i>Cộng 2018</i>		<i>12,308,731</i>
	Năm 2019		
1	Mua 31 thiết bị chuyên ngành dược	31	8,206,600
	<i>Cộng 2019</i>		<i>8,206,600</i>
	Năm 2020		
1	Thiết bị chuyên ngành dược	33	4,602,600
2	Thiết bị CNTT	20	2,459,820
3	Thiết bị văn phòng	3	416,680
4	Lắp đặt hệ thống điều hòa các nhà giảng đường và hệ thống xử lý khí thải nhà bộ môn Hóa		7,424,131
5	Cải tạo sửa chữa lớn năm 2020		
5.1	Cải tạo nâng cấp nhà để xe lên 2 tầng		3,399,474
5.2	Cải tạo nhà chăn nuôi, nhà ương thực vật thành nhà giảng đường T2		3,159,062
5.3	Cải tạo nâng cấp giảng đường 12 và xây dựng nhà kho sau nhà F		852,779
5.4	Cải tạo nâng cấp phòng vệ sinh nhà giảng đường Q2		946,746
	<i>Cộng 2020</i>		<i>23,261,292</i>
	Năm 2021		
1	Bổ sung mạng nội bộ khu vực giảng đường	21	924,211
2	06 Danh mục thiết bị Bào chế	6	5,670,800
3	20 danh mục TTB chuyên ngành Dược	20	4,790,550
4	12 danh mục thiết bị công nghệ sinh học	12	5,771,650
5	03 Thiết bị cho Dự án “Tăng cường TTB nhằm nâng cao năng lực NCKH của Viện Công nghệ Dược phẩm quốc gia	3	4,439,800
6	Hệ thống Sắc ký lỏng khối phổ LC/MS/MS	1	8,666,000
7	Công trình sửa chữa lớn năm 2021		
7.1	<i>Sửa chữa nhà S1,Q1,Q2</i>		<i>6,909,797</i>
7.2	<i>Sửa chữa Vườn thực vật</i>		<i>704,020</i>
7.3	<i>Sửa chữa Thư viện tại số 1A Thọ Lão</i>		<i>864,432</i>

TT	Nội dung đầu tư	Số lượng	Kinh phí đầu tư (tr đ)
8	Hệ thống điều hòa các giảng đường 1,2,3,20		940,000
	Cộng 2021:		39,681,260

Việc đầu tư mua sắm và nâng cấp CSVC và CSHT căn cứ vào nhu cầu cải thiện, nâng cấp, sửa chữa của các bộ môn, đơn vị **[TC.07.02.13]**. Nhà trường đã triển khai đầu tư theo đúng kế hoạch được duyệt **[TC.07.02.07]**, **[TC.07.02.14]**, các TTB, CSVC, CSHT đã được mua sắm **[TC.07.02.15]**, bàn giao đáp ứng được nhu cầu của các bộ môn, đơn vị **[TC.07.02.16]**. Hàng năm nhà trường triển khai rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch **[TC.07.02.06]**, **[TC.07.02.17]**, đánh giá mức độ đáp ứng và hiệu quả hoạt động mua sắm trong các kỳ tổng kết năm học **[TC.07.02.18]**, hội nghị công nhân viên chức hàng năm **[TC.07.02.19]**, đánh giá tình hình thực hiện đầu tư **[TC.07.02.20]**. Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu, nhà trường tập hợp các đề xuất làm cơ sở để lập kế hoạch mới, điều chỉnh những bất cập hoặc cải tiến kế hoạch hoạt động.

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư về CSVC, khuôn viên hàng năm. Hiện khuôn viên Trường được xây dựng, quy hoạch khang trang, hiện đại, hợp lý, cảnh quan xanh - sạch - đẹp, môi trường văn minh, chuyên nghiệp. Về xây dựng CSVC, phòng học, phòng làm việc cụ thể như sau:

Trong thời gian qua (2017 - 2021), Ngoài những hoạt động sửa chữa thường xuyên để đảm bảo hiệu suất, công năng sử dụng các hạng mục CSVC, cảnh quan. Nhà trường đã tăng cường đầu tư nâng cấp CSVC nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu tăng quy mô đào tạo, cụ thể như sau:

Năm 2017: Lắp đặt điều hoà tại các phòng làm việc thay thế cho các điều hoà đã cũ hỏng; mua sắm, lắp đặt bàn thí nghiệm cho bộ môn Bào chế **[TC.07.02.15]**

Năm 2018: Lắp đặt điều hoà tại các phòng làm việc thay thế cho các điều hoà đã cũ hỏng, mua sắm, lắp đặt bàn thí nghiệm cho Bộ môn Công nghiệp Dược **[TC.07.02.15]**

Năm 2019: Sắp xếp lại vị trí phòng làm việc các đơn vị để thuận lợi hơn trong công việc, Cải tạo cảnh quan khu vực nhà B (chuyên các cục nóng điều hoà lên mái để hoàn trả hiện trạng khu nhà cổ, làm đẹp cảnh quan chung của Trường) **[TC.07.02.15]**;

Năm 2020:

+ Sửa chữa, cải tạo lại khu vực giảng đường theo quy mô đào tạo tập trung (cải tạo thêm 3 giảng đường quy mô 200 chỗ từ các giảng đường nhỏ); Lắp đặt hệ thống điều hoà cho giảng đường; Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải thay thế cho hệ thống cũ không hoạt động ổn định, phải sửa chữa nhiều lần **[TC.07.02.15]**;

+ Sửa chữa Giảng đường 12 hiện đại, bổ sung màn hình LED phục vụ hội họp và các dịp lễ, kỷ niệm của Trường **[TC.07.02.15]**.

+ Xây dựng nhà để xe 2 tầng tăng vị trí để xe cho VC-NLĐ và SV đảm bảo cảnh quan chung và hành lang PCCC **[TC.07.02.15]**;

+ Xây dựng mới khu nhà T2, tăng diện tích sử dụng phục vụ mục đích đào tạo, nghiên cứu cho nhà Trường **[TC.07.02.15]**;

+ Cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh cho khu vực giảng đường, xây dựng nhà kho cho phòng Khảo thí và ĐBCL **[TC.07.02.15]**;

+ Lắp màn hình LED tại khu vực sân Trường để làm nơi công bố các thông tin, hình ảnh các hoạt động của Trường, tuyên truyền đến VC-NLĐ và người học. **[TC.07.02.15]**;

Năm 2021

+ Cải tạo vườn thực vật nâng cấp cảnh quan và vệ sinh môi trường khu vực vườn cũ **[TC.07.02.15]**;

+ Cải tạo hệ thống cửa và sửa chữa các nhà S, Q1, Q2. Sửa chữa, nâng cấp phòng thí nghiệm cho bộ môn Hoá Dược hiện đại, lịch sử **[TC.07.02.15]**;

+ Cải tạo Khu nội trú tăng diện tích phòng ở và diện tích sinh hoạt chung cho SV **[TC.07.02.15]**;

+ Cải tạo khu vực sân vườn thành nơi check in, tạo điểm nhấn trong cảnh quan của Nhà trường **[TC.07.02.15]**;

Thông nhất với chủ trương của Chính phủ về việc mở rộng, di dời các trường đại học, Nhà trường đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp khu đất cho Nhà trường tại thị xã Bắc Ninh để Nhà trường đầu tư dự án xây dựng cơ sở II Bắc Ninh để đáp ứng chiến lược, tầm nhìn phát triển của Nhà trường góp phần xây dựng HUP thành một trường đại học chuyên ngành trọng điểm quốc gia, một trung tâm NCKH và đào tạo về Dược hiện đại ngang tầm khu vực nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt cho 5.000 SV, đồng thời chuẩn bị hạ tầng cơ bản để có thể mở rộng quy mô trong tương lai. Cung cấp TTB thiết yếu cho các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu của HUP tại Bắc Ninh hiện đại, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của các chương trình giảng dạy và nghiên cứu ở trình độ cao, ngang tầm với các nước trong khu vực. Tăng cường năng lực, phát triển quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu đạt chuẩn một Trường Đại học tiên tiến **[TC.07.02.21]**

Bên cạnh việc đầu tư xây dựng mới các công trình, mua sắm các TTB giảng dạy và nghiên cứu thì nhà trường còn quan tâm bảo dưỡng, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, đáp ứng nhu cầu về đào tạo cũng như NCKH **[TC.07.02.22]**.

Dựa trên dự toán ngân sách đã được Bộ Y tế phê duyệt **[TC.07.02.09]** và kế hoạch tài chính Nhà trường duyệt **[TC.07.02.10]**, kết hợp với nhiệm vụ được giao, Nhà trường đã có các kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp CSVC cho Ký túc xá (sửa chữa các phòng ở bị thấm, dột, bổ sung giường, tủ, quạt... thay thế sửa chữa điện, nước cho các phòng bị hỏng... phục vụ công tác đón SV cho năm học mới và phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của SV ở KTX), TTB phòng thí nghiệm **[TC.07.02.11]** và các TTB CNTT phục vụ giảng dạy và đào tạo **[TC.07.02.12]**; Thực hiện tốt công tác mua sắm **[TC.07.02.23]** đồng thời thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng TTB cho các phòng thí nghiệm **[TC.07.02.22]**; Hội trường, lớp học (sửa chữa, thay thế các TTB bị hỏng, hỗ trợ giáo viên trong các giờ lên lớp, căn chỉnh hệ thống âm thanh, hệ thống máy chiếu...); Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị điện, nước (bảo dưỡng hệ thống điện, máy phát điện, máy bơm, hệ thống điều hòa, quạt trần... tại các tòa nhà); Công tác phòng cháy chữa cháy cũng luôn được quan tâm đặc biệt (các thiết bị PCCC được kiểm tra thường xuyên và định kỳ, thay bình bọt khi hết hạn, mua bổ sung các TTB cần thiết **[TC.07.02.24]**).

Để thực các công việc đầu tư và bảo trì CSVC và hạ tầng cơ sở, Nhà trường đã triển khai các công việc theo đúng tiến độ, kịp thời đưa các hạng mục được đầu tư vào sử dụng nhằm nâng cao CSVC phục vụ công tác giảng dạy, học tập và làm việc của Nhà trường như đầu tư TTB phục vụ đào tạo, giảng dạy; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tòa nhà; cải tạo, mở rộng các phòng học, phòng làm việc...**[TC.07.02.18]**, **[TC.07.02.19]**.

Có thể thấy rất rõ, việc thực hiện kế hoạch nâng cấp CSVC rất tốt, các thiết bị được đầu tư tăng hàng năm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về CSVC của Nhà trường. Điều hòa không khí được trang bị 100% tại các phòng học. 100% các phòng học lớn đều được trang bị máy chiếu, máy vi tính và các phòng học nhỏ (phòng học ngoại ngữ) đều được trang bị Tivi và các thiết bị đa năng ...**[TC.07.02.25]**. Tuy nhiên Nhà trường cần có một số TTB nghiên cứu đòi hỏi nguồn đầu tư lớn, đang chờ lộ trình đầu tư khi có nguồn.

Hàng năm, nhà trường luôn dành một khoản kinh phí để đầu tư mua sắm TTB đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, phù hợp với xu thế mới, với phương pháp dạy và học của Nhà trường cũng như của các nước trong khu vực và thế giới **[TC.07.02.13]** và **[TC.07.02.22]**. Bên cạnh đó, Trường đã ban hành quy định quản lý và sử dụng vật tư, TTB **[TC.07.02.26]**, quy chế quản lý tài sản công **[TC.07.02.27]**, quy trình chuẩn mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng, thanh xử lý **[TC.07.02.28]** và các nội quy sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính **[TC.07.02.29]**;

Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của các hoạt động CSVC và hạ tầng cơ sở được thể hiện thông qua Báo cáo tổng kết hàng năm tại hội nghị viên chức [TC.07.02.18]; qua kiểm kê tài sản định kỳ hàng năm, qua việc quản lý, sổ tài sản, công cụ dụng cụ, sổ nhật ký sử dụng TTB... [TC.07.02.25], [TC.07.02.30], [TC.07.02.31] [TC.07.02.32]; Biên bản thanh tra giám sát đào tạo [TC.07.02.33]. Ngoài ra, việc đánh giá còn được thể hiện qua kết quả theo dõi đánh giá sử dụng TTB từ cán bộ giảng viên các bộ môn [TC.07.02.34]: mức độ trang bị, khả năng tận dụng TTB hết khấu hao sử dụng được, đào tạo từ nhà sản xuất, mức độ hài lòng về TTB được cấp cơ bản đã đáp ứng trên 80%, đảm bảo nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, đã làm tốt được công tác tăng cường sử dụng chung TTB, khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của các đối tượng SV [TC.07.02.35].

Nhằm cải tiến CSVC, TTB, Nhà trường đã lập các Báo cáo định kỳ về việc sử dụng tài sản công vào mục đích giảng dạy, học tập, làm việc và nghiên cứu; Báo cáo đầu thầu; Báo cáo công tác đầu tư công,... theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo [TC.07.02.36].

Để kịp thời xử lý các vấn đề liên quan đến CSHT và CSVC phục vụ đào tạo, nghiên cứu, Nhà trường (đơn vị chức năng) thực hiện kiểm kê hàng năm, tập hợp nhu cầu thanh lý tài sản hỏng, không còn sử dụng được, đã hết hạn sử dụng để đánh giá hiện trạng, kiểm tra chất lượng còn lại, đề xuất thông qua hội đồng thanh lý và trình duyệt danh mục thanh lý, thẩm định giá và bán đấu giá tài sản thanh lý theo quy định hiện hành [TC.07.02.37], còn thường xuyên có cán bộ kiểm tra để từ đó TTB từ đơn vị không sử dụng, ít sử dụng kịp thời điều chuyển từ đơn vị có ít nhu cầu sang đơn vị thực sự cần để thực hiện sửa chữa, thay thế ngay đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập được thông suốt [TC.07.02.38], tăng cường sử dụng chung TTB để nâng cao hiệu suất sử dụng TTB trong toàn trường [TC.07.02.39].

Với khuôn viên nhỏ hẹp, nhưng cách thức đầu tư hợp lý, bài bản, với sự quan tâm từ Ban lãnh đạo, nhà trường đã có một CSHT và CSVC đáp ứng nhu cầu CBGV và người học cụ thể như sau:

Mã TC	Tiêu chí đánh giá		Mức độ đánh giá					Điểm TB	Mức ĐG
			1	2	3	4	5		
			%	0	0	13.3	17.0	69.6	
	CSVc, TTB, tài liệu chuyên môn phục vụ NCKH đáp ứng nhu cầu của người học	n	1	1	21	43	69	4.32	Tốt

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Hệ thống CNTT và CSHT trong trường đại học đóng vai trò rất quan trọng đến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH và PVCĐ.

Hiện nay, HUP luôn chú trọng đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, khai thác hệ thống CSDL, tài liệu thư viện phục vụ nhu cầu quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH và PVCĐ của cán bộ, giảng viên, HVSV trong trường. Do đó, ngày 29/7/2009 HUP đã thành lập phòng CNTT, ngày 05/05/2020 quyết định đổi tên Phòng CNTT thành Quản lý CSVC (bao gồm phòng CNTT và phòng Quản trị), ngày 01/07/2022 thành lập Trung tâm thông tin - Thư viện (bao gồm bộ phận CNTT phòng QLCSVC và Thư viện) [TC.07.03.01]. Bộ phận CNTT có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý và phát triển ứng dụng CNTT trong mọi lĩnh vực hoạt động của trường. Thực hiện công tác quản lý, đảm bảo hoạt động và phát triển ứng dụng CNTT trong quản lý, đào tạo và NCKH của trường theo phê duyệt của Hiệu trưởng [TC.07.03.02]. Nhân sự hiện tại của bộ phận CNTT gồm 4 viên chức trong đó 2 viên chức thạc sĩ chuyên ngành CNTT, 2 viên chức đại học chuyên ngành CNTT [TC.07.03.03].

Để nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống thiết bị CNTT và CSHT các phương tiện dạy học, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ, nhà trường đã ban hành một số văn bản chỉ đạo lập kế hoạch đầu tư thiết bị CNTT và CSHT thông qua Nghị quyết số 01 về việc thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển HUP đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 [TC.07.03.04]; Nghị quyết số 09 về việc ban hành kế hoạch phát triển 5 năm của HUP giai đoạn 2021-2025 [TC.07.03.05].

Hàng năm, sau khi kết thúc năm học nhà trường tiến hành đánh giá công tác thực hiện dự toán năm học cũ, xây dựng dự toán ngân sách năm học mới và kế hoạch trung hạn cho 3 năm học tiếp theo [TC.07.03.06]. Căn cứ kế hoạch hàng năm được xây dựng, nhà Trường thực hiện các hoạt động đầu tư, nâng cấp thiết bị CNTT và CSHT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp các TTB CNTT được thực hiện theo đúng theo đúng quy trình đấu thầu, mua sắm TTB của nhà nước [TC.07.03.07], [TC.07.03.08] [TC.07.03.09].

Nhà Trường hiện có 353 máy tính để bàn, 61 máy tính xách tay, trong đó 238 máy phục vụ nghiệp vụ được đặt tại các đơn vị, 115 máy phục vụ thực hành cho SV đặt tại phòng máy tính số 1,2 và phòng máy DLS.

Bảng 7.3.1. Danh mục 16 phần mềm phục vụ công tác quản lý tại các đơn vị:

STT	Tên phần mềm
1	Phần mềm QLĐT
2	Phần mềm Quản lý máy chủ ảo
3	Phần mềm thư viện CSDL số Libol digital 6.5
4	Phần mềm thư viện điện tử Libol 6.0
5	Website Thư viện
6	Website Hup
7	Website Đào tạo
8	Trang cổng thông tin nội bộ Intranet
9	Phần mềm Quản lý lý lịch khoa học
10	Phần mềm Kế toán
11	Phần mềm Quản lý lý lịch cán bộ
12	Phần mềm Bảo hiểm xã hội của VNPT
13	Phần mềm Thi trắc nghiệm trực tuyến
14	Phần mềm Quản lý giờ giảng
15	Phần mềm Quản lý cán bộ khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo
16	Website Tuyển sinh

Website của Trường là nơi các đơn vị cập nhật thông tin quảng bá hình ảnh nhà trường, các thông tin liên quan đến đào tạo, giảng dạy, học tập, NCKH, PVCĐ của Trường. Trang chủ website gồm các mục như Đào tạo, Tuyển sinh, KHCN, HTQT, HĐT, Tổ chức chính trị xã hội, menu dọc gồm Giới thiệu, ĐBCL, Ba công khai. Giao diện trang chủ hiển thị tin tức sự kiện của Nhà trường, các thông báo tuyển sinh đại học, SDH, đào tạo liên tục, thông báo về KHCN. Trang con hiển thị chi tiết các thông tin liên quan đến các đơn vị và lĩnh vực chuyên môn. Để quản lý và vận hành Website Trường đã ban hành quyết định số 452/QĐ-DHN hành ngày 11/7/2014 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng cáo. Trang Cổng thông tin nội bộ Intranet là nơi ban hành văn bản đến, đi nội bộ của trường thông qua 2 quy trình Quản lý văn bản đến và văn bản đi được ban hành tháng 8/2021. Trang chủ intranet hiển thị công việc xử lý của từng đơn vị, văn bản đơn vị đã nhận, thông báo, lịch công tác.

Menu ngang gồm các mục Quản lý tài sản, Tìm kiếm văn bản, các link đến trang lý lịch khoa học, sơ yếu lý lịch, đối mặt khẩu, lịch công tác tuần, menu dọc gồm các mục quy chế - quy trình nội bộ, Các quy trình hiện hành, văn bản pháp quy nhà nước, các kết quả khảo sát, so chuẩn và đối sánh. Văn bản đến, văn bản đi được gửi tới bộ phận văn thư thuộc phòng TC-HC, văn thư chuyển văn bản lên intranet và phân phối tới các đơn vị nhận theo văn bản. Chỉ đơn vị được đề cập trong văn bản mới nhận được văn bản đó. Dữ liệu giữa các phần mềm chưa có sự liên kết, đồng bộ, gây khó khăn trong công tác tìm kiếm, truy suất dữ liệu của người sử dụng **[TC.07.03.10]**. Các thiết bị CNTT và CSHT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư hằng năm thông qua báo cáo Tổng kết năm học **[TC.07.03.11]**, báo cáo Hội nghị công chức, VC-NLĐ **[TC.07.03.12]**, báo cáo Đánh giá hiệu quả đầu tư **[TC.07.03.13]**.

Hệ thống máy tính nhà Trường được bảo vệ 3 lớp qua hệ thống bảo mật tường lửa Fortigate, thiết bị chuyển mạch Cisco L3-3850, tường lửa của hệ điều hành window, nhằm mục đích ngăn chặn tối đa các truy cập dữ liệu không an toàn của người dùng

Các thiết bị CNTT và CSHT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thông qua nhật ký theo dõi báo hỏng, sửa chữa các thiết bị CNTT, bảng tổng hợp tần suất sử dụng của thiết bị CNTT **[TC.07.03.14]**; lịch sử sử dụng phòng máy phục vụ giảng dạy, học tập và tổ chức thi **[TC.07.03.15]**; sổ tài sản công cụ và dụng cụ **[TC.07.03.16]**. Hàng năm tiến hành kiểm kê đối chiếu tài sản, công cụ dụng cụ giữa phòng chức năng và các đơn vị **[TC.07.03.17]**.

Để thực hiện kế hoạch đánh giá, phòng ĐBCL và Khảo thí tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của SV, học viên trong Trường, SV sau tốt nghiệp, tổ chức lấy ý kiến bằng phương thức trực tuyến được tiến hành định kỳ hàng năm, các ý kiến khảo sát chủ yếu phản ánh đường truyền mạng yếu, không ổn định, dẫn đến việc truy cập phần mềm QLĐT, trang tra cứu thư viện thường xuyên bị hạn chế **[TC.07.03.18]**. Năm 2021, Phòng QLCSVC phối hợp với phòng ĐBCL và Khảo thí tiến hành khảo sát phản hồi VC-NLĐ (VC-NLĐ) về hoạt động CNTT, bản báo cáo đánh giá đúng thực trạng hệ thống CNTT hiện tại của trường như tốc độ truy cập mạng yếu, không ổn định, hệ thống website không thân thiện gây khó khăn trong việc truy cập, tra cứu dữ liệu, các phần mềm hỗ trợ quản lý do trường tự phát triển còn tồn tại một số lỗi khi cập nhật, xử lý dữ liệu **[TC.07.03.19]**. Trong năm 2020-2021 để ứng phó với tình hình dịch Covid - 19 bùng phát mạnh, nhà trường đã nghiên cứu và chuyển hình thức giảng lý thuyết tập chung sang giảng trực tuyến thông qua ứng dụng Microsoft Teams của Microsoft Office

365 gói A1 miễn phí dành cho giáo dục. Cụ thể nhà trường đã tiến hành tập huấn sử dụng ứng dụng Microsoft Teams cho các giảng viên trong trường, ban hành quy định Quản lý tổ chức dạy học trực tuyến, quy trình ra đề thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận/trắc nghiệm, tổ chức các lớp học lý thuyết trực tuyến thông qua ứng dụng Teams, tổ chức thi kết thúc học kỳ thông qua hình thức trắc nghiệm trực tuyến, tiểu luận trực tuyến và tự luận trực tuyến được sử dụng tài liệu [TC.07.03.20].

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, kết quả kiểm tra thường xuyên và định kỳ, phòng QLCSVC nâng cấp, cải tiến thiết bị CNTT và CSHT đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Dựa vào kết quả đánh giá hệ thống CNTT của SV, học viên và VC-NLĐ, hàng năm nhà trường đã đầu tư và mua sắm, sửa chữa các thiết bị CNTT cho các đơn vị, phòng họp, giảng đường, phòng máy [TC.07.03.21]. Năm học 2020-2021 nhà trường đã đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị CNTT, hệ thống Wifi tại các giảng đường và phòng họp [TC.07.03.22]. Chi tiết bảng dưới đây:

Bảng 7.3.2. Tổng vốn đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị CNTT

Nội dung	2017	2018	2019	2020	2021
Chi phí sửa chữa thường xuyên (triệu đồng)	775,9	1,105	1,444	1,206	842
Chi phí đầu tư mới (triệu đồng)	879,6	2,952		2,876	924
Tổng (triệu đồng)	1,655	4,057	1,444	4,019	1766

Năm 2022 nhà trường đặc biệt quan tâm, chú trọng đến việc đầu tư nâng cấp, cải thiện hệ thống CNTT thông qua Dự án “Đề cương và dự toán chi tiết nâng cấp hệ thống mạng và hạ tầng CNTT HUP năm 2022” [TC.07.03.23]; Đề án “Chuyển đổi số của HUP giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030” [TC.07.03.24]. Trong đó ưu tiên đẩy mạnh số hóa nguồn dữ liệu, nâng cấp hạ tầng TTB CNTT, nâng cấp phần mềm, xây dựng dữ liệu dùng chung trong hệ thống phần mềm, thúc đẩy đào tạo trực tuyến nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo thực tế và phù hợp với xu hướng tất yếu trong cách mạng công nghiệp 4.0.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Nhà trường đã phân công các bộ phận quản trị nguồn lực học tập, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ với 03 đơn vị chức năng bao gồm Thư viện, Phòng Quản lý CSVC, Phòng vật tư và TTB. Chức năng nhiệm vụ của 3 phòng được quy định tại Quyết định số 598/QĐ-DHN, ngày

22/12/2009 **[TC.07.04.01]** và hiện nay là Quyết định số 1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021 Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc HUP **[TC.07.04.02]**.

Thư viện Trường được thành lập theo Quyết định số 181/QĐ-DHN ngày 25/5/2009 **[TC.07.04.03]**. Theo đó, Thư viện có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý Thư viện đặc biệt là quản trị nguồn học liệu, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hiện tại, Thư viện gồm 2 tầng với diện tích khoảng 500 m², bao gồm 2 phòng đọc mở, 1 kho tham khảo, 1 bộ phận cung ứng giáo trình, tài liệu học tập, 1 phòng nghiệp vụ. Thư viện có 4 viên chức, trong đó có 1 cử nhân và 2 thạc sĩ chuyên ngành thông tin thư viện, 1 cử nhân chuyên ngành dân tộc học đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện. Được sự quan tâm đầu tư của Nhà trường, hiện thư viện có 6 máy tính phục vụ công tác nghiệp vụ và 2 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu tài liệu, ngoài ra bạn đọc có thể sử dụng phòng máy của Nhà trường với hơn 100 máy tính để tra cứu, khai thác sử dụng tài liệu thư viện từ xa. Thư viện hiện đang sử dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử Libol6.0 và phần mềm quản lý thư viện số LibolDigital6.5 giúp tăng cường ứng dụng CNTT, hiện đại hóa hoạt động thư viện, hỗ trợ công tác nghiệp vụ, tạo thư mục online, mục lục tra cứu tự động, góp phần đổi mới phương thức phục vụ, đẩy mạnh hình thức tra cứu, khai thác, sử dụng tài liệu thư viện từ xa, mọi lúc mọi nơi, phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 **[TC.07.04.04]**. Thư viện đáp ứng được nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH của cán bộ, GV, SV trong toàn Trường.

Phòng Quản lý CSVC, tiền thân là Phòng CNTT được thành lập theo Quyết định số 296/QĐ-DHN, ngày 29/7/2009 **[TC.07.04.05]**. Năm 2020, Phòng được đổi tên thành Phòng Quản lý CSVC theo Quyết định số 287/QĐ-DHN, ngày 05/5/2020 **[TC.07.04.06]**. Phòng Quản lý CSVC có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý, đảm bảo hoạt động và phát triển ứng dụng CNTT trong quản lý, đào tạo và NCKH của trường theo phê duyệt của Hiệu trưởng **[TC.07.04.02]**.

Phòng Vật tư và TTB được thành lập theo theo Quyết định số 828/QĐ-BYT ngày 29/9/1961 và được đổi tên thành phòng Vật tư và TTB ngày 18/5/2009 tại Quyết định số 176/QĐ-DHN **[TC.07.04.07]**. Theo đó, Phòng Vật tư và TTB có chức năng, nhiệm vụ là tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý, mua sắm và cung cấp các vật tư, hóa chất, dược liệu, sinh vật phẩm, súc vật, nguyên vật liệu và dụng cụ các loại, vật rẻ tiền mau hỏng, văn phòng phẩm; quản lý, mua sắm, sửa chữa, thay thế TTB, công cụ dụng cụ, phụ tùng linh kiện phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH; mua sắm sách, tài liệu tham khảo, CSDL; quản lý, thanh lý tài sản; mua sắm sửa chữa, quản lý hạ tầng

CNTT, các phần mềm quản lý, công tác xử lý chất thải, kiểm định TB áp lực, in ấn, chạy các máy nước cất phục vụ đào tạo và NCKH [TC.07.04.02].

Nhà trường đã ban hành một số văn bản chỉ đạo về kế hoạch đầu tư, mua sắm, bảo trì các nguồn tài liệu học tập, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, nguồn CSDL trực tuyến cụ thể trong các văn bản như: Nghị quyết của HĐT về việc thông qua chiến lược kế hoạch phát triển HUP đến 2030 tầm nhìn 2045. Cụ thể là đầu tư cơ sở học liệu và tài nguyên số mỗi năm. Xác định đến năm 2025 là 50 đô la/người học. Đến năm 2030: 100 đô la/người học [TC.07.04.08]. Nghị quyết của HĐT về việc ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của HUP giai đoạn 2021-2025 [TC.07.04.09]. Công văn BGH giao nhiệm vụ đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm trước và xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán ngân sách năm mới và 3 năm [TC.07.04.10] và Công văn đề nghị lập kế hoạch tài chính hàng năm [TC.07.04.11].

Các đơn vị: Thư viện, Phòng Quản lý CSVC, Phòng Vật tư và TTB căn cứ trên chiến lược phát triển trường và kế hoạch phát triển 5 năm để lập các kế hoạch tài chính, đầu tư mua sắm, bổ sung các nguồn tài liệu học tập, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, nguồn CSDL trực tuyến để phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường. Việc lập kế hoạch này cũng phải căn cứ trên các đánh giá, phản hồi của năm trước để thể hiện có sự cải tiến căn cứ trên những ý kiến phản hồi [TC.07.04.12]. Việc lập kế hoạch tài chính, đầu tư mua sắm, bổ sung các nguồn tài liệu học tập, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, nguồn CSDL trực tuyến của Nhà trường căn cứ vào nhu cầu, đề xuất từ các bộ môn, đơn vị vào tổng kết năm học hàng năm [TC.07.04.13], [TC.07.04.14], [TC.07.04.15], [TC.07.04.16].

Hàng năm, Nhà trường chú trọng quan tâm tới đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Về nguồn học liệu: Thư viện xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm có đầu tư trọng điểm các tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, ebook... phục vụ cho đào tạo, NCKH các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường [TC.07.04.17]. Nguồn tài liệu đầu tư mới của Thư viện bao gồm 2 nguồn chính:

+ Nguồn tài liệu viết mới: Phần lớn tài liệu viết mới được sử dụng trong Nhà trường bằng nguồn kinh phí thường xuyên, sau khi thông qua hội đồng nghiệm thu được in ấn và nộp lưu chiểu tại Thư viện. Trong 5 năm từ 2017-2021, Nhà trường có 31 tài liệu viết mới - sửa chữa, bao gồm giáo trình, tài liệu học tập và sách chuyên khảo [TC.07.04.18]. Việc thường xuyên đổi mới và biên soạn giáo trình đã tạo ra nguồn tài liệu học tập phong phú, đầy đủ đáp ứng nhu cầu học tập, NCKH, đào tạo của Nhà Trường.

+ Nguồn tài liệu mua hàng năm: hàng năm Nhà trường gửi công văn đến các bộ môn, đơn vị trong trường về việc dự trù tài liệu học tập, tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu học tập, NCKH, xây dựng đề cương môn học/học phần cho các ngành đào tạo. Thư viện tổng hợp danh mục dự trù, gửi về P. Vật tư & TTB thực hiện mua sắm **[TC.07.04.19]**.

Nhà trường đã đầu tư nguồn học liệu từ 2017-2021: sách tham khảo tiếng việt, ngoại văn, tạp chí tiếng việt, tạp chí ngoại văn, giáo trình tài liệu học tập với 826 đầu tài liệu, trong đó có 318 đầu tài liệu số bao gồm sách ngoại văn (ebook) và tạp chí ngoại văn **[TC.07.04.20]**.

Các nguồn CSDL trực tuyến của Thư viện Nhà trường được thông báo đến bạn đọc thông qua trang Thông tin điện tử của Thư viện. Địa chỉ website: <http://www.thuvien.hup.edu.vn>, bao gồm 2 CSDL: CSDL Thư mục và CSDL số. CSDL thư mục của Thư viện cho phép người học tra cứu trực tuyến thông tin thư mục của tài liệu, tiếp cận mã xếp giá của tài liệu để sử dụng, mượn đọc tại Thư viện dễ dàng, hiệu quả. CSDL số của Thư viện cho phép người học tra cứu, sử dụng tài liệu trực tuyến mọi lúc, mọi nơi **[TC.07.04.21]**. Nguồn học liệu của Thư viện được quan tâm đầu tư mới, được biên mục cập nhật trên phần mềm quản lý Thư viện để người học dễ dàng tiếp cận và sử dụng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Tính đến nay, tổng số đầu tài liệu của Thư viện là 33.393 đầu tài liệu (tài liệu giấy: 13.772, tài liệu số: 19.621), tổng số bản là 35.195 bản tài liệu (tài liệu giấy: 15.574, tài liệu số: 19.621) **[TC.07.04.22]**.

Ngoài 2 CSDL được nhà trường đầu tư trên, Nhà trường đã tăng cường giao lưu, hợp tác, phân quyền sử dụng các CSDL của các đơn vị trong và ngoài nước như: Tổ chức y tế thế giới HINARI, tham gia thư viện trực tuyến của không gian Đại học pháp ngữ BNEUF, Xin quyền truy cập CSDL EBCSO và CSDL của Hiệp hội hóa học Hoa kỳ, CSDL toàn văn của Trung tâm thông tin thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội **[TC.07.04.23]**. Nhìn chung, Nguồn học liệu của Thư viện khá đầy đủ và đáp ứng được nhu cầu của người học. Tuy nhiên, Nguồn học liệu trực tuyến của thư viện còn chưa phong phú, các tài liệu số của Thư viện chủ yếu là nguồn tài liệu nội sinh (luận án, luận văn, khóa luận), các bộ sưu tập tài liệu số là bài trích tạp chí, sách ngoại văn chủ yếu là dạng pdf, các CSDL trực tuyến được sử dụng thông qua nguồn hợp tác, trao đổi, xin quyền truy cập miễn phí.

Trường là một đơn vị đào tạo có thực hành, bên cạnh tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, CSDL của Thư viện, Nguồn học liệu của nhà trường còn phải kể đến nguồn vật tư, hóa chất, dược liệu, súc vật thí nghiệm,... phục vụ cho đào tạo, NCKH. Phòng Vật tư và TTB là đơn vị đầu mối tổng hợp dự trù vật tư, hóa chất hàng năm và thực hiện

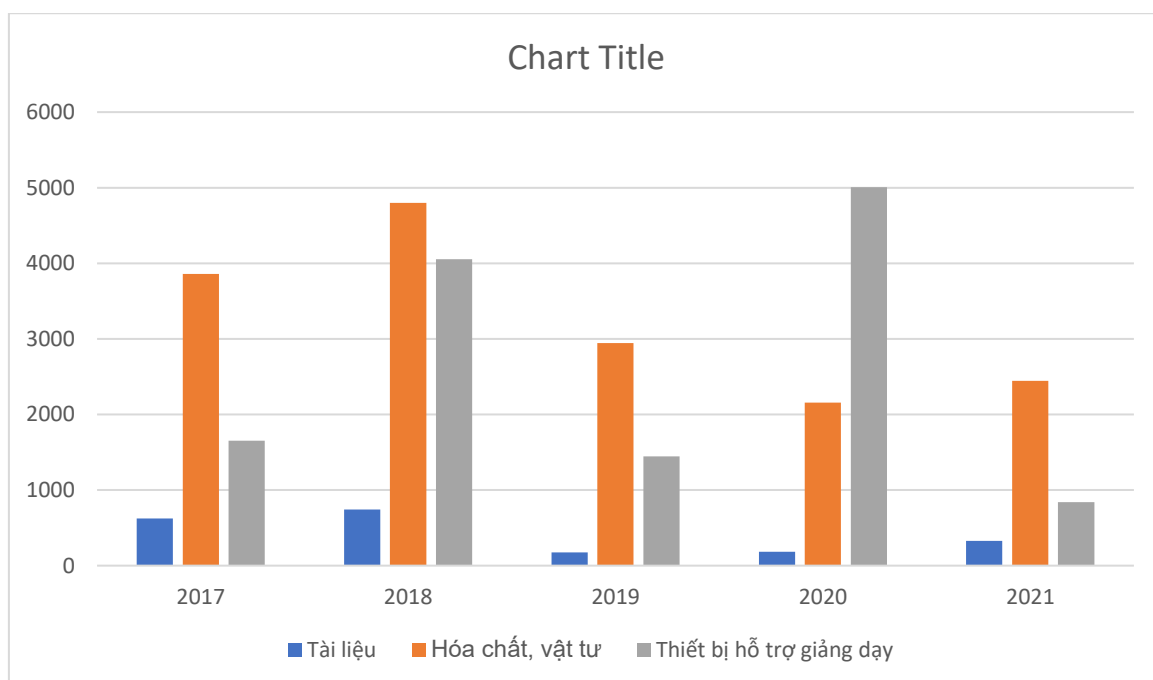
mua sắm đúng quy định **[TC.07.04.24; TC.07.04.25]**. Các bộ môn, đơn vị căn cứ vào định mức bài thực tập lập dự trù, Phòng Vật tư và TTB sau khi kiểm tra, rà soát và tổ chức mua sắm và cấp phát; việc quản lý, lập kế hoạch, tổ chức mua sắm, giao nhận và lập sổ theo dõi sử dụng được thực hiện đúng quy trình **[TC.07.04.26]**.

- Về nguồn thiết bị hỗ trợ giảng dạy: Phòng Quản lý CSVC xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, trong đó có chú trọng công tác đầu tư mua sắm, bảo trì các thiết bị hỗ trợ giảng dạy phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường. Hiện tại trường có 20 giảng đường, 3 phòng máy phục vụ hỗ trợ giảng dạy. Trong đó: Giảng đường bao gồm: 18 máy chiếu, 21 camera, 49 điều hòa, 8 hệ thống âm thanh, 6 tivi và 1 màn hình led; Phòng máy bao gồm: 115 máy tính để bàn, 3 máy chiếu, 6 điều hòa; Thiết bị hỗ trợ giảng dạy của Nhà trường gồm: thiết bị trình chiếu, hiển thị (máy tính, máy chiếu, tivi, màn hình led) và thiết bị âm thanh (loa, mic, âm ly) **[TC.07.04.27]**.

Nhà trường đã đầu tư đầy đủ thiết bị hỗ trợ giảng dạy để phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hàng năm, Nhà trường gửi công văn dự trù mua sắm thiết bị hỗ trợ giảng dạy đến từng bộ môn đơn vị. Phòng Quản lý CSVC là đầu mối lập dự trù đầu tư mua bổ sung các thiết bị mới để phục vụ nhu cầu đào tạo, NCKH trong Nhà trường **[TC.07.04.28]**.

Căn cứ kế hoạch hàng năm được xây dựng, Nhà trường thực hiện các hoạt động đầu tư, nâng cấp TTB hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, tivi, loa, mic, âm ly,... đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy trong Trường. Việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp các TTB hỗ trợ giảng dạy được thực hiện theo đúng quy trình: dự trù của các đơn vị gửi phòng chức năng tổng hợp trình BGH phê duyệt, sau đó tiến hành đầu tư, mua sắm và bàn giao TTB hỗ trợ giảng dạy cho các đơn vị quản lý sử dụng **[TC.07.04.29; TC.07.04.30; TC.07.04.31]**.

Tổng kinh phí đầu tư các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ từ năm 2017-2021 cụ thể như sau:



Hình 7.4.1. Biểu đồ kinh phí đầu tư hàng năm (đơn vị: triệu đồng)

- *Nguồn kinh phí đầu tư tài liệu tham khảo, giáo trình:*

(năm 2017: 622.654.000đ; năm 2018: 740.800.000đ; năm 2019: 175.507.000đ; năm 2020: 184.893.000đ; năm 2021: 328.049.000đ) **[TC.07.04.20]**

- *Nguồn kinh phí đầu tư trang bị hóa chất, vật tư, dược liệu, súc vật thí nghiệm:*

(năm 2017: 3,861 tỷ; năm 2018: 4,8 tỷ; năm 2019: 2,944 tỷ; năm 2020: 2,159 tỷ, năm 2021: 2,445 tỷ) **[TC.07.04.32]**

- *Kinh phí đầu tư thiết bị hỗ trợ giảng dạy:*

(năm 2017: 1.655.439.150đ; năm 2018: 4.056.777.628đ; năm 2019: 1.444.419.509đ; năm 2020: 5.006.173.798đ; năm 2021: 842.013.000đ) **[TC.07.04.16]; [TC.07.04.28].**

Việc rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư nguồn học liệu của Thư viện được đánh giá chi tiết trong Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư cho Thư viện hàng năm **[TC.07.04.33]**. Hàng năm, việc đánh giá hiệu quả hoạt động Thư viện thông qua Khảo sát về hoạt động Thư viện. Đây là một kênh đánh giá khách quan nhất từ người học đối với các nguồn học liệu của Thư viện.

Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy sự đánh giá của người học về các tài liệu học tập và các CSDL trực tuyến phù hợp với nhu cầu sử dụng, cụ thể: Năm 2018: các tài liệu giấy bao gồm giáo trình, khoá luận, luận án, luận văn, sách tham khảo, tạp chí viết có tỉ lệ đánh giá đủ về số lượng chiếm từ 67%-92%, tỉ lệ đánh giá chất lượng tốt và cập nhật chiếm từ 75%-84%; tài liệu số bao gồm: sách ngoại văn, tài liệu nội sinh, tạp chí viết và ngoại văn có tỉ lệ đánh giá đủ về số lượng chiếm từ 61%-84%, tỉ lệ đánh giá chất lượng tốt và cập nhật chiếm từ 72%-83%. Năm 2019: các tài liệu giấy bao gồm

giáo trình, KL-LV-LA, sách tham khảo, tạp chí viết có tỉ lệ đánh giá đủ về số lượng chiếm từ 62%-95%, tỉ lệ đánh giá chất lượng tốt và cập nhật chiếm từ 73%-81%; tài liệu số (sách ngoại văn, tài liệu nội sinh, tạp chí viết và ngoại văn) tỉ lệ đánh giá đủ về số lượng chiếm từ 57%-91%, tỉ lệ đánh giá chất lượng tốt và cập nhật chiếm từ 71%-82%. Năm học 2020-2021: Nguồn học liệu và Thư viện điện tử được đánh giá đạt Mức Tốt. Năm học 2021-2022: Nguồn học liệu và Thư viện điện tử được đánh giá đạt Mức Tốt và Rất Tốt **[TC.07.04.12]**.

Về vật tư, hóa chất, TTB hỗ trợ giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu của các bài thực tập và thực hành cho SV, góp phần giúp đào tạo ra các SV đạt chuẩn, nâng cao năng lực thực hành và nghiên cứu ứng dụng, chi tiết trong Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư của Phòng Vật tư và TTB hàng năm **[TC.07.04.34]**.

Nhà trường có CSDL theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn học liệu Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến thông qua các công cụ theo dõi, quản lý, đánh giá của các phòng chức năng.

- Về Nguồn học liệu: Thư viện có hệ thống theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng tài liệu bản giấy thông qua Sổ Nhật ký phục vụ bạn đọc, trong đó thống kê được lượt bạn đọc đến thư viện, lượt mượn tài liệu hàng ngày, hàng tháng, hàng năm **[TC.07.04.35]**. Sổ mượn tài liệu thư viện thống kê được số cán bộ, giảng viên mượn đọc tài liệu về nhà **[TC.07.04.36]**. Nhà trường đã đầu tư website Thư viện, phần mềm quản lý thư viện điện tử Libol6.0, Phần mềm quản lý thư viện số LibolDigital6.5. Hai phần mềm này đã tích hợp trên website của Thư viện. Hệ thống sẽ thống kê được lượt người học truy cập tài liệu số trên website thư viện **[TC.07.04.37]**.

- Về vật tư, hóa chất được theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng thông qua sổ nhật ký sử dụng vật tư và có đánh giá tại báo cáo hiệu quả đầu tư của Phòng Vật tư và TTB **[TC.07.04.34]** và bản tổng hợp kết quả khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo đều cho thấy đáp ứng nhu cầu, định mức bài thực tập **[TC.07.04.38]**. Ngoài ra còn được thể hiện tại biên bản thanh tra giám sát đào tạo, góp ý kiến của các cán bộ giảng viên trong toàn trường **[TC.07.04.39]**.

Hóa chất, vật tư, dược liệu, súc vật,... phục vụ thực tập được cấp phát theo một quy trình chặt chẽ **[TC.07.04.40]** từ khâu xây dựng định mức, lập kế hoạch, tổ chức mua sắm, cấp phát và quản lý sử dụng rất chặt chẽ được theo dõi ở sổ dự trù, cấp phát, nhật ký sử dụng nguyên vật liệu và sổ liệu kiểm kê tồn kho sau khi kết thúc năm học. Mỗi quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa phòng chức năng và bộ môn đơn vị đã tạo kênh tiếp thu ý kiến phản hồi và nâng cao chất lượng cung cấp. Kết quả khảo sát qua các năm 2017-2021 cho thấy sự đồng ý của người học về hoá chất, súc vật, TTB là CSVC đầy đủ (11

ý kiến, 3,19%), tốt (1 ý kiến, 0,29%); Phòng thí nghiệm tốt (2 ý kiến); TTB thực hành đầy đủ, hiện đại (9 ý kiến, 2,61%); hóa chất, dụng cụ được đáp ứng đầy đủ (4 ý kiến, 1,16%) thể hiện tại bảng tổng hợp kết quả khảo sát người học [TC.07.04.38]. Quy định của nhà nước về đấu thầu là dự toán mua sắm các hàng hóa trên giá rẻ nhất vì vậy mong muốn được trang bị các hàng hóa tiêu chuẩn cao hoặc các hàng hóa cùng tiêu chuẩn nhưng sản xuất ở những nước tiên tiến là rất khó khăn. Vì vậy không tránh khỏi, đánh giá của người học mới chỉ dừng lại ở mức khá do chỉ một bộ phận nhỏ DC thí nghiệm chưa được trang bị như mong muốn.

- Về TTB hỗ trợ giảng dạy được theo dõi qua Sổ quản lý giảng đường, kế hoạch giảng dạy [TC.07.04.41]. Sổ tài sản và công cụ dụng cụ 2018-2022 [TC.07.04.42]. Lịch sử dụng phòng thực tập [TC.07.04.43]. Nhật ký sử dụng máy [TC.07.04.44].

Các TTB hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, ti vi, màn hình led loa, mic, âm ly,...được theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thông qua nhật ký theo dõi báo hỏng, sửa chữa các thiết bị CNTT [TC.07.04.45]; lịch sử sử dụng phòng máy phục vụ giảng dạy, học tập và tổ chức thi [TC.07.04.46]; sổ tài sản công cụ và dụng cụ [TC.07.04.42]. Hàng năm tiến hành kiểm kê đối chiếu tài sản, công cụ dụng cụ giữa phòng chức năng và các đơn [TC.07.04.47].

Năm 2021, phòng Quản lý CSVC phối hợp với phòng ĐBCL và Khảo thí tiến hành khảo sát phản hồi VC-NLĐ (VC-NLĐ) về hoạt động CNTT, bản báo cáo đánh giá đúng thực trạng hệ thống TTB hỗ trợ giảng dạy hiện tại của trường như vị trí đặt màn chiếu, chất lượng máy chiếu, hệ thống âm thanh [TC.07.04.48].

Các nguồn học liệu của Thư viện, Vật tư, hóa chất phục vụ thực hành, thiết bị hỗ trợ giảng dạy phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường luôn được cập nhật.

- Về Nguồn học liệu của Thư viện:

+ Tài liệu giấy (sách, giáo trình, luận án, luận văn, khóa luận) được cập nhật trên phần mềm quản lý Thư viện Libol6.0. Dữ liệu sau khi được biên mục, tạo đăng ký cá biệt sẽ được quản lý trên phần mềm. Tổng số đăng ký cá biệt của tài liệu từng kho Thư viện sẽ tăng lên theo từng năm. Tổng số đầu tài liệu giấy của Thư viện (Sách tham khảo, giáo trình, tạp chí...) cụ thể qua các năm là: Năm 2017: 11.336, Năm 2018: 12. 251, Năm 2019: 12.575, Năm 2020: 13.150, Năm 2021:13.772 [TC.07.04.22].

+ Tài liệu số (ebook, luận án, luận văn, khóa luận, tạp chí) được cập nhật trên phần mềm quản lý thư viện Libol6.5. Tổng tài liệu số của Thư viện được trích xuất dữ liệu trên phần mềm theo từng năm. Tổng số tài liệu số của Thư viện (ebook, luận án,

luận văn, khóa luận, tạp chí) cụ thể qua các năm là: Năm 2017: 5.382, Năm 2018: 7.292, Năm 2019:12.941, Năm 2020: 17.600, Năm 2021: 19.621 [TC.07.04.22].

- Về nguồn vật tư, hóa chất phục vụ thực hành, thiết bị hỗ trợ giảng dạy được cập nhật tại các danh mục TTB, vật tư, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm được đầu tư hàng năm [TC.07.04.49], Sổ tài sản và công cụ dụng cụ [TC.07.04.42].

Nhìn chung, Nhà trường đã quan tâm đầu tư, mua sắm mới các TTB, học liệu, các CSDL trực tuyến. Hàng năm, có rà soát, đánh giá, có dữ liệu đánh giá hiệu quả sử dụng. Thường xuyên cập nhật các TTB, học liệu, các CSDL trực tuyến để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường đã xây dựng Dự án nâng cấp hệ thống mạng và đầu tư thiết bị CNTT của Trường năm 2022 [TC.07.04.50] và đề án chuyển đổi số HUP [TC.07.04.51]. Trong đó, có nhiều hạng mục đầu tư cho học liệu, TTB hỗ trợ giảng dạy của nhà trường, số hóa nguồn học liệu để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Để thực hiện tốt các yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, HUP đã có sự phân công chức năng nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường [TC.07.05.01], [TC.07.05.02]. Cụ thể, Bộ phận Y tế là đơn vị chịu trách nhiệm về các công tác y tế như: chăm sóc sức khỏe ban đầu; khám một số bệnh thông thường và sơ cấp cứu ban đầu cho các HVSV, VC-NLĐ, thực hiện mua BHYT cho SV tham gia BHYT [TC.07.05.01], [TC.07.05.02]. Đồng thời, thành lập Hội đồng Bảo hộ lao động, ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy, ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn [TC.07.05.05], [TC.07.05.06]. Đặc biệt, khi dịch Covid-19 bùng phát tại Việt Nam, Trường đã thành lập Ban chỉ đạo, tổ an toàn COVID, Đội phòng, chống dịch COVID-19 [TC.07.05.07]. Phòng CSVC - TTB (gộp từ Phòng QLCSVC và VT-TTB) là đơn vị chịu trách nhiệm về hệ thống điện nước, cảnh quan môi trường, TTB phòng chống cháy nổ.

Ngoài ra, với mong muốn tăng cường chất lượng, Nhà trường ký hợp đồng dịch vụ với các đơn vị để đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường trong Trường. [TC.07.05.03], [TC.07.05.04].

Hàng năm, Nhà trường luôn chú trọng đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Kết quả đầu tư cho môi

trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện ở Bảng 7.5.1.

Bảng 7.5.1. Nguồn kinh phí phân bổ giai đoạn 2017-2022 (đơn vị: VNĐ)

T	Nội dung	2017	2018	2019	2020	2021
1	Khám sức khỏe cho VC, NLĐ	185.030.000	212.688.000	246.190.000	281.292.000	274.396.000
2	Mua thuốc, TTB y tế phục vụ VC, NLĐ, HV, SV	81.737.338	100.090.875	51.635.010	280.475.744	65.441.750
3	Chi phí cho phòng cháy chữa cháy	50.073.500	17.052.500	15.200.000	9.200.000	4.700.000
4	Phun hóa chất diệt côn trùng, phòng chống dịch bệnh	55.192.000	79.080.000	70.151.625	76.299.900	7.000.000

Về công tác sức khỏe, Y tế cộng đồng: Trường có cơ sở khám chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT quy định về tổ chức và hoạt động của trạm y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp [TC.07.05.02]. Nhà trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người học. 100% VC-NLĐ và SV đều được nhà trường tổ chức mua Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể đầy đủ. Trạm Y tế trực tổ chức sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho VC-NLĐ và HVSV trong suốt quá trình học tập và làm việc tại trường [TC.07.05.02].

Căn cứ kế hoạch công tác y tế trường học đã được ban hành, Trạm Y tế của nhà trường đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học như: trang bị cơ sở thuốc và vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh và sơ cấp cứu ban đầu, phòng chống dịch bệnh theo mùa. Trạm Y tế xây dựng kế hoạch khám sức khỏe cho VC-NLĐ và SV chính quy nhập học hằng năm [TC.07.05.08], [TC.07.05.09], [TC.07.05.10]; ngoài ra, Trạm Y tế còn kết hợp với Công đoàn tổ chức các đợt khám sức khỏe đặc biệt theo chuyên đề cho VC-NLĐ trong Trường. Kế hoạch triển khai mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cho VC-NLĐ và SV hằng năm. Từ kế hoạch được phê duyệt, tiến hành lựa chọn đơn vị và ký kết hợp đồng khám sức khỏe, mua bảo hiểm thân thể cho SV chính quy nhập học trong năm [TC.07.05.11], [TC.07.05.12], [TC.07.05.13].

Nhà trường chủ động đón đầu các bệnh dịch theo mùa để phòng tránh, kiểm soát và ứng phó kịp thời với các đợt dịch bệnh xảy ra. Nhà trường luôn chú trọng thực hiện công tác xử lý môi trường nước, phun hóa chất trong phòng, chống dịch bệnh. Hằng

năm, Bộ phận Y tế chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự toán và lựa chọn đơn vị thực hiện phun thuốc diệt muỗi, diệt chuột trong toàn trường.

Đặc biệt, với đặc trưng là Trường đào tạo nhân lực về y tế, Nhà trường thu hút sự tham gia tích cực của HVSV vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh. Đoàn Thanh niên tổ chức nhiều ngày dọn vệ sinh môi trường, vệ sinh giảng đường với sự tham gia tích cực của SV. Trạm Y tế phối hợp với ĐTN tổ chức tập huấn sơ cấp cứu ban đầu cung cấp nhiều kiến thức hữu ích cho SV. **[TC.07.05.16], [TC.07.05.17].**

Đặc biệt, từ 2020 đến nay, khi dịch bệnh COVID-19 bùng nổ ở Việt Nam, BGH nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo, Tổ an toàn, Đội phòng chống dịch COVID-19 **[TC.07.05.07]**. Đồng thời, vào tháng 7-8/2021, khi nhận thấy sự ảnh hưởng của dịch bệnh đến các SV đang nằm trong khu vực bị cách ly, phong tỏa và các SV kẹt lại tại Hà Nội, Nhà trường đã tổ chức hoạt động hỗ trợ cho các SV với số quà trao gần 100 triệu đồng **[TC.07.05.18]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Chiến lược, kế hoạch tài chính được lập căn cứ các quy định về tài chính, kế toán, ngân sách...hiện hành; sát với thực tế và đáp ứng được những yêu cầu của các mặt hoạt động chính của Nhà trường.

Kế hoạch tài chính được thực hiện một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động. Quy trình quản lý tài chính của Nhà trường rõ ràng, thống nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật. Công tác lập kế hoạch, dự toán được phân công cụ thể cho các đơn vị và được thực hiện tốt. Cơ cấu nguồn thu, chi được định kỳ rà soát, đánh giá.

Nguồn thu hợp pháp của Nhà trường (ngoài NSNN) có xu hướng tăng dần qua các năm góp phần mở rộng đầu tư, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Nhà trường có một hệ thống các phòng thí nghiệm với TTB đáp ứng nhu cầu giảng dạy và NCKH trên chuẩn, phù hợp với xu thế mới, với phương pháp dạy và học của Nhà trường cũng như của các nước trong khu vực và thế giới (chuẩn là Định mức KTKT ban hành kèm theo Quyết định số ...).Hệ thống theo dõi, đánh giá CSVC, CSHT thường xuyên và hàng năm CSVC, CSHT được rà soát, đầu tư bổ sung, nâng cấp, sửa chữa với kinh phí khá lớn, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hầu hết các quy trình quản lý. Hệ thống wifi được lắp đặt tại các giảng đường và phòng họp đáp ứng nhu cầu truy

cập. Hệ thống máy chiếu được trang bị đầy đủ cho hệ thống các giảng đường, được kiểm tra, sửa chữa định kỳ trước kỳ học đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.

Nhà Trường đã có bộ phận quản trị các nguồn lực về học tập, được trang bị đầy đủ CSVC, không gian yên tĩnh, thoáng mát, có nhiều cây xanh, tạo hứng thú cho người học đến học tập và NCKH tại Thư viện. Phòng CSVC - VTTTB quản trị tốt các nguồn lực về hóa chất, TTB hỗ trợ giảng dạy, có kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn học liệu, hóa chất, vật tư, nguyên vật liệu, dược liệu, xúc vật thí nghiệm..., TTB hỗ trợ giảng dạy; Có rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư, chất lượng cung cấp và hàng hóa cấp phát phục vụ đào tạo và nghiên cứu, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD.

Đặc biệt, năm 2022. Nhà trường đã xây dựng Dự án nâng cấp hệ thống mạng và đầu tư thiết bị CNTT của Trường năm 2022 và xây dựng đề án chuyển đổi số HUP. Trong đó, có nhiều hạng mục đầu tư cho học liệu, TTB hỗ trợ giảng dạy của nhà trường, số hóa nguồn học liệu để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH trong thời đại kỷ nguyên số.

Với đặc trưng là đơn vị đào tạo nhân lực y tế, Nhà trường có đội ngũ VC-NLĐ và kể cả người học có chuyên môn y tế cao, chuyên nghiệp; việc chăm sóc sức khỏe không chỉ thực hiện chuyên biệt bởi Trạm Y tế mà mỗi VC, NLĐ và HVSV đều góp phần quan trọng vào công tác này. Nhà trường cũng được Bộ Y tế tạo điều kiện tham gia các dự án nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu, nâng cấp hạ tầng, hiện đại hóa cơ sở đào tạo...

Công tác y tế cộng đồng, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an ninh trật tự được thực hiện chuyên nghiệp với sự hỗ trợ của nhiều đơn vị chức năng có chuyên môn cao. Việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự được chú trọng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Công tác lập kế hoạch tài chính chi tiết theo hoạt động hàng năm đã được triển khai thực hiện là một bước cải tiến lớn của Trường, tuy nhiên do là hoạt động mới, đồng thời cần được tổng hợp từ tất cả các phòng ban, đơn vị trong Trường nên quá trình xây dựng còn chậm.

Dự án đầu tư cơ sở mới do cơ chế chính sách và điều kiện triển khai gặp nhiều khó khăn nên dù rất nhiều nỗ lực vẫn còn chưa triển khai đúng tiến độ đề ra.

Nguồn đầu tư TTB được cấp hàng năm còn hạn chế nên cơ hội thay thế các TTB đắt tiền hay đầu tư mới các TTB bắt kịp với các xu thế nghiên cứu mới ở một vài lĩnh vực cũng bị hạn chế nhất định.

Nhà trường cần thúc đẩy quá trình số hóa dữ liệu, đào tạo trực tuyến; các phần mềm chưa có CSDL dùng chung; Website xây dựng trên nền tảng sharepoint designer 2010 đã quá cũ, giao diện bố cục không thân thiện, thuận tiện cho người dùng.

Hạ tầng CNTT, hệ thống mạng được đầu tư từ năm 2009, tuy đã nâng cấp nhưng nhỏ lẻ không đồng bộ vì vậy, tốc độ đường truyền và độ ổn định còn một số hạn chế nên không đáp ứng được đầy đủ nhu cầu truy cập của người dùng.. Nguồn CSDL trực tuyến chưa phong phú.

Quy định của nhà nước về đấu thầu là mua các hàng hóa rẻ nhất thị trường vì vậy mong muốn được trang bị các hàng hóa tiêu chuẩn cao hoặc các hàng hóa cùng tiêu chuẩn nhưng sản xuất ở những nước tiên tiến là rất khó khăn vì vậy cũng có ảnh hưởng phần nào đến mong muốn nâng cao chất lượng cung cấp học liệu phục vụ thực tập, nghiên cứu.

Chưa có dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Bắt đầu triển khai công tác xây dựng kế hoạch tài chính trong Trường từ quý III hàng năm	P.TCKT	Quý III-IV hàng năm	
	Khắc phục tồn tại 2	Thúc đẩy tiến độ triển khai dự án đầu tư cơ sở 2: lập kế hoạch, tổ chức lựa chọn nhà thầu và nghiệm thu bàn giao CSV, hạ tầng đầu tư mới của Dự án Xây dựng HUP thành trường đại học ngang tầm khu vực, dự kiến hoàn thành vào 2025	BQLDA và các phòng liên quan	2022-2025	
	Khắc phục tồn tại 3	Đa dạng hóa các nguồn đầu tư CSHT, CSV, TTB	P.TCKT là đầu mối và các đơn vị, CBVC phối hợp	Hàng năm	
	Khắc phục tồn tại 4	Thúc đẩy quá trình số hóa dữ liệu (Đẩy mạnh quá trình	Trung tâm thông tin thư	2022-2030	

		chuyển đổi số trong nhà trường)	viện là đầu mối, các đơn vị phối hợp		
	Khắc phục tồn tại 5	Xây dựng CSDL dùng chung (kết nối các dữ liệu dùng chung giữa các phần mềm của các đơn vị)	Trung tâm thông tin thư viện là đầu mối, các đơn vị phối hợp	2023-2030	
	Khắc phục tồn tại 6	Nâng cấp website	Trung tâm thông tin thư viện là đầu mối, các đơn vị phối hợp	2023	
	Khắc phục tồn tại 7	Nâng cấp hạ tầng CNTT và hệ thống mạng	Trung tâm thông tin thư viện là đầu mối, các đơn vị phối hợp	2023	
	Khắc phục tồn tại 8	Tổ chức đào tạo trực tuyến	Các đơn vị	2023	
	Khắc phục tồn tại 9	Tăng cường nguồn CSDL trực tuyến: Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh giao lưu, hợp tác, phân quyền sử dụng các CSDL của các đơn vị trong và ngoài nước	Trung tâm thông tin thư viện là đầu mối, các đơn vị phối hợp	Năm 2022-2030	
	Khắc phục tồn tại 10	Kết nối CSDL dùng chung. Trong nhà trường để thuận tiện trong việc khai thác, sử dụng dụng và quản lý các dữ liệu chung của nhà trường và Nâng cấp nền tảng CNTT, thiết bị hỗ trợ giảng dạy...: Nhà trường đã xây dựng Dự án nâng cấp hệ thống mạng và đầu tư thiết bị CNTT của HUP năm 2022 và xây dựng đề án chuyển đổi số trường ĐHDHN giai đoạn 2022-2025, định hướng năm 2030	Trung tâm thông tin thư viện là đầu mối, các đơn vị phối hợp	Năm 2022-2030	

	Khắc phục tồn tại 11	Tiến hành quan trắc, đánh giá điều kiện ATVSLĐ ở Trường	TC-HC đầu môi, các đơn vị phối hợp	Năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 12	Tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của VC-NLĐ, HV-SV	ĐBCL&KT đầu môi, các đơn vị phối hợp	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện kế hoạch tài chính một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD	Phòng TCKT làm đầu môi, các đơn vị phối hợp	Hoạt động thường quy	
	Phát huy điểm mạnh 2	Lập kế hoạch năm và trung hạn 3 năm: đầu tư sửa chữa, xây mới, nâng cấp CSHT; đầu tư thay thế, bổ sung thiết bị bằng nguồn NSNN vào quý 3 hàng năm; tổ chức sửa chữa, xây dựng và mua sắm các TTB bằng các nguồn kinh phí NSNN, kinh phí khác hàng năm, thực hiện vào quý 2 hàng năm.	Phòng TCKT làm đầu môi, các đơn vị phối hợp	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 3	Tích cực triển khai NCKH diện rộng trên nguồn TTB dồi dào hiện có để nâng tầm cơ sở đào tạo, tăng cường các ứng dụng KHCN vào thực tế thông qua liên kết nghiên cứu, tăng thu hút các nhà nghiên cứu trong ngành cùng hợp tác nghiên cứu và đấu thầu nhiều đề tài các cấp để tăng nguồn kinh phí mua sắm TTB.	Phòng KHCN và HTPT đầu môi, các đơn vị và chủ trì nghiên cứu phối hợp	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 4	Ứng dụng CNTT trong các quy trình quản lý của trường	Trung tâm thông tin thư viện là đầu môi, các đơn vị phối hợp	2023	

	Phát huy điểm mạnh 5	Tăng cường kiểm tra, sửa chữa các thiết bị CNTT tại các đơn vị và giảng đường	Trung tâm thông tin thư viện là đầu mối, các đơn vị phối hợp	2023	
	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục phát huy những điểm mạnh trong công tác quản trị, lập kế hoạch, đầu tư, bảo trì, rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư, chất lượng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD .	Trung tâm thông tin thư viện, Phòng CSVC-VTTTB là đầu mối theo chức năng nhiệm vụ, các đơn vị phối hợp	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn ATVSLĐ, PCCC, sơ cấp cứu ban đầu	P.TC-HC đầu mối, Phòng Công tác HVSV - Y tế, ĐTN phối hợp	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục tổ chức khám sức khỏe cho VC-NLĐ, SV	Phòng Công tác HVSV - Y tế	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 9	Tiếp tục tổ chức mua BHYT, BHTT cho VC-NLĐ và SV	Phòng Công tác HVSV - Y tế	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 10	Tiếp tục kiểm tra thường xuyên hệ thống PCCC, bình cứu hỏa	Phòng CSVC-VTTTB	Định kỳ	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	5,0
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Trong 5 năm qua, HUP không ngừng tăng cường phát triển mạng lưới và quan hệ đối ngoại để từng bước đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược được xác định tại Quy hoạch phát triển Trường qua các giai đoạn **[TC.08.01.01]**, **[TC.08.01.02]**.

HUP ban hành Quyết định thành lập phòng HTQT số 54/QĐ-DHN ngày 16/1/2009 **[TC.08.01.03]**, sau các đợt luân chuyển và điều chuyển, đến nay phòng HTQT có 05 viên chức biên chế và kiêm nhiệm (01 thạc sĩ quan hệ quốc tế & cử nhân luật, 01 thạc sĩ kinh tế “kiêm nhiệm BM quản lý kinh tế được 30%”, 01 thạc sĩ y sinh & cử nhân ngoại ngữ, 01 tiến sĩ được “kiêm nhiệm P. HTQT 30%” và 01 thạc sĩ quan hệ quốc tế. Tại Quy chế tổ chức và hoạt động trường cùng hệ thống các văn bản pháp quy liên quan, Nhà trường đã phân cấp và quy định cụ thể về đơn vị đầu mối trong tổ chức quản lý thống nhất hoạt động HTQT, trong xây dựng kế hoạch và giám sát triển khai các hoạt động đối ngoại theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. Phòng HTQT căn cứ theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch, kết nối, điều phối và phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại trong quản lý thống nhất hoạt động HTQT **[TC.08.01.04]**, **[TC.08.01.05]**. Với mục tiêu tăng cường quản lý thống nhất hoạt động HTQT và phát triển mạng lưới đối ngoại, nhà trường ban hành quy chế HTQT và các quy trình trong triển khai, giám sát, báo cáo và giải ngân các hoạt động HTQT. Quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, mối quan hệ và vai trò của các bên liên quan, về kiểm tra, giám sát và phân cấp, yêu cầu về sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành của từng mảng nội dung làm căn cứ trong tổ chức thực hiện và phối hợp **[TC.08.01.05]**, **[TC.08.01.06]**, **[TC.08.01.07]**, **[TC.08.01.08]**, **[TC.08.01.09]**.

Chính sách HTQT và kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại được thống nhất và đồng thuận của ĐU, HĐT, tập thể ban giám BGH và các đơn vị trong trường tại các Nghị quyết của Đảng uỷ & HĐT, Chiến lược trung hạn & dài hạn của Nhà trường, kế hoạch thực hiện trung hạn và báo cáo đánh giá kết quả & phương hướng hàng năm của Nhà trường [TC.08.01.10], [TC.08.01.11], [TC.08.01.12], [TC.08.01.13], [TC.08.01.14]. Căn cứ trên chính sách, kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại của Nhà trường, căn cứ trên ưu tiên của ngành và đối tác, chiến lược & kế hoạch HTQT trung hạn được xây dựng và xác định chỉ tiêu cần đạt [TC.08.01.15], [TC.08.01.16]; [TC.08.01.17]. Chỉ tiêu chính giai đoạn 2021-2025:

Bảng 8.1.1. Một số chỉ tiêu HTPT chính giai đoạn 2021-2025

TT	Hoạt động	Đầu ra mong muốn	Chỉ tiêu thực hiện 2021-2025	Ghi chú
A. Hoạt động HTQT trong đào tạo				
A.1	Hội nhập chương trình giáo dục: xây dựng chương trình giáo dục, CTCT, CTĐT thực hành nghề nghiệp, CHƯƠNG TRÌNH CPD.	- Một số CTĐT chi tiết, chương trình CPD được tư vấn/ đầu tư trong xây dựng - Tham gia kiểm định CTĐT theo chuẩn quốc tế	03 CTĐT/ CT CPD được ban hành 08 CTĐT được kiểm định quốc tế	
A.2	Tăng cường các chương trình liên kết, CTĐT bằng tiếng nước ngoài	- Các chương trình bằng kép được đề xuất, phê duyệt, thực hiện. - Các CTĐT ngắn hạn cho SV quốc tế được đề xuất (bao gồm các gói thu phí)	01 chương trình double degree hoặc liên kết 06 CTĐT cho SV quốc tế	
A3	Trao đổi giảng viên			
	Giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy tại HUP (1 số tín chỉ nhất định)	Số lượng giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy (ĐH và SDH) tại HUP	6 lượt người (3% trên tổng GV)	
	Giảng viên HUP đi giảng dạy, NCKH tại nước ngoài (một số tín chỉ/ hoặc nghiên cứu trên 3 tháng)	Số lượng giảng viên HUP tham gia giảng dạy tại các trường đối tác	10 - 12 lượt người (5% trên tổng GV)	
A4	Trao đổi SV			
	SV quốc tế đến học tập tại HUP (được công nhận tương đương)	Số lượng SV quốc tế	58 SV (1% trên tổng quy mô)	Bao gồm SV chính quy Lào, Campuchia

	SV HUP đến học tập, NCKH tại các trường đối tác (được công nhận tương đương)	Số lượng SV HUP (được công nhận tương đương)	58 SV (1% trên tổng quy mô)	
B. Hoạt động HTQT trong NCKH (thông qua các dự án, chương trình hợp tác có yếu tố quốc tế)				
B.1	Tìm kiếm và tăng cường các nguồn lực trong triển khai KHCN (Nghị định thư, hợp tác công tư, nguồn đầu tư, xã hội hóa, đối ứng)	Các hợp đồng hợp tác công ty, dự án nghị định thư, hợp đồng dịch vụ được ký và thực hiện	- Tỷ lệ kinh phí từ các dự án nghiên cứu quốc tế/ GV: 1 tỷ (mức chuẩn UPM: 30 triệu)	Cần có đơn vị tư vấn về luật. Cần nhắc đầu tư lab đạt chuẩn
B.2	Hình thành, kiện toàn các nhóm nghiên cứu mũi nhọn	Các nhóm nghiên cứu mũi nhọn được thành lập	01 nhóm nghiên cứu mũi nhọn	Có sự tham gia của chuyên gia QT
B.3	Tổ chức, phối hợp tổ chức Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế	Số Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế được tổ chức	06 Hội nghị, hội thảo	
C. Nâng cao năng lực và nội lực HUP (thông qua các dự án, chương trình hợp tác có yếu tố quốc tế)				
C.1	Nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, viên chức, cán bộ quản lý về đào tạo, NCKH, quản trị đại học	Đội ngũ giảng viên, viên chức được nâng cao năng lực (từ xa, tại chỗ, tại nước ngoài)	500 lượt người được nâng cao năng lực	
C.2	HTPT	Thỏa thuận hợp tác Viện – Trường – Doanh nghiệp trong đào tạo, NCKH, quản trị đại học được ký, triển khai	70% các MOU ký kết được triển khai thực hiện	
C.3	Tham gia và tăng cường hiện diện tại các diễn đàn quốc tế	Tham gia của HUP tại các diễn đàn quốc tế, tổ chức quốc tế	Tham gia 01 tổ chức/ diễn đàn quốc tế	

Các chỉ tiêu chính của chiến lược và kế hoạch HTQT & phát triển mạng lưới đối tác nêu trên được xác định dựa trên: (i) tầm nhìn và sứ mạng của HUP đến 2045; (ii) kế hoạch thực hiện trung hạn 2021-2025 của HUP; (iii) chiến lược trung hạn 2021-2025 của các mảng đào tạo, KHCN, ĐBCL, tổ chức và tài chính của HUP.

Để đảm bảo kế hoạch HTQT hàng năm được đề xuất phù hợp với mục tiêu ưu tiên, chiến lược của Nhà trường trong đào tạo, NCKH, quản trị đại học, nâng cao năng lực viên chức HUP và cải thiện CSVC & TTB, phù hợp với nhu cầu và mong muốn của các đơn vị trong trường, hàng năm Nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch HTQT căn cứ trên đề xuất của các đơn vị trực thuộc, đề xuất của đối tác trong và ngoài nước, ưu

tiên của Ngành và Nhà tài trợ và chiến lược cùng ưu tiên của Nhà trường. Kế hoạch HTQT hàng năm được báo cáo Bộ Y tế làm cơ sở xin chủ trương của cơ quan quản lý theo đúng quy định tại Quy chế HTQT của Bộ Y tế và được thông tin tới các đơn vị trong trường cùng cán bộ viên chức làm căn cứ trong triển khai thực hiện và đánh giá hàng năm **[TC.08.01.18]**.

Với tầm nhìn đến 2045, HUP là trường tự chủ, định hướng đại học nghiên cứu và ĐMST, hội nhập về giáo dục với các nước trong khu vực, trong 5 năm qua Nhà trường đã định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch kêu gọi viện trợ dưới nhiều hình thức: viện trợ chính thức không hoàn lại, hợp tác đầu tư, hợp tác công tư và xã hội hóa. Hợp tác Trường - Viện - Doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng được hoạch định trong lập kế hoạch, cụ thể: đẩy mạnh triển khai HTQT đi vào chiều sâu; từng bước thúc đẩy hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước trong đào tạo, NCKH và CGCN, từng bước triển khai liên kết đào tạo và trao đổi giảng viên, SV trên 1 học kỳ có công nhận tương đương... **[TC.08.01.17]; [TC.08.01.11]**.

Kế hoạch HTQT và phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại được phổ biến đến các đơn vị thuộc/ trực thuộc Trường, các Ban QLDA/ chương trình hợp tác, cán bộ, viên chức & người lao động thông qua kế hoạch HTQT hàng năm, thông tin đối ngoại trên trang web (Anh và mảng HTQT tiếng Việt), các bài viết về truyền thông, bản tin sự kiện về các lễ ký kết và các thông báo liên quan **[TC.08.01.19]**. Trên 85% người tham gia lấy ý kiến phản hồi đều cho rằng có biết, nắm bắt được kế hoạch HTQT và phát triển mạng lưới, quan hệ đối ngoại hằng năm. Kế hoạch HTQT hằng năm bao gồm các nội dung chính về kế hoạch: đoàn ra, đoàn vào, trao đổi SV, hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn, dự án chương trình hợp tác đang triển khai; kế hoạch vận động dự án chương trình hợp tác; kế hoạch ký kết thỏa thuận hợp tác (trong và ngoài nước)....

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Căn cứ Quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2010-2020, tầm nhìn 2030 và Chiến lược kế hoạch phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045 **[TC.08.02.01]**, **[TC.08.02.02]**, Trường ĐH Dược Hà Nội đã xây dựng chiến lược HTQT giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025, kế hoạch HTQT 2016-2020 cùng kế hoạch HTQT hàng năm làm cơ sở tổ chức thực hiện các chính sách, các hoạt động đối ngoại, các thỏa thuận để không ngừng phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Trường. Hàng năm, Nhà trường đã ban hành kế hoạch hoạt động HTQT, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm. Bên cạnh đó tùy thuộc tính

chất và quy mô, Nhà trường sẽ phê duyệt kế hoạch thực hiện năm của dự án, chương trình hợp tác làm cơ sở tổ chức thực hiện và đánh giá cuối năm. Căn cứ trên kế hoạch trung hạn, kế hoạch hằng năm và nhiệm vụ trọng tâm, P.HTQT là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan xúc tiến tìm kiếm đối tác (trong và ngoài nước), vận động các nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật trong triển khai và thực hiện các chỉ tiêu cần đạt của hoạt động đào tạo, KHCN, quản trị đại học, nâng cao năng lực và cải thiện CSVC cùng TTB cho Trường **[TC.08.02.03], [TC.08.02.04], [TC.08.02.05]**.

Trong 5 năm qua, tuy ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19 khiến một số hoạt động HTQT tạm dừng, hoãn hoặc điều chỉnh kế hoạch thực hiện, nhưng HUP cũng đã đạt được một số thành tựu nhất định trong:

(i) Về đào tạo: (a) Thực hiện đổi mới, đổi mới và xây dựng CTĐT. Để thực hiện chương trình chất lượng cao, HUP đã thực hiện đổi mới CTĐT của HUP với CTĐT của ĐH Mahidol. Để xây dựng và triển khai đề án liên kết đào tạo quốc tế, HUP đã thực hiện đổi mới CTĐT của HUP với ĐH Sydney **[TC.08.02.06], [TC.08.02.07]**; (b) Xây dựng và ban hành thực hiện 04 chương trình CPD trong đào tạo DLS và được cộng đồng **[TC.08.02.08]**; (c) Chương trình trao đổi SV được tổ chức theo hướng tiến tới công nhận tương đương và được lồng ghép trong các chương trình chính khoa của Nhà trường và các trường đối tác. Hoạt động trao đổi giảng viên và SV được tăng cường cả về chất và số lượng **[TC.08.02.09], [TC.08.02.10], [TC.08.02.11]**;

(ii) Về NCKH: (a) Số lượng Thỏa thuận hợp tác, Thỏa thuận tài trợ, hợp đồng dịch vụ, bài báo quốc tế về KHCN tăng so với giai đoạn trước **[TC.08.02.12], [TC.08.02.13], [TC.08.02.14], [TC.08.02.15], [TC.08.02.16]** (b) Các nguồn viện trợ chính thức cũng được chú trọng tìm kiếm và vận động. Hoạt động hợp tác công tư và tăng cường hợp tác Trường – Viện- Doanh nghiệp được đẩy mạnh **[TC.08.02.17], [TC.08.02.18]**; (c) tăng cường năng lực giảng viên, viên chức thông qua các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn có yếu tố quốc tế và các chương trình trao đổi **[TC.08.02.10], [TC.08.02.19]**;

(iii) Về quản trị đại học và tăng cường nội lực Trường: (a) Góp phần tăng cường năng lực cho đội ngũ VC-NLĐ của Nhà trường về tổ chức đào tạo, xây dựng chương trình, ĐBCL, NCKH...thông qua các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn trong nước và các chương trình đoàn ra tại nước ngoài **[TC.08.02.10], [TC.08.02.19]**; (b) Góp phần trong tăng cường CSVC và học liệu cho Trường **[TC.08.02.08], [TC.08.02.20], [TC.08.02.21]**; (c) Góp phần trong tăng cường nguồn thu và vận động các nguồn tài trợ hợp pháp trong triển khai chiến lược, mục tiêu ưu tiên của Sứ mệnh, Tầm nhìn của Nhà Trường **[TC.08.02.22]**.

(iv) Một số kết quả chính trong 2017-2021: Xúc tiến ký kết được 87 thỏa thuận hợp tác, thỏa thuận tài trợ, hợp đồng có yếu tố quốc tế; 24 thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong nước (đối tác có pháp nhân Việt Nam); tổ chức tiếp đón 182 đoàn vào với 494 lượt người và 51 đoàn ra với 197 lượt người; Tổ chức tiếp đón 14 đoàn SV quốc tế với 51 lượt người và 12 đoàn ra với 46 lượt người; Tìm kiếm và vận động được 172 xuất học bổng cho SV nghèo vượt khó và SV xuất sắc tương đương khoảng 1,3 tỷ đồng; Tổ chức và đồng tổ chức 71 hội thảo, lớp tập huấn có yếu tố quốc tế với khoảng 11.251 đại biểu, trong đó có 196 đại biểu quốc tế; Tìm kiếm và vận động được khoảng 60 chương trình xã hội hóa tương đương khoảng 7,48 tỷ đồng [TC.08.02.23], số lượng cụ thể từng năm như sau:

Bảng 8.2.1. Kết quả hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2022

Nội dung	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
Thỏa thuận hợp tác, thỏa thuận tài trợ, hợp đồng tài trợ	9	26	16	21 MOU quốc tế	15 MOU quốc tế	87 MOU được ký có yếu tố quốc tế
				04 MOU trong nước		04 MOU trong nước
Đoàn vào (lượt)	35	54	52	24	17	182 đoàn vào
	(90 lượt người)	(125 lượt người)	(198 lượt người)	(60 lượt người)	(21 lượt người)	(494 lượt người)
Đoàn ra (lượt) HTQT	12 đoàn ra	18 đoàn ra	19 đoàn ra	1 đoàn ra	1	51 đoàn ra
	(17 lượt người)	(39 lượt người)	(34 lượt người)	(2 lượt người)	(1 lượt người)	97 lượt người
Chương trình trao đổi SV – đoàn vào	3 đoàn vào (9 lượt người)	7 đoàn vào (22 lượt người)	4 đoàn vào (20 lượt người)	Không có	Không có	14 đoàn vào (51 lượt người)
Chương trình trao đổi SV – đoàn ra	3 đoàn ra (05 lượt người)	4 đoàn ra (20 lượt người)	5 đoàn ra (21 lượt người)	Có 01 đoàn với 9 SV dự học online.	Không có	12 đoàn ra với 46 lượt người và 09 SV dự học online
HB (suất, tổng tiền)	45 học bổng	37 học bổng	30 học bổng	30 học bổng	30 học bổng	172 suất học bổng
	360, 2 tr.đ	432,6 tr.đ	250 tr.đ	263 tr.đ	263 tr.đ	1.305,8 tr.đ

Nội dung	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
Hội thảo/tập huấn/Sinh hoạt KH (tại chỗ, từ xa)	05 (220 đại biểu, 17 đại biểu quốc tế)	20 (1074 đại biểu, 53 đại biểu quốc tế)	13 (4106 đại biểu, 47 đại biểu quốc tế)	19 (2289 đại biểu, 8 đại biểu quốc tế)	14 (3462 đại biểu, 71 đại biểu quốc tế)	71 (11.251 đại biểu, 196 đại biểu quốc tế)
Chương trình DA được phê duyệt, triển khai thực hiện	15	13	11	13		
Dự án, chương trình xã hội hóa (nâng cao năng lực, học bổng và NCKH)	06 CT/DA xã hội hóa	12 dự án, chương trình xã hội hóa	13 CT/DA xã hội hóa	17 CT/DA xã hội hóa	12 CT/DA xã hội hóa	60 CT/DA xã hội hóa
	715.327.575 đồng	1.521.353.986 đồng	856.532.000 đồng	2.546.440.200 đồng	1.844.059.200 đồng	7.483.712.961 đồng

Tổng hợp một số kết quả chính trong triển khai dự án, chương trình hợp tác giai đoạn 2017-2020 [TC.08.02.20]:

Bảng 8.2.2. Một số kết quả chính trong triển khai dự án, chương trình hợp tác giai đoạn 2017-2020

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Tổng kinh phí	Kết quả thực hiện
1	Dự án hỗ trợ hệ thống y tế, hợp phần cảnh giác được 2.1 - HUP (Dự án GF)	2012-2017	TTQG, Ban QLDA	Tổng kinh phí là 7.324.707 USD (giai đoạn 2012-2017), nguồn ODA không hoàn lại của Quỹ toàn cầu. Giai đoạn 2016-2017 đã giải ngân: 823.348 USD và 430 triệu VND đối ứng từ Chính phủ VN	Mục tiêu, hợp phần hoạt động dự án (2012-2017): 1.Hỗ trợ tăng cường năng lực của Trung tâm quốc gia về thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc (DI-ADR) 2.Xây dựng hệ thống báo cáo tự nguyện quốc gia về tác dụng không mong muốn của thuốc. 3.Tiến hành xây dựng và phát triển chương trình theo dõi tích cực hoặc giám sát tiến cứu ADR trong các chương trình sức khỏe cộng đồng.

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Tổng kinh phí	Kết quả thực hiện
					4. Thành lập hệ thống phản hồi thúc đẩy việc sử dụng thuốc an toàn. 5. Xây dựng mạng lưới quốc gia để quảng bá tầm quan trọng và thực hiện các hoạt động cảnh giác được. Kết quả thực hiện 2016-2017: - Số lượng lớp tập huấn được tổ chức: 38 lớp, 1486 học viên (là CBYT) - Tăng cường hệ thống báo cáo tự nguyện và phản hồi thông tin (03 quyền hướng dẫn sử dụng thuốc và tờ rơi) - Tăng cường theo dõi tích cực ADR trong 3 Chương trình y tế mục tiêu Quốc Gia
2	Dự án phát triển nguồn nhân lực y tế (ADB)	2012-2016	ĐT, Ban QLDA	Tổng kinh phí: 77.849.172.478 đồng, trong đó: - 6.268.965.728 đồng chi thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo: các lớp tập huấn, học bổng cho Thạc sĩ, Tiến sĩ, cho SV ưu tú; Hội thảo; triển khai các đề tài NCKH. - 71.580.206.750 đồng chi mua sắm tài sản, TTB phục vụ đào tạo, NCKH; và cải tạo CSVC	Kết quả thực hiện Hợp phần dự án HUP trong dự án ADB (2012-2016): - Trang bị một số lượng lớn thiết bị NCKH, thiết bị giảng dạy, thiết bị văn phòng cho HUP (11 bộ môn, 2 phòng ban và viện Công nghệ được phẩm nhận được bổ sung thiết bị hỗ trợ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập với tổng kinh phí tương đương 3.362.939 USD). - Tổ chức 41 lớp tập huấn, 11 hội thảo trong nâng cao năng lực cán bộ quản lý, giảng viên, VC-NLĐ HUP và các trường thành viên trong dự án ADB. - Triển khai 26 đề tài NCKH được triển khai trong khuôn khổ dự án; một số lượng bài báo được đăng là sản phẩm đầu ra của các đề tài NCKH thuộc dự án và việc ứng dụng các thiết bị nghiên cứu do dự án đầu tư. - Cung cấp học bổng, tạo cơ hội và giúp đỡ SV có hoàn cảnh khó khăn (94 SV được nhận học bổng

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Tổng kinh phí	Kết quả thực hiện
					của dự án với tổng kinh phí đã cấp là 287.200.000 đồng). -Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, viên chức HUP (09 người với tổng kinh phí khoảng 204.895.000 đồng) thông qua các học bổng thạc sĩ, tiến sĩ thuộc dự án.
3	Chương trình Master Mekong Pharma: liên kết đào tạo Thạc sĩ Khoa học Dược với Cộng hòa Pháp (Dự án M1M2)	2012-2019	SĐH, Ban QLDA	HUP tiếp nhận khoảng 1,177 tỷ đồng giai đoạn 2016-2020 và các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật (các trường ĐH của Pháp, AUF và Quỹ Pierre Fabre)	Kết quả thực hiện 2012-2019: -Tổ chức 6 khóa thạc sĩ khoa học dược. -Đào tạo 27 thạc sĩ Việt Nam. -35 giảng viên HUP tham gia giảng dạy/ trợ giảng tại nước ngoài. -Hỗ trợ 11 tài liệu tham khảo bằng tiếng Pháp và sửa chữa bảo trì 02 thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy – NCKH.
4	Dự án “xây dựng HUP ngang tầm khu vực” (VNM 44), nguồn vốn vay ưu đãi của chính phủ Hàn Quốc.	2014-2023	VPDA, Ban QLDA	- 45 triệu USD vốn vay ưu đãi từ Chính phủ Hàn Quốc (thi công xây dựng, mua sắm TTB và nâng cao năng lực) và 244,8 tỷ VND vốn đối ứng từ Chính phủ Việt Nam (GPMB, thuế, phí và QLDA) - Giai đoạn 2016-2020 đã giải ngân 53.490.888.593 đồng	Mục tiêu, hợp phần hoạt động (2014-2023) -Xây dựng 9 tòa nhà và hạ tầng khu A và B của Cơ sở HUP tại Bắc Ninh -Mua sắm và lắp đặt thiết bị tòa nhà, thiết bị NCKH, đào tạo và quản trị đại học -Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, VC-NLĐ của HUP. - Giải phóng mặt bằng và bồi thường - Các loại hình tư vấn đặc thù, thuế, phí, và QLDA. Kết quả thực hiện 2014-2020 -GPMB và bồi thường hơn 20 hecta đất tại Khu A và B (còn khoảng 300 m2 chưa di chuyển được mồ mã); hoàn trả hệ thống kênh mương và đường đi nội đồng khu A (hiện còn 1 phần của Khu B); Hoàn thành giai đoạn 1 đường gom của khu A và B. - Hoàn thành dự thảo, tổ chức thẩm tra và trình thẩm định, thẩm

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Tổng kinh phí	Kết quả thực hiện
					duyet, phê duyệt (bởi các cơ quan chuyên môn liên quan và Bộ Y tế): Hồ sơ thiết kế cơ sở, Hồ sơ thiết kế mặt bằng, Hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh, Hồ sơ thiết kế thi công, Thông số kỹ thuật thiết bị (thiết bị công trình, nghiên cứu, và đào tạo) và Hồ sơ dự toán công trình dự án. - Tư vấn về chiến lược phát triển và phương thức quản trị cho HUP - Tổ chức LCNT (các gói thầu quốc tế và trong nước), triển khai và quản lý các loại hình tư vấn đặc thù theo quy định. Tổ chức giám sát đánh giá dự án đầu tư giai đoạn 2009-2020. - Điều chỉnh chủ trương đầu tư, gia hạn Hiệp định vay vốn lần 1, phê duyệt lại văn kiện dự án. - Tổ chức QLDA theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và của Nhà tài trợ.
5	Dự án FCB: “Nâng cao năng lực đào tạo thực hành nghề dựa trên chuẩn năng lực cho HUP và các cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu hội nhập và hòa nhập giáo dục”	2017-2019	HTQT, Ban QLDA	-85.000 Euro ODA không hoàn lại từ CP Bỉ. -19.000 Euro vốn đối ứng từ HUP từ CSVN, thiết bị (không có tiền mặt)	- Đề xuất 02 CTCT về đào tạo thực hành định hướng DLS và được cộng đồng - Tổ chức các lớp tập huấn (07), hội thảo (01) về xây dựng chương trình, về xây dựng ngân hàng câu hỏi, về đảm bảo và kiểm định chất lượng.... - Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia Bỉ trong xây dựng và tổ chức đào tạo thực hành nghề nghiệp, trong xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình giáo dục, CTCT.
6	Chương trình GIZ và TICA về “tiếp cận thuốc thảo dược chất lượng tốt giá cả hợp lý thông qua việc tăng	2017-2018	HTQT, Ban QLDA	-81.000 Euro ODA không hoàn lại từ Đức và Thái Lan (dự án hỗ trợ kỹ thuật, không có tiền mặt)	- Đề xuất 02 CTCT về đào tạo thực hành GMP và kiểm nghiệm dược liệu - Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về chương trình, về tiêu chuẩn hóa dược liệu, về đào tạo thực hành, về ĐBCL và GMP....

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Tổng kinh phí	Kết quả thực hiện
	<i>cường năng lực trong đào tạo và tiêu chuẩn hóa”</i>			-83 triệu VND đối ứng từ HUP	- 07 Giảng viên và 06 SV HUP được học tập, đào tạo, tham dự hội thảo tại Ghana và Thái Lan. -Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia Đức và Thái lan về các nội dung liên quan
7	Các dự án WHO (06 dự án)	2016-2021	TTQG, BM QLKTD, BM DLS	Tổng kinh phí của 06 dự án với WHO (2016-2020): 2.126.776.400 VND	- 02 dự án nghiên cứu và 02 dự án xây dựng chương trình CPD - Đề xuất 04 CTĐT CPD - 02 sản phẩm kết quả nghiên cứu được đề xuất theo nội dung hợp đồng ký kết -Tổ chức các lớp tập huấn và 02 hội thảo
8	Các dự án với Wallonie Bruxelles (02 dự án: 9C và 1.15B)	2016-2022	BM QLKTD và các bên liên quan	-Nguồn WB: Hỗ trợ kỹ thuật không có tiền mặt. -Đối ứng HUP: 250 triệu VND (vé máy bay cho đoàn ra của dự án 9C).	-Hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia Bỉ về sử dụng thuốc an toàn hợp lý, chăm sóc được... -Nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên HUP tại Bỉ và Việt Nam về đào tạo thực hành nghề nghiệp, về chăm sóc được và sử dụng thuốc an toàn hợp lý -Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về các nội dung liên quan
9	Các dự án xã hội hóa - với các doanh nghiệp (có yếu tố quốc tế): 54 thỏa thuận tài trợ, hợp đồng tài trợ.	2016-2021	HTQT (16), TTQG (30), BM DLS (04), QLKTD (02); QLSV (01); Dược lý (01)	54 thỏa thuận tài trợ, hợp đồng tài trợ, tương đương 6.209.537.739 đồng. Trong đó	- 02/54: Dự án NC (với GSK): kết quả nghiên cứu về phân tích chi phí – hiệu quả và phân tích tác động ngân sách của thuốc (theo dự kiến hợp đồng), tương đương: 1.300.370.000. BM QLKTD là đầu mối. - 14/54: Cung cấp 189 học bổng cho SV xuất sắc và SV nghèo vượt khó, tương đương 1.704.000.000 đồng. QLSV và HTQT là đầu mối tổ chức thực hiện. - 38/54: chương trình hợp tác trong tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo tập huấn trong nâng cao năng lực, cung cấp tài liệu tham khảo về DLS, CTĐT nguyên tắc Nghiên cứu và thiết kế lâm sàng, chăm sóc được tương đương:

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Tổng kinh phí	Kết quả thực hiện
					3.205.167.739 đồng. TTQG, HTQT, DLS, Dược lý là đầu mối.
10	Dự án nghị định thư với Đài Loan	2019-2022	PGS. Lập BM Hóa Sinh và nhóm nghiên cứu	4.028 tỷ VND, giai đoạn 2019-2020 đã giải ngân khoảng 1.9 tỷ đồng	Kết quả mong muốn của dự án: - 01 sản phẩm dạng I - 04 sản phẩm dạng II - 04 sản phẩm dạng III, 01 bài báo ISI và 03 bài báo trong nước
11	Dự án với TT Yakuzemi Nhật Bản: “Tăng cường chất lượng hệ thống kỳ thi tốt nghiệp của một số trường đại học dược tại Việt Nam và xây dựng CTĐT liên tục cho DS qua hình thức E-learning”.	2020-2021	ĐT và Ban QLDA	Hỗ trợ kỹ thuật không có tiền mặt Vốn đối ứng: con người, CSVC và một phần kinh phí quản lý (10,42trđ năm 2020)	- Chia sẻ CSDL ngân hàng câu hỏi kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề quốc gia của Nhật. - Xây dựng thí điểm 90 câu hỏi và tổ chức thi thử (pilot) cho SV năm thứ 5 - Đề xuất cấu trúc đề thi phù hợp với thực trạng của Việt Nam - Tổ chức Hội thảo HUP-YDHCM và Nhật bản về kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề quốc gia của Nhật.
12	Dự án EDUSHARE – chương trình Erasmus plus KA2 với Estonia (ĐH Tartu), CHLB Đức (ĐH Greifswald); Anh (ĐH Essex); Thụy điển (Viện Karolinska) và 05 trường đại học Y Dược của Việt Nam. Đối tác chính của Việt Nam là Trường Đại học Y Dược Huế.	2016-2020	HTQT, SĐH và các đơn vị liên quan	Tổng kinh phí: 958.804 Euro (trong đó kinh phí HUP tiếp nhận: 29.845 Euro, chi trả vé máy bay và sinh hoạt phí cho các đoàn đi nước ngoài và Huế) ODA không hoàn lại của Chương trình Erasmus plus KA2	- Nâng cao năng lực giảng viên, cán bộ HUP tại các nước Châu Âu và tại chỗ (09 lượt tại Châu Âu và 10 lượt tại Huế) - Tổ chức các Hội thảo, lớp tập huấn về đào tạo sinh y, về nâng cao năng lực NCKH tại Huế và Hà Nội - Chia sẻ và hỗ trợ xây dựng CTĐT tiến sĩ sinh y (chuẩn Châu Âu) tại ĐHY Dược Huế

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Tổng kinh phí	Kết quả thực hiện
13	Các chương trình Erasmus plus KA1 (01 với Tiệp (ĐH Praha), 01 với Italy (ĐH Camerino), 01 với Đức (ĐH Greifwald), 03 với Estonia (ĐH Tartu).	2016-2022	HTQT, các đơn vị liên quan	Hỗ trợ kỹ thuật từ các trường đại học của Châu Âu (không có tiền mặt)	- 08 nghiên cứu sinh được tham gia học tập, nghiên cứu tại các trường của Châu Âu (06 đi Italy (Camerino), 01 đi Tiệp (ĐH Praha), 01 đi Estonia (ĐH Tartu). -13 giảng viên, viên chức HUP được đào tạo, tham gia giảng dạy, trao đổi tại các trường đại học của Châu Âu. -10 lượt giảng viên nước ngoài (7 từ Tiệp, 02 từ Ý và 01 từ Estonia) đến giảng dạy, chia sẻ chuyên môn tại HUP thông qua các lớp tập huấn. - Hiện còn 03 xuất đi Estonia và 02 xuất đi CHLB Đức: chưa thực hiện (do Covid 19).
14	Dự án Mekong Pharma Network	2019-2022	SĐH, các đơn vị liên quan	-Hỗ trợ kỹ thuật từ các trường đại học CH Pháp, AUF, PF - Giải ngân 2019-2020: 214 triệu VND (nguồn hỗ trợ từ Quỹ Pierre Fabre)	- Sản phẩm đến T3/2021 (tài trợ từ AUF và PF), do Covid nên DA tạm dừng: -Hệ thống máy chủ E learning -Màn hình ghép tại HT 1
15	Chương trình DU với CH Pháp về cảnh giác dược, dịch tễ, pha chế thuốc độc tế bào	2009-nay	HTQT, SĐH, BM QLKTD, BM Bào chế, TTQG.	Hỗ trợ kỹ thuật từ ĐH Bordeaux II và ĐSQ CH Pháp (không có tiền mặt)	-Tổ chức các lớp tập huấn cơ bản, nâng cao về cảnh giác dược, dịch tễ và pha chế thuốc độc tế bào. - Đào tạo 02 giảng viên trình độ thạc sĩ về dịch tễ tại CH pháp, 01 SV trình độ thạc sĩ tại CH Pháp, và một số xuất ngắn hạn cho SV tại Pháp. -Tư vấn về đối sánh và cập nhật chương trình, học liệu trong giảng dạy cảnh giác dược, dịch tễ và pha chế thuốc độc tế bào. -Tư vấn cho khối bệnh viện về thiết kế phòng pha chế, SOP trong tổ chức pha chế các loại thuốc độc tế bào.

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Tổng kinh phí	Kết quả thực hiện
16	Dự án nghiên cứu với Quỹ VLIR Bỉ: “Phát triển và ứng dụng kỹ thuật bao bồi để bào chế viên nén Berberin giải phóng tại đại tràng”	2014-2016	BM Bào chế	74,802 Euro tương đương 1,951,320.98 tỷ VNĐ	Phát triển và ứng dụng kỹ thuật bao bồi để bào chế viên nén berberin giải phóng tại đại tràng; Đánh giá tương tác giữa polyme bao màng và hóa chất dẻo; đánh giá nồng độ berberin trong huyết tương chó sau khi uống viên giải phóng tại đại tràng.

Xây dựng và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong nước được xác định và thực hiện theo đúng chủ trương, chính sách HUP được quy định tại Chiến lược phát triển Trường qua các giai đoạn. Việc xúc tiến HTPT trong nước đã góp phần huy động các nguồn lực trong nước từng bước tăng cường chất lượng đào tạo và NCKH tại Trường. Các thỏa thuận hợp tác đã điều chỉnh phương thức tiếp cận đào tạo thực tập, thực tế sang chú trọng đào tạo thực hành nghề nghiệp cho SV với xu hướng có hưởng lương, lồng ghép thực hành nghề nghiệp và NCKH trong tổ chức đào tạo. Hoạt động kết nối với doanh nghiệp, bệnh viện, chuỗi hệ thống nhà thuốc được xem xét và hoạch định với mục tiêu từng bước chuẩn hoá và ĐBCL trong đào tạo thực hành nghề nghiệp và kỹ năng, năng lực nghiên cứu của SV trong và SDH [TC.08.02.12], [TC 08.02.21], [TC.08.02.24].

Tăng cường hợp tác đi vào chiều sâu với các đối tác nước ngoài, tìm kiếm và vận động các nguồn viện trợ chính thức, các hình thức hợp tác công tư và xã hội hóa góp phần từng bước thực hiện mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn của Trường theo Chiến lược phát triển Trường qua các giai đoạn và kế hoạch thực hiện HTQT hàng năm. Sản phẩm của các dự án, chương trình hợp tác, chương trình hợp tác công tư, các thỏa thuận tài trợ và thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ đã từng bước góp phần nâng cao nội lực Trường trong: tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên, viên chức; chuẩn hoá hoạt động quản trị đại học; nâng cao chất lượng tổ chức đào tạo và công tác ĐBCL và tăng cường đầu tư CSVC và nguồn thu cho Trường [TC.08.02.08], [TC.08.02.20], [TC.08.02.22], [TC.08.02.25].

Công tác triển khai hoạt động HTQT, mạng lưới đối tác, quan hệ đối ngoại được tổ chức thực hiện và hoàn thành vượt chỉ tiêu xác định tại Chiến lược HTQT qua các giai đoạn [TC.08.02.20], [TC.08.02.25]. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, việc chưa tiệm cận của CTĐT được của Việt Nam với các nước và việc điều chỉnh, cập nhật

của hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước nên một số dự án, chương trình hợp chưa đạt được chỉ tiêu tại Chiến lược HTQT qua các giai đoạn như (tiến độ triển khai còn chậm): (i) chương trình liên kết; (ii) Dự án “xây dựng HUP ngang tầm khu vực” vốn vay ưu đãi của Chính phủ Hàn Quốc. Nhà trường đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị và các bên liên quan trong thúc đẩy tiến độ và điều chỉnh phương thức tổ chức phù hợp với thực trạng của dự án, chương trình hợp tác [TC.08.02.26], [TC.08.02.27], [TC.08.02.28], [TC.08.02.29].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Căn cứ trên Chiến lược, kế hoạch HTQT trung hạn 2016-2020 và 2021 – 2025 [TC.08.03.01], [TC.08.03.02], [TC.08.03.03], căn cứ trên kế hoạch HTQT, kết quả thực hiện công tác HTQT năm trước và kết quả lấy ý kiến phản hồi, hàng năm HUP đã thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch HTQT làm cơ sở trong tổ chức triển khai thực hiện. Để đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật Việt Nam, công tác lập kế hoạch và kết quả triển khai thực hiện hàng năm đều được báo cáo, cập nhật thông tin với Bộ Y Tế và được thông tin tới các đơn vị trong Trường, các Ban QLDA/ chương trình hợp tác, các viên chức & NLD của Trường [TC.08.03.04], [TC.08.03.05].

Hàng năm, HUP định kỳ rà soát, đánh giá kết quả hoạt động của mạng lưới HTQT so với chiến lược trung hạn và kế hoạch HTQT hàng năm được duyệt. Các đơn vị thuộc và trực thuộc HUP cùng các ban QLDA báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, trình bày khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp, cụ thể: việc ký MOU; trao đổi SV; đoàn vào; đoàn ra; hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn có yếu tố quốc tế; các chương trình xã hội hoá; các dự án, chương trình hợp tác... Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm và báo cáo kết quả triển khai HTQT trung hạn là căn cứ trong rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu và phát triển về đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại [TC.08.03.06], [TC.08.03.07].

Từ năm 2020, với mục tiêu tăng cường hiệu quả mạng lưới và quan hệ đối ngoại, HUP tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của viên chức HUP đánh giá công tác lập kế hoạch, công tác đánh giá hiệu quả, đánh giá hiệu quả của hoạt động HTQT trong đào tạo, NCKH, quản trị đại học và nâng cao năng lực. Đánh giá tần suất tham gia hoạt động HTQT của các đơn vị thuộc/ trực thuộc. Đánh giá mức độ hài lòng và lấy ý kiến góp ý về công tác HTQT và mạng lưới, quan hệ đối ngoại. Bên cạnh đó HUP cũng tổ chức Hội nghị chuyên đề HTQT với mong muốn cập nhật thông tin đối ngoại tới các đơn vị, chia sẻ kết quả và kinh nghiệm trong triển khai các hoạt động HTQT làm cơ sở cho việc cải tiến công tác HTQT [TC.08.03.08], [TC.08.03.09].

Với mục tiêu, sứ mệnh và tầm nhìn đến 2045, trong những năm qua, HUP luôn đẩy mạnh rà soát, đánh giá hiệu quả và phát triển mạng lưới đối tác trong triển khai các hoạt động theo thoả thuận hợp tác đã ký kết, đảm bảo phù hợp và bám sát chiến lược phát triển của HUP cũng như chiến lược HTQT qua các giai đoạn **[TC.08.03.06]**, **[TC.08.03.07]**. Công tác đánh giá kết quả hoạt động HTQT và đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ được tổ chức định kỳ hàng năm từ các đơn vị, Ban QLDA/ chương trình hợp tác và được phòng HTQT tổng hợp thành báo cáo đánh giá chung của Trường làm cơ sở trong hoạch định chính sách, lập kế hoạch cải tiến và xác định chỉ tiêu thực hiện cho năm sau. Các bước trong tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm được thực hiện: (i) Nhà trường có công văn (đính kèm biểu mẫu) yêu cầu các đơn vị trong trường, các Ban QLDA/ chương trình hợp tác thực hiện báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm; (ii) P. ĐBCL & KT tổ chức lấy ý kiến phản hồi (khảo sát) về công tác HTQT đối với các đơn vị, Ban QLDA/chương trình hợp tác và viên chức & NLĐ trong Trường; (iii) P.HTQT căn cứ trên kết quả thực hiện của các đơn vị; căn cứ trên kết quả lấy ý kiến phản hồi tổng hợp thành báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác HTQT và phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường làm cơ sở báo cáo Bộ Y tế và thông tin tới các đơn vị trong Trường. Căn cứ trên kết quả thực hiện hiện, khó khăn vướng mắc và đề xuất của các bên liên quan, Nhà trường sẽ cân nhắc tổ chức Hội nghị/ Hội thảo chuyên đề HTQT với mục tiêu tăng cường công tác quản lý thống nhất và hiệu quả triển khai thực hiện của các dự án, chương trình hợp tác **[TC.08.03.09]**, **[TC.08.03.10]**.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, từ 2020 HUP tập trung phát triển mở rộng mạng lưới hợp tác trong nước với mục tiêu góp phần thực hiện chiến lược và quy hoạch phát triển Trường đến năm 2045. Hoạt động xúc tiến hợp tác trong nước được đẩy mạnh không chỉ số lượng mà công tác giám sát, đánh giá hiệu quả cũng được chú trọng và đảm bảo việc cân bằng nhân lực cũng như hài hoà lợi ích của các bên. Thông qua kết quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và mối quan hệ trong nước, Trường ĐH Dược Hà Nội đã thể hiện vai trò của trường đầu đàn trong lĩnh vực dược, trách nhiệm đối với xã hội trong tăng cường chất lượng và hiệu quả của hệ thống y tế tuyến cơ sở. Thoả thuận hợp tác nguyên tắc là căn cứ trong thực hiện ký kết và triển khai các hợp đồng dịch vụ trong lĩnh vực KHCN, tăng cường đào tạo thực hành nghề nghiệp và tư vấn chuyên môn **[TC.08.03.11]**, **[TC.08.03.12]**, **[TC.08.03.13]**, **[TC.08.03.14]**, **[TC.08.03.15]**.

Bảng 8.3.1. Thống kê thỏa thuận hợp tác trong nước đã ký giai đoạn 2017-2022

TT	Đơn vị ký MOU với HUP	Nội dung ưu tiên hợp tác	Thời gian ký kết	Sản phẩm đầu ra	Kinh phí (nếu có)
1	MOU ký với Công ty Dược phẩm Pharmacy	- Cấp học bổng cho SV HUP - Tiếp nhận SV thực tập, thực tế và thực hành nghề nghiệp có trả lương - HUP đào tạo liên tục, đào tạo lại cho đội ngũ nhân viên của chuỗi nhà thuốc Pharmacy	2022-	-50 học bổng / năm cho SV năm 04 - Tối thiểu 200 SV/ năm được tiếp nhận thực tập tại chuỗi nhà thuốc Pharmacy - Nhân viên Pharmacy được nâng cao năng lực	500 triệu VND/ năm (học bổng cho SV)
2	MOU ký với Công ty cổ phần dược phẩm Việt Mỹ	-Cấp kinh phí cho đội ngũ giảng viên, SV thực hiện đề tài nghiên cứu -Tiếp nhận SV thực tập, thực tế và thực hành nghề nghiệp có trả lương - HUP tư vấn và chuyên môn, học thuật trong quản lý chuỗi, quản lý Nhà thuốc GPP và khác ..	2022-2025	-Quỹ phát triển nghiên cứu cho giảng viên, SV HUP được đầu tư khoảng 200- 300 triệu/ năm - Tiếp nhận 50-100 SV thực tập, thực tế, thực 166ang nghề nghiệp mỗi năm (có trả lương) -Hoạt động tư vấn chuyên môn, học thuật được HUP cung cấp cho chuỗi nhà thuốc của Công ty cổ phần dược phẩm Việt Mỹ	200- 300 triệu VND/ năm
3	MOU ký với Sở Y tế Hà Nội	- HUP hỗ trợ 07 bệnh viện thuộc hệ thống của Sở Y tế HN trong ứng dụng phần mềm HUP thiết kế trong quản lý sử dụng thuốc tại BV - Phối hợp tổ chức Hội thảo về DLS - Tổ chức đào tạo lại, đào tạo liên tục cho nhân viên y tế của các BV thuộc Sở Y tế HN	2022-2025	-07 Bệnh viện trực thuộc hệ thống của Sở Y tế HN được tư vấn lắp đặt và sử dụng phần mềm - Các lớp đào tạo lại đào tạo liên tục được lập kế hoạch và tổ chức - HUP tư vấn về chuyên môn, học thuật cho Sở Y tế HN trong lĩnh vực liên quan - Hội thảo DLS được tổ chức định kỳ	
4	MOU Đa khoa Đức	-Tiếp nhận SV HUP thực tập, thực tế tại các bệnh	2019-2024	-SV HUP được tiếp nhận thực tập, thực tế tại các	

TT	Đơn vị ký MOU với HUP	Nội dung ưu tiên hợp tác	Thời gian ký kết	Sản phẩm đầu ra	Kinh phí (nếu có)
	giang	viên		bệnh viện	
5	MOU với BV Nhi TU	-Viên chức BV tham gia thỉnh giảng, đồng hướng dẫn khóa luận, luận văn, luận án - Phối hợp trong triển khai nghiên cứu - Giảng viên HUP tham gia hoạt động DLS tại bệnh viên.	2017-2022	- Viên chức BV tham gia thỉnh giảng trong các CTĐT HUP -Giảng viên, viên chức HUP tham gia hoạt động DLS, kinh tế được, cảnh giác được tại BV.	
6	MOU với BV E				
7	MOU với BV Tim HN				
8	MOU với BV Thanh Nhàn		2016-2021		
9	MOU với BV Vinmec		2017-2022		
10	MOU ký với Bệnh viện Saint Paul	-Tiếp nhận SV HUP thực tập, thực tế tại Bệnh viện - HUP tư vấn và tăng cường hoạt động DLS, sử dụng thuốc an toàn hợp lý cho khoa được của các bệnh viện - HUP tư vấn và ứng dụng phần mềm do HUP thiết kế trong quản lý sử dụng thuốc tại BV - Trao đổi viên chức của hai bên trong kiêm nhiệm một số vị trí quản lý hoặc tham gia thỉnh giảng	2020-2025	- SV HUP được tiếp nhận thực tập ,thực tế tại các bệnh viện - Một số Viên chức HUP kiêm nhiệm cán bộ quản lý của khoa được tại một số bệnh viện - Một số viên chức BV kiêm nhiệm giảng viên thỉnh giảng HUP - HUP tư vấn và phối hợp với BV trong chuẩn hoá hoạt động được bệnh viện. HUP tư vấn và triển khai phần mềm trong quản lý sử dụng thuốc tại BV.	
11	MOU ký với Bệnh viện Bạch Mai				
12	MOU ký với Bệnh viện Hữu nghị		2019-2024		
13	MOU ký với Bệnh viện 108				
14	MOU ký với BV K				
15	MOU ký với BV ĐH Y HN		2019-2029		
16	Trường ĐH Y Dược HCM	Hợp tác trong đào tạo, NCKH	2019-2024	Phối hợp trong triển khai dự án Yakuzami; trong đối sánh CTĐT; trong đồng tổ chức Hội nghị,	

TT	Đơn vị ký MOU với HUP	Nội dung ưu tiên hợp tác	Thời gian ký kết	Sản phẩm đầu ra	Kinh phí (nếu có)
				Hội thảo khoa học	
17	MOU ký với Công ty Cổ phần Nanogen	- Thành lập lab nghiên cứu/ kiểm nghiệm thuốc sinh học giữa hai bên - Thiết lập lab thực tập cho SV trong và SĐH về thuốc sinh học - Phối hợp triển khai các đề tài nghiên cứu - Phối hợp trong giảng dạy và tổ chức giảng dạy thực hành	2021-2025	-Thiết bị liên quan thuốc sinh học được chuyển giao cho các lab của HUP - Các đề tài nghiên cứu được hai bên phối hợp xây dựng và vận động - Giảng viên, viên chức HUP được nâng cao năng lực trong lĩnh vực thuốc sinh học (thực nghiệm và giảng dạy thực hành)	
18	MOU ký với công ty Cổ phần CPC1	- Tham gia giảng dạy thực hành, thực tế, thực hành nghề nghiệp cho SV HUP - Phối hợp trong triển khai NCKH	2021-2025	- SV HUP được tiếp nhận thực tập tại CPC 1 - Đề tài nghiên cứu giữa hai bên được thiết kế và tổ chức thực hiện	
18	MOU ký với Công ty Cổ phần dược phẩm CPC1	-Đào tạo thực hành cho SV -Hợp tác NCKH - Phối hợp triển khai giảng dạy lý thuyết và thực hành	2021-2025	-Tiếp nhận SV HUP thực tập hàng năm	
19	MOU ký với Viện kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	-Đào tạo SV thực hành -Hợp tác NCKH và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực kiểm nghiệm và xây dựng cụng thức kiểm nghiệm -Phối hợp triển khai giảng dạy lý thuyết và thực hành hàng năm -Phối hợp trong tổ chức Hội thảo và đăng bài trên các tạp chí của hai bên	2021-2025	-Tiếp nhận SV thực tập	
20	MOU ký với Bệnh viện Phụ sản Trung	-Đào tạo SV thực hành -Nâng cao năng lực DLS, thông tin thuốc và Cảnh	2022-2026	-Ứng dụng CNTT trọng hoạt động DLS tại BV và nâng cao năng lực Dược sỹ lâm sàng tại BV (GV	

TT	Đơn vị ký MOU với HUP	Nội dung ưu tiên hợp tác	Thời gian ký kết	Sản phẩm đầu ra	Kinh phí (nếu có)
	ương	giác được -Ứng dụng CNTT trong hoạt động DLS tại Bệnh viện -Phối hợp trong tìm kiếm và triển khai các đề tài KHCN		HUP hướng dẫn và đào tạo preceptor cho BV)	
21	MOU ký với Sở Y tế Hà Nội	-Tăng cường năng lực DLS cho khối các BV trực thuộc Sở Y tế Hà Nội -Áp dụng CNTT trong hoạt động DLS tại BV -Phối hợp trong đào tạo và NCKH	2022-2026	-Triển khai tư vấn ứng dụng CNTT tại các BV thuộc Sở Y tế Hà Nội -Tư vấn và đào tạo Preceptor cho BV - Tổ chức HT về công tác DLS, kết quả thực hiện 3 tháng của MOU	

Bên cạnh đó mạng lưới hợp tác có yếu tố quốc tế cũng được tích cực rà soát căn cứ trên ưu tiên của Nhà tài trợ, chủ trương của Chính phủ, ưu tiên của đối tác, thế mạnh của các bên, đề xuất của các đơn vị thuộc/ trực thuộc HUP và thực trạng ngành y tế Việt Nam. Do ảnh hưởng của diễn biến đại dịch covid 19, phương thức tổ chức các hoạt động HTQT cũng được điều chỉnh phù hợp với việc ứng dụng của công nghệ 4.0. Các hoạt động hội thảo, lớp tập huấn, họp định kỳ được điều chỉnh sang hình thức online. Hàng năm công tác rà soát mạng lưới đối ngoại, lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị thuộc/ trực thuộc HUP được tổ chức thực hiện góp phần trong điều chỉnh và xây dựng kế hoạch cũng như đề xuất chỉ tiêu. Mạng lưới đối tác, quan hệ đối ngoại với nước ngoài đã mang lại những hiệu quả nhất định trong: (i) Tái cấu trúc và cập nhật CTĐT; (ii) Tăng cường hoạt động NCKH; (iii) tăng cường năng lực trong tổ chức đào tạo, ĐBCL và quản trị đại học; (iv) Tăng cường CSVN và nguồn thu cho HUP;... **[TC.08.03.06], [TC.08.03.07], [TC.08.03.16], [TC.08.03.17].**

Công tác rà soát, cập nhật quy định, hướng dẫn trong Trường trong triển khai hoạt động HTQT và phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại được tổ chức thực hiện, trong giai đoạn 2017-2022: Quy trình ký MOU được xây dựng, ban hành; Quy chế HTQT được rà soát, cập nhật phù hợp với hệ thống văn bản pháp lý được cập nhật điều chỉnh của Nhà nước và phù hợp với thực tiễn của HUP **[TC.08.03.18], [TC.08.03.19].**

Các bước rà soát, cập nhật được thực hiện theo quy trình xây dựng Quy chế, Quy định, Quy trình của Trường ĐH Dược Hà Nội [TC.08.03.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Căn cứ trên kết quả triển khai công tác HTQT và phát triển mạng lưới, quan hệ đối tác, căn cứ trên kết quả lấy ý kiến phản hồi của viên chức HUP trong đánh giá công tác lập kế hoạch HTQT, công tác đánh giá hiệu quả hoạt động HTQT trong đào tạo, NCKH, quản trị đại học và nâng cao năng lực, Nhà trường đã điều chỉnh, xác định nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng kế hoạch thực hiện năm, quý, tháng của dự án, chương trình hợp tác làm cơ sở trong thúc đẩy tiến độ và hiệu quả đầu tư [TC.08.04.01], [TC.08.04.02], [TC.08.04.03], [TC.08.04.04], [TC.08.05], [TC.08.06], [TC.08.04.07], [TC.08.04.08].

Do tác động của đại dịch Covid - 19 khiến việc di chuyển giữa các quốc gia gặp khó khăn, từ năm 2020, việc phát triển và mở rộng đối tác, mạng lưới quan hệ trong nước được chú ý, một loạt các thoả thuận hợp tác với các bệnh viện, viện, văn phòng đại diện, doanh nghiệp (trong nước hoặc quốc tế) có trụ sở tại Việt Nam được đẩy mạnh ký kết, trong 5 năm 24 thoả thuận hợp tác trong nước được tổ chức ký kết. Các hoạt động kết nối hợp tác trong đào tạo và NCKH được ưu tiên xúc tiến [TC.08.04.09], [TC.08.04.10]. Cách tiếp cận mới trong phối hợp với các cơ sở đào tạo thực hành tổ chức thực hành nghề nghiệp có hưởng lương cho SV trong đại học của HUP. Số lượng SV tiếp nhận học bổng thông qua các mạng lưới quan hệ đối ngoại trong nước tăng về số lượng và giá trị học bổng trong các năm qua [TC.08.04.10], [TC.08.04.11], [TC.08.04.12].

Đối với hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực, để đáp ứng mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn theo chiến lược phát triển Trường đến 2030 và tầm nhìn 2045, căn cứ trên kết quả triển khai công tác HTQT giai đoạn 2016-2020, HUP đã tích cực đàm phán và triển khai trương trình chất lượng cao, chương trình liên kết với ĐH Sydney với hình thức đào tạo hai bằng để từng bước hội nhập đào tạo và thực hành nghề nghiệp với các nước trong khu vực [TC.08.04.05], [TC.08.04.08], [TC.08.04.13]. HUP và ĐH Sydney đang tích cực thực hiện đối sánh CTĐT, xây dựng đề án liên kết, trình hai chính phủ phê duyệt và tổ chức tuyển sinh vào năm học 2023-2024 [TC.08.04.08], [TC.08.04.14].

Đối với hoạt động KHCN, trong 5 năm qua, các thoả thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ KHCN được chú trọng trong ký kết và tổ chức thực hiện. Sản phẩm đầu ra của quốc tế hoá trong lĩnh vực NCKH cũng được ghi nhận với: (i) Nâng cao năng lực viên

chức thông qua Hội thảo, hội nghị khoa học [TC.08.04.15], [TC.08.04.16], (ii) Số bài báo trong nước và quốc tế tăng hàng năm [TC.08.04.17], [TC.08.04.18], [TC.08.04.19], [TC.08.04.20], (iii) Số hợp đồng, thỏa thuận trong thực hiện các đề tài KHCN tăng so với giai đoạn trước, đặc biệt các hợp đồng dịch vụ/ thỏa thuận có yếu tố quốc tế [TC.08.04.10], [TC.08.04.21], [TC.08.04.22], [TC.08.04.23] (iv) Số patient và hợp đồng chuyển giao tuy còn hạn chế nhưng có cải thiện [TC.08.04.24].

Do ảnh hưởng của đại dịch covid 19, một số dự án, chương trình hợp tác bị chậm tiến độ và điều chỉnh kế hoạch thực hiện, để đảm bảo hiệu quả đầu tư, Nhà trường đã quyết liệt chỉ đạo các ban QLDA, các đơn vị tư vấn, các đơn vị trực thuộc và phối hợp với các bên liên quan làm rõ những vướng mắc bất cập, nguyên nhân, giải pháp và tổ chức điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu cần) cùng thúc đẩy tiến độ dự án, chương trình hợp tác [TC.08.04.25], [TC.08.04.26]. Hoạt động quản trị đại học và nâng cao năng lực được chú ý đẩy mạnh thông qua các đoàn vào, đoàn ra, hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn có yếu tố quốc tế được tổ chức dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến [TC.08.04.15], [TC.08.04.16], [TC.08.04.27].

Sự phát triển mạng lưới đối tác (trong và ngoài nước) cùng việc điều chỉnh, cải tiến trong xây dựng kế hoạch, xác định chỉ tiêu và triển khai thực hiện đã góp phần giúp nhà trường đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược, cụ thể tại báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác HTQT 2016-2020 [TC.08.04.01]:

Bảng 8.4.1. Một số kết quả thực hiện chính về phát triển mạng lưới đối tác giai đoạn 2017-2022

TT	Nội dung	Đầu ra theo kế hoạch 2016-2020	Chỉ tiêu theo kế hoạch	Kết quả thực hiện 2016-2020	Chỉ tiêu hoàn thành	Ghi chú
1	Hoạt động HTQT trong đào tạo					
1.1	Góp phần tăng cường năng lực cho đội ngũ giảng viên, giảng viên thỉnh giảng, viện chức HUP	Giảng viên, viên chức được đào tạo tại chỗ, từ xa và nước ngoài	300 người	61 Hội thảo, lớp tập huấn có yếu tố quốc tế được tổ chức/ phối hợp tổ chức 63 đoàn/ 118 lượt người được đào tạo, tham dự hội thảo, trao đổi tại nước ngoài	100%	

1.2.	Góp phần tăng cường chất lượng đào tạo thực hành nghề	CTCT được xây dựng và đề xuất (GIZ và FCB)	04 chương trình	04 CTĐT thực hành được xây dựng và đề xuất (GIZ và FCB)	100%	
1.3	Rà soát và xây dựng chương trình giáo dục CTCT theo xu hướng hội nhập giáo dục	-Chuẩn được sỹ đại học được đề xuất -Chương trình giáo dục được xây dựng và đề xuất (dự án HPET-Worlbank)	01 chuẩn được sỹ đại học 01 chương trình giáo dục	Chuẩn được sỹ đại học được thông qua và ban hành (có tư vấn của chuyên gia quốc tế - dự án FCB)	50%	Dự án HPET không được duyệt,
1.4.	Đa dạng hóa loại hình và nâng cao chất lượng đào tạo thông qua các CTĐT hợp tác và liên kết quốc tế. Ưu tiên xây dựng đề xuất 01 chương trình liên kết đại học bằng tiếng Anh	Xây dựng và đề xuất 01 chương trình liên kết	01 chương trình liên kết	Chưa thực hiện được.		Việc chưa tương thích về chương trình giáo dục được giữa VN với các nước; khó khăn trong xây dựng và triển khai các chương trình Internship
2	Hoạt động HTQT trong NCKH					
2.1	Chia sẻ/ cập nhật thông tin về nhóm nghiên cứu, hướng ưu tiên nghiên cứu cho đối tác quốc tế	Số tin/ web hoặc thư trao đổi	50 tin trên web hoặc thư trao đổi	Số tin trên web về hoạt động KHCN 79 MOU ký kết	100%	
2.2	Tăng cường dự án, chương trình hợp tác trong nghiên cứu	01 dự án nghị định thư 03 đề tài, dự án nghiên cứu	01 nghị định thư 03 dự án NC	01 Nghị định thư với Đài loan. 04 dự án với WHO. 02 dự án nghiên cứu về kinh tế y tế với GSK 01 dự án VLIR	100%	MC: Hợp đồng ký kết với WHO, GSK và Các văn bản phê duyệt dự án Nghị định thư và VLIR.
2.3	Tăng cường năng lực tổ chức, quản lý của các nhóm nghiên cứu	Số lượng giảng viên, viên chức được đào tạo	30 người	61 Hội thảo, lớp tập huấn được đào tạo tại chỗ, từ xa và nước ngoài. 63 đoàn ra với 118 lượt người được đi đào tạo,	100%	MC: (i) thống kê đoàn ra; (ii) thống kê Hội thảo, lớp tập huấn

				trao đổi, tham dự hội thảo tại nước ngoài.		
3	HTQT trong nâng cao năng lực quản trị					
3.1	Tăng cường CSVC, TTB cho hoạt động giảng dạy, NCKH	Xây dựng các tòa nhà trụ sở Bắc Ninh, cung cấp TTB	5/9 tòa nhà Danh mục TTB	Cơ sở Bắc Ninh chưa triển khai thi công (VNM44) Danh mục TB được đầu tư từ dự án chương trình hợp tác (ADB, GF, M1M2, XHH..)	50%	MC: Danh mục TB, CSDL, tài liệu được đầu tư từ dự án/ chương trình hợp tác
3.2	Nâng cao năng lực giảng viên viên chức, giảng viên thỉnh giảng, học viên HUP về quản trị, tổ chức đào tạo, ĐBCL, quản lý nhân sự, quản lý tài chính và tổ chức chuyển giao sản phẩm công nghệ.	200 người được nâng cao năng lực	200 người	61 Hội thảo, lớp tập huấn (tại chỗ, từ xa) với 7854 đại biểu 118 lượt người được nâng cao năng lực tại nước ngoài	100%	MC: (i) Thông kê hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn; (ii) Thông kê đoàn ra
4	Quản lý thống nhất hoạt động HTQT					
4.1	Rà soát, cập nhật và hoàn thiện quy chế, các quy trình HTQT	02 quy trình được ban hành Hiệu chỉnh quy chế, quy trình	02 Quy trình	Ban hành 03 Quy trình: (i) Thẩm định, phê duyệt, triển khai, giám sát, báo cáo, thanh quyết toán dự án, chương trình hợp tác; (ii) Quy trình trao đổi SV; (iii) Quy trình đón tiếp khách quốc tế	100%	MC: 03 quy trình đã được ban hành từ 2016-2020
4.2	Tạo dựng hình ảnh và thông tin về HUP với các đối tác quốc tế	Biên soạn phim tiếng Anh về HUP	Phim giới thiệu HUP	Thông tin, hình ảnh HUP được thiết kế và lồng ghép trên trang web tiếng Anh HUP		Chưa phát hành phim giới thiệu HUP bằng tiếng Anh
4.3	Cập nhật thông tin về các hoạt động	50 tin trên web	50 tin	Số Tin được cập nhật tin trên	100%	MC: Danh mục tin trên

	đào tạo, NCKH, tổ chức và hệ thống hành chính HUP trên website- mục tiếng Anh.			web 2016-2020 (tiếng Anh và tiếng Việt)		web HUP từ 2016 – 2020; Giao diện web HUP
4.4	Đảm bảo hoạt động HTQT của HUP tuân thủ các quy định hiện hành (đoàn ra, đoàn vào, dự án, chương trình hợp tác)	Báo cáo định kỳ, đột xuất	Không có chỉ tiêu	Đảm bảo tuân thủ đúng các quy định; không có nhắc nhở, ý kiến về công tác HTQT	100%	

“Chương trình liên kết” và “dự án xây dựng HUP ngang tầm khu vực” là 02 dự án, chương trình góp phần giúp Nhà trường tiệm cận được với tầm nhìn sứ mạng và đặc biệt đáp ứng được các yêu cầu về quốc tế hóa của CSGD bậc đại học. Cụ thể việc xây dựng và triển khai chương trình liên kết sẽ góp phần đạt chỉ tiêu về mở và cung cấp các chương trình tiến tiến giảng dạy bằng tiếng Anh; tăng cường việc trao đổi giảng viên, SV của HUP với các trường đối tác. Việc triển khai và hoàn thành chỉ tiêu cùng sản phẩm đầu ra của dự án “xây dựng HUP ngang tầm khu vực” với nguồn vốn vay ưu đãi của Chính phủ Hàn Quốc 45 triệu USD và vốn đối ứng của chính phủ Việt Nam khoảng 244,8 tỷ VND sẽ góp phần rút ngắn và trang bị CSVN cùng TTB, hệ thống lab và môi trường dạy- học đạt chuẩn khu vực cho HUP.

Công tác truyền thông về kết quả triển khai công tác HTQT, phát triển mạng lưới & quan hệ đối ngoại, cập nhật thông tin đối ngoại và quảng bá về HUP được cập nhật chia sẻ thông qua các báo cáo năm của ĐU, HĐT, biên bản họp giao ban HUP, báo cáo hội nghị công chức viên chức hàng năm, báo cáo giai đoạn và hàng năm của công tác HTQT, hội thảo chuyên đề HTQT, trang web HUP (Anh – Việt) tới giảng viên, VC-NLĐ, HVSV và đối tác của HUP [TC.08.04.28], [TC.08.04.29], [TC.08.04.30]. Trên 85% người được lấy ý kiến phản hồi về công tác HTQT đề cho rằng hoạt động HTQT đã góp phần đáng kể trong công tác đào tạo, NCKH, quản trị đại học, đầu tư CSVN và TTB cùng nâng cao năng lực đội ngũ viên chức của HUP [TC.08.04.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh;

- Có chính sách, chiến lược, kế hoạch rõ ràng trong phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của HUP. Có quy định chỉ tiêu cụ thể tại chiến lược, kế hoạch HTQT qua các giai đoạn làm

căn cứ trong tổ chức thực hiện. Xây dựng kế hoạch định kỳ hàng năm làm căn cứ trong báo cáo xin chủ trương Bộ chủ quản theo quy định và làm cơ sở trong tổ chức thực hiện.

- Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả và lấy ý kiến phản hồi định kỳ làm cơ sở trong thực hiện điều chỉnh kế hoạch và chỉ tiêu của năm sau, đồng thời đề xuất phương án cùng kế hoạch cải tiến. Chỉ tiêu được tham khảo, tham chiếu và đề xuất tại kế hoạch thực hiện với mục tiêu tiệm cận các tiêu chuẩn ĐBCL CSGD quốc tế.

- Hoạt động HTQT, mạng lưới đối ngoại được triển khai thực hiện theo đúng chủ trương chính sách của Chính phủ, Bộ Y Tế và các bộ ngành liên quan, các quy định của Trường ĐH Dược Hà Nội và góp phần tăng cường nội lực HUP.

- Đa dạng, đa loại hình hợp tác (hợp tác song phương, hợp tác đa phương) với các hình thức viện trợ không chính thức, hợp tác đầu tư, hợp tác công tư và xã hội hoá. Có mối quan hệ hợp tác tốt, đi vào chiều sâu với nhiều đối tác trong và ngoài nước.

- Từ 2020, do ảnh hưởng của đại dịch covid 19, công tác HTQT và phát triển mạng lưới đối tác, quan hệ đối ngoại được điều chỉnh phương thức và hình thức tổ chức thực hiện để phù hợp với bối cảnh của thế giới và thực trạng trong nước, cụ thể: (i) Tăng cường hợp tác trong nước, mở rộng và phát triển mạng lưới đối tác trong nước trong đào tạo và NCKH; (ii) Điều chỉnh phương thức tổ chức các hoạt động HTQT từ trực tiếp sang trực tuyến (bao gồm trao đổi SV, giảng viên); (iii) Xúc tiến, tìm kiếm các chương trình, dự án hợp tác.

- Xây dựng, cập nhật, ban hành quy chế, các quy trình làm hành lang pháp lý trong phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại và quản lý thống nhất hoạt động HTQT

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Xác định chỉ tiêu và ưu tiên trong xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới đối tác (trong nước): Do trước T10/2020, hoạt động phát triển mạng lưới đối tác trong nước được thực hiện theo các đơn vị đầu mối chuyên môn (P.Đào tạo, P.QLKH, P.TC-HC...) và từ T10/2020 Nhà trường chỉ định P.HTQT là đơn vị đầu mối trong triển khai hoạt động HTPT (trong nước), theo đó sau khi sát nhập P.QLKH và P.HTQT, cần xác định cụ thể ưu tiên và chỉ tiêu trong xây dựng kế hoạch trung hạn và hàng năm về triển khai hoạt động HTPT đối tác trong nước làm cơ sở trong triển khai thực hiện và đánh giá kết quả hàng năm.

- Chương trình liên kết và dự án xây dựng HUP ngang tầm khu vực (dự án VNM 44) còn chậm tiến độ do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, việc cập nhật điều chỉnh của hệ thống văn bản pháp quy và sự chưa tương thích về chương trình & mô hình đào tạo giữa Việt Nam với các nước.

- Do sự chưa tương thích của mô hình đào tạo và chương trình khung đào tạo được sỹ bậc đại học của Việt Nam so với các nước trong khu vực, nên việc xây dựng và triển khai chương trình liên kết cũng như trao đổi SV tối thiểu 1 học kỳ có công nhận tương đương cần thời gian để xây dựng kế hoạch và phương án tổ chức thực hiện.

- Công tác rà soát kết quả triển khai thỏa thuận hợp tác (MOU) trong nước cần được đẩy mạnh và đa dạng hóa làm cơ sở đề xuất cải tiến và tăng cường hiệu quả.

- Công tác cải tiến đối với những mảng nội dung đa lĩnh vực hoặc đa đơn vị cần sự phối hợp của nhiều đơn vị còn chưa được cụ thể tại kế hoạch ĐBCL hàng năm cùng kế hoạch KPI.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1: Xác định chỉ tiêu và ưu tiên trong xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới đối tác trong nước	a.Tổ chức rà soát và đánh giá kết quả thực hiện của các Thỏa thuận hợp tác với đối tác trong nước. b. Đề xuất chỉ tiêu cụ thể trong xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới đối tác trong nước (kế hoạch HTQT hàng năm)	P. HTQT, P.QLKH/ Các đơn vị	2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại 2: chương trình liên kết)	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và triển khai chương trình liên kết	Ban xây dựng đề án chương trình liên kết	2022 – Q2/2023	Dự kiến tuyển sinh 2023-2024
		Lập kế hoạch và tổ chức trao đổi SV tối thiểu 1 học kỳ có công nhận tương đương (bao gồm: đối sánh học phần, xây dựng quy định lượng giá	HTQT/ ĐT	2023-2024	Dự kiến gửi 01 đoàn SV HUP học tập ở nước

		và công nhận tương đương...)			ngoài vào năm học 2023-2024
	Khắc phục tồn tại 2: dự án xây dựng HUP ngang tầm khu vực (dự án VNM 44)	Thúc đẩy tiến độ phê duyệt của BYT và Chỉ đạo quyết liệt hơn các đơn vị tư vấn trong chuẩn bị cho công tác đấu thầu lại	BYT, PMU, các đơn vị tư vấn	Q1-Q4/ 2022	
		Phối hợp với các bộ ngành liên quan thúc đẩy tiến độ trình Chính phủ điều chỉnh chủ trương lần 2 của dự án		Q1-Q3/2022	
3	Khắc phục tồn tại 3: Đơn đốc và tăng cường hơn nữa hiệu quả triển khai MOU đã ký kết	Tăng cường công tác triển khai và giám sát kết quả thực hiện MOU	HTQT/ các bên liên quan	2022	
4	Khắc phục tồn tại 4: Công tác cải tiến đối với nhưng mảng nội dung đa lĩnh vực	Công tác cải tiến đối với những mảng nội dung đa lĩnh vực hoặc đa đơn vị cần huy động tốt hơn sự phối hợp của nhiều đơn vị, cần đưa vào kế hoạch ĐBCL/ kế hoạch KPI năm để đảm bảo tiến độ và sản phẩm đầu ra.	HTQT/ các bên liên quan	2022-2023	Rà soát cập nhật kế hoạch ĐBCL đơn vị; Điều chỉnh kế hoạch KPI đơn vị 6 tháng cuối năm; Rà soát và

					đề xuất kế hoạch ĐBCL 2023
5	Phát huy điểm mạnh 1: xác định chỉ tiêu trong xây dựng kế hoạch	Tiếp tục rà soát và có chính sách, chiến lược, kế hoạch rõ ràng trong phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của HUP Có quy định chỉ tiêu cụ thể tại chiến lược, kế hoạch HTQT qua các giai đoạn làm căn cứ trong tổ chức thực hiện.	HTQT/ các bên liên quan	2023	Chỉ tiêu đạt hàng năm cần được rà soát và điều chỉnh phù hợp với chiến lược HUP và thực trạng công tác HTQT của HUP
6	Phát huy điểm mạnh 2: Tổ chức rà soát hiệu quả và lấy ý kiến phản hồi xây dựng kế hoạch cải tiến	Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả và lấy ý kiến phản hồi định kỳ làm cơ sở trong thực hiện điều chỉnh kế hoạch và chỉ tiêu của năm sau, đồng thời đề xuất phương án cùng kế hoạch cải tiến. Chỉ tiêu được tham khảo và tham chiếu và đề xuất kế hoạch thực hiện với mục tiêu tiệm cận các tiêu chuẩn ĐBCL CSGD quốc tế.	HTQT/ các bên liên quan ĐT, SDH, QLKH	2023-2024	Các chỉ tiêu quốc tế hóa về đào tạo và KHCN cần luôn được rà soát và điều chỉnh phù hợp với thực trạng HUP và tiệm cận với các tiêu chuẩn

					quốc tế trong kiểm định CSGD
7	Phát huy điểm mạnh 3: đa dạng các loại hình hợp tác	Rà soát và có cơ chế khuyến khích các đơn vị trong thúc đẩy hội nhập hoà nhập quốc tế Xây dựng, rà soát và điều chỉnh kế hoạch trong thúc đẩy hợp tác trong nước, đặc biệt lĩnh vực NCKH và thực hành nghề nghiệp.	HTQT/ các bên liên quan	2022	
8	Phát huy điểm mạnh 4: xây dựng, cập nhật quy chế, quy định, quy trình trong phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại	Tiếp tục xây dựng, cập nhật quy chế, quy định, quy trình Thông tin và hướng dẫn các đơn vị trong Trường, Các Ban QLDA/ chương trình hợp tác, Viên chức & NLD về các quy định của Nhà nước và của Trường trong phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại	HTQT/Các bên liên quan	2022-	

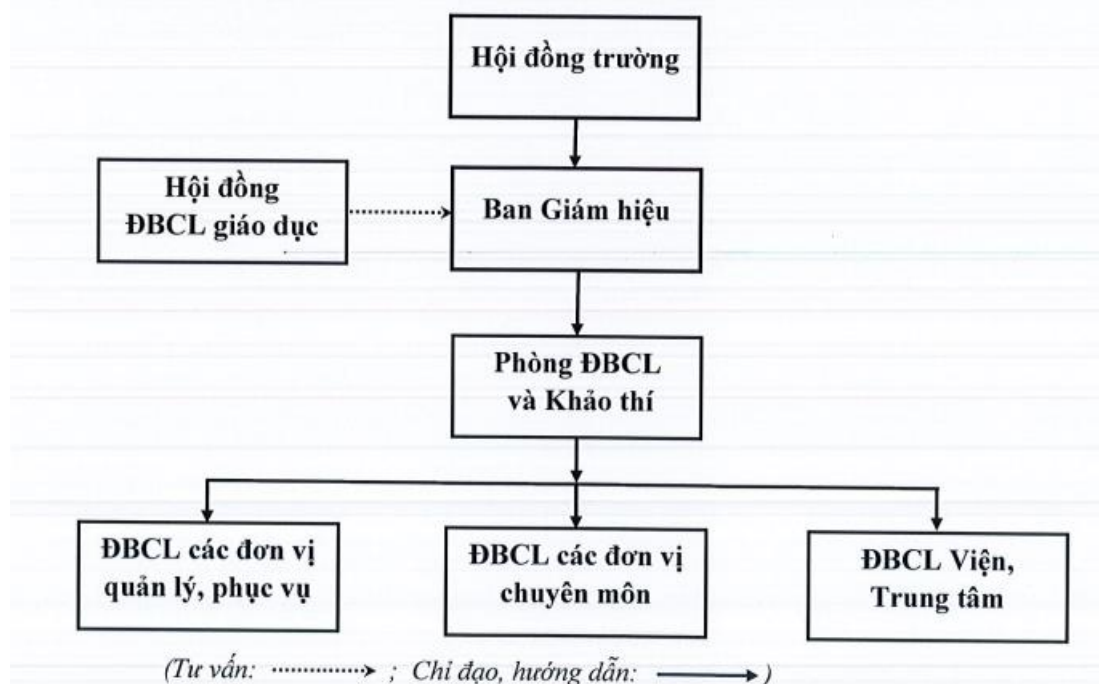
4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	5,5
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	6
Tiêu chí 8.4	6

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Nhằm đáp ứng sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược dài hạn, HUP đã xây dựng và phát triển hệ thống ĐBCL bên trong một cách bài bản, hệ thống với quan điểm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng. Hệ thống ĐBCL của Trường được thiết lập theo hình 9.1.1 một cách rõ ràng, đầy đủ, chi tiết [TC.09.01.01].



Hình 9.1.1. Sơ đồ hệ thống ĐBCL bên trong HUP

HĐT quyết định chính sách ĐBCL giáo dục của Trường. Hàng năm, Nhà trường đều thành lập Hội đồng ĐBCLGD, trong đó Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng ĐBCLGD, Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo là Phó chủ tịch Hội đồng, Trưởng phòng ĐBCL&KT ủy viên thường trực. Số lượng thành viên của Hội đồng từ 11-15 thành viên tùy vào từng năm học, các thành viên đều là trưởng phụ trách các phòng chức năng thuộc các lĩnh vực hoạt động chính của Trường như đào tạo, đào tạo SDH, NCKH, TC-HC, TCKT, Trưởng một số bộ môn, đại diện HĐT, đại diện của ĐU viên... Nhiệm vụ chính của Hội đồng ĐBCLGD là tư vấn cho Hiệu trưởng về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai thực hiện công tác ĐBCLGD của HUP theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo [TC.09.01.01], [TC.09.01.02]. Đồng thời Nhà trường cũng rà soát, bổ sung mạng lưới ĐBCL hàng năm tại các bộ môn, đơn vị trong Trường nhằm triển khai tốt hơn công tác ĐBCL tại các đơn vị trong Trường. Nhiệm vụ chính của các viên chức thuộc mạng lưới ĐBCLGD chịu trách nhiệm triển khai công tác

ĐBCL tại đơn vị **[TC.09.01.03]**. Chức năng nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng ĐBCLGD và mạng lưới ĐBCLGD được quy định rõ ràng trong Quy định ĐBCLGD của trường **[TC.09.01.01]** cũng như Quyết định thành lập **[TC.09.01.02]**, **[TC.09.01.03]** để đảm bảo trách nhiệm cũng như trách nhiệm giải trình của từng bộ phận trong hệ thống ĐBCLGD bên trong nhà Trường.

Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng được thành lập theo quyết định số 182/QĐ-DHN, ngày 20/05/2009 của Hiệu trưởng HUP **[TC.09.01.04]** và đổi tên thành Phòng ĐBCL và Khảo thí ngày 05/5/2020 **[TC.09.01.05]**, Phòng có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý công tác ĐBCL và khảo thí đại học, SDH **[TC.09.01.06]**.

Với hệ thống ĐBCLGD bên trong cấu trúc 03 cấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động ĐBCL của Trường: Hội đồng ĐBCLGD gồm đầy đủ đại diện của các ĐU, HĐT, BGH vì vậy việc triển khai công tác ĐBCL về mặt chiến lược được thực thi. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị trung gian trong mô hình, là cầu nối để hiện thực hóa các chỉ đạo, tư vấn của Hội đồng thành các kế hoạch cụ thể, đồng thời xây dựng các công cụ ĐBCL hệ thống từ đó triển khai hoạt động ĐBCL đến các đơn vị trong trường. Mạng lưới viên ĐBCL tại các bộ môn đơn vị sẽ thực hiện các hoạt động ĐBCL một cách cụ thể và sâu sát nhất **[TC.09.01.01]**.

Hiện nay, Phòng ĐBCL&KT có 07 VC và 01 GV kiêm nhiệm 30% công việc của Phòng, trong đó có 01 PGS.TS, 01 Tiến sĩ, 05 Thạc sĩ, 01 Cử nhân **[TC.09.01.07]**. Số VC của Phòng tạm thời đáp ứng được yêu cầu triển khai các công tác ĐBCL trong Nhà trường. Nhà trường luôn tạo điều kiện để các VC được tham gia các hội nghị, hội thảo về hoạt động ĐBCL, các cán bộ VC của Phòng đã được tập huấn về ĐBCLGD, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc **[TC.09.01.08]**.

Hiện tại Trường có 03 VC là thạc sĩ, 01 viên chức đang theo học chuyên ngành Đo lường và Đánh giá CLGD **[TC.09.01.09]**; 09 VC đã học xong chương trình Kiểm định viên KĐCLGD trong đó có 04 VC đã có thẻ Kiểm định viên do Bộ Giáo dục & Đào tạo cấp, có 02 VC của phòng ĐBCL & Khảo thí đã hoàn thành khóa đào tạo và được cấp chứng chỉ Kiểm định viên **[TC.09.01.09]**. Trong giai đoạn 2017-2022, đã có 11 lượt chuyên viên của Phòng được tham gia các lớp tập huấn về ĐBCLGD, ngoài ra cán bộ chuyên viên của Phòng cũng như các viên chức trong Trường còn tham dự nhiều hội thảo và hội nghị về công tác ĐBCLGD và KĐCLGD **[TC.09.01.08]**. Số liệu cụ thể được thống kê trong bảng 9.1.1.

Bảng 9.1.1. Danh sách các khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo về công tác ĐBCLGD giai đoạn 2017-2022.

TT	Tên khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng	Đơn vị tổ chức	Thời gian tổ chức	Hình thức tổ chức	Số người tham dự	Minh chứng
A	Nước ngoài					
1	Health professional education	KOFIH	27/12/2020 -21/4/2021	Trực tiếp	2	
2	Workshops: Educating for Collaboration Beyond IPE: Concepts, Claims, Culture and System Change	APMEC 2021	24/01/2021	Trực tiếp	2	
B	Trong nước					
1	Đào tạo kiểm định viên KĐCLGD đại học và trung cấp chuyên nghiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội	01-26/7/2017	Trực tiếp	2	
2	Quản lý chất lượng	Viện Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý ngành y tế- Đại học Y tế công cộng	23-27/10/2017	Trực tiếp	1	
3	Đào tạo kiểm định viên KĐCLGD đại học và trung cấp chuyên nghiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội	22-30/3/2018	Trực tiếp	1	
4	Quy trình đánh giá và tự đánh giá trong một số lĩnh vực CLGD đại học	Đại học Hà Nội	02-03/7/2018	Trực tiếp	2	
5	Đào tạo kiểm định viên KĐCLGD đại học và trung cấp chuyên nghiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội	6/3-04/4/2021	Trực tuyến và Trực tiếp	2	
6	Hoạt động ĐBCL bên trong ở các trường đại học Việt Nam	Đại học Quốc gia Hà Nội	30/05/2021	Trực tuyến	1	
7	Thực hành đo lường đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT	Đại học Đà Nẵng	24-7/2021	Trực tuyến	4	

TT	Tên khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng	Đơn vị tổ chức	Thời gian tổ chức	Hình thức tổ chức	Số người tham dự	Minh chứng
8	Nâng cao năng lực đánh giá chuẩn đầu ra CTĐT cho kiểm định viên KĐCLGD	Trung tâm KĐCLGD, Đại học Quốc gia Hà Nội	20/8/2021	Trực tuyến qua Zoom	7	
9	Đào tạo dựa trên năng lực và chuẩn đầu ra: thực tại và tương lai	Học viện Quân Y	24/9/2021	Trực tuyến và trực tiếp	3	
10	Đảm bảo và KĐCLGD đại học trong bối cảnh tự chủ đại học: lý luận và thực tiễn	Viện ĐBCLGD, ĐHQGHN	05/11/2021	Trực tuyến	4	
11	KĐCLGD: Kết quả, tác động đến tự chủ đại học và thích ứng với bối cảnh đại dịch Covid - 19	Trung tâm KĐCLGD, Đại học Quốc gia Hà Nội	16/11/2021	Trực tuyến qua Zoom	4	
12	Các vấn đề về KĐCLGD đại học và đề xuất các chính sách mới	Trung tâm KĐCLGD, Đại học Quốc gia Hà Nội	20/02/2022	Trực tuyến	3	
C	Nội bộ					
1	Xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập	HUP	01-17/3/2018	Trực tiếp	78	
2	Xây dựng phát triển CTĐT và ĐBCLGD bên trong	HUP	8-9/8/2018	Trực tiếp		
3	Sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐH - mô hình quản trị ĐH hiện nay	HUP	20/6/2019	Trực tiếp		
4	Công tác quản trị trường đại học cho đội ngũ quản lý cấp trung của HUP	HUP	Tháng 7/2020	Trực tiếp	102	
5	Công tác ĐBCL cho thành viên mạng lưới ĐBCLGD của HUP	HUP	27/08/2020	Trực tiếp	40	

TT	Tên khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng	Đơn vị tổ chức	Thời gian tổ chức	Hình thức tổ chức	Số người tham dự	Minh chứng
6	Thiết kế, xây dựng và phát triển chương trình giáo dục hiện đại	HUP	17/10/2020	Trực tiếp		
7	Tập huấn về công tác ĐBCLGD cho cán bộ thuộc mạng lưới ĐBCLGD của Trường	HUP	20/01/2022	Trực tiếp và trực tuyến		

Công tác ĐBCL bên trong của HUP được xây dựng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện các văn bản liên quan đến công tác ĐBCL từ ĐBCL về mặt chiến lược, ĐBCL hệ thống và ĐBCL về mặt chức năng (đào tạo, NCKH, PVCD) [TC.09.01.10]. Hệ thống văn bản quy định về hoạt động ĐBCL được đăng tải công khai trên intranet [TC.09.01.11] cũng như website [TC.09.01.12] của Trường và tổng hợp trong cuốn sổ tay ĐBCLGD được gửi tới các đơn vị trong Trường [TC.09.01.13]. Căn cứ trên Chiến lược và kế hoạch phát triển của Trường đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 [TC.09.01.14] đồng thời đánh giá kết quả thực hiện chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2016-2020 [TC.09.01.15], Nhà trường đã ban hành chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025 [TC.09.01.16]. Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch ĐBCLGD [TC.09.01.17] nhằm thực hiện từng bước kế hoạch 5 năm [TC.09.01.18], trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện của năm trước [TC.09.01.19]. Quy định ĐBCLGD đã được ban hành năm 2020 và rà soát 2 năm/lần [TC.09.01.01]. Nhà trường đã ban hành hơn 100 quy trình trong đó có đủ các quy trình ĐBCL chiến lược, quy trình ĐBCL hệ thống và quy trình ĐBCLGD chức năng [TC.09.01.20]. Công tác ĐBCL bên trong HUP được thực hiện hiệu quả theo đúng các quy định, yêu cầu của các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), của Mạng lưới chất lượng các trường đại học Đông Nam Á (AUN) [TC.09.01.21]. Với hệ thống ĐBCL bên trong thống nhất trong toàn trường để vận hành công tác ĐBCL của các cá nhân, đơn vị trong toàn trường; Đảm bảo tính trung thực khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong công tác đánh giá hoạt động ĐBCL tại các đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường. Hoạt động ĐBCLGD của Nhà trường được xã hội và cấp trên ghi nhận. Hàng năm phòng ĐBCL&KT đều được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhà trường đã có 03 tập thể nhận huân chương lao động hạng ba, 01 tập thể được nhận cờ thi đua chính phủ, 05 tập thể và 05 cá nhân được nhận bằng khen của Thủ tướng chính phủ và rất nhiều chiến sỹ thi đua cấp bộ và tập thể lao động xuất sắc [TC.9.01.22].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Căn cứ vào chiến lược và kế hoạch phát triển HUP giai đoạn 2009-2020 tầm nhìn 2030 [TC.09.02.01], Nhà trường đã ban hành riêng chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030 trong đó đã đưa ra chính sách ĐBCLGD, một trong các chính sách đó “*cải tiến thường xuyên, liên tục, cập nhật trên cơ sở tiêu chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT, khuyến khích và tiếp nhận mọi sáng kiến cải tiến CLGD*”, đồng thời cũng chỉ rõ 03 mục tiêu chung: i) *Văn hóa chất lượng trong HUP trở thành yếu tố cốt lõi để thực hiện hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao tri thức*, ii) *KĐCLGD trong HUP được thực hiện theo chuẩn quốc gia và từng bước đạt chuẩn ASEAN năm 2030*, iii) *Các chỉ số ĐBCL cốt lõi của HUP từng bước đạt chuẩn của các nước trong khu vực* [TC.09.02.02]. Trên cơ sở chiến lược ĐBCLGD, Nhà trường bắt đầu ban hành quy định ĐBCLGD trong HUP theo quyết định số 289/QĐ-DHN ngày 05/5/2020 trong đó quy định rõ về hoạt động ĐBCLGD của từng bộ phận trong hệ thống ĐBCLGD bao gồm HĐT, BGH, Hội đồng ĐBCLGD, Phòng ĐBCL&KT, các cán bộ mạng lưới ĐBCLGD, các đơn vị trong trường và các tổ chức xã hội, viên chức, người học [TC.09.02.03].

Năm 2020, Nhà trường đã rà soát chiến lược tổng thể phát triển của HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045 thể hiện rõ mục tiêu “*Xây dựng HUP thành trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng đại học nghiên cứu kết hợp với thực hành nghề nghiệp (2025-2030) thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về dược của cả nước, định hướng đại học ĐMST (2030) và trở thành đại học ĐMST vào năm 2045*” [TC.09.02.04]. Vì vậy chính sách [TC.09.02.05], chiến lược [TC.09.02.06] và kế hoạch ĐBCLGD [TC.09.02.07] đã được rà soát, bổ sung để phù hợp với giai đoạn mới 2021-2025 tầm nhìn 2030.

Chính sách ĐBCLGD bên trong gồm 6 nội dung chính:

- i) Tất cả các hoạt động của HUP được định hướng và triển khai nhằm thực hiện Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Giá trị cốt lõi mà Nhà trường đã công bố;
- ii) Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng chuẩn đầu ra, phù hợp với nhu cầu xã hội;
- iii) Thực hiện công tác ĐBCL đáp ứng yêu cầu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học, CTĐT các trình độ hướng đến tiếp cận với giáo dục khu vực và thế giới;
- iv) Thường xuyên đánh giá, xem xét và liên tục cải tiến chất lượng, vận hành hệ thống ĐBCL hiệu quả trên cơ sở quản trị hệ thống nhằm tối ưu hóa các nguồn lực để đạt mục tiêu: “Chất lượng - Hiệu quả”;

v) Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD, đổi mới quản lý, hiện đại hóa CSVN, tăng cường ứng dụng CNTT;

vi) Xây dựng văn hóa chất lượng, môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện để mọi cá nhân trong Trường được phát huy tối đa năng lực, quan hệ mật thiết với các bên liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội **[TC.09.02.05]**.

Với chính sách về ĐBCLGD, nói trên Nhà trường đã xác định các mục tiêu cụ thể về ĐBCLGD trong chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 như sau: *“Phát triển văn hóa chất lượng trở thành yếu tố xuyên suốt trong mọi hoạt động của Nhà trường, đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD cấp quốc gia theo chu kỳ KĐCLGD và có một số CTĐT đạt tiêu chuẩn KĐCLGD của AUN-QA”*. Đồng thời trong chiến lược, cũng đã đưa ra giải pháp tổng thể liên quan đến phát triển đội ngũ làm công tác ĐBCLGD *“Nâng cao năng lực, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức làm công tác ĐBCL, đánh giá chất lượng nói chung và KĐCLGD nói riêng”* **[TC.09.02.06]**. Trên cơ sở đó, năm 2022 quy định về hoạt động ĐBCLGD trong HUP cũng được rà soát, điều chỉnh theo hướng ĐBCLGD tiếp cận với mô hình của AUN-QA **[TC.09.02.03]**. Trong kế hoạch ĐBCLGD hàng năm, Nhà trường đã xây dựng nội dung, các chỉ tiêu hoạt động, biện pháp và phân công các đơn vị cụ thể thực hiện với phương châm cải tiến thường xuyên, liên tục đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT cũng như AUN-QA. Trong đó giai đoạn 2016- 2020 ưu tiên hình thành và phát triển hệ thống ĐBCL bên trong, đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng về CSGD và CTĐT của Bộ GD&ĐT. Còn giai đoạn tiếp theo 2021-2025, bên cạnh việc xây dựng mô hình ĐBCL phù hợp với chức năng nhiệm vụ mới của Nhà trường thì các hoạt động ĐBCL hướng đến chuẩn hóa các CTĐT đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định CTĐT của AUN-QA **[TC.09.02.08]**. Có thể nói chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD trong từng giai đoạn đã cụ thể các mục tiêu, giải pháp thực hiện nhằm thúc đẩy công tác ĐBCLGD đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCLGD của Nhà trường.

Để hoạt động ĐBCLGD được hiệu quả hơn, Nhà trường đã ban hành mô hình ĐBCLGD của Trường. Trong mô hình đã chi tiết cụ thể hóa các công cụ, quy trình cần thiết để ĐBCL về mặt chiến lược, hệ thống cũng như về mặt chức năng **[TC.09.02.09]**. Sổ tay ĐBCLGD đã được gửi tới các đơn vị trong Trường, trong đó hệ thống hóa toàn bộ từ chính sách, mô hình, mục tiêu, các văn bản liên quan đến công tác ĐBCL của Trường **[TC.09.02.10]**.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tham gia hệ thống ĐBCLGD, hàng năm, trong kế hoạch ĐBCLGD, Nhà trường đều lên kế hoạch tập huấn bồi dưỡng, chuyên môn nghiệp vụ về công tác ĐBCL, kiểm định chất lượng cho cán bộ, viên chức của

Trường [TC.09.02.08]. Đồng thời Nhà trường cũng cử các cán bộ, viên chức của Trường tham gia các khóa đào tạo, hội thảo trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động ĐBCLGD, KĐCLGD [TC.09.02.08]. Kết quả trong giai đoạn từ 2017-2022, Nhà trường đã tổ chức 07 lớp tập huấn với hơn 200 lượt cán bộ, viên chức tham gia, đồng thời đã có 39 lượt VC tập huấn và tham gia các Hội thảo trong và ngoài nước [TC.09.02.11], 09 viên chức có hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định viên, 04 viên chức hoàn thành chương trình Thạc sĩ về đo lường và đánh giá trong giáo dục [TC.09.02.12], [TC.09.02.13].

Không chỉ về công tác ĐBCLGD, Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ tối đa cho đội ngũ VC-NLĐ tham gia tập huấn bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nhằm thực hiện và nâng cao chất lượng của từng vị trí việc làm trong nhà trường. Trường đã ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng và được rà soát thường xuyên [TC.09.02.14]. Hàng năm, kế hoạch về đào tạo bồi dưỡng đều được gửi đến các đơn vị đăng ký [TC.09.02.15] và lập thành kế hoạch chung trong toàn Trường [TC.09.02.16]. Kết quả trong giai đoạn từ 2017-2022 đã có hơn 200 lượt viên chức được tập huấn về công tác chuyên môn nghiệp vụ [TC.09.02.17].

Nhà trường đặc biệt chú trọng đến vai trò của các bên liên quan trong việc xây dựng và triển khai công tác ĐBCLGD. Hiện nay, Trường tổng số có 23 khảo sát thường quy: lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên, học phần, CTĐT; hoạt động khảo sát thực trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp 1 năm; khảo sát người sử dụng lao động về chất lượng SV tốt nghiệp cũng như chuẩn đầu ra, CTĐT, khảo sát giảng viên về các hoạt động của nhà trường,... [TC.09.02.18]. Mỗi hoạt động khảo sát, Nhà trường đều ban hành quy trình thực hiện để ĐBCL của các kết quả khảo sát [TC.09.02.19]. Sau mỗi khảo sát, kết quả đều được tổng hợp, báo cáo và gửi đến các đơn vị, bộ phận liên quan trong Trường để xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến [TC.09.02.18], [TC.09.02.19].

Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã triển khai các hoạt động ĐBCLGD với sự tham gia tích cực của toàn thể VC-NLĐ, người học giúp việc thực hiện hoạt động ĐBCL đạt được mục tiêu chiến lược Nhà trường đã đề ra. Tổng kết đánh giá việc thực hiện chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2016-2020 thể hiện rõ Nhà trường đã hoàn thành được hầu hết các mục tiêu đề ra: 16/17 mục tiêu chất lượng đề ra [TC.09.02.20]. Tuy nhiên vẫn còn một vài đơn vị chưa thay đổi để kịp đáp ứng nhanh với sự thay đổi của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Trên cơ sở Chiến lược và Kế hoạch phát triển HUP giai đoạn 2009-2020 tầm nhìn 2030, Nhà trường đã ban hành chiến lược ĐBCLGD Trường ĐH Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030 trong đó chỉ rõ một số chỉ tiêu cần đạt. Năm 2017: Hoàn thành ĐGN chất lượng Trường; 100% GV được lấy ý kiến phản hồi. Năm 2018: Hệ thống hóa CSDL ĐBCLGD của Trường; v) Mở ít nhất 01 lớp tập huấn về nâng cao năng lực đo lường và đánh giá giáo dục cho giảng viên. Năm 2019: Hoàn thành tự đánh giá giữa kỳ của Trường. Năm 2020: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của Trung tâm Khảo thí & ĐBCL [TC.09.03.01]. Để thực hiện chiến lược ĐBCLGD, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch ĐBCLGD hàng năm, công khai trên intranet [TC.09.03.02] trong đó phân công rõ ràng các đầu mối thực hiện, từ đó được các đơn vị cụ thể hóa thông qua kế hoạch hoạt động ĐBCL của các đơn vị. Kế hoạch được chia rõ thành các nội dung: i) Hệ thống ĐBCL, ii) công tác thu thập thông tin phản hồi, iii) Công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng, iv) Công tác cải thiện thứ hạng, v) công tác đào tạo bồi dưỡng, vi) công tác kiểm tra, vii) công tác thông tin nhằm cụ thể hóa việc thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra trong chiến lược [TC.09.03.03]. Bắt đầu từ năm học 2018-2019, các đơn vị xây dựng kế hoạch ĐBCLGD riêng và gửi về phòng ĐBCLGD lưu trữ [TC.09.03.04].

Năm 2020, sau khi rà soát chiến lược tổng thể phát triển của HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045 [TC.09.03.05], Nhà trường đã đánh giá Chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2016-2020 [TC.09.03.06] và ban hành Chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.09.03.07]. Để thực hiện chiến lược này, Kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt đã cụ thể hóa từng hạng mục công việc theo thời gian [TC.09.03.08]. Trên cơ sở kế hoạch giai đoạn 2021-2025, kế hoạch ĐBCLGD hàng năm được xây dựng [TC.09.03.02] và triển khai tới tất cả các đơn vị trong Trường, đồng thời các đơn vị cũng xây dựng kế hoạch ĐBCLGD của đơn vị mình [TC.09.03.04].

Kế hoạch ĐBCLGD được công bố đến toàn thể VC-NLĐ thông qua hệ thống intranet của Trường [TC.09.03.02], hội nghị tổng kết công tác ĐBCLGD hàng năm [TC.09.03.09], hội nghị công chức, viên chức [TC.09.03.10] qua các cuộc họp giao ban bộ môn, phòng ban [TC.09.03.11], Hội đồng ĐBCLGD và các biên bản họp về công tác ĐBCLGD của Trường [TC.09.03.12].

Như vậy Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về công tác ĐBCLGD để cụ thể hóa mục tiêu chiến lược phát triển Trường với các nội dung rõ ràng, phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện, thời gian thực hiện. Tuy nhiên một số bộ phận việc lập kế hoạch ĐBCLGD còn sơ sài, chưa chi tiết cụ thể.

Trên cơ sở kế hoạch ĐBCLGD từng năm học, Nhà trường ban hành kế hoạch triển khai các công việc cụ thể như: tự đánh giá CSGD [TC.09.03.13], CTĐT, kế hoạch khảo sát/phản hồi [TC.09.03.14], kế hoạch tập huấn, đào tạo bồi dưỡng,...[TC.09.03.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.

Để hướng dẫn thực hiện thống nhất về công tác quản lý, lưu trữ văn bản trong toàn trường, Nhà trường đã ban hành Quy chế Văn thư lưu trữ số 396/QĐ-DHN ngày 23/6/2014 [TC.09.04.01], được rà soát sửa đổi theo Quyết định số 797/QĐ-DHN ngày 28/9/2017 [TC.09.04.02] và Quyết định số 212/QĐ-DHN ngày 20/4/2022, trong đó quy định rõ ràng về các bước từ soạn thảo, ban hành, quản lý đến công tác lưu trữ toàn bộ hệ thống văn bản của Trường [TC.09.04.03]. Vì vậy các văn bản liên quan đến công tác ĐBCL được thực hiện theo đúng quy chế này.

Để trao đổi thông tin nội bộ, Nhà trường sử dụng intranet quản lý công việc, dữ liệu hệ thống văn bản đến, văn bản đi trong tất cả các lĩnh vực do phòng TC-HC phụ trách [TC.09.04.04]. Mỗi đơn vị, cán bộ, viên chức, người học được cấp 1 tài khoản cá nhân để có thể truy cập vào hệ thống, theo dõi các văn bản liên quan đến đơn vị và cá nhân [TC.09.04.05]. Các viên chức, người học trong Trường sử dụng thành thạo phần mềm này.

Theo quy định, các văn bản đi và đến của Trường sau khi được gửi tới các đơn vị liên quan qua cổng thông tin nội bộ hoặc email, bản mềm và bản cứng đều được lưu trữ lại phòng TC-HC và đơn vị phát hành văn bản [TC.09.04.02], [TC.09.04.03]. Với các văn bản liên quan đến chính sách, hệ thống và quy trình và thủ tục ĐBCL, Phòng ĐBCL&KT là đơn vị đầu mối phụ trách việc lưu trữ đúng theo quy định của Nhà trường và quy trình riêng của phòng [TC.09.04.06]. Phòng có 01 cán bộ chuyên trách phụ trách công tác lưu trữ [TC.09.04.07]. Văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục được lưu trữ một cách hệ thống theo 02 hình thức: bản cứng được lưu tại bộ phận Văn thư thuộc phòng TC-HC [TC.09.04.08] và tại Phòng ĐBCL&KT theo hạng mục công việc và theo năm [TC.09.04.09]. Bản mềm được lưu trữ tại phần mềm intranet của Trường [TC.09.04.04], CSDL, website nhà Trường và ổ cứng của Phòng ĐBCL&KT [TC.09.04.10].

Các thông tin ĐBCL được Nhà trường lưu trữ và quản lý một cách có hệ thống, dễ dàng trích xuất khi cần bao gồm các phần mềm [TC.09.04.11]: Phần mềm intranet, quản lý cán bộ, tính giờ giảng và quản lý công việc do phòng TC-HC phụ trách, QLĐT

do phòng QLĐT phụ trách, quản lý lý lịch khoa học do phòng QLKH phụ trách, kế toán do phòng TCKT phụ trách. Các thông tin trong phần mềm sẽ được cập nhật hàng năm thường vào cuối năm học.

Như vậy có thể nói Nhà trường có hệ thống lưu trữ văn bản, dữ liệu, thông tin ĐBCL một cách đầy đủ, dễ dàng truy cập và được cập nhật liên tục. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường rà soát các hệ thống văn bản một cách đồng bộ trong đó có các văn bản liên quan đến công tác ĐBCLGD.

Các kế hoạch và triển khai rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được thực hiện thường xuyên. Năm 2020 khi rà soát chiến lược phát triển tổng thể của Nhà trường **[TC.09.04.12]** đã đánh giá rà soát các kế hoạch, chỉ tiêu liên quan đến công tác ĐBCL, đồng thời Nhà trường cũng ban hành chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 cũng là bước để rà soát đánh giá lại chính sách, hệ thống, quy trình và các thủ tục ĐBCLGD trước đây để hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong của Trường **[TC.09.04.13]**. Quy định ĐBCLGD được ban hành năm 2020 **[TC.09.04.14]** và đã được rà soát trong năm 2022 **[TC.09.04.15]**. Hội đồng ĐBCLGD **[TC.09.04.16]**, mạng lưới ĐBCLGD được rà soát, điều chỉnh nhân sự hàng năm **[TC.09.04.17]**. Các quy trình ĐBCL hệ thống cũng như ĐBCL chiến lược và thực hiện chức năng được rà soát, bổ sung thường xuyên liên tục, tính đến tháng 5/2022, Nhà trường đã ban hành hơn 20 quy trình ĐBCL về mặt hệ thống,... quy trình ĐBCL về mặt chiến lược và ... quy trình ĐBCL về mặt chức năng **[TC.09.04.18]**. Các văn bản quản lý hệ thống thông tin ĐBCL nội bộ, so chuẩn đối sánh, hoạt động khảo sát ... được rà soát. Năm 2020, Nhà trường đã ban hành sổ tay ĐBCLGD và được cập nhật hàng năm, trong đó thể hiện đầy đủ chính sách, hệ thống ĐBCL, các quy trình, thủ tục ĐBCL **[TC.09.04.19]**.

Các văn bản liên quan đến công tác ĐBCLGD được bổ sung, cập nhật đã được phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức cho cán bộ, VC-NLĐ, người học. Trên website của Trường (<http://hup.edu.vn/>) có 1 mục dành riêng về công tác ĐBCLGD **[TC.09.04.20]**, trên trang facebook của Trường **[TC.09.04.21]**, trên cổng thông tin nội bộ **[TC.09.04.04]**....đều đưa đầy đủ các thông tin, văn bản liên quan đến công tác ĐBCLGD của Trường; qua các cuộc họp giao ban phòng ban, bộ môn **[TC.09.04.22]**; các cuộc họp cấp đơn vị **[TC.09.04.23]**; phổ biến đến người học qua email hoặc các buổi sinh hoạt công dân đầu năm **[TC.09.04.24]**. Đặc biệt trong Hội nghị ĐBCLGD **[TC.09.04.25]** hàng năm và các lớp tập huấn về công tác ĐBCLGD đã truyền tải thông điệp về ĐBCLGD tới viên chức trong Nhà trường **[TC.09.04.26]**. Các hình thức trao đổi thông tin qua email cá nhân, email đơn vị, nhóm zalo, trang fanpage ... cũng được

Nhà trường sử dụng để duy trì liên lạc thông suốt giữa các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Nhờ vào việc phổ biến rộng rãi và công khai, VC-NLĐ người học đều nắm và thực hiện tốt các hoạt động ĐBCLGD của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.

Chiến lược phát triển HUP đến năm 2020 tầm nhìn 2030 đã đưa ra 5 mục tiêu chiến lược làm cơ sở để xác lập 27 chỉ tiêu cụ thể và các chỉ số giám sát trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, bao gồm: (1) Phát triển nhân sự, (2) Tuyển sinh, (3) CSVN, (4) NCKH (5) Phát triển hợp tác. Đây là cơ sở, căn cứ để các đơn vị xác lập các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu trong từng năm để đo lường kết quả công tác ĐBCL [TC.09.05.01]. Trên cơ sở đó, trong chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030 đã đưa ra mục tiêu ĐBCL “Văn hóa chất lượng trong HUP trở thành yếu tố cốt lõi để thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao tri thức. KĐCLGD trong HUP được thực hiện theo chuẩn quốc gia và từng bước đạt chuẩn ASEAN năm 2030. Các chỉ số ĐBCL cốt lõi của HUP từng bước đạt chuẩn của các nước trong khu vực” đồng thời đã xác lập các chỉ số thực hiện chính trong giai đoạn 2016-2020 cụ thể như sau [TC.09.05.01].

Năm	Các chỉ số thực hiện chính
Năm 2017	i) Hoàn thành ĐGN chất lượng Trường; ii) 100% GV được lấy ý kiến phản hồi; iii) Thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động và cựu SV về sản phẩm đào tạo
Năm 2018	i) Cử đi đào tạo thêm ít nhất 02 kiểm định viên KĐCLGD; ii) 100% các học phần của trình độ đại học được lấy ý kiến phản hồi; iii) Hệ thống hóa CSDL ĐBCLGD của Trường; iv) Hoàn thành các kế hoạch hành động sau tự đánh giá và triển khai tiếp các kế hoạch của giai đoạn tiếp theo; v) Hoàn thành các công cụ để chuẩn bị ĐGN theo Thông tư số 12/2017 ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học; vi) Mở ít nhất 01 lớp tập huấn về nâng cao năng lực đo lường và đánh giá giáo dục cho giảng viên
Năm 2019	i) Hoàn thành tự đánh giá giữa kỳ của Trường; ii) Hoàn thành lập kế hoạch đánh giá CTĐT và lộ trình thực hiện; iii) Mở ít nhất 01 lớp tập huấn về đánh giá chương trình
Năm 2020	i) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của Trung tâm Khảo thí & ĐBCL; ii) Hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Dược, trình độ đại học và chuẩn bị ĐGN. Phấn đấu các CTĐT được kiểm định theo chuẩn quốc gia; iii) Hình thành văn hóa chất lượng trong Nhà trường; iv) Các hoạt động của Nhà trường được thực hiện theo chuẩn quốc gia
Sau năm 2020	i) Thực hiện đánh giá Trường theo chu kỳ; ii) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiến tới đăng ký kiểm định CTĐT theo tiêu chuẩn khu vực; iii) Đến năm 2030 có ít nhất 01 CTĐT được kiểm định theo tiêu chuẩn khu vực.

Khi chiến lược phát triển tổng thể của Nhà trường được rà soát [TC.09.05.02], mục tiêu ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025 được rà soát “Phát triển văn hóa chất lượng trở

thành yếu tố xuyên suốt trong mọi hoạt động của Nhà trường. Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD cấp quốc gia theo chu kỳ KĐCLGD và một số CTĐT đạt tiêu chuẩn KĐCLGD của AUN-QA” từ đó thiết lập chỉ số ĐBCL chính giai đoạn 2021-2025 trong chiến lược ĐBCL giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 như sau **[TC.09.05.03]**:

Năm	Các chỉ số thực hiện chính
Năm 2021	(i) Ban hành mô hình ĐBCLGD của Trường; (ii) 100% viên chức được tiếp cận với Bộ tiêu chuẩn kiểm định CSGD của AUN-QA
Năm 2022	i) Trở thành thành viên của AUN; ii) Mức độ hài lòng của các bên liên quan: người học ($\geq 80\%$), người sử dụng lao động ($\geq 75\%$), SV sau tốt nghiệp ($\geq 75\%$), giảng viên, cán bộ phục vụ hỗ trợ ($\geq 75\%$); iii) 100% các ý kiến phản hồi được các cá nhân đơn vị, sử dụng để rà soát, đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; iii) 30% viên chức được tập huấn về công tác ĐBCL; iv) hoàn thành báo cáo tự đánh giá CSGD theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD tại thông tư số 12/2017 ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT.
Năm 2023	i) Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCLGD theo chu kỳ
Năm 2024	i) Hoàn thành tự đánh giá 07 CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của AUN-QA; ii) 50% chỉ số ĐBCL đạt tiêu chuẩn của Trường Đại học nghiên cứu; iii) Các mục tiêu về mức độ hài lòng của các bên liên quan: người học ($\geq 85\%$), người sử dụng lao động ($\geq 80\%$); SV sau tốt nghiệp ($\geq 80\%$); giảng viên, cán bộ phục vụ hỗ trợ ($\geq 80\%$); 100% các ý kiến phản hồi được các cá nhân, đơn vị sử dụng để rà soát, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; iv) 100% ý kiến phản hồi được các cá nhân, đơn vị sử dụng để rà soát, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; iv) 50% viên chức được tập huấn về công tác ĐBCLGD.
Năm 2025	i) 60% chỉ số ĐBCL đạt tiêu chuẩn của Trường đại học nghiên cứu; ii) 07 CTĐT được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCLGD của AUN-QA. Iii) 100% các ý kiến phản hồi được các cá nhân, đơn vị sử dụng để rà soát, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; iv) hoàn thiện báo cáo đánh giá giữa kỳ của Trường.

Bắt đầu từ năm 2019, Nhà trường đã xây dựng KPIs cho khối phòng ban trong đó các chỉ số này được sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thành các mảng hoạt động của Trường tại từng vị trí việc làm. Trong đó xác định từng định mức công việc cần hoàn thành **[TC.09.05.04]**. Năm 2022, Trường đã xây dựng KPIs cho khối giảng viên để làm căn cứ đánh mức độ hoàn thành công việc của giảng viên **[TC.09.05.05]**.

Để đạt được các chỉ tiêu phân đầu này, Nhà trường đã cụ thể hóa các chỉ số và chỉ tiêu phân đầu đưa vào kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2016-2020 **[TC.09.05.06]**, kế hoạch giai đoạn 2021-2025 **[TC.09.05.07]** và kế hoạch ĐBCLGD hàng năm **[TC.09.05.08]**, từ đó các đơn vị, cá nhân xây dựng kế hoạch để triển khai nhằm đạt được các mục tiêu chất lượng đã đề ra **[TC.09.05.09]**.

Để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL, hàng năm Nhà trường đều đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch ĐBCLGD, trong đó hầu hết các chỉ tiêu đề ra đều được

thực hiện và hoàn thành một cách xuất sắc [TC.09.05.10] và đồng thời trong báo cáo tổng kết Nhà trường hàng năm, báo cáo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Trường đều tổng kết các chỉ số ĐBCL từ đó rà soát, điều chỉnh nhiệm vụ cho năm tiếp theo [TC.09.05.11]. Kết quả đánh giá thực hiện chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2016-2030 đã chỉ ra các chỉ số ĐBCL cho thấy có 16/17 (96%) chỉ tiêu đặt ra đã được hoàn thành [TC.09.05.12]. Đồng thời để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCLGD, căn cứ định mức khối lượng công việc theo vị trí việc làm, theo chỉ tiêu phấn đấu, kế hoạch hoạt động của các đơn vị, Nhà trường đều triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân, đơn vị, trong đó có công tác ĐBCLGD [TC.09.05.13].

Mặc dù đến năm 2022, Nhà trường chưa đưa ra bộ chỉ số KPIs để đánh giá kết quả công tác ĐBCL nhưng các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu đã được xác lập trong chiến lược phát triển Trường, chiến lược ĐBCLGD và được cụ thể hóa trong kế hoạch ĐBCL hàng năm cũng như kế hoạch ĐBCL của các đơn vị..

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL. Trước đây, việc lập kế hoạch được các đơn vị thực hiện riêng lẻ, bắt đầu từ năm 2019, tất cả các hoạt động trong Trường được lập kế hoạch thực hiện và kế hoạch tài chính thông qua BGH phê duyệt [TC.09.06.01]. Để các hoạt động của Trường được chuẩn hóa, Nhà trường đã ban hành quy trình “Quy trình xây dựng, triển khai, theo dõi việc thực hiện kế hoạch” để làm căn cứ cho các đơn vị triển khai thực hiện các kế hoạch trong toàn Trường [TC.09.06.02].

Trong quy định về ĐBCLGD bên trong Trường ĐH Dược Hà Nội đã quy định rõ việc rà soát chiến lược ĐBCL được thực hiện ít nhất 5 năm/lần và rà soát đánh giá thực hiện giữa giai đoạn [TC.09.06.03], [TC.09.06.04]. Năm 2020, Nhà trường đã rà soát chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2020-2030 tầm nhìn 2045 trên cơ sở đánh giá kết quả của giai đoạn trước, điểm mạnh, điểm hạn chế cũng như cơ hội và thách thức của giáo dục trong giai đoạn mới [TC.09.06.05]. Đồng thời các chiến lược thành phần, trong đó có chiến lược ĐBCL được rà soát và đánh giá giai đoạn 2016-2020 [TC.09.06.06] để cải tiến trong giai đoạn 2021-2025 [TC.09.06.07]. Để cụ thể hóa chiến lược, Nhà trường đã ban hành kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn tương ứng với chiến lược đã ban hành [TC.09.06.08] và kế hoạch ĐBCLGD hàng năm, trong đó chỉ rõ các chỉ tiêu cần thực hiện, kết quả đầu ra và đơn vị chịu trách nhiệm chính [TC.09.06.09]. Trong

giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã ban hành 17 quy trình liên quan đến công tác ĐBCLGD, trong đó phải kể đến các quy trình như quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, quy trình cải tiến sau phản hồi, quy trình so chuẩn đối sánh [TC.09.06.10]. Đây là những quy trình cốt lõi, làm công cụ, cơ sở để Nhà trường thực hiện cải tiến và nâng cao chất lượng CSGD.

Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu đã được cải tiến giữa 2 giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 được trình bày trong bảng 9.6.1 [TC.09.06.07], [TC.09.06.11].

Bảng 9.6.1. So sánh các chỉ tiêu phấn đấu chính giữa hai giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025

TT	Chỉ tiêu trong chiến lược ĐBCL 2016-2020	Chỉ tiêu trong chiến lược ĐBCL 2021-2025
Mục tiêu chung	Văn hóa chất lượng trong HUP trở thành yếu tố cốt lõi để thực hiện hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao tri thức; KĐCLGD trong HUP được thực hiện theo chuẩn quốc gia và từng bước đạt chuẩn ASEAN năm 2030; Các chỉ số ĐBCL cốt lõi của HUP từng bước đạt chuẩn của các nước trong khu vực	Phát triển văn hóa chất lượng trở thành yếu tố xuyên suốt trong mọi hoạt động của Nhà trường, đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD cấp quốc gia theo chu kỳ KĐCLGD và có một số CTĐT đạt tiêu chuẩn KĐCLGD của AUN-QA
Mục tiêu cụ thể	Năm 2020, hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Dược, trình độ đại học và chuẩn bị ĐGN. Phấn đấu các CTĐT được kiểm định theo chuẩn quốc gia. Đến năm 2030 có ít nhất 01 CTĐT được kiểm định theo tiêu chuẩn khu vực.	Năm 2024, hoàn thành tự đánh giá 07 CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của AUN-QA; 50% chỉ số ĐBCL đạt tiêu chuẩn của Trường Đại học nghiên cứu
	Năm 2017: 100% GV được lấy ý kiến phản hồi; Thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động và cựu SV về sản phẩm đào tạo	Năm 2022: Mức độ hài lòng của các bên liên quan: người học ($\geq 80\%$), người sử dụng lao động ($\geq 75\%$), SV sau tốt nghiệp ($\geq 75\%$), giảng viên, cán bộ phục vụ hỗ trợ ($\geq 75\%$); 100% các ý kiến phản hồi được các cá nhân đơn vị, sử dụng để rà soát, đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; 30% viên chức được tập huấn về công tác ĐBCL

Hàng năm, khi tổng kết hoạt động của Nhà trường, đều đánh giá kết quả thực hiện của năm sau, so sánh với kế hoạch đã đề ra của năm trước, từ đó có những biện pháp để cải tiến kịp thời các chỉ số quan trọng đã được đề ra hàng năm [TC.09.06.12]. Nhằm hệ thống hóa các chỉ tiêu ĐBCL, Nhà trường đã ban hành chỉ số ĐBCL cốt lõi [TC.09.06.13] và được rà soát hàng năm [TC.09.06.14]. So sánh chỉ số ĐBCL cốt lõi trong 5 năm cho thấy các chỉ số chất lượng đào tạo và việc làm của người học, chất

lượng nghiên cứu và chuyển giao tri thức, CSHT phục vụ đào tạo và NCKH, mức độ quốc tế hóa, KN&PVCĐ đều được cải thiện đáng kể [TC.09.06.15] cụ thể như sau:

Bảng 9.6.2. Kết quả cải tiến một số chỉ tiêu ĐBCL cốt lõi giai đoạn 2017-2022

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	Chuẩn quốc gia	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
1.	Mức độ hài lòng của SV năm cuối về CTĐT, môi trường học tập, NCKH và các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường	Ít nhất 75%	100%	80%	88,3 %	88,7 %	90,6 %		
2.	Mức độ hài lòng của cựu SV về tính thực tiễn của CTĐT, khả năng thích ứng với môi trường công tác			80%	82,9 %	79,5 %	83,6 %		
3.	Người sử dụng lao động hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp	50 ý kiến đánh giá/ khảo sát của tổ chức xếp hạng đại học quốc tế	40 ý kiến đánh giá/ khảo sát của tổ chức xếp hạng đại học quốc tế	70% người sử dụng hài lòng	89,8 %	92,4 %	83,9 %		
4.	Việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo sau 1 năm tốt nghiệp			70% SV có việc làm phù hợp	93,3 %	98,3 %	98,1 %		
5.	Số bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế TB trên cán bộ khoa học hàng năm	Ít nhất 2 bài	1,0	- Ít nhất 100 bài báo/	1,44 (263/ 182)	1,34 (247/ 184)	1,65 (294/ 178)		

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	Chuẩn quốc gia	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
				năm/ tổng cán bộ KH					
6.	Số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học trong 5 năm gần đây	Ít nhất 5 bài báo	0,5	-	0,23 (43/182)	0,32 (60/184)	0,37 (67/178)		
7.	Số lượng bài báo trên các tạp chí KH có uy tín trên thế giới/1 giảng viên cơ hữu/ năm			≥0,3 bài	0,26 (48/182)	0,40 (75/184)	0,45 (81/178)		
8.	Phát minh, sáng chế được công nhận mỗi năm	Ít nhất 5 phát minh, sáng chế cấp quốc tế và 20 phát minh, sáng chế cấp quốc gia	Ít nhất 1 phát minh, sáng chế quốc gia	-	2 Hàn Quốc cấp, 3 Việt Nam cấp	5 Hàn Quốc cấp, 1 Việt Nam cấp	3 Hàn Quốc cấp		
9.	Tỷ lệ giảng viên/người học (bao gồm học viên SĐH)	1/12	1/14	1/15	1/16	1/19	1/18		
10.	Tỷ lệ GV cơ hữu và NCV cơ hữu có trình độ Tiến sĩ trên tổng số GV, NCV cơ hữu	Ít nhất 80%	Ít nhất 70%	Ít nhất 40%	38,17	39,89	43,65		

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	Chuẩn quốc gia	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
11.	Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ Tiến sĩ trên tổng số GV cơ hữu			Ít nhất 50%	39,01	40,76	44,38		
12.	Tỷ lệ GV, NCV có chức danh GS, PGS trên tổng số GV, NCV cơ hữu có trình độ TS	Ít nhất 80%	20%	Ít nhất 30%	42,25	53,33	49,37		
13.	Tỷ lệ GV có chức danh GS, PGS trên tổng số GV cơ hữu có trình độ TS			Ít nhất 20%	42,25	53,33	49,37		

Kết quả thực hiện rà soát, thường xuyên cải tiến các chỉ tiêu phấn đấu cốt lõi cho về đội ngũ, hoạt động đào tạo, CSVC, PVCD được cải thiện đáng kể.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng giảng dạy của giảng viên, CTĐT, tổ chức đào tạo, CSVC, học liệu, đội ngũ... Kết quả khảo sát được sử dụng làm cơ sở để Nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [TC.09.06.16]. Các đơn vị sau khi nhận được phản hồi đều xây dựng kế hoạch thực hiện cải tiến nộp về phòng ĐBCL&KT [TC.09.06.17], đồng thời thực hiện cải tiến theo kế hoạch đã đề ra và báo cáo vào cuối năm học [TC.09.06.18].

Sau 2,5 năm chu kỳ kiểm định chất lượng CSGD, Nhà trường đã triển khai đánh giá giữa kỳ tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường và cải tiến theo khuyến nghị của Hội đồng KĐCLGD [TC.09.06.19]. Trên cơ sở kết quả thực hiện cải tiến giữa chu kỳ, Nhà trường đã đánh giá xây dựng kế hoạch cải tiến của nửa chu kỳ còn lại. Đây là một trong những bước để nhà trường cải tiến các chỉ tiêu phấn đấu chính để đáp ứng với mục tiêu chiến lược và ĐBCL trong giai đoạn tiếp theo với kết quả chính như sau:

Về mặt chiến lược: (i) Rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi phù hợp với nguồn lực thực tế của Nhà trường và thực tiễn phát triển ngành Dược [TC.09.06.05]; (ii) Thành lập HDT theo đúng quy định của Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018 và hướng dẫn của Bộ Y tế [TC.09.06.20]; (iii) Xây dựng Chiến lược phát triển Trường [TC.09.06.05], rà soát, ban hành chính sách ĐBCLGD

[TC.09.06.21], chiến lược ĐBCLGD [TC.09.06.11], Quy định ĐBCLGD [TC.09.06.03], [TC.09.06.04], cũng như mô hình ĐBCLGD. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng rà soát ban hành chính sách và chiến lược đào tạo [TC.09.06.22], chính sách, chiến lược khoa học và công nghệ [TC.09.06.23], chính sách, chiến lược KN&PVCĐ [TC.09.06.24] và các chiến lược thành phần khác: nhân sự [TC.09.06.25], tài chính [TC.09.06.26], HTQT [TC.09.06.27]; Rà soát, điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [TC.09.06.28] và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [TC.09.06.29]; Kiện toàn cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Nhà trường [TC.09.06.30]; Rà soát đề án xác định vị trí việc làm [TC.09.06.31].

Về mặt hệ thống ĐBCL: (i) Xây dựng chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.09.06.07]; (ii) Xây dựng mô hình ĐBCLGD trên cơ sở tham khảo mô hình ĐBCL của mạng lưới AUN-QA [TC.09.06.32]; (iii) Xây dựng kế hoạch tự đánh giá 07 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn kiểm định CTĐT version 4.0 của AUN-QA [TC.09.06.08]; (iv) Ban hành Quy định về ĐBCLGD trong HUP [TC.09.06.33] và các công cụ ĐBCL cốt lõi [TC.09.06.10]; (v) Ban hành Sổ tay ĐBCL [TC.09.06.34]; (vii) Ban hành bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, bộ chỉ số thị trường và bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi [TC.09.06.13]; (viii) Thực hiện so chuẩn, đối sánh tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp [TC.09.06.35] đồng thời bổ sung thêm các quy trình ĐBCL hệ thống.

Về thực hiện chức năng:

Hoạt động đào tạo: (i) Mở thêm các CTĐT mới: ngành Hóa Dược, trình độ đại học; ngành Hóa học, trình độ đại học; ngành Công nghệ sinh học, trình độ đại học; CTĐT chất lượng cao ngành Dược học, trình độ đại học [TC.09.06.36]; (iii) Xây dựng và ban hành CDR riêng cho từng CTĐT ở bậc SDH [TC.09.06.37]; rà soát, điều chỉnh CDR CTĐT Dược học, trình độ đại học [TC.09.06.38]; (iv) Rà soát toàn bộ các CTĐT trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT, có tham khảo các CTĐT tiên tiến và ý kiến của nhà sử dụng lao động [TC.09.06.39].

Hoạt động NCKH: (i) Ban hành Quy định về hoạt động NCKH của người học [TC.09.06.40]; (ii) Ban hành Quy định Quản lý hoạt động SHTT [TC.09.06.41]; (iii) Ban hành Quy định tổ chức và hoạt động Nhóm nghiên cứu mạnh [TC.09.06.42]; (iv) Thành lập Nhóm nghiên cứu mạnh [TC.09.06.43]; (v) Triển khai các hoạt động hợp tác NCKH và CGCN [TC.09.06.44].

Hoạt động KN&PVCĐ: (i) Xây dựng Chiến lược hoạt động KN&PVCĐ giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.09.06.24]; (ii) Ban hành Quy định hoạt động KN&PVCĐ [TC.09.06.45]; (iii) Ban hành quy trình quản lý hoạt động KN&PVCĐ [TC.09.06.46].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCLGD là phòng ĐBCL&KT được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Nhà trường. Phòng có đội ngũ cán bộ chuyên trách có trình độ cao, năng lực chuyên môn tốt được đào tạo bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của công việc. Mạng lưới ĐBCLGD được tổ chức tại tất cả các đơn vị, hoạt động hiệu quả. Trường có 09 viên chức có chứng chỉ KĐV và 04 viên chức có thẻ KĐV và hầu hết các viên chức đều tham gia tập huấn về công tác ĐBCL.

Hội đồng ĐBCLGD được thành lập hàng năm và tư vấn các hoạt động ĐBCLGD một cách hiệu quả.

Trường đã thiết lập mô hình ĐBCL bên trong, ban hành quy định về công tác ĐBCLGD của Trường và ban hành sổ tay ĐBCLGD để hướng dẫn các đơn vị thực hiện có hiệu quả.

Chiến lược ĐBCLGD được ban hành, thực hiện, rà soát, đánh giá một cách đồng bộ, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chiến lược phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn. Chiến lược này đã được cụ thể hóa thành kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường.

Công tác khảo sát được thực hiện bài bản, có hiệu quả, được sử dụng làm căn cứ để cải tiến các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác ĐBCLGD.

Nhà trường đã rà soát, ban hành quy định về công tác văn thư lưu trữ để triển khai thống nhất trong việc quản lý và lưu trữ các văn bản trong toàn Trường. Các văn bản về công tác ĐBCL được ban hành đồng bộ, rà soát, cập nhật hàng năm và được phổ biến tới VC-NLĐ qua nhiều hình thức khác nhau.

Các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác ĐBCLGD được xác lập, rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số văn bản và quy trình, công cụ liên quan đến ĐBCL chức năng chưa được cập nhật kịp thời lên phần mềm.

Chỉ số KPIs của ĐBCL chưa được ban hành.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn	Ghi chú

				thành	
	Điểm tồn tại 1	Cập nhật kịp thời các văn bản lên hệ thống	Các phòng chức năng	12/2022	
	Điểm tồn tại 2	Xây dựng KPIs ĐBCLGD	P.ĐBCL&KT	12/2023	
	Điểm mạnh 1	Tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ của mạng lưới ĐBCLGD trong trường. Cử viên chức tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục	P. ĐBCL&KT P.TC-HC	Hàng năm	
	Điểm mạnh 2	Rà soát và điều chỉnh Hội đồng ĐBCLGD và viên chức thuộc mạng lưới ĐBCLGD hàng năm để thực hiện nhiệm vụ ngày một tốt hơn	BGH P.ĐBCL&KT	Hàng năm	
	Điểm mạnh 3	Định kỳ rà soát mô hình ĐBCL, quy định ĐBCLGD và sổ tay hướng dẫn thực hiện công tác ĐBCLGD hàng năm	P.ĐBCL&KT	Định kỳ	
	Điểm mạnh 4	Đánh giá việc thực hiện kế hoạch ĐBCL hàng năm và giữa kỳ để cải tiến và xây dựng kế hoạch cho những năm tiếp theo	P.ĐBCL&KT	Hàng năm	
	Điểm mạnh 5	Rà soát công cụ khảo sát hàng năm và cải tiến quy trình để kết quả khảo sát ngày một hoàn thiện.	P.ĐBCL&KT	Hàng năm	
	Điểm mạnh 6	Rà soát, cập nhật hàng năm các văn bản về công	P.ĐBCL&KT	Hàng năm	

		tác ĐBCLGD			
	Điểm mạnh 7	Các chỉ tiêu phần đầu chính về công tác ĐBCLGD	P.ĐBCL&KT	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	5.8
Tiêu chí 9.1	6
Tiêu chí 9.2	6
Tiêu chí 9.3	6
Tiêu chí 9.4	6
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	5

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

HUP luôn xác định hoạt động tự đánh giá là một phần quan trọng hàng đầu để thực hiện nhiệm vụ ĐBCLGD của Nhà trường. Chính vì vậy, ngay từ chu kỳ đánh giá chất lượng CSGD giai đoạn 2012-2016, Nhà trường đã ban hành kế hoạch tự đánh giá [TC.10.01.01] và các kế hoạch chuẩn bị cho việc ĐGN [TC.10.01.02]. Các kế hoạch tự đánh giá và ĐGN luôn thể hiện rõ nội dung chi tiết, cũng như thời gian hoàn thành và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và cá nhân liên quan.

Ngay sau khi hoàn thành kiểm định chất lượng CSGD giai đoạn 2012-2016, để chuẩn bị cho công tác tự đánh giá và ĐGN CSGD và CTĐT trong giai đoạn 2017-2022, tháng 10/2018 Nhà trường tổ chức triển khai các hoạt động theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD và CTĐT, trong đó Nhà trường phân công các công việc cần thực hiện ngay trong năm học 2018-2019 đồng thời yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và lưu trữ minh chứng theo từng lĩnh vực phụ trách [TC.10.01.03]. Sau khi triển khai các hoạt động theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT và CSGD, hoạt động tự đánh giá đã trở thành một hoạt động thường niên và luôn được Nhà trường đưa vào kế hoạch ĐBCLGD hàng năm (mục Công tác tự đánh giá, chuẩn bị ĐGN) [TC.10.01.04]. Nhà trường xác định rõ nội dung từng hoạt động, thời gian hoàn thành, sản phẩm dự kiến và phân công cụ thể đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp (mục Chuẩn bị các điều kiện để đánh giá CTĐT, CSGD theo bộ tiêu chuẩn mới trong các kế hoạch

ĐBCLGD hàng năm [TC.10.01.04], mục Phân công nhiệm vụ các đơn vị thực hiện các tiêu chuẩn/tiêu chí trong bảng hướng dẫn đánh giá CSGD và CTĐT mới [TC.10.01.05]).

Năm 2021, HUP ban hành Chiến lược ĐBCL của HUP giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.10.01.06], trong đó xác định mục tiêu cụ thể như sau:

- Năm 2022, hoàn thành báo cáo tự đánh giá CSGD theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD tại thông tư 12/2017 ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT.
- Năm 2023, Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCLGD theo chu kỳ.
- Năm 2024, hoàn thành tự đánh giá 07 CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của AUN-QA.
- Đến hết năm 2025, 07 CTĐT được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCLGD của AUN-QA.

Chiến lược ĐBCL đã được cụ thể hóa trong kế hoạch đảm bảo chiến lược giai đoạn 2021-2025 (kế hoạch số 417/KH-DHN ngày 30/8/2021) [TC.10.01.07], trong đó xác định rõ lộ trình cụ thể của kế hoạch tự đánh giá và ĐGN CSGD và CTĐT. Về kế hoạch tự đánh giá và ĐGN CSGD, Nhà trường đã xây dựng lộ trình như sau:

- Tháng 3/2022, tổ chức các đợt tập huấn nghiệp vụ về kỹ thuật thu thập minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá;
- Tháng 3-7/2022, triển khai công tác thu thập minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí;
- Tháng 8-9/2022, tổng hợp báo cáo tự đánh giá, mã hóa minh chứng;
- Tháng 9-10/2022, bổ sung và chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá sau đánh giá sơ bộ;
- Tháng 11/2022, tổ chức các hoạt động phục vụ ĐGN;
- Tháng 12/2022, phản hồi về dự thảo báo cáo ĐGN và đề nghị xem xét công nhận đạt tiêu chuẩn CLGD;
- Tháng 3/2023, tổ chức nhận Chứng chỉ kiểm định.

Về kế hoạch tự đánh giá và ĐGN CTĐT, Nhà trường đã xây dựng lộ trình như sau:

- Tháng 3/2024, tổ chức các đợt tập huấn nghiệp vụ cho Hội đồng tự đánh giá và các đơn vị liên quan;
- Tháng 4-6/2024, triển khai công tác thu thập minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí;
- Tháng 7/2024, tổng hợp báo cáo tự đánh giá chung của toàn trường và danh mục minh chứng;

- Tháng 11/2024, bổ sung minh chứng, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau thẩm định của Đoàn ĐGN;
- Tháng 12/2024, tổ chức các hoạt động phục vụ ĐGN;
- Tháng 1/2025, giải trình của Nhà trường với Đoàn ĐGN;
- Tháng 4/2025, tổ chức nhận chứng chỉ kiểm định 07 CTĐT.

Chiến lược, các kế hoạch, công văn thông báo và các quy trình hướng dẫn được phổ biến tới các đơn vị trong toàn trường thông qua hệ thống thông tin nội bộ <http://intranet.hup.edu.vn/> để các đơn vị thực hiện. Song song với kênh thông tin nội bộ intranet, Nhà trường thông báo chủ trương triển khai công tác tự đánh giá trong Hội nghị giao ban khối phòng ban, viện, trung tâm [TC.10.01.08] và trong nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng đầu năm 2022 của Nhà trường [TC.10.01.09]. Để triển khai tốt công tác thu thập minh chứng và công tác tự đánh giá tại các đơn vị, Nhà trường ban hành quy trình thu thập thông tin, minh chứng và quy trình Tự đánh giá CSGD [TC.10.01.10] và tổ chức kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện và lưu trữ minh chứng tại các đơn vị [TC.10.01.11]. Để nâng cao năng lực ĐBCL cho cán bộ viên chức, từ năm 2018 đến nay Nhà trường tổ chức 03 lớp tập huấn về công tác ĐBCLGD cho cán bộ thuộc mạng lưới ĐBCLGD của Nhà trường nhằm phổ biến chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD của Nhà trường; kế hoạch tự đánh giá và ĐGN CSGD và CTĐT; tập huấn về cách thức thu thập, lưu trữ, phân tích thông tin minh chứng [TC.10.01.12]. Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực KĐCLGD của các viên chức, Nhà trường đã đồng ý cho các viên chức tham gia đoàn ĐGN do các trung tâm KĐCLGD mời [TC.10.01.13].

Để thực hiện công tác tự đánh giá và ĐGN chất lượng CSGD giai đoạn 2017-2022, Nhà trường thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và 05 nhóm công tác chuyên trách [TC.10.01.14]. Nhiệm vụ của các thành viên và 05 nhóm công tác chuyên trách được Chủ tịch Hội đồng Tự đánh giá phân công cụ thể trong kế hoạch Tự đánh giá [TC.10.01.15]. Căn cứ trên nhiệm vụ được phân công, trưởng nhóm công tác chuyên trách phân công công việc chi tiết cho từng thành viên trong nhóm, trong đó xác định cụ thể nội dung công việc, thời gian hoàn thành và sản phẩm cần đạt của từng nội dung công việc [TC.10.01.16].

Để chuẩn bị cho công tác ĐGN, Nhà trường gửi công văn đề nghị thẩm định Báo cáo tự đánh giá đến Trung tâm KĐCLGD, Đại học Quốc gia Hà Nội [TC.10.01.17]. Nhà trường báo cáo Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT về việc hoàn thành báo cáo tự đánh giá [TC.10.01.18]. Đến tháng 8/2022, Nhà trường thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động và chuẩn bị các thủ tục theo quy định để triển khai ĐGN [TC.10.01.19], [TC.10.01.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và ĐGN được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Nhà trường thực hiện việc tự đánh giá các hoạt động chung của Nhà trường định kỳ vào cuối năm học (báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng năm học tiếp theo) [TC.10.02.01] và cuối năm tài chính (báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm và phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo) [TC.10.02.02] so với các phương hướng đã đề ra. Bên cạnh việc tự đánh giá các hoạt động chung, Nhà trường định kỳ tự đánh giá hoạt động ĐBCLGD vào cuối năm học [TC.10.02.03]. Ngoài việc tự đánh giá thường xuyên và định kỳ hàng năm, Nhà trường tự đánh giá từng lĩnh vực hoạt động trong giai đoạn 2016-2020, bao gồm hoạt động đào tạo [TC.10.02.04], NCKH [TC.10.02.05], tài chính [TC.10.02.06], ĐBCLGD [TC.10.02.07]. Thực hiện thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định quy trình và chu kỳ KĐCLGD, Nghị quyết số 11/NQ-HĐKĐCL ngày 28/2/2018 về việc thẩm định kết quả đánh giá CLGD của Hội đồng KĐCLGD của Trung tâm KĐCLGD - Đại học Quốc Gia Hà Nội, Giấy chứng nhận KĐCLGD của Trung tâm KĐCLGD - Đại học Quốc Gia Hà Nội, Nhà trường thực hiện đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2017-2020 [TC.10.02.08]. Việc tự đánh giá hoạt động ĐBCLGD của Nhà trường luôn bám sát việc thực hiện kế hoạch hành động sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau ĐGN Trường giai đoạn 2012-2016 [TC.10.02.03], [TC.10.02.07], [TC.10.02.08].

Để thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá và ĐGN giai đoạn 2017-2022, Nhà trường xây dựng kế hoạch Tự đánh giá HUP vào tháng 3/2022 theo đúng quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học [TC.10.02.09]. Nhà trường thành lập Hội đồng Tự đánh giá gồm 19 thành viên, Ban Thư ký gồm 12 thành viên, 05 nhóm công tác chuyên trách KĐV [TC.10.02.10]. Trong Hội đồng Tự đánh giá 09 cán bộ có chứng chỉ BD NV KĐV, trong đó có 04 thành viên có thể kiểm định viên [TC.10.02.11]. Bên cạnh đó để đáp ứng chuẩn khu vực, Nhà trường cử 02 viên chức tham gia khóa đào tạo Đánh giá CTĐT đạt chuẩn, phiên bản 4.0 do AUN-QA tổ chức [TC.10.02.12].

Để nâng cao năng lực ĐBCL và KĐCLGD, Nhà trường cử các viên chức tham gia các khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng trong và ngoài nước, đồng thời Nhà trường cũng tổ chức các khóa đào tạo/tập huấn nội bộ trong Trường [TC.10.02.13]. Cụ thể:

Bảng 10.2.1. Danh sách các khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo 2017-2022

TT	Tên khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo	Đơn vị tổ chức	Thời gian tổ chức	Hình thức tổ chức	Số người tham dự

A	Nước ngoài				
1	Health professional education	KOFIH	27/12/2020 -21/4/2021	Trực tiếp	2
2	Workshops: Educating for Collaboration Beyond IPE: Concepts, Claims, Culture and System Change	APMEC 2021	24/01/2021	Trực tiếp	2
B	Trong nước				
1	Đào tạo kiểm định viên KĐCLGD đại học và trung cấp chuyên nghiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội	01-26/7/2017	Trực tiếp	2
2	Quản lý chất lượng	Viện Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý ngành y tế- Đại học Y tế công cộng	23-27/10/2017	Trực tiếp	1
3	Đào tạo kiểm định viên KĐCLGD đại học và trung cấp chuyên nghiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội	22-30/3/2018	Trực tiếp	1
4	Quy trình đánh giá và tự đánh giá trong một số lĩnh vực chất lượng giáo dục đại học	Đại học Hà Nội	02-03/7/2018	Trực tiếp	2
5	Đào tạo kiểm định viên KĐCLGD đại học và trung cấp chuyên nghiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội	6/3-04/4/2021	Trực tuyến và Trực tiếp	2
6	Hoạt động ĐBCL bên trong ở các trường đại học Việt Nam	Đại học Quốc gia Hà Nội	30/05/2021	Trực tuyến	1
7	Thực hành đo lường đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT	Đại học Đà Nẵng	24-7/2021	Trực tuyến	4
8	Nâng cao năng lực đánh giá chuẩn đầu ra CTĐT cho kiểm định viên KĐCLGD	Trung tâm KĐCLGD, Đại học Quốc gia Hà Nội	20/8/2021	Trực tuyến qua Zoom	7
9	Đào tạo dựa trên năng lực và chuẩn đầu ra: thực tại và tương lai	Học viện Quân Y	24/9/2021	Trực tuyến và trực tiếp	3

10	Đảm bảo và KĐCLGD đại học trong bối cảnh tự chủ đại học: lý luận và thực tiễn	Viện ĐBCLGD, ĐHQGHN	05/11/2021	Trực tuyến	4
11	KĐCLGD: Kết quả, tác động đến tự chủ đại học và thích ứng với bối cảnh đại dịch Covid - 19	Trung tâm KĐCLGD, Đại học Quốc gia Hà Nội	16/11/2021	Trực tuyến qua Zoom	4
11	Các vấn đề về KĐCLGD đại học và đề xuất các chính sách mới	Trung tâm KĐCLGD, Đại học Quốc gia Hà Nội	20/02/2022	Trực tuyến	3
C	Nội bộ				
1	Xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập	HUP	01-17/3/2018	Trực tiếp	78
2	Xây dựng phát triển CTĐT và ĐBCLGD bên trong	HUP	8-9/8/2018	Trực tiếp	
3	Sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐH - mô hình quản trị ĐH hiện nay	HUP	20/6/2019	Trực tiếp	
4	Công tác quản trị trường đại học cho đội ngũ quản lý cấp trung của HUP	HUP	Tháng 7/2020	Trực tiếp	102
5	Công tác ĐBCL cho thành viên mạng lưới ĐBCLGD của HUP	HUP	27/08/2020	Trực tiếp	40
6	Thiết kế, xây dựng và phát triển chương trình giáo dục hiện đại	HUP	17/10/2020	Trực tiếp	
7	Tập huấn về công tác ĐBCLGD cho cán bộ thuộc mạng lưới ĐBCLGD của Trường	HUP	20/01/2022	Trực tiếp và trực tuyến	

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và ĐGN được rà soát.

Năm 2018 sau khi hoàn thành tự đánh giá và ĐGN Trường theo bộ tiêu chuẩn cũ (ban hành theo quyết định 65/2207/QĐ-BGDĐT và Thông tư 37/TT-BGDĐT), Nhà trường luôn rà soát và thực hiện kế hoạch hành động sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau ĐGN [TC.10.03.01]. Đồng thời để đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

CSGD theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT và CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, Nhà trường tiến hành triển khai các hoạt động ĐBCL theo bộ tiêu chuẩn mới [TC.10.03.02]. Đến thời điểm 31/12/2021, Nhà trường thực hiện được **153/162** hạng mục công việc cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD (tỉ lệ đạt 94,4%); còn 9/162 các hạng mục công việc chưa hoàn thành kế hoạch cải tiến (tỉ lệ 5,6%), phần lớn là các hạng mục công việc liên quan đến việc xây dựng cơ sở 2 ở Bắc Ninh [TC.10.03.03], [TC.10.03.04], [TC.10.03.05]. Các hạng mục công việc được Nhà trường cải tiến theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD cụ thể như sau:

Bảng 10.3.1. Bảng tổng hợp kết quả cải tiến theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN

Tiêu chuẩn	Số lượng hạng mục công việc cần cải tiến (theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD)	Hạng mục công việc đã thực hiện cải tiến		Hạng mục công việc chưa hoàn thành kế hoạch cải tiến	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
TC1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	6	6	100	0	0
TC2. Tổ chức và quản lý	28	28	100	0	0
TC3. Chương trình đào tạo	18	18	100	0	0
TC4. Hoạt động đào tạo	19	17	89,4	2	10,6
TC5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	25	25	100	0	0
TC6. Người học	19	18	94,7	1	5,6
TC7. NCKH, ứng dụng, phát triển và CGCN	14	14	100	0	0
TC8. Hoạt động HTQT	6	6	100	0	0
TC9. Thư viện, TTB học tập và CSVC khác	17	11	64,7	6	35,3
TC10. Tài chính và quản lý tài chính	10	10	100	0	0

Tổng	162	153	94,4	9	5,6

Trên cơ sở những kiến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD và những phát hiện của Nhà trường trong quá trình tự đánh giá và ĐGN chất lượng CSGD giai đoạn 2012-2016, Nhà trường đã thực hiện được những kết quả quan trọng trong giai đoạn 2018-2021 như sau:

- *ĐBCL về chiến lược*: (i) Rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi phù hợp với nguồn lực thực tế của Nhà trường và thực tiễn phát triển ngành Dược [TC.10.03.06]; (ii) Thành lập HĐT theo đúng quy định của Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018 và hướng dẫn của Bộ Y tế [TC.10.03.07]; (iii) Ban hành chính sách ĐBCLGD [TC.10.03.08], chính sách đào tạo [TC.10.03.09], chính sách khoa học và công nghệ [TC.10.03.10], chính sách KN&PVCĐ [TC.10.03.11]; (iii) Xây dựng Chiến lược phát triển Trường [TC.10.03.06] và các chiến lược thành phần [TC.10.03.09], [TC.10.03.10], [TC.10.03.11], [TC.10.03.12], [TC.10.03.13], [TC.10.03.14], [TC.10.03.15]; (iv) Rà soát, điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [TC.10.03.16] và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [TC.10.03.17]; (v) Kiện toàn cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Nhà trường [TC.10.03.18]; (vi) Rà soát đề án xác định vị trí việc làm [TC.10.03.19].

- *ĐBCL về hệ thống*: (i) Xây dựng chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.10.03.12]; (ii) Xây dựng mô hình ĐBCLGD trên cơ sở tham khảo mô hình ĐBCL của mạng lưới AUN-QA [TC.10.03.20]; (iii) Xây dựng kế hoạch tự đánh giá 07 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn kiểm định CTĐT version 4.0 của AUN-QA [TC.10.03.21]; (iv) Ban hành Quy định về ĐBCLGD trong HUP [TC.10.03.22] và các công cụ ĐBCL cốt lõi [TC.10.03.23]; (vi) Ban hành Sổ tay ĐBCL [TC.10.03.24]; (vii) Ban hành bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, bộ chỉ số thị trường và bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi [TC.10.03.25]; (viii) Thực hiện so chuẩn, đối sánh tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp [TC.10.03.26].

- *ĐBCL về thực hiện chức năng*:

+ *Hoạt động đào tạo*: (i) Mở thêm các CTĐT mới: ngành Hóa Dược, trình độ đại học; ngành Hóa học, trình độ đại học; ngành Công nghệ sinh học, trình độ đại học; CTĐT chất lượng cao ngành Dược học, trình độ đại học [TC.10.03.27]; (iii) Xây dựng và ban hành CĐR riêng cho từng CTĐT ở bậc SDH [TC.10.03.28]; rà soát, điều chỉnh CĐR CTĐT Dược học, trình độ đại học [TC.10.03.29]; (iv) Rà soát toàn bộ các CTĐT trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT, có tham khảo các CTĐT tiên tiến và ý kiến của nhà sử dụng lao động [TC.10.03.30].

+ *Hoạt động NCKH*: (i) Ban hành Quy định về hoạt động NCKH của người học [TC.10.03.31]; (ii) Ban hành Quy định Quản lý hoạt động SHTT [TC.10.03.32]; (iii) Ban hành Quy định tổ chức và hoạt động Nhóm nghiên cứu mạnh [TC.10.03.33]; (iv) Thành lập Nhóm nghiên cứu mạnh [TC.10.03.34]; (v) Triển khai các hoạt động hợp tác NCKH và CGCN [TC.10.03.35].

+ *Hoạt động KN&PVCD*: (i) Xây dựng Chiến lược hoạt động KN&PVCD giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.10.03.09]; (ii) Ban hành Quy định hoạt động KN&PVCD [TC.10.03.36]; (iii) Ban hành quy trình quản lý hoạt động KN&PVCD [TC.10.03.37].

Năm 2022, Nhà trường tiếp tục triển khai các hoạt động thực hiện kế hoạch cải tiến:

- *ĐBCL về chiến lược*: (i) Hoàn thiện đề án tự chủ của Trường; (ii) Hoàn thiện và ban hành đề án chuyển đổi số [TC.10.03.38].

- *ĐBCL về hệ thống*: Thực hiện so chuẩn, đối sánh chỉ số thị trường, chỉ số ĐBCL cốt lõi [TC.10.03.39]; Hoàn thiện hồ sơ đăng ký Trường trở thành thành viên liên kết của mạng lưới AUN-QA [TC.10.03.40].

- *ĐBCL về thực hiện chức năng*:

+ *Hoạt động đào tạo*: Năm học 2022-2023 xây dựng kế hoạch mở thêm CTĐT ngành Hóa Dược, trình độ thạc sĩ [TC.10.03.41] và CTĐT liên kết ngành Dược học, trình độ đại học [TC.10.03.42]; Rà soát, điều chỉnh CDR CTĐT Hóa dược, trình độ đại học [TC.10.03.43].

+ *Hoạt động NCKH*: (i) Ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ [TC.10.03.44]; (ii) Xây dựng quy chế/quy định, quy trình/hướng dẫn hoạt động của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học [TC.10.03.45]; (iii) Xây dựng KPIs hoạt động NCKH của giảng viên [TC.10.03.46].

+ *Hoạt động KN&PVCD*: Xây dựng KPIs hoạt động KN&PVCD cho giảng viên [TC.10.03.46].

Việc rà soát các phát hiện và kết quả tự đánh giá và ĐGN được Nhà trường thực hiện thường niên thông qua báo cáo kết quả việc thực hiện kế hoạch ĐBCLGD hàng năm, trong đó rà soát cụ thể các công việc triển khai theo kế hoạch hành động sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau ĐGN theo lộ trình. Căn cứ trên các kết quả thực hiện được, Nhà trường đề xuất các hoạt động cần cải tiến cho năm học tiếp theo [TC.10.03.47].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Quy trình tự đánh giá CSGD của Trường giai đoạn 2012-2017 được thực hiện theo công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 v/v hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Theo đó, Nhà trường thực hiện quy trình tự đánh giá gồm 09 bước [TC.10.04.01]. Sau khi thực hiện công tác tự đánh giá và ĐGN CSGD giai đoạn 2012-2017, ngày 04/12/2017 Nhà trường đã tổ chức cuộc họp rút kinh nghiệm về công tác tự đánh giá và ĐGN. Tại cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá đã kết luận “*Hoạt động tự đánh giá là hoạt động thường niên của tất cả các đơn vị trong Trường, yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc các công việc: lập kế hoạch của đơn vị căn cứ trên chiến lược, kế hoạch của Nhà trường; tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch đề ra; kiểm tra giám sát, đánh giá việc thực hiện cũng như kết quả đạt được*” [TC.10.04.02]. Trong giai đoạn 2017-2021, bên cạnh việc cải tiến chất lượng sau tự đánh giá CSGD giai đoạn 2012-2017 [TC.10.04.03], Nhà trường triển khai công tác tự đánh giá CSGD và CTĐT giai đoạn 2017-2022 theo Bộ tiêu chuẩn mới ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT [TC.10.04.04]. Để nâng cao chất lượng công tác tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn mới, Nhà trường thường xuyên rà soát các công việc chuẩn bị cho công tác tự đánh giá và ĐGN [TC.10.04.05].

Quy trình tự đánh giá CSGD của Trường giai đoạn 2017-2022 được triển khai Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT và Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 v/v hướng dẫn tự đánh giá CSGD đại học. Năm 2020, quy trình tự đánh giá được quy định tại Chương IV Tự đánh giá và ĐGN của Quy định về ĐBCLGD trong HUP, theo đó quy trình gồm 6 bước [TC.10.04.06]. Đến năm 2022, Nhà trường rà soát và điều chỉnh về mặt kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tự đánh giá và ban hành quy trình tự đánh giá CSGD riêng biệt [TC.10.04.07]. Quy trình tự đánh giá ban hành năm 2022 chi tiết hóa bước 3 và bước 4, đồng thời cụ thể hóa bước 5 và bước 6. Những điều chỉnh về quy trình tự đánh giá năm 2020 và năm 2022 cụ thể như sau:

Bảng 10.4.1. So sánh quy trình tự đánh giá năm 2020 và 2022

Quy trình Tự đánh giá năm 2020	Quy trình Tự đánh giá năm 2022
Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách	Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách
Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá	Bước 2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá

Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng	Bước 3. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng
	Bước 4. Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được
Bước 4. Viết báo cáo tự đánh giá	Bước 5. Triển khai viết báo cáo tự đánh giá
	Bước 6. Lấy ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo báo cáo tự đánh giá
Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá	Bước 7. Thông qua và công bố báo cáo tự đánh giá
Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá	Bước 8. Báo cáo Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT; xây dựng kế hoạch ĐGN

Nhằm đảm bảo công tác tự đánh giá được thực hiện đúng quy trình và đảm bảo hiệu quả công việc, Nhà trường tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn quy trình tự đánh giá [TC.10.04.08], buổi chia sẻ thực hành tốt trong công tác ĐBCL giữa các đơn vị trong Nhà trường [TC.10.04.09]. Để công tác tự đánh giá chất lượng CSGD giai đoạn 2017-2022 hoàn thành đúng tiến độ, Nhà trường yêu cầu các đơn vị trong toàn trường phối hợp cung cấp thông tin, minh chứng cho các nhóm chuyên trách khi được yêu cầu [TC.10.04.10], đồng thời Hội đồng Tự đánh giá tổ chức họp định kỳ để báo cáo tiến độ công việc, thảo luận, rà soát nội dung báo cáo và đóng góp ý kiến để hoàn thiện báo cáo tự đánh giá đúng kế hoạch [TC.10.04.11].

Bên cạnh việc điều chỉnh quy trình tự đánh giá để cải tiến chất lượng, Nhà trường luôn tăng cường công tác nâng cao năng lực cho các thành viên tham gia công tác tự đánh giá [TC.10.04.12], [TC.10.04.13], tham khảo các chia sẻ kinh nghiệm của các CSGD khác [TC.10.04.14], tăng cường trách nhiệm và sự tham gia của các phòng ban và bộ môn thông qua thành lập các tổ ĐBCL tại các đơn vị [TC.10.04.15]. Đồng thời Nhà trường luôn tăng cường ứng dụng CNTT trong việc xử lý các số liệu, thu thập dữ liệu, minh chứng, số hóa minh chứng để phục vụ công tác tự đánh giá, ĐGN và ra quyết định [TC.10.04.16]. Năm 2022, Nhà trường đã có kế hoạch xây dựng phân hệ quản lý CSDL thông tin hệ thống ĐBCL bên trong và hệ thống minh chứng với dự toán 300 triệu đồng [TC.10.04.17]. Đối với công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ tự đánh giá và ĐGN CSGD lần thứ 2 vào năm 2022, Nhà trường đã lập kế hoạch tài chính, trong đó đã dự toán chi tiết các chi phí dành cho công tác tự đánh giá, ĐGN [TC.10.04.18]. Đồng thời Nhà trường cũng tiến hành chuyển đổi từ chỉ định thầu sang đấu thầu rộng rãi qua mạng

nhằm đảm bảo tính cạnh tranh công bằng trong việc lựa chọn nhà thầu đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn, nhân lực, chi phí, ... [TC.10.04.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD của Nhà trường xác định rõ lộ trình và kế hoạch Tự đánh giá và ĐGN.

Nhà trường có các kế hoạch và công văn hướng dẫn triển khai công tác tự đánh giá và ĐGN. Các văn bản được phổ biến tới các đơn vị trong Trường thông qua các kênh thông tin như trang thông tin nội bộ intranet, các cuộc họp giao ban, kế hoạch trọng tâm, ... để các đơn vị thực hiện. Đồng thời, Nhà trường tổ chức tập huấn nâng cao năng lực ĐBCL cũng như cách thức thu thập minh chứng cho cán bộ ĐBCLGD.

Kế hoạch tự đánh giá xác định rõ nội dung, nguồn lực, thời gian, phân công công việc cụ thể cho các đơn vị, cá nhân. Trưởng nhóm công tác chuyên trách chi tiết hóa nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.

Nhà trường thực hiện đúng các thủ tục theo quy định để triển khai công tác tự đánh giá và ĐGN.

Nhà trường thực hiện việc tự đánh giá thường xuyên và định kỳ các hoạt động chung của Nhà trường; thực hiện đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2017-2020 và xây dựng kế hoạch tự đánh giá Trường giai đoạn 2017-2022 theo đúng quy định.

Nhà trường có 02 cán bộ có thể kiểm định viên và 07 cán bộ có chứng chỉ BD NV KĐV.

Các thành viên trong Hội đồng Tự đánh giá đã tham dự các khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng về ĐBCL và KĐCLGD.

Trong giai đoạn 2018-2021, Nhà trường thường xuyên rà soát và thực hiện kế hoạch hành động sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau ĐGN.

Nhà trường thực hiện 94,4% hạng mục công việc cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD.

Quy trình tự đánh giá được rà soát và cải tiến 2 lần trong giai đoạn 2017-2021.

Nhà trường tổ chức tập huấn hướng dẫn quy trình tự đánh giá và tổ chức buổi chia sẻ thực hành tốt trong công tác ĐBCL.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc tổ chức tập huấn nâng cao năng lực ĐBCL cho các cán bộ ĐBCL của các đơn vị chưa được thường xuyên, liên tục.

Nhà trường chưa thực hiện Tự đánh giá và ĐGN các CTĐT.

Một số thành viên trong Hội đồng Tự đánh giá Trường giai đoạn 2017-2022 mới chỉ tham dự các khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng do Nhà trường tổ chức; chưa tham dự các khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng về ĐBCL và KĐCLGD do Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN/các trung tâm KĐCLGD có uy tín hoặc Bộ GD&ĐT tổ chức.

Còn 5,6% hạng mục công việc chưa hoàn thành trong kế hoạch cải tiến sau ĐGN.

Việc chia sẻ kinh nghiệm trong công tác ĐBCL giữa các đơn vị chưa được tổ chức thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Nâng cao năng lực ĐBCL cho cán bộ, giảng viên	Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao năng lực ĐBCL cho cán bộ ĐBCLGD	Phòng ĐBCL&KT	Định kỳ 1 năm/lần	
2	Triển khai tốt công tác tự đánh giá và ĐGN CTĐT	Tiếp tục xây dựng các kế hoạch và công văn hướng dẫn triển khai công tác tự đánh giá và ĐGN CTĐT	Phòng ĐBCL&KT	Năm 2022-	
3	Tổ chức tự đánh giá và ĐGN 07 CTĐT	- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá và ĐGN 07 CTĐT; - Triển khai công tác tự đánh giá; - Triển khai các hoạt động phục vụ công tác ĐGN.	các đơn vị	- Năm học 2022-2023	
4	Triển khai các hoạt động tự	- Tiếp tục thực hiện việc tự đánh giá		Định kỳ hàng năm	

	2017	Ninh			
7	Tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tiến sau ĐGN chất lượng CSGD giai đoạn 2017-2022	Sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá và ĐGN giai đoạn 2017-2022, tiếp tục triển khai và rà soát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch hành động sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau ĐGN.	BGH; các đơn vị	Giai đoạn 2022-2027	
8	Chia sẻ kinh nghiệm trong công tác ĐBCL giữa các đơn vị	Thường xuyên tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm trong công tác ĐBCL giữa các đơn vị trong Trường	P. ĐBCL&KT; các đơn vị	Định kỳ cuối năm học	
9	Rà soát, cải tiến quy trình tự đánh giá và tổ chức tập huấn quy trình tự đánh giá CTĐT	- Tiếp tục rà soát quy trình tự đánh giá chất lượng CSGD trong giai đoạn 2022-2027; - Tiếp tục tổ chức tập huấn quy trình tự đánh giá CTĐT	BGH; P. ĐBCL&KT	Lần 1: 2025 Lần 2: 2027 Trước khi chuẩn bị tự đánh giá CTĐT	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	5,5
Tiêu chí 10.1	6
Tiêu chí 10.2	4
Tiêu chí 10.3	6
Tiêu chí 10.4	6

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD được thiết lập.

Thông tin ĐBCL của HUP bao gồm thông tin về học vụ, giảng viên, sinh viên, CSVC, NCKH, tài chính... của Nhà trường và thông tin thu thập phản hồi của các bên liên quan. HUP đã thiết lập kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Tháng 8 hàng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch ĐBCL giáo dục trong đó có nội dung về thực hiện công tác Ba Công khai theo quy định và Thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan [TC.11.01.01]. Kế hoạch này cũng quy định thời gian tiến hành, biện pháp thực hiện, đơn vị thực hiện và kết quả dự kiến của từng hoạt động. Để hệ thống thông tin ĐBCL bên trong ngày càng hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động đào tạo, NCKH, KN&PVCD, năm 2020 và 2021 Nhà trường đã xây dựng, ban hành kế hoạch rà soát hệ thống này [TC.11.01.02].

Nhà trường có các văn bản phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, các bộ phận phối hợp, hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. Trong Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trực thuộc HUP có quy định rõ phòng ĐBCL&KT có nhiệm vụ “*Tham mưu cho BGH tổ chức triển khai công tác ba công khai hàng năm theo yêu cầu của Bộ Giáo dục & Đào tạo*” và “*Xây dựng công cụ, thực hiện khảo sát và viết báo cáo khảo sát về tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường từ các bên liên quan*” [TC.11.01.03]. Theo đó, phòng ĐBCL&KT là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm thu thập thông tin ĐBCL bên trong.

Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong HUP ban đầu được vận hành dựa trên Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 sau đó là Thông tư 36/2017/TT/BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với CSGD và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tháng 8 hàng năm phòng ĐBCL&KT là đầu mối gửi email [TC.11.01.04] hoặc công văn [TC.11.01.05] phân công các đơn vị trong Trường thu thập thông tin theo các phụ lục đính kèm. Sau đó, Phòng sẽ tổng hợp và thực hiện báo cáo Ba công khai theo Thông tư hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Về công tác thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan, Nhà trường đã ban hành và áp dụng 06 quy trình khảo sát [TC.11.01.06]. Trong đó quy định rõ phòng ĐBCL&KT là đơn vị đầu mối thực hiện. Cụ thể, với mỗi hoạt động khảo sát, phòng ĐBCL&KT đều xây dựng kế hoạch chi tiết về mục tiêu, đối tượng, phương pháp tiến

hành, nội dung công việc, thời gian thực hiện và phân công đơn vị phối hợp [TC.11.01.07]. Phòng cũng phối hợp với các phòng chức năng để xây dựng/ rà soát, điều chỉnh phiếu khảo sát. Sau khi kế hoạch, nội dung phiếu khảo sát được BGH duyệt, phòng ĐBCL&KT sẽ tổ chức khảo sát; kết quả khảo sát sau đó được sàng lọc, làm sạch và xử lý dữ liệu bằng phần mềm thống kê; phòng ĐBCL&KT viết báo cáo khảo sát và gửi tới các phòng chức năng phản hồi kết quả khảo sát; sau khi BGH duyệt, báo cáo kết quả khảo sát được gửi tới các đơn vị/cá nhân liên quan xây dựng kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến lĩnh vực được khảo sát.

Nhằm nâng cao hiệu quả trong việc quản lý công việc, thu thập, xử lý, báo cáo, nhận chuyển thông tin từ các bên liên quan, HUP đã đưa vào sử dụng các phần mềm chuyên dụng: phần mềm QLĐT, phần mềm Quản lý máy chủ ảo, phần mềm thư viện CSDL số Libol digital 6.5, phần mềm thư viện điện tử Libol 6.0, cổng thông tin nội bộ Intranet, phần mềm Quản lý lý lịch khoa học, phần mềm Kế toán, phần mềm Quản lý lý lịch cán bộ, phần mềm Bảo hiểm xã hội của VNPT, phần mềm Thi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm Quản lý giờ giảng, phần mềm Quản lý cán bộ khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo [TC.11.01.08]. Ngoài ra, Nhà trường còn 04 trang thông tin (website Hup, website Thư viện, website Tuyển sinh, website Đào tạo) để truyền tải thông tin về nhà trường. Trang chủ của Website Hup (<http://www.hup.edu.vn/Pages/default.aspx#section=generalw>) hiển thị các tin tức sự kiện của Nhà trường, các thông báo tuyển sinh đại học, SDH, đào tạo liên tục, thông báo về KHCN. Trang con hiển thị chi tiết các thông tin liên quan đến các đơn vị và lĩnh vực chuyên môn. Website thư viện (<http://thuvien.hup.edu.vn/Pages/default.aspx>) hiển thị các thông báo của thư viện đồng thời cũng là nơi để người đọc tra cứu thư mục, csdl số của Nhà trường. Website đào tạo (<http://daotao.hup.edu.vn/Pages/default.aspx>) là cổng thông tin cung cấp thông tin chung về lịch thi, quy định, thông báo, thời khoá biểu, biểu mẫu cho người học. Website tuyển sinh (<https://tuyensinh.hup.edu.vn>) cung cấp các tin tức về tuyển sinh đại học, SDH và đào tạo liên tục. Tuy nhiên, phần lớn các phần mềm được ứng dụng trong quản lý công việc của Nhà trường chưa cho phép liên thông dữ liệu. Nhà trường cần ứng dụng một phần mềm có tính liên thông, tích hợp dữ liệu giữa các hoạt động nhằm cung cấp thông tin, báo cáo kịp thời, toàn diện. Do vậy, năm 2022 HUP đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đề án chuyển đổi số HUP giai đoạn 1 năm 2022-2025 [TC.11.01.09] và Đề án “Đề án Chuyển đổi số của Trường Đại học Dược Hà Nội” [TC.11.01.10]. Trong đó ưu tiên đẩy mạnh số hóa nguồn dữ liệu, nâng cấp hạ tầng TTB CNTT, nâng cấp phần mềm, xây dựng dữ liệu dùng chung trong hệ thống phần mềm, thúc đẩy đào tạo trực tuyến nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo thực tế và phù hợp với xu hướng tất yếu trong cách mạng công nghiệp 4.0..

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

HUP đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên nền tảng CNTT để hỗ trợ công tác ra quyết định.

Việc ứng dụng các phần mềm quản lý công việc trong các hoạt động của Nhà trường đã giúp cho việc trích xuất thông tin về học vụ, giảng viên, sinh viên, CSVC, NCKH, tài chính... nhằm cung cấp số liệu thống kê thực hiện báo cáo Ba công khai hay các báo cáo thường kỳ, đột xuất một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Cụ thể, phần mềm QLĐT có thể trích xuất danh sách sinh viên theo tổ, lớp hành chính, bảng điểm của sinh viên, giờ giảng của giảng viên..., phần mềm QLKH giúp trích xuất báo cáo bài báo, báo cáo hội nghị, đề tài theo năm học hoặc theo năm tài chính, tính giờ NCKH cho giảng viên..., phần mềm Quản lý cán bộ cung cấp hồ sơ lý lịch cán bộ, quá trình đào tạo và học tập, thống kê học hàm, học vị của giảng viên..., phần mềm Kế toán thống kê các khoản thu, chi, quản lý tài sản, CSVC...[TC.11.02.01]. Cổng thông tin nội bộ Intranet (*intranet.hup.edu.vn*) [TC.11.02.02], hệ thống thư điện tử (*email.hup.edu.vn*) [TC.11.02.03] của Nhà trường đã giúp việc nhận và chuyển thông tin, báo cáo trong toàn Trường nhanh chóng, chính xác và bảo mật. năm 2020, HUP đã xây dựng và ban hành bộ Chỉ số thông tin ĐBCL bên trong [TC.11.02.04]. Phòng ĐBCL&KT là đầu mối phối hợp với các đơn vị trong toàn Trường cập nhật dữ liệu hàng năm trên phần mềm Excel và lưu trữ trực tuyến trên Onedrive của Microsoft giúp cho việc tiếp cận, truy xuất dữ liệu của các đơn vị được thuận lợi mọi lúc, mọi nơi [TC.11.02.05].

Nhằm xây dựng một CSDL thông tin ĐBCL bên trong chính xác, đầy đủ cho từng lĩnh vực hoạt động, HUP đã tiến hành các cuộc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan định kỳ hàng năm, hàng học kỳ và theo yêu cầu [TC.11.02.06]. CNTT đã được Nhà trường ứng dụng vào hoạt động thu thập thông tin phản hồi. Chuyên mục khảo sát trực tuyến (<https://hupedu.sharepoint.com/servey>) trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (www.hup.edu.vn) đã giúp việc triển khai thu thập ý kiến phản hồi của người học được nhanh chóng, dễ dàng [TC.11.02.07]. Ứng dụng tạo biểu mẫu khảo sát trên Microsoft Form cũng được sử dụng để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan [TC.11.02.08]. Các cuộc khảo sát đều được thực hiện theo 06 quy trình khảo sát các bên liên quan đang được áp dụng trong nhà trường nhằm đảm bảo sự thống nhất [TC.11.02.09]. Số liệu các khảo sát sau đó được xử lý, phân tích bằng phần mềm thống kê, dữ liệu mở được tổng hợp theo phương pháp phân tích chủ đề. Phòng ĐBCL&KT

viết báo cáo gửi tới BGH và các đơn vị liên quan để lập kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Cụ thể, đối với hoạt động đào tạo, Nhà trường triển khai khảo sát SV về hoạt động giảng dạy học phần [TC.11.02.10], khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV [TC.11.02.11], khảo sát SV về hoạt động hỗ trợ và phục vụ đào tạo [TC.11.02.12], khảo sát SV/HV trước tốt nghiệp về khóa học [TC.11.02.13], khảo sát SV sau 1 năm tốt nghiệp về tình trạng việc làm và CTĐT [TC.11.02.14], khảo sát nhà sử dụng lao động/nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng của DS tốt nghiệp HUP và chất lượng hoạt động đào tạo và CTĐT [TC.11.02.15], khảo sát nhu cầu nhân lực trước khi mở mã ngành [TC.11.02.16]. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, từ đó làm căn cứ rà soát, điều chỉnh CTĐT và yêu cầu các Bộ môn điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần, cải tiến hệ thống các phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích có định hướng với CDR của học phần và CDR của CTĐT [TC.11.02.17], [TC.11.02.18], [TC.11.02.19]. Đối với hoạt động NCKH, Nhà trường tiến hành khảo sát GV, NCV và SV về hoạt động NCKH, SHTT của Trường [TC.11.02.20]; Nhà trường còn tiến hành khảo sát VC-NLĐ và người học về hoạt động KN&PVCĐ [TC.11.02.21]; khảo sát giảng viên, nghiên cứu viên, người học về hoạt động thư viện [TC.11.02.22], khảo sát VC-NLĐ về hoạt động tài chính [TC.11.02.23]... Các ý kiến phản hồi của GV, NCV, VC và người học về các hoạt động đã được các phòng chức năng liên quan tiếp thu xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động hàng năm, xây dựng kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường [TC.11.02.24].

Để đảm bảo tính bảo mật và riêng tư thì các báo cáo kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của từng học phần sẽ chỉ được gửi tới email của Bộ môn/Trưởng Bộ môn [TC.11.02.25] hay báo cáo kết quả phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên sẽ chỉ được gửi tới Trưởng bộ môn và giảng viên đó [TC.11.02.26]. Các báo cáo tổng thể khảo sát qua các năm từ 2017–2021 [TC.11.02.27] được lưu trữ hệ thống trên Cổng thông tin nội bộ (*intranet.hup.edu.vn*) để cán bộ, giảng viên Nhà trường dễ dàng tiếp cận, tải về khi cần tham khảo thông tin sau khi họ đăng nhập bằng tài khoản bảo mật do Nhà trường cung cấp [TC.11.02.28.]. Ngoài ra, các công văn yêu cầu lấy ý kiến góp ý và bản tổng hợp các ý kiến góp ý của các bên liên quan trong quá trình xây dựng chuẩn đầu ra các ngành/trình độ [TC.11.02.29] cũng được lưu trữ và dễ dàng tìm kiếm trên Cổng thông tin nội bộ của Nhà trường. Báo cáo Ba công khai của từng năm học được đăng tải đầy đủ, công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường để cán bộ, người học và các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận khi cần thông tin [TC.11.02.30].

Nhằm tạo sự liên thông, kết nối dữ liệu của các lĩnh vực hoạt động, HUP đã xây dựng Bộ CSDL các chỉ số thông tin ĐBCL bên trong về 7 lĩnh vực (*đào tạo, NCKH &*

HTPT, nhân sự, tài chính, ĐBCL, CSVC, KN&PVCD và khởi nghiệp). Dữ liệu đã được thu thập trong giai đoạn 2017-2021 và có thể được đối sánh với các mốc chuẩn trong Chiến lược và Kế hoạch phát triển của Nhà trường cũng như các chỉ số của quốc gia, quốc tế [TC.11.02.05]. Cụ thể, bộ CSDL cung cấp thông tin phù hợp, chính xác và sẵn có của các lĩnh vực giúp BGH Nhà trường có thể đánh giá mức độ đạt được so với kế hoạch, chiến lược Nhà trường đề ra, diễn tiến tăng giảm để đánh giá xu hướng nhằm phân tích, xác định lộ trình phát triển, mức độ đạt được so với các mốc chuẩn của quốc gia, quốc tế từ đó lập kế hoạch cải tiến. Để đảm bảo tính an toàn, bảo mật cho bộ CSDL, Nhà trường tiến hành phân quyền truy cập xem thông tin, quyền cập nhật rà soát thông tin cho từng nhóm đối tượng. BGH và phòng ĐBCL&KT được quyền xem toàn bộ CSDL, các phòng chức năng được phân quyền cập nhật thông tin cho lĩnh vực phụ trách. Tuy nhiên, bộ CSDL này mới chỉ dừng lại ở việc cập nhật, lưu trữ, trích xuất dữ liệu đơn giản trên phần mềm excel mà chưa có phần mềm quản lý riêng biệt giống như các phần mềm quản lý khác.

Song song với việc xây dựng hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành Quy chế Đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT HUP [TC.11.02.31]. Viên chức và người học được cấp tài khoản truy cập và phân quyền truy cập các phần mềm quản lý công việc và CSDL thông tin tùy theo vai trò của từng đối tượng [TC.11.02.32]. Ngoài ra, trong 06 quy trình quy trình khảo sát các bên liên quan về những hoạt động của Nhà trường [TC.11.02.09] và Quy chế văn thư lưu trữ HUP [TC.11.02.33] cũng có mục quy định, hướng dẫn đơn vị/cá nhân các bước xử lý, lưu trữ và sử dụng kết quả khảo sát. Trang thông tin điện tử của Nhà trường www.hup.edu.vn được Trung tâm thông tin thư viện quản lý kỹ thuật, cấp quyền cho các đơn vị trong Trường phụ trách việc đưa tin bài lên các mục theo sự phân công của Nhà trường. Để đảm bảo an toàn thông tin, mỗi đơn vị được cấp quyền truy cập riêng, và chỉ được cập nhật tin tức vào chuyên mục được giao phụ trách. Cụ thể, phòng ĐBCL&KT được giao nhiệm vụ cập nhật thông tin cho chuyên mục ĐBCL trên website Trường [TC.11.02.34].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Trong kế hoạch ĐBCL giáo dục hàng năm của HUP đều có nội dung về việc rà soát, cập nhật thông tin ĐBCL bên trong [TC.11.03.01]. Như đã phân tích ở tiêu chí 11.1, hệ thống thông tin ĐBCL bên trong HUP ban đầu được vận hành dựa trên Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 sau đó là Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày

28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với CSGD và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Do đó, hàng năm, theo hướng dẫn tại Thông tư, Nhà trường đều tiến hành rà soát, bổ sung và cập nhật dữ liệu báo cáo Ba công khai [TC.11.03.02], [TC.11.03.03]. Để hệ thống thông tin ĐBCL bên trong ngày càng hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động đào tạo, NCKH và KN&PVCĐ, năm 2020 và 2021, Nhà trường đều xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch rà soát hệ thống này [TC.11.03.04].

Trong email/ công văn yêu cầu thực hiện báo cáo Ba công khai của Nhà trường đều có các phụ lục đính kèm trong đó có phân công rõ nhiệm vụ của các đơn vị cần thực hiện [TC.11.03.02], [TC.11.03.03]. Kế hoạch rà soát hệ thống thông tin ĐBCL bên trong năm 2020, 2021 cũng quy định rõ phòng ĐBCL&KT là đầu mối phối hợp với các đơn vị thực hiện rà soát theo kế hoạch [TC.11.03.04]. Các kế hoạch tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của từng hoạt động hàng năm, hàng kì đều quy định rõ đơn vị thực hiện và đơn vị/cá nhân phối hợp [TC.11.03.05].

Do được lên kế hoạch và phân công nhiệm vụ rõ ràng nên hoạt động rà soát hệ thống thông tin ĐBCL tại Trường luôn được tiến hành đúng theo kế hoạch đề ra. Các báo cáo Ba công khai hàng năm của Nhà trường đều được bổ sung, cập nhật và công khai đúng thời hạn với cơ quan quản lý cấp trên [TC.11.03.06] và được đăng tải tại mục Ba công khai trên Trang thông tin điện tử của Nhà trường (<http://www.hup.edu.vn/Pages/BaCongKhai.aspx>). Công tác thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được tiến hành định kỳ. Mẫu phiếu khảo sát các bên liên quan được rà soát đối chiếu để đáp ứng theo yêu cầu của Công văn số 1668 và 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về tài liệu hướng dẫn đánh giá CSGD và đánh giá CTĐT. Để đảm bảo kết quả khảo sát có độ tin cậy và giá trị tham khảo thì khi xây dựng một bảng hỏi khảo sát mới, Nhà trường đều tiến hành đánh giá độ tin cậy của bảng hỏi bằng cách sử dụng phép kiểm định thống kê hệ số alpha của Crobach trên phần mềm SPSS. Từ kết quả kiểm định sẽ giúp loại bỏ những câu hỏi ít phù hợp, giữ lại những câu hỏi tốt [TC.11.03.07].

Dữ liệu khảo sát được lưu trữ trong máy tính, trên kho lưu trữ online và được sao lưu vào ô cứng di động. Báo cáo kết quả khảo sát tổng thể từng hoạt động được cập nhật trên trang thông tin nội bộ của Nhà trường [TC.11.03.08]. CSDL KĐCLGD được gửi tới các đơn vị trong Trường và yêu cầu cập nhật hàng năm.

Kế hoạch rà soát hệ thống thông tin ĐBCL bên trong năm 2020 và 2021 cũng được tiến hành theo đúng tiến độ, mục đích đề ra. Trong quá trình rà soát, Nhà trường

đã tiến hành lấy ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan để hoàn thiện hệ thống [TC.11.03.09], [TC.11.03.10]. Sau mỗi đợt rà soát, Nhà trường đã tiến hành họp tổng kết việc thực hiện kế hoạch [TC.11.03.11].

Kết quả của công tác rà soát hệ thống thông tin ĐBCL bên trong thể hiện qua sự biến đổi của các chỉ số theo từng năm trên các phụ lục của báo cáo Ba công khai [TC.11.03.12], kết quả khảo sát được cập nhật hàng năm trong mục Kết quả khảo sát trên trang thông tin nội bộ intranet.hup.edu.vn của Nhà trường [TC.11.03.08], các chỉ số thông tin ĐBCL được thêm mới và cập nhật [TC.11.03.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong tại HUP luôn được cải tiến kịp thời để hỗ trợ đào tạo, NCKH và KN&PVCD.

Cụ thể, từ năm học 2017-2018 trở về trước, công tác ba công khai của Nhà trường được thực hiện theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với CSGD và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Từ năm học 2018-2019 đến nay, Nhà trường đã triển khai thực hiện báo cáo ba công khai theo Thông tư 36/2017/TT/BGDĐT ngày 28/12/2017. Việc cải tiến trong công tác Ba công khai của Nhà trường không chỉ kịp thời đáp ứng thông tư của Bộ GD&ĐT mà còn cung cấp nhiều hơn thông tin cho các bên liên quan [TC.11.04.01].

Nhằm hoàn thiện hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, năm 2020 Trường đã xây dựng Bộ CSDL các chỉ số thông tin ĐBCL bên trong về 7 lĩnh vực (*đào tạo, NCKH & HTPT, nhân sự, tài chính, ĐBCL, CSVC, KN&PVCD và khởi nghiệp*) [TC.11.04.02]. Năm 2021, căn cứ trên các văn bản pháp quy của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, bộ tiêu chuẩn kiểm định CTĐT của AUN-QA, bảng xếp hạng UPM, Nghị quyết về việc ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm (2021-2025), các chiến lược thành phần của Nhà trường và các tài liệu có liên quan, Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật bộ CSDL. Bộ CSDL các chỉ số thông tin ĐBCL bên trong đã tạo sự liên thông, kết nối dữ liệu của các lĩnh vực hoạt động trong nhà trường, cung cấp thông tin phù hợp, chính xác và sẵn có cho việc ra quyết định [TC.11.04.02].

Công tác thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan cũng được rà soát cải tiến. Hàng năm, phòng ĐBCL&KT đều tiến hành rà soát nội dung các phiếu hỏi

[TC.11.04.03] trên cơ sở Bảng hướng dẫn đánh giá theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học và Bảng hướng dẫn đánh giá theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học. Sau khi lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trong trường để rà soát, cải tiến một số quy trình khảo sát các bên liên quan, Nhà trường đã có những cải tiến như bổ sung biểu mẫu Kế hoạch cải tiến sau phản hồi [TC.11.04.04]. Ngoài ra, Nhà trường còn xây dựng mới Quy trình khảo sát các bên liên quan về những hoạt động của Nhà trường, Quy trình cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường sau phản hồi từ các bên liên quan [TC.11.04.05].

Các kết quả lấy kiến phản hồi của các bên liên quan đều được các đơn vị trong Nhà trường dùng làm căn cứ để xây dựng kế hoạch và thực hiện cải tiến hoạt động nhằm góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH, KN&PVCĐ. Cụ thể:

Bảng 11.4.1. Một số kết quả phản hồi từ người học về giảng viên và học phần giai đoạn 2017-2022

<i>Thu thập thông tin phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên</i>	2017 (31/12)	2018 (31/12)	2019 (31/12)	2020 (31/12)	2021 (31/12)
<i>Số phiếu khảo sát</i>	3706	3989	2998	4994	6083
<i>Tỷ lệ người học trả lời khảo sát (%)</i>	79,1	90,1	81,9	72,8	76,6
<i>Số GV được khảo sát (GV lý thuyết)</i>	58	53	46	52	55
<i>Tỷ lệ phản hồi Tốt</i>	35	31	29	48	48
<i>Tỷ lệ phản hồi Khá</i>	21	22	17	4	7
<i>Tỷ lệ phản hồi TB</i>	2	0	0	0	0
<i>Tỷ lệ phản hồi Yếu</i>	0	0	0	0	0
<i>Thu thập thông tin phản hồi từ người học về chất lượng giảng dạy học phần</i>	2017 (31/12)	2018 (31/12)	2019 (31/12)	2020 (31/12)	2021 (31/12)
<i>Số phiếu khảo sát</i>	9120	9133	12511	12237	5466
<i>Tỷ lệ người học trả lời khảo sát (%)</i>	78,2	74,5	87,6	82,3	85,7

<i>Số học phần được khảo sát</i>	35	48	27	71	16
<i>Tỷ lệ phản hồi Tốt</i>	13	26	17	50	16
<i>Tỷ lệ phản hồi Khá</i>	21	22	8	11	0
<i>Tỷ lệ phản hồi TB</i>	1	0	2	0	0
<i>Tỷ lệ phản hồi Yếu</i>	0	0	0	0	0

Về hoạt động đào tạo: báo cáo kết quả phản hồi về hoạt động giảng dạy học phần, hoạt động giảng dạy của giảng viên đều được gửi tới trưởng bộ môn và giáo viên giảng dạy [TC.11.04.06] để bộ môn và giảng viên họp xây dựng kế hoạch và thực hiện cải tiến sau phản hồi [TC.11.04.07]. Nhờ vậy, hoạt động giảng dạy của Nhà trường ngày càng được nâng cao chất lượng.

Trên cơ sở kết quả phản hồi của người học về học phần, người học trước tốt nghiệp về khoá học tại trường, cựu người học sau tốt nghiệp 1 năm và nhà sử dụng lao động, Nhà trường điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, từ đó làm căn cứ rà soát, điều chỉnh CTĐT và yêu cầu các Bộ môn điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần, cải tiến hệ thống các phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích có định hướng với CDR của học phần và CDR của CTĐT [TC.11.04.08], [TC.11.04.09], [TC.11.04.10].

Bảng 11.4.2. Một số kết quả phản hồi từ người học trước và sau khi tốt nghiệp và người sử dụng lao động

Thu thập thông tin phản hồi từ người học (đại học) trước tốt nghiệp về khóa học	2017	2018	2019	2020	2021
<i>Số phiếu khảo sát</i>	524	343	443	468	380
Tỷ lệ người học trả lời khảo sát (%)	91.77%	96.62%	81.90%	88.30%	88.58
<i>Mức độ hài lòng của người học về khóa học</i>	88.30%	88.70%	90.6	87.20%	88.90%
Mức độ đáp ứng việc làm:					
<i>Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)</i>	-	-	98.56	98.17	99.55
<i>Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần</i>	-	-	1.33	1.69	0.41

<i>thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)</i>					
<i>Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp</i>	-	-	0.11	0.14	0.04
Khảo sát được sỹ sau 1 năm tốt nghiệp	K66	K67	K68	K69	K70
<i>Số phiếu thu về</i>	208	419	235	408	422
<i>Tỷ lệ khảo sát</i>	47,4%	74,3%	70,9%	79,7%	81,4%
<i>Mức độ hài lòng của DS về khóa học</i>	82,9%	79,5%	83,6%	75,3%	74,8%
<i>Mức độ đáp ứng việc làm:</i>					
<i>Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)</i>	-	82,8%	91,7%	89,2%	79,4%
<i>Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)</i>	-	16,3%	8,2%	9,5%	16,3%
<i>Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp</i>	-	1,0%	0%	1,3%	0,9%
<i>Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:</i>					
<i>Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả SV chưa có việc làm học tập nâng cao (%)</i>					
<i>- Sau 12 tháng tốt nghiệp</i>	-	-	98,3%	96,1%	94,5%
<i>Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)</i>	-	-	1,7%	3,9%	5,5%
<i>Tỷ lệ tự tạo việc làm (%)</i>	-	0%	5,9%	2,7%	5,7%

<i>Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ)</i>	9,3	11	11,5	10,6	9,89
<i>Đánh giá của NSĐLĐ về SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo:</i>	2017	2018	2019	2020	2021
<i>Số phiếu thu về</i>	285	378	264	266	147
<i>Số phiếu hợp lệ</i>	273	359	247	233	115
<i>Mức độ hài lòng của NSLĐ về DSTNDHN</i>	89,8	92,4	83,9	88,6	95,8
<i>Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)</i>	85,80%	91,7%	87,40%	90,50%	93,90%
<i>Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)</i>	13,40%	8,00%	12,60%	9,50%	4,60%
<i>Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)</i>	0,80%	0,30%	0%	0%	1,50%

Về hoạt động KHCN, sau khi có kết quả báo cáo thu thập ý kiến phản hồi của GV, NCV và SV về hoạt động KHCN &SHTT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường [TC.11.04.11], Quy định tổ chức và hoạt động Nhóm nghiên cứu mạnh Trường [TC.11.04.12] nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này.

Về hoạt động KN&PVCĐ, sau khi có kết quả báo cáo thu thập ý kiến phản hồi của VC, NLĐ và SV về hoạt động này, Nhà trường đã ban hành Chính sách, chiến lược KN&PVCĐ [TC.11.04.13]; Quy định hoạt động KN&PVCĐ của Trường [TC.11.04.14], Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCĐ [TC.11.04.15] nhằm đẩy mạnh hoạt động mới này.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch quản lý, rà soát và cải tiến hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong việc thực hiện cung cấp thông tin. Trường đã xây dựng được bộ CSDL thông tin ĐBCL bên trong gồm 7 lĩnh vực với thông tin chính xác, sẵn có để truy cập, trích xuất hỗ trợ kịp thời cho công tác ra quyết định. CNTT sớm được sử dụng trong việc thu thập, xử lý, báo

cáo, nhận và chuyển thông tin ĐBCL bên trong từ các bên liên quan đồng thời giúp đảm bảo tính bảo mật của hệ thống.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nhà trường chưa có phần mềm quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong có khả năng liên thông, tích hợp dữ liệu của các phần mềm quản lý công việc đang được sử dụng. Phòng ĐBCL&KT cần tiến hành xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích kết quả từ dữ liệu của hệ thống thông tin ĐBCL bên trong nhằm hỗ trợ nhiều hơn nữa cho hoạt động đào tạo, NCKH và KN&PVCD.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong bằng phần mềm tích hợp	Thực hiện Đề án Chuyển đổi số HUP giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030	TT TTTV	2022-2025	
2	Cung cấp thông tin hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường	Thực hiện báo cáo đối sánh, so chuẩn hàng năm các chỉ số cơ bản của hoạt động đào tạo, NCKH và KN&PVCD	P. ĐBCL&KT	2023	
4	Quản lý tốt hệ thống thông tin ĐBCL bên trong	Xây dựng và thực hiện các kế hoạch quản lý, rà soát và cải	P. ĐBCL&KT	2023	

		tiền hệ thống thông tin ĐBCL bên trong			
5	Hoàn thiện CSDL thông tin ĐBCL bên trong	Rà soát, cập nhật CSDL thông tin ĐBCL bên trong	P. ĐBCL&KT. Các đơn vị	2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	5
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	5
Tiêu chí 11.5	5

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Với vị thế là trường đại học hàng đầu Việt Nam đào tạo về lĩnh vực Dược, Trường luôn lấy “nâng cao chất lượng” làm kim chỉ nam của mọi kế hoạch hành động. Sau khi kiểm định chất lượng CSGD giai đoạn 2012-2016, việc “nâng cao chất lượng” của Nhà trường được bắt đầu từ việc rà soát, sửa đổi, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi [TC.12.01.01]. Tháng 3/2020, Nhà trường ban hành Chiến lược, kế hoạch phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó xác định “Yếu tố cốt lõi làm nên thương hiệu HUP là chất lượng cao gắn liền với hiệu quả tối ưu trong mọi hoạt động và trên mọi phương diện” [TC.12.01.02]. Để nâng cao CLGD, tháng 11/2020 Nhà trường ban hành Chính sách ĐBCLGD của Trường, trong đó [TC.12.01.03] nêu rõ: “Thường xuyên đánh giá, xem xét và liên tục cải tiến chất lượng, vận hành hệ thống ĐBCL hiệu quả trên cơ sở quản trị hệ thống nhằm tối ưu hóa các nguồn lực để đạt mục tiêu chất lượng - hiệu quả” và “Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD, đổi mới quản lý, hiện đại hóa CSVC, tăng cường ứng dụng

CNTT”. Nhằm cụ thể hóa chính sách ĐBCLGD, tháng 4/2021 Nhà trường ban hành chiến lược ĐBCLGD HUP giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.12.01.04], tháng 8/2021 Nhà trường ban hành kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025 [TC.12.01.05]. Trong kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đã xác định các nhiệm vụ cốt lõi nhằm nâng cao chất lượng: (i) Phát triển hệ thống ĐBCL bên trong, (ii) Thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan và cải tiến sau phản hồi, (iii) Thanh kiểm tra, giám sát liên quan đến công tác ĐBCL, (iv) Kiểm định chất lượng CSGD giai đoạn 2017-2022 và kiểm định 07 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA/bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; (v) Triển khai xếp hạng thứ bậc và năng lực cạnh tranh quốc tế trong các bảng xếp hạng. Đối với mỗi nhiệm vụ cụ thể, Nhà trường xác định rõ từng hạng mục công việc, sản phẩm dự kiến, thời gian hoàn thành và đơn vị thực hiện [TC.12.01.05]. Bên cạnh đó, để đáp ứng việc nâng cao chất lượng GDĐH theo đề án 69 của Bộ GD&ĐT, tháng 11/2021 Nhà trường ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng GDĐH theo đề án 69 giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch bao gồm 24 hạng mục công việc thuộc các lĩnh vực trọng yếu của Nhà trường là đào tạo, NCKH, HTQT, nguồn lực (nhân sự, tài chính, CSVC) và ĐBCLGD. Phòng TC-HC được phân công là đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện đề án 69 giai đoạn 2021-2025 của Nhà trường [TC.12.01.06].

Trong giai đoạn 2017-2019, hoạt động ĐBCLGD của Nhà trường được thực hiện theo Thông tư 12/2017 và Thông tư 04/2016. Theo đó, Nhà trường đã hoàn thiện mạng lưới ĐBCLGD của các đơn vị, quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ của cán bộ mạng lưới; thành lập Hội đồng ĐBCLGD; xây dựng quy trình, công cụ nhằm ĐBCLGD các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường [TC.12.01.07]. Nhằm thiết lập hệ thống ĐBCL bên trong và vận hành công tác ĐBCL thống nhất trong toàn trường, tháng 10/2019 Nhà trường thành lập Tổ soạn thảo Quy định ĐBCLGD. Đến tháng 5/2020, Quy định ĐBCLGD HUP chính thức được ban hành. Quy định ĐBCLGD nêu rõ nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong hệ thống ĐBCL bên trong cũng như các hoạt động ĐBCLGD của từng lĩnh vực đào tạo, NCKH, KN&PVCĐ. Để nâng cao chất lượng, Quy định ĐBCLGD được rà soát định kỳ 2 năm/lần. Tháng 02/2022, Nhà trường thành lập tổ rà soát, sửa đổi Quy định ĐBCLGD HUP theo quyết định số 91/QĐ-DHN ngày 28/2/2022. Tháng 6/2022, sau khi lấy ý kiến của các đơn vị trong trường và được Hội đồng ĐBCLGD thông qua, Quy định ĐBCLGD chính thức được ban hành [TC.12.01.08].

Song song với việc ban hành Quy định ĐBCLGD, Nhà trường ban hành “Quy trình cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường sau phản hồi từ các bên liên quan”

nhằm thống nhất cách thức thực hiện hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng tất cả các hoạt động của Nhà trường. Quy trình gồm 5 bước: xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng; phê duyệt kế hoạch; thực hiện cải tiến chất lượng; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện việc cải tiến; lưu trữ hồ sơ [TC.12.01.09].

Đối với hoạt động đào tạo, để thực hiện sứ mạng “Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế” [TC.12.01.10], Nhà trường đã ban hành Chiến lược Đào tạo giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu “Đổi mới, đa dạng hóa công tác đào tạo, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả, đạt chuẩn đào tạo của các nước tiên tiến trong khu vực và tiếp cận quốc tế, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của xã hội” [TC.12.01.11]. Thực hiện Chiến lược Đào tạo, Nhà trường đã mở thêm các CTĐT mới, bao gồm: ngành Hóa Dược, trình độ đại học [TC.12.01.12], ngành Hóa học, trình độ đại học [TC.12.01.13], ngành Công nghệ sinh học, trình độ đại học [TC.12.01.14], CTĐT chất lượng cao ngành Dược học, trình độ đại học [TC.12.01.15]; đồng thời định kỳ rà soát toàn bộ các CTĐT trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT, có tham khảo các CTĐT tiên tiến và ý kiến của nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp [TC.12.01.16]. Để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung và sửa đổi quy chế đào tạo trình độ đại học [TC.12.01.17], quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ [TC.12.01.18] và quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ [TC.12.01.19] theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Đối với hoạt động NCKH, để thực hiện sứ mạng “Tạo ra các công trình nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực dược được ứng dụng trong thực tiễn, tạo ra giá trị cho xã hội” [TC.12.01.10], Nhà trường ban hành Chiến lược KHCN giai đoạn 2021-2025 [TC.12.01.20]. Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH, Nhà trường đã định kỳ rà soát, sửa đổi và bổ sung Quy định quản lý đề tài KHCN cấp HUP [TC.12.01.21], ban hành Quy định Quản lý hoạt động SHTT [TC.12.01.22], Quy định tổ chức và hoạt động Nhóm nghiên cứu mạnh [TC.12.01.23], Quy định về hoạt động NCKH của người học [TC.12.01.24].

Đối với hoạt động KN&PVCĐ, Nhà trường đã ban hành Chiến lược KN&PVCĐ giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu “Phát triển hoạt động KN&PVCĐ trở thành một trong ba hoạt động trụ cột của Nhà trường, bên cạnh hoạt động đào tạo và NCKH” [TC.12.01.25]. Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KN&PVCĐ, Nhà trường ban hành Quy định hoạt động KN&PVCĐ [TC.12.01.26], quy trình quản lý hoạt động KN&PVCĐ [TC.12.01.27].

Để có nguồn nhân lực và tài lực tốt nhất nhằm thực hiện thành công Chiến lược Đào tạo, Chiến lược KHCN và Chiến lược KN&PVCD, Nhà trường đã đánh giá tổng quan thực trạng nguồn lực, từ đó xây dựng Chiến lược Nhân sự giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch tổ chức, nhân sự giai đoạn 2021-2015 [TC.12.01.28], Chiến lược Tài chính giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hoạt động tài chính HUP giai đoạn 2021-2025 [TC.12.01.29].

Với quan điểm “nâng cao chất lượng” là một quá trình liên tục, Nhà trường luôn đặt “sự hài lòng và nhu cầu của các bên liên quan” là yếu tố then chốt. Chính vì vậy, việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan và sử dụng các kết quả phản hồi để cải tiến được Nhà trường thực hiện một cách hệ thống, toàn diện trên mọi lĩnh vực/hoạt động [TC.12.01.30]. Đối với hoạt động đào tạo, Nhà trường triển khai khảo sát nhu cầu nhân lực trước khi mở mã ngành [TC.12.01.31], khảo sát nhà sử dụng lao động/nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng của DS tốt nghiệp HUP và chất lượng hoạt động đào tạo và CTĐT [TC.12.01.32], khảo sát sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp về tình trạng việc làm và CTĐT [TC.12.01.33], khảo sát sinh viên/học viên SDH trước tốt nghiệp về khóa học [TC.12.01.34], khảo sát học phần [TC.12.01.35], khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên [TC.12.01.36], khảo sát hoạt động thực hành [TC.12.01.37], khảo sát hoạt động hỗ trợ và phục vụ đào tạo [TC.12.01.38]. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, từ đó làm căn cứ rà soát, điều chỉnh CTĐT và yêu cầu các Bộ môn điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần, cải tiến hệ thống các phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích có định hướng với CDR của học phần và CDR của CTĐT [TC.12.01.39], [TC.12.01.40], [TC.12.01.41]. Đối với hoạt động NCKH, hoạt động KN&PVCD, hoạt động thư viện, hoạt động tài chính, Nhà trường triển khai khảo sát như khảo sát về hoạt động NCKH, SHTT của Trường [TC.12.01.42], hoạt động NCKH của người học [TC.12.01.43], khảo sát VC-NLĐ và sinh viên về hoạt động KN&PVCD [TC.12.01.44], khảo sát giảng viên, nghiên cứu viên, người học về hoạt động thư viện [TC.12.01.45], khảo sát hoạt động tài chính [TC.12.01.46]. Các ý kiến phản hồi của GV, NCV, VC và người học về các hoạt động đã được các phòng chức năng liên quan tiếp thu, xây dựng kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường [TC.12.01.47].

Với việc triển khai “nâng cao chất lượng” một cách đồng bộ trên tất cả các hoạt động/lĩnh vực của Nhà trường, đến thời điểm 31/12/2021 Nhà trường đã thực hiện được 153/162 hạng mục công việc trong kế hoạch cải tiến sau ĐGN chất lượng CSGD giai đoạn 2012-2017 (tỉ lệ đạt 94,4%) [TC.12.01.48].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

So chuẩn và đối sánh là một trong những hoạt động giúp Trường nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, KN&PVCD. Thông qua so chuẩn và đối sánh, Nhà trường tự đánh giá chất lượng các hoạt động so với các CSGD và các mốc chuẩn, từ đó xác định điểm mạnh, điểm tồn tại và đề xuất các kế hoạch cải tiến nhằm giúp Nhà trường đạt được những mục tiêu, chiến lược đã đề ra. Chính vì vậy, ngay sau khi hoàn thành kiểm định chất lượng CSGD giai đoạn 2012-2016, Nhà trường đã yêu cầu các đơn vị thực hiện hoạt động so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình nhằm đáp ứng Thông tư 12/2017 và Thông tư 04/2016. Trong đó, Nhà trường hướng dẫn các bước thực hiện so chuẩn và đối sánh bao gồm: (i) thu thập dữ liệu so chuẩn và đối sánh các nội dung tiêu chí đáp ứng Thông tư 12/2017 và Thông tư 04/2016, (ii) thực hiện so chuẩn và đối sánh, (iii) viết báo cáo kết quả so chuẩn và đối sánh, (iv) đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng trong năm học/giai đoạn tiếp theo. Đồng thời, Nhà trường cũng xác định các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCLGD của Trường [TC.12.02.01].

Để thống nhất hoạt động so chuẩn và đối sánh trong toàn trường, Nhà trường đã ban hành Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT [TC.12.02.02]. Trong đó, Nhà trường hướng dẫn các đơn vị lựa chọn CSGD để đối sánh cần đảm bảo các tiêu chí:

- Là trường đại học định hướng nghiên cứu có mục tiêu chiến lược tương thích với HUP;
- Là trường đại học có hiệu quả/uy tín cao trong nước, khu vực và quốc tế;
- Có cam kết quản lý chất lượng và sẵn sàng chia sẻ dữ liệu;
- Khuyến khích lựa chọn các CSGD tiên tiến quốc tế thuộc top 200 Châu Á và top 500 thế giới.

Các nội dung tiêu chí và chỉ số cần so chuẩn, đối sánh được Nhà trường xác định căn cứ trên các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của AUN-QA, hệ thống đối sánh và xếp hạng trường đại học theo hình thức gắn sao UPM, Chiến lược phát triển HUP và được rà soát, bổ sung, điều chỉnh định kỳ 1 năm/lần [TC.12.02.02], [TC.12.02.03]. Hoạt động so chuẩn, đối sánh được Nhà trường triển khai ở 3 cấp độ: cấp độ chiến lược, cấp độ hệ thống và cấp độ chức năng.

Ở cấp độ chiến lược, căn cứ trên các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (TT12/2017 và TT04/2016) Nhà trường xác định nội dung so chuẩn, đối sánh là “đối sánh, đánh giá việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển Trường và các kế hoạch

chiến lược thành phần (đào tạo, NCKH, PVCĐ, ĐBCLGD, tài chính và nhân sự) [TC.12.02.02].

Ở cấp độ hệ thống, Nhà trường ban hành bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi để thực hiện so chuẩn, đối sánh [TC.12.02.03]. Nội dung tiêu chí và chỉ số ĐBCL cốt lõi gồm các chỉ tiêu phần đầu chính về ĐBCL của Nhà trường, cụ thể: (i) chất lượng đào tạo và việc làm của sinh viên (13 tiêu chí); (ii) chất lượng NCKH và chuyển giao tri thức (16 tiêu chí); (iii) CSHT phục vụ đào tạo và NCKH (6 tiêu chí); (iv) mức độ quốc tế hóa (3 tiêu chí); (v) KN&PVCĐ (4 tiêu chí); (vi) KĐCLGD và xếp hạng quốc tế (2 tiêu chí) [TC.12.02.03].

Ở cấp độ chức năng, căn cứ trên các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (TT12/2017 và TT04/2016) các phòng chức năng xác định nội dung so chuẩn, đối sánh các hoạt động của đơn vị mình [TC.12.02.02], bao gồm:

- Hoạt động đào tạo: đối sánh khi xây dựng CTĐT mới hoặc khi rà soát, sửa đổi, bổ sung CTĐT hiện hành; đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp TB, tỷ lệ học lại/thi lại; đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau tốt nghiệp; mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học sau tốt nghiệp [TC.12.02.02];

- Hoạt động NCKH: đối sánh loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV, NCV, người học; loại hình và số lượng các công bố khoa học, các tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu và sáng tạo [TC.12.02.02];

- Hoạt động KN&PVCĐ: đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động KN&PVCĐ, kết quả hoạt động KN&PVCĐ, mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động KN&PVCĐ [TC.12.02.02].

Hoạt động so chuẩn, đối sánh được thực hiện theo các bước [TC.12.02.02]:

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch so chuẩn, đối sánh về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

- Bước 2: Xác định các nội dung tiêu chí và chỉ số cần so chuẩn, đối sánh;

- Bước 3: Thu thập, phân tích, đánh giá dữ liệu của một số CSGD cần so chuẩn, đối sánh;

- Bước 4: Đề xuất lựa chọn các CSGD để so chuẩn, đối sánh;

- Bước 5: BGH phê duyệt kế hoạch;

- Bước 6: Các phòng chức năng phân tích dữ liệu, thực hiện so chuẩn, đối sánh;

- Bước 7: Các phòng chức năng viết báo cáo đối sánh từng lĩnh vực;

- Bước 8: Phòng ĐBCL&KT viết báo cáo tổng hợp;

- Bước 9: BGH phê duyệt báo cáo;
- Bước 10: Công bố báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh;
- Bước 11: Các đơn vị/cá nhân liên quan thực hiện cải tiến chất lượng sau so chuẩn, đối sánh;
- Bước 12: Theo dõi, đánh giá kế hoạch cải tiến chất lượng;
- Bước 13: Lưu trữ hồ sơ.

Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã thực hiện so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi. Các chuẩn đối sánh được Nhà trường xác định là top 500 thế giới, top 200 Châu Á, bảng xếp hạng gắn sao UPM và chuẩn quốc gia. Đồng thời, Nhà trường tiến hành đối sánh nội bộ từng năm và so sánh với các chỉ tiêu trong Chiến lược phát triển HUP năm 2025 (HUP 2025). Căn cứ vào những tiêu chí có chỉ số thấp hơn so với mức đạt chuẩn/với chỉ số HUP 2025, các đơn vị đề xuất giải pháp nâng cao chỉ số của các chỉ tiêu này vào các năm tiếp theo [TC.12.02.04].

Để đánh giá được kết quả đầu ra của CTĐT, Nhà trường thực hiện đối sánh tình hình việc làm của SVTN trong giai đoạn 2017-2021 [TC.12.02.05]. Các CSGD được lựa chọn đối sánh tình hình việc làm của SVTN là những trường đại học có uy tín cao trong nước với ngành đào tạo có tỉ lệ cạnh tranh đầu vào với ngành Dược. Cụ thể là Khoa Dược, Trường ĐH Y Dược TP HCM; Khoa Kinh tế đối ngoại, Trường Đại học Ngoại thương và Khoa CNTT, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Các tiêu chí được xác định để đối sánh là: tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên tự tạo việc làm, tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà trường còn đối sánh nội bộ mức lương TB của sinh viên sau khi tốt nghiệp và đối sánh với mức lương TB của trình độ đại học trên toàn quốc [TC.12.02.05].

Để đánh giá được kết quả đầu ra của hoạt động NCKH, Nhà trường thực hiện đối sánh chất lượng nghiên cứu và chuyển giao tri thức trong giai đoạn 2017-2022 [TC.12.02.04]. Các tiêu chí được xác định để đối sánh là: số lượng bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế TB trên cán bộ khoa học hàng năm, số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học trong 5 năm, số lượng bài báo trên các tạp chí KH có uy tín trên thế giới/1 giảng viên/năm, số sách chuyên khảo với các chỉ số của các trường đại học top 200 Châu Á và top 500 Thế giới [TC.12.02.03].

Đối với các hoạt động KN&PVCD, Nhà trường xác định các tiêu chí đối sánh là: số CTĐT, bồi dưỡng ngắn hạn cập nhật kiến thức, kỹ năng đáp ứng mục đích nâng cao năng lực học tập suốt đời cho các đối tượng bên trong và bên ngoài nhà trường của một ngành; chỉ số ảnh hưởng của các nghiên cứu về phát triển bền vững: chỉ số H-index cao nhất tính đến 2020 của các bài báo Scopus (2015-2020) của ngành học hướng đến 17

mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên hợp quốc; các nghiên cứu trong 17 mục tiêu SDGs được triển khai ứng dụng trong 5 năm gần đây nhất; các hoạt động KN&PVCĐ, bao gồm: (i) nhà trường, tổ chức chính trị xã hội và cộng đồng kết hợp truyền thông về tinh thần và hành động vì 17 mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên hợp quốc; (ii) hoạt động tương trợ, thúc đẩy phát triển hài hòa các chuẩn mực xã hội có hiệu quả hàng năm [TC.12.02.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Đề nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường, các đơn vị thực hiện so chuẩn, đối sánh ở 3 cấp độ: cấp độ chiến lược, cấp độ hệ thống và cấp độ chức năng. Hoạt động so chuẩn, đối sánh được thực hiện định kỳ hàng năm và được tổng kết theo giai đoạn nửa chu kỳ đánh giá. Kết quả so chuẩn, đối sánh là căn cứ để các đơn vị lập kế hoạch ĐBCLGD hàng năm để thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động của đơn vị mình [TC.12.03.01].

Hoạt động so chuẩn, đối sánh ở cấp độ hệ thống của Nhà trường được thực hiện với công cụ là bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi [TC.12.03.02]. Kết quả thực hiện so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi trong giai đoạn 2017-2021 như sau [TC.12.03.03]:

- Về chất lượng đào tạo và tình hình việc làm của người học: kết quả so chuẩn, đối sánh cho thấy 04 tiêu chí đều đạt mức chuẩn quốc gia, top 200 Châu Á và top 500 thế giới. Kết quả chi tiết trong bảng 1 [TC.12.03.03]:

Bảng 12.3.1. Kết quả so chuẩn, đối sánh chất lượng đào tạo và tình hình việc làm

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	Chuẩn quốc gia	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
14.	Mức độ hài lòng của sinh viên năm cuối về CTĐT, môi trường học tập, NCKH và các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường	Ít nhất 75%	100%	80%	88,3%	88,7%	90,6%	87,2%	88,9%
15.	Mức độ hài lòng của cựu sinh viên về tính thực tiễn			80%	82,9%	79,5%	83,6%	75,3%	74,8%

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	Chuẩn quốc gia	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
	của CTĐT, khả năng thích ứng với môi trường công tác								
16.	Người sử dụng lao động hài lòng về chất lượng SVTN	50 ý kiến đánh giá/khảo sát của tổ chức xếp hạng đại học quốc tế	40 ý kiến đánh giá/khảo sát của tổ chức xếp hạng đại học quốc tế	70% người sử dụng hài lòng	89,8%	92,4%	83,9%	88,6%	95,8%
17.	Việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo sau 1 năm tốt nghiệp			70% sinh viên có việc làm phù hợp	93,3%	98,3%	98,1%	96,1%	91,0%

- Về chất lượng nghiên cứu và chuyển giao tri thức: kết quả so chuẩn, đối sánh cho thấy các tiêu chí về số bài báo trong nước và quốc tế; số phát minh, sáng chế được công nhận của Trường đều đạt mức chuẩn quốc gia và top 200 Châu Á, tuy nhiên tiêu chí “số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus” chưa đạt top 200 Châu Á và top 500 thế giới. Kết quả chi tiết trong bảng 2 [TC.12.03.03]:

Bảng 13.2.2. Kết quả so chuẩn, đối sánh chất lượng nghiên cứu và chuyển giao tri thức

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	Chuẩn quốc gia	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
1.	Số bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế TB trên cán bộ khoa học hàng năm	Ít nhất 2 bài	1,0	- Ít nhất 100 bài báo/năm/tổng cán bộ KH	1,44 (263/ 182)	1,34 (247/ 184)	1,65 (294/ 178)	1,51 (272/ 180)	1,41 (246/ 174)
2.	Số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học trong 5 năm gần đây	Ít nhất 5 bài báo	0,5	-	0,23 (43/ 182)	0,32 (60/ 184)	0,37 (67/ 178)	0,33 (60/ 180)	0,34 (60/ 174)
3.	Số lượng bài báo trên các tạp chí KH có uy tín trên thế giới/1 giảng viên cơ hữu/ năm			≥0,3 bài	0,26 (48/ 182)	0,40 (75/ 184)	0,45 (81/ 178)	0,39 (70/ 180)	0,35 (62/ 174)
4.	Phát minh, sáng chế được công nhận mỗi năm	Ít nhất 5 phát minh, sáng chế cấp quốc tế và 20 phát minh, sáng chế cấp quốc gia	Ít nhất 1 phát minh, sáng chế cấp quốc gia	-	2 Hàn Quốc cấp, 3 Việt Nam cấp	5 Hàn Quốc cấp, 1 Việt Nam cấp	3 Hàn Quốc cấp	2 Hàn Quốc cấp	0

- Về hoạt động KN&PVCD vì 17 mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên hợp quốc: kết quả đối sánh cho thấy các tiêu chí về hoạt động KN&PVCD đều tăng so với năm trước, đặc biệt là các tiêu chí về “good health and well-being” và “quality education”. Kết quả chi tiết trong bảng 3 [TC.12.03.03]:

Bảng 12.3.3. Kết quả đối sánh hoạt động KN&PVCD vì 17 mục tiêu SDGs của Liên hợp quốc

TT	Nội dung tiêu chí	HUP				
		2017	2018	2019	2020	2021
I	Mục tiêu: good health and well-being					
1.	Tổ chức lớp “Hướng dẫn cơ bản kỹ năng phòng, chống dịch Covid -19”	-	-	02 lớp/500 sinh viên	02 lớp/459 sinh viên	02 lớp/116 cán bộ, GV
2.	Cung cấp thông tin thuốc và cảnh giác dược cho các cơ quan quản lý, dược điển/dược thư	48	55	39	48	52
3.	Cung cấp thông tin thuốc và cảnh giác dược cho doanh nghiệp	24	47	103	118	403
4.	Tổ chức, thực hiện các hoạt động dịch vụ về thông tin thuốc và ADR theo yêu cầu và đơn đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	-	42	113	125	406
II	Mục tiêu: quality education					
5.	Xây dựng Chuẩn năng lực cơ bản của DS Việt Nam	-	-	01	-	-
6.	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về thông tin thuốc và cảnh giác dược cho các cán bộ y tế	4 khóa ĐT	19 khóa ĐT	11 khóa ĐT, 3 hội thảo trực tuyến	13 khóa ĐT, 3 hội thảo trực tuyến, 01 sự kiện	14 khóa tập huấn, hội thảo, 01 sự kiện KKS
7.	Tổ chức khóa đào tạo liên tục (số lớp/số học viên)	23/993	59/2.567	48/3.172	28/3.617	20/3.312
8.	CTĐT liên tục (được phê duyệt)	-	32	38	42	42
9.	Chuyên đề DLS	12	12	12	12	18
10.	CTĐT cập nhật kiến thức chuyên môn hành nghề dược	-	-	01	01	01
11.	CTĐT chuẩn chức danh nghề nghiệp	-	-	03	03	03

TT	Nội dung tiêu chí	HUP				
		2017	2018	2019	2020	2021
III	Mục tiêu: life on land					
12.	Khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí; tư vấn chăm sóc sức khỏe	02 hoạt động/ hơn 1.150 bệnh nhân	01 hoạt động/ 783 bệnh nhân	03 hoạt động/ 1.423 bệnh nhân	01 hoạt động/ 867 bệnh nhân	-

- Về nguồn nhân lực: kết quả so chuẩn, đối sánh cho thấy tiêu chí về GV, NCV có chức danh GS, PGS đã đạt chuẩn quốc gia và top 200 Châu Á, tuy nhiên tiêu chí về tỷ lệ GV/người học và GV có trình độ tiến sĩ có xu hướng tăng nhưng chưa đạt chuẩn quốc gia, top 200 Châu Á và top 500 quốc tế. Năm 2019, tiêu chí GV và NCV cơ hữu có trình độ tiến sĩ đã đạt chuẩn quốc gia. Kết quả chi tiết trong bảng 4 [TC.12.03.03]:

Bảng 12.3.4. Kết quả so chuẩn, đối sánh nguồn nhân lực

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	Chuẩn quốc gia	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
1.	Tỷ lệ giảng viên/người học (bao gồm học viên SĐH)	1/12	1/14	1/15	1/16	1/19	1/18	1/17	1/18
2.	Tỷ lệ GV cơ hữu và NCV cơ hữu có trình độ Tiến sĩ trên tổng số GV, NCV cơ hữu	Ít nhất 80%	Ít nhất 70%	Ít nhất 40%	38,17	39,89	43,65	51,91	55,37
3.	Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ Tiến sĩ trên tổng số GV cơ hữu			Ít nhất 50%	39,01	40,76	44,38	52,78	56,32
4.	Tỷ lệ GV, NCV có chức danh GS, PGS trên tổng số GV, NCV cơ hữu có trình độ TS	Ít nhất 80%	20%	Ít nhất 30%	42,25	53,33	49,37	43,16	43,88
5.	Tỷ lệ GV có chức danh GS, PGS trên			Ít nhất 20%	42,25	53,33	49,37	43,16	43,88

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	Chuẩn quốc gia	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
	tổng số GV cơ hữu có trình độ TS								

Sau khi thực hiện so chuẩn, đối sánh, đối với những tiêu chí có chỉ số thấp hơn so với mức chuẩn hoặc so với năm trước, Nhà trường phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp [TC.12.03.03], đồng thời đưa vào kế hoạch ĐBCLGD các năm học tiếp theo [TC.12.03.04]. Chính vì vậy, kết quả so chuẩn đối sánh hàng năm cho thấy phần lớn các chỉ số năm sau đều tăng so với năm trước. Tuy nhiên, năm 2020 và 2021 do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 nên một số chỉ số có xu hướng giảm, đặc biệt là các chỉ số về chất lượng nghiên cứu và chuyển giao tri thức.

Để nâng cao chất lượng giai đoạn 2021-2025, các kết quả so chuẩn, đối sánh giai đoạn 2017-2019 và kết quả so chuẩn, đối sánh năm 2019-2020 là căn cứ để Nhà trường xây dựng chiến lược ĐBCL giai đoạn 2021-2025 [TC.12.03.05], chiến lược đào tạo giai đoạn 2021-2025 [TC.12.03.06], chiến lược KHCN giai đoạn 2021-2025 [TC.12.03.07], chiến lược KN&PVCĐ giai đoạn 2021-2025 [TC.12.03.08], chiến lược nhân sự giai đoạn 2021-2025 [TC.12.03.09]. Căn cứ trên các mốc chuẩn và các chỉ số đạt được của giai đoạn 2017-2020, các chiến lược đã xác lập các chỉ tiêu phấn đấu của HUP đến năm 2025 và đề xuất các giải pháp thực hiện để đạt được chỉ tiêu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Năm 2018, ngay sau khi kiểm định chất lượng CSGD giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã triển khai các hoạt động theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT và CSGD [TC.12.04.01]. Theo đó, các đơn vị có nhiệm vụ thực hiện so chuẩn, đối sánh các hoạt động của đơn vị mình [TC.12.04.02], cụ thể:

- Phòng ĐBCL&KT và các đơn vị liên quan thực hiện so chuẩn, đối sánh các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCLGD của Trường;

- Phòng Đào tạo, phòng SDH, Phòng QLSV và P.ĐBCL&KT thực hiện so chuẩn, đối sánh về hoạt động đào tạo như đối sánh CTĐT, đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp TB, tỷ lệ học lại/thi lại, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp, sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng người học sau tốt nghiệp;

- Phòng QLKH chịu trách nhiệm thực hiện so chuẩn, đối sánh về hoạt động NCKH như đối sánh chất lượng nghiên cứu của GV và người học, công bố khoa học, tài sản trí tuệ, ...; Phòng TCKT chịu trách nhiệm thực hiện so chuẩn, đối sánh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động NCKH;

- Phòng TC-HC và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm đối sánh các hoạt động KN&PVCĐ;

- Phòng Đào tạo, Phòng SDH, Phòng QLKH và Phòng TC-HC chịu trách nhiệm đối sánh về kết quả tài chính và thị trường.

Để lựa chọn, xác định nội dung tiêu chí cần so chuẩn, đối sánh và các thang đo tham chiếu, ngoài các văn bản pháp quy của Nhà nước (Thông tư 12/2017; Thông tư 04/2016; Thông tư 24/2015/TT-BGDĐT ngày 23/9/2015 Quy định chuẩn quốc gia đối với CSGD đại học; Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018) Nhà trường đã tham khảo Hướng dẫn về các tiêu chí đại học nghiên cứu và Hướng dẫn so chuẩn CLGD của Đại học Quốc gia Hà Nội [TC.12.04.03]. Năm 2020, Nhà trường xây dựng bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi. Các tiêu chí và chỉ số được Nhà trường lựa chọn và xác định căn cứ trên các văn bản pháp quy của Nhà nước, Hướng dẫn về các tiêu chí đại học nghiên cứu của Đại học Quốc gia Hà Nội, Bảng xếp hạng theo hình thức gắn sao UPM và Chiến lược, kế hoạch phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045 [TC.12.04.04].

Năm 2021, sau khi thực hiện hoạt động so chuẩn, đối sánh được nửa chu kỳ đánh giá, căn cứ trên các quy định của Bộ GD&ĐT, bộ tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT của AUN-QA version 4.0, bối cảnh của Nhà trường và tình hình thực tế của các đơn vị Phòng ĐBCL&KT đã xây dựng dự thảo quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT nhằm thống nhất hoạt động so chuẩn, đối sánh trong toàn trường [TC.12.04.05]. Quy trình được lấy ý kiến rộng rãi của các đơn vị để bổ sung, hoàn thiện [TC.12.04.06] và được ban hành chính thức [TC.12.04.07]. Đồng thời, Nhà trường tiến hành rà soát định kỳ nội dung tiêu chí và chỉ số ĐBCL cốt lõi [TC.12.04.08]. Theo đó, Nhà trường cập nhật các chỉ số theo kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2021-2025, 05 chiến lược thành phần và Bảng xếp hạng theo hình thức gắn sao UPM version 2.0 (2021).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Năm 2018, quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của HUP chưa được văn bản hóa. Các đơn vị thực hiện so chuẩn, đối sánh theo sự phân công công việc trong công văn số 754/DHN-KT&KĐCL ngày 26/12/2018 về việc thực hiện hoạt động so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường [TC.12.05.01]. Theo đó, các bước thực hiện so chuẩn và đối sánh bao gồm: (i) thu thập dữ liệu so chuẩn và đối sánh; (ii) thực hiện so chuẩn và đối sánh; (iii) viết báo cáo kết quả so chuẩn và đối sánh; (iv) đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng hoạt động [TC.12.05.01]. Các tiêu chí lựa chọn các thông tin so chuẩn và đối sánh căn cứ trên các văn bản pháp quy của Nhà nước và tham khảo hướng dẫn so chuẩn CLGD của Đại học Quốc gia Hà Nội [TC.12.05.02]. Căn cứ trên các kết quả so chuẩn, đối sánh [TC.12.05.03], các đơn vị lập kế hoạch ĐBCL năm học nhằm cải tiến chất lượng hoạt động của đơn vị mình [TC.12.05.04]. Đồng thời, kết quả so chuẩn và đối sánh được Nhà trường sử dụng để phân tích hiện trạng, làm căn cứ để xác định mục tiêu phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045 [TC.12.05.05]. Nhờ có kết quả so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng, HUP được xếp hạng 4⁺⁺ theo bảng xếp hạng của UPM vào năm 2020 (<https://upm.vn/university/34>), trong đó hoạt động đào tạo được xếp hạng 4* (đạt 258/350 điểm), hoạt động NCKH được xếp hạng 4* (đạt 150/200 điểm), hoạt động KN&PVCĐ được xếp hạng 5* (đạt 74/80 điểm) [TC.12.05.06]. Có thể thấy việc thực hiện công tác so chuẩn và đối sánh trong giai đoạn 2017-2020 là phù hợp với tiếp cận ban đầu của Nhà trường về hoạt động này.

Sau quá trình triển khai thực tế hoạt động so chuẩn và đối sánh, đồng thời với tiếp cận sâu rộng hơn về hoạt động này, cuối năm 2020 Nhà trường đã ban hành Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi [TC.12.05.07] và xây dựng dự thảo 1 Quy trình hướng dẫn so chuẩn và đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT [TC.12.05.08] nhằm triển khai hoạt động so chuẩn và đối sánh một cách hệ thống và toàn diện trong toàn trường. Năm 2021, Quy trình hướng dẫn so chuẩn và đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT được lấy ý kiến của các đơn vị trong toàn trường [TC.12.05.09] và được BGH phê duyệt ban hành [TC.12.05.10]. Quy trình thực hiện hoạt động so chuẩn và đối sánh bao gồm các bước như sau:

B1. Xây dựng kế hoạch so chuẩn, đối sánh về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

B2. Xác định các nội dung tiêu chí và chỉ số cần so chuẩn, đối sánh;

- B3. Thu thập, phân tích, đánh giá dữ liệu của một số CSGD cần so chuẩn, đối sánh;
- B4. Đề xuất lựa chọn các CSGD để so chuẩn, đối sánh;
- B5. BGH phê duyệt kế hoạch;
- B6. Các phòng chức năng phân tích dữ liệu, thực hiện so chuẩn, đối sánh;
- B7. Các phòng chức năng viết báo cáo đối sánh từng lĩnh vực;
- B8. Phòng ĐBCL&KT viết báo cáo tổng hợp;
- B9. BGH phê duyệt báo cáo;
- B10. Công bố báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh;
- B11. Các đơn vị/cá nhân liên quan thực hiện cải tiến chất lượng sau so chuẩn, đối sánh;
- B12. Theo dõi, đánh giá kế hoạch cải tiến chất lượng;
- B13. Lưu trữ hồ sơ.

Quy trình hướng dẫn so chuẩn và đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT được xây dựng chi tiết, cụ thể và đầy đủ hơn so với các bước hướng dẫn trong công văn 754/DHN-KT&KDCL.

Hoạt động so chuẩn và đối sánh được các đơn vị thực hiện theo đúng hướng dẫn và quy trình đã ban hành. Theo đó, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch so chuẩn đối sánh về các hoạt động/lĩnh vực của Trường [TC.12.05.11], xác định các nội dung, tiêu chí cần so chuẩn, đối sánh [TC.12.05.07], các đơn vị thực hiện phân tích dữ liệu và viết báo cáo đối sánh [TC.12.05.12], phòng ĐBCL&KT viết báo cáo tổng hợp [TC.12.05.03] và công bố báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh [TC.12.05.13], các đơn vị thực hiện cải tiến sau so chuẩn đối sánh. Trong giai đoạn 2017-2021, nhờ thực hiện so chuẩn và đối sánh và sử dụng kết quả so chuẩn, đối sánh để cải tiến, Nhà trường đã đạt được những thành tựu như sau:

- Về hoạt động đào tạo: xây dựng CTĐT chất lượng cao ngành Dược học, trình độ đại học [TC.12.05.14], CTĐT ngành Hóa Dược [TC.12.05.15], Hóa học [TC.12.05.16], Công nghệ sinh học [TC.12.05.17] và đổi mới CTĐT được bậc đại học [TC.12.05.18] theo hướng hiện đại tiên tiến, hội nhập khu vực và thế giới; tỉ lệ sinh viên có việc làm đạt hơn 95% sau 1 năm tốt nghiệp với mức lương TB trên 10 triệu đồng/tháng [TC.12.05.19]; tỷ lệ sinh viên học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp đạt trên 98% [TC.12.05.20]; tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay đạt trên thấp nhất 85%, cao nhất là gần 94% [TC.12.05.21].

- Về hoạt động NCKH: thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh [TC.12.05.22], tích cực hợp tác nghiên cứu [TC.12.05.23] và chuyển giao tri thức [TC.12.05.24];

- Về hoạt động KN&PVCD: xây dựng và bổ sung mới các CTĐT liên tục [TC.12.05.25], CTĐT cập nhật kiến thức chuyên môn hành nghề được [TC.12.05.26]; tổ chức các khóa đào tạo liên tục [TC.12.05.27], các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về thông tin thuốc và cảnh giác được [TC.12.05.28]; cung cấp thông tin thuốc và cảnh giác được [TC.12.05.29].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng các chiến lược, kế hoạch nâng cao chất lượng phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, chính sách ĐBCLGD và đề án 69 của Bộ GD&ĐT. Các chiến lược, kế hoạch nâng cao chất lượng xác định rõ các chỉ tiêu, giải pháp thực hiện và thời gian hoàn thành. Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình, văn bản hướng dẫn để thực hiện tốt hoạt động đào tạo, NCKH, KN&PVCD.

Nhà trường ban hành quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT, bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi trên căn cứ các văn bản quy pháp quy, Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT của AUN-QA version 4.0, đồng thời tham khảo Hướng dẫn về so chuẩn của Đại học Quốc gia Hà Nội và Bảng xếp hạng theo hình thức gắn sao UPM. Quy trình đã xác định rõ các tiêu chí lựa chọn CSGD để đối sánh, lựa chọn các mốc chuẩn, xác định được các nội dung tiêu chí và chỉ số để thực hiện so chuẩn, đối sánh.

Nhà trường đã thực hiện việc so chuẩn, đối sánh định kỳ hàng năm và sử dụng kết quả so chuẩn, đối sánh chất lượng làm căn cứ xây dựng kế hoạch ĐBCL hàng năm và xây dựng các chiến lược giai đoạn 2021-2025.

Quy trình so chuẩn và đối sánh; các tiêu chí lựa chọn các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát, cập nhật định kỳ. Nhờ việc rà soát, cập nhật quy trình, Nhà trường đã đạt được các kết quả tốt trong hoạt động đào tạo, NCKH, KN&PVCD.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện việc đánh giá hiệu quả của việc cải tiến sau phản hồi và sau so chuẩn, đối sánh.

Ngoài trừ đối sánh CTĐT, Nhà trường mới chỉ thực hiện đối sánh nội bộ và so chuẩn với các mốc chuẩn; chưa thực hiện đối sánh với các CSGD khu vực và quốc tế.

Chưa tham chiếu các tiêu chí đối sánh của CSGD cụ thể trong khu vực và quốc tế khi lựa chọn, xác định thang đo tham chiếu.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Đánh giá kết quả cải tiến hàng năm	Thực hiện việc đánh giá kết quả cải tiến hàng năm	BGH, các đơn vị	Định kỳ hàng năm	
2	Các chiến lược, kế hoạch nâng cao chất lượng được rà soát, bổ sung và điều chỉnh	Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chiến lược, kế hoạch nâng cao chất lượng	BGH, các phòng chức năng liên quan	Định kỳ 2 năm/lần	
3	Các quy định, quy trình được rà soát, bổ sung và điều chỉnh	Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy định, quy trình nhằm nâng cao chất lượng	BGH, các phòng chức năng liên quan	Định kỳ 2 năm/lần	
4	Đối sánh khu vực và quốc tế	Lựa chọn các CSGD trong khu vực và quốc tế để đối sánh	BGH; các đơn vị	Năm học 2022-2023	
5	Nâng cao chất lượng hoạt động so chuẩn, đối sánh	- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh; các nội dung tiêu chí và chỉ số để thực hiện so chuẩn, đối sánh;	BGH; Phòng ĐBCL&KT; các đơn vị liên quan	Định kỳ hàng năm	

		- Lựa chọn các CSGD khu vực và quốc tế để tham khảo khi xác định thang đo tham chiếu			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 12	4,5
Tiêu chí 12.1	4
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	5
Tiêu chí 12.5	5

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.

Công tác tổ chức tuyển sinh từ khâu xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông tuyển sinh của HUP đã được tổ chức bài bản và chuyên nghiệp, đúng quy định. Hiện nay nhà trường đang tuyển sinh các trình độ đại học và SĐH với các hình thức/CTĐT khác nhau. Hàng năm, dựa trên quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế [TC.13.01.01], Chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường, Chiến lược đào tạo [TC.13.01.02], các quy chế/quy định đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của HUP cũng như mô hình, chỉ tiêu đào tạo dự kiến và các nguồn lực hiện có [TC.13.01.03], nhà trường xây dựng kế hoạch, chính sách, đề án tuyển sinh và truyền thông tuyển sinh đến các kênh thông tin khác nhau để thu hút các học sinh, sinh viên có thành tích học tập tốt vào học bậc đại học và SĐH ở trường. Các kế hoạch, chính sách và đề án tuyển sinh của nhà trường có phương thức tuyển sinh, tiêu chí tiêu chuẩn lựa chọn người học, các yêu cầu được quy định đầy đủ, rõ ràng hướng tới việc lựa chọn được nguồn tuyển sinh đầu vào có chất lượng cao nhằm góp phần hiện thực hóa sứ mạng đã được công bố của nhà trường là “..Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế...”

Theo các quyết định phân công nhiệm vụ BGH, Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp công tác Tuyển sinh . Về phân công trách nhiệm của các phòng

chức năng và các khoa đối với công tác tuyển sinh được phân định trong Quy định Tổ chức và Hoạt động của trường [TC.13.01.04], Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [TC.13.01.01], Quy định về Tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ, Quy định về Tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ, Quy định Đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ của HUP [TC.13.03.05] [TC.13.03.06].

Hàng năm, nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, các ban, tiểu ban phục vụ Hội đồng tuyển sinh [TC.13.01.07], ban thanh tra tuyển sinh [TC.13.01.08]. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thẩm định và ban hành Đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh, Phê duyệt kết quả trúng tuyển, điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển [TC.13.01.09].

Phòng QLĐT hiện nay, với hai bộ phận chuyên môn là bộ phận đào tạo đại học và bộ phận SDH, là đầu mối tổ chức công tác tuyển sinh cả hệ đại học và SDH. Trước ngày 01/7/2022, Phòng Đào tạo là đầu mối tổ chức công tác tuyển sinh hệ đại học, phòng SDH là đầu mối tổ chức công tác tuyển sinh hệ SDH (dự thảo Đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh, tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký dự tuyển/dự thi, tổ chức xét tuyển/thi, tổ chức chấm thi, soạn thảo Quyết định điểm trúng tuyển, Quyết định danh sách trúng tuyển). Là phòng chức năng được giao nhiệm vụ đầu mối tổ chức công tác tuyển sinh, phòng QLĐT hiện có 10 nhân sự, gồm 1 trưởng phòng, 3 trưởng bộ phận, 5 chuyên viên và 2 hợp đồng chờ tuyển dụng. Lãnh đạo phòng có trình độ tiến sĩ, trưởng bộ phận SDH là PGS. TS, nhân sự của phòng đều là những cán bộ có kinh nghiệm trong công tác QLĐT, có những cán bộ có kinh nghiệm công tác QLĐT trên 15 năm, trừ hai nhân viên hợp đồng. Tất cả các chuyên viên của phòng đều có trình độ thạc sĩ trở lên, nhà trường cử một cử nhân ngành CNTT phòng QLCSVC hỗ trợ quá trình chuyển đổi số/tin học hoá quy trình tổ chức QLĐT của Trường. Ban xúc tiến, hỗ trợ truyền thông tuyển sinh của Trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch quảng bá tuyển sinh, là đầu mối tổ chức quảng bá tuyển sinh [TC.13.01.10]. Các phòng chức năng khác và các khoa có trách nhiệm phối hợp trong công tác đảm bảo các điều kiện về CSVC, điều kiện an toàn cho công tác tuyển sinh như liên hệ với các cơ quan chức năng đảm bảo về an ninh, điện nước, cử giảng viên tham gia làm đề thi, coi thi, chấm thi.

- Về kế hoạch tuyển sinh

Hàng năm, Hiệu trưởng nhà trường ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, trong đó phân công từng nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn cụ thể cho từng phòng ban chức năng tham gia vào công tác tuyển sinh nhằm tránh sự trùng lặp trong công việc và giúp công việc tuyển sinh diễn ra được thuận lợi [TC.13.01.07]. Hội đồng tuyển sinh sẽ xây dựng Đề án tuyển sinh, trong đó xác định cụ thể các chính sách tuyển sinh. Các

mốc thời gian thực hiện các nội dung của công tác tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh cho từng CTĐT, các phương thức tuyển sinh, tiêu chí tiêu chuẩn lựa chọn người học, các yêu cầu được quy định đầy đủ, rõ ràng trong Đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh và các văn bản liên quan khác của trường. [TC.13.01.11], [TC.13.01.12], [TC.13.02.13]. Phòng đào tạo đại học và phòng SDH trước đây và phòng QLĐT (từ 1/7/2022) là đầu mối tổ chức công tác tuyển sinh, phối hợp cùng phòng QLSV, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên thực hiện các công việc liên quan đến tuyển sinh và công tác truyền thông về tuyển sinh [TC.13.01.14], [TC.13.01.15].

Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng được công bố công khai trên trang tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và tranh thông tin điện tử của HUP [TC.13.01.11] và trang thông tin tuyển sinh tại địa chỉ: <https://tuyensinh.hup.edu.vn/>.

Trang thông tin tuyển sinh của Trường được thiết kế với giao diện thân thiện, bắt mắt hình ảnh sinh động. Nội dung của trang có đầy đủ các thông tin giới thiệu chung về lịch sử phát triển, vai trò vị thế của nhà trường trong đào tạo nhân lực Dược của ngành Y tế, về các CTĐT của các hệ/bậc, CSVCTTB, về đội ngũ giảng viên/cán bộ khoa học hàng đầu, những phần thưởng cao quý mà Đảng, Nhà nước các Bộ/Ban/Ngành đã trao tặng như sự ghi nhận những thành tích, sự đóng góp của Trường đối với sự nghiệp đào tạo nhân lực Dược có trình độ cao cho ngành Y tế. Trang thông tin tuyển sinh của Trường đăng tải chi tiết đề án tuyển sinh từng năm, thông tin về điểm chuẩn, chỉ tiêu, phương thức tiêu chí tuyển sinh của các hệ, ngành đào tạo trong những năm gần đây để người học có thể so sánh, lựa chọn. Thí sinh có thể truy cập Trang thông tin tuyển sinh của Trường để đăng ký tuyển sinh trực tuyến. Việc đăng ký tuyển sinh trực tuyến được nhà trường hướng dẫn bài bản, chi tiết, các cửa sổ tương tác linh hoạt, thông minh và thân thiện.

Nói chung, công tác xây dựng kế hoạch tuyển sinh được HUP quan tâm xây dựng đầy đủ, chi tiết, thông tin rõ ràng đảm bảo cho việc triển khai thực hiện công tác tuyển sinh thuận lợi, hiệu quả, đúng quy định; nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho thí sinh có nguyện vọng thi tuyển có cơ hội tiếp cận thông tin một cách kịp thời, minh bạch, đầy đủ và rõ ràng.

- Về chính sách tuyển sinh

Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh được Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế giao hàng năm, Nhà trường xác định các tiêu chí tuyển sinh và chính sách tuyển sinh phù hợp với từng năm, theo hướng đa dạng phương thức xét tuyển [TC.13.01.01], [TC.13.01.03]. Nhà trường công bố công khai các chính sách tuyển sinh như các ngành tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, tổ hợp xét tuyển của từng ngành, phương thức xét tuyển, các chế độ về tuyển thẳng, điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng của

nhà trường theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh hàng năm [TC.13.01.11], [TC.13.01.12].

Chính sách tuyển sinh đã cho thấy sự hiệu quả và khả thi của hoạt động tuyển sinh khi kết quả tuyển sinh theo kế hoạch trong những năm qua của nhà trường luôn đạt được chỉ tiêu theo kế hoạch ở mức cao. Với đặc thù là Trường đại học đầu ngành khối sức khỏe, chuyên khoa sâu về đào tạo ngành Dược học, chính sách tuyển sinh của Trường vừa đảm bảo thu hút được đông đảo nguồn HVSV đầu vào có chất lượng cao vừa đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu tiêu chí của mô hình đào tạo phù hợp với định hướng phát triển mà nhà trường lựa chọn. Cụ thể, hàng năm, tỷ lệ tuyển sinh hệ SDH bao gồm hệ Thạc sĩ, Tiến sĩ, Dược sĩ chuyên khoa I, Dược sĩ chuyên khoa II luôn đạt tỷ lệ >25% so với tổng chỉ tiêu tuyển sinh của toàn Trường. Kết quả này cho thấy sự đáp ứng một phần trong các tiêu chí của đại học định hướng nghiên cứu mô hình phát triển mà nhà trường đã lựa chọn và công bố trong Nghị quyết Đại hội Đảng Bộ lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

- Về công tác truyền thông

Để thông tin tuyển sinh được truyền tải chính xác và rộng rãi tới thí sinh các vùng miền trong cả nước, Nhà trường chú trọng truyền thông trên các kênh thông tin khác nhau. Phòng Đào tạo phối hợp với phòng QLSV, các phòng chức năng (TCKT, Quản lý CSV), Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và các bộ môn chuyên môn để xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông cho công tác tuyển sinh [TC.13.01.15].

Đối với đào tạo đại học: Kế hoạch truyền thông được thực hiện qua các kênh thông tin như tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh-hướng nghiệp do báo Tuổi trẻ tổ chức hàng năm tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, gửi Thông báo tuyển sinh đến các Sở giáo dục các địa phương, các đối tác, các trường phổ thông trung học chuyên của các Đại học, các tỉnh. Ngoài việc truyền thông và tư vấn trực tiếp, Nhà trường còn khai thác hiệu quả các kênh tư vấn trực tuyến như tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh trực tuyến, đăng tải thông tin tuyển sinh hàng năm lên website tuyển sinh của HUP, các Fanpage của Trường, của Đoàn thanh niên. [TC.13.01.14]. Năm 2022, trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các bên liên quan về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, được sự chỉ đạo sát sao của ĐU, BGH, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường đã phối hợp cùng các Doanh Nghiệp Dược, các cựu HVSV nhà trường tổ chức Ngày hội việc Làm (HUP JOB FAIR) diễn ra trong 2 ngày thứ 7 và Chủ nhật (4-5/6/2022) để hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp, tạo cơ hội việc, cơ hội tiếp cận với doanh nghiệp của sinh viên. Cũng trong sự kiện này, Nhà trường cũng đã đón tiếp đông đảo học sinh, phụ huynh học sinh trên địa bàn Hà Nội cũng như các tỉnh lân cận tới tham quan, tìm hiểu về trường, về CTĐT, về cơ hội việc làm sau khi ra trường [TC.13.01.15].

Đối với đào tạo SDH: Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh hàng năm, phòng Đào tạo SDH xây dựng và triển khai các kế hoạch truyền thông qua các kênh thông tin-truyền thông như đăng tải thông tin tuyển sinh hàng năm lên website tuyển sinh của HUP, các Fanpage của Trường, gửi Thông báo tuyển sinh đến các địa phương, các đối tác, các Sở y tế, các bệnh viện, các đơn vị trong ngành y tế, gửi thông tin tới mạng lưới cựu học viên [TC.13.01.12], [TC.13.01.14].

Kết thúc năm tuyển sinh, nhà trường đều có các báo cáo phân tích kết quả, số liệu tuyển sinh như chỉ số trúng tuyển theo ngành, tỷ lệ cạnh tranh, điểm tuyển đầu vào, điểm TB của người được tuyển để đưa vào báo cáo tổng kết tuyển sinh, từ đó làm căn cứ cho thực hiện và triển khai các kế hoạch của năm tiếp theo [TC.13.01.16].

Bảng 13.1.1 Kết quả tuyển sinh đại học giai đoạn 2017 - 2021

Tên CT đào tạo	Số SV nhập học/Chỉ tiêu các hệ đào tạo đại học				
	2017	2018	2019	2020	2021
Dược học	605/600	738/730	755/750	702/700	715/700
Hóa dược				62/60	58/60

Bảng 13.1.2. Kết quả tuyển sinh SDH giai đoạn 2017 - 2021

Năm	Kết quả TS	Thạc sĩ	Tiến sĩ	DS CKI	DS CK II
2017	Chỉ tiêu	110	10	200	40
	Trúng tuyển	111	3	197	35
	Nhập học	110	3	197	33
	Mức độ đạt kế hoạch (%)	100	30	98,5	82,5
2018	Chỉ tiêu	100	10	305	40
	Trúng tuyển	74	8	305	22
	Nhập học	67	8	305	22
	Mức độ đạt kế hoạch (%)	67	80	100	55
2019	Chỉ tiêu	100	10	200	40
	Trúng tuyển	78	5	190	23
	Nhập học	75	5	190	23
	Mức độ đạt kế hoạch (%)	75	50	95	57,5
2020	Chỉ tiêu	80	10	200	40
	Trúng tuyển	69	9	181	36
	Nhập học	68	9	181	34
	Mức độ đạt kế hoạch (%)	85	90	90,5	85

2021	Chỉ tiêu	80	10	200	60
	Trúng tuyển	72	9	116	43
	Nhập học	71	9	114	42
	Mức độ đạt kế hoạch (%)	88,8	90	57	70

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.

Với sứ mạng quan trọng là “Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế...” và Triết lý giáo dục “Đào tạo có chất lượng gắn liền với thực tiễn...”, nhằm thực hiện công tác tuyển sinh đảm bảo lựa chọn được nguồn thí sinh đầu vào có chất lượng cao, nhà trường đã xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh rõ ràng, theo đúng quy định đối với từng CTĐT. Căn cứ vào các điều kiện ĐBCL của từng CTĐT [TC.13.02.01], báo cáo về CSVN, đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng, quy mô đào tạo, dự kiến số người học tốt nghiệp, báo cáo kết quả khảo sát về tình hình có việc làm của HVSV sau khi tốt nghiệp, xu hướng lựa chọn ngành nghề của thí sinh... Trường đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm để tuyển sinh cho năm học mới [TC.13.02.02], [TC.13.02.03]. Đối với chỉ tiêu tuyển sinh SDH Nhà trường sau khi xem xét các điều kiện ĐBCL đào tạo, sẽ xác định chỉ tiêu đào tạo từng ngành, từng hệ đào tạo SDH và báo cáo với Bộ Y tế và Bộ Giáo dục. Nhà trường đã xây dựng các tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, hình thức thi tuyển/xét tuyển phù hợp đối với từng ngành đào tạo, từng bậc đào tạo, loại hình đào tạo theo quy định tại Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ, tiến sĩ theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ năm 2014, 2021 [TC.13.02.04], Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của HUP năm 2017 và 2021 [TC.13.02.05] và công khai trong Đề án tuyển sinh hằng năm. Công tác tuyển sinh đối với hệ đào tạo do Bộ Y tế quản lý là Dược sĩ chuyên khoa I và Dược sĩ chuyên khoa II được thực hiện theo Quy chế về đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I ban hành theo Quyết định 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế và Quy chế đào tạo Dược sĩ chuyên khoa II ban hành theo Quyết định 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế.

Các thông tin tuyển sinh đối với từng CTĐT, hệ/bậc đào tạo cũng được thông báo trên trang thông tin điện tử, trang web tuyển sinh của nhà trường, trang fanpage của HUP, đăng tải trên các phương tiện truyền thông và gửi đến các bên liên quan [TC.13.02.06].

Trong giai đoạn 2017 - 2021, đối với bậc đại học, các thí sinh tốt nghiệp THPT được lựa chọn vào trường theo diện tuyển thẳng hoặc xét tuyển **[TC.13.02.01]**. Nhà trường chủ yếu tuyển chọn thí sinh theo 3 phương thức tuyển sinh chính: 1. Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ giáo dục và đào tạo; 2. Từ năm 2020, Xét tuyển điểm học bạ đối với học sinh giỏi lớp chuyên của trường THPT năng khiếu/chuyên cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế SAT hoặc ACT; 3. Xét tuyển căn cứ vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT.

+ Đối với tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:

Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài. Riêng với ngành Dược học, từ năm 2022, sẽ xét tuyển thẳng đối với thí sinh đoạt giải Nhất tại các Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ Giáo dục Đào tạo tổ chức, được Bộ Giáo dục Đào tạo cử đi tham dự và đoạt giải tại Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế. Các môn thi, lĩnh vực khoa học, kỹ thuật của đề tài dự thi được xét tuyển vào các ngành cụ thể như sau:

Bảng 13.2.1. Tiêu chí xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường

Ngành học	Môn thi học sinh giỏi	Lĩnh vực khoa học, kỹ thuật
Dược học	Toán, Vật lý, Hóa học	Hóa học, Hóa sinh
Hóa dược	Toán, Vật lý, Hóa học	Hóa học, Hóa sinh
Hoá học	Toán, Vật lý, Hóa học	Hóa học, Hóa sinh
Công nghệ sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học	Hóa học, Hóa sinh, Kỹ thuật Y sinh, Sinh học tế bào và phân tử, Vi sinh, Sinh học trên máy tính và sinh tin

(Mỗi đề tài đạt giải trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật do Bộ Giáo dục & đào tạo chủ trì tổ chức chỉ được xét tuyển thẳng một lần cho một tác giả chính)

Nhằm tăng cường năng lực hội nhập của nhà trường, thông qua tăng cường tạo cơ hội học tập cho các thí sinh có học lực đáp ứng theo tiêu chí tuyển sinh của từng phương thức, có khả năng tiếng Anh tốt, từ năm 2020, nhà trường xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ SAT hoặc ACT nếu thí sinh đạt học lực giỏi 3 năm, kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn thuộc tổ hợp xét tuyển không dưới

8,0, có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế SAT hoặc ACT còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ và đạt tối thiểu một trong các mức điểm đối với từng ngành, quy định cụ thể như sau:

Bảng 13.2.2 Tiêu chí xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế SAT hoặc ACT

Ngành đào tạo	Năm 2020			Năm 2021		Năm 2022	
	SAT1	SAT2	ACT	SAT	ACT	SAT	ACT
Dược học	1400	2000	30	1400	30	1350	30
Hóa dược	1300	1800	27		27	1300	27
Công nghệ sinh học						1300	27
Hóa học						1300	27

Nhà trường cũng đã quan tâm việc cộng điểm khuyến khích xét tuyển cho các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và xây dựng tiêu chí Xét tuyển đối với học sinh giỏi lớp chuyên của trường THPT năng khiếu/chuyên cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Xét tuyển bằng điểm học bạ đối với học sinh giỏi lớp chuyên của trường THPT năng khiếu/chuyên cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

(i) Thí sinh cả 3 năm lớp 10, 11, 12 đều là học sinh các lớp chuyên Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học của Trường THPT năng khiếu/ chuyên cấp quốc gia hoặc cấp Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương, THPT niên khóa 2019-2022.

Các ngành được đăng ký xét tuyển tương ứng với các môn chuyên như sau:

Bảng 13.2.3. Các ngành được đăng ký xét tuyển tương ứng với các môn chuyên

Môn chuyên	Ngành được đăng ký xét tuyển
Toán, Hóa học	Tất cả các ngành
Vật lý	Dược học, Hóa dược (từ 2020), Hóa học (từ 2022)
Sinh học	Công nghệ sinh học (từ 2022)

(ii) Đạt học lực giỏi 3 năm, kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn thuộc tổ hợp xét tuyển không dưới 8,0.

+ Đối với xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT, đối với ngành Dược học và Hóa dược: thí sinh đăng ký xét tuyển có kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn thuộc tổ hợp xét tuyển không dưới 7,0.

Nhằm tăng cường thu hút nhân tài, đề án tuyển sinh của Trường cũng đã quan tâm tới việc cộng điểm khuyến khích áp dụng cho các đối tượng đăng ký xét tuyển, ưu tiên xét tuyển thẳng vào Trường.

Đối với đối tượng thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (còn hiệu lực đến ngày

cuối cùng của hạn nộp hồ sơ trên cổng tuyển sinh của Trường). Thí sinh đăng ký xét tuyển vào HUP có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (tương đương IELTS đạt từ 5.5 trở lên) được cộng điểm khuyến khích vào tổng điểm xét tuyển (quy về thang điểm 30) cho tất cả các ngành đăng ký xét tuyển với các mức điểm được quy định cụ thể như sau:

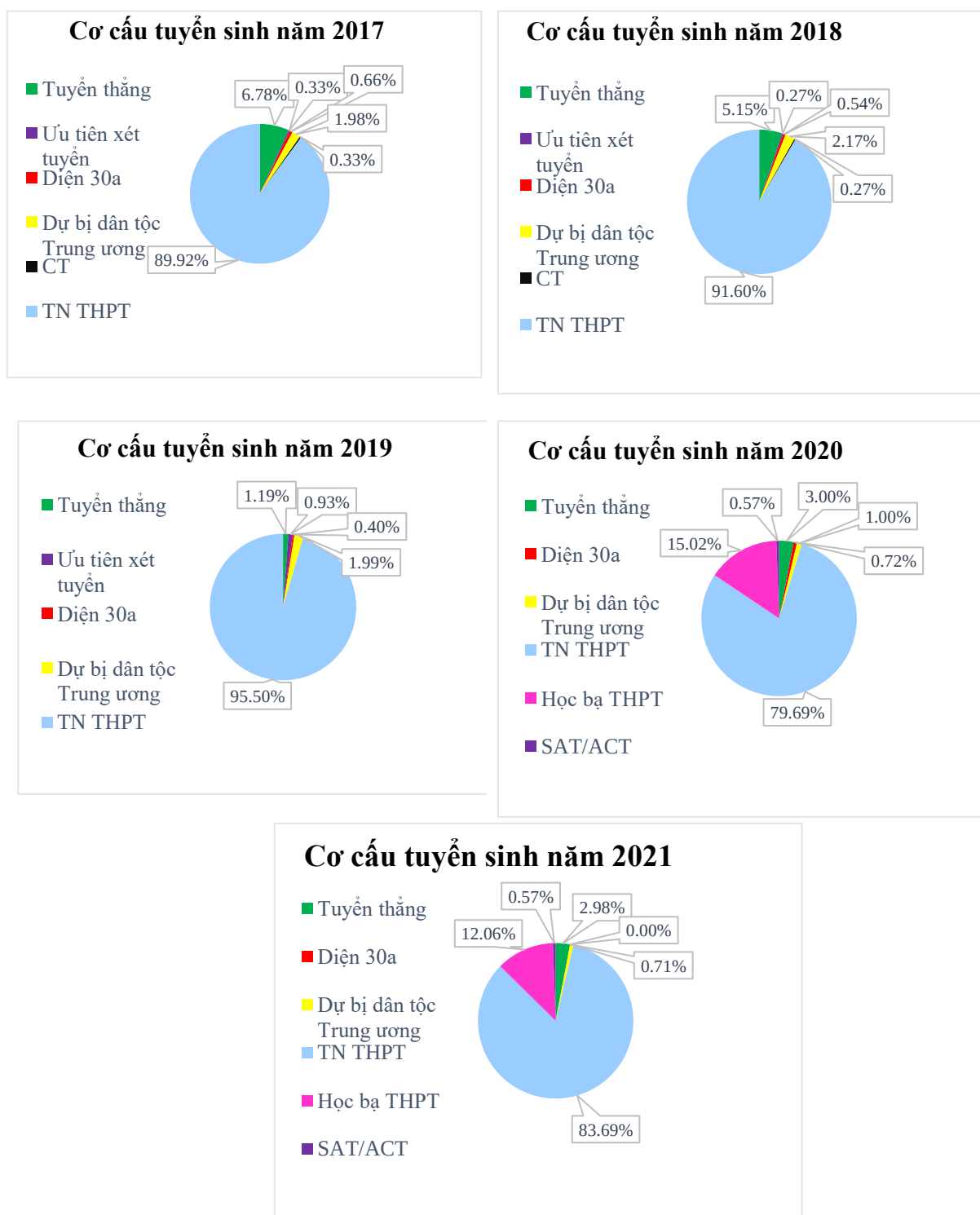
Bảng 13.2.4. Điểm cộng khuyến khích đối với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

IELTS	TOEFL iBT	PTE Academic	Cambridge English	Điểm cộng khuyến khích
5.5	46-59	42-49	162-168	0,25
6	60-78	50-57	169-175	0,50
6.5	79-93	58-64	176-184	0,75
7	94-101	65-72	185-191	1,00
7.5	102-109	73-78	192-199	1,25
8	110-114	79-82	200-204	1,50
8.5	115-117	83-86	205-208	1,75
9	118-120	87-90	209-212	2,00

(Đối với thí sinh có nhiều chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sẽ được tính điểm khuyến khích cho một chứng chỉ có mức điểm khuyến khích cao nhất).

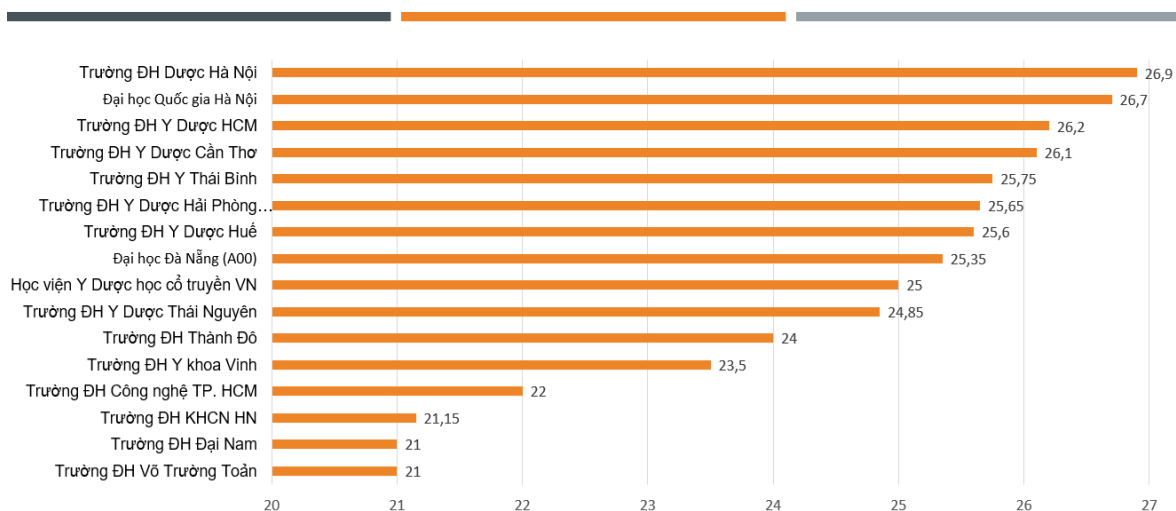
Nhà trường thực hiện chính sách thu hút người học như khen thưởng thủ khoa kỳ thi tuyển sinh Đại học, duy trì việc cấp học bổng cho sinh viên có thành tích cao trong học tập và rèn luyện, thu hút những nguồn tài trợ học bổng từ các tổ chức đoàn thể từ nhiều nơi dành cho sinh viên với nhiều điều kiện khác nhau.

Với các tiêu chí được xây dựng để lựa chọn được người học phù hợp, đáp ứng được chiến lược đào tạo, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục của nhà trường, trong những năm qua kết quả tuyển sinh hệ đại học của Trường đã được đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh nhằm tăng cơ hội tiếp cận cho người học nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng đầu vào. Các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện đúng theo quy định nhưng cũng luôn được cải tiến, điều chỉnh phù hợp, kịp thời để đáp ứng với thực tiễn. Sự đa dạng hóa ơng thức tuyển sinh, kết quả tuyển sinh của nhà trường đã thu hút được đa dạng nguồn tuyển sinh nhưng vẫn ĐBCL đầu vào nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo của nhà trường.



Hình 13.2.1. Cơ cấu tuyển sinh giai đoạn 2017 – 2021 của Trường

Đối sánh kết quả điểm trúng tuyển hệ đại học, ngành Dược học của HUP với một số CSGD đại học có đào tạo Dược cho thấy: Điểm trúng tuyển vào ngành Dược học, ngành đào tạo truyền thống, thế mạnh, mũi nhọn của Trường với số lượng chỉ tiêu tuyển sinh chiếm ưu thế, luôn vượt xa ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định đối với khối ngành Sức khỏe của Bộ Giáo dục Đào tạo và cao hơn điểm chuẩn của một số Trường có đào tạo Dược trong và ngoài công lập khác.



Hình 13.2.2. Đối sánh điểm trúng tuyển năm 2020 ngành Dược học của HUP và một số CSGD đại học có đào tạo Dược (Điểm chuẩn ngành Dược học theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (A00) - Ngưỡng ĐBCL ngành Dược học là 21,00)

Đối với tuyển sinh SDH các CTĐT thuộc sự quản lý Bộ Y tế như DSCKI, DSCKII Nhà trường có đăng ký Đề án tuyển sinh gửi Bộ Y tế hằng năm trước khi tuyển sinh. Đối với tuyển sinh Thạc sĩ và Tiến sĩ, nhà trường có đề án tuyển sinh nằm trong đề án tuyển sinh tổng thể báo cáo chỉ tiêu, hình thức tuyển sinh, các yêu cầu tiêu chí lựa chọn thí sinh báo cáo Bộ Giáo dục đào tạo. Công tác tuyển sinh đối với từng hệ/bậc cụ thể như sau:

- Chuyên khoa cấp I: mỗi năm Nhà trường tuyển sinh theo hình thức thi tuyển, thi hai môn gồm môn cơ sở và môn chuyên ngành theo chương trình đại học của HUP

- Chuyên khoa cấp II: mỗi năm Nhà trường tuyển sinh theo hình thức thi tuyển, thi hai môn gồm Môn Tiếng Anh: nội dung thi tương đương trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam; môn chuyên ngành: theo CTĐT DSCKI của HUP.

- Thạc sĩ: hình thức tuyển sinh là thi tuyển và xét tuyển (bổ sung từ 2021). Với hình thức thi tuyển, thi hai môn gồm Môn cơ sở ngành (hóa hữu cơ); môn chuyên ngành tích hợp (hóa dược-dược lý).

- Với hình thức xét tuyển: *đánh giá hồ sơ theo tiêu chí quy định*. Thí sinh đã TN hoặc đủ điều kiện công nhận TN đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng TN từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Người dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều kiện xét trúng tuyển: điểm hồ sơ ≥ 50 điểm và tổng điểm đạt được.

Với hình thức thi tuyển cho đào tạo thạc sĩ, DSCKI, DSCKII nhà trường sẽ công bố danh sách học viên trúng tuyển theo tổng số điểm hai môn thi tuyển từ cao đến thấp; đảm bảo đúng chỉ tiêu đăng ký và các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh.

- Tiến sĩ được học: hình thức xét tuyển.

Người dự tuyển phải phải đáp ứng các điều kiện sau: Đã TN thạc sĩ hoặc TN đại học đạt loại giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc TN trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Kinh nghiệm NCKH: Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng TN đại học trở lên do một cơ sở nước ngoài, phân hiệu cơ sở nước ngoài tại Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng TN trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại bảng sau và còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh được thảo luận nhằm đánh giá tính hợp lý. Các bất cập trong quy trình tuyển sinh cũng được thảo luận, rút kinh nghiệm [TC.13.02.07].

Trên cơ sở của việc rà soát và ý kiến của các bên liên quan, Hội đồng tuyển sinh đã có sự điều chỉnh, bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển sinh để cải thiện kết quả tuyển sinh theo hướng tăng số lượng và ĐBCL đầu vào của thí sinh.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

Nhằm triển khai thực hiện và kiểm soát tiến độ và chất lượng công tác tuyển sinh và nhập học, dựa trên các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh [TC.13.03.01], Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình thanh tra tuyển sinh [TC.13.03.02].

Trước mỗi kỳ thi, Nhà trường thành Đoàn/Tổ thanh tra tuyển sinh nhập học (ĐTTTS) **[TC.13.03.03], [TC.13.03.04]**. ĐTTTS có trách nhiệm: (i) Thanh tra công tác chuẩn bị tuyển sinh; (ii) Thanh tra, kiểm tra, giám sát các đợt thi tuyển/xét tuyển Đại học và SDH do Nhà trường tổ chức; (iii) Thanh tra việc nhập học và kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh Đại học, SDH; (iv) Tiếp nhận và xử lý thông tin khiếu nại tố cáo liên quan đến kỳ thi tuyển sinh Đại học và SDH của Nhà trường.

Việc thanh tra, giám sát các kỳ thi tuyển sinh được lập kế hoạch và triển khai thực hiện từ khâu chuẩn bị tuyển sinh, nhận hồ sơ đăng ký của thí sinh, đến khâu tổ chức thi, chấm thi, khúc khảo, công bố kết quả thi, nhập học và hậu kiểm hồ sơ trúng tuyển **[TC.13.03.05], [TC.13.03.06], [TC.13.03.07], [TC.13.03.08], [TC.13.03.09], [TC.13.03.10]**.

Đối với hệ đào tạo đại học, Nhà trường thực hiện tuyển sinh trực tuyến qua Hệ thống quản lý thông tin và tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. ĐTTTS tiến hành thanh tra các nội dung dựa trên hướng dẫn tuyển sinh đại học và các hướng dẫn thanh tra các kỳ thi hiện hành **[TC.13.03.02], [TC.13.03.05]**. Việc giám sát xét tuyển đại học bao gồm lọc dữ liệu trên hệ thống, xác định ngưỡng điểm nhận hồ sơ, ngưỡng điểm trúng tuyển, xuất dữ liệu về điểm và số thí sinh trúng tuyển sau mỗi lần lọc ảo, xác nhận nhập học, in giấy báo trúng tuyển do phòng Đào tạo nhà trường đảm nhận. Trong mỗi khâu đều có sự giám sát của chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và Đoàn thanh tra tuyển sinh. **[TC.13.03.09], [TC.13.03.11]**. Ngoài ra, công tác tuyển sinh, xét tuyển và nhập học của Nhà trường được giám sát bởi Bộ GD&ĐT thông qua cơ chế khai báo thông tin tuyển sinh trên phần mềm, qua báo cáo kết quả thi tuyển, xét tuyển, nhập học gửi Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

Đối với tuyển sinh SDH, từ năm 2017 đến năm 2021, Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo hình thức thi tuyển với hệ đào tạo được sỹ chuyên khoa và cao học kết hợp xét tuyển nghiên cứu sinh. Do đó, quá trình tuyển sinh được thực hiện và giám sát như sau: ở khâu chuẩn bị, việc ra thông báo tuyển sinh, lập đề án tuyển sinh, danh sách thí sinh, sắp xếp phòng thi cho các thí sinh đều được hội đồng thi và ĐTTTS giám sát. Việc ra đề thi, bốc thăm, in sao đề thi, bàn giao đề thi; tập huấn thi, tổ chức coi thi, đánh phách, đọc phách, bàn giao bài thi, tổ chức chấm thi, được phòng SDH lên kế hoạch chi tiết, Hội đồng tuyển sinh phân công cụ thể cho từng Ban giúp việc và các cá nhân. Các công đoạn diễn ra nhịp nhàng, đảm bảo đúng quy trình và bảo mật với sự giám sát của chủ tịch hội đồng tuyển sinh, thanh tra và phụ trách an ninh, bảo vệ của PA03 Hà Nội **[TC.13.03.07], [TC.13.03.10], [TC.13.03.12], [TC.13.03.13], [TC.13.03.14], [TC.13.03.15]**. Việc xét tuyển nghiên cứu sinh, nhà trường thực hiện đúng theo quy

trình xét tuyển đã ban hành **[TC.13.03.16]**. Hồ sơ xét tuyển nghiên cứu sinh ngoài đầy đủ theo quy định. Các hồ sơ ứng tuyển nghiên cứu sinh được ban thư ký tổng hợp rà soát kỹ lưỡng sau đó mới chuyển cho Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh xem xét chấm điểm hồ sơ, phỏng vấn và phản biện đề cương các ứng viên. **[TC.13.03.17]**.

Sau khi Hội đồng tuyển sinh công bố kết quả trúng tuyển và gửi Giấy báo nhập học đến thí sinh trúng tuyển, Đoàn thanh tra sẽ tiếp tục giám sát việc tổ chức nhập học và thu hồ sơ **[TC.13.03.07]**, **[TC.13.03.08]**, **[TC.13.03.09]**, **[TC.13.03.10]**, **[TC.13.03.11]**, **[TC.13.03.12]**. Hệ đào tạo đại học, việc nhập học được thực hiện theo quy trình nhập học **[TC.13.03.18]**, **[TC.13.03.19]**. Với hệ đào tạo SDH, tuy chưa có quy trình nhập học xong việc nhập học vẫn diễn ra quy củ và đúng quy định với giấy báo nhập học và hướng dẫn nhập học chi tiết theo từng kỳ/đợt tuyển sinh. **[TC.13.03.20]**.

Năm 2020, 2021, do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, nhà trường đã kết hợp linh hoạt hình thức nhập học online và trực tiếp cho người học trúng tuyển. ĐTTTS cũng thường xuyên giám sát việc tổ chức nhập học của phòng chức năng **[TC.13.03.09]**, **[TC.13.03.10]**.

Sau mỗi đợt tuyển sinh và nhập học, Nhà trường đều tiến hành họp rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả tuyển sinh đồng thời phân tích xu thế, dự đoán xu hướng các ngành đào tạo. Bên cạnh đó, chỉ ra những ưu điểm/nhược điểm của các phương án tuyển sinh cũng như trong công tác tuyển sinh, nhập học để từ đó có cơ sở tổ chức tốt hơn trong các đợt tuyển sinh nhập học sau. **[TC.13.03.11]**, **[TC.13.03.12]**

Ngoài ra, giám sát công tác tiến sĩ và nhập học của HUP còn được thực hiện bởi Thanh tra của Bộ GD&ĐT, Thanh tra Bộ Y tế **[TC.13.03.21]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường còn lấy ý kiến của sinh viên/học viên về công tác tuyển sinh và nhập học để góp phần cải tiến hơn chất lượng tuyển sinh và nhập học trong các đợt tuyển sinh nhập học sau **[TC.13.03.22]**. **[TC.13.03.23]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

Trước mỗi kỳ thi, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban phục vụ tuyển sinh **[TC.13.04.01]**, bên cạnh đó có Đoàn/Tổ thanh tra tuyển sinh nhập học hoạt động độc lập với Hội đồng tuyển sinh **[TC.13.04.02]**, **[TC.13.04.03]**. Đoàn thanh tra có nhiệm vụ giám sát quá trình tuyển sinh từ khâu chuẩn bị tuyển sinh, rà soát đề án tuyển sinh, đến khâu thi tuyển, xét tuyển, công bố kết quả, tiến hành nhập học và kiểm tra hồ sơ trúng tuyển, đều đảm bảo theo quy trình tuyển sinh đã ban hành và phù hợp với các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. **[TC.13.04.01]**, **[TC.13.04.02]**, **[TC.13.04.03]**, **[TC.13.04.04]**.

Để thực hiện công tác giám sát việc tiến sĩ và nhập học, ngoài việc giám sát của Đoàn thanh tra, Nhà trường cũng luôn có những biện pháp nhằm tăng cường tối đa công tác này. Tại HUP, các bước trong công tác tuyển sinh: thu nhận hồ sơ dự thi/xét tuyển, lọc ảo, ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, vào điểm, xác định điểm trúng tuyển, xét tuyển, nhập học... đều có thực hiện theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế sự giám sát của chủ tịch Hội đồng tuyển sinh, đoàn thanh tra với nòng cốt là phòng ĐBCL&KT và công an thành phố Hà Nội (PA03 Hà Nội). **[TC.13.04.01], [TC.13.04.02], [TC.13.04.03], [TC.13.04.05]** . Đối với các hồ sơ trúng tuyển, Đoàn thanh tra đều tiến hành thực hiện thanh tra hậu kiểm hồ sơ nhập học của HVSV **[TC.13.04.06], [TC.13.04.07], [TC.13.04.08], [TC.13.04.09], [TC.13.04.10], [TC.13.04.11], [TC.13.04.12], [TC.13.04.13]**.

Việc nhập học của các thí sinh được theo dõi và giám sát thông qua các quy định, quy trình, qua hoạt động của Đoàn thanh tra tuyển sinh cùng với sự phối hợp thực hiện của các đơn vị chức năng trong toàn trường. Phòng Đào tạo đại học và SDH, Phòng QLSV phối hợp cùng Phòng TCKT, Phòng Hành chính, Phòng Khảo thí&ĐBCL tổ chức thực hiện và giám sát trong quá trình sinh viên làm thủ tục nhập học. Ngoài ra, thành viên Hội đồng tuyển sinh có thể giám sát hoạt động tuyển sinh và nhập học thông qua hệ thống camera an ninh, camera giảng đường và camera ở các phòng chấm thi. **[TC.13.04.14]**.

Việc tích hợp hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ sinh viên và hệ thống thông tin QLĐT do HUP xây dựng giúp cho việc giám sát công tác nhập học được thực hiện thuận tiện và hiệu quả hơn.

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện quy trình thanh tra tuyển sinh để thực hiện đầy đủ và đảm bảo giám sát tuyển sinh nhập học đầy đủ **[TC.13.04.01]**. Trong quá trình thực hiện giám sát, khi phát hiện vấn đề và lỗi kỹ thuật, Đoàn thanh tra đều tiến hành khuyến nghị kịp thời. **[TC.13.04.08], [TC.13.04.09], [TC.13.04.10], [TC.13.04.11], [TC.13.04.12]**.

Ngoài ra, để nắm bắt được các vấn đề liên quan đến tuyển sinh từ phía người học, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ người học về công tác tuyển sinh và nhập học. **[TC.13.04.15]**.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức họp rút kinh nghiệm và có báo cáo đánh giá kết quả công tác tuyển sinh (điểm trúng tuyển, số lượng đăng ký tuyển sinh, số lượng trúng tuyển, số lượng nhập học...). Đồng thời, nhà trường cũng đã thực hiện việc đánh giá, phân tích một số dữ liệu tuyển sinh như số lượng thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển/thi tuyển vào trường, kết quả tuyển sinh theo từng hệ bậc so với

chỉ tiêu, nguồn lực của Trường, xu hướng trúng tuyển của các chương trình/ngành đào tạo của Trường so với yêu cầu thực tế của ngành, của xã hội, số lượng thí sinh trúng tuyển theo ngành, địa phương. Bên cạnh đó, nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, có biện pháp khắc phục để nâng cao chất lượng các đợt tuyển sinh sau.[TC.13.04.11], [TC.13.04.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Trước mỗi kỳ thi, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban phục vụ tuyển sinh [TC.13.04.01], bên cạnh đó có Đoàn/Tổ thanh tra tuyển sinh nhập học hoạt động độc lập với Hội đồng tuyển sinh [TC.13.04.02], [TC.13.04.03]. Đoàn thanh tra có nhiệm vụ giám sát quá trình tuyển sinh từ khâu chuẩn bị tuyển sinh, rà soát đề án tuyển sinh, đến khâu thi tuyển, xét tuyển, công bố kết quả, tiến hành nhập học và kiểm tra hồ sơ trúng tuyển, đều đảm bảo theo quy trình tuyển sinh đã ban hành và phù hợp với các hướng dẫn của Bộ GDĐT. [TC.13.04.01], [TC.13.04.02], [TC.13.04.03], [TC.13.04.04].

Để thực hiện công tác giám sát việc tiến sĩ và nhập học, ngoài việc giám sát của Đoàn thanh tra, Nhà trường cũng luôn có những biện pháp nhằm tăng cường tối đa công tác này. Tại HUP, các bước trong công tác tuyển sinh: thu nhận hồ sơ dự thi/xét tuyển, lọc ảo, ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, vào điểm, xác định điểm trúng tuyển, xét tuyển, nhập học... đều có thực hiện theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế sự giám sát của chủ tịch Hội đồng tuyển sinh, đoàn thanh tra với nòng cốt là phòng ĐBCL&KT và công an thành phố Hà Nội (PA03 Hà Nội). [TC.13.04.01], [TC.13.04.02], [TC.13.04.03], [TC.13.04.05] . Đối với các hồ sơ trúng tuyển, Đoàn thanh tra đều tiến hành thực hiện thanh tra hậu kiểm hồ sơ nhập học của HVSV [TC.13.04.06], [TC.13.04.07], [TC.13.04.08], [TC.13.04.09], [TC.13.04.10], [TC.13.04.11], [TC.13.04.12], [TC.13.04.13].

Việc nhập học của các thí sinh được theo dõi và giám sát thông qua các quy định, quy trình, qua hoạt động của Đoàn thanh tra tuyển sinh cùng với sự phối hợp thực hiện của các đơn vị chức năng trong toàn trường. Phòng Đào tạo đại học và SDH, Phòng QLSV phối hợp cùng Phòng TCKT, Phòng Hành chính, Phòng Khảo thí&ĐBCL tổ chức thực hiện và giám sát trong quá trình sinh viên làm thủ tục nhập học. Ngoài ra, thành viên Hội đồng tuyển sinh có thể giám sát hoạt động tuyển sinh và nhập học thông qua hệ thống camera an ninh, camera giảng đường và camera ở các phòng chấm thi. [TC.13.04.14].

Việc tích hợp hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ sinh viên và hệ thống thông tin QLĐT do HUP xây dựng giúp cho việc giám sát công tác nhập học được thực hiện thuận tiện và hiệu quả hơn.

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện quy trình thanh tra tuyển sinh để thực hiện đầy đủ và đảm bảo giám sát tuyển sinh nhập học đầy đủ [TC.13.04.01]. Trong quá trình thực hiện giám sát, khi phát hiện vấn đề và lỗi kỹ thuật, Đoàn thanh tra đều tiến hành khuyến nghị kịp thời. [TC.13.04.08], [TC.13.04.09], [TC.13.04.10], [TC.13.04.11], [TC.13.04.12].

Ngoài ra, để nắm bắt được các vấn đề liên quan đến tuyển sinh từ phía người học, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ người học về công tác tuyển sinh và nhập học. [TC.13.04.15].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức họp rút kinh nghiệm và có báo cáo đánh giá kết quả công tác tuyển sinh (điểm trúng tuyển, số lượng đăng ký tuyển sinh, số lượng trúng tuyển, số lượng nhập học...). Đồng thời, nhà trường cũng đã thực hiện việc đánh giá, phân tích một số dữ liệu tuyển sinh như số lượng thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển/thi tuyển vào trường, kết quả tuyển sinh theo từng hệ bậc so với chỉ tiêu, nguồn lực của Trường, xu hướng trúng tuyển của các chương trình/ngành đào tạo của Trường so với yêu cầu thực tế của ngành, của xã hội, số lượng thí sinh trúng tuyển theo ngành, địa phương. Bên cạnh đó, nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, có biện pháp khắc phục để nâng cao chất lượng các đợt tuyển sinh sau.[TC.13.04.11], [TC.13.04.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có quy chế đào tạo các hệ đại học, Thạc sĩ, tiến sĩ với các quy định, quy trình về tuyển sinh và nhập học rõ ràng, đầy đủ, bám sát các Yêu cầu tuyển sinh với từng bậc đào tạo của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và đào tạo. Đề án tuyển sinh hàng năm thể hiện rõ ràng chính sách tuyển sinh đại học và SDH, có tính phù hợp với từng năm. Kế hoạch tuyển sinh hàng năm thể hiện sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và cán bộ nhà trường, trong kế hoạch tuyển sinh đã xác định thời gian thực hiện.

- Hoạt động thanh tra tuyển sinh và nhập học được Nhà trường chú trọng, đã xây dựng được quy trình thanh tra tuyển sinh.

- Có tổng kết, rút kinh nghiệm hàng năm trong khâu tuyển sinh, kịp thời điều chỉnh linh hoạt kế hoạch tuyển sinh.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa phát huy được triệt để vai trò của các tổ chức đoàn thể, đặc biệt của viên chức và người lao động trong truyền thông về công tác tuyển sinh của nhà trường.
- Còn thiếu quy trình để xác định chỉ tiêu tuyển sinh.
- Còn chưa ban hành quy trình nhập học cho hệ SDH.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục đảm bảo công tác tuyển sinh theo đúng quy chế.	P.QLĐT, P. ĐBCL&KT	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật các quy định, quy chế và quy trình tuyển sinh, thanh tra để cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế	P.QLĐT, P. ĐBCL&KT	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 3	Thường xuyên tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm cải tiến công tác tuyển sinh.	P.QLĐT, P. ĐBCL&KT, P.QLCSVC - VTTTB	Hàng năm	
	Khắc phục tồn tại 1	Phân công trách nhiệm trong công tác tuyển sinh hàng năm đến từng đơn vị, người lao động để phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và cán bộ,	P.QLĐT, các đơn vị và người lao động toàn trường	Từ học năm học 2022-2023	

		công nhân viên trong công tác truyền thông về công tác tuyển sinh của nhà trường			
	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng quy trình để xác định chỉ tiêu tuyển sinh	P.QLĐT, P. ĐBCL&KT	Năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 3	Rà soát, xây dựng quy trình nhập học cho các hệ đào tạo mới và còn chưa đầy đủ	P.QLĐT, P. ĐBCL&KT	Từ năm học 2022-2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	
Tiêu chí 13.1	6
Tiêu chí 13.2	6
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	6

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Dấu mốc khởi đầu cho CTĐT Dược hiện đại tại Việt Nam là Sắc lệnh ngày 20/7/1914 của Toàn Quyền Đông Dương Albert Sarraut về việc thành lập Ban Dược và ban hành CTĐT Dược sỹ phụ tá của trường Cao đẳng Y Đông Dương, tiền thân của HUP. Năm 1914, trường Cao đẳng Y Đông Dương đã tuyển sinh khóa dược sỹ phụ tá đầu tiên, và đến năm 1917 có 4 Dược sỹ đầu tiên TN. Với chủ trương nâng tầm cho trường Cao đẳng Y Đông Dương lên bậc đại học thực thụ, chính phủ Pháp đã ra một loạt Nghị định quan trọng ngày 07 tháng 1 năm 1919, ngày 18 tháng 5 năm 1921, ngày 30 tháng 8 năm 1921 và Nghị định ngày 22 tháng 4 năm 1924 nhằm phát triển quy mô

đào tạo, nâng cấp CTĐT Y, Dược lên bậc đại học tại Đông Dương và đổi tên trường Cao đẳng Y Đông Dương thành Cao đẳng Y Dược Toàn cấp Đông Dương (*École de médecine et de pharmacie de plein exercice*). Tên gọi mới cùng với CTĐT mới được ban hành trong các Nghị định đã nhấn mạnh vào nhiệm vụ đào tạo bậc đại học của Trường (bác sĩ, dược sĩ). Cao đẳng Y Dược toàn cấp Đông Dương đã tiến một bước dài lên đào tạo y dược ở bậc đại học. Việc thi TN của Khoa Dược toàn cấp được tổ chức tại Paris, Pháp.

Trong lịch sử phát triển hơn 100 năm đào tạo Dược của Trường, cho đến trước năm 2018, HUP là một trường đào tạo đơn ngành với một ngành đào tạo duy nhất kể từ khi thành lập là ngành Dược với 01 mã ngành Dược học bậc đại học, 06 mã ngành bậc Thạc sĩ và 07 mã ngành bậc Tiến sĩ, 06 CTĐT Dược sĩ chuyên khoa I, 06 CTĐT Dược sĩ chuyên khoa II.

Tự hào với những thành tựu, kinh nghiệm hơn 100 năm đào tạo Dược là thế mạnh hàng đầu của Trường nhưng nhận định rõ việc đa dạng hóa ngành đào tạo là một nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới giáo dục toàn diện, Trường đã xác định và có lộ trình từng bước trở thành Trường đào tạo đa ngành với trụ cột là khối ngành Sức khỏe. Việc phát triển đào tạo đa ngành nhưng có lựa chọn chất lượng là phát triển đào tạo các ngành gần và/hoặc ngành có sự liên quan mật thiết tới sự phát triển khoa học Dược. Vì vậy, trong Chiến lược phát triển của HUP đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 nhà trường đã đặt mục tiêu “Xây dựng HUP thành trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng đại học nghiên cứu kết hợp thực hành nghề nghiệp (2025 - 2030), thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về dược của cả nước; định hướng đại học ĐMST (2030), và trở thành đại học ĐMST vào 2045”. Hiện Trường có 35 CTĐT cấp bằng trong đó đào tạo trình độ đại học có 8 CTĐT (*03 CTĐT : chương trình liên thông trung cấp lên đại học, liên thông cao đẳng lên đại học đã dừng tuyển sinh*) cho 4 ngành : Dược học, Hóa dược, Công nghệ sinh học và Hóa học [TC.14.01.01]. Ở bậc đào tạo SDH, Trường có 17 CTĐT bao gồm 6 CTĐT thạc sĩ, 7 CTĐT tiến sĩ, 2 CTĐT CK1, 2 CTĐT CK2 [TC.14.01.02]. Trong giai đoạn 2017-2022, Trường đã xây dựng và ban hành, mở mới 04 CTĐT mới ở bậc đại học chính quy; đang thực hiện mở mới 01 CTĐT thạc sĩ Hóa dược. Các CTĐT được Hiệu trưởng ban hành và thực hiện tuyển sinh và đào tạo theo quy định [TC.14.01.03].

Nhà trường đã xây dựng được hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần. Nhiệm vụ xây dựng và phát triển CTĐT bao gồm nội dung CTĐT và các đề cương chi tiết học phần đã được quy định rõ ràng trong Quy chế tổ chức hoạt động của

Trường **[TC.14.01.04]**. Trong các quyết định phân công nhiệm vụ của các thành viên BGH, luôn có giao nhiệm vụ, trách nhiệm rõ ràng của từng thành viên BGH liên quan tới công tác xây dựng, phát triển CTĐT bậc đại học, SDH. Theo Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong nhà trường cũng đã có phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể cho phòng Đào tạo là đầu mối của hoạt động xây dựng, phát triển CTĐT bậc đại học, phòng SDH là đầu mối của hoạt động xây dựng, phát triển CTĐT bậc SDH. Phòng ĐBCL và Khảo thí là đầu mối thực hiện các khảo sát, lấy ý kiến phản hồi, là đầu mối xây dựng Chuẩn đầu ra của CTĐT **[TC.14.01.04]**

Hoạt động xây dựng Đề án mở ngành, thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan tại HUP được tổ chức thực hiện trên cơ sở các quy định pháp quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo như Công văn 2196/BGDĐT-GDDH năm 2010, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, Khung trình độ quốc gia..., các hướng dẫn của Bộ Y tế cũng như các văn bản pháp lý liên quan khác và theo quy định trong các Quy chế đào tạo các hệ/bậc của nhà trường, theo Quy trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT được thực hiện Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh CTĐT của HUP **[TC.14.01.05]**, **[TC.14.01.06]**. Cụ thể, đối với các CTĐT ban hành lần đầu, sau khi có chủ trương của ĐU, nghị quyết của HĐT **[TC.14.01.07]**, Phòng QLĐT phối hợp với các đơn vị liên quan làm đầu mối lập kế hoạch xây dựng đề án xây dựng CTĐT và mở mã ngành chi tiết trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cùng các thủ tục cần tiến hành của từng bộ phận, đơn vị liên quan **[TC.14.01.08]**.

Quy trình xây dựng CTĐT thực hiện chặt chẽ. Nhà trường giao Phòng ĐBCL và Khảo thí là đầu mối triển khai việc tổ chức khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành đào tạo **[TC.14.01.09]**. Đồng thời Nhà trường thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT và các Ban tư vấn **[TC.14.01.10]**, **[TC.14.01.11]**. Ban tư vấn xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT phân tích yêu cầu thực tiễn và các tiêu chuẩn nghề nghiệp hiện hành, gắn liền và đáp ứng với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường để tiến hành xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT **[TC.14.01.12]**; **[TC.14.01.13]**; **[TC.14.01.14]**; **[TC.14.01.15]**.

Căn cứ vào mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT đã được xây dựng và ban hành, Ban tư vấn xây dựng CTĐT trên cơ sở tham khảo đối chiếu, so sánh CTĐT trong nước và quốc tế cùng ngành, cùng trình độ, căn cứ vào điều kiện thực tế của Trường, xác định cấu

trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng khung CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và đáp ứng các quy định của Trường, xây dựng bản mô tả tóm tắt nội dung của môn học/ học phần trong chương trình đồng thời thiết lập ma trận kiến thức kỹ năng cốt lõi của CTĐT với chuẩn đầu ra [TC.14.01.16], [TC.14.01.17], [TC.14.01.18]. Dự thảo Chương trình khung, bản mô tả tóm tắt kết cấu, nội dung của môn học/ học phần trong CTĐT trình Hội Đồng Khoa học và Đào tạo nhất trí thông qua [TC.14.01.19]. Trên cơ sở Khung chương trình, kết cấu, nội dung của các môn học/ học phần đã được Hội Đồng Khoa học và Đào tạo nhất trí thông qua, nhà trường sẽ giao cho các bộ môn đảm nhiệm việc xây dựng đề cương chi tiết các môn học/ học phần [TC.14.01.20]. Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần được giao cho các Bộ môn trong đó yêu cầu các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá được thiết kế phải đảm bảo tương thích để đạt chuẩn đầu ra của CTĐT thông qua việc thiết lập ma trận tương quan giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT [TC.14.01.21]. Nhà trường tiến hành đánh giá nghiệm thu chéo giữa các Bộ môn chuyên ngành gần để đảm bảo tính logic và tránh trùng lặp giữa các môn học [TC.14.01.22]. Nhà trường tiến hành lấy ý kiến rộng rãi của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về CTĐT [TC.14.01.23]. Sau khi hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường tổ chức thẩm định và thông qua Hội đồng KHĐT trước khi Hiệu trưởng ký quyết định ban hành. Quá trình thẩm định và ban hành CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần có sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực đào tạo [TC.14.01.24]

Sau khi được ban hành, CTĐT được định kỳ xem xét, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với thực tiễn. Hàng năm, Nhà trường thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT [TC.14.01.25], [TC.14.01.26], [TC.14.01.27]. Qua các đợt tổ chức cho SV đi thực tế, thông qua các buổi họp mặt với các cán bộ tại cơ sở thực tế, Nhà trường đã thu nhập được các ý kiến đóng góp từ GV, từ doanh nghiệp cũng như nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp để hoàn thiện hơn CTĐT của mình [TC.14.01.28]. Trên cơ sở phân tích các kết quả khảo sát, kết quả đối sánh, Nhà trường điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT từ đó làm căn cứ rà soát CTĐT, yêu cầu các Bộ môn điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần, cải tiến hệ thống các phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích có định hướng với CDR của học phần và CDR của CTĐT [TC.14.01.29]. Các Bộ môn có nhiệm vụ rà soát, xây dựng CTCT, định kỳ hàng năm bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và quy định của Trường [TC.14.01.30]. Khi có đề nghị thay đổi tên môn học, kết cấu môn học (tỷ lệ lý

thuyết/thực hành), thời lượng môn học trong CTĐT, BM gửi đề nghị bằng văn bản cùng biên bản họp bộ môn thông qua các nội dung đề nghị thay đổi cho phòng chức năng (Đào tạo/SĐH). Phòng chức năng tổng hợp các ý kiến, thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo trước tháng 5 hàng năm để kịp triển khai kế hoạch năm học tiếp theo. Bộ môn gửi CTCT có thay đổi, điều chỉnh cùng biên bản họp BM thông qua chương trình đó cho phòng chức năng để trình BGH ký duyệt và áp dụng chương trình điều chỉnh trong năm học kế tiếp [TC.14.01.31]. Như vậy, theo quy trình của Trường, các CTĐT và đề cương chi tiết học phần được cập nhật thường xuyên, thích ứng với sự thay đổi của xã hội và chỉ được ban hành khi đã được xem xét, rà soát và thẩm định, ĐBCL và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Với những thành quả cũng như uy tín của nhà trường trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Bộ Y tế đã tin tưởng giao nhiệm vụ cho HUP làm đầu mối trong nhiều hoạt động xây dựng, thiết kế CTĐT như xây dựng Chuẩn CTĐT ngành Dược học, CTĐT liên tục trong lĩnh vực DLS theo Nghị định 131/NĐ-CP ngày 2 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ [TC.14.02.32].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Theo thông tư Theo Khoản 4, Điều 2 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi TN. HUP nhận thức rất rõ chuẩn đầu ra của CTĐT là cơ sở định hướng cho việc thiết kế, phát triển CTĐT; là căn cứ để đổi mới, nâng cao chất lượng CTĐT; chuẩn đầu ra cũng là sự thể hiện sự cam kết, trách nhiệm của nhà trường đối với người học, các nhà tuyển dụng, với cộng đồng xã hội; phản ánh mối quan hệ giữa HUP với các bên liên quan.

Xác định rõ vai trò, tầm quan trọng của Chuẩn đầu ra với việc nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và triết lý giáo dục của Trường, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, HUP đã thiết lập được hệ thống cơ cấu tổ chức, bộ máy để triển khai cũng như hệ thống văn bản pháp lý để xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT. Phòng ĐBCL và khảo thí là đầu mối phối hợp với các đơn vị trong Trường, các bên liên quan để tổ chức triển khai hoạt động này [TC14.02.01].

Về hệ thống văn bản pháp lý, nhà trường đã thiết lập được hệ thống văn bản pháp lý liên quan quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và các môn học/học phần. Bao gồm các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn, cụ thể: trước năm 2021, việc xây rà soát, thẩm định, ban hành chuẩn đầu ra Nhà trường đã căn cứ theo các văn bản để thực hiện: công văn số 2196/DBG&ĐT-GD ĐH ngày 22/4/2010 hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo, Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 ban hành khung trình độ Quốc gia Việt Nam, thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi TN đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học (giai đoạn 2017-6/2021), thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, Chuẩn năng lực Dược sỹ Việt Nam ban hành theo quyết định số 4815/QĐ-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quy trình xây dựng, rà soát, ban hành chuẩn đầu ra của Trường. Năm 2021, nhằm chuẩn hóa các bước trong xây dựng và phát triển CTĐT, Nhà trường đã ban hành quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, trong đó quy định đến việc xây dựng, phát triển chuẩn đầu ra của CTĐT **[TC.14.02.02]**.

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra của 07 CTĐT trình độ đại học mới bao gồm: Cử nhân Hóa dược, cử nhân công nghệ sinh học, cử nhân hóa học, dược học chất lượng cao **[TC.14.02.03]**; CĐR 01 CTĐT thạc sĩ Hóa dược **[TC.14.02.04]**, 02 Chuẩn đầu ra chương trình thạc sĩ ứng dụng ngành Quản lý kinh tế dược và Dược lý – DLS **[TC.14.02.05]** và chuẩn đầu ra về Tiếng Anh **[TC.14.02.06]**. Đồng thời Nhà trường cũng đã rà soát CĐR tất cả các ngành của CTĐT đại học: Dược học, Hóa dược **[TC.14.02.07]** và SĐH 06 CTĐT thạc sĩ, 02 CTĐT DSCKI, 02 CTĐT DSCKII, 07 CTĐT tiến sĩ **[TC.14.02.08]**. Tất cả chuẩn đầu ra của các CTĐT đều được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường **[TC.14.02.09]**.

Theo quy định thời gian tối thiểu để rà soát CĐR của CTĐT là 02 năm, năm 2019, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo rà soát CĐR của các CTĐT đại học và SĐH đồng thời cũng xây dựng kế hoạch rà soát **[TC.14.02.10]**. Nhưng trong cùng năm đó, Bộ Y tế giao cho HUP làm đầu mối xây dựng Chuẩn năng lực Dược sỹ Việt Nam, tiếp theo, Bộ Y tế đã có quyết định số 4018/QĐ-BYT ngày 18 tháng 9 năm 2020 giao cho Trường ĐH Dược Hà Nội là đơn vị đầu mối thực hiện chuẩn hóa CTĐT ngành dược học (đào tạo dược sỹ). Vì vậy, kế hoạch rà soát CĐR của CTĐT của Trường đã được cân nhắc điều chỉnh lùi thời gian, chờ Chuẩn Năng lực Dược sỹ Việt nam chính thức được ban hành cũng như các quy định, hướng dẫn mới của các Bộ, Ngành liên quan đến việc

thực hiện xây dựng Chuẩn CTĐT có căn cứ quan trọng về mặt pháp lý cho việc rà soát. Năm 2021, khi Bộ GD&ĐT ban hành thông tư 17/2021/TT-BGDĐT hướng dẫn xây dựng Chuẩn CTĐT và rà soát, cập nhật CTĐT, HUP đã tiến hành đồng bộ nhiệm vụ xây dựng Chuẩn CTĐT ngành Dược học theo phân công nhiệm vụ của Bộ Y tế và rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình theo hướng dẫn của thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, các văn bản hướng dẫn, quy định khác cũng như quy định riêng của Trường, theo đó, Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Dược học và các chương trình khác đã được rà soát, cập nhật ở các mức độ khác nhau **[TC14.02.07], [TC14.02.08]**.

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra các môn học, học phần nhà trường có kế hoạch tham khảo ý kiến của các bên liên quan về việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR cho CTĐT/môn học/học phần. Tất cả các chuẩn đầu ra khi rà soát hay xây dựng đều được thực hiện đúng các bước theo quy trình xây dựng và công bố chuẩn đầu ra **[TC.14.02.11], [TC.14.02.12]**:

- 1) Ban hành kế hoạch và các quyết định thành lập Ban xây dựng hoặc rà soát chuẩn đầu ra.
- 2) Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo hoặc rà soát CDR.
- 3) Ban chỉ đạo họp thông qua dự thảo.
- 4) Lấy ý kiến của các bên liên quan: nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên....
- 5) Thông qua hội đồng khoa học và đào tạo
- 6) Công bố Dự thảo trên trang thông tin điện tử của Nhà trường để xin ý kiến góp ý.
- 7) Tiếp thu, hoàn thiện và ban hành chuẩn đầu ra.

Đặc biệt đối với các CTĐT mới, khi xây dựng Chuẩn đầu ra, Nhà trường đều khảo sát nhu cầu của thị trường lao động về năng lực cần thiết của người học khi TN **[TC.14.02.13]**

Căn cứ cơ bản cho việc rà soát đánh giá CTĐT cũng như chuẩn đầu ra của CTĐT và học phần là hàng năm là:

- i) Chiến lược phát triển của Nhà trường,
- ii) Ý kiến của các bên liên quan như người học sau TN, người sử dụng lao động, sinh viên trước TN, chuyên gia...về CTĐT. Việc này được thực hiện bởi Phòng ĐBCL&KT, kết quả được gửi về các đơn vị liên quan.
- iii) Báo cáo ĐGN CSGD: đây là căn cứ quan trọng đã được nhà trường sử dụng để rà soát CDR của các CTĐT cũng như phát triển CTĐT.

iv) Tham khảo CTĐT của các nước tiên tiến trên thế giới và trong khu vực: việc đối sánh với các CTĐT của các trường trong và ngoài nước nhằm bắt kịp với xu thế hội nhập và thể hiện đi đầu trong đào tạo nguồn nhân lực cao cho cả nước.

v) Các quy định mới về CTĐT.

Từ đó các Ban, Đơn vị chuyên môn xác định điều chỉnh CĐR của CTĐT. Các nội dung chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh đã được báo cáo rõ với hội đồng Khoa học và Đào tạo để làm căn cứ rà soát, xây dựng và phát triển CTĐT [TC.14.02.01], [TC.14.02.14]. Sau khi xây dựng hay rà soát, điều chỉnh CĐR của các CTĐT, đều được công bố công khai trên website của Trường [TC.14.02.09] và gửi đến từng đơn vị, bộ môn. Nhờ thực hiện quy trình xây dựng và rà soát chuẩn đầu ra trên cơ sở sứ mạng mục tiêu phát triển của Nhà trường cùng với ý kiến của các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên... nên các chuẩn đầu ra của CTĐT vừa bao quát, vừa cụ thể đáp ứng các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của các bên liên quan mà người học cần đạt được khi TN.

Các Đề cương chi tiết học phần được tiến hành rà soát, điều chỉnh cùng với các CTĐT hàng năm. Nhà trường đã tổ chức lớp tập huấn [TC.14.02.15], cũng như hướng dẫn các đơn vị xây dựng chuẩn đầu ra học phần một chi tiết [TC.14.02.16] để các đơn vị thực hiện đảm bảo tính khoa học trong xây dựng CĐR của học phần cũng như lựa chọn nội dung giảng dạy đáp ứng CĐR của học phần. Việc xây dựng, rà soát mục tiêu/chuẩn đầu ra của học phần được thực hiện hàng năm bởi các bộ môn, trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan như sinh viên, giảng viên, chuyên gia, người sử dụng lao động [TC.14.02.17].

Việc triển khai CĐR của CTĐT tới CĐR của các học phần đảm bảo nguyên tắc tất cả các HP đều phải đóng góp hiệu quả trong việc xây dựng CĐR của CTĐT. Các chuẩn đầu ra của HP được cụ thể thành 03 nhóm; kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm và được xác định một cách rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc đo lường được. Đồng thời các chuẩn đầu ra này được tăng dần và lặp lại ở các học phần để có thể trang bị đầy đủ kiến thức, rèn luyện kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nhằm giúp người học đạt được CĐR khi TN [TC.14.02.18]. Bắt đầu từ năm học 2021-2022, Nhà trường đã cải tiến hoạt động xây dựng CĐR của học phần bằng cách tách CĐR và mục tiêu của học phần một cách rõ ràng. Vì vậy, chuẩn đầu ra của các học phần cụ thể hóa, đảm bảo đo lường được. Khi xây dựng đề cương chi tiết, dựa trên format quy định của nhà trường, các bộ môn phải thể hiện được trong đề cương chi tiết đầy đủ chuẩn đầu ra của các học phần, sự phù hợp, tương thích của nội dung giảng dạy với phương pháp giảng dạy,

phương pháp lượng giá đánh giá và phù hợp, tương thích chuẩn đầu của các học phần [TC.14.02.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CĐR.

Hiện Trường có 35 CTĐT cấp bằng trong đó đào tạo trình độ đại học có 8 CTĐT (03 CTĐT: chương trình liên thông trung cấp lên đại học, liên thông cao đẳng lên đại học, văn bằng hai hiện nay đã dừng tuyển sinh, chỉ có các lớp cuối khóa kết thúc và tốt nghiệp vào giai đoạn 2017 - 2021) cho 4 ngành: Dược học, Hóa dược, Công nghệ sinh học và Hóa học. Ở bậc đào tạo sau đại học, Trường có 17 CTĐT bao gồm 6 CTĐT thạc sĩ, 07 CTĐT tiến sĩ, 02 CTĐT DSK1, 02 CTĐT CK2. Trong giai đoạn 2017-2022, Trường đã xây dựng và ban hành, mở mới 04 CTĐT mới ở bậc đại học chính quy, đang thực hiện mở mới 01 CTĐT thạc sĩ Hóa dược. Các CTĐT được Hiệu trưởng ban hành và thực hiện tuyển sinh, đào tạo theo quy định và đăng tải công khai trên trang thông tin của Trường [TC.14.03.01].

Quy trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT được thực hiện theo Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh CTĐT của Trường Đại học Dược Hà Nội [TC.14.03.02]. Việc xây dựng đề cương chi tiết của các học phần được thực hiện theo Quy trình Sửa đổi, bổ sung đề cương chi tiết môn học, học phần [TC.14.03.03]. Các Bộ môn có nhiệm vụ rà soát, xây dựng CTCT, định kỳ hàng năm bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và quy định của Trường. Hàng năm, trên cơ sở phân tích các kết quả khảo sát, kết quả đối sánh, Nhà trường điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT từ đó làm căn cứ rà soát CTĐT, yêu cầu các Bộ môn điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần, cải tiến hệ thống các phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích có định hướng với CĐR của học phần và CĐR của CTĐT [TC.14.03.04].

Nhằm mục đích tổ chức triển khai hoạt động đào tạo một cách bài bản, chuyên nghiệp đúng quy định, tại Trường Đại học Dược Hà Nội, đề cương chi tiết các môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra. Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần được giao cho các Bộ môn trong đó yêu cầu các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá được thiết kế phải đảm bảo tương thích để đạt chuẩn đầu ra của CTĐT thông qua việc thiết lập ma trận tương quan giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT [TC.14.03.05].

Đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra của học phần và thống nhất theo biểu mẫu chung của Trường. Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến học phần bao gồm: (1) Tên môn học; (2) Tên học phần; (3) Mã HP; (4) Bộ môn giảng dạy và phối hợp; (5) Đối tượng đào tạo; (6) Số tín chỉ; (7) Kết cấu học phần; (8) Các học phần tiên quyết; (9) Mô tả học phần; (10) Mục tiêu và CĐR của học phần; (11) Nội dung học phần (12) Đánh giá học phần; (13) Tài liệu học tập; (14) Tài liệu tham khảo. Để đảm bảo CĐR của học phần đóng góp được vào các CĐR của CTĐT cũng như các nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá đo lường được mức độ đạt được CĐR của học phần, từ năm 2021 các đề cương chi tiết học phần được bổ sung thêm các thông tin về ma trận đóng góp của CĐR học phần vào CĐR của CTĐT cũng như cung cấp thêm thông tin về khả năng đáp ứng CĐR của học phần trong từng nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá **[TC.14.03.06]**.

Đối với đào tạo trình độ đại học, vào đầu mỗi năm học, căn cứ CTĐT, Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn xây dựng kế hoạch đào tạo dự kiến của năm học cho từng khóa **[TC.14.03.07]**, **[TC.14.03.08]**. Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, và đặc thù từng môn học, Phòng Quản lý đào tạo tiến hành xây dựng Tiến trình, Thời khóa biểu theo từng học kỳ cho từng môn học/học phần cho các khóa, lớp sinh viên **[TC.14.03.09]**, **[TC.14.03.10]**. Sau khi có ý kiến phản hồi của các bộ môn, Phòng Quản lý đào tạo chỉnh sửa, bổ sung các thông tin trong kế hoạch, tiến trình, thời khóa biểu giảng dạy và trình Giám hiệu phê duyệt ban hành đưa vào giảng dạy toàn trường. Căn cứ vào kế hoạch, thời khóa biểu đã được phê duyệt, các Bộ môn thực hiện phân công giờ giảng chi tiết, nộp phân công giảng cho Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Phòng Quản lý Đào tạo để giám sát, quản lý **[TC.14.03.11]**. Các hoạt động dạy học được triển khai bám sát kế hoạch, thực hiện theo chuẩn đầu ra của CTĐT, đôi khi có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế **[TC.14.03.12]**. Nội dung dạy học, hoạt động kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo đúng đề cương môn học. Tất cả hoạt động giảng dạy của giảng viên được giám sát thông qua các hoạt động thanh tra giám sát đào tạo, qua hồ sơ, hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng đối với giảng viên thỉnh giảng **[TC.14.03.13]**, **[TC.14.03.14]**.

Đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT được giới thiệu và phổ biến đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau: như qua website của Nhà trường, cổng thông tin sinh viên (hệ thống quản lý đào tạo, thông báo qua lớp trưởng, FB Trường Đại học Dược Hà Nội), quyển “Những điều sinh viên cần biết” phát cho SV **[TC.14.03.15]** **[TC.14.03.16]** **[TC.14.03.17]**; Đầu khóa học, kế hoạch giảng dạy học tập của CTĐT

được Ban giám hiệu, lãnh đạo phòng ban chức năng phổ biến trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [TC.14.03.18], [TC.14.03.19]. Buổi học đầu tiên của mỗi học phần, giảng viên phổ biến nội dung học phần cho sinh viên để người học có cái nhìn tổng quan về học phần, hình thức thi, kiểm tra, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, thông tin của giảng viên được thể hiện trong slide bài giảng của giảng viên ở các Khoa/bộ môn [TC.14.03.20]. Nhà trường đã xây dựng chuyên trang điện tử để thông tin về công tác đào tạo tới người học và các bên liên quan tại địa chỉ <http://daotao.hup.edu.vn>, trên trang thông tin điện tử <http://hup.edu.vn>. Các thông tin về hoạt động đào tạo được đăng tải đầy đủ, kịp thời trên các trang thông tin điện tử nói trên [TC.14.03.21]. Nhà trường đã xây dựng phần mềm quản lý đào tạo, theo dõi các kết quả học tập và các hoạt động đào tạo, giảng dạy. Sinh viên có thể đăng nhập vào cổng thông tin sinh viên bằng tài khoản do nhà trường cấp ngay khi nhập học để theo dõi kết quả học tập của mình xuyên suốt từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường; thực hiện đăng ký học phần, đăng ký học lại, thi cải thiện, đăng ký định hướng chuyên ngành, đăng ký cơ sở thực tập thực tế và các đăng ký liên quan khác trên phần mềm quản lý đào tạo [TC.14.03.16], [TC.14.03.22]. Nhà trường cũng khai thác thế mạnh của mạng xã hội như một kênh thông tin hỗ trợ để chuyển tải tới người học các thông tin nhanh nhất về những thay đổi điều chỉnh liên quan tới tiến trình, kế hoạch giảng dạy. Đối với học phần có phần thực hành tại cơ sở thực hành, Nhà trường ký bản ghi nhớ hợp tác đào tạo với các đơn vị thực hành. Phòng Quản lý Đào tạo xây dựng kế hoạch chung, sau đó phối hợp với các Khoa, Bộ môn và với các cơ sở thực hành để lên kế hoạch cụ thể [TC.14.03.23], [TC.14.03.24].

Kết quả khảo sát ý kiến của người học về hoạt động tổ chức giảng dạy trong các năm học thuộc giai đoạn đánh giá cho thấy, 4 năm học 2017 -2018, 2019-2020, 2020 - 2021 có 100% người học đều phản hồi đánh giá từ mức khá, tốt trở lên với nội dung “*Đề cương HP (mục tiêu, nội dung, cách thức lượng giá) được thông báo đầy đủ, rõ ràng cho người học*” và các nội dung liên quan khác tới việc đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được phổ biến và thực hiện dựa trên CĐR [TC.14.03.25].

Kết quả khảo sát ý kiến của người học về hoạt động dạy học của giảng viên cũng làm rõ thêm về việc các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT, mục tiêu, CĐR, nội dung và yêu cầu của môn học đã được giới thiệu đầy đủ đến sinh viên để sinh viên nắm bắt tốt và từ đó xây dựng được kế hoạch học tập phù hợp để đạt được CĐR [TC.14.01.25].

Tỷ lệ người học đánh giá ở mức Khá, Tốt về các tiêu chí này cho kết quả khá tương đồng ở mức từ 96,9 – 100% cho thấy Đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được nhà trường triển khai phổ biến và thực hiện dựa trên CDR.

Bảng 14.3.1. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về việc đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy được phổ biến và thực hiện dựa trên CDR

Nội dung, tiêu chí khảo sát	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
Số liệu khảo sát phản hồi về hoạt động tổ chức giảng dạy các học phần (tỷ lệ % sinh viên đánh giá tiêu chí từ Khá, Tốt trở lên)					
<i>Đề cương HP (mục tiêu, nội dung, cách thức lượng giá) được thông báo đầy đủ, rõ ràng cho người học</i>	100%	92,1%	100%	100%	100%
<i>Đa số các GV có phương pháp giảng dạy phù hợp với nội dung</i>	97,9%	97,4%	100%	100%	100%
<i>Phân bố thời lượng giữa lý thuyết và thực hành/seminar phù hợp</i>	100%	97,4%	100%	100%	100%
<i>Kế hoạch giảng dạy HP được thực hiện nghiêm túc</i>	97,9%	92,1%	100%	100%	100%
<i>Tiến trình giảng dạy của HP được sắp xếp hợp lý</i>	100%	94,7%	100%	100%	100%
Số liệu khảo sát phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên (tỷ lệ % sinh viên đánh giá tiêu chí từ Khá, Tốt trở lên)					
<i>Mục tiêu bài giảng phù hợp với chuẩn đầu ra học phần</i>	98,5%	100%	100%	100%	100%
<i>Mục tiêu bài giảng rõ ràng</i>	98,5%	100%	100%	100%	100%
<i>Nội dung giảng dạy phù hợp với mục tiêu và đối tượng đào tạo</i>	96,9%	100%	100%	100%	100%
<i>Nội dung bài giảng đảm bảo logic, hợp lý</i>	98,5%	100%	100%	100%	100%

Nội dung bài giảng liên hệ với thực tế, nghề nghiệp	96,9%	100%	100%	100%	100%

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

HUP đã thực hiện rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và thực hiện rà soát CTDH thường xuyên theo quy định dựa trên nhu cầu của các bên liên quan thông qua ý kiến phản hồi mà nhà trường thu nhận được. Trước khi có thông tư 17/2021/TT- BGDDT, căn cứ vào quy định, hướng dẫn theo của thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, các văn bản quy định hiện hành khác và các quy định của nhà trường, HUP định kỳ, thường xuyên hàng năm triển khai việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá CTĐT, CTDH và việc rà soát CTDH [TC.14.04.01], [TC.14.04.02], [TC.14.04.03], [TC.14.04.04].

Về rà soát quy trình thiết kế, đánh giá CTDH

Nhà trường nhận thức rất rõ ràng rằng CTDH là một yếu tố rất quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, hoạt động rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và thực hiện rà soát CTDH luôn được nhà trường chú trọng và có sự quan tâm chỉ đạo sát sao, xuyên suốt đồng bộ từ ĐU, BGH nhà trường. CTĐT với chương trình Dạy - học là trọng tâm, luôn là vấn đề nghị sự chính trong Hội nghị cán bộ chủ chốt, Hội nghị VC-NLĐ và các Hội nghị giao ban đào tạo của nhà trường [TC.14.04.05], [TC.14.04.06], [TC.14.04.07] .

Trong giai đoạn đánh giá, ngay sau có Quyết định số 4018/QĐ-BYT ngày 18/9/2020 của Bộ Y tế giao nhiệm vụ cho Trường xây dựng Chuẩn CTĐT Dược sỹ và Kế hoạch 1027/KH-BGDĐT ngày 8/10/2020 của Bộ Giáo dục Đào tạo về thực hiện Khung trình độ Quốc Gia Việt Nam, trong Nghị quyết Hội nghị Viên Chức năm 2020, nhà trường đã đưa nhiệm vụ triển khai hoạt động xây dựng Chuẩn hóa CTĐT vào danh mục 10 nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2021 [TC.14.04.08]. ĐU nhà trường cũng đã có Nghị quyết chuyên đề chỉ đạo về công tác chuyên môn, với trọng tâm chỉ đạo việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTDH trong quá trình Chuẩn hóa CTĐT [TC.14.04.09].

Sau khi thông tư 17/2021/TT- BGDDT và thông tư 02/2022/TT- BGDDT được ban hành, tháng 3 năm 2022, nhà trường chính thức ban hành “Quy định về việc xây dựng, thẩm định ban hành và rà soát, đánh giá điều chỉnh CTĐT tại HUP” [TC.14.04.10]. Trong quá trình xây dựng Quy định về việc xây dựng, thẩm định ban hành và rà soát, đánh giá điều chỉnh CTĐT tại HUP, nhà trường đã thực hiện các hoạt động rà soát quy trình thiết kế, đánh giá CTDH. Nhằm xây dựng được một quy trình rà

soát, thiết kế, đánh giá, CTDH hướng tới việc không ngừng nâng cao chất lượng chương trình Dạy – Học, CTĐT nhằm đạt được chuẩn đầu ra và đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan về Chất lượng đào tạo. Nhà trường đã thành lập ban tư vấn tổ soạn thảo, với nhiều phiên làm việc để xây dựng dự thảo của Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát đánh giá, điều chỉnh chương trình. Dự thảo đã được gửi tới tất cả các bên liên quan xin ý kiến đóng góp. Nhà trường đã tổ chức họp tiếp thu ý kiến đóng góp, sửa chữa hoàn thiện và thông qua Hội Đồng Khoa học Đào tạo của nhà trường cho ý kiến trước khi ban hành. Trong quy định gồm 7 chương 14 điều này quy trình xây dựng, thiết kế, thẩm định, ban hành, đánh giá và rà soát, điều chỉnh CTDH đã được nhà trường quy định rõ ràng.

Về hoạt động rà soát chương trình Dạy - học

Trong giai đoạn đánh giá, nhà trường đã định kỳ thực hiện rà soát chương trình Dạy - học thường xuyên hàng năm đối với tất cả các CTDH của các CTĐT. Trong đó, nhà trường thực hiện hai đợt điều chỉnh lớn CTDH vào năm 2018, năm 2020 và năm 2021-2022 (hoạt động chuẩn hóa CTĐT DS được triển khai từ 2021).

Đối với các hoạt động rà soát thường quy, phòng Đào tạo là đầu mối tổ chức triển khai thực hiện hoạt động rà soát chương trình dạy – học. Căn cứ vào các ý kiến phản hồi, yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT về các học phần/môn học trong CTĐT và các yêu cầu thực tiễn, phối hợp với các bộ môn thực hiện hoạt động rà soát CTDH. Theo kết luận trong các Hội Nghị Giao ban đào tạo của Trường, hàng năm, các bộ môn căn cứ ý kiến phản hồi, yêu cầu của các bên liên quan và yêu cầu thực tiễn tổ chức họp rà soát CTCT và có văn bản đề xuất kèm biên bản cuộc họp về việc thay đổi, điều chỉnh nội dung CTCT của các môn học/học phần do bộ môn nộp về phòng Đào tạo trước ngày 30/4 hàng năm. Các nội dung cập nhật, thay đổi, điều chỉnh sẽ được Phòng chức năng tổng hợp báo cáo BGH. Với những môn học/học phần thay đổi, điều chỉnh về thời lượng, tên gọi, kết cấu..) sẽ được đưa ra xin ý kiến thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của nhà trường [TC.14.04.11]. Với những điều chỉnh, thay đổi nhỏ BGH sẽ căn cứ ý kiến tư vấn của các Hội đồng/Ban chuyên môn để xem xét phê duyệt, ban hành trước khi tổ chức giảng dạy [TC.14.04.12].

Đối với đợt điều chỉnh lớn của CTDH vào năm 2018 được thực hiện ngoài việc căn cứ vào các ý kiến phản hồi sau khảo sát, tiếp thu ý kiến khuyến nghị của Đoàn ĐGN, tiếp thu kinh nghiệm, cập nhật xu hướng xây dựng phát triển CTĐT Dạy học được chia sẻ bởi các chuyên gia đến từ các Trường đại học nổi tiếng trên thế giới tại Hội thảo Quốc tế “Đào tạo và hành nghề được – hiện tại và tương lai” do Trường tổ chức từ 13-15/4/2018 để thực hiện rà soát điều chỉnh [TC.14.04.13]. Tại Hội thảo Quốc tế về Đào

tạo và hành nghề Dược đã có tham luận tới từ các Giáo sư của Đại học Công giáo Louvain, Vương quốc Bỉ, Đại học Monash, Australia, Đại học Chulalongkorn, Thái Lan, Đại học Y khoa Đài Bắc, Đài Loan, Đại học KU Leuven, Vương quốc Bỉ và các Trường đại học có đào tạo Dược trong cả nước như Đại học Y Dược TP. HCM, Khoa Dược Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Y Dược - Đại học Huế, Đại học Y Dược Cần Thơ, Đại học Đại Nam. Tại Hội thảo lãnh đạo Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế cũng đã có bài trình bày về tình hình phát triển thị trường dược phẩm Việt Nam, tình hình nhân lực Dược tại Việt Nam, định hướng chỉ đạo trong việc xây dựng phát triển chương trình và tổ chức đào tạo nhân lực Dược

Với các định hướng xây dựng phát triển chương trình và tổ chức đào tạo nhân lực Dược, cũng như các CTĐT Dược tiên tiến của các nước phát triển đã được chia sẻ trong Hội thảo, trong lần rà soát này, Hội Đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường đã thống nhất một số nội dung rà soát, điều chỉnh **[TC.14.04.14]** như sau:

1. Về cơ bản giữ nguyên khung CTĐT Dược sỹ đại học với dung lượng 153TC (chưa tính 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất); thống nhất thay đổi kết cấu 1 tín chỉ khối kiến thức đại cương và tăng 1 tín chỉ khối kiến thức cơ sở ngành, các khối kiến thức khác giữ ổn định.

2. Thống nhất điều chỉnh số giờ quy đổi 1 tín chỉ bằng 15 giờ lý thuyết cho tất cả các học phần, không sử dụng quy đổi theo đơn vị học trình như trước.

3. Bổ sung nội dung “Pháp luật đại cương” vào học phần Pháp chế Dược. Tái cấu trúc một số môn học/học phần, đối với các môn học, học phần có dung lượng nhỏ (1 tín chỉ) hoặc có dung lượng lớn (5 tín chỉ) đảm bảo dung lượng 1 học phần tối ưu từ 2 - 4 tín chỉ **[TC.14.04.14]**.

Việc rà soát, điều chỉnh các CTCT phải đảm bảo cập nhật các nội dung kiến thức, kỹ năng mới tham khảo được từ CTĐT Dược tiên tiến đã được tiếp cận, thu nhận được tại Hội Thảo Quốc tế do nhà trường tổ chức và các kênh khác; nội dung kiến thức, kỹ năng của các học phần không trùng lặp, phải đảm bảo cung cấp đủ, đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần đóng góp vào việc đáp ứng đủ chuẩn đầu ra CTĐT chung. Về học phần Khóa luận TN, tiếp thu ý kiến khuyến nghị của Đoàn ĐGN, từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã thực hiện việc ra Quyết định giao đề tài Khóa luận TN và phân công cán bộ hướng dẫn **[TC.14.04.15]**. Song hành với tái cấu trúc khung chương trình, nhà trường đã thành lập các Hội đồng chuyên môn rà soát nội dung chuyên môn của các CTCT đảm bảo đáp ứng đủ khối lượng, kiến thức kỹ năng theo yêu cầu, tránh trùng lặp giữa các môn học, học phần. Hội đồng rà soát các điều kiện đảm bảo hoạt động đào tạo thực hành cũng đã được nhà trường thành lập vừa rà soát các nội dung, danh mục kỹ năng thực

hành tránh trùng chéo, thiếu hụt vừa rà soát danh mục, khối lượng, số lượng hóa chất vật tư TTB máy móc đáp ứng yêu cầu của các môn học có thực hành. Năm 2018, quy trình xây dựng, rà soát CTDH đã được điều chỉnh thay đổi để phù hợp với thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Nhà trường đã thành lập Hội đồng/ban chuyên môn tổ chức nghiệm thu CTCT cấp Nhà trường giữa các bộ môn có học thuật, chuyên môn chuyên ngành gần để đảm bảo các môn học, học phần của các bộ môn cơ sở ngành cung cấp đủ các kiến thức để sinh viên học tiếp các môn chuyên ngành và tránh trùng lặp kiến thức giữa các môn, đảm bảo tính liên thông và chuyển đổi giữa các cấp học [TC.14.04.16].

Một số thay đổi chính của các phiên bản CTDH sau những lần rà soát, điều chỉnh giai đoạn 2018 - 2021 được minh họa trong các bảng sau:

Bảng 14.4.1. Điều chỉnh khối kiến thức chung CTDH giai đoạn 2018-2021

2017-2018		2018-2019		2020-2021		2021-2022	
Tên HP	TC	Tên HP điều chỉnh	TC	Tên HP điều chỉnh	TC	Tên HP điều chỉnh	TC
Dược xã hội học (ĐH QLKTD)	2	Tâm lý, đạo đức và vấn đề dược xã hội học	2 (-2)	Dược xã hội học	2		
Truyền thông và GDSK	1						
Tâm lý và đạo đức y dược	1						
Vật lý đại cương 1	3		2 (-1)				
Vật lý đại cương 2	1		2 (+1)				
Vĩ sinh	3	Vĩ sinh - Ký sinh trùng 1	2				
Ký sinh trùng	1	Vĩ sinh - Ký sinh trùng 2	2				
Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	5	Kỹ thuật sản xuất DP 1	3				
		Kỹ thuật sản xuất DP 2	2				
Dịch tễ dược cơ bản	1		2 (+1)			Dịch tễ dược cơ bản (ĐH QLKTD)	2
Pháp chế dược	2	Pháp luật đại cương và các quy định trong ngành dược	2			Pháp luật đại cương	2
						Pháp chế dược	2
Quản lý và kinh tế dược	3	Quản lý học đại cương	2 (-1)				

Bảng 14.4.2. Điều chỉnh của định hướng Công nghiệp Dược và ĐBCL giai đoạn 2018-2021

Định hướng	2017-2018		2018-2019		2020-2021		2021-2022	
	Tên HP	TC	Tên HP điều chỉnh	TC	Tên HP đc	TC	Tên HP đc	TC
CND	Mỹ phẩm	1		2 (+1)				
CND	Viên đặc biệt	1	Chuyển sang CĐTTC	0 (-1)				
CND	Bảo chế công nghiệp	5	Bào chế công nghiệp 1	2				
			Bào chế công nghiệp 2	3				
CND	Công nghệ vi sinh trong sản xuất dược phẩm	4	Công nghệ vi sinh trong sản xuất dược phẩm	3 (-1)				
CND + ĐBCLT	Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP)	1	Thực hành tốt trong sản xuất dược phẩm (GMP+GLP)	2	CND +1			
ĐBCLT	Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)	1			ĐBCLT + 0			
ĐBCLT	Phương pháp nghiên cứu độ ổn định của thuốc	1	Chuyển sang CĐTTC	0 (-1)				
ĐBCLT	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích	1		2 (+1)				

Bảng 14.4.3. Điều chỉnh định hướng DLS VÀ QLKTD giai đoạn 2018-2021

Định hướng	2017-2018		2018-2019		2020-2021		2021-2022	
	Tên HP	TC	Tên HP điều chỉnh	TC	Tên HP đc	TC	Tên HP đc	TC
DLS	Phân tích ca lâm sàng	2						
DLS	Thực hành Bệnh viện	1	Thực hành Dược lâm sàng trong bệnh viện	3				
DLS	Phương pháp đánh giá SD thuốc	1	Chuyển sang CĐTCT	0 (-1)				
DLS	Sử dụng thuốc trong điều trị	5		4 (-1)				
DLS	Bệnh gây ra do thuốc	1						
DLS	Bệnh học 2	1	Bệnh học - Bệnh gây ra do thuốc	2				
DLS	Dược lý 3 - Dược lý lâm sàng	2	Dược lý lâm sàng	3 (+1)				
DLS	Hóa sinh lâm sàng	1		2 (+1)				
DLS + QLKTD	Thông tin thuốc	1						
DLS + QLKTD	Tư vấn sử dụng thuốc	1	Tư vấn sử dụng thuốc	2				
DLS	CĐTCT định hướng DLS	5		4 (-1)				
QLKTD	Dịch tễ được trong NCCĐ	3		2 (-1)				
QLKTD	Dược cộng đồng	1						
DLS + QLKTD	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nhà thuốc tốt	1	Dược cộng đồng	2	QLKTD +0			
					DLS +1			
QLKTD			Kinh tế được	3 (+3)				
QLKTD	Quản lý cung ứng thuốc	2		3 (+1)				
QLKTD	Quản trị doanh nghiệp dược	3		2 (-1)			Chuyển sang CĐTCT	0 (-2)

Bảng 14.4.4. Điều chỉnh định hướng DL VÀ DHCT giai đoạn 2018-2021

Định hướng	2017-2018		2018-2019		2020-2021		2021-2022	
	Tên HP	TC	Tên HP điều chỉnh	TC	Tên HP đc	TC	Tên HP đc	TC
DL-DCT	Bào chế đồng dược	1	Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc từ dược liệu	2 (+1)				
DL-DCT	Bệnh học y học cổ truyền	1	Chuyển sang CĐTCT	0 (-1)				
DL-DCT	Dược lý dược cổ truyền	1		2 (+1)				
DL-DCT	Đại cương về NC&PT sản phẩm từ thảo dược	1	Chuyển sang CĐTCT	0 (-1)				
DL-DCT	Thực vật dân tộc học ứng dụng	1		2 (+1)				
DL-DCT	CĐTCT định hướng DL-DCT	5		4 (-1)				

Tăng TC
 Giảm TC
 Chuyển khối kiến thức

Năm 2021, ngay sau có Quyết định số 4018/QĐ-BYT ngày 18/9/2020 của Bộ Y tế giao nhiệm vụ cho Trường xây dựng Chuẩn CTĐT Dược sỹ nhà trường đã đưa nhiệm vụ triển khai hoạt động xây dựng Chuẩn hóa CTĐT vào danh mục 10 nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2021. Bám sát hướng dẫn của thông tư 17/2021/TT-BGDĐT nhà trường đã triển khai rà soát chuẩn hóa các CTĐT của nhà trường đáp ứng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, đồng thời, triển khai xây dựng Chuẩn CTĐT Dược sỹ. Kết quả rà soát chuẩn hóa các CTĐT của nhà trường cho thấy, các CTĐT của Trường đều đáp ứng tốt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

Nhà trường đã tổ chức hai Hội thảo trong nước và quốc tế để xin ý kiến của các bên liên quan về dự thảo chuẩn CTĐT Dược sỹ tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm của các

Trường đại học có đào tạo Dược sỹ nổi tiếng trên thế giới về đổi mới CTĐT ngành Dược bậc đại học tham dự Hội thảo:

Hội thảo trong nước “*Xây dựng chuẩn CTĐT được đáp ứng chuẩn năng lực DS việt nam*” ngày 29/3/2022 đã đón nhận gần 400 lượt đại biểu của 23 trường đại học có đào tạo Dược sỹ trong nước [TC.14.04.17].

Hội thảo quốc tế “Innovation to transform pharmacy higher education program” (Đổi mới CTĐT ngành Dược bậc đại học) hai ngày 30-31/3/2022 đã nhận được sự chia sẻ về Chương trình đào tạo Dược sỹ và kinh nghiệm, xu hướng phát triển, đổi mới Chương trình đào tạo Dược sỹ của các Trường đại học có đào tạo Dược sỹ nổi tiếng trên thế giới tham dự Hội thảo. Về phía Việt Nam, các đại biểu tham dự Hội thảo gồm có đại diện lãnh đạo Bộ Y tế, đại diện lãnh đạo, giảng viên của HUP, các trường đại học Dược của Việt Nam, một số cơ sở đào tạo thực hành của HUP (Bệnh viện, Viện nghiên cứu, Công ty dược và nhà thuốc).

Kết quả khảo sát tại Hội thảo [TC.14.04.18] cho thấy dự thảo chuẩn CTĐT Dược sỹ do HUP xây dựng nhận được đánh giá ở mức rất tốt. Đây cũng là một minh chứng cho thấy hoạt động rà soát CTDH tại HUP đã được thực hiện một cách bài bản, chuyên nghiệp, nghiêm túc và đúng theo các quy định hiện hành.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và CTDH được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Quy trình thiết kế, đánh giá CTĐT của HUP đã được cập nhật để đảm bảo sự cập nhật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn cũng như đáp ứng yêu cầu của người học, của các bên liên quan thu nhận được trong quá trình khảo sát ý kiến phản hồi về CTĐT của nhà trường. Trước khi có thông tư 17/2021/TT-Bộ GD&ĐT của Bộ GD&ĐT Quy trình thiết kế, đánh giá CTĐT của Trường được thực hiện dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục&Đào tạo và các quy định hiện hành khác [TC.14.05.01].

Trong giai đoạn 2017 – 2021 và năm 2022, Quy chế Tổ chức hoạt động của HUP đã có một lần thay đổi vào tháng 4/2020, căn cứ vào các thông tư, quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, nhà trường đã rà soát, cập nhật, xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, (năm 2017, sửa đổi năm 2020 và năm 2021) [TC.14.05.02], Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sỹ năm 2014, 2021 [TC.14.05.03], Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của HUP năm 2017, 2021 [TC.14.05.04]. Căn cứ thông tư 17/2021/TT-Bộ GD&ĐT của Bộ GD&ĐT, quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. “Quy định về việc xây dựng, thẩm định ban hành và rà soát, đánh giá điều chỉnh

CTĐT tại HUP” **[TC.14.05.05]**. Quy định Xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT của HUP đã quy định rõ các bước thực hiện của quy trình thiết kế, đánh giá CTĐT.

Trong giai đoạn đánh giá, từ năm 2017 – 2021, Trường ĐH Dược Hà Nội đã xây dựng mới được 04 CTĐT trình độ đại học mới bao gồm: chương trình cử nhân Hóa Dược, cử nhân Hóa học, cử nhân Công nghệ Sinh học và chương trình chất lượng cao ngành Dược học. Trường đã thường xuyên thực hiện rà soát CTĐT của các hệ/bậc, trong đó, Trường thực hiện rà soát lớn CTĐT Dược sỹ hai lần vào năm 2018 và 2021 – 2022 **[TC.14.05.01], [TC.14.05.06]**].

Năm 2019, Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ Việt Nam đã được ban hành bi Quyết định số 4815/QĐ-BYT ngày 15/10/2019 của Bộ Trưởng Bộ Y tế. Các cơ sở đào tạo có căn cứ hướng tới việc đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp, nhu cầu xã hội. Người học có cơ sở để phấn đấu hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu công việc. Các đơn vị sử dụng nhân lực dược có căn cứ đánh giá, kiểm soát, xây dựng đội ngũ nhân lực cũng như xây dựng cơ cấu, chế độ lương thưởng phù hợp. Các nhà quản lý, người sử dụng lao động cần phải có bộ công cụ để kiểm soát, đánh giá, chuẩn hóa chất lượng nguồn nhân lực. Tạo điều kiện hội nhập thị trường lao động nhân lực dược của các nước trong khu vực và trên thế giới. Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ Việt Nam bao gồm 07 lĩnh vực: lĩnh vực 1. hành nghề chuyên nghiệp và có đạo đức, lĩnh vực 2. năng lực giao tiếp - cộng tác, lĩnh vực 3. tổ chức và quản lý, lĩnh vực 4. ĐBCL thuốc, nguyên liệu làm thuốc, lĩnh vực 5. bào chế, sản xuất thuốc và nguyên liệu làm thuốc, lĩnh vực 6. cung ứng thuốc, lĩnh vực 7. sử dụng thuốc hợp lý **[TC.14.05.01]**.

Là đơn vị được Bộ Y tế tin tưởng giao nhiệm vụ là đầu mối xây dựng Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ VN, năm 2020, HUP lại tiếp tục được giao trọng trách xây dựng Chuẩn CTĐT Dược sỹ.

Để chuẩn bị quá trình rà soát, cập nhật và chuẩn hóa CTĐT Dược sỹ của trường, năm 2021 nhà trường đã thực hiện việc rà soát Chuẩn đầu ra của CTĐT Dược sỹ dựa trên ý kiến đóng góp của các bên liên quan, các yêu cầu của thực tiễn và dựa trên mức độ đáp ứng của Chuẩn đầu ra của CTĐT Dược sỹ của trường với 07 lĩnh vực năng lực theo Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ VN. Chuẩn đầu ra của CTĐT Dược sỹ của HUP rà soát theo đúng quy trình quy định trong hướng dẫn số 2196/BG&ĐT-GDDH của Bộ GD&ĐT và đã được ban hành vào tháng 11/2021. Trên cơ sở đó, nhà trường cũng đồng thời, thực hiện đánh giá mức độ đáp ứng của CTĐT của trường với Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ Việt Nam do Bộ Y tế ban hành về Kiến thức, danh mục kỹ năng cốt lõi, cơ bản cần có của Dược sỹ. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tư vấn và ban thư ký xây dựng danh mục kỹ năng cốt lõi, cơ bản cần có của Dược sỹ theo Chuẩn

năng lực cơ bản của Dược sỹ Việt Nam, để xây dựng danh mục kỹ năng cốt lõi, cơ bản cần đạt được của sinh viên Dược sau khi ra trường. Phân tích ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT Dược sỹ của HUP cho thấy **[TC.14.05.07]**:

- CTĐT, các tiêu chí đánh giá về khả năng trang bị khối kiến thức chuyên ngành giúp người học có kỹ năng chuyên môn cơ bản được đánh giá cao, Khả năng trang bị các kỹ năng mềm của CTĐT và tính đáp ứng yêu cầu thực tế của CTĐT với môi trường xã hội hiện tại được đánh giá mức thấp hơn (phản hồi của nhà sử dụng lao động);

- Kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và kiến thức chuyên môn nhà trường cung cấp đáp ứng tốt so với nhu cầu thực tế công việc. Kiến thức quản lý điều hành và kiến thức chung về văn hóa- xã hội mới chỉ đáp ứng ở mức TB, các kỹ năng thuyết trình, ra quyết định và giao tiếp, các năng lực tổ chức - quản lý, năng lực ngoại ngữ đáp ứng ở mức trên TB. Khối kiến thức đại cương cần giảm tải (sinh viên sau khi TN);

Với những ý kiến phản hồi này, nhà trường cũng đã nghiêm túc tiếp thu trong các Hội nghị gặp mặt nhà tuyển dụng, Hội nghị giao ban, các Hội nghị, Hội thảo, cuộc họp về rà soát CTĐT và thống nhất cần tăng cường thêm các nội dung thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành, tăng cường thêm trải nghiệm nghề nghiệp, quan tâm việc truyền cảm hứng cho người học về nghề nghiệp tương lai. Rà soát nội dung của các môn học, học phần cập nhật các nội dung có tính ứng dụng nghề nghiệp cao **[TC14.05.08]**.

Năm 2018, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT về việc Ban hành Chương trình Giáo dục trình độ Phổ thông áp dụng từ năm học 2022 – 2023 cho thấy, khối kiến thức đại cương của chương trình phổ thông trung học được quy định theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT trùng lặp khá nhiều với khối kiến thức đại cương được quy định trong chương trình khung đào tạo Dược sỹ được ban hành bởi thông tư 01/2012/TT-BGDĐT. Đồng thời, năm 2020, Bộ GD&ĐT đã ban hành thông tư 30/2020/TT-BGDĐT về việc xóa bỏ hiệu lực một số văn bản pháp lý, theo đó, thông tư 01/2012/TT-BGDĐT quy định về chương trình khung một số ngành đào tạo (trong đó có CTĐT Dược sỹ) cũng đã bị bãi bỏ. Vì vậy, việc rà soát, giảm tải khối kiến thức đại cương của CTĐT Dược sỹ là một yêu cầu cấp thiết **[TC.14.05.01], [TC.14.05.09]**.

Qua ý kiến của nhà sử dụng lao động, của SVTN, các cơ sở y tế, hoạt động cập nhật CTĐT Dược sỹ của Trường còn dựa trên yêu cầu mới xuất hiện của thực tiễn hành nghề Dược: các kiến thức kỹ năng liên quan tới đầu thầu thuốc, tới sản xuất, bảo quản, cung ứng, ĐBCL...đối với các dược chất, hóa chất chuẩn đoán có nguồn gốc phóng xạ, các thuốc có nguồn gốc sinh học, các thuốc điều trị ứng phó với tình hình dịch bệnh có nhiều diễn biến mới trên thế giới....

Hoạt động cập nhật CTĐT Dược sỹ và các CTĐT khác của Trường còn dựa trên yêu cầu mới mới bởi văn bản pháp lý mới ban hành;

Quan trọng nhất là CTĐT được đối sánh với các CTĐT Dược sỹ của các Trường đại học có đào tạo Dược hàng đầu trong nước và Trường đại học có đào tạo Dược ngoài nước **[TC.14.05.10]**.

Đối với CTĐT Dược trong nước, thực hiện đối sánh với Trường đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Chương trình của hai trường tuy có chênh lệch về khối lượng tín chỉ, nhưng có sự tương đồng cao về các khối kiến thức, về danh mục các môn học/học phần, có sự tương đồng về kiến thức, kỹ năng của các môn học/học phần. Tuy nhiên, CTĐT Dược sỹ của Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có hai định hướng chuyên ngành là Công nghiệp dược và Chăm sóc dược. Trong khi CTĐT Dược sỹ của HUP được thiết kế có 5 định hướng chuyên ngành.

Đối với CTĐT Dược tiên tiến trên thế giới, đã thực hiện đối sánh với Đại học Mahidol, Thái lan và Đại học Sydney, Australia **[TC.14.05.11]**. Trong quá trình xây dựng Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ Việt Nam, quá trình nghiên cứu đối sánh cho thấy, Việt Nam và Thái lan có nhiều điểm tương đồng về kinh tế, văn hóa xã hội, yếu tố địa chính trị, về đặc điểm phát triển thị trường Dược phẩm và có rất nhiều nét tương đồng với thực tiễn hành nghề Dược. CTĐT Dược sỹ của Thái Lan được phê duyệt bởi Hiệp Hội Dược học quốc gia Thái Lan. Chính vì vậy, Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ Thái lan và CTĐT Dược sỹ của Thái Lan cũng đã được nhà trường thực hiện đối sánh.

Trong khuôn khổ hợp tác giữa đại học Sydney và HUP về đào tạo và NCKH. Hai trường đã cùng tiến hành đối sánh CTĐT Dược sỹ để có căn cứ cho các hoạt động hợp tác tiếp theo **[TC.14.05.12]**. Về cơ bản, kết quả đối sánh CTĐT với hai trường đại học Đại học Mahidol, Thái lan và Đại học Sydney, Australia cho thấy có sự tương đồng cao trong nguyên lý thiết kế chương trình, danh mục các môn học, học phần, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức kỹ năng, phương thức lượng giá đánh giá, được mô tả trong nội dung CTCT. Tuy nhiên, một điểm yếu nổi bật do có sự chênh lệch khối lượng kiến thức của một số môn học bắt buộc theo quy định trong CTĐT Dược sỹ của HUP (khoảng 23-30TC). Điều này dẫn tới sự chênh lệch khá lớn dung lượng khối kiến thức chuyên ngành, cũng như chênh lệch về thời lượng của hoạt động thực hành tiên hành nghề của sinh viên Dược, trước khi tham dự thi chứng chỉ hành nghề như ở Thái lan và Astralia.

Dựa trên quá trình rà soát Chuẩn đầu ra của CTĐT Dược sỹ, khối kiến thức, danh mục kỹ năng cốt lõi cần có của sinh viên Dược sau khi ra trường đã được xác định, căn cứ Khung trình độ quốc gia Việt Nam được ban hành bởiw quyết định 1982/QĐ-

CP, các kết quả phân tích ý kiến phản hồi của các bên liên quan, kết quả đối sánh CTĐT với các trường có đào tạo Dược trong nước và quốc tế, HUP đã tiến hành rà soát, chuẩn hóa CTĐT Dược sỹ dựa trên nguyên tắc chung:

- CTĐT Dược sỹ đạt trình độ tương đương bậc 7 (theo điều 14, nghị định 99/2019/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ); Thời gian đào tạo: 5 năm học; Khối lượng kiến thức: số lượng tín chỉ cần tích lũy tối thiểu sau 5 năm là 156TC; Trừ khối kiến thức giáo dục đại cương với các học phần bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì các khối kiến thức còn lại đảm bảo có cả kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn.

- Tỷ trọng của các khối kiến thức được phân bổ:

- + Giảm tải khối Kiến thức giáo dục đại cương (không tính nội dung giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng) chiếm không quá 25%.

- + Tăng cường khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm 70%. Khối lượng học phần tự chọn chiếm khoảng 20%, trong đó, tùy thuộc vào thực tiễn của các CSGD có thể điều chỉnh tỷ lệ tự chọn của cơ sở ngành, chuyên ngành ở tỷ trọng phù hợp. Tỷ trọng thực hành của mỗi môn học/học phần chiếm tối đa 30% đảm bảo đáp ứng đủ các kỹ năng cốt lõi theo Chuẩn đầu ra của CTĐT Dược sỹ phải ĐẠT ĐƯỢC của SV sau khi ra trường, tương thích với các kỹ năng cốt lõi CẦN CÓ của Dược sỹ theo Chuẩn cơ bản năng lực Dược sỹ Việt Nam.

- Chương trình được thiết kế có môn học Nhập môn Dược khoa là môn học có nội dung thực hành là chính, là môn học truyền cảm hứng, giúp sinh viên bước đầu có những khái niệm về nghề nghiệp, làm quen với thao tác thí nghiệm cơ bản trong thực hành của Nhà trường nên cần tỷ lệ giờ thực hành lớn.

- Tăng thời lượng thực hành trải nghiệm nghề nghiệp

- Các nội dung của các môn học/học phần được cập nhật, tăng cường bổ sung các kiến thức ứng dụng chuyên ngành.

Nhà trường đã tổ chức hai Hội thảo trong nước và quốc tế để xin ý kiến của các bên liên quan về dự thảo chuẩn CTĐT Dược sỹ tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm của các Trường đại học có đào tạo Dược sỹ nổi tiếng trên thế giới về đổi mới CTĐT ngành Dược bậc đại học tham dự Hội thảo.

Hội thảo trong nước “*Xây dựng chuẩn CTĐT dược đáp ứng chuẩn năng lực DS việt nam*” ngày 29/3/2022 đã đón nhận gần 400 lượt đại biểu của 23 trường đại học có đào tạo Dược sỹ trong nước.

Hội thảo quốc tế “Innovation to transform pharmacy higher education program” (Đổi mới CTĐT ngành Dược bậc đại học) hai ngày 30-31/3/2022 đã nhận được sự chia sẻ về Chương trình đào tạo Dược sỹ và kinh nghiệm, xu hướng phát triển, đổi mới

Chương trình đào tạo Dược sỹ của các Trường đại học có đào tạo Dược sỹ nổi tiếng trên thế giới tham dự Hội thảo. Về phía Việt Nam, các đại biểu tham dự Hội thảo gồm có đại diện lãnh đạo Bộ Y tế, đại diện lãnh đạo, giảng viên của HUP, các trường đại học Dược của Việt Nam, một số cơ sở đào tạo thực hành của HUP (Bệnh viện, Viện nghiên cứu, Công ty dược và nhà thuốc).

Kết quả khảo sát tại Hội thảo cho thấy dự thảo chuẩn CTĐT Dược sỹ do HUP xây dựng nhận được đánh giá ở mức rất tốt. Cụ thể:

Kết quả khảo sát chuẩn CTĐT ngành Dược cho thấy: thời gian đào tạo DS 5 năm với khối lượng học tập tối thiểu 152 – 156 tín chỉ (*chưa bao gồm 8 tính chỉ GDQP, AN và 03 tín chỉ học phần giáo dục thể chất*), trọng khối kiến thức giáo dục đại cương nhỏ hơn 25% (*chưa bao gồm học phần giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất*) và tỷ trọng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm ít nhất 70% là khả thi và phù hợp. Cũng có một số ý kiến cho rằng nên tăng số tín chỉ dành cho khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và tăng thêm phần tiếp cận thực tế tại các đơn vị thực hành nghề nghiệp và tăng tỷ trọng thực hành của khối giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần thuộc khối kiến thức CS khối ngành và CS ngành đều được đánh giá là rất cần thiết và cần thiết. Kết quả đánh giá chung về chuẩn CTĐT ở mức Rất tốt với mean = 4,24, trong đó có 50,0% người tham gia trả lời khảo sát đánh giá Tốt và 33,0% người tham gia trả lời khảo sát đánh giá Rất tốt.

Qua phân tích trên đây, có thể thấy trong giai đoạn đánh giá HUP đã xây dựng và ban hành Quy trình thiết kế, đánh giá CTDH được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. CTDH của nhà trường cũng đã được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đã thiết lập được hệ thống cơ cấu, có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân trong việc xây dựng, giám sát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CDR, CTĐT/CTDH, đề cương môn học/học phần.

- Nhà trường có quy định, quy trình thiết kế và rà soát, điều chỉnh CTDH và thực hiện việc rà soát quy trình thiết kế, rà soát, điều chỉnh Chuẩn đầu ra CTĐT, rà soát điều chỉnh CTDH, đề cương môn học/học phần thường xuyên, kịp thời và cập nhật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như quy định của Trường.

- Công tác rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, điều chỉnh CTĐT luôn dựa trên ý kiến phản hồi của người học, người sử dụng lao động, các chuyên gia và các bên liên quan và được thực hiện kịp thời, phù hợp với nhu cầu các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc số hóa, lưu trữ, tổng hợp một cách đồng bộ dữ liệu và khai thác dữ liệu ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT một cách có hệ thống chưa được thực hiện tốt.

- Một số cán bộ, giảng viên chưa nắm rõ quy định, quy trình tổ chức xây dựng mới, điều chỉnh CTĐT;

- Do việc rà soát, điều chỉnh CTĐT cần đầu tư rất nhiều thời gian và công sức nên việc phân bổ quỹ thời gian cho các hoạt động giảng dạy, NCKH, phục vụ kết nối cộng đồng gặp rất nhiều khó khăn, việc thay đổi điều chỉnh chương trình sau rà soát cũng ít nhiều có ảnh hưởng nhất định tới công tác quản lý, tổ chức đào tạo cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của người học.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường việc số hóa, lưu trữ, tổng hợp một cách đồng bộ dữ liệu và khai thác dữ liệu ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT một cách có hệ thống chưa được thực hiện tốt	P.ĐBCL&KT phối hợp với P.QLĐT	2022-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các quy chế, quy định của cấp trên và của Trường về công tác	P.TC-HC phối hợp với P.ĐBCL&KT, P.QLĐT, các bộ môn	2022-2025	

		xây dựng, phát triển chương trình			
3	Khắc phục tồn tại 3	Có kế hoạch phân công thiết kế và rà soát, điều chỉnh CTDH một cách khoa học hợp lý. Đẩy mạnh tuyên truyền, trao đổi đối thoại để người học nắm rõ về các thay đổi điều chỉnh.	Phòng QLĐT (chủ trì) Các Khoa phối hợp P.CTHVSV-Y tế	2022-2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định chương trình, đề cương học phần, chuẩn đầu ra	Phòng QLĐT (chủ trì) Các đơn vị phối hợp	2022-2025	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường giám sát quá trình tổ chức đào tạo theo chuẩn đầu ra	Phòng QLĐT, P,ĐBCL&KT và các đơn vị phối hợp		
6	Phát huy điểm mạnh 3	Đẩy mạnh rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, CTDH phù hợp với nhu cầu các bên liên quan	Phòng QLĐT (chủ trì) Các đơn vị phối hợp	2022-2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 14	
Tiêu chí 14.1	6
Tiêu chí 14.2	6
Tiêu chí 14.3	6
Tiêu chí 14.4	6
Tiêu chí 14.5	6

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CDR

Trong “Chiến lược phát triển HUP tới năm 2030 tầm nhìn 2045” ban hành bởi Nghị quyết số 01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020 của HĐT, trước bối cảnh là một năm bản lề đầu tiên triển khai đồng bộ Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Chiến lược, Kế hoạch phát triển của đất nước, của các Bộ, Ngành và địa phương, nhà trường đã rà soát và điều chỉnh tuyên bố về Sứ mạng, Tầm nhìn. Sứ mạng của Đại học Dược Hà nội được xác định là “*Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế; Tạo ra các công trình nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực dược được ứng dụng trong thực tiễn, tạo ra giá trị cho xã hội; Là trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp, hàng đầu để hỗ trợ phát triển thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, sản phẩm thảo dược đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và quốc gia; Là trung tâm ĐMST trong lĩnh vực Dược, nuôi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam*” [TC.15.01.01]. Cũng trong lần rà soát, sửa đổi này Triết lý giáo dục đã thấm nhuần trong tư tưởng, lời nói, hành động của các thể hệ CBVC, người học tạo nên dấu ấn sâu đậm về chất lượng đào tạo, uy tín, danh tiếng của nhà trường cũng đã được chính thức công bố bằng văn bản. Triết lý giáo dục của Trường đã được công bố là “*Đào tạo, nghiên cứu có chất lượng gắn liền với thực tiễn, lấy sáng tạo và PVCD làm định hướng hành động*” [TC.15.01.02]. Triết lý đã được công bố hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục của nhà trường đó là giáo dục một cách toàn diện để người dược sỹ, người học sau khi ra trường vững vàng về kiến thức chuyên môn, có kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc thực tiễn, có phẩm chất đạo đức và hành nghề đúng theo quy định pháp luật với thái độ chuyên nghiệp, tận tình, có tinh thần khởi nghiệp, có năng lực hội nhập để tham gia đa dạng các hoạt động nghề nghiệp, môi trường lao động.

Để đạt được mục tiêu phát triển nhà trường thành “trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp, hàng đầu để hỗ trợ phát triển thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, sản phẩm thảo dược đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và quốc gia; là trung tâm ĐMST trong lĩnh vực Dược, nuôi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam” cũng như đạt được Triết lý giáo dục và Chuẩn đầu ra của CTĐT, Phòng Đào tạo và Phòng SDH, phòng ĐBCL&khảo thí tham mưu cho BGH xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, quy

trình liên quan đến hoạt động dạy và học học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra **[TC.15.01.03], [TC.15.01.04], [TC.15.01.05], [TC.15.01.06]**.

Quá trình xác định và xây dựng chuẩn đầu ra khi xây dựng mới hoặc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT đều được tiến hành trên cơ sở bám sát Triết lý giáo dục của Nhà trường. Căn cứ vào các thông tư, quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, nhà trường đã rà soát, cập nhật, xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, (năm 2017, sửa đổi năm 2018 và năm 2021), Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ năm 2014, 2021 **[TC.15.01.07]** Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của HUP năm 2017, 2021 **[TC.15.01.08]**. Nhà trường cũng đã thực hiện nghiêm túc quy trình rà soát, cập nhật, xây dựng Chuẩn đầu ra và có Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra của các CTĐT của các hệ, bậc, ngành đào tạo theo đúng quy định 10 bước xây dựng và công bố chuẩn đầu ra hướng dẫn trong công văn 2196/BGDĐT-GD&DH ngày 22 tháng 4 năm 2010 và các hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra liên quan khác trong các thông tư hướng về xây dựng phát triển chương trình **[TC.15.01.03], [TC.15.01.04]**. Nhà trường hiện có 05 CTĐT bậc đại học cho 4 ngành : Dược học đại trà, Dược học chất lượng cao, Cử nhân Hóa dược, cử nhân Công nghệ sinh học và cử nhân Hóa học. Ở bậc đào tạo SĐH, Trường có 17 CTĐT bao gồm 6 CTĐT thạc sĩ, 7 CTĐT tiến sĩ, 2 CTĐT CK1, 2 CTĐT CK2. Hiện nay nhà trường đang xây dựng CTĐT Thạc sĩ Hóa Dược **[TC.15.01.09]**.

Trong quá trình rà soát, cập nhật và xây dựng CTĐT nhà trường luôn quan tâm tới việc lồng ghép nhằm hiện thực hóa sứ mạng, mục tiêu đào tạo, triết lý giáo dục của nhà trường vào các hoạt động xây dựng chương trình từ việc xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng CTĐT, cho tới việc xây dựng khung chương trình, CTCT với nội dung – kết cấu, cách thức tổ chức giảng dạy – học tập, cách thức lượng giá đánh giá người học, các điều kiện đảm bảo về Đội ngũ, CSVC để ĐBCL CTĐT....nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. Trong các hoạt động giao ban toàn trường, giao ban đào tạo, Hội nghị về công tác ĐBCL..và các kênh thông tin khác nhau nhà trường đã quán triệt tinh thần tới các bộ môn, phòng chức năng về việc lồng ghép, hiện thực hóa triết lý giáo dục trong việc xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung dạy – học cần thiết, lựa chọn phương pháp dạy - học, phương pháp lượng giá đánh giá phù hợp của các học phần mà từng bộ môn được phân công đảm nhiệm, hướng tới sự đóng góp thiết thực, đầy đủ các kiến thức, kỹ năng của từng học phần vào Chuẩn đầu ra chung của từng CTĐT. Các CTĐT của các hệ bậc đều được xây dựng đúng theo quy định và đều được xây dựng trên cơ sở đáp ứng được ma trận CĐR và CTĐT, từ CĐR của CTĐT, ma trận tương thích, đáp ứng của CHT – CĐR của học phần – CĐR của CTĐT **[TC.15.01.10], [TC.15.01.11]**.

Hoạt động đào tạo khối ngành sức khỏe là một hoạt động đặc thù vì có những ảnh hưởng trực tiếp tới tính mạng con người, sức khỏe nhân dân và ảnh hưởng tới công tác an sinh xã hội. Chính vì vậy, Nhà trường rất quan tâm bồi dưỡng tập huấn về Nguyên lý chung về Xây dựng và Phát triển Chương trình, Xây dựng phát triển CTĐT dựa trên Chuẩn đầu ra, phương pháp thiết kế các hoạt động Day – học, phương pháp thiết kế các hoạt động lượng giá, đánh giá người học [TC.15.01.12]. Trong giai đoạn đánh giá, nhà trường với tư cách là một trường hàng đầu về đào tạo và NCHK Dược đã tổ chức nhiều Hội Thảo Quốc tế về Đào tạo và thực tiễn hành nghề Dược (tháng 4/2018, tháng 10/2020, tháng 3/2022) và chuỗi các Hội thảo tập huấn với sự chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng phát triển chương trình, kinh nghiệm thiết kế các hoạt động Day - học, đặc biệt là các môn học liên quan tới chuyên khoa sâu đặc thù như DLS (Hội thảo tháng 4, chuỗi hoạt động 4-8/2018), Dược Cộng đồng (4, 12/2018), ĐBCL thuốc từ Dược liệu (với GIZ và Thái Lan năm 2018 - 2019), Công nghệ sinh học (12/2019), Kinh tế y tế (Vụ Bảo hiểm - Bộ Y tế, các chuyên gia hàng đầu thế giới về kinh tế y tế và các hãng dược phẩm quốc tế 2021). Nhà trường cũng đã Tổ chức Tọa Đàm, Hội nghị về công tác ĐBCL để chia sẻ kinh nghiệm hay về việc xây dựng chuẩn đầu ra của các học phần, thiết kế nội dung Day – học, lựa chọn phương pháp dạy học, phương pháp lượng giá đánh giá của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của CTĐT. Vì vậy, CBGV nhà trường có kiến thức cơ bản và có khả năng vận dụng các phương pháp thiết kế các hoạt động Day – học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CĐR.

Các hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo hướng dẫn và trên cơ sở CĐR của CTĐT và CĐR của mỗi học phần. Các Bộ môn xây dựng đề cương chi tiết các học phần trong đó yêu cầu các hoạt động dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế phải đảm bảo tương thích để đạt chuẩn đầu ra của CTĐT thông qua việc thiết lập ma trận tương quan giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT [TC.15.01.04], [TC.15.01.07], [TC.15.01.10], [TC.15.01.11]. Nhà trường tiến hành đánh giá, nghiệm thu chéo giữa các Bộ môn chuyên ngành gần để đảm bảo tính logic và tránh trùng lặp giữa các môn học [TC.15.01.13], [TC.15.01.14]. Quá trình triển khai các hoạt động dạy và học, các Giảng viên trực tiếp giảng dạy cũng đồng thời thực hiện các phương pháp đánh giá mức độ tích lũy chuẩn đầu ra của người học, qua đó, tự đánh giá sự phù hợp của nội dung và phương pháp dạy và học đang áp dụng để tự điều chỉnh các hoạt động dạy và học chi tiết của từng buổi học hoặc đề xuất các điều chỉnh cần thiết về nội dung và phương pháp dạy và học trong đề cương chi tiết môn học [TC.15.01.05], [TC.15.01.06], [TC.15.01.10], [TC.15.01.11]. Hàng năm, nhà trường ban hành hướng dẫn, thông báo về định kỳ đánh giá CTCT [TC.15.01.03],

[TC.15.01.14], các bộ môn rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT, trong đó có điều chỉnh, cập nhật hoạt động dạy và học. Phòng Đào tạo đại học và SDH tập hợp các biên bản họp đánh giá của các bộ môn, tổng hợp minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi (nếu có), cập nhật chuẩn đầu ra và CTĐT và báo cáo Hội đồng khoa học đào tạo để đánh giá và thông qua **[TC.15.01.13], [TC.15.01.14]**. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chuẩn đầu ra và CTĐT, CTCT học phần sửa đổi, bổ sung trong đó thể hiện rõ các hoạt động dạy và học **[TC.15.01.05], [TC.15.01.06], [TC.15.01.10], [TC.15.01.11]**.

Trong học kỳ II năm học 2019-2020, năm học 2020-2021 và kỳ I năm học 2021-2022, ứng phó với tình hình dịch COVID-19, bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, từ thực tế của trường và người học, nhà trường đã linh hoạt điều chỉnh các hình thức dạy học, áp dụng mềm dẻo phương thức kết thúc năm học 2020-2021, xây dựng phương án bảo đảm chương trình, nội dung dạy học, bảo đảm chất lượng đào tạo cho sinh viên. Với các học phần lý thuyết, nhà trường tổ chức hình thức dạy học trực tuyến. Với các nội dung thực hành, khóa luận TN, nhà trường kết hợp đồng thời tổ chức dạy trực tiếp và trực tuyến (tổ chức thực hành vào cuối kỳ học, sau khi đã hoàn thành nội dung học lý thuyết, đảm bảo sinh viên hoàn thành đủ kỹ năng cần có của CTĐT). Cụ thể, tháng 2 năm 2020 khi Dịch bệnh covid -19 bắt đầu xuất hiện, ngay khi có chỉ đạo của Ban chỉ đạo chống dịch các cấp, Ban chỉ đạo chống dịch của Trường đã có chỉ đạo về việc chuyển hoạt động đào tạo tập trung tại trường sang hình thức dạy – học trực tuyến đối với một số nội dung dạy học, sử dụng phần mềm Microsoft Team trên nền tảng Microsoft Office. Nhà trường đã tổ chức họp khẩn trực tuyến với Trưởng/Phụ trách các Bộ môn, các phòng chức năng và lấy ý kiến khảo sát của người học để thống nhất cách thức tổ chức hoạt động Dạy – học. Nhà trường đã có hướng dẫn trong công văn số 114/ĐBCL&KT về việc hướng dẫn ĐBCL trong Dạy – Học trực tuyến, ra Quyết định số 302/QĐ-DHN ngày 7/5/2020 ban hành Quy định về Quản lý, tổ chức Dạy – Học trực tuyến của Trường Đại học Dược Hà Nội **[TC.15.01.15]**. Hoạt động giám sát chất lượng đào tạo thông qua dự giờ giảng cũng được nhà trường kịp thời hướng dẫn và triển khai thông qua Kế hoạch số 149/KH-DHN ngày 1/4/2020 về kế hoạch dự giờ giảng trực tuyến và thành lập tổ giám sát các hoạt động Dạy - Học trực tuyến. Với các hoạt động lượng giá, đánh giá người học: kỳ kiểm tra, kỳ thi học phần, nhà trường áp dụng linh hoạt, chuyển đổi các hình thức đánh giá (kiểm tra định kỳ trực tuyến, thi trực tuyến với các hình thức làm bài trắc nghiệm, tự luận, nộp bài tiểu luận). Cuối năm học 2020-2021, tình hình dịch bệnh căng thẳng, nhà trường tiếp tục tổ chức thi TN môn Lý thuyết tổng hợp bằng hình thức thi trắc

nghiệm trực tiếp, tổ chức bảo vệ khóa luận TN bằng hình thức trực tuyến, đảm bảo nghiêm túc, công bằng [TC.15.01.15], [TC.15.01.16].

Để có thể thực hiện được các hoạt động dạy học ĐBCL nhà trường đã phải xây dựng quyết định, hướng dẫn hoạt động dạy và học kịp thời và có hệ thống vận hành xuyên suốt từ BGH xuống đến phòng đào tạo đại học và SDH, phòng ĐBCL&KT, phòng QLSV, các bộ môn và các giảng viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, các quy định chung của nhà nước và Bộ Y tế nhà trường đã tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm (Bộ Y tế phê duyệt đến năm 2020) [TC.15.02.01], chiến lược nhân sự giai đoạn 2021-2025 quy hoạch và phát triển đội ngũ [TC.15.02.02], [TC.15.02.03] trong đó chú trọng phát triển năng lực đội ngũ đáp ứng quá trình hội nhập khu vực trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tăng cường chính sách thu hút đội ngũ có trình độ cao. Chất lượng đào tạo gắn liền với chất lượng của đội ngũ giảng viên, để có đội ngũ giảng viên ĐBCL và tâm huyết với nghề; Nhà trường xây dựng tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng giảng viên cơ hữu, trong đó xác định rõ ràng các tiêu chuẩn, tiêu chí cho từng vị trí công việc với các yêu cầu năng lực cụ thể. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm, các đợt tuyển dụng được công khai trên trang thông tin nội bộ, trang thông tin điện tử của trường và trên phương tiện thông tin đại chúng đúng theo quy định [TC.15.02.04].

Dựa trên những tiêu chuẩn, quy trình đó HUP lựa chọn được những giảng viên có trình độ cao đáp ứng ngành nghề đào tạo của Nhà trường. Bên cạnh đó Trường có chính sách thu hút những sinh viên, học viên TN xuất sắc ở lại Trường phục vụ các mục tiêu, chiến lược dài hạn, tạo sự tiếp nối về nhân lực theo hướng chuyên môn cao, năng lực hội nhập tốt [TC.15.02.02], [TC.15.02.03], [TC.15.02.05]. Trường còn tạo điều kiện cho giảng viên tạo nguồn đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn ThS/ TS, hỗ trợ tối đa về mặt thời gian, kinh phí và giảm giờ giảng dạy [TC.15.02.01.06], [TC.15.02.07]. Với chiến lược đào tạo bồi dưỡng nhân lực được chú trọng quan tâm, nhà trường có đội ngũ giảng viên hùng hậu có trình độ cao, được đào tạo bài bản chuyên sâu cả trong nước và từ các trường đại học danh tiếng trên thế giới.

Bảng 15.2.1: Thống kê số lượng giảng viên tuyển dụng giai đoạn 2017-2022

Trình độ	Số lượng tuyển dụng
1. Đại học	03
- Giảng viên	00
2. Thạc sĩ	10
- Giảng viên	08
3. Tiến sĩ	03
- Giảng viên	03
Tổng số:	16 người
- Giảng viên	11

Tại thời điểm hiện nay, nhà trường có 06 giáo sư, 41 phó giáo sư, 102 tiến sĩ, tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường là 149TS/174GV (đạt >85%) [Phụ lục 1-CSDL 3]

Để khích lệ đội ngũ giảng viên, Nhà trường ban hành quy định về chính sách, chế độ làm việc và thi đua khen thưởng và tạo điều kiện làm việc thuận lợi trong giảng dạy và NCKH[TC.15.02.05]. Nhà trường định kỳ, rà soát điều chỉnh hoặc cập nhật ngay khi có hướng dẫn mới của cơ quan chức năng, thể hiện trong các Quy định chế độ làm việc của giảng viên, Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành để giúp họ yên tâm công tác [TC.15.02.05]. Những cán bộ, GV có trình độ chuyên môn cao, có năng lực quản lý sẽ được bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt trong BGH, các bộ môn, phòng/ban...[TC.15.02.02], [TC.15.02.03], [TC.15.02.06], [TC.15.02.07]. Nhà trường tạo điều kiện để các giảng viên tham gia công tác CVHT, hướng dẫn kiến tập thực tập và hướng dẫn sinh viên, học viên NCKH, hướng dẫn khóa luận, luận văn TN để nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như mở rộng sự hiểu biết về hoạt động đào tạo, các quy định của pháp luật về đào tạo [TC.15.02.05]. Nhà trường đặc biệt chú trọng đến việc phát triển công tác bồi dưỡng giảng viên không chỉ về chuyên môn nghiệp vụ mà còn về năng lực sử dụng tiếng Anh, CNTT trong giảng dạy và NCKH. Nhà trường tạo điều kiện về thời gian cho giảng viên đi học tập nâng cao trình độ tiếng Anh, CNTT và các khóa học ngắn hạn phục vụ cho nâng cao năng lực chuyên môn [TC.15.02.06], [TC.15.02.07]. Nhà trường thường xuyên tổ chức khóa tập huấn các kỹ năng nghiệp vụ phục vụ công tác giảng dạy và NCKH cho giảng viên [TC.15.02.08]. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid – 19, việc dạy học trực tuyến là một yêu cầu cấp bách, nhà trường đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm trong giảng dạy đối với phương thức dạy học trực tuyến [TC.15.02.08].

**Bảng 15.2.2. Thông kê số lượt viên chức được đào tạo bồi dưỡng trong giai đoạn
2017-2022**

Đào tạo, bồi dưỡng	2017	2018	2019	2020	2021	8/2022	Tổng
Đào tạo, bồi dưỡng	434	746	550	371	679	119	2899
1. Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài:	132	74	81	10	02	00	299
- Đào tạo	04	08	03	02	01	00	18
- Bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị hội thảo	128	66	78	08	01	00	281
2. Đào tạo, bồi dưỡng trong nước:	302	672	469	361	677	119	2600
- Đào tạo	07	10	07	03	04	00	31
- Bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị hội thảo	295	662	463	358	673	119	2570

Như vậy, viên chức, nhân viên của Trường được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn TB là 1,7 lượt/năm. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, viên chức, nhân viên được huy động từ các nguồn tài trợ, học bổng, ngân sách, trong đó nguồn kinh phí chi trả từ Nhà trường là khoảng 3,6 tỷ đồng [TC.15.02.06-CSDL PL3]

Bên cạnh các chính sách về tiền lương, về đào tạo bồi dưỡng HUP tạo nên một môi trường học tập, NCKH để các giảng viên có cơ hội phát huy năng lực giảng dạy, NCKH, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp. Nhằm tạo động lực và khai thác hiệu quả đội ngũ khoa học, Nhà trường thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đề tài có các công bố quốc tế và thực hiện chính sách trọng dụng, kéo dài thời gian làm việc với các cán bộ khoa học của Trường đã đến tuổi nghỉ hưu [TC.15.02.05]. Đặc biệt Trường thực hiện chính sách ưu đãi với cán bộ làm việc trong nhóm nghiên cứu mạnh như Trường nhóm được giảm 50%, thành viên chủ chốt được giảm 30% giờ giảng chuẩn theo chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm của giảng viên/năm; các thành viên nhóm nghiên cứu mạnh được ưu tiên cử đi bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn học thuật, được xem xét hỗ trợ kinh phí tham dự hội nghị, hội thảo [TC.15.02.09]. Hiện nay nhà trường đã xét duyệt được 2 nhóm nghiên cứu mạnh: nhóm: Nghiên cứu phát triển hệ phân phối thuốc mới” do GS.TS.Nguyễn Ngọc Chiến là trưởng nhóm và nhóm “Phát triển phương pháp phân tích hiện đại ứng dụng trong phân tích dược” do PGS.TS. Phạm Thị Thanh Hà là trưởng nhóm.[TC.15.02.09]

Nhà trường đã ban hành Quy định về giờ làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên của HUP. Trong quy định này, đã quy định rõ về định mức giờ giảng, giờ NCKH tương ứng với từng vị trí giảng viên. Quy định về định mức này cũng có sự linh hoạt

trong thực hiện cơ cấu giờ giảng – giờ NCKH, để mỗi giảng viên có thể phát huy tối đa thể mạnh của mình trong giảng dạy và NCKH [TC.15.02.05].

Bảng 15.2: Định mức thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học:

TT	Nhiệm vụ (giờ hành chính)	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
1	Giảng dạy	810 giờ	810 giờ	810 giờ
2	NCKH	588 giờ	705 giờ	825 giờ
3	PVCĐ (*), nhiệm vụ khác...	125 giờ	125 giờ	125 giờ
4	Học tập bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn (*)	237 giờ	120 giờ	
	Tổng cộng	1760 giờ	1760 giờ	1760 giờ

HUP hiểu rõ việc phân công giảng dạy đúng năng lực của từng giảng viên sẽ tạo niềm tin cho chính bản thân mỗi giảng viên viên trong nghề nghiệp để từ đó giảng viên sẽ tự khẳng định mình bằng cách cố gắng hoàn thành nhiệm vụ. Việc phân công dạy học cũng cần tạo điều kiện để người chưa có kinh nghiệm được học hỏi người có kinh nghiệm, người đi trước hướng dẫn người đi sau. Tại HUP, việc phân công giảng viên giảng dạy hàng năm được diễn ra theo quy trình như sau: cuối mỗi năm học, Phòng đào tạo gửi Kế hoạch tiến trình giảng dạy và kế hoạch giao giờ giảng của năm học mới đến các bộ môn. Phòng TC-HC được phân công nhiệm vụ xây dựng định mức giờ giảng chuẩn giảng dạy, NCKH, KN&PVCĐ cho từng giảng viên theo chức danh, vị trí công tác, công tác kiêm nhiệm;[TC.15.02.04]..... Trên cơ sở kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, các bộ môn xây dựng kế hoạch giảng dạy dự kiến cho từng học kỳ cho mỗi lớp/khóa, phân công GV giảng dạy các nội dung/học phần dựa trên năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, sau đó phản hồi về kết quả phân công giảng dạy của bộ môn về nhà trường qua Phòng đào tạo và Phòng ĐBCL & khảo thí [TC.15.02.10]. Việc triển khai đồng bộ các chính sách trên đây đã giúp cho Nhà trường có được đội ngũ khoa học mạnh về số lượng và chất lượng. Theo số liệu thống kê đến 31/12/2021, số lượng giảng viên và nghiên cứu viên của HUP là 174 giảng viên, trong đó có 6 giáo sư, 41 phó giáo sư, 149 tiến sĩ và chuyên khoa II, 35 thạc sĩ, chuyên khoa I [Phụ lục 1].

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của VC-NLĐ về hoạt động quản lý, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực của Trường, trong đó có phản hồi về việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức, nhân viên, về công tác quản lý và triển khai các hoạt động đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức và nhân viên. Kết quả phản hồi của VC-NLĐ

về các tiêu chí liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đều đạt ở mức khá với điểm TB từ 3,92 - 4,17 trong thang đo Likert 5 mức với quy ước: Từ “Mức 1: Không đồng ý” đến “Mức 5: Hoàn toàn đồng ý” [TC.15.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CDR.

Việc học tập không phải chỉ diễn ra trên ghế nhà trường, mà cá nhân người học luôn phải có ý thức học tập, tích lũy thêm kiến thức và kỹ năng, thích ứng với yêu cầu công việc và xã hội, đó chính là quá trình học tập suốt đời. Để giúp sinh viên có ý thức và điều kiện thực hiện việc học tập suốt đời, HUP đã tạo ra môi trường học tập phong phú cho sinh viên, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức. Môi trường học tập đa dạng thể hiện ở việc tổ chức các hoạt động dạy và học trong các đề cương học phần của CTĐT [TC.15.03.01], [TC.15.03.02], và CSVC đầy đủ, kang trang tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với môi trường giảng dạy, học tập, làm việc hiện đại, tiêu chuẩn và chất lượng [TC.15.03.03]. Nhà trường cũng đã triển khai các hoạt động học tập đa dạng tăng cường kỹ năng thực hành với hơn 65% các học phần của các CTĐT được thiết kế có nội dung thực hành. Trường có số lượng đối tác hùng hậu từ các Trường/Viện Quốc tế có đào tạo NCKH Dược, hệ thống các Bệnh viện tại Hà Nội và các tỉnh thành, các chuỗi nhà thuốc bệnh viện, nhà thuốc cộng đồng, các Viện, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, tập đoàn, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dược lớn trong và ngoài nước cũng như sự hỗ trợ của cựu người học hoạt động trong lĩnh vực Dược để triển khai các dự án đào tạo, đào tạo thực hành, thực tập thực tế tại các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, các doanh nghiệp...để người học có cơ hội tiếp cận thực tiễn hành nghề, rèn luyện kỹ năng tay nghề, được truyền cảm hứng và nâng cao hiểu biết về nghề nghiệp tương lai [TC.15.03.04].

Hàng năm, căn cứ vào CTĐT, Nhà trường đều xây dựng lịch trình đào tạo năm học và thời khóa biểu theo từng học kỳ cụ thể cho từng ngành, từng khóa, từng lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu [TC.15.03.05]. Tất cả đề cương chi tiết của môn học và kế hoạch dạy học của mỗi GV đều giới thiệu các phương pháp dạy học hiện đại kết hợp với những ưu điểm của các phương pháp dạy học truyền thống nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học phù hợp với yêu cầu của mỗi học phần như làm việc nhóm, thuyết trình, ứng dụng công nghệ dạy học [TC.15.03.01], [TC.15.03.02]. Đầu năm học, sinh viên chính quy khóa mới được tham gia những buổi định hướng đầu khóa do phòng QLSV, phòng Đào tạo phối

hợp các bên liên quan tổ chức hướng dẫn về phương pháp học tập cũng như những kiến thức thuộc định hướng, chuyên ngành mà sinh viên học viên đăng ký học [TC.15.03.06] giúp cho sinh viên có thể hiểu rõ quá trình học tập và nghiên cứu tại HUP. Các CTĐT của Nhà trường đều hướng đến khả năng học tập suốt đời và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho người học nhằm đáp ứng mong muốn tự nâng cao trình độ sau khi TN của người học. Trong đó, ngoài việc học tập tại giảng đường, SV còn được học tập tại các phòng thực hành [TC.15.03.01], [TC.15.03.02], [TC.15.03.03]. Ngoài ra SV còn được làm việc tại môi trường thực tế tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với chuyên môn, chuyên ngành đào tạo do các đơn vị đào tạo của nhà trường kết nối và hợp tác trong nhiều năm qua [TC.15.03.07]. Đối với đào tạo sau đại học, học viên chuyên khoa đi thực tập giữa khoá và thực hiện học phần TN tại nơi thực hiện luận văn TN để cho học viên vận dụng lý thuyết vào thực hành một cách hiệu quả [TC.15.03.07]. Hoạt động thực hành tại các cơ sở thực tế tạo điều kiện cho người học được hoạt động trong môi trường thực tiễn, gắn liền với ngành nghề đào tạo, được cầm tay chỉ việc, tạo cơ hội cho người học tìm tòi, học hỏi và khám phá kiến thức, tích lũy đủ kỹ năng cần có nhằm đáp ứng được công việc theo yêu cầu của vị trí việc làm và khả năng học tập suốt đời. Mặt khác, thông qua hoạt động đánh giá kết quả thực tế, Nhà trường có thêm thông tin về nhu cầu của thị trường lao động, các góp ý về quá trình đào tạo cũng như giúp cho việc tổ chức các hoạt động thực tế ngày càng hoàn thiện.

Hoạt động NCKH của người học cũng được nhà trường quan tâm phát triển để giúp hình thành năng lực học tập và nghiên cứu suốt đời. Nhà trường luôn phát động, bố trí, tạo điều kiện cho SV tham gia hoạt động NCKH. Trong các Hội nghị khoa học tuổi trẻ Y, Dược toàn quốc, Giải thưởng NCKH dành cho SV của Bộ Giáo dục và Đào tạo, người học của Trường luôn dành được giải thưởng cao quý [TC.15.03.08]. Để thúc đẩy việc NCKH của sinh viên, năm 2017 Nhà trường đã ban hành quy định cộng điểm rèn luyện cho SV đoạt giải trong các hội nghị khoa học cấp trường/cấp ngành. Năm 2022, nhà trường chính thức ban hành Quy định về tổ chức QLKH của người học đây là yếu tố khuyến khích và tạo môi trường để chất lượng học tập, NCKH của SV được nâng cao, tạo nên sự say mê gắn bó với nghề [TC.15.03.09].

Trường cũng tạo điều kiện về chủ trương, CSVC và hỗ trợ kinh phí cho các câu lạc bộ sinh viên, các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng để sinh viên được trải nghiệm và học thêm những kỹ năng sống, học cách ứng xử, quan tâm đến cộng đồng. Như Câu lạc bộ hiến máu nhân đạo, Sức khỏe sinh sản, Khởi nghiệp, Văn nghệ, Guitar, Võ Vovinam... [TC.15.03.10], [TC.15.03.11]. Các hoạt động tập thể của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên không những tạo ra môi trường giúp sinh viên thỏa mãn nhu cầu, sở thích,

giúp ích cho cộng đồng mà còn tạo ra môi trường giúp sinh viên trao đổi kinh nghiệm học tập, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, ươm mầm nhân ái, nâng cao nhận thức về trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường, bạn bè đồng nghiệp của sinh viên, học viên. Trong giai đoạn đánh giá, nhà trường đã phối hợp cùng với nhiều tập đoàn Dược phẩm lớn, với Bộ Y tế và nhiều đơn vị tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nâng cao kiến thức, sự hiểu biết của người học về thực tiễn hành nghề truyền cảm hứng và trải nghiệm nghề nghiệp. Cụ thể, nhà trường đã phối hợp với các bên liên quan để tổ chức Cuộc thi kỹ năng Marketing - Pharma Marketing Race. Phối hợp với Trung tâm DI&ADR tổ chức cuộc thi AMR - The Untold Story, cuộc thi về tìm hiểu và truyền thông về kháng kháng sinh dành cho SV các trường Y, Dược toàn quốc... Chương trình hướng nghiệp Dược PharmaFest 2020-2021 dù thay đổi hình thức tổ chức do Covid-19 nhưng vẫn thu được nhiều sự ủng hộ của các hãng, các công ty Dược phẩm và sinh viên trong Trường. Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng cũng được triển khai mạnh mẽ với Chương trình Bánh chưng xanh (trao quà cho các bệnh nhân phải ở lại điều trị dịp Tết Nguyên Đán), Quà tết nhân ái (trao quà cho sinh viên khó khăn), Chương trình hiến máu tình nguyện Sắc hồng blouse (thu 484 đơn vị máu). Ngoài ra, còn tham gia tích cực các hoạt động hiến máu "Xuân hồng", "Mùa hè nhân ái", "Hiến máu tắt niên"... Câu lạc bộ Kỹ năng NewVision, Tiếng Anh, gitar, Báo chí phát thanh tuyên truyền, Nhiếp ảnh,... duy trì hoạt động thường xuyên, là sân chơi cho thanh niên, sinh viên trong Trường **[TC.15.03.10], [TC.15.03.11]**.

Trước yêu cầu hội nhập quốc tế, nhà trường tạo điều kiện và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên. Nhà trường đã tiến hành kết nối và xúc tiến với một số trường đại học đối tác để tạo cơ hội cho giảng viên, sinh viên được tham gia đào tạo, bồi dưỡng học tập ngắn hạn tại các trường đối tác nước ngoài **[TC.15.03.12]**. Đồng thời, tổ chức đón tiếp và đào tạo các khóa ngắn hạn cho sinh viên quốc tế đến từ các Trường đại học đối tác. Trong giai đoạn đánh giá đã có 197 đoàn vào với 561 lượt chuyên gia, HVSV, trong đó, có hoạt động trao đổi sinh viên có 18 đoàn vào, 65 lượt người; có 14 đoàn ra và 01 đoàn sv tham gia khóa học quốc tế online, 58 lượt người và 09 sinh viên tham gia khóa học quốc tế online **[TC.15.03.04], [TC.15.03.13], [TC.15.03.14], [TC.15.03.15], [TC.15.03.16]**. Trong quá trình chuyên gia, sinh viên, học viên quốc tế tới thăm và học tập tại trường, nhà trường cũng đã tổ chức các hoạt động giao lưu để sinh viên của Trường được tiếp xúc, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm về học tập, thực tiễn đào tạo và hành nghề Dược ở nước bạn **[TC.15.03.17]**.

Việc triển khai các hoạt động học tập đa dạng được thể hiện trong việc nhà trường triển khai hoạt động hợp tác về đào tạo và NCKH giữa nhà trường với các cơ sở thực tế

và các CSGD đại học trong và ngoài nước [TC.15.03.07], [TC.15.03.08], [TC.15.03.12], Nhà trường đã phối hợp với các công ty GSK, Bayer VN, Servier tổ chức chuỗi hội thảo tại các bệnh viện, Sở Y tế. Nhà trường còn phối hợp với cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế, Học viện Y dược học cổ truyền tổ chức Hội thảo đào tạo liên tục về DLS quy mô toàn quốc [TC.15.03.18]. Trong giai đoạn đánh giá 2017 - 2021, đã có nhiều buổi Hội thảo khoa học quốc tế do nhà trường tổ chức thu hút được sự tham gia chia sẻ kinh nghiệm của nhiều chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo nói chung và đặc biệt là trong lĩnh vực đào tạo Dược nói riêng đến từ các Trường đại học quốc tế, trong nước. Các Hội thảo về thực tiễn hành nghề và Đào tạo Dược đã giúp cho nhà trường có được kịp thời nắm bắt được xu hướng đổi mới, những thành tựu mới trong hoạt động đào tạo Dược [TC.15.03.18], [TC.15.03.06]. Nhà trường cũng tổ chức buổi nói chuyện chuyên đề với giảng viên, sinh viên trong trường [TC.15.03.06].

Bên cạnh việc rèn luyện ý thức học tập chuyên môn suốt đời, Nhà trường luôn quan tâm tạo lập môi trường học tập và phát triển các kỹ năng ngoại ngữ và tin học để hỗ trợ người học rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời, ĐBCL lao động trình độ cao trong thời đại mới. Các câu lạc bộ Ngoại ngữ đã được thành lập và được bổ nhiệm cán sự định kỳ [TC.15.03.19]. Các năm học từ 2017 đến 2019 đoàn thanh niên tổ chức cho sinh viên tham gia cuộc thi English Championship hàng năm thuộc khối ngành Y dược; các năm học 2020-2022 xây dựng kế hoạch hoạt động của Câu lạc bộ hàng năm nhằm phát triển cộng đồng học tiếng Anh: HUP English Community, đây là nơi chia tài liệu, phương pháp tự học tiếng Anh và là sân chơi trao đổi, nâng cao năng lực tiếng Anh trong sinh viên [TC.15.03.20]. Nhà trường xây dựng và triển khai đề án “Hội nhập giáo cục tại HUP thông qua việc tăng năng lực đào tạo và giảng dạy bằng tiếng Anh” [TC.15.03.21], trong đó từ năm học 2021-2022 đã tổ chức giảng dạy các môn tự chọn bằng tiếng Anh, và khuyến khích người học bảo vệ TN bằng tiếng Anh.

Kỹ năng tin học ứng dụng nghề nghiệp được lồng ghép trong các môn học và được quy định cụ thể trong CTCT các môn học [TC.15.03.22]. Môn Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc hướng dẫn sinh viên tra cứu, tìm kiếm thông tin, lựa chọn và xây dựng nội dung tư vấn, thông tin thuốc cho cán bộ y tế và tư vấn cho bệnh nhân về sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh mạn tính quản lý ngoại trú tại bệnh viện [TC.15.03.22].

Nhà trường khuyến khích việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp với thực tế môn học để đạt chuẩn đầu ra của các môn học/học phần. Các lớp tập huấn về việc phát triển phương pháp giảng dạy hiện đại đã được tổ chức.

[TC.15.03.23]. Trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, Nhà trường đã kịp thời chuyển đổi hình thức đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến ở tất cả các CTĐT, tổ chức các lớp học trực tuyến và ra thông báo kịp thời tới giảng viên và người học **[TC.15.03.24]**. Để đảm bảo việc triển khai dạy và học trực tuyến có hiệu quả và được thống nhất, Nhà trường ban hành Quy định Quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến của HUP **[TC.15.03.25]**; Hướng dẫn, tập huấn cán bộ coi thi và sinh viên thi trực tuyến **[TC.15.03.26]**; Quy trình chấm thi khóa luận TN trình độ đại học theo hình thức trực tuyến năm 2021 của HUP **[TC.15.03.27]**. Đồng thời cũng tổ chức các cuộc họp rút kinh nghiệm trong công tác tổ chức các lớp học trực tuyến và tổ chức thi trực tuyến **[TC.15.03.28]**.

Việc xây dựng một môi trường học tập phong phú, phát triển các kỹ năng sống, tăng cường mạnh mẽ hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên, triển khai các hoạt động học tập đa dạng, thúc đẩy tự học ngoại ngữ và tin học theo yêu cầu của thị trường lao động toàn cầu, tập huấn giảng dạy và học tập với các phương pháp và công nghệ giảng dạy hiện đại phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học/học phần, chuẩn đầu ra của CTĐT nhằm đạt được mục tiêu thúc đẩy việc học tập suốt đời của người học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Hoạt động dạy và học tại Nhà trường được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng. Hội đồng ĐBCL của Nhà trường đã được thành lập **[TC.15.04.01]**. Chiến lược Chiến lược ĐBCLGD của HUP, giai đoạn 2021-2025 là một trong 6 nội dung trọng tâm của chiến lược kế hoạch phát triển HUP đến 2030 tầm nhìn 2045 **[TC.15.04.02]**. Kế hoạch ĐBCL được ban hành hàng năm (2018-2021) và cho giai đoạn 2021-2025 **[TC.15.04.03]**. Tất cả các công tác trên đều phục vụ cho việc ĐBCL các hoạt động dạy và học vì chất lượng là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Nhà trường. Việc giám sát hoạt động dạy và học trong Nhà trường được thể hiện dưới nhiều hình thức và được giao cho Phòng đào tạo, Phòng ĐBCL và Khảo thí, Phòng QLSV, các bộ môn trực tiếp thực hiện, cụ thể như sau:

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổng thể thanh tra giám sát đào tạo, kế hoạch lấy kiến khảo sát phản hồi về giảng viên từ người học, kế hoạch lấy kiến khảo sát phản hồi của người học đang học và đã TN về CTĐT; kế hoạch lấy kiến khảo sát phản hồi của người học đang học về các học phần; kế hoạch dự giờ giảng của giảng viên...theo các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục&Đào tạo và các quy chế, quy định của Trường. Trong đó, các hoạt động liên quan tới việc khảo sát, đánh giá để rà soát, cập nhật nội dung và phương pháp giảng dạy của giảng viên, CTĐT, giáo trình,

tài liệu, CSVCL, TTB phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH và trách nhiệm, sự nhiệt tình của giảng viên với người học và thời gian giảng dạy của giảng viên [TC.15.04.03], [TC.15.04.04], [TC.15.04.05].

Phòng ĐBCL&KT lập dự thảo kế hoạch trình giám hiệu phụ trách phê duyệt và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy học [TC.15.04.03]. Hoạt động giảng dạy của giảng viên thực hiện theo đúng thời khóa biểu, đúng giờ quy định. Nếu giảng viên không lên lớp đúng giờ quy định, đúng thời khóa biểu sẽ được phản ánh bởi Thanh tra đào tạo, ĐBCL&KT về đơn vị liên quan, BGH để kịp thời chấn chỉnh [TC.15.04.04], [TC.15.04.06], [TC.15.04.07], [TC.15.04.08].

Phòng ĐBCL&KT tiến hành khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học và tổng hợp ý kiến phản hồi, các kiến nghị, đề xuất của người học đối với giảng viên. Kết quả tổng hợp sẽ được gửi tới BGH, Bộ môn có GV được lấy khảo sát và cá nhân GV [TC.15.04.03], [TC.15.04.04], [TC.15.04.06], [TC.15.04.07].

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi nhận được, bộ môn tổ chức họp góp ý kiến tiếp thu và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy cho GV của BM gửi về Nhà trường qua P.ĐBCL&KT. Cá nhân GV được dự giờ giảng cũng sẽ xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy của cá nhân gửi BM và gửi về Nhà trường qua P.ĐBCL&KT. Kết quả đánh giá được sử dụng làm kênh thông tin bổ sung cho việc giám sát hoạt động dạy học hàng năm [TC.15.04.04], [TC.15.04.08].

Căn cứ vào các quy định hiện hành về chế độ làm việc đối với giảng viên [TC.15.02.05], Nhà trường ban hành hướng dẫn và các quy định việc thực hiện đánh giá đối với viên chức là giảng viên vào cuối mỗi năm học. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của viên chức là giảng viên có các tiêu chí cụ thể như: về bồi dưỡng trau dồi phẩm chất, đạo đức, trách nhiệm của giảng viên, học tập nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn; kết quả hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCD; việc thực hiện các nhiệm vụ đột xuất. Kết quả đánh giá phân loại viên chức là giảng viên vào cuối năm học là căn cứ để xét thu nhập tăng thêm cho giảng viên theo Quy chế chi tiêu nội bộ [TC.15.02.05], [TC.15.04.08] và bình xét nâng lương thường xuyên hoặc nâng lương trước thời hạn theo Quy định về nâng bậc lương của Trường [TC.15.02.05].

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch giao định mức khối lượng giảng dạy và NCKH chuẩn đối với từng giảng viên thông qua phòng Tổ chức cán bộ (từ các năm 2020 trở về trước), từ năm 2020 là phòng TC-HC [TC.15.02.05], [TC.15.02.08], [TC.15.04.10]. Cuối năm học, các bộ môn tổng kết khối lượng và chất lượng giảng dạy, NCKH, các hoạt động PVCD của các giảng viên thuộc bộ môn mình để tiến hành đánh giá giảng viên theo năm học [TC.15.04.08]. Căn cứ vào kết quả đánh giá giảng viên

tại đơn vị kết hợp với kết quả giám sát giảng viên từ các đơn vị có liên quan, Hội đồng thi đua của Nhà trường xem xét và công nhận kết quả đánh giá giảng viên hàng năm [TC.15.02.05], [TC.15.04.07], [TC.15.04.08].

Trong quá trình giảng dạy và khi kết thúc một học phần, sinh viên sẽ được đánh giá mức độ tích lũy CĐR bằng cách thức khác nhau để đảm bảo tính chính xác, công bằng, chặt chẽ và khách quan. Đánh giá học phần được tính theo điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm đánh giá bộ phận (đánh giá quá trình) bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần. Trong điểm đánh giá nhận thức, nếu sinh viên nghỉ học không lý do, sinh viên nghỉ học quá thời gian quy định, sinh viên thiếu bài thực tập sẽ bị đình chỉ thi lần 1 [TC.15.01.03]. Danh sách sinh viên cấm thi sẽ được các bộ môn gửi về Phòng đào tạo của Trường.

Chất lượng học tập của sinh viên được thực hiện qua các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, bài thi kết thúc học phần [TC.15.01.03], [TC.15.04.11]. Bộ môn chủ động trong việc ra đề kiểm tra và quy định về kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá phần thực hành. Bộ môn có thể quy định nhiều hình thức đánh giá khác nhau như kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, báo cáo kết quả thực hành, tiểu luận, seminar. Đối với việc tổ chức thi kết thúc học phần trong năm học, theo quy định, các bộ môn có trách nhiệm thông báo tới người ngay buổi học đầu tiên các thông tin liên quan tới học phần: Nội dung giảng dạy của học phần, khối lượng thời lượng của học phần (lý thuyết, thực hành, seminar...), tài liệu học tập, phương pháp lượng giá, đánh giá sinh viên được biết để sinh viên nắm được và có thể xây dựng kế hoạch học tập cá nhân phù hợp đối với mỗi học phần [TC.15.01.03], [TC.15.04.11]. Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được thể hiện ở trong bảng điểm thành phần và điểm thi cuối kỳ [TC.15.04.11], được gửi tới người học qua tài khoản cá nhân, lưu trữ tại bộ môn và các đơn vị chức năng đúng theo quy định của nhà trường [TC.15.04.13].

Nhà trường thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi của người học thông qua nhiều kênh khác nhau như CVHT, các phòng chức năng, công việc thu thập ý kiến từ các hòm thư góp ý, hộp thư điện tử, mạng xã hội và trao đổi trực tiếp trong các Hội nghị đối thoại của đại diện các lớp sinh viên với Lãnh đạo Nhà trường và các phòng chức năng về hoạt động lượng giá, đánh giá người học để xây dựng kế hoạch cải tiến phương pháp lượng giá, đánh giá, nâng cao chất lượng CTĐT và hoạt động đào tạo [TC.15.04.06], [TC.15.04.07], [TC.15.04.10], [TC.15.04.12], [TC.15.04.14].

Nhằm kịp thời cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường rất quan tâm tới việc giữ mối liên hệ với cựu HVSV để xin ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về mức độ

đáp ứng của CTĐT của Trường với các yêu cầu thực tiễn trong quá trình hành nghề của người học sau khi ra trường, các kiến nghị của cựu HVSV về việc điều chỉnh thay đổi, cập nhật CTĐT góp phần nâng cao chất lượng dạy và học [TC.15.04.07], [TC.15.04.09] [TC.15.04.10]. Nhà trường sử dụng các phương thức phù hợp để xin ý kiến của các nhà tuyển dụng về chất lượng của sản phẩm đào tạo của Trường, các ý kiến góp ý về việc rà soát, cập nhật CTĐT của nhà trường nhằm đáp ứng kịp thời và tốt hơn nữa các yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp cho người học sau khi ra trường [TC.15.04.09], [TC.15.04.10]

Nhà trường tổ chức tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm về đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp giảng dạy tích cực, ứng dụng CNTT trong giảng dạy, nhằm mục đích bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho giảng viên [TC.15.02.07], [TC.15.04.15] .

Hàng năm, tình hình sử dụng thư viện của Nhà trường được thống kê, cập nhật là căn cứ cho thấy mức độ học tập, NCKH của người học cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu về tài liệu, từ đó nâng cao chất lượng, số lượng nguồn tài liệu và hoạt động của thư viện [TC.15.04.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Sứ mạng nhà trường được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của trường, gắn bó với chiến lược phát triển các nguồn lực của Trường và liên quan mật thiết với Chiến lược phát triển ngành Dược, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của Thủ đô Hà Nội, được phổ biến rộng rãi trên website. Trường có các mục tiêu trong từng lĩnh vực hoạt động trong Chiến lược, kế hoạch phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045: (i) Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học, SĐH và các trình độ khác đáp ứng nhu cầu của xã hội và phù hợp với chiến lược phát triển ngành Dược cả về số lượng và chất lượng; (ii) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên của trường ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực, đáp ứng yêu cầu đào tạo giảng viên cho các cơ sở đào tạo trong nước và các nước bạn Lào và Campuchia; (iii) Đa dạng hóa loại hình đào tạo, ngành nghề đào tạo, kết hợp đào tạo với NCKH góp phần xây dựng và phát triển ngành Dược theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; (iv) Đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ ngành Dược; và (v) Tăng cường quan hệ, hợp tác và liên kết quốc tế trong đào tạo [TC.15.05.01].

Để đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời của người học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục của đất nước, bắt nhịp với đổi mới giáo dục tiên tiến trên thế giới. Nhà trường đã ban hành Triết lý giáo dục làm cơ sở xây dựng mục tiêu giáo dục

của nhà trường là: “Đào tạo, nghiên cứu có chất lượng gắn liền với thực tiễn, lấy sáng tạo và PVCD làm định hướng hành động”.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của giảng viên về sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường. Kết quả phản hồi của giảng viên về sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục [TC.15.05.02] của Nhà trường được đánh giá mức “Tốt” cho thấy sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục được phổ biến rộng rãi qua nhiều kênh thông tin (4.36/5); phù hợp với nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển (4.26/5); được điều chỉnh, cải tiến trong quá trình phát triển của Nhà trường (4.25/5); Triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng (4.25/5). Cho đến nay, nhà trường vẫn kiên định với triết lý giáo dục này [TC.15.05.03].

Đứng trước thách thức phải đổi mới giáo dục trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh, nhà trường xác định giáo dục phải thay đổi, phải rà soát lại CTĐT, rà soát lại nội dung, phương pháp dạy và học cũng như CDR của các CTĐT [TC.15.05.04], [TC.15.05.05]. Nhà trường đã ban hành “Quy định về việc xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh CTĐT của HUP” làm cơ sở hướng dẫn chi tiết việc xây dựng và điều chỉnh CTĐT của Trường [TC.15.05.06]. Hàng năm, các Bộ môn chịu trách nhiệm cập nhật CTCT môn học/học phần, rà soát điều chỉnh các hoạt động dạy học các trình độ nhằm đạt Chuẩn đầu ra và phù hợp với Triết lý giáo dục đã được xác định, tổ chức họp Bộ môn thống nhất và đề xuất các thay đổi trong đề chương chi tiết và trình BGH vào tuần thứ 2 của tháng 5 [TC.15.05.07].

Cuối mỗi học kỳ BGH tổ chức Họp giao ban đào tạo, đánh giá về công tác đào tạo trong học kỳ, đưa ra các quyết định điều chỉnh hoạt động đào tạo, hoạt động dạy và học trong học kỳ tiếp theo [TC.15.05.08].

Một số cải tiến cụ thể đã được nhà trường thực hiện như sau:

- Năm 2018 Trường đã rà soát và điều chỉnh chương trình giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho đối tượng chuyên khoa 1, xây dựng và nghiệm thu bộ ngân hàng câu hỏi đề thi Tiếng Anh 1 và tiếng Anh chuyên ngành; Năm 2020 điều chỉnh chương trình tiếng Anh chung và tiếng Anh chuyên ngành, xây dựng và nghiệm thu bộ ngân hàng câu hỏi đề thi tiếng Anh 2; Năm 2021 xây dựng đề án tổng thể “Hội nhập giáo dục tại HUP thông qua việc tăng cường năng lực giảng dạy bằng tiếng Anh”; Năm 2022 bắt đầu áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ B1 cho SVTN đại học hệ chính quy [TC.15.05.09], [TC.15.05.10].

- Thực hiện các chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy và học, kết thúc năm học và tuyển sinh trong thời gian dịch COVID-19 tại các CSGD đại học, Nhà trường đã ban hành Quy định về dạy học trực tuyến tại HUP

và tổ chức hệ thống các lớp học trực tuyến, kịp thời chuyển từ giảng dạy trực tiếp sang hình thức dạy và học trực tuyến, đồng thời điều chỉnh kế hoạch học tập linh hoạt theo diễn biến dịch, tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến và tổ chức Bảo vệ luận văn Thạc sĩ theo hình thức bảo vệ trực tuyến **[TC.15.05.11], [TC.15.05.12]**.

Nhà trường luôn chú trọng tổ chức tập huấn nâng cao khả năng thiết kế CTĐT đáp ứng với yêu cầu đào tạo trong thời đại mới, nâng cao kỹ năng giảng dạy trực tiếp và trực tuyến của giảng viên. Các chương trình hỗ trợ cụ thể đã được thực hiện **[TC.15.05.12], [TC.15.05.13], [TC.15.05.14]**:

- Tập huấn xây dựng chương trình dựa trên chuẩn năng lực tháng 10/2018;
- Tập huấn “Xây dựng CTĐT thực hành DLS và được cộng đồng” tháng 10/2018;
- Tháng 12 năm 2018, Trường đã triển khai kế hoạch tập huấn về đổi mới phương pháp và công nghệ dạy học tại Trường và tổ chức các Hội thảo, tọa đàm để đổi mới hoạt động giảng dạy và Chương trình tập huấn đổi mới phương pháp và công nghệ dạy học cho GV qua dự án FCB “Nâng cao năng lực đào tạo thực hành nghề dựa trên chuẩn năng lực cho HUP đáp ứng yêu cầu hội nhập và hòa nhập giáo dục”.

- Tập huấn thiết kế, xây dựng và phát triển chương trình giáo dục hiện đại tháng 10/2020

- Cử viên chức tham dự khóa tập huấn “Thực hành đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT” tháng 7/2021;

- Năm 2021, trước bối cảnh dịch bệnh diễn biến có nhiều phức tạp, Nhà trường đã tổ chức tập huấn để triển khai việc dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến (Blended learning). Tháng 11/2021, HUP phối hợp với Quỹ Pierre Fabre và AUF mở lớp tập huấn “Sử dụng Moodle nâng cao trong giảng dạy trực tuyến”. Nhà trường đã mời chuyên gia có kinh nghiệm thiết kế, tổ chức các kỳ thi trực tuyến trên hệ thống Moodle để tập huấn cho tất cả GV về cách thiết kế bài giảng trên nền tảng số, cách thiết kế, xây dựng NHCHT, kinh nghiệm, cách thức tổ chức thi trực tuyến trên nền tảng Moodle;

- Tập huấn “Tương tác trực tiếp với người học bằng Powerpoint”.

Hệ thống tài liệu học tập tại Thư viện được bổ sung hàng năm **[TC.15.05.15]** theo đề xuất của các Bộ môn để có thể hỗ trợ cho nhu cầu tự học của người học.

Hàng năm Nhà trường thực hiện khảo sát sinh viên trước TN về khóa học tại Trường **[TC.15.05.16]**, kết quả khảo sát cho thấy: Trên 50% sinh viên đánh giá hài lòng với khóa học và khoảng 30% sinh viên hoàn toàn hài lòng với khóa học. Tỷ lệ còn lại là sinh viên đánh giá tạm hài lòng với khóa học. Không có sinh viên nào đánh giá ít hài lòng hoặc không hài lòng với khóa học tại trường. Khảo sát cũng đưa ra những đề xuất của sinh viên đối với các hoạt động của Nhà trường, là một căn cứ để Nhà trường tiến

hành các hoạt động cải tiến nâng cao chất lượng dạy và học. Sau hoạt động khảo sát, đánh giá [TC.15.05.17], [TC.15.05.18], [TC.15.05.19], [TC.15.05.20], [TC.15.05.21],[TC.15.05.22], nhà trường triển khai các hành động cải tiến để nâng cao chất lượng của hoạt động dạy và học nhằm giúp người học đạt được CĐR của CTĐT, đồng thời giúp nhà trường thực hiện tốt hơn Triết lý giáo dục đã đề ra [TC.15.05.23].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường có tuyên bố về triết lý giáo dục, chiến lược giáo dục của Nhà trường đã bám sát triết lý giáo dục. Nhà trường đã chú trọng xây dựng CĐR, CTĐT một cách cụ thể, rõ ràng, phù hợp với mục tiêu, sứ mạng và triết lý giáo dục của Trường. Nhà trường đã xây dựng Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh CTĐT của HUP. Các quyết định, hướng dẫn hoạt động dạy và học được ban hành kịp thời phù hợp từng điều kiện thực tế của Nhà trường.

- Các chế độ chính sách nhân sự, chính sách đào tạo tạo bồi dưỡng, hỗ trợ nghiên cứu được ban hành phù hợp, kịp thời đã giúp Nhà trường xây dựng được nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

- Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo.

- Nhà trường tạo được môi trường học tập đa dạng, có kế hoạch và hoạt động hỗ trợ đào tạo phù hợp nhằm thúc đẩy việc học tập suốt đời của người học.

Có hệ thống, phương pháp giám sát và đánh giá các hoạt động dạy và học để ĐBCLGD của Nhà trường.

- Nhà trường đã có hệ thống thu thập thông tin về mức độ hài lòng về triết lý dạy học và các hoạt động dạy học của nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến triết lý giáo dục để đạt CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng chưa được thực hiện theo một quy trình thống nhất.

- Chưa ban hành quy trình thống nhất trong đãi ngộ, trọng dụng, phát hiện, thu hút nhân lực chất lượng cao.

- Việc ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy của nhà trường chưa được đa dạng, nhà trường chưa có sản phẩm học liệu phục vụ đào tạo trực tuyến.

- Việc xây dựng triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục chưa thường xuyên được tuyên truyền vận động sự tham gia rộng rãi của đội ngũ cán bộ và giảng viên nhà trường.

- Chưa định kỳ thực hiện việc khảo sát, đánh giá ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy, hiện đại, phù hợp để đạt CDR các học phần.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh CTĐT	Phòng QLĐT phối hợp Phòng ĐBCL&KT	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh các chính sách nhân sự, chính sách đào tạo tạo bồi dưỡng, hỗ trợ nghiên cứu	Phòng TC-HC, phòng QLKH, phòng TCKT	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục phát huy việc lập kế hoạch phân công giảng dạy đầy đủ, thực hiện đúng tiến trình giảng dạy, thực hiện công tác giám sát đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ	Phòng QLĐT phối hợp với Các bộ môn, Phòng ĐBCL&khảo thí	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục phát huy môi trường học tập đa dạng, thúc đẩy việc học tập suốt đời của người học, chú trọng thúc đẩy việc cải tiến các hoạt động dạy học, tăng	Phòng QLĐT phối hợp với Các bộ môn, Phòng ĐBCL&khảo thí, Phòng CTHSSV-Y tế	Hàng năm	

		cường ứng dụng phương pháp và công nghệ giảng dạy hiện đại để đạt được CDR			
	Phát huy điểm mạnh 5	Thường xuyên rà soát các phương pháp giám sát và đánh giá các hoạt động dạy và học để ĐBCLGD của Nhà trường	Phòng ĐBCL&KT phối hợp với Các bộ môn	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục phát huy hệ thống thu thập thông tin để từ đó lựa chọn được các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục để đạt CDR.	Phòng TC-HC, Phòng ĐBCL&KT	Hàng năm	
	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng kế hoạch, quy trình để định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến triết lý giáo dục để đạt CDR	Phòng TC-HC	Từ năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng quy trình đãi ngộ, trọng dụng, phát hiện, thu hút nhân lực chất lượng cao.	Phòng TC-HC, phòng TCKT	Từ năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng hệ thống E-learning	Phòng QLĐT phối hợp với Phòng ĐBCL&KT, Phòng	Từ năm học 2022-2023	

			CTHVSU-Y tế, Trung tâm thông tin thư viện		
	Khắc phục tồn tại 4	Thông báo qua cuộc họp bộ môn, họp tổng kết để thu hút sự tham gia đội ngũ CB và GV nhà trường trong việc xây dựng triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục.	Phòng TC-HC	Từ năm học 2022-2023	
	Khắc phục tồn tại 5	Thực hiện việc khảo sát, đánh giá việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy, hiện đại, phù hợp để đạt CDR các học phần	Phòng QLĐT phối hợp Phòng ĐBCL&KT	Từ năm học 2022-2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	6
Tiêu chí 15.1	6
Tiêu chí 15.2	6
Tiêu chí 15.3	6
Tiêu chí 15.4	6
Tiêu chí 15.5	6

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

HUP luôn chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá người học và coi đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của công tác nâng cao chất lượng đào tạo. Căn cứ các quy chế, quy định về công tác đào tạo của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban

hành các quy chế, quy định tổ chức đào tạo các trình độ, các hệ đào tạo của Trường để hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân, đơn vị liên quan thực hiện công tác kiểm tra đánh giá người học [TC.16.01.01], [TC.16.01.02], [TC.16.01.03], [TC.16.01.04], [TC.16.01.05], [TC.16.01.06], [TC.16.01.07], [TC.16.01.08].

Quá trình đánh giá người học được thực hiện trong suốt quá trình đào tạo, từ khâu tuyển sinh đầu vào, đánh giá quá trình học tập cho đến đánh giá đầu ra TN.

Công tác tuyển sinh đầu vào: Chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành/trình độ đào tạo, phương thức tuyển sinh, điều kiện đăng ký, cách xác định điểm trúng tuyển vào Trường được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai [TC.16.01.09].

Công tác đánh giá người học được phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân liên quan thể hiện cụ thể trong quy chế, quy định đào tạo của Trường: Bộ môn chịu trách nhiệm ra đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm thi....; phòng Đào tạo lập lịch thi, danh sách thi, quản lý và tổng kết điểm thi; phòng ĐBCL&KT thực hiện công tác tổ chức thi, phân công cán bộ coi thi, làm phách và tổ chức chấm thi, tổ chức phúc khảo...; phòng QLSV tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện, tổ chức xét ngừng học, thôi học cho người học...Hệ thống điểm thi và tổng hợp điểm được quản lý bởi phần mềm QLĐT [TC.16.01.01], [TC.16.01.02], [TC.16.01.03], [TC.16.01.10], [TC.16.01.11].

Trường đã thiết lập nhiều loại hình đánh giá người học phù hợp trong suốt quá trình học tập để công tác đánh giá người học được đảm bảo chính xác, công bằng, chặt chẽ và khách quan.

Đánh giá học phần: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm đánh giá bộ phận (điểm đánh giá quá trình) bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên (đối với học phần chỉ có lý thuyết: $\leq 40\%$, học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành: $\leq 20\%$); điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần ($\leq 10\%$) [TC.16.01.01], [TC.16.01.02], [TC.16.01.03], [TC.16.01.04], [TC.16.01.05], [TC.16.01.06], [TC.16.01.07].

Hàng năm hình thức đánh giá học phần được các bộ môn đăng ký cụ thể trong đề cương chi tiết học phần, đầu mỗi học kỳ bộ môn xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học cụ thể cho từng học phần và phổ biến tới người học ngay khi bắt đầu giảng dạy [TC.16.01.12], [TC.16.01.13].

Điểm đánh giá chuyên cần được giảng viên chủ động đánh giá theo mức độ tham gia lớp học, ý thức của người học trong các hoạt động học tập. Giảng viên giảng

dạy học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và chấm điểm đánh giá bộ phận. GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, làm và báo cáo thực hành, thí nghiệm, thực tập, bài tập lớn, đồ án, ... hoặc kết hợp các hình thức nói trên tùy theo tính đặc thù của từng học phần nhằm đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học **[TC.16.01.14], [TC.16.01.15], [TC.16.01.16]**.

Công tác ra đề thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy trình của Trường ban hành. Hình thức thi kết thúc học phần được các bộ môn thường lựa chọn bao gồm: tự luận không sử dụng tài liệu/được sử dụng tài liệu, tiểu luận, trắc nghiệm trên máy tính... Trường bộ môn chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hướng dẫn giảng viên biên soạn NHCHT các học phần do bộ môn phụ trách, tổ chức xây dựng bộ đề thi theo cấu trúc, chịu trách nhiệm về nội dung và việc bảo mật NHCHT. Bộ môn gửi bộ đề thi đã niêm phong về phòng ĐBCL&KT để bốc thăm và in sao đề thi hình thức tự luận trước mỗi buổi thi; đối với hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính, đề thi được viên chức phòng ĐBCL&KT tạo theo cấu trúc từ NHCHT trước mỗi ca thi **[TC.16.01.17], [TC.16.01.18], [TC.16.01.19], [TC.16.01.20]**.

Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy học tập và đề cương chi tiết học phần, phòng Đào tạo/SĐH xây dựng lịch thi, lập danh sách người học dự thi kết thúc học phần và thông báo tới người học và các đơn vị liên quan **[TC.16.01.21], [TC.16.01.22], [TC.16.01.23]**. Công tác tổ chức thi do P.ĐBCL&KT thực hiện đảm bảo việc in sao đề thi, tổ chức thi trong Trường diễn ra nghiêm túc, khách quan, công bằng cho người học. Mỗi kỳ thi đều có phân công các thành viên trong đoàn thanh tra thi làm nhiệm vụ giám sát quá trình thi; mỗi phòng thi đảm bảo có hai CBCT và thực hiện nhiệm vụ coi thi theo đúng quy trình tổ chức thi của Nhà trường **[TC.16.01.24], [TC.16.01.25], [TC.16.01.26], [TC.16.01.27], [TC.16.01.28], [TC.16.01.29], [TC.16.01.30]**.

Công tác chấm thi: Đối với hình thức thi tự luận, bài thi giao cho phòng ĐBCL&KT làm phách và tổ chức chấm thi tập trung theo nội quy tại phòng chấm thi của Nhà trường, cán bộ chấm thi theo kế hoạch và sự phân công của bộ môn thực hiện công tác chấm thi đảm bảo hai lượt cán bộ chấm trên một bài thi, điểm thi được nhập lên phần mềm đào tạo theo số phách, người học sẽ xem được điểm thi trong tài khoản cá nhân...**[TC.16.01.10], [TC.16.01.31], [TC.16.01.32], [TC.16.01.33], [TC.16.01.34]**. Đối với hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính, đề thi do viên chức phòng ĐBCL&KT tạo theo cấu trúc từ NHCHT trước mỗi ca thi, điểm thi được chấm

trên phần mềm và người học nhận được ngay kết quả thi **[TC.16.01.35], [TC.16.01.36]**.

Đặc biệt học kỳ II năm học 2020-2021, do dịch COVID nên Trường đã tổ chức kỳ thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến. Ba hình thức thi trực tuyến được Trường sử dụng là tiểu luận, tự luận được sử dụng tài liệu và trắc nghiệm trên máy tính. Công tác đánh giá người học bằng hình thức trực tuyến vẫn tuân thủ các quy định và quy trình của Nhà trường. Người học được dự thi và chịu sự giám sát theo các phòng thi lập trên phần mềm Microsoft Teams. Nhìn chung kỳ thi thu được kết quả tốt, tuy nhiên còn một số người học không tham gia thành công kỳ thi do sự cố đường truyền internet, sự cố thiết bị... **[TC.16.01.37], [TC.16.01.38], [TC.16.01.39], [TC.16.01.40], [TC.16.01.41]**.

Học phần Thực tế/Thực hành được khoa giúp người học được thực hành nghề nghiệp, việc đánh giá người học được giao cho giảng viên của Trường phối hợp với cán bộ tại cơ sở thực tập thực hiện dự trên các tiêu chí được quy định trong đề cương chi tiết của học phần (bao gồm điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình thực tập, báo cáo kết quả thực tập) **[TC.16.01.42]**.

Trước năm 2020 Trường tự tổ chức đánh giá như các học phần khác và cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng-An ninh cho sinh viên, từ năm 2020 Trường liên kết với trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh để đào tạo và đánh giá, cấp chứng chỉ GDQP-AN theo quy định mới của Bộ GD&ĐT **[TC.16.01.43]**.

Để đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học theo chuẩn đầu ra tiếng Anh mà Bộ GD&ĐT đã quy định, Nhà trường tổ chức kỳ thi cấp giấy chứng nhận tiếng Anh nội bộ cho sinh viên năm cuối. Trường thành lập Hội đồng thi, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi để thực hiện công tác ra đề thi, tổ chức thi, coi thi, chấm thi đảm bảo kỳ thi diễn ra nghiêm túc và thực hiện đúng các quy chế, quy định. Những sinh viên đã được cấp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo các quy định cụ thể của Nhà trường **[TC.16.01.44], [TC.16.01.45], [TC.16.01.46], [TC.16.01.47], [TC.16.01.48], [TC.16.01.49], [TC.16.01.50], [TC.16.01.51], [TC.16.01.52]**.

Cuối mỗi học kỳ sinh viên được đánh giá kết quả rèn luyện theo quy định và quy trình của Trường. Sinh viên được tự đánh giá theo các tiêu chí của mẫu phiếu quy định, lớp họp thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên có CVHT cùng dự họp, kết quả tiếp tục được gửi đến phòng QLSV để thực hiện các bước đánh giá tại hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện. Các tiêu chí đánh giá được cụ thể trong phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên. Kết quả rèn luyện được sử dụng trong việc xét

duyet học bổng, khen thưởng-kỷ luật, thôi học, ngừng học... [TC.16.01.53], [TC.16.01.54].

Đánh giá đầu ra khoá học: Bậc đại học có hai hình thức đánh giá đầu ra cuối khoá học là thi TN hoặc bảo vệ khoá luận TN, bậc SDH chỉ có hình thức bảo vệ luận văn/luận án.

Kỳ thi TN đại học (môn Lý thuyết tổng hợp) trước năm 2019 được thi theo hình thức tự luận không được sử dụng tài liệu, công tác ra đề thi, tổ chức thi và chấm thi, thanh tra thi được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo các quy định của Nhà trường. Từ năm 2019 hình thức thi được chuyển sang hình thức trắc nghiệm trên máy tính, Trường có phần mềm riêng để tổ chức thi TN, các bước xây dựng NHCHT, tạo đề thi theo cấu trúc, coi thi, thanh tra thi... luôn luôn đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng [TC.16.01.55], [TC.16.01.56], [TC.16.01.57], [TC.16.01.58], [TC.16.01.59], [TC.16.01.60].

Theo từng năm học sinh viên phải đủ các điều kiện làm khoá luận của Nhà trường sẽ được làm khoá luận TN. Các ban chấm/hội đồng chấm thi khoá luận TN thực hiện công tác chấm thi theo quy định của Trường, điểm đánh giá cuối cùng là điểm TB chung của các thành viên ban chấm/hội đồng [TC.16.01.01], [TC.16.01.02], [TC.16.01.03], [TC.16.01.59].

Đối với bậc SDH, hình thức đánh giá đầu ra cuối khoá học là bảo vệ luận văn/luận án, học viên phải có đề cương nghiên cứu xét duyệt đạt mới được giao đề tài, luận văn/luận án được đánh giá bởi các hội đồng đánh giá luận văn/luận án và tuân thủ theo các quy định đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ [TC.16.01.04], [TC.16.01.05], [TC.16.01.06], [TC.16.01.07], [TC.16.01.60].

Để được công nhận TN, người học phải có đủ các điều kiện cụ thể trong quy chế, quy định đào tạo của Trường. Hội đồng xét TN căn cứ vào điều kiện công nhận TN để xét duyệt, lập danh sách người học đủ điều kiện và đề nghị Hiệu trưởng ký quyết định công nhận và cấp bằng TN [TC.16.01.03], [TC.16.01.05], [TC.16.01.07], [TC.16.01.61].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được CDR.

Chuẩn đầu ra của tất cả các ngành đào tạo tại HUP đều được xác định rõ ràng và được công bố công khai tới các bên liên quan [TC.16.02.01], [TC.16.02.02]. Mỗi CTĐT đều được xây dựng bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào

việc đạt CĐR của chương trình. Căn cứ trên CĐR của CTĐT, các bộ môn xây dựng CĐR ra của từng học phần và bảng ma trận mối quan hệ nội dung học phần với mục tiêu/chuẩn đầu ra của học phần. Dựa trên mục tiêu/CĐR của từng học phần, các bộ môn xây dựng các hoạt động đánh giá phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra **[TC.16.02.03]**.

Nhà trường đã ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh CTĐT của Trường, trong bước xây dựng đề cương chi tiết quy định rõ hoạt động kiểm tra đánh giá được thiết kế phải đảm bảo tương thích để đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT **[TC.16.02.04]**. Đầu mỗi học kỳ các bộ môn xây dựng kế hoạch đánh giá người học theo từng học phần và phổ biến cho người học qua slide bài giảng đầu tiên **[TC.16.02.05]**.

Các hoạt động đánh giá người học được Nhà trường quy định trong các quy chế, quy định các hệ đào tạo và được cụ thể hoá rõ ràng trong các quy định, quy trình, hướng dẫn chi tiết cho cán bộ, giảng viên, người học để thực hiện. Các văn bản được gửi đến các đơn vị trong Trường và đăng trên cổng thông tin nội bộ HUP, trang thông tin *daotao.hup.edu.vn* nên các cán bộ, giảng viên, người học đều nắm bắt và thực hiện tốt các quy định **[TC.16.02.06]**, **[TC.16.02.07]**, **[TC.16.02.08]**, **[TC.16.02.09]**, **[TC.16.02.10]**, **[TC.16.02.11]**, **[TC.16.02.12]**.

Đối với đánh giá học phần, Nhà trường đã có quy định đánh giá kết quả học tập của người học thông qua hệ thống điểm đánh giá quá trình; điểm đánh giá phần thực hành (nếu có); điểm chuyên cần và điểm thi kết thúc học phần. Hệ thống điểm thi và tổng hợp điểm được quản lý bởi phần mềm QLĐT **[TC.16.02.06]**, **[TC.16.02.07]**, **[TC.16.02.08]**, **[TC.16.02.09]**, **[TC.16.02.10]**, **[TC.16.02.11]**, **[TC.16.02.12]**, **[TC.16.02.13]**.

Điểm đánh giá chuyên cần chiếm tỉ trọng $\leq 10\%$ và được giảng viên chủ động đánh giá theo mức độ tham gia lớp học, ý thức của người học trong các hoạt động học tập để đảm bảo chuẩn đầu ra về thái độ **[TC.16.02.14]**.

Điểm đánh giá quá trình (điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm tiểu luận) đã giúp người học đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm cũng như kỹ năng nghề nghiệp. GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bảng kiểm, làm và báo cáo thực hành, thí nghiệm, thực tập, bài tập lớn... hoặc kết hợp các hình thức nói trên tùy theo tính đặc thù của từng học phần nhằm đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học. Tùy từng học phần, GV có thể tổ chức một hoặc nhiều bài kiểm tra thường xuyên, phản hồi liên tục, chính thức hoặc không chính thức thông

qua các nhiệm vụ học tập; các bài kiểm tra (pre-test/test): kiểm tra đầu giờ, giữa giờ, cuối giờ trong mỗi bài dạy; quan sát sản phẩm (nhật ký học tập, tiểu luận, báo cáo...; quan sát quá trình (thảo luận, thuyết trình, thực hành, thực tế, thí nghiệm...) trong đánh giá quá trình nhằm mục đích hướng tới việc điều chỉnh các loại năng lực khác nhau ở các mức độ khác nhau của người học [TC.16.02.03], [TC.16.02.15], [TC.16.02.16], [TC.16.02.17].

Cuối mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức kỳ thi kết thúc học phần với các hình thức thi được các bộ môn lựa chọn bao gồm: tự luận không sử dụng tài liệu hoặc được sử dụng tài liệu, tiểu luận, trắc nghiệm trên máy tính...[TC.16.02.18]. Trọng số điểm thi kết thúc học phần không được nhỏ hơn 50% [TC.16.02.08]. Công tác ra đề thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy trình của Trường ban hành. Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hướng dẫn giảng viên xây dựng bảng trọng số nội dung học phần với cấp độ năng lực, biên soạn NHCHT, tổ chức xây dựng bộ đề thi theo cấu trúc. Với mỗi chủ đề kiến thức (nội dung/chương) và tại mỗi cấp độ năng lực, căn cứ vào CDR/mục tiêu học phần, bộ môn đưa ra một tỷ trọng phù hợp với từng học phần. Cấu trúc đề thi thể hiện rõ về thời gian làm bài, số lượng câu hỏi thi, trọng số điểm cho các khối/lĩnh vực nội dung đánh giá đảm bảo tính bao phủ, điểm số phân bổ cho từng câu hỏi và trọng số độ khó câu hỏi. Số lượng câu hỏi trong đề thi phải phù hợp với khối lượng kiến thức của học phần (số tín chỉ) và thời gian làm bài. NHCHT được biên soạn phù hợp, bao trùm hết được nội dung dạy-học và đủ lượng giá các mục tiêu học tập trong đề cương chi tiết của học phần, bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ của học phần. NHCHT và các bộ đề thi đều được xây dựng dựa trên thang nhận thức Bloom: đánh giá mức độ tái hiện kiến thức (Nhớ), đánh giá năng lực tái tạo (Hiểu - Vận dụng), đánh giá năng lực lập luận sáng tạo (Phân tích - Đánh giá - Sáng tạo). Câu hỏi thi được viết theo đúng yêu cầu về các thông số kỹ thuật trong bảng trọng số nội dung HP và cấu trúc đề thi [TC.16.02.19], [TC.16.02.20], [TC.16.02.21], [TC.16.02.22], [TC.16.02.23], [TC.16.02.24].

Đối với một số môn định hướng chuyên ngành hoặc chuyên ngành, yêu cầu người học biết tổng hợp kiến thức để giải quyết một vấn đề phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian, việc đánh giá chủ yếu là hình thức tự luận được sử dụng tài liệu hoặc tiểu luận. Các hình thức này đã đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của các học phần đặc biệt là các chuẩn kỹ năng, thái độ nghề nghiệp [TC.16.02.18], [TC.16.02.24].

Đối với các học phần thực hành/thực tập chiếm tỉ trọng $\leq 30\%$, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực tập và được đánh giá là đạt; bộ môn xây dựng chi tiết cách tính điểm thực tập theo quy định của Trường, bảng kiểm đánh giá thực tập thể hiện các

tiêu chí đánh giá cụ thể nhằm giúp người học hình thành kỹ năng nghề nghiệp và góp phần đạt được chuẩn đầu ra của học phần **[TC.16.02.17]**.

Quá trình tổ chức thi, tổ chức chấm thi học phần của Nhà trường được triển khai nghiêm túc, đúng quy định, quy trình của Nhà trường. Công tác thanh tra, giám sát tất cả các kỳ thi được thực hiện đầy đủ **[TC.16.02.25], [TC.16.02.26], [TC.16.02.27], [TC.16.02.28], [TC.16.02.29]**.

Đặc biệt học kỳ II năm học 2020-2021, do dịch COVID nên Trường đã tổ chức kỳ thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến. Ba hình thức thi trực tuyến được Trường sử dụng là tiểu luận, tự luận được sử dụng tài liệu và trắc nghiệm trên máy tính. Người học được dự thi và chịu sự giám sát theo các phòng thi lập trên phần mềm Microsoft Teams; bài thi tự luận của người học được nộp theo đường link thu bài, phòng ĐBCL&KT tiến hành làm phách điện tử và gửi bài thi file mềm cho cán bộ chấm thi theo phân công, điểm thi được ghi chi tiết vào từng phiếu chấm giấy để lưu trữ. Nhà trường có các văn bản hướng dẫn công tác thi trực tuyến đầy đủ và rõ ràng, các hình thức thi được lựa chọn phù hợp, vì vậy kỳ thi diễn ra suôn sẻ và thu được kết quả tốt **[TC.16.02.30], [TC.16.02.31], [TC.16.02.32], [TC.16.02.33], [TC.16.02.34]**.

Nhà trường tổ chức kỳ thi cấp giấy chứng nhận tiếng Anh nội bộ cho sinh viên năm cuối. Trường thành lập Hội đồng thi, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi để thực hiện công tác ra đề thi, tổ chức thi, coi thi, chấm thi đảm bảo kỳ thi diễn ra nghiêm túc và thực hiện đúng các quy chế, quy định. Hình thức thi bao gồm trắc nghiệm trên máy tính phần thi đọc, trả lời vào phiếu giấy phần thi nghe và viết; phần thi nói được chia thành các bàn đảm bảo hai cán bộ phòng vấn cho mỗi bàn chấm thi **[TC.16.02.35], [TC.16.02.36], [TC.16.02.37], [TC.16.02.38], [TC.16.02.39], [TC.16.02.40], [TC.16.02.41], [TC.16.02.42], [TC.16.02.43]**.

Cuối mỗi học kỳ sinh viên được đánh giá kết quả rèn luyện theo quy định và quy trình của Trường. Các tiêu chí đánh giá bao gồm các nội dung về ý thức tham gia học tập và ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của Trường. Thang điểm đánh giá được cụ thể trong phiếu đánh giá kết quả rèn luyện. Sinh viên tự đánh giá, lớp họp thông qua và kết quả tiếp tục gửi đến phòng QLSV để thực hiện các bước đánh giá tại hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện; sinh viên được khiếu nại trong vòng 7 ngày làm việc sau khi công bố kết quả rèn luyện **[TC.16.02.44], [TC.16.02.45]**.

Bậc đại học có hai hình thức đánh giá đầu ra cuối khoá học là thi TN hoặc bảo vệ khoá luận TN. Kỳ thi TN đại học (môn Lý thuyết tổng hợp) trước năm 2019 được thi theo hình thức tự luận không được sử dụng tài liệu, từ năm 2019 hình thức thi được chuyển sang hình thức trắc nghiệm trên máy tính, Trường có phần mềm riêng để tổ

chức thi TN, các bước xây dựng NHCHT, tạo đề thi, coi thi, thanh tra thi... luôn luôn đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng. NHCHT bao gồm nhiều lĩnh vực kiến thức chuyên ngành đảm bảo độ bao phủ và phù hợp với mục tiêu của môn học [TC.16.02.46], [TC.16.02.47], [TC.16.02.48]. Theo từng năm học sinh viên phải đủ các điều kiện làm khoá luận của Nhà trường sẽ được làm khoá luận TN. Nhằm đánh giá SVTN đạt được chuẩn đầu ra, điểm đánh giá khoá luận được các ban chấm đúng chuyên ngành và dựa trên các tiêu chí về tinh thần thái độ, kết quả đạt được, năng lực độc lập giải quyết vấn đề, năng lực tra cứu tập hợp tài liệu, trình bày khoá luận, kỹ năng báo cáo, trả lời...[TC.16.02.49], [TC.16.02.50], [TC.16.02.51].

Đối với bậc SDH, hình thức đánh giá đầu ra cuối khoá học là bảo vệ luận văn/luận án, học viên được xét duyệt đề cương nghiên cứu phải đạt mới được giao đề tài, điểm đánh giá luận văn được chấm bởi các hội đồng đúng chuyên ngành dựa trên nhiều tiêu chí như phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, tài liệu tham khảo, kỹ năng báo cáo, trả lời, kết quả học tập, thành tích trong nghiên cứu...[TC.16.02.09], [TC.16.02.10], [TC.16.02.11], [TC.16.02.12], [TC.16.02.51].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CDR.

Để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng trong kiểm tra, đánh giá, các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được Nhà trường thường xuyên rà soát. Nội dung rà soát bao gồm các quy chế quy định, hình thức thi, phần mềm quản lý, phần mềm thi, NHCHT, đề thi, công tác coi thi, chấm thi, công bố kết quả và các quy trình nghiệp vụ có liên quan...

Các quy chế, quy định đào tạo bậc đại học, SDH của Trường được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hàng năm theo sự thay đổi, sửa đổi quy chế, quy định của Bộ giáo dục & Đào tạo. Đồng thời các quy chế, quy định đào tạo cũng được rà soát, bổ sung thường xuyên đảm bảo công tác đánh giá người học được chính xác, tin cậy, công bằng. Năm 2021, Nhà trường mới ban hành quy chế đào tạo đại học trình độ đại học, quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ thay thế các quy chế, quy định trước thời điểm ban hành. Phần mềm QLĐT cũng được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành [TC.16.03.01], [TC.16.03.02], [TC.16.03.03], [TC.16.03.04], [TC.16.03.05], [TC.16.03.06], [TC.16.03.07], [TC.16.03.08].

Công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được thực hiện theo quy định, quy trình rõ ràng của Nhà trường và các nội dung đánh giá kết quả rèn luyện được rà soát hàng năm. Sinh viên có quyền được khiếu nại trong vòng 7 ngày làm việc sau khi

công bố kết quả rèn luyện, phòng QLSV là đơn vị tiếp nhận giải quyết các khiếu nại một cách thoả đáng. Năm 2019 Trường đã tiến hành rà soát và sửa đổi quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên, trong đó các tiêu chí đánh giá được sửa đổi bổ sung theo hướng dễ lượng hoá, rõ ràng, khách quan hơn và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra [TC.16.03.09], [TC.16.03.10].

Để thực hiện kế hoạch hành động sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau ĐGN nhằm mục đích củng cố, rà soát các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra, năm 2018 Nhà trường đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho các giảng viên của Trường về việc “xây dựng CTĐT dựa trên chuẩn năng lực”; “xây dựng phát triển CTĐT và ĐBCLGD bên trong”; “thiết kế, xây dựng và phát triển chương trình giáo dục đại học hiện đại”; “xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập” [TC.16.03.11], [TC.16.03.12], [TC.16.03.13], [TC.16.03.14], [TC.16.03.15], [TC.16.03.16].

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được rà soát bởi bộ môn khi rà soát đề cương chi tiết hàng năm theo quy định của Trường. Trong năm 2020 Trường đã chỉ đạo phòng Đào tạo/SĐH xây dựng ma trận mối quan hệ giữa học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, các bộ môn xây dựng ma trận mối quan hệ của nội dung học phần với mục tiêu/CĐR của học phần [TC.16.03.17], [TC.16.03.18], [TC.16.03.19]; căn cứ vào mục tiêu/CĐR của học phần các bộ môn xây dựng ngân hàng câu hỏi theo mẫu bản đặc tả chi tiết NHCHT. Trong giai đoạn 2019-2022 công tác ra đề thi học phần liên tục được rà soát, các biểu mẫu ra đề thi hướng dẫn chi tiết hơn đã giúp cho việc đánh giá người học hướng tới đạt chuẩn đầu ra. [TC.16.03.17], [TC.16.03.20], [TC.16.03.21], [TC.16.03.11], [TC.16.03.22], [TC.16.03.23], [TC.16.03.24].

Các hình thức thi được rà soát đối chiếu giữa CTCT với lịch thi bởi phòng Đào tạo. Tất cả các câu hỏi thi, đáp án do giảng viên biên soạn phải được trưởng bộ môn rà soát, xét duyệt về nội dung, thời lượng, hình thức thi và các thể thức theo quy định của Nhà trường rồi mới được sử dụng. Các đề thi đều có chữ ký phê duyệt của trưởng bộ môn và niêm phong để gửi phòng ĐBCL&KT bóc thăm, nhân bản để tổ chức thi [TC.16.03.20], [TC.16.03.24], [TC.16.03.25].

Công tác đánh giá đề thi trắc nghiệm được thực hiện đối với tất cả các học phần thi trắc nghiệm ở giai đoạn mới triển khai, trong giai đoạn sau các đề thi trắc nghiệm mới tổ chức thi sẽ được đánh giá để cung cấp CSDL cho công tác rà soát và cải tiến. Các bước đánh giá đề thi được cụ thể trong quy trình của Nhà trường, phần mềm thi trắc nghiệm đã được lập trình để trích xuất được độ khó, độ phân biệt... của câu hỏi

thi; dùng lý thuyết khảo thí cổ điển và hiện đại đồng thời sử dụng phần mềm Excel và SPSS để xử lý và phân tích dữ liệu từ đó đưa ra nhận xét chi tiết về từng câu hỏi thi [TC.16.03.26], [TC.16.03.27].

Hàng năm các bộ môn tổ chức thực hiện công tác rà soát NHCHT sau mỗi đợt thi học kỳ và trước khi tổ chức thi học kỳ để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CDR. Việc rà soát NHCHT được thực hiện dựa trên kết quả phân tích chất lượng đề thi (độ khó dễ, độ phân biệt và độ giá trị của từng câu hỏi...), thống kê và biểu đồ phân bố điểm của người học theo từng học phần, kết quả khảo sát từ các bên liên quan. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị cung cấp các kết quả đó để các bộ môn thực hiện chỉnh sửa, bổ sung NHCHT cho phù hợp [TC.16.03.26], [TC.16.03.27], [TC.16.03.28], [TC.16.03.29], [TC.16.03.30].

Để đảm bảo tính chính xác, công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của người học, công tác tổ chức thi cũng luôn được rà soát. Các quy trình tổ chức thi được bổ sung điều chỉnh và phần mềm tổ chức thi được nâng cấp để phù hợp với thực tế quá trình triển khai [TC.16.03.31], [TC.16.03.32], [TC.16.03.33]. Song song là công tác chấm thi cũng được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019, tất cả các bộ môn chấm thi tập trung tại phòng chung của Nhà trường, bộ phận làm phách và bộ phận chấm thi độc lập đảm bảo công tác đánh giá người học được chặt chẽ và khách quan [TC.16.03.34].

Nhà trường tuân thủ các quy định về chấm phúc khảo và khiếu nại điểm. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa điểm thi đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý, người học có trách nhiệm kiến nghị với phòng Đào tạo, Phòng ĐBCL&KT và bộ môn để kiểm tra lại và thông báo kết quả rà soát cho người học. Các trường hợp người học phúc khảo điểm thi đều được bộ môn và phòng ĐBCL&KT giải quyết theo đúng quy trình (nộp đơn phúc khảo trong thời gian 7 ngày và sau 13 ngày có kết quả phúc khảo). Bài phúc khảo được hai cán bộ phòng ĐBCL&KT rút bài, đối chiếu kiểm tra số phách-mã sinh viên/học viên, hai cán bộ chấm thi khác với cán bộ chấm thi lần 1 cộng lại điểm thi trên bài đồng thời rà soát chấm lại nội dung bài thi. Kết quả phúc khảo được thông báo kịp thời và rõ ràng đến người học, không có người học thắc mắc và khiếu nại gì về công tác đánh giá kết quả học tập [TC.16.03.35], [TC.16.03.36].

Các cuộc họp giao ban đào tạo của Trường luôn chú trọng thảo luận và đưa ra các kết luận cho việc rà soát, củng cố công tác đánh giá người học. Đồng thời các cuộc họp của BGH, các phòng chức năng với các cán bộ lớp cũng là một kênh thông tin phản ánh về công tác đánh giá người học để Nhà trường điều chỉnh nếu phù hợp [TC.16.03.37], [TC.16.03.38].

Công tác thanh tra giám sát đào tạo của Nhà trường thực hiện định kỳ hàng năm, vì vậy công tác kiểm tra, đánh giá người học đã được đoàn thanh tra rà soát tại các bộ môn theo các tiêu chí cụ thể trong bảng kiểm kiểm tra công tác khảo thí và ĐBCL. Hoạt động này đã giúp các bộ thống kê được các điểm mạnh cần tiếp tục phát huy và các điểm còn tồn tại để khắc phục cải tiến kịp thời [TC.16.03.39]. Từ năm 2021, HĐT đã kiểm tra và đánh giá lại kết quả thực hiện nhiệm vụ của năm, trong đó có mảng hoạt động công tác ĐBCL và khảo thí được HĐT chỉ đạo điều chỉnh và bổ sung một số hoạt động [TC.16.03.40].

Bên cạnh đó, Nhà trường giao cho phòng ĐBCL&KT định kỳ tổ chức thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động kiểm tra đánh giá (lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về hoạt động giảng dạy của từng học phần, về kỳ thi TN môn lý thuyết tổng hợp...), kết quả khảo sát cho thấy đa số người học hài lòng về các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo sự khách quan, công bằng...kết quả đánh giá hầu hết ở mức tốt và khá trong giai đoạn 2017-2021. Kết quả phản hồi là một kênh thông tin rất quan trọng để nhận thấy được những điểm còn tồn tại để Nhà trường, các phòng chức năng, bộ môn tiếp thu, rà soát và thực hiện cải tiến theo kế hoạch [TC.16.03.41], [TC.16.03.42], [TC.16.03.43], [TC.16.03.44], [TC.16.03.45].

Năm 2020 trong khuôn khổ dự án hợp tác với Yakuzemi - Nhật Bản, Trường đã phối hợp với văn phòng dự án tổ chức kỳ thi chung trên máy tính giữa HUP và trường Đại học Y Dược thành phố HCM. NHCHT do phía Nhật bản cung cấp, sinh viên HUP đã đạt được kết quả cao của kỳ thi. Một số bộ môn đã tham khảo được một số kỹ thuật và nội dung câu hỏi thi trắc nghiệm từ phía Nhật bản, từ đó rà soát và bổ sung cho NHCHT của bộ môn [TC.16.03.46], [TC.16.03.47], [TC.16.03.48].

Từ các kết quả trên cho thấy các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được Nhà trường rà soát, thực hiện đúng theo quy định như công khai ban đầu, đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy và công bằng hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.

Sau các hoạt động rà soát, Nhà trường triển khai các hành động khắc phục, cải tiến những tồn tại về các hình thức và các phương pháp đánh giá người học.

Nhằm hướng tới đạt CĐR của học phần và của CTĐT, các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến cho phù hợp, vì vậy các quy trình nghiệp vụ và các biểu mẫu đính kèm có liên quan cũng được thay đổi và cải tiến. Đặc biệt là

quy trình ra đề thi đã bổ sung thêm các bước xây dựng bảng trọng số, bản đặc tả chi tiết và yêu cầu về đề thi có sự phân bố hợp lý câu hỏi ở các mức độ khó theo thang Bloom đồng thời các biểu mẫu thiết kế phù hợp hơn; quy trình tổ chức thi được cải tiến một số nội dung như thời gian làm bài thi, hướng dẫn cán bộ coi thi và người học chi tiết cụ thể hơn...[TC.16.04.01], [TC.16.04.02], [TC.16.04.03], [TC.16.04.04], [TC.16.04.05].

Phần mềm QLĐT cũng được rà soát, bổ sung và cải tiến cho phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành và thực tế quá trình triển khai. Phần mềm thi trắc nghiệm được nâng cấp đã tạo được nhiều tính năng hơn như trích xuất được phổ điểm thi, cấu trúc được đề thi theo yêu cầu của bộ môn để đánh giá người học [TC.16.04.06], [TC.16.04.07].

Nhà trường đã tăng tỷ lệ điểm quá trình, tăng quyền kiểm soát của giảng viên đối với người học, kết quả đánh giá học phần là đánh giá cả quá trình học tập, tránh trường hợp người học chỉ tập trung vào điểm số của kỳ thi cuối kỳ. Nhà trường quy định từ năm 2021, điểm đánh giá chuyên cần chiếm tỉ trọng là 10% và được giảng viên chủ động đánh giá theo mức độ tham gia lớp học, ý thức của người học trong các hoạt động học tập để đảm bảo chuẩn đầu ra về thái độ. Thang quy đổi điểm học phần cũng được chia nhỏ hơn để nhằm đánh giá xếp loại người học được chính xác hơn [TC.16.04.08], [TC.16.04.09], [TC.16.04.10], [TC.16.04.11].

Thực hiện theo quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh CTĐT của Trường, hàng năm các bộ môn rà soát CTCT các học phần, vì vậy các loại hình và phương pháp đánh giá người học luôn được điều chỉnh, cải tiến phù hợp để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra [TC.16.04.12], [TC.16.04.13], [TC.16.04.14], [TC.16.04.15].

Để thực hiện kế hoạch cải tiến sau ĐGN nhằm mục đích củng cố, rà soát các phương pháp đánh giá và nâng cao năng lực cho các giảng viên trong quá trình đánh giá người học, Nhà trường đã tổ chức lớp tập huấn về việc “xây dựng CTĐT dựa trên chuẩn năng lực”; “xây dựng phát triển CTĐT và ĐBCLGD bên trong”; “thiết kế, xây dựng và phát triển chương trình giáo dục đại học hiện đại”; “xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập” [TC.16.04.16], [TC.16.04.17], [TC.16.04.18], [TC.16.04.19], [TC.16.04.20].

Từ năm 2015, Trường đã bắt đầu xây dựng hệ thống phần mềm thi trắc nghiệm trên máy, xây dựng bộ câu hỏi thi thử và triển khai thi cho đến nay. Mỗi năm học số học phần/số bộ môn sử dụng hình thức trắc nghiệm để đánh giá người học tăng lên. Tính đến năm 2021, Trường có hơn 90% số bộ môn sử dụng phương pháp đánh giá kết quả học tập bằng hình thức trắc nghiệm trên máy tính [TC.16.04.21]. Sau mỗi kỳ thi, Phòng ĐBCL&KT tiến hành đánh giá các đề thi mới lần đầu sử dụng hoặc các đề thi cho kết

quả bất thường và gửi kết quả phân tích về các bộ môn để rà soát, chỉnh sửa và cập nhật vào ngân hàng đề thi trước khi tổ chức thi các kỳ thi sau. Công tác đánh giá đề thi được thực hiện theo quy trình của Nhà trường và áp dụng lý thuyết khảo thí cổ điển và hiện đại đồng thời sử dụng phần mềm Excel và SPSS để xử lý và phân tích dữ liệu từ đó đưa ra nhận xét chi tiết về từng câu hỏi thi, vì vậy NHCHT được rà soát và cải tiến hàng năm và ngày càng hoàn chỉnh **[TC.16.04.14], [TC.16.04.22], [TC.16.04.23], [TC.16.04.24]**. Trước năm 2019 công tác làm phách và tổ chức chấm thi do bộ môn thực hiện, nhưng từ tháng 5 năm 2019 công tác làm phách, tổ chức chấm thi, tổ chức phúc khảo được giao cho phòng ĐBCL& KT đảm nhiệm. Công tác làm phách và chấm thi được tách biệt độc lập, việc gieo phách trên phần mềm rồi đánh phách, nhập điểm thi theo số phách, bài thi được chấm tại phòng chung của Trường đã tăng hiệu quả công việc, đảm bảo chính xác và khách quan hơn. Công tác tổ chức phúc khảo cũng được thực hiện theo hình thức trực tuyến rất thuận lợi cho người học **[TC.16.04.25], [TC.16.04.26], [TC.16.04.27]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường giao cho phòng ĐBCL&KT định kỳ tổ chức thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động kiểm tra đánh giá (lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về hoạt động giảng dạy của từng học phần, về kỳ thi TN môn lý thuyết tổng hợp...), kết quả khảo sát cho thấy đa số người học hài lòng về các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo sự khách quan, công bằng...kết quả đánh giá qua các năm tốt lên trong giai đoạn 2017-2021; Kết quả phản hồi là một kênh thông tin rất quan trọng để nhận thấy được những điểm còn tồn tại để Nhà trường, các phòng chức năng, bộ môn tiếp thu, rà soát và thực hiện cải tiến theo kế hoạch **[TC.16.04.28], [TC.16.04.29], [TC.16.04.30], [TC.16.04.31], [TC.16.04.32]**.

Công tác thanh tra giám sát đào tạo của Nhà trường thực hiện định kỳ hàng năm, vì vậy công tác kiểm tra, đánh giá người học đã được đoàn thanh tra rà soát tại các bộ môn theo các tiêu chí cụ thể trong bảng kiểm kiểm tra công tác khảo thí và ĐBCL. Hoạt động này đã giúp các bộ thống kê được các điểm còn tồn tại để khắc phục cải tiến kịp thời **[TC.16.04.33]**.

Năm học 2019-2020 nhóm nghiên cứu của Trường đã thu thập ý kiến phản hồi của người học về hoạt động kiểm tra đánh giá trong CTĐT đại học ngành dược, kết quả nghiên cứu về “cải tiến hoạt động kiểm tra đánh giá trên cơ sở ý kiến phản hồi của người học tại HUP” đã được báo cáo trong hội nghị đào tạo Y Dược “Đào tạo Y khoa dựa trên năng lực và chuẩn đầu ra: thực tại và tương lai” và đạt giải nhì báo cáo poster. Trên cơ sở kết quả phản hồi, Nhà trường đã từng bước đa dạng hoá các phương pháp kiểm tra đánh giá và điều chỉnh tỉ trọng đánh giá cuối kỳ phù hợp hơn **[TC.16.04.34]**.

Đặc biệt học kỳ II năm học 2020-2021, do dịch COVID -19 nên Trường đã tổ chức kỳ thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến. Ba hình thức thi trực tuyến được áp dụng thi trực tuyến là tiểu luận, tự luận được sử dụng tài liệu và trắc nghiệm trên máy tính. Trường đã nghiên cứu và xây dựng quy trình tổ chức thi trực tuyến cùng với hướng dẫn người học dự thi và cán bộ coi thi kịp thời đáp ứng thời kỳ dịch. Người học được dự thi và chịu sự giám sát theo các phòng thi lập trên phần mềm Microsoft Teams; bài thi tự luận của người học được nộp theo đường link thu bài về phần mềm OneDrive, phòng ĐBCL&KT tiến hành làm phách điện tử và gửi bài thi file mềm cho cán bộ chấm thi theo phân công, điểm thi được ghi chi tiết vào từng phiếu chấm giấy để lưu trữ; phần mềm thi trắc nghiệm được nâng cấp nên có chức năng nhận diện khuôn mặt người học dự thi. Tất cả các biện pháp cải tiến trên đã thích ứng được thời kỳ dịch bệnh và vẫn đảm bảo được phương pháp đánh giá khách quan, công bằng kết quả học tập của người học [TC.16.04.35], [TC.16.04.36], [TC.16.04.37], [TC.16.04.38], [TC.16.04.39].

Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được rà soát và sửa đổi vào năm 2019, trong đó các tiêu chí đánh giá được sửa đổi theo hướng dễ lượng hoá, rõ ràng, khách quan hơn và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra. Vì vậy mà hầu như không có các khiếu nại và thắc mắc của sinh viên về kết quả đánh giá rèn luyện trong giai đoạn vừa qua [TC.16.04.40], [TC.16.04.41].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Việc đánh giá người học được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ lúc nhập học tới khi ra trường. Nhà trường có hệ thống các quy chế, quy định, quy trình từ việc lập kế hoạch đến việc triển khai, giám sát công tác ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, thanh tra thi và phúc khảo đảm bảo sự chính xác, công bằng, khách quan trong hoạt động kiểm tra đánh giá người học.

Nhà trường có các quy trình đánh giá người học rất rõ ràng, chặt chẽ, đảm bảo tính công bằng, khách quan.

Các hình thức kiểm tra đánh giá người học đa dạng và phù hợp với quá trình học tập.

Các hình thức kiểm tra đánh giá được xây dựng phù hợp trong suốt quá trình học tập để đạt được chuẩn đầu ra.

Các quy chế, quy định đào tạo bậc đại học, SDH, các quy trình nghiệp vụ của Trường được rà soát, bổ sung thường xuyên đã giúp cho quá trình đánh giá đảm bảo chặt chẽ, công bằng và khách quan.

Hệ thống khảo sát, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện định kỳ đầy đủ luôn là kênh thông tin hữu ích để rà soát công tác đánh giá người học.

Công tác ra đề thi, tổ chức thi, tổ chức chấm thi được cải tiến đảm bảo tính chính xác, nghiêm túc, công bằng và khách quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa có nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy sinh viên học ngoại ngữ trong suốt quá trình học.

- NHCHT của một số học phần có số câu hỏi thi chưa đủ lớn theo quy định của Trường.

- Chất lượng đánh giá điểm quá trình của người học còn chưa đồng đều giữa các giảng viên.

- Đề thi tự luận chưa được rà soát kỹ và cải tiến đồng đều tại các bộ môn.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 2.1	Tổ chức đánh giá người học để phân chia các lớp Tiếng Anh theo trình độ. Tăng cường hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá người học các chuyên đề tự chọn bằng tiếng Anh.	BGH, Phòng QLĐT Các bộ môn	Từ tháng 10/2022	
2	Khắc phục tồn tại 2.2	Hàng năm bổ sung vào NHCHT của từng học phần theo quy định của Trường	Các bộ môn	từ tháng 8/2022	
3	Khắc phục tồn tại 2.3	Bộ môn thống nhất với các giảng viên về các hình thức, phương pháp, nội dung đánh giá điểm quá trình cho người học để đảm bảo đồng đều giữa các giảng viên.	Các bộ môn	Từ tháng 8/2022	

4	Khắc phục tồn tại 2.4	Tất cả các bộ môn rà soát kỹ và cải tiến đề thi tự luận sau mỗi học kỳ thi.	Bộ môn	Từ tháng 8/2022	
5	Phát huy điểm mạnh 1.1	Tiếp tục thực hiện theo hệ thống các quy chế, quy định, quy trình từ việc lập kế hoạch đến việc triển khai, giám sát công tác ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, thanh tra thi và phúc khảo đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan trong hoạt động kiểm tra đánh giá người học.	Phòng QLĐT, ĐBCL&KT, các bộ môn	Từ tháng 8/2022	
6	Phát huy điểm mạnh 1.2	Tiếp tục thực hiện các quy trình đánh giá người học đảm bảo rõ ràng, chặt chẽ, công bằng, khách quan.	Phòng QLĐT, ĐBCL&KT, các bộ môn	Từ tháng 8/2022	
7	Phát huy điểm mạnh 1.3	Tiếp tục đa dạng hoá các hình thức kiểm tra đánh giá người học cho phù hợp với quá trình học tập	Các bộ môn	Từ tháng 8/2022	
8	Phát huy điểm mạnh 1.4	Tiếp tục áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá cho phù hợp với quá trình học tập để đạt được chuẩn đầu ra.	Các bộ môn	Từ tháng 8/2022	
9	Phát huy điểm mạnh 1.5	Thường xuyên rà soát quy chế, quy định đào tạo bậc đại học, SĐH, các quy trình nghiệp vụ.	Phòng QLĐT ĐBCL&KT, các bộ môn	Từ tháng 8/2022	
10	Phát huy điểm mạnh 1.6	Định kỳ tiếp tục thực hiện đầy đủ công tác khảo sát, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về công tác đánh giá người học	Phòng QLĐT, ĐBCL&KT, các bộ môn		
11	Phát huy điểm mạnh 1.7	Tiếp tục rà soát, cải tiến công tác ra đề thi, tổ chức thi, tổ chức chấm thi để duy trì và nâng cao tính chính	Phòng QLĐT ĐBCL&KT, các bộ môn	Từ tháng 8/2022	

		xác, nghiêm túc, công bằng và khách quan.			

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 16	6
Tiêu chí 16.1	6
Tiêu chí 16.2	6
Tiêu chí 16.3	6
Tiêu chí 16.4	6

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát NH.

Văn hóa chất lượng, nét văn hóa truyền thống có lịch sử lâu đời đã thấm nhuần trong môi trường đào tạo, NCKH và mọi hoạt động của HUP. Vì vậy, mối quan tâm hàng đầu của nhà trường là không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực Được chất lượng cao cũng như và các ngành cử nhân mới mở như sứ mạng, mục tiêu mà nhà trường đã xác định. Nhằm đáp ứng yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động trước bối cảnh hội nhập quốc tế. Với chủ trương mọi hoạt động đào tạo, NCKH, các hoạt động hỗ của Trường đều là vì người học, lấy người học là trung tâm việc xây dựng các chiến lược, kế hoạch hoạt động, các văn bản quy định chung, cũng như các quy chế, quy định liên quan tới người học của nhà trường đều quan tâm tới việc tạo ra một môi trường học thuật có chất lượng cao tạo điều kiện tốt nhất cho người học được khai phóng, phát huy tốt nhất năng lực học tập, NCKH. Đồng thời, nhà trường cũng rất quan tâm huy động toàn hệ thống chính trị, các đoàn thể trong nhà trường tham gia, phối hợp xây dựng một cách thống nhất, đồng bộ các chương trình, kế hoạch định kỳ hoặc theo dòng sự kiện đề tổ chức một cách bài bản, có kế hoạch các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học nhằm hỗ trợ, phục vụ người học tốt nhất, hướng tới đạt được sứ mạng mục tiêu “Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế....” luôn là mối quan tâm hàng đầu của Nhà trường.

Để thể chế hóa các hoạt động hỗ trợ người học Nhà trường đã xây dựng hàng loạt các quy chế, quy định về việc triển khai các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học được thể hiện rõ ràng đến các đơn vị thông qua các hoạt động như:

- Quy định công tác CVHT (ban hành kèm theo quyết định số 719/QĐ-DHN ngày 08/9/2017) [TC.17.01.01]: trợ giúp, tư vấn và hỗ trợ sinh viên phát huy tối đa khả năng

học tập, lựa chọn học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu TN và khả năng tìm được việc làm thích hợp; theo dõi thành tích học tập của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra một lựa chọn đúng trong quá trình học tập, hỗ trợ để đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của sinh viên

- Quy định công tác sinh viên (ban hành kèm theo quyết định số 320/QĐ-DHN ngày 12/5/2017) **[TC.17.01.02]**: quy định rõ về hệ thống tổ chức, quản lý, công tác quản lý, hỗ trợ sinh viên; đánh giá công tác sinh viên; đánh giá kết quả rèn luyện; khen thưởng và kỷ luật sinh viên nhằm đảm bảo tốt nhất quyền và nghĩa vụ của sinh viên.

- Quy định về công tác sinh viên nội trú, ngoại trú (ban hành kèm theo quyết định số 894/QĐ-DHN ngày 02/11/2017) **[TC.17.01.03]**: nhằm bảo trợ pháp lý đảm bảo quyền và nghĩa vụ của sinh viên cũng như phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc giám sát người học thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường và chính quyền địa phương nơi cư trú, tạm trú.

Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức khám và tư vấn chăm sóc sức khỏe cho sinh viên các khóa vào đầu mỗi năm học và trong suốt quá trình sinh viên học tập tại trường **[TC.17.01.04]**, tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh đang theo học và sau khi TN, tích cực phối hợp với các doanh nghiệp, cựu sinh viên để hỗ trợ SV TN có cơ hội tìm kiếm việc làm cho người học, cựu người học **[TC.17.01.05]**, **[TC.17.01.06]**, **[TC.17.01.07]**.

Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ, hỗ trợ của năm và kế hoạch/thông báo triển khai từng hoạt động cụ thể. Nhà trường còn triển khai xây dựng kế hoạch công tác QLSV năm học **[TC.17.01.08]**, kế hoạch năm học của Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên **[TC.17.01.09]**.

Để thực hiện các công tác hỗ trợ, Nhà trường phân công Phòng QLSV chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học như: học bổng, giảm học phí, tư vấn các thủ tục, chính sách, chỗ ở, tổ chức các hoạt động chào đón tân sinh viên, phổ biến quy chế, quy định; Phòng QLSV phụ trách tiếp nhận các đơn, thư, ý kiến người học và hướng dẫn các thủ tục hành chính, hỗ trợ tư vấn cho người học/phụ huynh: hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ y tế tại Trạm Y tế; Phòng TCKT hỗ trợ người học về tài chính **[TC.17.01.10]**;

Nhà trường phân công Giảng viên, CVHT hỗ trợ tư vấn, theo dõi giám sát học tập của người học theo từng năm học **[TC.17.01.11]**. Ngoài ra, hàng năm, ĐTN đã phối hợp cùng Phòng QLSV tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, kết nối với doanh nghiệp tổ chức ngày Hội Việc làm (HUP JOB FAIR) hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người học

trong toàn Trường **[TC.17.01.05]**, **[TC.17.01.06]**. Hoạt động hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm này vẫn được duy trì thực hiện hàng năm, ngay cả trong 2 năm học bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch covid-19.

Nhà trường có hệ thống giám sát người học chặt chẽ và đa dạng bằng nhiều hình thức khác nhau: Hệ thống phần mềm QLĐT (Cổng thông tin: <http://daotao.hup.edu.vn>), đội ngũ CVHT, giảng viên và cán bộ giám sát (cán bộ Phòng QLSV, Phòng ĐT, Phòng ĐBCL&KT, giáo vụ các BM,). Phần mềm đào tạo Cổng thông tin: <http://daotao.hup.edu.vn>: có chức năng quản lý tiến trình học tập của từng học phần cho người học từ lúc nhập học cho đến khi ra Trường. Phòng Đào tạo là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc vận hành hệ thống phần mềm QLĐT. Các đơn vị, bộ phận liên quan trong Nhà trường sẽ được Phòng Đào tạo phân quyền sử dụng phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị. Đội ngũ giảng viên, CVHT: Có trách nhiệm truyền đạt kiến thức chuyên môn, NCKH và CVHT cho người học. Tìm hiểu và nắm vững thông tin người học trong lớp về mọi mặt để có biện pháp tổ chức giáo dục sát với đối tượng nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của từng người học và của cả lớp. Tham gia hướng dẫn hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục và rèn luyện người học do Nhà trường tổ chức **[TC.17.01.01]**, **[TC.17.01.08]**. Phòng QLSV: là đơn vị đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong công tác quản lý giáo dục về phẩm chất đạo đức, nhân cách, văn thể mỹ đối với người học, thực hiện công tác quản lý người học theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và quy định của Nhà trường. Trọng tâm xoay quanh các nội dung gồm: giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống trong người học; thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế; chăm lo và hỗ trợ người học; Đánh giá, bình xét điểm rèn luyện người học trong toàn trường. Bên cạnh đó, thông qua kế hoạch học tập vào đầu mỗi năm học Phòng ĐT, ĐBCLKT, các Bộ môn triển khai thực hiện chức năng giám sát, điểm danh từng buổi học trên các giảng đường **[TC.17.01.08]**.

Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐBCL &KT phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học về các hoạt động hỗ trợ. Trong đó, các tiêu chí đánh giá cụ thể được thể hiện trên các phiếu khảo sát. Hàng năm Nhà trường có kế hoạch đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ người học qua một số hình thức như: khảo sát giấy, khảo sát online. Các khảo sát bao gồm: khảo sát về công tác Tuyển sinh, nhập học, trong đó có các nội dung khảo sát về tinh thần thái độ, chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ công tác tuyển sinh và nhập học; Khảo sát phản hồi của sinh viên về hiệu quả của công tác CVHT, về tinh thần thái độ, sự hài lòng của sinh viên về sự hướng dẫn các quy chế, quy định, tư vấn, hỗ trợ về mọi mặt đối với sinh viên của các CVHT; Khảo sát mức độ hài lòng

của sinh viên về các hoạt động hỗ trợ sinh viên của các phòng chức năng của nhà trường [TC.17.01.12], [TC.17.01.13].

Kết quả đối sánh kết quả phản hồi của sinh viên sắp TN các năm và sinh viên sau khi TN ra trường 1 năm về chất lượng của hoạt động hỗ trợ người học trong giai đoạn đánh giá có nhiều chuyển biến tích cực:

Bảng 17.1.1 Kết quả phản hồi của SV khóa cuối về hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chí đánh giá	2018		2019		2020		2021	
	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức
CVHT tư vấn, hỗ trợ người học (trong học tập) hiệu quả	-	-	3.09	Khá	3.14	Khá	4.46	Tốt
Nhà trường tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa văn nghệ	3.31	Khá	3.28	Khá	3.25	Khá	4.4	Tốt
Nhà trường đáp ứng được nhu cầu thể dục, thể thao của người học theo quy định	3.11	Khá	3.17	Khá	3.04	Khá	4.27	Tốt
Nhà trường đáp ứng được các nhu cầu về y tế học đường theo quy định	3.12	Khá	3.21	Khá	3.22	Khá	4.41	Tốt
Nhà trường tạo điều kiện và thực hiện tốt các chế độ chính sách, hỗ trợ người học theo quy định chung	3.33	Khá	3.35	Khá	3.41	Tốt	4.46	Tốt
Các hoạt động Đoàn - Hội trong Trường thiết thực, có tác dụng tốt đối với người học	-	-	3.23	Khá	3.19	Khá	4.35	Tốt
Nhà trường có các hoạt động hướng nghiệp hiệu quả	3.14	Khá	3.21	Khá	3.05	Khá	4.29	Tốt

Bảng 17.1.2 Kết quả phản hồi của SV sau 1 năm TN về hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chí đánh giá	2016		2017		2018		2019	
	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức
Các hoạt động Đoàn, Hội thiết thực và có hiệu quả	3.36	Khá	3.55	Khá	3.77	Khá	3.66	Khá
Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu người học	3.39	Khá	3.53	Khá	3.77	Khá	3.69	Khá
Việc tổ chức sinh hoạt chính trị, giáo dục pháp luật phong phú, đa dạng, hiệu quả	3.33	Khá	3.54	Khá	3.66	Khá	3.65	Khá
Các hoạt động hỗ trợ tìm việc làm (hướng nghiệp, hội thảo, hội chợ, việc làm...) hiệu quả	3.35	Khá	3.65	Khá	3.60	Khá	3.58	Khá
Công tác an ninh của nhà trường đảm bảo tốt	4.10	Tốt	4.13	Rất tốt	4.23	Rất tốt	4.08	Rất tốt
Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời	3.92	Tốt	4.10	Rất tốt	4.17	Rất tốt	4.06	Rất tốt

Nhà trường hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động NCKH của người học:	3.97	Tốt	4.05	Rất tốt	4.10	Rất tốt	3.91	Tốt
Hoạt động của cán bộ phòng ban:	-	-						
- Tôn trọng người học	-	-	4.14	Rất tốt	4.2	Rất tốt	4.05	Rất tốt
- Có trách nhiệm với công việc	-	-	4.15	Rất tốt	4.17	Rất tốt	4.11	Rất tốt
- Giải quyết các yêu cầu hợp lý của người học kịp thời			4.08	Rất tốt	4.06	Rất tốt	4.10	Rất tốt

Các kết quả khảo sát trong giai đoạn đánh giá cho thấy, tỷ lệ và mức độ hài lòng về chất lượng phục vụ, hỗ trợ người học được lấy phản hồi ngày càng tăng. Đây là những minh chứng quan trọng cho những nỗ lực liên tục cải tiến hướng tới không ngừng nâng cao chất lượng hỗ trợ người học của nhà trường đã đạt được mục tiêu, hiệu quả như mong đợi.

Mức đánh giá tiêu chí: 6

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Phòng QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho người học cũng như là đầu mối hướng tới thực hiện mô hình một cửa của Nhà trường để tiếp nhận giải quyết mọi thông tin thủ tục hành chính đối với người học của Nhà trường [TC.17.02.01]. Đồng thời vào đầu mỗi năm học, Nhà trường ra quyết định phân công những giảng viên có đủ năng lực, trình độ đảm nhiệm vai trò CVHT để tư vấn hỗ trợ giải đáp các thắc mắc của người học trong học tập, NCKH, định hướng nghề nghiệp và quản lý người học trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường [TC.17.02.02]. Nhà trường tuân thủ và thực hiện theo Quy chế công tác học sinh sinh viên của Bộ GD-ĐT và của HUP; Phát hành Sổ tay Những điều sinh viên cần biết, [TC.17.02.03] cung cấp đầy đủ các quy chế, quy định các hướng dẫn liên quan đến người học và các thông báo hướng dẫn: đăng ký học phần, hướng dẫn cách tính điểm TB trung học phần, chế độ ưu đãi cho các sinh viên có thành tích hoạt động tập thể và NCKH,.... Phát hành Sổ tay CVHT [TC.17.02.04] dành cho đội các thầy/cô CVHT nhằm trang bị công cụ dành cho các CVHT. Các văn bản này cũng được công bố trên website và cổng thông tin sinh viên giúp người học thuận tiện theo dõi thông tin [TC.17.02.5].

Các hoạt động hỗ trợ người học Nhà trường đã triển khai định kỳ hàng năm thông qua các hoạt động như: Về tư vấn, hỗ trợ rèn luyện và học tập: Nhà trường xây dựng đội ngũ giảng viên CVHT. Mỗi năm học,, căn cứ vào tình hình thực tế, kết quả hoạt động của các CVHT viên, các quy định của nhà trường, Hội đồng CVHT đều rà soát, trình BGH phê duyệt danh sách CVHT của từng lớp, theo từng năm học. Thường xuyên tập

huấn, chia sẻ kinh nghiệm. Hướng dẫn CVHT tổ chức các buổi sinh hoạt lớp cho các lớp, hướng dẫn CVHT kỹ năng tư vấn, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định mới để thông tin kịp thời tới người học. Ứng dụng CNTT, Nhà trường còn thành lập các group chat CVHT, cán bộ lớp giúp việc tư vấn, truyền đạt, trao đổi thông tin được diễn ra thuận lợi, nhanh chóng [TC.17.02.06], [TC.17.02.07]. Từ kênh CVHT, người học được cung cấp các thông tin mới nhất của Nhà trường, các công việc cần triển khai trong tháng tới, bên cạnh đó người học sẽ được Giảng viên là CVHT đưa ra những lời khuyên giúp xây dựng và quản lý kế hoạch học tập, rèn luyện tu dưỡng nghề nghiệp tốt hơn [TC.17.02.08]. Ngoài đội ngũ CVHT, thông qua Phòng QLSV, người học còn được phổ biến chi tiết, đầy đủ các văn bản hướng dẫn, các quy chế, chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của người học. Ngoài ra còn hỗ trợ giải quyết nhanh chóng, rõ ràng mọi thắc mắc, kiến nghị trong suốt quá trình học tập [TC.17.02.09]. Bên cạnh đó Đoàn Thanh niên cũng được giao nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ tổ chức các lớp bồi dưỡng về kỹ năng mềm, Tiếng Anh cho người học các khóa, bằng hình thức tổ chức các Câu lạc bộ, để từ đó cải thiện, nâng cao kỹ năng mềm và năng lực về ngoại ngữ cho người học. ĐTN-HSV thành lập và duy trì các Câu lạc bộ như Tiếng Anh, Kỹ năng mềm NewVision, Khởi nghiệp, Chung tay phát triển được liệu, Lý luận luận trẻ, SV DLS, SV NCKH [TC.17.02.10]. Về tài chính: Nhà trường luôn đảm bảo các chế độ chính sách cho người học như: chính sách học bổng khuyến khích học tập, chính sách hỗ trợ chi phí học tập, chính sách trợ cấp xã hội [TC.17.02.11], [TC.17.02.12], [TC.17.02.13], [TC.17.02.14]. Đồng thời, Nhà trường phối hợp với các Quỹ, các công ty, tổ chức, các cựu sinh viên để trao học bổng cho sinh viên [TC.07.02.15].

Bảng 17.2.1. Thống kê học bổng khuyến khích học tập

Năm học	Quyết định liên quan	Tổng số SV được nhận học bổng khuyến khích học tập và số tiền chi theo năm học	
		Số SV	Số tiền chi cho HBKKHT (đ)
2016-2017	117/QĐ-DHN ngày 03/03/2017	383	2.060.200.000
	426/QĐ-DHN ngày 16/06/2017		
	714/QĐ-DHN ngày 31/08/2017		
2017-2018	252/QĐ-DHN ngày 19/03/2018	456	2.665.900.000
	697/QĐ-DHN ngày 14/06/2018		
	970/QĐ-DHN ngày 05/09/2018		
2018-2019	59/QĐ-DHN ngày 18/01/2019	469	3.133.050.000
	264/QĐ-DHN ngày 01/04/2019		
	597/QĐ-DHN ngày 12/06/2019		
2019-2020	862/QĐ-DHN ngày 26/08/2019		
2019-2020	342/QĐ-DHN ngày 21/05/2020	467	3.334.000.000

Năm học	Quyết định liên quan	Tổng số SV được nhận học bổng khuyến khích học tập và số tiền chi theo năm học	
		Số SV	Số tiền chi cho HBKKHT (đ)
	546/QĐ-DHN ngày 16/07/2020 790/QĐ-DHN ngày 28/09/2020		
2020-2021	381/QĐ-DHN ngày 31/5/2021	478	3.756.000.000
	573/QĐ-DHN ngày 06/8/2021		
	1001/QĐ-DHN ngày 22/12/2021		
	1061/QĐ-DHN ngày 30/12/2021 49/QĐ-DHN ngày 26/01/2022		
2021-2022*	657/QĐ-DHN ngày 26/7/2022	87	696.750.000
	658/QĐ-DHN ngày 26/7/2022		
Tổng:			15.645.900.000

*Năm học 2021 – 2022, số liệu HBBKKHT của SV chính quy ngành Dược học K72, các khóa/lớp khác đang chờ kết quả thi.

Bảng 17.2.2. Thống kê học bổng thu hút từ bên ngoài

Năm 2017	CKD 2017-2018	10	107.000.000	652/QĐ-DHN ngày 17/08/2017
	Dạ hương 2016-2017	4	20.000.000	694/QĐ-DHN ngày 25/08/2017
	SV khó khăn 2017-2018	21	112.350.000	914 (.../QHTSV-DHD) ngày 29/08/2017
	Daewoong 2017-2018	15	133.200.000	945/QĐ-DHN ngày 16/11/2017
Tổng 2017		50	372.550.000	
Năm 2018	Homtamin 2017-2018	20	120.000.000	58/QĐ-DHN ngày 22/01/2018
	OPC 2018-2019	3	30.000.000	946/QĐ-DHN ngày 31/08/2018
	Dạ hương 2017-2018	8	40.000.000	945/QĐ-DHN ngày 31/08/2018
	CKD 2018-2019	10	118.000.000	944/QĐ-DHN ngày 31/08/2018
	HB SV khó khăn 2018-2019	23	135.700.000	1161 (04/CV-QHTSV) ngày 01/10/2018
	Homtamin 2018-2019	20	120.000.000	1205/QĐ-DHN ngày 12/10/2018
	Son KOVA	1	8.000.000	01/CV-GTKV/2018 ngày 03/10/2018
	Deawoong 2018-2019	7	194.600.000	1368/QĐ-DHN ngày 26/11/2018
Tổng 2018		92	766.300.000	
Năm 2019	Botania 2019	5	25.000.000	455/QĐ-DHN ngày 03/05/2019
	CKD	10	130.000.000	865/QĐ-DHN ngày 26/08/2019
	Dạ hương	8	40.000.000	879/QĐ-DHN ngày 03/09/2019
	HB BLL-K59	5	32.500.000	887/QĐ-DHN ngày 04/09/2019

	Nam Dược	5	25.000.000	886/QĐ-DHN ngày 04/09/2019
	HB SV khó khăn	15	97.500.000	
Tổng 2019		48	350.000.000	
Năm 2020	Homtamin 2019-2020	20	120.000.000	21/QĐ-DHN ngày 09/01/2020
	HB Tiếp sức đến trường	4	12.000.000	2666-CV/TĐTN-TNTH ngày 03/06/2020
	Botania 2020	5	25.000.000	/QĐ-DHN ngày 22/07/2020
	CKD	10	143.000.000	734/QĐ-DHN ngày 17/09/2020
	Dạ hương	8	40.000.000	733/QĐ-DHN ngày 17/09/2020
	HB BLL-K60	5	35.750.000	-
	Nam Dược	5	25.000.000	-
	Homtamin 2020-2021	20	120.000.000	763/QĐ-DHN ngày 14/10/2021
	Quỹ SV khó khăn	30	214.500.000	-
Tổng 2020		109	745.250.000	
Năm 2021	Botania 2021	5	25.000.000	429/QĐ-DHN ngày 21/06/2020
				-
	CKD	10	143.000.000	681/QĐ-DHN ngày 08/09/2021
Tổng 2021		15	168.000.000	
Năm 2022	Pharmacy 2022	50	500.000.000	215/QĐ-DHN ngày 21/04/2022
	Dạ hương 2021-2022	8	40.000.000	217/QĐ-DHN ngày 21/04/2022
	Hotamin 2021-2022	20	120.000.000	218/QĐ-DHN ngày 21/04/2022
	Botania 2021-2022	5	25.000.000	538/Q Đ-DHN ngày 29/06/2022
Tổng 2021		83	685.000.000	

Về bảo hiểm y tế: Người học được Nhà trường hỗ trợ đăng ký bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể hàng năm. Bên cạnh đó Nhà trường còn hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe (sơ cứu khi có tai nạn, khám sức khỏe, tư vấn tâm lý cho người học). Việc khám sức khỏe cho người học được tổ chức khám vào đầu mỗi năm học [TC.17.02.16]. Về Khu nội trú: Đầu mỗi năm học, Phòng QLSV và Ban Quản lý Khu nội trú rà soát và thông báo các đối tượng người học được xem xét vào ở Khu nội trú, tiến hành xét và giảm tiền ở Khu nội trú (giảm 50%) cho các đối tượng ưu tiên, đối tượng chính sách, đối tượng khó khăn [TC.17.02.12]. Để tạo điều kiện cho người học có môi trường sinh hoạt và học tập tốt, tại ký túc xá đều có phòng tự học, phòng sinh hoạt chung, phòng thể chất... bên cạnh đó Ký túc xá cũng có hệ thống phòng ở theo nhu cầu. Đảm bảo đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu chỗ ở nội trú cho sinh viên chính quy hàng năm.

Về việc làm: Nhà trường thường xuyên phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tổ chức các buổi tọa đàm, tư vấn hướng nghiệp cho người học mới nhập Trường hay chuẩn bị TN. Ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, các CSGD phối hợp trong việc đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho người học: Quỹ Chong Kun Dang Kochon, VPDD Astrazeneca tại Việt Nam, VPDD Janssen-Cilag Limited tại Thành phố HCM, CTCP Korea United Pharm Int'l, Chương trình Pharmacy Excellence (PEP) tại Việt Nam, Mekong Pharma Network, Chương trình Erasmus+K, công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt nam Công ty Korea United Pharm Int'l JSC, Công ty dược phẩm Daewoong, VPDD Astra Zeneca, Roche, Novatis Pharam Services aG tại TP HCM, GSK tại Việt Nam, Janssen-Cilag Công ty Roche, VPDD Pfizer... tại Việt Nam. Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1, Đại học Quốc gia Seoul, Hàn quốc, Viện Nghiên cứu Y dược Trung quốc, Đài loan, Đại học Essex, Anh, Đại học Dược Nihon, Nhật bản, Trường ĐH Yang-Ming, ĐH Quốc gia Yang-Ming [TC.17.02.17].

Bên cạnh đó người học còn được cung cấp các thông tin giới thiệu chỗ thực tập, việc làm bán thời gian và toàn thời gian thông qua cổng thông tin việc làm mà Nhà trường đã đưa tin của những doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển dụng mà qua đó người học đang theo học trong trường cũng như cựu người học đã ra trường đều có thể dễ dàng tìm kiếm cho mình một công việc phù hợp [TC.17.02.18]. Về các hoạt động khác của người học: Dựa trên kế hoạch đầu đầu năm học của nhà trường, Phòng QLSV xây dựng Kế hoạch công tác sinh viên để triển khai các hoạt động chính trong năm học, phối hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động như: tổ chức các giải bóng đá cho người học, các hoạt động chào mừng những ngày lễ lớn... [TC.17.02.19], [TC.17.02.20]. Các hoạt động văn thể mỹ cũng được Phòng QLSV, Đoàn thanh niên tổ chức triển khai nhằm thu hút đông đảo người học tham gia [TC.17.02.21], [TC.17.02.22].

Các kết quả tiến trình và kết quả học tập của người học đều được lưu trữ theo dõi bằng phần mềm QLĐT và ở các Bộ môn. Bên cạnh đó, thông qua cổng thông tin người học, website, fanpage của nhà trường, người học dễ dàng cập nhật các thông tin liên quan để xem thời khóa biểu, biết được số lượng tín chỉ đã tích lũy, kết quả học tập, lịch thi, tình hình học phí...[TC.17.02.23]. Đặc biệt, với phương châm mang thông tin thiết yếu đến gần với sinh viên, Phòng QLSV triển khai hoạt động trên cả mạng xã hội facebook, nhằm giúp sinh viên dễ dàng tiếp nhận thông tin, đưa ra các ý kiến đóng góp [TC.17.02.09]. Đối với người học có học lực yếu sau khi có kết quả xét học vụ cuối mỗi kỳ, các CVHT đều bố trí một buổi để gặp gỡ trực tiếp người học để tư vấn, động viên và đưa ra các giải pháp để người học cải thiện kết quả học tập của mình [TC.17.02.08]. Ngoài ra việc theo dõi học tập của người học được giảng viên thực hiện và được thể

hiện rõ ràng trong kết quả đánh giá điểm kiểm tra, điểm chuyên cần của từng môn học. Việc giám sát hiệu quả của người học được giám sát chặt chẽ từ giảng viên thông qua các hoạt động như: học tập, rèn luyện, NCKH, và các phong trào mà Nhà trường tổ chức. Đặc biệt, nhằm tăng cường việc phối hợp với gia đình trong việc quản lý, theo dõi sinh viên, hàng kỳ, Nhà trường tiến hành gửi kết quả học tập, kết quả rèn luyện, tóm tắt các khen thưởng, kỷ luật, học bổng, giải thưởng của sinh viên [TC.17.02.24].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ cũng như giám sát người học. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị được Nhà trường giao trách nhiệm trực tiếp triển khai lấy ý kiến người học [TC.17.02.01]. Phòng ĐBCL&KT đã phân công cán bộ chuyên trách có nhiệm vụ khảo sát lấy ý kiến phản hồi theo hình thức offline hoặc online tới từng người học nhằm thu thập các thông tin về hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [TC.17.02.25]. Sau khi triển khai công tác lấy phiếu. Cán bộ chuyên trách của Phòng ĐBCL &KT sẽ tiến hành rà soát và phân tích các dữ liệu phản hồi thu được để tổng hợp lập báo cáo khảo sát trình BGH Nhà trường [TC.17.02.25].

Kết quả đối sánh kết quả phản hồi của sinh viên sắp TN các năm và sinh viên sau khi TN ra trường 1 năm về chất lượng của hoạt động hỗ trợ người học trong giai đoạn đánh giá có nhiều chuyển biến tích cực:

Bảng 17.2.3. Kết quả phản hồi của SV khóa cuối về hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chí đánh giá	2018		2019		2020		2021	
	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức
CVHT tư vấn, hỗ trợ người học (trong học tập) hiệu quả	-	-	3.09	Khá	3.14	Khá	4.46	Tốt
Nhà trường tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa văn nghệ	3.31	Khá	3.28	Khá	3.25	Khá	4.4	Tốt
Nhà trường đáp ứng được nhu cầu thể dục, thể thao của người học theo quy định	3.11	Khá	3.17	Khá	3.04	Khá	4.27	Tốt
Nhà trường đáp ứng được các nhu cầu về y tế học đường theo quy định	3.12	Khá	3.21	Khá	3.22	Khá	4.41	Tốt
Nhà trường tạo điều kiện và thực hiện tốt các chế độ chính sách, hỗ trợ người học theo quy định chung	3.33	Khá	3.35	Khá	3.41	Tốt	4.46	Tốt
Các hoạt động Đoàn - Hội trong Trường thiết thực, có tác dụng tốt đối với người học	-	-	3.23	Khá	3.19	Khá	4.35	Tốt

Nhà trường có các hoạt động hướng nghiệp hiệu quả	3.14	Khá	3.21	Khá	3.05	Khá	4.29	Tốt

Bảng 17.2.4. Kết quả phản hồi của SV sau 1 năm TN về hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chí đánh giá	2017		2018		2019		2020	
	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức	Điểm TB	Mức
Các hoạt động Đoàn, Hội thiết thực và có hiệu quả	3.36	Khá	3.55	Khá	3.77	Khá	3.66	Khá
Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu người học	3.39	Khá	3.53	Khá	3.77	Khá	3.69	Khá
Việc tổ chức sinh hoạt chính trị, giáo dục pháp luật phong phú, đa dạng, hiệu quả	3.33	Khá	3.54	Khá	3.66	Khá	3.65	Khá
Các hoạt động hỗ trợ tìm việc làm (hướng nghiệp, hội thảo, hội chợ, việc làm...) hiệu quả	3.35	Khá	3.65	Khá	3.60	Khá	3.58	Khá
Công tác an ninh của nhà trường đảm bảo tốt	4.10	Tốt	4.13	Rất tốt	4.23	Rất tốt	4.08	Rất tốt
Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời	3.92	Tốt	4.10	Rất tốt	4.17	Rất tốt	4.06	Rất tốt
Nhà trường hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động NCKH của người học:	3.97	Tốt	4.05	Rất tốt	4.10	Rất tốt	3.91	Tốt
Hoạt động của cán bộ phòng ban:	-	-						
- Tôn trọng người học	-	-	4.14	Rất tốt	4.2	Rất tốt	4.05	Rất tốt
- Có trách nhiệm với công việc	-	-	4.15	Rất tốt	4.17	Rất tốt	4.11	Rất tốt
- Giải quyết các yêu cầu hợp lý của người học kịp thời			4.08	Rất tốt	4.06	Rất tốt	4.10	Rất tốt

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

Với quan điểm thống nhất, xuyên suốt giữ vững vị thế, thương hiệu nhà trường bằng không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng phục vụ. Trong mọi chủ trương, chính sách, văn bản quy định của nhà trường luôn luôn lấy người học làm trung

tâm. Nhà trường đã thiết lập được hệ thống giám sát người học, hệ thống rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Trong phân công nhiệm vụ của BGH, một phó hiệu trưởng được phân công phụ trách công tác đào tạo, quản lý công tác HVSV – y tế học đường, công tác ĐBCL và hoạt động Đoàn Thanh Niên, Hội Sinh viên **[TC.17.03.01]**. Đầu mỗi phòng chức năng được giao nhiệm vụ giám sát người học là Phòng công tác HVSV – y tế (trước đây là phòng QLSV, Ban quản lý Khu nội trú, Trạm Y tế) và các đơn vị phối hợp liên quan **[TC.17.03.02]**. Nhà trường đã phân công đầu mỗi là Phòng ĐBCL và khảo thí là đầu mỗi phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai lấy ý kiến khảo sát sự hài lòng về công tác phục vụ và hỗ trợ của người học trong quá trình đào tạo và sau khi TN để có căn cứ cải tiến nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ và hỗ trợ của người học **[TC.17.03.02]**.

Việc rà soát và đánh giá định kỳ là hoạt động không thể thiếu để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng phục vụ, hỗ trợ người học. Thực hiện nhiệm vụ được phân công Phòng ĐBCL và khảo thí là đầu mỗi đã phối hợp với các đơn vị liên quan, định kỳ, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai lấy ý kiến khảo sát sự hài lòng về công tác phục vụ và hỗ trợ của người học trong quá trình đào tạo và sau khi TN để có căn cứ cải tiến nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ và hỗ trợ của người học **[TC.17.03.03]**. Đồng thời, để nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ người học, Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp rà soát trên tất cả các hoạt động có liên quan với nhiều hình thức khác nhau.

Cụ thể:

Các văn bản pháp quy, chế độ chính sách, quy trình liên quan đến người học được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung và sửa đổi cho phù hợp. Đặc biệt, cuốn Những điều sinh viên cần biết và cuốn sổ tay CVHT được cập nhật hàng năm, trong đó các toàn bộ các nội dung cần thiết, các quy chế quy định liên quan trực tiếp đến người học được rà soát và cập nhật mới nhất **[TC.17.03.04; TC.17.03.05]**.

Phòng QLSV là đầu mối quản lý các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học, cũng như một số hoạt động giám sát người học. Cuối mỗi năm học và năm tài chính, phòng QLSV đều có báo cáo các hoạt động theo nhiệm vụ được phân công, từ đó rà soát, đối sánh với kế hoạch đề ra và được giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản **[TC.17.03.06]**. Các kết quả hỗ trợ và phục vụ người học, các số liệu thống kê giám sát người học như: kết quả học tập, rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật, kết quả tuần sinh hoạt công dân, chế độ chính sách đều được rà soát, báo cáo trong Báo cáo kết quả chung của Nhà trường **[TC.17.03.07; TC.17.03.08]**. Ngoài ra, thông qua các cuộc họp giao ban của đào tạo, giao ban phòng ban, các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và hệ thống

giám sát cũng được rà soát chặt chẽ, có những điều chỉnh và chỉ đạo kịp thời **[TC.17.03.09]**.

Việc tiếp thu ý kiến phản hồi thường xuyên của người học cũng là hình thức quan trọng để nhà trường rà soát các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên năm cuối và SVTN về các hoạt động của Nhà trường, trong đó có các nội dung về hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học **[TC.17.03.10; TC.17.03.11]**. Sau khi tiếp nhận thông tin phản hồi, nhà trường chuyển kết quả khảo sát cho các đơn vị chức năng liên quan để các phòng chức năng rà soát, xây dựng kế hoạch cải tiến sau phản hồi nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học **[TC.17.03.12]**.

Định kỳ, Nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp với sinh viên thông qua buổi làm việc của BGH, các đơn vị chức năng với đại diện cán bộ lớp. Trên cơ sở góp ý của người học Nhà trường thông báo cho các đơn vị phục vụ và hỗ trợ để có kế hoạch rà soát, cải tiến chất lượng phù hợp với nguyện vọng chính đáng của người học **[TC.17.03.13]**.

Hoạt động Đoàn Hội trong Nhà trường cũng được rà soát thường xuyên thông qua việc báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất với BGH Nhà trường **[TC.17.03.14]**, Giám hiệu phụ trách mảng cũng thường xuyên tham gia các buổi họp với ban chấp hành Đoàn TN, Hội sinh viên để rà soát, đôn đốc triển khai các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ và hướng nghiệp cho người học **[TC.17.03.15]**.

Hoạt động CVHT cũng là một hoạt động quan trọng trong công tác hỗ trợ và giám sát người học, đây là công tác được Nhà trường đặc biệt chú trọng. Nhà trường rà soát qua hoạt động tổng kết công tác, qua việc xây dựng kế hoạch, biên bản họp lớp và báo cáo định kỳ của các CVHT **[TC.17.03.16]**. Nhà trường đang tiến hành xây dựng KPIs đối với giảng viên, trong đó có cả các tiêu chí đánh giá đối với giảng viên làm nhiệm vụ CVHT để giám sát hoạt động này **[TC.17.03.17]**. Nhà trường cũng tổ chức thu thập thông tin phản hồi từ người học về hoạt động CVHT để làm căn cứ rà soát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả của hoạt động này trong việc hỗ trợ người học **[TC.17.03.18]**. Đây cũng là một tiêu chí quan trọng trong rà soát, lựa chọn các CVHT nhiệt tình, có năng lực để được tiếp tục bổ nhiệm trong năm học tới.

Với hệ thống giám sát người học đã được thiết lập, hoạt động giám sát người học đã được thể chế hóa qua các điều khoản trong các văn bản quy định như: - Quy định công tác sinh viên (ban hành kèm theo quyết định số 320/QĐ-DHN ngày 12/5/2017) **[TC.17.03.19]**: quy định rõ về hệ thống tổ chức, quản lý, công tác quản lý, hỗ trợ sinh viên; đánh giá công tác sinh viên; đánh giá kết quả rèn luyện; khen thưởng và kỷ luật sinh viên nhằm đảm bảo tốt nhất quyền và nghĩa vụ của sinh viên. - Quy định về công tác sinh viên nội trú, ngoại trú (ban hành kèm theo quyết định số 894/QĐ-DHN ngày

02/11/2017) **[TC.17.03.20]**: nhằm bảo trợ pháp lý đảm bảo quyền và nghĩa vụ của sinh viên cũng như phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc giám sát người học thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường và chính quyền địa phương nơi cư trú, tạm trú. Quy định công tác CVHT (ban hành kèm theo quyết định số 719/QĐ-DHN ngày 08/9/2017) **[TC.17.03.21]**: trợ giúp, tư vấn và hỗ trợ sinh viên phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu TN và khả năng tìm được việc làm thích hợp; theo dõi thành tích học tập của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra một lựa chọn đúng trong quá trình học tập, hỗ trợ để đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của sinh viên

Phòng ĐBCL&KT đã phân công cán bộ chuyên trách có nhiệm vụ khảo sát lấy ý kiến phản hồi theo hình thức offline hoặc online tới từng người học nhằm thu thập các thông tin về hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học **[TC.17.03.22]**. Sau khi triển khai công tác lấy phiếu. Cán bộ chuyên trách của Phòng ĐBCL &KT sẽ tiến hành rà soát và phân tích các dữ liệu phản hồi thu được để tổng hợp lập báo cáo khảo sát trình BGH Nhà trường **[TC.17.03.03]**. Kết quả đối sánh kết quả phản hồi của sinh viên sắp TN các năm và sinh viên sau khi TN ra trường 1 năm về chất lượng của hoạt động hỗ trợ người học trong giai đoạn đánh giá có nhiều chuyển biến tích cực, như đã trình bày ở mục 17.2.

Nhà trường thực hiện rà soát và đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học thông qua các số liệu báo cáo hàng kỳ, hàng năm về tình hình học tập và rèn luyện của người học **[TC.17.03.06; TC.17.03.07; TC.17.03.08]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường luôn nỗ lực cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học để đáp ứng tốt hơn nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường đã tiến hành cải tiến những thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên. Việc cấp giấy xác nhận, giải quyết thực tập bù và các thủ tục giấy tờ khác được thực hiện online, người học chỉ cần thực hiện online và theo lịch hẹn đến nhận giấy tờ ở phòng QLSV **[TC.17.04.01]**. Việc nộp các khoản thu cũng được thực hiện theo nhiều hình thức để thuận lợi cho sinh viên **[TC.17.04.02]**. Nhà trường đã phối hợp với đơn vị đối tác để mở thẻ miễn phí cho sinh viên với nhiều ưu đãi đặc biệt để tạo điều kiện trích thu tự động và đóng các khoản phí trong quá trình học tập hoàn toàn miễn phí **[TC.17.04.03]**.

Công tác nhập học cũng được cải tiến để phù hợp hơn, việc nộp học phí và các khoản thu có thể được chuyển khoản thay vì nộp tiền mặt như trước đây. Hình thức nhập học cũng được chuyển sang hình thức online thay vì nhập học trực tiếp để đảm bảo an toàn cho sinh viên trong bối cảnh dịch Covid 19 diễn biến phức tạp [TC.17.04.04].

Công tác hỗ trợ học tập cũng có sự thay đổi tạo điều kiện cho sinh viên. Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tổ chức thêm kì thi phụ để giúp sinh viên có thể trả nợ/cải thiện kết quả học tập thay vì chỉ có 2 kỳ thi chính như trước đây [TC.17.04.05]. Đội ngũ CVHT có nhiệm vụ tư vấn, giúp đỡ người học trong việc tổ chức học tập, quá trình đánh giá rèn luyện và những khó khăn vướng mắc của sinh viên trong quá trình học tập [TC.17.04.06]. Đội ngũ CVHT được tập huấn, thành lập nhóm (mail, zalo) để trao đổi trực tiếp với BGH, hội đồng CVHT để nắm bắt các chủ trương của Nhà trường, các biện pháp giải quyết tình huống hỗ trợ người học kịp thời và hiệu quả [TC.17.04.07]; [TC.17.04.08]. Hoạt động thu thập thông tin phản hồi từ người học về hoạt động CVHT được thực hiện vào cuối mỗi năm học, kết quả này được gửi đến CVHT để làm căn cứ cải tiến hiệu quả công việc, và hoạt động CVHT nhận được phản hồi ngày càng tích cực qua từng năm học [TC.17.04.09], [TC.17.04.10].

Việc thực hiện chế độ chính sách, các hồ sơ học bổng cũng đã được Nhà trường triển khai theo hình thức online thay vì nộp hồ sơ trực tiếp như trước kia. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong điều kiện không học tập trung tại Trường do dịch Covid 19 [TC.17.04.11; TC.17.04.12].

Các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên cũng được thay đổi hình thức để phù hợp với diễn biến của dịch Covid-19. Các hội thảo hướng nghiệp được tổ chức theo hình thức trực tuyến, tạo điều kiện cho mọi sinh viên có nhu cầu đều có thể tham gia, vừa hiệu quả mà lại đảm bảo an toàn phòng chống dịch [TC.17.04.13]. Hệ thống các câu lạc bộ sinh viên được kiện toàn, hoạt động có nề nếp và chiều sâu hơn dưới sự giám sát của Nhà trường, Đoàn Thanh niên để giúp sinh viên phát huy năng lực cá nhân [TC.17.04.14; TC.17.04.15].

Nhà trường cũng đã đầu tư, xây dựng CSVC đáp ứng nguyện vọng của sinh viên thông qua các lần họp với đại diện lớp sinh viên trước đó. 100% các giảng đường được sửa chữa khang trang, lắp hệ thống điều hòa không khí, cải tạo khuôn viên Trường và nhà để xe [TC.17.04.16].

Thư viện Trường cũng căn cứ trên các ý kiến phản hồi từ người học để có những cải tiến phù hợp: thư viện đã chuyển địa điểm từ khu nội trú lên khuôn viên Trường tại 13-15 Lê Thánh Tông để thuận tiện cho việc tra cứu của người học [TC.17.04.17]; nâng cấp cải tiến đường truyền giúp cho việc truy cập trang thư viện điện tử được thông suốt [TC.17.04.18]; hướng dẫn tra cứu, tìm kiếm, khai thác, sử dụng tài liệu thư viện qua

nhiều hình thức: trực tiếp, online [TC.17.04.19]; Bổ sung thêm nhiều tài liệu mới, cập nhật bao gồm cả tài liệu giấy và tài liệu số [TC.17.04.20].

Phần mềm QLĐT, trang thông tin cá nhân sinh viên và các phần mềm hỗ trợ quản lý người học khác cũng đang được Nhà trường có kế hoạch nâng cấp thông qua Đề án chuyển đổi số HUP [TC.17.04.21], [TC.17.04.22] và dự kiến triển khai trong tháng 5-6 để đáp ứng tốt hơn việc quản lý, giám sát người học cũng như thuận tiện hơn cho người học trong khi thực hiện các thủ tục hành chính tại Trường.

Căn cứ kết quả thu thập thông tin phản hồi từ người học sau khi TN 1 năm và người học trước khi TN thì hầu hết các tiêu chí về hoạt động hỗ trợ người học, cũng như hệ thống giám sát người học đều có sự cải thiện đáng kể qua từng năm học [TC17.04.23], [TC.17.04.24], [TC.17.04.25].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường đã có cơ cấu tổ chức quản lý thực hiện việc chỉ đạo, điều hành, giám sát, rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, có văn bản quy định rõ đầu mối các đơn vị chịu trách nhiệm chính trong mỗi hoạt động phục vụ và hỗ trợ của người học. Hệ thống quy định, văn bản hướng dẫn, kế hoạch tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ của người học được xây dựng khoa học, bài bản, có hệ thống. Hệ thống giám sát người học, phục vụ và hỗ trợ người học được xây dựng bám sát với tình hình thực tế và đặc trưng của sinh viên nhằm thu được kết quả một cách tốt nhất.

Trong các chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động của nhà trường luôn chú trọng tới hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Nhà trường có kế hoạch xây dựng, phát triển và khai thác các nguồn lực của nhà trường và đối tác hợp tác để phục vụ và hỗ trợ người học trong học tập, trải nghiệm nghề nghiệp, NCKH, hướng nghiệp và tìm kiếm cơ hội việc làm, chương trình thực tập sinh hướng nghiệp (với pharmanity, CPC1, IC Pharma). Các nền tảng CSHT phục vụ người học như giảng đường, phòng thí nghiệm, máy móc TTB phục vụ học tập, nghiên cứu, thư viện, y tế, ký túc xá, sân tập thể thao, nhà để xe, căng tin, CSVC hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sv, các câu lạc bộ của sinh viên....Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cũng như được triển khai toàn diện trên mọi hoạt động học tập, NCKH sinh hoạt, đời sống. Công tác Hướng nghiệp, CVHT, tìm kiếm các nguồn hỗ trợ Học bổng khuyến khích học tập, học bổng hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường chú trọng, hỗ trợ kịp thời, thiết thực, hiệu quả cho sinh viên và nhận được phản hồi rất tích cực từ sinh viên. HVSV của nhà trường được dành được nhiều giải thưởng trong học tập, NCKH, các kỳ thi Olympic Quốc gia (bổ sung

thêm ít số liệu giải thưởng vào đây) và có nhiều phần thưởng do những đóng góp trong công tác phòng chống dịch COVID-19.

Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá hoặc kiểm tra, giám sát đột xuất thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức và các biện pháp khác nhau để kịp thời thu nhận các ý kiến phản hồi và kịp thời đưa ra các giải pháp, các hoạt động nhằm cải thiện nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ người học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nhà trường khó khăn về diện tích nên Khu nội trú hạn chế về số lượng phòng ở, mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu nhà ở của sinh viên.

Trong hơn hai năm qua của chu kỳ đánh giá, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên các hoạt động ngoại khóa, Đoàn - Hội trong 2 năm gần đây còn có đôi lúc hạn chế.

Hệ thống CNTT trong hoạt động hỗ trợ và giám sát người học chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của người học.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 17.2	Ưu tiên xét duyệt cho sinh viên năm thứ 1 và các sv thuộc đối tượng chính sách, có hoàn cảnh khó khăn. Nâng cấp sửa chữa, tăng tối đa diện tích sử dụng trong KNT	P. QLSV, KNT	Hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại 17.2	Nghiên cứu xây dựng chương trình hoạt động ngoại khóa, các hoạt động của ĐTN, HSV phù hợp, hấp dẫn phù hợp với nhu cầu SV: các cuộc thi, hoạt động tình nguyện, thăm quan...	ĐTN, HSV	Năm học 2022-2023	
3	Phát huy điểm	Tiếp tục triển khai toàn diện các hoạt động hỗ trợ và giám sát người học, lập kế hoạch	Các đơn vị	Hàng năm	

	manh 17.2	cải tiến dựa trên kết quả phản hồi từ người học			
4	Khắc phục tồn tại 17.3	Cải thiện hệ thống CNTT, phần mềm QLĐT	Phòng CNTT – Thư viện	Năm học 2022-2023	
5	Phát huy điểm manh 17.3	Rà soát các hoạt động thông qua nhiều hình thức và biện pháp khác nhau	Các đơn vị	Hàng năm	
6	Khắc phục tồn tại 17.4	ĐTN – HSV cần nghiên cứu, tổ chức thêm nhiều hoạt động phù hợp với nhu cầu SV	ĐTN, HSV	Năm học 2022-2023	
7	Phát huy điểm manh 17.4	Tiếp tục triển khai thu thập thông tin phản hồi từ người học về các hoạt động liên quan để có kế hoạch cải tiến phù hợp	ĐBCL & KT; các đơn vị	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 17	5,5
Tiêu chí 17.1	6
Tiêu chí 17.2	6
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Nhà trường thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu, gồm:

Về cơ cấu tổ chức:

- ĐU, HĐT, ban hành Nghị quyết thông qua Chiến lược, Kế hoạch phát triển HUP đến 2030 tầm nhìn 2045 [TC.18.01.01], đồng thời cùng với BGH và Hội đồng Khoa học và Đào tạo xây dựng chính sách, phương hướng phát triển KHCN và giám sát thực hiện [TC.18.01.02].

- BGH quản lý và điều hành trực tiếp hoạt động KHCN được thực hiện bởi 01 thành viên BGH [TC.18.01.03] thông qua đơn vị chức năng là phòng QLKH.

Phòng QLKH được thành lập vào ngày 2/12/1997 theo Quyết định số 2549/1997/QĐ-BYT của Bộ Y tế với chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và triển khai thực hiện công tác NCKH, CGCN và công tác SHTT của Trường. Nhân sự hiện nay của Phòng gồm 2 Phó Giáo sư, tiến sĩ được học và 2 chuyên viên trình độ Đại học.

Về chính sách, cơ chế:

HĐT đã ban hành Nghị quyết thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường đến 2030, tầm nhìn năm 2045, theo đó mục về NCKH và phát triển công nghệ là: (i) Nghiên cứu cơ bản gắn với các định hướng ứng dụng, giải quyết được những vấn đề trọng yếu trước mắt và lâu dài của ngành, đạt trình độ của khu vực và thế giới; tạo ra được các tri thức và luận cứ khoa học, góp phần giải quyết các vấn đề của ngành, phục vụ phát triển ngành và kinh tế đất nước; (ii) Nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai có nhiều phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, CGCN đến doanh nghiệp; có nhiều công nghệ lõi, đủ năng lực phát triển một số sản phẩm cấp quốc gia [TC.18.01.01].

Căn cứ Chiến lược kế hoạch phát triển Trường, BGH chỉ đạo Phòng QLKH là đầu mối xây dựng Chiến lược KHCN của Trường, xác định rõ mục tiêu và tiêu chí phát triển KHCN: (i) Đến năm 2025, HUP phấn đấu đạt được 80-90% tiêu chí của Trường Đại học định hướng nghiên cứu; (ii) HUP là trung tâm dịch vụ và tư vấn KHCN & ĐMST, ươm tạo và hỗ trợ khởi nghiệp theo hội nhập quốc tế trong lĩnh vực Dược và các ngành liên quan [TC.18.01.04]. Với định hướng trở thành Đại học định hướng nghiên cứu, chỉ tiêu công bố trong nước và quốc tế của Trường giai đoạn 2021-2025 đề ra hàng năm có 0,5-0,7 công bố trong nước và 0,3 – 0,32 công bố quốc tế/1 giảng viên cơ hữu; và 5 - 8 văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích trong nước và quốc tế trong 5 năm.

Về hệ thống văn bản quản lý hoạt động NCKH:

Phòng chức năng có nhiệm vụ xây dựng các hệ thống văn bản thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu dựa trên cơ sở pháp lý, bao gồm (i) Luật KHCN; (ii) Luật SHTT; (iii) Luật CGCN; (iv) Các văn bản dưới luật của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế.

Các quy định, hướng dẫn công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH đối với giảng viên, nghiên cứu viên và người học, gồm: Quy định quản lý hoạt động KHCN & SHTT của HUP **[TC.18.01.05]**; Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường **[TC.18.01.06]**; Quy định về hoạt động NCKH của người học **[TC.18.01.07]**; Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên **[TC.18.01.08]**.

Hệ thống thực hiện/ triển khai, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu được xây dựng như sau:

Hoạt động KHCN của Nhà trường được xây dựng và triển khai thực hiện từ xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN trung hạn (giai đoạn 5 năm) **[TC.18.01.09]** để thực hiện được mục tiêu chiến lược KHCN giai đoạn 2021-2025 và xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN & SHTT hàng năm **[TC.18.01.10]**.

Quy trình xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN & SHTT hàng năm được thực hiện như sau: (i) Đầu năm học, Nhà trường thông báo hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN & SHTT đến các đơn vị với các chỉ tiêu trọng yếu; (ii) Các đơn vị, cá nhân xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN & SHTT của đơn vị, cá nhân gửi phòng QLKH; (iii) Phòng QLKH tổng hợp kế hoạch hoạt động KHCN & SHTT của các đơn vị và căn cứ hoạt động chung của Trường thành kế hoạch của toàn Trường trình Hiệu trưởng phê duyệt **[TC.18.01.11]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng các văn bản quy định về loại hình, số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên, người học để có tiêu chí rõ ràng đánh giá, xếp loại chất lượng GV, NCV **[TC.18.01.12]**; đồng thời cũng xây dựng quy chế thi đua, khen thưởng để nâng cao chất lượng GV, NCV, người học cũng như chất lượng NCKH **[TC.18.01.13]**.

Song song với việc xây dựng hệ thống văn bản quản lý hoạt động NCKH và triển khai hoạt động KHCN, Nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ KHCN các cấp theo tiến độ đăng ký. Các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương Nhà trường phối hợp với cơ quan quản lý (Bộ KHCN, Bộ Y tế, Sở KHCN Tỉnh/ Thành phố) kiểm tra định kỳ theo quy định, các nhiệm vụ KHCN cấp Trường được kiểm tra, giám sát theo đúng quy định của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Phát triển nguồn thu là một trong ba mục tiêu chính trong chiến lược KHCN (giai đoạn 2021-2025) của Nhà trường “Tỷ trọng nguồn thu TB từ hoạt động KHCN đạt 15% tổng thu. Trong đó, tỷ lệ nguồn thu từ CGCN và hợp đồng dịch vụ KHCN trong tổng thu hoạt động KHCN đạt từ 10-15%” [TC.18.02.01]. Thực tế, trong Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2016-2020 chưa đề cập đến chiến lược phát triển nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu cho đến tháng 3/2018 sau khi có kết quả kiểm định chất lượng CSGD đại học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến sau ĐGN [TC.18.02.02]. Nhà trường triển khai kế hoạch cải tiến sau ĐGN, đến tháng 10/2018, đã ký kết văn bản thỏa thuận hợp tác nghiên cứu phát triển sản phẩm và thực hiện 03 hợp đồng dịch vụ KHCN với công ty cổ phần Traphaco [TC.18.02.03].

Nguồn thu từ hoạt động NCKH, CGCN, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu giai đoạn 2017 – 2021 là khoảng 86 tỷ (VNĐ), bao gồm nguồn thu từ: 27 đề tài KHCN cấp Quốc gia [TC.18.02.04]; 12 đề tài KHCN cấp Bộ [TC.18.02.05]; 07 đề tài KHCN cấp Tỉnh/ Thành phố [TC.18.02.06]; 77 Hợp đồng dịch vụ [TC.18.02.07]; 02 Hợp đồng CGCN [TC.18.02.08]. Chi tiết nguồn thu các năm thể hiện ở bảng sau:

Bảng 18.2.1. Nguồn thu từ hoạt động KHCN giai đoạn 2017-2021

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Nguồn thu (tỷ)	11,2	17,5	21,3	16,5	19,6

Để nâng cao chất lượng nguồn thu từ hoạt động KHCN trong giai đoạn mới, bên cạnh các nhóm nghiên cứu chuyên sâu tham gia tuyển chọn nhiều đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương, Nhà trường đã ban hành quy định tổ chức và hoạt động nhóm Nghiên cứu mạnh theo 2 hướng ‘Nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng’ và ‘nghiên cứu ứng dụng CGCN’ [TC.18.02.09] và bước đầu tổ chức xét chọn, công nhận nhóm nghiên cứu mạnh của Trường với hai định hướng: (i) nghiên cứu phát triển hệ phân phối thuốc mới và (ii) phát triển phương pháp phân tích hiện đại ứng dụng trong phân tích được vào năm 2022 [TC.18.02.10] với mục đích thu hút nguồn kinh phí ổn định, lâu dài từ các doanh nghiệp dược, các hợp đồng đặt hàng từ chương trình KHCN cấp Nhà nước.

Nhà trường cũng có những chính sách thu hút, khuyến khích giảng viên tham gia vào các hoạt động NCKH, ví dụ trong quy chế thi đua khen thưởng của Nhà trường nhiều hoạt động NCKH như chủ trì đề tài KHCN cấp Bộ và tương đương trở lên; nghiệm thu đề tài KHCN cấp trường đạt loại xuất sắc; là tác giả chính công bố quốc tế; là chủ

biên của sách chuyên khảo, giáo trình ... hoặc thực hiện số giờ NCKH quy đổi vượt 200% là tiêu chí để xét CSTĐ cấp cơ sở. Đồng thời, Nhà trường có quy định khen thưởng cho các nhóm nghiên cứu có công bố trên tạp chí quốc tế uy tín [TC.18.02.11]; [TC.18.02.12] mức thưởng là 5 triệu đồng/1 bài, quy định này được thực hiện từ năm 2018 cho đến nay. Đến năm 2020, Nhà trường xây dựng chương trình hỗ trợ kinh phí cho đề tài KHCN trọng điểm cấp trường tạo điều kiện cho các cán bộ có thể công bố quốc tế và/ hoặc nghiên cứu phát triển sản phẩm kết hợp với doanh nghiệp [TC.18.02.13] với mức kinh phí hỗ trợ lên đến 50 triệu đồng.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng và khuyến khích NCKH và CGCN, Nhà trường phát triển nguồn thu bằng cách mở rộng hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, địa phương các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước: 01 dự án sản xuất thử nghiệm thuộc chương trình Hóa được huy động được 6,2 tỷ từ công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam; 07 đề tài do Sở KHCN Thành phố Hà Nội và Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh cấp 9 tỷ [TC.18.02.06]; 77 Hợp đồng dịch vụ với các doanh nghiệp Dược hàng đầu Việt Nam như Traphaco, Thái Minh, Hà Tây ... [TC.18.02.07] và 02 Hợp đồng CGCN [TC.18.02.08] với tổng kinh phí nguồn thu là 17,6 tỷ đồng.

Hoạt động NCKH của Nhà trường luôn được triển khai, bám sát với kế hoạch đã đề ra [TC.18.02.14], [TC.18.02.15] và được đánh giá trong báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm, giai đoạn 2-3 năm và chiến lược 5 năm [TC.18.02.16], [TC.18.02.17]. Doanh thu từ NCKH và CGCN của Trường trong 5 năm gần đây thể hiện ở bảng sau:

Bảng 18.2.2. Doanh thu từ NCKH và CGCN của Trường giai đoạn 2017-2021

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và CGCN (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và CGCN so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	11,229	9	34,1
2	2018	17,484	13	53,3
3	2019	21,278	16	67,8
4	2020	16,480	12	52,7
5	2021	19,610	14	64,5

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Các chỉ số được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu của Nhà trường, đơn vị trong trường và GV, NCV (cá nhân) gồm thực hiện nhiệm vụ KHCN, công bố khoa học, tham gia Hội nghị, Hội thảo khoa học và được xác lập như sau:

- Chỉ số nghiên cứu của Trường giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 được xác lập trong Chiến lược KHCN giai đoạn 5 năm **[TC.18.03.01]**.

- Chỉ số nghiên cứu của Trường trong năm được xác lập trong Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm **[TC.18.03.02]**.

- Chỉ số nghiên cứu của các đơn vị trong năm học được xác lập trong Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm của đơn vị **[TC.18.03.03]**.

- Chỉ số nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên trong năm học được xác lập trong Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm của cá nhân **[TC.18.03.04]**.

Để đánh giá số lượng và chất lượng NCKH của cá nhân Nhà trường xây dựng Quy định chế độ làm việc và giờ giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên **[TC.18.03.05]**, trong đó quy định quy đổi giờ NCKH cho các hoạt động NCKH như công bố trong nước và quốc tế, xuất bản sách, thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp Đặc biệt với chất lượng nghiên cứu, nhà trường đề cao chỉ số xếp hạng công bố quốc tế như Impact factor (IF), Q1->Q4, H-index, chỉ số trích dẫn (Citation index). Một điểm mới trong các chỉ số đánh giá chất lượng nghiên cứu trong 2 năm gần đây, là chỉ số đánh giá khả năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu thông qua bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích cũng như hợp đồng R&D với doanh nghiệp. Theo đó chất lượng các hoạt động NCKH sẽ tỷ lệ thuận với số giờ NCKH quy đổi ra giờ chuẩn. Giờ chuẩn NCKH trong năm học của giảng viên là 196 giờ, giảng viên chính 235 giờ, giảng viên cao cấp 275 giờ, để hoàn thành giờ chuẩn NCKH này trong năm học giảng viên cần hoàn thành tối thiểu 01 đề tài cấp cơ sở hoặc công bố > 01 bài báo tạp chí trong nước hoặc quốc tế được Hội đồng giáo sư nhà nước tính ≥ 1 điểm.

Hàng năm, để tổng kết, đánh giá hoạt động NCKH của cá nhân, Nhà trường sử dụng “Phần mềm lý lịch khoa học online” để quy đổi, tính giờ NCKH đã thực hiện **[TC.18.03.06]**. Kết quả cho thấy hầu hết giảng viên Nhà trường đều hoàn thành giờ NCKH, nhiều giảng viên có số giờ NCKH thực hiện vượt mức giờ chuẩn, nhiều hoạt động NCKH có chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế **[TC.18.03.07]**.

Việc tổng kết, đánh giá hoạt động NCKH của toàn Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của phòng QLKH **[TC.18.03.08]** và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của Trường **[TC.18.03.09]**.

Trong quá trình xây dựng và đánh giá các chỉ số nghiên cứu, Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên CSGD đại học [TC.18.03.10]. Đồng thời tại Hội nghị VC và NLĐ hàng năm, trên cơ sở ý kiến phản hồi của giảng viên, nghiên cứu viên các chỉ tiêu nghiên cứu được rà soát, điều chỉnh để triển khai phù hợp cho năm tiếp theo. Bên cạnh đó Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá tác động của NCKH và mức độ đóng góp cho xã hội [TC.18.03.11]: (i) Về tác động của NCKH cho thấy các đề tài do Nhà trường thực hiện đều có sản phẩm đào tạo là DS, Thạc sĩ, Tiến sĩ; Nhiều đề tài có tính ứng dụng thực tiễn, góp phần xây dựng và ban hành chính sách của Bộ Y tế như CTĐT về biến cố bất lợi nghiêm trọng (SAE) trong thử nghiệm lâm sàng thuốc tại Việt Nam; Đề án kiểm soát kê đơn và bán thuốc kê đơn; và xây dựng được rất nhiều quy trình bào chế, kiểm nghiệm có khả năng ứng dụng trong thực tiễn; (ii) Về đóng góp cho xã hội cho thấy Nhà trường đã phối hợp nghiên cứu ứng dụng với các cơ sở sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, phối hợp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ hoạt động nghiên cứu KHCN của Nhà trường và theo nhu cầu của cộng đồng; Hợp tác nghiên cứu sinh khả dụng và thử tương đương sinh học của thuốc theo nhu cầu của các tổ chức trong và ngoài nước.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học.

Giai đoạn 2017-2021, công tác quản lý nghiên cứu của Nhà trường có nhiều cải tiến để đáp ứng tốt hơn tầm nhìn và sứ mạng của trường. Cụ thể:

Cải tiến về tổ chức, nhân sự: Từ tháng 5/2021, Nhà trường đã triển khai rà soát và xây dựng Đề án vị trí việc làm tại các đơn vị trong trường [TC.18.04.01], Nhà trường yêu cầu các đơn vị xác định rõ vị trí việc làm, số lượng nhân sự và mô tả cụ thể công việc của từng cán bộ tại đơn vị. Phòng QLKH đã xây dựng và mô tả công việc vị trí việc làm [TC.18.04.02] và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên tại đơn vị, trong đó đã phân công 1 chuyên viên phụ trách theo dõi, giám sát thực hiện đề tài KHCN các cấp, hướng dẫn và hỗ trợ thủ tục hành chính cho các chủ trì đề tài, theo dõi và tổng hợp hoạt động NCKH của sinh viên và thực hiện thống kê, báo cáo kết quả hàng năm; 1 chuyên viên phụ trách ghi nhận TSTT, hướng dẫn xác lập quyền SHTT. Bên cạnh đó, từ năm 2019, Nhà trường đã thành lập nhóm chuyên trách về hoạt động SHTT nhằm hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký sáng chế và bảo hộ quyền SHTT [TC18.04.03].

Cải tiến về văn bản quản lý: Sau kết quả ĐGN giai đoạn 2011-2016, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau ĐGN [TC.18.04.04]. Kết quả:

+ Trên cơ sở rà soát Chiến lược phát triển KHCN của Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Trường đã xây dựng Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.18.04.05], qua đó xác định mục tiêu phát triển KH&CN của Trường theo tiêu chí của trường đại học định hướng nghiên cứu và đề xuất một số chỉ tiêu KHCN giai đoạn 2021-2025 như sau: về công bố trong nước đạt 100 – 120 bài/năm, công bố quốc tế đạt TB 0,30 – 0,32 bài/ GVCH; có 5-8 bằng bảo hộ sáng chế trong 5 năm; tỷ trọng nguồn thu từ hoạt động KHCN/tổng thu hàng năm đạt 15%. Các chỉ tiêu này đã được cụ thể hóa trong kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm của Trường.

+ Từ năm 2018, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm vào đầu năm học và đối sánh kết quả thực hiện vào cuối năm học. Năm học 2019-2020, bên cạnh nội dung và chỉ số về hoạt động KHCN, Nhà trường đã bổ sung nội dung về hoạt động SHTT, hoạt động NCKH của sinh viên vào bản kế hoạch hàng năm [TC.18.04.06]– Kế hoạch hoạt động KHCN và SHTT theo năm học].

+ Năm 2018 ban hành Quy định quản lý hoạt động KHCN và SHTT [TC.18.04.07] trên cơ sở điều chỉnh một số nội dung của bản Quy định quản lý hoạt động KHCN và SHTT ban hành năm 2016 cho phù hợp với định hướng phát triển của Trường.

+ Nhà trường đã có cải tiến về chính sách khuyến khích trong hoạt động KHCN như: thưởng cho các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI uy tín, có chỉ số impact factor (IF) $\geq 1,0$, không là sản phẩm của đề tài KHCN các cấp, không là sản phẩm của đề tài Luận án tiến sĩ; và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp Trường đến 15 triệu đồng [TC.18.04.08]; hỗ trợ tăng số lượng và chất lượng công bố quốc tế bằng cách phê duyệt và triển khai chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường từ năm 2020 [TC.18.04.09].

+ Nhà trường đã xây dựng 07 hướng dẫn với 22 biểu mẫu kèm theo và đăng tải trên website nhà trường [TC.18.04.10] nhằm hướng dẫn giảng viên, nghiên cứu viên triển khai đề tài KHCN các cấp đúng quy định hiện hành như: hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện đề tài KHCN, hướng dẫn xây dựng dự toán kinh phí, dự trù nguyên vật liệu, sổ thực nghiệm, ...

Nhà trường đã khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, nghiên cứu viên và người học về công tác quản lý nghiên cứu [TC.18.04.11]. Theo kết quả khảo sát, toàn bộ các tiêu chí về công tác quản lý NCKH đều được phản hồi ở mức “Tốt” và “Khá”

vào năm 2021 [TC.18.04.12]. Trong đó, các tiêu chí về xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm của Trường; Hệ thống văn bản quản lý KHCN được cập nhật và thông báo đầy đủ tới giảng viên, nghiên cứu viên; Quy định về loại hình NCKH; Quy định về Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học nhận được phản hồi Tốt của các đối tượng tham gia khảo sát. Bên cạnh đó, cũng có một số góp ý cần cải thiện về quy định quản lý đề tài cấp trường (quy trình hướng dẫn; kinh phí hỗ trợ); Quy định về quản lý hoạt động NCKH của sinh viên. Nhà trường đã thực hiện cải tiến công tác QLKH sau khảo sát [TC.18.04.13] và kết quả đạt được như sau:

+ Đã xây dựng và ban hành Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường [TC.18.04.14] trên cơ sở hoàn thiện Quy trình đăng ký, thẩm định, thực hiện và nghiệm thu đề tài KHCN cấp trường trước đây.

+ Đã xây dựng và ban hành Quy định quản lý hoạt động NCKH của sinh viên nhằm thúc đẩy sinh viên tham gia làm thực nghiệm khoa học, tham gia các đề tài KHCN [TC.18.04.15].

Đối với ý kiến tăng kinh phí hỗ trợ cho đề tài cấp Trường, nhà trường đã tách 2 mức hỗ trợ kinh phí đề tài cấp trường thành 2 nhóm: đề tài thường niên và đề tài trọng điểm. Mức kinh phí hỗ trợ đề tài trọng điểm lên đến 50 triệu đồng so với đề tài thường niên kinh phí hỗ trợ là 10 triệu đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đã thiết lập được cơ cấu tổ chức gồm hệ thống chỉ đạo, điều hành, giám sát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu. Nhà trường đã xây dựng quy chế, quy định phân công chức năng nhiệm vụ của ĐU, HĐT - chỉ đạo; của BGH – điều hành; của các phòng chức năng - quản lý, triển khai, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu.

- Phòng chức năng xây dựng được hệ thống văn bản quản lý hoạt động KHCN, SHTT cho các đối tượng GV, NCV và người học; văn bản quy định về loại hình, số lượng, khối lượng NCKH, quy định các tiêu chí về số lượng và chất lượng nghiên cứu của trường đại học định hướng nghiên cứu cho cán bộ nghiên cứu.

- Trong 5 năm qua, 2017-2021, Nhà trường đã đề ra chính sách tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ NCKH, đồng thời đã có chính sách phù hợp khuyến khích được các GV, NVC tích cực tham gia các hoạt động NCKH, giúp cho nguồn kinh phí từ hoạt động KHCN bước đầu đạt được tiêu chí 12-15% tổng thu, trong đó nguồn thu từ CGCN đạt 10%.

- Các chỉ số để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu của GV, NVC và người học của Nhà trường được xây dựng, rà soát và điều chỉnh định kỳ hàng năm để phù hợp với chiến lược và kế hoạch KHCN đã ban hành. Các chỉ số này được xây dựng dựa trên định hướng phát triển của nhà trường là trở thành đại học định hướng nghiên cứu đến năm 2025.

- Nhà trường đưa các nhiệm vụ trọng tâm KHCN vào phương hướng hoạt động của Trường vào đầu năm học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KHCN&SHTT. Việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đến hoạt động quản lý KHCN thường niên nhằm nâng cao chất lượng về công tác quản lý KHCN.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nhà trường đã thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động NCKH cũng như chất lượng cán bộ nghiên cứu, tuy nhiên các hoạt động khác liên quan đến nghiên cứu như các hoạt động PVCD, đóng góp của cán bộ nhà trường tác động đến xã hội thông qua NCKH chưa được quy định cụ thể.

- Nguồn kinh phí từ CGCN còn khiêm tốn so với tiềm lực của Nhà trường. Phương hướng khắc phục điểm tồn tại này, về mặt tổ chức Nhà trường đã có kế hoạch thành lập đơn vị KHCN và HTPT nhằm đẩy mạnh mảng hoạt động liên kết với doanh nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp, cũng như giới thiệu quảng bá các sản phẩm KHCN của Nhà trường đến mạng lưới doanh nghiệp Được.

- Mới đánh giá được chỉ số trích dẫn (citation index) các bài báo quốc tế, tuy nhiên bài báo trên tạp chí Nghiên cứu dược và thông tin thuốc của Nhà Trường xuất bản chưa tính được chỉ số trích dẫn do chưa được xuất bản online.

- Nguồn nhân lực chuyên trách công tác quản lý KHCN của Trường bị thiếu, mảng hoạt động kết nối doanh nghiệp và thương mại hóa kết quả nghiên cứu chưa có cán bộ phụ trách.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 18.1	Xây dựng quy định về các hoạt động KN&PVCD có liên quan đến hoạt động KHCN	Ban tư vấn và tổ soạn thảo	6/2022 – 9/2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại 18.2	- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp - Chào hàng các sản phẩm KHCN của nhà trường	BGH và các phòng chức năng	2021 – 7/2022	
3	Khắc phục tồn tại 18.3	Xây dựng đề án tạp chí KHCN của Trường theo chuẩn quốc tế	BGH Phòng QLKH	2/2022 – 12/2022	
4	Khắc phục tồn tại 18.4	Tăng cường nguồn lực chuyên trách quản lý hoạt động KHCN	- BGH Phòng QLKH	2022	
5	Phát huy điểm mạnh 18.1	Tăng cường hoạt động giám sát các hợp đồng dịch vụ KHCN	Phòng QLKH	12/2022	
6	Phát huy điểm mạnh 18.2	Tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng dịch vụ KHCN	Phòng QLKH Các đơn vị		
7	Phát huy điểm mạnh 18.3	Nâng cao chất lượng nghiên cứu thông qua các chỉ số KHCN (IF, Q)	BTV, TST	9/2022	
8	Phát huy điểm mạnh 18.4	Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm tăng cường năng lực và chất lượng NCKH	- Phòng QLKH, - Các đơn vị		

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	5
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	5

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

Để quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu, trong cơ cấu tổ chức và hoạt động, Nhà trường giao cho phòng QLKH chịu trách nhiệm tư vấn, giám sát về hoạt động NCKH, CGCN và SHTT (SHTT) của Nhà trường [TC.19.01.01]. Hoạt động SHTT được quản lý và điều hành trực tiếp bởi Hiệu trưởng nhà trường thông qua phòng QLKH [TC.19.01.02]. Hiện nay, nhân sự của phòng QLKH gồm 2 giảng viên trình độ Tiến sĩ, học hàm Phó giáo sư và 2 chuyên viên trình độ Đại học, trong đó có 1 chuyên viên là cán bộ chuyên trách về hoạt động SHTT, đã tham gia các khóa tập huấn về bảo hộ quyền SHTT từ năm 2018 [TC.19.01.03].

Năm 2017, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động KHCN và SHTT trong trường [TC.19.01.04]. Văn bản này bước đầu quy định việc quản lý đối với quyền SHTT, CGCN, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và quản lý nguồn thu từ thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, chưa có quy định về các loại hình TSTT, hay bảo hộ phát minh sáng chế, kết quả nghiên cứu. Nhằm nâng cao nhận thức về tài sản trí tuệ (TSTT) và quyền SHTT của đội ngũ cán bộ, viên chức, từ năm 2019, nhà trường tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt khoa học về quyền SHTT trong các viện nghiên cứu và trường đại học [TC.19.01.05], làm việc với BK Holding, là 1 hệ thống doanh nghiệp thuộc trường đại học bách khoa Hà Nội để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm trong việc quản lý TSTT và chuyển giao tri thức của các nhà khoa học [TC.19.01.06]. Đến năm 2021, dựa trên quy định về hoạt động SHTT đối với các CSGD đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT, 29/12/2008), Nhà trường đã ban hành Quy định quản lý hoạt động SHTT trong Trường [TC.19.01.07] nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền SHTT và bảo vệ TSTT của Nhà trường. Văn bản này quy định cụ thể các hoạt động SHTT trong trường

nghư: xác định quyền sở hữu, quyền công bố, quy tắc bảo mật thông tin và xác lập quyền sở hữu đối với TSTT đồng thời đưa ra nguyên tắc khai thác, thương mại hóa TSTT cũng như nguồn tài chính dành cho hoạt động SHTT trong Trường. Đến năm 2022, Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) đã hoàn thiện Mô hình chính sách SHTT dành cho các trường học và viện nghiên cứu **[TC.19.01.08]**. Bản tiếng Việt đã được Cục SHTT dịch và hiệu đính, cũng như lựa chọn các quy định, điều kiện phù hợp với tình hình ở Việt Nam. Vì vậy, Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường đại học Dược Hà Nội được ban hành về cơ bản được dựa trên phiên bản chính thức này **[TC.19.01.09]**. Quy chế đã quy định rõ các loại hình TSTT của Trường, quy định về quyền sở hữu, quyền đăng ký, quyền sử dụng cũng như quyền tác giả, đồng tác giả đối với tài sản trí tuệ; quy định chi tiết về quyền công bố và bảo mật thông tin đối với kết quả nghiên cứu có tiềm năng bảo hộ; đồng thời đưa ra nguyên tắc và hướng dẫn giảng viên, nghiên cứu viên, người học cần bảo mật thông tin trước khi bộc lộ tài sản trí tuệ; hướng dẫn thực hiện đăng ký quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu do Trường là cơ quan chủ trì. Quy chế cũng quy định rõ về hoạt động thương mại hóa TSTT và nguyên tắc phân chia quyền lợi từ sản phẩm trí tuệ sau khi thương mại hóa.

Nhà trường thành lập Hội đồng Khoa học & Đào tạo; các Hội đồng chuyên môn, và Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học để tư vấn cho Nhà trường xây dựng CTĐT, thẩm định các đề xuất đề tài/ nhiệm vụ KHCN. Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của trường được thành lập ngày 18/8/2017 **[TC.19.01.10]** với 07 thành viên đều là các dược sỹ, bác sỹ có trình độ Tiến sỹ. Đến năm 2018, theo yêu cầu của Hội đồng đạo đức cấp trên, Nhà trường đã bổ sung thêm 02 thành viên với chuyên ngành Vi sinh – Sinh học và cử nhân Luật vào danh sách Hội đồng đạo đức của Trường **[TC.19.01.11]**. Nhà trường đã ban hành Quy chế hoạt động và tổ chức của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học HUP **[TC.19.01.12]**. Hội đồng có chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng xem xét, thẩm định về khía cạnh đạo đức và khoa học của các nghiên cứu y sinh học liên quan đến con người làm cơ sở để Nhà trường phê duyệt chấp thuận đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.

Bên cạnh việc áp dụng các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức cho các cá nhân chủ trì và tham gia đề tài KHCN cấp Bộ, Quốc gia theo quy định chung của Nhà nước, Nhà trường đã áp dụng các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức cho các cá nhân chủ trì các đề tài KHCN cấp Trường **[TC.19.01.13]**. Các quy định này đều được phổ biến đến giảng viên, nghiên cứu viên, học viên thông qua các buổi tập huấn, giao ban công tác KHCN, cổng thông tin điện tử (www.hup.edu.vn) và hệ thống intranet (intranet.hup.edu.vn) của Nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện các chủ trương của Nhà nước về bảo đảm quyền SHTT cho các đề tài KHCN do Trường chủ trì và bám sát các quy định về quản lý TSTT tại Trường **[TC.19.01.09]**. Trong các hợp đồng thực hiện đề tài KHCN với cơ quan chủ quản đều có điều khoản về thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền SHTT theo ủy quyền của cơ quan chủ quản cấp trên đối với sản phẩm của đề tài KHCN, về bảo mật các kết quả thực hiện đề tài theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước. Hiện tại, Nhà trường đang sở hữu một số lượng lớn các kết quả nghiên cứu là quyền tác giả và các quyền liên quan. Các đối tượng SHTT trong Nhà trường chủ yếu là: các công trình khoa học được thể hiện dưới hình thức đề tài KHCN các cấp **[TC.19.01.14]**, **[TC.19.01.15]**; sách chuyên khảo, giáo trình mà Nhà trường đã ký hợp đồng với tác giả hoặc nhóm tác giả được nghiệm thu theo quy định **[TC.19.01.16]**. Tất cả các công trình NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên, người học sau khi được Hội đồng khoa học nghiệm thu sẽ được lưu trữ và/hoặc đăng tải trên phần mềm quản lý thông qua các phòng chức năng (qlkh.hup.edu.vn). Từ 2020 đến nay, Nhà trường đã hỗ trợ cho tác giả là chủ trì đề tài các cấp đăng ký SHTT đối với kết quả nghiên cứu là sản phẩm từ đề tài của mình, trong đó có nhiều sản phẩm dạng quy trình, phương pháp có tính ứng dụng thực tiễn cao như: “Phương pháp PCR đặc hiệu alen (AS-PCR) dùng để phát hiện và phân biệt thể đồng hợp tử và dị hợp tử của alen HLA-C*0302 và các môi thu được từ phương pháp này”, “Phương pháp chiết xuất và phân lập hợp chất bistrinorcadinterme A và bistrinorcadinterme B từ cây Sâm đùi gà (*Decaschistia intermedia* Craib, Malvaceae)”; “Phương pháp điều chế thuốc điều trị rilpivirin từ mesitylen”, “Quy trình giải trình tự vùng đa hình exon 2-exon 3 của gen HLA-C”, “Quy trình bào chế hạt proliposom berberin bằng phương pháp bao hạt ứng dụng trong chế phẩm bảo vệ sức khỏe”; “Quy trình giải trình tự vùng đa hình exon 2 – exon 3 của gen HLA-C và một môi mới của quy trình này”... **[TC.19.01.17]**.

Nhằm khuyến khích cho các đề tài KHCN, Nhà trường có quy định hỗ trợ cho các đề tài KHCN cấp Trường và được ban hành hằng năm trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường **[TC.19.01.18]**; Nhà trường đã phê duyệt và triển khai chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường giai đoạn 2020-2025 **[TC.19.01.19]**, chương trình này được thực hiện trong 5 năm, bắt đầu từ năm 2020, với tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 1 tỷ đồng, mức hỗ trợ cho mỗi đề tài đến 50 triệu đồng; đã quy định về phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa tài sản trí tuệ của Trường ban hành trong Quy chế quản trị TSTT, trong đó có quy định cụ thể về cơ chế khai thác và phân bổ lợi ích từ các TSTT trí tuệ, đặc biệt là từ các kết quả nghiên cứu **[TC.19.01.09]**.

Ngoài ra, Nhà trường đã có quy định thưởng cho nhóm tác giả có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế [TC.19.01.18]. Từ 2018, Nhà trường đã xét và thưởng cho 35 nhóm tác giả có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI uy tín, trong đó nhiều tác giả là tác giả chính của bài báo [TC.19.01.20].

Từ năm 2016, phòng QLKH đã xây dựng Quy trình đăng ký, thẩm định, thực hiện và nghiệm thu đề tài KHCN cấp Trường [TC.19.01.21] nhằm hướng dẫn giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký, thẩm định, thực hiện và nghiệm thu đề tài KHCN cấp Trường và góp phần chuẩn hóa việc quản lý đề tài cấp Trường. Đến năm 2020, phòng đã tham mưu, tư vấn cho nhà trường và phối hợp với các phòng chức năng xây dựng quy trình, hướng dẫn về công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu; biểu mẫu triển khai đề tài KH&CN cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương [TC.19.01.22]; triển khai đề tài KH&CN cấp Trường [TC.19.01.23]. Đối với đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ thực hiện đăng ký, lưu giữ và công bố kết quả nghiên cứu theo quy định chung của Nhà nước [TC.19.01.24].

Hàng năm, phòng QLKH thông báo tới các đơn vị, yêu cầu các cá nhân kê khai thông tin lên phần mềm Quản lý lý lịch khoa học, sau đó phòng QLKH tiến hành xác minh thông tin kê khai và thực hiện báo cáo tổng kết, lập danh mục đề tài KHCN [TC.19.01.14], bài báo, hồ sơ đăng ký sáng chế báo cáo BGH [TC.19.01.25] và quản lý các TSTT này thông qua phần mềm Quản lý Lý lịch khoa học (qlkh.hup.edu.vn).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Tài sản trí tuệ của HUP là quyền SHTT và các tài sản khác (quyền đối với sáng kiến, giải pháp hợp lý hóa trong giáo dục và đào tạo và các đối tượng khác) phát sinh từ các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Dựa trên văn bản quy định quản lý hoạt động SHTT trong các CSGD đại học, Nhà trường giao cho các đơn vị chức năng như: phòng QLKH, Thư viện, phòng Tổ chức – Hành chính, phòng Đào tạo, phòng SDH là đầu mối ghi nhận TSTT tạo ra từ các hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường. Các đơn vị chức năng này có nhiệm vụ theo dõi, lập danh mục TSTT, gồm: bài báo, báo cáo khoa học, đề tài/dự án KHCN, sáng chế, giải pháp hữu ích, sách, giáo trình, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, luận văn chuyên khoa I & II, khóa luận TN, CTĐT, CTCT của học phần sử dụng trong đào tạo các loại hình, các hệ bậc của Trường [TC19.02.01].

Phòng QLKH có nhiệm vụ: xây dựng biểu mẫu khai báo, cam kết bảo mật thông tin [TC.19.02.02], ghi nhận TSTT và hướng dẫn xác lập quyền sở hữu theo quy định; Hướng dẫn giảng viên, nghiên cứu viên, người học cần bảo mật thông tin để tránh công bố hoặc bộc lộ công khai sớm sẽ ảnh hưởng tới khả năng bảo hộ quyền SHTT

[TC.19.02.01]; Hướng dẫn, hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện đăng ký SHTT đối với kết quả nghiên cứu [TC.19.02.03]. Từ năm 2020, phòng QLKH đã ghi nhận và hướng dẫn thủ tục đăng ký cho 13 đơn sáng chế, giải pháp hữu ích do Trường là chủ đơn, đồng chủ đơn, đã được Cục SHTT Việt Nam chấp nhận hợp lệ và đang trong quá trình thẩm định nội dung [TC.19.02.04]; Thư viện ghi nhận 13 hợp đồng bản quyền xuất bản sách của Trường với nhà xuất bản [TC.19.02.05]. Đối với bài báo khoa học, báo cáo hội nghị, hội thảo, đề tài, nhiệm vụ KHCN các cấp, phòng đã hướng dẫn giảng viên, nghiên cứu viên khai báo trực tiếp và đưa minh chứng trên phần mềm Quản lý Lý lịch khoa học (qlkh.hup.edu.vn), phòng QLKH xác minh theo định kỳ hàng năm.

Hệ thống lưu trữ TSTT của Trường đã được triển khai, tất cả dữ liệu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu của Trường được cập nhật theo đúng hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT nêu trong Quy chế quản trị TSTT của Trường [TC.19.02.01]. Đối với các kết quả nghiên cứu có khả năng đăng ký sáng chế, tác giả kê khai vào phiếu khai báo kèm hồ sơ đăng ký bảo hộ và nộp về phòng QLKH, phòng QLKH sẽ xác minh thông tin và báo lại cho nhóm tác giả. Nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu, phòng sẽ gửi BGH phê duyệt và gửi lại tác giả nộp hồ sơ đăng ký. Sau khi hoàn thành nộp hồ sơ, tác giả nộp lại cho phòng QLKH để phòng lưu trữ và theo dõi tiến trình bảo hộ [TC.19.02.03]. Đối với các đề tài KHCN đã nghiệm thu sẽ nộp một bản cứng về phòng QLKH lưu trữ và thực hiện đăng ký kết quả trên website của Cục Thông tin KHCN Quốc gia theo quy định. Song song với việc ghi nhận TSTT, phòng QLKH thực hiện lưu trữ bài báo khoa học, báo cáo hội nghị, hội thảo thông qua phần mềm Quản lý Lịch khoa học (qlkh.hup.edu.vn), lưu trữ hồ sơ đề tài, nhiệm vụ KHCN các cấp, hồ sơ đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, các văn bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích tại phòng và lập danh mục theo dõi hàng năm đối với các TSTT này. Đối với các đề tài/ nhiệm vụ KHCN sử dụng NSNN đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ qua Cục Thông tin KHCN Quốc gia theo quy định; Thư viện tiếp nhận và lưu trữ khóa luận TN, luận văn thạc sĩ, luận văn chuyên khoa I & II, luận án tiến sĩ, sách, giáo trình và quản lý các tài liệu bằng phần mềm thư viện điện tử Libol 6.0 (thuvien.hup.edu.vn), được cập nhật hàng năm và đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu [TC.19.02.06].

Theo thống kê, giai đoạn 2017-2021 số lượng TSTT của Nhà trường ghi nhận đến tháng 7/2022 như sau:

Bảng 19.2.1. Danh mục tài sản trí tuệ của HUP giai đoạn 2017 - 7/2022

TT	Loại hình TSTT	Số lượng
1.	Đề tài cấp Quốc gia, Nghị định thư, Nafosted	28
2.	Đề tài cấp Bộ và tương đương	19

3.	Đề tài cấp trường	110
4.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước	1106
5.	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế	439
6.	Sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình	61
7.	Đề tài luận án tiến sĩ	50
8.	Đề tài luận văn thạc sĩ; luận văn chuyên khoa I & II,	1483
9.	Đề tài khóa luận TN	855
10.	Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích	16

Nhằm mục tiêu đảm bảo cho giảng viên, nghiên cứu viên, người học cập nhật các kiến thức, quy định về quyền SHTT, Nhà trường đã thông báo phổ biến các lớp tập huấn, khóa đào tạo về SHTT do Cục SHTT (Bộ KH&CN), do Trường tổ chức tới các đơn vị trong trường **[TC19.02.07]**; hỗ trợ và tạo điều kiện cho giảng viên, nghiên cứu viên, người học tham gia các chương trình tập huấn về quyền SHTT **[TC.19.02.08]**. Nhà trường đã mời chuyên gia và tổ chức các lớp tập huấn viết bản mô tả sáng chế, hướng dẫn đăng ký bảo hộ sáng chế, tra cứu tìm kiếm thông tin sở hữu công nghiệp, tọa đàm về SHTT, ĐMST **[TC.19.02.09]**. Kết quả: từ năm 2020, Nhà trường đã có 13 đơn đăng ký sáng chế do Trường đứng tên chủ đơn, đồng chủ đơn nộp tại Cục SHTT (Bộ KH&CN) và nộp tại Hàn Quốc **[TC.19.02.04]**. Nhờ những nỗ lực về cập nhật kiến thức và hướng dẫn triển khai quyền SHTT mà trong các năm qua Nhà trường không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quyền SHTT.

Dựa trên kết quả nghiên cứu của các đề tài, nhiệm vụ KH&CN các cấp, cũng như hướng dẫn học viên SĐH NCKH và thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ trong đào tạo SĐH, trong 5 năm qua, Nhà trường đã ký kết và triển khai được 65 hợp đồng dịch vụ KH&CN, hợp đồng nghiên cứu phát triển sản phẩm; 02 hợp đồng CGCN **[TC.19.02.10]**. Trong giai đoạn 2017-2021, tổng doanh thu từ NCKH và CGCN của Nhà trường đạt khoảng 86 tỷ đồng. Có đề tài “Tối ưu chế độ liều imipenem và meropenem trong điều trị nhiễm khuẩn do *Klebsiella pneumoniae* tại khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Bạch Mai thông qua mô phỏng PK/PD” đạt giải xuất sắc tại Hội nghị KH&CN Tuổi trẻ ngành y tế lần thứ XX **[TC.19.02.11]**. Đây là đề tài có tính ứng dụng cao tại các bệnh viện trong việc kiểm soát chế độ liều trong điều trị nhiễm khuẩn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Để thực hiện tốt công tác quản lý TSTT, hàng năm Nhà trường đã triển khai rà soát và thống kê đối với các TSTT được sáng tạo trong các hoạt động trong trường. Hoạt động này được thực hiện thông qua các phòng chức năng. Cụ thể:

Phòng QLKH thực hiện rà soát, thống kê đối với bài báo, báo cáo khoa học, đề tài KHCN, các phát minh, sáng chế, kết quả nghiên cứu đăng ký bảo hộ. Phòng đã phân công chuyên viên phụ trách các hoạt động liên quan tới SHTT của Nhà trường như: theo dõi quá trình của các đơn đăng ký sáng chế, báo cáo thống kê số lượng bài báo, bằng phát sinh sáng chế; đã phân công chuyên viên định kỳ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các đề tài/nhiệm vụ KH&CN đồng thời lưu trữ hồ sơ, theo dõi và báo cáo tiến độ theo quy định [TC.19.03.01]. Phòng QLKH đã thực hiện rà soát các kết quả nghiên cứu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu và thực hiện lưu trữ các kết quả đó [TC.19.03.02]; thực hiện rà soát các văn bản quản lý hoạt động SHTT của Trường [TC.19.03.03]. Kết quả: Giai đoạn 2011-2016, quy định về quản lý hoạt động KHCN và SHTT được Nhà trường ban hành thành 1 quy định chung, tuy nhiên từ năm 2020 đến nay, để phù hợp với luật SHTT, luật KHCN, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định quản lý hoạt động SHTT trong Trường [TC.19.03.04] và Quy chế quản trị tài sản trí tuệ [TC.19.03.05]. Đối với đề tài KHCN các cấp, phòng cũng thường xuyên rà soát và có thông báo qua email tới các chủ trì đề tài thực hiện báo cáo tiến độ theo quy định và thực hiện đăng ký kết quả nghiên cứu qua cổng thông tin của Cục KHCN Quốc gia (NASATI). Trên cơ sở rà soát các hoạt động KHCN và SHTT, phòng QLKH thực hiện báo cáo kết quả hoạt động KHCN và thực thi quyền SHTT vào cuối năm học, đồng thời đề ra phương hướng hoạt động cho năm học tiếp theo [TC.19.03.06].

Thư viện thực hiện rà soát và thống kê đối với đề tài luận án, luận văn, khóa luận, đồng thời phối hợp với Ban tài liệu học tập rà soát các giáo trình, sách đã xuất bản và lập danh sách giáo trình, sách đề xuất viết mới hoặc có sửa đổi, bổ sung trình BGH [TC.19.03.07].

Phòng Quản lý CSVC có nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát các phần mềm hỗ trợ hiện đang sử dụng tại các đơn vị và có phương án bổ sung, chỉnh sửa phù hợp với yêu cầu thực tế của từng hoạt động. Phòng đã tiến hành khảo sát thực trạng hệ thống phần mềm hỗ trợ sử dụng tại Trường và góp ý kiến xây dựng Đề án chuyển đổi số của Trường [TC.19.03.08] và có kế hoạch xây dựng đề án Chuyển đổi số trình BGH [TC.19.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Sau kết quả và góp ý của đoàn ĐGN giai đoạn 2011-2016 và kết quả khảo sát công tác quản lý TSTT [TC.19.04.01], từ năm 2018, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động SHTT hàng năm cùng với kế hoạch hoạt động KHCN [TC.19.04.02] nhằm thực hiện cải tiến về công tác quản lý TSTT. Kết quả thực hiện như sau:

Năm 2018, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ nhà trường [TC.19.04.03] và đã ban hành Quy định quản lý hoạt động KHCN và SHTT [TC.19.04.04]. Tuy nhiên hoạt động SHTT trong quy định này nội dung mới chỉ là các quy định chung liên quan tới quyền SHTT, CGCN và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đến năm 2020, trên cơ sở quy định về quản lý hoạt động SHTT trong CSGD đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 78/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008), Nhà trường đã thành lập ban tư vấn, tổ soạn thảo [TC.19.04.05] xây dựng và ban hành Quy định quản lý hoạt động SHTT trong HUP [TC.19.04.06]. Đây là quy định đầu tiên và là cơ sở để nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường vào năm 2022 [TC.19.04.07]. Quy chế đã quy định chi tiết các hoạt động tạo lập, xác lập, bảo hộ quyền SHTT và khai thác thương mại đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đào tạo, KHCN của Trường.

Năm 2019, thành lập nhóm chuyên trách quản lý, tư vấn, giám sát hoạt động SHTT với 05 thành viên, trong đó có 03 giảng viên trình độ tiến sĩ (02/03 giảng viên có học hàm phó giáo sư) và 02 chuyên viên trình độ đại học, các thành viên trong nhóm đã tham gia các khóa đào tạo về SHTT. Nhóm có nhiệm vụ hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký sáng chế và bảo hộ quyền SHTT [TC.19.04.08].

Nhằm nâng cao kiến thức về SHTT cho giảng viên, nghiên cứu viên, người học, Nhà trường đã cử 93 cán bộ đi đào tạo, tập huấn về công tác SHTT; mời 06 chuyên gia, tổ chức 03 lớp tập huấn, 03 buổi sinh hoạt khoa học chuyên đề về SHTT nhằm phổ biến, tăng cường kiến thức về SHTT cho giảng viên, nghiên cứu viên, người học trong Trường [TC.19.04.09].

Đã xây dựng chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ tham gia NCKH như: hỗ trợ chi phí đăng ký sáng chế, phân chia lợi nhuận thu được từ hoạt động thương mại hóa TSTT, bổ sung các quy định về thương mại hóa tài sản trí tuệ [TC.19.04.07], bổ sung các quy định về giờ NCKH cho các tác giả có bằng sáng chế [TC.19.04.10]. Kết quả: giai đoạn 2017-2021 số lượng bài báo công bố trên các tạp chí khoa học là 1893 bài (trong nước: 1106 bài, quốc tế: 439 bài) [TC.19.04.11]; có 61 cuốn sách, giáo trình được xuất bản [TC.19.04.12]; có 16 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, trong đó có

12 bằng sáng chế do Chính phủ Hàn Quốc cấp; có 13 đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích được chấp nhận hợp lệ và đang trong quá trình thẩm định nội dung [TC.19.04.13]; thương mại hóa 01 sản phẩm (ASLEM).

Từ năm 2017, Nhà trường đã đưa phần mềm Quản lý Lý lịch khoa học (qlkh.hup.edu.vn) vào quản lý sản phẩm của hoạt động NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên. Hàng năm, giảng viên, nghiên cứu viên có nhiệm vụ kê khai các thành tích đạt được lên phần mềm như: bài báo, đề tài, sách, giáo trình, hướng dẫn luận án, luận văn, khóa luận, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích. Dựa vào dữ liệu trên phần mềm, phòng QLKH có nhiệm vụ thống kê và báo cáo kết quả công tác quản lý tài sản trí tuệ hàng năm [TC.19.04.14], [TC.19.04.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trong 5 năm qua, từ 2017 đến 2021, Nhà trường từng bước thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu dựa trên hệ thống văn bản quản lý hoạt động SHTT cũng như quản lý TSTT. Đặc biệt là đã ban hành được Quy chế quản trị TSTT của HUP theo hướng dẫn của Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) và Cục SHTT Việt Nam.

- Nhà trường đã thiết lập và triển khai được hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT tạo ra từ các hoạt động đào tạo và NCKH. Từng bước hoàn thiện hệ thống khai báo, ghi nhận TSTT từ hoạt động KH-CN, đặc biệt xác định được những TSTT có khả năng xác lập quyền SHTT để kịp thời bảo mật thông tin, không ảnh hưởng đến việc bộc lộ sớm kết quả nghiên cứu. TSTT của Trường đã được đăng ký bảo hộ đúng quy định của pháp luật.

- Thông qua các đơn vị chức năng, Nhà trường đã thiết lập được hệ thống rà soát, và có tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ theo định kỳ hàng năm.

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành được hệ thống văn bản trong quản lý hoạt động SHTT của Nhà trường sau đánh giá, khảo sát.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Thực tế, nhà trường đã tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT nhưng bộ phận này mới đáp ứng về mặt chuyên môn đăng ký bảo hộ quyền SHTT, chưa có nhân sự thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Hệ thống ghi nhận và lưu trữ TSTT của Trường được triển khai, không gặp khó khăn nhưng để khai thác được TSTT, đặc biệt là khai thác kết quả nghiên cứu, áp dụng

các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn cho mô hình hợp tác công – tư gặp nhiều khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế tài chính.

- Hiện nay, công tác rà soát TSTT của Nhà trường thực hiện riêng lẻ tại các đơn vị chức năng, chưa có bộ phận đầu mối thực hiện nhiệm vụ này.

- Do hoạt động SHTT là mảng mới, nhân lực chuyên trách công tác quản lý hoạt động SHTT của Trường còn thiếu, chuyên viên phụ trách chưa được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực SHTT.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 19.1	Cần có nguồn nhân lực thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu	QLKH đầu mối	2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại 19.2	Xây dựng mô hình hợp tác công – tư khai thác kết quả nghiên cứu	QLKH đầu mối	2022-2023	
3	Khắc phục tồn tại 19.3	- Tổ chức bộ phận/ nhóm chuyên trách thực hiện nhiệm vụ rà soát TSTT của Nhà trường - Bổ sung quy định rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chức năng	QLKH đầu mối	2022-2023	
4	Khắc phục tồn tại 19.4	Xây dựng vị trí việc làm cho hoạt động SHTT và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho chuyên viên chuyên trách SHTT	QLKH		
5	Phát huy điểm mạnh 19.1	Nâng cao năng lực bảo hộ quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu	QLKH đầu mối	Thường xuyên	
6	Phát huy	Ghi nhận TSTT và bảo mật	QLKH	Thường	

	điểm mạnh 19.2	thông tin để có thể bảo hộ quyền SHTT kết quả nghiên cứu, sáng tạo của cán bộ và người học của Nhà trường		xuyên	
7	Phát huy điểm mạnh 19.3	Các đơn vị chức năng thực hiện báo cáo, tổng kết đánh giá hàng năm về công tác quản lý TSTT do đơn vị mình phụ trách	Các đơn vị liên quan	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 19.4	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về quyền SHTT, ĐMST, khởi nghiệp	- QLKH đầu mối		

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	5
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	5
Tiêu chí 19.3	5
Tiêu chí 19.4	5

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Chiến lược KHCN được thể hiện và xác định tại Quy hoạch phát triển HUP giai đoạn 2010-2020, Chiến lược phát triển Trường đến 2030 và tầm nhìn 2045 và Chiến lược KHCN 2016-2020 và 2021-2025 với mục tiêu “Đến năm 2025, HUP phấn đấu đạt được 80-90% tiêu chí của trường đại học định hướng nghiên cứu. HUP là trung tâm dịch vụ và tư vấn KHCN & ĐMST, ương tạo và hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực dược và các ngành liên quan” [TC.20.01.01]; [TC.20.01.02], [TC.20.01.03], [TC.20.01.04]. Để triển khai các hoạt động hợp tác trong NCKH, căn cứ trên chính sách, chiến lược và kế hoạch trung hạn của Nhà trường cùng chiến lược KHCN, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch KHCN trung hạn và hàng năm làm cơ sở trong tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý thống nhất hoạt động KHCN tại Trường. Kế hoạch KHCN trung hạn và hàng năm được xây dựng thỏa mãn được mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và chỉ tiêu được phê duyệt tại Quy hoạch phát triển HUP qua

các giai đoạn [TC.20.01.05], [TC.20.01.06]. “*Xây dựng và phát triển các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu phát triển*” được xác định tại mục giải pháp của Chiến lược KHCN của Trường giai đoạn 2021-2025, là một trong những giải pháp trọng tâm trong thực hiện mục tiêu KHCN của Trường.

Với mục tiêu xây dựng HUP trở thành đại học đa ngành, đại học nghiên cứu và ĐMST, dẫn đầu cả nước về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cung cấp các sản phẩm KHCN có tính ứng dụng, CGCN và PVCD, việc thiết lập, mở rộng các hoạt động hợp tác cũng như mạng lưới đối tác trong NCKH và phát triển hợp tác Viện – Trường-Doanh nghiệp được HUP coi là một trong những mục tiêu ưu tiên để nâng cao vị thế và năng lực Trường trong khu vực và trên thế giới [TC.20.01.03], [TC.20.01.04], [TC.20.01.05], [TC.20.01.07], [TC.20.01.08], một số chỉ tiêu chính:

Bảng 20.1.1. Các chỉ tiêu KHCN giai đoạn 2021-2025 [TC.20.01.04]

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2021-2025	Ghi chú (mức tiêu chí đại học định hướng nghiên cứu theo 99/2019/NĐ_CP)
1	Công bố trong nước/ năm	100-120 bài	100 bài/01CSGD đại học
2	Công bố quốc tế (ISI, Scopus)/ năm	0,30-0,35 bài/ 01 GVCH	0,3 bài/1 GVCH
3	Sáng chế trong nước và quốc tế/ 5 năm	6-10	15
4	Tỷ trọng tổng thu từ hoạt động KHCN/ tổng thu hàng năm	15%	15%
5	Vườn ươm doanh nghiệp/ 5 năm*	1	
6	Số doanh nghiệp khởi nghiệp spin off/ 5 năm*	2	

** Tiêu chí của đại học ĐMST*

Chiến lược KHCN được sự thống nhất và đồng thuận của ĐU, HĐT và tập thể BGH được thể hiện tại các Nghị quyết của HĐT cùng phương hướng nhiệm vụ hàng năm của Nhà trường [TC.20.01.08], [TC.20.01.09] [TC.20.01.10], [TC.20.01.11]. Để tăng cường quản lý thống nhất và hỗ trợ các nhóm nghiên cứu trong tìm kiếm đối tác và kinh phí, trong triển khai các đề tài nghiên cứu, Nhà trường đã luôn cập nhật, ban hành các quy định, hướng dẫn có liên quan để điều chỉnh hoạt động KHCN và HTPT trong lĩnh vực KHCN [TC.20.01.12], [TC.20.01.13], [TC.20.01.14], [TC.20.01.15], [TC.20.01.16], [TC.20.01.17], [TC.20.01.18]. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [TC.20.01.19], phòng QLKH là đơn vị đầu mối trong quản lý thống nhất

hoạt động NCKH tại HUP. Phòng QLKH được thành lập vào ngày 2/12/1997 theo Quyết định số 2549/1997/QĐ-BYT của Bộ Y tế với chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và triển khai thực hiện công tác NCKH, CGCN và công tác SHTT của Trường. Nhân sự hiện nay của Phòng gồm 2 Phó Giáo sư, tiến sĩ được học và 2 chuyên viên trình độ Đại học. Phòng QLKH căn cứ theo chức năng nhiệm vụ **[TC.18.01.20]** phối hợp với phòng HTQT và các đơn vị liên quan lập kế hoạch, kết nối, điều phối và phát triển hợp tác trong NCKH với các đối tác là tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ở trong và ngoài nước để triển khai các hoạt động NCKH. Một số hoạt động chính trong lập kế hoạch phát triển hợp tác và tìm kiếm mở rộng đối tác trong 5 năm qua: (i) Rà soát, cập nhật các quy định, hướng dẫn trong triển khai và giám sát hoạt động KHCN; (ii) Tăng cường tìm kiếm và vận động các nguồn kinh phí trong tổ chức các đề tài KHCN: nguồn kinh phí của Chính phủ (đề tài cấp nhà nước, đề tài cấp bộ); nguồn kinh phí từ các quỹ, tổ chức quốc tế (ADB, Naforted, WHO), nguồn kinh phí từ hợp tác công tư (doanh nghiệp trong và ngoài nước như Traphaco, Novatis, GSK); (iii) Nâng cao năng lực đội ngũ viên chức HUP trong triển khai và quản lý các đề tài NCKH; (iv) Tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN; (v) Tăng cường công tác quản trị trong lĩnh vực KHCN **[TC.20.01.05]; [TC.20.01.06], [TC.20.01.07], [TC.20.01.21]**. Về cơ bản, công tác tham mưu và lập kế hoạch trong thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong NCKH của P. QLKH và P. HTQT đã hoạch định thực hiện mục tiêu và chỉ tiêu KHCN tại Chiến lược KHCN và Chiến lược HTQT giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025.

KPI và chỉ tiêu KHCN được quy định cụ thể tại các Quy hoạch phát triển HUP qua các giai đoạn: nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ KHCN, hoạt động KHCN, chỉ tiêu cần đạt của các giai đoạn (quy hoạch tổng thể phát triển trường giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn 2030 và Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường đến 2030 và tầm nhìn 2045). Chỉ tiêu hoạt động KHCN nói chung và chỉ tiêu trong tăng cường hợp tác với các đối tác trong hoạt động KHCN nói riêng được quy định tại Chiến lược KHCN 2016-2020 và 2021-2025, Chiến lược HTQT qua các giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 **[TC.20.01.01] [TC.20.01.02], [TC.20.01.03], [TC.20.01.04], [TC.20.01.08], [TC.20.01.09]**. Phòng QLKH và phòng HTQT phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, điều phối, tổ chức đánh giá, giám sát chỉ tiêu thực hiện và đề xuất phương án và giải pháp cải tiến (nếu cần). Kết quả đánh giá xếp hạng về NCKH của Trường được đánh giá là 4 sao theo Hệ thống xếp hạng đối sánh chất lượng đại học Việt Nam và khu vực – UPM (University Performance Metrics) **[TC.20.01.22]**.

HUP thông qua các cuộc họp của ĐU, HĐT, các cuộc họp của BGH, các cuộc họp giao ban, họp cán bộ chủ chốt, hội nghị viên chức và người lao động hàng năm để

tổng kết, đánh giá và thông tin về kết quả công tác tổ chức thực hiện, phương hướng, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động NCKH nhằm mở rộng mạng lưới, nâng cao chất lượng của hoạt động HTPT. Các quy định, chính sách KHCN được xây dựng, thông tin và quảng bá tới VC-NLĐ thông qua kênh thông tin nội bộ và website của Nhà trường [TC.20.01.10], [TC.20.01.11], [TC.20.01.23], [TC.20.01.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Quy hoạch phát triển tổng thể HUP 2010-2020 đã quy định rõ chính sách và các định hướng phát triển NCKH cùng cơ cấu tổ chức hoạt động của các khoa, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu thuộc và trực thuộc HUP làm cơ sở cho việc kiện toàn cơ cấu tổ chức hoạt động và định hướng phát triển KHCN của Trường [TC.20.02.01]. Nghị quyết 01 của HĐT về chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, tầm nhìn 2045 quy định rõ về chính sách, chiến lược KHCN bao gồm chỉ tiêu cần đạt để trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu và ĐMST [TC.20.02.02], [TC.20.02.03]. KPIs và chỉ tiêu được quy định tại quy hoạch phát triển tổng thể Trường, chiến lược phát triển HUP đến 2030, chiến lược KHCN 2021-2025 và chiến lược HTQT qua các giai đoạn là cơ sở trong triển khai các hoạt động KHCN, kế hoạch hợp tác và phát triển đối tác [TC.20.02.04], [TC.20.02.05], [TC.20.03.06].

Trong 5 năm qua, với mục tiêu nâng cao vị thế, uy tín và thương hiệu của Nhà trường, từng bước hướng đến tự chủ đại học và phát triển thành đại học định hướng nghiên cứu, hoạt động KHCN được định hướng có trọng tâm, trọng điểm với mục tiêu tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN, tăng cường nghiên cứu ứng dụng & nghiên cứu chuyển giao, tăng số bài báo quốc tế và patents, tăng cường hợp tác công tư trong hoạt động KHCN và từng bước chuẩn hóa hoạt động quản trị trong KHCN.

HUP đã ban hành và triển khai nhiều chính sách nhằm phát triển hoạt động hợp tác, mở rộng đối tác trong NCKH, cụ thể: (i) Về cơ chế phối hợp và tổ chức hoạt động: HUP đã tăng cường phân cấp, phân quyền cho các đơn vị trong phát triển hợp tác, đối tác ở trong và ngoài nước. Phòng QLKH và phòng HTQT là đơn vị đầu mối tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trong tìm kiếm, triển khai và quản lý các dự án, đề tài NCKH theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, đối tác, nhà tài trợ, và Trường [TC.20.02.07], [TC.20.02.08], [TC.20.02.09], [TC.20.02.10], [TC.20.02.11], [TC.20.02.12], [TC.20.02.13]; (ii) Về nguồn nhân lực: Nhà trường đã thực hiện các chính sách nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thông qua 10 hội thảo khoa học và các buổi tọa đàm, các buổi sinh hoạt trao đổi về hoạt động KHCN [TC.20.02.14],

[TC.20.02.15]; có cơ chế, chính sách khen thưởng khuyến khích trong thực hiện hoạt động NCKH như khen thưởng đối với các tác giả có bài báo đăng trên tạp chí ISI hoặc Scopus, đồng thời cũng đưa hoạt động NCKH vào KPI đánh giá phân loại lao động hằng năm của giảng viên, nghiên cứu viên; hoạt động NCKH được coi là 1 trong những nhiệm vụ chính với chỉ tiêu đánh giá cụ thể **[TC.20.02.16]**, **[TC.20.02.17]**; HUP đã tăng cường thiết lập mạng lưới nhà khoa học giữa HUP với các đối tác trong và ngoài nước (75 cơ sở nghiên cứu trong nước và 45 cơ sở nghiên cứu quốc tế) phối hợp với các nhà khoa học của Trường trong triển khai NCKH với hơn 700 bài báo được công bố chung trên các tạp chí trong nước và quốc tế chiếm tỷ lệ 52,95% **[TC.20.02.18]**; (iii) Về tài chính: HUP có quyết định chi khen thưởng cho các tác giả có bài báo công bố trên tạp chí ISI năm 2020 và 2021 khoảng 68 triệu đồng **[TC.20.02.19]**; chi hỗ trợ đề tài cấp trường trong 5 năm khoảng 1,1 tỷ đồng; Chi hỗ trợ cho các đoàn ra tham gia hội thảo hoặc đào tạo chuyên sâu về công nghệ tại nước ngoài với tổng 5 năm khoảng 500 triệu đồng (do ảnh hưởng Covid 19 nên từ 2020 kế hoạch các đoàn ra tạm dừng hoặc hoãn lại); chi hỗ trợ ban biên tập & các hoạt động thẩm định cho tạp chí được và thông tin thuộc của Trường...; (iv) Về kết quả thực hiện NCKH giai đoạn 2017-2021: HUP đã triển khai 142 đề tài, trong đó 17 đề tài cấp nhà nước, 11 đề tài cấp bộ, 114 đề tài cấp trường; công bố 1322 bài báo, trong đó 986 bài báo trong nước, 336 bài báo quốc tế (256 ISI và 34 Scopus); đăng ký và sở hữu 16 patents; tổ chức và đồng tổ chức 71 hội thảo, lớp tập huấn có yếu tố quốc tế, số báo cáo của viên chức và sinh viên HUP tại các Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế tăng hàng năm **[TC.20.02.20]**, **[TC.20.02.21]**, **[TC.20.02.22]**, **[TC.20.02.23]**, **[TC.20.02.24]**, **[TC.20.02.25]**, **[TC.20.02.26]**, **[TC.20.02.27]**, **[TC.20.02.28]**, **[TC.20.02.29]**, **[TC.20.02.30]**.

Bên cạnh đó HUP cũng tìm kiếm và tích cực triển khai hợp tác công tư, hợp tác đầu tư, xã hội hóa với đối tác trong và ngoài nước **[TC.20.02.31]**. Nhà trường đã ký 111 thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước (87 MOU quốc tế và 24 MOU trong nước), 65 hợp đồng dịch vụ KHCN tương đương 17,6 tỷ đồng với các trường đại học, viện, doanh nghiệp trong triển khai NCKH **[TC.20.02.23]**, **[TC.20.02.24]**, **[TC.20.02.32]**, **[TC.20.02.33]**. Hoạt động HTPT đã góp phần đáng kể trong đào tạo và NCKH, đưa hoạt động NCKH tiệm cận, lồng ghép trong chương trình giảng dạy trong và SDH của Trường đồng thời vận động tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các đối tác trong và ngoài nước chi trả cho giảng viên, sinh viên trong thực hiện các đề tài NCKH **[TC.20.02.23]**, **[TC.20.02.24]**, **[TC.20.02.25]**, **[TC.20.02.31]**, **[TC.20.02.34]**, **[TC.20.02.35]**, **[TC.20.02.36]**.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt khoa học để thông tin và cập nhật các hướng ưu tiên trong triển khai hoạt động KHCN, khuyến khích các đơn vị và cá nhân tham gia nghiên cứu với các đối tác và nhà khoa học ngoài trường, quốc tế và có sự cải thiện đáng kể, ví như: Công bố khoa học trong giai đoạn 2017-2021 có sự phát triển, đặc biệt là số lượng công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI và Scopus [TC.20.02.37].

Bảng 20.2.1. Số lượng bài báo được đăng tạp chí giai đoạn 2017-2021
[TC.20.02.38]

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	48	75	81	70	62	336
	Danh mục ISI	36	46	63	54	57	256
	Danh mục Scopus	7	14	4	6	3	34
	Khác	5	15	14	10	2	46
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	215	172	213	202	184	986
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	263	247	294	272	246	1.322

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **7,47** (1.322/177)

Đối tác hợp tác trong NCKH được xem xét dựa trên ưu tiên của Nhà tài trợ và đối tác; trên Chiến lược KHCN và HTQT các giai đoạn của Trường và thực trạng nguồn nhân lực cùng CSVC của Trường. Với chiến lược mở rộng mạng lưới hợp tác đối tác, là trường công lập với sự hỗ trợ một phần của Nhà nước về kinh phí thường xuyên, HUP gặp khó khăn trong tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH, Nhà trường đã đa dạng hóa các loại hình hợp tác và đẩy mạnh hợp tác Viện – Trường- Doanh nghiệp (trong và ngoài nước) trong hợp tác công tư, hợp tác đầu tư và tài trợ để đầu tư cho hoạt động NCKH của Trường với các kết quả đáng ghi nhận nêu trên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Với mục tiêu tăng cường quản lý thống nhất và hiệu quả của hoạt động KHCN, công tác rà soát đánh giá tính hiệu quả của HTPT và đối tác nghiên cứu được ưu tiên, tại HUP, Hiệu trưởng luôn phụ trách trực tiếp đối với hoạt động NCKH và HTQT [TC.20.03.01]. Phòng QLKH và HTQT là đơn vị đầu mối trong quản lý thống nhất hoạt động KHCN, HTQT và phát triển mạng lưới đối tác trong nước [TC.20.03.02],

[TC.20.03.03], [TC.20.03.04], [TC.20.03.05]. HĐT đã thành lập các tổ chuyên môn, trong đó có tổ chuyên môn giám sát các hoạt động KHCN và HTPT. Trong đó có nội dung về HTPT và lĩnh vực ưu tiên phát triển nghiên cứu [TC.20.03.06].

Trong các báo cáo định kỳ của ĐU, HĐT, BGH, hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện công tác QLKH và HTQT hàng năm và trung hạn, công tác rà soát và đánh giá hiệu quả của công tác KHCN, HTQT và phát triển mạng lưới đối tác trong nước luôn được xem xét [TC.20.03.07], [TC.20.03.08], [TC.20.03.09], [TC.20.03.10], [TC.20.03.11], [TC.20.03.12]. Để rà soát, điều chỉnh và đảm bảo tính khả thi của các chính sách NCKH và HTQT, hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện hàng năm cũng được tham khảo trong điều chỉnh kế hoạch và đề xuất phương án cải tiến với mong muốn từng bước đạt được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của HUP [TC.20.03.13], [TC.20.03.14], [TC.20.03.15]. Quy trình đánh giá hiệu quả và lấy ý kiến phản hồi được tổ chức gồm các bước: (i) Nhà trường có công văn yêu cầu các đơn vị trong trường, các Ban QLDA/ chương trình hợp tác, các chủ nhiệm đề tài có báo cáo về kết quả triển khai của dự án, chương trình hợp tác, đề tài nghiên cứu và hợp đồng dịch vụ KHCN; (ii) Thông qua hệ thống lấy ý kiến phản hồi của công tác ĐBCL, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị, Ban QLDA, viên chức & NLĐ về hoạt động HTQT và phát triển đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại; (iii) Phòng QLKH là đầu mối gửi văn bản, đôn đốc và giám sát tiến độ thực hiện của đề tài các cấp, hợp đồng dịch vụ KHCN; (iv) Báo cáo tổng kết công tác HTQT và KHCN hàng năm và trung hạn được tổng hợp dựa trên số liệu và báo cáo của các đơn vị, dự án, chương trình hợp tác và đề tài KHCN các cấp. Kết quả hoạt động HTQT cùng phát triển mạng lưới đối tác trong nước được báo cáo định kỳ hàng năm tới cơ quan chủ quản (Bộ Y tế) và thông tin tới các đơn vị, dự án, chương trình hợp tác, đề tài KHCN, viên chức & NLĐ [TC.20.03.09], [TC.20.03.10], [TC.20.03.11], [TC.20.03.16], [TC.20.03.17], [TC.20.03.18]. Kết quả thực hiện các thỏa thuận hợp tác cũng được rà soát, xem xét [TC.20.03.19], [TC.20.03.20].

Theo kết quả lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và nghiên cứu viên năm 2022 đánh giá về hoạt động NCKH và SHTT của Nhà trường, tất cả các tiêu chí đều được phản hồi ở mức “Khá (ĐTB:3.50 - 4.18). Trong đó, tiêu chí về “*Chiến lược phát triển KHCN 2021-2025 (KHCN) phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển của Nhà trường*” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4.18); tiêu chí về “*Tỷ lệ phân bổ kinh phí cho các hoạt động NCKH là hợp lý*” được đánh giá ở mức thấp nhất (ĐTB = 3.50) [TC.20.03.15].

Tại báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi về công tác HTQT năm 2021, 86 % người được hỏi đều đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý cho rằng: các chương trình, đối tác HTQT

đã được lựa chọn phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường; Các hoạt động HTQT của Trường được triển khai theo đúng kế hoạch; Các hoạt động HTQT được triển khai với nhiều hình thức đa dạng, cách thức phù hợp. 71,9% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý và 26,6% đồng ý ở mức TB cho rằng Nhà trường đã đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác quốc tế [TC.20.03.14].

Căn cứ trên kết quả triển khai trung hạn và hàng năm công tác KHCN và HTQT trong phát triển các mối quan hệ hợp tác và đối tác, đặc biệt trong lĩnh vực KHCN, căn cứ trên kết quả lấy ý kiến phản hồi, Nhà trường đã có kế hoạch cải tiến trong xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm, phát triển mạng lưới hợp tác trong nước đặc biệt với các doanh nghiệp được đặc biệt ưu tiên, ví như học bổng nghiên cứu, quỹ hỗ trợ NCKH đang được ưu tiên vận động và phát triển.

Một số kết quả chính của Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện: (i) Về mạng lưới: thỏa thuận hợp tác trong nước được tăng cường ký kết trong 5 năm với 24 MOU [TC.20.03.21]. Công tác rà soát và giám sát công tác tổ chức thực hiện MOU được tăng cường [TC.20.03.22]; (ii) Về nâng cao năng lực: Giảng viên, nghiên cứu viên, viên chức HUP được nâng cao năng lực về NCKH thông qua việc tham dự các hội thảo khoa học trong và ngoài nước (khoảng 83 lượt người tham dự các hội thảo khoa học tại nước ngoài), các đề tài nghiên cứu, các hợp đồng dịch vụ khoa học [TC.20.03.23], [TC.20.03.24], (iii) Về CSVC và TTB: Các chương trình hợp tác, dự án đã góp phần đầu tư CSVC, TTB, học liệu, CTĐT cho Trường [TC.20.03.25]; (iv) Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính về KHCN 2016-2020 [TC.20.03.11].

Bảng 20.3.1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính về KHCN 2016-2020

TT	Tiêu chí	Theo chiến lược	Kết quả thực hiện
1	Bài báo quốc tế/ năm	22	58
2	Bài báo trong nước/ năm	150	190
3	Sách chuyên khảo, sách tham khảo	2	2
4	Sáng chế, giải pháp hữu ích	2	2
5	Chương trình hợp tác nghiên cứu	2	3
6	Sáng chế	0	12
7	Hội nghị, hội thảo khoa học	0	10
8	Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu mạnh	1	0

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá hiệu quả trong hợp tác và đối tác nghiên cứu, HUP đã đưa ra các giải pháp để cải thiện hoạt động hợp tác và đối tác trong NCKH. Nhà trường định kỳ hàng năm rà soát, đánh giá kết quả công tác NCKH và HTQT làm cơ sở điều chỉnh chính sách KHCN và đào tạo trong hợp tác và đối tác nghiên cứu để phù hợp hơn với thực tiễn ngành dược Việt Nam, thực trạng HUP và nhu cầu xã hội [TC.20.04.01], [TC.20.04.02], [TC.20.04.03], [TC.20.04.04], [TC.20.05.05], [TC.20.04.06].

Căn cứ trên kết quả thực hiện và do sự chưa tương thích giữa hệ thống văn bản pháp quy trong nước với các quy định của đối tác và nhà tài trợ trong tổ chức triển khai các đề tài nghiên cứu có yếu tố quốc tế, từ năm 2020 công tác phát triển mạng lưới được tập trung mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp có pháp nhân Việt Nam và doanh nghiệp có pháp nhân nước ngoài đặt tại Việt Nam nhằm đảm bảo từng bước đạt được chỉ tiêu KHCN và HTQT được xác định tại các quy hoạch phát triển Trường qua các giai đoạn, chiến lược KHCN 2016-2020 & 2021-2025 và chiến lược HTQT 2016-2020 & 2021-2025. Tiêu chí lựa chọn được định hướng trong tăng cường đào tạo thực hành nghề nghiệp, tìm kiếm nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động KHCN và tăng cường số lượng các hợp đồng dịch vụ về KHCN. Nội dung này cũng được thể hiện tại kế hoạch thực hiện hàng năm của hoạt động HTQT trong hợp tác và phát triển đối tác NCKH [TC.20.04.07], [TC.20.04.08], trong 5 năm qua Nhà trường đã ký kết và triển khai 87 thỏa thuận hợp tác có yếu tố quốc tế và 24 thỏa thuận hợp tác trong nước [TC.20.04.09], [TC.20.04.10]. Nhà trường đã xúc tiến đẩy mạnh tìm kiếm, vận động các nguồn kinh phí trong triển khai các hoạt động NCKH và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận dưới nhiều hình thức viện trợ chính thức, hợp tác đầu tư, hợp tác công tư và xã hội hoá (khoảng 7,5 tỷ đồng cho các chương trình xã hội hóa, chưa bao gồm các dự án ODA, vốn vay ưu đãi hoặc hợp đồng dịch vụ) [TC.20.04.05], [TC.20.04.06], [TC.20.04.11], [TC.20.04.12], [TC.20.04.13]. Nhiều chuyên gia quốc tế, nhà khoa học có uy tín đã phối hợp với các nhà khoa học của Trường trong triển khai NCKH (khoảng hơn 700 bài báo đồng công bố có sự tham gia của chuyên gia trong nước và quốc tế).

Kết quả cho thấy, nhà trường đã có nhiều cải thiện cả về số lượng và chất lượng trong hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu: (i) Số lượng bài báo trong nước và quốc tế tăng theo từng năm [TC.20.04.14], [TC.20.04.15], số lượng bài báo có người học tham gia cũng tăng theo từng năm [TC.20.04.16], [TC.20.04.17]; (ii) Số lượng đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, cấp thành phố; Số đề tài nghiên cứu có yếu tố quốc tế tăng

[TC.20.04.18], [TC.20.04.19], [TC.20.04.20]; (iii) Số hội thảo, hội nghị, tọa đàm khoa học trong nước và quốc tế được tổ chức đạt được hiệu ứng và được ghi nhận đối với các bên tham dự [TC.20.04.21], [TC.20.04.22], [TC.20.04.23]; (iv) Nguồn thu từ hiệu quả hợp tác và phát triển đối tác đa đối tượng, đa lĩnh vực và góp phần vào nguồn thu của HUP [TC.20.04.24], [TC.20.04.25], [TC.20.04.26]. Đa phần các nhóm nghiên cứu và đề tài nghiên cứu đều có sự tham gia của các nhà khoa học trong hoặc ngoài nước hoặc có sự phối hợp của các tổ chức, doanh nghiệp, do vậy sản phẩm của các dự án, đề tài nghiên cứu bám sát với thực trạng hệ thống y tế Việt Nam và đáp ứng nhu cầu của xã hội, có cơ hội cao ứng dụng trong thực tế. Bên cạnh đó với sự phối hợp và tham gia của các tổ chức, cá nhân liên quan, HUP có thêm nguồn lực cho nghiên cứu, viên chức HUP được chia sẻ học thuật và nâng cao năng lực trong NCKH và quản trị dự án nghiên cứu [TC.20.04.05], [TC.20.04.06], [TC.20.04.27].

Bảng 20.4.1. Doanh thu từ NCKH và CGCN của Trường 2021-2025
[TC.20.04.28].

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và CGCN (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và CGCN so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	11,229	9	34,1
2	2018	17,484	13	53,3
3	2019	21,278	16	67,8
4	2020	16,480	12	52,7
5	2021	19,610	14	64,5

Bảng 20.4.2. Số lượng bài báo giai đoạn 2017-2021 [TC.20.04.28]

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	51	82	87	88	81	389
	Danh mục ISI	39	53	69	62	76	299
	Danh mục Scopus	7	14	4	6	3	34
	Khác	5	15	14	10	2	46
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	215	172	213	202	184	986
	Tổng cộng	263	247	294	272	246	1.375

Bảng 20.4.4. Số lượng đề tài các cấp giai đoạn 2017-2021 [TC.20.04.28]

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	12	6	3	6	1	28
2	Đề tài cấp Bộ*	9	2	0	5	2	18
3	Hợp đồng dịch vụ	15	14	13	15	10	67
4	Đề tài cấp trường	23	21	41	8	17	110
	Tổng cộng	59	43	57	34	30	223

Thông qua các dự án, chương trình hợp tác, đối tác nghiên cứu, CSVC và TTB của Trường được nâng cấp, đầu tư [TC.20.04.05], [TC.20.04.06], [TC.20.04.29]. Hoạt động NCKH của sinh viên phát triển mạnh, chuẩn hoá về quy trình đăng ký, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả. Với kết quả tăng cường HTPT với các đối tác trong nước, từ 2020 số doanh nghiệp có pháp nhân Việt Nam và doanh nghiệp có pháp nhân nước ngoài đặt trụ sở tại Việt Nam ký kết với HUP tăng theo từng năm, đã góp phần không nhỏ trong hỗ trợ sinh viên tham gia thực hành nghề nghiệp và triển khai NCKH [TC.20.04.09], [TC.20.04.10], [TC.20.04.30], [TC.20.04.31].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có định hướng, chiến lược rõ ràng trong phát triển KHCN và mở rộng hợp tác, đối tác. Chỉ tiêu KHCN được quy định tại Quy hoạch và chiến lược phát triển HUP qua các giai đoạn. Chỉ tiêu mở rộng hợp tác, đối tác trong NCKH được tham chiếu tại Chiến lược KHCN và HTQT qua các giai đoạn.

- Hệ thống quy định, hướng dẫn trong tổ chức thực hiện và quản lý thống nhất hoạt động KHCN được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật làm căn cứ cho công tác triển khai. Hoạt động KHCN được quản lý thống nhất, tổ chức thực hiện và giám sát theo đúng các quy định hiện hành

- Có sự phát triển về kết quả triển khai hoạt động KHCN

- Có cơ chế và chính sách khen thưởng, động viên viên chức trong triển khai hoạt động NCKH. Đồng thời cũng đưa hoạt động NCKH vào KPI đánh giá phân loại lao động đối với giảng viên, nghiên cứu viên và được coi là 1 trong những nhiệm vụ chính với chỉ tiêu cụ thể

- HUP có đội ngũ giảng viên, viên chức chất lượng cao (giỏi về chuyên môn; thành thạo tối thiểu 01 ngoại ngữ; tỷ lệ TN SDH từ nước ngoài trên 70%), có đủ năng lực để dẫn dắt và tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp, đề tài nghiên cứu liên kết

với đối tác nước ngoài, hay tham dự đấu thầu quốc tế các dự án/ đề tài nghiên cứu có yếu tố quốc tế.

- Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện đã góp phần đạt được các mục tiêu trong NCKH và đào tạo. Công tác phát triển đối tác, mở rộng mối quan hệ đã được hoạch định và ưu tiên trong nước trong tăng cường thực hành nghề nghiệp cho sinh viên và tìm kiếm, vận động kinh phí & đề tài nghiên cứu hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên và giảng viên HUP.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Kế hoạch KHCN hàng năm chưa xác định rõ về chỉ tiêu định tính và định lượng trong phát triển mạng lưới đối tác trong nước.

- Cần làm tốt hơn nữa công tác giám sát triển khai và quản lý tiến độ trong phát triển mạng lưới đối tác trong lĩnh vực KHCN.

- Chưa tập trung đánh giá cụ thể về hiệu quả của mạng lưới hợp tác và đối tác trong NCKH.

- Kế hoạch cải tiến chưa được xây dựng chi tiết, chưa có các chỉ số và chưa xác định rõ vai trò/ trách nhiệm các bên tham gia trong điều chỉnh, cải tiến phát triển hợp tác và đối tác trong lĩnh vực NCKH.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Kế hoạch KHCN hàng năm cần xác định rõ về chỉ tiêu định tính và định lượng trong phát triển mạng lưới đối tác trong nước.	QLKH/ HTQT	Từ 2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần làm tốt hơn nữa công tác giám sát triển khai và quản lý tiến độ trong phát triển mạng lưới đối tác trong lĩnh vực KHCN (định kỳ)	QLKH/ Các bên liên quan	2022-2023	
3	Khắc	Cần tập trung đánh giá cụ thể	QLKH,	2022-2023	

	phục tồn tại 3	về hiệu quả của mạng lưới hợp tác và đối tác trong NCKH (định kỳ)	HTQT/ các bên liên quan		
4	Khắc phục tồn tại 4	Kế hoạch cải tiến chưa được xây dựng chi tiết, chưa có các chỉ số và chưa xác định rõ vai trò/ trách nhiệm các bên tham gia trong điều chỉnh, cải tiến phát triển hợp tác và đối tác trong lĩnh vực NCKH	QLKH, HTQT/ Các bên liên quan	2022-2023	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Có sự phát triển về kết quả triển khai hoạt động KHCN	QLKH/ các bên liên quan	2023	Kết quả hoạt động KHCN có sự phát triển theo năm
6	Phát huy điểm mạnh 2	Có cơ chế và chính sách khen thưởng, động viên viên chức trong triển khai hoạt động NCKH. Đồng thời cũng đưa hoạt động NCKH vào KPI đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên và được coi là 1 trong những nhiệm vụ chính với chỉ tiêu cụ thể	QLKH	2023	Cơ chế và chính sách khen thưởng cần được rà soát, điều chỉnh định kỳ để khuyến khích, động viên viên chức trong

					triển khai hoạt động KHCN

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	5.5
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	6
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	6

Tiêu chuẩn 21. KN&PVCD

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Dưới sự chỉ đạo của ĐU, HĐT, BGH, Nhà trường việc kết nối cộng đồng được xác định là mục tiêu hướng tới của Nhà trường. Ngay từ những ngày đầu đầu khai niệm KN&PVCD chưa có ĐU, HĐT, BGH đã chỉ đạo các hoạt động thông qua các tổ chức như ĐTN, Công đoàn, các đơn vị Bộ môn, phòng ban **[TC.21.01.01]**.

- Thời gian trước năm 2017: các hoạt động KN&PVCD của Nhà trường được tổ chức riêng lẻ ở cấp độ các đơn vị mà chưa được hệ thống hóa toàn trường, các hoạt động nổi bật như hoạt động tình nguyện của Công đoàn, ĐTN, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động: Tri ân, trao quà tặng cho các trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh dịp 27/7, 22/12; Hiến máu tình nguyện; Sơn sửa phòng học, phòng ở của Trường tiểu học tại Hòa Bình; Gói bánh và tặng quà cho người vô gia cư và bệnh nhân điều trị nội trú trong dịp Tết Nguyên Đán; Tổ chức hội thảo, ngày hội hướng nghiệp, ủng hộ bảo lụt, tham gia tình nguyện đến cứu hộ nơi thiên tai, dịch bệnh, các hoạt động tại các nhà thuốc, bệnh viện thực hành...

- Ngày 27/01/2021 Nhà trường đã có Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ soạn thảo xây dựng Chiến lược KH dài hạn hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng 47/QĐ-DHN ngày 27/01/2021 **[TC.21.01.02]**.

- Giai đoạn 2017-2020: Theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT **[TC.21.01.03]** Quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học thông qua một số tiêu chí đánh giá về hoạt động PVCD trong trường đại học. Có thể thấy hoạt động KN&PVCD ngày càng trở nên quan trọng và dần được coi là nhiệm vụ trụ cột thứ ba (cùng với đào tạo và NCKH) của

các trường đại học. Nhận thấy sự cần thiết của việc cập nhật tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và chiến lược phát triển của Nhà trường cần bao hàm rõ các định hướng về hoạt động PVCĐ, ngày 12/3/2020 Nhà trường đã thông qua và ban hành Chiến lược, kế hoạch phát triển HUP đến 2030, tầm nhìn 2045 theo Số: 01/NQ-HĐTDHN, ngày 12/3/2020 **[TC.21.01.04]**, khẳng định:

-Về tầm nhìn:

“Đến năm 2030, HUP là đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu kết hợp với thực hành nghề nghiệp, bước đầu là đại học ĐMST, là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học, nuôi dưỡng và hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam”.

-Về sứ mạng của Trường:

“1) Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu của xã hội và có thể hội nhập quốc tế

2) Tạo ra các công trình nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực được được ứng dụng trong thực tiễn, tạo ra giá trị cho xã hội.

3) Là trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp, hàng đầu để hỗ trợ phát triển thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm thảo dược đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và quốc gia.

4) Là trung tâm ĐMST trong lĩnh vực Dược, nuôi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam”.

-Về triết lý giáo dục:

“Đào tạo, nghiên cứu có chất lượng gắn liền với thực tiễn, lấy sáng tạo và PVCĐ làm định hướng hành động”.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng với Chiến lược ban hành năm 2020, Tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường đã gắn đào tạo và nghiên cứu với yêu cầu của thực tiễn, các sản phẩm nghiên cứu được ứng dụng trong đời sống và tạo ra giá trị cho xã hội, lấy sáng tạo và PVCĐ là định hướng hành động.

+ Ngày 13/12/2019 Ban hành công văn Số 733/DHN-KT&KĐCL về việc tổ chức triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động KN&PVCĐ, đồng thời bổ sung thêm các hoạt động vào danh mục hoạt động KN&PVCĐ của Nhà trường **[TC.21.01.05]**.

- Ngày 24/12/2021 Nhà trường ban hành Chiến lược hoạt động KN&PVCĐ của HUP, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 theo Quyết định số 1008/QĐ-DHN

[TC.21.01.06]. Chiến lược này là cơ sở định hướng cho các hoạt động KN&PVCD của Trường giai đoạn 2021-2025 và là cơ sở để Nhà trường xây dựng một chính sách riêng về hoạt động KN&PVCD, bao gồm chính sách của 4 lĩnh vực:

1) Học tập gắn kết với cộng đồng: gồm các hoạt động hợp tác xây dựng và phát triển CTĐT; tổ chức các CTĐT, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, các CTĐT theo nhu cầu của xã hội nhằm mục đích nâng cao năng lực học tập suốt đời cho người học trong và ngoài trường.

2) NCKH gắn kết cộng đồng: gồm các hoạt động chuyển giao, trao đổi, hợp tác, chia sẻ, phổ biến,... các tri thức trong lĩnh vực Dược và các lĩnh vực có liên quan cho cộng đồng nhằm mục đích mang lại những lợi ích cho cộng đồng, đem đến cơ hội phát triển nghề nghiệp cho giảng viên và tăng cường năng lực NCKH của sinh viên.

3) Hoạt động hướng tới và vì sự phát triển cộng đồng: gồm các hoạt động tham gia xây dựng, góp ý, thẩm định các văn bản pháp quy cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Ngành; tham gia xây dựng, thẩm định các hoạt động chuyên môn Dược (Xây dựng chuẩn năng lực Dược sỹ Việt Nam, tham gia Hội đồng Dược điển Việt Nam, thẩm định hồ sơ đăng ký thuốc,...); đề xuất xây dựng, bổ sung cập nhật một số chính sách, nội dung có liên quan trong các văn bản pháp quy cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Ngành.

4) Hoạt động tình nguyện: gồm các hoạt động được làm với tinh thần tự nguyện và đem lại lợi ích cho cộng đồng do Công đoàn và Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức.

- Ngày 24 tháng 12 năm 2021 Nhà trường ban hành Kế hoạch KN&PVCD của HUP giai đoạn 2021-2025 theo văn bản số 709/KH-DHN **[TC.21.01.07]**. Bao gồm: (i) Kế hoạch tổ chức và quản lý hoạt động KN&PVCD; (ii) Kế hoạch triển khai các hoạt động KN&PVCD, cụ thể là kế hoạch triển khai hoạt động học tập gắn kết với cộng đồng; NCKH gắn kết với cộng đồng; hoạt động hướng tới và vì sự phát triển của cộng đồng và kế hoạch triển khai các hoạt động tình nguyện. Kế hoạch xây dựng cụ thể các thông số: Nội dung hoạt động; Chỉ tiêu dự kiến; Thời gian thực hiện và Đơn vị thực hiện.

- Ngày 30/12/2021 Nhà trường ban hành Quy định quản lý hoạt động KN&PVCD của HUP theo Quyết định số 1034/QĐ-DHN **[TC.21.01.08]**, với nguyên tắc hoạt động KN&PVCD thể hiện được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, hướng đến đích phát triển bền vững của cộng đồng, tăng cường mối liên hệ hợp tác và sự hỗ trợ tương hỗ giữa Nhà trường và cộng đồng, đồng thời cũng thể hiện sự đóng góp của Nhà trường đối với sự phát triển của cộng đồng. Quy định hoạt động KN&PVCD của Trường cũng quy định rõ Mục tiêu và Nội dung hoạt động KN&PVCD; Tổ chức quản lý và trách nhiệm trong hoạt động KN&PVCD; Trách nhiệm và Quyền lợi của Giảng viên và người học

đối với hoạt động KN&PVCD; Cơ chế triển khai xây dựng, thực hiện đo lường, đánh giá và cải tiến hoạt động KN&PVCD; Chế độ kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật, chế độ báo cáo hàng năm đối với hoạt động KN&PVCD **[TC.21.01.09]**.

- Ngày 10/12/2021 Nhà trường ban hành Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCD **[TC.21.01.10]** mã số QT.TC-HC.2021.04, là tài liệu hướng dẫn các đơn vị thuộc và trực thuộc HUP quản lý hoạt động KN&PVCD theo chu trình: Xây dựng kế hoạch - Triển khai thực hiện – Báo cáo/Đánh giá – Cải tiến hoạt động. Quy trình gồm 11 bước, quy định cụ thể về các bước thực hiện, trách nhiệm thực hiện và biểu mẫu được sử dụng.

Đánh giá thực hiện các chính sách và hướng dẫn cho việc KN&PVCD của Nhà trường được thực hiện theo định kỳ hàng năm, thể hiện qua các Báo cáo của các đơn vị:

Phân công nhiệm vụ Phòng TC-HC là đơn vị đầu mối thực hiện công tác quản lý hoạt động KN&PVCD của Nhà trường; các đơn vị có nhiệm vụ định danh những hoạt động KN&PVCD của đơn vị, thu thập, lưu trữ minh chứng và có trách nhiệm nộp kết quả hoạt động KN&PVCD về Phòng Tổ chức - Hành chính **[TC.21.01.11]**. Kế hoạch xây dựng Chiến lược hoạt động KN&PVCD số 33/KH-DHN ngày 26/1/2021.

Hoạt động đào tạo đại học và đào tạo SDH: Hàng năm Phòng Đào tạo (ĐT) và Phòng SDH (SDH) xây dựng kế hoạch năm học với các nội dung liên quan đến hoạt động KN&PVCD như: Kế hoạch thực tập cộng đồng của SV, kế hoạch thực tập lâm sàng tại các bệnh viện, tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo liên tục, đào tạo theo địa chỉ, các hợp đồng ký kết hợp tác đào tạo, NCKH... **[TC.21.01.12]**.

Hoạt động NCKH: Từ chủ trương định hướng của ĐU, HĐT, BGH, Nhà trường đã có những chính sách khuyến khích VC-NLĐ và SV có kế hoạch tham gia NCKH, đẩy mạnh ký kết và hợp tác nghiên cứu và CGCN **[TC.21.01.13]**, **[TC.21.01.14]**. Từ đó Nhà trường thực hiện vai trò kết nối với xã hội, tạo cơ hội học tập cho SV tiếp xúc với thực tế (học đi đôi với hành) và tạo môi trường thực tế, nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên. Hàng năm, Phòng QLKH (QLKH) xây dựng kế hoạch NCKH cho GV, SV; chính sách khen thưởng cho SV tham gia NCKH, chính sách quy định chuyển đổi giờ giảng cho giảng viên NCKH, xếp hạng thi đua cuối năm, tổ chức hội nghị khoa học cấp cơ sở và gửi danh mục đề tài tham dự hội nghị khoa học toàn quốc, quốc tế **[TC.21.01.14]**.

Hoạt động của Học viên và SV: Đoàn thanh niên có kế hoạch kết nối với các cơ sở y tế, giáo dục, các doanh nghiệp, tư vấn hướng nghiệp cho SV **[TC.21.01.14]**.

Hoạt động HTQT: Tổ chức các hội thảo trong nước và quốc tế, triển khai các dự án trao đổi SV với các đối tác nước ngoài theo từng dự án cụ thể, tổ chức các hoạt động kết nối hỗ trợ phát triển y tế **[TC.21.01.14]**.

Hoạt động của ĐTN – Hội SV: Có kế hoạch tổ chức các hoạt động vì cộng đồng như các chiến dịch Mùa hè xanh, Chương trình Hiến máu tình nguyện, Áo ấm vùng cao, Tết yêu thương, vệ sinh cảnh quan môi trường **[TC.21.01.14]**.

Hoạt động tuyên truyền hiện nay là kênh kết nối nhanh nhất được thực hiện bởi bộ phận Truyền thông (Phòng Tổ chức - Hành chính), thông qua các bài viết trên trang Web của Nhà trường, các Video, pano, khẩu hiệu tuyên truyền **[TC.21.01.15]**.

Hàng năm Phòng ĐBCL và Khảo thí có Báo cáo thu thập thông tin phản hồi về hoạt động KN&PVCĐ để từ đó rút kinh nghiệm cho các năm tiếp theo thực hiện tốt hơn **[TC.21.01.16]**.

Nhà trường cũng có quy định về nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ. Các phòng ban trong toàn Trường theo đúng sự phân công chức trách, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch KN&PVCĐ cụ thể:

Phòng QLĐT xây dựng kế hoạch thực tập cộng đồng, kế hoạch thực tập lâm sàng tại bệnh viện, tổ chức triển khai các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo liên tục, đào tạo theo nhu cầu **[TC.21.01.12]**.

Phòng QLKH chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch NCKH trong năm cho GV và SV trong toàn Trường, xây dựng các tiêu chí trong nghiên cứu, có kế hoạch xây dựng các nội dung nghiên cứu có thể triển khai tại cộng đồng. Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn về NCKH, xây dựng các đề tài nghiên cứu, đẩy mạnh ký kết và hợp tác nghiên cứu và CGCN vào thực tiễn **[TC.21.01.13]**.

Đoàn thanh niên: chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kết nối với các cơ sở y tế, giáo dục, các doanh nghiệp, tư vấn hướng nghiệp cho SV. Tổ chức ngày hội tư vấn việc làm **[TC.21.01.08]**.

Phòng HTQT: Chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch HTQT, Tổ chức các hội thảo trong nước và quốc tế, triển khai các dự án trao đổi SV với các đối tác nước ngoài theo từng dự án cụ thể, thông tin; tổ chức các hoạt động kết nối hỗ trợ phát triển y tế **[TC.21.01.13]**, **[TC.21.01.14]**.

ĐTN – Hội SV: Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động vì cộng đồng như các chiến dịch Mùa hè xanh, Chương trình Hiến máu tình nguyện, Áo ấm vùng cao, Tết yêu thương, vệ sinh cảnh quan môi trường... **[TC.21.01.16]**.

Bộ phận Truyền thông phòng Tổ chức - Hành chính xây dựng kế hoạch tuyên truyền trên trang Web của Nhà trường, các VID, pano, khẩu hiệu tuyên truyền trên hệ thống bảng LED **[TC.21.01.15]**.

Phòng ĐBCL và khảo thí có kế hoạch thu thập thông tin phản hồi về hoạt động KN&PVCD **[TC.21.01.16]**.

Tất cả các quy định, quản lý, hướng dẫn trên đều tuân thủ theo quy định của Nhà trường, Bộ Y tế và pháp luật hiện hành.

Xây dựng định mức giờ hoạt động KN&PVCD của GV **[TC.21.01.17]** Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của GV, NCV). Tổng quỹ làm việc của GV và NCV trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCD, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Trường là 1760 giờ hành chính sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định (tương đương 44 tuần làm việc; 40 giờ hành chính/ tuần). Mô tả xây dựng KPIs hoạt động KN&PVCD của GV **[TC.21.01.18]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động KN&PVCD được thực hiện.

Từ năm 2017 trở về trước, do nhiệm vụ KN&PVCD chưa được thể chế hóa trong các văn bản luật cấp Nhà nước nên các hoạt động KN&PVCD của Nhà trường được tổ chức ở cấp độ các đơn vị, đoàn thể như phòng SĐH, phòng QLKH, Trung tâm ADR, Bộ môn Thực vật, DLS, Dược học cổ truyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động: Tri ân, trao quà tặng cho các trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh dịp 27/7, 22/12; Hiến máu tình nguyện; Sơn sửa phòng học, phòng ở của Trường tiểu học tại Hòa Bình; Gói bánh và tặng quà cho người vô gia cư và bệnh nhân điều trị nội trú trong dịp Tết Nguyên Đán; Tổ chức hội thảo, ngày hội hướng nghiệp... **[TC.21.02.01]**

Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT **[TC.21.02.02]** Quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học thông qua một số tiêu chí đánh giá về hoạt động PVCD trong trường đại học, đồng thời Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học năm 2018 **[TC.21.02.03]** cũng đưa ra định nghĩa: “CSGD đại học là CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ và PVCD”. Có thể thấy hoạt động KN&PVCD ngày càng trở nên quan trọng và dần được coi là nhiệm vụ trụ cột thứ ba (cùng với đào tạo và NCKH) của các trường đại học. Nhận thấy sự cần thiết của việc cập nhật tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và chiến lược phát triển của Nhà trường cần bao hàm rõ các định hướng về hoạt động PVCD, ngày 12/3/2020 Nhà trường đã thông qua và ban hành Chiến lược, kế

hoạch phát triển HUP đến 2030, tầm nhìn 2045 theo Quyết định số 01/NQ-HĐTDHN **[TC.21.02.04]** khẳng định triết lý giáo dục “Đào tạo, nghiên cứu có chất lượng gắn liền với thực tiễn, lấy sáng tạo và PVCĐ làm định hướng hành động”. Đồng thời, căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành: (i) Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học **[TC.21.02.05]**; (ii) Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học **[TC.21.02.02]**; (iii) Quyết định số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 v/v thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo công văn số 768/QLCL-KĐCLGD **[TC.21.02.06]**, từ năm 2017 Nhà trường đã từng bước xây dựng, hoàn thiện văn bản và đến năm 2021 đã chính thức ban hành các chính sách, quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ, cụ thể như sau:

Ngày 13/12/2019 Nhà trường ban hành văn bản số 733/DHN-KT&KĐCL hướng dẫn về việc tổ chức triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động KN&PVCĐ **[TC.21.02.07]**.

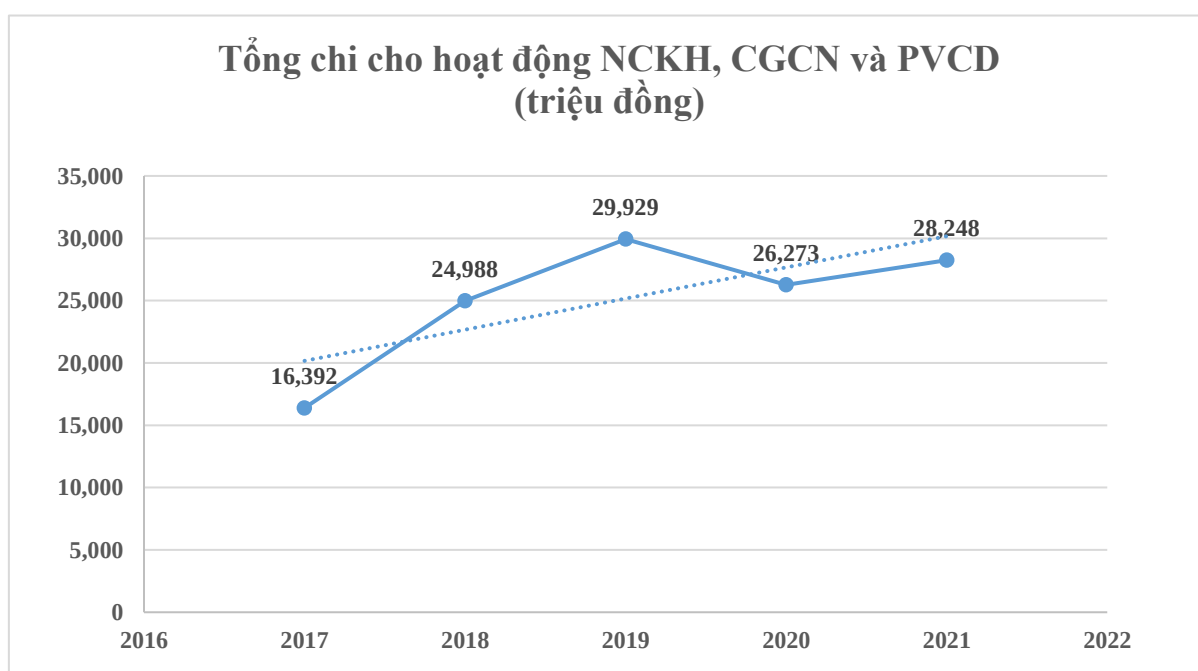
Ngày 10/12/2021 Nhà trường ban hành Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCĐ **[TC.21.02.08]** mã số QT.TC-HC.2021.04, là tài liệu hướng dẫn các đơn vị thuộc và trực thuộc HUP quản lý hoạt động KN&PVCĐ theo chu trình: Xây dựng kế hoạch - Triển khai thực hiện – Báo cáo/Đánh giá – Cải tiến hoạt động. Quy trình gồm 11 bước, quy định cụ thể về các bước thực hiện, trách nhiệm thực hiện và biểu mẫu được sử dụng.

Ngày 24/12/2021 Nhà trường ban hành Chiến lược hoạt động KN&PVCĐ của HUP, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 theo Quyết định số 1008/QĐ-DHN **[TC.21.02.09]**. Chiến lược này là cơ sở định hướng cho các hoạt động KN&PVCĐ của Trường giai đoạn 2021-2025 và là cơ sở để Nhà trường xây dựng một chính sách riêng về hoạt động KN&PVCĐ, bao gồm chính sách của 4 lĩnh vực: (i) Học tập gắn kết với cộng đồng; (ii) NCKH gắn kết cộng đồng; (iii) Hoạt động hướng tới và vì sự phát triển cộng đồng; (iv) Hoạt động tình nguyện.

Ngày 30/12/2021, Nhà trường ban hành Quy định quản lý hoạt động KN&PVCĐ của HUP theo Quyết định số 1034/QĐ-DHN **[TC.21.02.11]**, với nguyên tắc hoạt động KN&PVCĐ thể hiện được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, hướng đến đích phát triển bền vững của cộng đồng, tăng cường mối liên hệ hợp tác và sự hỗ trợ tương hỗ giữa Nhà trường và cộng đồng, đồng thời cũng thể hiện sự đóng góp của Nhà trường đối với sự phát triển của cộng đồng. Quy định hoạt động KN&PVCĐ của Trường cũng quy định rõ Mục tiêu và Nội dung hoạt động KN&PVCĐ; Tổ chức quản lý và trách nhiệm trong hoạt động KN&PVCĐ; Trách nhiệm và Quyền lợi của Giảng viên và người học

đối với hoạt động KN&PVCD; Cơ chế triển khai xây dựng, thực hiện đo lường, đánh giá và cải tiến hoạt động KN&PVCD; Chế độ kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật, chế độ báo cáo hàng năm đối với hoạt động KN&PVCD.

- Để thực hiện các hoạt động xã hội hướng tới cộng đồng, tổng kinh phí chi cho các hoạt động NCKH, CGCN và PVCD được tổng kết trong Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong của HUP [TC.21.02.12] cho thấy kinh phí cho các hoạt động này của Nhà trường hàng năm có xu hướng tăng lên. Kinh phí chi cho hoạt động KN&PVCD bao gồm chi cho các hoạt động NCKH và CGCN, và các hoạt động PVCD khác như: hoạt động tư vấn tuyển sinh; hoạt động hợp tác; hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách và hỗ trợ; hoạt động thiện nguyện...



Hình 21.2.1 Tổng chi cho hoạt động NCKH, CGCN và PVCD

Giai đoạn 2017-2021 các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động KN&PVCD của Nhà trường trên đây đã được thực hiện, được đăng tải hình ảnh và thông tin về hình ảnh tổ chức các hoạt động trên các trang điện tử của Trường [TC.21.02.13] để thông tin tới cán bộ, giảng viên, sinh viên, người lao động trong Trường. Các hoạt động đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

- **Hoạt động NCKH và CGCN:** Trong giai đoạn 2017-2021, thực hiện 16 sáng chế, giải pháp hữu ích, 37 chương trình hợp tác nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai trong nước và nước ngoài, 36 hợp đồng hợp tác nghiên cứu với các doanh nghiệp và địa phương, từ 2020 bắt đầu triển khai dịch vụ nghiên cứu, đến 2021 đã triển khai 07 dịch vụ [TC.21.02.10], [TC.21.02.12].

- **Hoạt động tư vấn tuyển sinh:** Thực hiện tư vấn tuyển sinh đại học hàng năm, từ năm 2020 tham gia hoạt động Hội chợ tuyển sinh cung cấp và tư vấn thông tin tuyển sinh của Trường đến học sinh và phụ huynh học sinh [TC.21.02.14].

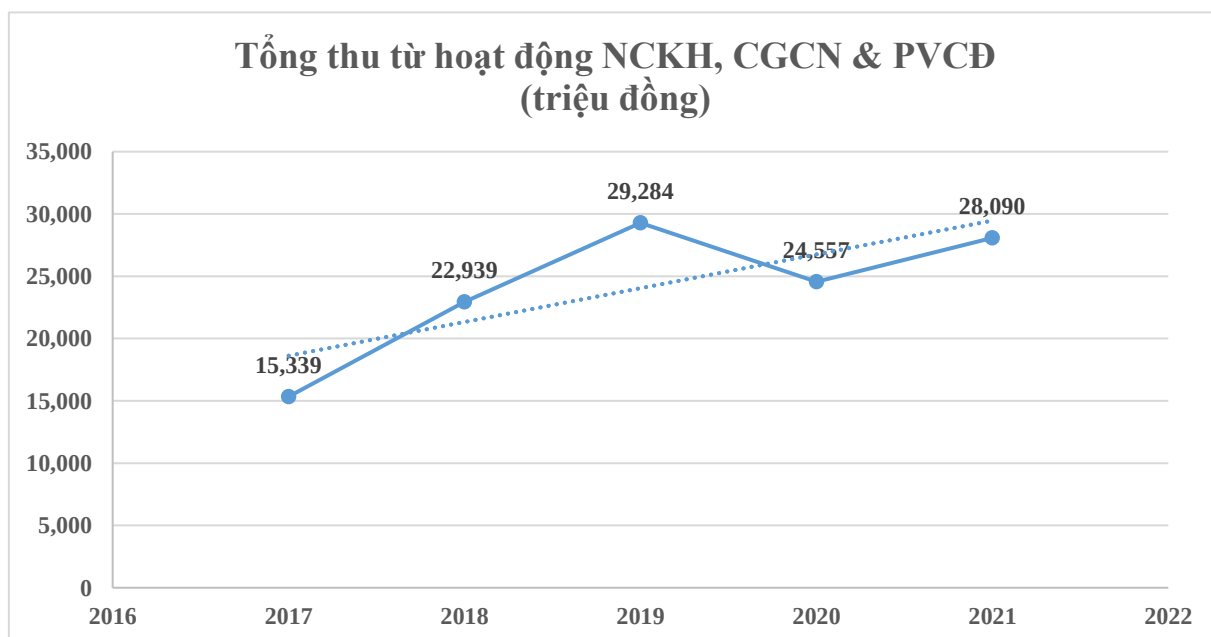
- **Hoạt động hợp tác:** Ký kết và thực hiện 70 hợp đồng, biên bản hợp tác giữa trường và các đối tác: (i) trường đại học trong nước [TC.21.02.15] như Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, (ii) các trường đại học nước ngoài [TC.21.02.16] như ĐH Essex Anh, ĐH Greifswald Đức, ĐHQG Seoul Hàn Quốc, ĐH Dược Nihon Nhật Bản, ĐH Chiang Mai Thái Lan...; (iii) các cơ sở thực tế: viện nghiên cứu, bệnh viện, công ty kinh doanh, công ty sản xuất, hệ thống hiệu thuốc: Viện kiểm nghiệm thuốc TW, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Nhi Trung ương, BV Hữu Nghị Việt Xô, BV đa khoa Xanh Pôn, Công ty CP DP Trung ương CPC1, Hapharco, Traphaco, Mediplatex... [TC.21.02.17]. Đây là hoạt động đào tạo dựa trên các vấn đề thực tiễn tại cộng đồng, giúp sinh viên mở rộng việc học tập ra ngoài phạm vi lớp học, xây dựng nền tảng hiểu biết về những hoạt động và nhu cầu của cộng đồng đối với lĩnh vực Dược, đồng thời có nhận thức tốt hơn về thực tiễn nghề nghiệp thông qua quá trình va chạm hoặc đối mặt với những khó khăn trong thực tế.

- **Hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách và hỗ trợ:** Nhà trường luôn chú trọng hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách, đóng góp cho phát triển chính sách của ngành cho Bộ Y tế: (i) Tham gia xây dựng Thông tư 01/2020/TT-BYT Ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế; (ii) Thực hiện chỉ đạo của Bộ Y tế về việc xây dựng Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ Việt Nam, Nhà trường đã triển khai biên soạn Bộ Chuẩn năng lực và được Bộ Y tế phê duyệt, ký quyết định ban hành vào tháng 10 năm 2019. Bộ Chuẩn năng lực Dược sỹ Việt Nam giúp tăng cường sự giám sát của xã hội với những cam kết về chất lượng đào tạo của ngành, cơ sở đào tạo; hạn chế và khắc phục tình trạng cung cấp dịch vụ y tế không đạt chất lượng hay sai lầm do thiếu năng lực. Bộ chuẩn năng lực Dược sỹ là căn cứ quan trọng để có thể triển khai thực hiện kỳ thi quốc gia cấp chứng chỉ hành nghề Dược sỹ; là thông tin quan trọng giúp Bộ Y tế nói riêng và Nhà nước nói chung hoạch định các chính sách, quy định phù hợp trong việc bố trí, sử dụng nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện hoạt động tư vấn về các vấn đề chuyên môn Dược (cho các cơ quan quản lý, cho doanh nghiệp, đơn đặt hàng...). Tổ chức việc đào tạo liên tục theo đơn đặt hàng của các cơ quan, đơn vị và địa phương. Ban hành 48 CTĐT liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, 12 chuyên đề DLS, 37 chuyên đề đào tạo lấy chứng chỉ hành nghề và 3 chương trình đào tạo chuẩn chức danh nghề nghiệp, 06 lớp “Hướng dẫn cơ

bản kỹ năng phòng, chống dịch COVID-19” phục vụ công tác được cộng đồng mang tính khẩn cấp [TC.21.02.10], [TC.21.02.12], thực hiện 103 góp ý văn bản cấp trên, cung cấp 922 thông tin DI&ADR [TC.21.02.10], [TC.21.02.12].

Hoạt động thiện nguyện: Tổ chức 32 hoạt động tình nguyện của Công đoàn và các hoạt động tình nguyện của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên [TC.21.02.10], [TC.21.02.12], mang lại lợi ích cho sự phát triển cộng đồng. Đặc biệt, tập thể và cá nhân cán bộ, sinh viên của Trường tích cực tham gia công tác phòng/chống dịch COVID-19. Ngày 23/8/2021 Nhà trường cử 65 cán bộ và sinh viên tình nguyện vào Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ phòng, chống dịch [TC.21.02.18], lễ xuất quân được tiến hành trang trọng vào ngày 24/8/2021 [TC.21.02.19]; Tham gia cuộc thi video clip về phòng/chống dịch COVID-19 - số 31/CĐĐHN ngày 31/8/2022 [TC.21.02.20]. Tổ chức pha chế nước rửa tay khô để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 cho cán bộ viên chức, HVSV và một số đơn vị trên địa bàn [TC.21.02.21]. Công tác phòng chống dịch COVID-19 của Trường đã nhận được bằng khen tập thể và cá nhân của Thủ tướng chính phủ [TC.21.02.22].

Bên cạnh các lợi ích cộng đồng, các hoạt động dịch vụ cũng mang lại kết quả kinh tế nhất định [TC.21.02.12] và có xu hướng tăng lên hàng năm.



Hình 21.2.2. Tổng thu từ hoạt động NCKH, CGCN và PVCD

Việc thực hiện các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động KN&PVCD của Nhà trường được Phòng Tổ chức-Hành chính tổng kết và báo cáo [TC.21.02.22]. Đồng thời, các hoạt động KN&PVCD của Trường nhận được sự quan tâm, ý kiến đóng góp phản hồi của viên chức người lao động [TC.21.02.23] và sinh viên [TC.21.02.24] để Nhà trường từng bước rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng của hoạt động này.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc KN&PVCD.

Ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận KĐCLGD tháng 3/2018, Nhà trường bắt đầu triển khai hệ thống hoạt động KN&PVCD theo thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong giai đoạn từ năm 2017-2019, Nhà trường chưa có hệ thống đo lường, đánh giá cụ thể kết quả hoạt động KN&PVCD, hoạt động KN&PVCD được đánh giá lồng ghép trong báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của Trường [TC.21.03.01] và báo cáo tổng kết của các đơn vị [TC.21.03.02], [TC.21.03.03], [TC.21.03.04], [TC.21.03.05], [TC.21.03.06], [TC.21.03.07]. Nhà trường đã thực hiện đối sánh các chỉ số về hoạt động KN&PVCD dựa trên các tiêu chí về chất lượng nghiên cứu và chuyển giao tri thức; kết quả hoạt động KN&PVCD vì 17 mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên hợp quốc [TC.21.03.08].

Trong giai đoạn từ năm 2019-2020, Nhà trường đã ban hành Công văn số 733/DHN-KT&KĐCL ngày 13/12/2019 về việc tổ chức triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động KN&PVCD [TC.21.03.09]; Thông báo số 108/TB-DHN ngày 12/3/2020 phân công Phòng TC-HC là đầu mối tổng hợp các hoạt động KN&PVCD của Nhà trường [TC.21.03.10]; Quyết định số 1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020 ban hành bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, bộ chỉ số thị trường, bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi (trong đó quy định tiêu chí KN&PVCD) [TC.21.03.11]:

- *Bộ chỉ số thị trường về KN&PVCD* gồm 05 tiêu chí: Số hoạt động thiện nguyện/năm; số hoạt động tuyên truyền/năm; số chuyên đề đào tạo liên tục/đào tạo theo nhu cầu xã hội/năm; số học viên được đào tạo liên tục/đào tạo theo nhu cầu/năm; số lượt chuyên gia của Nhà trường tham gia các hội đồng chấm luận văn, luận án, chương trình hợp tác [TC.21.03.11].

- *Nội dung tiêu chí và chỉ số ĐBCL cốt lõi về KN&PVCD* gồm: Số CTĐT, bồi dưỡng ngắn hạn cập nhật kiến thức, kỹ năng đáp ứng mục đích nâng cao năng lực học tập suốt đời cho các đối tượng bên trong và bên ngoài Nhà trường của một ngành (theo UPM: có 1-2 chương trình đạt 10 điểm, có >2 chương trình đạt 20 điểm); các hoạt động truyền thông thúc đẩy hiệu quả hoặc/và triển khai tác động đến sự phát triển bền vững của cộng đồng, như chương trình biến đổi khí hậu, bảo tồn năng lượng, chương trình bảo tồn nước, chương trình tái chế, chính sách giao thông ...; các hoạt động kết nối cộng đồng (Nhà trường và các tổ chức chính trị - xã hội) để tương trợ và thúc đẩy phát triển hài hòa các chuẩn mực xã hội có hiệu quả (theo UPM: có 1-4 hoạt động đạt 10 điểm, có > 4 hoạt động đạt 20 điểm) [TC.21.03.11].

- *Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong về KN&PVCD* gồm: các hoạt động KN&PVCD (nhà trường, tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng kết hợp truyền thông về tinh thần và hành động vì 17 mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên hợp quốc; hoạt động tương trợ, thúc đẩy phát triển hài hòa các chuẩn mực xã hội có hiệu quả hàng năm); phát triển bền vững (các hoạt động truyền thông như: chương trình biến đổi khí hậu, chương trình tái chế, chính sách giao thông, bảo tồn năng lượng, ..); hỗ trợ thẩm định CTĐT của một số trường đại học khác; cung cấp thông tin DI&ADR; góp ý văn bản các cấp trên; số lượng cán bộ Nhà trường được mời tham gia các hội đồng **[TC.21.03.11]**.

Từ năm 2021, Trường đã hiện thực hóa các chỉ số, chỉ báo đo lường về hoạt động KN&PVCD, nhiều hoạt động KN&PVCD được duy trì thường xuyên, có tổ chức, mang lại hiệu quả thiết thực cho Nhà trường và xã hội. Các tiêu chí về hoạt động KN&PVCD vì 17 mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên hợp quốc đều tăng so với năm trước, đặc biệt là các tiêu chí về “good health and well-being” và “quality education” **[TC.21.03.08]**.

Giai đoạn từ năm 2021- nay, với mục tiêu phát triển hoạt động KN&PVCD trở thành một trong ba hoạt động cốt lõi (bên cạnh hoạt động đào tạo và NCKH), Nhà trường đã hệ thống hóa cơ sở dữ liệu về hoạt động KN&PVCD: ban hành Chiến lược hoạt động KN&PVCD giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 **[TC.21.03.12]**; Kế hoạch hoạt động KN&PVCD giai đoạn 2021-2025 **[TC.21.03.13]**; Quy định hoạt động KN&PVCD **[TC.21.03.14]**; Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCD **[TC.21.03.15]**; Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên **[TC.21.03.16]**; dự thảo bộ tiêu chí KPI hoạt động KN&PVCD của giảng viên **[TC.21.03.17]**. Hệ thống đo lường, giám sát hoạt động KN&PVCD của Trường bắt đầu được triển khai từ việc ban hành các văn bản quản lý nêu trên. Hàng năm, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch, đánh giá kết quả hoạt động KN&PVCD của Nhà trường, công bố và triển khai tới các đơn vị sau khi được BGH phê duyệt. Các đơn vị xây dựng kế hoạch của đơn vị và triển khai, lưu trữ hồ sơ, rà soát, đánh giá hiệu quả của từng hoạt động KN&PVCD, báo cáo kết quả hoạt động về Phòng TC-HC. Phòng ĐBCL&KT thu thập ý kiến phản hồi về hiệu quả và sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động KN&PVCD **[TC.21.03.15]**. Việc ban hành các văn bản quản lý và triển khai hệ thống giám sát giúp đơn vị trong Trường chủ động hơn trong triển khai thực hiện, giám sát, đo lường kết quả và lưu trữ các tài liệu liên quan đến hoạt động KN&PVCD (kế hoạch, minh chứng về hoạt động và sự tham gia của VC-NLĐ, kết quả hoạt động).

Hàng năm, Nhà trường đánh giá các hoạt động KN&PVCD qua báo cáo tổng kết của đơn vị **[TC.21.03.02]** và tại Hội nghị VC-NLĐ **[TC.21.03.01]**. Tháng 8/2021, Nhà trường đã tổng kết, đánh giá hoạt động KN&PVCD giai đoạn 2016-2020, tập trung vào 04 nội dung trọng tâm: (1) học tập gắn kết với cộng đồng; (2) NCKH gắn kết với cộng đồng; (3) hoạt động hướng tới và vì sự phát triển của cộng đồng; (4) hoạt động tình nguyện **[TC.21.03.18]**.

(1) Hoạt động học tập gắn kết với cộng đồng: Trường đã tổ chức các chương trình/chuyên đề đào tạo ngắn hạn cho sinh viên quốc tế **[TC.21.03.19]**. Phòng HTQT là đầu mối trao đổi thông tin và xây dựng kế hoạch hàng năm về trao đổi sinh viên, học viên **[TC.21.03.20]**. Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường đã tổ chức các khóa đào tạo liên tục, đào tạo theo nhu cầu xã hội **[TC.21.03.21]**, **[TC.21.03.22]**, **[TC.21.03.23]**, **[TC.21.03.24]**. CSDL về hoạt động đào tạo liên tục, đào tạo theo nhu cầu xã hội được lưu trữ tại Phòng SĐH và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường www.hup.edu.vn **[TC.21.03.25]**.

(2) Hoạt động NCKH gắn kết với cộng đồng của Trường tập trung 03 nội dung chính là nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai; phát triển các dịch vụ nghiên cứu và tư vấn; phát triển các dự án nghiên cứu, khởi nghiệp của sinh viên. Trong giai đoạn từ năm 2017-nay, Trường đã có sáng chế được công nhận ở trong nước và quốc tế **[TC.21.03.26]**; ký kết nhiều hợp đồng CGCN, hợp đồng dịch vụ với các doanh nghiệp Dược hàng đầu Việt Nam như Traphaco, Thái Minh, Hà Tây, ... **[TC.21.03.27]**, **[TC.21.03.28]**. Đề tài NCKH các cấp được phê duyệt và nghiệm thu ngày càng tăng, tuy nhiên, chưa có nhiều đề tài ứng dụng trong thực tế và chưa có nhiều sản phẩm được thương mại hóa. Phát triển các dịch vụ nghiên cứu và tư vấn là một trong những thế mạnh của Trường. Trung tâm DI&ADR Quốc gia thuộc Trường đã tiếp nhận và trả lời ≈ 50 công văn cung cấp thông tin tư vấn/năm cho Bộ Y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong cả nước; tiếp nhận và xử lý báo cáo ≈ 15.000 ADR/năm; tiếp nhận và trả lời $\approx 15-20$ câu hỏi/tháng về thông tin thuốc cho cán bộ y tế **[TC.21.03.05]**. Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc gia thuộc Trường đã thẩm định trên 2.000 hồ sơ đăng ký thuốc phân bào chế và độ ổn định/năm(bao gồm cả hồ sơ đăng ký lần đầu và hồ sơ bổ sung) **[TC.21.03.04]**. Nhà trường đã thành lập tổ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, hướng nghiệp và tư vấn việc làm **[TC.21.03.29]**, đồng thời cử cố vấn hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp **[TC.21.03.30]** nhằm khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các dự án nghiên cứu, khởi nghiệp trong sinh viên. CSDL về hoạt động NCKH gắn kết với cộng đồng được lưu bằng văn bản tại Phòng QLKH, Trung tâm DI&ADR Quốc gia, Viện Công nghệ

Được phẩm Quốc gia và được được đăng tải trên trang thông tin điện tử www.hup.edu.vn, canhgiacduoc.org.vn. [TC.21.03.25], [TC.21.03.31].

(3) Hoạt động hướng tới vì sự phát triển của cộng đồng được thể hiện thông qua việc nhiều VC-NLĐ của Nhà trường được mời/cử tham gia các Hội đồng tư vấn, Hội đồng thẩm định; tham gia các Ban chuyên môn, tổ soạn thảo các Thông tư và văn bản hướng dẫn do Bộ Y tế và cơ quan quản lý cấp trên ban hành [TC.21.03.32].

(4) Hoạt động tình nguyện, thiện nguyện vì cộng đồng của Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường trong nhiều năm qua đã tạo ra sức lan tỏa lớn đối với VC-NLĐ và người học với nhiều hoạt động thiết thực. Công đoàn trường đã vận động, quyên góp, hỗ trợ VC-NLĐ đã nghỉ hưu không may bị bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn [TC.21.03.33]; ủng hộ Quỹ “Vì biển đảo Việt Nam” [TC.21.03.34], Quỹ “Vì người nghèo” [TC.21.03.35]; ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục khó khăn, vượt qua thiên tai, lũ lụt [TC.21.03.36]; kêu gọi hưởng ứng chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương” [TC.21.03.37]; dự án chạy bộ thiện nguyện [TC.21.03.38], [TC.21.03.39]; thăm hỏi, tặng quà tri ân tại Trung tâm điều dưỡng nhân kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7 [TC.21.03.40]; phát động và động viên VC-NLĐ tham gia Phòng, chống dịch bệnh COVID - 19 và quyên góp ủng hộ các tỉnh là tâm dịch ... [TC.21.03.41]; [TC.21.03.42], [TC.21.03.43], [TC.21.03.44].... Đoàn thanh niên cộng sản HCM tổ chức nhiều hoạt động tình nguyện thiết thực như: hiến máu nhân đạo [TC.21.03.45]; phối hợp khám chữa bệnh và cấp phát thuốc miễn phí cho các xã khó khăn (chiến dịch mùa hè xanh; chương trình “Đồng âm”, “Xuân yêu thương”) [TC.21.03.46]; gửi tặng bánh chưng cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (chương trình “bánh chưng xanh”) [TC.21.03.47]. Ngoài ra, Đoàn thanh niên cộng sản HCM còn tổ chức một số hoạt động như thăm hỏi và các gia đình chính sách; tổ chức hoạt động thiện nguyện tại các làng trẻ, các trung tâm bảo trợ xã hội trên địa bàn thủ đô; hỗ trợ hướng dẫn phân làn giao thông; tích cực tham gia “Phòng chống dịch COVID-19” [TC.21.03.07]. Hàng năm, Đoàn thanh niên cộng sản HCM Trường đã phối hợp với Phòng QLSV tổ chức thành công chuỗi chương trình Hướng nghiệp dành cho sinh viên năm cuối (với sự tham gia của các Doanh nghiệp Dược phẩm hàng đầu trong và ngoài nước) [TC.21.03.48]. CSDL về hoạt động tình nguyện được lưu bằng văn bản tại Văn phòng Công đoàn, Văn phòng Đoàn thanh niên cộng sản HCM và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường www.hup.edu.vn. [TC.21.03.25].

Nhà trường tạo điều kiện, khuyến khích VC-NLĐ, giảng viên, nghiên cứu viên, người học tham gia hoạt động KN&PVCĐ [TC.21.03.14] và có quy định đánh giá rõ ràng. Đối với sinh viên, kết quả đánh giá hoạt động KN&PVCĐ là một trong các tiêu

chí tính điểm rèn luyện [TC.21.03.49]. Đối với giảng viên, nghiên cứu viên bắt đầu từ năm 2021, hoạt động KN&PVCD đã được đưa vào quy định chế độ làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu và được thực hiện đánh giá hàng năm [TC.21.03.16]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện việc giám sát hoạt động KN&PVCD thông qua thanh tra giám sát đào tạo tại các bộ môn [TC.21.03.50]. Các đơn vị quản lý, giám sát hoạt động KN&PVCD căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao [TC.21.03.51], [TC.21.03.52], [TC.21.03.53].

Phòng TCKT phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện theo dõi, giám sát nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động KN&PVCD [TC.21.03.51]. Từ năm 2020, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch tài chính 6 tháng cuối năm 2020, năm 2021, năm 2022 chi tiết cho từng hoạt động (trong đó có các hoạt động KN&PVCD) [TC.21.03.54]. Nhiều hoạt động KN&PVCD đã mang lại nguồn thu cho Trường [TC.21.03.55], [TC.21.03.56]. Kinh phí chi cho các hoạt động KN&PVCD đều được rà soát, kiểm tra bởi các phòng chức năng và được BGH phê duyệt [TC.21.03.57]. CSDL về nguồn lực tài chính cho hoạt động KN&PVCD được lưu trữ tại Phòng TCKT.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của VC-NLĐ, sinh viên về hoạt động KN&PVCD. Kết quả khảo sát cho thấy 15 tiêu chí đánh giá các nội dung liên quan đến hoạt động KN&PVCD đều được phản hồi ở mức tốt và khá, VC-NLĐ và sinh viên đều hài lòng với các hoạt động KN&PVCD của Trường [TC.21.03.58], [TC.21.03.59]. Kết quả triển khai hệ thống đo lường, giám sát giúp hoạt động KN&PVCD của Trường lan toả và mang lại tích cực tới VC-NLĐ, người học, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Căn cứ vào báo cáo tổng kết và ý kiến phản hồi của các bên liên quan, các hoạt động KN&PVCD của Nhà trường liên tục được cải tiến, cập nhật.

Hàng năm, ngoài các CTĐT liên tục theo đặt hàng của các đơn vị y tế, Nhà trường xây dựng và công khai kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo theo nhu cầu xã hội [TC.21.04.01] giúp những người quan tâm nắm được nội dung và chủ động sắp xếp thời gian để tham gia. Công đoàn, Đoàn thanh niên - Hội sinh viên Trường xây dựng kế hoạch hoạt động năm học. Đặc biệt, Đoàn thanh niên phối hợp chặt chẽ với các cựu sinh viên, các doanh nghiệp Dược trong và ngoài nước, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, kết nối, giới thiệu việc làm [TC.21.04.02], [TC.21.04.03], [TC.21.04.04].

Đặc biệt, từ kết quả hoạt động và các ý kiến phản hồi, các hoạt động KN&PVCD được xây dựng ngày càng phong phú, đa chiều và được sự ủng hộ trong Trường cũng như ngoài xã hội.

Các lớp đào tạo liên tục, đào tạo theo nhu cầu xã hội được mở thường xuyên, với sự tham gia đông đảo của các nhân viên y tế và những người quan tâm khác; nội dung các lớp ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội [TC.21.04.05]. Các lớp đào tạo liên tục được mở về các chủ đề như: cập nhật thông tin, quy định hiện hành liên quan đến dược sỹ trong sản xuất, bán buôn, bán lẻ thuốc, cơ sở khám chữa bệnh, ...; sử dụng kháng sinh hợp lý, an toàn; thẩm định phương pháp phân tích thuốc...

Bảng 21.4.1. thống kê số liệu các lớp đào tạo liên tục

Năm	Số lớp	Số học viên
2016	26	1244
2017	23	863
2018	45	2175
2019	46	3959
2020	28	3571
2021	14	2277
6 tháng đầu năm 2022	16	1886

Các hoạt động hướng nghiệp, kết nối, giới thiệu việc làm - PharmaFest của Đoàn thanh niên trở thành một thương hiệu có tiếng vang trong sinh viên và người sử dụng lao động. Hoạt động thu hút ngày càng nhiều đơn vị và sinh viên tham gia. [TC.21.04.04]. Đặc biệt từ năm 2022, Nhà trường tổ chức Ngày hội việc làm, thu hút nhiều doanh nghiệp đến đặt trại giới thiệu công ty và tuyển dụng.

Hoạt động tình nguyện của Trường được triển khai đa dạng, như các hoạt động tặng quà cho người lao động, người vô gia cư, bệnh nhân dịp Tết Nguyên đán, tặng quà cho sinh viên khó khăn dịp Tết Nguyên đán, tổ chức thăm hỏi, tặng quà Người có công với cách mạng, trẻ em tại Trung tâm bảo trợ trẻ em, Trẻ em khiếm thị,... Đặc biệt hơn nữa, với phương châm tình nguyện gắn với chuyên môn, Trường tổ chức nhiều đợt tình nguyện khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí cho các đồng bào vùng cao, khó khăn trong tiếp cận khám sức khỏe ban đầu [TC.21.04.06]. Ngày hội hiến máu tình nguyện cũng thu được hiệu kết quả tốt ở Trường. Đặc biệt hơn nữa, nhờ đặc trưng là sinh viên khối ngành sức khỏe, có chuyên môn về phòng chống dịch bệnh COVID-19, Trường là một

trong số ít Trường tổ chức thành công Ngày hội hiến máu trong năm 2021, giúp đỡ làm dịu đợt thiếu máu trong đợt dịch COVID-19 [TC.21.04.07].

Hưởng ứng tinh thần cả nước chống dịch COVID-19, hướng về miền Nam thân yêu, vào đợt cao điểm bùng dịch COVID-19 ở phía Nam, Nhà trường đã cử đoàn tình nguyện viên gồm các viên chức và sinh viên của Trường hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh chống dịch. [TC.21.04.08]

Tất cả những nỗ lực trong công tác KN&PVCD đó đã được xã hội ghi nhận. Một trong những minh chứng cho sự đánh giá cao đó chính là số lượng không nhỏ Bằng khen và các giải thưởng mà Nhà trường đã nhận được trong các năm qua, trong đó có Anh hùng lao động, huân chương Độc lập, huân chương Lao động, các Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các địa phương... [TC.21.04.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có các chính sách, kế hoạch KN&PVCD để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường được triển khai và mang lại các kết quả đáng khích lệ. Đã xây dựng các quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD tuân thủ các quy định của pháp luật. Có cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động KN&PVCD. Có sự rà soát, đánh giá và định kỳ khảo sát sự hài lòng, lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động KN&PVCD.

- Hoạt động KN&PVCD của HUP hình thành cùng với quá trình thành lập và phát triển Trường; luôn được sự quan tâm, chỉ đạo, lãnh đạo sát sao của HĐT, ĐU, BGH, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và thu hút đông đảo VC-NLĐ, HVSV tham gia. Hoạt động KN&PVCD đa dạng, linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của Nhà trường, góp phần không nhỏ trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường.

- Kế hoạch KN&PVCD được xây dựng ngày càng bài bản, đa dạng, phong phú, phục vụ sát với các yêu cầu của các bên liên quan. Hoạt động KN&PVCD thu được đánh giá cao của cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc thống kê các hoạt động KN&PVCD chưa bài bản, kịp thời. Một số VC-NLĐ, HVSV chưa thực sự hiểu rõ và coi trọng hoạt động KN&PVCD.

- Chưa thành lập 1 đơn vị độc lập chịu trách nhiệm chính liên quan PVCD để xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và cải tiến các hoạt động này.

- Các hoạt động KN&PVCD mặc dù đã có từ lâu nhưng văn bản quản lý quy định, hướng dẫn cụ thể về hoạt động này mới được ban hành nên hạn chế trong việc hệ thống hóa và lưu trữ minh chứng các hoạt động KN&PVCD.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường công tác truyền thông để mọi VC-NLĐ và HVSV nắm được và tích cực tham gia các hoạt động KN&PVCD	BGH Các đơn vị	Hàng tháng	
2.	Khắc phục tồn tại 2	Thành lập 1 đơn vị độc lập chịu trách nhiệm chính để xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và cải tiến các hoạt động KN&PVCD	- HĐT - BGH	2022-2025	
3.	Khắc phục tồn tại 3	Kịp thời ban hành văn bản quản lý quy định và hướng dẫn các hoạt động KN&PVCD	BGH TC-HC	Cập nhật thường xuyên	
4.	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên rà soát, bổ sung kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường	BGH Các đơn vị	Trước 30/6 và 31/12/ hàng năm	
5.	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì sự lãnh đạo, chỉ đạo của HĐT, ĐU, BGH và các tổ chức đoàn thể trong Trường	HĐT, ĐU, BGH và các tổ chức đoàn thể trong Trường	Thực hiện thường xuyên	
6.	Phát huy điểm mạnh 3	VC-NLĐ và HVSV tích cực tham gia, hưởng ứng các hoạt động KN&PVCD	VC-NLĐ và HVSV	Thực hiện thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 21	5
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	5

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trên cơ sở quy định đào tạo các loại hình đào tạo, Nhà trường theo dõi, giám sát xây dựng tiến độ học tập cho từng khóa học, năm học và thời khóa biểu của từng học kỳ, đánh giá tỷ lệ TN, tỷ lệ thôi học của tất cả CTĐT [TC22.01.01]

Thời gian thực hiện các CTĐT của Trường được quy định và thông báo cho người học vào đầu mỗi khóa học để người học chủ động trong việc sắp xếp, xây dựng kế hoạch học tập và các hoạt động ngoại khóa và thực tập, thực hành nghề nghiệp. Từ CTĐT các bậc hệ đào tạo đại học và SDH, hàng năm, Nhà trường định kỳ phân tích tổng hợp tỷ lệ TN, tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp TB, tỷ lệ thôi học, ... nhằm kịp thời có biện pháp để cải thiện chất lượng đào tạo [TC.22.01.01].

Từng năm học, Nhà trường tiến hành xét cảnh báo học tập và buộc thôi học cho người học các khóa đang học trong trường. Qua đó cho thấy, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường chú trọng và nâng cao. Các CVHT và các đơn vị đào tạo, các bộ môn luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người học và hỗ trợ người học hoàn thành kế hoạch học tập của mình. Bên cạnh đó, Nhà trường thông qua CVHT, kết quả học tập theo kỳ và năm học của người học để làm điểm rèn luyện, qua đó cũng nắm bắt được tình hình học tập của lớp và của từng người học mà mình quản lý

Hàng năm, nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp cho người học thành 2 đợt chính. Đợt 1 được tổ chức xét cho người học tốt nghiệp đúng khoá tốt nghiệp (tháng 6 hàng năm); đợt 2 được tổ chức xét cho người học tốt nghiệp sớm và tốt nghiệp bổ sung (sau tốt nghiệp lần 1 là 3 tháng) [TC.22.01.02].

Bảng 22.1.1 Thống kê thời gian tốt nghiệp TB của hệ Đại học chính quy

Năm tốt nghiệp	Số SV nhập học của khóa TN	Số SV tốt nghiệp đúng hạn	Số TN bổ sung	Tổng số SV TN	Tỷ lệ SV TN đúng hạn	Thời gian tốt nghiệp TB

2017	599	533	30	563	88.98	5.08
2018	359	310	21	331	86.35	5.09
2019	568	489	23	512	86.09	5.06
2020	558	492	26	518	88.17	5.08
2021	424	386	35	421	91.04	5.12

Bảng 22.1.2 Thống kê thời gian tốt nghiệp TB của cao học

Năm	Số học viên cao học trúng tuyển nhập học	Số HV TN	Thời gian TN TB	Tốt nghiệp đúng hạn	Tốt nghiệp muộn	Bỏ học
2017 (K20)	62	57	1,6	53	4	5
2018 (K21)	113	112	1,6	98	14	1
2019 (K22)	111	110	1,6	92	18	1
2020 (K23)	69	66	1,7	58	8	3
2021 (K24)	76	65	1,6	65	8	3

Mỗi năm, Nhà trường tiến hành phân tích tổng hợp tình hình tốt nghiệp đúng hạn của người học. Theo bảng phân tích (**Bảng 22.1.1 và Bảng 22.1.2**) cho thấy, tình hình tốt nghiệp của người học được cải thiện đáng kể. Người học ý thức được nhiệm vụ học tập của mình để đảm bảo ra trường đúng theo thiết kế của CTĐT. Thời gian tốt nghiệp TB của người học của từng CTĐT và của các bậc đào tạo đảm bảo đúng tiến độ và được rút ngắn.

Bảng 22.1.3 Thống kê tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của người học (ĐHCQ)

Năm	Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB		Tổng
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	
2017	15	2.66	125	22.20	320	56.84	103	18.29	563
2018	26	7.85	88	26.59	167	50.45	50	15.11	331
2019	24	4.69	144	28.13	265	51.76	79	15.43	512
2020	52	10.04	146	28.19	247	47.68	73	14.09	518
2021	24	5.70	131	31.12	185	43.94	81	19.24	421

Theo thống kê về tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của người học (**Bảng 22.1.3**) cho thấy, người học xếp loại xuất sắc, giỏi tăng lên qua từng năm, người học xếp loại khá và TB có xu hướng giảm. Điều đó chứng tỏ, khâu chất lượng đầu ra của Nhà trường luôn được đảm bảo. Người học được hướng dẫn học tập tốt hơn, có động lực tốt hơn để giành được kết quả cao trong học tập.

Với hệ đào tạo SDH, Khoa SDH luôn sát sao theo dõi, hỗ trợ, đôn đốc người học trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường nhằm đảm bảo tiến độ theo quy chế [TC.22.01.03], [TC.22.01.04]. Hàng năm, Nhà trường lập báo cáo tình hình tuyển sinh và đào tạo hàng năm để báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo [TC.22.01.05]. Với tỷ lệ tốt

nghiệp đều trên 85% cho thấy chất lượng đào tạo SDH của Nhà trường luôn được chú trọng, cải tiến cho phù hợp với nhu cầu của thực tiễn người học.

Bảng 22.1.4. Thống kê tỷ lệ thôi học của sinh viên đại học chính quy

Năm nhập học	Năm tốt nghiệp đúng hạn	Số SV nhập học	Tốt nghiệp đúng hạn		Tốt nghiệp muộn		Thôi học		Chưa tốt nghiệp	
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2012	2017	599	533	88.98	21	3.51	43	7.18	2	0.33
2013	2018	359	310	86.35	22	6.13	14	3.90	13	3.62
2014	2019	568	489	86.09	30	5.28	15	2.64	34	5.99
2015	2020	558	492	88.17	19	3.41	13	2.33	34	6.09
2016	2021	424	386	91.04	0	0.00	10	2.36	28	6.60

Bên cạnh đó, Nhà trường còn giao cho các bộ môn và CVHT thường xuyên chủ động liên hệ với người học nằm trong đối tượng cảnh báo học tập để nhắc nhở, tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học, thi và kiểm tra [TC.22.01.06] Nếu cải thiện được kết quả học tập, người học được dần đưa ra khỏi hệ thống cảnh báo. người học có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá số lần quy định (2 lần), không cải thiện được kết quả học tập, tự ý bỏ học từ 1 học kỳ chính trở lên mới bị buộc thôi học. Những người học thuộc diện bị thôi học vì kết quả học tập chưa đạt, Hội đồng xét kết quả học tập người học của Nhà trường xem xét cho phép người học có thêm cơ hội học tập để cải thiện và kéo dài thời gian đào tạo [TC.22.01.07]. Các khoa chuyên môn và CVHT cũng hỗ trợ người học để tìm ra phương pháp cải thiện kết quả học tập [TC.22.01.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Thời gian đào tạo thiết kế chuẩn cho trình độ đại học ngành Dược học là 5 năm, các ngành mới mở như Cử nhân Hóa Dược, Cử nhân Công nghệ sinh học và cử nhân Hóa học là 4 năm trình độ thạc sĩ là 1 - 2 năm, trình độ tiến sĩ là 3 - 4 năm; Thời gian đào tạo tối đa cho các trình độ đào tạo được quy định rõ trong các quy chế đào tạo các trình độ của Nhà trường [TC22.02.01], [TC22.02.02]. Trong kế hoạch đào tạo của trường đều dự kiến thời gian tốt nghiệp TB của người học cho các hệ đào tạo đại học chính quy, thạc sĩ... [TC22.02.03].

Trong từng năm học, các phòng QLSV, Đào tạo, SDH tổng hợp và thống kê số lượng số lượng người học tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của người học, học viên, nghiên cứu sinh các khóa để từ đó có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp [TC22.02.04]. Theo kế hoạch đào tạo, thời gian tốt nghiệp TB của các khóa đại học chính quy là 5 năm đúng theo thiết kế, thời gian

tốt nghiệp TB của khóa nhập học của trường năm 2017 là 5,08 năm, khóa nhập học năm 2018 là 5,09 năm và năm 2019 là 5,06 năm, khóa nhập học năm 2020 là 5,08 năm và năm 2021 thời gian tốt nghiệp TB là 5,12 năm. Tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng thời hạn luôn tăng theo hàng năm [TC22.02.05].

Bảng 22.2.1 Thống kê thời gian tốt nghiệp TB của hệ Đại học chính quy

Năm tốt nghiệp	Số SV nhập học của khóa TN	Số SV tốt nghiệp đúng hạn	Số TN bổ sung	Tổng số SV TN	Tỷ lệ SV TN đúng hạn	Thời gian tốt nghiệp TB
2017	599	533	30	563	88.98	5.08
2018	359	310	21	331	86.35	5.09
2019	568	489	23	512	86.09	5.06
2020	558	492	26	518	88.17	5.08
2021	424	386	35	421	91.04	5.12

Đối với cao học, qua bảng so sánh sau:

Bảng 22.2.2 Thống kê thời gian tốt nghiệp TB của cao học

Năm	Số học viên cao học trúng tuyển nhập học	Số HV TN	Thời gian TN TB	Tốt nghiệp đúng hạn	Tốt nghiệp muộn	Bỏ học
2017 (K20)	62	57	1,6	53	4	5
2018 (K21)	113	112	1,6	98	14	1
2019 (K22)	111	110	1,6	92	18	1
2020 (K23)	69	66	1,7	58	8	3
2021 (K24)	76	65	1,6	65	8	3

Có thể thấy người học tốt nghiệp đúng hạn luôn trên 96%, chứng tỏ công tác tổ chức quản lý người học từ Phòng/Bộ môn, các đơn vị hỗ trợ người học ngày càng được cải thiện cộng thêm người học cũng có ý thức hơn trong việc tự giác học tập tích lũy tín chỉ để ra trường sớm hoặc đúng hạn, hạn chế bớt tình trạng người học do nhiều nguyên nhân không thể ra trường đúng thời hạn...

Nhằm hỗ trợ người học có thể tốt nghiệp đúng thời hạn, Nhà trường đã triển khai các hoạt động hỗ trợ người học. Hoạt động này được thực hiện trong cả 03 giai đoạn: trước khi người học tham gia đào tạo, trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp. Người học có thể theo dõi qua thời khóa biểu từng kỳ trong năm để chủ động trong quá

trình học tập [TC22.02.06]. Ngoài ra, đối với các người học có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có kết quả thi của mỗi học kỳ, Phòng QLSV, ĐT phối hợp với các đơn vị tiến hành xét học vụ, gửi kết quả đến những người học bị cảnh báo kết quả học tập [TC22.02.07]. Số liệu về kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu giữ bởi phần mềm QLĐT và được thể hiện trong báo cáo hàng năm, đồng thời cảnh báo kết quả học tập được Phòng QLSV thống kê theo từng học kỳ nhằm giúp cho người học có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa cho phép theo học chương trình, hạn chế người học bỏ học ở mức thấp nhất. Việc cảnh báo được thực hiện trực tiếp trên lớp/ qua email/tin nhắn đối với SV, các trường hợp nghiêm trọng thì sẽ thông báo tới phụ huynh/minh chứng về cảnh báo kết quả học tập [TC22.02.07].

Đối với đào tạo SDH, vào đầu mỗi khóa học, Phòng SDH sẽ xây dựng kế hoạch học tập và giảng dạy toàn khóa [TC22.02.03]. Thông tin về kế hoạch học tập sẽ được thông tin tới học viên qua email cho học viên. Chuyên viên phụ trách sẽ theo dõi tình hình học tập của học viên, cập nhật bảng điểm và thông báo tới học viên, giám sát chặt chẽ các vấn đề về điều kiện dự thi, học lại, thi lại và kịp thời cảnh báo cho học viên qua email, tin nhắn [TC22.02.07]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức các buổi sinh hoạt định kỳ với nghiên cứu sinh nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, cũng như đôn đốc nghiên cứu sinh hoàn thành kế hoạch học tập, nghiên cứu đúng hạn. Tại các buổi sinh hoạt định kỳ, thường gắn thêm nội dung trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm NCKH nhằm hỗ trợ NCS trong quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường [TC22.02.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường luôn quan tâm tới tình hình việc làm và thu nhập của người học sau khi tốt nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT để xây dựng và phát triển CTĐT, đánh giá sau đào tạo. Trong chuẩn đầu ra của các CTĐT đều mô tả vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp trong chương trình có thể đảm nhiệm [TC.22.03.01]. Để có dữ liệu về tình hình việc làm của người học, hàng năm nhà trường xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tỉ lệ có việc làm của người học trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT trình độ đại học [TC22.03.02]. Trên cơ sở đó, lập bảng báo cáo tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp [TC22.03.03], đồng thời báo cáo Bộ GD&ĐT [TC22.03.04] và công khai trên website của Nhà trường [TC22.03.05]. Trong đó nêu rõ tỉ lệ người học có việc làm trong vòng 01 năm sau khi tốt nghiệp, lý do chưa có việc làm, thống kê thời gian người học tìm được việc làm sau

khi tốt nghiệp, tỉ lệ phù hợp với công việc với chuyên ngành đào tạo. Qua 5 năm khảo sát từ giai đoạn 2017-2022 (SVTN các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020) có thể thấy rằng tỉ lệ sinh viên có việc làm của HUP là rất cao trên 95%. Trong số đó các sinh viên chưa có việc làm, đại đa số là đang tiếp tục đi học nâng cao trình độ [TC22.03.06].

Bảng 22.3.1. Tỷ lệ có việc làm của người học

Tình trạng việc làm	Năm TN	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Đang có việc làm (tính cả những DS tiếp tục đi học)	2020	407	96,5
	2019	419	96,1
	2018	234	99,6
	2017	418	99,76
Tiếp tục đi học	2020	15	3,6
	2019	22	5,1
	2018	4	1,7
	2017	-	-
Đã từng có việc làm nhưng hiện nay chưa có	2020	15	3,6
	2019	15	3,4
	2018	0	0
	2017	1	0,24
Chưa từng có việc làm	2020	0	0
	2019	2	0,5
	2018	1	0,4
	2017	0	0

Sau tốt nghiệp 3 tháng, tỉ lệ có việc làm của các DS trong 3 năm đều đạt xấp xỉ 90%. Thời gian có việc làm sau 3 tháng của SVTN năm 2020 đạt 83,4% có thể lý giải một phần lớn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Những tháng tiếp theo các DS cũng nhanh chóng tìm được việc làm. Sau tốt nghiệp 1 năm, 100% các DS có việc làm. Tuy nhiên có 1 DS tốt nghiệp năm 2018 và 02 DS tốt nghiệp năm 2020 chưa có việc làm vì lý do cá nhân [TC22.03.06].

Bảng 22.3.2. Thời gian có việc làm sau khi tốt nghiệp

Thời gian có việc làm	Năm TN	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trong 3 tháng	2020	352	83,4
	2019	382	92,7
	2018	203	86,5
	2017	375	90,4

Thời gian có việc làm	Năm TN	Số lượng	Tỷ lệ (%)
4-6 tháng	2020	45	10,6
	2019	22	5,4
	2018	24	10,2
	2017	23	5,5
7-9 tháng	2020	7	1,7
	2019	0	0
	2018	2	0,8
	2017	3	0,7
10-12 tháng	2020	1	0,2
	2019	8	1,9
	2018	5	2,1
	2017	14	3,4
Trên 12 tháng	2020	2	0,5
	2019	0	0
	2018	1	0,4
	2017	0	0

Kết quả đối sánh về mức độ phù hợp của ngành đào tạo đối với công việc của các DS tốt nghiệp năm 2018 là cao nhất, chiếm tỷ lệ 92,6% [TC22.03.06]. Năm 2019, mức độ phù hợp với ngành đào tạo giảm đáng kể. Nhà trường tiến hành tìm hiểu nguyên nhân, các DS cho biết khi học tập trong Trường các DS được đào tạo các định hướng chuyên ngành Công nghiệp Dược, DLS, Dược liệu - Dược cổ truyền, ĐBCL thuốc nhưng khi ra trường các DS lại làm Trình dược viên hoặc lĩnh vực kinh doanh, phân phối nên các DS lựa chọn mức độ phù hợp là “có liên quan đến ngành đào tạo”. Vì vậy, đến năm 2020, Nhà trường đã định danh khái niệm “đúng ngành đào tạo” và “có liên quan đến ngành đào tạo” để các DS lựa chọn chính xác khi phản hồi. Tuy nhiên cũng có trường hợp cá biệt, một số DS do đam mê với lĩnh vực khác nên chuyển hướng công việc sang lĩnh vực “không liên quan đến ngành đào tạo” như truyền thông, design, kinh doanh thiết bị y tế [TC22.03.06].

Bảng 22.3.3. Việc làm đúng ngành đào tạo

STT	Mức độ phù hợp	Tỷ lệ (%)				
		2020	2019	2018	2017	2016
1	Đúng ngành đào tạo	80,8	57,5	92,6	-	
2	Có liên quan đến ngành đào tạo	10,2	38,6	5,7	-	

STT	Mức độ phù hợp	Tỉ lệ (%)				
		2020	2019	2018	2017	2016
3	Không liên quan đến ngành đào tạo	5,5	3,9	1,7	-	
4	Tiếp tục đi học	3,6	-	-	-	
Tổng số		100	100	100	-	

Kết quả đối sánh về mức thu nhập bình quân/tháng của các DS dao động trong khoảng từ 10-11,5 triệu/tháng. Đối với SVTN năm 2019 và năm 2020, mức thu nhập bình quân có xu hướng giảm do ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19 [TC22.03.06].

Bảng 23.2.4. Mức thu nhập bình quân/tháng của DS sau tốt nghiệp 1 năm

Năm	2020	2019	2018	2017
Thu nhập (triệu đồng/tháng)	9,89	10,6	11,5	11,0

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp giữa các năm để làm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT với các CSGD đại học [TC.22.3.06]. Ngoài CTĐT Dược của ĐH Y dược TP.HCM, nhà trường đã lựa chọn SVTN ngành kinh tế đối ngoại của Đại học ngoại thương và ngành CNTT của ĐH Bách Khoa Hà nội để đối sánh, vì đây là 2 ngành có điểm đầu vào tương đương với sinh viên ngành Dược học của HUP. Kết quả đối sánh về tỉ lệ sinh viên có việc làm và mức thu nhập sau một năm tốt nghiệp với các ngành top đầu của Việt Nam được thực hiện hàng năm và cho kết quả rất khả quan:

Bảng 23.2.5. Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm

	Tỉ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi					Tỉ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN				
Trường	<i>HUP</i>	<i>UMP</i>	<i>FTU</i>	<i>HUST</i>	<i>Cả nước</i>	<i>HUP</i>	<i>UMP</i>	<i>FTU</i>	<i>HUST</i>	<i>Cả nước</i>
Tỉ lệ (%)	99,54	100	95,00	100	89,5	84,77	34,3	95,00	77,9	68,0

HUP: HUP; UMP: Khoa Dược -ĐH YDTP.HCM; FTU: Trường Đại học Ngoại thương; HUST: Đại học Bách Khoa Hà Nội

Kết quả đối sánh mức thu nhập bình quân cho thấy mức thu nhập bình quân của các DS K67, K68 và K69 cao hơn mức thu nhập bình quân trình độ đại học trở lên trên toàn quốc và trình độ chuyên môn kỹ thuật cao từ 1,8-2,8 triệu đồng, cao hơn các đối tượng lao động trong ngành Y tế và hoạt động hỗ trợ xã hội hơn từ 3,2-4,4 triệu đồng [TC22.3.06], [TC22.3.07]. Tuy nhiên, đến năm 2021 mức thu nhập bình quân của các

DS K70 xấp xỉ bằng mức thu nhập bình quân của đối tượng lao động có trình độ đại học trở lên (9,8 triệu đồng/tháng) [TC22.3.06].

Bảng 23.2.6. Mức thu nhập bình quân/tháng

Đối tượng lao động	Mức thu nhập bình quân (triệu đồng/tháng)			
	2017	2018	Năm 2019	Năm 2020
DS HUP sau 1 năm tốt nghiệp	11 (K67)	11,5 (K68)	10,6 (K69)	9,89 (K70)
Trình độ ĐH trở lên trên toàn quốc	8,274 ¹	9,229 ²	8,756 ³	9,816 ⁴
Chuyên môn kỹ thuật bậc cao	8,216 ⁵	9,144 ⁶	8,801 ⁷	-
Ngành Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	6,653 ⁸	7,601 ⁹	7,402 ¹⁰	-

Các đơn vị trong trường Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các phòng chức năng luôn quan tâm và tổ chức nhiều các hoạt động, tọa đàm, trải nghiệm thực tiễn tư vấn việc làm cho người học, kết nối người học với các doanh nghiệp. Qua đó người học được trao đổi trực tiếp với người sử dụng lao động, tìm hiểu sâu hơn về các vị trí tuyển dụng để người học có sự lựa chọn chính xác, phù hợp với ngành nghề đào tạo và đáp ứng công việc hiệu quả hơn [TC.22.03.08].

Nhà trường lấy ý kiến phản hồi về CTĐT của người học sắp tốt nghiệp [TC22.03.09], [TC22.03.10] cũng như sinh viên sau tốt nghiệp 1 năm [TC22.03.02] về chương trình, tổ chức đào tạo, hoạt động giảng dạy, CSVN, hoạt động hỗ trợ người học để kịp thời cải tiến nhằm đáp ứng cao nhất những yêu cầu của người học [TC22.03.11], [TC22.03.12]. Đồng thời, Nhà trường cũng lấy ý kiến khảo sát các doanh nghiệp, người sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người lao động là người học tốt nghiệp HUP

¹ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2018, Tổng Cục Thống kê, tr. 37.

² Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2019, Tổng Cục Thống kê, tr. 32.

³ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020, Tổng Cục Thống kê, tr. 29.

⁴ Báo cáo điều tra lao động việc làm Quý 1 năm 2021, Tổng Cục Thống kê, tr.27.

⁵ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2018, Tổng Cục Thống kê, tr. 39.

⁶ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2019, Tổng Cục Thống kê, tr. 34.

⁷ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020, Tổng Cục Thống kê, tr.30.

⁸ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2018, Tổng Cục Thống kê, tr. 38.

⁹ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2019, Tổng Cục Thống kê, tr. 33.

¹⁰ Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020, Tổng Cục Thống kê, tr.30.

để tăng khả năng đáp ứng của sản phẩm tốt nghiệp với thị trường lao động **[TC.22.3.13]**, **[TC.22.3.14]**.

Nhằm tăng cơ hội thích ứng với nghề nghiệp, học đi đôi với hành, trong các CTĐT Thạc sĩ và chuyên khoa đều thiết kế thời gian thực hành tại các cơ sở. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành đều chú trọng lồng ghép mời chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng là người sử dụng lao động để giúp người học gắn chặt với thực tế nghề nghiệp **[TC.22.3.15]**. Đặc biệt là các đề tài tốt nghiệp CKI và CKII luôn gắn liền với đơn vị công tác của người học để giải quyết các vấn đề bất cập của cơ sở thực tế nơi học viên đang công tác **[TC.22.3.16]**.

Nhà trường cũng thực hiện đồng bộ các giải pháp để hỗ trợ tìm việc làm cho người học ngay từ khi còn đang học và sau khi tốt nghiệp. Trường đã đẩy mạnh hợp tác giữa Nhà trường và các đơn vị sử dụng lao động, trong giai đoạn 2017-2022, Trường đã ký tổng số MOU với các cơ sở thực tế **[TC.22.3.17]** và đưa sinh viên đi thực hành, thực tế tại các cơ sở này **[TC.22.3.18]**, kết hợp với doanh nghiệp giảng dạy một số học phần **[TC.22.3.18]**,

Ngoài ra, Trường thường xuyên tìm kiếm cơ hội việc làm cho người học thông qua bản tin tuyển dụng **[TC.22.3.19]**, tham dự hội chợ việc làm **[TC.22.3.20]**...

Để có dữ liệu về tình hình việc làm của người học, Nhà trường giao cho Phòng ĐBCL& KT là đầu mối xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tỉ lệ có việc làm của người học trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT trình độ đại học **[TC14.03.21]**. Phòng ĐBCL&KT đã xây dựng kế hoạch khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp vào tháng 8 hàng năm, sau đó tổ chức triển khai thực hiện khảo sát và thông thường sẽ kết thúc vào tháng 12 hàng năm **[TC14.03.02]**. Để có việc thu thập dữ liệu về sinh viên sau tốt nghiệp được thuận lợi, hàng năm phòng QLSV đều thu thập thông tin cá nhân của sinh viên trước khi tốt nghiệp của tất cả các ngành đào tạo và gửi dữ liệu cho Phòng ĐBCL&KT **[TC22.03.22]**. Trước năm 2019 phiếu khảo sát được gửi qua email đến sinh viên, nhưng sau năm 2019, Nhà trường đã sử dụng phiếu được thiết kế trên nền tảng microsoft form để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi tham gia khảo sát cũng như thu thập dữ liệu và xử lý số liệu khảo sát. Để có thể thu được số phiếu tối đa, ĐTN cũng đã phối hợp trong công tác khảo sát. Nhờ sự nỗ lực của các phòng chức năng, hàng năm tỉ lệ trả lời khảo sát của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp đều đạt trên 70% **[TC.22.3.03]**, **[TC.22.3.06]**.

Như vậy có thể khẳng định Nhà trường đã luôn chủ động, tích cực và có rất nhiều chủ trương, chính sách và các hoạt động nhằm hỗ trợ người học có việc làm hoặc cơ hội

thăng tiến nghề nghiệp sau tốt nghiệp. Tỷ lệ người học có việc làm cao, phù hợp với ngành được đào tạo

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Chất lượng của người học là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo của HUP. Vì vậy, việc đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp luôn là vấn đề Nhà trường đặc biệt quan tâm.

Hàng năm, Nhà trường định kỳ xây dựng kế hoạch, thực hiện khảo sát, báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan: i) Nhà sử dụng lao động, ii) Cựu người học, iii) Sinh viên trước tốt nghiệp, iv) người học... Đây là cơ sở quan trọng để Nhà trường nâng cao chất lượng người học, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Chỉ số hài lòng của các bên liên quan đã được xác lập trong chiến lược ĐBCLGD của Trường giai đoạn 2016-2020: Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động [TC.22.04.01] và cựu sinh viên về sản phẩm đào tạo [TC.22.04.02]. Chỉ số này được cụ thể hóa trong kế hoạch ĐBCL hàng năm của Trường [TC.22.04.03]. Kết quả về mức độ hài lòng của người sử dụng lao động và cựu sinh viên về chất lượng của người học sau tốt nghiệp được đối sánh giữa các năm từ đó làm cơ sở đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT. Trên cơ sở rà soát các chỉ số hài lòng của các bên liên quan giai đoạn 2016-2020 [TC.22.04.04], trong Chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đã cải tiến để xác lập chỉ số hài lòng cho giai đoạn tiếp theo. Theo đó năm 2022, tỉ lệ hài lòng của người học ($\geq 80\%$), người sử dụng lao động ($\geq 75\%$), sinh viên sau tốt nghiệp ($\geq 75\%$), giảng viên, cán bộ phục vụ hỗ trợ ($\geq 75\%$); iii) 100% các ý kiến phản hồi được các cá nhân đơn vị, sử dụng để rà soát, đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Đến năm 2024 thì tỉ lệ này xác lập tăng lên: người học ($\geq 85\%$), người sử dụng lao động ($\geq 80\%$); sinh viên sau tốt nghiệp ($\geq 80\%$); giảng viên, cán bộ phục vụ hỗ trợ ($\geq 80\%$); 100% các ý kiến phản hồi được các cá nhân, đơn vị sử dụng để rà soát, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [TC.22.04.05].

Cụ thể kết quả đối sánh qua các năm như sau:

Đối với người sử dụng lao động: Đánh giá mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SVTN HUP ở mức tốt và rất tốt, tăng dần qua các năm. Về Kiến thức được đánh giá cao về chuyên môn nhưng cần phải bổ sung nhiều hơn nữa về kiến thức văn hóa, xã hội và quản lý, điều hành. Về Kỹ năng được sử dụng được đánh giá cao về kỹ năng tìm kiếm và tổng hợp thông tin; kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông

dụng trong lĩnh vực y dược (Điểm TB 4,17), trong khi đó kỹ năng đàm phán và thuyết trình không được đánh giá cao (Điểm TB mức 3,8). Dược sỹ được đánh giá cao về khả năng vận dụng kiến thức trong công việc, làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu (Điểm TB 4,13). Về thái độ làm việc, dược sỹ được đánh giá cao về việc tuân thủ các nội quy, tinh thần trách nhiệm, hợp tác với đồng nghiệp và ý thức cầu tiến để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (Điểm TB từ 4,24). Do vậy mức độ đáp ứng với công việc được giao cũng đều đánh giá cao với tỉ lệ đáp ứng công việc trên 90% [TC.22.04.01].

Bảng 22.4.1. Đánh giá của người sử dụng lao động về mức độ đáp ứng với công việc của DS tốt nghiệp HUP

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tỉ lệ người học đáp ứng tốt và rất với công việc được giao (%)	89,8	91,8	87,4	90,5	93,9

Nhờ vào năng lực của người học sau tốt nghiệp được đánh giá tốt mà người sử dụng lao động luôn hài lòng với chất lượng DS tốt nghiệp HUP, mức độ hài lòng tăng dần qua các năm (trên 80%). Vẫn có một số người sử dụng lao động chưa hài lòng về SVTN HUP, đây lại là cơ sở quan trọng để Nhà trường có bước cải tiến đáng kể trong CTĐT cũng như tổ chức đào tạo [TC.22.04.01].

Bảng 22.4.2. Mức độ hài lòng của người sử dụng lao động đối với DS tốt nghiệp HUP

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tỉ lệ người sử dụng lao động hài lòng và rất hài lòng với DS tốt nghiệp HUP (%)	-	92,4	83,9	88,6	95,8

Sự hài lòng về chất lượng của người học còn được thể hiện qua tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp. Sau tốt nghiệp 1 năm, tỉ lệ có việc làm của các DS đạt gần 100%. Số lượng DS chưa có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm là rất nhỏ. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tác động đến tất cả các mặt của đời sống xã hội, tỉ lệ có việc làm sau một năm tốt nghiệp giảm từ 99,76% xuống còn 96% [TC.22.04.01].

Bảng 22.4.3. Tình trạng việc làm của người học sau 1 năm tốt nghiệp

Tình trạng việc làm	Đang có việc làm (tính cả những DS tiếp tục đi học)				
Năm TN	2020	2019	2018	2017	
Tỉ lệ (%)	96,5	96,1	99,6	99,76	

Nhà trường thực hiện đối sánh quốc gia về tỉ lệ có việc làm của các DS so với các cựu sinh viên trên toàn quốc, nhận thấy tỷ lệ có việc làm của cựu sinh viên HUP cao hơn tỉ lệ có việc làm của các cựu sinh viên trên toàn quốc là hơn 10%; cao ngang bằng với ngành Dược (ĐH Y Dược TP HCM), ngành CNTT (ĐH Bách Khoa Hà Nội) và ngành Kinh tế (Trường ĐH Ngoại thương Hà Nội) [TC.22.04.06].

Qua các cuộc khảo sát từ năm 2017-2021, tỷ lệ trả lời mức độ phù hợp của ngành đào tạo với công việc khá cao. Kết quả đối sánh được thể hiện trong bảng 22.4.4. Riêng năm 2019, Do trong quá trình khảo sát chuyển từ email sang google form, nên chưa giải thích rõ ràng khái niệm đúng ngành đào tạo với DS được khảo sát nên một số lượng lớn các DS học các định hướng chuyên ngành Công nghiệp Dược, DLS, Dược liệu - Dược cổ truyền, ĐBCL thuốc nhưng khi ra trường các DS lại làm Trình dược viên hoặc lĩnh vực kinh doanh, phân phối nên làm tưởng có liên quan đến ngành đào tạo. Vì vậy, đến năm 2020, Nhà trường đã định danh khái niệm “đúng ngành đào tạo” và “có liên quan đến ngành đào tạo” để các DS lựa chọn chính xác khi phản hồi. Tuy nhiên cũng có trường hợp cá biệt, một số DS do đam mê với lĩnh vực khác nên chuyển hướng công việc sang lĩnh vực “không liên quan đến ngành đào tạo” như truyền thông, design, kinh doanh thiết bị y tế...[TC.22.04.06].

Bảng 22.4.4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo

STT	Mức độ phù hợp ngành đào tạo với công việc	Tỷ lệ (%)				
		2021	2020	2019	2018	2017
1	Đúng ngành đào tạo		80,8	57,5	92,6	-
2	Có liên quan đến ngành đào tạo		10,2	38,6	5,7	-

Mức độ hài lòng từ phía người học

Mức độ hài lòng của sinh viên trước khi tốt nghiệp nhằm đánh giá sự hài lòng với chính bản thân mình và CTĐT của Nhà trường. Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học trước khi tốt nghiệp cho thấy đa số người học cảm thấy hài lòng với khóa học tại Trường, kết quả đối sánh được thể hiện trong bảng 22.4.5 [TC.22.04.07].

Bảng 22.4.5. Mức độ hài lòng của người học về khóa học tại trường

Đối tượng	2017	2018	2019	2020	2021
Sinh viên (%)	88,3	88,7	90,6	87,2	88,9
Học viên	-	93,5	98,6	88,9	93,0

Việc Đánh giá mức độ hài lòng của người học với giảng viên [TC.22.04.08], học phần [TC.22.04.09], cán bộ hỗ trợ hoạt động đào tạo [TC.22.04.10] được nhà trường thực hiện thường xuyên, định kỳ hàng năm. Kết quả cho thấy đa số người học đều hài lòng với lượng giảng dạy cũng như sự hỗ trợ của các bên liên quan.

Mức độ hài lòng của cán bộ viên chức: Việc đánh giá mức độ hài lòng của viên chức được Nhà trường tổ chức qua nhiều kênh khác nhau như báo cáo tổng kết năm học [TC.22.04.11], hội nghị công chức-viên chức của Trường [TC.22.04.12], cuộc họp giao ban các phòng ban, đơn vị [TC.22.04.13], bộ môn hàng kỳ [TC.22.04.14], cuộc họp hội đồng thi đua khen thưởng [TC.22.04.15], hội đồng xét tốt nghiệp [TC.22.04.16]....Nhìn chung cán bộ viên chức nhà trường đều đánh giá cao và hài lòng về chất lượng người học tốt nghiệp.

Để có được kết quả về mức độ hài lòng của các bên liên quan, Phòng ĐBCL và Khảo thí (ĐBCL&KT) là đơn vị đầu mối triển khai thực hiện khảo sát. Các khảo sát đều được thực hiện theo quy trình Nhà trường đã ban hành bao gồm các bước lập kế hoạch khảo sát, xây dựng/rà soát công cụ khảo sát, thực hiện khảo sát, viết báo cáo và cải tiến sau khảo sát [TC.22.04.17]. Về phương pháp khảo sát: Sử dụng bảng hỏi hoặc tổ chức Hội thảo lấy ý kiến trực tiếp. Tùy từng loại đối tượng, điều kiện khảo sát khác nhau phòng ĐBCL&KT tiến hành khảo sát bằng hình thức phát phiếu giấy trực tiếp hoặc khảo sát trực tuyến qua trang hup.edu.vn hoặc Microsoft form. Các công cụ khảo sát đều được thử nghiệm đánh giá độ tin cậy. Kết quả khảo sát thu về, số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS và thực hiện các đo lường, thống kê, đánh giá, các câu hỏi mở được thống kê, tổng hợp và xử lý theo phương pháp phân tích chủ đề. Phòng ĐBCL&KT có trách nhiệm tổng hợp, viết báo cáo và gửi kết quả khảo sát tới BGH để phê duyệt. Báo cáo sau khi được BGH phê duyệt Phòng sẽ gửi tới các đơn vị liên quan để thực hiện cải tiến sau phản hồi [TC.22.04.18]. Căn cứ kết quả khảo sát, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cải tiến đối với những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và gửi về phòng ĐBCL&KT trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả khảo sát [TC.22.04.17], [TC.22.04.18]. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị chậm nộp kế hoạch cải tiến. Sau khi nộp kế hoạch cải tiến, các đơn vị thực hiện và báo cáo hàng năm về hoạt động cải tiến sau phản hồi trong báo cáo tổng kết công tác ĐBCLGD của các đơn vị [TC.22.04.19]. Với quy trình được thực hiện bài bản, đảm bảo kết quả thu được trung thực và khách quan.

Dựa vào các kết quả khảo sát, định kỳ hàng năm Nhà trường tổ chức họp rà soát CTĐT [TC.22.04.20] để đưa ra kế hoạch và biện pháp khắc phục kịp thời những điểm còn tồn tại để chất lượng của người học năm sau tốt hơn năm trước, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các nhà tuyển dụng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường chú trọng tạo điều kiện cho HVSV học tập và tốt nghiệp đúng hạn theo CTĐT

- Tỷ lệ SV tốt nghiệp cao và đa số SV có thời gian tốt nghiệp TB gần với thời gian trong CTĐT được thiết kế thể hiện chất lượng đào tạo các chuyên ngành của Nhà trường có hiệu quả và được kiểm soát chặt chẽ.

- Các hoạt động ngoại khóa của Nhà trường mạnh, gắn liền với chuyên môn để hỗ trợ cho người học nâng cao hiểu biết, thái độ làm việc và kỹ năng nghề nghiệp để trải nghiệm thực tiễn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- CTĐT và các quy định còn chưa tạo điều kiện cho người học tốt nghiệp sớm, hoặc học liên thông lên các bậc đào tạo (tích lũy trước tín chỉ).

- Vẫn còn một tỉ lệ nhỏ SVTN làm việc chưa đúng với ngành đào tạo.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 2.1	Có các quy định cụ thể về tích lũy tín chỉ trước, tạo điều kiện cho người học TN sớm hoặc học liên thông lên bậc cao hơn	BGH, P. QLĐT	Năm học 2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại 2.2	Tổ chức các hoạt động Hướng nghiệp và Ngày Hội việc làm hỗ trợ người học tăng cơ hội tiếp xúc với người sử dụng lao động.	BGH, ĐT, QLSV, ĐTN	Học kỳ II, Năm học 2021-2022	Đã tổ chức
	Phát huy	Tiếp tục phát huy,	BGH,		

	điểm mạnh 2.1	hỗ trợ của Nhà trường trong chính sách, con người tạo điều kiện cho người học học tập và tốt nghiệp đúng quy định	QLĐT, QLSV, ĐBCL&KT và các bộ môn đơn vị liên quan		
	Phát huy điểm mạnh 1.2	Tiếp tục triển khai các hoạt động rà soát, giám sát,, đối sánh để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo.	BGH, QLĐT, QLSV, ĐBCL&KT và các bộ môn đơn vị liên quan		
	Phát huy điểm mạnh 1.3	Tiếp tục tạo điều kiện để ĐTN tổ chức triển khai các hoạt động ngoại khóa. Đồng thời thường xuyên rà soát, lấy ý kiến phản hồi để nâng cao chất lượng hoạt động ngoại khóa.	ĐU, BGH, QLĐT, QLCSVC, QLSV, ĐBCL&KT và ĐTN		

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	6.0
Tiêu chí 22.1	6
Tiêu chí 22.2	6
Tiêu chí 22.3	6
Tiêu chí 22.4	6

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình hoạt động NCKH, cũng như số giờ giảng và giờ NCKH cho đội ngũ GV, NCV phải thực hiện theo định mức ứng với 3 hạng giảng viên giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên và nghiên cứu viên [TC.23.01.01]. Quy định này được bổ sung, điều chỉnh 3 lần trong giai đoạn 2017-2021 để phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT dành cho các CSGD đại học, trong đó quy định quy đổi giờ NCKH cho các hoạt động NCKH như công bố trong nước và quốc tế, xuất bản sách, thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp, bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích ... Giờ chuẩn NCKH trong năm học của giảng viên là 196 giờ, giảng viên chính 235 giờ, giảng viên cao cấp 275 giờ, để hoàn thành giờ chuẩn NCKH này trong năm học giảng viên cần hoàn thành 01 đề tài cấp cơ sở hoặc công bố 01 bài báo tạp chí trong nước được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính 1 điểm. Với việc giảng viên hoàn thành giờ NCKH theo quy định này, Nhà trường sẽ đạt chỉ tiêu Đại học định hướng nghiên cứu, chỉ tiêu công bố trong nước và quốc tế của Trường giai đoạn 2021-2025 đề ra hàng năm có 0,5-0,7 công bố trong nước và 0,3 – 0,32 công bố quốc tế/1 giảng viên cơ hữu; và 5 - 8 văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích trong nước và quốc tế trong 5 năm [TC.23.01.02].

Hàng năm, Nhà trường hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN vào đầu năm học [TC.23.01.03]. Nhà trường giao chỉ tiêu giảng dạy cho các đơn vị, còn chỉ tiêu về NCKH được xác lập do GV, NCV đề xuất các hoạt động NCKH đã có định mức quy đổi của Nhà trường. Mỗi giảng viên tự lập kế hoạch giảng dạy và NCKH và xây dựng hồ sơ giảng viên với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý cán bộ và quản lý hồ sơ khoa học. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH hàng năm của Giảng viên được thực hiện như sau: giảng viên, NCV khai báo, cập nhập kết quả NCKH và upload minh chứng vào phần mềm quản lý lý lịch khoa học, sau đó phòng chức năng xác nhận và đối chiếu kết quả đạt được với minh chứng. Dựa trên bảng tổng kết giờ NCKH quy đổi trích xuất từ phần mềm cho các GV, NCV để đánh giá, phân loại lao động trong năm học.

Phòng QLKH có chức năng, nhiệm vụ là đầu mối theo dõi, giám sát và hỗ trợ các hoạt động NCKH của giảng viên [TC.23.01.04]. Hồ sơ khoa học của giảng viên được thường xuyên cập nhật khi có kết quả nghiên cứu được công bố và upload minh chứng trên hệ thống CSDL.

Việc đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện thông qua các Hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu kết quả đề tài các cấp:

- Đối với đề tài cấp Quốc gia, Bộ và tương đương được đánh giá, nghiệm thu theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, kết quả 100% đề tài đã nghiệm thu đều được đánh giá đạt yêu cầu, có chất lượng tốt **[TC.23.01.05]**, **[TC.23.01.06]**, **[TC.23.01.07]**.

- Đối với đề tài KHCN cấp Trường được đánh giá, nghiệm thu theo quy định của Nhà trường, kết quả 100% đề tài đã nghiệm thu đều đạt yêu cầu **[TC.23.01.08]**.

Nhà trường thực hiện đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đã thực hiện với kế hoạch hoạt động KHCN vào đầu năm học **[TC.23.01.09]** và Chiến lược phát triển KHCN trung hạn **[TC.23.01.02]** dựa trên danh mục thống kê từ phần mềm “Quản lý lý lịch khoa học online” **[TC.23.01.10]**.

- Đối sánh hàng năm của cá nhân: dựa trên CSDL từ phần mềm, Nhà trường tính được giờ NCKH đã thực hiện của giảng viên, nghiên cứu viên và đối sánh với giờ NCKH chuẩn để tổng kết giờ NCKH theo năm học **[TC.23.01.11]**. Kết quả cho thấy tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên hoàn thành kế hoạch đã ra luôn lớn hơn 95%.

- Đối sánh hàng năm của nhà Trường: được thể hiện trong báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm **[TC.23.01.12]**.

- Đối sánh giai đoạn trung hạn: được thể hiện trong báo cáo kết quả thực hiện chiến lược KHCN **[TC.23.01.13]**.

Bên cạnh đó Nhà trường cũng thực hiện đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu với các Trường Đại học trong nước: Nhà trường được xếp hạng 4* của Hệ thống xếp hạng đối sánh chất lượng đại học Việt Nam UPM (University Performance Metrics), đến năm 2021, Nhà trường đã nâng lên hạng 4*plus của cùng hệ thống trên. Cho đến nay hệ thống xếp hạng đối sánh chất lượng đại học Việt Nam UPM đã được mở rộng cho nhiều trường đại học trong khu Đông Nam Á (Thái Lan, Malaysia) và châu Á (Đài Loan). Theo Bảng xếp hạng đại học UPM (University Performance Metrics) năm 2019 của Việt Nam (<https://vietnamnet.vn/30-co-so-dai-hoc-dan-dau-ve-nghien-cuu-tai-vn-605526.html>), HUP nằm trong top 30 CSGD đại học dẫn đầu về nghiên cứu tại Việt Nam.

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên **[TC.23.01.14]**.

Nhà trường đã nghiên cứu, ban hành các quy định hỗ trợ tăng kinh phí cho hoạt động NCKH như: Phê duyệt chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường [TC.23.01.15]; Thuởng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp Trường [TC.23.01.16]; Hỗ trợ chi phí đăng ký sáng chế, patent [TC.23.01.17].

Chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên Nhà trường giai đoạn 2017-2021 đạt được nhiều thành tựu nổi bật, được ghi nhận theo chuẩn quốc tế: HUP là 1 trong 10 đại học ở Việt Nam có nhà khoa học GS. TS. Nguyễn Hải Nam có trích dẫn khoa học cao nằm trong nhóm top 100.000 các nhà nghiên cứu trên toàn thế giới xét theo thành tựu trọn đời (tính từ năm 1996 đến 2021); Ban Biên tập Tạp chí Journal of Pharmaceutical Sciences và Hiệp hội DS Hoa Kỳ (The American Pharmacists Association) trao Danh hiệu "Các nhà khoa học xuất sắc về sự nghiệp ban đầu – 2021 Outstanding Early Career Scientists" cho TS. Võ Quốc Ánh, phụ trách Bộ môn Vật lý – Hóa lý, HUP.

Số lượng đề tài các cấp của Nhà trường tăng mạnh so với giai đoạn trước, kết quả được thể hiện ở bảng 1 và bảng 2:

Bảng 23.1.1. Số lượng đề tài các cấp giai đoạn 2017-2021

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	12	6	3	6	1	28
2	Đề tài cấp Bộ*	10	2	0	5	2	19
3	Hợp đồng dịch vụ	15	14	13	15	10	67
4	Đề tài cấp trường	23	21	41	8	17	110
	Tổng cộng	59	43	57	34	30	224

Bảng 23.1.2. So sánh số lượng đề tài các cấp giai đoạn 2017-2021 với 2012-2016

TT	Phân loại đề tài	Gđ 2012-2016	Gđ 2017-2021
1	Đề tài cấp Nhà nước	13	28
2	Đề tài cấp Bộ*	17	18
3	Đề tài cấp trường	163	110
4	Hợp đồng dịch vụ	35	67

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Thông qua Kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm [TC23.02.01], Nhà trường đã xác lập chỉ số về loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học, gồm: đề tài Khóa luận tốt nghiệp; đề tài luận văn Thạc sĩ; đề tài luận văn Chuyên Khoa I; đề tài luận án Tiến sĩ; đề tài luận văn Chuyên Khoa II; đề tài tham dự giải thưởng KHCN dành cho sinh viên; đề tài Hội nghị KHCN tuổi trẻ (nếu có tổ chức).

Để giám sát và đánh giá kết quả thực hiện đề tài NCKH của người học, Nhà trường xây dựng các quy định, quy chế quản lý từng loại hình: Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội [TC23.02.02]; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ [TC23.02.03]; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ [TC23.02.04].

Các đề tài NCKH của người học đều được theo dõi, giám sát và hỗ trợ bởi các phòng chức năng của Nhà trường: đề tài của sinh viên do phòng Đào tạo; đề tài của học viên sau đại học do phòng Sau đại học; đề tài tham dự hội nghị, hội thảo khoa học, giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học do phòng Quản lý Khoa học. Để quản lý CSDL đề tài NCKH của người học Nhà trường sử dụng phần mềm thư viện điện tử Libonl 6.0, hàng năm sau khi sinh viên, học viên Nhà trường bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp, Luận văn, Luận án sẽ hoàn thiện báo cáo và nộp về Thư viện để lưu giữ, cập nhật vào phần mềm.

Việc đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học được thực hiện thông qua các Hội đồng khoa học, được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế:

- Hội đồng chấm Khóa luận tốt nghiệp.
- Hội đồng chấm Luận văn Thạc sĩ.
- Hội đồng chấm Luận văn Chuyên Khoa I.
- Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ.
- Hội đồng chấm Luận văn Chuyên Khoa II.

Hàng năm Nhà trường đều thực hiện đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học thông qua báo cáo tổng kết năm học [TC23.02.05]. Số lượng các loại hình NCKH của người học thể hiện ở bảng 1:

Bảng 23.2.1. Người học thực hiện đề tài NCKH

Năm	Loại hình/người học

	KLTN	LVCH	CKI	CKII	TS	Tổng số đề tài
2017	186	102	235	10	8	541
2018	161	108	201	14	8	492
2019	194	72	267	31	5	569
2020	168	72	267	20	9	536
2021	146	61	23	-	-	230

Bên cạnh đó Nhà trường cũng thực hiện việc đối sánh chất lượng nghiên cứu của người học với các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước thông qua việc tổ chức và lựa chọn các đề tài NCKH cấp cơ sở của người học tham dự Hội nghị KHCN tuổi trẻ ngành Y tế, Giải thưởng sinh viên NCKH. Kết quả NCKH của người học giai đoạn 2017-2021 đạt được nhiều thành tích nổi bật được Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ chức nước ngoài ghi nhận: giải Nhất lĩnh vực khoa học Y Dược, Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2020, 2021; Giải xuất sắc, Nhất giải thưởng KHCN tuổi trẻ ngành Y tế; Giải first place winner Hội thảo quốc tế asean pharmnet lần thứ 3 [TC23.02.06]; [TC23.02.07]; [TC23.02.08].

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của người học [TC23.02.09] và khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác quản lý nghiên cứu [TC23.02.10], kết quả tất cả các tiêu chí về hoạt động NCKH của người học đều được SV đánh giá ở mức “Tốt” (ĐTB:4.32 - 4.93), trong đó tiêu chí được đánh giá cao nhất là “Người học nhận được sự hỗ trợ tận tình từ Giảng viên của bộ môn” (ĐTB:4.93). Qua đó thực hiện nhiều chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho người học trong hoạt động NCKH: tổ chức Hội nghị KHCN tuổi trẻ cấp Trường [TC23.02.11]; Tổ chức giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; Cộng điểm cho sinh viên đăng ký NCKH hoặc có công bố khi xét điểm làm khóa luận tốt nghiệp [TC23.02.12]; Quy định người học tham gia đề tài KHCN cấp Trường là sản phẩm ưu tiên khi được xét chọn [TC23.02.13]; Hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài cấp Trường nghiệm thu có sản phẩm là đào tạo [TC23.02.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Các loại hình và số lượng công bố khoa học của HUP được xác lập dựa trên (i) danh mục tạp chí khoa học của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước; (ii) danh mục tạp chí có uy tín do quỹ Nafosted ban hành; (ii) tiêu chí của đại học định hướng nghiên cứu tại Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 [TC.23.03.01], bao gồm: bài báo trên

tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS, bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế khác; báo cáo đăng tại kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế; giáo trình, sách chuyên khảo và tham khảo.

Loại hình và số lượng công bố khoa học của Nhà trường được quy định cụ thể trong Quy định chế độ làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên [TC.23.03.10] và các chỉ tiêu cụ thể về công bố khoa học được nêu trong Chiến lược phát triển phát triển KHCN giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hoạt động KHCN 5 năm và hàng năm [TC.23.03.11]. Số liệu công bố khoa học được thống kê hàng năm để đánh giá kết quả hoạt động, nhận dạng những cá nhân, đơn vị mạnh về công bố khoa học và những điểm tồn tại cần khắc phục [TC.23.03.12].

Để theo dõi loại hình và số lượng công bố khoa học, Nhà trường có phần mềm Quản lý Lý lịch khoa học (qlkh.hup.edu.vn) là công cụ theo dõi, giám sát số lượng công bố khoa học và đây cũng là CSDL về công bố khoa học được cập nhật thường xuyên.

Theo thống kê, giai đoạn 2017-2022, tổng số bài báo của giảng viên, nghiên cứu viên Nhà trường đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành là 1893 bài (Bảng 23.3.2), trong đó có 439 bài đăng trên tạp chí quốc tế [TC.23.03.02] và 1106 bài đăng trên tạp chí trong nước [TC.23.03.03].

Bảng 23.3.1. Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành giai đoạn 2017-2021

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng						
		2017	2018	2019	2020	2021	7/2022	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	51	82	85	88	91	42	439
	Danh mục ISI	37	54	67	71	82	37	348
	Danh mục Scopus	8	14	4	6	4	0	36
	Khác	6	14	14	11	5	5	55
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	214	179	227	202	184	100	1106
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	316	343	397	378	366	184	1893

Trong quá trình triển khai các hoạt động NCKH, Nhà trường đã phối hợp, liên kết với 75 cơ sở nghiên cứu trong nước và 45 cơ sở nghiên cứu quốc tế, bao gồm: các bệnh viện, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp. Kết quả của việc phối hợp, liên kết là hơn 700 bài báo được công bố chung trên các tạp chí chuyên ngành trong

nước và quốc tế, chiếm tỷ lệ 52,95% (700/1322) bài báo trong toàn trường [TC.23.03.04].

Các bài báo của giảng viên, nghiên cứu viên Nhà trường được đăng tải trên 100 tạp chí thuộc danh mục ISI uy tín có chỉ số ảnh hưởng (impac factor - IF) từ 1,0 trở lên [TC.23.03.05].

Đối với chỉ số trích dẫn của các bài báo công bố trên tạp chí quốc tế, hiện nay Nhà trường đang sử dụng số liệu thống kê được ghi nhận trên CSDL của Scopus (<https://www.elsevier.com/solutions/scopus>). Số lượng trích dẫn của HUP giai đoạn 2017-2021 được thể hiện tại Bảng 23.3.2.

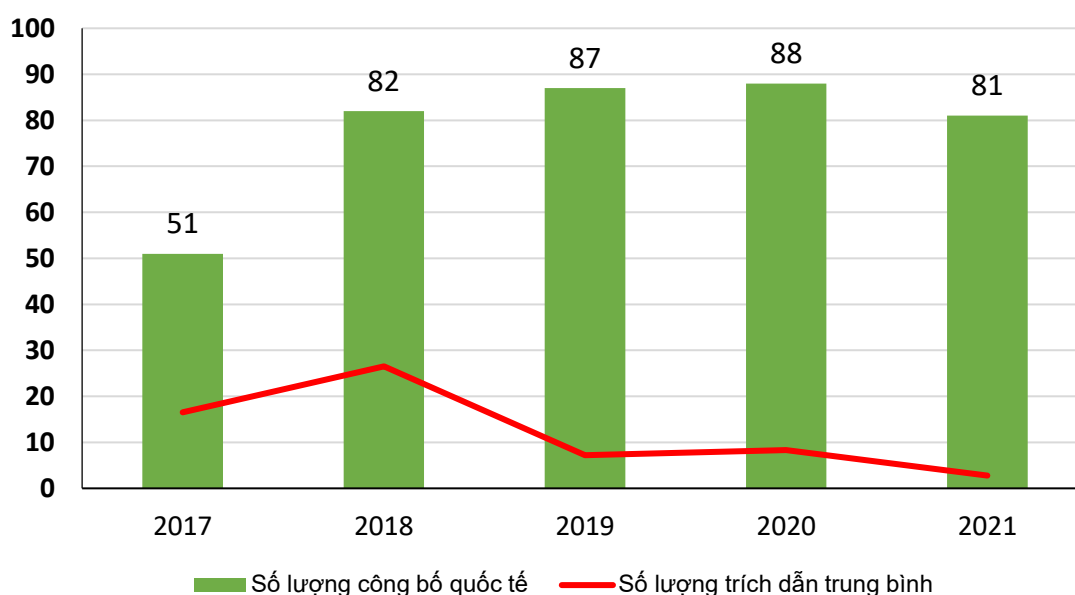
Bảng 23.3.2. Số trích dẫn TB của công bố quốc tế của Trường giai đoạn 2017-2021

Năm	Số lượng công bố quốc tế	Số lượng trích dẫn TB
2017	51	16.5192
2018	82	26.5200
2019	87	7.2298
2020	88	8.3295
2021	81	2.7777

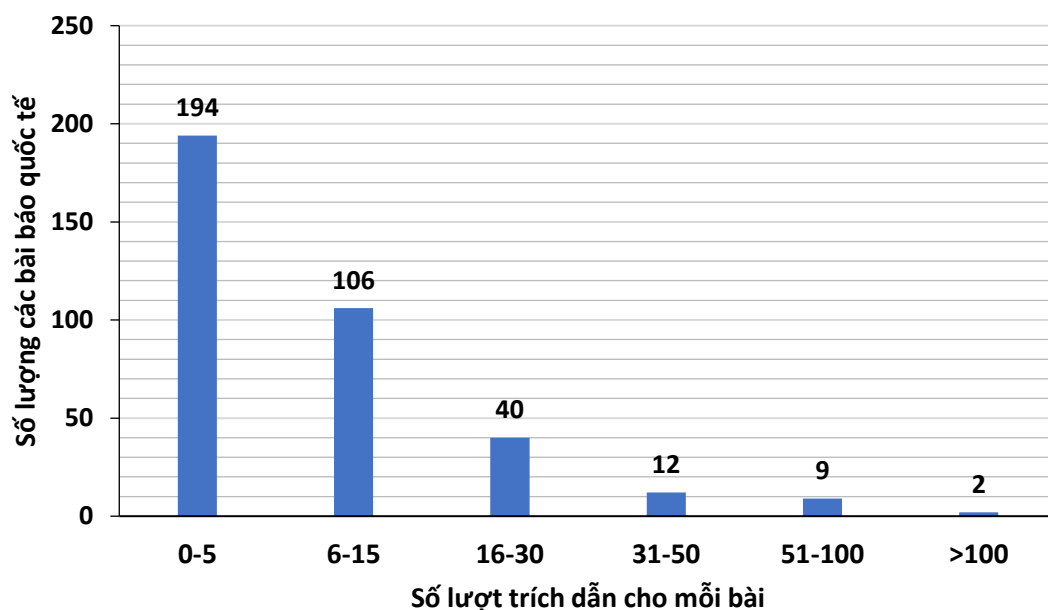
Đánh giá về số lượng công bố quốc tế của Trường trong giai đoạn 2017-2022, có thể thấy có sự tăng trưởng đều đặn và ổn định, đặc biệt là từ 2018 đến nay (Biểu đồ 23.2.1). So sánh với giai đoạn 2012-2016 (5 năm trước), số lượng công bố của giai đoạn này vượt hơn 100%. Tuy nhiên có thể thấy chất lượng bài báo, phản ánh qua số lượng trích dẫn TB còn chưa cao. Ngoài năm 2017 và 2018, số lượng trích dẫn cho mỗi bài TB chỉ đạt <10 lượt. Biểu đồ 23.3.2 phân nhóm các bài báo theo số lượt trích dẫn. Theo đó, 50% tức 194 trong tổng số 389 bài báo quốc tế công bố trong giai đoạn 2017-2021 chỉ đạt số lượng trích dẫn từ 0-5 lần (80 bài chưa có lần nào được trích dẫn); 28% đạt số lượt trích dẫn từ 6-15 lần. Chỉ có 11 bài (~3%) có số lượt trích dẫn nổi bật (>50 lần). Đặc biệt, 2 bài báo thuộc chuyên ngành hoá độc chất và môi trường của Vu Ngan Binh *et al.* trên tạp chí Chemosphere (SCI, Q1, IF = 7.087) và DLS của nhóm tác giả Dinh S Bui *et al.* trên tạp chí The Lancet Respiratory Medicine (SCI, Q1, IF = 30.7) có số trích dẫn lần lượt là 153 và 276. Các lĩnh vực thế mạnh của trường về công bố bao gồm: Hoá dược, DLS và thông tin thuốc, Bào chế và sinh dược học, kiểm nghiệm và độc chất, kinh tế dược và chính sách. Từ các phân tích nêu trên, có thể thấy HUP đang đạt mức độ ổn định về số lượng công bố quốc tế với một số hướng nghiên cứu chính liên quan trực tiếp đến các chuyên ngành đang đào tạo. Năm 2018 là năm phát triển mạnh mẽ nhất cả về số lượng lẫn chất lượng công bố của Trường. Tuy nhiên xét về chất lượng, độ ảnh hưởng

của các công bố quốc tế của Trường (dựa trên số lượng trích dẫn của các bài báo) vẫn còn hạn chế và cần được cải thiện nhiều hơn.

Đặc biệt, trong năm 2021, HUP vinh dự là 1 trong 10 đại học/trung tâm nghiên cứu ở Việt Nam có nhà khoa học là GS. TS. Nguyễn Hải Nam có số lượng trích dẫn khoa học cao nằm trong nhóm top 100.000 các nhà nghiên cứu trên toàn thế giới xét theo thành tựu trọn đời (tính từ năm 1996 đến 2021) và thành tựu theo năm (từ tháng 8/2020 – tháng 8/2021). Đó là kết quả nghiên cứu và thống kê của nhóm nghiên cứu Metrics của ĐH Stanford trên CSDL Scopus đăng tải trên tạp chí PLoS Biology (dữ liệu có thể được tải về từ <https://elsevier.digitalcommonsdata.com/datasets/btchxktzyw/3>). GS. TS. Nguyễn Hải Nam cũng thuộc nhóm các giảng viên có số lượng công bố cao nhất Trường (86 bài báo quốc tế trên tạp chí WoS, số lượng trích dẫn là 3618 và chỉ số h-index thống kê theo Google Scholar là 30).



Hình 23.3.1. Số bài báo quốc tế và số lượng trích dẫn TB hàng năm của HUP.



Hình 23.3.2. Phân nhóm các bài báo theo số lượt trích dẫn

Về báo cáo khoa học, trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường có 295 báo cáo (Bảng 23.3.3) tham gia và được đăng trong kỷ yếu hội nghị, hội thảo, trong đó có 61 báo cáo tại hội nghị, hội thảo quốc tế [TC.23.03.06]; 80 báo cáo tại hội nghị, hội thảo trong nước [TC.23.03.07] và 154 báo cáo đăng trên kỷ yếu tại hội nghị, hội thảo của Trường [TC.23.03.08].

Bảng 23.3.3. Số lượng báo cáo tham gia hội nghị, hội thảo giai đoạn 2017-2021

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	27	0	31	1	2	61
2	Hội thảo trong nước	3	2	31	24	20	80
3	Hội thảo của trường	0	76	0	78	0	154
	Tổng cộng	30	78	62	103	22	295

Trong 5 năm gần đây, Nhà trường có 52 đầu sách được xuất bản, trong đó giáo trình là loại sách được xuất bản chủ yếu (Bảng 23.3.4) [TC.23.03.09].

Bảng 23.3.4. Số lượng giáo trình, sách xuất bản giai đoạn 2017-2021

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	0	0	1	0	0	1
2	Sách giáo trình	8	10	10	11	7	46
3	Sách tham khảo	3	0	1	1	0	5
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	0	0	0

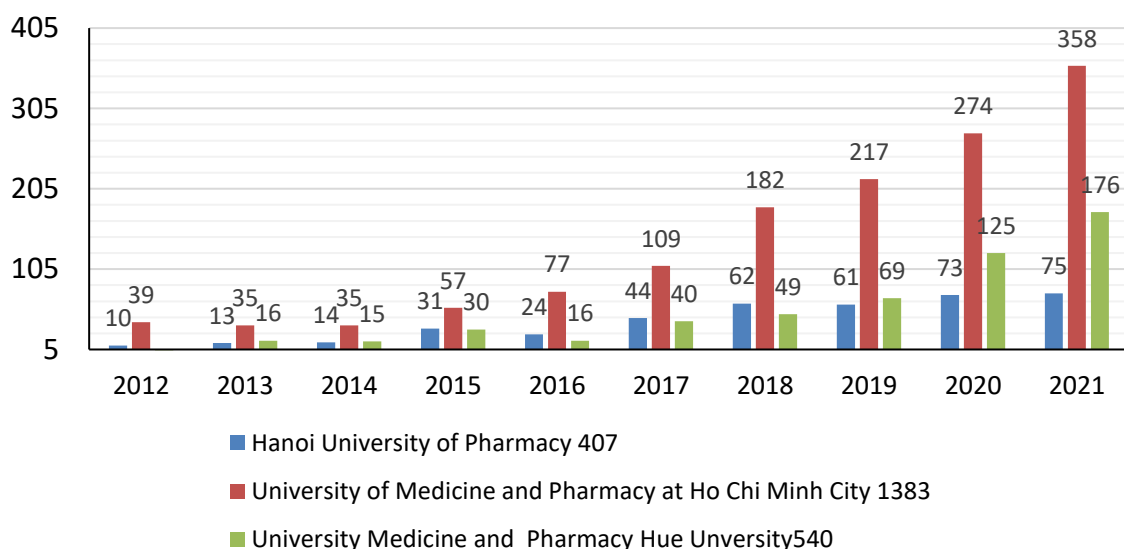
TT	Phân loại sách	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
	Tổng cộng	11	10	12	12	7	52

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi do phòng ĐBCL&KT có nhiệm vụ thiết lập để đảm bảo các hoạt động của Nhà trường. Phòng ĐBCL&KT đã xây dựng Quy trình khảo sát các bên liên quan về những hoạt động của Nhà trường [TC.23.03.13] và phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng phiếu khảo sát và triển khai thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, trong đó phối hợp với phòng QLKH xây dựng nội dung khảo sát về hoạt động NCKH bao gồm các loại hình và số lượng công bố khoa học. Có tổng kết, báo cáo kết quả phản hồi của giảng viên, nghiên cứu viên về hoạt động NCKH của Nhà trường [TC.23.03.14]. Bên cạnh đó, phòng QLKH cũng thu thập ý kiến phản hồi của các đơn vị, cá nhân thông qua các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị VC-NLĐ hàng năm [TC.23.03.15].

Trường đã đối sánh các loại hình và số lượng các công bố khoa học với các CSGD đại học trong cả nước. Theo Bảng xếp hạng đại học UPM (University Performance Metrics) năm 2019 của Việt Nam, HUP nằm trong top 30 CSGD đại học dẫn đầu về nghiên cứu tại Việt Nam (<https://vietnamnet.vn/30-co-so-dai-hoc-dan-dau-ve-nghien-cuu-tai-vn-605526.html>), xếp hạng theo từng tiêu chí như nhau:

- + Xếp hạng tổng thể chỉ số nghiên cứu: Trường đứng thứ 24
- + Xếp hạng chỉ số quy mô công bố: Trường đứng thứ 30
- + Xếp hạng chỉ số bài báo TB trên giảng viên là : Trường đứng thứ 7
- + Xếp hạng chỉ số trích dẫn TB: Trường đứng thứ 23
- + Xếp hạng chỉ số nghiên cứu nội lực: Trường đứng thứ 29

Theo số liệu thống kê của Scopus, so với Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Y Dược Huế, số lượng bài báo quốc tế/giảng viên của Trường không thấp, tăng trưởng tương đối tốt trong 3 năm gần đây và được thể hiện theo Hình sau:



Hình 23.3.3. Đối sánh số lượng bài báo quốc tế đối với các trường y dược trong nước

Nhà trường đã thực hiện nhiều cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các công bố khoa học như:

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch ĐBCL về hoạt động NCKH [TC.23.03.16] và triển khai các hoạt động theo kế hoạch [TC.23.03.17], qua đó kịp thời phát hiện các điểm còn tồn tại và có kế hoạch triển khai khắc phục.

- Ban hành các quy định, chính sách phù hợp hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên công bố các công trình khoa học của mình. Cụ thể: năm 2018 nhà trường có chính sách thưởng cho tác giả/nhóm tác giả có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp trường sau nghiệm thu khi có bài báo đăng trên tạp chí khoa học được tính 1 điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư ngành Dược [TC.23.03.18]; năm 2020 đã phê duyệt chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường giai đoạn 2020-2025 trong đó quy định công bố ít nhất 1 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, có chỉ số IF > 0,5 [TC.23.03.19]; năm 2021 ban hành quy định tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh của trường [TC.23.03.20], trong đó có quy định cụ thể về số lượng và chất lượng sản phẩm nghiên cứu như công bố 05 bài báo thuộc danh mục tạp chí có uy tín do quỹ NAFOSTED ban hành,...; và năm 2022 triển khai xét chọn và có quyết định thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh của trường [TC.23.03.21].

- Tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo và tạo điều kiện cho giảng viên, nghiên cứu viên giao lưu, trao đổi kinh nghiệm NCKH và đăng bài báo khoa học [TC.23.03.22].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường đã xây dựng được quy chế quản trị tài sản trí tuệ **[TC.23.04.01]** và Quy định Quản lý hoạt động SHTT trong HUP **[TC.23.04.02]**, trong đó quy định về loại hình các tài sản trí tuệ.

Số lượng tài sản trí tuệ của Nhà trường được xác định như sau:

- Số lượng TSTT giai đoạn trung hạn xác định trong chiến lược KHCN giai đoạn 5 năm **[TC.23.04.03]**.
- Số lượng TSTT hàng năm được xác định trong Kế hoạch KHCN & SHTT năm học **[TC.23.04.04]**.

Hệ thống theo dõi, giám sát TSTT của Nhà trường được phân công theo nhiệm vụ của các đơn vị chức năng như: phòng QLKH, Thư viện, Đào tạo, SĐH, Tổ chức – Hành chính, Quản trị CSVC **[TC.23.04.05]**. Các đơn vị này có hướng dẫn thực hiện cụ thể đối với TSTT do đơn vị mình phụ trách, thực hiện lưu trữ, thống kê và báo cáo hàng năm.

CSDL về TSTT được kê khai và cập nhật thường xuyên trên phần mềm Quản lý Lý lịch khoa học (qlkh.hup.edu.vn) như: các bài báo khoa học, báo cáo tại hội nghị, hội thảo, đề tài, dự án KHCN, bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích, hướng dẫn đề tài khóa luận, luận văn, luận án; các khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án được biên mục và lưu trữ trên phần mềm thư viện điện tử (thuvien.hup.edu.vn).

Nhà trường thực hiện đối sánh về loại hình và số lượng TSTT hàng năm và giai đoạn 5 năm:

- Đối sánh hàng năm: căn cứ vào kế hoạch hoạt động KHCN & SHTT năm học **[TC.23.04.04]** và kết quả thực hiện trong báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm **[TC.23.04.06]**.

- Đối sánh 5 năm: căn cứ vào chiến lược KHCN trung hạn **[TC.23.04.03]** và báo cáo kết quả thực hiện chiến lược KHCN **[TC.23.04.07]**.

Bên cạnh đó Nhà trường cũng thực hiện đối sánh về loại hình và số lượng TSTT với các Trường Đại học trong nước: Nhà trường được xếp hạng 4 sao của Hệ thống xếp hạng đối sánh chất lượng đại học Việt Nam UPM (University Performance Metrics).

Đồng thời Nhà trường cũng thực hiện đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học và trích dẫn, kết quả thể hiện ở bảng 1.

Bảng 23.4.1. Đối sánh loại hình và số lượng các công bố khoa học của HUP giai đoạn 2017-2021

Các loại hình TSTT	Số lượng						Tổng số
	2017	2018	2019	2020	2021	7/2022	
Bài báo quốc tế	51	82	85	88	91	42	439
Bài báo trong nước	214	179	227	202	184	100	1106
Báo cáo đăng ký yếu hội nghị, hội thảo quốc tế	27	0	31	1	2		61
Báo cáo đăng ký yếu hội nghị, hội thảo trong nước	3	2	31	24	20		80
Báo cáo đăng ký yếu hội nghị, hội thảo cấp Trường	0	76	0	78	0		154
Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích quốc tế	2	5	3	2	0		12
Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích trong nước	3	1	0	0	0		4

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động để cải tiến nâng cao chất lượng và số lượng các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn:

- Hoàn thiện các văn bản quản lý TSTT, trong đó có hướng dẫn giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký bảo hộ sáng chế, hỗ trợ chi phí nộp đơn đăng ký và phân chia lợi ích đối với TSTT khi được thương mại hóa **[TC.23.04.01]**;

- Tổ chức các lớp tập huấn, các buổi tọa đàm về SHTT nhằm nâng cao ý thức bảo hộ TSTT cho giảng viên, nghiên cứu viên; thông báo các chương trình, lớp tập huấn hoặc các thông tin cần biết về SHTT **[TC.23.04.08]**;

- Tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học định kỳ: nâng cao kỹ năng viết bài báo quốc tế **[TC.23.04.09]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường xác lập các chỉ số ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu trong Kế hoạch KHCN hàng năm **[TC.23.05.01]**, gồm: đề tài cấp Quốc gia, đề tài cấp Bộ Y tế, đề tài Sở KHCN Tỉnh/ Thành phố; Hợp đồng dịch vụ KHCN với các đơn vị; đề tài KHCN cấp Trường; các hoạt động đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, NCKH của người học khác.

Nguồn ngân quỹ đề tài cấp Quốc gia, đề tài cấp Bộ, đề tài Sở KHCN Tỉnh/ Thành phố; hợp đồng dịch vụ KHCN với các đơn vị được xác lập như sau: chủ trì đề tài xây dựng dự toán kinh phí được cấp trong năm, căn cứ vào hợp đồng KHCN đã ký **[TC.23.05.02]**, **[TC.23.05.03]**, **[TC.23.05.04]**, **[TC.23.05.05]**, thông báo, công văn phân bổ kinh phí **[TC.23.05.06]**; Phòng QLKH phối hợp với phòng TCKT căn cứ vào dự toán kinh phí được cấp trong năm của chủ trì đề tài và tình hình sử dụng kinh phí năm trước để xây dựng ngân quỹ cho hoạt động.

Nguồn ngân quỹ cho đề tài KHCN cấp Trường được xây dựng căn cứ vào kế hoạch KHCN hàng năm **[TC.23.05.01]** và tình hình sử dụng kinh phí năm trước mang sang.

Về ngân quỹ cho các hoạt động đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, công tác NCKH của người học, từ năm 2018 sau khi nhận được dự toán kinh phí của năm ngân sách do BHYT phê duyệt, Nhà trường tổ chức họp phân bổ kinh phí trong đó có phân bổ kinh phí cho NCKH đảm bảo theo đúng quy định của Nghị định 99/2014/NĐ-CP **[TC.23.05.07]**.

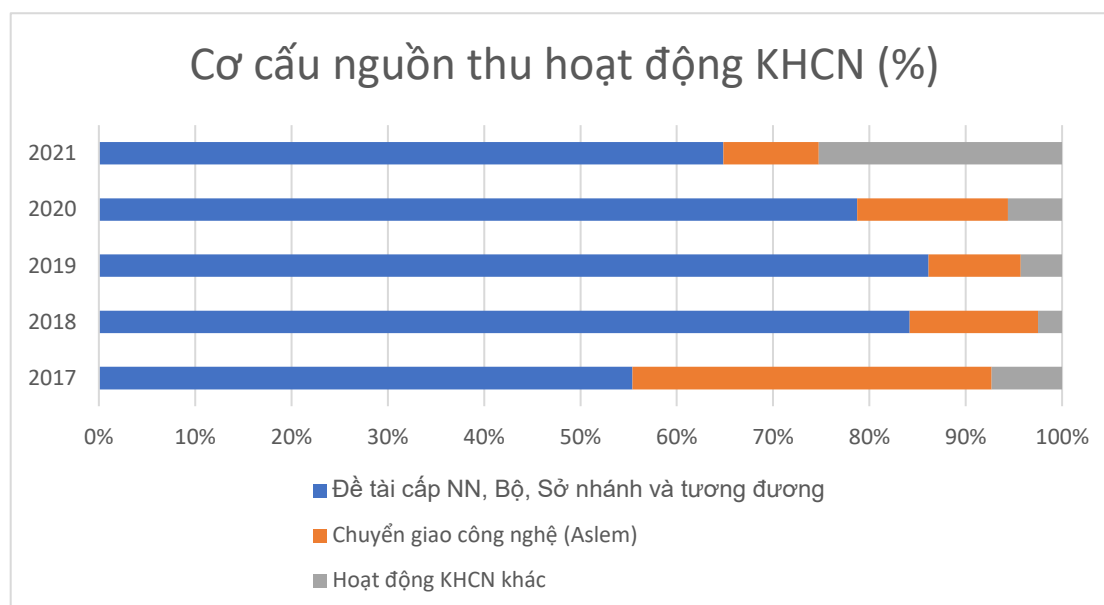
Bên cạnh đó tỷ lệ nguồn thu từ hoạt động KHCN, ĐMST, nghiên cứu, chuyển giao hàng năm cũng được xác lập theo mốc chuẩn Đại học định hướng nghiên cứu, không thấp hơn 15% tổng thu của Nhà trường **[TC.23.05.08]**.

Phòng TCKT và Phòng QLKH là đầu mối giám sát việc thực hiện giải ngân các hoạt động NCKH theo đúng quy định. Đối với nguồn ngân quỹ từ đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, đề tài Sở KHCN, hợp đồng dịch vụ KHCN, Nhà trường phối hợp với Cơ quan quản lý đề tài thực hiện việc kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí theo đúng quy định của Nhà nước **[TC.23.05.09]**. Đối với nguồn ngân quỹ các hoạt động KHCN còn lại được thực hiện theo quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ **[TC.23.05.10]**. Bên cạnh đó, từ năm ngân sách 2019, việc giám sát kinh phí chi cho hoạt động KHCN còn có sự tham gia của Ban Thanh tra nhân dân **[TC.23.05.11]**.

Nhà trường cũng đã quan tâm và thực hiện đầu tư phát triển tiềm lực KHCN theo đúng quy định của Nghị định 99/2014/NĐ-CP **[TC.23.05.12]**. Nhờ đó, tổng số thu của hợp

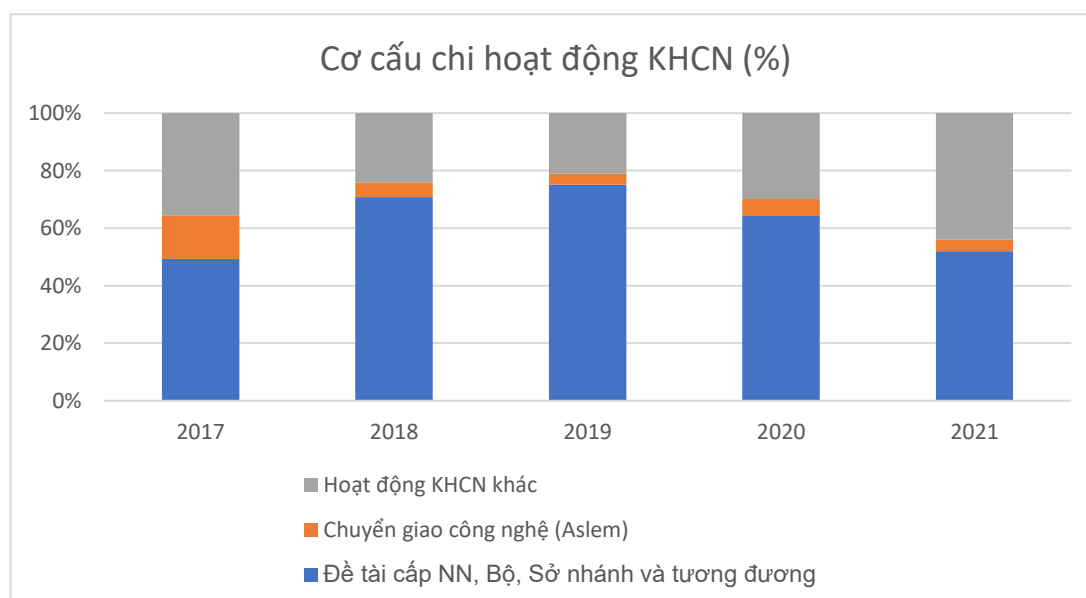
đồng dịch vụ KHCN với các công ty, đơn vị đã tăng qua các năm từ năm 2017 (10,8 triệu đồng) đến năm 2021 (3.638 triệu đồng).

Thống kê cơ cấu nguồn thu, chi từ hoạt động KHCN trong giai đoạn 2017- 2021 như sau:



Hình 23.5.1. Cơ cấu nguồn thu hoạt động KHCN 2017-2021

Trong cơ cấu nguồn thu từ hoạt động KHCN, nguồn thu từ đề tài cấp NN, Bộ, Sở nhánh và tương đương chiếm tỷ trọng cao nhất (55%- 86%), tiếp đến là thu từ hoạt động CGCN đạt trên 10% mỗi năm. Nguồn thu từ hoạt động KHCN đã góp phần chủ yếu để triển khai các hoạt động KHCN đạt hiệu quả.



Hình 23.5.2. Cơ cấu chi hoạt động KHCN 2017-2021

Chi cho hoạt động KHCN cũng được Nhà trường chú trọng, số tiền chi cho đề tài cấp NN, Bộ, Sở nhánh và tương đương từ 6,2 tỷ đồng (2017) đến 18,3 tỷ đồng (2019)

và chiếm tỉ trọng cao nhất (49% - 75%). Chi hoạt động CGCN gồm chi trả cho tác giả phí bản quyền thuốc Aslem với số tiền chi từ 0,9 tỷ đồng (2021) đến 1,9 tỷ đồng (2017), chiếm tỉ lệ từ 4% đến 15% mỗi năm trong tổng chi hoạt động KHCN.

Nhà trường cũng quan tâm đến công tác thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến việc xác lập, thực hiện và giám sát thanh, quyết toán ngân quỹ các loại hoạt động NCKH. Căn cứ vào góp ý của các đơn vị trong trường tại Hội nghị cán bộ viên chức, góp ý chỉnh sửa quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, kết luận của các đoàn kiểm tra, kiểm toán, Nhà trường đã xây dựng và thường xuyên rà soát các quy định, hướng dẫn như: Quy trình thanh toán tiền NCKH [TC.23.05.13]; Hướng dẫn triển khai đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương [TC.23.05.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Các chỉ số về kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường được xác định rõ trong Chiến lược và Kế hoạch hoạt động KHCN 5 năm của Trường, trong đó nhấn mạnh “*Phát triển hệ sinh thái ĐMST gắn với thực thi quyền SHTT dựa trên kết quả nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ. Đến 2025, Nhà trường là chủ sở hữu, đồng sở hữu 6-10 sáng chế (trong nước và quốc tế); 01 vườn ươm doanh nghiệp; 1 – 2 doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc doanh nghiệp spin-off*” [TC.23.06.01], [TC.23.06.02]. Nhà trường có quy định cụ thể về số lượng, chất lượng các kết quả nghiên cứu và sáng tạo, được cụ thể hóa trong Quy định chế độ làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên và Quy định tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh của Trường [TC.23.06.03].

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của Nhà trường do phòng ĐBCL&KT là đầu mối triển khai thực hiện. Phòng ĐBCL&KT đã phối hợp với phòng QLKH xây dựng nội dung khảo sát và thực hiện lấy ý kiến của giảng viên, nghiên cứu viên Nhà trường về các hoạt động NCKH vào năm 2021 và 2022 [TC.23.06.04], [TC.23.06.05]. Ngoài ra, phòng QLKH cũng thu thập ý kiến phản hồi của các đơn vị, cá nhân thông qua các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị VC-NLĐ hàng năm.

Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã triển khai đúng tiến độ 142 đề tài KHCN các cấp (17 đề cấp Nhà nước, 11 đề tài cấp Bộ, 114 đề tài KHCN cấp Trường), trong đó có nhiều bài báo quốc tế và trong nước là sản phẩm của đề tài các cấp [TC.23.06.06]; có 16 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, trong đó có 12 bằng sáng chế do Chính phủ Hàn Quốc cấp [TC.23.06.07] ; có 8 đơn đăng ký sáng chế, giải

pháp hữu ích được chấp nhận hợp lệ và đang trong quá trình thẩm định nội dung [TC.23.06.08]; thương mại hóa 01 sản phẩm (ASLEM).

Nhà trường đã hỗ trợ tư vấn và chuyển giao tri thức cho doanh nghiệp thông qua các hợp đồng tư vấn dịch vụ, hợp đồng nghiên cứu và phát triển sản phẩm [TC.23.06.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chủ động kết nối và giới thiệu sản phẩm NCKH với các doanh nghiệp như: Công ty cổ phần Traphaco, Công ty dược phẩm Thái Minh,..... Năm 2021, Nhà trường có nhóm nghiên cứu tham gia chương trình Lab2Market - là Chương trình ươm tạo đưa sáng chế ra thị trường do BK Holdings (thuộc Đại học Bách Khoa Hà Nội) phối hợp với Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Bách Khoa Hà Nội (BK FUND), Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo Quốc gia (NSSC), Chương trình Hỗ trợ Khởi nghiệp Thụy Sĩ (Swiss EP) bắt đầu triển khai từ tháng 7/2021 [TC.23.06.10], mục tiêu chính của chương trình này là đưa các kết quả nghiên cứu ra thị trường, là cầu nối giữa nhà khoa học với doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước. Kết quả: có 02 sản phẩm nghiên cứu của giảng viên Nhà trường đã được chọn tham gia Lab2Market, đó là sản phẩm “Dipermin, viên nén chứa tinh dầu trị chứng khó tiêu chức năng và hội chứng ruột kích thích” và “SMARTDOSE AI – Nền tảng hỗ trợ các cơ sở y tế trong việc cá thể hóa liều dùng và theo dõi nồng độ của các thuốc có khoảng điều trị hẹp” [TC.23.06.11].

HUP đã ban hành quy định tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh, đã tiến hành xét chọn và thành lập được 2 nhóm nghiên cứu mạnh [TC.23.06.12] tạo động lực và phát huy hiệu quả các hoạt động NCKH và CGCN của giảng viên, nghiên cứu viên Nhà trường .

Để giám sát và hỗ trợ triển khai các kết quả nghiên cứu và sáng tạo, phòng QLKH đã lập sổ tay theo dõi thực hiện đề tài KHCN và đã xây dựng quy trình, hướng dẫn triển khai đề tài các cấp [TC.23.06.13], [TC.23.06.14].

Nhà trường đã bước đầu thực hiện đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo [TC.23.06.15]; thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan. Hoạt động này trước hết được thể hiện trong Chiến lược KHCN giai đoạn 5 năm và Kế hoạch hoạt động KHCN 5 năm của Trường [TC.23.06.01] [TC.23.06.16].

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm cải tiến chất lượng hoạt động nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm: hướng dẫn giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký bảo hộ các kết quả nghiên cứu và sáng chế [TC.23.06.17]; tổ chức các buổi tọa đàm về ĐMST [TC.23.6.18]; đào tạo cán bộ nguồn về ĐMST [TC.23.06.19]; tăng kinh phí đầu tư cho đề tài KHCN cấp Trường [TC.23.06.20];

Giai đoạn 2017-2021, Nhà trường tham gia Hội nghị KHCN tuổi trẻ ngành Y tế, Giải thưởng sinh viên NCKH, Hội thảo quốc tế asean pharmnet lần thứ 3 và đạt được nhiều thành tích nổi bật trong ĐMST được Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ chức nước ngoài ghi nhận như: giải Nhất lĩnh vực khoa học Y Dược của Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2020, 2021; Giải xuất sắc, Nhất giải thưởng KHCN tuổi trẻ ngành Y tế, được Ban chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trao tặng huy hiệu tuổi trẻ sáng tạo cho cá nhân đạt giải; Giải first place winner Hội thảo quốc tế asean pharmnet lần thứ 3 [TC23.06.21].

Ngoài ra, HUP được xếp hạng 4 sao trong Bảng xếp hạng theo hình thức gắn sao (*star rating*) áp dụng cho các trường đại học ở Việt Nam (*University Performance Metrics – UPM*). Các tiêu chí đánh giá được xây dựng khá rộng theo tiếp cận kiểm định chất lượng và thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0. Đặc điểm của *University Performance Metrics* vừa quản lý CSDL tổng thể của hệ thống vừa cung cấp công cụ để các CSGD đại học sử dụng để tự đo lường và đối sánh mức độ thích ứng với công nghiệp 4.0 và năng lực đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo với các CSGD đại học ở trong nước và châu lục; làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược đầu tư phát triển [TC.23.06.22].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đã xây dựng được hệ thống xác lập, theo dõi, giám sát, thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan và thực hiện đối sánh, cải tiến loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đầy đủ, khoa học theo đúng quy định hiện hành và thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Định mức về giờ NCKH phù hợp với các đối tượng GV, NCV để khuyến khích được các cán bộ nghiên cứu tham gia hoạt động KHCN và nâng cao chất lượng nghiên cứu cũng như vị thế của nhà trường trong nước và khu vực.

- Nhà trường đã xây dựng được hệ thống xác lập, theo dõi, giám sát, thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan và thực hiện đối sánh, cải tiến loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học tương đối đầy đủ, khoa học theo đúng quy định hiện hành và thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chất lượng hoạt động NCKH của người học Nhà trường đạt được nhiều thành tích nổi bật được Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ chức nước ngoài ghi nhận: giải Nhất lĩnh vực khoa học Y Dược, Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2020, 2021;

Giải xuất sắc, Nhất giải thưởng KHCN tuổi trẻ ngành Y tế; Giải first place winner Hội thảo quốc tế asean pharmnet lần thứ 3.

- Nhà trường đã xác lập được các loại hình và số lượng các công bố khoa học, có quy định cụ thể về số lượng và chất lượng về các công bố khoa học, có CSDL được cập nhật thường xuyên. Nhà trường thiết lập được hệ thống theo dõi, thống kê số lượng các công bố khoa học và thực hiện đối sánh, cải tiến nâng cao chất lượng về các loại hình và số lượng công bố khoa học.

- Nhà trường đã xây dựng được quy định, hệ thống giám sát, theo dõi về các loại hình và số lượng TSTT tương đối đầy đủ, rõ ràng. Đồng thời cũng có hệ thống quản lý CSDL TSTT bằng công nghệ.

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác đối sánh và cải tiến để nâng cao chất lượng, số lượng các loại hình TSTT và công bố khoa học.

- Nhà trường đã xây dựng được hệ thống xác lập, theo dõi, giám sát, thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan và thực hiện đối sánh, cải tiến ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu tương đối đầy đủ, khoa học theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

- Nhà trường đã xác lập được các chỉ số về kết quả nghiên cứu và sáng tạo, đồng thời có các quy định cụ thể về số lượng và chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Đã có sản phẩm nghiên cứu được chọn tham gia chương trình Lab2Market.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh các loại hình và số lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo giữa các năm và đối sánh với các mốc chuẩn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nhà trường đã có nhiều chính sách hỗ trợ kinh phí cho giảng viên trong NCKH như phê duyệt chương trình đề tài trọng điểm cấp Trường, thưởng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp Trường nghiệm thu đạt loại xuất sắc, tuy nhiên chưa có quy định riêng về khen thưởng trong KHCN.

- Chưa có các quy định về khen thưởng, cũng như chế độ học bổng cho học viên và sinh viên tham gia NCKH.

- CSDL về loại hình và số lượng công bố khoa học đang được quản lý bằng phần mềm Quản lý Lý lịch khoa học (qlkh.hup.edu.vn), tuy nhiên phần mềm này vẫn chưa đáp ứng được một số yêu cầu thống kê phục vụ báo cáo tổng kết của Nhà trường.

- Nhà trường đã xây dựng được hệ thống ghi nhận các TSTT tương đối đầy đủ, rõ ràng, tuy nhiên chưa có danh mục TSTT riêng về kết quả NCKH có thể chuyển giao, thương mại hóa cho các doanh nghiệp.

- Ngân quỹ đầu tư cho KHCN của Nhà trường còn khiêm tốn.
- Hoạt động thương mại hóa cũng như CGCN các kết quả nghiên cứu chưa phát triển mạnh. Nhà trường chưa thành lập được các đơn vị khởi nghiệp.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 23.1	Xây dựng quy định khen thưởng trong KHCN của Trường	QLKH là đầu mối;	Hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại 23.2	Xây dựng quy định về khen thưởng, cũng như chế độ học bổng cho học viên và sinh viên tham gia NCKH.	GV phối hợp	Hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại 23.3	Rà soát, nâng cấp phần mềm QLKH	BGH QLKH	2022-2023	
4	Khắc phục tồn tại 23.4	Xây dựng danh mục TSTT của Trường có khả năng chuyển giao, TMH	BGH QLKH GV	2023	
5	Khắc phục tồn tại 23.5	Thu hút, đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho KHCN	P. QLKH là đầu mối; P.TCKT phối hợp	Hàng năm	
6	Khắc phục tồn tại 23.6	Xây dựng các quy định, hướng dẫn về thương mại hóa cũng như chuyển giao các kết quả nghiên cứu	BGH QLKH TCKT	2022	
5	Phát huy điểm mạnh 23.1	Tiếp tục phát huy và nâng cao năng lực chủ trì thực hiện đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp bộ và Hợp đồng dịch vụ, nghiên cứu phát triển sản phẩm	HĐT BGH QLKH GV	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 23.2	Duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của người học	BGH GV Người học	Hàng năm	

7	Phát huy điểm mạnh 23.3	Tiếp tục cập nhật CSDL về loại hình, khối lượng, chất lượng nghiên cứu và tăng cường sử dụng CSDL trong hoạt động quản lý. Xây dựng, đổi mới phần mềm QLKH Thường xuyên cập nhật các CSDL về NCKH của Trường	- P.QLKH - Các cá nhân, đơn vị liên quan	Thường xuyên	
8	Phát huy điểm mạnh 23.4	Thường xuyên cập nhật các quy định về SHTT của cơ quan quản lý Nhà nước để nâng cao hệ thống quản lý, giám sát, thực hiện công tác SHTT	BGH QLKH GV	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 23.5	Duy trì và không ngừng nâng cao tiềm lực KHCN của Trường	BGH GV TCKT QLKH	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh 23.6	Ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh phí các kết quả nghiên cứu sáng tạo	BGH QLKH TCKT	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	5
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	5
Tiêu chí 23.6	5

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trong chiến lược, kế hoạch hành động của Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ rõ triết lý giáo dục của Nhà trường là “*lấy PVCD làm định hướng hành động*” [TC.24.01.01]. Để cụ thể hóa triết lý này, Nhà trường đã xây dựng Quy định hoạt động KN&PVCD của HUP [TC.24.01.02], trong đó ghi rõ:

“Điều 4. Mục tiêu hoạt động KN&PVCD

1. Phát triển hoạt động KN&PVCD trở thành một trong ba hoạt động cốt lõi của Nhà trường, bên cạnh hoạt động đào tạo và NCKH.

2. Đáp ứng đầy đủ và kịp thời các yêu cầu đến từ cộng đồng trong phạm vi khả năng và nguồn lực của Nhà trường.

3. Nâng cao vị thế, vai trò của Nhà trường đối với sự phát triển của cộng đồng trong lĩnh vực Dạy và các lĩnh vực liên quan”.

Đồng thời, từ năm 2021, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động KN&PVCD của HUP giai đoạn 2021-2025 [TC.24.01.03], trong đó chỉ rõ và cụ thể hóa các nội dung hoạt động cùng chỉ tiêu dự kiến và đơn vị chịu trách nhiệm đối với các hoạt động KN&PVCD, được chia thành các mảng chính sau:

- Học tập gắn kết với cộng đồng
- NCKH gắn kết với cộng đồng
- Hoạt động hướng tới và vì sự phát triển của cộng đồng
- Hoạt động tình nguyện

Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCD [TC.24.01.04] giúp hướng dẫn các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo đúng chu trình PDCA, bao gồm: Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, báo cáo/đánh giá và cải tiến.

Khi triển khai các hoạt động, Trường luôn xây dựng và ban hành kế hoạch hoạt động [TC.24.01.05], [TC.24.01.06], [TC.24.01.07], [TC.24.01.08], [TC.24.01.09]

Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của Giảng viên, nghiên cứu viên (QĐ số 96/QĐ-DHN ngày 22/02/2021), trong đó, có quy định định mức giờ hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của giảng viên. Các hoạt động kết quả của hoạt động này được lưu trữ và kiểm tra thông qua hoạt động thanh tra giám sát đào tạo hàng năm.

Đề thu thập phản hồi của các đơn vị liên quan, hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội thảo với các đơn vị Bệnh viện, Sở y tế và doanh nghiệp liên quan [TC.24.01.10]; đồng thời, các hoạt động KN&PVCĐ của Nhà trường luôn được cải tiến nâng cao về chất lượng [TC.24.01.11]

Trong báo cáo kết quả phản hồi của VC-NLĐ về hoạt động KN&PVCĐ được tiến hành tháng 9/2022, kết quả đánh giá chung hiệu quả và mức độ hài lòng về hoạt động KN&PVCĐ đều đạt được ở mức độ tốt và khá ở tất cả các tiêu chí.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động KN&PVCĐ, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

HUP luôn coi hoạt động KN&PVCĐ là một trong những hoạt động cần thiết, thể hiện trách nhiệm của Nhà trường với xã hội. Để tổ chức thực hiện hoạt động này, Nhà trường đã xác lập các chỉ tiêu của từng hoạt động KN&PVCĐ theo các giai đoạn:

- Giai đoạn 2017-2020: Các chỉ tiêu về tác động xã hội, kết quả và việc đối sánh chất lượng hoạt động KN&PVCĐ được xác lập theo: (i) Công văn 754/DHN-KT&KĐCL ban hành ngày 26/12/2018 [TC.24.02.01], công văn xác lập các chỉ tiêu cho mỗi tiêu chí và hướng dẫn các bước thực hiện so chuẩn và đối sánh; (ii) Công văn số 733/DHN-KT&KĐCL ban hành ngày 13/12/2019 [TC.24.02.02] về việc triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động KN&PVCĐ, thống kê các hoạt động KN&PVCĐ và đơn vị thực hiện. (iii) Thông báo số 108/TB-DHN ban hành ngày 12/3/2020 [TC.24.02.03] Kết luận cuộc họp Hội đồng ĐBCLGD quy định các đơn vị có nhiệm vụ xác lập và triển khai các hoạt động KN&PVCĐ theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình, phòng TC-HC là đơn vị đầu mối quản lý hoạt động này.

- Giai đoạn 2021 đến nay: Ngày 31/12/2020 Nhà trường Ban hành Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi theo Quyết định số 1170/QĐ-DHN [TC.24.02.04] trong đó xác lập các tiêu chí về hoạt động KN&PVCĐ để thực hiện đối sánh. Các chỉ tiêu về tác động xã hội, kết quả và việc đối sánh chất lượng hoạt động KN&PVCĐ được xác lập dựa trên kết quả của Báo cáo đánh giá hoạt động KN&PVCĐ giai đoạn 2016-2020; phương hướng và nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 [TC.24.02.05]. Năm 2021 Nhà trường ban hành Chiến lược hoạt động KN&PVCĐ của HUP, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 theo Quyết định số 1008/QĐ-DHN [TC.24.02.06] Chiến lược này là cơ sở định hướng cho các hoạt động KN&PVCĐ của Trường giai đoạn 2021-2025 và là cơ sở để Nhà trường xác lập các chỉ tiêu về hoạt động KN&PVCĐ, đóng góp cho xã hội thông qua 4 hoạt động:

Hoạt động 1 - Học tập gắn kết với cộng đồng: Xác lập các chỉ tiêu đa dạng hóa loại hình, tăng cường số lượng và chất lượng các chuyên đề đào tạo liên tục; chuyên đề/CTĐT theo nhu cầu của xã hội; chuyên đề/CTĐT ngắn hạn cho sinh viên quốc tế; chuyên đề/CTĐT cho nhu cầu xã hội ngoài yêu cầu quản lý Nhà nước, chuyên đề/CTĐT trực tuyến.

Bảng 24.2.1. Các chỉ tiêu của hoạt động Học tập gắn kết với cộng đồng

TT	Tiêu chí	2025	Định hướng đến 2030
1	Số chuyên đề đào tạo liên tục	60	60
2	Số chuyên đề/CTĐT theo nhu cầu xã hội	21	42
2.1	Số chuyên đề/CTĐT ngắn hạn cho sinh viên quốc tế	6	8
2.2	Số chuyên đề/CTĐT cho nhu cầu xã hội ngoài yêu cầu quản lý NN	15	34
3	Số chuyên đề/CTĐT trực tuyến	8	17
4	Số chuyên đề mới theo hướng hiện đại hóa (*)	16 (1/bộ môn CN)	25

Hoạt động 2 - NCKH gắn kết cộng đồng: Xác lập các chỉ tiêu về (i) nghiên cứu phát triển và CGCN; (ii) dịch vụ nghiên cứu và tư vấn theo nhu cầu của cộng đồng; (iii) hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp/cộng đồng; (iv) các dự án nghiên cứu, khởi nghiệp của sinh viên. Cụ thể:

Bảng 24.2.2. Các chỉ tiêu của hoạt động NCKH gắn kết cộng đồng

TT	Tiêu chí	2025	Định hướng đến 2030
1	Nghiên cứu phát triển và CGCN	7	17
2	Số đề tài, dự án hợp tác trong nước	15	34
3	Số đề tài, dự án HTQT	15	17
4	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích trong nước được công nhận mỗi năm	10 $\geq$	≥ 20
5	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích quốc tế được công nhận mỗi năm	≥ 5	≥ 5
6	Chuyển giao tri thức mỗi năm	≥ 4	≥ 5
7	Số dịch vụ nghiên cứu	15	34
8	Số dịch vụ tư vấn	15	17

9	Hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp/cộng đồng mỗi năm	≥ 3	≥ 5
10	Số đối tác chiến lược ở địa phương (tỉnh, huyện) mỗi năm	12	18
11	Số dự án nghiên cứu, khởi nghiệp của sinh viên	5	15

Hoạt động 3 - Hoạt động hướng tới và vì sự phát triển cộng đồng: Xác lập các chỉ tiêu về (i) Hoạt động tư, xây dựng chính sách, chiến lược, quy phạm pháp luật của Nhà nước, Bộ, Ngành ; (ii) Hoạt động tư vấn về các vấn đề chuyên môn Dược và các vấn đề khác có liên quan. Chỉ tiêu hoạt động hướng tới và vì sự phát triển của cộng đồng bao gồm:

Bảng 24.2.3. Các chỉ tiêu của hoạt động hướng tới và vì sự phát triển cộng đồng

TT	Tiêu chí	2025	Định hướng đến 2030
1	Số chính sách, chiến lược, quy phạm pháp luật được tư vấn, xây dựng	5	>15
2	Số sổ tay hướng dẫn điều trị bệnh, danh mục thuốc thiết yếu, dược điển/dược thư được thẩm định, xây dựng, sửa đổi	10	>20
3	Số CSGD tham gia kiểm định CSGD và CTĐT	5	10

Hoạt động 4 - Hoạt động tình nguyện: Xác lập các chỉ tiêu về hoạt động tình nguyện của công đoàn và hoạt động tình nguyện của đoàn thanh niên:

Bảng 24.2.4. Các chỉ tiêu của hoạt động tình nguyện

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	Chỉ tiêu về hoạt động tình nguyện của công đoàn		
1	Số lượng hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện	5-10 hoạt động/năm	
2	Số lượng hoạt động tuyên truyền	3-5 hoạt động/năm	
3	Số lượng phong trào thi đua và hoạt động xã hội	5-7 hoạt động/năm	
II	Chỉ tiêu về hoạt động tình nguyện của đoàn thanh niên		
1	Số lượng đợt tình nguyện khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí	1-2 đợt/năm	

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
2	Số lượng người được khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí	1.000 lượt/năm	
3	Số lượng trẻ em được giáo dục truyền thông sức khỏe răng miệng	600 lượt/năm	
4	Số lượng học sinh được giáo dục truyền thông sức khỏe sinh sản	600 lượt/năm	
5	Số lượng các cựu sinh viên giao lưu trong các chương trình hướng nghiệp	Hơn 100 lượt/năm	
6	Số lượng các hội thảo hướng nghiệp	8-10 hội thảo/năm	
7	Số lượng sinh viên tham gia các hội thảo hướng nghiệp	Hơn 3.000 lượt SV/năm	

Từ năm 2017, Nhà trường xây dựng hệ thống giám sát và thực hiện việc giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động KN&PVCD thông qua các văn bản báo cáo của các đơn vị được thực hiện hàng năm: (i) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng nhiệm vụ hàng năm của Trường-Báo cáo hội nghị VC-NLĐ **[TC.24.02.07]**; (ii) Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị: Phòng Đào tạo; phòng HTQT; phòng QLKH **[TC.24.02.08]** trong đó đánh giá về các hoạt động chuyên môn và thực hiện hoạt động KN&PVCD trong năm vừa qua, kế hoạch trong năm kế tiếp; (iii) Báo cáo công tác đoàn hàng năm **[TC.24.02.09]**; (iv) Báo cáo tổng kết hàng năm của tổ chức Công đoàn trường **[TC.24.02.10]**.

Giai đoạn 2021 đến nay, bên cạnh việc quản lý giám sát thông qua các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết của các đơn vị thực hiện hàng năm như trên, Nhà trường đã ban hành văn bản Quy định hoạt động KN&PVCD **[TC.24.02.11]**, Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCD **[TC.24.02.12]**, trong đó quy định các đơn vị thực hiện báo cáo tổng kết hoạt động KN&PVCD gửi về phòng TC-HC vào cuối năm học, phòng TC-HC thực hiện Báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động KN&PVCD của Trường **[TC.24.02.13]**. Đồng thời, việc giám sát còn được thực hiện thông qua việc thanh tra, giám sát đào tạo trong từng năm học **[TC.24.02.14]**.

Năm 2020 và năm 2021 Nhà trường thực hiện so chuẩn, đối sánh các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCLGD **[TC.24.02.15]**, trong đó thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động KN&PVCD, đóng góp cho xã hội - tập trung vào 3 (mục tiêu số 3, 4 và 16) trong 17 mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals)

của Liên hợp quốc: mục tiêu 3 – Good health and well-being – Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi; mục tiêu 4 - Quality education – Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người; mục tiêu 16 – Life on land – Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người, xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp. Kết quả đối sánh cho thấy các tiêu chí về hoạt động KN&PVCD đều tăng so với năm trước, đặc biệt các tiêu chí về mục tiêu 3 và mục tiêu 4.

Bảng 24.2.5 Kết quả so chuẩn, đối sánh mục tiêu 3: good health and well-being

TT	Nội dung tiêu chí	HUP				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Tổ chức lớp “Hướng dẫn cơ bản kỹ năng phòng, chống dịch Covid -19”	-	-	02 lớp/500 SV	02 lớp/459 SV	02 lớp/116 cán bộ, GV
2	Cung cấp thông tin thuốc và cảnh giác dược cho các cơ quan quản lý, dược điển/dược thư	48	55	39	48	52
3	Cung cấp thông tin thuốc và cảnh giác dược cho doanh nghiệp	24	47	103	118	403
4	Tổ chức, thực hiện các hoạt động dịch vụ về thông tin thuốc và ADR theo yêu cầu và đơn đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	0	42/47	113	125	406
5	Tư vấn thông tin cho các cơ sở y tế, doanh nghiệp và cộng đồng	2	4	1	-	-

Các lớp “Hướng dẫn cơ bản kỹ năng phòng, chống dịch Covid -19” đã được tổ chức từ năm 2019 khi bùng phát dịch Covid, với tinh thần sẵn sàng tình nguyện tham gia chống dịch, Nhà trường đã cử 04 giảng viên tham gia các khóa tập huấn Giảng viên về phòng chống dịch Covid-19 của BYT; những giảng viên này đã trực tiếp tham gia giảng dạy các lớp “Hướng dẫn cơ bản kỹ năng phòng, chống dịch Covid -19” cho toàn thể VC-NLĐ, HV-SV (2 lớp/năm). Các hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc do Trung tâm DI&ADR Quốc gia thực hiện cho các cơ quan quản lý, dược điển/dược thư; các doanh nghiệp dược ngày càng tăng từ 24 yêu cầu (2017) tới 403 yêu cầu (2021). Nhà trường đã thực hiện thông tin cho các cơ sở y

tế, doanh nghiệp và cộng đồng, tuy nhiên hoạt động này bị gián đoạn bởi dịch COVID diễn biến phức tạp năm 2020 và 2021.

Bảng 24.2.6. Kết quả so chuẩn, đối sánh mục tiêu 4: quality education

TT	Nội dung tiêu chí	HUP				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Xây dựng Chuẩn năng lực cơ bản của DS Việt Nam	-	-	1	-	-
2	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về thông tin thuốc và cảnh giác dược cho các cán bộ y tế	4 khóa ĐT	19 khóa ĐT	11 khóa ĐT, 3 hội thảo trực tuyến	13 khóa ĐT, 3 hội thảo trực tuyến, 01 sự kiện	14 khóa tập huấn, hội thảo, 01 sự kiện KKS
3	Tổ chức khóa đào tạo liên tục (số lớp/số học viên)	23/993	59/2.567	48/3.172	28/3.617	20/3.312
4	CTĐT liên tục (được phê duyệt)	-	32	38	42	42
5	Chuyên đề DLS	12	12	12	12	18
6	CTĐT cập nhật kiến thức chuyên môn hành nghề dược	-	-	1	1	1
7	CTĐT chuẩn chức danh nghề nghiệp	-	-	3	3	3

Với uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo Dược tại Việt Nam, Trường vinh dự được Bộ Y tế giao nhiệm vụ đầu mối xây dựng Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ Việt Nam được phê duyệt vào năm 2019. Trung tâm gia DI&ADR tham gia tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo nâng cao kiến thức về thông tin thuốc và cảnh giác dược cho toàn ngành y tế (TT ADR), từ chỉ 4 lớp/năm (2017), tăng dần tới 13-14 lớp/năm và thêm nhiều hoạt động sôi nổi với quy mô lớn như hội thảo trực tuyến toàn quốc, sự kiện kháng kháng sinh,... Các lớp đào tạo liên tục theo nhu cầu xã hội được tổ chức liên tục trong năm với số lượt học viên tham gia ngày càng đông từ 23/993 (lớp/lượt học viên) (2017) đã tăng dần lên 28/3617 (2020) và 20/3312 (2021). Các CTĐT ngày càng được chuẩn hóa và thẩm định theo đúng quy định nhằm ĐBCL đào tạo. CTĐT được phát triển đa dạng, cập nhật theo nhu cầu xã hội, bao gồm các chuyên đề đáp ứng nhu cầu xã hội tăng

dẫn từ 38 chuyên đề (2018) tới 42 chuyên đề (2021); 12 chuyên đề DLS theo Thông tư 31/2012/TT-BYT; cập nhật 06 chuyên đề đào tạo DLS theo Nghị định 31/NĐ-CP; 01 chuyên đề đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn hành nghề dược và 03 CTĐT chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Bảng 24.2.7 Kết quả so chuẩn, đối sánh mục tiêu 16: life on land

TT	Nội dung tiêu chí	HUP				
		2017	2018	2019	2020	S
1	Khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí; tư vấn chăm sóc sức khỏe	02 hoạt động/ hơn 1.150 bệnh nhân	01 hoạt động/ 783 bệnh nhân	03 hoạt động/ 1.423 bệnh nhân	01 hoạt động/ 867 bệnh nhân	-

Tiêu chí “life on land” về khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí; tư vấn chăm sóc sức khỏe năm 2020 giảm so với năm 2019 do tình hình dịch COVID nên Nhà trường không thể triển khai được các hoạt động theo kế hoạch dự kiến.

Việc thu thập thông tin phản hồi về hoạt động KN&PVCD, tác động xã hội và kết quả của hoạt động này cũng đã được Nhà trường thực hiện có hệ thống từ năm 2021. Khảo sát lấy thông tin phản hồi từ VC-NLĐ của Trường [TC.24.02.16] đưa ra các đánh giá: (i) Chương trình KN&PVCD mang lại hiệu quả như mong đợi và có lợi ích thiết thực cho cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của VC-NLĐ; (ii) Hoạt động KN&PVCD giúp phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo và các kỹ năng cần thiết khác của VC-NLĐ; (iii) Hoạt động KN&PVCD góp phần tạo dựng uy tín và thương hiệu của Nhà trường. Khảo sát sinh viên [TC.24.02.17] cho thấy trên 80% sinh viên hài lòng và đánh giá cao các hiệu quả của hoạt động KN&PVCD của Nhà trường. Báo cáo đánh giá: (i) Chương trình hỗ trợ/PVCD mang lại hiệu quả như mong đợi và có lợi ích thiết thực cho cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tinh thần học tập của sinh viên; (ii) Hoạt động phục vụ hỗ trợ cộng đồng giúp phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo và các kỹ năng cần thiết khác; (iii) Các hoạt động KN&PVCD góp phần tạo dựng uy tín và thương hiệu của Nhà trường. Báo cáo phản hồi và nhu cầu đào tạo lớp “Độ ổn định thuốc” ngày 6-7/11/2021 [TC.24.02.18] với cỡ mẫu khảo sát 197 học viên cho thấy các Học viên rất hài lòng về nội dung của khóa học, về phương pháp giảng dạy và hoạt động hỗ trợ học viên. Học viên cũng đề xuất về nhu cầu đào tạo, nâng cao chuyên môn của 10 lĩnh vực hành nghề trong thời gian tới. Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo liên tục về DLS năm 2021 [TC.24.02.19] với cán bộ y tế tại bệnh viện, trung tâm y tế và phòng khám. Kết quả khảo sát cho thấy các chuyên đề về DLS trong CTĐT liên tục của

Nhà trường đều rất cần thiết đối với công việc của các Dược sỹ và Cán bộ y tế, trong đó chuyên đề “Thực hành DLS trên bệnh nhân điều trị ngoại trú”, chuyên đề “Xây dựng danh mục thuốc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” được đánh giá là rất cần thiết nhất. Bên cạnh đó, các cán bộ cũng đề xuất tỷ lệ thực hành phù hợp và nhu cầu cụ thể trong từng chuyên đề. Về hình thức giảng dạy, phần đa các cán bộ mong muốn sẽ được tham gia khóa học bằng hình thức đào tạo trực tuyến hoặc phối hợp trực tuyến và trực tiếp. Các ý kiến phản hồi của các Dược sỹ và Cán bộ Y tế là những thông tin quan trọng để Nhà trường có căn cứ điều chỉnh chương trình học và hỗ trợ người học nhằm cung cấp cho người học một khóa học hiệu quả và bổ ích.

Các phản hồi về tác động xã hội, kết quả của hoạt động KN&PVCD, đóng góp cho xã hội còn được gửi trực tiếp qua công văn tới Nhà trường: Công văn của các Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Phú Thọ, Bắc Ninh... đánh giá cao sự hỗ trợ của Nhà trường đã khích lệ các thương bệnh binh vượt lên nỗi đau về thể xác và tinh thần do chiến tranh gây ra [TC.24.02.20]; các bệnh viện, sở KHCN đánh giá cao sự hợp tác hỗ trợ của Nhà trường về đào tạo công tác chuyên môn y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân [TC.24.02.21]; Ban chỉ đạo bầu cử phường Phan Chu Trinh bày tỏ cảm ơn Nhà trường tặng nước rửa tay sát khuẩn phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh COVID [TC.24.02.22]; Quyết định vv tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ [TC.24.02.24]... Thông qua hệ thống thu thập thông tin phản hồi, có thể thấy các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng của Nhà trường đã mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng, đồng thời đã khơi dậy, phát huy tinh thần xung kích, tương thân tương ái, tình nguyện của VC-NLĐ của Trường, tạo điều kiện và môi trường để rèn luyện sinh viên thể hiện vai trò trách nhiệm, nghĩa vụ và tình cảm của tuổi trẻ đối với xã hội.

Từ kết quả các báo cáo khảo sát, đối sánh và căn cứ vào ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường xây dựng Kế hoạch hoạt động KNPVCD 2021-2025 [TC.24.02.23] cụ thể hóa Chiến lược KN&PVCD, là căn cứ để các đơn vị xây dựng và triển khai kế hoạch KN&PVCD chi tiết cho từng năm học, đồng thời giúp Nhà trường có định hướng phù hợp trong việc cải tiến hoạt động KN&PVCD các năm tiếp theo nhằm mục tiêu mang lại kết quả và tác động tốt hơn tới người học, VC-NLĐ của Nhà trường nói riêng và tới xã hội nói chung..

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Ngay sau khi vừa hoàn thành đánh giá CSGD theo văn bản số 06/VBHN-BGDDĐT hợp nhất Quyết định về tiêu chuẩn đánh giá CLGD trường đại học do Bộ GD&ĐT ban

hành, Nhà trường đã triển khai các hoạt động theo thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 tới các đơn vị trong toàn Trường. Trong đó phân công phòng TC-HC là đầu mối tổng hợp các hoạt động KN&PVCD **[TC.24.03.01]**. Tháng 12/2019, Nhà trường đã có công văn số 733/DHN-KT&KĐCL về việc tổ chức triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động KN&PVCD **[TC.24.03.02]**.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học trong đó có từng mảng hoạt động chính của Trường bao gồm: đào tạo, NCKH, phát triển nguồn nhân lực, tài chính... và các hoạt động KN&PVCD được lồng ghép trong các hoạt động chuyên môn **[TC.24.03.03]**. Hoạt động KN&PVCD được các đơn vị triển khai theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình **[TC.24.03.04]**. Để đánh giá tác động của hoạt động KN&PVCD đối với người học, đội ngũ cán bộ, giảng viên nhân viên, Nhà trường đã tiến hành tổng kết các hoạt động này, được thể hiện qua báo cáo tổng kết từng mảng hoạt động cũng như đoàn thể của các đơn vị phụ trách **[TC.24.03.05]**. Đối với sinh viên, kết quả đánh giá hoạt động KN&PVCD là một trong các tiêu chí tính điểm rèn luyện. Hoạt động này đã giúp người học thay đổi nhận thức, thúc đẩy hoạt động tình nguyện của người học trong trường **[TC.24.03.06]**. Đối với Giảng viên, nghiên cứu viên bắt đầu từ năm 2021, hoạt động KN&PVCD đã được đưa vào quy định chế độ làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu và được thực hiện đánh giá hàng năm **[TC.24.03.07]**.

Để hoạt động KN&PVCD ngày một phát triển, đồng thời thực hiện chiến lược, mục tiêu phát triển và chiến lược phát triển chung của Trường và đáp ứng yêu cầu nghị định 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật giáo dục đại học, Nhà trường đã ban hành Chiến lược hoạt động KN&PVCD của HUP, giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030. Trong đó đã thể hiện rõ quan điểm của HUP về hoạt động KN&PVCD cũng như nội dung của các hoạt động KN&PVCD bao gồm i) các hoạt động hướng tới và vì sự phát triển của cộng đồng, ii) học tập gắn kết với cộng đồng; iii) NCKH gắn kết với cộng đồng, iv) hoạt động tình nguyện. Chiến lược cũng đã đánh giá kết quả thực hiện của Trường về hoạt động KN&PVCD giai đoạn 2016-2020 **[TC.24.03.08]**. Để có cơ sở đánh giá, giám sát cho giai đoạn tiếp theo, Trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động KN&PVCD của HUP giai đoạn 2021-2025 **[TC.24.03.09]**. Để đánh giá khách quan nhằm cải tiến, mang lại hiệu quả cao, năm 2021 Nhà trường đã ban hành quy định cũng như quy trình quản lý của hoạt động KN&PVCD. Trong đó quy định rõ về việc đối sánh kết quả hàng năm và việc sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan trong việc cải tiến chất lượng hoạt động KN&PVCD. Phòng TC-HC là đơn vị đầu mối rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm cũng như giai đoạn, P.ĐBCL&KT chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát liên quan đến hoạt động KN&PVCD **[TC.24.03.10]**, **[TC.24.03.11]**.

Tổng kết việc thực hiện giám sát, đánh giá của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động KN&PVCD đối với người học và đội ngũ cán bộ, các hoạt động KN&PVCD của Trường giai đoạn 2017-2022 được thể hiện trong bảng 24.3.1 [TC.24.03.12].

Bảng 23.3.1. Kết quả đối sánh về một số chỉ tiêu chính của hoạt động KN&PVCD

Nội dung	Kết quả chính về KN&PVCD giai đoạn 2017-2022	2017	2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
Học tập gắn kết với cộng đồng	Tổng số CTĐT liên tục:							
	Tổng số lớp đào tạo liên tục:	23	45	46	28	14		
	Tổng số học viên:	863	2175	3959	3517	2277		
NCKH gắn kết với cộng đồng	Số bằng phát minh sáng chế:	5	6	3	2	0		16
	Hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp & địa phương	16	8	2	8	2		36
	Số dịch vụ nghiên cứu	0	0	0	3	4		7
Hoạt động thiện nguyện	Sắc hồng Blouse (đơn vị máu)	400	400	400	400	500	500	
	Quà tết nhân ái (sinh viên)	20	20	20	20	20	20	
	Đông ấm (xã)	01	01	01	01	02	02	
	Tết yêu thương (đối tượng chính sách, người)	600	750		900			
	Mùa hè xanh	06	01	01				

Kết quả hoạt động KN&PVCD tác động tích cực đến VC-NLĐ, người học trong toàn trường giúp nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân tập thể trong công tác cộng đồng. Đồng thời hoạt động KN&PVCD thay đổi nhận thức, tăng mức độ gắn bó của viên chức với Nhà trường, tăng cường sự gắn kết, yêu thương. Kết quả khảo sát về hoạt động KN&PVCD cho thấy giảng viên và người học đều hài lòng với kết quả này: Ví dụ như kết quả khảo sát với người học năm 2021: “Chương trình hỗ trợ/PVCD mang lại hiệu quả như mong đợi và có lợi ích thiết thực cho cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tinh thần học tập của sinh viên” (giá trị TB 4,27/5), tiêu chí “Các hoạt động KN&PVCD góp phần tạo dựng uy tín và thương hiệu của Nhà trường” (giá trị TB 4,33/5) [TC.24.03.12]. Đặc biệt với các lớp đào tạo theo nhu cầu của xã hội, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ hài lòng với các khóa đào tạo đồng thời khảo sát nhu cầu của người học để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu

của cộng đồng [TC.24.03.13]. Việc đối sánh kết quả của hoạt động KN&PVCD thông qua các báo cáo tổng kết hàng năm giúp Nhà trường cải tiến cũng như nâng cao chất lượng các hoạt động cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động KN&PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường thu thập ý kiến đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động KN&PVCD dưới nhiều hình thức: Thư cảm ơn, kết quả điều tra khảo sát, báo cáo tổng kết các hoạt động, bằng khen, giấy khen... cụ thể như sau:

Hàng năm, việc giám sát các hoạt động PVCD được thực hiện thông qua báo cáo của các phòng ban liên quan, trong đó tổng kết các hoạt động có liên quan đến kết nối và PVCD cũng như tổng hợp các ý kiến góp ý của cộng đồng với hoạt động PVCD của nhà Trường cũng như đóng góp cho xã hội. Các đơn vị tham gia các hoạt động KN&PVCD có trách nhiệm giám sát mức độ hài lòng về hoạt động KN&PVCD đối với xã hội, CBGV và SV [TC.24.04.01].

Đối với các lớp đào tạo liên tục, sau mỗi khóa học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về nội dung, tổ chức, giảng viên tham gia giảng dạy của lớp, đồng thời cũng tìm hiểu nhu cầu của thị trường lao động để tiếp tục xây dựng các chương trình sát với thực tế hơn nữa. Kết quả khảo sát cho thấy, các học viên đều hài lòng (trên 80%) với các khóa đào tạo liên tục của Trường [TC.24.04.02]. Việc ứng dụng CNTT trong khảo sát, giúp Nhà trường nhanh chóng xử lý được các thông tin và đáp ứng kịp thời nhu cầu của người học. Nhờ việc đánh giá mức độ hài lòng cũng như nhu cầu của người học mà số lượng cũng như chất lượng các lớp đào tạo liên tục tăng dần qua từng năm: từ 23 CTĐT liên tục năm 2017 tăng lên 46 CTĐT liên tục năm 2019, tổng số lớp/học viên năm 2017 là 23/993, tăng lên 20/3312 học viên năm 2021 [TC.24.04.03]. Về hoạt động NCKH gắn kết với cộng đồng, hàng năm trong báo cáo tổng kết Nhà trường đều đánh giá kết quả thực hiện trong đó có nội dung liên quan đến công tác KN&PVCD của mảng KHCN. Kết quả khảo sát về hoạt động KHCN cũng cho thấy các bên liên quan hài lòng về hoạt động này [TC.24.04.04]. Sự hài lòng của các đối tác trong và ngoài nước còn được thể hiện trong các biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng KHCN của Trường. Trên cơ sở trao đổi giữa Nhà trường và đối tác, các hợp đồng KHCN sau đã được rà soát và điều chỉnh cụ thể để phù hợp hơn với nhu cầu của doanh nghiệp [TC.24.04.05].

Đối với các hoạt động hướng tới và vì sự phát triển của cộng đồng, mỗi viên chức tham gia đều tận tâm và thể hiện chất lượng trong các hoạt động tư vấn, vì vậy có thể

thấy số lượng viên chức Nhà trường tham gia tư vấn xây dựng chính sách, chiến lược và các văn bản quy phạm pháp luật tăng dần qua các năm **[TC.24.04.03]**. Ví dụ như tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ về thông tin và ADR theo yêu cầu và đơn đặt hàng của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tăng dần từ năm 2018 (42 hợp đồng), năm 2019 (113 hợp đồng), năm 2020 (125 hợp đồng), năm 2021 (403 Hợp đồng), tăng dần tới 13-14 lớp/năm và thêm nhiều hoạt động sôi nổi với quy mô lớn như hội thảo trực tuyến toàn quốc, sự kiện kháng kháng sinh... **[TC.24.04.03]**.

Trong giai đoạn 2017-2022, cán bộ, giảng viên, sinh viên HUP đã tham gia rất nhiều các hoạt động tình nguyện. Như trên đã nói, hàng năm vào các dịp kỷ niệm 27/7, 22/12, Công đoàn Nhà trường đã tổ chức tri ân, trao quà tặng cho các trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh **[TC.24.04.06]**. Trong giai đoạn 2019-2022, Trường đã chung tay cùng cả nước phòng chống dịch Covid-19: pha chế 3.500 lít dịch rửa tay khô cho cán bộ giảng viên nhà trường đồng thời tặng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Hà nội và vùng dịch Vĩnh Phúc **[TC.24.04.07]**. Đã có 6 cán bộ và 72 sinh viên hỗ trợ chống dịch trong TP.HCM trong 1 tháng **[TC.24.04.08]**, chung tay ủng hộ đồng bào miền Trung hơn 100 triệu **[TC.24.04.08]**, ngày hội hiến máu toàn trường **[TC.24.04.09]** Hay đối với sinh viên, Trường tổ chức ít nhất mỗi năm 01 đoàn khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí, tư vấn chăm sóc sức khỏe cho 5500 lượt người dân vùng khó khăn không có điều kiện tiếp cận dịch vụ **[TC.24.04.10]**, thăm Trung tâm bảo trợ trẻ em **[TC.24.04.11]**, gói bánh tặng quà cho người vô gia cư và các bệnh nhân điều trị nội trú **[TC.24.04.12]**....Sau mỗi hoạt động như vậy, Nhà trường đều nhận được Thư cảm ơn như là một kênh để thể hiện sự hài lòng của các tổ chức cá nhân, xã hội tới Nhà trường **[TC.24.04.13]**.

Việc đánh giá sự hài lòng của các hoạt động PVCD được thực hiện dựa trên ý kiến của các bên liên quan bao gồm người thụ hưởng và người thực hiện. Bắt đầu từ năm 2021, Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến khảo sát hoạt động KN&PVCD một cách bài bản trong đó có mức độ hài lòng với hoạt động đã triển khai. P.ĐBCL&KT được giao là đầu mối để đo lường, đánh giá, các bộ môn, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm cải tiến sau phải hồi. Kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy cán bộ, viên chức, sinh viên đều hài lòng với hoạt động KN&PVCD của Trường **[TC.24.04.14]**. Kết quả này đã được gửi tới các phòng ban liên quan để xây dựng kế hoạch cải tiến cho năm tiếp theo **[TC.24.04.15]**. Đồng thời Phòng TC-HC đầu mối để triển khai các hoạt động KN&PVCD từ việc xây dựng chiến lược, kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm đến việc báo cáo kết quả thực hiện. Phòng cũng là đầu mối triển khai thực hiện đối sánh hoạt động đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia các hoạt động PVCD của VC-NLĐ,

từ đó làm cơ sở thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội hàng năm [TC.24.04.03] Tuy nhiên việc đối sánh với các CSGD khác còn gặp nhiều khó khăn, nên chưa thực hiện được.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Các hoạt động KN&PVCD gắn liền với sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường, yêu cầu thực tế của ngành và nguồn lực của viên chức.

Hoạt động KN&PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường phong phú về loại hình, đa dạng về hình thức, đã thu hút sự tham gia đông đảo của VC-NLĐ.

Nhà trường đã xác lập các chỉ tiêu rõ ràng về hoạt động KN&PVCD và giám sát đối với giảng viên để cải tiến liên tục hoạt động này.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số hoạt động thiện nguyện chưa đưa vào tiêu chí bắt buộc đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ đào tạo vì vậy chưa lan tỏa hết trong tập thể nhà trường.

Việc khảo sát đối với các đối tác ngoài trường chưa được thực hiện rộng rãi đối với các hoạt động KN&PVCD khác..

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Một số hoạt động thiện nguyện chưa đưa vào tiêu chí bắt buộc đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ đào tạo vì vậy chưa lan tỏa hết trong tập thể nhà trường.	Đưa chỉ tiêu KN&PVCD đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ đào tạo.	P.TC-HC là đầu mối và các đơn vị liên quan	12/2023	
2	Việc khảo sát đối với các đối tác ngoài trường chưa được thực hiện rộng rãi đối với các hoạt	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị ngoài trường	P. ĐBCL&KT	12/2023	

	động KN&PVCĐ khác.	về hoạt động KN&PVCĐ			

4. *Mức đánh giá:*

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	4,5
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	4
Tiêu chí 24.4	4

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Các kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được Nhà trường xác lập trong Chiến lược tài chính [TC.25.01.01], [TC.25.01.02], trong Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường [TC.25.01.03] và Kế hoạch hoạt động tài chính giai đoạn 2021-2025 [TC.25.01.04].

Việc cụ thể hóa quy định về các kết quả và chỉ số tài chính của Trường được triển khai thực hiện trong các cuộc họp công khai dự toán thu chi NSNN và phân bổ kinh phí cho các hoạt động hàng năm [TC.25.01.05]; kế hoạch kinh phí hàng năm từ 2018-2021 [TC.25.01.06] và kế hoạch tài chính 6 tháng cuối năm 2020, năm 2021, năm 2022 [TC.25.01.07].

Kết quả cụ thể thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng năm học tiếp theo của hoạt động đào tạo, KHCN và PVCĐ được Nhà trường xác định và thông báo tại Hội nghị Cán bộ chủ chốt hàng năm [TC.25.01.08].

Phòng TCKT là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, chiến lược tài chính của Trường; thực hiện theo dõi, giám sát kết quả và các chỉ số tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [TC.25.01.09], [TC.25.01.01], [TC.25.01.02]. Hệ thống giám sát còn có sự tham gia của Ban Thanh tra nhân dân định kỳ kiểm tra công tác tài chính [TC.25.01.10]; sự giám sát của VC-NLĐ toàn trường thông qua việc thực hiện công khai đúng quy định.

Công tác hạch toán kế toán đã được tin học hoá từ năm 1998. Dự toán các năm đều được lập dựa trên biểu mẫu thống nhất bằng Excel của Bộ Y tế [TC.25.01.11]. Tình hình thu, chi, quyết toán tài chính đều được chuẩn hóa, phản ánh trung thực dựa trên phần mềm kế toán Hành chính sự nghiệp EIE đã giúp cho Trường trong công tác quản

lý tài chính, giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo đúng quy định của Nhà nước **[TC.25.01.12], [TC.25.01.13]**.

Việc giám sát kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD được Nhà trường thực hiện chặt chẽ và thông qua nhiều hình thức bao gồm:

Các chỉ tiêu tài chính được cụ thể hóa thông qua việc lập dự toán ngân sách, lập kế hoạch tài chính và phân bổ kinh phí hàng năm. Dự toán NSNN năm xác định dự kiến nguồn thu (gồm học phí, thu sự nghiệp, thu sản xuất kinh doanh, thu hoạt động tài chính); dự toán chi thường xuyên (đào tạo) và dự toán chi không thường xuyên (đào tạo, NCKH, hoạt động Y tế dự phòng) **[TC.25.01.11]**. Sau khi được Bộ Y tế ra quyết định giao dự toán thu, chi NSNN năm, Trường tổ chức họp công khai dự toán được giao và phân bổ kinh phí cho một số hoạt động của Trường trong năm **[TC.25.01.05]**. Bên cạnh đó, từ 6 tháng cuối năm 2020 đến nay, Trường đã xây dựng kế hoạch tài chính, trong đó đưa ra kế hoạch chi tiết của từng hoạt động **[TC.25.01.07]**.

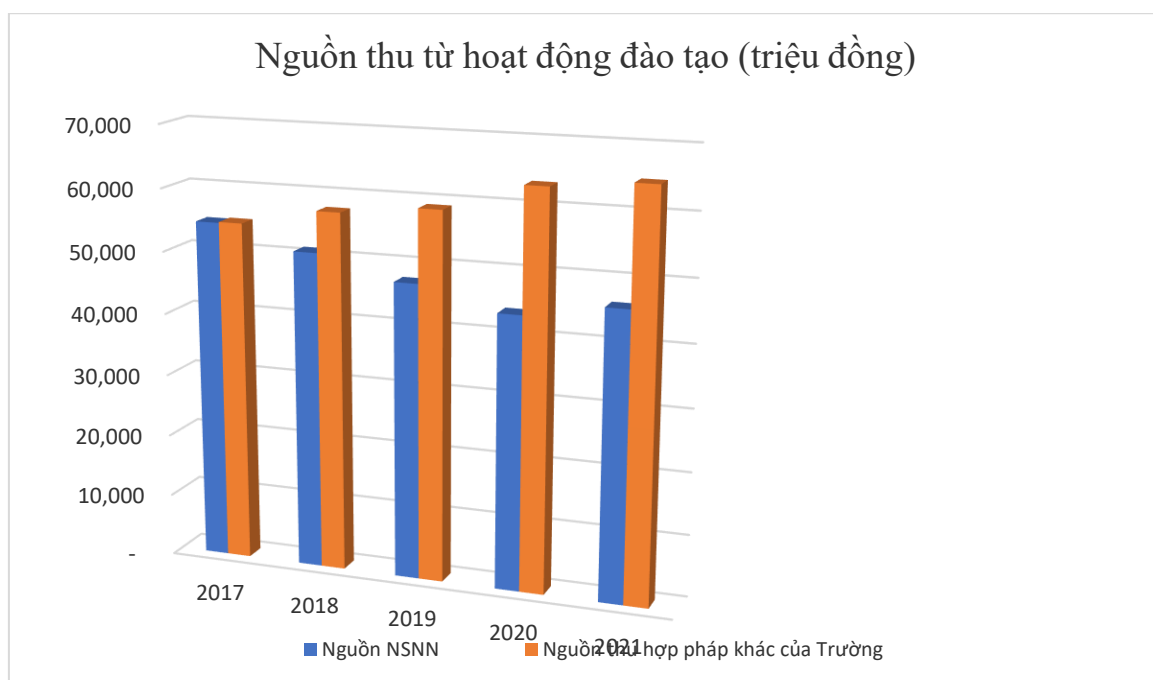
Định kỳ, Trường có đánh giá kết quả thực hiện kết quả và các chỉ số tài chính tại quá trình lập dự toán ngân sách năm sau **[TC.25.01.14]**; tại báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm **[TC.25.01.15]**; báo cáo kết quả thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm **[TC.25.01.16]**; thống kê cơ cấu nguồn thu **[TC.25.01.17]** và thống kê cơ cấu chi hàng năm **[TC.25.01.18]**. Đồng thời, để so sánh với chiến lược đã đặt ra, Nhà trường đã thực hiện thống kê, đánh giá kết quả đạt được của các chỉ tiêu tài chính hàng năm **[TC.25.01.19]** và báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược tài chính giai đoạn 2016-2020, đề ra phương hướng cho giai đoạn tiếp theo **[TC.25.01.20]**.

Hàng năm, Ban Thanh tra nhân dân tiến hành rà soát, kiểm tra các kết quả, chỉ tiêu thu, chi tài chính năm **[TC.25.01.10]**.

Các nội dung công khai tài chính được Trường thực hiện đầy đủ theo quy định bao gồm: công khai về dự toán NSNN **[TC.25.01.21]**; tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý, 6 tháng, 9 tháng, năm **[TC.25.01.22]**; công khai tài chính năm học **[TC.25.01.23]**; công khai các khoản thu, chi, quyết toán NSNN hàng năm **[TC.25.01.24]** , **[TC.25.01.25]**.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD hàng năm, kết quả thể hiện tại bảng sau:

Về đào tạo: Kết quả tài chính của hoạt động đào tạo là tổng số nguồn thu từ các hoạt động đào tạo của Nhà trường.



Hình 25.01.01. Nguồn thu từ hoạt động đào tạo

Tổng nguồn thu từ hoạt động đào tạo ổn định qua các năm, dao động trong khoảng 106,3 tỷ đồng - 110,8 tỷ đồng, trong đó nguồn thu hợp pháp khác của Trường có xu hướng tăng đều qua các năm từ 54,7 tỷ đồng (2017) đến 64,7 tỷ đồng (2021). Trong tổng thu từ hoạt động đào tạo hàng năm, nguồn thu học phí chiếm tỷ trọng cao nhất và tăng qua các năm, đạt từ 45,9 tỷ đồng (2017) đến 61,6 tỷ đồng (2021). Chỉ tiêu tổng số thu học phí của Trường đã đạt kế hoạch đề ra tại Chiến lược tài chính giai đoạn 2016-2020, cụ thể năm 2018 đạt 52,8 tỷ đồng (chiến lược đặt ra là 44 - 46 tỷ đồng) và năm 2020 đạt 59,5 tỷ đồng (chiến lược đặt ra là 56 - 59 tỷ đồng) [TC.25.01.20].

Về hoạt động KHCN:

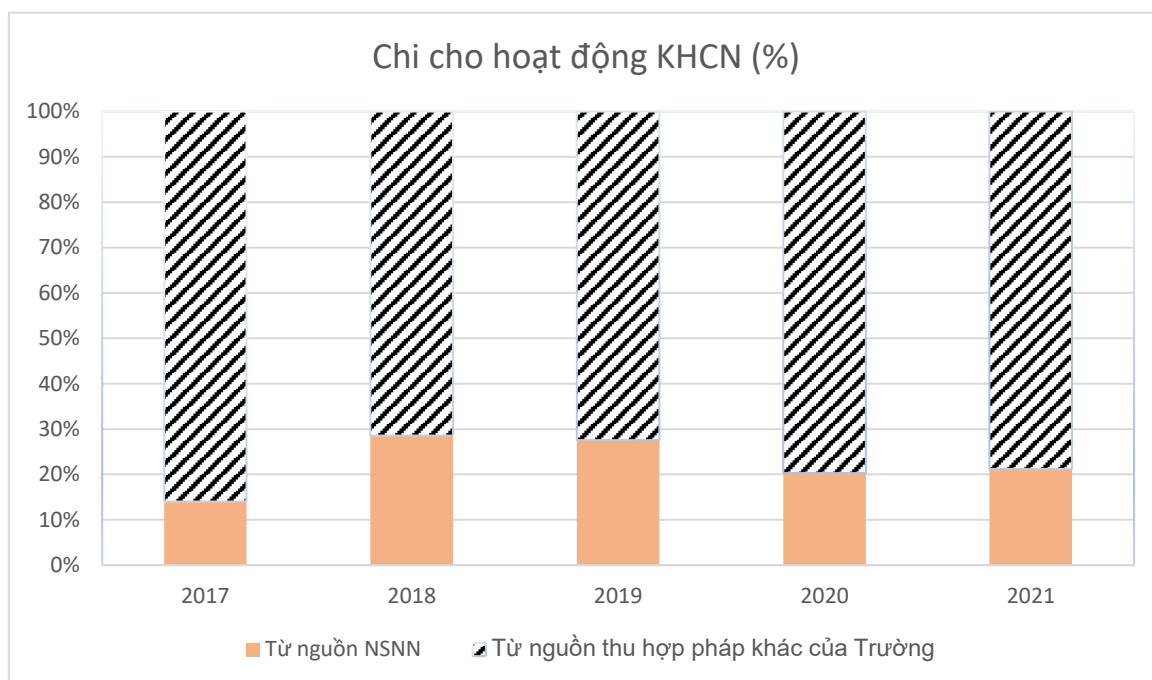
Nguồn thu từ hoạt động KHCN của Trường bao gồm nguồn thu từ đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Sở nhánh và tương đương; nguồn thu từ CGCN thuộc Aslem; nguồn thu từ các hợp đồng dịch vụ khoa học.

Kinh phí chi cho hoạt động KHCN của Trường gồm chi cho đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Sở nhánh và tương đương; đề tài NCKH cấp Trường; chi thực hiện hợp đồng dịch vụ CGCN Aslem; chi thực hiện hợp đồng dịch vụ KHCN; hội nghị, hội thảo, tạp chí.

Bảng 25.1.1. Thống kê nguồn thu từ hoạt động KHCN

TT	Nội dung	Năm (triệu đồng)				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Nguồn NSNN	1.003	5.364	5.983	2.269	4.729

2	Nguồn thu hợp pháp khác của Trường	10.226	12.120	15.295	14.211	14.881
	Tổng	11.229	17.484	21.278	16.480	19.610

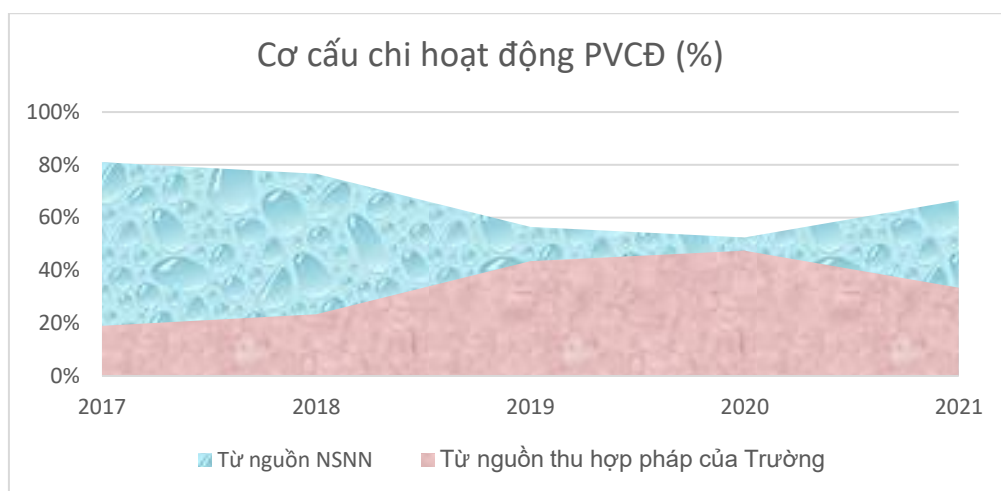


Hình 25.1.2. Cơ cấu kinh phí chi cho hoạt động KHCN

Nguồn thu hoạt động KHCN giai đoạn 2018-2021 tăng đáng kể so với năm 2017, trong đó năm 2019 đạt cao nhất là 21,3 tỷ đồng chủ yếu do kinh phí đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ tăng.

Về hoạt động PVCD:

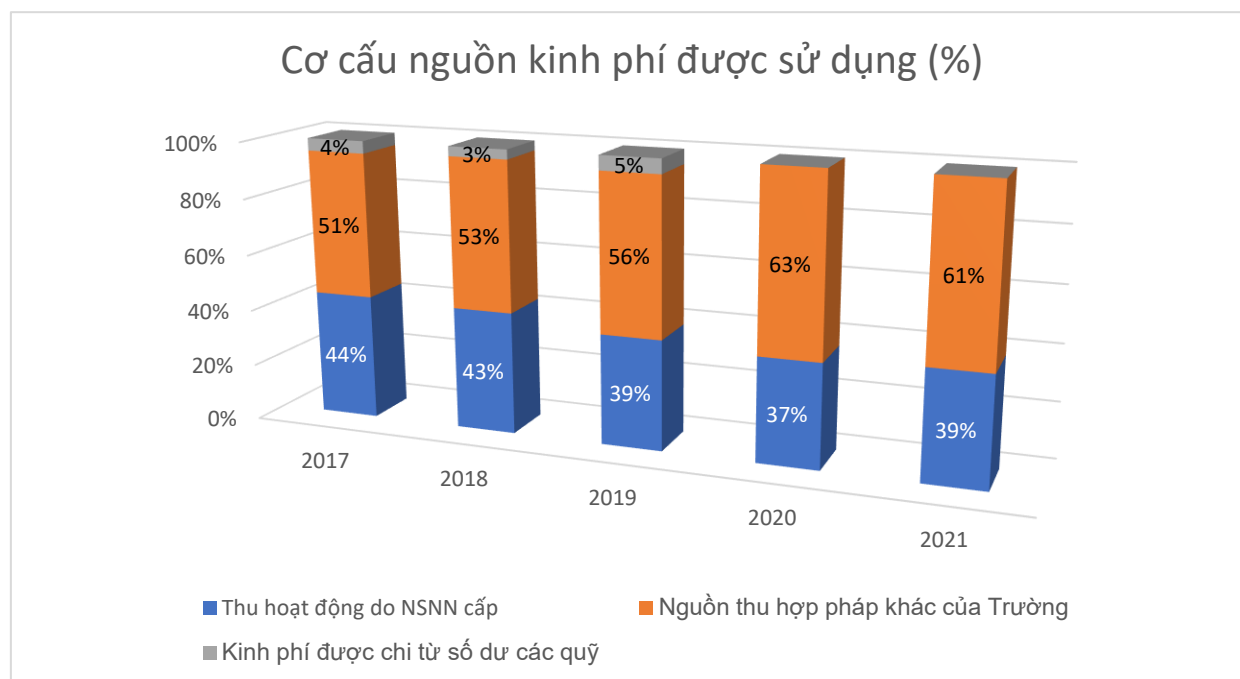
Kinh phí chi cho hoạt động PVCD của Trường bao gồm chi cho các hoạt động hợp tác xây dựng và phát triển CTĐT theo nhu cầu xã hội ; tổ chức các CTĐT, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, các CTĐT theo nhu cầu của xã hội; các hoạt động trao đổi, hợp tác, chia sẻ, phổ biến... các tri thức trong lĩnh vực Dược và các lĩnh vực có liên quan cho cộng đồng; các hoạt động thiện nguyện, tình nguyện có sự gắn kết chặt chẽ với cộng đồng cư dân như Mùa hè xanh, ngày Hội hiến máu nhân đạo...



Hình 25.1.3. Chi hoạt động PVCD

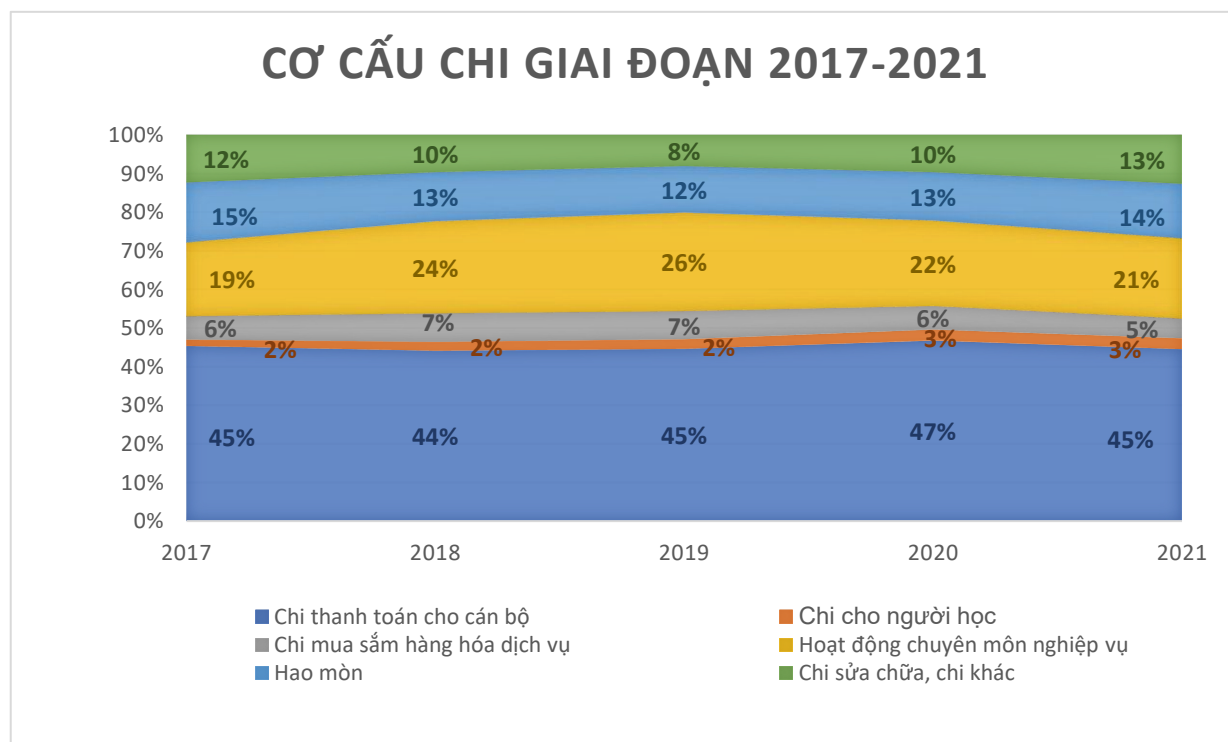
Tỷ trọng chi cho hoạt động PVCD từ nguồn kinh phí của Trường giai đoạn 2019-2021 (> 33%) tăng so với giai đoạn trước đó 2017-2018 (< 23%), đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Trong giai đoạn 2017-2021, Trường đã ban hành 48 CTĐT liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, 12 chuyên đề DLS, 37 chuyên đề đào tạo lấy chứng chỉ hành nghề và 03 CTĐT chuẩn chức danh nghề nghiệp; thực hiện hoạt động tư vấn về các vấn đề chuyên môn Dược (cho các cơ quan quản lý, cho doanh nghiệp, đơn đặt hàng...); các hoạt động tình nguyện của Công đoàn và các hoạt động tình nguyện của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên; sáng chế, giải pháp hữu ích...

Đối sánh tổng hợp kinh phí được sử dụng và cơ cấu chi cũng được Nhà trường quan tâm thực hiện, cụ thể như sau:



Hình 25.1.4. Cơ cấu nguồn kinh phí được sử dụng của Trường giai đoạn 2017-2021

Cơ cấu nguồn kinh phí được sử dụng qua các năm của Trường có sự chuyển dịch, trong đó nguồn thu hợp pháp khác của Trường giai đoạn 2020-2021 (> 60%) tăng so với giai đoạn 2017-2019 (51% - 56%). Về cơ bản, các nguồn kinh phí được sử dụng hàng năm đã đáp ứng được chi phí cho hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ và các hoạt động khác của Nhà trường:



Hình 25.1.5: Thống kê cơ cấu chi giai đoạn 2017-2021

Tổng chi của Trường có sự biến động không lớn qua các năm từ 2017-2021, thấp nhất năm 2020 (131,64 tỷ đồng) và cao nhất năm 2019 (144,7 tỷ đồng). Năm 2019, tổng chi cao nhất do quy mô hoạt động đào tạo liên tục đạt mức cao và chi hoạt động KHCN đạt cao nhất (khoảng 24 tỷ đồng). Nhìn chung, cơ cấu các khoản mục chi qua các năm tương đối ổn định, không có sự chuyển dịch lớn giữa các nhóm chi. Cơ cấu tỉ trọng nguồn chi tăng tương ứng với quy mô đào tạo, các hoạt động NCKH và PVCĐ. Tổng kinh phí chi hàng năm có sự biến động, tuy nhiên Nhà trường luôn ưu tiên việc đảm bảo kinh phí chi cho cán bộ, VC-NLĐ, tỷ lệ chi cho cán bộ trên tổng chi hàng năm đạt từ 44% trở lên, đạt so với mục tiêu tối thiểu 40% được đặt ra tại Chiến lược tài chính của Trường giai đoạn 2021-2025 [TC.25.01.26].

Chi cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ bao gồm chi mua hàng hóa, vật tư, hóa chất; thanh toán giờ giảng; chi khoán thực hiện đề tài NCKH... là các khoản chi trực

tiếp ĐBCL cho hoạt động đào tạo và NCKH. Do đó, chỉ cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ được Nhà trường quan tâm đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Tổng chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ hàng năm không thấp hơn 25 tỷ, tỉ trọng xấp xỉ 20% đến hơn 25%.

Để từng bước hiện đại hóa máy móc thiết bị, CSVC nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn PVCĐ, Nhà trường đã tích cực huy động các nguồn lực và dành tỉ lệ thích đáng cho tái đầu tư và nâng cao TTB tiên tiến. Giai đoạn 2017-2021, tổng chi cho đầu tư mua sắm mới, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cao CSVC đều đạt trên 10 %, trong đó cao nhất năm 2021 với tỉ lệ là 30%. So sánh với Chiến lược tài chính của Trường giai đoạn 2021-2025, tỉ lệ chi tái đầu tư, nâng cao CSVC đã đạt mục tiêu tối thiểu 10% tổng kinh phí NSNN cấp và nguồn thu sự nghiệp của Trường **[TC.25.01.26]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện thu thập ý kiến phản hồi từ toàn thể cán bộ, VC-NLĐ của Trường về kết quả tài chính gồm các chỉ tiêu nguồn thu, các khoản chi và quyết toán thu – chi NSNN tại Hội nghị VC-NLĐ hàng năm **[TC.25.01.27]**. Giai đoạn 2016-2020, Trường tổ chức thu thập thông tin phản hồi của các cán bộ quản lý về lĩnh vực tài chính của Nhà trường thông qua phiếu khảo sát với kết quả 9/10 tiêu chí được phản hồi ở mức Tốt; 01 tiêu chí được đánh giá ở mức Khá **[TC.25.01.28]**, **[TC.25.01.29]**. Đến năm 2021, Trường tổ chức khảo sát tới cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn trường **[TC.25.01.30]**, **[TC.25.01.31]**. Kết quả phản hồi của VC-NLĐ về công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường hiện đang được thực hiện tương đối tốt, công khai, rõ ràng, phù hợp và bám sát yêu cầu nhiệm vụ; hoạt động quản lý tài chính nhìn chung được thực hiện tốt, có sự kiểm soát chéo giữa các bộ phận, chặt chẽ, đúng quy định, công khai, minh bạch **[TC.25.01.32]**.

Từ sự phản hồi của cán bộ, VC-NLĐ **[TC.25.01.33]**, **[TC.25.01.34]** và từ sự biến động kết quả tài chính của các hoạt động **[TC.25.01.19]**, **[TC.25.01.20]**, Nhà trường thực hiện rà soát **[TC.25.01.10]**, **[TC.25.01.05]**, đưa ra phương hướng cải tiến kết quả và chỉ số tài chính cho các năm tiếp theo:

- Tăng cường khai thác các nguồn thu khác ngoài NSNN: Xây dựng mức thu học phí, các khoản thu khác phù hợp theo nguyên tắc tính đúng, đủ.

- Khai thác thương hiệu của Trường: Xây dựng và phát triển chương trình chất lượng cao nhằm tăng nhanh nguồn thu trong khi tăng ít hơn về số lượng; duy trì và mở rộng các lớp đào tạo theo nhu cầu xã hội, đa dạng hóa các loại hình nghiên cứu, thực hiện hợp đồng dịch vụ khoa học, khởi nghiệp, chuyển giao SHTT, PVCĐ... gắn với thương hiệu của Trường..

- Đa dạng hóa nguồn thu từ hoạt động đào tạo: Từ các ngành đào tạo mới (mở thêm các mã ngành mới), đa dạng hóa các loại hình đào tạo, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tổ chức thi cấp chứng chỉ, giấy xác nhận cho sinh viên sắp ra trường để đạt chuẩn đầu ra và đáp ứng nhu cầu của người học.

- Đa dạng hóa nguồn thu từ hợp tác, vận động tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để từng bước hiện đại hóa máy móc thiết bị, CSVC nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn PVCĐ.

- Tăng cường sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí, đảm bảo đủ nguồn lực tài chính thực hiện các duy trì các hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

Với phương hướng cải tiến được xác định, kết quả cải tiến các hoạt động hàng năm được thể hiện trong công tác mua sắm [TC.25.01.35], [TC.25.01.36]; công tác cải tạo, sửa chữa [TC.25.01.37] và tại dự toán NSNN, kế hoạch tài chính hàng năm [TC.25.01.11], [TC.25.01.07].

CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được thể hiện thông qua báo cáo tự kiểm tra tài chính, kế toán [TC.25.01.38]; báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán [TC.25.01.15]; thống kê cơ cấu nguồn thu [TC.25.01.17] và thống kê cơ cấu chi hàng năm [TC.25.01.18] và được lưu trữ tại phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp EIE. .

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nghị quyết số 01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020 về việc thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045 [TC.25.02.01] đưa ra mục tiêu chung: “Xây dựng HUP thành trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực (trong lĩnh vực được) theo định hướng đại học nghiên cứu kết hợp thực hành nghề nghiệp (2025-2030), thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về được của cả nước; định hướng đại học ĐMST (2030), và trở thành đại học ĐMST vào năm 2045”. Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường đã đặt ra các mục tiêu được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu cần đạt được trong các lĩnh vực: đào tạo; NCKH và các hoạt động PVCĐ trong lộ trình phát triển đến năm 2030 và định hướng đến 2045.

Để có một CSDL tổng thể giúp thống kê, đánh giá về việc thực hiện các chỉ tiêu đã đặt ra, Nhà trường ban hành Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi theo Quyết định số 1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020 [TC.25.02.02]. Bộ chỉ số thị trường của HUP xây dựng và thiết lập các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, với mục đích (i) Xác định danh mục các chỉ

số thị trường (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; (ii) Xác định được thị phần trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Nhà trường; (iii) Là cơ sở để đánh giá vị trí của Nhà trường trong hệ thống giáo dục Việt Nam, từ đó có những chiến lược và kế hoạch hành động phù hợp đạt được mục tiêu đề ra.

- Nội dung chỉ số thị trường về đào tạo gồm (i) Quy mô tuyển sinh với 7 tiêu chí; (ii) Chất lượng tuyển sinh với 1 tiêu chí; (iii) Chất lượng đào tạo với 9 tiêu chí; (iv) Khả năng có việc làm với 2 tiêu chí; (v) Mức độ hài lòng về CTĐT, Sản phẩm đào tạo với 3 tiêu chí; (vi) Học phí với 3 tiêu chí.

-Nội dung chỉ số thị trường về NCKH gồm 9 tiêu chí: (i) Số bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế TB trên cán bộ khoa học hàng năm; (ii) Số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học trong 5 năm gần đây; (iii) Số lượng trích dẫn/bài báo khoa học trong 5 năm gần đây; (iv) Số lượng giải thưởng khoa học quốc gia, quốc tế của cán bộ và người học trong 5 năm gần đây; (v) Số lượng các nhà khoa học được mời đọc báo cáo các hội nghị khoa học quốc gia mỗi năm; (vi) Số lượng các nhà khoa học được mời đọc báo cáo tại các hội nghị quốc tế mỗi năm; (vii) Phát minh, sáng chế được công nhận mỗi năm; (viii) Hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp, địa phương mỗi năm; (ix) Số đề tài, dự án được chuyển giao tri thức mỗi năm.

-Nội dung chỉ số thị trường về KN&PVCĐ gồm 6 tiêu chí: (i) Số hoạt động thiện nguyện/năm; (ii) Số hoạt động tuyên truyền/năm; (iii) Số chuyên đề đào tạo liên tục/đào tạo theo nhu cầu xã hội trong 1 năm; (iv) Số học viên được đào tạo liên tục/đào tạo theo nhu cầu trong 1 năm; (v) Số lượt chuyên gia của Nhà trường tham gia các xây dựng các chính sách phục vụ an sinh xã hội cộng đồng; (vi) Số lượt chuyên gia của Nhà trường tham gia các hội đồng chấm luận văn, luận án, chương trình hợp tác.

Kết quả các chỉ số của Bộ chỉ số thị trường của HUP từ năm 2017 đến 2021 [TC.25.02.03] đã được xác lập, đưa ra những kết quả cụ thể về các hoạt động Đào tạo, NCKH và PVCĐ theo từng chỉ số.

Kết quả thống kê điểm trúng tuyển phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT khối A00 như sau:

Bảng 25.2.1. Thống kê kết quả tuyển sinh khối A00 ngành Dược học

TT	CSGD	2017	2018	2019	2020	2021
1	Đại học Dược Hà Nội	28	23,05	24,5	26,9	26,25
2	Đại học Y Dược TPHCM	27,5	22,3	23,85	26,2	26,25
3	Đại học Y Dược Huế	27	20,75	22,75	25,6	24,9

4	Đại học Y Dược Hải Phòng	26,25	21,6	22,95	25,65	25,25
5	Đại học Y Dược Thái Bình	26	21,55	22,75	25,75	24,9
6	Tỷ lệ sv nhập học/tổng số thí sinh trúng tuyển của HUP	99,2%	99,2%	99,1%	97,3%	98,1%

So sánh với các trường đào tạo Dược lâu năm và có uy tín tại Việt Nam, có thể thấy điểm trúng tuyển đầu vào của sinh viên ngành Dược – HUP luôn ở mức dẫn đầu trong hệ thống các trường đào tạo Dược của cả nước, với tỷ lệ sinh viên nhập học luôn đạt mức rất cao, trên 97,3%.

Với các kết quả đáng khích lệ đã đạt được, năm 2021 HUP đã được đánh giá đạt 697 điểm, hạng “4 stars PLUS” trên bảng xếp hạng của University Performance Metrics (UPM) [TC.25.02.04]. UPM là sản phẩm của nhóm triển khai đề tài khoa học thuộc Chương trình khoa học quốc gia về Khoa học giáo dục do GS. Nguyễn Hữu Đức, TS. Võ Đình Hiếu, ThS. Nguyễn Hữu Thành Chung, TS. Nghiêm Xuân Huy (ĐH Quốc gia Hà Nội) triển khai thực hiện từ năm 2020, đánh giá xếp hạng theo hình thức gắn sao (star rating) áp dụng cho các trường đại học của Việt Nam. Nhóm đưa ra 8 tiêu chuẩn với 60 tiêu chí, các tiêu chí đánh giá được xây dựng khá rộng theo tiếp cận kiểm định chất lượng và thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0. UPM vừa quản lý CSDL tổng thể của hệ thống vừa cung cấp công cụ để các CSGD đại học sử dụng để tự đo lường và đối sánh mức độ thích ứng với công nghiệp 4.0 và năng lực đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo với các CSGD đại học ở trong nước và châu lục; làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược đầu tư phát triển. Mô hình đại học định hướng ĐMST (<https://upm.vn/about/upmRating>).

Từ năm 2017 đến năm 2020 kết quả của các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được giám sát bởi Hiệu trưởng và thành viên BGH thông qua Báo cáo Hội nghị viên chức người lao động [TC.25.02.05]; Báo cáo tổng kết năm học [TC.25.02.06]; Hội đồng nghiệm thu các đề tài khoa học [TC.25.02.07]; Báo cáo kết quả tuyển sinh hàng năm hệ đại học [TC.25.02.08]; Báo cáo kết quả tuyển sinh hệ SDH [TC.25.02.09]; Quyết định tốt nghiệp hàng năm hệ đại học [TC.25.02.10]; Quyết định tốt nghiệp hệ SDH [TC.25.02.11]; Biên bản các cuộc họp Hội đồng Khoa học đào tạo [TC.25.02.12], Hợp giao ban đào tạo [TC.25.02.13], Hợp giao ban khối phòng ban [TC.25.02.14].

Năm 2020 HĐT HUP nhiệm kỳ 2020 - 2025 được thành lập theo Quyết định số 3676/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2020 của Q. Bộ trưởng Bộ Y tế [TC.25.02.15]. HĐT có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng. Vì vậy từ năm 2020 kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được Nhà

trường thực hiện chặt chẽ hơn, với sự phân công trách nhiệm giám sát của ĐU, HĐT, BGH. Năm 2021 Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HUP [TC.25.02.16] quy định những nội dung về vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm... của các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Trường. Tại điểm b khoản 1 Điều 11 quy định HĐT chịu trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động của Trường trong đó hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ là các hoạt động trọng tâm của Trường. Ngoài ra, việc giám sát hoạt động đào tạo còn được thực hiện định kỳ bởi Ban thanh tra giám sát đào tạo hàng năm [TC.25.02.17], Ban thanh tra tuyển sinh và nhập học [TC.25.02.18].

Nhà trường đã thực hiện so chuẩn, đối sánh chỉ số ĐBCL cốt lõi [TC.25.02.19], trong đó thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ hàng năm, kết quả so chuẩn đối sánh như sau:

- Về đào tạo: Các chỉ số về chất lượng đào tạo, khả năng có việc làm, mức độ hài lòng về CTĐT được đối sánh:

Bảng 25.2.2. Kết quả đối sánh các chỉ số về đào tạo

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	UPM	Chuẩn quốc gia	HUP 2025	HUP				
							2017	2018	2019	2020	2021
I.	Kết quả các chỉ số về nguồn lực										
1.	Tỷ lệ giảng viên/người học (bao gồm học viên SDH)	1/12	1/14	3-8%	1/15	≥1/15	1/16	1/19	1/18	1/17	1/18
2.	Tỷ lệ GV cơ hữu và NCV cơ hữu có trình độ Tiến sĩ trên tổng số GV, NCV cơ hữu	Ít nhất 80%	Ít nhất 70%		Ít nhất 40%	60%	38,17	39,89	43,65	51,91	55,37
3.	Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ Tiến sĩ trên tổng số GV cơ hữu			5-70%	Ít nhất 50%	55%	39,01	40,76	44,38	52,78	56,32
4.	Ti lệ GV, NCV có chức danh GS, PGS trên tổng số GV, NCV cơ hữu có trình độ TS	Ít nhất 80%	20%		Ít nhất 30%		42,25	53,33	49,37	43,16	43,88

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	UPM	Chuẩn quốc gia	HUP 2025	HUP				
							2017	2018	2019	2020	2021
5.	Tỉ lệ GV có chức danh GS, PGS trên tổng số GV cơ hữu có trình độ TS			2-20%	Ít nhất 20%	35-45%	42,25	53,33	49,37	43,16	43,88
II. Kết quả các chỉ số về người học											
1.	Tỉ lệ người học SDH/tổng số người học	Ít nhất 25%	27%	20%	Ít nhất 20%	20%	22.37	23.84	23.51	22.56	17.53
2.	Tỉ lệ NCS và tương đương/tổng số người học	Ít nhất 5%	3%	2%	-	≥5%	3.17	3.01	3.24	2.97	3.53
III. Kết quả các chỉ số khả năng có việc làm											
1.	Việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo sau 1 năm tốt nghiệp			50-90%	70% sinh viên có việc làm phù hợp		93,3%	98,3%	98,1%	96,1%	91,0%
IV. Kết quả các chỉ số mức độ hài lòng về CTĐT, SPĐT											
1.	Mức độ hài lòng của sinh viên năm cuối về CTĐT, môi trường học tập, NCKH và các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường	Ít nhất 75%	100%	50-90%	80%	85%	88,3%	88,7%	90,6%	87,2%	88,9%
2.	Mức độ hài lòng của cựu sinh viên về tính thực tiễn của CTĐT, khả năng thích ứng với môi trường công tác				80%	80%	82,9%	79,5%	83,6%	75,3%	74,8%
3.	Người sử dụng lao động hài lòng về chất lượng SVTN	50 ý kiến đánh giá/khảo sát	40 ý kiến đánh giá/khảo sát	50-90%	70% người sử dụng hài lòng	>80%	89,8%	92,4%	83,9%	88,6%	95,8%

TT	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	UPM	Chuẩn quốc gia	HUP 2025	HUP				
							2017	2018	2019	2020	2021
		của tổ chức xếp hạng đại học quốc tế	của tổ chức xếp hạng đại học quốc tế								

Trong giai đoạn từ 2017-2021, Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, 87,4% giảng viên có trình độ trên đại học (Theo Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược nhân sự của Trường giai đoạn 2016-2020), đáp ứng được yêu cầu chiến lược về phát triển giáo dục của Nhà nước. Tỷ lệ người học SDH/tổng số người học: năm 2021 có xu hướng giảm do tình hình diễn biến dịch Covid-19 phức tạp, ảnh hưởng đến việc dự thi của một số thí sinh. Tỷ lệ NCS và tương đương/tổng số người học đạt mức > 3%, tỷ lệ này đã đạt chuẩn UPM và chuẩn top 200 Châu Á; chưa đạt chỉ tiêu HUP 2025 và chuẩn top 500 thế giới, năm 2021 tỷ lệ này tăng 0,56% so với năm 2020. Trường có hơn 90% cựu sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp có việc làm đúng ngành hoặc có liên quan đến ngành được đào tạo. Tỷ lệ việc làm phù hợp cao nhất ở 2 năm 2018 và 2019; thấp nhất năm 2021. Chỉ số về “việc làm phù hợp với chuyên môn” của Nhà trường trong giai đoạn 2017-2021 luôn cao hơn chỉ số của UPM và chuẩn quốc gia. Các chỉ số đánh giá về mức độ hài lòng đối với CTĐT và SPĐT cũng đạt ở mức độ cao, mức độ hài lòng của sinh viên năm cuối về CTĐT, môi trường học tập, NCKH và các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường” luôn > 85%, đạt chuẩn quốc gia, UPM, HUP 2025 và top 500 thế giới, mức độ hài lòng của người sử dụng lao động về chất lượng SVTN” luôn > 80%, đạt chuẩn quốc gia, UPM và HUP 2025, năm 2021 chỉ số này đạt 95,8%, đạt cao hơn chuẩn UPM.

- Về NCKH:

Bảng 25.2.3. Kết quả các chỉ số hoạt động NCKH

T T	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	UPM	Chuẩn quốc gia	HUP 2025	HUP				
							2017	2018	2019	2020	2021
I.	Kết quả các chỉ số NCKH										
1.	Số bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế	Ít nhất 2 bài	1,0		- Ít nhất 100	0,5-0,7 (trong	1,44 (263/82)	1,34 (247/184)	1,65 (294/178)	1,51 (272/180)	1,41 (246/174)

T T	Nội dung tiêu chí	Top 500 Thế giới	Top 200 Châu Á	UPM	Chuẩn quốc gia	HUP 2025	HUP				
							2017	2018	2019	2020	2021
	TB trên cán bộ khoa học hàng năm				bài báo/năm/tổng cán bộ KH	nước); 0,3-0,32 (quốc tế); 100-120 bài (trong nước)					
2.	Số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học trong 5 năm gần đây	Ít nhất 5 bài báo	0,5	1,2 trong 3 năm gần nhất	1	0,37	0,23 (43/182)	0,32 (60/184)	0,37 (67/178)	0,33 (60/180)	0,34 (60/174)
3.	Số lượng trích dẫn / bài báo khoa học trong 5 năm gần đây	Ít nhất 5 trích dẫn	2 trích dẫn			3	-	-	6,21*	-	-
II. Kết quả các chỉ số giải thưởng khoa học											
1.	Số lượng giải thưởng khoa học quốc gia, quốc tế của cán bộ và người học trong 5 năm gần đây	10 giải thưởng	Ít nhất 5 giải thưởng			5	1	6	1	7	11

Nhà trường đã chú trọng xây dựng nhiều chính sách khuyến khích, định mức về hoạt động NCKH. Từ năm 2018 Nhà trường có chính sách thưởng cho các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp trường sau nghiệm thu nếu có bài báo đăng trên tạp chí khoa học được tính 1 điểm của Hội đồng chức danh giáo sư ngành Dược; công bố bài báo trong nước và quốc tế là một trong những hoạt động NCKH được dùng để tính định mức giờ NCKH của giảng viên; thêm vào đó có nhiều giảng viên trong trường tăng cường công bố khoa học để hoàn thiện hồ sơ phong hàm chức danh. Số lượng giải thưởng khoa học có xu hướng tăng. Trong giai đoạn 2017-2021, có 3 năm số lượng giải thưởng khoa học của Trường đạt chuẩn top 200 Châu Á. Giảng viên, người học đều đạt thành tích cao trong các cuộc như: 03 giải xuất sắc, 10 giải nhất, 05 giải nhì. Tuy nhiên, từ 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhiều đề tài, sản phẩm khoa học chưa hoàn thành nên cũng ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng công bố khoa học của các giảng viên, nghiên cứu viên trong trường.

- Về PVCD

Bảng 25.2.4. Kết quả các chỉ số về PVCD

TT	Nội dung tiêu chí	UPM	Chuẩn quốc gia	HUP 2025	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
1.	Số CTĐT, bồi dưỡng ngắn hạn cập nhật kiến thức, kỹ năng đáp ứng mục đích nâng cao năng lực học tập suốt đời cho các đối tượng bên trong và bên ngoài nhà trường của một ngành.	1 CTĐT/ Khoa			12	44	100	104	110
2.	Các hoạt động KN&PVCD, bao gồm: (i) nhà trường, tổ chức chính trị xã hội và cộng đồng kết hợp truyền thông về tinh thần và hành động vì 17 mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên hợp quốc; (ii) hoạt động tương trợ, thúc đẩy phát triển hài hòa các chuẩn mực xã hội có hiệu quả hàng năm (Đánh giá theo 2 mức, Mức 1: 3-5 hoạt động; Mức 2: >5 hoạt động)	Mức 2 (>5 hoạt động)							
4.1	Mục tiêu 3: good health and well-being								
-	Tổ chức lớp “Hướng dẫn cơ bản kỹ năng phòng, chống dịch Covid -19”				-	-	02 lớp/500 SV	02 lớp/459 SV	02 lớp/116 cán bộ, GV
-	Cung cấp thông tin thuốc và cảnh giác được cho các cơ quan quản lý, được diễn/được thư				48	55	39	48	52
-	Cung cấp thông tin thuốc và cảnh giác				24	47	103	118	403

TT	Nội dung tiêu chí	UPM	Chuẩn quốc gia	HUP 2025	HUP				
					2017	2018	2019	2020	2021
	được cho doanh nghiệp								
-	Tổ chức, thực hiện các hoạt động dịch vụ về thông tin thuốc và ADR theo yêu cầu và đơn đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước				0	42/47	113	125	406
-	Tư vấn thông tin cho các cơ sở y tế, doanh nghiệp và cộng đồng				2	4	1	-	-
4.2	Mục tiêu 4: quality education								
-	Xây dựng Chuẩn năng lực cơ bản của DS Việt Nam				-	-	01	-	-
-	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về thông tin thuốc và cảnh giác được cho các cán bộ y tế				4 khóa ĐT	19 khóa ĐT	11 khóa ĐT, 3 hội thảo trực tuyến	13 khóa ĐT, 3 hội thảo trực tuyến, 01 sự kiện	14 khóa tập huấn, hội thảo, 01 sự kiện KKS
-	Tổ chức khóa đào tạo liên tục (số lớp/số học viên)				23/993	59/2.567	48/3.172	28/3.617	20/3.312
-	CTĐT liên tục (được phê duyệt)				-	32	38	42	42
-	Chuyên đề DLS				12	12	12	12	18
-	CTĐT cập nhật kiến thức chuyên môn hành nghề được				-	-	01	01	01
-	CTĐT chuẩn chức danh nghề nghiệp				-	-	03	03	03
4.3.	Mục tiêu 16: life on land								
-	Khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí; tư vấn chăm sóc sức khỏe				02 hoạt động/ hơn 1.150 bệnh nhân	01 hoạt động/ 783 bệnh nhân	03 hoạt động/ 1.423 bệnh nhân	01 hoạt động/ 867 bệnh nhân	

Hoạt động KN&PVCD của Nhà trường từ năm 2017 tới nay đã từng bước được hệ thống hóa, đặc biệt sau khi Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT và Luật Giáo dục đại học (sửa đổi 2018). Nhà trường đã cập nhật triết lý giáo dục và trong Chiến lược phát triển của Nhà trường có chứa nội hàm của hoạt động PVCD là “Đào tạo, nghiên cứu có chất lượng gắn liền với thực tiễn, lấy sáng tạo và PVCD làm định hướng hành động”. Nhà trường đã nhanh chóng nắm bắt các nhu cầu của xã hội trong thời kỳ đổi mới, tổ chức các lớp đào tạo liên tục theo nhu cầu xã hội, theo đơn đặt hàng của các cơ quan, đơn vị và địa phương. Ngay khi bùng phát dịch Covid-19 vào năm 2019, với tinh thần sẵn sàng tình nguyện tham gia công tác phòng dịch của thành phố và chính phủ khi cần, Nhà trường đã chủ động cử 04 giảng viên tham gia các khóa tập huấn Giảng viên về phòng chống dịch Covid-19 của BYT; những giảng viên này đã trực tiếp tham gia giảng dạy các lớp “Hướng dẫn cơ bản kỹ năng phòng, chống dịch Covid - 19” cho toàn thể VC-NLĐ, HV-SV (2 lớp/năm). Các hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc do Trung tâm DI&ADR Quốc gia thực hiện cho các cơ quan quản lý, được điện/dược thư; các doanh nghiệp được ngày càng tăng từ 24 yêu cầu (2017) tới 403 yêu cầu (2021). Trung tâm cũng tham gia tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo nâng cao kiến thức về thông tin thuốc và cảnh giác dược cho toàn ngành y tế (TT ADR), từ chỉ 4 lớp/năm (2017), tăng dần tới 13-14 lớp/năm và thêm nhiều hoạt động sôi nổi với quy mô lớn như hội thảo trực tuyến toàn quốc, sự kiện kháng kháng sinh,... Các lớp đào tạo liên tục theo nhu cầu xã hội được tổ chức liên tục trong năm với số lượt học viên tham gia ngày càng đông từ 23/993 (lớp/lượt học viên) (2017) đã tăng dần lên 28/3617 (2020) và 20/3312 (2021). Các CTĐT ngày càng được chuẩn hóa và thẩm định theo đúng quy định nhằm ĐBCL đào tạo. CTĐT được phát triển đa dạng, cập nhật theo nhu cầu xã hội, bao gồm các chuyên đề đáp ứng nhu cầu xã hội tăng dần từ 38 chuyên đề (2018) tới 42 chuyên đề (2021); 12 chuyên đề DLS theo Thông tư 31/2012/TT-BYT; cập nhật 06 chuyên đề đào tạo DLS theo Nghị định 31/NĐ-CP; 01 chuyên đề đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn hành nghề dược và 03 CTĐT chuẩn chức danh nghề nghiệp. Các hoạt động KN&PVCD của Nhà trường đạt chuẩn mức 2 theo UPM (> 5 hoạt động).

Từ kết quả của việc tự đối sánh là cơ sở để Nhà trường tiến hành điều chỉnh, lập kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Đây cũng là cơ sở để năm 2021 Nhà trường xây dựng và ban hành Chiến lược đào tạo 2021-2025 [TC.25.02.20]; Chiến lược KHCN của HUP, giai đoạn 2021-2025 [TC.25.02.21] và Chiến lược hoạt động KN&PVCD của HUP, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [TC.25.02.22] nhằm thực hiện tốt các định hướng lãnh đạo của Đảng bộ Trường, hướng

tới việc đạt được các mục tiêu cụ thể, mục tiêu chung của Chiến lược, kế hoạch phát triển HUP đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản quy định cụ thể, có hệ thống giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Định kỳ, Trường đã thực hiện đối sánh, rà soát, thu thập thông tin phản hồi của VC-NLĐ toàn trường và qua đó thực hiện điều chỉnh, cải tiến chất lượng hoạt động kịp thời.

Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ cũng được Nhà trường xác lập, giám sát và đã thực hiện tự đối sánh để có thể sơ bộ xác định được xu hướng của các chỉ số, đánh giá sơ bộ thứ hạng, vị thế cạnh tranh của Trường trong hệ thống giáo dục đại học trong nước.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nguồn thu về cơ bản đã tăng, tuy nhiên quá trình đa dạng hóa nguồn thu còn hạn chế.

Về đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường mới tiến hành hoạt động tự đối sánh mà chưa tiến hành việc đối sánh với các trường đại học có cùng quy mô, cùng ngành đào tạo khác trong khu vực. Vì vậy, chưa định vị được vị thế của Trường trong khu vực.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Đa dạng hóa nguồn thu	Tích cực đa dạng hóa nguồn thu từ đào tạo, nghiên cứu, các hợp đồng dịch vụ khoa học với các công ty, đơn vị	P.Đào tạo; P.SĐH; P.QLKH; Viện CNDP; P.TCKT; Các đơn vị	Thường xuyên	
2	Đối sánh kết quả	Tiến hành đối sánh kết	- BGH	2022-	

	các chỉ số thị trường với các trường khác	quả các chỉ số thị trường với các trường đại học có cùng quy mô, cùng ngành đào tạo khác trong khu vực	- Phòng ĐBCL&KT	2025	
3	Giám sát chặt chẽ, định kỳ đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính	Tiếp tục giám sát chặt chẽ, định kỳ thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD	P.TCKT; Ban TTND; P.Đào tạo; P.SDH; P.QLKH; Các đơn vị	Thường xuyên	
4	Phân tích một cách toàn diện kết quả đối sánh nội bộ bộ chỉ số thị trường	Phân tích một cách toàn diện kết quả tự đối sánh bộ chỉ số thị trường, đưa ra các biện pháp cải tiến hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD	- BGH - Phòng Tổ chức – Hành chính	2022-2027	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	5
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa		
1.	1.1	5	
2.	1.2	5	
3.	1.3	5	
4.	1.4	5	
5.	1.5	5	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị		
6.	2.1	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
7.	2.2	5	
8.	2.3	5	
9.	2.4	4	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>		
10.	3.1	6	
11.	3.2	5	
12.	3.3	6	
13.	3.4	6	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>		
14.	4.1	5	
15.	4.2	5	
16.	4.3	5	
17.	4.4	5	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i>		
18.	5.1	5	
19.	5.2	5	
20.	5.3	5	
21.	5.4	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>		
22.	6.1	5	
23.	6.2	5	
24.	6.3	5	
25.	6.4	5	
26.	6.5	5	
27.	6.6	5	
28.	6.7	5	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>		
29.	7.1	5	
30.	7.2	5	
31.	7.3	5	
32.	7.4	5	
33.	7.5	5	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>		
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	
36.	8.3	6	
37.	8.4	6	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong</i>		
38.	9.1	6	
39.	9.2	6	
40.	9.3	6	
41.	9.4	6	
42.	9.5	5	
43.	9.6	5	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>		
44.	10.1	6	
45.	10.2	4	
46.	10.3	6	
47.	10.4	6	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>		
48.	11.1	5	
49.	11.2	5	
50.	11.3	5	
51.	11.4	5	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>		
52.	12.1	4	
53.	12.2	4	
54.	12.3	4	
55.	12.4	5	
56.	12.5	5	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	<i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i>		
57.	13.1	6	
58.	13.2	6	
59.	13.3	5	
60.	13.4	5	
61.	13.5	6	
III.14	<i>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học</i>		
62.	14.1	6	
63.	14.2	6	
64.	14.3	6	
65.	14.4	6	
66.	14.5	6	
III.15	<i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i>		
67.	15.1	6	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
68.	15.2	6	
69.	15.3	6	
70.	15.4	6	
71.	15.5	6	
III.16	<i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i>		
72.	16.1	6	
73.	16.2	6	
74.	16.3	6	
75.	16.4	6	
III.17	<i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>		
76.	17.1	6	
77.	17.2	6	
78.	17.3	5	
79.	17.4	5	
III.18	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</i>		
80.	18.1	5	
81.	18.2	5	
82.	18.3	5	
83.	18.4	5	
III.19	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>		
84.	19.1	5	
85.	19.2	5	
86.	19.3	5	
87.	19.4	5	
III.20	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i>		
88.	20.1	5	
89.	20.2	6	
90.	20.3	5	
91.	20.4	6	
III.21	<i>Tiêu chuẩn 21. KN&PVCD</i>		
92.	21.1	5	
93.	21.2	5	
94.	21.3	5	
95.	21.4	5	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>		
96.	22.1	6	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
97.	22.2	6	
98.	22.3	6	
99.	22.4	6	
IV.23	<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</i>		
100.	23.1	5	
101.	23.2	5	
102.	23.3	5	
103.	23.4	5	
104.	23.5	5	
105.	23.6	5	
IV.24	<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>		
106.	24.1	5	
107.	24.2	5	
108.	24.3	4	
109.	24.4	4	
IV.25	<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>		
110.	25.1	5	
111.	25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 6 điểm (37 tiêu chí: 3.1; 3.3; 3.4; 8.3; 8.4; 9.1; 9.2; 9.3; 9.4; 10.1; 10.3; 10.4; 13.1; 13.2; 13.5; 14.1; 14.2; 14.3; 14.4; 14.5; 15.1; 15.2; 15.3; 15.4; 15.5; 16.1; 16.2; 16.3; 16.4; 17.1; 17.2; 20.2; 20.4; 22.1; 22.2; 22.3; 22.4);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm (7 tiêu chí: 2.4; 10.2; 12.1; 12.2; 12.3; 24.3; 24.4);
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hải Nam

DANH MỤC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

PHỤ LỤC 2: CÁC QUYẾT ĐỊNH LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC MINH CHỨNG

PHỤ LỤC 1: CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/08/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên trường:

Tiếng Việt: HUP

Tiếng Anh: Hanoi University of Pharmacy

2. Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt: DHN

Tiếng Anh: HUP

3. Tên trước đây: Ngày 15/10/1941, Chính phủ Pháp đổi thành Trường Đại học Y - Dược Đông Dương. Cách mạng tháng Tám thành công, Trường Đại học Y - Dược Đông Dương được đổi tên thành Trường Đại học Y - Dược khoa.

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Y tế

5. Địa chỉ trường: 13-15 Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Số điện thoại: 02438254539

Số fax: 02438264464

E-mail: info@hup.edu.vn

Website: www.hup.edu.vn

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): HUP tiền thân từ Trường thuốc Đông Dương thành lập năm 1902. Ngày 26/07/1909, chính phủ Pháp ra sắc lệnh quy định một số vấn đề về đào tạo Dược. Năm 1914 Ban Dược được thành lập, việc đào tạo DS bắt đầu được thực hiện từ đó. Năm 1961, Trường được tách ra từ Trường Đại học Y Dược thành Trường Đại học Dược khoa và nay là HUP.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 1914 Ban Dược được thành lập, việc đào tạo DS bắt đầu được thực hiện.

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Năm 1926, trường bắt đầu đào tạo bác sĩ và dược sĩ hạng nhất (tương đương DS đại học ngày nay) nhưng phải qua kì thi tốt nghiệp tại Pháp. Đến năm 1936, Trường thực hiện thi tốt nghiệp và cấp bằng cho các DS hạng nhất tại Đông Dương.

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1. HĐT				
1. Chủ tịch	Nguyễn Thanh Bình	GS.TS, Giảng viên cao cấp, Bí thư ĐU, Chủ tịch HĐT HUP	0983510709	binhnt@hup.edu.vn
2. Thành viên- Thư ký	Văn Thị Mỹ Huệ	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Trưởng khoa Công nghệ Hóa dược, HUP	0834266388	huevtm@hup.edu.vn
3. Thành viên	Nguyễn Hải Nam	GS.TS, Giảng viên cao cấp, Hiệu trưởng HUP	0912384663	namnh@hup.edu.vn
4. Thành viên	Đinh Thị Thanh Hải	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Phó Hiệu trưởng HUP	0899969656	haidtt@hup.edu.vn
5. Thành viên	Phạm Văn Quyến	ThS, Chuyên viên chính, Phó Hiệu trưởng HUP	0912110763	quyenpv@hup.edu.vn
6. Thành viên	Nguyễn Mạnh Tuyển	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Trưởng khoa Dược liệu-Dược học cổ truyền, HUP	0973229194	tuyennm@hup.edu.vn
7. Thành viên	Nguyễn Ngọc Chiến	GS.TS, Giảng viên cao cấp, Viện trưởng Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc gia, HUP	0934493409	chiennn@hup.edu.vn

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
8. Thành viên	Nguyễn Hoàng Anh	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Giám đốc Trung tâm DI và ADR Quốc gia, HUP	0942000655	anhnh@hup.edu.vn
9. Thành viên	Đỗ Xuân Thắng	TS, Giảng viên chính, Trưởng Phòng CSVCS - Vật tư TTB, HUP	0913229565	thangdx@hup.edu.vn
10. Thành viên	Tổng Thùy Linh	ThS, Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT, HUP	0986586568	linhtt@hup.edu.vn
11. Thành viên	Phạm Xuân Việt	TS, Chuyên viên cao cấp, Phó Cục trưởng Cục CNTT, Bộ Y tế	0913559576	Vietpx.cntt@moh.gov.vn
12. Thành viên	Phạm Thanh Kỳ	GS.TS, nguyên Hiệu trưởng HUP	0903282354	
13. Thành viên	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Sinh viên lớp A5K72, Ủy viên BCH Đoàn thanh niên cộng sản HCM HUP	0961549687	anhngoc.3026@gmail.com
14. Thành viên	Trần Túc Mã	ThS, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Traphaco	0913238261	trantucma@traphaco.com.vn
15. Thành viên	Trịnh Thanh Hùng	Tiến sĩ	0912610502	tthung@mos.t.gov.vn
16. Thành viên	Đoàn Cao Sơn	PGS.TS, Nghiên cứu viên cao cấp, Viện trưởng Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương	0983023671	doancaoson.nidqc@gmail.com
17. Thành viên	Nguyễn Đức Trung	TS, Đại tá, Chủ nhiệm khoa Dược, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	0983090389	ductrung108@yahoo.com
2. BGH				

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1. Hiệu trưởng	Nguyễn Hải Nam	GS.TS, Giảng viên cao cấp, ĐU viên, Hiệu trưởng HUP	0912384663	namnh@hup.edu.vn
2. Phó Hiệu trưởng	1.Đinh Thị Thanh Hải	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Phó Bí thư ĐU, Phó Hiệu trưởng HUP	0899969656	haidtt@hup.edu.vn
	2.Phạm Văn Quyến	ThS, Chuyên viên chính, Phó Hiệu trưởng HUP	0912110763	quyenpv@hup.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn,...				
3.1. ĐU				
1. Bí thư	Nguyễn Thanh Bình	GS.TS, Giảng viên cao cấp, Bí thư ĐU, Chủ tịch HĐT HUP	0983510709	binhnt@hup.edu.vn
2. Phó Bí thư	Đinh Thị Thanh Hải	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Phó Bí thư ĐU, Phó Hiệu trưởng HUP	0899969656	haidtt@hup.edu.vn
3. Chủ nhiệm UBKT (TV ĐU)	Nguyễn Mạnh Tuyển	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, TV ĐU-Chủ nhiệm UBKT, Trưởng khoa Dược liệu-Dược học cổ truyền, HUP	0973229194	tuyennm@hup.edu.vn
4. ĐU viên	Nguyễn Hải Nam	GS.TS, Giảng viên cao cấp, ĐUV, Hiệu trưởng HUP	0912384663	namnh@hup.edu.vn
5. ĐU viên	Nguyễn Ngọc Chiến	GS.TS, Giảng viên cao cấp, ĐUV, Viện trưởng Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc gia	0934493409	chiennn@hup.edu.vn
6. ĐU viên	Đỗ Xuân Thắng	TS, Giảng viên chính, ĐUV, Trưởng Phòng CSVC-Vật tư TTB	0913229565	thangdx@hup.edu.vn
7. ĐU viên	Trần Văn Ôn	PGS.TS, ĐUV, Giảng viên cao cấp Khoa Dược liệu-Dược học cổ truyền	0904040037	ontv@hup.edu.vn

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
8. ĐU viên	Lê Phan Tuấn	ThS, Chuyên viên chính, ĐUV, Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính, Phó Chủ tịch công đoàn Trường	091583737 6	tuianlp@hup .edu.vn
9. ĐU viên	Nguyễn Hoàng Anh	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, ĐUV, Giám đốc Trung tâm DI&ADR Quốc gia	098652065 8	anhnh@hup. edu.vn
10. ĐU viên	Văn Thị Mỹ Huệ	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, ĐUV, Trưởng khoa Công nghệ Hóa dược	083426638 8	huevtm@hu p.edu.vn
11. ĐU viên	Tổng Thùy Linh	ThS, Kế toán trưởng, ĐUV, Trưởng phòng TCKT	098658656 8	linhtt@hup. edu.vn

3.2. Công đoàn

1. Chủ tịch	Nguyễn Mạnh Tuyên	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, TV ĐU- Chủ nhiệm UBKT, Trưởng khoa Dược liệu-Dược học cổ truyền, Chủ tịch công đoàn Trường	097322919 4	tuyennm@h up.edu.vn
2. Phó chủ tịch	Lê Phan Tuấn	ThS, Chuyên viên chính, ĐUV, Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính, Phó chủ tịch công đoàn Trường	091583737 6	tuianlp@hup .edu.vn
3. Phó chủ tịch	Văn Thị Mỹ Huệ	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, ĐUV, Trưởng khoa Công nghệ Hóa dược, Phó Chủ tịch công đoàn Trường	083426638 8	huevtm@hu p.edu.vn

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
4. Ủy viên BCH-Chủ nhiệm UBKT CĐ	Đỗ Xuân Thắng	TS, Giảng viên chính, ĐUV, Trưởng Phòng Quản lý CSVC-Vật tư TTB	091322956 5	thangdx@hu p.edu.vn
5. Ủy viên BCH- Trưởng Ban nữ công	Nghiêm Thị Hoài Phương	CN, Thư viện viên, Giám đốc Trung tâm Thông tin-Thư viện	083482323 9	phuongnth @hup.edu.v n
6. Ủy viên BCH	Đào Thị Mai Anh	TS, Giảng viên chính Khoa Công nghệ Sinh học	039481554 5	anhdtm@hu p.edu.vn
7. Ủy viên BCH	Trần Văn Điệu	CN, Chuyên viên phòng Tổ chức-Hành chính	090415109 2	dieutv@hup .edu.vn
8. Ủy viên BCH	Đinh Thị Kiều Giang	DS, Kỹ thuật viên chính dược Khoa Dược lý- DLS	091655222 7	giangdtk@h up.edu.vn
9. Ủy viên BCH	Đào Công Hiếu	ThS, Chuyên viên, Phó Trưởng phòng Công tác HVSV-Y tế	097303077 8	hieudc@hup .edu.vn
10. Ủy viên BCH	Phạm Thị Hoa	DS, Kỹ thuật viên chính dược Khoa Công nghệ Hóa dược	091255441 2	hoapt@hup. edu.vn
11. Ủy viên BCH	Trần Quang Long	ThS, Giảng viên Khoa Khoa học cơ bản	098908972 6	longtq@hup .edu.vn
12. Ủy viên BCH	Phạm Phương Ngọc	ThS, Chuyên viên Phòng Công tác HVSV -Y tế	098997908 0	ngocpp@hu p.edu.vn
13. Ủy viên BCH	Phan Tiến Thành	CN, Kỹ sư cao đẳng Phòng CSVC-Vật tư TTB	091222004 4	thanhpt@hu p.edu.vn
14. Ủy viên BCH	Đào Nguyệt Sương Huyền	TS, Giảng viên chính Khoa Công nghệ Hóa dược	098803568 5	huyendns@ hup.edu.vn

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
15. Ủy viên BCH	Phạm Bảo Tùng	TS, Giảng viên Khoa Bảo chế và Công nghệ Dược phẩm	085305303 8	tungpb@hu p.edu.vn
3.3. Đoàn thanh niên cộng sản HCM				
1. Bí thư ĐTN	Đoàn Minh Sang	Thạc sĩ, Chuyên viên phòng Công tác Học viên- Sinh viên-Y tế	09878648 63	sangdm@hu p.edu.vn
2. Phó Bí thư	Nguyễn Thanh Tùng	DS, Giảng viên Khoa Dược liệu-Dược học cổ truyền	09750026 07	tungnt@hup .edu.vn
3. Phó Bí thư	Lê Anh Thư	Sinh viên	039569945 8	leanhthu8c1 @gmail.co m
4. Ủy viên thường vụ	Phuong Mạnh Hoàng	Sinh viên	096721472 7	phuongman hhoang@gm ail.com
5. Ủy viên thường vụ	Nguyễn Công Trường	Tiến sĩ, Giảng viên Khoa Công nghệ Hóa dược	09825023 44	truongnc@h up.edu.vn
6. Ủy viên	Trần Trọng Biên	Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Công nghệ Hóa dược	09410818 92	bientt@hup. edu.vn
7. Ủy viên	Phạm Thị Linh Giang	Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Dược liệu-Dược học cổ truyền	08986189 90	giangptl@h up.edu.vn
8. Ủy viên	Vũ Dương Anh Minh	Sinh viên	03540091 82	minhvduon ganh@gmail .com
9. Ủy viên	Đieu Diễm Quỳnh	Sinh viên	09685272 55	quynhdiem1 704@gmail. com
10. Ủy viên	Nguyễn Thùy Linh	Sinh viên	03593988 95	thuylinhk73 hup@gmail. com

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
11. Ủy viên	Đỗ Thị Nga	Sinh viên	03445313 63	ngangado20 01@gmail.c om
12. Ủy viên	Trần Trung Kiên	Sinh viên	03922021 92	kientrantrun g10022001 @gmail.com
13. Ủy viên	Nguyễn Lê Thùy Trang	Sinh viên	09125104 74	trang280502 @gmail.com
14. Ủy viên	Đinh Công Hiếu	Sinh viên	09141929 72	conghieu220 202@gmail. com
15. Ủy viên	Hoàng Thị Huệ Anh	Sinh viên	03742936 88	hoanghuean h2003@gma il.com
16. Ủy viên	Hoàng Thu Nga	Sinh viên	09824748 25	thunga9202 @gmail.com
17. Ủy viên	Ngô Hồng Duy	Sinh viên	03588519 50	duyngo0165 @gmail.com
3.4. Hội sinh viên				
1. CT HSV	Trần Mai Trang	Sinh viên	032633345 5	tranmaitrang .hup@gmail .com
2. PCT HSV	Nguyễn Bá Thanh Hằng	Sinh viên	091267297 9	nbth1104@ gmail.com
3. PCT HSV	Lê Mai Thư	Sinh viên	086649309 5	lemaithu111 1@gmail.co m
4. BTK	Hoàng Minh Hoa	Sinh viên	037602668 9	minhhua.hu p@gmail.co m
5. BTK	Nguyễn Thị Phương Thảo	Sinh viên	037266422 8	ntpthao99hu p@gmail.co m

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
6. BTK	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	Sinh viên	036990730 0	baongoc216 01@gmail.c om
7. BTK	Phùng Đức Dương	Sinh viên	098546021 4	ducduong00 000@gmail. com
8. Ủy viên	Lê Ngọc Minh	Sinh viên	096442581 7	ngocminh07 082001@g mail.com
9. Ủy viên	Trương Thị Phương Anh	Sinh viên	034757461 1	phuonganh0 91101@gma il.com
10. Ủy viên	Nguyễn Mai Phương	Sinh viên	035846912 2	mai.phuong g2000@gma il.com
11. Ủy viên	Hán Thu Trang	Sinh viên	039542986 6	hantrangts@ gmail.com
12. Ủy viên	Phạm Thị Minh Hằng	Sinh viên	033249224 8	Minhhang.0 5072001@g mail.com
13. Ủy viên	Phương Mạnh Hoàng	Sinh viên	096721472 7	phuongman hhoang@gm ail.com
14. Ủy viên	Kiều Hà Thanh	Sinh viên	097934877 5	hathanh184 2001@gmai l.com
15. Ủy viên	La Hương Giang	Sinh viên	083839976 6	huonggiang 091101@g mail.com
16. Ủy viên	Hoàng Đại Nghĩa	Sinh viên	086670255 4	hoangdaing hia12345@g mail.com

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
17. Ủy viên	Đặng Đăng Dương	Sinh viên	0868671826	dangduong.dang212@gmail.com
18. Ủy viên	Võ Kim Anh	Sinh viên	0832985146	kimanh140202@gmail.com
19. Ủy viên	Hoàng Quốc Đại	Sinh viên	0869375893	quocdai1906@gmail.com
20. Ủy viên	Nguyễn Tuấn Hưng	Sinh viên	0985968981	tuanhungchv0910@gmail.com
21. Ủy viên	Nguyễn Thị Minh Thảo	Sinh viên	0366127265	mthaonguyen2605@gmail.com
4. Các phòng, ban chức năng				
1. Phòng Công tác Học viên - Sinh viên- Y tế	Nguyễn Thái An	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Phụ trách phòng	0912292266	annt@hup.edu.vn
2. Phòng CSVC - Vật tư TTB	Đỗ Xuân Thắng	TS, Giảng viên chính, Trưởng phòng	0912110763	thangdx@hup.edu.vn
3. Phòng ĐBCL và Khảo thí	Nguyễn Tường Vy	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Trưởng phòng	0903292244	vynt@hup.edu.vn
4. Phòng KHCN - HTPT	Đỗ Quyên	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Trưởng phòng	0905468906	doquyen@hup.edu.vn
5. Phòng Quản lý Đào tạo	Vũ Xuân Giang	TS, Giảng viên, Trưởng phòng	0913514247	giangvx@hup.edu.vn

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
6. Phòng Tài chính Kế toán	Tổng Thùy Linh	ThS, Kế toán viên, Trưởng phòng	098658656 8	linhtt@hup. edu.vn
7. Phòng Tổ chức - Hành chính	Lê Phan Tuấn	ThS, Chuyên viên chính, Trưởng phòng	091583737 6	<u>tuianlp@hup</u> <u>.edu.vn</u>
5. Các trung tâm/viện trực thuộc				
1. Trung tâm DI và ADR Quốc gia	Nguyễn Hoàng Anh	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Giám đốc Trung tâm	094200065 5	anhnh@hup. edu.vn
2. Trung tâm Thông tin-Thư viện	Nghiêm Thị Hoài Phương	CN, Thư viện viên, Giám đốc Trung tâm	012348232 39	phuongnth @hup.edu.v n
3. Viện Công nghệ Dược phẩm QG	Nguyễn Ngọc Chiến	GS.TS, Giảng viên cao cấp, Viện trưởng	093449340 9	chiennn@hu p.edu.vn
4. Tạp chí Nghiên cứu dược và Thông tin thuốc	Nguyễn Thanh Bình	GS.TS, Giảng viên cao cấp, Bí thư ĐU, Chủ tịch HĐT HUP; Tổng biên tập	098351070 9	binhnt@hup .edu.vn
6. Các khoa/bộ môn trực thuộc				
1. Khoa Bào chế và Công nghệ Dược phẩm	Vũ Thị Thu Giang	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Phó Trưởng khoa- Phụ trách khoa	098371779 2	giangvtt@h up.edu.vn
2. Khoa Công nghệ Hóa dược	Văn Thị Mỹ Huệ	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Trưởng khoa	083426638 8	huevtm@hu p.edu.vn
3. Khoa Công nghệ Sinh học	Phùng Thanh Hương	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Trưởng khoa	090411258 8	huongpt@h up.edu.vn

Các đơn vị (Bộ phận)	Họ và tên	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
4. Khoa Dược liệu - Dược học cổ truyền	Nguyễn Mạnh Tuyển	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Trưởng khoa	097322919 4	tuyenm@h up.edu.vn
5. Khoa Dược lý - DLS	Đào Thị Vui	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Phụ trách khoa	097558593 9	vuidt@hup. edu.vn
6. Khoa Hoá phân tích và Kiểm nghiệm thuốc	Trần Nguyên Hà	TS, Giảng viên chính, Trưởng khoa	091358698 6	hatn@hup.e du.vn
7. Khoa Khoa học cơ bản	Lê Đình Quang	TS, Giảng viên, Trưởng khoa	097676296 3	quangld@hu p.edu.vn
8. khoa Quản lý & KT Dược	Nguyễn Thị Thanh Hương	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Phụ trách khoa	098330970 1	huongnguye n Thanh@hup .edu.vn

13. Các khoa/ viện đào tạo:

Khoa/viện đào tạo	Đại học		SDH		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
CTĐT Sau đại học			17	761		
CTĐT liên tục			52	2000		
CTĐT Đại học	4	3579				
Tổng số	4	3579	69	2761		

14. Danh sách đơn vị trực thuộc:

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/ nhân viên
1	TT DI và ADR Quốc gia	2009	Theo Quyết định 991/QĐ-BYT ngày	0	11

			24/03/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế		
2	Viện CN Dược phẩm QG	2011	Theo Quyết định số 1043/QĐ-BYT ngày 08/04/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế	3	4
3	Tạp chí nghiên cứu dược và TT thuốc	2010	Theo Giấy phép số 480/GP-BTTTT ngày 8/4/2010 và năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp		

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

CSGD cần có CSDL về cán bộ, giảng viên¹¹, nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ CSDL lấy ra các thông tin dưới đây (Thống kê mỗi loại gồm 5 bảng tương ứng với 5 năm của giai đoạn đánh giá):

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

15.1. Năm 2017

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	182	39,01	150	61,33
Nghiên cứu viên	4	0	0	0,00
Tổng	186	38,17	150	61,33

15.2. Năm 2018

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	184	40,76	107	53,27
Nghiên cứu viên	4	0	0	0.00
Tổng	188	39,36	107	53,27

15.3. Năm 2019

	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	

¹¹ Việc xác định giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng áp dụng theo các quy định hiện hành.

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	178	44,38	163	49,08
Nghiên cứu viên	3	0	0	0
Tổng	181	43,65	163	49,08

15.4. Năm 2020

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	180	52,78	208	38,94
Nghiên cứu viên	3	0	0	0
Tổng	183	51,91	198	38,94

15.5. Năm 2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	174	56,32	214	40,19
Nghiên cứu viên	3	0	0	0
Tổng	177	55,37	214	40,19

15.6. Năm 2022

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	173	58,38	214	40,19
Nghiên cứu viên	3	0	0	0
Tổng	176	57,39	214	40,19

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

16.1. Năm 2017

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (không tính GVCH kiêm nhiệm QL)	9	0	9
Nhân viên	134	0	134
Tổng cộng	143	0	143

16.2. Năm 2018

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (không tính GVCH kiêm nhiệm QL)	9	0	9
Nhân viên	131	0	131
Tổng cộng	140	0	140

16.3. Năm 2019

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (không tính GVCH kiêm nhiệm QL)	10	0	10
Nhân viên	123	0	123
Tổng cộng	133	0	133

16.4. Năm 2020

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (không tính GVCH kiêm nhiệm QL)	9	0	9
Nhân viên	121	0	121
Tổng cộng	130	0	130

16.5. Năm 2021

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (không tính GVCH kiêm nhiệm QL)	9	0	9
Nhân viên	118	0	118
Tổng cộng	127	0	127

16.6. Năm 2022

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		

(Nêu cụ thể)	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (không tính GVCH kiêm nhiệm QL)	8	0	8
Nhân viên	117	0	117
Tổng cộng	125	0	125

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

17.1. Năm 2017:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	128	201	329
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	117	198	315
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	11	3	14
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	87	79	166
	Tổng cộng	215	280	495

17.2. Năm 2018:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	125	203	328
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	114	200	314
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	11	3	14
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	61	50	111
	Tổng cộng	186	253	439

17.3. Năm 2019:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	119	195	314
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	107	192	299
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	12	3	15
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	85	82	167
	Tổng cộng	204	277	481

17.4. Năm 2020:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	118	195	313
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	106	192	298
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	12	3	15
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	103	97	200
	Tổng cộng	221	292	513

17.5. Năm 2021:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	113	191	304
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	101	188	289

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	12	3	15
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	112	108	220
	Tổng cộng	225	299	524

17.6. Năm 2022

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	110	191	301
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	98	188	286
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	12	3	15
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	113	108	221
	Tổng cộng	123	299	522

18. Phân loại giảng viên theo trình độ

18.1. Năm 2017

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	0	1	3	0	6
2	Phó giáo sư	19	0	8	36	0	63
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ và CKII	39		2	53	0	94

5	Thạc sĩ, CKI, BSNT	81	0	5	58	0	144
6	Đại học	25	0	0	0	0	25
7	Cao đẳng (nếu có)	0		0	0	0	0
	Tổng số	166	0	16	150	0	332

Tổng số giảng viên cơ hữu¹²: 182 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 55,32%

18.2. Năm 2018

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	0	1	3	0	7
2	Phó giáo sư	28	0	8	39	0	75
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ và CKII	32	0	3	76	0	111
5	Thạc sĩ, CKI, BSNT	86	0	5	96	0	187
6	Đại học	18	0	0	3	0	21
7	Cao đẳng (nếu có)	0		0	0	0	0
	Tổng số	167	0	17	217	0	401

Tổng số giảng viên cơ hữu¹³: 184 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 56,10%

18.3. Năm 2019

¹² Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

¹³ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	0	1	2	0	6
2	Phó giáo sư	27	0	8	31	0	66
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ và CKII	37	0	3	49	0	89
5	Thạc sĩ, CKI, BSNT	85	0	4	81	0	170
6	Đại học	10	0	0	0	0	10
7	Cao đẳng (nếu có)	0		0	0	0	0
	Tổng số	162	0	16	163	0	341

Tổng số giảng viên cơ hữu¹⁴: 178 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 56,69%

18.4. Năm 2020

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	4	0	2	2	0	8
2	Phó giáo sư	28	0	7	28	0	63
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ và CKII	50	0	4	51	0	105
5	Thạc sĩ, CKI, BSNT	76	0	2	116	0	194
6	Đại học	7	0	0	1	0	8
7	Cao đẳng (nếu	0		0	0	0	0

¹⁴ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

	có)						
	Tổng số	165	0	15	198	0	378

Tổng số giảng viên cơ hữu¹⁵: 180 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 57,51%

18.5. Năm 2021

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	0	3	3	0	9
2	Phó giáo sư	30	0	7	18	0	55
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ và CKII	51	0	4	69	0	124
5	Thạc sĩ, CKI, BSNT	69	0	2	123	0	194
6	Đại học	5	0	0	1	0	6
7	Cao đẳng (nếu có)	0		0	0	0	0
	Tổng số	158	0	16	214	0	388

Tổng số giảng viên cơ hữu¹⁶: 174 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 57,24%

18.6. Năm 2022

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số

¹⁶ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

1	Giáo sư, Viện sĩ	3	0	3	3	0	9
2	Phó giáo sư	34	0	7	18	0	59
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ và CKII	52	0	2	69	0	123
5	Thạc sĩ, CKI, BSNT	69	0	1	123	0	193
6	Đại học	2	0	0	1	0	3
7	Cao đẳng (nếu có)	0		0	0	0	0
	Tổng số	160	0	13	214	0	387

Tổng số giảng viên cơ hữu¹⁷: 173 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 57,48%

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người).

19.1. Năm 2017:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	1.65	3	0	0	0	1	1	1
2	Phó Giáo sư	27	14.84	11	16	0	1	15	8	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	41	22.53	18	23	14	5	19	3	0
5	Thạc sĩ	86	47.25	33	53	8	53	22	3	0
6	Đại học	25	13.74	13	12	12	8	2	3	0
7	Cao đẳng	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	182	100	78	104	34	67	59	18	4

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,21.tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 39,01%

¹⁷ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 47,25%

19.2. Năm 2018:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	4	2,17	3	1	0	0	1	2	1
2	Phó Giáo sư	36	19,57	14	22	0	2	22	8	4
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	35	19,02	15	20	0	17	16	2	0
5	Thạc sĩ	91	49,46	34	57	10	54	23	4	0
6	Đại học	18	9,78	12	6	9	4	2	3	0
7	Cao đẳng	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	184	100,00	78	106	19	77	64	19	5

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,61 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 40,76%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: . 49,46%

19.3. Năm 2019:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện	4	2,25	3	1	0	0	1	2	1

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
	sĩ									
2	Phó Giáo sư	35	19,66	13	22	0	1	23	8	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	40	22,47	18	22	0	19	19	2	0
5	Thạc sĩ	89	50,00	32	57	10	51	24	4	0
6	Đại học	10	5,62	8	2	6	4	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	178	100	74	104	16	75	67	16	4

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40,22.tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 44,38%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: . 50%

19.4. Năm 2020:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	6	3,33	5	1	0	0	2	2	2
2	Phó Giáo sư	35	19,44	13	22	0	2	22	8	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	54	30,00	21	33	0	29	23	2	0
5	Thạc sĩ	78	43,33	31	47	9	45	20	4	0
6	Đại học	7	3,89	6	1	2	5	0	0	0

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
7	Cao đẳng	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	180	100	76	104	11	81	67	16	5

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40,87 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 52,78%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 43,33%

19.5. Năm 2021:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	6	3,45	5	1	0	0	2	2	2
2	Phó Giáo sư	37	21,26	13	24	0	2	22	10	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	55	31,61	24	31	0	31	22	2	0
5	Thạc sĩ	71	40,80	25	46	5	42	19	5	0
6	Đại học	5	2,87	5	0	0	4	1	0	0
7	Cao đẳng	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	174	100	72	102	5	79	66	19	5

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41,96 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 56,32%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 40,80%

19.6. Năm 2022:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	6	3,47	5	1	0	0	2	2	2
2	Phó Giáo sư	41	23,70	16	25	0	5	22	11	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	54	31,21	21	33	0	29	23	1	1
5	Thạc sĩ	70	40,46	27	43	3	41	18	8	0
6	Đại học	2	1,16	2	0	0	2	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	173	100	71	102	3	77	65	22	6

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42,96 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 58,38%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 40,46%

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

20.1. Năm 2017:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học (182)	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	29,0	65,0
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	34,0	30,0

3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	26,0	5,0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	3,5	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20%) thời gian của công việc	7,5	0

20.2. Năm 2018:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học (132)	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	19.70	61.36
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	36.36	34.85
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	31.06	2.79
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10.61	0.56
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20%) thời gian của công việc	2.27	0.76

20.3. Năm 2019:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học (134)	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	18.66	62.69
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	37.31	33.58
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	31.34	2.99
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10.45	0.75
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20%) thời gian của công việc	2.24	0.00

20.4. Năm 2020:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học (137)	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	18,25	64,23
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	39,42	32,85
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	30,66	2,92
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	9,49	0,00
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20%) thời gian của công việc	2,19	0,00

20.5. Năm 2021:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học (130)	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	14,62	65,38
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	36,92	29,23
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	35,38	4,62
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	9,23	0,77
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20%) thời gian của công việc	3,85	0,00

20.6. Năm 2022:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học (130)	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	17,14	62,86

2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	37,14	33,57
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	32,14	3,57
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	12,14	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20%) thời gian của công việc	1,43	0

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ chính quy:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Nghiên cứu sinh							
2017	3	3	1	3	50/100	75,6	0
2018	8	8	1	8	50/100	76,7	0
2019	5	5	1	5	50/100	77,7	0
2020	9	9	1	9	50/100	72,1	0
2021	9	9	1	9	50/100	69,7	0
2022							
2. Học viên cao học							
2017	120	111	0,93	110	10/20	16,57	1
2018	83	74	0,89	67	10/20	14,8	2
2019	89	78	0,88	75	10/20	13,95	1
2020	76	69	0,91	68	10/20	14,94	1
2021	67	53	0,79	53	10/20	13,62	1
2022					10/20		2
3. Chuyên khoa II							
2017	40	35	0,88	33	5/10	6,3	0

[illegible]

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
KQ thi TN THPT	2789	572	1:4,88	557	26,9	27,63	-
KQ học bạ THPT	266	205	1:1,3	105	27,08	28,36	-
Tuyển thẳng	85	83	-	37	-	-	-
2021							7
KQ thi TN THPT	2704	601	1:4,5	590	26,25	27,05	-
KQ học bạ THPT	398	227	1:1,75	85	28,0	28,96	-
Tuyển thẳng	77	74	-	30	-	-	-
5.2. Ngành Hóa dược							
2020							0
KQ thi TN THPT	738	56	1:13,18	53	26,6	26,85	-
KQ học bạ THPT	146	26	1:5,62	7	26,7	27,38	-
Tuyển thẳng	42	30	-	2	-	-	-
2021							0
KQ thi TN THPT	890	51	1:17,45	48	26,05	26,3	-
KQ học bạ THPT	263	25	1:10,52	4	27,81	28,31	-
Tuyển thẳng	53	36	-	6	-	-	-
6. Khác							
20...							
20...							
20...							

Số lượng người học hệ đại học chính quy đang học tập tại CSGD: 3579 người.

Số lượng người học hệ SDH chính quy đang học tập tại CSGD: 761 người

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ không chính quy:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
2. Khác							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							

23. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2017	2018	2019	2020	2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	3948,6	3948,6	3948,6	3948,6	3948,6
2. Số lượng sinh viên	2863	3137	3188	3254	3579
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	1231	1418	1515	1592	1729
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	604	604	604	604	660
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	6,54	6,54	6,54	6,54	5,98

24. Sinh viên tham gia NCKH:

	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng (người)	240	284	234	303	159

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây						
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	98,56	98,17	99,55	99,73
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	1,33	1,69	0,41	0,20
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	0,11	0,14	0,04	0,07
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:						
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5						
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây						
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)						
- Sau 6 tháng tốt nghiệp						
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	-	98,3	96,1	94,5		
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	-	1,7	3,9	5,5		
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	0	5,9	2,7	5,7		
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	11,0	11,5	10,6	9,89		
5. Đánh giá của nhà sử dụng về SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo:						
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này						
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây						
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử	85,8	91,7	87,4	90,5	93,9	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
dụng được ngay (%)						
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	13,4	8	12,6	9,5	4,6	
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0,8	0,3	0	0	1,5	

Ghi chú:

- SVTN là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	20...	20...	20...	20...	20...
1. Số lượng SVTN (người)					
2. Tỷ lệ SVTN so với số tuyển vào (%)					
3. Đánh giá của SVTN về chất lượng đào tạo của nhà trường:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	20...	20...	20...	20...	20...
tốt nghiệp (%)					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)					
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà sử dụng về SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

IV. NCKH và CGCN

28. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	2	3	3	3	6	17
2	Đề tài cấp Bộ*	0	1	4	3	3	11

3	Đề tài cấp trường	17	24	23	33	17	114
Tổng cộng		19	28	30	39	26	142

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN trên cán bộ cơ hữu: **0,80** (142/177)

29. Doanh thu từ NCKH và CGCN của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và CGCN (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và CGCN so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	11.229	9	34,1
2	2018	17.484	13	53,3
3	2019	21.278	16	67,8
4	2020	16.480	12	52,7
5	2021	19.604	14	64,5

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	72	110	130	
Từ 4 đến 6 đề tài	8	0	30	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	80	110	160	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng						
		2017	2018	2019	2020	2021	7/2022	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	0	0	1	0	0	0	1
2	Sách giáo trình	8	10	10	11	7	9	55
3	Sách tham khảo	3	0	1	1	0	0	5
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		11	10	12	12	7	9	61

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: **0,34** (61/177)

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	6	102	9	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	13	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	6	115	0	0

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng						
		2017	2018	2019	2020	2021	7/2022	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	51	82	85	88	91	42	439
	Danh mục ISI	37	54	67	71	82	37	348
	Danh mục Scopus	8	14	4	6	4	0	36
	Khác	6	14	14	11	5	5	55
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	214	179	227	202	184	100	1106
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		316	343	397	378	366	184	1893

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **10,69** (1893/177)

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	103	78	0
Từ 6 đến 10 bài báo	17	34	0
Từ 11 đến 15 bài báo	5	15	0
Trên 15 bài báo	7	32	0

Tổng số cán bộ tham gia	127	159	0

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng						
		2017	2018	2019	2020	2021	7/2022	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	27	0	31	1	2	0	61
2	Hội thảo trong nước	3	2	31	24	20	0	80
3	Hội thảo của trường	0	76	0	78	0	66	220
Tổng cộng		30	78	62	103	22	66	361

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: **2,03** (361/177)

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	49	25	75
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	3	4
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	1	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	49	29	79

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017	- Nguyễn Hải Nam: Korean Patent No. 10-2017-0075124 - Nguyễn Hải Nam: Korean Patent No. 10-2017-0132660 - Đỗ Hồng Quảng: Quyết định số 38539/QĐ-SHTT, 13/6/2017 - Nguyễn Văn Hân: quyết định số 63112/QĐ-SHTT, 12/9/2017 - Nguyễn Đình Luyện, 66891/QĐ-SHTT, 26/9/2017

2018	1. Nguyễn Hải Nam: Korean Patent No. 10-2018-0093127 2. Nguyễn Hải Nam: Korean Patent No.10-2018-0059458 3. Nguyễn Hải Nam: Korean Patent No.10-2018-0059492 4. Trần Phương Thảo: Korean Patent No.10-2018-0012915 5. Phạm Hà Thanh Tùng: Korean Patent No. 10-2018-0123598 6. Nguyễn Đình Luyện: 56955/QĐ-SHTT, 13/08/2018
2019	1. Nguyễn Hải Nam: Korean Patent No. 10-2019-0135721 2. Nguyễn Hải Nam: Korean Patent No. 10-2019-0174832 3. Nguyễn Hải Nam: Korean Patent No. 10-2019-0047305
2020	1. Phan Thị Phương Dung: Korean Patent No. 10-2020-0027729 2. Nguyễn Hải Nam: Korean Patent No. 10-20918190000
2021	-
2022	1. Bùi Thị Thanh Hà: 1254w/QĐ-SHTT, 2401-2022 2. Nguyễn Ngọc Chiến: VN 2/004514

38. NCKH của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	108	54	102	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	108	72	102	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích NCKH của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017	2018	2019	2020	2021

1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	2	1	7	11
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	43	60	45	69	50

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	220.109,7	☒		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	15481	☒		
2.1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	10562	☒		
2.2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	500	☒		
2.3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực hành và nghiên cứu, luyện hành và nghiên cứu</i>	4419	☒		

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, CSDL điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành I		
Khối ngành II		
Khối ngành III		
Khối ngành IV (Hóa học, Công nghệ sinh học)	Tổng số: 25.870 đầu tài liệu tham khảo <i>Tài liệu giấy: 6.249</i> Sách tham khảo: 6.244	Tổng số: 27.527 bản tài liệu tham khảo <i>Tài liệu giấy: 7.906</i> Sách tham khảo: 7.901

	Tạp chí: 5 Tài liệu số hoá: 13.174 Sách ebook: 574 Bài trích tạp chí ngoại văn: 12.122 Bài trích tạp chí tiếng việt: 478 Giáo trình: 127 CSDL (thư mục, CSDL số): 2	Tạp chí: 5 Tài liệu số hoá: 13.174 Sách ebook: 574 Bài trích tạp chí ngoại văn: 12.122 Bài trích tạp chí tiếng việt: 478 Giáo trình: 127 CSDL (thư mục, CSDL số): 2
Khối ngành V		
Khối ngành VI (được học, hoá được)	Tổng số: 33.393 đầu tài liệu tham khảo Tài liệu giấy: 13.772 Sách tham khảo: 6.244 Luận án, luận văn, khoá luận: 7.523 Tạp chí: 5 Tài liệu số hoá: 19.621 Sách ebook: 574 Luận án, luận văn, khóa luận: 6.447 Bài trích tạp chí ngoại văn: 12.122 Bài trích tạp chí tiếng việt: 478 Giáo trình: 127 CSDL (thư mục, CSDL số): 2	Tổng số: 35.195 bản tài liệu tham khảo Tài liệu giấy: 15.574 Sách tham khảo: 7.901 Luận án, luận văn, khoá luận: 7.668 Tạp chí: 5 Tài liệu số hoá: 19.621 Sách ebook: 574 Luận án, luận văn, khóa luận: 6.447 Bài trích tạp chí ngoại văn: 12.122 Bài trích tạp chí tiếng việt: 478 CSDL (thư mục, CSDL số): 2
Khối ngành VII		
Các môn chung		
Tổng		

41. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng làm việc Bộ môn	40	Bàn họp chữ nhật	1	CBGV, NV, người học	1553	x		
			Bàn thí nghiệm	145					
			Bảng trượt dọc 1 lớp	1					
			Camera	1					
			Điều hòa	73					
			Hệ thống phòng cháy chữa cháy	1					
			Máy chiếu	16					
			Máy in	6					
			Máy photo	3					
			Máy quay	1					
			Máy quét	2					
			Máy tính để bàn	56					
			Máy tính xách tay	21					
			Phần mềm	1					
			Thiết bị âm thanh	1					
			Tivi	19					
			Tủ đựng tài liệu	1					
2	Phòng làm việc của phòng ban	43	Bộ bàn ghế tủ đựng tài liệu	5	CBGV, NV	2080	x		
			Bộ lưu điện	2					
			Bộ tủ ghép 5 module 4250x350/450x2400	1					
			Bộ tủ sắt ghép 4 module 2510x450x2730	1					
			Bột điện 400 KVA -15 LTT	1					
			Camera	39					
			Câu trích chữ đồng khu vực tường niệm	1					
			CSDL Drugdex System	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Công dân dựng tông thê vẽ trên tường các công trình mỹ thuật	1					
			Đàn Organ YAMAHA PS2100+ phụ tùng	1					
			Đầu ghi hình kỹ thuật số U1600 (490-502S)	1					
			Đèn chùm nên đồng giả cô 8 bóng đường kính 60	8					
			Đèn flash Canon 600 EX	1					
			Điều hòa	78					
			Đường nội bộ LTT	1					
			Đường ống cấp nước bằng gang	1					
			Ghê sofa	3					
			Hệ thống báo cháy	1					
			Hệ thống cấp nước khẩn cấp có vòi sen EW 607	1					
			Hệ thống chống sét cho hệ thống mạng LAN và CAMERA	1					
			Hệ thống công từ 2 lõi đi (490-502ADBNS)	1					
			Hệ thống mạng	3					
			Hệ thống phòng cháy chữa cháy	3					
			Hệ thống xử lý khí thải phòng thí nghiệm	2					
			Hộp hình phòng mô dã chiến	1					
			Kệ đặt tivi (1200x600x750)	1					
			Kệ giá sách	2					
			Két sắt	3					
			Máy ảnh	2					
			Máy bơm	3					
			Máy chiếu	13					
			Máy chủ	10					
			Máy đếm tiền XINDA BC-38	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy ghi và khử từ cho sách 3M Bookcheck 942 (490-502ADBNS)	1					
			Máy hủy tài liệu Ziba PC-417CD	2					
			Máy in	17					
			Máy phát điện	2					
			Máy photo	22					
			Máy quay	1					
			Máy quét	4					
			Máy tính để bàn	124					
			Máy tính xách tay	41					
			Ô tô	3					
			Ôn áp Lioa	1					
			Ống kính Canon EF-S 17-55mm f/2.8 IS USM	1					
			Phần mềm	18					
			Phủ điều giả đồng	2					
			Sqlsvr 2008	1					
			Symc Backup Exexec 2012	1					
			Thiết bị âm thanh	9					
			Thiết bị cảnh báo nhiệt độ và độ ẩm ECA-GPIs.4ETH	1					
			Thiết bị chuyên mạch	74					
			Thiết bị đầu cuối video RealPresense 500-720P(HN truyền hình	1					
			Thiết bị ghi hình Meetup Logitech (960-001101)	1					
			Thiết bị hội nghị Logitech Group (960-001054)	1					
			Thiết bị kiểm kho, gom dữ liệu	1					
			Thiết bị lưu trữ dữ liệu	2					
			Tivi	2					
			Trạm biên áp	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
3	Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nghiên cứu	46	Tranh + Hộp hình công trình vệ sinh	1	CBGV, NV, người học	5083	x		
			Tranh kính	2					
			Tranh sơn mài phòng mạch	1					
			Tủ đựng dụng cụ Cabinets_LFS1.5	4					
			Tủ đựng tài liệu	2					
			Tủ đựng tài liệu Cabinets_LFS 1.2	6					
			Tủ TTB gỗ veneer, sơn PU (5500x500x2200)	1					
			Tượng Bác đứng	1					
			Website TT DI & ADR quốc gia	1					
			Bàn cân chông rung	1	CBGV, NV, người học	5083	x		
			Bàn có 2 chậu rửa	2					
			Bàn chông rung	2					
			Bàn họp chữ nhật	1					
			Bàn lắc 2 tầng cho máy lắc	1					
			Bàn mô thú y	2					
			Bàn rửa dụng cụ thí nghiệm	1					
			Bàn thí nghiệm	128					
			Bảng trượt đọc 1 lớp	1					
			Bê điều nhiệt	18					
			Bê lắc có điều nhiệt	1					
			Bê rửa siêu âm	19					
			Bếp bảo ôn bình cầu 0,5 lít	1					
			Bếp bảo ôn bình cầu 1 lít	9					
			Bếp bảo ôn bình cầu 2 lít	6					
			Bếp bảo ôn đun bình cầu 10 lít	1					
			Bếp bọc	1					
			Bếp cách thủy	1					
			Bếp đun bình cầu 5 lít	3					
			Bếp ủ ôn nhiệt	3					
			Bình cất quay 1 lít bằng thủy tinh	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Bộ bàn ghế tủ đựng tài liệu	5					
			Bộ bảo quản mẫu băng N2 lỏng Haier YDS-20	1					
			Bộ buồng soi sắc ký bản mỏng	1					
			Bộ cán phim thủ công	1					
			Bộ cất dung môi Lenz	2					
			Bộ cất quay chân không	2					
			Bộ cô mẫu Ni tơ	1					
			Bộ chia chất lỏng vào bình đông khô	1					
			Bộ chiết được liệu nóng bình	1					
			Bộ chiết pha rắn	1					
			Bộ chiết xuất hồi lưu	2					
			Bộ chuyên đổi co thắt phê quản	1					
			Bộ chuyên màng bán lai bán rắn	1					
			Bộ dụng cụ dùng để xác định tỷ trọng	2					
			Bộ đèn soi UV soi sắc ký CN6 Vilber Lourmart	1					
			Bộ đĩa tạo hạt	1					
			Bộ điều khiển CK cho máy cất quay CK	1					
			Bộ điều nhiệt cách thủy	1					
			Bộ định lượng tinh dầu	12					
			Bộ đo độ dẻo mỹ phẩm	1					
			Bộ đo giảm đau trên bàn chân chuột	1					
			Bộ đóng viên nắp nhôm	1					
			Bộ giá trữ lạnh ống	1					
			Bộ giỏ quay Valkel	1					
			Bộ hydrat hóa	1					
			Bộ kiểm soát độ ẩm	1					
			Bộ khuếch đại tín hiệu kiểu lực	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Bộ lọc chân không bằng Inox	1					
			Bộ lọc chuyên dụng dùng cho máy đông khô	1					
			Bộ lọc mẫu phân tích	1					
			Bộ lọc nén	1					
			Bộ lọc nước siêu sạch	2					
			Bộ pipet 1 kênh	1					
			Bộ phản ứng có áo nhiệt	1					
			Bộ phân tích bằng sắc ký lớp mỏng	1					
			Bộ phun thuốc thử dẫn xuất hóa chạy điện	1					
			Bộ sàng dây phân tích kích thước hạt	1					
			Bộ sắc ký lớp mỏng định lượng Camag	1					
			Bộ tủ ghép	2					
			Bộ thí nghiệm mạch cầu	3					
			Bộ thùng pha chế -02 bộ (08cái)	1					
			Bộ vi chiết pha rắn Witeg SPE-12	1					
			Bộ xử lý mẫu cho hồng ngoại Merck Lichvolut	1					
			Bơm chân không dầu	14					
			Bơm chân không màng	11					
			Bơm chân không tuần hoàn nước	19					
			Bơm hút và đẩy	2					
			Bơm mẫu tự động	1					
			Bơm nhu động	1					
			Bơm rửa cột HPLC	4					
			Bơm tiêm điện tự động	2					
			Bơm tiêm thâm tích	1					
			Buồng cấy cho PCR Airtech	1					
			Buồng nuôi cấy vi sinh	6					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Buồng nuôi cơ quan cô lập	1					
			Buồng pha chế vô khuẩn	2					
			Buồng triển khai sắc ký tự động	2					
			Các phụ kiện cho máy dập viên xoay tròn	1					
			Cân phân tích cơ	2					
			Cân kỹ thuật điện tử	68					
			Cân phân tích AND	3					
			Cân phân tích bán vi lượng	1					
			Cân phân tích điện tử	44					
			Cân phù nhiệt	3					
			Cân xác định độ ẩm	11					
			Cầu Wheatstone	2					
			CSDL Drugdex System	1					
			Chiết suất siêu âm	1					
			Chuông Mê lộ	1					
			Chụp hút khí thải cho máy	3					
			Đèn Cathode rỗng + dd chuẩn 4 loại	1					
			Đèn soi UV sắc ký	11					
			Điện di trên gel	2					
			Giá đỡ đựng hóa chất dụng cụ thí nghiệm	23					
			Hệ thống bình phản ứng chịu áp lực	1					
			Hệ thống bình phản ứng thủy tinh	2					
			Hệ thống bơm chân không dầu	2					
			Hệ thống bơm chân không Rocker	1					
			Hệ thống cấp nước khàn cấp có vòi sen	1					
			Hệ thống cát quay chân không	1					
			Hệ thống chiết siêu tới hạn và tạo hạt	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Hệ thống chụp ảnh và phân tích dữ liệu	2					
			Hệ thống chụp và phân tích Gel	2					
			Hệ thống đa chức năng dùng cho phòng thí nghiệm	1					
			Hệ thống đa phương tiện mô phỏng giảng dạy	1					
			Hệ thống điện di	2					
			Hệ thống điện phân	1					
			Hệ thống đo độ hoà tan viên thuốc tự động	1					
			Hệ thống Elisa	3					
			Hệ thống hút mẫu tự động	1					
			Hệ thống lọc khí phòng máy	2					
			Hệ thống lưu điện, phát điện	1					
			Hệ thống máy chụp ảnh và phân tích dữ liệu	1					
			Hệ thống máy khuấy đồng nhất tốc độ cao	1					
			Hệ thống máy Real-time PCR	1					
			Hệ thống máy sắc ký khí khô phổ GCMS	1					
			Hệ thống PCR Eppendorf	1					
			Hệ thống phân tích khô phổ	2					
			Hệ thống phòng cháy chữa cháy	1					
			Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử	1					
			Hệ thống sắc ký bản mỏng	1					
			Hệ thống sắc ký lỏng khô phổ LC/MS/MS	1					
			Hệ thống soi và chụp ảnh gen và phụ kiện	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Hệ thống thiết bị làm bay hơi dung môi	1					
			Hệ thống UHPLC	1					
			HT máy quang phổ phát xạ	1					
			HT tích hợp máy trộn,xát hạt,sửa hạt CS nhỏ	1					
			Kính hiển vi 2 mắt	183					
			Kính hiển vi soi nổi	24					
			Kính hiển vi soi ngược	1					
			Kính lúp soi nổi	2					
			Khúc xạ kế	9					
			Lò Graphite	1					
			Lò nung	7					
			Ly tâm ống đế bàn	2					
			Mách tách chiết được liệu 1200 viên SN 450	2					
			Máy (lông) ghi chuyên hóa	2					
			Máy bao bột khô	1					
			Máy bao phim cỡ nhỏ	1					
			Máy bao viên mini	1					
			Máy cắt tiêu bản	2					
			Máy cất nước 1 lần	1					
			Máy cất nước 2 lần	4					
			Máy cất quay	2					
			Máy cất quay chân không	21					
			Máy cô định động vật & theo dõi TD được lý	1					
			Máy cô mẫu băng	1					
			Máy cung cấp khí Nitrogen cho xử lý mẫu	1					
			Máy cực phổ	1					
			Máy chiết siêu âm	2					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy chuẩn độ điện thế	7					
			Máy dán túi nilon	1					
			Máy dập viên	8					
			Máy đánh giá giải phóng thuốc qua	1					
			Máy đẩy ép qua màng	1					
			Máy đệm khuôn lặc	1					
			Máy điện di	10					
			Máy đo áp suất thâm thấu	3					
			Máy đo dung tích sông	3					
			Máy đo độ bền Gel	1					
			Máy đo độ cứng viên nén	4					
			Máy đo độ chảy	13					
			Máy đo độ dẫn đề bàn	4					
			Máy đo độ đục dung dịch	1					
			Máy đo độ hòa tan	5					
			Máy đo độ mài mòn viên	1					
			Máy đo độ nhớt	1					
			Máy đo độ phù chân chuột	1					
			Máy đo độ rã viên nén	1					
			Máy đo độ trơn chảy	3					
			Máy đo HA gián tiếp	1					
			Máy đo hàm lượng nước	1					
			Máy đo hằng số điện môi	1					
			Máy đo hấp thụ chất rắn	1					
			Máy đo hoạt tính vận động	1					
			Máy đo khối lượng riêng của bột	1					
			Máy đo lưu biên	1					
			Máy đo lưu lượng tuần hoàn máu não động vật	1					
			Máy đo micro pH	1					
			Máy đo năng suất quay cực cơ	1					
			Máy đo PH	29					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy đo phản xạ bằng bản nhiệt	2					
			Máy đo quang kết nối máy tính	1					
			Máy đo sinh hóa máu	2					
			Máy đo sức căng bề mặt	1					
			Máy đo và đếm kích thước tiêu phân	1					
			Máy đo vòng vô khuẩn	1					
			Máy đọc đĩa đa năng đo độ hấp thụ, huỳnh quang	1					
			Máy đóng nang thủ công	1					
			Máy đóng túi thuốc bột	1					
			Máy đóng thuốc phun mù	1					
			Máy đồng hóa bằng siêu âm	6					
			Máy đông khô	3					
			Máy đun - vo tạo cầu	4					
			Máy gây mê hô hấp cho động vật	1					
			Máy ghi 1 kênh	2					
			Máy gia nhiệt cho phản ứng	1					
			Máy hút âm công nghiệp	3					
			Máy hút chân không	1					
			Máy hút dung dịch bằng chân không	1					
			Máy hứng phân đoạn	1					
			Máy in	9					
			Máy kích thích điện	2					
			Máy Kimograph	1					
			Máy khuấy cơ	17					
			Máy khuấy tốc độ cao	1					
			Máy khuấy từ gia nhiệt	105					
			Máy khử âm	1					
			Máy khử trùng chông môc	1					
			Máy làm bay hơi mẫu bằng khí N2	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy lạnh đông sâu đa dụng	1					
			Máy lắc	10					
			Máy lắc siêu âm	1					
			Máy lắc điều nhiệt	6					
			Máy lắc ngang Multi Bio 3D	1					
			Máy lọc nước siêu sạch	1					
			Máy ly tâm	31					
			Máy ly tâm lạnh	12					
			Máy nén khí	2					
			Máy nghiền đông khô	4					
			Máy nhào trộn	1					
			Máy nhân gen và phụ kiện	2					
			Máy phá mẫu băng siêu âm	1					
			Máy phân tích cỡ hạt	1					
			Máy phân tích đông máu	1					
			Máy phân tích huyết học	2					
			Máy phân tích huyết học của động vật 20 thông số	1					
			Máy phân tích nhiệt	2					
			Máy phân tích sinh hóa nước tiêu	3					
			Máy phun sương	2					
			Máy quang phổ hồng ngoại	2					
			Máy quang phổ huỳnh quang	1					
			Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	3					
			Máy quang phổ UV-VIS	27					
			Máy quét Fujitsu Fi-SP30F	1					
			Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	16					
			Máy sấy khí nito	1					
			Máy sấy khô khí nén	1					
			Máy sấy tầng sôi	2					
			Máy sinh khí Hydro	1					
			Máy soi tử ngoại	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Máy soi thuốc tiêm	1					
			Máy tạo hoàn cứng tự động loại nhỏ	1					
			Máy tạo khí Hydrogen	1					
			Máy tạo nang mềm ép khuôn	1					
			Máy thái dược liệu	1					
			Máy thử độ dãn	1					
			Máy thử độ giải phóng thuốc đạn	1					
			Máy thử độ hòa tan	2					
			Máy thử độ mài mòn viên thuốc	1					
			Máy trộn cao tốc tạo hạt	1					
			Máy trộn cốm khô mini	1					
			Máy trộn chữ V Shakti	1					
			Máy ủ âm	1					
			Máy ủ có lắc	1					
			Máy vẩy ly tâm	1					
			Máy xác định độ rã thuốc	2					
			Máy xác định nhiệt nóng chảy	1					
			Máy xay	7					
			Micropipet 1000-5000ml	1					
			Micropipette 8 kênh	3					
			Mô hình người	1					
			Nồi cách thủy	6					
			Nồi hấp tiệt trùng	12					
			Nồi phản ứng Ankyl hóa	1					
			Nồi phản ứng thủy phân	1					
			Nhớt kê	1					
			Pipet máy	3					
			Phân cực kê	17					
			Phân cực kê tự động	2					
			Phân mềm CSDL và kết nối TB	7					
			Quạt hút + tủ hút	41					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Tủ an toàn sinh học cấp 2	1					
			Tủ âm	17					
			Tủ bảo quản mẫu	9					
			Tủ chuyên dụng đựng hóa chất	1					
			Tủ đựng dụng cụ	5					
			Tủ đựng hóa chất có bộ phận lọc khí	3					
			Tủ đựng tài liệu	6					
			Tủ lạnh âm sâu	11					
			Tủ nuôi cây vô trùng	1					
			Tủ pha chế vô khuẩn	1					
			Tủ sấy	54					
			Tủ sấy chân không	1					
			Tủ tài liệu 2 cánh 7 khoang						
			Tủ vi khí hậu	4					
			Thang tải chở dược phẩm	1					
			Thiết bị chụp ảnh gel Vilber	1					
			Thiết bị đánh giá giải phóng dược chất thuốc đạn	1					
			Thiết bị đo độ nhớt	1					
			Thiết bị đo độ rã thuốc đạn	1					
			Thiết bị đo độ thâm của dược chất qua da	1					
			Thiết bị đo rối loạn hô hấp của động vật	2					
			Thiết bị đồng nhất hóa	2					
			Thiết bị Hydrogen hóa	2					
			Thiết bị làm lạnh bình phản ứng B6/-85	1					
			Thiết bị làm ngưng nhanh trong	1					
			Thiết bị lọc tuyến tính	1					
			Thiết bị nghiên cứu da	1					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính		Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
			Tên trang thiết bị	Số lượng			Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Thiết bị phản ứng áp lực	1					
			Thiết bị phản ứng nhiệt độ -	1					
			Thiết bị phản ứng sử dụng kỹ thuật vi sóng	1					
			Thiết bị phun bao phim Vangaurd	1					
			Thiết bị tăng sôi mini Uniglatt	1					
			Thiết bị thử độ kín của vỉ, ống tiêm	1					
			Thiết bị xử lý mẫu băng phương pháp chiết pha lỏng-lỏng	1					
			Trụ quay Rota-Rod	1					
4	Phòng họp	4	Máy chiếu	2	CBGV, NV, người học	425,7	x		
			Tivi	2					
			Hệ thống âm thanh	2					
			Webcame Logitech	2					
			Điều hòa cây	4					
			Điều hòa âm trần	2					
			Điều hòa gắn tường	1					
5	Phòng máy	3	Máy tính để bàn	115	CBGV, NV, người học	252	x		
			Máy chiếu	3					
			Điều hòa	6					
6	Giảng đường	20	Máy chiếu	18	GV, người học	3319,3	x		
			Camera	21					
			Điều hòa	49					
			Hệ thống âm thanh	8					
			Tivi	7					
7	Phòng ở ký túc xá	76	Giường tầng sinh viên	333	Người học	3948,6	x		
			Quạt trần	76					
8	Y tế	2	Điều hòa 2 cục 1 chiều General 12000	1	CBGV, NV, người học	105	x		

- 42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây (triệu đồng):**
- Năm 2017: 126.849
 - Năm 2018: 132.705
 - Năm 2019: 137.213
 - Năm 2020: 133.240
 - Năm 2021: 140.848
- 43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây (triệu đồng):**
- Năm 2017: 40.475
 - Năm 2018: 42.934
 - Năm 2019: 44.735
 - Năm 2020: 50.217
 - Năm 2021: 55.696
- 44. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, CGCN và phục vụ cộng đồng (triệu đồng):**
- Năm 2017: 16.392
 - Năm 2018: 24.988
 - Năm 2019: 29.929
 - Năm 2020: 26.369
 - Năm 2021: 28.248
- 45. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, CGCN và phục vụ cộng đồng (triệu đồng):**
- Năm 2017: 15.339
 - Năm 2018: 22.939
 - Năm 2019: 29.284
 - Năm 2020: 24.557
 - Năm 2021: 28.095
- 46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo (triệu đồng):**
- Năm 2017: 115.589
 - Năm 2018: 111.992
 - Năm 2019: 114.527
 - Năm 2020: 105.090
 - Năm 2021: 109.723
- 47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ (triệu đồng):**

- Năm 2017: 1.007
- Năm 2018: 1.177
- Năm 2019: 418
- Năm 2020: 460
- Năm 2021: 399

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm (triệu đồng):

- Năm 2017: 0
- Năm 2018: 0
- Năm 2019: 21
- Năm 2020: 0
- Năm 2021: 0

VI. Kết quả KĐCLGD

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		ĐGN		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá lần 1	Năm cập nhật báo cáo tự đánh giá	Tên tổ chức đánh giá	Tháng/năm tự đánh giá	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCLG D	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	CSGD	Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường đại học theo văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/03/2014 và Công văn số 1237/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng trường đại học ngày 03/8/2016 của cục Khảo thí & KĐCLGD	2017	2017	Trung tâm KĐCLG D ĐHQGH N	10/2017	Đạt 86,9%	30/03/2018	30/3/2023
		Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học. Quyết định số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019	2022	2022	Trung tâm KĐCLG D – Đại học Quốc				

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		ĐGN		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá lần 1	Năm cập nhật báo cáo tự đánh giá	Tên tổ chức đánh giá	Tháng/năm tự đánh giá	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCLG Đ	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
		v/v thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo công văn số 768/QLCL-KĐCLGD.			gia Hà Nội				

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 173

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 57,48%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 58,38%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 40,46%

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 3579

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 20,57

Tỷ lệ SVTN so với số tuyển vào (%): 91%

3. Đánh giá của SVTN về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 99,73%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0,20%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%): 94,5%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 5,5%

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%): 5,7%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 9,89 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà sử dụng về SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 93,9%

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 6,1%

6. Nghiên cứu khoa học, CGCN và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao KH-CN và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: **0,80** (142/177)

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, CGCN và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: **97,23** (17.215/177)

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: **0,34** (52/177)

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: **10,69** (1893/177)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: **2,03** (361/177)

7. Cơ sở vật chất (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: $19.920,8 \text{ m}^2 / 3.576 \text{ SV} = 5,57 \text{ m}^2/\text{SV}$

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: $660/3576 = 0,18$

8. Kết quả KĐCLGD

Cấp cơ sở giáo dục: Đạt 86,9% lần 1 năm 2017

Cấp CTĐT: Chưa đánh giá

PHỤ LỤC 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH

Số: 102 /KH-DHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội trong giai đoạn 2017 - 2022 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và bảng hướng dẫn đánh giá kèm theo công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Dược Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 94/QĐ-DHN ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội, Hội đồng gồm có 19 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban Thư ký giúp việc và các Nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian
1	TC01. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa TC02. Quản trị TC03. Lãnh đạo và quản lý TC04. Quản trị chiến lược TC05. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	Nhóm 1	1/3- 31/8/2022
2	TC09. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong TC10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài TC11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong TC12. Nâng cao chất lượng	Nhóm 2	1/3- 31/8/2022
3	TC13. Tuyển sinh và nhập học TC14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học TC15. Giảng dạy và học tập	Nhóm 3	1/3- 31/8/2022

	TC16. Đánh giá người học TC17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học TC22. Kết quả đào tạo		
4	TC08. Các mạng lưới và quan hệ quốc tế TC18. Quản lý nghiên cứu khoa học TC19. Quản lý tài sản trí tuệ TC20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học TC23. Kết quả nghiên cứu khoa học	Nhóm 4	1/3- 31/8/2022
5	TC.06. Quản lý nguồn nhân lực TC21. Kết nối và phục vụ cộng đồng TC24. Kết quả phục vụ cộng đồng TC07. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất TC25. Kết quả tài chính và thị trường	Nhóm 5	1/3- 31/8/2022

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn lực cần huy động: Nguồn nhân lực; Cơ sở vật chất và Trang thiết bị; Tài chính.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	TC01. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa TC02. Quản trị TC03. Lãnh đạo và quản lý TC04. Quản trị chiến lược TC05. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; - Phân loại và mã hóa các thông tin và minh chứng thu được; - Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá; - Viết báo cáo của từng tiêu chí và báo cáo tiêu chuẩn.	- Hội đồng Trường - Đảng ủy - P. Tổ chức - Hành chính - Các đơn vị - Các lớp	1/3- 31/8/2022	
2	TC09. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong TC10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; - Phân loại và mã hóa các thông tin và minh chứng thu được;	- P. ĐBCL&KT - Các đơn vị - Các lớp	1/3- 31/8/2022	

	TC11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong TC12. Nâng cao chất lượng	- Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá; - Viết báo cáo của từng tiêu chí và báo cáo tiêu chuẩn.			
3	TC13. Tuyển sinh và nhập học TC14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học TC15. Giảng dạy và học tập TC16. Đánh giá người học TC17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học TC22. Kết quả đào tạo	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; - Phân loại và mã hóa các thông tin và minh chứng thu được; - Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá; - Viết báo cáo của từng tiêu chí và báo cáo tiêu chuẩn.	- P. Đào tạo - P. Sau đại học - P. ĐBCL&KT - P. QLSV - Khu Nội trú - Trạm Y tế - Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên - Các bộ môn - Các lớp	1/3- 31/8/2022	
4	TC8. Các mạng lưới và quan hệ quốc tế TC18. Quản lý nghiên cứu khoa học TC19. Quản lý tài sản trí tuệ TC20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học TC23. Kết quả nghiên cứu khoa học	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; - Phân loại và mã hóa các thông tin và minh chứng thu được; - Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá; - Viết báo cáo của từng tiêu chí và báo cáo tiêu chuẩn.	- P. Quản lý khoa học - P. Hợp tác quốc tế - P. Tài chính kế toán - P. Đào tạo - P. Sau đại học - P. Tổ chức - Hành chính - Các đơn vị - Các lớp	1/3- 31/8/2022	

5	TC06. Quản lý nguồn nhân lực TC21. Kết nối và phục vụ cộng đồng TC24. Kết quả phục vụ cộng đồng TC7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất TC25. Kết quả tài chính và thị trường	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; - Phân loại và mã hóa các thông tin và minh chứng thu được; - Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá; - Viết báo cáo của từng tiêu chí và báo cáo tiêu chuẩn.	- P. Tổ chức - Hành chính - P. Đào tạo - P. Sau đại học - P. Quản lý khoa học - Công Đoàn - Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên - P. Tài chính kế toán - P. Quản lý cơ sở vật chất - P. Vật tư-TTB - Thư viện - Các đơn vị - Các lớp	1/3- 31/8/2022	

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài Trường Đại học Dược Hà Nội

Thu thập thông tin từ người sử dụng lao động, cơ sở thực tế, cựu người học qua các hình thức phỏng vấn sâu hoặc thảo luận nhóm tập trung.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài

Xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia.

8. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 (Từ 01/3-04/3)	- Họp Lãnh đạo Trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. - Họp Hội đồng tự đánh giá để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 2 (07/3-11/3)	Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan;

Thời gian	Các hoạt động
	- Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan. - Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua: - Kế hoạch tự đánh giá; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và điều kiện cụ thể của Trường). - Hiệu trưởng ban hành kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 3 - 8 (14/3-22/4)	- Công bố kế hoạch tự đánh giá, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Phân loại và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá. Bổ sung các thông tin, minh chứng còn thiếu để tiêu chí/tiêu chuẩn đạt tối thiểu mức 4 trở lên. - Viết dự thảo báo cáo của từng tiêu chí.
Tuần 9 - 15 (25/4-10/6)	- Các Nhóm công tác chuyên trách bổ sung, hoàn thiện các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các Nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). - Ban Thư ký tổng hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá.
Tuần 16 (13/6-17/6)	Hội đồng Tự đánh giá: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các Nhóm công tác chuyên trách dự thảo (Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá phân công các thành viên trong Hội đồng đọc báo cáo tự đánh giá và đối minh chứng) - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. - Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung. - Các thành viên Hội đồng gửi các bản góp ý dự thảo báo cáo Tự đánh giá cho Thư ký Hội đồng. - Thư ký Hội đồng tổng hợp các góp ý dự thảo báo cáo tự đánh giá.
Tuần 17-18	Hội đồng Tự đánh giá:

Thời gian	Các hoạt động
(20/6-01/7)	1. Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và tiếp thu những ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng. 2. Thảo luận về dự thảo báo cáo tự đánh giá và thông qua báo cáo.
Tuần 19-21 (04/7-15/7)	1. Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) trong nội bộ Trường. 2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. 3. Nhóm nghiên cứu độc lập rà soát dự thảo báo cáo tự đánh giá, đưa ra các khuyến nghị cần thiết.
Tuần 22-23 (18/7-29/7)	1. Hội đồng Tự đánh giá: • Hợp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý và khuyến nghị. • Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. • Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. 2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. 3. Hiệu trưởng ký tên vào bảng tổng hợp kết quả trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 24 (01/8-05/8)	1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT. 2. Trường công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ Nhà trường). 3. Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin, minh chứng theo quy định.
Từ tuần 25 (08/8-31/8)	1. Thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động. 2. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường;
- Đảng ủy;
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng Tự đánh giá;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Nhóm chuyên trách;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT; ĐBCL&KT.

HIỆU TRƯỞNG



★ Nguyễn Hải Nam

Số: 94 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Dược Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc tách Trường Đại học Y Dược thành hai trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí tại Tờ trình ngày 01/3/2022 và ý kiến của Hiệu trưởng;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Dược Hà Nội gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban Thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

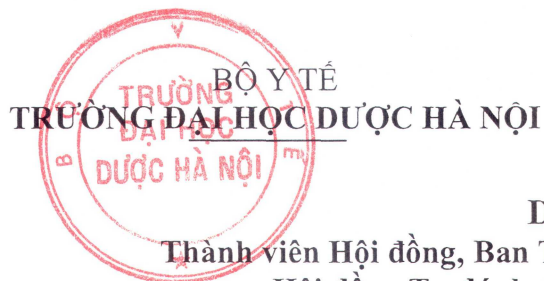
Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Tài chính kế toán, Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, các đơn vị và ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch Hội đồng trường (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TC-HC.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Nguyễn Hải Nam



DANH SÁCH

**Thành viên Hội đồng, Ban Thư ký, các nhóm công tác chuyên trách
Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Dược Hà Nội**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-DHN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

I. Hội đồng Tự đánh giá

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Hải Nam	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Đinh Thị Thanh Hải	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên
4.	Phạm Văn Quyến	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
5.	Nguyễn Tường Vy	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Ủy viên thường trực
6.	Nguyễn Mạnh Tuyển	Chủ tịch Công đoàn; Trưởng BM Dược học cổ truyền	Ủy viên
7.	Lê Phan Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
8.	Vũ Xuân Giang	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
9.	Đỗ Hồng Quảng	Phó trưởng PT phòng Sau đại học	Ủy viên
10.	Đỗ Quyên	Trưởng phòng Quản lý khoa học	Ủy viên
11.	Tổng Thùy Linh	Trưởng phòng Tài chính kế toán	Ủy viên
12.	Đỗ Xuân Thắng	Trưởng phòng Vật tư & TTB	Ủy viên
13.	Nguyễn Thái An	Trưởng phòng Quản lý sinh viên	Ủy viên
14.	Văn Thị Mỹ Huệ	Trưởng BM. Hóa hữu cơ Thư ký Hội đồng trường	Ủy viên
15.	Đoàn Minh Sang	Bí thư Đoàn Thanh niên Trường	Ủy viên
16.	Trần Mai Trang	Chủ tịch Hội sinh viên Trường	Ủy viên
17.	Kiều Thị Hồng	Phó trưởng phòng ĐBCL&KT	Ủy viên
18.	Phạm Bảo Tùng	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên
19.	Đào Nguyệt Sương Huyền	GVC BM. Công nghiệp Dược	Ủy viên, Thư ký

(Danh sách gồm có 19 người).

II. Ban Thư ký

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Tường Vy	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Trưởng Ban
2.	Văn Thị Mỹ Huệ	Trưởng BM Hóa Hữu cơ; Thư ký HĐT	Ủy viên
3.	Đào Nguyệt Sương Huyền	GVC BM Công nghiệp Dược	Ủy viên
4.	Vũ Thúy Nga	CV Phòng ĐBCL&KT	Ủy viên
5.	Lê Thị Quỳnh Liên	CV Phòng ĐBCL&KT	Ủy viên
6.	Vũ Thị Thanh Thúy	KTV Phòng ĐBCL&KT	Ủy viên
7.	Lê Thị Dinh	Phó trưởng Phòng TC-HC	Ủy viên
8.	Đỗ Ngọc Hòa	Phòng Đào tạo	Ủy viên
9.	Chu Lê Mai	CV Phòng Sau đại học	Ủy viên
10.	Trần Thị Phương	TVV Phòng QLKH	Ủy viên
11.	Hoàng Thị Liên	KTV Phòng TC-KT	Ủy viên
12.	Nguyễn Thu Thảo	Phó trưởng phòng VT-TTB	Ủy viên

(Danh sách gồm có 12 người)

III. Các nhóm công tác chuyên trách

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Chức trách
Nhóm 1			
1.	Nguyễn Hải Nam	Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
2.	Văn Thị Mỹ Huệ	Trưởng BM Hóa Hữu cơ, Thư ký HĐT	Ủy viên Thư ký
3.	Vũ Xuân Giang	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
4.	Đỗ Quyên	Trưởng phòng QLKH	Ủy viên
5.	Lê Phan Tuấn	Trưởng phòng TC-HC	Ủy viên
6.	Lê Thị Dinh	Phó trưởng phòng TC-HC	Ủy viên
7.	Dương Thị Thu Bảo	TVV Phòng TC-HC	Ủy viên
8.	Bạch Phương Thanh	CV Phòng TC-HC	Ủy viên
Nhóm 2			
1.	Nguyễn Tường Vy	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Trưởng nhóm
2.	Đào Nguyệt Sương Huyền	GVC BM Công nghiệp Dược	Ủy viên Thư ký
3.	Vũ Thúy Nga	CV Phòng ĐBCL&KT	Ủy viên
4.	Lê Thị Quỳnh Liên	CV Phòng ĐBCL&KT	Ủy viên
5.	Vũ Thị Thanh Thúy	KTV Phòng ĐBCL&KT	Ủy viên
6.	Đỗ Ngọc Hòa	Phòng Đào tạo	Ủy viên
7.	Chu Lê Mai	CV Phòng Sau đại học	Ủy viên
8.	Trần Thị Phương	TVV Phòng QLKH	Ủy viên
Nhóm 3			
1.	Đinh Thị Thanh Hải	Phó Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
2.	Vũ Xuân Giang	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên Thư ký
3.	Trần Thị Lan Hương	GV Phòng Đào tạo	Ủy viên
4.	Đỗ Ngọc Hòa	Phòng Đào tạo	Ủy viên
5.	Đỗ Hồng Quảng	Phó trưởng PT Phòng Sau đại học	Ủy viên
6.	Chu Lê Mai	CV Phòng Sau đại học	Ủy viên
7.	Kiều Thị Hồng	Phó trưởng Phòng ĐBCL&KT	Ủy viên
8.	Đào Nguyệt Sương Huyền	GVC BM Công nghiệp Dược	Ủy viên
9.	Nguyễn Khánh Ly	CV Phòng QLSV	Ủy viên
Nhóm 4			
1.	Đỗ Quyên	Trưởng phòng QLKH	Trưởng nhóm
2.	Đinh Thị Hiền Vân	Trưởng phòng HTQT	Ủy viên Thư ký
3.	Phạm Thế Hải	GVC BM Hóa dược	Ủy viên
4.	Trần Thị Phương	TVV Phòng QLKH	Ủy viên
5.	Đặng Văn Quảng	CV Phòng QLKH	Ủy viên
6.	Nguyễn Thị Linh Hà	TVV Phòng HTQT	Ủy viên
7.	Hoàng Thị Liên	KTV Phòng TC-KT	Ủy viên
Nhóm 5			
1.	Lê Phan Tuấn	Trưởng phòng TC-HC	Trưởng nhóm
2.	Lê Thị Dinh	Phó trưởng phòng TC-HC	Ủy viên Thư ký
3.	Phạm Hoàng Diệu Linh	CV Phòng Đào tạo	Ủy viên
4.	Nguyễn Văn Giang	GVC BM Công nghiệp Dược	Ủy viên
5.	Đặng Văn Quảng	CV Phòng QLKH	Ủy viên
6.	Đoàn Minh Sang	Bí thư Đoàn Thanh niên Trường	Ủy viên
7.	Trần Xuân Diệu	CV Phòng TC-HC	Ủy viên
8.	Tổng Thùy Linh	Trưởng phòng TC-KT	Ủy viên
9.	Hoàng Thị Liên	KTV Phòng TC-KT	Ủy viên
10.	Nguyễn Thu Thảo	Phó trưởng phòng VT-TTB	Ủy viên

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC MINH CHỨNG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1:

Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1:

Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.01.01.01	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể HUP đến 2020	2772/QĐ-BYT ngày 3/8/2009	Bộ Y tế	
TC.01.01.02	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.01.01.03	Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	1259/QĐ-TTG ngày 26/07/2011	TTCP	
TC.01.01.04	Phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030	122/QĐ-TTG ngày 10/01/2013	TTCP	
TC.01.01.05	Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ XVI đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2015 – 2020	2015	Đảng bộ TPHN	
TC.01.01.06	Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	68/QĐ-TTg ngày 10/01/2014	TTCP	
TC.01.01.07	Công văn góp ý kiến DTSĐBSXD Sứ mạng tầm nhìn triết lý GD giá trị cốt lõi DTCLPT	631DHN-HCTH ngày 01/11/2019	TC-HC	
	Công văn thảo luận đóng góp ý kiến Sứ mạng tầm nhìn triết lý GD giá trị cốt lõi DTCLPT HUP	632DHN-HCTH ngày 01/11/2019	TC-HC	
	Công văn rà soát sửa đổi bổ sung Sứ mạng tầm nhìn chiến lược văn hóa mục tiêu giáo dục	687/DHN-HCTH ngày 22/11/2018	TC-HC	
TC.01.01.08	Buổi tọa đàm Sứ mạng tầm nhìn của Trường ĐH - Mô hình quản trị ĐH hiện nay	222/TM-DHN ngày 14/6/2019	ĐBCL&KT	
TC.01.01.09	Biên bản họp tổ soạn thảo xây dựng sứ mạng, tầm nhìn		TC-HC	
	- Biên bản họp Ban Chỉ đạo thông qua Dự thảo sứ mạng tầm nhìn; biên bản họp BGH thông qua sứ mạng tầm nhìn		TC-HC	

	Bản tổng hợp ý kiến góp ý xây dựng sứ mạng tầm nhìn	06/12/2018	TC-HC	
	Bản tổng hợp ý kiến góp ý XD sứ mạng tầm nhìn	(14-9-2019)	TC-HC	
TC.01.01.10	Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021- 2025	294 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐT	
	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021- 2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	298 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TCKT	
	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	299QĐ-DHN ngày 29/4/2021	HTQT	
	Chiến lược KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021- 2025	295 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	QLKH	
	Chiến lược ĐBCL của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021- 2025	296 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.01.01.11	Kế hoạch Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021- 2025	386/KH-DHN ngày 12/8/2021	ĐT	
	Kế hoạch Tổ chức Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	698/KH-DHN ngày 17/12/2021	TC-HC	
	Kế hoạch hoạt động Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	388/KH-DHN ngày 12/8/2021	TCKT	
	Kế hoạch hoạt động KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	642/KH-DHN ngày 29/11/2021	QLKH	
	Kế hoạch đảm bảo CLGD của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.01.01.12	Cơ sở dữ liệu HUP 2022			

Tiêu chí 1.2:

Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.01.02.01	Nghị quyết thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường đến 2030, tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	

TC.01.02.02	Danh mục các Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa các năm học	Năm 2018-2021	QLSV	
TC.01.02.03	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng nhiệm vụ năm 2018-2021 (thông qua tại HN VC-NLĐ)	09 BC-DHN ngày 12/01/2021; 06 BC-DHN ngày 07/01/2020; 43BC-DHN ngày 24/01/2019	TC-HC	
TC.01.02.04	Kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng công tác năm học 2018-2022 (đã thông qua tại Hội nghị CBCC)	300 BC-DHN ngày 09/8/2019; 380 BC-DHN ngày 28/8/2020; 436/BC-DHN ngày 06/9/2021	TC-HC	
TC.01.02.05	Chiến lược Đào tạo của của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	294 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐT	
TC.01.02.06	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
TC.01.02.07	Chiến lược Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	298 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TCKT	
TC.01.02.08	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	299QĐ-DHN ngày 29/4/2021	HTQT	
TC.01.02.09	Chiến lược KHCN của của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	295 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	QLKH	
TC.01.02.10	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của của Trường Đại học Dược Hà Nội (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	TC-HC	

Tiêu chí 1.3:

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.01.03.01	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	TC-HC	
TC.01.03.02	Danh mục các Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt CD-SV đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa	Năm 2018-2021	QLSV	
TC.01.03.03	Biên bản Hội nghị viên chức người lao động các năm 2020	05/BB-DHN ngày 7/1/2021;	TC-HC	

		13/BB-DHN ngày 9/1/2019		
TC.01.03.04	Báo cáo đánh giá KQ thực hiện nhiệm vụ và phương hướng nhiệm vụ các năm từ 2018-2021	06/BC-DHN ngày 7/1/2020; 297/BC-DHN ngày 10/8/2018; 300/BC-DHN ngày 9/8/2019; 380/BC-DHN ngày 28/8/2020; 436/BC-DHN ngày 6/9/2021	TC-HC	
TC.01.03.05	Biên báo, bảng biểu	VD: ảnh giá trị tầm nhìn	TC-HC	
TC.01.03.06	Giới thiệu sứ mạng tầm nhìn của Trường trên trang chủ website Trường	http://www.hue.edu.vn/cpbddv/pktvkdcl/noidung/Lists/SuMangMucTieuPhatTien/View_Detail.aspx?ItemID=21	TC-HC	

Tiêu chí 1.4:

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.01.04.01	Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của Trường Đại học Dược Hà Nội	QT.TCHC.2021.05	TC-HC	
TC.01.04.02	Báo cáo kết quả rà soát, chỉnh sửa, bổ sung về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa 2018	Dự thảo lần 1 Dự thảo lần 2 Có file pdf	TC-HC	
	Biên bản họp tổ soạn thảo rà soát, bổ sung “Sứ mạng, tầm nhìn” năm 2018	Có file pdf	TC-HC	
	Bản tổng hợp ý kiến góp ý XD sứ mạng tầm nhìn	06-12-2018	TC-HC	
	Bản tổng hợp ý kiến góp ý XD sứ mạng tầm nhìn	(14-9-2019)	TC-HC	
TC.01.04.03	QĐ v/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2020	2772/QĐ-BYT 03/8/2009	Bộ Y tế	
TC.01.04.04	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	

TC.01.04.05	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến phản hồi của giảng viên về một số lĩnh vực hoạt động của Nhà trường	29/7/2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 1.5:

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.01.05.01	Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của Trường Đại học Dược Hà Nội	QT.TCHC.2 021.05	TC-HC	
TC.01.05.02	Thảo luận đóng góp ý kiến DTSĐBSXD Sứ mạng tầm nhìn triết lý GD giá trị cốt lõi DTCLPT HUP đến 2030 tầm nhìn 2045	631/DHN-HCTH ngày 01/11/2019; 632/DHN-HCTH ngày 01/11/2019	TC-HC	
TC.01.05.03	Biên bản họp Tổ soạn thảo xây dựng sứ mạng tầm nhìn 19.9.2018	Không số ngày 19/9/2018	TC-HC	
TC.01.05.04	Báo cáo nội dung rà soát sửa đổi Sứ mạng tầm nhìn (Dự thảo 1; Dự thảo 2)	File pdf	TC-HC	
TC.01.05.05	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến phản hồi của giảng viên về một số lĩnh vực hoạt động của Nhà trường	29/7/2021	ĐBCL&KT	
TC.01.05.06	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.01.05.07	Giới thiệu sứ mạng tầm nhìn của Trường trên trang chủ website Trường	http://www.hu.edu.vn/cpbdv/pktpkdccl/noidung / Lists/SuMa ngMucTieu PhatTrien/View_Detail.aspx?ItemID=21	TC-HC	

Tiêu chuẩn 2:

Quản trị

Tiêu chí 2.1:

Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách

nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.02.01.01	Chuẩn y BCH Đảng bộ Ban Thường vụ BT-PBT Đảng ủy Trường ĐHDHN khóa XXI nhiệm kỳ 2020-2025	4130/QĐ-ĐUK ngày 10/7/2020	ĐUK	
	Chuẩn y chức danh Bí thư ĐU, Phó BT ĐU Trường Đại học Dược Hà Nội tiếp tục nhiệm kỳ 2015-2020;	2297/QĐ-ĐUK ngày 23/4/2018	ĐUK	
	Chỉ định UV BCH Đảng bộ Trường ĐHDHN tiếp tục nhiệm kỳ 2015-2020	2234/QĐ-ĐUK ngày 27/3/2018	ĐUK	
	Chuẩn y chức danh Bí thư ĐU Phó BT ĐU Trường ĐHDHN tiếp tục nhiệm kỳ 2015-2020	2297/QĐ-ĐUK ngày 23/4/2018	ĐUK	
	Chuẩn y BCH Ban thường vụ BT - PBT - UBKT ĐU Trường ĐHDHN khóa XX nhiệm kỳ 2015-2020	4251/QĐ-ĐUK ngày 29/6/2015	ĐUK	
TC.02.01.02	Thành lập Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2019-2024	2693/QĐ-BYT ngày 27/6/2019	Bộ Y tế	
	Phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2019-2024	2732/QĐ-BYT ngày 28/6/2019	Bộ Y tế	
	Về việc thành lập các Ban chuyên trách của Hội đồng trường Trường ĐHDHN NK 2020-2025	1023 QĐ-HĐTDHN ngày 27/11/2020	HĐT	
TC.02.01.03	Báo cáo Phương án thành lập lại Hội đồng trường	225/DHN-HCTH ngày 4/5/2020	TC-HC	
	Báo cáo phương án thành lập lại Hội đồng Trường	69/DHN-TC-HC ngày 26/5/2020	TC-HC	
	Báo cáo Phương án thành lập lại Hội đồng trường	225/DHN-HCTH ngày 04/5/2020	TC-HC	
TC.02.01.04	Công nhận Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2020-2025	3676/QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	
	Công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2020-2025	3675/QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	

TC.02.01.05	Giao thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	4492/QĐ-BYT ngày 28/10/2020	Bộ Y tế	
	Thực hiện nhân sự Hiệu trưởng của Trường Đại học Dược Hà Nội	03NQ-HĐTDHN ngày 26/4/2021	HĐT	
	Công nhận ông Nguyễn Hải Nam giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội;	3539/QĐ-BYT ngày 21/7/2021	Bộ Y tế	
	Bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN (ông Phạm Văn Quyến);	2792/QĐ-BYT ngày 26/6/2017	Bộ Y tế	
	Bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN (bà Đinh Thị Thanh Hải);	2693/QĐ-BYT ngày 2/6/2017	Bộ Y tế	
TC.02.01.06	Chủ trương kiện toàn các chức PHT Trường ĐHD Hà Nội;	15/NQ-HĐTDHN ngày 24/8/2021	HĐT	
	Kiện toàn chức danh Phó Hiệu trưởng Trường ĐHD Hà Nội với Bà Đinh Thị Thanh Hải;	16/NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	HĐT	
	Kiện toàn chức danh Phó Hiệu trưởng Trường ĐHD Hà Nội với Ông Phạm Văn Quyến;	17/NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	HĐT	
TC.02.01.07	Về việc phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu	520 QĐ-DHN ngày 28/7/2021	TC-HC	
	Về việc phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu	982 QĐ-DHN ngày 17/11/2020	TC-HC	
	Quyết định phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu	558 QĐ-DHN ngày 01/7/2022	TC-HC	
	Vv phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu;	489/QĐ-DHN ngày 5/7/2017	TC-HC	
	Phân công công tác của các thành viên BGH.	1101/QĐ-DHN ngày 24/9/2018	TC-HC	
TC.02.01.08	Tổng hợp các nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết Hội đồng Trường và Hiệu trưởng	04/11/2021	TCHC	
TC.02.01.09	Quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	Năm 1961-2012	Bộ Y tế, TC-HC	

TC.02.01.10	Danh mục các Quyết định đổi tên đơn vị trực thuộc Trường	Năm 1985-2021	Bộ Y tế, TC-HC	
TC.02.01.11	Công nhận kết quả bầu cử UVBCH UVBT CT PCT Công đoàn cơ sở Trường ĐHD Dược Hà Nội NK 2017-2022;	03/QĐ-CĐYT ngày 15/01/2018	CĐYT	
	Công nhận kết quả bầu cử UBKT CNUBKT Công đoàn cơ sở Trường ĐHD Hà Nội nhiệm kỳ 2017-2022;	04/QĐ-CĐYT ngày 05/01/2018	CĐYT	
TC.02.01.12	Công nhận kết quả bầu bổ sung UVBCH CĐCS Trường ĐHD Hà Nội nhiệm kỳ 2017-2022.	275/QĐ-CĐYT ngày 05/9/2019	CĐYT	
TC.02.01.13	Công nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên UBKT CĐCS Trường ĐHDHN	54/QĐ-CĐYT ngày 18/02/2021	CĐYT	
TC.02.01.14	Đề nghị chuẩn y kết quả bầu BCH BTV BT PBT ĐTNCS HCM Trường ĐHD Hà Nội Khóa XXV NK 2019-2022	323(1332-QĐĐTN-TCKT) ngày 11/02/2020	Thành Đoàn HN	
	Công nhận BCH BTV và các chức danh BT PBT ĐTNCSHCM Trường ĐHD Hà Nội NK 2017-2019	408 (3929 QĐ-TĐTN-TCKT) ngày 28/4/2017)	Thành đoàn HN	
	Công nhận UV BCH-UV BTV Đoàn Trường NK 2019-2022	2381 QĐ-TĐTN-TCKT ngày 29/12/2021	Thành đoàn HN	
TC.02.01.15	Quyết định công nhận BCH-BTK-CD chủ chốt HSV NK 2020-2023	111 QĐ-SVHN ngày 14/2/2022	Hội SVVN	
	Công nhận KQ kiện toàn BCH-BTK-BKT và các chức danh chủ chốt HSV ĐH Dược khóa XVII	342 (138 QĐ-SVHN) ngày 17/4/2017	Hội SVVN	
	Công nhận KQ kiện toàn BCH-BTK-BKT HSV Trường NK 2018-2020 (13-9-2019)	1382 (21 QĐ-SVHN) ngày 13/9/2019	Hội SVVN	
TC.02.01.16	Thành lập HĐ Khoa học và Đào tạo	564/QĐ-DHN ngày 28/7/2017	TC-HC	
	Thành lập Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo	885/QĐ-DHN ngày 30/10/2017	TC-HC	
	Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo (GS TS Nguyễn Thanh Bình)	585/QĐ-DHN ngày 03/8/2017	TC-HC	

TC.02.01.17	TL Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021-2022;	593/QĐ-DHN ngày 16/8/2021	TC-HC	
	Thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2020-2021;	608/QĐ-DHN ngày 10/8/2020	TC-HC	
	Điều chỉnh thành viên Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục	136/QĐ-DHN ngày 10/3/2020	TC-HC	
	Thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục	773/QĐ-DHN ngày 05/8/2019	TC-HC	
TC.02.01.18	Danh mục các Quyết định thành lập, kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng	Năm 2017-2021	TCHC	
TC.02.01.19	Danh mục các Quyết định thành lập Hội đồng xét nâng bậc lương	Năm 2017-2021	TCHC	
TC.02.01.20	Danh mục các Quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức	Năm 2017-2019	TCHC	
TC.02.01.21	Danh mục các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học	Năm 2017-2022	SDH	
TC.02.01.22	Ban hành Quy chế làm việc của Đảng ủy Trường ĐHDHN khóa XXI nhiệm kỳ 2020-2025	27/QĐ-ĐU ngày 10/9/2020	VPĐU	
	Ban hành Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ khóa XX nhiệm kỳ 2015-2020	01 QĐ/ĐU ngày 24/6/2015	VPĐU	
	Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khóa XXI	28 QĐ/ĐU ngày 16/9/2020	VPĐU	
TC.02.01.23	Ban hành Quy chế TC và HĐ của HĐT Trường ĐHD HN NK 2020-2025	01/NQ-HĐTDHN ngày 30/10/2020	HĐT	
	Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Dược HN (Sửa đổi bổ sung)	02/NQ-HĐTDHN ngày 28/4/2020	HĐT	
	Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN ngày 19/02/2021	HĐT	
	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường	652 QĐ-BYT ngày 25/2/2009	Bộ Y tế	
TC.02.01.24	Quyết định của Bộ trưởng BHYT về việc thành lập Viện CNDP Quốc gia	1043/QĐ-BYT ngày 08/4/2011	Bộ Y tế	

	Sửa đổi bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của VCNDPQG;	1063/QĐ-DHN ngày 21/12/2017	TC-HC	
	về việc ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động của Viện CNDPQG;	10/NQ-HĐTDHN ngày 10/3/2022	HĐT	
TC.02.01.25	Quyết định của Bộ trưởng BYT về việc thành lập Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc	911/QĐ-BYT ngày 24/3/2009	Bộ Y tế	
	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm QG về TT thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc;	460/QĐ-DHN ngày 28/6/2017	TC-HC	
	Nghị quyết ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động của Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc	11/NQ-HĐTDHN ngày 10/3/2022	HĐT	
TC.02.01.26	Giấy phép xb tạp chí số 480 GP-BTTTT ngày 8-4-2010	Ngày 8/4/2010	Bộ TT-TT	Tạp chí NCD-TTT
	Giấy phép xb tạp chí số 70 GP-BTTTT ngày 30-3-2015	Ngày 30/3/2015	Bộ TT-TT	
TC.02.01.27	Công văn bổ nhiệm Phó tổng BT Tạp chí NCD và thông tin thuốc (13-10-2021)	1555 (1584 CV-BTGTW) ngày 13/10/2021	Ban Tuyên giáo TƯ	
	Công văn bổ nhiệm TBT Tạp chí NCD và thông tin thuốc (29-10-2021)	1640 (1714 CV-BTGTW) ngày 29/10/2021	Ban Tuyên giáo TƯ	
	Công văn bổ nhiệm TBT, PTBT tạp chí Nghiên cứu dược và thông tin thuốc	CV số 1300/BTTTT-CBC ngày 08/5/2013	Bộ TT-TT	
TC.02.01.28	Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản HCM khóa XI	13/12/2017	Trung ương ĐTN	
	Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản HCM	16 HD/TWĐTN-BTC ngày 17/8/2018	Trung ương ĐTN	
TC.02.01.29	Quy chế hoạt động của BCH CĐ Trường ĐHD Hà Nội Khóa XXIII NK 2017-2022;	01/QC-CĐDHN ngày 05/01/2018	CĐ	

	Ban hành Quy chế hoạt động của UB kiểm tra Công đoàn Trường ĐH Dược HN khóa XXIII (thay đổi)	33/QĐ-CĐDHN ngày 11/6/2018	CĐ	
	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra ND nhiệm kỳ 2017-2019	46/QĐ-CĐDHN ngày 27/8/2018	CĐ	
TC.02.01.30	Quy trình quản lý rủi ro khắc phục ngừa	QT.TCHC.20 21.03 ngày 10/12/2021	TC-HC	
TC.02.01.31	TB kế hoạch Thanh tra giám sát đào tạo HKII năm học 2017-2018	154 TB-DHN ngày 26/4/2018	KT&KĐCL	
	Kế hoạch thanh tra giám sát đào tạo thanh tra thi năm học 2018-2019	284TB-DHN ngày 03/8/2018	KT&KĐCL	
	Kế hoạch thanh tra giám sát đào tạo thanh tra thi năm học 2019-2020	293TB-DHN ngày 06/8/2019	KT&KĐCL	
	Kế hoạch thanh tra giám sát đào tạo thanh tra thi năm học 2020-2021	327 TB-DHN ngày 31/7/2020	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch thanh tra giám sát đào tạo thanh tra thi năm học 2021-2022	363 TB-DHN ngày 02/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.02.01.32	Ban hành Quy chế làm việc của Trường ĐHDHN;	412 QĐ-DHN ngày 11/7/2013	TC-HC	
	Ban hành Quy chế Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	01NQ-HĐTDHN ngày 18/01/2021	HĐT	
	Ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Chính quyền và Công đoàn Trường ĐH Dược HN	815 QĐ-DHN ngày 02/10/2020	CĐ	
TC.02.01.33	Nghị quyết ban hành Quy trình xây dựng ban hành các văn bản quản lý của Trường ĐHD Hà Nội	20NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	HĐT	
	Ban hành Quy trình xử lý văn bản thuộc thẩm quyền HĐT Trường ĐHD HN	19NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	HĐT	
TC.02.01.34	Danh mục các Quyết định thành lập Ban Tư vấn và Tổ soạn thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế, quy định của Trường Đại học Dược Hà Nội	Năm 2017-2021	TCHC	

TC.02.01.35	Danh mục các Quyết định ban hành Quy chế, quy định của Trường Đại học Dược Hà Nội	Năm 2017-2021	SĐH, ĐT, QLKH, TCKT, TCHC, ĐBCL&KT, VT&TTB	
TC.02.01.36	Ban hành các Đề án thành lập sáp nhập các đơn vị thuộc trực thuộc trường ĐHD HN	25/NQ-HĐTDHN ngày 24/12/2021	HĐT	
TC.02.01.37	Ban hành Quy định về Tiêu chuẩn ĐK và quy trình BN BNL ĐD LC TGCV MN đối với các chức vụ QL	21 NQ-HĐTDHN ngày 03/12/2021	HĐT	
TC.02.01.38	Danh mục các Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại VCQL	Năm 2017-2021	HĐT, TC-HC	
TC.02.01.39	Danh mục các Quy chế, quy định về công tác ĐBCL và Đào tạo của Trường	Năm 2020-2021	ĐT, TC-HC, ĐBCL&KT	
TC.02.01.40	Ban hành Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường Đại học Dược Hà Nội-1	769/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	QLKH	
	Ban hành Quy định Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHDHN	483/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
	Ban hành Quy định về Hoạt động NCKH của sinh viên Trường ĐHDHN	484/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.02.01.41	Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Ngày 10/12/2021	TC-HC ĐBCL&KT	
	Ban hành Quy định hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của Trường ĐHD HN	1034/QĐ-DHN ngày 30/12/2021	TC-HC	
	Ban hành Chiến lược HĐ kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030-1	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
	Kế hoạch hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của Trường ĐHD HN GĐ 2021-2025	709/KH-DHN ngày 24/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.02.01.42	Báo cáo KQ khảo sát đánh giá hệ thống VBQL của Trường ĐHDHN	644/BC-DHN ngày 30-11-2021	TC-HC	

Tiêu chí 2.2:

Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

TC.02.02.01	Chương trình làm việc toàn khóa của Đảng bộ Trường ĐHDHN lần XXI NK 2020-2025	22 CTr-ĐU ngày 10/9/2020	ĐU	
	Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021		ĐU-BGH	
	Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021		ĐU-BGH	
	Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng đầu năm 2022	27/01/2022	ĐU-BGH	
TC.02.02.02	Danh mục các Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hàng tháng về công tác nhân sự	Năm 2017-2021	VPĐU	
TC.02.02.03	Danh mục các Nghị quyết, Quyết định thông qua các Chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch tài chính, chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục, quy chế tổ chức và hoạt động, đề án thành lập, sáp nhập các đơn vị của Trường Đại học Dược Hà Nội; kế hoạch giảng dạy hàng năm	2020-2021	HĐT	
TC.02.02.04	Danh mục các Nghị quyết của Hội đồng trường thông qua báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ các năm; chủ trương mở mã ngành đào tạo, quy chế tuyển sinh, quy chế tổ chức hoạt động của Trường	2020-2022	HĐT	
TC.02.02.05	Danh mục các Nghị quyết của Hội đồng trường thông qua chiến lược phát triển, chủ trương mở mã ngành đào tạo, chương trình đào tạo của Trường ĐHDHN	2019-2022	HĐT	
TC.02.02.06	Danh mục các Quyết định thành lập TST xây dựng CTĐT, Đề án mở mã ngành, Đề án tuyển sinh	2020-2022	TC-HC, ĐT	
TC.02.02.07	Danh mục biên bản họp giao ban khối ban và giao ban Trường	2018-2021	TC-HC	
TC.02.02.08	Kế hoạch hoạt động Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022	61/KH-CĐDHNN ngày 31/12/2017	CĐ	
TC.02.02.09	Danh mục các biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo	2017-2021	SĐH, HTQT, ĐBCL&KT, ĐT, QLKH	
TC.02.02.10	Danh mục các biên bản họp, thông báo kết luận về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục	2019-2020	ĐBCL&KT	

TC.02.02.11	Danh mục các biên bản họp Hội đồng Thi đua khen thưởng	2018-2021	TCHC	
TC.02.02.12	Danh mục các Kế hoạch đào tạo, kế hoạch tài chính, KHCN, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng giáo dục, kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Trường	2017-2021	TCHC, ĐT, ĐBCL&KT, QLKH, HTQT	
TC.02.02.13	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng công tác năm học 2018-2019;	297/BC-DHN ngày 10/8/2018	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018-2019 và phương hướng công tác 2019-2020;	300/BC-DHN ngày 9/8/2019	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng công tác năm học 2019-2020 (đã thông qua CBCC 8-2020);	380/BC-DHN ngày 28/8/2020	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 phương hướng công tác năm học 2021 -2022	436/BC-DHN ngày 6/9/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị nộp lưu TC-HC	Bản giấy, mail	TC-HC	
TC.02.02.14	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2018;	28/BC-DHN ngày 16/1/2018	TC-HC	
	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019;	43/BC-DHN ngày 24/1/2019	TC-HC	
	Đánh giá KQ thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020;	06/BC-DHN ngày 7/1/2020	TC-HC	
	Đánh giá KQ thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021;	09/BC-DHN ngày 12/1/2021	TC-HC	
TC.02.02.15	Sổ ghi Biên bản họp BCH Công đoàn Trường		CĐ	
TC.02.02.16	Danh mục các hoạt động triển khai công tác Công đoàn của Công đoàn Trường	Năm 2017-2021	CĐ	
TC.02.02.17	Danh mục các báo cáo tổng kết công tác Công đoàn Trường	Năm 2018-2021	CĐ	
TC.02.02.18	Các chương trình, kế hoạch (toàn khóa, hàng năm, giai đoạn,..) của ĐTN/HSV	Năm 2017-2021	ĐTN-HSV	
	Kế hoạch hoạt động ĐTN năm học 2017-2018	(28-7-2017)	ĐTN	
	Kế hoạch hoạt động ĐTN năm học 2018-2019	(27-7-2018)	ĐTN	

	Kế hoạch hoạt động ĐTN năm học 2019-2020	(28-7-2019)	ĐTN	
	Kế hoạch hoạt động ĐTN năm học 2020-2021	(29-7-2020)	ĐTN	
	Kế hoạch hoạt động ĐTN năm học 2021-2022	(28-7-2021)	ĐTN	
TC.02.02.19	Danh mục các kế hoạch tổ chức hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội	Năm 2018-2021	ĐTN-HSV	
TC.02.02.20	Danh mục các Quyết định tặng danh hiệu bằng khen các cấp	Năm 2018-2021	Trường, Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT, CTN, TTCP	
TC.02.02.21	Danh mục các Quyết định khen thưởng của Công đoàn Trường, Công đoàn Y tế VN, Tổng Liên đoàn	Năm 2019-2022	CĐ Trường, CĐYT, TLĐ	
TC.02.02.22	Danh mục các Quyết định khen thưởng của TW Đoàn Thanh niên, Thành đoàn HN, Hội Sinh viên VN	Năm 2017-2021	Trung ương ĐTN Hội SVVN TĐHN	

Tiêu chí 2.3:

Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.02.03.01	Kiện toàn các ban giúp việc Đảng ủy và phân công ĐUV phụ trách các chi bộ đoàn thể (18-7-2017)	29-QĐ ĐU ngày 18/7/2017	ĐU	
	Kiện toàn các Ban Giúp việc ĐU và phân công ĐUV phụ trách các chi bộ đoàn thể (8-5-2018)	14-QĐĐU ngày 8/5/2018	ĐU	
TC.02.03.02	Tách Chi bộ và chỉ định chức danh Bí thư chi bộ (16-8-2017)	30 QĐ-ĐU ngày 16/8/2017	ĐU	
	Tách Chi bộ và chỉ định chức danh Bí thư chi bộ (8-9-2017)	31-QĐ ĐU ngày 8/9/2017	ĐU	
TC.02.03.03	Danh mục các Quyết định sáp nhập chi bộ	Năm 2019	ĐU	
TC.02.03.04	Quyết định đổi tên các Chi bộ (6-4-2020)	06 QĐ-ĐU ngày 6/4/2020	ĐU	
	Quyết định đổi tên Chi bộ (28-7-2020)	13 QĐ-ĐU ngày 28/7/2020	ĐU	

TC.02.03.05	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tháng 10-2017	12 NQ-ĐU ngày 9/10/2017	ĐU	
	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tháng 3-2018 (15-3-2018)	03-NQ ĐU ngày 15/3/2018	ĐU	
TC.02.03.06	Danh mục các kế hoạch cải cách hành chính, sửa đổi xây dựng quy chế, quy định, khảo sát hệ thống VBQL của Trường	2017-2022	TC-HC	
TC.02.03.07	Quyết định giải thể các tổ CĐ CNTT - CTCT - TCCB - Quản trị (20-3-2020)	03 QĐ- CĐDHN ngày 20/3/2020	CĐ	
TC.02.03.08	Danh mục các Nghị quyết ban hành Đề án thành lập sáp nhập các đơn vị; phương án sắp xếp các đơn vị; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	2020-2021	HĐT TC-HC	
TC.02.03.09	Danh mục các báo cáo cải cách hành chính, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chiến lược thành phần	2017-2020	TC-HC ĐBCL& KT	
TC.02.03.10	Thành lập Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2019-2024	2693/QĐ-BYT ngày 27/6/2019	Bộ Y tế	
	Công nhận Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2020-2025	3676/QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	
	Về việc thành lập các Ban chuyên trách của Hội đồng trường Trường ĐHDHN NK 2020-2025	1023 QĐ- HĐTDHN ngày 27/11/2020	HĐT	
	Thông qua Báo cáo Hoạt động 2021 của Hội đồng trường NK 2020-2025 (13-1-2022)	03 NQ- HĐTDHN ngày 13/01/2022	HĐT	
	Thông qua BC giám sát và đánh giá của HĐT về kết quả thực hiện nhiệm vụ 2021 và phương hướng 2022 (13-1-2022)	02 NQ- HĐTDHN ngày 13/01/2022	HĐT	
TC.02.03.11	Sáp nhập CTCT TCCB HCTH	95QĐ-DHN ngày 18/2/2020	TC-HC	
	Sáp nhập Quản trị vào Công nghệ thông tin	101QĐ-DHN ngày 20/2/2020	TC-HC	
TC.02.03.12	Danh mục các Quyết định đổi tên đơn vị thuộc Trường	Năm 1985- 2020	TC-HC	
TC.02.03.13	Kế hoạch rà soát sửa đổi xây dựng các Quy chế quy định quy trình của Trường ĐHDHN	67 KH-DHN ngày 8-2-2022	TC-HC	

TC.02.03.14	Bản tổng hợp danh mục Quy chế, quy định, quy trình HUP 2021	2021	TC-HC	
	Rà soát các quy chế quy định quy trình 2022;	24 DHN-TC-HC ngày 12/01/2022	TC-HC	
	Bản tổng hợp rà soát, sửa đổi, xây dựng mới các Quy chế, quy định, quy trình của Trường ĐHDHN năm 2022;	2022	TC-HC	
TC.02.03.15	Danh mục kế hoạch và báo cáo kết quả khảo sát hệ thống VBQL của Trường	2021-2022	TC-HC	
TC.02.03.16	Danh mục các Quyết định đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng của ĐUK	2018-2021	ĐUK	
TC.02.03.17	Thông qua Báo cáo Hoạt động 2021 của Hội đồng trường ĐH Dược nhiệm kỳ 2020-2025	03 NQ-HĐTDHN ngày 13-1-2022	HĐT	
	Thông qua BC giám sát và đánh giá của HĐT về kết quả thực hiện nhiệm vụ 2021 và phương hướng 2022	02 NQ-HĐTDHN ngày 13-1-2022	HĐT	
TC.02.03.18	Danh mục các Báo cáo tổng kết năm học	2017-2021	TC-HC	
TC.02.03.19	Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức năm 2017	26NQ-DHN ngày 16/1/2018	HCTH	
	Nghị quyết hội nghị công chức viên chức năm 2018	14 NQ-DHN ngày 9/1/2019	HCTH	
	Nghị quyết Hội nghị cán bộ CCVC năm 2019	26/12/2019	HCTH	
	Nghị quyết Hội nghị VC-NLĐ Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2020	7/1/2021	TCHC	
	Nghị quyết Hội nghị VC-NLĐ năm 2021	19/1/2022	TCHC	
TC.02.03.20	Danh mục các báo cáo kết quả công tác Công đoàn năm 2017-2021	2017-2021	CĐ	
TC.02.03.21	Danh mục các Quyết định khen thưởng của Công đoàn Trường (2018-2021)	2018-2021	CĐ	
TC.02.03.22	- Phiếu đánh giá phân loại viên chức hàng năm -mục năng lực quản lý, lãnh đạo (trưởng, phó đơn vị).	2017-2021	TC-HC	Hồ sơ VCQL (Lưu TCCB)
TC.02.03.23	Khen thưởng đảng viên không theo định kỳ đợt II năm 2018	120A (2915-QĐĐUK) ngày 30/11/2018	ĐUK	

	Khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện CT 05-CTTW ngày 15-5-2016 của BCT	70(1185-QĐ ĐUK) ngày 24/12/2021	ĐUK	
	Khen thưởng đảng viên không theo định kỳ đợt II năm 2022	71(1355-QĐ ĐUK) ngày 31/3/2022	ĐUK	
TC.02.03.24	Biên bản Hội nghị Đánh giá viên chức quản lý đơn vị trực thuộc BHYT năm 2021	07BB-DHN ngày 05/01/2021	Bộ Y tế	
	Biên bản Hội nghị Đánh giá viên chức quản lý đơn vị trực thuộc BHYT năm 2020	27BB-DHN ngày 22/01/2021	Bộ Y tế	
TC.02.03.25	Danh mục các Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại VCQL của Trường	Năm 2017-2021	HĐT, TC-HC	
TC.02.03.26	Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2017-2018	52 BC-ĐTN ngày 7-8-2018	ĐTN-HSV	
	Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2018-2019	32 BC-ĐTN ngày 30-8-2019	ĐTN-HSV	
	Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và Phong trào thanh niên năm học 2019-2020	(9-2020)	ĐTN-HSV	
	Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2020-2021	(1-9-2021)	ĐTN-HSV	

Tiêu chí 2.4:

Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.02.04.01	Chuẩn y BCH Đảng bộ Ban Thường vụ BT-PBT Đảng ủy Trường ĐHDHN khóa XXI nhiệm kỳ 2020-2025	4130/QĐ-ĐUK ngày 10/7/2020	ĐUK	
	Chỉ định UV BCH Đảng bộ Trường ĐHDHN tiếp tục nhiệm kỳ 2015-2020	2234/QĐ-ĐUK ngày 27/3/2018	ĐUK	
	Chuẩn y bổ sung ủy viên UBKT Đảng ủy Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2015-2020 (22-4-2019)	34 (3138-QĐ ĐUK) ngày 22/4/2019	ĐUK	
	Chuẩn y BCH-BTV-BT-PBT-UBKTĐU Trường nhiệm kỳ 2015-2020	05(4251 QĐ-ĐUK) ngày 29/6/2015	ĐUK	
TC.02.04.02	Tách Chi bộ và chỉ định chức danh Bí thư chi bộ (16-8-2017)]	30 QĐ-ĐU ngày 16/8/2017	ĐU	
	Tách Chi bộ và chỉ định chức danh Bí thư chi bộ (8-9-2017)].	31-QĐ ĐU ngày 8/9/2017	ĐU	

	Quyết định sát nhập các Chi bộ (28-11-2019)	38 QĐ-ĐU ngày 28/11/2019	ĐU	
TC.02.04.03	Quyết định đổi tên Chi bộ	12-QĐ ĐU ngày 27-7-2022	ĐU	
	Quyết định đổi tên Chi bộ	13 QĐ-ĐU ngày 28-7-2020	ĐU	
TC.02.04.04	Thành lập Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2019-2024	884 (2693 QĐ-BYT) ngày 27/6/2019	Bộ Y tế	
	Phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2019-2024	885 (2732 QĐ-BYT) ngày 28/6/2019	Bộ Y tế	
	Quyết định về việc thành lập HĐT Trường ĐHDHN nhiệm kỳ 2019-2024	2693/QĐ-BYT ngày 27/6/2019	Bộ Y tế	
	Công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2020-2025	1036 (3675/QĐ-BYT ngày 22/8/2020)	Bộ Y tế	
	Công nhận Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2020-2025	1037 (3676/QĐ-BYT ngày 22/8/2020)	Bộ Y tế	
TC.02.04.05	Ban hành Quy chế TC và HĐ của HĐT Trường ĐHD HN NK 2020-2025 (30-10-2020)	01NQ-HĐTDHN ngày 30/10/2020	HĐT	
	Về việc thành lập các Ban chuyên trách của Hội đồng trường Trường ĐHDHN NK 2020-2025	1023 QĐ-HĐTDHN ngày 27/11/2020	HĐT	
TC.02.04.06	Danh mục các Quyết định của BHYT về kiện toàn Ban Giám hiệu Trường	Năm 2017-2021	Bộ Y tế, HĐT	
TC.02.04.07	Danh mục các Quyết định ban hành Quy hoạch tổng thể Trường, các chiến lược thành phần	2009-2017	Bộ Y tế, TCCB, TCKT, ĐT, HTQT, KT&KH CL	
TC.02.04.08	Danh mục các Chiến lược thành phần giai đoạn 2021-2025 của Trường	2020-2021	HĐT, TCHC, TCKT, ĐT, HTQT, QLKH,	

			ĐBCL&KT	
TC.02.04.09	Danh mục các Kế hoạch triển khai các chiến lược thành phần giai đoạn 2021-2025 của Trường	2021	ĐBCL&KT, TCHC, ĐT, QLKH, TCHC, HTQT	
TC.02.04.10	Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	652/QĐ-BYT ngày 25/02/2009	Bộ Y tế	
	Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Dược HN	02 NQ-HĐTDHN ngày 28/4/2020	HĐT	
	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN ngày 19/02/2021	HĐT	
	Ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trực thuộc Trường ĐH Dược HN (24-12-2021)	1010 QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
	Ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Trường ĐHDHN (22-12-2009)	598 QĐ-DHN ngày 22/12/2009	TC-HC	
TC.02.04.11	Danh mục các VBQP về công tác quản trị	Năm 2014-2020	Chính phủ	
TC.02.04.12	Ban hành Quy định về Tiêu chuẩn ĐK và quy trình BN BNL ĐĐ LC TGCV MN đối với các chức vụ QL (3-12-2021)	21 NQ-HĐTDHN ngày 03/12/2021	HĐT	
	Ban hành Quy định bổ nhiệm-điều động-luân chuyển-từ chức-miễn nhiệm-kéo dài TG giữ chức vụ chức danh LĐQL đơn vị (31-1-2019)	118 QĐ-DHN ngày 31/1/2019	TC-HC	
TC.02.04.13	Công nhận kết quả bầu cử UVBCH UVBTV CT PCT Công đoàn cơ sở Trường ĐHD Dược Hà Nội NK 2017-2022;	03/QĐ-CĐYT ngày 15/01/2018	CĐYT	
	Công nhận kết quả bầu cử UBKT CNUBKT Công đoàn cơ sở Trường ĐHD Hà Nội nhiệm kỳ 2017-2022;	04/QĐ-CĐYT ngày 05/01/2018	CĐYT	
	Công nhận kết quả bầu bổ sung UVBCH CĐCS Trường ĐHD Hà Nội nhiệm kỳ 2017-2022.	275/QĐ-CĐYT ngày 05/9/2019	CĐYT	
	Công nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên UBKT CĐCS Trường ĐHDHN	54/QĐ-CĐYT ngày 18/02/2021	CĐYT	

TC.02.04.14	Thành lập Câu lạc bộ thể thao Trường ĐHD Hà Nội	27/QĐ-CĐDHN ngày 22/12/2021	CĐ	
	Công nhận Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ thể thao Trường ĐHD Hà Nội	28/QĐ-CĐDHN ngày 23/12/2021	CĐ	
TC.02.04.15	Công nhận BCH BTV và các chức danh BT PBT ĐTNCSHCM Trường ĐHD Hà Nội NK 2017-2019	3929/QĐ-TĐTN-TCKT ngày 28-4-2017	TĐTN	
	Công nhận UV BCH-UV BTV Đoàn Trường NK 2019-2022	2381/QĐ-TĐTN-TCKT ngày 29-12-2021	TĐTN	
	Chuẩn y kết quả bầu BCH-BTV-BT-Phó BT Đoàn Trường NK 2019-2022	1332/QĐ-TĐTN-TCKT ngày 11-2-2020	TĐTN	
TC.02.04.16	Các Quyết định công nhận CLB của ĐTN (Đội TNTN, Đội văn nghệ, CLB Khởi nghiệp, CLB Nhiếp ảnh, CLB Lý luận trẻ, CLB Báo chí và phát thanh, CLB Bóng đá, CLB Cầu lông, CLB Guitar, CLB Gia sư, CLB Vovinam, ...	2019-2021	BCH Đoàn trường	
TC.02.04.17	Công nhận KQ kiện toàn BCH-BTK-BKT và các chức danh chủ chốt HSV ĐH Dược khóa XVII	342 (138 QĐ-SVHN) ngày 17-4-2017	HSVVN	
	Quyết định công nhận BCH-BTK-CD chủ chốt HSV NK 2020-2023	111 QĐ-SVHN ngày 14-2-2022	HSVVN	
	Công nhận KQ kiện toàn BCH-BTK-BKT HSV Trường NK 2018-2020	21 QĐ-SVHN ngày 13-9-2019	HSVVN	
TC.02.04.18	Quy trình quản lý rủi ro, khắc phục ngừa	QT.TCHC.202 1.03 ngày 10/12/2021	TCHC	
TC.02.04.19	- Phiếu đánh giá phân loại viên chức hàng năm. Hồ sơ VCQL (Lưu TCCB)	2017-2021	TC-HC	
TC.02.04.20	Danh mục các Quyết định điều động, luân chuyển viên chức	Năm 2018-2021	TC-HC	
TC.02.04.21	Danh mục các Quyết định tuyển dụng viên chức	Năm 2018-2020	TC-HC	
TC.02.04.22	Ban hành Quy chế đào tạo bồi dưỡng (7-8-2019)	794 QĐ-DHN ngày 7/8/2019	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức năm 2020 (28-2-2020)	85 KH-DHN ngày 28/2/2020	TC-HC	

	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức giai đoạn 2016-2020 (1-6-2016)	131 KH-DHN ngày 1/6/2016	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức năm 2019 (19-2-2019)	53 KH-DHN ngày 19/2/2019	TC-HC	
TC.02.04.23	Danh mục các Quyết định cử viên chức đi học nâng cao trình độ chuyên môn	Năm 2017-2021	TC-HC	
TC.02.04.24	Danh mục các Quyết định cử viên chức đi học nâng cao trình độ chính trị	Năm 2017-2021	TC-HC	
TC.02.04.25	Danh mục các Quyết định, kế hoạch mở các lớp tập huấn cho viên chức Nhà trường	Năm 2019-2021	TC-HC, SDH, ĐBCL& KT, SDH, QLKH,	
TC.02.04.26	Quy trình ra đề thi kết thúc HP theo hình thức tự luận-trắc nghiệm 2022 (13-6-2022)	Ngày 13/6/2022	ĐBCL& KT	
	Ban hành quy định Quản lý tổ chức dạy học trực tuyến của Trường ĐHDHN (7-5-2020)	302 QĐ-DHN ngày 7/5/2020	ĐT	
TC.02.04.27	Báo cáo đối sánh hệ thống VBQL của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2017-2021	225/BC-DHN ngày 16/5/2022	TC-HC	
	Báo cáo KQ khảo sát đánh giá hệ thống VBQL của Trường ĐHDHN	644 BC-DHN ngày 30/11/2021	TC-HC	

Tiêu chuẩn 3:

Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1:

Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.03.01.01	Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường ĐH Dược Hà Nội	652/QĐ-BYT ngày 25/02/2009	TC-HC	
TC.03.01.02	Quyết định về việc phân công công tác của các thành viên Ban giám hiệu (2017-2022)	- 489/QĐ-DHN ngày 05/7/2017; - 1101/QĐ-DHN ngày 24/9/2018;	TC-HC	

		- 520/QĐ-DHN ngày 28/7/2021; - 558/QĐ-DHN ngày 01/7/2022		
TC.03.01.03	Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2020	2772/QĐ-BYT ngày 03/8/2009	Bộ Y tế	
TC.03.01.04	Công văn về việc hướng dẫn thành lập Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ Y tế	1186/BYT-TCCB, ngày 07/3/2019	Bộ Y tế	
TC.03.01.05	Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019-2024	2693/QĐ-BYT ngày 27/6/2019;	Bộ Y tế	
TC.03.01.06	Nghị quyết thông qua nguyên tắc hoạt động của Hội đồng trường	01/NQ-HĐTDHN 29/11/2019	HĐT	
TC.03.01.07	Nghị quyết ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐT DHN ngày 19/02/2021	HĐT	
TC.03.01.08	Nghị quyết ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025	01/NQ-HĐTDHN ngày 30/10/2020	HĐT	
TC.03.01.09	Quyết định sáp nhập, đổi tên các đơn vị (TCCB, CTCT, HCTH, QT, CNTT, KT&ĐBCL)	2020	TC-HC	
TC.03.01.10	Quyết định thành lập các đơn vị theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường 2/2021	Ngày 23/6/2022	TC-HC	
TC.03.01.11	Nghị quyết số về việc thông qua Chiến lược phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030, tầm nhìn đến 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.03.01.12	Quy chế phối hợp giữa ĐU với BGH các đơn vị và đoàn thể Trường ĐHDHN	26/QĐ-ĐU ngày 10/9/2020	ĐU	
TC.03.01.13	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Chính quyền và Công đoàn Trường Đại học Dược Hà Nội	1108/QĐ-DHN ngày 25/11/2016	TC-HC	
	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Ban giám hiệu với Công đoàn Trường Đại học Dược Hà Nội	565/QĐ-DHN ngày 01/7/2022	TC-HC	
TC.03.01.14	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐH Dược HN	- 536 QĐ-DHN ngày 08/6/2016; - 01/NQ-HĐT, ngày 18/01/2021	TCCB, HĐT	

TC.03.01.15	Quyết định về việc ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường Đại học Dược Hà Nội	598/QĐ-DHN ngày 22/12/2009	TCCB	
	Quyết định ban hành quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trường	1010/QĐ-DHN, ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.03.01.16	Quyết định về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Quản lý sinh viên	1179/QĐ-DHN ngày 12/11/2019	TCCB	
	Quyết định về việc điều chỉnh chức năng và nhiệm vụ của đơn vị (chuyên tổ in từ Thư viện về Vật tư và Trang thiết bị)	830/QĐ-DHN ngày 19/8/2019	TCCB	
TC.03.01.17	Nghị quyết ban hành các Đề án thành lập, sáp nhập các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	25/NQ- HĐTDHN ngày 24/12/2021	HĐT	
TC.03.01.18	Nghị quyết Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Viện công nghệ Dược phẩm quốc gia	10/NQ-HĐT, ngày 10/3/2022	HĐT	
	Nghị quyết Ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động TTQG Thông tin thuốc theo dõi PUCH của thuốc	11 NQ-HĐT, ngày 10/3/2022	HĐT	
TC.03.01.19	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường Đại học Dược Hà Nội	412/QĐ-DHN ngày 11/7/2013	TCCB	
TC.03.01.20	Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác cán bộ	- 14-NQ/ĐU ngày 06/01/2017; - 02-NQ/ĐU ngày 18/01/2019; - 07-NQ/ĐU ngày 14/5/2021; - 16-NQ/ĐU ngày 02/12/2021;	ĐU	
TC.03.01.21	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hàng tháng của Đảng ủy (2017-2022)	2017-2022	ĐU	
TC.03.01.22	Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Dược Hà Nội	- số 3675/QĐ- BYT ngày 22/8/2020; - 2732/QĐ-BYT ngày 28/6/2019	Bộ Y tế	
TC.03.01.23	Quyết định công nhận ông Nguyễn Hải Nam giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	số 3539/QĐ- BYT ngày 21/7/2021	Bộ Y tế	
	Quyết định số bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	1216/QĐ-BYT ngày 7/2/2018	Bộ Y tế	

	Quyết định cử giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	4492/QĐ-BYT ngày 28/10/2020	Bộ Y tế	
	Quyết định cử Phó Hiệu trưởng phụ trách, quản lý, điều hành Trường Đại học Dược Hà Nội	2794/QĐ-BYT ngày 26/6/2017	Bộ Y tế	
TC.03.01.24	Quyết định, Nghị quyết về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội 2017-2022	2017-2022	Bộ Y tế, HĐT	
TC.03.01.25	Quyết định về việc bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng/ Phó Trưởng các đơn vị trong Trường (2017-2021)	2017-2021	TC-HC; HĐT	
TC.03.01.26	Đề án xác định vị trí việc làm – năm 2015 của Trường Đại học Dược Hà Nội		Bộ Y tế	
TC.03.01.27	Quyết định ban hành Quy định tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý đơn vị	- 118/QĐ-DHN ngày 31/11/2019; - 21/NQ-HĐTDHN ngày 03/12/2021	TCCB; HĐT	
TC.03.01.28	Quy chế làm việc	412/QĐ-DHN, ngày 11/07/2013	TCCB	
TC.03.01.29	Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức (2017-2022)	2017-2022	TC-HC	
TC.03.01.30	Biên bản họp, thông báo kết luận Hội nghị giao ban khối , ban, viện, trung tâm (2017-2022)	(2017-2022)	TCCB, TC-HC	
TC.03.01.31	Biên bản, thông báo kết luận họp giao ban đào tạo 2017-2022	2017-2022	ĐT	
TC.03.01.32	Quyết định ban hành Quy chế quản lý thông tin, tuyên truyền, quảng cáo	- 452/QĐ-DHN, 11/7/2014; -413/QĐ-DHN, ngày 11/7/2013	TCCB	

Tiêu chí 3.2:

Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.03.02.01	Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2001-2010 và định hướng đến năm 2020	2469/QĐ-BYT ngày 30/6/2003	Bộ Y tế	

	Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2020	2772/QĐ-BYT ngày 03/8/2009	Bộ Y tế	
TC.03.02.02	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tháng 8-2018;	10-NQ ĐU 10/8/2018	ĐU	
	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tháng 9-2018	11-NQ ĐU 11/9/2018	ĐU	
TC.03.02.03	Nghị quyết số về việc thông qua Chiến lược phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030, tầm nhìn đến 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.03.02.04	Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	294 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐT	
	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	298 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TCKT	
	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	299QĐ-DHN ngày 29/4/2021	HTQT	
	Chiến lược KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	295 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	QLKH	
	Chiến lược ĐBCL của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	296 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.03.02.05	Kế hoạch Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	386/KH-DHN ngày 12/8/2021	ĐT	
	Kế hoạch Tổ chức Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	698/KH-DHN ngày 17/12/2021	TC-HC	
	Kế hoạch hoạt động Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	388/KH-DHN ngày 12/8/2021	TCKT	
	Kế hoạch hoạt động KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	642/KH-DHN ngày 29/11/2021	QLKH	
	Kế hoạch đảm bảo CLGD của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.03.02.06	Công văn về việc rà soát, sửa đổi bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, văn hoá, mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi	687/DHN-HCTH, ngày 22/11/2018	TC-HC	

TC.03.02.07	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ	2017-2022	ĐU	
TC.03.02.08	Kế hoạch phổ biến tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá giá trị cốt lõi	621/KH-DHN, ngày 31/12/2020	TC-HC	
TC.03.02.09	Hình ảnh bảng tin có sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi;		TC-HC	
	Ảnh website của trường có sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi		TC-HC	
	Ảnh pano tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi/Quan sát thực tế		TC-HC	
TC.03.02.10	Kế hoạch về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu khóa học năm học (2017-2022)	2017-2022	QLSV	
TC.03.02.11	Trang Bìa tạp chí nghiên cứu được và thông tin thuốc số 1/2022	Số 1/2022	QLKH	
TC.03.02.12	Mình chứng phổ biến Chiến lược đến các đơn vị trong Trường qua cổng thông tin nội bộ	http://intranet.hup.edu.vn	TC-HC	
TC.03.02.13	Kế hoạch tập huấn công tác Quản trị ĐH cho VCQL cấp trung của Trường;	- 233/KH-DHN ngày 1/6/2020; -305KH-DHN ngày 5/7/2021	TC-HC	
TC.03.02.14	Những điều cần biết đối với sinh viên năm 2017-2022	2017-2022	QLSV	
TC.03.02.15	Biên bản họp, thông báo kết luận Hội nghị giao ban khối, ban, viện, trung tâm 2017-2022	2017-2022	TCCB, TC-HC	
TC.03.02.16	Biên bản, thông báo kết luận họp giao ban đào tạo 2017-2022	2017-2022	ĐT	
TC.03.02.17	Nghị quyết Hội nghị công chức viên chức 2017-2022	2017-2022	TC-HC	
TC.03.02.18	Kế hoạch khai giảng năm học mới (2017-2022)	2017-2022	ĐT, QLSV	
TC.03.02.19	Biên bản gặp mặt cán bộ hướng dẫn sinh viên thực tập, thực tế (2017-2022)	2017-2022	ĐT	
TC.03.02.20	Quyết định mở ngành đào tạo hoá học trình độ đại học	373/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	ĐT	

	Quyết định mở ngành đào tạo đào tạo Công nghệ sinh học	372/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	ĐT	
	Quyết định phê duyệt đề án đào tạo chất lượng cao ngành Dược học, trình độ đại học	1066/QĐ-DHN ngày 31/12/2021	ĐT	
	Quyết định cho phép Trường Đại học Dược Hà Nội đào tạo ngành Hoá dược trình độ đại học	1286/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2020	Bộ GD&ĐT	
TC.03.02.21	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo		ĐT	
TC.03.02.22	Báo cáo kết quả phản hồi của giảng viên về một số lĩnh vực hoạt động của nhà trường	29/7/2021	ĐBCL&KT	
	Tổng hợp kết quả phản hồi của giảng viên, nghiên cứu viên về chất lượng nghiên cứu khoa học	07/9/2021 11/10/2022	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, nghiên cứu viên về hoạt động nghiên cứu khoa học và một số lĩnh vực hoạt động trong nhà trường	24/5/2021 2022	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 3.3:

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.03.03.01	Báo cáo, Công văn báo cáo về công tác tổ chức, cán bộ (2017-2022)	2017-2022	TCCB, TC-HC	
TC.03.03.02	Báo cáo, kế hoạch thực hiện cải cách hành chính (2017-2022)	2017-2022	TCCB, TC-HC	
TC.03.03.03	Công văn về việc hướng dẫn thành lập Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ Y tế	1186/BYT-TCCB, ngày 07/3/2019	Bộ Y tế	
TC.03.03.04	Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019-2024	2693/QĐ-BYT ngày 27/6/2019	Bộ Y tế	
TC.03.03.05	Quyết định công nhận Hội đồng trường Trường ĐH Dược Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025	3676/QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	

TC.03.03.06	Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025	3675/QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	
TC.03.03.07	Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	4492/QĐ-BYT ngày 28/10/2020	Bộ Y tế	
TC.03.03.08	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN	1216/QĐ-BYT ngày 07/02/2018	Bộ Y tế	
	Quyết định công nhận ông Nguyễn Hải Nam giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	3539/QĐ-BYT ngày 21/7/2021	Bộ Y tế	
TC.03.03.09	Quyết định, Nghị quyết bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng (2017-2022)	2017-2022	Bộ Y tế, HĐT	
TC.03.03.10	Quyết định về việc phân công công tác của các thành viên Ban giám hiệu	- 489/QĐ-DHN ngày 05/7/2017; - 1101/QĐ-DHN ngày 24/9/2018; - 520/QĐ-DHN ngày 28/7/2021; - 558/QĐ-DHN ngày 01/7/2022	TCCB, TC-HC	
TC.03.03.11	Quyết định sáp nhập, đổi tên TCCB, CTCT, HCTH, QT, CNTT, KT&ĐBCL	2020	TC-HC	
TC.03.03.12	Nghị lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức nhân sự	16-NQ/ĐU ngày 02/12/2021	ĐU	
TC.03.03.13	Nghị định Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020	CP	
TC.03.03.14	Công văn thực hiện công tác tổ chức cán bộ sau kiểm tra	- 4865/BYT-TCCB ngày 14/9/2020; - 9980/BYT-TCCB ngày 24/11/2021	Bộ Y tế	
TC.03.03.15	Đề án xác định vị trí việc làm – năm 2015 của Trường Đại học Dược Hà Nội		Bộ Y tế	
TC.03.03.16	Nghị quyết ban hành Danh mục vị trí việc làm của Trường Đại học Dược Hà Nội	13/NQ-HĐTDHN ngày 12/4/2022	HĐT	

	Tờ trình Hội đồng trường về việc đề nghị xem xét thông qua và ban hành Danh mục vị trí việc làm của Trường Đại học Dược Hà Nội	163/TTr-DHN ngày 08/4/2022	TC-HC	
TC.03.03.17	Quyết định thành lập tổ công tác, tổ soạn thảo, Hội đồng thẩm định rà soát đề án vị trí việc làm; công văn rà soát đề án vị trí việc làm		TC-HC	
TC.03.03.18	Nghị quyết số về việc thông qua Chiến lược phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030, tầm nhìn đến 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.03.03.19	Quyết định bổ sung chức năng nhiệm vụ của Quản lý sinh viên	1179/QĐ-DHN 12/11/2019	TCCB	
TC.03.03.20	Nghị quyết ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025	01/NQ-HĐTDHN ngày 30/10/2020	HĐT	
TC.03.03.21	Nghị quyết ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐT DHN ngày 19/02/2021	HĐT	
TC.03.03.22	Quyết định ban hành quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trường	1010/QĐ-DHN, ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.03.03.23	Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức, người lao động của Trường Đại học Dược Hà Nội	705/QĐ-DHN ngày 21/9/2021	TC-HC	
TC.03.03.24	Công văn hướng dẫn công tác tổng kết năm học 2017-2022	2017-2022	TCCB, TC-HC	
TC.03.03.25	Biên bản hội nghị đóng góp ý kiến báo cáo kiểm điểm tự đánh giá kết quả công tác của các thành viên Ban Giám hiệu (2017-2022)	2017-2022	TCCB, TC-HC	
TC.03.03.26	Công văn thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức	3065/BYT-TCCB ngày 20/4/2021	Bộ Y tế	
	Công văn thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức là người đứng đầu đơn vị năm 2021	2245/BYT-TCCB ngày 04/5/2022	Bộ Y tế	
TC.03.03.27	Quyết định Xếp loại viên chức, xếp loại lao động để hưởng hệ số điều chỉnh tăng thêm lương (2017-2022)	2017-2022	TCCB, TC-HC	
TC.03.03.28	Ảnh chụp thông báo kết quả đánh giá xếp loại tới các đơn vị (2017-2022)	2017-2022	TC-HC	

TC.03.03.29	Công văn lấy ý kiến bổ sung quy hoạch VCQL (2017-2022)	2017-2022	TCCB, TC-HC	
TC.03.03.30	Kế hoạch triển khai thực hiện, Quyết định phê duyệt, Công văn điều chỉnh, Nghị quyết rà soát quy hoạch viên chức quản lý (2017-2022)	2017-2022	TCCB, TC-HC, ĐU, BCSD	

Tiêu chí 3.4:

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.03.04.01	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Đảng bộ, Ban thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng uỷ Trường ĐH Dược HN khoá XXI, nhiệm kỳ 2020-2025	4130-QĐ/ĐUK ngày 10/7/2020	ĐUK	
	Quyết định chuẩn y chức danh Bí thư Đảng uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2015-2020	2297-QĐ/ĐUK ngày 23/4/2018	ĐUK	
TC.03.04.02	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN	1216 QĐ-BYT ngày 07/02/2018	Bộ Y tế	
	Quyết định công nhận ông Nguyễn Hải Nam giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	3539 QĐ-BYT ngày 21/7/2021	Bộ Y tế	
TC.03.04.03	Quyết định, Nghị quyết kiện toàn, bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN (2017-2022)	2017-2022	Bộ Y tế, HĐT	
TC.03.04.04	Quyết định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử phụ trách, luân chuyển, kéo dài thời gian giữ chức vụ (2017-2021)	2017-2021	HĐT, TC-HC	
TC.03.04.05	Ban hành quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức vụ quản lý đơn vị thuộc và trực thuộc Trường	21/NQ-HĐTDHN ngày 03/12/2021; - 118 /QĐ-DHN ngày 31/01/2019	HĐT, TCCB	
TC.03.04.06	Quyết định mở ngành đào tạo hoá học trình độ đại học	373/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	ĐT	
	Quyết định mở ngành đào tạo đào tạo Công nghệ sinh học	372/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	ĐT	

	Quyết định phê duyệt đề án đào tạo chất lượng cao ngành Dược học, trình độ đại học	1066/QĐ-DHN ngày 31/12/2021	ĐT	
	Quyết định cho phép Trường ĐH Dược HN đào tạo ngành Hoá dược trình độ đại học	1286/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2020	BGDĐT	
TC.03.04.07	Nghị định Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020	CP	
TC.03.04.08	Sáp nhập công tác chính trị và Tổ chức cán bộ vào Hành chính - Tổng hợp	95/QĐ-DHN, ngày 18/2/2020	TC-HC	
	Sáp nhập Quản trị vào Công nghệ thông tin	101/QĐ-DHN, ngày 20/02/2020	TC-HC	
	Quyết định về việc đổi tên Hành chính tổng hợp thành Tổ chức – Hành chính	286/QĐ-DHN, ngày 05/5/2020	TC-HC	
	Quyết định về việc đổi tên Công nghệ thông tin thành Quản lý cơ sở vật chất	287/QĐ-DHN, ngày 05/5/2020	TC-HC	
TC.03.04.09	Quyết định thành lập các đơn vị theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường 2/2021	Ngày 23/6/2022	TC-HC	
TC.03.04.10	Quyết định tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc (2017-2021)	2017-2021	Bộ Y tế	
TC. 03.04.11	Quyết định ban hành quy chế làm việc sửa đổi bổ sung của Đảng uỷ trường Đại học Dược Hà Nội khoá XXI, nhiệm kỳ 2020-2025	27-QĐ/ĐU, ngày 10/9/2020	ĐU	
TC.03.04.12	Nghị quyết ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025	01/NQ-HĐTDHN ngày 30/10/2020	HĐT	
TC.03.04.13	Nghị quyết thông qua nguyên tắc hoạt động của Hội đồng trường	01/NQ-HĐTDHN ngày 29/11/2019	HĐT	
TC.03.04.14	Nghị quyết ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐT DHN ngày 19/02/2021	HĐT	
TC.03.04.15	Nghị quyết ban hành quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN	10/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
TC.03.04.16	Quyết định về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Quản lý sinh viên	1179/QĐ-DHN ngày 12/11/2019	TCCB	

TC.03.04.17	Quy chế phối hợp công tác giữa Chính quyền và Công đoàn Trường Đại học Dược Hà Nội	1108/QĐ-DHN ngày 25/11/2016	TC-HC	
	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Ban giám hiệu với Công đoàn Trường Đại học Dược Hà Nội	565/QĐ-DHN ngày 01/7/2022	TC-HC	
TC.03.04.18	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm từ 2017-2021	-836/QĐ-DHN ngày 10/10/2017; -1286/QĐ-DHN ngày 26/10/2018; -1016/QĐ-DHN -ngày 9/10/2019; -668/QĐ-DHN ngày 1/9/2020; -726/QĐ-DHN ngày 30/9/2021	TCKT	
TC.03.04.19	Quyết định ban hành quy định định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên	1066/QĐ-DHN ngày 21/12/2017	TCCB	
	Quyết định ban hành quy định định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	119/QĐ-DHN ngày 31/01/2019	TCCB	
	Quyết định ban hành quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	96/QĐ-DHN ngày 22/02/2021	TC-HC	
TC.03.04.20	Ban hành Quy chế Đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại Trường ĐH Dược HN	435/QĐ-DHN ngày 14/6/2022	TC-HC	
TC.03.04.21	Quyết định ban hành quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trường	1010/QĐ-DHN, ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.03.04.22	Quyết định về việc thôi giữ chức vụ	-1056/QĐ-DHN ngày 31/12/2021; - 1055/QĐ-DHN ngày 31/12/2021;	TC-HC	

		- 811/QĐ-DHN ngày 30/9/2020; - 929/QĐ-DHN ngày 19/9/2019		
TC.03.04.23	Kế hoạch triển khai thực hiện, Quyết định phê duyệt, Công văn điều chỉnh, Nghị quyết lãnh đạo quy hoạch viên chức quản lý 2017-2022	2017-2022	TCCB, TC-HC, ĐU, BCSĐ	
TC.03.04.24	Quyết định cử Phụ trách, điều chuyển, luân chuyển, bổ nhiệm chức vụ sau khi thành lập Khoa, ban	6/2022-8/2022	TC-HC, HĐT	
TC.03.04.25	Quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động	-1999/QĐ-CTN ngày 15/11/2019; -2195/QĐ-CTN ngày 05/12/2019; -1522/QĐ-CTN ngày 23/8/2021	Chủ tịch nước	
TC.03.04.26	Quyết định tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	-834/QĐ-TTg ngày 09/7/2018; -1665/QĐ-TTg ngày 27/10/2020 -1736/QĐ-TTg ngày 18/10/2021; -1593/QĐ-TTg ngày 22/9/2021	Chính phủ	
TC.03.04.27	Quyết định tặng Bằng khen của Bộ Y tế (2017-2022)	2017-2022	Bộ Y tế	
TC.03.04.28	Quyết định tặng Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo	- 2681/QĐ- BGDĐT ngày 18/9/2020; -1284/QĐ- BGDĐT ngày 15/4/2021	Bộ GD&ĐT	
TC.03.04.29	Quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ (2017-2022)	2017-2022	Bộ Y tế	
TC.03.04.30	Quyết định tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc (2017-2022)	2017-2022	Bộ Y tế	

Tiêu chuẩn 4:**Quản trị chiến lược****Tiêu chí 4.1:**

Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.04.01.01	Thành lập Ban chỉ đạo và tổ soạn thảo rà soát sửa đổi bổ sung xây dựng "Sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, văn hóa, mục tiêu, giá trị cốt lõi	926-QĐ/DHN ngày 29/8/2018	TC-HC	
	TLBTV và TST xây dựng Chiến lược KHCN của Trường ĐH Dược HN giai đoạn 2020-2030 và tầm nhìn 2045	180/QĐ-DHN ngày 31/3/2020	TC-HC	
	TLBCĐ và TST xây dựng Chiến lược Nhân sự của Trường ĐH Dược HN giai đoạn 2021-2025	783/QĐ-DHN ngày 25/9/2020	TC-HC	
	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Tổ soạn thảo xây dựng Chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và mô hình Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Số 870/QĐ-DHN ngày 12/10/2020	TC-HC	
	TLBCĐ và TST xây dựng Chiến lược đào tạo của Trường ĐH Dược HN giai đoạn 2021-2025	896/QĐ-DHN ngày 16/10/2020	TC-HC	
	TLBCĐ và TST xây dựng Chiến lược tài chính của Trường ĐH Dược HN giai đoạn 2021-2025	911/QĐ-DHN ngày 22/10/2020	TC-HC	
	Biên bản họp Ban chỉ đạo xây dựng chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2021-2015.	Số 595/BB-DHN ngày 11/12/2020	TC-HC	
	Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ soạn thảo XD Chiến lược KH dài hạn HĐ phục vụ và kết nối cộng đồng	47 QĐ-DHN ngày 27/1/2021	TC-HC	
TC.04.01.02	Thảo luận đóng góp ý kiến cho Dự thảo sửa đổi, bổ sung, xây dựng sứ mạng tầm nhìn, Dự thảo Chiến lược phát triển HUP đến 2030, tầm nhìn 2045	632/DHN-HCTH ngày 1/11/2019	TC-HC	
	Góp ý DT Chiến lược phát triển KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội GD 2016-2020 tầm nhìn 2030	148DHN-QLKH ngày 19/3/2018	QLKH	
	Bản tổng hợp ý kiến góp ý cho Dự thảo các chiến lược thành phần	65/DHN-TCHC ngày 8/2/2021	TC--HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.04.01.03	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường ĐHDHN (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hàng tháng các năm 2018-2019-2020-2021	2018-2021	ĐU	
	Chương trình làm việc toàn khóa của đảng bộ Trường NK 2020-2025	22-CTr/ĐU ngày 10/9/2020	ĐU	
TC.04.01.04	Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược HN GD 2021-2025	294 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội GD 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội GD 2021-2025	298 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường ĐHD Hà nội GD 2021-2025	299QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược KHCN của Trường ĐHDHN giai đoạn 2021-2025	295 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.04.01.05	Quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược	QT.TCHC.2021.06 ngày 15/12/2021	TC-HC	
	Quy trình xây dựng, triển khai theo dõi việc thực hiện kế hoạch	QT.TCHC.2021.07 ngày 15/12/2021	TC-HC	
TC.04.01.06	Kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	387/DHN-TC-HC ngày 10/7/2020	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo của trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	386/KH-DHN ngày 12/8/2021	QLĐT	
	Kế hoạch hoạt động tài chính của trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	388/KH-DHN ngày 12/8/2021	TC-HC	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch hoạt động KHCN của trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	642/KH-DHN ngày 29/11/2021	QLKH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Kế hoạch Tổ chức Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội GD 2021-2025	698/KH-DHN ngày 17/12/2021	TC-HC	
	Kế hoạch kết nối và hoạt động cộng đồng Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	709/KH-DHN ngày 24/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.04.01.07	Kế hoạch công tác năm học của các đơn vị, bộ môn, phòng, trung tâm, Viện CNDP	Hàng năm	TC-HC	
	Họp giao ban đào tạo sau từng học kỳ	Biên bản họp giao ban hàng quý	TC-HC	
TC.04.01.08	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018	65/DHN-TCCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2019	53/KH-DHN ngày 19/2/2019	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2020	85/KH-DHN ngày 28/2/2020	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018	65/DHN-TCCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	KH rà soát quy hoạch viên chức quản lý giai đoạn 2015-2020;	50/KH-DHN ngày 31/01/2019	TC-HC	
	KH triển khai thực hiện quy hoạch viên chức quản lý nhiệm kỳ 2021-2026;	193/KH-DHN ngày 09/5/2021	TC-HC	
	QĐ phê duyệt quy hoạch chức danh viên chức quản lý đơn vị thuộc, trực thuộc Trường NK 2021-2026	38-QĐ/ĐU ngày 06/9/2021	ĐU	
	Kế hoạch luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng viên chức quy hoạch chức danh quản lý Trường nhiệm kỳ 2021-2026.	287/KH-DHN ngày 29/6/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch cán bộ	405/DHN-TC-HC ngày 01/7/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2015-2020 và phương hướng 2021-2025	404/BC-DHN ngày 14/9/2020	TC-HC	
TC.04.01.09	Kế hoạch các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021	494/KH-TC-HC ngày 2/8/2021	TC-HC	
	Kế hoạch Tài chính năm 2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội	04/NQ-HĐT ngày 26/4/2021 388 KH-DHN ngày 12/8/2021	HĐT	
	Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021-2022	418 KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Kế hoạch Hoạt động Khoa học công nghệ và Sở hữu trí tuệ năm học 2021-2022	538 KH -DHN ngày 15/10/2021	QLKH	
	Kế hoạch đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2022	541 KH –DHN ngày 15/10/2021	ĐT	
	Kế hoạch hoạt động Hợp tác quốc tế năm 2022	60/KH-DHN ngày 26/1/2022	HTQT	
	Kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2021-2025 của Trường	709/KH-DHN, 24/12/2021	TC-HC	
TC.04.01.10	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Số 417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019	Số 343/KH-DHN ngày 30/8/2018	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020	Số 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021	Số 397/KH-DHN ngày 28/8/2020	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022	Số 418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.04.01.11	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022	436/BC-DHN ngày 12/01/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020	500/BC-DHN ngày 19/10/2020	TC-HC	
	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 và phương hướng công tác năm học 2020-2021	380/BC-DHN ngày 28/8/2020	TC-HC	
	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018-2019 và phương hướng công tác 2019-2020	300 BC-DHN ngày 09/8/2019	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng công tác năm học 2018-2019	297/BC-DHN ngày 22/5/2018	TC-HC	
	Biên bản họp giao ban bộ môn, phòng ban hàng năm	2017-2022	TC-HC	Lưu
TC.04.01.12	Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Đề án nâng cao chất lượng GDĐH giai đoạn 2019-2025	422/BC-DHN ngày 31/8/2021	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch cán bộ	405/DHN-TC-HC ngày 01/7/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2015-2020 và phương hướng 2021-2025	404/BC-DHN ngày 14/9/2020	TC-HC	
TC.04.01.13	Báo cáo đánh giá giai đoạn 2016-2020 về các lĩnh vực (Đào tạo, NCKH, TC-NS,..)	591/BC-DHN ngày 24/12/2020 (ĐBCL) 603/BC-DHN ngày 24/12/2020 (NS) 604/BC-DHN ngày 24/12/2020 (KHCH) 617/BC-DHN ngày 31/12/2020 (TC) 620/BC-DHN ngày 31/12/2020 (ĐT)	TC-HC	
TC.04.01.14	Giới thiệu sứ mạng tầm nhìn của Trường trên trang chủ website Trường	http://www.hup.edu.vn/cpbddv/pktdvkdcl/noidung/Lists/SuMangMucTieuPhatTrien/View_Detail.aspx?ItemID=21		

Tiêu chí 4.2:

Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.04.02.01	Thảo luận đóng góp ý kiến cho Dự thảo sửa đổi, bổ sung, xây dựng sứ mạng tầm nhìn, Dự thảo Chiến lược phát triển HUP đến 2030, tầm nhìn 2045	632/DHN-HCTH ngày 1/11/2019	TC-HC	
	Góp ý DT Chiến lược phát triển KHCH của Trường Đại học Dược Hà Nội GD 2016-2020 tầm nhìn 2030	148DHN-QLKH ngày 19/3/2018	QLKH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Bản tổng hợp ý kiến góp ý cho Dự thảo các chiến lược thành phần	65/DHN-TCHC ngày 8/2/2021	TC--HC	
TC.04.02.02	Kế hoạch công tác năm học của các đơn vị, bộ môn, phòng, trung tâm, Viện CNDP	2017-2022	TCHC	
	Họp giao ban đào tạo sau từng học kỳ	Biên bản họp giao ban hàng quý	TC-HC	
TC.04.02.03	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022	436/BC-DHN ngày 12/01/2021	TCHC	
	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020	500/BC-DHN ngày 19/10/2020	TCHC	
	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 và phương hướng công tác năm học 2020-2021	380/BC-DHN ngày 28/8/2020	TCHC	
	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018-2019 và phương hướng công tác 2019-2020	300 BC-DHN ngày 09/8/2019	TCHC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng công tác năm học 2018-2019	297/BC-DHN ngày 22/5/2018	TCHC	
TC.04.02.04	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD của Trường, giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030.	Số 591/BC-DHN ngày 10/12/2020	ĐBCL&KT	
	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2019-2020.		ĐBCL&KT	
	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2020-2021.	Số 424/BC-DHN ngày 31/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.04.02.05	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường ĐHDHN (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hàng tháng các năm 2018-2019-2020-2021	2018-2021	ĐU	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Chương trình làm việc toàn khóa của đảng bộ Trường NK 2020-2025	22-CTr/ĐU ngày 10/9/2020	ĐU	
TC.04.02.06	Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	294 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐT	
	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	298 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TCKT	
	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	299 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	HTQT	
	Chiến lược KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	295 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	QLKH	
	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	

Tiêu chí 4.3:

Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.04.03.01	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường ĐHDHN (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hàng tháng các năm 2018-2019-2020-2021	2018-2021	ĐU	
	Chương trình làm việc toàn khóa của đảng bộ Trường NK 2020-2025	22-CTr/ĐU ngày 10/9/2020	ĐU	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.04.03.02	Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	294 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐT	
	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	298 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TCKT	
	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	299 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	HTQT	
	Chiến lược KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	295 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	QLKH	
	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.04.03.03	Báo cáo tổng kết năm học gửi Bộ giáo dục và đào tạo đánh giá các hoạt động đào tạo trong năm học qua và phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới, bao gồm việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và phục vụ cộng đồng	- 222/BC-DHN, 25/5/2020 - 225/BC-DHN, 26/5/2020 - 500/BC-DHN, 19/10/2020 - 389/BC-DHN, 17/8/2021	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 phương hướng công tác năm học 2021-2022	436/BC-DHN ngày 6/9/2021	TC-HC	
TC.04.03.04	- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm	2017-2022	QLKH	
	Kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm của đơn vị	Kế hoạch gửi vào email QLKH	Bộ môn	
TC.04.03.05	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD của Trường, giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030.	Số 591/BC-DHN ngày 10/12/2020	ĐBCL&KT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2019-2020.		ĐBCL&KT	
	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2020-2021.	Số 424/BC-DHN ngày 31/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.04.03.06	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD của Trường, giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030.	Số 591/BC-DHN ngày 10/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.04.03.07	Kế hoạch các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021	494/KH-TC-HC ngày 2/8/2021	TC-HC	
	Kế hoạch Tài chính năm 2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội	04/NQ-HĐT ngày 26/4/2021 388 KH-DHN ngày 12/8/2021	HĐT	
	Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021-2022	418 KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch Hoạt động Khoa học công nghệ và Sở hữu trí tuệ năm học 2021-2022	538 KH -DHN ngày 15/10/2021	QLKH	
	Kế hoạch đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2022	541 KH –DHN ngày 15/10/2021	ĐT	
	Kế hoạch hoạt động Hợp tác quốc tế năm 2022	60/KH-DHN ngày 26/1/2022	HTQT	
	Kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2021-2025	709/KH-DHN 24/12/2021	TC-HC	
TC.04.03.08	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018	65/DHN-TCCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2019	53/KH-DHN ngày 19/2/2019	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2020	85/KH-DHN ngày 28/2/2020	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018	65/DHN-TCCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	KH rà soát quy hoạch viên chức quản lý giai đoạn 2015-2020;	50/KH-DHN ngày 31/01/2019	TC-HC	
	KH triển khai thực hiện quy hoạch viên chức quản lý nhiệm kỳ 2021-2026;	193/KH-DHN ngày 09/5/2021	TC-HC	
	QĐ phê duyệt quy hoạch chức danh viên chức quản lý đơn vị thuộc, trực thuộc Trường NK 2021-2026	38-QĐ/ĐU ngày 06/9/2021	ĐU	
	Kế hoạch luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng viên chức quy hoạch chức danh quản lý Trường nhiệm kỳ 2021-2026.	287/KH-DHN ngày 29/6/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch cán bộ	405/DHN-TC-HC ngày 01/7/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2015-2020 và phương hướng 2021-2025	404/BC-DHN ngày 14/9/2020	TC-HC	
TC.04.03.09	Báo cáo, Công văn báo cáo về công tác tổ chức, cán bộ (2017-2022)	2017-2022	TCCB, TC-HC	
TC.04.03.10	Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Đề án nâng cao chất lượng GDĐH giai đoạn 2019-2025	422/BC-DHN ngày 31/8/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch cán bộ	405/DHN-TC-HC ngày 01/7/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2015-2020 và phương hướng 2021-2025	404/BC-DHN ngày 14/9/2020	TC-HC	
TC.04.03.11	Báo cáo kế hoạch công tác hợp tác quốc tế năm 2021-2022 và báo cáo chỉ tiêu kế hoạch thực hiện	20/DHN-HTQT ngày 11/1/2022	HTQT	
TC.04.03.12	Báo cáo về việc thực hiện các chỉ số theo quyết định - Quyết định ban hành Bộ chỉ số ĐBCLBT, bộ chỉ số thị trường, bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi - Biên bản họp rà soát bộ chỉ số thông tin ĐBCLBT, bộ chỉ số thị trường và bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi	- 1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020 - 722/BB-DHN ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.04.03.13	Báo cáo tổng kết năm học gửi Bộ giáo dục và đào tạo đánh giá các hoạt động đào tạo trong năm học qua và phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới, bao gồm việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và phục vụ cộng đồng	- 222/BC-DHN, 25/5/2020 - 225/BC-DHN, 26/5/2020 - 500/BC-DHN, 19/10/2020 - 389/BC-DHN, 17/8/2021	TC-HC	
	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022	436/BC-DHN ngày 12/01/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020	500/BC-DHN ngày 19/10/2020	TC-HC	
	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 và phương hướng công tác năm học 2020-2021	380/BC-DHN ngày 28/8/2020	TC-HC	
	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018-2019 và phương hướng công tác 2019-2020	300 BC-DHN ngày 09/8/2019	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng công tác năm học 2018-2019	297/BC-DHN ngày 22/5/2018	TC-HC	

Tiêu chí 4.4:

Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.04.04.01	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường ĐHDHN (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
	Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hàng tháng các năm 2018-2019-2020-2021		ĐU	
	Chương trình làm việc toàn khóa của đảng bộ Trường NK 2020-2025	22-CTr/ĐU ngày 10/9/2020	ĐU	

TC.04.04.02	Kế hoạch công tác năm học của các đơn vị, bộ môn, phòng, trung tâm, Viện CNDP		TCHC	
	Biên bản họp giao ban khối phòng ban, bộ môn, họp giao ban đào tạo	2017-2022	TC-HC	
TC.04.04.03	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Số 417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019	Số 343/KH-DHN ngày 30/8/2018	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020	Số 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021	Số 397/KH-DHN ngày 28/8/2020	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022	Số 418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.04.04.04	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022	436/BC-DHN ngày 12/01/2021	TCHC	
	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020	500/BC-DHN ngày 19/10/2020	TCHC	
	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 và phương hướng công tác năm học 2020-2021	380/BC-DHN ngày 28/8/2020	TCHC	
	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019 và phương hướng công tác năm học 2019-2020	300 BC-DHN ngày 09/8/2019	TCHC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng công tác năm học 2018-2019	297/BC-DHN ngày 22/5/2018	TCHC	
TC.04.04.05	Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Đề án nâng cao chất lượng GDĐH giai đoạn 2019-2025	422/BC-DHN ngày 31/8/2021	TCHC	
	Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch cán bộ	405/DHN-TC-HC ngày 01/7/2021	TCHC	
	Báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2015-2020 và phương hướng 2021-2025	404/BC-DHN ngày 14/9/2020	TCHC	
TC.04.04.06	Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược HN GD 2021-2025	294 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội GD 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	

	Chiến lược Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội GD 2021-2025	298/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường ĐHDH Hà nội GD 2021-2025	299/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược KHCN của Trường ĐHDH giai đoạn 2021-2025	295/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.04.04.07	Rà soát sửa đổi bổ sung Sứ mạng tầm nhìn chiến lược văn hóa mục tiêu giáo dục giá trị cốt lõi	687/DHN-HCTH ngày 22/11/2018	TCHC	
	Nghị quyết chủ trương mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Hóa dược	07NQ-HĐTDHN ngày 10/03/2022	HĐT	
	Nghị quyết Chủ trương đào tạo chất lượng cao ngành Dược trình độ đại học	14/NQ-HĐTDHN ngày 24/8/2021	HĐT	
TC.04.04.08	Biên bản Hội đồng Khoa học thông qua Đề án mở mã ngành CNSH	55/BB-DHN ngày 2/2/2021	Trường Đại học Dược Hà Nội	
	Biên bản Hội đồng Khoa học thông qua Đề án mở mã ngành Hóa học	56/BB-DHN ngày 2/2/2021	Trường Đại học Dược Hà Nội	
TC.04.04.09	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, quy hoạch cán bộ quản lý đơn vị giai đoạn 2015-2020;	30/QĐ-DHN ngày 11/01/2017	TCHC	
TC.04.04.10	Báo cáo đánh giá giai đoạn 2016-2020 về các lĩnh vực (Đào tạo, NCKH, TC-NS,...)	591/BC-DHN ngày 24/12/2020 (ĐBCL) 603/BC-DHN ngày 24/12/2020 (NS) 604/BC-DHN ngày 24/12/2020 (KHCN) 617/BC-DHN ngày 31/12/2020 (TC) 620/BC-DHN ngày 31/12/2020 (ĐT)	TCHC	
TC.04.04.11	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm từ 2017-2021	-836/QĐ-DHN ngày 10/10/2017;	TCKT	

		-1286/QĐ-DHN ngày 26/10/2018; -1016/QĐ-DHN - ngày 9/10/2019; -668/QĐ-DHN ngày 1/9/2020; -726/QĐ-DHN ngày 30/9/2021		
TC.04.04.12	Báo cáo tổng kết năm học gửi Bộ giáo dục và đào tạo đánh giá các hoạt động đào tạo trong năm học qua và phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới, bao gồm việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và phục vụ cộng đồng	- 222/BC-DHN, 25/5/2020 - 225/BC-DHN, 26/5/2020 - 500/BC-DHN, 19/10/2020 - 389/BC-DHN, 17/8/2021	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 phương hướng công tác năm học 2021 -2022	436/BC-DHN ngày 6/9/2021	TC-HC	

Tiêu chuẩn 5:

Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1:

Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.05.01.01	Tầm nhìn, sứ mạng và nhiệm vụ của Trường: Chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.05.01.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	NQ số 02/NQ-HĐTDHN, 19/02/2021	HĐT	
TC.05.01.03	Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	- 598/QĐ-DHN ngày 22/12/2009 - 1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.05.01.04	Tập huấn về công tác quản trị trường đại học cho đội ngũ viên chức quản lý cấp Trung của Trường	233/KH-DHN, 01/6/2020;	TC-HC	
TC.05.01.05	Chiến lược đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	294/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐT	
TC.05.01.06	Chiến lược phát triển KHCN Trường Đại học Dược Hà Nội	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	HĐT	
TC.05.01.07	Quy định tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh của Trường	908/QĐ-DHN, 23/11/2021	HĐT	
TC.05.01.08	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	1008/QĐ-DHN, 24/12/2021	TC-HC	
TC.05.01.09	Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường	1034/QĐ-DHN, 30/12/2021	TC-HC	
TC.05.01.10	Các văn bản đóng góp ý kiến cho dự thảo chính sách đào tạo, KHCN và phục vụ cộng đồng		TC-HC	
TC.05.01.11	Biên bản họp đơn vị đóng góp ý kiến cho dự thảo chính sách đào tạo, KHCN và phục vụ cộng đồng		TC-HC	
TC.05.01.12	Nghị quyết của Hội đồng trường thông qua chủ trương, chính sách quy định các hoạt động của Trường	Theo từng nghị quyết	HĐT	
TC.05.01.13	Kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2021-2025 của Trường	709/KH-DHN, 24/12/2021	TC-HC	

Tiêu chí 5.2:

Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.05.02.01	Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường Đại học Dược Hà Nội	- Số 598/QĐ-DHN ngày 22/12/2009 - Số 1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.05.02.02	Bộ chỉ tiêu KPI khối phòng ban		TC-HC	
TC.05.02.03	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện KPI	622/QĐ-DHN, 23/8/2021	TC-HC	
TC.05.02.04	Kế hoạch thanh tra giám sát đào tạo thanh tra thi	Hàng năm học	ĐBCL&KT	
TC.05.02.05	Quyết định Thành lập đoàn thanh tra thi năm học	Hàng năm học	ĐBCL&KT	
TC.05.02.06	Thành lập đoàn thanh tra tuyển sinh và nhập học	Hàng năm học	ĐBCL&KT	
TC.05.02.07	Kế hoạch, công văn, biên bản rà soát chương trình đào tạo		QLĐT	
TC.05.02.08	Hướng dẫn thanh tra/kiểm tra công tác tuyển sinh trình độ đại học	2909/BDGDĐT-TTr ngày 12/7/2021	Bộ GD&ĐT	
TC.05.02.09	Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường	số 769/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	QLKH	
TC.05.02.10	- Quy trình đăng ký, thẩm định, thực hiện, nghiệm thu đề tài KHCN cấp Trường		QLKH	
TC.05.02.11	- Hướng dẫn triển khai đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương	- 210/TB-DHN, 21/5/2020	QLKH	
TC.05.02.12	- Quy định quản lý hoạt động SHTT trong Trường - Quy chế quản trị TSTT của Trường	- 483/QĐ-DHN, 12/7/2021 - 133/QĐ-DHN, 15/3/2022	QLKH	
TC.05.02.13	Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Mã số: QT.TCHC.2021.04 ban hành ngày 10/12/2021	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.05.02.14	Kế hoạch hoạt động Kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường giai đoạn 2021-2025	709/KH-DHN, 24/12/2021	TC-HC	
TC.05.02.15	Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động KN&PVCĐ	362/BC-DHN, 02/8/2021	TC-HC	
TC.05.02.16	Biên bản Hội nghị giao ban khối phòng, ban, viện 2017-2022	Hàng năm	TC-HC	
TC.05.02.17	Nghị quyết Hội nghị viên chức người lao động hàng năm	Hàng năm	TC-HC	
TC.05.02.18	Báo cáo chính trị của Đảng ủy Trường Đại học Dược Hà Nội	2017-2022	TC-HC	
TC.05.02.19	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng trường	Số 03/NQ-HĐTDHN ngày 13/01/2022	HĐT	
TC.05.02.20	- Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng công tác năm học 2018-2019 - Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018-2019 và phương hướng công tác 2019-2020 - Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng công tác năm học 2019-2020 (đã thông qua CBCC 8-2020) - Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 phương hướng công tác năm học 2021 - 2022	297/BC-DHN ngày 10/8/2018 300/BC-DHN ngày 9/8/2019 380/BC-DHN ngày 28/8/2020 436/BC-DHN ngày 6/9/2021	TC-HC	
TC.05.02.21	Mục đào tạo, Mục Khoa học công nghệ trên Website trường	www.hup.edu.vn		

Tiêu chí 5.3:

Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.05.03.01	Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030	1277/QĐ-DHN, 31/12/2016	ĐBCL&KT	
TC.05.03.02	Nghị quyết về việc ban hành Chính sách Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội.	02/NQ-HĐTDHN, 27/11/2020	HĐT	
TC.05.03.03	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	- 417/KH-DHN, 30/8/2021	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019	343/KH-DHN, 30/8/2018	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020	438 /KH-DHN, 15/10/2019	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021	397/KH-DHN, 28/8/2020	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022	418/KH-DHN, 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.05.03.04	Chiến lược đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	296/QĐ-DHN, 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.05.03.05	Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	294/QĐ-DHN, 29/4/2021	ĐT	
TC.05.03.06	Chiến lược Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	
TC.05.03.07	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường	1008/QĐ-DHN, 24/12/2021	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030			
TC.05.03.08	Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng trường	03/NQ-HĐTDHN, 13/01/2022	HĐT	
TC.05.03.09	- Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng công tác năm học 2018-2019 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018-2019 và phương hướng công tác 2019-2020 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng công tác năm học 2019-2020 (đã thông qua CBCC 8-2020) - Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 phương hướng công tác năm học 2021 - 2022 - Báo cáo tổng kết năm học gửi Bộ giáo dục và đào tạo đánh giá việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và phục vụ cộng đồng	- 297/BC-DHN ngày 10/8/2018 - 300/BC-DHN ngày 9/8/2019 - 380/BC-DHN ngày 28/8/2020 - 436/BC-DHN ngày 6/9/2021 - 2017-2022	TC-TH	
TC.05.03.10	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược và kế hoạch đào tạo của Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	620/BC-DHN, 31/12/2020	ĐT	
TC.05.03.11	Họp giao ban đào tạo sau từng học kỳ	Biên bản họp giao ban hàng quý		
TC.05.03.12	Họp hội đồng khoa học về vấn đề đào tạo	Biên bản họp giao ban		
TC.05.03.13	Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược khoa học và công nghệ trường ĐHDHN 2016-2020	604/BC-DHN, 24/12/2020	QLKH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.05.03.14	Báo cáo đánh giá hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2016-2020	362/BC-DHN, 02/8/2021	TC-HC	
TC.05.03.15	Báo cáo về công tác thanh tra giám sát thực hiện kế hoạch, chính sách đào tạo của các đơn vị trong năm học đó	2017-2022		
TC.05.03.16	Báo cáo tổng kết năm học gửi Bộ giáo dục và đào tạo đánh giá các hoạt động đào tạo trong năm học qua và phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới, bao gồm việc thực hiện các chính sách về đào tạo, KHCN và phục vụ cộng đồng	- 222/BC-DHN, 25/5/2020 - 225/BC-DHN, 26/5/2020 - 500/BC-DHN, 19/10/2020 - 389/BC-DHN, 17/8/2021	TC-HC	
TC.05.03.17	Quy trình Hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo	QT.ĐGCLKT.1 7 Ngày 17-6/2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 5.4:

Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi thu thập	Ghi chú
TC.05.04.01	Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ	538/QĐ-DHN 22/8/2013	ĐT	
TC.05.04.02	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐH Dược HN năm 2017	880/QĐ-DHN ngày 26/10/2017	ĐT	
TC.05.04.03	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐH Dược HN năm 2020	850/QĐ-DHN ngày 08/10/2020	ĐT	
TC.05.04.04	Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường ĐH Dược HN năm 2021	702/QĐ-DHN ngày 16/9/2021	P. ĐT	
TC.05.04.05	Đề án tuyển sinh đại học các năm	Hàng năm	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi thu thập	Ghi chú
TC.05.04.06	Thông báo về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ	Hàng năm	SĐH	
TC.05.04.07	Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ	768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC.05.04.08	Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội	112/QĐ-DHN ngày 09/3/2022	ĐT	
TC.05.04.09	Thông báo về hoạt động thực tập thực tế	Hàng năm	ĐT	
TC.05.04.10	Thông báo Kết luận của cuộc họp về nội dung thi tốt nghiệp Lý thuyết tổng hợp từ năm học 2018-2019	360/TB-DHN ngày 10 /9/2018	ĐT	
TC.05.04.11	Thông báo về việc Thi tốt nghiệp cho sinh viên chính quy khóa 72 ngành Dược học năm học 2021-2022	56/TB-DHN ngày 25/1/2022	ĐT	
TC.05.04.12	Kế hoạch thực hiện sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài	Kế hoạch gửi ĐBCL&KT ngày 16/3/2018	QLKH	
TC.05.04.13	Chiến lược KHCN Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	
TC.05.04.14	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm: - Năm 2018 - Năm 2019 - Năm 2020 - Năm 2021	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018 - 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.05.04.15	Quy định quản lý hoạt động KHCN & SHTT của Trường Đại học Dược Hà Nội;	841/QĐ-DHN, 31/7/2018	QLKH	
TC.05.04.16	Thưởng cho bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp Trường sau nghiệm thu	107/TB-DHN, 28/3/2018	QLKH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi thu thập	Ghi chú
TC.05.04.17	- Phê duyệt Chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường - Thông báo chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường năm 2020	- 881/QĐ-DHN, 14/10/2020 - 493/TB-DHN, 15/10/2020	QLKH	
TC.05.04.18	Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.05.04.19	- Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội	484/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.05.04.20	- Quy định tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh	908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021	QLKH	
TC.05.04.21	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN	TC-HC	
TC.05.04.22	Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường	1034/QĐ-DHN, 30/12/2021	TC-HC	
TC.05.04.23	Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Mã số QT.TCHC.2021. 04	.TC-HC	
TC.05.04.24	Biên bản Hội nghị viên chức người lao động	Hàng năm	TC-HC	
TC.05.04.25	Biên bản Hội họp giao ban khối phòng ban, viện, trung tâm	Hàng năm	TC-HC	
TC.05.04.26	Biên bản Hội họp giao ban đào tạo	Hàng năm	ĐT	
TC.05.04.27	Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT	Theo từng văn bản	TC-HC	
TC.05.04.28	Thông báo kết luận Hội đồng khoa học	Theo từng văn bản	TC-HC	
TC.05.04.29	Khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Theo từng văn bản	ĐBCL& KT	

Tiêu chuẩn 6:

Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1:

Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.06.01.01	Kế hoạch nhân lực giai đoạn 2016-2020	330/KH-DHN ngày 31/12/2016	TC-HC	
TC.06.01.02	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.06.01.03	Ban hành Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường Đại học Dược Hà Nội	09 NQ-HĐTDHN ngày 21/7/2021	HĐT	
TC.06.01.04	- Kế hoạch tổ chức, nhân sự giai đoạn 2021-2025	698/KH-DHN ngày 17/12/2021	TC-HC	
TC.06.01.05	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2017 (trong Công văn báo cáo)	12/DHN-TCCB ngày 05/01/2017	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018 (trong Công văn báo cáo)	65/DHN-TCCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức năm 2019	53 KH-DHN ngày 19/2/2019	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức năm 2020	85 KH-DHN ngày 28/2/2020	TC-HC	
	Đào tạo bồi dưỡng viên chức người lao động năm 2021	234 KH-DHN ngày 28/5/2021	TC-HC	
	Đào tạo bồi dưỡng viên chức người lao động năm 2022	49 KH-DHN ngày 21/01/2022	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020	131/KH-DHN ngày 01/6/2016	TC-HC	
	Luân chuyển đào tạo bồi dưỡng VCQH CDQL Trường ĐHD HN NK 2021-2026	287KH-DHN ngày 29/6/2021	TC-HC	

TC.06.01.06	Tập huấn công tác Quản trị Trường ĐH cho VCQL cấp trung của Trường - Năm 2021	305KH-DHN ngày 5/7/2021	TC-HC	
	Kế hoạch tập huấn công tác Quản trị ĐH cho VCQL cấp trung của Trường	233 KH-DHN ngày 1/6/2020	TC-HC	
TC.06.01.07	Đề án vị trí việc làm 2015	864/TTr-DHN ngày 26/11/2015	TC-HC	
TC.06.01.08	Đề án xác định VTVL của HUP 2022	2022		Mình chứng chờ bổ sung
	Danh mục VTVL của Trường	13/NQ-HĐTDHN ngày 12/4/2022	HĐT	
TC.06.01.09	- Tổng hợp nhu cầu nhân lực năm 2017, 2019 và 2021	2017, 2019,2021	TC-HC	
TC.06.01.10	- Bản tổng hợp kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức theo đề án vị trí việc làm năm 2017	583/DHN-TCCB ngày 31/10/2017	TC-HC	
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019	383/KH-DHN ngày 25/9/2019	TC-HC	
	Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội	516/KH-DHN ngày 08/10/2021	TC-HC	
TC.06.01.11	Dữ liệu đội ngũ: BC nội bộ hàng quý từ năm 2017-2021	2017-2021	TC-HC	
TC.06.01.12	Báo cáo số lượng chất lượng công chức viên chức sự nghiệp (Tính đến 31 tháng 12 năm 2018)	40/BC-DHN ngày 23/01/2019	TC-HC	
TC.06.01.13	Nghị quyết về kiện toàn các chức danh Đảng ủy tiếp tục nhiệm kì 2015-2020	06-NQ/ĐU ngày 24/4/2018	ĐU	
TC.06.01.14	Nghị quyết bàn về công tác cán bộ	12-NQ/ĐU ngày 21/9/2018	ĐU	
	Nghị quyết về công tác cán bộ và tổ chức bộ máy hoạt động	02-NQ/ĐU ngày 18/01/2019	TC-HC	

	Nghị quyết kiện toàn chức danh Hiệu trưởng	04-NQ/ĐU ngày 02/3/2021	ĐU	
	Nghị quyết về Công tác tổ chức nhân sự	07-NQ/ĐU ngày 14/5/2021	ĐU	
	Nghị quyết về Công tác tổ chức nhân sự	10A-NQ/ĐU ngày 02/8/2021	ĐU	
TC.06.01.15	Quyết định phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2019-2024	2732 QĐ-BYT ngày 28/6/2019	Bộ Y tế	
TC.06.01.16	Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2020-2025	3675 QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	
TC.06.01.17	Quyết định công nhận ông Nguyễn Hải Nam giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	3539/QĐ-BYT ngày 21/7/2021	Bộ Y tế	
TC.06.01.18	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN	1216 QĐ-BYT ngày 07/2/2018	Bộ Y tế	
	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN (Đinh Thị Thanh Hải)	2693 QĐ-BYT ngày 02/6/2017	Bộ Y tế	
	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN (Phạm Văn Quyến)	2792 QĐ-BYT ngày 26/6/2017	Bộ Y tế	
TC.06.01.19	Kiện toàn chức danh Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội đối với bà Đinh Thị Thanh Hải theo Quyết định số 2693 QĐ-BYT ngày 02/6/2017 của Bộ Y tế	16/NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	HĐT	
	Kiện toàn chức danh Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội đối với ông Phạm Văn Quyến theo Quyết định số 2792 QĐ-BYT ngày 26/6/2017 của Bộ Y tế	17/NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	HĐT	
TC.06.01.20	Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch VCQL nhiệm kỳ 2021-2026;	193/KH-DHN ngày 09/5/2021	TC-HC	
	Hướng dẫn triển khai thực hiện quy hoạch VCQL nhiệm kỳ 2021-2026;	Hướng dẫn số 76-HD/ĐU ngày 03/6/2021	ĐU	

	Kế hoạch rà soát quy hoạch VCQL giai đoạn 2021-2026 năm 2022	193/KH-DHN ngày 09/5/2021	TC-HC	
	Kế hoạch rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giao đoạn 2015-2020 năm 2020	516/KH-DHN ngày 05/12/2019	TC-HC	
	Kế hoạch rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giao đoạn 2015-2020 (năm 2019)	50/KH-DHN ngày 31/01/2019	TC-HC	
	Kế hoạch rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giao đoạn 2015-2020 (năm 2018)	05/KH-DHN ngày 08/01/2018	TC-HC	
TC.06.01.21	Phê duyệt Quy hoạch chức danh viên chức quản lý đơn vị thuộc trực thuộc Trường nhiệm kỳ 2021-2026	38/QĐ-ĐU ngày 6/9/2021	ĐU	
	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ quản lý đơn vị năm 2020	96/QĐ-DHN ngày 18/02/2020	TC-HC	
	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ quản lý đơn vị năm 2019	242/QĐ-DHN ngày 26/3/2019	TC-HC	
	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ quản lý đơn vị năm 2018	272/QĐ-DHN ngày 22/3/2018	TC-HC	
	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý đơn vị giai đoạn 2015-2020 năm 2017	30/QĐ-DHN ngày 11/01/2017	TC-HC	
	Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội, nhiệm kỳ 2021-2026	47/-QĐ/BCSĐ ngày 25/3/2022	Bộ Y tế	
	Quyết định phê duyệt quy hoạch bổ sung, rà soát chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	104/-QĐ-BCSĐ ngày 04/10/2018	Bộ Y tế	
	Quyết định phê duyệt quy hoạch bổ sung, rà soát chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	39/-QĐ-BCSĐ ngày 20/6/2017	Bộ Y tế	

Tiêu chí 6.2:

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.06.02.01	Nghị định của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định sửa đổi, bổ sung	29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012	Chính phủ	
		161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018	Chính phủ	
	Nghị định của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020	Chính phủ	
TC.06.02.02	Thông tư Hướng dẫn tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức và Thông tư sửa đổi, bổ sung	15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012;	Bộ Nội vụ	
		04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015;	Bộ Nội vụ	
		03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019	Bộ Nội vụ	
	Thông tư ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức	16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012	Bộ Nội vụ	
	Thông tư ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020	Bộ Nội vụ	
	Quyết định của Bộ Y tế ban hành Quy trình xét tuyển viên chức trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế	4298/QĐ-BYT ngày 06/9/2021	Bộ Y tế	
	Quyết định của Bộ Y tế ban hành Quy trình thi tuyển viên chức trong	4296/QĐ-BYT ngày 06/9/2021	Bộ Y tế	

	các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế			
TC.06.02.03	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
	Ban hành Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường Đại học Dược Hà Nội	09 NQ-HĐTDHN ngày 21/7/2021	HĐT	
	- Kế hoạch tổ chức, nhân sự giai đoạn 2021-2025	698/KH-DHN ngày 17/12/2021	TC-HC	
	- Kế hoạch nhân lực giai đoạn 2016-2020	330/KH-DHN ngày 31/12/2016	TC-HC	
TC.06.02.04	- Bản tổng hợp kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức theo đề án vị trí việc làm năm 2017	583/DHN-TCCB ngày 31/10/2017	TC-HC	
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019	383/KH-DHN ngày 25/9/2019	TC-HC	
	Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội	516/KH-DHN ngày 08/10/2021	TC-HC	
TC.06.02.05	Thông báo tuyển dụng	452/TB-DHN ngày 23/10/2019	TC-HC	
	Thông báo xét tuyển đặc cách viên chức năm 2017	631/DHN-TCCB ngày 21/11/2017	TC-HC	
	Đăng tin tuyển dụng trên website của Trường	http://www.hup.edu.vn/cpbdv/phcth/noidung/Lists/ThongBao/View_Detail.aspx?Page=12		
	Đăng tin thông báo tuyển dụng viên chức trên báo Hà Nội mới	614/DHN-TCCB ngày 23/10/2019	TC-HC	
		214/DHN-TCCB ngày 12/5/2016	TC-HC	
TC.06.02.06	Hệ thống quản lý văn bản nội bộ (Intranet) – Mục Quy trình hiện hành	http://www.intranet.hup.edu.vn	TC-HC	

TC.06.02.07	Công văn báo cáo Bộ Y tế kết quả tuyển dụng viên chức	674/DHN-TCCB ngày 15/12/2017	TC-HC	
		44/DHN-TCCN ngày 05/02/2020	TC-HC	
TC.06.02.08	QĐ hồ sơ cá nhân	Lưu trong hồ sơ của viên chức	TC-HC	
TC.06.02.09	Đề án vị trí việc làm 2015	864/TTr-DHN ngày 26/11/2015	TC-HC	
	Đề án xác định VTVL của HUP 2022	2022		
	Danh mục VTVL của Trường	13/NQ-HĐTDHN ngày 12/4/2022	HĐT	
TC.06.02.10	Nghị quyết về kiện toàn các chức danh Đảng ủy tiếp tục nhiệm kỳ 2015-2020	06-NQ/ĐU ngày 24/4/2018	Đảng ủy	
	Nghị quyết bàn về công tác cán bộ	12-NQ/ĐU ngày 21/9/2018	Đảng ủy	
	Nghị quyết về công tác cán bộ và tổ chức bộ máy hoạt động	02-NQ/ĐU ngày 18/01/2019	TC-HC	
	Nghị quyết kiện toàn chức danh Hiệu trưởng	04-NQ/ĐU ngày 02/3/2021	Đảng ủy	
	Nghị quyết về Công tác tổ chức nhân sự	07-NQ/ĐU ngày 14/5/2021	Đảng ủy	
	Nghị quyết về Công tác tổ chức nhân sự	10A-NQ/ĐU ngày 02/8/2021	Đảng ủy	
TC.06.02.11	Quyết định phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2019-2024	2732 QĐ-BYT ngày 28/6/2019	Bộ Y tế	
	Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2020-2025	3675 QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	
	Quyết định công nhận ông Nguyễn Hải Nam giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	3539/QĐ-BYT ngày 21/7/2021	Bộ Y tế	
	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN	1216 QĐ-BYT ngày 07/2/2018	Bộ Y tế	
	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN (Đinh Thị Thanh Hải)	2693 QĐ-BYT ngày 02/6/2017	Bộ Y tế	
	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN (Phạm Văn Quyến)	2792 QĐ-BYT ngày 26/6/2017	Bộ Y tế	

	Kiện toàn chức danh Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội đối với bà Đinh Thị Thanh Hải theo Quyết định số 2693/QĐ-BYT ngày 02/6/2017 của Bộ Y tế	16/NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	HĐT	
TC.06.02.12	Quyết định ban hành quy định về tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp của Bộ Y tế	5068/QĐ-BYT ngày 08/11/2017	Bộ Y tế	
		4286/QĐ-BYT ngày 04/7/2018	Bộ Y tế	
TC.06.02.13	Ban hành Quy định bổ nhiệm-điều động-luân chuyển-từ chức-miễn nhiệm-kéo dài TG giữ chức vụ chức danh LDQL đơn vị	118/QĐ-DHN ngày 31/01/2019	TC-HC	
TC.06.02.14	Bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Vật tư và Trang thiết bị	126/QĐ-DHN ngày 10/3/2017	TC-HC	
	Bổ nhiệm lại Trưởng bộ môn Dược học cổ truyền	1320/QĐ-DHN ngày 12/12/2019	TC-HC	
	Bổ nhiệm chức vụ Trưởng bộ môn Ngoại ngữ	716/QĐ-DHN ngày 20/6/2018	TC-HC	
	Bổ nhiệm chức vụ Trưởng bộ môn Thực vật	511/QĐ-DHN ngày 20/5/2019	TC-HC	
	Bổ nhiệm chức vụ Trưởng ban quản lý Khu nội trú	1455/QĐ-DHN ngày 07/12/2018	TC-HC	
TC.06.02.15	Luật Giáo dục đại học năm 2012	08/2012/QH13n ngày 19/11/2018	Quốc hội	
	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Trường Đại học	70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014	Chính phủ	
TC.06.02.16	Quyết định thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Dược Hà Nội nhiệm kỳ 2019-2024	2693/QĐ-BYT ngày 27/6/2019	Bộ Y tế	
TC.06.02.17	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018	34/2018/QH14n ngày 18/6/2012	Quốc hội	
	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học	99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019	Chính phủ	
	Quyết định về việc ban hành Hướng dẫn thành lập Hội đồng trường trong	649/QĐ-BYT ngày 27/02/2020	Bộ Y tế	

	các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Y tế			
TC.06.02.18	Quyết định thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Dược Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025	3675/QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	
	Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Dược HN nhiệm kỳ 2020-2025	3675 QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	
TC.06.02.19	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội (năm 2021)	02/NQ-HĐTDHN ngày 19/02/2021	HĐT	
TC.06.02.20	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2009	652/QĐ-BYT ngày 25/02/2009	Bộ Y tế	
	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội (sửa đổi, bổ sung năm 2020)	02/NQ-HĐTDHN ngày 28/4/2020	HĐT	
TC.06.02.21	Quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	10/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
TC.06.02.22	Quy định về Tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức vụ quản lý đơn vị thuộc và trực thuộc Trường	21/NQ-HĐTDHN ngày 03/12/2021	HĐT	
TC.06.02.23	Bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng bộ môn Dược liệu	24/NQ-HĐTDHN ngày 24/12/2021	HĐT	
	Bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng bộ môn Hóa Phân tích và Độc chất	08/NQ-HĐTDHN ngày 28/5/2021	HĐT	
TC.06.02.24	Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Trưởng bộ môn Dược liệu	1023/QĐ-DHN ngày 29/12/2021	HĐT	
	Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Trưởng bộ môn Hóa Phân tích và Độc chất	1024/QĐ-DHN ngày 29/12/2021	TC-HC	
TC.06.02.25	Ban hành Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức người lao động	705 QĐ-DHN ngày 21/9/2021	TCHC	
TC.06.02.26	Ban hành Quy Chế Thi đua khen thưởng	895 QĐ-DHN ngày 5/9/2019	TC-HC	
TC.06.02.27	Hướng dẫn công tác tổng kết năm học 2020-2021	406 DHN-TC-HC ngày 02/7/2021	TC-HC	

	352DHN-TC-HC Hướng dẫn công tác tổng kết năm học 2019-2020	352DHN-TC-HC ngày 29/6/2020	TC-HC	
	Hướng dẫn công tác tổng kết năm học 2018-2019	292 DHN-TCCB ngày 07/6/2021	TC-HC	
	Hướng dẫn công tác tổng kết năm học 2017-2018	324DHN - TCCB ngày 04/6/2018	TC-HC	
TC.06.02.28	Thông báo Kết luận của Hội đồng Thi đua khen thưởng năm học 2020-2021	481 TB-DHN ngày 29/9/2021	TC-HC	
	Kết luận của Hội đồng Thi đua khen thưởng năm học 2019-2020	415 TB-DHN ngày 18 tháng 9 năm 2020	TC-HC	
	Kết luận của Hội đồng Thi đua khen thưởng năm học 2018-2019	281 TB-TCCB ngày 29/7/2019	TC-HC	
	Thông báo Kết luận của Hội đồng TĐKT năm học 2017-2018	369 TB-DHN ngày 11/9/2018	TC-HC	
TC.06.02.29	Đề án xác định VTVL của HUP 2022	2022	TC-HC	

Tiêu chí 6.3:

Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.06.03.01	Danh mục VTVL của Trường	13/NQ-HĐTDHN ngày 12/4/2022	HĐT	
	Đề án Xác định vị trí việc làm 2015	864/TTr-DHN ngày 26/11/2015	TC-HC	
TC.06.03.02	Bản mô tả VTVL của các đơn vị	2021	Các đơn vị	
TC.06.03.03	Thông báo tuyển dụng	452/TB-DHN ngày 23/10/2019	TC-HC	
	Thông báo xét tuyển đặc cách viên chức năm 2017	631/DHN-TCCB ngày 21/11/2017	TC-HC	
TC.06.03.04	Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức vụ quản lý đơn vị thuộc, trực thuộc Trường	21/NQ-HĐTDHN ngày 03/12/2021	HĐT	
TC.06.03.05	Nghị định của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020	Chính phủ	

	Thông tư của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	06/2020/TT-BNV ngày 02/12/ 2020	Bộ Nội vụ	
	Quyết định của Bộ Y tế về việc Ban hành Quy trình xét tuyển viên chức trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế;	4298/BYT-QĐ ngày 06/9/2021	Bộ Y tế	
TC.06.03.06	Tập huấn công tác Quản trị Trường ĐH cho VCQL cấp trung của Trường - Năm 2021	305KH-DHN ngày 5/7/2021	TC-HC	
	Kế hoạch tập huấn công tác Quản trị ĐH cho VCQL cấp trung của Trường	233 KH-DHN ngày 1/6/2020	TC-HC	
TC.06.03.07	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020	131/KH-DHN ngày 01/6/2016	TC-HC	
	Luân chuyển đào tạo bồi dưỡng VCQH CDQL Trường ĐHD HN NK 2021-2026	287KH-DHN ngày 29/6/2021	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2017 (trong Công văn báo cáo)	12/DHN-TCCB ngày 05/01/2017	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018 (trong Công văn báo cáo)	65/DHN-TCCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức năm 2019	53 KH-DHN ngày 19/2/2019	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức năm 2020	85 KH-DHN ngày 28/2/2020	TC-HC	
	Đào tạo bồi dưỡng viên chức người lao động năm 2021	234 KH-DHN ngày 28/5/2021	TC-HC	
	Đào tạo bồi dưỡng viên chức người lao động năm 2022	49 KH-DHN ngày 21/01/2022	TC-HC	

Tiêu chí 6.4:

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.06.04.01	KH đào tạo, bồi dưỡng CC,VC giai đoạn 2016-2020	131/KH-DHN ngày 01/6/2016	TC-HC	

TC.06.04.02	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
	Ban hành Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	297/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường Đại học Dược Hà Nội	09/NQ-HĐTDHN ngày 21/7/2021	HĐT	
	Kế hoạch tổ chức, nhân sự giai đoạn 2021-2025	698/KH-DHN ngày 17/12/2021		
TC.06.04.03	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020	131/KH-DHN ngày 01/6/2016	TC-HC	
	Luân chuyển đào tạo bồi dưỡng VCQH CDQL Trường ĐHD HN NK 2021-2026	287KH-DHN ngày 29/6/2021	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2017 (trong Công văn báo cáo)	12/DHN-TCCB ngày 05/01/2017	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018 (trong Công văn báo cáo)	65/DHN-TCCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức năm 2019	53 KH-DHN ngày 19/2/2019	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức năm 2020	85 KH-DHN ngày 28/2/2020	TC-HC	
	Đào tạo bồi dưỡng viên chức người lao động năm 2021	234 KH-DHN ngày 28/5/2021	TC-HC	
	Đào tạo bồi dưỡng viên chức người lao động năm 2022	49 KH-DHN ngày 21/01/2022	TC-HC	
TC.06.04.04	Cử viên chức đi học lớp “Sử dụng Moodle trong giảng dạy trực tuyến”	15/QĐ-DHN ngày 11/01/2021	TC-HC	
	Cử viên chức đi học lớp “Sử dụng Moodle nâng cao trong giảng dạy trực tuyến”	844/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	TC-HC	
	Cử viên chức đi học lớp tập huấn “Tổ chức thi trực tuyến”	542/QĐ-DHN ngày 30/7/2021	TC-HC	

TC.06.04.05	Học trực tuyến lớp “Hướng dẫn cơ bản trong phòng, chống dịch COVID-19” cho VC-NLĐ	63/DHN-TC-HC ngày 04/02/2021	TC-HC	
		268/DHN-TC-HC ngày 14/5/2021	TC-HC	
TC.06.04.06	Quy chế đào tạo bồi dưỡng	794/QĐ-DHN ngày 07/8/2019	TC-HC	
		794/QĐ-DHN ngày 16/8/2013	TC-HC	
TC.06.04.07	Hội thảo trực tuyến về chuyển đổi số trong giáo dục đại học	462/TB-DHN ngày 17/9/2021	HTQT	
	Hội thảo trực tuyến của Bệnh viện Cựu chiến binh Đài bắc, Đài loan	323/TB-DHN ngày 15/7/2021	HTQT	
	Hội thảo trực tuyến về chủ đề “Drug Supply and Shortage Management amid COVID-19”	447/TB-DHN ngày 28/9/2020	HTQT	
	Hội thảo trực tuyến của AUF	213/DHN-HTQT ngày 24/4/2020	HTQT	
TC.06.04.08	QĐ ban hành KH đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của BYT GĐ 2016-2020	4069/QĐ-BYT ngày 29/7/2016	Bộ Y tế	
	Đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2021	768 DHN-TC-HC ngày 08/12/2020	TC-HC	
	DS viên chức đăng kí nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	232 DHN-TCHC ngày 6/5/2020	TC-HC	
	Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng CB-CCVC 2019	19 DHN-TCCB ngày 13/1/2020	TC-HC	
	Đăng ký nhu cầu đào tạo CCLLCT năm 2021-2022	737 DHN-TC-HC ngày 25/11/2020	TC-HC	
	Khảo sát nhu cầu tập huấn đào tạo huấn luyện VCQL năm 2020	233 DHN-TCHC ngày 7/5/2020	TC-HC	
	Thống kê thực trạng và nhu cầu đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ	53 DHN-TCCB ngày 19/2/2019	TC-HC	

	Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng CBCCVC	65 DHN-TCCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
TC.06.04.09	QĐ hồ sơ cá nhân	Lưu trong hồ sơ của viên chức	TC-HC	
TC.06.04.10	Quy định định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên	1066/QĐ-DHN ngày 21/12/2017	TC-HC	
	Quy định định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	119/QĐ-DHN ngày 31/01/2019	TC-HC	
	Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	96/QĐ-DHN ngày 22/02/2021	TC-HC	
TC.06.04.11	Cử người hướng dẫn tập sự	73/QĐ-DHN ngày 03/02/2020	TC-HC	
		74/QĐ-DHN ngày 03/02/2020	TC-HC	
		75/QĐ-DHN ngày 03/02/2020	TC-HC	
		108/QĐ-DHN ngày 29/01/2018	TC-HC	
TC.06.04.12	Sổ theo dõi đào tạo, bồi dưỡng	Lưu tại Phòng Tổ chức-Hành chính	TC-HC	
TC.06.04.13	CSDL HUP (PL3) giai đoạn 2018-2022			
TC.06.04.14	- Báo cáo kết quả phản hồi của viên chức, người lao động về hoạt động quản lý, bồi dưỡng phát triển Nguồn nhân lực của trường (tháng 6/2021)	30/7/2021	ĐBCL&KT	

	Báo cáo thu thập ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về hoạt động đào tạo bồi dưỡng năm 2019			

Tiêu chí 6.5:

Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.06.05.01	Quyết định về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng	- số 312/QĐ-DHN ngày 10/05/2017; - số 895/QĐ-DHN ngày 05/09/2019; - số 216/QĐ-DHN ngày 21/4/2022	TCCB/TC-HC	
TC.06.05.02	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường Đại học Dược Hà Nội	số 412/QĐ-DHN ngày 11/7/2013	TCCB	
TC.06.05.03	Quyết định về việc Ban hành Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức, người lao động Trường Đại học Dược Hà Nội	số 705/QĐ-DHN ngày 21/09/2021	TC-HC	
TC.06.05.04	Quyết định ban hành quy định định mức thời gian/chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên;	- số 119/QĐ-DHN ngày 31/01/2019;	TCCB	
	Quyết định ban hành quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên;	- số 96/QĐ-DHN ngày 22/02/2021	TC-HC	
TC.06.05.05	Kế hoạch triển khai đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo chỉ số KPI tại các phòng/ban và kỹ thuật viên bộ môn	167/KH-DHN ngày 20/04/2020;	HCTH	
	Kế hoạch xây dựng bộ tiêu chí KPIs áp dụng cho giảng viên Trường Đại học Dược Hà Nội	90/KH-DHN ngày 22/02/2022	TC-HC	

	Công văn góp ý cho Dự thảo bộ tiêu chí KPI cho giảng viên	203/DHN-TC-HC ngày 04/5/2022	TC-HC	
TC.06.05.06	Quyết định về việc sáp nhập Phòng Công tác chính trị và Phòng Tổ chức cán bộ vào Phòng Hành chính tổng hợp	số 95/QĐ-DHN ngày 18/02/2020	TCCB	
	Quyết định về việc đổi tên Phòng Hành chính tổng hợp thành Phòng Tổ chức – Hành chính	số 286/QĐ-DHN ngày 05/5/2020	HCTH	
TC.06.05.07	Quyết định về việc ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường Đại học Dược Hà Nội	số 598/QĐ-DHN ngày 22/12/2009	TCCB	
	Quyết định ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	số 1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.06.05.08	Công văn hướng dẫn công tác tổng kết năm học 2017-2022	- Số 255/DHN-TCCB ngày 05/6/2017; - Số 324/DHN-TCCB ngày 04/6/2018; - Số 292/DHN-TCCB ngày 07/6/2019; - Số 352/DHN-TC-HC ngày 29/6/2020; - Số 406/DHN-TC-HC ngày 02/7/2021 - Số 277/DHN-TC-HC ngày 10/6/2022	TCCB/ TC-HC	
TC.06.05.09	Thông báo kết luận của Hội đồng Thi đua, khen thưởng 2017-2021	- Số 198/TB-DHN ngày 02/8/2017; - Số 282/TB-DHN ngày 01/8/2018;	TCCB/ TC-HC	

		- Số 369/TB-DHN ngày 11/9/2018; - Số 281/TB-DHN ngày 29/7/2019; - Số 415/TB-DHN ngày 18/9/2020; - Số 481/TB-DHN ngày 29/9/2021; - Số 415/TB-DHN ngày 18/9/2020; - Số 481/TB-DHN ngày 29/9/2021;		
TC.06.05.10	Quyết định về việc xếp loại viên chức, xếp loại lao động để hưởng hệ số điều chỉnh tăng thêm lương 2017-2021	- số 651/QĐ-DHN ngày 17/8/2017; - số 1084/QĐ-DHN ngày 19/09/2018; - số 790/QĐ-DHN ngày 07/08/2019; - số 768/QĐ-DHN ngày 23/9/2020; - số 743/QĐ-DHN ngày 06/10/2021	TCCB/ TC-HC	
TC.06.05.11	Nghị quyết/Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	- Số 536/QĐ-DHN ngày 08/6/2016; - Số 01/NQ-HDT DHN ngày 18/01/2021	TCCB/ TC-HC	

TC.06.05.12	Công văn về việc lấy ý kiến góp ý nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung Quy chế thi đua khen thưởng; tiêu chuẩn phân loại lao động	- số 308/DHN-TCCB ngày 13/6/2019;	TCCB	
	Công văn về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Quy chế thi đua, khen thưởng	- số 40/DHN-TC-HC ngày 24/01/2022	TC-HC	
	Công văn lấy ý kiến góp ý dự thảo Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức người lao động	- số 444/DHN-TC-HC ngày 16/7/2021	TC-HC	
	Công văn lấy ý kiến góp ý Dự thảo Quy định định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	- số 33/DHN-TC-HC ngày 22/01/2021; - số 681/DHN-TC-HC ngày 28/10/2020	TC-HC	
TC.06.05.13	Biên bản phân loại viên chức, phân loại lao động và bình bầu danh hiệu thi đua của các đơn vị (2017-2022)	2017-2022	Các đơn vị trong Trường	Bản giấy
TC.06.05.14	Biên bản họp của Hội đồng Thi đua, khen thưởng (2018-2021)	- Số 476/BB-DHN ngày 27/9/2021; - Số 387/BB-DHN ngày 04/9/2020; - Số 272/BB-DHN ngày 24/7/2019; - Số 264/BB-DHN ngày 25/7/2018;	TCCB/TC-HC	
TC.06.05.15	Quyết định tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (2017-2021)	- Số 650/QĐ-DHN ngày 17/8/2017; - Số 1083/QĐ-DHN ngày 19/9/2018; - Số 787/QĐ-DHN ngày 07/8/2019;	TCCB/TC-HC	

		- Số 767/QĐ-DHN ngày 23/9/2020; - Số 742/QĐ-DHN ngày 06/10/2021		
TC.06.05.16	Quyết định tặng danh Chiến sĩ thi đua cơ sở (2017-2021)	- Số 648/QĐ-DHN ngày 17/8/2017; - Số 883/QĐ-DHN ngày 13/8/2018; - Số 1082/QĐ-DHN ngày 19/9/2018; - Số 786/QĐ-DHN ngày 07/8/2019; - Số 766/QĐ-DHN ngày 23/9/2020; - Số 741/QĐ-DHN ngày 06/10/2021	TCCB/ TC-HC	
TC.06.05.17	Phiếu đánh giá của viên chức, người lao động (2017-2021)	2017-2021	VC, NLĐ trong Trường	Bản giấy, lưu tại hồ sơ VC
TC.06.05.18	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nâng bậc lương	- Số 43/QĐ-DHN ngày 20/01/2017; - Số 638/QĐ-DHN ngày 28/8/2014; - Số 802/QĐ-DHN ngày 14/11/2013;	TCCB/ TCHC	
TC.06.05.19	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều trong Quy chế chi tiêu nội bộ	số 836/QĐ-DHN ngày 10/10/2017	TCKT	

	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	- số 1286/QĐ-DHN ngày 26/10/2018; - số 1016/QĐ-DHN ngày 09/10/2019; - số 668/QĐ-DHN ngày 01/9/2020; - số 726/QĐ-DHN ngày 30/9/2021;	TCKT, TC-HC	
TC.06.05.20	Báo cáo báo cáo công tác thi đua, khen thưởng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị giai đoạn 2015-2020 và phương hướng kế hoạch hoạt động 05 năm 2021-2025.	số 404/BC-DHN ngày 14/09/2020	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng giai đoạn 2015-2020; phương hướng và nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2020-2025	Số 227/BC-DHN ngày 27/5/2020	TC-HC	
TC.06.05.21	Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc	- số 70/QĐ-DHN ngày 24/01/2018; - số 100/QĐ-DHN ngày 24/01/2019; - số 56/QĐ-DHN ngày 22/01/2020; - số 31/QĐ-DHN ngày 21/01/2021; - số 35/QĐ-DHN ngày 20/01/2022;	TCCB/ TC-HC	
	Công văn báo cáo kết quả nâng bậc lương thường xuyên, thực hiện PCVK và nâng lương trước thời hạn	- số 43/DHN-TCCB ngày 24/01/2018; - số 39/DHN-TCCB ngày 24/01/2019;	TCCB/ TC-HC	

		- số 35/DHN-TCCB ngày 22/01/2020;		
	Công văn đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế	- số 62/DHN-TC-HC ngày 30/02/2021; - số 34/DHN-TC-HC ngày 20/01/2022;	TC-HC	
TC.06.05.22	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng	- số 794/QĐ-DHN ngày 07/8/2019; - số 522/QĐ-DHN ngày 16/8/2013;	TCCB/ TC-HC	
TC.06.05.23	Công văn dự kiến nhu cầu đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ	- số 250/DHN-TCCB ngày 29/5/2017;	TCCB	
	Công văn bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	- số 599/DHN-TCCB ngày 12/10/2018; - số 02/DHN-TCCB ngày 03/01/2020;	TCCB	
	Công văn đăng ký tham gia các lớp bồi dưỡng	- số 227/DHN-TCHC ngày 05/5/2020;	TC-HC	
	Công văn đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	- số 856/DHN-TC-HC ngày 10/12/2021;	TC-HC	
TC.06.05.24	Công văn về việc báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	- số 12/DHN-TCCB ngày 05/01/2017; - số 65-DHN-TCCB ngày 31/01/2018; - số 29/DHN-TCCB ngày 16/01/2019;	TCCB	

		- số 19/DHN-TCCB ngày 13/01/2020		
	Công văn về việc báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức.	số 44/DHN-TC-HC ngày 25/11/2022	TC-HC	
TC.06.05.25	Kế hoạch nhân lực giai đoạn 2016-2020	Số 330/KH-DHN ngày 31/12/2016	TCCB	
TC.06.05.26	Quyết định ban hành Chiến lược nhân sự Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Số 297/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
TC.06.05.27	Nghị quyết thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	Số 01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.06.05.28	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường Đại học Dược Hà Nội 2021-2025	Số 09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
TC.06.05.29	- Đề án xác định vị trí việc làm – năm 2015 của Trường Đại học Dược Hà Nội		TCCB	
TC.06.05.30	Ảnh chụp phần mềm quản lý cán bộ khoa học		TC-HC	
	Phần mềm quản lý cán bộ	www.tccb.hup.edu.vn	TC-HC	
TC.06.05.31	Báo cáo nội bộ 2017-2022	2017-2022	TC-HC	Bản giấy
TC.06.05.32	Phần mềm lý lịch khoa học online	www.qlkh.hup.edu.vn	QLKH	
TC.06.05.33	Báo cáo tổng kết năm học của phòng QLKH (2017-2021)		QLKH	
TC.06.05.34	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học (từ 2017-2021)	- Số 436/BC-DHN ngày 06/9/2021; - Số 222/BC-DHN ngày 25/5/2020; - Số 300/BC-DHN ngày 09/8/2019;	HCTH/ TC-HC	

		- Số 297/BC-DHN ngày 10/8/2018; - Số 203/BC-DHN ngày 04/8/2017		
TC.06.05.35	Báo cáo đánh giá hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2016-2020; phương hướng và nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025	Số 362/BC-DHN ngày 02/8/2021	TC-HC	
TC.06.05.36	Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác cán bộ	- số 14-NQ/ĐU ngày 06/01/2017; - số 02-NQ/ĐU ngày 31/01/2018	ĐU	
	Nghị quyết bàn về công tác cán bộ	số 12-NQ/ĐU ngày 21/9/2018	ĐU	
	Nghị quyết về Công tác cán bộ và tổ chức bộ máy hoạt động	Số 02-NQ/ĐU ngày 18/01/2019	ĐU	
	Nghị quyết về Công tác tổ chức nhân sự	- số 07-NQ/ĐU ngày 14/05/2021; - số 10A-NQ/ĐU ngày 02/8/2021	ĐU	
	Nghị quyết về lãnh đạo công tác tổ chức nhân sự	số 17-NQ/ĐU ngày 23/12/2021	ĐU	
TC.06.05.37	Kết quả so chuẩn, đối sánh các chỉ tiêu phấn đấu chính về đảm bảo chất lượng giáo dục (năm học 2020-2021)	- giai đoạn 2017-2019; - năm học 2019-2020;	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 6.6:

Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.06.06.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường	QĐ số 1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.06.06.02	Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021		TC-HC	
	Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021		TC-HC	
	Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng đầu năm 2022	27/01/2022	TC-HC	

TC.06.06.03	Quy trình xây dựng ban hành các văn bản quản lý của Trường ĐHDHN	Nghị quyết số 20/NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	HĐT	
	Thành lập Ban tư vấn và TST sửa đổi bổ sung Quy chế nâng bậc lương đối với VC-NLĐ	03 QĐ-DHN ngày 05/01/2022	TC-HC	
	Thành lập BTV TST rà soát sửa đổi Quy chế Thi đua khen thưởng Trường ĐHDHN	701QĐ-DHN ngày 16/9/2021	TC-HC	
	Thành lập Ban tư vấn và Tổ soạn thảo sửa đổi bổ sung Quy chế Thi đua khen thưởng	164 QĐ-DHN ngày 1/3/2019	TC-HC	
	TLBTV TST SĐBS Quy định về tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm bổ nhiệm lại các chức danh quản lý trong TĐHDHN	221QĐ-DHN ngày 19/4/2021	TC-HC	
	Thành lập BCD BTV TST Tổ STXD Quy chế ĐGXLCL với TCDV và VC NLD Trường ĐHD HN	97QĐ-DHN ngày 24/2/2021	TC-HC	
	Thành lập BCD và TST sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ	522 QĐ-DHN ngày 28/7/2021	TC-HC	
	Thành lập BCD và Tổ soạn thảo SĐBS Quy chế chi tiêu nội bộ	327QĐ-DHN ngày 13/5/2020	TC-HC	
	Thành lập ban tư vấn và Tổ soạn thảo sửa đổi bổ sung Quy chế Chi tiêu nội bộ	894 QĐ-DHN ngày 5/9/2019	TC-HC	
	Kiện toàn Ban Tư vấn sửa đổi bổ sung Quy chế Chi tiêu nội bộ	981 QĐ-DHN ngày 7/9/2018	TC-HC	
	Thành lập Ban Tư vấn sửa đổi bổ sung Quy chế Chi tiêu nội bộ	584QĐ-DHN ngày 3/8/2017	TC-HC	
TC.06.06.04	Lấy ý kiến góp ý Dự thảo sửa đổi bổ sung Quy chế nâng bậc lương đối với VC NLD Trường	305DHN-TC-HC ngày 23/6/2022	TC-HC	
	Họp BTV và TST sửa đổi bổ sung Quy chế nâng bậc lương đối với VC-NLĐ của Trường ĐHDHN	310 BB-DHN ngày 23/6/2022	TC-HC	
	Lấy ý kiến góp ý nội dung dự kiến sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo bồi dưỡng	339 DHN-TCCB ngày 24/6/2019	TC-HC	
	Họp Ban Tư vấn và Tổ soạn thảo rà soát sửa đổi Quy chế Thi đua khen thưởng	48 BB-DHN ngày 21/01/2022	TC-HC	
	Lấy ký kiến góp ý Dự thảo Quy chế Thi đua khen thưởng	40 DHN-TC-HC ngày 24/01/2022	TC-HC	
	Lấy ý kiến sửa đổi bổ sung Quy chế Thi đua khen thưởng	120/DHN-TCCB ngày 17/3/2017	TC-HC	

	Lấy ý kiến góp ý dự thảo sửa đổi BS Quy chế Thi đua khen thưởng Tiêu chuẩn phân loại LĐ (lần 2)	465/DHN-TCCB ngày 16/8/2019	TC-HC	
	Lấy ý kiến góp ý DT Quy định về tiêu chuẩn ĐK và quy trình bổ nhiệm bổ nhiệm lại điều động	543/DHN-TC-HC ngày 19/8/2021	TC-HC	
	Lấy ý kiến góp ý Dự thảo Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức người lao	444/DHN-TC-HC ngày 16/7/2021	TC-HC	
	Hợp BCĐ BTV và TST xây dựng Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đơn vị VC-NLĐ	415/BB-DHN ngày 27/8/2021	TC-HC	
	Hợp BCĐ BTV và TST xây dựng Quy chế đánh giá xếp loại đơn vị VC-NLĐ	256/BB-DHN ngày 14/6/2021	TC-HC	
	Góp ý kiến các nội dung dự thảo SĐBS Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021-2022	534/DHN-TCKT ngày 17/8/2021	TC-HC	
	Hợp Ban chỉ đạo sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ	480a/BB-DHN ngày 29/9/2021	TC-HC	
	Hợp Ban Chỉ đạo sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ (lần 2)	364/BB-DHN ngày 21/8/2020	TC-HC	
	Lấy ý kiến sửa đổi bổ sung dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2020-2021	448/DHN-TC-HC ngày 6/8/2020	TC-HC	
	Biên bản Hợp Ban chỉ đạo sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ	334/BB-DHN ngày 31/7/2020	TC-HC	
	góp ý kiến các nội dung dự thảo sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2020-2021	378/DHN-TC-HC ngày 7/7/2020	TC-HC	
	Góp ý kiến các ND dự thảo sửa đổi bổ sung Qui chế chi tiêu nội bộ năm học 2019-2020	519/DHN-TCKT ngày 6/9/2019	TC-HC	
	Góp ý kiến các nội dung dự thảo sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2018-2019	538 DHN-TCKT ngày 17/9/2018	TC-HC	
	Góp ý kiến ND dự thảo sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017	472 DHN-TCKT ngày 30/8/2017	TC-HC	
TC.06.06.05	Quy chế Đánh giá xếp loại chất lượng đơn vị và VC-NLĐ HUP	705/QĐ-DHN ngày 21/9/2021	TC-HC	
	Quy chế thi đua khen thưởng HUP	895/QĐ-DHN ngày 05/9/2019	TC-HC	
	Quyết định Ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng	312/QĐ-DHN ngày 10/5/2017	TC-HC	
	Quyết định ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng	216/QĐ-DHN ngày 21/4/2022	TC-HC	

	Ban hành Quy định về Tiêu chuẩn ĐK và quy trình BN BNL ĐĐ LC TGCV MN đối với các chức vụ QL	21/NQ-HĐTDHN ngày 3/12/2021	TC-HC	
	Quy chế Chi tiêu nội bộ 2018-2021	1286/QĐ-DHN ngày 26/10/2018; 1016/QĐ-DHN ngày 09/10/2019; 668/QĐ-DHN ngày 01/9/2020; 726/QĐ-DHN ngày 30/9/2021	TCKT	
	Ban hành Quy chế đào tạo bồi dưỡng	794 QĐ-DHN ngày 7/8/2019	TC-HC	
	Sửa đổi bổ sung Quy chế nâng bậc lương sửa đổi	43 QĐ-DHN ngày 20/1/2017	TC-HC	
TC.06.06.06	Báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển NLYT giai đoạn 2012-2020	617DHN-TC-HC ngày 14/9/2021	TC-HC	
	Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch cán bộ	405 DHN-TC-HC ngày 1/7/2021	TC-HC	
	Rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý GĐ 2015-2020 Năm 2017	05 KH-DHN ngày 8/1/2018	TC-HC	
	Tổng hợp ý kiến góp ý HN VC-NLĐ hằng năm	2017-2022	TC-HC	
	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội GĐ 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	MC dùng chung (TC06. 03.03)
TC.06.06.07	CV hướng dẫn TK năm học 2017-2018 đến 2020-2021	324/DHN-TCCB ngày 04/6/2018	TC-HC	
TC.06.06.08	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng công tác năm học 2018-2019	297 BC-DHN ngày 10/8/2018	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018-2019 và phương hướng công tác 2019-2020	300 BC-DHN ngày 9/8/2019	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng công tác năm học 2019-2020 (đã thông qua CBCC 8-2020)	380 BC-DHN ngày 28/8/2020	TC-HC	
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 phương hướng công tác năm học 2021 -2022	436BC-DHN ngày 6/9/2021	TC-HC	

	Đánh giá KQ thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020	06 BC-DHN ngày 7/1/2020	TC-HC	
	Đánh giá KQ thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021	09 BC-DHN ngày 12/1/2021	TC-HC	
	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2018	28BC-DHN ngày 16/01/2018	TC-HC	
	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019	43BC-DHN ngày 24/1/2019	TC-HC	
	Báo cáo KQ thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022	58 BC-DHN ngày 25/1/2022	TC-HC	
TC.06.06.09	Lấy ý kiến bổ sung quy hoạch VCQL năm 2022	114DHN-TC-HC ngày 16-3-2022	TC-HC	
	Rà soát bổ sung quy hoạch VCQL nhiệm kỳ 2021-2026	527DHN-TC-HC ngày 13-8-2021	TC-HC	
	Lấy ý kiến bổ sung quy hoạch	14 DHN-TCCB ngày 8-1-2020	TC-HC	
	Lấy ý kiến bổ sung quy hoạch	79 DHN-TCCB ngày 4-3-2019	TC-HC	
	Lấy ý kiến bổ sung quy hoạch	27 DHN-TCCB ngày 18-1-2018	TC-HC	
TC.06.06.10	Phê duyệt Đề án nhân sự BCH Đảng bộ Ban thường vụ ĐU UBKT Đảng ủy NK 2020-2025	55 (217 TB-ĐUK) ngày 19-6-2020	ĐUK	
	Nhân sự bầu bổ sung các chức danh trong Đảng ủy Trường ĐH Dược Hà Nội	47 (499 CV-ĐUK) ngày 4-4-2018	ĐUK	
	Biên bản thẩm định QT rà soát QH và tiêu chuẩn chính trị nhân sự diện bổ sung QH chức danh lãnh đạo TĐHĐHN	1007 ngày 14-5-2020	Bộ Y tế	
	Thẩm định QT rà soát quy hoạch và tiêu chuẩn CT nhân sự quy hoạch CD lãnh đạo Trường	1071 (09 TĐ-BVCTNB) ngày 4-6-2020	Bộ Y tế	
	Thực hiện công tác tổ chức cán bộ sau kiểm tra	1764(9980BYT-TCCB) ngày 24-11-2021	Bộ Y tế	
	Biên bản thẩm định quy trình bổ sung quy hoạch và tiêu chuẩn chính trị nhân sự diện QH chức danh lãnh đạo ĐHĐHN	21-5-2018	Bộ Y tế	

Tiêu chí 6.7:

Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.06.07.01	Báo cáo đối sánh hệ thống văn bản quản lý của Trường Đại học Dược Hà Nội (giai đoạn 2017-2022)	225/BC-DHN ngày 16/5/2022	TC-HC	
TC.06.07.02	Quy chế Chi tiêu nội bộ từ 2018-2021	1286/QĐ-DHN 26/10/2018 1016/QĐ-DHN 09/10/2019 668/QĐ-DHN 01/9/2020 726/QĐ-DHN 30/6/2021;	TCKT	
TC.06.07.03	Quy chế nâng bậc lương HUP	638/QĐ-DHN 28/8/2014 43/QĐ-DHN 20/01/2017	TC-HC	
TC.06.07.04	Quy chế thi đua khen thưởng HUP	895/QĐ-DHN ngày 05/9/2019		
TC.06.07.05	Quy chế đánh giá đơn vị và VC-NLĐ HUP	705/QĐ-DHN 21/9/2021		
TC.06.07.06	Nghị định của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức	115/2020/NĐ-CP Ngày 25/9/2020	Chính phủ	
	Quy định về Tiêu chuẩn điều kiện và quy trình BN BNL ĐĐ LC TGCV MN đối với các chức vụ QL của HUP	21/NQ-HĐTDHN ngày 03/12/2021	HĐT	
TC.06.07.07	KH đào tạo bồi dưỡng viên chức 2018, 2019, 2020, 2021	2018-2021	TC-HC	
	Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng CBCCVC	65 DHN-TCCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	Thống kê thực trạng và nhu cầu đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ	53 DHN-TCCB ngày 19/2/2019	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức viên chức năm 2020	85 KH-DHN ngày 28/2/2020	TC-HC	
	Đào tạo bồi dưỡng viên chức người lao động năm 2021	234 KH-DHN ngày 28/5/2021	TC-HC	
TC.06.07.08	Đề án Xác định vị trí việc làm 2015	864/TTr-DHN ngày 26/11/2015	TC-HC	
	Danh mục VTVL của Trường	13/NQ-HĐTDHN ngày 12/4/2022	HĐT	

TC.06.07.09	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội GD 2021-2025	297/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
	Chiến lược phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	TC-HC	
TC.06.07.10	Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019	383/KH-DHN ngày 25/9/2019	TC-HC	
	Tuyển dụng viên chức năm 2019	452/TB-DHN ngày 23/10/2019	TC-HC	
	Tuyển dụng viên chức năm 2019	383/KH-DHN ngày 25/9/2019	TC-HC	
TC.06.07.11	Các NQ về công tác nhân sự		ĐU	
	Lãnh đạo công tác cán bộ	02-NQ/ĐU ngày 31/01/2018	ĐU	
	Công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức và hoạt động của nhà trường	04-NQ/ĐU ngày 28/3/2018	ĐU	
	Bàn về công tác cán bộ	12-NQ/ĐU ngày 21/9/2018	ĐU	
	Công tác cán bộ và tổ chức bộ máy hoạt động	02-NQ/ĐU ngày 18/01/2019	ĐU	
	Công tác tổ chức nhân sự	07-NQ/ĐU ngày 14/5/2021	ĐU	
	Công tác tổ chức nhân sự	10A-NQ/ĐU ngày 02/8/2021	ĐU	

Tiêu chuẩn 7

Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1:

Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.07.01.01	Quyết định ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	598/QĐ-DHN	HCTH	
		22/12/2009		
		1010/QĐ-DHN	TC-HC	
		24/12/2021		
TC.07.01.02	Quyết định tách trường Đại học Y được thành 2 trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa trực thuộc Bộ Y tế	828-BYT/QĐ 29/9/1961	TC-HC	
TC.07.01.03	Quyết định quy định tổ chức bộ máy của trường Đại học Dược khoa	1060-BYT/QĐ 26/12/1966	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.07.01.04	Danh sách cán bộ, viên chức Tài chính kế toán	1/6/2022	TCKT	
TC.07.01.05	Hợp đồng kinh tế cung cấp phần mềm kế toán	01200609/HĐKT-EIE 10/7/2006	EIE-DHN	
TC.07.01.06	Thống kê cơ cấu nguồn thu hàng năm 2017-2021	21/5/2018 20/5/2019 20/5/2020 10/5/2021 29/04/2022	TCKT	
TC.07.01.07	Thống kê cơ cấu chi hàng năm 2017-2021	21/5/2018 20/5/2019 20/5/2020 10/5/2021 29/04/2022	TCKT	
TC.07.01.08	Chiến lược tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	1279/QĐ-DHN 31/12/2016	HĐT	
TC.07.01.09	Chiến lược tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	298/QĐ-DHN 29/4/2021	TCKT	
TC.07.01.10	Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường Đại học Dược Hà Nội (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN 2/7/2021	TC-HC	
TC.07.01.11	Kế hoạch hoạt động tài chính Trường Đại học Dược Hà Nội (giai đoạn 2021-2025)	388/KH-DHN 12/8/2021	TCKT	
TC.07.01.12	Dự toán thu chi NSNN hàng năm từ năm 2018 - 2022 và kế hoạch trung hạn 03 năm tiếp theo	415/DHN-TCKT 9/8/2017 402/DHN-TCKT 12/7/2018 413/DHN-TCKT 26/7/2019 428/DHN-TCKT 27/7/2020 499/DHN-TCKT	TCKT TCKT TCKT TCKT TCKT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		4/8/2021		
TC.07.01.13	Công văn đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm trước và xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán ngân sách hàng năm, kế hoạch trung hạn 03 năm tiếp theo	325/DHN-TCKT	TCKT	
		4/7/2017		
		389/DHN-TCKT	TCKT	
		9/7/2018		
		408/DHN-TCKT	TCKT	
		24/7/2019		
		412/DHN-TCKT	TCKT	
		21/7/2020		
		489/DHN-TCKT	TCKT	
		30/7/2021		
TC.07.01.14	Kế hoạch tài chính 6 tháng cuối năm 2020, năm 2021, năm 2022	509/KH-DHN 26/10/2020	HĐT	
		04/NQ-HĐTDHN 22/4/2021	HĐT	
		17/NQ-HĐTDHN 26/4/2021	HĐT	
TC.07.01.15	Công văn gửi các đơn vị trong trường về công tác lập KHTC năm 2021, 2022	830/DHN-TCKT 31/12/2020	TCKT	
		721/DHN-TCKT 29/10/2021		
		14/DHN-TCKT 10/01/2022		
TC.07.01.16	Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính từ 2017-2021	850/QĐ-BYT	Bộ Y tế	
		13/3/2017		
		589/QĐ-BYT	Bộ Y tế	
		23/01/2018		
		2151/QĐ-BYT	Bộ Y tế	
		4/5/2021		
TC.07.01.17	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	652/QĐ-BYT ngày 25/02/2009;	Bộ Y tế	
		02/NQ-HĐTDHN 28/4/2020;	HĐT	
		02/NQ-HĐTDHN 19/02/2021	HĐT	
TC.07.01.18			HĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quy chế quản lý tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội	1496/QĐ-HĐTDHN 31/12/2019		
TC.07.01.19	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm từ 2017-2021	836/QĐ-DHN	TCKT	
		10/10/2017		
		1286/QĐ-DHN		
		26/10/2018		
		1016/QĐ-DHN	TCKT	
		9/10/2019		
		668/QĐ-DHN	TCKT	
		1/9/2020		
		726/QĐ-DHN		
30/9/2021				
TC.07.01.20	Quy trình tạm ứng, thanh toán công tác phí	2015	TCKT	
TC.07.01.21	Quy trình tổ chức thu và quản lý học phí	2015	TCKT	
TC.07.01.22	Quy trình thanh toán tiền nghiên cứu khoa học	2015	TCKT	
TC.07.01.23	Quy trình tổ chức thanh toán lương và các khoản trích nộp theo lương	2016	TCKT	
TC.07.01.24	Quy trình thanh toán công tác mua sắm và quản lý tài sản, vật tư, hóa chất	2016	TCKT	
TC.07.01.25	Thông báo/ Quyết định công khai dự toán ngân sách nhà nước từ 2018-2022	2018-2022	TCKT	
TC.07.01.26	Thông báo công khai dự toán, quyết toán thu chi ngân sách nhà nước tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm từ 2017-2021	673/DHN-HCTH	TC-HC	
		15/12/2017		
		720/DHN-HCTH		
		12/12/2018		
		725/DHN-HCTH		
		10/12/2019		
		816/DHN-TC-HC		
		28/12/2020		
		930/DHN-TC-HC		
		31/12/2021		
TC.07.01.27	Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý, 6 tháng, 9 tháng, năm 2017-2021	2018-2022	TCKT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.07.01.28	Thông báo công khai tài chính năm học (biểu 24/21)	10/10/2017	TCKT	
		5/12/2018		
		30/10/2019		
		30/9/2020		
		20/09/2021		
TC.07.01.29	Thông báo/ Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm	366/TB-DHN	TCKT	
		8/12/2017		
		490/TB-DHN		
		4/12/2018		
		549/QĐ-DHN		
		16/07/2020		
		302/QĐ-DHN		
		29/04/2021		
		990/QĐ-DHN		
		17/12/2021		
TC.07.01.30	Quyết định giao dự toán NSNN hàng năm	2017-2022	Bộ Y tế	
TC.07.01.31	Nghị định quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	86/2015/NĐ-CP	Chính phủ	
		2/10/2015		
		81/2021/NĐ-CP		
		27/08/2021		
TC.07.01.32	Thông kê nguồn thu từ các lớp đào tạo liên tục 2017-2021	21/5/2018;	TCKT	
		20/5/2019;		
		20/5/2020;		
		10/5/2021;		
		29/4/2022		
TC.07.01.33	Thông kê nguồn thu từ hoạt động KHCN	21/5/2018;	TCKT	
		20/5/2019;		
		20/5/2020;		
		10/5/2021;		
		29/4/2022		
TC.07.01.34	Báo cáo quyết toán các nguồn thu khác của trường các năm (trích Quyết toán chi hoạt động)	15/3/2018;	TCKT	
		15/3/2019;		
		16/3/2020;		
		29/4/2021;		
		2022		

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.07.01.35	Một số khoản chi của Trường	2017-2021	TCKT	
TC.07.01.36	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm	15/3/2018;	TCKT	
		15/3/2019;		
		16/3/2020;		
		29/4/2021;		
		2022.		
TC.07.01.37	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân hàng năm	2017-2022	Ban TTND	
TC.07.01.38	Thông báo kết quả kiểm toán năm 2017	27/11/2018	KTNN	
TC.07.01.39	Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm	1470/TB-BYT 29/12/2017	Bộ Y tế	
		267/TB-BYT 15/3/2019	Bộ Y tế	
		1059/TB-BYT 09/7/2020	Bộ Y tế	
		536/TB-BYT 22/4/2021	Bộ Y tế	
		1962/TB-BYT 04/12/2021	Bộ Y tế	
TC.07.01.40	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược tài chính Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030	617/BC-DHN (31/12/2020)	TCKT	
TC.07.01.41	Thống kê cơ cấu nguồn thu năm 2017-2021	29/4/2022	TCKT	
TC.07.01.42	Thống kê cơ cấu chi năm 2017-2021	29/4/2022	TCKT	
TC.07.01.43	Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính cho các hoạt động hàng năm	16/4/2018;	TCKT	
		15/4/2019;		
		16/4/2020;		
		28/5/2021;		
		15/4/2022		
TC.07.01.44	Công văn thảo luận, đóng góp ý kiến cho Báo cáo tại Hội nghị viên chức, người lao động năm 2017-2021	673/DHN-HCTH 15/12/2017	TC-HC	
		720/DHN-HCTH 12/12/2018		
		725/DHN-HCTH 10/12/2019		

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		816/DHN-TC-HC		
		28/12/2020		
		930/DHN-TC-HC		
		31/12/2021		
TC.07.01.45	Công văn thu thập ý kiến góp ý về các nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm	472/DHN-TCKT	TCKT	
		30/8/2017		
		526/DHN-TCKT		
		12/9/2018		
		519/DHN-TCKT		
		6/9/2019		
		448/DHN-TCKT		
		6/8/2020		
		534/DHN-TCKT		
		17/8/2021		

Tiêu chí 7.2:

Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC 07.02.01	Thành lập Giáo tài và đổi tên thành Vật tư & TTB	828 BYT/QĐ ngày 29/9/1961, 176/QĐ-DHN ngày 18/05/2009), 29/NQ-HDTHDN ngày 23/6/2022	Bộ Y tế; TCCB-DHN	
TC 07.02.02	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC 07.02.03	Quyết định ban hành vị trí việc làm của Trường Đại học Dược Hà Nội	13/QĐ-HĐT ngày 12/4/2022	HĐT	
TC 07.02.04	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HDTHDN ngày 12/3/2020	HĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC 07.02.05	Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
TC 07.02.06	Công văn Ban giám hiệu giao nhiệm vụ đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm trước và xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán ngân sách năm mới và 3 năm	389/DHN-TCKT ngày 9/8/2018, 408/DHN-TCKT ngày 24/7/2019, 412/DHN-TCKT ngày 21/7/2020, 489/DHN-TCKT ngày 30/7/2021	TCKT	
TC 07.02.07	Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị thuộc dự toán và kế hoạch NSNN hàng năm	(mẫu 08) 2017-2021	VT&TTB	
TC 07.02.08	Công văn đề xuất dự toán ngân sách hàng năm và 3 năm	402/DHN-TCKT ngày 12/7/2018, 413/DHN-TCKT ngày 26/7/2019, 428/DHN-TCKT ngày 27/07/2020, 490/DHN-TCKT ngày 31/07/2021	TCKT	
TC 07.02.09	Quyết định phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm	5885/QĐ-BYT ngày 29/12/2017; 7788/QĐ-BYT ngày 28/12/2018; 6099/QĐ-BYT ngày 30/12/2019; 5666/QĐ-BYT ngày 31/12/2020; 624/QĐ-BYT ngày 15/3/2022	Bộ Y tế	
TC 07.02.10	Quyết định phê duyệt kế hoạch tài chính	509/KH-DHN ngày 26/10/2020 NQ 04/NQ-HĐTDHN ngày 26/4/2021	TCKT	
TC 07.02.11	Quyết định phê duyệt dự án mua sắm trang thiết bị hàng năm;	2041/QĐ-BYT ngày 22/5/2017, 3581/QĐ-BYT ngày 12/6/2018, 3139/QĐ-BYT	Bộ Y tế	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		ngày 15/7/2019, 3448/QĐ-BYT ngày 05/8/2020 , 2727/QĐ-BYT ngày 01/6/2021),		
	Báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục xây dựng và sửa chữa	279/QĐ-BYT ngày 17/01/2018, 4444/QĐ-BYT ngày 27/9/2019, 4831/QĐ-BYT ngày 20/11/2020, 3184/QĐ-BYT ngày 30/6/2021).	Bộ Y tế	
TC 07.02.12	Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết trang thiết bị công nghệ thông tin	3221/QĐ-BYT ngày 29 /5/2018; 5708/QĐ-BYT ngày 05 /12/ 2019; 2749/QĐ-BYT ngày 30/6/2020	Bộ Y tế	
TC 07.02.13	Bảng thống kê dự trù trang thiết bị năm 2018-2022	2017-nay	VT&TTB	
TC 07.02.14	Công văn phân phối thiết bị hàng năm 2018-2021	637/DHN-VT&TTB ngày 28/11/2017, 600/DHN-VT&TTB ngày 12/10/2018, 624/DHN-VT&TTB ngày 28/10/2019, 642/DHN-VT&TTB ngày 22/10/2020, 653/DHN-VT&TTB ngày 28/9/2021	VT&TTB	
TC 07.02.15	Quyết định phê duyệt KQ LCNT mua sắm TTB thí nghiệm năm 2017-nay	TTB thí nghiệm: 591/QĐ-DHN ngày 4/8/2017; 924/QĐ-DHN ngày 29/8/2018; 943/QĐ-DHN ngày 23/9/2019; QĐ 847/QĐ-DHN	VT&TTB	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		ngày 07/10/2020; QĐ 699/QĐ-DHN ngày 15/9/2021; QĐ 636+637+638+63 9/QĐ-DHN ngày 27/8/2021; TTB CNTT: 590/QĐ-DHN ngày 4/8/2017; 923/QĐ-DHN ngày 29/8/2018; 844/QĐ-DHN ngày 06/10/2020; 22/QĐ-DHN ngày 14/1/2021) Công trình và TB Quản trị: 645/QĐ-DHN ngày 16/08/2017; số 646/QĐ-DHN ngày 16/08/2017; 297/QĐ-DHN ngày 3/05/2017; 950/QĐ-DHN ngày 31/08/2018; 959/QĐ-DHN ngày 31/08/2018; 353/QĐ-DHN ngày 09/04/2018; 555/QĐ-DHN ngày 17/7/2020; 552/QĐ-DHN ngày 16/7/2020; 553/QĐ-DHN ngày 16/7/2020; 612/QĐ-DHN ngày 10/8/2020 613/QĐ-DHN ngày 10/8/2020; 603/QĐ-DHN ngày 16/8/2021,		

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		604/QĐ-DHN ngày 16/8/2021, 605/QĐ-DHN ngày 16/8/2021, 567/QĐ-DHN ngày 6/8/2021)		
TC 07.02.16	Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng trang thiết bị, công trình		VT&TTB, QL CSVC	
TC 07.02.17	Dự án mua sắm	2017-nay	VT&TTB	
TC 07.02.18	Báo cáo tổng kết năm học của nhà trường	2017-nay	TC-HC	
TC 07.02.19	Báo cáo hội nghị công nhân viên chức	2017-nay	TC-HC	
TC 07.02.20	Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư	Ngày 18/1/2019, 5/1/2020, 15/1/2021	VT&TTB	
TC 07.02.21	Phê duyệt văn kiện dự án “Xây dựng trường Đại học Dược Hà Nội ngang tầm khu vực”	4623/QĐ-BYT ngày 31/10/2012, 4216/QĐ-BYT ngày 13/9/2019	Bộ Y tế	
TC 07.02.22	Thông báo kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm	335/DHN- VT&TTB ngày 12/6/2018, 251/DHN- VT&TTB ngày 7/6/2019, 358/DHN- VT&TTB ngày 30/6/2020, 347/DHN- VT&TTB ngày 15/6/2021	VT&TTB	
TC 07.02.23	Biên bản nghiệm thu hợp đồng mua sắm 2017-2021		VT&TTB	
TC 07.02.24	Biên bản kiểm tra an toàn lao động, PCCC	2017-nay	HĐ ATLĐ	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC 07.02.25	Biên bản kiểm kê TS, CCDC hàng năm	2017-nay	VT&TTB	
TC 07.02.26	Quy định quản lý và sử dụng vật tư, trang thiết bị	1168/QĐ-DHN ngày 3/10/2018	VT&TTB	
TC 07.02.27	Quy chế quản lý tài sản công	298/QĐ-DHN ngày 7/5/2020	VT&TTB	
TC 07.02.28	Quy trình chuẩn mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng, thanh xử lý	Năm 2019, cập nhật 2022	VT&TTB	
TC 07.02.29	Nội quy sử dụng phòng thực tập		VT&TTB	
TC 07.02.30	Sổ nhật ký sử dụng máy		VT&TTB	
TC 07.02.31	Sổ tài sản, công cụ dụng cụ		VT&TTB	
TC 07.02.32	Sổ quản lý giảng đường, kế hoạch giảng dạy		VT&TTB	
TC 07.02.33	Biên bản thanh tra giám sát đào tạo hàng năm	2017-nay	ĐBCL&KT	
TC 07.02.34	Báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH	Ngày 22/4/2019, 30/5/2020, 19/5/2021	VT&TTB	
TC 07.02.35	Kết quả khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	2017-nay	ĐBCL&KT	
TC 07.02.36	Báo cáo sử dụng tài sản công, báo cáo công tác lựa chọn nhà thầu	2017-nay	VT&TTB	
TC 07.02.37	Quyết định thanh lý hàng năm	349/QĐ-DHN ngày 12/4/2019; 3592/QĐ-BYT ngày 14/8/2019; 151/QĐ-DHN ngày 20/3/2020; QĐ 2490/QĐ-BYT ngày 01/6//2020 và 578+579+580/QĐ-DHN ngày 6/8/2021; 422+423+424/QĐ	VT&TTB	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		-DHN ngày 10/6/2022		
TC 07.02.38	Biên bản điều chuyển trang thiết bị	2017-nay	VT&TTB	
TC 07.02.39	Công văn sử dụng chung trang thiết bị	235/DHN-VT&TTB ngày 9/5/2011	VT&TTB	

Tiêu chí 7.3:

Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự , bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.07.03.01	- Quyết định về việc thành lập CNTT - Quyết định về việc đổi tên CNTT thành QLCSVC - Quyết định về việc thành lập TTTT-TV trên cơ sở tổ chức lại Thư viện và QLCSVC	296/QĐ-DHN, 29/07 2009 287/QĐ-DHN, 05/5 2020 481/QĐ-DHN, ngày 23/ 6 /2022	HCTH TC-HC	
TC.07.03.02	- Quyết định về việc Ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường Đại học Dược Hà Nội - Quyết định về việc Ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	589/QĐ-DHN, ngày 22 /12 / 2009 1010/QĐ-DHN, ngày 24 /12/ 2021	HCTH TCHC	
TC.07.03.03	Các quyết định tuyển dụng và bằng chuyên môn của viên chức bộ phận CNTT			
TC.07.03.04	Nghị quyết số 01 về việc thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường đến 2030, tầm nhìn đến 2045	01/NQ-HDTDHN, ngày 12/03/ 2020	HĐT	
TC.07.03.05	Nghị quyết số 09 về việc ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm	09/NQ-HDTDHN,	HĐT	

	của Trường ĐH Dược HN giai đoạn 2021-2025	ngày 02/ 07/ 2021		
TC.07.03.06	- Công văn số 402 về việc đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm 2018 và xây dựng kế hoạch hoạt động dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch trung hạn 3 năm 2019-2021 - Công văn số 413 về việc đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm 2019 và xây dựng kế hoạch hoạt động dự toán ngân sách năm 2020, kế hoạch trung hạn 3 năm 2020-2022 - Công văn số 428 về việc đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm 2020 và xây dựng kế hoạch hoạt động dự toán ngân sách năm 2021, kế hoạch trung hạn 3 năm 2021-2023 - Công văn số 499 về việc đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm 2021 và xây dựng kế hoạch hoạt động dự toán ngân sách năm 2022, kế hoạch trung hạn 3 năm 2022-2024	402/DHN-TCKT ngày 12/7/2018 413/DHN-TCKT ngày 26/7/2019 428/DHN-TCKT ngày 27/07/2020 499/DHN-TCKT ngày 04/08/2021	TCKT	
TC.07.03.07	Các Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm trang thiết bị CNTT năm 2017, 2018, 2020, 2021 - Quyết định 590/ QĐ-DHN về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu 1 “08 danh mục thiết bị CNTT” - Quyết định số 923/QĐ-DHN về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 3 ”Thiết bị	-590/ QĐ-DHN, ngày 04/8/ 2017 - 923/QĐ-DHN, ngày 29/ 8/2018 - 844/QĐ-DHN, ngày 06/ 10/2020 - 22/QĐ-DHN, ngày 14/01/2021	Bộ Y tế và VT&TTB	

	CNTT và nâng cấp hạ tầng mạng” - Quyết định 844/QĐ-DHN về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 2 “Thiết bị CNTT” của Trường Đại học Dược Hà Nội - Quyết định 22/QĐ-DHN về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 2 “Bổ sung mạng nội bộ khu vực giảng đường”			
TC.07.03.08	- Công văn số 637/ DHN-VT&TTB về việc giao TSCĐ 2017 cho các đơn vị quản lý sử dụng - Công văn số 600 về việc bàn giao TSCĐ năm 2018 cho các đơn vị quản lý sử dụng và Bảng danh mục phân bổ TSCĐ - Công văn số 642 về việc bàn giao TSCĐ năm 2020 cho các đơn vị quản lý sử dụng và Bảng danh mục phân bổ TSCĐ - Công văn số 653 về việc phân phối trang thiết bị mua sắm 2021 cho các đơn vị	- 637/DHN-VT&TTB, ngày 28/ 11/ 2017 - 600/DHN-VT&TTB, ngày 12/10/2018 - 642/DHN-VT&TTB, ngày 22/10/2020 - 653/DHN-VT&TTB, ngày 28/09/2021	BYT, VT&TTB	
TC.07.03.09	Biên bản bàn giao trang thiết bị 2017&2018 & 2020 & 2021	2017&2018 & 2020 & 2021	QLCSVC và các đơn vị	
TC.07.03.10	- Bảng tổng hợp giao diện phần mềm quản lý tại trường - Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng cáo - Quyết định về việc sửa đổi Quy chế Quản lý hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng cáo	- 413/QĐ-DHN, ngày 11/7/2013 - 452/QĐ-DHN, ngày 11/7/ 2014	HCTH TCHC	
TC.07.03.11	- Báo cáo số 297 kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 & phương hướng công tác năm học 2018-2019	- 297/BC-DHN, ngày 10/8/ 2018 - 300/BC-DHN, ngày 09/8/2019		

	- Báo cáo số 300 kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019 & phương hướng công tác năm học 2019-2020 - Báo cáo số 380 kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 & phương hướng công tác năm học 2020-2021 - Báo cáo số 436 kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 & phương hướng công tác năm học 2021-2022	- 380/BC-DHN, ngày 28/8/2020 - 436/BC-DHN, ngày 06/9/2021		
TC.07.03.12	- Báo cáo số 28 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 - Báo cáo số 43 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 - Báo cáo số 06 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 - Báo cáo số 09 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 - Báo cáo số 58 đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022	- 28/BC-DHN, ngày 06/01/2018 - 43/BC-DHN, ngày 24/01/2019 - 06/BC-DHN, ngày 07/01/2020 - 09/BC-DHN, ngày 12/01/2021 - 58/BC-DHN, ngày 25/ 01/ 2022	HCTH TCHC	
TC.07.03.13	- Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư hóa chất, vật tư, học liệu và trang thiết bị phục vụ giảng dạy năm 2018 - Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư hóa chất, vật tư, học liệu và trang thiết bị phục vụ giảng dạy năm 2020	Năm 2018&2020	VT&TTTTB	

TC.07.03.14	- Nhật ký sửa chữa thiết bị năm 2017- 2022 - Báo cáo tần xuất sử dụng thiết bị 2017-2022	2017-2022	TTTT-TV
TC.07.03.15	Lịch sử dụng thực tập từ năm 2017-2022	2017-2022	TTTT-TV
TC.07.03.16	Sổ tài sản và công cụ dụng cụ 2017-2022	2017-2022	TTTT-TV
TC.07.03.17	Biên bản kiểm kê 2017-2022	2017-2022	CNTT & QLCSVC TTTT-TV
TC.07.03.18	Bảng tổng hợp kết quả khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo	2018-2021	QLCSVC và ĐBCL&KT
TC.07.03.19	Báo cáo chuyên đề “Phản hồi của VC-NLĐ về hoạt động CNTT Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2021”	- 209/BC-DHN, ngày 05/5/2022	QLCSVC
TC.07.03.20	- Công văn về việc tập huấn giảng dạy trực tuyến - Công văn về việc tổ chức lớp học lý thuyết theo hình thức trực tuyến - Quyết định Ban hành quy định Quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến của Trường Đại học Dược Hà Nội - Thông báo về việc tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến - Thông báo về việc triển khai Quy trình ra đề thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận/trắc nghiệm	- 82/DHN-TCCB, ngày 20/ 02/2020 - 88/DHN-TCCB, ngày 21/ 02/2020 - 302/QĐ-DHN, ngày 07/5/2022 - 609/DHN-ĐBCL&KT, ngày 13/9/2021 - 111/DHN-ĐBCL&KT, ngày 16/3/2022	HCTH
TC.07.03.21	- Bảng phụ lục chi tiết mua sắm TSCĐ 2018-2021 - Phiếu xuất kho mua sắm, sửa chữa thiết bị CNTT 2017-2022	2017-2022	VT&TTB và CNTT, QLCSVC, TTTT-TV
TC.07.03.22	- Quyết định số 3321 về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi	- 3321/QĐ-BYT, ngày 29/5/2018	Bộ Y tế

	tiết thay thế, nâng cấp thiết bị CNTT năm 2018 - Quyết định số 5708 về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết thay thế, nâng cấp thiết bị CNTT năm 2019 - Quyết định số 2749 về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết thay thế, nâng cấp thiết bị CNTT năm 2020	- 5708/QĐ-BYT, ngày 05/12/ 2019 - 2749/QĐ-BYT, ngày 30/ 6/2020		
TC.07.03.23	Dự án “Đề cương và dự toán chi tiết nâng cấp hệ thống mạng và hạ tầng CNTT trường Đại học Dược Hà Nội năm 2022”	- 1588/QĐ-BYT, ngày 20/ 06/2022	Bộ Y tế	
TC.07.03.24	Đề án “Chuyển đổi số của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030” Kế hoạch Chuyển đổi số của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030	34/NQ-HĐTDHN, ngày 11/ 07/ 2022 365/KH-DHN, ngày 19/7/ 2022	HĐT, TCHC	

Tiêu chí 7.4:

Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.07.04.01	Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường	598/QĐ-DHN, ngày 22/12/2009	TCHC	
TC.07.04.02	Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TCHC	
TC.07.04.03	Quyết định thành lập Thư viện	181/QĐ-DHN ngày 25/5/2009	TCHC	
TC.07.04.04	Sơ đồ bố trí Thư viện tại nhà T1, T2 - Danh sách viên chức thư viện - BB kiểm kê TSCĐ/Công cụ dụng cụ		QLCSVC TV	

	- Giao diện PM libol6.0 và libol digital6.5			
TC.07.04.05	Quyết định về việc thành lập CNTT	296/QĐ-DHN, ngày 29/7/ 2009	TCHC	
TC.07.04.06	Quyết định về việc đổi tên CNTT thành QLCSVC	- 287/QĐ-DHN, ngày 05/5/2020	TCHC	
TC.07.04.07	- Quyết định số 828/QĐ-BYT ngày 29/9/1961 về việc thành lập Giáo tài - Quyết định số 176/QĐ-DHN ngày 18/5/2009 về việc đổi tên Giáo tài thành VT&TTB	828/QĐ-BYT ngày 29/9/1961 176/QĐ-DHN ngày 18/5/2009	TCHC	
TC.07.04.08	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.07.04.09	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	NQ số 09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
TC.07.04.10	Công văn BGH giao nhiệm vụ đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm trước và xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán ngân sách năm mới và 3 năm	389/DHN-TCKT ngày 9/8/2018 408/DHN-TCKT ngày 24/7/2019 412/DHN-TCKT ngày 21/7/2020 489/DHN-TCKT ngày 30/7/2021	TCKT	
TC.07.04.11	CV đề nghị lập kế hoạch tài chính hàng năm	830/DHN-TCKT ngày 31/12/2020 721/DHN-TCKT ngày 29/10/2021 14/DHN-TCKT ngày 10/01/2022	TCKT	
TC.07.04.12	- Kết quả khảo sát về hoạt động thư viện năm 2018, 2019, 2020-2021, 2021-2022		ĐBCL&KT	

	- Kế hoạch cải tiến sau phản hồi		TV	
TC.07.04.13	- Công văn hướng dẫn công tác tổng kết năm học hàng năm - Kế hoạch tài chính của Thư viện 6 tháng cuối năm 2020, năm 2021, năm 2022	Hàng năm	TC-HC TV	
TC.07.04.14	Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị thuộc dự toán và kế hoạch NSNN hàng năm	(mẫu 08) 2018-2021	VT&TTB	
TC.07.04.15	Quyết định phê duyệt dự án mua sắm	3581/QĐ-BYT, 12/6/2018 3139/QĐ-BYT, 15/7/2019 3448/QĐ-BYT, 5/8/2020 2727/QĐ-BYT, 01/6/2021 3184/QĐ-BYT, 30/6/2021	Bộ Y tế	
TC.07.04.16	Quyết định phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết trang thiết bị công nghệ thông tin năm 2018, 2019, 2020	-3221/QĐ-BYT, 29/5/2018 -5708/QĐ-BYT, 05/12/2019 -2749/QĐ-BYT, 30/6/2020	Bộ Y tế	
TC.07.04.17	Kế hoạch hoạt động của Thư viện hàng năm từ 2017-2021	2017-2021	TV	
TC.07.04.18	Bảng tổng hợp tài liệu viết mới của Trường từ 2017-2021	2017-2021	TV	
TC.07.04.19	Bản tổng hợp dự trù bổ sung tài liệu năm 2017-2021	2017-2021	TV	
TC.07.04.20	Bảng tổng hợp tài liệu được đầu tư mới từ 2017-2021	2017-2021	TV	
TC.07.04.21	Giao diện website Thư viện (hình ảnh)		TV	
TC.07.04.22	Bảng tổng hợp tổng kho Thư viện	2017-2021	TV	
TC.07.04.23	Dữ liệu xin quyền truy cập miễn phí các CSDL		TV	
TC.07.04.24	Bảng thống kê dự trù TTB năm 2017-2021	2017-2021	VT&TTB	

TC.07.04.25	Sổ dự trữ vật tư, hóa chất năm 2017-2021	2017-2021	VT&TTB	
TC.07.04.26	Quyết định phê duyệt KH LCNT và Quyết định phê duyệt KQ LCNT Sổ nhật ký sử dụng nguyên vật liệu 2017-2022	2017-2022	VT&TTB	
TC.07.04.27	Danh mục trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	2017-2021	QLCSVC	
TC.07.04.28	Bảng tổng hợp dự trữ TTB CNTT 2018-2022 Công văn gửi các đơn vị dự trữ	2018-2021	QLCSVC	
TC.07.04.29	Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh và lựa chọn nhà thầu	- 590/QĐ-DHN, 04/8/2017 - 923/QĐ-DHN, 29/8/2018 - 844/QĐ-DHN, 06/10/2020 - 22/QĐ-DHN, 14/01/2021	QLCSVC	
TC.07.04.30	Công văn giao TSCĐ cho các đơn vị quản lý sử dụng	-637/DHN-VTT&TTB, 28/11/2017 -600/DHN-VTT&TTB, 12/10/2018 -642/DHN-VTT&TTB, 22/10/2020 -653/DHN-VTT&TTB, 28/9/2021	VT&TTB	
TC.07.04.31	Biên bản giao nhận TSCĐ 2017, 2018, 2020, 2021	2017-2021	QLCSVC	
TC.07.04.32	Kinh phí đầu tư mua sắm hóa chất, vật tư, học liệu phục vụ thực tập	2017-2021	VT&TTB	
TC.07.04.33	Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư cho Thư viện năm 2018- 2019, 2020, 2021	2018-2021	TV	
TC.07.04.34	Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư	18/1/2019, 5/1/2020, 15/1/2021	VT&TTB	
TC.07.04.35	Sổ nhật ký phục vụ bạn đọc		TV	
TC.07.04.36	Sổ mượn tài liệu thư viện		TV	
TC.07.04.37	Thống kê lượt truy cập trên website TV		TV	

TC.07.04.38	Kết quả khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.		ĐBCL&KT	
TC.07.04.39	Biên bản thanh tra giám sát đào tạo	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.07.04.40	Quy trình dự trù, mua sắm, cấp phát vật tư, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm		VT&TTB	
TC.07.04.41	Sổ quản lý giảng đường, kế hoạch giảng dạy		VT&TTB	
TC.07.04.42	Sổ tài sản và công cụ dụng cụ 2018-2022		QLCSVC	
TC.07.04.43	Lịch sử dụng thực tập từ năm 2017-2022		QLCSVC	
TC.07.04.44	Sổ nhật ký sử dụng máy		VT&TTB	
TC.07.04.45	Nhật ký theo dõi báo hỏng, sửa chữa các thiết bị CNTT		QLCSVC	
TC.07.04.46	Lịch sử sử dụng máy		QLCSVC	
TC.07.04.47	Biên bản kiểm kê 2018-2021	2018-2021	QLCSVC	
TC.07.04.48	Báo cáo chuyên đề “Phản hồi của VC-NLĐ về hoạt động CNTT Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2021	209/BC-DHN, 05/05/2022	QLCSVC	
TC.07.04.49	Biên bản nghiệm thu, thanh lý các hợp đồng mua sắm	2017-2021	VT&TTB	
TC.07.04.50	Dự án CNTT năm 2022	1588/QĐ-BYT, 20/6/2022	Bộ Y tế	
TC.07.04.51	Đề án chuyển đổi số	34/NQ-HĐTDHN, 11/7/2022	HĐT	

Tiêu chí 7.5:

Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.07.05.01	Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị của Trường	598/QĐ-DHN ngày 22/12/2009	TC-HC	
TC.07.05.02	Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	

TC.07.05.03	Quyết định phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ bảo vệ	Hàng năm	TC-HC	
TC.07.05.04	Quyết định phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp	Hàng năm	QT	
TC.07.05.05	QĐ thành lập Hội đồng bảo hộ lao động	Hàng năm	TC-HC	
TC.07.05.06	QĐ thành lập Đội PCCC và cứu nạn, cứu hộ	Hàng năm	TC-HC	
TC.07.05.07	QĐ thành lập Ban chỉ đạo, tổ an toàn COVID, Đội phòng, chống dịch COVID-19	607/QĐ-DHN ngày 19/8/2021	TC-HC	
TC.07.05.08	Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho VC-NLĐ	Hàng năm	TYT	
TC.07.05.09	Kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên nhập học	Hàng năm	TYT	
TC.07.05.10	Kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên tốt nghiệp	Hàng năm	TYT	
TC.07.05.11	QĐ lựa chọn đơn vị khám sức khỏe cho VC-NLĐ các năm	Hàng năm	TYT	
TC.07.05.12	QĐ lựa chọn đơn vị khám sức khỏe cho sinh viên các năm	Hàng năm	TYT	
TC.07.05.13	QĐ lựa chọn đơn vị mua bảo hiểm thân thể cho VC-NLĐ và sinh viên các năm	Hàng năm	TYT	
TC.07.05.14	Kế hoạch hỗ trợ sinh viên trong đợt dịch Covid-19	22/KH-ĐTN ngày 29/7/2021	ĐTN	
TC.07.05.15	Trích lục kinh phí phân bổ cho các hoạt động đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt	Hàng năm	TCKT	
TC.07.05.16	Kế hoạch tổ chức các hoạt động dọn vệ sinh môi trường của ĐTN-HSV	Hàng năm	ĐTN; HSV	
TC.07.05.17	Kế hoạch tổ chức tập huấn sơ cấp cứu ban đầu	Hàng năm	TYT	
TC.07.05.18	Hình ảnh, danh sách sinh viên nhận quà hỗ trợ trong hoạt động hỗ trợ SV gặp khó khăn dịp COVID-19	2019-2021	ĐTN; HSV	

Tiêu chuẩn 8:

Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1:

Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

TC.08.01.01	Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030, tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN, 12/3/2020	HĐT	
TC.08.01.02	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch Tổng thể phát triển trường đại học Dược đến năm 2020	2772/QĐ-BYT, 03/08/2009	BYT	
TC.08.01.03	Quyết định thành lập phòng HTQT	54/QĐ-DHN, 16/1/2009	TC-HC	
TC.08.01.04	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN, 19/02/2021	TC-HC	
TC.08.01.05	Quy chế HTQT Trường Đại học Dược Hà Nội	346/QĐ-DHN, 12/6/2014	HTQT	
TC.08.01.06	Quy trình đón tiếp khách quốc tế	QT.HTQT.01	HTQT	
TC.08.01.07	Quy trình trao đổi sinh viên	QT.HTQT.02-2016	HTQT	
TC.08.01.08	Quy trình thẩm định, phê duyệt, triển khai, báo cáo, giải ngân dự án, chương trình hợp tác	QT.HTQT.03	HTQT	
TC.08.01.09	Quy trình ký kết thỏa thuận hợp tác	QT.HTQT.04-29/6/2021	HTQT	
TC.08.01.10	Kế hoạch hoạt động của trường ĐH Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	TC-HC	
TC.08.01.11	Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng đầu năm 2022 (mảng HTQT)	Ngày 27/1/2022	ĐU-BGH	
TC.08.01.12	Nhiệm vụ trọng tâm 2021 của Đảng Ủy		ĐU-BGH	
TC.08.01.13	Các báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm và phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo từ năm 2017 đến 2022	2017-2022	HTQT	
TC.08.01.14	Báo cáo giám sát và đánh giá của Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN ngày 13/01/2022	HĐT	
TC.08.01.15	Chiến lược phát triển HTQT giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	1278/QĐ-DHN, 31/12/2016	HTQT	
TC.08.01.16	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường giai đoạn 2021-2025	299/QĐ-DHN, 29/4/2021	HTQT	
TC.08.01.17	Kế hoạch hoạt động HTQT giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030	328/KH-DHN ngày 31/12/2016	HTQT	

TC.08.01.18	Các Kế hoạch HTQT năm 2017 - 2022	Năm 2017-2022	HTQT	
TC.08.01.19	Thông tin đối ngoại trên trang web HUP mạng HTQT (Việt – Anh)	http://www.hup.edu.vn/cpbdv/phtqt/noidung/Lists/Gioithieuchung/View_Detail.aspx?ItemID=3 http://www.hup.edu.vn/en/ct/Lists/Information%20on%20International%20Cooperation/View_Detail.aspx?ItemID=1	HTQT	

Tiêu chí 8.2:

Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện hành.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.08.02.01	Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030, tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN, 12/3/2020	HĐT	
TC.08.02.02	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch Tổng thể phát triển trường đại học Dược đến năm 2020	2772/QĐ-BYT, 03/08/2009	BYT	
TC.08.02.03	Chiến lược phát triển HTQT giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	1278/QĐ-DHN, 31/12/2016	HTQT	
TC.08.02.04	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường giai đoạn 2021-2025	299/QĐ-DHN, 29/4/2021	HTQT	
TC.08.02.05	Kế hoạch hoạt động HTQT giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030	328/KH-DHN ngày 31/12/2016	HTQT	
TC.08.02.06	Kết quả đối sánh sơ bộ chương trình đào tạo của HUP với ĐH Sydney (dự thảo do ĐH Sydney thực hiện)		HTQT	Lưu HTQT
TC.08.02.07	Kết quả đối sánh sơ bộ chương trình đào tạo HUP với chương trình đào tạo của Mahidol (CLC)		ĐT	Lưu HTQT

TC.08.02.08	Thống kê sản phẩm đầu ra dự án, chương trình hợp tác 2017-2022 (danh sách chương trình CPD; danh sách học liệu, tài liệu tham khảo; danh sách thiết bị được đầu tư...)	2022	HTQT	
TC.08.02.09	Thống kê đoàn vào giai đoạn 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.02.10	Thống kê đoàn ra giai đoạn 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.02.11	Thống kê sinh viên trao đổi giai đoạn 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.02.12	Thống kê MOU giai đoạn từ năm 2017 -2022	2022	HTQT	
TC.08.02.13	Danh mục Hợp đồng dịch vụ giai đoạn 2017-2022	2022	QLKH	
TC.08.02.14	Danh mục Hợp đồng chuyển giao công nghệ giai đoạn 2017-2022	2022	QLKH	
TC.08.02.15	Danh mục bài báo quốc tế có người học tham gia	Link bài báo	QLKH	
TC.08.02.16	Danh mục bài báo quốc tế giai đoạn 2017-2022	Link bài báo	QLKH	
TC.08.02.17	Thống kê dự án, chương trình hợp tác 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.02.18	Thống kê chương trình xã hội hóa 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.02.19	Thống kê Hội thảo, lớp tập huấn giai đoạn 2018-2022	2022	HTQT	
TC.08.02.20	Báo cáo kết quả triển khai công tác HTQT giai đoạn 2016-2020	236/BC-DHN, 28/5/2021	HTQT	
TC.08.02.21	Kết quả thực hiện MOU ký kết giai đoạn 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.02.22	Thống kê nguồn thu từ các chương trình hợp tác công tư, xã hội hóa giai đoạn 2017-2022 (đến thời điểm lấy số liệu thống kê)	2022	HTQT	
TC.08.02.23	Tổng hợp số liệu HTQT 2017-2021	2022	HTQT	
TC.08.02.24	Danh sách sinh viên thực tập nghề nghiệp tại Pharmacy năm 2022	2022	ĐT	
TC.08.02.25	Báo cáo kết quả triển khai KH và nhiệm vụ trọng tâm công tác HTQT năm 2021	38/BC-DHN ngày 18/1/2022	HTQT	

TC.08.02.26	Quyết định phê duyệt đề án Hội nhập và các đề án thành phần	481/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	HTQT	
TC.08.02.27	Kế hoạch xây dựng và triển khai đề án liên kết với ĐH Sydney	144/BB-DHN ngày 25/3/2022 và PL Xây dựng Đề án CT liên kết đính kèm	HTQT	
TC.08.02.28	Báo cáo thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư dự án VNM 44	369/BC-DHN ngày 19/7/2022 490/BC-DHN ngày 30/9/2021	VPDA	Lưu HTQT
TC.08.02.29	Báo cáo tiến độ tình hình thực hiện dự án VNM 44	459/DHN-VPDA ngày 15/8/2022 367/BC-DHN ngày 19/7/2022	VPDA	Lưu HTQT

Tiêu chí 8.3:

Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.08.03.01	Chiến lược phát triển HTQT giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	1278/QĐ-DHN, 31/12/2016	HTQT	
TC.08.03.02	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường giai đoạn 2021-2025	299/QĐ-DHN, 29/4/2021	HTQT	
TC.08.03.03	Kế hoạch hoạt động HTQT giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030	328/KH-DHN ngày 31/12/2016	HTQT	
TC.08.03.04	Các Kế hoạch HTQT năm 2017 - 2022	-24/KH-DHN ngày 20/1/2017 -76/KH-DHN ngày 01/3/2018 -89/KH-DHN ngày 19/3/2019 -229/ DHN- HTQT ngày 28/5/2020 -110/KH- DHN ngày 10/3/2021 -60/KH- DHN ngày 26/1/2022	HTQT	
TC.08.03.05	Các kết quả thực hiện công tác HTQT của Trường năm 2017-2021	File Trường phòng ký (kết quả HTQT năm 2017)	HTQT	

		-168/DHN-HTQT ngày 10/04/2019 -222/DHN-HTQT ngày 29/4/2020 -105/DHN-HTQT ngày 10/3/2021 -20/DHN-HTQT ngày 11/1/2022 DHN		
TC.08.03.06	Báo cáo kết quả triển khai công tác HTQT giai đoạn 2016-2020	236/BC-DHN, 28/5/2021	HTQT	
TC.08.03.07	Báo cáo kết quả triển khai KH và nhiệm vụ trọng tâm công tác HTQT năm 2021	-38/BC-DHN ngày 18/1/2022	HTQT	
TC.08.03.08	Các công văn xin ý kiến phản hồi về công tác HTQT năm 2020-2021	-722/DHN-HTQT ngày 16/11/2020 -806 DHN- HTQT ngày 24/11/2021	HTQT	
TC.08.03.09	Thông báo kết luận Hội nghị chuyên đề HTQT năm 2021 (T3)	109 TB-DHN ngày 10/3/2021	HTQT	
TC.08.03.10	Công văn Trường gửi các đơn vị trong Trường yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện hoạt động HTQT (2017-2021)	651/DHN-HTQT ngày 30/11/2017	HTQT	
TC.08.03.11	Kết quả thực hiện MOU ký kết giai đoạn 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.03.12	Thống kê MOU có yếu tố quốc tế 2017 -2022	2022	HTQT	
TC.08.03.13	Thống kê MOU trong nước 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.03.14	Danh mục Hợp đồng dịch vụ giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ Hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng, Biên bản thanh lý)	QLKH	
TC.08.03.15	Danh mục Hợp đồng CGCN giai đoạn 2017-2021	Hợp đồng	QLKH	
TC.08.03.16	Thống kê sản phẩm đầu ra dự án, chương trình hợp tác 2017-2022 (danh sách chương trình CPD; danh sách học liệu, tài liệu tham khảo; danh sách thiết bị được đầu tư...)	File trường phòng ký	HTQT	

TC.08.03.17	Thống kê nguồn thu từ các chương trình hợp tác công tư, xã hội hóa giai đoạn 2017-2022 (đến thời điểm lấy số liệu thống kê)	File trưởng phòng ký	HTQT	
TC.08.03.18	Quy trình ký Thỏa thuận hợp tác	QT. HTQT.04-29/6/2021	HTQT	
TC.08.03.19	Quy chế HTQT của Trường ĐH Dược Hà Nội (cập nhật, bổ sung năm 2022)	Quyết định số...../QĐ-DHN/2022 QĐ số 924/QĐ-DHN ngày 30/11/2021 v/v thành lập Ban Tư vấn và Tổ soạn thảo rà soát sửa đổi Quy chế hoạt động HTQT	HTQT	
TC.08.03.20	Quy trình xây dựng Quy chế, Quy định, Quy trình của Trường ĐH Dược Hà Nội	20/NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	TCHC	

Tiêu chí 8.4:

Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.08.04.01	Báo cáo kết quả triển khai công tác HTQT giai đoạn 2016-2020	236/BC-DHN, 28/5/2021	HTQT	
TC.08.04.02	Báo cáo kết quả triển khai KH và nhiệm vụ trọng tâm công tác HTQT năm 2021	38/BC-DHN ngày 18/1/2022	HTQT	
TC.08.04.03	Các kết quả lấy ý kiến phản hồi về công tác HTQT năm 2020 - 2021	-722/DHN-HTQT ngày 16/11/2020 -806 DHN-HTQT ngày 24/11/2021	HTQT	
TC.08.04.04	Thông báo kết luận buổi họp tổng kết công tác HTQT 2020 và đề xuất các nội dung trọng tâm 2021	109 TB-DHN ngày 10/3/2021	HTQT	
TC.08.04.05	Kế hoạch thực hiện tổng thể đề án hội nhập nâng cao năng lực và đào tạo bằng tiếng Anh	485/KH-DHN ngày 30/9/2021	HTQT	
TC.08.04.06	Kế hoạch thực hiện tổng thể ĐACT trao đổi giảng viên sinh viên ASEAN 3	486/KH-DHN ngày 30/9/2021	HTQT	

TC.08.04.07	Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng đầu năm 2022 (mảng HTQT)	27/1/2022	HTQT	
TC.08.04.08	Kế hoạch thực hiện đề án chương trình liên kết		HTQT	Lưu HTQT
TC.08.04.09	Danh mục các MOU trong nước 2017-2022	2022	QLKH, HTQT	
TC.08.04.10	Thống kê MOU giai đoạn từ năm 2017 - 2022	2022	HTQT	
TC.08.04.11	Danh sách sinh viên thực tập nghề nghiệp tại Pharmacy năm 2022	2022	ĐT	
TC.08.04.12	Thống kê sinh viên nhận học bổng 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.04.13	Quyết định phê duyệt đề án Hội nhập và các đề án thành phần	Số 481/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	HTQT	
TC.08.04.14	Kết quả đối sánh sơ bộ chương trình đào tạo của HUP với ĐH Sydney (dự thảo do ĐH Sydney thực hiện)		HTQT	Lưu HTQT
TC.08.04.15	Thống kê đoàn ra giai đoạn 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.04.16	Thống kê Hội thảo, lớp tập huấn giai đoạn 2018-2022	2022	HTQT	
TC.08.04.17	Danh mục bài báo trong nước có người học tham gia	Bài báo toàn văn được xuất bản	QLKH	
TC.08.04.18	Danh mục bài báo quốc tế có người học tham gia	File mềm	QLKH	
TC.08.04.19	Danh mục bài báo trong nước giai đoạn 2017-2022	Bài báo toàn văn được xuất bản	QLKH	
TC.08.04.20	Danh mục bài báo quốc tế giai đoạn 2017-2022	File mềm	QLKH	
TC.08.04.21	Thống kê chương trình xã hội hóa 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.04.22	Danh mục Hợp đồng dịch vụ giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ Hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng, Biên bản thanh lý)	QLKH	
TC.08.04.23	Danh mục Hợp đồng chuyển giao công nghệ giai đoạn 2017-2022	2022	QLKH	
TC.08.04.24	Danh mục sáng chế, giải pháp hữu ích giai đoạn 2017-2022	2022	QLKH	

TC.08.04.25	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án VNM 44 từ 2014 đến nay	367/BC-DHN ngày 19/7/2022	VPDA	Lưu VPDA
TC.08.04.26	Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án VNM 44	369/BC-DHN ngày 19/07/2022	VPDA	Lưu VPDA
TC.08.04.27	Thống kê đoàn vào giai đoạn 2017-2022	2022	HTQT	
TC.08.04.28	Thông tin đối ngoại trên trang web HUP mạng HTQT (Việt – Anh)	Đường link	HTQT	
TC.08.04.29	Các báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 - 2022	- 28/BC-DHN ngày 16/01/2018 - 43/BC-DHN ngày 24/01/2019 - 06/BC-DHN ngày 07/01/2020 - 09/BC-DHN ngày 12/01/2021 - 58/BC-DHN ngày 25/01/2022	HTQT	
TC.08.04.30	Báo cáo giám sát và đánh giá của Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN ngày 13/01/2022	HĐT	

Tiêu chuẩn 9:

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1:

Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.09.01.01	Quy định về ĐBCLGD trong Trường Đại học Dược Hà Nội	289/QĐ-DHN 05/5/2020	ĐBCL&KT	
	Quy định về ĐBCLGD trong Trường Đại học Dược Hà Nội		ĐBCL&KT	
TC.09.01.02	Quyết định thành lập HĐ ĐBCLGD hàng năm 2018-2022	2018-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.01.03	Quyết định thành lập mạng lưới ĐBCLGD hàng năm	2018-2022	ĐBCL&KT	

TC.09.01.04	Quyết định thành lập Khảo thí và Kiểm định chất lượng	182/QĐ-DHN, 20/05/2009	TCCB	
TC.09.01.05	Về việc đổi tên Khảo thí & KĐCL thành ĐBCL&KT	288/QĐ-DHN 05/5/2020	HCTH	
TC.09.01.06	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược HN	02/NQ- HĐTDHN	HĐT -DHN	
TC.09.01.07	Danh sách trích ngang viên chức ĐBCL&KT	01/5/2022	TC-HC	
TC.09.01.08	Thống kê các lớp đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCLGD của viên chức ĐBCL&GD và toàn trường	01/7/2022	TC-HC	
TC.09.01.09	- Thống kê danh sách các viên chức hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sỹ về đo lường và đánh giá trong giáo dục - Thống kê viên chức của HUP hoàn thành chương trình kiểm định viên KĐCLGD và thẻ kiểm định	01/7/2022	TC-HC	
TC.09.01.10	Quyết định ban hành mô hình ĐBCL bên trong của Trường Đại học Dược Hà Nội	870/QĐ-DHN 12/10/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.01.11	Đường link các QĐ trong intranet: http://intranet.hu.edu.vn/SitePages/Search.aspx	2022	ĐBCL&KT	
TC.09.01.12	Đường link mục ĐBCLGD trên website: http://hu.edu.vn/Pages/default.aspx#section=generalw	2022	ĐBCL&KT	
TC.09.01.13	Sổ tay ĐBCLGD của HUP	2021	ĐBCL&KT	
TC.09.01.14	Thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược HN 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ- HĐTDHN Ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.09.01.15	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD của trường giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	591/BC-DHN 10/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.01.16	Chiến lược ĐBCLGD của HUP giai đoạn 2021-2025	296/QĐ-DHN 29/4/2021		
TC.09.01.17	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2017-2018 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019	- 227/KH- DHN ngày 21/8/2017 - 343/KH- DHN ngày 30/8/2018	ĐBCL&KT	

	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022.	- 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 - 379/KH-DHN ngày 28/8/2020 - 418/KH-DHN ngày 30/8/2021		
TC.09.01.18	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.01.19	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện ĐBCLGD hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.01.20	Danh mục các quy trình của Trường ĐH Dược HN hiện hành	01/5/2022	TC-HC	
TC.09.01.21	Tiêu chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục của AUN-QA	2017	ĐBCL&KT	
TC.09.01.22	Các quyết định khen thưởng cá nhân và tập thể của Trường giai đoạn 2017-2022	2017-2022	TC-HC	

Tiêu chí 9.2:

Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.09.02.01	QĐ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn 2030	2772/QĐ-BYT 03/8/2009	BYT	
TC.09.02.02	Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	1277/QĐ-DHN ngày 31/12/2016	ĐBCL&KT	
TC.09.02.03	Quy định về ĐBCLGD trong Trường Đại học Dược Hà Nội	289/QĐ-DHN 05/5/2020	ĐBCL&KT	
	Quy định về ĐBCLGD trong Trường Đại học Dược Hà Nội		ĐBCL&KT	
TC.09.02.04	Thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược HN 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN Ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.09.02.05	Thông qua chính sách ĐBCLGD của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN Ngày 12/3/2020	HĐT	

TC.09.02.06	Chiến lược ĐBCLGD của HUP giai đoạn 2021-2025	296/QĐ-DHN 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.02.07	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	- 417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.02.08	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2017-2018 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022.	- 227/KH-DHN ngày 21/8/2017 - 343/KH-DHN ngày 30/8/2018 - 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 - 379/KH-DHN ngày 28/8/2020 - 418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.02.09	Ban hành mô hình ĐBCLGD bên trong		ĐBCL&KT	
TC.09.02.10	Sổ tay ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội	2021	ĐBCL&KT	
TC.09.02.11	Thống kê danh mục các lớp tập huấn, hội thảo trong và ngoài nước về công tác ĐBCLGD	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.02.12	Thống kê danh sách các viên chức hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định viên kèm chứng chỉ	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.02.13	Thống kê danh sách các viên chức hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sỹ về đo lường và đánh giá trong giáo dục	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.02.14	Ban hành quy chế đào tạo bồi dưỡng 2013	522/QĐ-DHN 16/8/2013	ĐBCL&KT	
	Ban hành quy chế đào tạo bồi dưỡng 2019	794/QĐ-DHN Ngày 07/8/2019	ĐBCL&KT	
TC.09.02.15	Công văn về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năm 2017	454/DHN- TCCB Ngày 29/9/2016	TC-HC	
	Công văn về bổ sung nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2019	599/DHN- TCCB Ngày 12/10/2018	TC-HC	

	Công văn về bổ sung nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2020	02/DHN-TCCB 03/11/2020	TC-HC	
	Công văn về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năm 2022	856/DHN-TCHC 10/12/2021	TC-HC	
TC.09.02.16	Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2019	53/KH-DHN Ngày 19/02/2019	TC-HC	
	Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2020	85/KH-DHN 28/02/2020	TC-HC	
	Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021	234/KH-DHN 28/5/2021	TC-HC	
	Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm 2022	49/KH-DHN 21/01/2022	TC-HC	
TC.09.02.17	Báo cáo thống kê kết quả đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2017-2022		TC-HC	
TC.09.02.18	Thống kê các khảo sát các bên liên quan của Trường: http://intranet.hu.edu.vn/Lists/Kt%20qu%20kho%20st/AllItems.aspx	2017-2022	TC-HC	
TC.09.02.19	Danh mục các quy trình khảo sát các bên liên quan của Trường	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.02.20	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD của trường giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	591/BC-DHN 10/12/2020	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 9.3:

Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.09.03.01	Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	1277/QĐ-DHN ngày 31/12/2016	ĐBCL&KT	
TC.09.03.02	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2017-2018 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020	- 227/KH-DHN ngày 21/8/2017 - 343/KH-DHN ngày 30/8/2018 - 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 - 379/KH-DHN ngày 28/8/2020 - 418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	

	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022.			
TC.09.03.03	Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ hàng năm của các đơn vị	2017-2022	TC-HC	Lưu tại TCHC
TC.09.03.04	Kế hoạch ĐBCLGD của các đơn vị trong trường giai đoạn 2019-2022	2019-2022	ĐBCL&KT	Lưu tại ĐBCL &KT
TC.09.03.05	Thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược HN 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN Ngày 12/3/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.03.06	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD của trường giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	591/BC-DHN 10/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.03.07	Chiến lược ĐBCLGD của HUP giai đoạn 2021-2025	296/QĐ-DHN 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.03.08	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.03.09	Biên bản Hội nghị tổng kết công tác ĐBCLGD hàng năm	2019-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.03.10	Nghị quyết Hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm 2017-2022	2017-2022	TC-HC	
TC.09.03.11	Biên bản họp giao ban bộ môn, ban hàng năm	2017-2022	TC-HC	Lưu TCHC
TC.09.03.12	Biên bản họp HĐ ĐBCLGD hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.03.13	Kế hoạch Tự đánh giá Trường Đại học Dược Hà Nội.	102/KH-DHN ngày 02/3/2022	ĐBCL&KT	
TC.09.03.14	Kế hoạch khảo sát các bên liên quan giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	Lưu tại ĐBCL &KT

Tiêu chí 9.4:

Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

TC.09.04.01	Quy chế văn thư lưu trữ	396/QĐ-DHN 23/6/2014	TC-HC	
TC.09.04.02	Quy chế văn thư lưu trữ	797/QĐ-DHN 28/9/2017	TC-HC	
TC.09.04.03	Quy chế văn thư lưu trữ của Trường Đại học Dược Hà Nội	212/QĐ-DHN 20/4/2022	TC-HC	
TC.09.04.04	Phần mềm intranet	2017-2022		
TC.09.04.05	Danh sách email của viên chức, người học Trường ĐH Dược Hà Nội	2017-2022	QLCSVC	
TC.09.04.06	Quy định về chức năng nhiệm vụ của ĐBCL&KT	1010 QĐ-DHN 24/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.04.07	Phân công nhiệm vụ của viên chức ĐBCL&KT	2017-2022		
TC.09.04.08	Kho lưu trữ văn bản của Trường	2017-2022	TC-HC	
TC.09.04.09	Hồ sơ lưu trữ về công tác ĐBCL tại ĐBCL&KT	2017-2022	ĐBCL&KT	Lưu tại ĐBCL&KT
TC.09.04.10	Các file mềm về công tác ĐBCL được lưu trữ tại ĐBCL&KT	2017-2022	ĐBCL&KT	Lưu tại ĐBCL&KT
TC.09.04.11	Danh mục các phần mềm đang được sử dụng tại Trường Đại học Dược Hà Nội	2017-2022	QLCSVC	
TC.09.04.12	Thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược HN 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN Ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.09.04.13	Chiến lược ĐBCLGD của HUP giai đoạn 2021-2025	296/QĐ-DHN 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.04.14	Quy định về ĐBCLGD trong Trường Đại học Dược Hà Nội	289/QĐ-DHN 05/5/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.04.15	Quy định về ĐBCLGD trong Trường Đại học Dược Hà Nội		ĐBCL&KT	
TC.09.04.16	Quyết định thành lập Hội đồng ĐBCLGD hàng năm	2019-2022	ĐBCL&KT	
	Quyết định thành lập Hội đồng ĐBCLGD năm 2019	773/QĐ-DHN 05/8/2019	ĐBCL&KT	
	Quyết định điều chỉnh thành viên Hội đồng ĐBCLGD năm 2020	136/QĐ-DHN 10/3/2020	ĐBCL&KT	

	QĐ thành lập HĐ ĐBCLGD năm học 2020-2021	608/QĐ-DHN 10/8/2020	ĐBCL&KT	
	QĐ thành lập HĐ ĐBCLGD năm học 2021-2022	593/QĐ-DHN 16/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.04.17	Quyết định thành lập mạng lưới ĐBCLGD hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
	QĐ thành lập mạng lưới ĐBCLGD	641/QĐ-DHN 15/8/2017	ĐBCL&KT	
	QĐ thành lập mạng lưới ĐBCLGD năm 2019	1068/QĐ-DHN 22/10/2019	ĐBCL&KT	
	QĐ kiện toàn mạng lưới ĐBCLGD năm học 2020-2021	649/QĐ-DHN 21/8/2020	ĐBCL&KT	
	QĐ kiện toàn mạng lưới ĐBCLGD năm học 2021-2022	594/QĐ-DHN 16/8/2021		
TC.09.04.18	Thống kê danh mục các quy trình đã được ban hành giai đoạn 2017-2022	2017-2022	TC-HC	
TC.09.04.19	Sổ tay ĐBCLGD	2021	ĐBCL&KT	
TC.09.04.20	Link về công tác ĐBCL trên website của Trường: http://hu.edu.vn/Pages/default.aspx#section=generalw	2017-2022	QLCSVC	
TC.09.04.21	Facebook chính thức của Trường: https://www.facebook.com/hupvn	2022	TC--HC	
TC.09.04.22	Biên bản họp giao ban các Bộ môn, đơn vị giai đoạn 2017-2022	2017-2022	TC-HC	Lưu TCH C
TC.09.04.23	Sổ họp giao ban của các bộ môn, đơn vị trong trường	2017-2022	Các đơn vị	Lưu các Đơn vị
TC.09.04.24	Thông báo nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm	2017-2022	QLSV	
TC.09.04.25	Biên bản họp hội đồng ĐBCLGD hàng năm	2019-2022	ĐBCL&KT	Lưu ĐBCL&KT
TC.09.04.26	Chương trình các lớp tập huấn về công tác ĐBCLGD	2017-2022	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 9.5:

Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

TC.09.05.01	Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	1277/QĐ-DHN ngày 31/12/2016	ĐBCL&KT	
TC.09.05.02	Thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược HN 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN Ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.09.05.03	Chiến lược ĐBCLGD của HUP giai đoạn 2021-2025	296/QĐ-DHN 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.05.04	Bộ chỉ số KPIs của khối ban		TC-HC	
TC.09.05.05	Quyết định thành lập tổ soạn thảo KPIs cho giảng viên	62/QĐ-DHN 08/02/2022	TC-HC	
	Kế hoạch xây dựng Bộ tiêu chí KPIs áp dụng cho giảng viên Trường Đại học Dược Hà Nội	90/KH-DHN 22/02/2022	TC-HC	
TC.09.05.06	Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	327/KH-DHN Ngày 31/12/2016		
TC.09.05.07	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.05.08	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2017-2018 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022.	- 227/KH-DHN ngày 21/8/2017 - 343/KH-DHN ngày 30/8/2018 - 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 - 379/KH-DHN ngày 28/8/2020 - 418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.05.09	Kế hoạch ĐBCLGD của các đơn vị	2017-2022	Các đơn vị	Lưu các đơn vị
TC.09.05.10	- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2019-2020. - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2020-2021. - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2021-2022.	424/BC-DHN ngày 31/8/2021	ĐBCL&KT	

TC.09.05.11	Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ của Trường hàng năm	2017-2022	TC-HC	
TC.09.05.12	Báo cáo đánh giá , rà soát thực hiện chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD của trường giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	591/BC-DHN 10/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.05.13	Biên bản bình xét thi đua hàng năm của công chức, viên chức, người lao động	2017-2022	TC-HC	Lưu hồ sơ tại TCHC

Tiêu chí 9.6:

Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.09.06.01	Hồ sơ kế hoạch hoạt động của các đơn vị	2019-2022	Các đơn vị	Lưu tại các đơn vị
TC.09.06.02	Quy trình xây dựng, triển khai, theo dõi việc thực hiện kế hoạch	QT.TCHC.2021.07 15.12.2021	TC-HC	
TC.09.06.03	Quy định về ĐBCLGD trong Trường Đại học Dược Hà Nội	289/QĐ-DHN 05/5/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.06.04	Quy định về ĐBCLGD trong Trường Đại học Dược Hà Nội		ĐBCL&KT	
TC.09.06.05	Thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược HN 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN Ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.09.06.06	Báo cáo đánh giá , rà soát thực hiện chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD của trường giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	591/BC-DHN 10/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.06.07	Chiến lược ĐBCLGD của HUP giai đoạn 2021-2025	296/QĐ-DHN 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.06.08	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.06.09	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2017-2018	- 227/KH-DHN ngày 21/8/2017	ĐBCL&KT	

	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022.	- 343/KH-DHN ngày 30/8/2018 - 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 - 379/KH-DHN ngày 28/8/2020 - 418/KH-DHN ngày 30/8/2021		
TC.09.06.10	Danh mục các quy trình liên quan đến công tác ĐBCL giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.06.11	Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	1277/QĐ-DHN ngày 31/12/2016	ĐBCL&KT	
TC.09.06.12	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.09.06.13	QĐ ban hành Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi	1170/QĐ-DHN 31/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.06.14	Biên bản rà soát Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi	722/BB-DHN 31/12/2021		
TC.09.06.15	Báo cáo đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi giai đoạn 2017-2022	2022	ĐBCL&KT	
TC.09.06.16	Hồ sơ các loại khảo sát các bên liên quan giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	Lưu tại ĐBCL&KT
TC.09.06.17	Kế hoạch cải tiến sau phản hồi của các đơn vị	2017-2022	ĐBCL&KT	Lưu tại ĐBCL&KT
TC.09.06.18	Báo cáo tổng kết các đơn vị cuối năm 2017-2022	2017-2022	TCHC	Lưu tại TCHC

TC.09.06.19	Báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng giáo dục Trường ĐH Dược Hà Nội	573/DHN-ĐBCL&KT 29/9/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.06.20	- Quyết định về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Dược Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025	3676/QĐ-BYT ngày 22/8/2020	BYT	
TC.09.06.21	- Nghị quyết về việc ban hành Chính sách Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội.	02/NQ-HĐTDHN ngày 27/11/2020	HĐT	
TC.09.06.22	QĐ Ban hành Chiến lược đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	294/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐT	
TC.09.06.23	QĐ Ban hành Chiến lược KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	295/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	QLKH	
TC.09.06.24	Ban hành Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008 /QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.09.06.25	QĐ Ban hành Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	297/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
TC.09.06.26	QĐ Ban hành Chiến lược Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	298/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-KT	
TC.09.06.27	QĐ Ban hành Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	299/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	HTQT	
TC.09.06.28	NQ v/v ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN ngày 19/02/2021	TC-HC	
TC.09.06.29	QĐ Ban hành quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.09.06.030	- Quyết định v/v công nhận ông Nguyễn Hải Nam giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	-3539/QĐ-BYT ngày 21/7/2021	BYT TC-HC	

	- Nghị Quyết v/v kiện toàn chức danh Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	-17/NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021		
TC.09.06.031	- QĐ thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án xác định vị trí việc làm của Trường Đại học Dược Hà Nội - Năm 2021 - CV v/v rà soát Đề án xác định vị trí việc làm	-285/QĐ-DHN ngày 27/4/2021 - 306/DHN-TC-HC ngày 27/5/2021	TC-HC	
TC.09.06.032	Kế hoạch Xây dựng mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường	548/KH-DHN ngày 12/11/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.06.033	Quyết định ban hành Quy định ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội	289/QĐ-DHN ngày 05/5/2020	ĐBCL&KT	
TC.09.06.034	-Sổ tay ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội		ĐBCL&KT	
TC.09.06.035	Báo cáo đối sánh tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp		ĐBCL&KT	
TC.09.06.036	- Quyết định v/v cho phép Trường Đại học Dược Hà Nội đào tạo ngành Hóa dược trình độ đại học - Quyết định mở mã ngành đào tạo ngành Công nghệ sinh học trình độ đại học - Quyết định mở mã ngành đào tạo ngành Hóa học trình độ đại học	- 1286/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2020 - 372/QĐ-DHN ngày 28/5/2021 - 373/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	BGDĐT HUP HUP	
TC.09.06.037	- QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ Thạc sĩ - QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ Tiến sĩ - QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ DSCKI - QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ DSCKII	- 848/QĐ-DHN ngày 05/11/2021 - 849/QĐ-DHN ngày 05/11/2021 - 850/QĐ-DHN ngày 05/11/2021 - 851/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	ĐBCL&KT	
TC.09.06.038	QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ đại học	852/QĐ-DHN ngày 05/11/2021		
TC.09.06.039	- CV rà soát CTĐT - BB rà soát CTĐT			
TC.09.06.40	Quy định về hoạt động NCKH của người học	484/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	

TC.09.06.41	Quy định Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ	483/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.09.06.42	Quy định tổ chức và hoạt động Nhóm nghiên cứu mạnh Trường Đại học Dược Hà Nội	908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021	QLKH	
TC.09.06.43	Thông báo đăng ký xét chọn Nhóm nghiên cứu mạnh lần thứ I, giai đoạn 2021-2025	678/TB-DHN ngày 15/12/2021	QLKH	
TC.09.06.44	Các hợp đồng khoa học dịch vụ của Trường giai đoạn 2017-2022			
TC.09.06.45	Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	1034/QĐ-DHN ngày 30/12/2021		
TC.09.06.46	Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	QT.TCHC.2021.0 4 ngày 10/12/2021		

Tiêu chuẩn 10:

Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1:

Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.10.01.01	Kế hoạch tự đánh giá	99/KH-DHN ngày 27/4/2016	KT&KĐCL	
TC.10.01.02	Kế hoạch rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, minh chứng và chuẩn bị thực hiện đánh giá ngoài; Thông báo triệu tập tham gia lớp tập huấn chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài; Công văn về các công việc cần thực hiện ngay để chuẩn bị đánh giá ngoài; Công văn về việc phục vụ đánh giá ngoài	-197/KH-DHN ngày 02/8/2017; -183/TB-DHN ngày 21/7/2017; -407/DHN-KT&KĐCL ngày 04/8/2017; - 610/DHN –TCCB ngày 14/11/2017	KT&KĐCL	

TC.10.01.03	- Công văn v/v tổ chức triển khai các hoạt động theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT, CSGD	-602/DHN-KT&KĐCL ngày 15/10/2018	KT&KĐCL	
TC.10.01.04	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2017-2018 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022.	-227/KH-DHN ngày 21/8/2017 -343/KH-DHN ngày 30/8/2018 -438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 -379/KH-DHN ngày 28/8/2020 -418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.01.05	- CV triển khai viết báo cáo đánh giá giữa kỳ	-160/DHN-KT&KĐCL ngày 24/3/2020	KT&KĐCL	
TC.10.01.06	- Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025 - Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	-296/QĐ-DHN ngày 29/4/2021 -1277/QĐ-DHN ngày 31/12/2016	ĐBCL&KT	

TC.10.01.07	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	- 17/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.01.08	- Biên bản họp Hội nghị giao ban khối phòng ban, viện, trung tâm	-617/BB-DHN ngày 11/11/2021 - 17/BB-DHN ngày 06/01/2022	TC-HC	
TC.10.01.09	- Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng đầu năm 2022		Đảng Ủy	
TC.10.01.10	- Quy trình hướng dẫn thu thập thông tin và minh chứng - Quy trình Tự đánh giá CSGD	QT.ĐBCLKT.18 QT.ĐBCLKT.20	ĐBCL&KT	
TC.10.01.11	- Kế hoạch rà soát minh chứng tại các đơn vị - Công văn v/v tổ chức triển khai thu thập minh chứng theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD, CTĐT	- 39/KH-DHN ngày 08/9/2021 -602/DHN-ĐBCL&KT ngày 09/9/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.01.12	- Công văn v/v tổ chức tập huấn “Xây dựng phát triển CTĐT và đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong”. - Biên bản tập huấn công tác đảm bảo chất lượng cho thành viên mạng lưới đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường. - Công văn v/v tập huấn về công tác ĐBCLGD cho cán bộ thuộc mạng lưới ĐBCLGD của Trường.	-437/DHN-KT&KĐCL ngày 03/8/2018 -381/BB-DHN ngày 28/8/2020 -23/DHN-ĐBCL&KT ngày 12/01/2022	ĐBC&KT	

TC.10.01.13	- Các giấy mời viên chức tham gia đoàn đánh giá ngoài của trung tâm kiểm định		TC-HC	
TC.10.01.14	- Quyết định v/v thành lập Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Dược Hà Nội.	- 94/QĐ-DHN ngày 01/3/2022	TC-HC	
TC.10.01.15	- Kế hoạch Tự đánh giá Trường Đại học Dược Hà Nội.	-102/KH-DHN ngày 02/3/2022	ĐBCL&KT	
TC.10.01.16	- Bảng phân công công việc của 5 nhóm công tác chuyên trách		Các nhóm công tác chuyên trách	
TC.10.01.17	- Công văn đề nghị thẩm định Báo cáo tự đánh giá		ĐBCL&KT	
TC.10.01.18	- Công văn gửi báo cáo tự đánh giá tới Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT		ĐBCL&KT	
TC.10.01.19	- Công văn về việc thực hiện cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động sau tự đánh giá		ĐBCL&KT	
TC.10.01.20	- Đơn đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục - Hợp đồng thẩm định Báo cáo TĐG Trường với TT Kiểm định chất lượng giáo dục		ĐBCL&KT	

Tiêu chí 10.2:

Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.10.02.01	- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng năm học 2018-2019	- 297/BC-DHN ngày 10/8/2018	TC-HC	

	- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019 và phương hướng năm học 2019-2020 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 và phương hướng năm học 2020-2021 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022	- 300/BC-DHN ngày 09/8/2019 - 380/BC-DHN ngày 28/8/2020 - 436/BC-DHN ngày 06/9/2021		
TC.10.02.02	- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022	- 28/BC-DHN ngày 16/1/2018 - 43/BC-DHN ngày 24/1/2019 - 06/BC-DHN ngày 07/1/2020 - 09/BC-DHN ngày 12/1/2021 - 58/BC-DHN ngày 25/1/2022	TC-HC	
TC.10.02.03	- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2019-2020. - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2020-2021. - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2020-2021.	- 424/BC-DHN ngày 31/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.02.04	- Báo cáo đánh giá rà soát thực hiện chiến lược kế hoạch đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	- 620/BC-DHN ngày 31/12/2020	ĐT	
TC.10.02.05	- Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020	- 604/BC-DHN ngày 24/12/2020	QLKH	

TC.10.02.06	- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược tài chính Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030	- 617/BC-DHN ngày 31/12/2020	TCKT	
TC.10.02.07	- Báo cáo đánh giá rà soát thực hiện chiến lược kế hoạch ĐBCLGD của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	- 591/BC-DHN ngày 10/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.10.02.08	- Báo cáo đánh giá giữa kỳ Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2018-2020	- 573/DHN-ĐBCL&KT ngày 29/9/2020	ĐBCL&KT	
TC.10.02.09	Kế hoạch Tự đánh giá Trường Đại học Dược Hà Nội.	- 102/KH-DHN ngày 02/3/2022	ĐBCL&KT	
TC.10.02.10	Quyết định v/v thành lập Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Dược Hà Nội.	- 94/QĐ-DHN ngày 01/3/2022	TC-HC	
TC.10.02.11	Thống kê viên chức của HUP hoàn thành chương trình kiểm định viên KĐCLGD và thẻ kiểm định		TC-HC	
TC.10.02.12	- Quyết định cử viên chức đi học khóa đào tạo Đánh giá chương trình đạt chuẩn, phiên bản 4.0	- 896/QĐ-DHN ngày 19/11/2021	TC-HC	
TC.10.02.13	- Hồ sơ các khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng công tác ĐBCL và KĐCLGD giai đoạn 2017-2022		Các đơn vị	

Tiêu chí 10.3

Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.10.03.01	- Công văn v/v triển khai kế hoạch hành động sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài	- 83/DHN-KT&KĐCL ngày 09/2/2018	ĐBCK&KT	
TC.10.03.02	- Công văn v/v tổ chức triển khai các hoạt động theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT, CSGD - Công văn v/v đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và	- 602/DHN-KT&KĐCL ngày 15/10/2018	ĐBCK&KT	

	triển khai các hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT, CSGD hiện hành	- 303/DHN-KT&KĐCL ngày 12/6/2019		
TC.10.03.03	- Báo cáo đánh giá giữa kỳ Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2018-2020	Tháng 9/2020	ĐBCL&KT	
TC.10.03.04	- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2019-2020. - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2020-2021. - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2021-2022.	- 424/BC-DHN ngày 31/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.03.05	- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài	723/BC-DHN ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.03.06	- Nghị quyết về việc thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.10.03.07	- Quyết định về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Dược Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025	3676/QĐ-BYT ngày 22/8/2020	Bộ Y tế	
TC.10.03.08	- Nghị quyết về việc ban hành Chính sách Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội.	02/NQ-HĐTDHN ngày 27/11/2020	HĐT	
TC.10.03.09	- QĐ Ban hành Chiến lược đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	294/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	Đào tạo	
TC.10.03.010	- QĐ Ban hành Chiến lược KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	295/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	QLKH	
TC.10.03.11	- QĐ Ban hành Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	

	Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025			
TC.10.03.12	- QĐ Ban hành Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.	296/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.03.13	- QĐ Ban hành Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	297/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
TC.10.03.14	- QĐ Ban hành Chiến lược Tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	298/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-KT	
TC.10.03.15	- QĐ Ban hành Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	299/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	HTQT	
TC.10.03.16	- NQ v/v ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN ngày 19/02/2021	TC-HC	
TC.10.03.17	- QĐ Ban hành quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.10.03.18	- Quyết định v/v công nhận ông Nguyễn Hải Nam giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội - Nghị Quyết v/v kiện toàn chức danh Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội	3539/QĐ-BYT ngày 21/7/2021	BYT	
		17/NQ-HĐTDHN ngày 15/10/2021	TC-HC	
TC.10.03.19	- QĐ thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án xác định vị trí việc làm của Trường Đại học Dược Hà Nội - Năm 2021 - CV v/v rà soát Đề án xác định vị trí việc làm	285/QĐ-DHN ngày 27/4/2021	TC-HC	
		306/DHN-TC-HC ngày 27/5/2021		
TC.10.03.20	- Kế hoạch Xây dựng mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường	548/KH-DHN ngày 12/11/2020	ĐBCL&KT	

TC.10.03.21	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.03.22	- Quyết định ban hành Quy định ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội	289/QĐ-DHN ngày 05/5/2020	ĐBCL&KT	
TC.10.03.23	Danh mục các quy trình đảm bảo chất lượng		ĐBCL&KT	Các QT lưu tại ĐBCL&KT
TC.10.03.24	- Sổ tay ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội	2021	ĐBCL&KT	
TC.10.03.25	- Quyết định ban hành Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi	1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.10.03.26	- Báo cáo đối sánh tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp	2021	ĐBCL&KT	
TC.10.03.27	- Quyết định v/v cho phép Trường Đại học Dược Hà Nội đào tạo ngành Hóa dược trình độ đại học - Quyết định mở mã ngành đào tạo ngành Công nghệ sinh học trình độ đại học - Quyết định mở mã ngành đào tạo ngành Hóa học trình độ đại học	-1286/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2020 -372/QĐ-DHN ngày 28/5/2021 -373/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	BGDĐT HUP HUP	
TC.10.03.28	- QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ Thạc sĩ - QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ Tiến sĩ - QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ DSKI - QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ DSKII	- 848/QĐ-DHN ngày 05/11/2021 - 849/QĐ-DHN ngày 05/11/2021 - 850/QĐ-DHN ngày 05/11/2021 - 851/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.03.29	- QĐ ban hành chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ đại học	- 852/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	ĐBCL&KT	

TC.10.03.30	- KH rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đại trà ngành Dược trình độ đại học - Thông báo KL của cuộc họp Hội đồng cập nhật CTĐT năm học 2022-2023	217/KH-DHN ngày 10/5/2022 273/KH-DHN ngày 06/6/2022	ĐBCL&KT	
TC.10.03.31	- Quy định về hoạt động NCKH của người học	484/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.10.03.32	- Quy định Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ	483/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.10.03.33	- Quy định tổ chức và hoạt động Nhóm nghiên cứu mạnh Trường Đại học Dược Hà Nội	-908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021	QLKH	
TC.10.03.34	- Thông báo đăng ký xét chọn Nhóm nghiên cứu mạnh lần thứ I, giai đoạn 2021-2025	- 678/TB-DHN ngày 15/12/2021	QLKH	
TC.10.03.35	- Biên bản thỏa thuận giữa Trường và Công ty Traphaco	- Biên bản thỏa thuận ký ngày 31/10/2018	QLKH	Lưu tại QLKH
	- Hợp đồng nghiên cứu và phát triển sản phẩm giữa Traphaco và cán bộ của Trường	- 692/HĐ-NC&PTSP ngày 31/10/2018; - 693/HĐ-NC&PTSP ngày 31/10/2018; - 694/HĐ-NC&PTSP ngày 31/10/2018; - 060319/HĐ-NC&PTSP ngày 06/3/2019	QLKH	Lưu tại QLKH
	- Hợp đồng hợp tác nghiên cứu với Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương	- 01/2019/VKN-VCNDPQG ngày 20/8/2019; - 02/2019/VKN-VCNDPQG ngày 30/10/2019	Viện CNDP	Lưu tại Viện CNDP
	- Hợp đồng hợp tác nghiên cứu với Công ty CP Dược phẩm Hoàng Phương	120/HĐHT-CNDPQG ngày 06/01/2020	Viện CNDP	Lưu tại Viện CNDP

	- Hợp đồng cung ứng dịch vụ với Bệnh viện ĐKQT Vinmec Times City	01/HĐ/HĐDV ngày 01/3/2019	Viện CNDP	Lưu tại Viện CNDP
	- Hợp đồng thuê khoán chuyên môn với Trường Cao đẳng Dược TU - Hải Dương	1405 VCNDP/HĐTKCM ngày 14/5/2019	Viện CNDP	Lưu tại Viện CNDP
	- Hợp đồng dịch vụ đào tạo với Công ty CP Tập đoàn Merap	23/HDDV/MR-VCNDP/2019 ngày 24/6/2019	Viện CNDP	Lưu tại Viện CNDP
	- Hợp đồng dịch vụ khoa học công nghệ với Công ty CP Anvy	217/HDDV/AV/2019 ngày 30/7/2019	BM Dược lực	Lưu tại BM Dược lực
	- Hợp đồng giao khoán công việc, sản phẩm với Trường Cao đẳng Dược TU - Hải Dương	723/HĐ-CĐD ngày 01/10/2019	DHN	Lưu tại TC-HC
	- Hợp đồng chuyển giao cho Công ty TNHH Dược phẩm TM Quốc tế	08/2020/HĐCGCN ngày 15/4/2020	DHN	Lưu tại TC-HC
TC.10.03.36	- Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	1034/QĐ-DHN ngày 30/12/2021	TC-HC	
TC.10.03.37	- Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	QT.TCHC.2021.04 ngày 10/12/2021	TC-HC	
TC.10.03.38	- Kế hoạch trọng tâm 6 tháng đầu năm 2022	Ngày 27/01/2022	TC-HC	
TC.10.03.39	- CV v/v cập nhật dữ liệu thông tin ĐBCL bên trong và thực hiện báo cáo so chuẩn, đối sánh	- 86/DHN-ĐBCL&KT ngày 25/02/2022	ĐBCL&KT	
TC.10.03.40	- CV triển khai viết hồ sơ đăng ký Trường trở thành thành viên liên kết của AUN-QA	- 75/DHN-ĐBCK&KT ngày 21/2/2021	ĐBCL&KT	
TC.10.03.41	- QĐ thành lập Ban xây dựng và Tổ soạn thảo đề án mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Hóa dược	- 130/QĐ-DHN ngày 15/3/2021	TC-HC	
TC.10.03.42	- Biên bản họp xây dựng và triển khai chương trình liên kết	- 40/BB-DHN ngày 19/1/2022	HTQT	
TC.10.03.43	- Kế hoạch rà soát, sửa đổi và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo Hóa dược, trình độ đại học	- 130/KH-DHN ngày 16/3/2022	ĐBCL&KT	

TC.10.03.44	- Quyết định ban hành Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Dược Hà Nội	- 133/QĐ-DHN ngày 15/3/2022	QLKH	
TC.10.03.45	- Quyết định thành lập Ban tư vấn và Tổ soạn thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	- 51/QĐ-DHN ngày 26/01/2022	TC-HC	
TC.10.03.46	- Kế hoạch xây dựng Bộ tiêu chí KPIs áp dụng cho giảng viên Trường Đại học Dược Hà Nội	- 90/KH-DHN ngày 22/2/2022	TC-HC	
TC.10.03.47	- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2019-2020. - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2020-2021. - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2021-2022	- Số 424/BC-DHN ngày 31/8/2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 10.4:

Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.10.04.01	- Báo cáo Tự đánh giá (để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Dược Hà Nội) - trang 2.	Tháng 10/2017	KT&KĐCLT	
TC.10.04.02	- Thông báo kết luận cuộc họp rút kinh nghiệm về công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài	373/TB-DHN ngày 12/12/2017	KT&KĐCLT	
TC.10.04.03	- Công văn v/v triển khai kế hoạch hành động sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài	83/DHN-KT&KĐCL ngày 09/2/2018	KT&KĐCLT	

TC.10.04.04	- Công văn v/v tổ chức triển khai các hoạt động theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT, CSGD - Công văn đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và triển khai các hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT, CSGD hiện hành	602/DHN-KT&KĐCL ngày 15/10/2018 303/DHN-KT&KĐCL ngày 12/6/2019	KT&KĐCLT	
TC.10.04.05	- Thông báo kết luận cuộc họp Mạng lưới đảm bảo chất lượng - Biên bản họp Mạng lưới đảm bảo chất lượng v/v rà soát công việc chuẩn bị đánh giá ngoài	- 102/TB-DHN ngày 09/3/2020 - 474/BB-DHN ngày 09/10/2020	ĐBCL&KT	
TC.10.04.06	- Quyết định ban hành Quy định ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội	-289/QĐ-DHN ngày 05/5/2020	ĐBCL&KT	
TC.10.04.07	- Quy trình Tự đánh giá chất lượng CSGD	QT.ĐBCL&KT.20	ĐBCL&KT	
TC.10.04.08	- Biên bản tập huấn công tác đảm bảo chất lượng cho thành viên mạng lưới đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường. - Công văn v/v tập huấn về công tác ĐBCLGD cho cán bộ thuộc mạng lưới ĐBCLGD của Trường.	-381/BB-DHN ngày 28/8/2020 - 23/DHN-ĐBCL&KT ngày 12/01/2022	ĐBCL&KT	
TC.10.04.09	- Công văn v/v tổ chức buổi trao đổi, chia sẻ thực hành tốt ĐBCLGD “Đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng chuẩn năng lực	934/DHN-KT&KĐCL ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	

	cơ bản của Dược sỹ Việt Nam			
TC.10.04.10	- Công văn v/v cung cấp thông tin minh chứng phục vụ công tác Tự đánh giá và Đánh giá ngoài chất lượng CSGD của Trường giai đoạn 2017-2022	115/DHN-ĐBCL&KT ngày 16/3/2022	ĐBCL&KT	
TC.10.04.11	- Biên bản họp Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký, nhóm chuyên trách Trường Đại học Dược Hà Nội	117/BB-DHN ngày 10/3/2022	ĐBCL&KT	
TC.10.04.12	Thống kê viên chức của HUP hoàn thành chương trình kiểm định viên KĐCLGD và thẻ kiểm định	2022	TC-HC	
TC.10.04.13	- Quyết định cử viên chức đi học khóa đào tạo Đánh giá chương trình đạt chuẩn, phiên bản 4.0	- 896/QĐ-DHN ngày 19/11/2021	TC-HC	
TC.10.04.14	- Hồ sơ các khóa đào tạo/tập huấn, bồi dưỡng công tác ĐBCL và KĐCLGD giai đoạn 2017-2022		Các đơn vị	
TC.10.04.15	- QĐ thành lập mạng lưới ĐBCL	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.10.04.16	- Kế hoạch phần mềm lưu trữ số hóa - Nghị quyết ban hành đề án chuyển đổi số của Trường Đại học Dược Hà Nội	34/NQ-HĐTDHN ngày 11/7/2022	TC-HC	
TC.10.04.17	Kế hoạch chuyển đổi số Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 1 năm 2022-2025	365/KH-DHN ngày 19/7/2022	TC-HC	

TC.10.04.18	Kế hoạch tài chính phòng ĐBCL&KT năm 2021		ĐBCL&KT	
TC.10.04.19	Hồ sơ thầu		MC Chờ	

Tiêu chuẩn 11:

Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1

Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.11.01.01	- Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm 2016 - Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2017-2018 - Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2018-2019 - Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2019-2020 - Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2020-2021 - Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2021-2022.	- 183/KH-DHN ngày 27/4/2016 - 227/KH-DHN ngày 21/8/2017 - 343/KH-DHN ngày 30/8/2018 - 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 - 397/KH-DHN ngày 28/8/2020 - 418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.11.01.02	- Kế hoạch số 349/KH-DHN ngày 18/8/2020 v/v Rà soát hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của HUP - Kế hoạch số 573/KH-DHN ngày 29/10/2021 v/v Rà soát hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của HUP	- 349/KH-DHN ngày 18/8/2020 - 573/KH-DHN ngày 29/10/2021 v/v	ĐBCL&KT	
TC.11.01.03	Quyết định số 1010/ QĐ-DHN ngày 24/12/2021 v/v ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trực thuộc HUP	1010/ QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.11.01.04	Email yêu cầu các đơn vị hoàn thiện phụ lục Ba công khai NH 2017-2018, 2018-2019	29/8/2017 28/8/2018	ĐBCL&KT	

TC.11.01.05	- Công văn số 443 DHN-KTKĐCL ngày 12/8/2019 v/v Triển khai quy chế thực hiện công khai năm học 2019-2020 - Công văn số 450 DHN-ĐBCLKT ngày 7/8/2020 v/v Triển khai quy chế thực hiện công khai năm học 2020-2021 - Công văn số 659 DHN-ĐBCL&KT ngày 30/9/2021 v/v Triển khai quy chế thực hiện công khai năm học 2021-2022 - Công văn số 446 DHN-ĐBCLKT ngày 9/8/2022 v/v Triển khai quy chế thực hiện công khai năm học 2022-2023	- 443 DHN-KTKĐCL ngày 12/8/2019 - 450 DHN-ĐBCLKT ngày 7/8/2020 - 659 DHN-ĐBCL&KT ngày 30/9/2021 - 446 DHN-ĐBCLKT ngày 9/8/2022	ĐBCL&KT	
TC.11.01.06	- Quy trình khảo sát các bên liên quan về những hoạt động của Nhà trường - Quy trình thu thập thông tin phản hồi về học phần - Quy trình thu thập thông tin phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên - Quy trình thu thập thông tin phản hồi của người học trước tốt nghiệp về khoá học tại trường - Quy trình khảo sát cựu sinh viên về tình trạng việc làm và phản hồi về khoá học tại trường - Quy trình lấy ý kiến của người sử dụng lao động	QT.ĐBCLKT.16 ngày 16/8 2021 QT.KT&KĐCL.0 3 QT.KT&KĐCL.0 4 QT.KT&KĐCL.0 6 QT.KT&KĐCL.0 7 QT.KT&KĐCL.0 11	ĐBCL&KT	
TC.11.01.07	- Danh mục Kế hoạch triển khai thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan		ĐBCL&KT	
TC.11.01.08	- Giao diện một số phần mềm quản lý công việc đang sử dụng tại HUP			

TC.11.01.09	- Kế hoạch số 32/KH-DHN ngày 12/01/2022 v/v Xây dựng Đề án Chuyển đổi số HUP - Kế hoạch số 365 KH-DHN ngày 19/7/2022 v/v Triển khai thực hiện đề án chuyển đổi số Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 1 năm 2022-2025	-32/KH-DHN ngày 12/01/2022 -65/KH-DHN ngày 19/7/2022	TC-HC	
TC.11.01.10	- Đề án Chuyển đổi số Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 1 năm 2022-2025	24/NQ-HĐTDHN ngày 11/7/2022	HĐT	

Tiêu chí 11.2

Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.11.02.01	Giao diện một số phần mềm quản lý công việc tại HUP			
TC.11.02.02	Cổng thông tin nội bộ intranet.hu.edu.vn			
TC.11.02.03	Hệ thống thư điện tử mail.hu.edu.vn			
TC.11.02.04	Quyết định số 1170 QĐ-DHN ngày 31/12/2020 v/v Ban hành Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, Bộ chỉ số thị trường và Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi	1170 QĐ-DHN ngày 31/12/2020	TC-HC	
TC.11.02.05	Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong trên phần mềm excel, lưu trữ/chia sẻ trên onedrive			
TC.11.02.06	Bảng thống kê các loại khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan			
TC.11.02.07	Cổng thông tin khảo sát trực tuyến https://hupedu.sharepoint.com/servey			
TC.11.02.08	Biểu mẫu khảo sát trên onedrive của Microsoft			

TC.11.02.09	- Quy trình khảo sát các bên liên quan về những hoạt động của Nhà trường - Quy trình thu thập thông tin phản hồi về học phần - Quy trình thu thập thông tin phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên - Quy trình thu thập thông tin phản hồi của người học trước tốt nghiệp về khoá học tại trường - Quy trình khảo sát cựu sinh viên về tình trạng việc làm và phản hồi về khoá học tại trường - Quy trình lấy ý kiến của người sử dụng lao động	QT.ĐBCLKT.16 ngày 16/8 2021 QT.KT&KĐCL.03 QT.KT&KĐCL.04 QT.KT&KĐCL.06 QT.KT&KĐCL.07 QT.KT&KĐCL.01 1	ĐBCL&K T	
TC.11.02.10	Báo cáo khảo sát học phần giai đoạn 2017-2022	Năm 2017-2022	ĐBCL&K T	
TC.11.02.11	Báo cáo khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên giai đoạn 2017-2022	Năm 2017-2022	ĐBCL&K T	
TC.11.02.12	Báo cáo khảo sát hoạt động hỗ trợ và phục vụ đào tạo năm 2021, 2022	Năm 2021, 2022	ĐBCL&K T	
TC.11.02.13	- Báo cáo khảo sát SV/học viên sau đại học trước tốt nghiệp về khóa học	Năm 2017-2022	ĐBCL&K T	
TC.11.02.14	Báo cáo khảo sát SV sau 1 năm tốt nghiệp về tình hình việc làm và CTĐT	Năm 2017-2022	ĐBCL&K T	
TC.11.02.15	Báo cáo khảo sát nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của DS tốt nghiệp HUP	Năm 2017-2022	ĐBCL&K T	
TC.11.02.16	- Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ sinh học, trình độ đại học - Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Hóa học, trình độ đại học		ĐBCL&K T	

	- Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Dược học chất lượng cao trình độ đại học - Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Hóa dược trình độ thạc sĩ			
TC.11.02.17	Công văn về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT sau đại học	173/DHN-SĐH ngày 27/3/2018	SĐH	
TC.11.02.18	Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đại trà ngành Dược trình độ đại học	217/KH-DHN ngày 10/5/2022	ĐT	
TC.11.02.19	Kết luận của cuộc họp HĐ cập nhật CTĐT năm học 2022-2023, phiên họp thứ 2	273/TB-DHN ngày 06/6/2022	ĐT	
TC.11.02.20	- Báo cáo khảo sát GV, NCV về hoạt động NCKH, SHTT - Báo cáo khảo sát GV, NCV về hoạt động NCKH của người học - Báo cáo khảo sát người học về hoạt động NCKH của người học	Năm 2021, 2022	ĐBCL&KT	
TC.11.02.21	- Báo khảo sát sát VC về hoạt động KN&PVCĐ - Báo cáo khảo sát SV về hoạt động KN&PVCĐ	Năm 2021, 2022	ĐBCL&KT	
TC.11.02.22	- Báo khảo sát sát GV, NCV về hoạt động thư viện - Báo cáo khảo sát NH về hoạt động thư viện	Năm 2021, 2022	ĐBCL&KT	
TC.11.02.23	- Báo khảo sát sát VC về hoạt động tài chính	Năm 2021, 2022	TCKT	
TC.11.02.24	- Kế hoạch cải tiến hoạt động NCKH sau phản hồi - Kế hoạch cải tiến hoạt động KN&PVCĐ sau phản hồi - Kế hoạch cải tiến hoạt động thư viện sau phản hồi	Năm 2021, 2022	QLKH TC-HC Thư viện	
TC.11.02.25	Ảnh chụp màn hình email gửi kết quả KS học phần đến BM/trưởng BM			

TC.11.02.26	Ảnh chụp màn hình email gửi kết quả KS GV đến GV/trưởng BM			
TC.11.02.27	Ảnh Mục kết quả khảo sát trên cổng thông tin nội bộ Nhà trường intranet.hu.edu.vn			
TC.11.02.28	Ảnh chụp màn hình yêu cầu đăng nhập tài khoản intranet của cá nhân			
TC.11.02.29	Ảnh chụp mục tìm kiếm văn bản trên cổng thông tin nội bộ Nhà trường intranet.hu.edu.vn			
TC.11.02.30	Mục ba công khai trên www.hu.edu.vn			
TC.11.02.31	Quy chế Đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT HUP	435 QĐ-DHN ngày 14/6/2022	TC-HC	
TC.11.02.32	Ảnh chụp yêu cầu đăng nhập tài khoản khi vào phần mềm QLĐT, QLKH, QLCB, CSDL TTĐBCL bên trong			
TC.11.02.33	Quyết định số 212 DHN ngày 20/4/2022 v/v ban hành Quy chế văn thư lưu trữ HUP	212 DHN ngày 20/4/2022	TC-HC	
TC.11.02.34	Ảnh chụp màn hình yêu cầu đăng nhập tài khoản vào website hu.edu.vn			

Tiêu chí 11.3

Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.11.03.01	- Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2017-2018 - Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2018-2019 - Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2019-2020	-227/KH-DHN ngày 21/8/2017 -343/KH-DHN ngày 30/8/2018 - 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 - 397/KH-DHN ngày 28/8/2020 - 418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	

	- Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2020-2021 - Kế hoạch ĐBCL giáo dục của HUP năm học 2021-2022.			
TC.11.03.02	Email yêu cầu các đơn vị hoàn thiện phụ lục Ba công khai NH 2017-2018, 2018-2019	29/8/2017 28/8/2018	ĐBCL&KT	
TC.11.03.03	- Công văn số 443 DHN-KTKĐCL ngày 12/8/2019 v/v Triển khai quy chế thực hiện công khai năm học 2019-2020 - Công văn số 450 DHN-ĐBCLKT ngày 7/8/2020 v/v Triển khai quy chế thực hiện công khai năm học 2020-2021 - Công văn số 659 DHN-ĐBCL&KT ngày 30/9/2021 v/v Triển khai quy chế thực hiện công khai năm học 2021-2022 - Công văn số 446 DHN-ĐBCLKT ngày 9/8/2022 v/v Triển khai quy chế thực hiện công khai năm học 2022-2023	- 443 DHN-KTKĐCL ngày 12/8/2019 - 450 DHN-ĐBCLKT ngày 7/8/2020 - 659 DHN-ĐBCL&KT ngày 30/9/2021 - 446 DHN-ĐBCLKT ngày 9/8/2022	ĐBCL&KT	
TC.11.03.04	- Kế hoạch số 349/KH-DHN ngày 18/8/2020 v/v Rà soát hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của HUP - Kế hoạch số 573/KH-DHN ngày 29/10/2021 v/v Rà soát hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của HUP	- 349/KH-DHN ngày 18/8/2020 - 573/KH-DHN ngày 29/10/2021	ĐBCL&KT	

TC.11.03.05	- Danh mục Kế hoạch triển khai thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan		ĐBCL&KT	
TC.11.03.06	- Công văn số 519 DHN-KTKĐCL ngày 26/9/2017 v/v Báo cáo tình hình thực hiện quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân - Công văn số 520 DHN-KTKĐCL ngày 10/9/2018 v/v Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân - Công văn số 758 DHN-ĐBCL-KT ngày 8/11/2021 v/v Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế thực hiện công khai	- 519 DHN-KTKĐCL ngày 26/9/2017 - 520 DHN-KTKĐCL ngày 10/9/2018 - 758 DHN-ĐBCL-KT ngày 8/11/2021	ĐBCL&KT	
TC.11.03.07	Các báo cáo kết quả khảo sát học phần, giảng viên, hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học	Năm 2018-2022	ĐBCL&KT	Lưu ĐBCL&KT
TC.11.03.08	Ảnh Mục kết quả khảo sát trên cổng thông tin nội bộ Nhà trường intranet.hu.edu.vn		ĐBCL&KT	
TC.11.03.09	- Bản tổng hợp góp ý của các đơn vị về Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, Bộ chỉ số thị trường và Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi		ĐBCL&KT	
TC.11.03.10	- Công văn số 56 DHN-KTKĐCL ngày 31/1/2018 v/v Góp ý một số quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan - Bản tổng hợp góp ý của các đơn vị về một số quy trình thu thập thông tin	56 DHN-KTKĐCL ngày 31/1/2018	ĐBCL&KT	

	phản hồi từ các bên liên quan - Công văn số 529 DHN-ĐBCLKT ngày 119/9/2020 v/v Đóng góp ý kiến cho Dự thảo Quy trình khảo sát các bên liên quan về những hoạt động của Nhà trường - Bản tổng hợp góp ý Dự thảo Quy trình khảo sát các bên liên quan về những hoạt động của Nhà trường	529 DHN-ĐBCLKT ngày 119/9/2020		
TC.11.03.11	- Biên bản số 605 BB-DHN ngày 24/12/2020 v/v Hợp thông qua Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, Bộ chỉ số thị trường và Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi - Biên bản số 722 BB-DHN ngày 31/12/2021 v/v Hợp thông qua Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, Bộ chỉ số thị trường và Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi	605 BB-DHN ngày 24/12/2020 722 BB-DHN ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.11.03.12	Mục ba công khai trên www.hu.edu.vn			
TC.11.03.13	- Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, Bộ chỉ số thị trường và Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi phiên bản 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1170 QĐ-DHN ngày 31/12/2020) - Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, Bộ chỉ số thị trường và Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi phiên bản 2021 (ban hành kèm theo Biên bản số 722 BB-DHN ngày 31/12/2021)	1170 QĐ-DHN ngày 31/12/2020 722 BB-DHN ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 11.4

Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.11.04.01	Mục ba công khai trên www.hu.edu.vn			
TC.11.04.02	- Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, Bộ chỉ số thị trường và Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi phiên bản 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1170 QĐ-DHN ngày 31/12/2020) - Bộ chỉ số thông tin ĐBCL bên trong, , Bộ chỉ số thị trường và Bộ chỉ số ĐBCL cốt lõi phiên bản 2021 (ban hành kèm theo Biên bản số 722 BB-DHN ngày 31/12/2021)	1170 QĐ-DHN ngày 31/12/2020 722 BB-DHN ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.11.04.03	Các Biên bản họp ĐBCL&KT về rà soát, xây dựng phiếu khảo sát	Ảnh chụp sổ họp ĐBCL&KT	ĐBCL&KT	
TC.11.04.04	Công văn số 500 DHN-KTKĐCL ngày 3/9/2019 v/v Bổ sung biểu mẫu KH cải tiến sau khi nhận được thông tin phản hồi từ các bên liên quan	500 DHN-KTKĐCL ngày 3/9/2019	ĐBCL&KT	
TC.11.04.05	- Quy trình khảo sát các bên liên quan về những hoạt động của Nhà trường - Quy trình cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường sau phản hồi từ các bên liên quan	QT.ĐBCLKT.16 ngày 16/8/2021 QT.ĐBCLKT.19 ngày 16/02/2022	ĐBCL&KT	
TC.11.04.06	Ảnh chụp màn hình email gửi kết quả KS học phần đến BM/trưởng BM		ĐBCL&KT	

	Ảnh chụp màn hình email gửi kết quả KS GV đến GV/trưởng BM			
TC.11.04.07	Các kế hoạch cải tiến của đơn vị/cá nhân sau phản hồi của các bên liên quan		ĐBCL&KT	Lưu ĐBCL&KT
TC.11.04.08	Công văn về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT sau đại học	173/DHN-SĐH ngày 27/3/2018	SĐH	
TC.11.04.09	Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đại trà ngành Dược trình độ đại học	217/KH-DHN ngày 10/5/2022	ĐT	
TC.11.04.10	Kết luận của cuộc họp HĐ cập nhật CTĐT năm học 2022-2023, phiên họp thứ 2	273/TB-DHN ngày 06/6/2022	ĐT	
TC.11.04.11	Quyết định số 769/QĐ-DHN ngày 15/10/2021 v/v Ban hành quy định quản lý đề tài KH-CN cấp Trường (QĐ số 769/QĐ-DHN, 15/10/2021);	769/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	QLKH	
TC.11.04.12	Quyết định số 908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021 v/v ban hành quy định tổ chức và hoạt động Nhóm nghiên cứu mạnh Trường ĐHD Hà Nội	908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021	QLKH	
TC.11.04.13	Quyết định số 1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021 v/v Ban hành Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng HUP, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.11.04.14	Quyết định số 1034/QĐ-DHN ngày 30/12/2021 v/v ban hành Quy định hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của HUP	1030/QĐ-DHN ngày 30/12/2021	TC-HC	
TC.11.04.15	Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	QT.TC-HC 2021.04	TC-HC	

		Ngày 10/12/2021		

Tiêu chuẩn 12

Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1

Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.12.01.01	- Công văn v/v rà soát, sửa đổi, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, văn hóa, mục tiêu giáo dục, giá trị cốt lõi	- 687/DHN-HCTH ngày 22/11/2018	HCTH	
TC.12.01.02	- Nghị Quyết về việc thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045	- 01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	ĐU	
TC.12.01.03	Thông qua chính sách ĐBCLGD của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN Ngày 12/3/2020		
TC.12.01.04	- Quyết định ban hành Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.	296/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.01.05	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.01.06	- Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng GDĐH theo đề án 69 giai đoạn 2021-2015.	638/KH-DHN ngày 26/11/2021	ĐBCL&KT	

TC.12.01.07	- Báo cáo đánh giá rà soát thực hiện chiến lược kế hoạch ĐBCLGD của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	-591/BC-DHN ngày 10/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.12.01.08	- Quyết định thành lập Tổ soạn thảo Quy định ĐBCLGD - Quyết định ban hành Quy định ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội - Quyết định thành lập Tổ soạn thảo rà soát, sửa đổi Quy định ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội - Quyết định ban hành Quy định ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội (MC chờ bổ sung)	- 026/QĐ-DHN ngày 11/10/2019 - 289/QĐ-DHN ngày 05/5/2020 - 91/QĐ-DHN ngày 28/2/2022 - Số ... ngày .../6/2022	ĐBCL&KT	
TC.12.01.09	- Quy trình cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường sau phản hồi từ các bên liên quan (QT.ĐBCLKT.19)	QT.ĐBCLKT.19 Ngày 16/02/2022	ĐBCL&KT	
TC.12.01.10	- Nghị quyết về việc thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045	- 01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	ĐU	
TC.12.01.11	- Quyết định ban hành Chiến lược đào tạo của Trường Đại học	294/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐT	

	Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025			
TC.12.01.12	- Quyết định v/v cho phép Trường Đại học Dược Hà Nội đào tạo ngành Hóa dược trình độ đại học	1286/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2020	ĐT	
TC.12.01.13	- Quyết định mở mã ngành đào tạo ngành Hóa học trình độ đại học	373/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	ĐT	
TC.12.01.14	- Quyết định mở mã ngành đào tạo ngành Công nghệ sinh học trình độ đại học	372/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	ĐT	
TC.12.01.15	- Quyết định ban hành Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Dược học, trình độ đại học	1065/QĐ-DHN ngày 31/12/2021	ĐT	
TC.12.01.16	- Danh mục các biên bản rà soát các CTĐT trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và đại học		ĐT; SDH	
TC.12.01.17	- Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội	702/QĐ-DHN ngày 16/9/2021	ĐT	
TC.12.01.18	- Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ	768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SDH	
TC.12.01.19	- Quyết định ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ dược học	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SDH	
TC.12.01.20	- Quyết định ban hành Chiến lược KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	295/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	QLKH	

TC.12.01.21	- Quyết định ban hành Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường Đại học Dược Hà Nội	769/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	QLKH	
TC.12.01.22	- Quyết định ban hành Quy định Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ	483/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.12.01.23	- Quyết định ban hành Quy định tổ chức và hoạt động Nhóm nghiên cứu mạnh Trường Đại học Dược Hà Nội	908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021	QLKH	
TC.12.01.24	- Quyết định ban hành Quy định về hoạt động NCKH của người học	484/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.12.01.25	- Quyết định ban hành Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.12.01.26	- Quyết định ban hành Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	1034/QĐ-DHN ngày 30/12/2021	TC-HC	
TC.12.01.27	- Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	- QT.TC-HC.04	TC-HC	
TC.12.01.28	- Quyết định ban hành Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025 - Kế hoạch tổ chức, nhân sự giai đoạn 2021-2025	- 297/QĐ-DHN ngày 29/4/2021 - 698/KH-DHN ngày 17/12/2021	TC-HC	
TC.12.01.29	- Quyết định ban hành Chiến lược Tài chính	- 298/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-KT	

	của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025 - Kế hoạch hoạt động tài chính Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	- 388/KH-DHN ngày 12/8/2021		
TC.12.01.30	Thống kê các quy trình khảo sát/thu thập thông tin phản hồi và Quy trình cải tiến chất lượng các hoạt động/lĩnh vực của Nhà trường		ĐBCL&KT	Các QT lưu tại ĐBCL&KT
TC.12.01.31	- Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ sinh học, trình độ đại học - Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Hóa học, trình độ đại học - Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Dược học chất lượng cao trình độ đại học - Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Hóa dược trình độ thạc sĩ		ĐBCL&KT	
TC.12.01.32	- Báo cáo khảo sát nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của DS tốt nghiệp Trường Đại học Dược Hà Nội	Năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021	ĐBCL&KT	
TC.12.01.33	- Báo cáo khảo sát SV sau 1 năm tốt nghiệp về tình hình việc làm và CTĐT	Năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021	ĐBCL&KT	

TC.12.01.34	- Báo cáo khảo sát SV/học viên sau đại học trước tốt nghiệp về khóa học	Năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021	ĐBCL&KT	
TC.12.01.35	- Báo cáo khảo sát học phần giai đoạn 2017-2022	Năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	ĐBCL&KT	
TC.12.01.36	- Báo cáo khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên giai đoạn 2017-2022	Năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	ĐBCL&KT	
TC.12.01.37	- Báo cáo khảo sát hoạt động thực hành giai đoạn 2017-2022	Năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	ĐBCL&KT	
TC.12.01.38	- Báo cáo khảo sát hoạt động hỗ trợ và phục vụ đào tạo năm 2021	Năm 2021	ĐBCL&KT	
TC.12.01.39	Công văn về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT sau đại học	173/DHN-SĐH ngày 27/3/2018	SĐH	
TC.12.01.40	Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đại trà ngành Dược trình độ đại học	217/KH-DHN ngày 10/5/2022	ĐT	
TC.12.01.41	Kết luận của cuộc họp HĐ cập nhật CTĐT năm học 2022-2023, phiên họp thứ 2	Số 273/TB-DHN ngày 06/6/2022	ĐT	
TC.12.01.42	Báo cáo khảo sát GV, NCV về hoạt động NCKH, SHTT	Năm 2021, 2022	ĐBCL&KT	
TC.12.01.43	- Báo cáo khảo sát GV, NCV về hoạt động NCKH của người học - Báo cáo khảo sát người học về hoạt động NCKH của người học	Năm 2021, 2022	ĐBCL&KT	

TC.12.01.44	- Báo khảo sát sát VC về hoạt động KN&PVCĐ - Báo cáo khảo sát SV về hoạt động KN&PVCĐ	Năm 2021, 2022	ĐBCL&KT	
TC.12.01.45	- Báo khảo sát sát GV, NCV về hoạt động thư viện - Báo cáo khảo sát NH về hoạt động thư viện	Năm 2021, 2022	ĐBCL&KT	
TC.12.01.46	- Báo khảo sát sát VC về hoạt động tài chính	Năm 2020; 2021	TC-KT	
TC.12.01.47	- Kế hoạch cải tiến hoạt động NCKH sau phản hồi - Kế hoạch cải tiến hoạt động KN&PVCĐ sau phản hồi - Kế hoạch cải tiến hoạt động thư viện sau phản hồi	Năm 2021, 2022	QLKH TC-HC Thư viện	Lưu tại ĐBCL&KT
TC.12.01.48	- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài	723/BC-DHN ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 12.2:

Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.12.02.01	- CV thực hiện hoạt động so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường	754/DHN-KT&KĐCL ngày 26/12/2018	KT&KĐCL	
TC.12.02.02	- Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT (QT.ĐBCLKT.17)	QT.ĐBCLKT.17 ngày 17/6/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.02.03	- Quyết định ban hành Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị	- 1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020	ĐBCL&KT	

	trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi. - Biên bản họp rà soát Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi.	- 722/BB-DHN ngày 31/12/2021		
TC.12.02.04	- Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi giai đoạn 2017-2019. - Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi năm 2019 và 2020. - Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi giai đoạn 2017-2021.		ĐBCL&KT	
TC.12.02.05	- Báo cáo đối sánh tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp	2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 12.3:

Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.12.03.01	- Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT (QT.ĐBCLKT.17)	QT.ĐBCLKT.17 ngày 17/6/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.03.02	- Quyết định ban hành Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi. - Biên bản họp rà soát Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi.	- 1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020 - 722/BB-DHN ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.03.03	- Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi giai đoạn 2017-2019. - Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi năm 2019 và 2020.		ĐBCL&KT	

	- Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi năm 2020 và 2021. - Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi giai đoạn 2017-2021.			
TC.12.03.04	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2017-2018 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022.	- 227/KH-DHN ngày 21/8/2017 - 343/KH-DHN ngày 30/8/2018 - 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 - 379/KH-DHN ngày 28/8/2020 - 418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.03.05	- QĐ Ban hành Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.	- 296/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.03.06	- QĐ Ban hành Chiến lược đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	- 294/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐT	
TC.12.03.07	- QĐ Ban hành Chiến lược KHCN của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	- 295/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	QLKH	
TC.12.03.08	- QĐ Ban hành Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	- 1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	

TC.12.03.09	- QĐ Ban hành Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	- 297/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	

Tiêu chí 12.4:

Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.12.04.01	- Công văn v/v tổ chức triển khai các hoạt động theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT, CSGD	- 602/DHN-KT&KĐCL ngày 15/10/2018	KT&KĐCL	
TC.12.04.02	- Công văn v/v thực hiện hoạt động so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường	- 754/DHN-KT&KĐCL ngày 26/12/2018	KT&KĐCL	
TC.12.04.03	- Công văn Hướng dẫn về các tiêu chí trường đại học nghiên cứu của Trường Đại học Quốc gia Hà Nội - Công văn Hướng dẫn so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường Đại học Quốc gia Hà Nội	1206/HD-ĐBCLGD ngày 23/4/2013 5076/HD-ĐHQGHN ngày 23/12/2014	ĐHQGHN	
TC.12.04.04	- Quyết định ban hành Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi. - Biên bản họp rà soát Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi.	- 1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020 - 722/BB-DHN ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.04.05	- Dự thảo 1 Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT		ĐBCL&KT	
TC.12.04.06	- Công văn v/v đóng góp ý kiến cho Dự thảo “Quy trình hướng	- 190/DHN-ĐBCL&KT	ĐBCL&KT	

	dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT” - Các biên bản góp ý của các đơn vị - Bảng tổng hợp các ý kiến góp ý của các đơn vị và tiếp thu ý kiến sửa chữa.	ngày 12/4/2021		
TC.12.04.07	- Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT (QT.ĐBCLKT.17)	QT.ĐBCLKT.17	ĐBCL&KT	
TC.12.04.08	- Quyết định ban hành Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi . - Biên bản họp rà soát Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi.	- 1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020 - 722/BB-DHN ngày 31/12/2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 12.5:

Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.12.05.01	- CV v/v thực hiện so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường	- 754/DHN-KT&KĐCL ngày 26/12/2018	KT&KĐCL	
TC.12.05.02	- CV Hướng dẫn về các tiêu chí trường đại học nghiên cứu của Đại học Quốc gia Hà Nội - CV Hướng dẫn so chuẩn chất lượng giáo dục của Đại học Quốc gia Hà Nội	- 1206/HD-ĐBCLGD ngày 23/4/2013 - 5076/HD-ĐHQGHN ngày 23/12/2014	ĐHQGHN	

TC.12.05.03	- Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi giai đoạn 2017-2019. - Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi năm 2019 và 2020. - Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi năm 2020 và 2021. - Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số ĐBCL cốt lõi giai đoạn 2017-2021.		ĐBCL&KT	
TC.12.05.04	- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2017-2018 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2018-2019- Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2019-2020 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2020-2021 - Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2021-2022.	- 227/KH-DHN ngày 21/8/2017 - 343/KH-DHN ngày 30/8/2018 - 438 /KH-DHN ngày 15/10/2019 - 379/KH-DHN ngày 28/8/2020 - 418/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.05.05	- QĐ Ban hành Chiến lược ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.	296/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.12.05.06	- Bảng xếp hạng gần sao UPM https://upm.vn/university/34		UPM	
TC.12.05.07	- QĐ ban hành Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi.	1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020	ĐBCL&KT	

	- BB biên bản họp rà soát Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi.	722/BB-DHN ngày 31/12/2021		
TC.12.05.08	- Dự thảo 1 Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT		ĐBCL& KT	
TC.12.05.09	- CV v/v đóng góp ý kiến cho Dự thảo “Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT” - Các biên bản góp ý của các đơn vị - Bảng tổng hợp các ý kiến góp ý của các đơn vị và tiếp thu ý kiến sửa chữa.	190/DHN- ĐBCL&KT ngày 12/4/2021	ĐBCL& KT	
TC.12.05.10	- Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT (QT.ĐBCLKT.17)	QT.ĐBCLKT. 17	ĐBCL& KT	
TC.12.05.11	CV thực hiện hoạt động so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường	745/DHN- KT&ĐBCL ngày 26/12/2018		
TC.12.05.12	Báo cáo so chuẩn, đối sánh các chỉ số của các đơn vị		Các đơn vị	
TC.12.05.13	Đường link công bố kết quả so chuẩn, đối sánh http://intranet.hup.edu.vn/Lists/Kt%20qu%20kho%20st/AllItems.aspx			
TC.12.05.14	- Quyết định ban hành Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Dược học, trình độ đại học	1065/QĐ-DHN ngày 31/12/2021	Đào tạo	
TC.12.05.15	- Quyết định v/v cho phép Trường Đại học Dược Hà Nội đào tạo ngành Hóa dược trình độ đại học	1286/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2020	Đào tạo	
TC.12.05.16	- Quyết định mở mã ngành đào tạo ngành Hóa học trình độ đại học	373/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	Đào tạo	

TC.12.05.17	- Quyết định mở mã ngành đào tạo ngành Công nghệ sinh học trình độ đại học	372/QĐ-DHN ngày 28/5/2021	Đào tạo	
TC.12.05.18	- Hội thảo quốc tế trực tuyến về “Đổi mới chương trình đào tạo được bậc đại học” năm 2022 http://hup.edu.vn/cpbdv/phtqt/noidung/Lists/Tintucsukien/View_Detail.aspx?ItemID=171			
TC.12.05.19	- Báo cáo đối sánh tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp	Tháng 2/2022	ĐBCL&KT	
TC.12.05.20	- Báo cáo khảo sát SV sau 1 năm tốt nghiệp về tình hình việc làm và CTĐT	Năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021	ĐBCL&KT	
TC.12.05.21	- Báo cáo khảo sát nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của DS tốt nghiệp Trường Đại học Dược Hà Nội	Năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021	ĐBCL&KT	
TC.12.05.22	- Thông báo đăng ký xét chọn Nhóm nghiên cứu mạnh Trường Đại học Dược Hà Nội lần thứ I, giai đoạn 2021-2025	678/TB-DHN ngày 15/12/2021	QLKH	
TC.12.05.23	- Danh mục các hợp tác nghiên cứu từ 2017-2021		QLKH	
TC.12.05.24	- Danh mục các chuyên gia tri thức từ 2017-2021		QLKH	
TC.12.05.25	- Danh mục các CTĐT liên tục từ 2017-2021		SĐH	
TC.12.05.26	- Danh mục các CTĐT cập nhật kiến thức chuyên môn hành nghề Dược từ 2017-2021		SĐH	
TC.12.05.27	- Danh mục các khóa đào tạo liên tục từ 2017-2021		SĐH	
TC.12.05.28	- Danh mục các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về thông tin thuốc và cảnh giác được		TT ADR	
TC.12.05.29	- Danh mục cung cấp thông tin thuốc và cảnh giác được		TT ADR	

Tiêu chuẩn 13:**Tuyển sinh và nhập học****Tiêu chí 13.1:**

Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.13.01.01	Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo	- 07/2018/TT-BGDĐT - 02/2019/TT-BGDĐT - 09/2020/TT-BGDĐT - 16/2021/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	
	Hướng dẫn tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo	- 603/BGDĐT-GDĐH 17/02/2017 - 899/BGDĐT-GDĐH 09/03/2018 - 796/BGDĐT-GDĐH 06/03/2019 1778/BGDĐT-GDĐH 22/05/2020 1444/BGDĐT-GDĐH 14/04/2021	Bộ GD&ĐT	
	Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018	899/BGDĐT-GDĐH ngày 09/03/2018	Vụ GDĐH-Bộ GD&ĐT	
	Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2019	796/BGDĐT-GDĐH ngày 06/03/2019	Vụ GDĐH-Bộ GD&ĐT	
	Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020	1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/05/2020	Vụ GDĐH-Bộ GD&ĐT	
	Điều chỉnh lịch triển khai công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển	3313/BGDĐT-GDĐH	Vụ GDĐH-	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020	ngày 28/08/2021	Bộ GD&ĐT	
	Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2021	1444/BGDĐT-GD&ĐT ngày 14/04/2021	Vụ GD&ĐT-Bộ GD&ĐT	
	Công tác tuyển sinh 2021 trong tình hình dịch COVID-19	3190/BGDĐT-GD&ĐT ngày 30/07/2021	Vụ GD&ĐT-Bộ GD&ĐT	
TC.13.01.02	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường ĐHDHN (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
	Kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	387/DHN-TC-HC ngày 10/7/2020	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo của trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	386/KH-DHN ngày 12/8/2021	ĐT	
TC.13.01.03	Biên bản họp Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo về tuyển sinh đại học chính quy năm 2017		ĐT	
	Biên bản họp Ban giám hiệu và Phòng đào tạo về tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	247/BB-DHN ngày 14/7/2018	ĐT	
	Biên bản họp BGH và Phòng đào tạo về hồ sơ tuyển sinh dự thi liên thông từ cao đẳng lên đại học, văn bằng hai	319/BB-DHN ngày 8/11/2017	ĐT	
	Họp BGH và phòng Đào tạo về điểm trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh liên thông từ CĐ lên ĐH văn bằng hai năm 2017	361/BB-DHN ngày	ĐT	
	Biên bản họp tuyển sinh sau đại học năm 2017	/BB-DHN ngày 02/8/2017	SĐH	Biên bản này không có số
	Biên bản họp xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018	30/BB-DHN ngày 16/1/2018	SĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Biên bản họp tuyển sinh sau đại học năm 2018	263/BB-DHN ngày 25/7/2018	SĐH	
	Biên bản họp Ban giám hiệu và Phòng đào tạo về tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	267/BB-DHN ngày 19/7/2019	ĐT	
	Biên bản họp tuyển sinh sau đại học năm 2019	271/BB-DHN ngày 24/7/2019	SĐH	
	Biên bản họp tuyển sinh sau đại học năm 2020	266/BB-DHN ngày 25/6/2020	SĐH	
	Biên bản họp Ban giám hiệu và Phòng đào tạo về tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	416/BB-DHN ngày 18/7/2020 466/BB-DHN ngày 18/7/2020 368/BC-DHN ngày 24/8/2020	ĐT	
	Biên bản họp Ban giám hiệu và Phòng đào tạo về tuyển sinh đại học chính quy năm 2021	478/BB-DHN ngày 27/09/2021	ĐT	
	Biên bản họp tuyển sinh sau đại học năm 2021			
TC.13.01.04	Quy định Tổ chức và Hoạt động của trường	02/NQ-HĐTDHN ngày 19/02/2021		
TC.13.01.05	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ	768/QĐ-DHN ngày 15/12/2014	SĐH	
	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ	1142/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC.13.01.06	Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh	QT.SĐH.TS.0 1	SĐH	
TC.13.01.07	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2017	482/QĐ-DHN ngày 4/7/2017	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2018	535/QĐ-DHN ngày 8/5/2018	ĐT	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019	463/QĐ-DHN ngày 3/5/2019	ĐT	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2020	403/QĐ-DHN ngày 5/6/2020	ĐT	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2021	138/QĐ-DHN ngày 18/03/2021	ĐT	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2022	78/QĐ-DHN ngày 18/02/2022	ĐT	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2017	484/QĐ-DHN ngày 5/7/2017	SĐH	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2018	768/QĐ-DHN ngày 5/7/2018	SĐH	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2019	522/QĐ-DHN ngày 23/5/2019	SĐH	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2020	204/QĐ-DHN ngày 17/4/2020	SĐH	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2021	280/QĐ-DHN ngày 23/4/2021	SĐH	
	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2017	500/QĐ-DHN ngày 10/7/2017	ĐT	
	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2018	557/QĐ-DHN ngày 11/5/2018	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019	470/QĐ-DHN ngày 6/5/2019	ĐT	
	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2020	470/QĐ-DHN ngày 6/5/2019	ĐT	
	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2021	470/QĐ-DHN ngày 6/5/2019	ĐT	
TC.13.01.08	Quyết định thành lập Tổ/Đoàn thanh tra tuyển sinh và nhập học sau đại học năm 2017-2021	289/QĐ-DHN ngày 28/4/2021 -628/QĐ-DHN ngày 14/8/2020 -818/QĐ-DHN ngày 12/8/2019 -909/QĐ-DHN ngày 21/8/2018 -658/QĐ-DHN ngày 18/8/2017	ĐBCL&K T	
	Quyết định thành lập Tổ/Đoàn thanh tra tuyển sinh và nhập học hệ đại học năm 2020, 2021	QĐ số 287/QĐ-DHN ngày 28/4/2021 QĐ số 884/QĐ-DHN ngày 14/10/2020	ĐBCL&K T	
TC.13.01.09	Thông báo kết quả trúng tuyển (theo phương thức xét tuyển sớm, thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, thông báo điểm trúng tuyển, thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển/ thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển) - năm 2017	192/TB-DHN 31/7/2017 <u>Danh sách trúng tuyển đại học chính quy đợt I năm 2017 của Trường Đại học Dược Hà Nội.pdf</u> (hup.edu.vn)	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo kết quả trúng tuyển (theo phương thức xét tuyển sớm, thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, thông báo điểm trúng tuyển, thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển/ thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển) - năm 2018	<u>Danh sách học sinh đạt giải trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia trúng tuyển đại học chính quy năm 2018.pdf</u> (hup.edu.vn) (14/07/2018) <u>Danh sách thí sinh diện ưu tiên xét tuyển trúng tuyển đại học chính quy năm 2018.pdf</u> (hup.edu.vn) (14/07/2018) <u>Danh sách học sinh diện 30a trúng tuyển năm 2018.pdf</u> (hup.edu.vn) (14/07/2018) <u>Thông báo điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy ngành Dược đợt I năm 2018.pdf</u> (hup.edu.vn) (Số 288/TB-DHN ngày 06/08/2018) <u>Danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy ngành Dược năm 2018 đợt I.pdf</u> (hup.edu.vn) (06/08/2018)	ĐT	
	Thông báo kết quả trúng tuyển (theo phương thức xét tuyển sớm, thông báo	<u>Danh sách thí sinh diện ưu</u>	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, thông báo điểm trúng tuyển, thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển/ thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển) - năm 2019	<u>tiền xét tuyển</u> <u>trúng tuyển đại</u> <u>học chính quy</u> <u>năm 2019.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(16/07/2019)</u> <u>Danh sách học</u> <u>sinh đạt giải</u> <u>nhất nhì môn</u> <u>Hóa học trong</u> <u>Kỳ thi chọn</u> <u>HSGQG trúng</u> <u>tuyển đại học</u> <u>chính quy năm</u> <u>2019.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(16/07/2019)</u> <u>Danh sách học</u> <u>sinh diện 30a</u> <u>trúng tuyển</u> <u>năm 2019.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(16/07/2019)</u> <u>Danh sách thí</u> <u>sinh trúng</u> <u>tuyển đại học</u> <u>hệ chính quy</u> <u>ngành Dược</u> <u>năm 2019.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(09/08/2019)</u> <u>Thông báo</u> <u>điểm trúng</u> <u>tuyển đại học</u> <u>hệ chính quy</u> <u>ngành Dược</u> <u>đợt I năm</u> <u>2019.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(Số 296/TB-</u> <u>DHN ngày</u> <u>09/08/2019)</u>		
	Thông báo kết quả trúng tuyển (theo phương thức xét tuyển sớm, thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, thông báo điểm trúng tuyển, thông báo	<u>Thông báo</u> <u>điểm trúng</u> <u>tuyển đại học</u> <u>hệ chính quy</u>		

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển/ thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển) - năm 2020	<u>năm 2020-theo kết quả học tập THPT.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(Số 369/TB-DHN ngày 24/08/2020)</u> <u>Danh sách học sinh các lớp chuyên Toán, Vật lý, Hóa học trúng tuyển ĐH hệ CQ ngành Dược học diện xét tuyển năm 2020.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(24/08/2020)</u> <u>Danh sách học sinh các lớp chuyên Toán, Vật lý, Hóa học trúng tuyển ĐH hệ CQ ngành Hóa dược diện xét tuyển năm 2020.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(24/08/2020)</u> <u>Danh sách học sinh diện 30a trúng tuyển năm 2020.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(14/08/2020)</u>		
	Thông báo kết quả trúng tuyển (theo phương thức xét tuyển sớm, thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, thông báo điểm trúng tuyển, thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển/ thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển) - năm 2021	<u>Danh sách trúng tuyển giải diện 30a năm 2021.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(28/07/2021)</u> <u>Danh sách trúng tuyển giải KHKQTQ</u>	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		<u>năm 2021.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(28/07/2021)</u> <u>Danh sách</u> <u>trúng tuyển</u> <u>giải HSGQG</u> <u>năm 2021.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(28/07/2021)</u> <u>Thông báo</u> <u>diem trung</u> <u>tuyen dai hoc</u> <u>he chinh quy</u> <u>nam 2021 -</u> <u>theo ket qua</u> <u>hoc tap</u> <u>THPT.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(Số 357/TB-</u> <u>DHN)</u> <u>(29/07/2021)</u> <u>Danh học sinh</u> <u>THPT chuyên</u> <u>trung tuyen</u> <u>nganh Hoa</u> <u>duoc nam</u> <u>2021.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(29/07/2021)</u> <u>Danh học sinh</u> <u>THPT chuyên</u> <u>trung tuyen</u> <u>nganh Duoc</u> <u>hoc nam</u> <u>2021.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u> <u>(29/07/2021)</u>		
TC.13.01.10	Kế hoạch truyền thông tuyển sinh năm 2022	số 115/KH-DHN ngày 10/3/2022	Trường ĐH Dược HN	
TC.13.01.11	<u>Đề án tuyển sinh năm 2017</u>	<u>Đề án tuyển</u> <u>sinh đại học hệ</u> <u>chính quy năm</u> <u>2017 - Thông</u> <u>tin tuyển sinh -</u> <u>Cổng thông tin</u>	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		<u>Đại Học Dược</u> <u>(hup.edu.vn)</u>		
	<u>Đề án tuyển sinh năm 2018</u>	<u>Đề án tuyển sinh</u> <u>2018 Trường</u> <u>Đại học Dược</u> <u>Hà Nội.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u>	ĐT	
	<u>Đề án tuyển sinh năm 2019</u>	<u>Đề án tuyển sinh</u> <u>2019 Trường</u> <u>Đại học Dược</u> <u>Hà Nội.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u>	ĐT	
	<u>Đề án tuyển sinh năm 2020</u>	<u>Đề án tuyển sinh trình độ</u> <u>đại học năm</u> <u>2020 - Trường</u> <u>Đại học Dược</u> <u>Hà Nội.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u>	ĐT	
	<u>Đề án tuyển sinh năm 2021</u>	<u>Đề án tuyển sinh trình độ</u> <u>đại học năm</u> <u>2021 - toàn</u> <u>văn.pdf</u> <u>(hup.edu.vn)</u>	ĐT	
TC.13.01.12	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ dược học năm 2017	99/TB-DHN ngày 11/5/2017	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo dược sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp II năm 2017	100/TB-DHN ngày 11/5/2017		
	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ dược học năm 2018	174/TB-DHN ngày 11/5/2018		
	Thông báo tuyển sinh đào tạo dược sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp II năm 2018	175/TB-DHN ngày 11/5/2018		

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ được học năm 2019	137/TB-DHN ngày 19/4/2019		
	Thông báo tuyển sinh đào tạo dược sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp II năm 2019	138/TB-DHN ngày 19/4/2019		
	Thông báo tuyển sinh đào tạo dược sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp II năm 2020	Số 163/TB-DHN ngày 20/4/2020		
	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ được học năm 2020	164/TB-DHN ngày 20/4/2020		
	Thông báo tuyển sinh đào tạo dược sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp II năm 2021	176/TB-DHN ngày 26/4/2021		
	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ được học năm 2021	175/TB-DHN ngày 26/4/2021		
	Lịch thi tuyển sinh dược sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2017	<u>Lịch thi tuyển sinh DSCK cấp I - DSCK cấp II năm 2017.pdf</u> (hup.edu.vn)		
	Lịch thi tuyển sinh dược sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2018	<u>Lịch thi tuyển sinh cao học, DSCK cấp I và DSCK cấp II năm 2018 - Thông tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược</u> (hup.edu.vn)		
	Lịch thi tuyển sinh dược sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2019	<u>Lịch thi tuyển sinh cao học, DSCK cấp I, DSCK cấp II</u>		

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		<u>năm 2019 - Thông tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>		
	Lịch thi tuyển sinh dược sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2020	<u>Lịch thi tuyển sinh sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2020 - Thông tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>		
	Lịch thi tuyển sinh dược sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2021	<u>Thông tin tuyển sinh - trang 3 - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>		
TC.13.01.13	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược năm 2017	172/TB-DHN ngày 13/07/2017	ĐT	
	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược năm 2018	248/BC-DHN ngày 14/7/2018	ĐT	
	Biên bản xác định điểm chuẩn trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh sau đại học năm 2018	362/BB-DHN ngày 11/9/2018	SĐH	
	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược năm 2019	268/TB-DHN ngày 21/07/2019	ĐT	
	Báo cáo tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh TS, ThS, ĐH năm 2019	40/DHN-DT ngày 24/1/2019	SĐH	
	Biên bản họp Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo về chuẩn bị cho công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	368/BC-DHN ngày 24/8/2020	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược, Hóa dược năm 2020	417/TB-DHN ngày 18/09/2020	ĐT	
	Biên bản xét xác định điểm chuẩn trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh sau đại học năm học 2020	401/BC-DHN ngày 14/9/2020	SĐH	
	Biên bản họp Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo về tuyển sinh đại học chính quy năm 2021	478/BB-DHN ngày 27/09/2021	ĐT	
	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược học, Hóa dược năm 2021	412/TB-DHN ngày 26/08/2021	ĐT	
TC.13.01.14	Website trường về tuyển sinh	Tuyensinh.hup.edu.vn		
	Trang thông tin chung của trường	http://www.hup.edu.vn/cpbdv/pdt/Pages/TuyensinhDH.aspx		
TC.13.01.15	Kế hoạch/Văn bản tham dự Ngày hội tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 tại Đại học Bách Khoa	136/KH-DHN ngày 31/03/2021	ĐT	
	Kế hoạch và chương trình hoạt động Ngày hội việc Làm (HUP JOB FAIR) do ĐTN CSHCM Trường tổ chức Hình ảnh, các hoạt động của sự kiện đăng tải trên trang Fanpage của ĐTN Trường	46/KH-DTN 30/05/2022	ĐTN	
TC.13.01.16	Báo cáo thực hiện tuyển sinh năm 2017 và kế hoạch tuyển sinh năm 2018	211/DHN-ĐT ngày 10/4/2018	ĐT	
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2018	305/BC-DHN ngày 14/8/2018	ĐT	
	Báo cáo tuyển sinh nghiên cứu sinh năm 2018	378/BC-DHN ngày 18/9/2018	SĐH	
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2018 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh	99/DHN-ĐT ngày 8/3/2019	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	năm 2019 trình độ TS, ThS, ĐH, CĐSP, TCSP			
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	Kèm theo CV Số 5691/BGDĐT-GDĐH 19/12/2019	ĐT	
	Điều chỉnh thông tin tuyển sinh sau đại học năm học 2020	279/DHN-DT ngày 30/6/2020	SĐH	
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2019 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020 trình độ TS, ThS, ĐH, CĐSP, TCSP	Có file gốc lưu		
	Báo cáo tuyển sinh sau đại học năm 2019			
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020	Kèm theo CV Số 162//BGDĐT-GDĐH 15/01/2021	ĐT	
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2020 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 trình độ TS, ThS, ĐH, , CĐSP, TCSP	Có file gốc lưu	SĐH	
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021	Số 924/DHN-ĐT ngày 28/12/2021	ĐT	
	Báo cáo tuyển sinh sau đại học năm 2021			

Tiêu chí 13.2:

Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.13.02.01	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược năm 2017	172/TB-DHN/ ngày 13/07/2017	ĐT	
	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược năm 2018	248/TB-DHN ngày 14/7/2018	ĐT	

	Biên bản xác định điểm chuẩn trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh sau đại học năm 2018	362/BB-DHN ngày 11/9/2018	SĐH	
	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược năm 2019	268/TB-DHN ngày 21/07/2019	ĐT	
	Báo cáo tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh TS, ThS, ĐH năm 2019	40/DHN-DT ngày 24/1/2019	SĐH	
	Biên bản họp Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo về chuẩn bị cho công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	368/BC-DHN ngày 24/8/2020	ĐT	
	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược, Hóa dược năm 2020	417/TB-DHN ngày 18/09/2020	ĐT	
	Biên bản xét xác định điểm chuẩn trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh sau đại học năm học 2020	401/BC-DHN ngày 14/9/2020	SĐH	
	Biên bản họp Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo về tuyển sinh đại học chính quy năm 2021	478/BB-DHN ngày 27/09/2021		
	Thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy ngành Dược học, Hóa dược năm 2021	412/TB-DHN ngày 26/08/2021		
TC.13.02.02	Phương án tuyển sinh sau đại học 2017	Có file lưu kết quả thực hiện năm trước và xác định chỉ tiêu năm nay.		
	Phương án tuyển sinh sau đại học 2018			
	Phương án tuyển sinh sau đại học 2019			
	Phương án tuyển sinh sau đại học 2020			
	Phương án tuyển sinh sau đại học 2021	<u>Thông tin Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2021 - Trường Đại học Dược Hà Nội - Thông tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>		
TC.13.02.03	<u>Đề án tuyển sinh năm 2017</u>	<u>Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2017 - Thông</u>		

		<u>tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>		
	<u>Đề án tuyển sinh năm 2018</u>	<u>Đề án tuyển sinh 2018 Trường Đại học Dược Hà Nội.pdf (hup.edu.vn)</u>		
	<u>Đề án tuyển sinh năm 2019</u>	<u>Đề án tuyển sinh 2019 Trường Đại học Dược Hà Nội.pdf (hup.edu.vn)</u>		
	<u>Đề án tuyển sinh năm 2020</u>	<u>Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2020 - Trường Đại học Dược Hà Nội.pdf (hup.edu.vn)</u>		
	<u>Đề án tuyển sinh năm 2021</u>	<u>Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2021 - toàn văn.pdf (hup.edu.vn)</u>		
TC.13.02.04	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ	768/QĐ-DHN ngày 15/12/2014	SĐH	
	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ	1142/QĐ- DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC.13.02.05	Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ	466/QĐ-DHN ngày 30/6/2017	SĐH	
	Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SĐH	
TC.13.02.06	Website trường về tuyển sinh	Tuyensinh.hup .edu.vn		
	Trang thông tin chung của trường	<u>www.hup.edu. vn/Pages/defau lt.aspx</u>		

TC.13.02.07	Báo cáo thực hiện tuyển sinh năm 2017 và kế hoạch tuyển sinh năm 2018	211/DHN-ĐT ngày 10/4/2018		
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2018	305/BC-DHN ngày 14/8/2018		
	Báo cáo tuyển sinh nghiên cứu sinh năm 2018	378/BC-DHN ngày 18/9/2018		
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2018 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019 trình độ TS, ThS, ĐH, , CDSP, TCSP	99/DHN-DT ngày 8/3/2019		
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019			
	Điều chỉnh thông tin tuyển sinh sau đại học năm học 2020	279/DHN-DT ngày 30/6/2020	SĐH	
	Báo cáo tuyển sinh sau đại học năm 2019			
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2019 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020 trình độ TS, ThS, ĐH, , CDSP, TCSP	Có file gốc lưu	SĐH	
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020			
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2020 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 trình độ TS, ThS, ĐH, , CDSP, TCSP	Có file gốc lưu	SĐH	
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021	924/DHN-ĐT ngày 28/12/2021		
	Báo cáo tuyển sinh sau đại học năm 2021			

Tiêu chí 13.3:

Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

TC.13.03.01	Quy chế tuyển sinh	08/2022/TT-BGDĐT 06/06/2022	Bộ GD&ĐT	
TC.13.03.02	Quy trình thanh tra tuyển sinh	QT.ĐBCLKT.09 Ngày 30/08/2021	ĐBCL&KT	
TC.13.03.03	Quyết định thành lập Tổ/Đoàn thanh tra tuyển sinh và nhập học sau đại học năm 2017-2021	- 289/QĐ-DHN ngày 28/4/2021 - 628/QĐ-DHN ngày 14/8/2020 - 818/QĐ-DHN ngày 12/8/2019 - 909/QĐ-DHN ngày 21/8/2018 - 658/QĐ-DHN ngày 18/8/2017	TC-HC	
TC.13.03.04	Quyết định thành lập Tổ/Đoàn thanh tra tuyển sinh và nhập học hệ đại học năm 2020, 2021	- 287/QĐ-DHN ngày 28/4/2021 - 884/QĐ-DHN ngày 14/10/2020	TC-HC	
TC.13.03.05	Kế hoạch thanh tra tuyển sinh và nhập học hệ đại học	2020, 2021	ĐBCL&KT	
TC.13.03.06	Kế hoạch thanh tra tuyển sinh sau đại học	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.13.03.07	Biên bản thanh tra công tác tuyển sinh và nhập học hệ đại học	2020, 2021	ĐBCL&KT	
TC.13.03.08	Biên bản thanh tra công tác tuyển sinh và nhập học hệ sau đại học	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.13.03.09	Báo cáo kết quả thanh tra tuyển sinh và nhập học hệ đại học	2020,2021	ĐBCL&KT	
TC.13.03.10	Báo cáo kết quả thanh tra tuyển sinh sau đại học	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.13.03.11	Biên bản họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học hệ đại học	Năm 2018, 2019, 2020, 2021	QLSV,ĐT	

TC.13.03.12	Biên bản họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học hệ sau đại học	Năm 2018, 2019, 2020, 2021	SĐH	
TC.13.03.13	Công văn mời công an PA03 Hà Nội giám sát thi tuyển sinh sau đại học	- 799/DHN-SĐH ngày 22/11/2021; - 471/DHN-SĐH ngày 14/8/2020; - 429/DHN-SĐH ngày 06/8/2019; - 445/DHN-SĐH ngày 18/8/2017		
TC.13.03.14	Quy trình ra đề thi tuyển sinh cao học chuyên khoa	QT.SĐH.G.01	SĐH	
TC.13.03.15	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ	- 768/QĐ-DHN ngày 15/12/2014	SĐH	
	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ	- 1142/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC.13.03.16	Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh	QT.SĐH.TS.01	SĐH	
TC.13.03.17	Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ	- 466/QĐ-DHN ngày 30/6/2017	SĐH	
	Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ	- 635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SĐH	
TC.13.03.18	Quy trình nhập học cho SV đại học	QTQLSV.08	QLSV	
TC.13.03.19	Kế hoạch nhập học	- 472/KH-DHN ngày 23/9/2021 - 472/KH-DHN ngày 7/10/2020 - 307/KH-DHN ngày 16/8/2019 - 310/KH-DHN ngày 16/8/2018	QLSV	

		- 210/KH-DHN ngày 09/08/2017		
TC.13.03.20	Giấy triệu tập trung thí sinh trúng tuyển sau đại học	<u>Giấy báo trúng tuyển và nhập học đào tạo trình độ thạc sĩ được học năm 2021 - Thông tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>	SĐH	
	Giấy tập trung học viên trúng tuyển đào tạo trình độ Thạc sĩ Dược học bổ sung năm 2021	133/GTT-DHN ngày 17/3/2022	SĐH	
	Giấy báo trúng tuyển và nhập học đào tạo trình độ Thạc sĩ dược học năm 2021	643/TB-DHN ngày 30/11/2021	SĐH	
	Giấy tập trung học viên trúng tuyển cao học dược năm 2019	376/GTT-DHN ngày 23/9/2019	SĐH	
	Giấy triệu tập nghiên cứu sinh năm 2019	378/GTT-DHN ngày 23/9/2019	SĐH	
	Giấy tập trung học viên trúng tuyển DSCK cấp II năm 2019	377/GTT-DHN ngày 23/9/2019	SĐH	
TC.13.03.21	Thông báo kết quả kiểm tra thực hiện các quy định trong tuyển sinh và đào tạo trình độ Đại học – Thạc sĩ – Tiến sĩ; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.	347/TB-BGDĐT ngày 06/4/2021	BGDĐT	
TC.13.03.22	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi của người học về hoạt động tuyển sinh và nhập học	Năm 2020, 2021	ĐBCL&KT	
TC.13.03.23	Đường link báo cáo kết quả lấy ý kiến người học về tuyển sinh và nhập học		ĐBCL&KT	

Tiêu chí 13.4:

Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.13.04.01	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2017	482/QĐ-DHN ngày 4/7/2017	ĐT	

	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2018	535/QĐ-DHN ngày 8/5/2018	ĐT	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019	463/QĐ-DHN ngày 3/5/2019	ĐT	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2020	403/QĐ-DHN ngày 5/6/2020	ĐT	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2021	138/QĐ-DHN ngày 29/03/2021		
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2022			
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2017	484/QĐ-DHN ngày 5/7/2017	SĐH	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2018	768/QĐ-DHN ngày 5/7/2018	SĐH	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2019	522/QĐ-DHN ngày 23/5/2019	SĐH	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2020	204/QĐ-DHN ngày 17/4/2020	SĐH	
	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2021	280/QĐ-DHN ngày 23/4/2021	SĐH	
	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2017	500/QĐ-DHN ngày 10/7/2017	SĐH	
	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2018	557/QĐ-DHN ngày 11/5/2018	ĐT	
	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2019	470/QĐ-DHN ngày 6/5/2019	ĐT	

	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2020	408/QĐ-DHN ngày 09/06/2020	ĐT	
	Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2021		ĐT	
TC.13.04.02	Quyết định thành lập Tổ/Đoàn thanh tra tuyển sinh và nhập học sau đại học năm 2017-2021	- 289/QĐ-DHN ngày 28/4/2021 - 628/QĐ-DHN ngày 14/8/2020 - 818/QĐ-DHN ngày 12/8/2019 - 909/QĐ-DHN ngày 21/8/2018 - 658/QĐ-DHN ngày 18/8/2017	ĐBCL&KT	
TC.13.04.03	Quyết định thành lập Đoàn thanh tra tuyển sinh và nhập học hệ đại học năm 2020, 2021	- 287/QĐ-DHN ngày 28/4/2021 - 884/QĐ-DHN ngày 14/10/2020	ĐBCL&KT	
TC.13.04.04	Quy trình thanh tra tuyển sinh	QT.ĐBCLKT. 09 Ngày 30/08/2021	ĐBCL&KT	
TC.13.04.05	Công văn mời công an PA03 Hà Nội giám sát thi tuyển sinh sau đại học	- 799/DHN-SĐH ngày 22/11/2021; - 471/DHN-SĐH ngày 14/8/2020; - 429/DHN-SĐH ngày 06/8/2019; - 445/DHN-SĐH ngày 18/8/2017	SĐH	
TC.13.04.06	Kế hoạch thanh tra tuyển sinh và nhập học hệ đại học	2020, 2021	ĐBCL&KT	

TC.13.04.07	Kế hoạch thanh tra tuyển sinh sau đại học	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.13.04.08	Biên bản thanh tra công tác tuyển sinh và nhập học hệ đại học (công tác chuẩn bị tuyển sinh, xét tuyển)	2020, 2021	ĐBCL&KT	
TC.13.04.09	Biên bản thanh tra công tác tuyển sinh và nhập học hệ đại học (công tác quản lý hồ sơ nhập học)	2020,2021	ĐBCL&KT	
TC.13.04.10	Biên bản thanh tra công tác tuyển sinh sau đại học năm	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.13.04.11	Báo cáo kết quả thanh tra tuyển sinh và nhập học hệ đại học năm	2020,2021	ĐBCL&KT	
TC.13.04.12	Báo cáo kết quả thanh tra tuyển sinh sau đại học năm	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.13.04.13	Công văn mời công an PA03 Hà Nội giám sát thi tuyển sinh sau đại học	2017-2021	SĐH	
TC.13.04.14	Ảnh minh chứng hệ thống camera tại các phòng tuyển sinh, nhập học			
TC.13.04.15	Thống kê số liệu trúng tuyển và nhập học	2017-2021	QLSV, SĐH	
TC.13.04.16	Tổng hợp ý kiến phản hồi từ người học về công tác tuyển sinh và nhập học	2020, 2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 13.5:

Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.13.05.01	Báo cáo thực hiện tuyển sinh năm 2017 và kế hoạch tuyển sinh năm 2018	211/DHN-ĐT ngày 10/4/2018	ĐT	
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2018	305/BC-DHN ngày 14/8/2018	ĐT	
	Báo cáo tuyển sinh nghiên cứu sinh năm 2018	378/BC-DHN ngày 18/9/2018	SĐH	
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2018 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019 trình độ TS, ThS, ĐH, , CĐSP, TCSP	99/DHN-DT ngày 8/3/2019	ĐT	

	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	Kèm theo CV Số 5691/BGDĐT-GDĐH 19/12/2019	ĐT	
	Điều chỉnh thông tin tuyển sinh sau đại học năm học 2020	279/DHN-DT ngày 30/6/2020	SĐH	
	Báo cáo tuyển sinh sau đại học năm 2019			
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2019 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020 trình độ TS, ThS, ĐH, , CĐSP, TCSP	Có file gốc lưu		
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020	Kèm theo CV Số 162//BGDĐT-GDĐH 15/01/2021	ĐT	
	Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2020 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 trình độ TS, ThS, ĐH, , CĐSP, TCSP	Có file gốc lưu		
	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021	924/DHN-ĐT ngày 28/12/2021	ĐT	
	Báo cáo tuyển sinh sau đại học năm 2021		SĐH	
TC.13.05.02	Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2017-2020	503/BC-DHN ngày 21/10/2020	ĐT	
TC.13.05.03	Phương án tuyển sinh sau đại học 2017	Có file lưu kết quả thực hiện năm trước và xác định chỉ tiêu năm nay	SĐH	
	Phương án tuyển sinh sau đại học 2018		SĐH	
	Phương án tuyển sinh sau đại học 2019		SĐH	
	Phương án tuyển sinh sau đại học 2020		SĐH	
	Phương án tuyển sinh sau đại học 2021	<u>Thông tin Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2021 - Trường Đại học Dược Hà Nội - Thông tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>		

TC.13.05.04	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ	1142/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ được học năm 2017	99/TB-DHN ngày 11/5/2017	SĐH	
TC.13.05.05	Thông báo tuyển sinh đào tạo được sĩ chuyên khoa cấp I, được sĩ chuyên khoa cấp II năm 2017	100/TB-DHN ngày 11/5/2017	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ được học năm 2018	174/TB-DHN ngày 11/5/2018	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo được sĩ chuyên khoa cấp I, được sĩ chuyên khoa cấp II năm 2018	175/TB-DHN ngày 11/5/2018	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ được học năm 2019	137/TB-DHN ngày 19/4/2019	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo được sĩ chuyên khoa cấp I, được sĩ chuyên khoa cấp II năm 2019	138/TB-DHN ngày 19/4/2019	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo được sĩ chuyên khoa cấp I, được sĩ chuyên khoa cấp II năm 2020	163/TB-DHN ngày 20/4/2020	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ được học năm 2020	164/TB-DHN ngày 20/4/2020	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo được sĩ chuyên khoa cấp I, được sĩ chuyên khoa cấp II năm 2021	176/TB-DHN ngày 26/4/2021	SĐH	
	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ được học năm 2021	175/TB-DHN ngày 26/4/2021	SĐH	
	Lịch thi tuyển sinh được sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2017	<u>Lịch thi tuyển sinh DSCK cấp I - DSCK cấp II năm 2017.pdf</u> (hup.edu.vn)	SĐH	
	Lịch thi tuyển sinh được sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2018	<u>Lịch thi tuyển sinh cao học, DSCK cấp I và DSCK cấp II năm 2018 - Thông tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược</u> (hup.edu.vn)	SĐH	

	Lịch thi tuyển sinh được sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2019	<u>Lịch thi tuyển sinh cao học, DSCK cấp I, DSCK cấp II năm 2019 - Thông tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>	SĐH	
	Lịch thi tuyển sinh được sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2020	<u>Lịch thi tuyển sinh sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2020 - Thông tin tuyển sinh - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>	SĐH	
	Lịch thi tuyển sinh được sĩ chuyên khoa cấp 1, DS chuyên khoa cấp II năm 2021	<u>Thông tin tuyển sinh - trang 3 - Cổng thông tin Đại Học Dược (hup.edu.vn)</u>	SĐH	

Tiêu chuẩn 14:

Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1:

Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.14.01.01	Các QĐ ban hành CTĐT trình độ đại học			
	QĐ 454/QĐ-DHN ngày 23/6/2017 ban hành Chương trình đào tạo ngành Dược, trình độ Đại học, hệ chính quy sau rà soát, điều chỉnh	454/QĐ-DHN 23/06/2017	ĐT	
	QĐ 827/QĐ-DHN ngày 26/7/2018 ban hành Chương trình đào tạo ngành Dược, trình độ Đại học, hệ chính quy sau rà soát, điều chỉnh	827/QĐ-DHN 26/07/2018	ĐT	
	QĐ 727/QĐ-DHN ngày 24/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo ngành Dược, trình độ Đại học, hệ chính quy sau rà soát, điều chỉnh	727/QĐ-DHN 24/07/2019	ĐT	
	QĐ 450/QĐ-DHN ngày 23/6/2020 ban hành Chương trình đào tạo ngành Dược, trình độ Đại học, hệ chính quy sau rà soát, điều chỉnh	450/QĐ-DHN 23/06/2020	ĐT	

	QĐ 505/QĐ-DHN ngày 21/7/2021 ban hành Chương trình đào tạo ngành Dược, trình độ Đại học, hệ chính quy sau rà soát, điều chỉnh	505/QĐ-DHN 21/07/2021	ĐT	
	QĐ Ban hành CTĐT ngành Hóa được trình độ đại học hệ chính quy	1311/QĐ-DHN 26/11/2021	ĐT	
	QĐ 41/QĐ-DHN ngày 26/01/2021 ban hành Chương trình đào tạo ngành Công nghệ sinh học, trình độ đại học, hệ chính quy	41/QĐ-DHN 26/01/2021	ĐT	
	QĐ 42/QĐ-DHN ngày 26/01/2021 ban hành Chương trình đào tạo ngành Hóa học, trình độ đại học, hệ chính quy	42/QĐ-DHN 26/01/2021	ĐT	
	QĐ Ban hành Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Dược học trình độ Đại học	1065/QĐ-DHN 31/12/2021	ĐT	
TC.14.01.02	Các QĐ ban hành CTĐT trình độ sau đại học			
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ 2014	1143/QĐ-DHN 15/12/2014	SĐH	
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ 2014	1144/QĐ-DHN 15/12/2014	SĐH	
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ 2017	476/QĐ-DHN 30/06/2017	SĐH	
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ 2017	475/QĐ-DHN 30/06/2017	SĐH	
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ sau rà soát, điều chỉnh 2017	475/QĐ-DHN 30/6/2017	SĐH	
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ sau rà soát, điều chỉnh 2019	654/QĐ-DHN 04/7/2019	SĐH	
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ sau rà soát, điều chỉnh 2020	805/QĐ-DHN 30/9/2020	SĐH	
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ sau rà soát, điều chỉnh 2020	804/QĐ-DHN 30/9/2020	SĐH	
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ sau rà soát, điều chỉnh 2021	771/QĐ-DHN 15/10/2021	SĐH	
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ sau rà soát, điều chỉnh 2021	770/QĐ-DHN 15/10/2021	SĐH	
TC.14.01.03	Các quyền CTCT ĐT đại học và SĐH các năm			
	Quyền chương trình đào tạo đại học năm 2017	2017	ĐT	

	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2018	2018	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2019	2019	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2020	2020	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2021	2021	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2017	2017	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2018	2018	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2019	2019	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2020	2020	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2021	2021	SĐH	
TC.14.01.04	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	02/NQ-HĐTDHN ngày 19/02/2021	HĐT	
TC.14.01.05	Các văn bản quy định của Bộ GD và ĐT			
	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học	TT 07/2015/TT-BGD&ĐT 16/04/2015	Bộ GD&ĐT	
	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	17/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015	Bộ GD&ĐT	
	Quyết định ban hành khung trình độ Quốc gia Việt Nam	1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Bộ GD&ĐT	
	Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	22/2017/TT-BGD&ĐT ngày 06/9/2017	Bộ GD&ĐT	
	Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	22/2017/TT-BGDĐT 06/06/2017	Bộ GD&ĐT	

	Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng và thẩm định ban hành CTĐT các trình độ	17/2021/TT-BGDĐT 22/06/2021	Bộ GD&ĐT	
	Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ	09/2017/TT-BGDĐT 04/04/2017	Bộ GD&ĐT	
	Quy định về đào tạo chất lượng cao	23/2014/TT-BGDĐT Ngày 18/7/2014	Bộ GD&ĐT	
TC.14.01.06	Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội	112/QĐ-DHN 09/03/2022	ĐT	
TC.14.01.07	Các nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng Trường về chủ trương mở ngành Đào tạo Hoá dược, Hoá học, Công nghệ sinh học và Dược chất lượng cao	2017-2021	ĐU, HĐT	
TC.14.01.08	Các kế hoạch xây dựng đề án, mở mã ngành	2017-2021	ĐT	
	Kế hoạch xây dựng đề án, mở mã ngành Hóa dược, trình độ đại học	2017-2021	ĐT	
	Kế hoạch xây dựng đề án, mở mã ngành Hóa học, trình độ đại học	2017-2021	ĐT	
	Kế hoạch xây dựng đề án, mở mã ngành Công nghệ sinh học, trình độ đại học	2017-2021	ĐT	
	Kế hoạch xây dựng đề án xây dựng CTĐT CLC ngành Dược, trình độ đại học	2017-2021	ĐT	
.TC.14.01.09	Báo cáo khảo sát nhu cầu thị trường lao động các ngành: Hóa dược đại học, Công nghệ sinh học, hóa học, Dược học chất lượng cao, Dược học liên kết, Hóa dược thạc sỹ.	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.14.01.10	QĐ thành lập Ban XD MTĐT và CĐR của CTĐT và biên bản họp	2017-2021	ĐT	
TC.14.01.11	QĐ thành lập Hội đồng, Ban tư vấn XDCT và biên bản họp	2017-2021	ĐT	
	QĐ thành lập Ban tư vấn xây dựng chương trình giáo dục đào tạo ngành Hóa dược trình độ đại học	1282/QĐ-DHN 24/10/2018	ĐT	

	QĐ thành lập Hội đồng xây dựng Tổ soạn thảo CTĐT chất lượng cao ngành Dược trình độ ĐH	641/QĐ-DHN 30/08/2021	ĐT	
	QĐ 375/QĐ-DHN ngày 01/6/2020 thành lập Ban tư vấn xây dựng và Tổ soạn thảo chương trình đào tạo Công nghệ sinh học trình độ đại học	375/QĐ-DHN 01/06/2020	ĐT	
	QĐ 372/QĐ-DHN ngày 01/6/2020 thành lập Ban tư vấn xây dựng và Tổ soạn thảo chương trình đào tạo Hóa học trình độ đại học	372/QĐ-DHN 01/06/2020	ĐT	
	Quyết định thành lập các ban chuẩn hóa chương trình theo thông tư 17	2017-2021	ĐT	
	Biên bản họp các ban tư vấn	208/BB-DHN ngày 05/5/2022	ĐT	
TC.14.01.12	Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo	2196/DBG&ĐT- GD ĐH 22/4/2010	Bộ GD&ĐT	
TC.14.01.13	Quy trình xây dựng, rà soát, ban hành chuẩn đầu ra của Trường	2021	ĐBCL&KT	
TC.14.01.14	Kết quả khảo sát, xin ý kiến về MTĐT, CĐR của CTĐT	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.14.01.15	QĐ ban hành MTĐT, CĐR của CTĐT	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.14.01.16	CTĐT tham khảo và đối sánh trong nước			
	Bảng so sánh các học phần năm học 2021-2022 với Y Dược Hồ Chí Minh	2017-2021	ĐT	
	Bảng so sánh các học phần ngành Hóa dược với Đại học Quốc gia HN, Trường Đại học Bách Khoa HN	2017-2021	ĐT	
	Bảng so sánh các học phần ngành Hóa học với Đại học Quốc gia HN,	2017-2021	ĐT	
	Bảng so sánh các học phần ngành Công nghệ sinh học với Đại học Quốc gia HN, Đại học Quốc gia HCM	2017-2021	ĐT	
	Bảng so sánh các học phần ngành Dược học – CT CLC – với Trường Đại học Y Dược HCM	2017-2021	ĐT	
TC.14.01.17	CTĐT tham khảo và đối sánh quốc tế			
	Bảng so sánh các học phần ngành Dược học - CT CLC - với Đại học Mahidol	2017-2021	ĐT	
	Bảng so sánh các học phần ngành Dược học - CT CLC - với Đại học Sydney	2022	ĐT	

TC.14.01.18	Bản mô tả tóm tắt nội dung của môn học/ học phần trong chương trình	2017-2021	ĐT	
TC.14.01.19	Kết luận và BB họp thông qua CTĐT hàng năm của HĐ KHĐT	2017-2021	ĐT	
	TB 178/TB-DHN ngày 22/5/2018 kết luận của cuộc họp HĐ KH&ĐT Trường phiên họp 11/5/2018	178/TB-DHN 22/05/2018	ĐT	
	TB 250/TB-DHN ngày 16/7/2018 kết luận của cuộc họp HĐ KH&ĐT Trường phiên họp 10/7/2018	250/TB-DHN 16/07/2018	ĐT	
	TB 264/TB-DHN ngày 22/6/2020 kết luận của cuộc họp Hội đồng KH&ĐT trường phiên họp tháng 6/2020 áp dụng cho năm học 2020-2021	264/TB-DHN 22/06/2020	ĐT	
	TB 252/TB-DHN ngày 09/6/2021 kết luận của cuộc họp HĐ KH&ĐT trường phiên họp tháng 6/2021 áp dụng cho năm học 2021-2022	252/TB-DHN 09/06/2021	ĐT	
	Biên bản họp của HĐKH thông qua chương trình các năm	231/BB-DHN ngày 20/6/2019 378/BB-DHN ngày 27/8/2020	ĐT	
TC.14.01.20	CV giao rà soát, xây dựng CTCT cho các Bộ môn			
	CV về việc Giao viết mô tả thiết kế kết cấu và dự kiến NDTH một số HP trong Dự thảo CTĐT CLC	672/DHN-ĐT 08/10/2021	ĐT	
	CV về việc Xây dựng chương trình chi tiết các học phần đào tạo CL cao ngành Dược học trình độ ĐH theo khung dự kiến	771/DHN-ĐT 10/11/2021	ĐT	
	CV về việc Chuẩn bị chương trình chi tiết các học phần đào tạo ngành Hóa dược trình độ ĐH	487/DHN-ĐT 26/08/2019	ĐT	
TC.14.01.21	Ma trận tương quan giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	2017-2021	ĐT	
TC.14.01.22	Kế hoạch và BB rà soát, cập nhật, nghiệm thu chéo cấp Trường	2017-2021	ĐT	
	Kế hoạch rà soát chéo các bộ môn năm 2018	636/DHN-SĐH ngày 26/10/2018	ĐT	
	Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2022	2022	ĐT	

	Biên bản họp các buổi họp rà soát chéo các bộ môn năm 2018	-473,474/BB-DHN ngày 26/11/2018 -457/BB-DHN ngày 13/11/2018 -483/BB-DHN ngày 30/11/2018	ĐT	
	Công văn thông qua CTCT các học phần cấp Nhà trường	2017-2021	ĐT	
	CV về việc thông qua chương trình chi tiết ngành Hóa dược trình độ đại học	573/DHN-ĐT 03/10/2019	ĐT	
	CV về việc thông qua cấp Nhà trường CTCT đào tạo CLC ngành Dược học trình độ ĐH	810/DHN-ĐT 26/11/2021	ĐT	
	CV 360/DHN-ĐT ngày 22/6/2018 về việc thông qua chương trình chi tiết ngành Dược cấp Nhà trường giữa các bộ môn năm học 2018-2019	360/DHN-ĐT 22/06/2018	ĐT	
	CV 788/DHN-ĐT ngày 14/12/2022 về việc thông qua chương trình chi tiết ngành Công nghệ sinh học trình độ đại học cấp Nhà trường giữa các bộ môn	788/DHN-ĐT 14/12/2022	ĐT	
	CV 789/DHN-ĐT ngày 14/12/2022 về việc thông qua chương trình chi tiết ngành Hóa học trình độ đại học cấp Nhà trường giữa các bộ môn	789/DHN-ĐT 14/12/2022	ĐT	
TC.14.01.23	Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT	2017-2021	P.ĐBCL&KT	
TC.14.01.24	QĐ thành lập HĐ thẩm định CTĐT và biên bản			
	QĐ thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Hóa dược trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội	1227/QĐ-DHN 25/11/2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	
	QĐ Thành lập HĐ thẩm định chương trình ĐT và các ĐKĐBCL đào tạo chất lượng cao ngành Dược	989/QĐ-DHN 17/12/2021	Trường Đại học Dược Hà Nội	
	QĐ 1109/QĐ-DHN ngày 25/12/2020 thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Công nghệ	1109/QĐ-DHN 25/12/2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	

	sinh học, trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội			
	QĐ 1107/QĐ-DHN ngày 25/12/2020 thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Hóa học, trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội	1107/QĐ-DHN 25/12/2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	
	BB họp của HĐ nghiệm thu CTĐT	2017-2021	ĐT	
TC.14.01.25	Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học về CTĐT, về hoạt động giảng dạy của giảng viên; khảo sát thực trạng việc làm và phản hồi về chất lượng đào tạo từ cựu sinh viên tốt nghiệp (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.14.01.26	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2021	ĐBCL&KT	
	Kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy của các học phần (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.14.01.27	Khảo sát thực trạng việc làm và phản hồi về chất lượng đào tạo từ cựu sinh viên tốt nghiệp (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2021	ĐBCL&KT	
	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi từ học viên trước tốt nghiệp về khóa học tại trường	2017-2021	ĐBCL&KT	
	Báo cáo khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp 1 năm (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.14.01.28	BB họp cán bộ thực tế các năm	2017-2021	QLĐT	
TC.14.01.29	TB kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 1, năm học 2017-2018	2018	ĐT	
	TB 102/TB-DHN ngày 23/3/2018 kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 2, năm học 2017-2018	102/TB-DHN 23/03/2018	ĐT	
	TB kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 1, năm học 2018-2019	2018	ĐT	

	TB kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 2, năm học 2018-2019	2019	ĐT	
	TB kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 1, năm học 2019-2020	2019	ĐT	
	TB kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 2, năm học 2019-2020	2020	ĐT	
	TB kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 1, năm học 2020-2021	2020	ĐT	
	TB kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 2, năm học 2020-2021	2021	ĐT	
	TB kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 1, năm học 2021-2022	2021	ĐT	
	TB kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 2, năm học 2021-2022	2022	ĐT	
TC.14.01.30	TB và BB họp BM về việc rà soát, chỉnh sửa CTCT các học phần các năm học			
	TB 121/DHN-ĐT ngày 08/3/2018 về việc rà soát, chỉnh sửa CTCT các học phần phục vụ năm học 2018-2019	121/DHN-ĐT 08/03/2018	ĐT	
	TB 198/DHN-ĐT ngày 15/4/2020 về việc rà soát, chỉnh sửa CTCT các học phần phục vụ năm học 2020-2021	198/DHN-ĐT 15/04/2020	ĐT	
	TB 387/DHN-ĐT ngày 28/6/2021 về việc rà soát, chỉnh sửa CTCT các học phần phục vụ năm học 2021-2022	387/DHN-ĐT 28/06/2021	ĐT	
	Thông báo rà soát CTCT SĐH năm 2020, 2021	207/DHN- SĐH ngày 22/4/2020 414/DHN-SĐH ngày 05/7/2021	SĐH	
	Biên bản họp của các bộ môn về điều chỉnh CTCT các năm học	BB họp các BM năm 2018-2019, 2020 và 2021	ĐT	
TC.14.01.31	Thông báo kết luận của các cuộc họp thông qua CTCT			
	TB 287/TB-DHN Kết luận của các cuộc họp thông qua chương trình chi tiết đại học hệ chính quy năm học 2018-2019	2018	ĐT	
	TB 200/TB-DHN ngày 05/6/2019 kết luận thông qua các đề nghị điều chỉnh chương trình chi tiết một số học phần giảng dạy hệ đại học chính quy năm học 2019-2020 của các bộ môn	200/TB-DHN 05/06/2019	ĐT	

	BB 441/TB-DHN ngày 09/9/2021 kết luận của cuộc họp về rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần năm học 2021-2022	441/TB-DHN 09/09/2021	ĐT	
	TB 371/TB-DHN ngày 11/12/2017 kết luận của buổi họp về nội dung, hình thức tốt nghiệp LTTH từ năm học 2017-2018	371/TB-DHN 11/12/2017	ĐT	
	TB 360/TB-DHN ngày 10/9/2018 kết luận của cuộc họp về nội dung thi tốt nghiệp Lý thuyết tổng hợp từ năm học 2018-2019	360/TB-DHN 10/09/2018	ĐT	
	TB 400/TB-DHN ngày 05/10/2018 kết luận của cuộc họp về nội dung và hình thức thi tốt nghiệp LTTH cho sinh viên đại học hệ chính quy và sinh viên hệ đại học liên thông từ cao đẳng năm học 2018-2019	400/TB-DHN 05/10/2018	ĐT	
TC.14.01.32	Quyết định 4018/QĐ-BYT của Bộ Y tế giao Trường ĐH Dược HN chủ trì xây dựng chuẩn CTĐT ngành Dược học, trình độ đại học	4018/QĐ-BYT	Bộ Y tế	

Tiêu chí 14.2:

Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC14.02.01	Quyết định thành lập Khảo thí và Kiểm định chất lượng	182/QĐ-DHN, 20/05/2009	ĐBCL&KT	
	Về việc đổi tên Khảo thí & KĐCL thành ĐBCL&KT	288/QĐ-DHN 05/5/2020	ĐBCL&KT	
	Ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN 24/12/2021	TC-HC	
TC14.02.02	Quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ		ĐT	
TC.14.02.03	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra, ngành đào tạo Hóa dược, trình độ đại học	673/QĐ-DHN 09/7/2019	ĐBCL&KT	
	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Công nghệ sinh học, trình độ đại học	819/QĐ-DHN 02/10/2020	ĐBCL&KT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Hóa học, trình độ đại học	818/QĐ-DHN 02/10/2020	ĐBCL&KT	
	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT Chất lượng cao, ngành Dược học, trình độ đại học	847/QĐ-DHN 05/11/2021	ĐBCL&KT	
TC14.02.04	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Hóa dược, trình độ Thạc sỹ	/QĐ-DHN	ĐBCL&KT	
TC.14.02.05	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Quản lý Kinh tế dược, Dược lý – Dược lâm sàng, trình độ Thạc sỹ ứng dụng	/QĐ-DHN	ĐBCL&KT	
TC.14.02.06	QĐ ban hành Quy định chuẩn tiếng Anh đầu ra tại Trường Đại học Dược Hà Nội	738/QĐ-DHN ngày 18/9/2020	ĐBCL&KT	
TC.14.02.07	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học, trình độ Đại học	852/QĐ-DHN 05/11/2021	ĐBCL&KT	
	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Hóa Dược, trình độ Đại học	673/QĐ-DHN ngày 09/7/2019	ĐBCL&KT	
TC.14.02.08	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra 06 CTĐT, trình độ Thạc sỹ	848/QĐ-DHN 05/11/2021	ĐBCL&KT	
	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra 02 CTĐT DSCKI	850/QĐ-DHN 05/11/2021	ĐBCL&KT	
	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra 02 CTĐT DSCKII	851/QĐ-DHN 05/11/2021	ĐBCL&KT	
	QĐ v/v ban hành Chuẩn đầu ra 07 CTĐT ngành Dược học, trình độ tiến sỹ.	849/QĐ-DHN 05/11/2021	ĐBCL&KT	
TC.14.02.09	Đường link công bố chuẩn đầu ra của Trường: http://hu.edu.vn/cpbdv/pktvkdcl/noidung/List/smmtp/View_Detail.aspx	17/4/2022	ĐBCL&KT	
TC.14.02.10	QĐ thành lập Ban rà soát, sửa đổi và Tổ soạn thảo Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo ngành Dược học, trình độ đại học và sau đại học.	14/QĐ-DHN 07/01/2020	ĐBCL&KT	
	Kế hoạch rà soát, xây dựng các chuẩn đầu ra giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	
	Các quyết định thành lập các Ban xây dựng, rà soát và các tổ soạn thảo CDR	2017-2022	ĐBCL&KT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thông báo kết luận cuộc họp thống nhất cách thức xây dựng CĐR học phần	290/TB-DHN ngày 30/6/2021	ĐBCL&KT	
TC14.02.11	Hồ sơ xây dựng, rà soát các CĐR giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	Lưu tại ĐBCL &KT
TC14.02.12	Quy trình xây dựng CĐR CTĐT	2020	ĐBCL&KT	
TC.14.02.13	Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ sinh học	2020	ĐBCL&KT	
	Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Hóa học	2020	ĐBCL&KT	
	Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Dược học CLC	2020	ĐBCL&KT	
	Báo cáo khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Hóa dược, trình độ Thạc sỹ	2020	ĐBCL&KT	
TC.14.02.14	Biên bản thông qua HĐ KH&ĐT các CĐR giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.14.02.15	Danh mục và hồ sơ các lớp đào tạo về giáo dục của Trường	2017-2022	ĐT, SDH	
	Thống kê danh mục các viên chức được cử tham gia các lớp đào tạo về giáo dục	2017-2022	ĐT, SDH	
TC.14.02.16	Công văn rà soát CTCT hàng năm của Đt và SDH	2017-2022	ĐT, SDH	
TC.14.02.17	Biên bản thông qua CTCT của các bộ môn hàng năm	2017-2022	ĐT, SDH	
TC.14.02.18	Ma trận đóng góp CĐR của các học phần vào CĐR của CTĐT	Tất cả các CTĐT	ĐH, SDH	
TC.14.02.19	Công văn hướng dẫn hoàn thiện đề cương chi tiết hP theo quy định của nhà trường và Công văn hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra học phần		ĐT, SDH, ĐBCL&KT	

Tiêu chí 14.3:

Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CĐR

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.14.03.01	Các quyền CTCT ĐT đại học và SDH các năm			
	Quyền chương trình đào tạo đại học năm 2017	2017	ĐT	

	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2018	2018	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2019	2019	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2020	2020	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2021	2021	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2017	2017	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2018	2018	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2019	2019	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2020	2020	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2021	2021	ĐT	
TC.14.03.02	Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội	112/QĐ-DHN ngày 09/03/2022	ĐT	
TC.14.03.03	Quy trình Sửa đổi, bổ sung đề cương chi tiết môn học, học phần	MÃ SỐ: QT. ĐT. 06	ĐT	
TC.14.03.04	Thông báo kết luận của các cuộc họp thông qua CTCT			
	TB 287/TB-DHN Kết luận của các cuộc họp thông qua chương trình chi tiết đại học hệ chính quy năm học 2018-2019	287/TB-DHN ngày 03/8/2018	ĐT	
	TB 200/TB-DHN ngày 05/6/2019 kết luận thông qua các đề nghị điều chỉnh chương trình chi tiết một số học phần giảng dạy hệ đại học chính quy năm học 2019-2020 của các bộ môn	200/TB-DHN ngày 05/06/2019	ĐT	
	BB 441/TB-DHN ngày 09/9/2021 kết luận của cuộc họp về rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần năm học 2021-2022	441/TB-DHN ngày 09/09/2021	ĐT	

TC.14.03.05	Ma trận tương quan giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	2017-2021	ĐT	
TC.14.03.06	Mẫu đề cương chi tiết môn học	2017-2021	ĐT	
TC.14.03.07	Kế hoạch giảng dạy, học tập năm học 2017-2018 - đến năm học 2021-2022 (toàn trường)			
	Kế hoạch giảng dạy, học tập năm học 2018-2019	2018	ĐT	
	Kế hoạch giảng dạy, học tập năm học 2019-2020	2019	ĐT	
	Kế hoạch giảng dạy, học tập năm học 2020-2021	2020	ĐT	
	Kế hoạch giảng dạy, học tập năm học 2021-2022	2021	ĐT	
TC.14.03.08	Kế hoạch giảng dạy, học tập từng khóa/lớp từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 (trình độ đại học)			
	Kế hoạch giảng dạy, học tập từng khóa/lớp năm học 2017-2018 - (trình độ đại học)	2017	ĐT	
	Kế hoạch giảng dạy, học tập từng khóa/lớp năm học 2018-2019 - (trình độ đại học)	2018	ĐT	
	Kế hoạch giảng dạy, học tập từng khóa/lớp năm học 2019-2020 - (trình độ đại học)	2019	ĐT	
	Kế hoạch giảng dạy, học tập từng khóa/lớp năm học 2020-2021 - (trình độ đại học)	2020	ĐT	
	Kế hoạch giảng dạy, học tập từng khóa/lớp năm học 2021-2022 - (trình độ đại học)	2021	ĐT	
TC.14.03.09	Tiến trình giảng dạy từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 - theo bộ môn (trình độ đại học)			
	Tiến trình giảng dạy học kỳ 1, năm học 2017-2018 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2017	ĐT	
	Tiến trình giảng dạy học kỳ 2, năm học 2017-2018 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2018	ĐT	

	Tiến trình giảng dạy học kỳ 1, năm học 2018-2019 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2018	ĐT	
	Tiến trình giảng dạy học kỳ 2, năm học 2018-2019 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2019	ĐT	
	Tiến trình giảng dạy học kỳ 1, năm học 2019-2020 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2019	ĐT	
	Tiến trình giảng dạy học kỳ 2, năm học 2019-2020 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2020	ĐT	
	Tiến trình giảng dạy học kỳ 1, năm học 2020-2021 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2020	ĐT	
	Tiến trình giảng dạy học kỳ 2, năm học 2020-2021 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2021	ĐT	
	Tiến trình giảng dạy học kỳ 1, năm học 2021-2022 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2021	ĐT	
	Tiến trình giảng dạy học kỳ 2, năm học 2021-2022 - theo bộ môn (trình độ đại học)	2022	ĐT	
TC.14.03.10	Tiến trình và thời khóa biểu các năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 - theo khóa lớp (trình độ đại học)			
	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 1, năm học 2017-2018 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2017	ĐT	
	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 2, năm học 2017-2018 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2018	ĐT	
	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 1, năm học 2018-2019 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2018	ĐT	
	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 2, năm học 2018-2019 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2019	ĐT	
	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 1, năm học 2019-2020 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2019	ĐT	

	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 2, năm học 2019-2020 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2020	ĐT	
	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 1, năm học 2020-2021 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2020	ĐT	
	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 2, năm học 2020-2021 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2021	ĐT	
	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 1, năm học 2021-2022 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2021	ĐT	
	Tiến trình và thời khóa biểu học kỳ 2, năm học 2021-2022 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2022	ĐT	
TC.14.03.11	Phân công giảng dạy hàng năm của các bộ môn			
	Phân công giảng dạy học kỳ 1, năm học 2017-2018 của các bộ môn	2017	BM	
	Phân công giảng dạy học kỳ 2, năm học 2017-2018 của các bộ môn	2018	BM	
	Phân công giảng dạy học kỳ 1, năm học 2018-2019 của các bộ môn	2018	BM	
	Phân công giảng dạy học kỳ 2, năm học 2018-2019 của các bộ môn	2019	BM	
	Phân công giảng dạy học kỳ 1, năm học 2019-2020 của các bộ môn	2019	BM	
	Phân công giảng dạy học kỳ 2, năm học 2019-2020 của các bộ môn	2020	BM	
	Phân công giảng dạy học kỳ 1, năm học 2020-2021 của các bộ môn	2020	BM	
	Phân công giảng dạy học kỳ 2, năm học 2020-2021 của các bộ môn	2021	BM	
	Phân công giảng dạy học kỳ 1, năm học 2021-2022 của các bộ môn	2021	BM	

	Phân công giảng dạy học kỳ 2, năm học 2021-2022 của các bộ môn	2022	BM	
TC.14.03.12	Thông báo điều chỉnh lịch học, lịch thi đối phó với dịch COVID 19	2019-2021	ĐT	
TC.14.03.13	Kế hoạch thanh tra đào tạo 2017-2021	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.14.03.14	Hồ sơ, hợp đồng, thanh lý HĐ giảng viên thỉnh giảng các năm học	2017-2021	ĐT	
TC.14.03.15	Website trường	2017-2021	BP.CNTT	
TC.14.03.16	Phần mềm Unisoft	2017-2021	BP.CNTT	
TC.14.03.17	Quyển Những điều cần biết đối với sinh viên các năm 2017-2021	2017-2021	QLSV	
TC.14.03.18	Thông báo về việc tổ chức đón tiếp sinh viên trúng tuyển làm thủ tục nhập học tập năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022	2017-2021	QLSV	
TC.14.03.19	Kế hoạch và nội dung tuần sinh hoạt công dân, chương trình gặp gỡ/đón tiếp NH mới nhập học (năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2021	ĐT, QLSV	
TC.14.03.20	Slide mở đầu giới thiệu môn học của một số học phần			
TC.14.03.21	Các đường link trang thông tin về công tác đào tạo	http://daotao.hup.edu.vn http://hup.edu.vn	BP. CNTT	
TC.14.03.22	Thông báo đăng ký cơ sở thực tế	2017-2021	ĐT	
TC.14.03.23	Biên bản Ký MOU với các cơ sở thực hành	2017-2021	HTQT	
TC.14.03.24	Danh sách sinh viên, nội dung thực tế tại từng cơ sở theo từng năm học	2017-2021	ĐT	
TC.14.03.25	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	Hàng kì	ĐBCL&KT	

	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi từ học viên trước tốt nghiệp về khóa học tại trường	2020-2022	ĐBCL&KT	
	Khảo sát thực trạng việc làm và phản hồi về chất lượng đào tạo từ cựu sinh viên tốt nghiệp (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	Hàng năm	ĐBCL&KT	
	Báo cáo khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp	Hàng năm	ĐBCL&KT	
	Kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy của các học phần (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	Hàng năm	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 14.4:

Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.14.04.01	Thông báo rà soát CTCT ngành Dược học từng năm học	207/DHN- SDH ngày 22/4/2020 414/DHN-SĐH ngày 05/7/2021	ĐT	
TC.14.04.02	Biên bản họp của các bộ môn về điều chỉnh CTCT Dược học các năm học	BB họp các BM năm 208-2019, 2020 và 2021	BM	
TC.14.04.03	Kế hoạch rà soát chéo các bộ môn năm 2018	636/DHN-SĐH ngày 26/10/2018	ĐT	
	Biên bản họp các buổi họp rà soát chéo các bộ môn năm 2018	473,474/BB-DHN ngày 26/11/2018 457/BB-DHN ngày 13/11/2018 483/BB-DHN ngày 30/11/2018	ĐT	
TC.14.04.04	So sánh thay đổi chương trình năm học 2017-2018 so với năm học 2016-2017	2017-2021	ĐT	
	Bảng so sánh CT năm 18.19 với năm 17.18	2017	ĐT	
	Bảng so sánh CT năm 19.20 với năm 18.19	2018	ĐT	
	Bảng so sánh CT năm 20.21 với năm 19.20	2019	ĐT	

	Bảng so sánh CT năm 21.22 với năm 20.21	2020	ĐT	
	Biên bản họp về việc rà soát các quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học	2017-2021	ĐT	
TC.14.04.05	Biên bản hội nghị cán bộ chủ chốt	2017-2021	TC-HC	
TC.14.04.06	Biên bản hội nghị VCNLD	2017-2021	TC-HC	
TC.14.04.07	Biên bản hội nghị giao ban đào tạo	2017-2021	ĐT	
TC.14.04.08	Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm	2017-2021	ĐU	
TC.14.04.09	Nghị quyết Đảng ủy chỉ đạo về công tác chuyên môn	2017-2021	TC-HC	
TC.14.04.10	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội	112/QĐ-DHN ngày 09/03/2022	ĐT	
TC.14.04.11	Biên bản họp của HĐKH thông qua chương trình Dược học các năm	231/BB-DHN ngày 20/6/2019 378/BB-DHN ngày 27/8/2020	ĐT	
TC.14.04.12	Biên bản Họp giao ban đào tạo	2017-2021	ĐT	
TC.14.04.13	Hội thảo Quốc tế: Đào tạo và hành nghề Dược – hiện tại và tương lai	2017-2021	HTQT	
TC.14.04.14	Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo	249/BB-DHN ngày 10/7/2018	ĐT	
TC.14.04.15	Quyết định giao đề tài Khóa luận tốt nghiệp và phân công cán bộ hướng dẫn	2017-2021	ĐT	
TC.14.04.16	Kết luận của các cuộc họp thông qua chương trình chi tiết Đại học hệ chính quy năm học 2018-2019	287/TB-DHN ngày 03/8/2018	ĐT	
TC.14.04.17	Giấy mời vv Hội thảo trong nước về “Xây dựng Chuẩn chương trình đào tạo Dược đáp ứng chuẩn năng lực dược sĩ Việt Nam”	124/DHN- HTQT ngày 18/3/2022	HTQT	
TC.14.04.18	Biên bản Hội thảo “Xây dựng chuẩn chương trình đào tạo dược sỹ đáp ứng chuẩn năng lực dược sỹ Việt Nam tháng 3-2022	167/BB-DHN ngày 08/4/2022	ĐT	

Tiêu chí 14.5:

Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.14.05.01	Các văn bản pháp lý là căn cứ của quá trình rà soát, điều chỉnh quy trình thiết kế, rà soát CTĐT và hoạt động rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo	2015-2021	Bộ GD&ĐT Bộ Y tế	
	Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	07/2015/TT-BGDĐT 16/04/2015	17/2015/T T- Bộ GD&ĐT	
	Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/6/2017 Ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học	22/2017/TT-BGDĐT 06/06/2017	Bộ GD&ĐT	
	Thông tư 23/2018/ TT-BGDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông	23/2018/ TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	
	Thông tư 30/2020/ TT-BGDĐT về việc bãi bỏ hiệu lực của một số văn bản pháp lý do BGDĐT ban hành.	30/2020/ TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	
	Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sĩ VN	4815/QĐ-BYT ngày 15/10/2019	Bộ Y tế.	
	Nghị định 99/2019/NĐ-CP về hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục Đại học	99/2019/NĐ-CP	TT CP	
	Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Quy định về chuẩn chương trình ĐT xây dựng thẩm định và ban hành chương trình ĐT các trình độ	17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021	Bộ GD&ĐT	
	Quyết định số 4018/QĐ-BYT ngày 18/9/2020 của Bộ Y tế giao nhiệm vụ cho Trường xây dựng Chuẩn Chương trình đào tạo Dược sĩ	4018/QĐ-BYT ngày 18/9/2020	Bộ Y tế.	
TC.14.05.02	Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dược Hà Nội	880/QĐ-DHN ngày 26/10/2017	ĐT	
	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dược Hà Nội	850/QĐ-DHN ngày 08/10/2020	ĐT	

	Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội	702/QĐ-DHN ngày 16/9/2021	ĐT	
TC.14.05.03	Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2014	1142/QĐ-DHN ngày 15/12/2014	SĐH	
	Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021	768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC.14.05.04	Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2017	466/QĐ-DHN ngày 30/6/2017	SĐH	
	Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2021	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SĐH	
TC.14.05.05	Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội	112/QĐ-DHN ngày 09/03/2022	ĐT	
TC.14.05.06	Hồ sơ quá trình rà soát CTĐT từng năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022	2018-2022	ĐT	
TC.14.05.07	CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu NH về chương trình dạy học, phương pháp và quy trình thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổ chức các hoạt động dạy học.	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.14.05.08	Quyển chương trình chi tiết ngành Dược học trình độ đại học năm 2017	2017	ĐT	
	Quyển chương trình chi tiết ngành Dược học trình độ đại học năm 2018	2018	ĐT	
	Quyển chương trình chi tiết ngành Dược học trình độ đại học năm 2019	2019	ĐT	
	Quyển chương trình chi tiết ngành Dược học trình độ đại học năm 2020	2020	ĐT	
	Quyển chương trình chi tiết ngành Dược học trình độ đại học năm 2021	2021	ĐT	
	Quyển chương trình chi tiết ngành Hóa dược trình độ đại học năm 2020	2020	ĐT	
	Quyển chương trình chi tiết ngành Hóa dược trình độ đại học năm 2021	2021	ĐT	
	Quyển chương trình chi tiết ngành Hóa học trình độ đại học năm 2021	2021	ĐT	
	Quyển chương trình chi tiết ngành CNSH trình độ đại học năm 2021	2021	ĐT	

	Quyển chương trình chi tiết ngành Dược học - chất lượng cao trình độ đại học năm 2021	2021	ĐT	
TC.14.05.09	Thông báo rà soát CTCT ngành Dược học từng năm học	2017-2021	ĐT	
	Kế hoạch rà soát chéo các bộ môn năm 2018	2017-2021	ĐT	
	Biên bản họp các buổi họp rà soát chéo các bộ môn năm 2018	2017-2021	ĐT	
TC.14.05.10	Bảng so sánh khung chương trình năm 2021 với 3 trường Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Y Dược Huế, Y Dược Quốc gia	2017-2021	ĐT	
	Bảng so sánh các học phần ngành Hóa dược với Đại học Quốc gia HN, Trường Đại học Bách Khoa	2017-2021	ĐT	
TC.14.05.11	Bảng so sánh các học phần ngành Dược học - CT CLC - với Đại học Mahidol	2017-2021	ĐT	
TC.14.05.12	Bảng đối sánh chương trình đào tạo Dược sĩ với Đại học Sydney - Úc	2021	ĐT	

Tiêu chuẩn 15:

Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1:

Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.15.01.01	Thành lập Ban chỉ đạo và tổ soạn thảo rà soát sửa đổi bổ sung xây dựng "Sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, văn hóa, mục tiêu, giá trị cốt lõi	926-QĐ/DHN ngày 29/8/2018	TC-HC	
	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Tổ soạn thảo xây dựng Chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và mô hình Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	870/QĐ-DHN ngày 12/10/2020	TC-HC	
	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường ĐHDHN (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
TC.15.01.02	Triết lý giáo dục trên website	Hình ảnh website	CNTT	
	Tuyên bố triết lý giáo dục (trong Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045).	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.15.01.03	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN	850/QĐ-DHN ngày 8/10/2020	ĐT	
	Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SĐH	
	Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS	768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
	Những điều cần biết đối với sinh viên	Năm 2018, 2019, 2020, 2021	QLSV	
TC.15.01.04	Biên bản họp thông qua Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo ngành Dược, trình độ đại học và các ngành đào tạo trình độ sau đại học	594/BB-DHN ngày 04/11/2021	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ đại học	852/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Hóa Dược, trình độ đại học	673/QĐ-DHN ngày 09/7/2019	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Hóa học, trình độ đại học	818/QĐ-DHN ngày 02/10/2020	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Công nghệ sinh học, trình độ đại học	819/QĐ-DHN ngày 02/10/2020	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT, trình độ thạc sĩ	848/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT, trình độ tiến sĩ	849/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	ĐBCL&KT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Ma trận liên kết giữa CDR và nội dung học phần dược học		ĐT	
	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội	112/QĐ-DHN ngày 09/03/2022	ĐT	
TC.15.01.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Dược trình độ đại học năm 2017	454/QĐ-DHN ngày 23/6/2017	ĐT	
	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Dược trình độ đại học năm 2018	827/QĐ-DHN ngày 26/7/2018	ĐT	
	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Dược trình độ đại học năm 2019	727/QĐ-DHN ngày 24/7/2019	ĐT	
	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Dược trình độ đại học năm 2020	450/QĐ-DHN ngày 23/6/2020	ĐT	
	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Dược trình độ đại học năm 2021	505/QĐ-DHN ngày 21/7/2021	ĐT	
	QĐ ban hành CTĐT Hóa Dược ĐH	1311/QĐ-DHN ngày 26/11/2021	ĐT	
	QĐ ban hành CTĐT Hóa học 2021	42/QĐ-DHN ngày 26/01/2021	ĐT	
	QĐ ban hành CTĐT CNSH 2021	41/QĐ-DHN ngày 26/01/2021	ĐT	
	Quyết định Ban hành Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Dược học, trình độ Đại học	1065/QĐ-DHN ngày 31/12/2021	ĐT	
TC.15.01.06	QĐ ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ 2014, 2017, 2020, 2021	- 1143/QĐ-DHN ngày 15/12/2014 - 476/QĐ-DHN ngày 30/06/2017 - 805/QĐ-DHN ngày 30/9/2020	SĐH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		- 771/QĐ-DHN ngày 15/10/2021		
	QĐ ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ 2014, 2017, 2020, 2021	- 1144/QĐ-DHN ngày 15/12/2014 - 475/QĐ-DHN ngày 30/06/2017 - 804/QĐ-DHN ngày 30/9/2020 - 770/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC.15.01.07	Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	880/QĐ-DHN Ngày 26/10/2017	ĐT	
	Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (sửa đổi)	850/QĐ-DHN 08/10/2020	ĐT	
	Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội	702/QĐ-DHN 16/9/2021	ĐT	
	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ	768/QĐ-DHN ngày 15/12/2014	SĐH	
	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ	1142/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC.15.01.08	Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ	466/QĐ-DHN ngày 30/6/2017	SĐH	
	Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SĐH	
TC.15.01.09	Xây dựng chương trình đào tạo Thạc sỹ Hóa Dược	2021	SĐH	File MC
TC.15.01.10	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2017	2017	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2018	2018	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2019	2019	ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2020	2020	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2021	2021	ĐT	
TC.15.01.11	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2018	2017	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2019	2018	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2020	2019	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2021	2020	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2021	2021	SĐH	
TC.15.01.12	Tập huấn phát triển phương pháp dạy học, CTĐT	2017 - 2021	TC-HC	File MC
TC.15.01.13	Biên bản họp của các bộ môn về điều chỉnh CHT các năm học	2017-2021	Các Bộ môn	
	Biên bản họp của HĐKH thông qua chương trình các năm	- 205/BB-DHN ngày 03/08/2017 - 318/BB-DHN ngày 08/11/2017 - 249/BB-DHN ngày 10/07/2018 - 325/BB-DHN ngày 23/08/2019 - 251/BB-DHN ngày 09/06/2021 - 311/BB-DHN ngày 24/06/2022	ĐT	
TC.15.01.14	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược và kế hoạch đào tạo của Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	620/BC-DHN ngày 31/12/2020	ĐT	
	TB 287/TB-DHN Kết luận của các cuộc họp thông qua chương trình chi tiết đại học hệ chính quy năm học 2018-2019	287/TB-DHN ngày 03/08/2018	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	TB 102/TB-DHN ngày 23/3/2018 kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 2, năm học 2017-2018	102/TB-DHN ngày 23/03/2018	TC-HC	
	TB 121/DHN-ĐT ngày 08/3/2018 về việc rà soát, chỉnh sửa CTH các học phần phục vụ năm học 2018-2019	121/DHN-ĐT ngày 08/03/2018	ĐT	
	TB 198/DHN-ĐT ngày 15/4/2020 về việc rà soát, chỉnh sửa CTH các học phần phục vụ năm học 2020-2021	198/DHN-ĐT ngày 15/04/2020	ĐT	
	TB 387/DHN-ĐT ngày 28/6/2021 về việc rà soát, chỉnh sửa CTH các học phần phục vụ năm học 2021-2022	387/DHN-ĐT ngày 28/06/2021	ĐT	
TC.15.01.15	Các văn bản của BGĐĐT Hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy và học, kết thúc năm học và tuyển sinh trong thời gian dịch COVID-19	2019-2021	TC-HC	File MC
	Quy định Quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến của Trường Đại học Dược Hà Nội	302/QĐ-DHN ngày 7/5/2020	ĐT	
	Biên bản họp xây dựng Đề án tuyển sinh đáp ứng diễn biến dịch COVID-19	180/BB-DHN ngày 28/04/2020	ĐT	
	Các văn bản của Trường về điều chỉnh hoạt động dạy và học trong thời gian dịch COVID-19	2019-2021	ĐT	File MC
	Các văn bản của Trường về tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến	609/DHN-ĐBCL&KT ngày 13/9/2021	ĐBCL&KT	
	Các văn bản của Trường về bảo vệ tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến	2019-2021	ĐT	File MC
TC.15.01.16	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022	436/BC-DHN ngày 06/09/2021	SĐH	
	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022	58/BC-DHN ngày 25/01/2022	SĐH	

Tiêu chí 15.2:

Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.15.02.01	Đề án vị trí việc làm 2015 Bộ y tế phê duyệt đến 2020	864/TTr-DHN ngày 26/11/2015	Trường Đại học Dược Hà Nội	
TC.15.02.02	Các NQ của ĐU về công tác nhân sự	2017-2022	Đảng ủy Trường Đại học Dược Hà Nội	
TC.15.02.03	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, quy hoạch cán bộ quản lý đơn vị giai đoạn 2015-2020;	30/QĐ-DHN ngày 11/01/2017	TCCB/HC-TCCB	
TC.15.02.04	Chiến lược Nhân sự của Trường Đại học Dược Hà Nội GD 2021-2025	297 QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TCCB/HC-TCCB	
	Báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển NLYT giai đoạn 2012-2020	617/DHN-H-HC ngày 14/9/2021	TCCB/HC-TCCB	
	Quy trình tuyển dụng giảng viên ĐH Dược Hà Nội		TCCB/HC-TCCB	
	Tuyển dụng viên chức năm 2017, 2018, 2019	383 KH-DHN ngày 25/9/2019 452 TB-DHN ngày 23/10/2019	TCCB/HC-TCCB	
	Quyết định về việc ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường Đại học Dược Hà Nội	598/QĐ-DHN ngày 22/12/2009	TCCB	
	Quyết định ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.15.02.05	Ban hành Quy chế đánh giá xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức người lao động	705 QĐ-DHN ngày 21/9/2021	TC-HC	
	Ban hành Quy Chế Thi đua khen thưởng	895/QĐ-DHN ngày 5/9/2021	TC-HC	
	Quy định về nâng bậc lương	43/QĐ-DHN ngày 20/01/2017	TC-HC	
	Quy chế đào tạo, bồi dưỡng	794/QĐ-DHN ngày 07/8/2019	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường	2017-2022	TCKT	
	Quy định định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	119/QĐ-DHN ngày 31/10/2019 96/QĐ-DHN ngày 22/02/2021	TC-HC	
	Quyết định về việc kéo dài thời gian làm công tác chuyên môn	383/QĐ-DHN ngày 31/05/2021	TC-HC	
TC.15.02.06	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018	65/DHN-HCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2019	53/KH-DHN ngày 19/2/2019	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2020	85/KH-DHN ngày 28/2/2020	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021	234/KH-DHN 28/5/2021	TC-HC	
TC.15.02.06	Sổ theo dõi đào tạo, bồi dưỡng	Lưu tại Phòng Tổ chức-Hành chính	TC-HC	
	- Báo cáo kết quả phản hồi của viên chức, người lao động về hoạt động quản lý, bồi dưỡng phát triển Nguồn nhân lực của trường (tháng 6/2021) - Báo cáo kết quả phản hồi của viên chức, người lao động về hoạt động quản lý, bồi dưỡng phát triển Nguồn nhân lực của trường (tháng 9/2022)	30/7/2021 15/9/2022	ĐBCL&KT	
TC.15.02.07	Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng CB-CCVC 2019	19 DHN-HCB ngày 13/1/2020	TC-HC	
	Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng CB-CCVC 2020, 2021		TC-HC	
TC.15.02.08	Thông báo các hoạt động và tập huấn về ĐBCL - Xây dựng phát triển chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong. - Xây dựng chương trình đào tạo dựa trên chuẩn năng lực.	- 437/DHN-KT&KĐCL ngày 03/8/2018 - 1181/QĐ-DHN ngày 05/10/2018 - Ảnh buổi tọa đàm và slide buổi tọa đàm của GS. TS. Đặng Ứng Vận	ĐBCL&KT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		- 113/DHN-KT&KĐCL ngày 02/3/2018 - 381/BB-DHN ngày 28/8/2020		
	Thông báo các khóa học nâng cao năng lực tiếng Anh, trình độ công nghệ thông tin, tập huấn sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy	2017-2022	QLKH, SDH	
	Thông báo các buổi hội thảo khoa học, các buổi nói chuyện chuyên đề	2017-2022	QLKH	
	Thông báo các đào tạo sử dụng phần mềm Moodle và lớp học E-learning	2017-2022	SDH	
TC.15.02.09	Phê duyệt Chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp trường	881/QĐ-DHN ngày 14/10/2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	
	Thưởng cho bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài NCKH cấp trường	107/TB-DHN ngày 28/03/2018	TC-HC	
	Quy định tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh	908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021	TC-HC	
	Quyết định Công nhận nhóm nghiên cứu mạnh của Trường Đại học Dược Hà Nội	350/QĐ-DHN ngày 24/05/2021	TC-HC	
	Quyết định Công nhận nhóm nghiên cứu mạnh của Trường Đại học Dược Hà Nội	351/QĐ-DHN ngày 24/05/2021	TC-HC	
TC.15.02.10	Thời khóa biểu các năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 - theo khóa lớp (trình độ đại học)	2017-2022	ĐT	
	Kế hoạch giảng dạy, học tập năm học 2017-2018 - đến năm học 2021-2022 theo khóa (trình độ đại học)		ĐT	
	Tiến trình giảng dạy từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 - theo bộ môn (trình độ đại học)		ĐT	
	Kế hoạch giảng dạy, học tập năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 (trình độ sau đại học)		SDH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Phân công giảng dạy hàng năm của các bộ môn gửi phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, phòng Đào tạo		ĐBCL&KT	

Tiêu chí 15.3:

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CDR.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.15.03.01	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2017	2017	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2018	2018	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2019	2019	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2020	2020	ĐT	
	Quyển chương trình đào tạo đại học năm 2021	2021	ĐT	
TC.15.03.02	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2017	2017	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2018	2018	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2019	2019	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2020	2020	SĐH	
	Quyển chương trình đào tạo sau đại học năm 2021	2021	SĐH	
TC.15.03.03	Danh mục giảng đường, thực hành, thí nghiệm, thực hành máy tính và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập	2017-2021	QLCSVC	
TC.15.03.04	Thống kê MOU giai đoạn từ năm 2017 -2021	2017-2021	HTQT	
TC.15.03.05	Kế hoạch thực tế năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 (đại học và sau đại học)	2017-2021	ĐT, SĐH	
TC.15.03.06	Thông báo về việc tổ chức đón tiếp sinh viên trúng tuyển làm thủ tục	2017-2021	ĐT, SĐH QLSV	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	nhập học tập năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022			
	Kế hoạch và nội dung tuần sinh hoạt công dân, chương trình gặp gỡ/đón tiếp NH mới nhập học (năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2021	QLSV	
TC.15.03.07	Thống kê MOU trong nước 2017-2022 và các biên bản MOU ký với các đối tác	2017-2021	HTQT	
TC.15.03.08	Thông báo về việc hội nghị nghiên cứu khoa học năm 2017-2022	230/TB-DHN ngày 17/05/2022	QLKH	
	Thông báo Giải thưởng Khoa học và Công nghệ dành cho sinh viên năm 2020, 2021, 2022	213/TB-DHN ngày 09/05/2022	QLKH	
	Thống kê hoạt động hội thảo, tọa đàm khoa học có sự tham gia của chuyên gia nước ngoài	2017-2021	HTQT	
TC.15.03.09	Quy định về Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Dược Hà Nội	484/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.15.03.10	Các quyết định bổ nhiệm Ban chủ nhiệm các câu lạc bộ trong Trường	2017-2021	QLSV	
TC.15.03.11	Các hoạt động tình nguyện của Đoàn thanh niên	2017-2021	QLSV	File MC
TC.15.03.12	Kế hoạch hợp tác và trao đổi sinh viên	2017-2021	HTQT, QLSV	
TC.15.03.13	Thống kê đoàn vào giai đoạn 2017-2022	2017-2021	HTQT	
TC.15.03.14	Thống kê đoàn ra giai đoạn 2017-2022	2017-2021	HTQT	
TC.15.03.15	Thống kê sinh viên trao đổi giai đoạn 2017-2022	2017-2021	HTQT	
TC.15.03.16	Thống kê dự án, chương trình hợp tác 2017-2022	2017-2021	HTQT	
TC.15.03.17	Hoạt động giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm của sinh viên với các đối tác nước ngoài	2017-2021	HTQT	File MC
TC.15.03.18	Hội thảo về Dược lâm sàng	2017-2021	HTQT	File MC

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.15.03.19	Quyết định bổ nhiệm cán sự Câu lạc bộ Ngoại Ngữ	58/QĐ-ĐTN ngày 09/8/2021	QLSV	
TC.15.03.20	Kế hoạch hoạt động Đoàn thanh niên – Hội sinh viên hàng năm	2017-2021	QLSV	File MC
TC.15.03.21	Biên bản họp đề án Hội nhập	2017-2021	HTQT	File MC
TC.15.03.22	Chương trình chi tiết các môn học/học phần	2017-2021	ĐT	File MC
TC.15.03.23	Tổ chức tập huấn vv phát triển phương pháp giảng dạy hiện đại	2017-2021	TC-HC	File MC
TC.15.03.24	Thông báo triển khai kế hoạch học tập trong tình hình dịch Covid-19	2017-2021	ĐT	File MC
TC.15.03.25	Quy định Quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến của Trường Đại học Dược Hà Nội	302/QĐ-DHN ngày 07/5/2020	ĐT	File MC
TC.15.03.26	Hướng dẫn bộ coi thi trực tuyến Hướng dẫn SV/HV thi trực tuyến	497/HD-DHN Ngày 4/10/2021 498/HD-DHN Ngày 4/10/2021	ĐBCL&KT	
TC.15.03.27	Quy trình chấm thi khóa luận tốt nghiệp trình độ đại học theo hình thức trực tuyến năm 2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội	374/QĐ-DHN ngày 31/5/2021	ĐT	File MC
TC.15.03.28	Biên bản họp rút kinh nghiệm trong công tác tổ chức các lớp học trực tuyến và tổ chức thi trực tuyến	2019-2021	ĐBCL&KT	File MC

Tiêu chí 15.4:

Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.15.04.01	TL Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2021-2022;	593/QĐ-DHN ngày 16/8/2021	TC-HC	
	Thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2020-2021;	608/QĐ-DHN ngày 10/8/2020	TC-HC	
	Điều chỉnh thành viên Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục	136/QĐ-DHN ngày 10/3/2020	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	Thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục	773/QĐ-DHN ngày 05/8/2019	TC-HC	
TC.15.04.02	Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	296/QĐ-DNH ngày 29/4/2021	ĐBCL&K T	
TC.15.04.03	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giai đoạn 2018-2019	343/KH-DHN ngày 30/8/2018	ĐBCL&K T	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giai đoạn 2019-2020	438 /KH-DHN ngày 15/10/2019	ĐBCL&K T	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giai đoạn 2020-2021	397/KH-DHN ngày 28/8/2020	ĐBCL&K T	
	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025	417/KH-DHN ngày 30/8/2021	ĐBCL&K T	
	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo Đảm chất lượng giáo dục năm học 2019-2020.		ĐBCL&K T	
	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD của Trường, giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	591/BC-DHN ngày 10/12/2020	ĐBCL&K T	
	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2020-2021.	424/BC-DHN ngày 31/8/2021	ĐBCL&K T	
TC.15.04.05	Các quy định, hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan;	QT.ĐBCLKT.16 ngày 16/8 2021 QT.KT&KĐCL. 03 QT.KT&KĐCL. 04 QT.KT&KĐCL. 06 QT.KT&KĐCL. 07 QT.KT&KĐCL. 011	ĐBCL&K T	
TC.15.04.06	Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	Hàng kì	ĐBCL&K T	
TC.15.04.07	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi của người học về	Hàng kì	ĐBCL&K T	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	hoạt động giảng dạy của giảng viên (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)			
	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi từ học viên trước tốt nghiệp về khóa học tại trường		ĐBCL&KT	
TC.15.04.08	Báo cáo tổng kết của các bộ môn cuối năm học (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)		TC-HC	
TC.15.04.09	Khảo sát thực trạng việc làm và phản hồi về chất lượng đào tạo từ cựu sinh viên tốt nghiệp (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	Hàng năm	ĐBCL&KT	
TC.15.04.10	Báo cáo khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp 1 năm (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	Hàng năm	ĐBCL&KT	
TC.15.04.11	Kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học (theo học kỳ của từng học phần -BM xây dựng) (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	Từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL&KT Bộ môn	
TC.15.04.12	Kết quả khảo sát học phần về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá (từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021-2022)	Hàng kỳ	ĐBCL&KT	
TC.15.04.13	Kết quả học tập và rèn luyện của NH từ năm 2017-2022		QLSV	
TC.15.04.14	Hoạt động tiếp nhận các ý kiến đánh giá của sinh viên	Lịch làm việc (Kế hoạch tiếp sinh viên), Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại của đại diện các lớp sinh viên với Lãnh đạo nhà trường FB hội sinh viên, Đoàn thanh niên	QLSV	
TC.15.04.15	Tổ chức buổi trao đổi, chia sẻ thực hành tốt ĐBCLGD “Đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng	934/DHN-KT&KĐCL 31/12.2021		

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	chuẩn năng lực cơ bản của được sỹ Việt Nam”			
TC.15.04.16	Sổ Nhật ký phục vụ bạn đọc, sổ mượn TL, thống kê lượt truy cập trên website TV (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)		Thư viện	
	Dự trữ bổ sung tài liệu của Thư viện	Năm 2018, 2019, 2020, 2021	Thư viện	

Tiêu chí 15.5:

Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.15.05.01	Thành lập Ban chỉ đạo và tổ soạn thảo rà soát sửa đổi bổ sung xây dựng "Sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, văn hóa, mục tiêu, giá trị cốt lõi	926-QĐ/DHN ngày 29/8/2018	TC-HC	
	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Tổ soạn thảo xây dựng Chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và mô hình Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	870/QĐ-DHN ngày 12/10/2020	TC-HC	
	Nghị quyết thông qua chiến lược kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
	Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường ĐHDHN (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
TC.15.05.02	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược và kế hoạch của Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2023	620/BC-DHN ngày 31/12/2020	TC-HC	
TC.15.05.03	Công bố về triết lý giáo dục trên website	Hình ảnh và link webside	TC-HC	
TC.15.05.04	Biên bản họp của các bộ môn về điều chỉnh CTCT các năm học	2017-2021	Các bộ môn	

	Biên bản họp của HĐKH thông qua chương trình các năm	2017-2021	ĐT	
TC.15.05.05	Báo cáo đánh giá, rà soát thực hiện chiến lược và kế hoạch đào tạo của Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	620/BC-DHN ngày 31/12/2020	ĐT	
	Kết luận của các cuộc họp thông qua chương trình chi tiết đại học hệ chính quy năm học 2018-2019	287/TB-DHN	TC-HC	
	TB 102/TB-DHN ngày 23/3/2018 kết luận của buổi họp Giao ban đào tạo học kỳ 2, năm học 2017-2018	102/TB-DHN 23/03/2018	TC-HC	
	TB 121/DHN-ĐT ngày 08/3/2018 về việc rà soát, chỉnh sửa CTH các học phần phục vụ năm học 2018-2019	121/DHN-ĐT 08/03/2018	ĐT	
	TB 198/DHN-ĐT ngày 15/4/2020 về việc rà soát, chỉnh sửa CTH các học phần phục vụ năm học 2020-2021	198/DHN-ĐT 15/04/2020	ĐT	
	TB 387/DHN-ĐT ngày 28/6/2021 về việc rà soát, chỉnh sửa CTH các học phần phục vụ năm học 2021-2022	387/DHN-ĐT 28/06/2021	ĐT	
TC.15.05.06	Quyết định về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội	112/QĐ-DHN 09/03/2022	ĐT	
TC.15.05.07	Biên bản họp thông qua Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo ngành Dược, trình độ đại học và các ngành đào tạo trình độ sau đại học	Số 594/BB-DHN ngày 04/11/2021	ĐBCL&KT	
TC.15.05.08	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Dược học, trình độ đại học	852/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Hóa Dược, trình độ đại học	673/QĐ-DHN ngày 09/7/2019	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Hóa học, trình độ đại học	818/QĐ-DHN ngày 02/10/2020	ĐBCL&KT	

	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành đào tạo Công nghệ sinh học, trình độ đại học	819/QĐ-DHN ngày 02/10/2020	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT, trình độ thạc sĩ	848/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	ĐBCL&KT	
	Quyết định về việc ban hành Chuẩn đầu ra CTĐT, trình độ tiến sĩ	849/QĐ-DHN ngày 05/11/2021	ĐBCL&KT	
	Ma trận liên kết giữa CĐR và nội dung học phần được học		ĐT	
TC.15.05.09	Biên bản họp về lập đề án chương trình liên kết và Hội thảo quốc tế trực tuyến “đổi mới chương trình đào tạo được học bậc đại học”	144/BB-DHN ngày 25/3/2022	HTQT	
TC.15.05.10	Quy định về Chuẩn tiếng Anh đầu ra đối với sinh viên đại học hệ chính quy tốt nghiệp từ năm 2022	738/QĐ-DHN ngày 18/9/2020	ĐBCL&KT	
TC.15.05.11	Các văn bản của BGDDT Hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy và học, kết thúc năm học và tuyển sinh trong thời gian dịch COVID-19 tại các cơ sở giáo dục đại học	Theo từng văn bản	ĐT	
	Quy định Quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến của Trường Đại học Dược Hà Nội	302/QĐ-DHN ngày 7/5/2020	ĐT	
	Biên bản họp xây dựng Đề án tuyển sinh đáp ứng diễn biến dịch COVID-19	180/BB-DHN ngày 28/04/2020	ĐT	
	Các văn bản của Trường về điều chỉnh hoạt động dạy và học trong thời gian dịch COVID-19	2019-2021	ĐT	
	Các văn bản của Trường về tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến	609/DHN- ĐBCL&KT ngày 13/9/2021	ĐBCL&KT	
	Các văn bản của Trường về bảo vệ tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến	2019-2021	ĐT	

TC.15.05.12	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022	436/BC-DHN ngày 06/09/2021	SĐH	
	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022	58/BC-DHN ngày 25/01/2022	SĐH	
TC.15.05.13	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018	65/DHN-HCB ngày 31/01/2018	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2019	53/KH-DHN ngày 19/2/2019	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2020	85/KH-DHN ngày 28/2/2020	TC-HC	
	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm 2021	234/KH-DHN ngày 28/5/2021	TC-HC	
TC.15.05.14	Thông báo về các hoạt động và tập huấn về ĐBCL - Xây dựng phát triển chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong. - Xây dựng chương trình đào tạo dựa trên chuẩn năng lực.	- 437/DHN-KT&KĐCL ngày 03/8/2018 - 1181/QĐ-DHN ngày 05/10/2018 - Ảnh buổi tọa đàm và slide buổi tọa đàm của GS.TS.Đặng Ứng Vận - 113/DHN-KT&KĐCL ngày 02/3/2018 - 381/BB-DHN ngày 28/8/2020	ĐBCL&KT	
	Thông báo các khóa học nâng cao năng lực tiếng Anh, trình độ công nghệ thông tin, tập huấn sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy	2017-2021	QLKH, SDH	
	Thông báo các buổi hội thảo khoa học, các buổi nói chuyện chuyên đề	2017-2021	QLKH	
	Thông báo các đào tạo sử dụng phần mềm Moodle và lớp học E-learning	2017-2021	ĐT, SDH	

TC.15.05.15	Bảng tổng hợp tài liệu được đầu tư từ 2017-2021	2017-2021	Thư viện	
TC.15.05.16	Báo cáo Kết quả Khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp Khóa 71 hệ đại học chính quy về khóa học tại Trường	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	ĐBCL&KT	
TC.15.05.17	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.15.05.18	Khảo sát thực trạng việc làm và phản hồi về chất lượng đào tạo từ cựu sinh viên tốt nghiệp (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.15.05.19	Báo cáo khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp 1 năm (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.15.05.20	Kết quả khảo sát học phần về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.15.05.21	Báo cáo Kết quả phản hồi của giảng viên về một số lĩnh vực hoạt động của Nhà trường	29/7/2021	ĐBCL&KT	
TC.15.05.22	Lấy ý kiến rộng rãi dự thảo Chuẩn đầu ra trình độ đại học, sau đại học và các ngành đào tạo	717/DHN-ĐBCL&KT Ngày 26/10/2021	ĐBCL&KT	
TC.15.05.23	Sơ kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đề án dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2018-2020	557/DHN-BMNN ngày 23/8/2021	Bộ môn Ngoại ngữ	

Tiêu chuẩn 16

Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1:

Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

TC.16.01.01	Quy định ĐT đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN Sửa đổi Quy định đào đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN	880/QĐ-DHN ngày 26/10/2017 809/QĐ-DHN ngày 23/7/2018	ĐT	
TC.16.01.02	Quy định ĐT đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN năm 2020	850/QĐ-DHN ngày 08/10/2020	ĐT	
TC.16.01.03	Quy chế ĐT trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2021	702/QĐ-DHN ngày 16/9/2021	ĐT	
TC.16.01.04	Quy định về tổ chức và quản lý ĐT trình độ thạc sĩ dược học năm 2014	1142/QĐ-DHN ngày 15/12/2014	SĐH	
TC.16.01.05	Quy chế tuyển sinh và ĐT thạc sĩ năm 2021	768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC.16.01.06	Quy định về tuyển sinh và ĐT trình độ tiến sĩ dược học năm 2017	466/QĐ-DHN ngày 30/6/2017	SĐH	
TC.16.01.07	Quy định về tuyển sinh và ĐT trình độ tiến sĩ dược học năm 2021	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SĐH	
TC.16.01.08	Những điều cần biết đối với sinh viên từng năm học	2017-2021	QLSV	
TC.16.01.09	Đề án tuyển sinh ĐT trình độ đại học, sau đại học, chương trình chất lượng cao	2017-2021	ĐT SĐH	
TC.16.01.10	Phần mềm quản lý ĐT	2010-2021	ĐT,ĐBC L&KT,B PCNTT	
TC.16.01.11	Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường	1010/QĐ-DHN Ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.16.01.12	Đề cương chi tiết từng học phần Bảng ma trận mối quan hệ giữa CTĐT với CĐR của CTĐT Bảng ma trận mối quan hệ của nội dung học phần với mục tiêu/chuẩn đầu ra của học phần	2017-2021	ĐT	
TC.16.01.13	Kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học các học phần của các bộ môn	từng học kỳ trong giai đoạn 2019-2020	Bộ môn	
TC.16.01.14	Bảng điểm chuyên cần	2017-2021	ĐT	
TC.16.01.15	Bảng điểm kiểm tra thường xuyên	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	

TC.16.01.16	Bảng kiểm đánh giá hoạt động thực hành của sinh viên tại các bộ môn Báo cáo thực hành/thực tập của sinh viên	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.01.17	Quy trình ra đề thi kết thúc học phần bằng hình thức thi tự luận (QT.KTKĐCL.08)	QT.KTKĐCL.08 Năm 2017	ĐBCL&KT	
TC.16.01.18	Công văn về việc bổ sung một số biểu mẫu về công tác khảo thí và ĐBCL để các BM triển khai từ năm học 2019-2020	386/DHN-KT&KĐCL ngày 19/7/2019	ĐBCL&KT	
TC.16.01.19	Biên bản BGH họp với ĐBCL&KT v/v rà soát công tác khảo thí	120/BB-DHN Ngày 14/3/2022	ĐBCL&KT	
TC.16.01.20	Quy trình ra đề thi kết thúc học phần theo hình thức thi tự luận /trắc nghiệm (QT.ĐBCL&KT.24)	QT.ĐBCL&KT.24 Năm 2022	ĐBCL&KT	
TC.16.01.21	Kế hoạch giảng dạy, học tập từng năm học	2017-2021	ĐT	
TC.16.01.22	Lịch thi kết thúc học phần (từng đợt, học kỳ trong giai đoạn 2017-2021)	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐT	
TC.16.01.23	Danh sách sinh viên dự thi theo từng thi/học phần thi	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐT	
TC.16.01.24	Quy trình tổ chức thi (hình thức tự luận)	QT.KTKĐCL.01 Năm 2017	ĐBCL&KT	
TC.16.01.25	Quy trình tổ chức thi (hình thức trắc nghiệm)	QT.KTKĐCL.02 Năm 2017	ĐBCL&KT	
TC.16.01.26	Quy trình tổ chức thi hình thức trắc nghiệm (sửa đổi bổ sung)	QT.ĐBCL&KT.02 Năm 2021	ĐBCL&KT	
TC.16.01.27	Bảng phân công cán bộ coi thi (từng đợt, học kỳ trong giai đoạn 2017-2021)	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.01.28	Quy trình thanh tra thi	QT.KTKĐCL.05 Năm 2016	ĐBCL&KT	
TC.16.01.29	Quyết định thành lập đoàn thanh tra thi	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.01.30	Phân công cán bộ thanh tra thi kết thúc học phần (từng đợt, học kỳ trong giai đoạn 2017-2021)	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.01.31	Quy trình chấm bài thi kết thúc học phần tập trung (hình thức thi tự luận)	QT.KTKĐCL.14 Ngày 03/5/2019	ĐBCL&KT	

TC.16.01.32	Nội quy chấm thi	QĐ số 480/QĐ-DHN ngày 13/5/2019	ĐBCL&KT	
TC.16.01.33	Kế hoạch làm phách, chấm thi và nhập điểm thi kết thúc học phần	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.01.34	Danh sách cán bộ chấm thi từng học phần	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.01.35	Phần mềm thi trắc nghiệm	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn ĐBCL&KT	
TC.16.01.36	Danh sách kết quả điểm thi trắc nghiệm	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.01.37	Công văn hướng dẫn về việc đánh giá kết quả học tập của người học bằng hình thức làm tiểu luận trực tuyến	369/DHN-ĐBCL&KT ngày 23/6/21	ĐBCL&KT	
TC.16.01.38	Công văn về việc tổ chức thi kết học phần bằng hình thức trực tuyến	609/DHN-ĐBCL&KT ngày 13/9/21	ĐBCL&KT	
TC.16.01.39	Hướng dẫn cán bộ coi thi trực tuyến	497/HD-DHN Ngày 4/10/2021	ĐBCL&KT	
TC.16.01.40	Hướng dẫn sinh viên/học viên thi trực tuyến	498/HD-DHN Ngày 4/10/2021	ĐBCL&KT	
TC.16.01.41	Biên bản họp rút kinh nghiệm tổ chức thi trực tuyến	608/BB-DHN Ngày 9/11/2021	ĐBCL&KT	
TC.16.01.42	Đề cương chi tiết học phần Thực tế	2017-2021	ĐT	
TC.16.01.43	Quyết định công nhận hoàn thành chương trình và cấp chứng chỉ GDQP và AN cho sinh viên	- 671/QĐ-DHN ngày 12/6/2018 -1023/QĐ-DHN ngày 10/10/2019 -416/QĐ-DHN ngày 11/6/2020	ĐT TTGDQ PAN (ĐHTDT TBN)	
TC.16.01.44	Quyết định ban hành Quy định chuẩn tiếng Anh đầu ra tại Trường ĐH Dược HN	738/QĐ-DHN ngày 18/9/2020	ĐT	
TC.16.01.45	Quy định miễn học và công nhận điểm học phần tiếng Anh cho sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	1119/QĐ-DHN ngày 01/12/2016 858/QĐ-DHN ngày 09/10/2020	ĐT	
TC.16.01.46	Quyết định miễn học và công nhận điểm học phần tiếng Anh cho sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	- 111/QĐ-DHN ngày 30/1/2018 - 996/QĐ-DHN ngày 3/10/2019 - 165/QĐ-DHN ngày 25/3/2020	ĐT	

		-755/QĐ-DHN ngày 11/10/2021 -18,19/QĐ-DHN ngày 11/01/2022 -444/QĐ-DHN ngày 15/6/2022		
TC.16.01.47	Quyết định ban hành Quy định về tổ chức kỳ thi cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	774/QĐ-DHN ngày 18/10/2021	ĐT	
TC.16.01.48	Quyết định thành lập Hội đồng thi cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	-1029/QĐ-DHN ngày 28/12/2021 -238/QĐ-DHN ngày 4/5/2022	ĐT	
TC.16.01.49	Quyết định thành lập Ban coi thi cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	-1037/QĐ-DHN ngày 30/12/2021 -275/QĐ-DHN ngày 6/5/2022	ĐT	
TC.16.01.50	Kế hoạch tổ chức kỳ thi cấp giấy xác nhận, Lịch thi tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	- 02/KH-DHN ngày 04/01/2022 - 237/KH-DHN ngày 19/5/2022	ĐT	
TC.16.01.51	Phân công cán bộ thanh tra thi kỳ thi cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	01/2022 05/2022	ĐT	
TC.16.01.52	Quyết định cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	-74/QĐ-DHN ngày 16/2/2022 -443/QĐ-DHN ngày 15/6/2022	ĐT	
TC.16.01.53	Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Sửa đổi Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên	-321/QĐ-DHN ngày 12/5/2017 - 481/QĐ-DHN ngày 13/5/2019	QLSV	
TC.16.01.54	Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên	QT.QLSV.06 năm 2017	QLSV	
TC.16.01.55	Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp đại học	- 461/QĐ-DHN ngày 22/6/2022 - 389/QĐ-DHN ngày 03/6/2021 - 424/QĐ-DHN ngày 12/6/2020 - 443/QĐ-DHN ngày 25/4/2019	ĐT SDH	

		- 558/QĐ-DHN ngày 11/5/2018		
TC.16.01.56	Quyết định thành lập Ban ra đề thi tốt nghiệp môn LTTH	2017-2021	ĐT	
TC.16.01.57	Quyết định thành lập Ban coi thi tốt nghiệp môn LTTH	- 467/QĐ-DHN ngày 22/6/2022 - 415/QĐ-DHN ngày 14/6/2021 - 439/QĐ-DHN ngày 18/6/2020 - 471/QĐ-DHN ngày 09/5/2019 - 561/QĐ-DHN ngày 11/5/2018	ĐBCL& KT	
TC.16.01.58	Công văn rà soát, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi tốt nghiệp môn Lý thuyết tổng hợp	- 93/DHN-ĐT Ngày 3/3/2021	ĐT	
TC.16.01.59	Thông báo một số quy định chấm thi tốt nghiệp đại học (Khoá luận tốt nghiệp) Quyết định ban hành Quy trình chấm thi khoá luận tốt nghiệp trình độ đại học theo hình thức trực tuyến năm 2021	2017-2022 - 374/QĐ-DHN ngày 31/5/2021	ĐT	
TC.16.01.60	Quyết định thành lập các ban chấm thi tốt nghiệp (khoá luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ)	- 466/QĐ-DHN ngày 22/6/2022 - 397/QĐ-DHN ngày 07/6/2021 - 448/QĐ-DHN ngày 19/6/2020 - 476/QĐ-DHN ngày 09/5/2019 - 561/QĐ-DHN ngày 11/5/2018	ĐT	
TC.16.01.61	Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, sau đại học	- 257/QĐ-DHN ngày 14/4/2017 - 445/QĐ-DHN ngày 19/6/2020 - 463/QĐ-DHN ngày 22/6/2022	ĐT SDH	

Tiêu chí 16.2:

Các hoạt động đánh giá NH được thiết kế phù hợp với việc đạt được CDR.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.16.02.01	Chuẩn đầu ra các chương trình ĐT	2017-2021	ĐBCL& KT	

TC.16.02.02	Đường link tới trang website công bố chuẩn đầu ra (http://www.hu.edu.vn/cpbdv/pktvkdcl/noidung/List/smmtp/View_Detail.aspx)	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.02.03	Đề cương chi tiết từng học phần Bảng ma trận mối quan hệ giữa CTĐT với CDR của CTĐT Bảng ma trận mối quan hệ của nội dung học phần với mục tiêu/chuẩn đầu ra của học phần	2017-2021	ĐT	
TC.16.02.04	Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình ĐT của Trường	112/QĐ-DHN ngày 09/3/2022	ĐT	
TC.16.02.05	Kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học các học phần của các bộ môn	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.02.06	Quy định ĐT đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN Sửa đổi Quy định đào đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN	880/QĐ-DHN ngày 26/10/2017 809/QĐ-DHN ngày 23/7/2018	ĐT	
TC.16.02.07	Quy định ĐT đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN năm 2020	850/QĐ-DHN ngày 08/10/2020	ĐT	
TC.16.02.08	Quy chế ĐT trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2021	702/QĐ-DHN ngày 16/9/2021	ĐT	
TC.16.02.09	Quy định về tổ chức và quản lý ĐT trình độ thạc sĩ dược học năm 2014	1142/QĐ-DHN ngày 15/12/2014	SĐH	
TC.16.02.10	Quy chế tuyển sinh và ĐT thạc sĩ năm 2021	768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC.16.02.11	Quy định về tuyển sinh và ĐT trình độ tiến sĩ dược học năm 2017	466/QĐ-DHN ngày 30/6/2017	SĐH	
TC.16.02.12	Quy định về tuyển sinh và ĐT trình độ tiến sĩ dược học năm 2021	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SĐH	
TC.16.02.13	Phần mềm quản lý ĐT	2017-2021	ĐT,ĐBC L&KT,B PCNTT	
TC.16.02.14	Bảng điểm chuyên cần	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.02.15	Đề kiểm tra thường xuyên	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	

TC.16.02.16	Biên bản seminar, bảng điểm seminar	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.02.17	Bảng kiểm đánh giá hoạt động thực hành của sinh viên tại các bộ môn, báo cáo thực hành	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.02.18	Thống kê thời gian thi và hình thức thi của các học phần bậc đại học, sau đại học	2017-2021	ĐT SDH	
TC.16.02.19	Quy trình ra đề thi kết thúc học phần bằng hình thức thi tự luận (QT.KTKĐCL.08)	QT.KTKĐCL.08 Năm 2017	ĐBCL&KT	
TC.16.02.20	Công văn về việc bổ sung một số biểu mẫu về công tác khảo thí và ĐBCL để các BM triển khai từ năm học 2019-2020	386/DHN-KT&KĐCL ngày 19/7/2019	ĐBCL&KT	
TC.16.02.21	Biên bản BGH họp với ĐBCL&KT v/v rà soát công tác khảo thí	120/BB-DHN Ngày 14/3/2022	ĐBCL&KT	
TC.16.02.22	Quy trình ra đề thi kết thúc học phần theo hình thức thi tự luận /trắc nghiệm (QT.ĐBCL&KT.24)	QT.ĐBCL&KT.24 Năm 2022	ĐBCL&KT	
TC.16.02.23	Cấu trúc đề thi, ngân hàng câu hỏi thi của học phần trên phần mềm thi trắc nghiệm	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn ĐBCL&KT	
TC.16.02.24	Đề thi, đáp án thi, bài thi của học phần hình thức tự luận	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn ĐBCL&KT	
TC.16.02.25	Quy trình tổ chức thi (hình thức tự luận)	QT.KTKĐCL.01 Năm 2017	ĐBCL&KT	
TC.16.02.26	Quy trình tổ chức thi (hình thức trắc nghiệm)	QT.KTKĐCL.02 Năm 2017	ĐBCL&KT	
TC.16.02.27	Quy trình tổ chức thi hình thức trắc nghiệm (sửa đổi bổ sung)	QT.ĐBCL&KT.02 Năm 2021	ĐBCL&KT	
TC.16.02.28	Quy trình thanh tra thi	QT.KTKĐCL.05 Năm 2016	ĐBCL&KT	
TC.16.02.29	Quy trình chấm bài thi kết thúc học phần tập trung (hình thức thi tự luận)	QT.KTKĐCL.14 Ngày 03/5/2019	ĐBCL&KT	
TC.16.02.30	Công văn hướng dẫn về việc đánh giá kết quả học tập của người học bằng hình thức làm tiểu luận trực tuyến	369/DHN-ĐBCL&KT ngày 23/6/21	ĐBCL&KT	

TC.16.02.31	Công văn về việc tổ chức thi kết học phần bằng hình thức trực tuyến	609/DHN-ĐBCL&KT ngày 13/9/21	ĐBCL&KT	
TC.16.02.32	Hướng dẫn cán bộ coi thi trực tuyến	497/HD-DHN Ngày 4/10/2021	ĐBCL&KT	
TC.16.02.33	Hướng dẫn sinh viên/học viên thi trực tuyến	498/HD-DHN Ngày 4/10/2021	ĐBCL&KT	
TC.16.02.34	Biên bản họp rút kinh nghiệm tổ chức thi trực tuyến	608/BB-DHN Ngày 9/11/2021	ĐBCL&KT	
TC.16.02.35	Quyết định ban hành Quy định chuẩn tiếng Anh đầu ra tại Trường ĐH Dược HN	738/QĐ-DHN ngày 18/9/2020	ĐT	
TC.16.02.36	Quy định miễn học và công nhận điểm học phần tiếng Anh cho sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	-1119/QĐ-DHN ngày 01/12/2016 -858/QĐ-DHN ngày 09/10/2020	ĐT	
TC.16.02.37	Quyết định miễn học và công nhận điểm học phần tiếng Anh cho sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	-111/QĐ-DHN ngày 30/1/2018 -996/QĐ-DHN ngày 3/10/2019 -165/QĐ-DHN ngày 25/3/2020 -755/QĐ-DHN ngày 11/10/2021 - 18,19/QĐ-DHN ngày 11/01/2022 - 444/QĐ-DHN ngày 15/6/2022	ĐT	
TC.16.02.38	Quyết định ban hành Quy định về tổ chức kỳ thi cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	774/QĐ-DHN ngày 18/10/2021	ĐT	
TC.16.02.39	Quyết định thành lập Hội đồng thi cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	- 1029/QĐ-DHN ngày 28/12/2021 - 238/QĐ-DHN ngày 4/5/2022	ĐT	
TC.16.02.40	Quyết định thành lập Ban coi thi cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	- 1037/QĐ-DHN ngày 30/12/2021 - 275/QĐ-DHN	ĐT	

		ngày 6/5/2022		
TC.16.02.41	Kế hoạch tổ chức kỳ thi cấp giấy xác nhận, Lịch thi tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	- 02/KH-DHN ngày 04/01/2022 - 237/KH-DHN ngày 19/5/2022	ĐT	
TC.16.02.42	Phân công cán bộ thanh tra thi kỳ thi cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	01/2022 05/2022	ĐT	
TC.16.02.43	Quyết định cấp giấy xác nhận tiếng Anh nội bộ của Trường ĐH Dược HN	-74/QĐ-DHN ngày 16/2/2022 -443/QĐ-DHN ngày 15/6/2022	ĐT	
TC.16.02.44	Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Sửa đổi Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên	- 321/QĐ-DHN ngày 12/5/2017 - 481/QĐ-DHN ngày 13/5/2019	QLSV	
TC.16.02.45	Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên	QT.QLSV.06 năm 2017	QLSV	
TC.16.02.46	Quyết định thành lập Ban ra đề thi tốt nghiệp môn LTTH	2017-2021	ĐT	
TC.16.02.47	Quyết định thành lập Ban coi thi tốt nghiệp môn LTTH	- 467/QĐ-DHN ngày 22/6/2022 - 415/QĐ-DHN ngày 14/6/2021 - 439/QĐ-DHN ngày 18/6/2020 - 471/QĐ-DHN ngày 09/5/2019 - 561/QĐ-DHN ngày 11/5/2018	ĐBCL& KT	
TC.16.02.48	Ngân hàng câu hỏi thi tốt nghiệp môn Lý thuyết tổng hợp	2019-2021	ĐT	
TC.16.02.49	Thông báo một số quy định chấm thi tốt nghiệp đại học (Khoá luận tốt nghiệp) Quyết định ban hành Quy trình chấm thi khoá luận tốt nghiệp trình độ đại học theo hình thức trực tuyến năm 2021	2017-2021 374/QĐ-DHN ngày 31/5/2021	ĐT	
TC.16.02.50	Các biểu mẫu chấm thi khoá luận tốt nghiệp	2017-2021	ĐT	
TC.16.02.51	Quyết định thành lập các ban/hội đồng chấm thi tốt nghiệp (khoá luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ)	- 466/QĐ-DHN ngày 22/6/2022 - 397/QĐ-DHN ngày 07/6/2021 - 448/QĐ-DHN	ĐT	

		ngày 19/6/2020 - 476/QĐ-DHN ngày 09/5/2019 - 561/QĐ-DHN ngày 11/5/2018		

Tiêu chí 16.3:

Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá NH được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CDR.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.16.03.01	Quy định ĐT đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN Sửa đổi Quy định đào đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN	- 880/QĐ-DHN ngày 26/10/2017 - 809/QĐ-DHN ngày 23/7/2018	ĐT	
TC.16.03.02	Quy định ĐT đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN năm 2020	850/QĐ-DHN ngày 08/10/2020	ĐT	
TC.16.03.03	Quy chế ĐT trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2021	702/QĐ-DHN ngày 16/9/2021	ĐT	
TC.16.03.04	Quy định về tổ chức và quản lý ĐT trình độ thạc sĩ dược học năm 2014	1142/QĐ-DHN ngày 15/12/2014	SDH	
TC.16.03.05	Quy chế tuyển sinh và ĐT thạc sĩ năm 2021	768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SDH	
TC.16.03.06	Quy định về tuyển sinh và ĐT trình độ tiến sĩ dược học năm 2017	466/QĐ-DHN ngày 30/6/2017	SDH	
TC.16.03.07	Quy định về tuyển sinh và ĐT trình độ tiến sĩ dược học năm 2021	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SDH	
TC.16.03.08	Phần mềm quản lý ĐT	2017-2021	ĐT,ĐBC L&KT,B PCNTT	
TC.16.03.09	Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Sửa đổi Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên	- 321/QĐ-DHN ngày 12/5/2017 - 481/QĐ-DHN ngày 13/5/2019	QLSV	
TC.16.03.10	Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên	QT.QLSV.06 năm 2017	QLSV	

TC.16.03.11	Công văn hướng dẫn các bộ môn xây dựng, rà soát chương trình chi tiết các học phần	2017-2021	ĐT	
TC.16.03.12	Công văn v/v tổ chức tập huấn “Xây dựng phát triển chương trình ĐT và đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong”	437/DHN-KTKĐCL ngày 3/8/2018	ĐBCL&KT	
TC.16.03.13	Quyết định cử viên chức dự lớp “Tập huấn xây dựng chương trình ĐT dựa trên chuẩn năng lực”	1170/QĐ-DHN Ngày 03/10/2018	TC-HC	
TC.16.03.14	Công văn v/v dự tập huấn công tác xây dựng và phát triển chương trình	626/QĐ-DHN Ngày 15/10/2020	TC-HC	
TC.16.03.15	Công văn v/v tổ chức tập huấn “xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập”	113/QĐ-DHN Ngày 02/3/2018	ĐBCL&KT	
TC.16.03.16	Quyết định cử cán bộ viên chức tham dự tập huấn “ xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập”	210/QĐ-DHN Ngày 07/3/2018	TC-HC	
TC.16.03.17	Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình ĐT của Trường ĐHĐHN	112/QĐ-DHN ngày 9/3/2022	ĐT	
TC.16.03.18	Công văn về việc bổ sung một số biểu mẫu về công tác khảo thí và ĐBCL để các BM triển khai từ năm học 2019-2020	386/DHN-KT&KĐCL ngày 19/7/2019	ĐBCL&KT	
TC.16.03.19	Biên bản họp rà soát và tổng kết về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá mà bộ môn đã áp dụng hàng năm.	Năm 2022	Bộ môn	
TC.16.03.20	Đề cương chi tiết từng học phần Bảng ma trận mối quan hệ giữa CTĐT với CĐR của CTĐT Bảng ma trận mối quan hệ của nội dung học phần với mục tiêu/chuẩn đầu ra của học phần	2017-2021	ĐT	
TC.16.03.21	Biên bản họp xây dựng ma trận kiến thức, kỹ năng của chương trình ĐT	127/BB-DHN Ngày 23/3/2020	ĐT ĐBCL&KT	
TC.16.03.22	Quy trình ra đề thi kết thúc học phần bằng hình thức thi tự luận (QT.KTKĐCL.08)	QT.KTKĐCL.08 Năm 2017	ĐBCL&KT	
TC.16.03.23	Biên bản BGH họp với ĐBCL&KT v/v rà soát công tác khảo thí	120/BB-DHN Ngày 14/3/2022	ĐBCL&KT	

TC.16.03.24	Quy trình ra đề thi kết thúc học phần theo hình thức thi tự luận /trắc nghiệm (QT.ĐBCL&KT.24)	QT.ĐBCL&KT. 24 Năm 2022	ĐBCL& KT	
TC.16.03.25	Lịch thi kết thúc học phần (từng đợt, học kỳ trong giai đoạn 2017-2021)	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐT	
TC.16.03.26	Quy trình đánh giá đề thi kết thúc học phần bằng hình thức trắc nghiệm khách quan	QT.ĐBCL&KT. 12 Năm 2020	ĐBCL& KT	
TC.16.03.27	Kết quả đánh giá đề thi trắc nghiệm khách quan của các học phần	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL& KT	
TC.16.03.28	Biên bản họp bộ môn về việc xây dựng, rà soát, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi; công tác ra đề thi Biên bản họp bộ môn về việc đánh giá đề thi tự luận sau từng học kỳ	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.03.29	Bảng điểm tổng hợp từng học phần (Thông kê điểm tự luận)	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐT	
TC.16.03.30	Thông kê phổ điểm thi kết thúc học phần (hình thức trắc nghiệm trên máy tính)	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL& KT	
TC.16.03.31	Quy trình tổ chức thi (hình thức trắc nghiệm)	QT.KTKĐCL.0 2 Năm 2017	ĐBCL& KT	
TC.16.03.32	Quy trình tổ chức thi hình thức trắc nghiệm (sửa đổi bổ sung)	QT.ĐBCL&KT. 02 Năm 2021	ĐBCL& KT	
TC.16.03.33	Phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm Hợp đồng nâng cấp phần mềm thi trắc nghiệm	2017-2022 2022	ĐBCL& KT	
TC.16.03.34	Quy trình chấm bài thi kết thúc học phần tập trung (hình thức thi tự luận)	QT.KTKĐCL.1 4 Ngày 03/5/2019	ĐBCL& KT	
TC.16.03.35	Quy trình phúc khảo bài thi kết thúc học phần (thi theo hình thức tự luận)	QT.KTKĐCL.1 5 năm 2019	ĐBCL& KT	
TC.16.03.36	Trang chụp màn hình ý kiến từ hòm thư ĐBCL	2017-2021	ĐBCL& KT	
TC.16.03.37	Biên bản họp giao ban ĐT học kỳ-năm học	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐT	
TC.16.03.38	Biên bản họp cán bộ lớp học kỳ-năm học	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	QLSV	

TC.16.03.39	Bảng kiểm báo cáo của các BM và Bảng kiểm kiểm tra của tổ TTGSĐT theo mẫu Bảng kiểm 2.Công tác KT-ĐBCL. Báo cáo tổng kết công tác TTGSĐT các bộ môn	Theo kế hoạch TTGSĐT	ĐBCL&KT Bộ môn	
TC.16.03.40	Báo cáo giám sát và đánh giá của Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Trường	02/NQ-HĐTDHN Ngày 13/01/2022	TC-HC	
TC.16.03.41	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi từ người học về học phần từng học kỳ (2017-2021)	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.03.42	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi từ người học về kỳ thi tốt nghiệp (LTTH)	từng học kỳ trong giai đoạn 2019-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.03.43	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên trước tốt nghiệp	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.03.44	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên sau một năm tốt nghiệp	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.03.45	Kế hoạch cải tiến sau phản hồi của các bộ môn, đơn vị liên quan	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn, các đơn vị	
TC.16.03.46	Ngân hàng câu hỏi thi của dự án hợp tác với Yakuzemi	Năm 2021	ĐT	
TC.16.03.47	Kế hoạch tổ chức kỳ thi chung trên máy tính giữa HUP và UMP trong khuôn khổ dự án hợp tác với Yakuzemi- Nhật bản	21/KH-DHN Ngày 18/01/2021	ĐT	
TC.16.03.48	Kết quả kỳ thi chung trên máy tính giữa HUP và UMP trong khuôn khổ dự án hợp tác với Yakuzemi	Năm 2021	ĐT	

Tiêu chí 16.4:

Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CDR

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.16.04.01	Quy trình ra đề thi kết thúc học phần bằng hình thức thi tự luận (QT.KTKĐCL.08)	QT.KTKĐCL .08 Năm 2017	ĐBCL&KT	
TC.16.04.02	Công văn về việc bổ sung một số biểu mẫu về công tác khảo thí và ĐBCL để các BM triển khai từ năm học 2019-2020	386/DHN-KT&KĐCL ngày 19/7/2019	ĐBCL&KT	

TC.16.04.03	Biên bản BGH họp với ĐBCL&KT v/v rà soát công tác khảo thí	120/BB-DHN Ngày 14/3/2022	ĐBCL&KT	
TC.16.04.04	Quy trình ra đề thi kết thúc học phần theo hình thức thi tự luận /trắc nghiệm (QT.ĐBCL&KT.24)	QT.ĐBCL&K T.24 Năm 2022	ĐBCL&KT	
TC.16.04.05	Quy trình tổ chức thi hình thức trắc nghiệm (sửa đổi bổ sung)	QT.ĐBCL&K T.02 Năm 2021	ĐBCL&KT	
TC.16.04.06	Phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm	2017-2022 2022	ĐT, ĐBCL&KT, BPCNTT	
TC.16.04.07	Hợp đồng nâng cấp phần mềm thi trắc nghiệm	2017-2022 2022	ĐT, ĐBCL&KT, BPCNTT	
TC.16.04.08	Quy định ĐT đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN Sửa đổi Quy định đào đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN	- 880/QĐ-DHN ngày 26/10/2017 - 809/QĐ-DHN ngày 23/7/2018	ĐT	
TC.16.04.09	Quy định ĐT đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Dược HN năm 2020	850/QĐ-DHN ngày 08/10/2020	ĐT	
TC.16.04.10	Quy chế ĐT trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2021	702/QĐ-DHN ngày 16/9/2021	ĐT	
TC.16.04.11	Bảng điểm chuyên cần	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.04.12	Đề cương chi tiết từng học phần Bảng ma trận mối quan hệ giữa CTĐT với CDR của CTĐT Bảng ma trận mối quan hệ của nội dung học phần với mục tiêu/chuẩn đầu ra của học phần	2017-2021	ĐT	
TC.16.04.13	Biên bản bộ môn họp rà soát chương trình chi tiết hàng năm	2017-2021	Bộ môn	
TC.16.04.14	Biên bản họp bộ môn về việc xây dựng, rà soát, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi; công tác ra đề thi Biên bản họp bộ môn về việc đánh giá đề thi tự luận sau từng học kỳ	trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.04.15	Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, điều chỉnh chương trình ĐT của Trường	112/QĐ-DHN ngày 09/3/2022	ĐT	

TC.16.04.16	Công văn v/v tổ chức tập huấn “Xây dựng phát triển chương trình ĐT và đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong”	437/DHN-KTKĐCL ngày 3/8/2018	ĐBCL&KT	
TC.16.04.17	Quyết định cử viên chức dự lớp “Tập huấn xây dựng chương trình ĐT dựa trên chuẩn năng lực”	1170/QĐ-DHN Ngày 03/10/2018	TC-HC	
TC.16.04.18	Công văn v/v dự tập huấn công tác xây dựng và phát triển chương trình	626/QĐ-DHN Ngày 15/10/2020	TC-HC	
TC.16.04.19	Công văn v/v tổ chức tập huấn “xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập”	113/QĐ-DHN Ngày 02/3/2018	ĐBCL&KT	
TC.16.04.20	Quyết định cử cán bộ viên chức tham dự tập huấn “ xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập”	210/QĐ-DHN Ngày 07/3/2018	TC-HC	
TC.16.04.21	Thống kê thời gian thi và hình thức thi của các học phần bậc đại học, sau đại học	2017-2021	ĐT SDH	
TC.16.04.22	Kết quả đánh giá đề thi trắc nghiệm khách quan của các học phần thi bằng hình thức trắc nghiệm trên máy tính	trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL&KT Bộ môn	
TC.16.04.23	Kế hoạch cải tiến của các BM sau đánh giá đề thi trắc nghiệm khách quan của các học phần thi bằng hình thức trắc nghiệm trên máy tính	trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn	
TC.16.04.24	Quy trình đánh giá đề thi kết thúc học phần bằng hình thức trắc nghiệm khách quan	QT.ĐBCL&K T.12 Năm 2020	ĐBCL&KT	
TC.16.04.25	Quy trình chấm bài thi kết thúc học phần tập trung (hình thức thi tự luận)	QT.KTKĐCL. 14 Ngày 03/5/2019	ĐBCL&KT	
TC.16.04.26	Quy trình phúc khảo bài thi kết thúc học phần (thi theo hình thức tự luận)	QT.KTKĐCL. 15 năm 2019	ĐBCL&KT	
TC.16.04.27	Thông báo về việc tổ chức phúc khảo trực tuyến	2021-2022	ĐBCL&KT	
TC.16.04.28	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi từ người học về học phần từng học kỳ (2017-2021)	từng năm học trong giai đoạn 2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.04.29	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi từ người học về kỳ thi tốt nghiệp (LTTH)	2019-2021	ĐBCL&KT	

TC.16.04.30	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên trước tốt nghiệp	2017-2021	ĐBCL&KT	
TC.16.04.31	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên sau một năm tốt nghiệp	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.16.04.32	Kế hoạch cải tiến sau phản hồi của các bộ môn, đơn vị liên quan	từng học kỳ trong giai đoạn 2017-2021	Bộ môn, các đơn vị	
TC.16.04.33	Bảng kiểm báo cáo của các bộ môn và Bảng kiểm kiểm tra của tổ TTGSĐT theo mẫu Bảng kiểm 2.Công tác khảo thí, ĐBCL Báo cáo tổng kết công tác TTGSĐT các bộ môn	Theo kế hoạch TTGSĐT	ĐBCL&KT Bộ môn	
TC.16.04.34	Bài báo “Cải tiến hoạt động kiểm tra đánh giá trên cơ sở ý kiến phản hồi của người học tại Trường Đại học Dược HN”	Vol 46, tháng 9/2021	Tạp chí Y Dược học quân sự	
TC.16.04.35	Công văn hướng dẫn về việc đánh giá kết quả học tập của người học bằng hình thức làm tiểu luận trực tuyến	369/DHN-ĐBCL&KT ngày 23/6/21	ĐBCL&KT	
TC.16.04.36	Công văn về việc tổ chức thi kết học phần bằng hình thức trực tuyến	609/DHN-ĐBCL&KT ngày 13/9/21	ĐBCL&KT	
TC.16.04.37	Hướng dẫn cán bộ coi thi trực tuyến	497/HD-DHN Ngày 4/10/2021	ĐBCL&KT	
TC.16.04.38	Hướng dẫn sinh viên/học viên thi trực tuyến	498/HD-DHN Ngày 4/10/2021	ĐBCL&KT	
TC.16.04.39	Biên bản họp rút kinh nghiệm tổ chức thi trực tuyến	608/BB-DHN Ngày 9/11/2021	ĐBCL&KT	
TC.16.04.40	Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Sửa đổi Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên	-321/QĐ-DHN ngày 12/5/2017 -481/QĐ-DHN ngày 13/5/2019	QLSV	
TC.16.04.41	Trang chụp màn hình ý kiến từ hòm thư ĐBCL	2017-2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chuẩn 17

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1:

Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.17.01.01	Quy định công tác cố vấn học tập	719/QĐ-DHN ngày 08/9/2017	QLSV	
TC.17.01.02	Quy định công tác sinh viên	320/QĐ-DHN ngày 12/5/2017	QLSV	
TC.17.01.03	Quy định về công tác sinh viên nội trú, ngoại trú	894/QĐ-DHN ngày 02/11/2017	QLSV	
TC.17.01.04	Hồ sơ khám sức khỏe cho sinh viên	2017-2021	Trạm YT	
TC.17.01.05	Kế hoạch tổ chức Hội thảo định hướng chuyên ngành	316/KH-DHN ngày 06/11/2017 429/KH-DHN ngày 26/10/2018 472/KH-DHN ngày 04/11/2019	QLSV	
TC.17.01.06	Kế hoạch các hoạt động của ĐTN-HSV	2017-2021	ĐTN	
TC.17.01.07	Thông báo tuyển dụng của các công ty	2017-2021		
TC.17.01.08	Kế hoạch công tác quản lý sinh viên năm học	399/KH-DHN ngày 09/9/2020 352/KH-DHN ngày 26/7/2021	QLSV	
TC.17.01.09	Kế hoạch hoạt động năm học của Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên	/KH-ĐTN ngày 28/7/2021 /KH-ĐTN ngày 27/7/2018 /KH-ĐTN ngày 28/7/2019 /KH-ĐTN ngày 29/7/2020 /KH-ĐTN ngày 28/7/2021	ĐTN	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.17.01.10	Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021		
TC.17.01.11	Quyết định thành lập hội đồng cố vấn học tập, bổ nhiệm cố vấn học tập	- 740/QĐ-DHN ngày 15/9/2017 - 821/QĐ-DHN ngày 05/10/2017 - 80/QĐ-DHN ngày 25/01/2018 - 266/QĐ-DHN ngày 26/3/2018 - 896/QĐ-DHN ngày 14/8/2018 - 910/QĐ-DHN ngày 22/8/2018 - 885/QĐ-DHN ngày 04/9/2019 - 380/QĐ-DHN ngày 01/6/2020 - 949/QĐ-DHN ngày 30/10/2020 - 107/QĐ-DHN ngày 02/3/2021 - 719/QĐ-DHN ngày 27/9/2021 - 803/QĐ-DHN ngày 27/10/2021	QLSV	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.17.01.12	Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động cố vấn học tập các năm học	2018-2021	ĐBCL&KT	
TC.17.01.13	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi về hoạt động tuyển sinh, nhập học	2020-2022	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 17.2:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.17.02.01	Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.17.02.02	Quyết định thành lập hội đồng cố vấn học tập, bổ nhiệm cố vấn học tập	- 740/QĐ-DHN ngày 15/9/2017 - 821/QĐ-DHN ngày 05/10/2017 - 80/QĐ-DHN ngày 25/01/2018 - 266/QĐ-DHN ngày 26/3/2018 - 896/QĐ-DHN ngày 14/8/2018 - 910/QĐ-DHN ngày 22/8/2018 - 885/QĐ-DHN ngày 04/9/2019 - 380/QĐ-DHN ngày 01/6/2020 - 949/QĐ-DHN ngày 30/10/2020 - 107/QĐ-DHN ngày 02/3/2021 - 719/QĐ-DHN ngày 27/9/2021 - 803/QĐ-DHN ngày 27/10/2021	QLSV	
TC.17.02.03	Sổ tay “Những điều sinh viên cần biết”	2017-2021	QLSV	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.17.02.04	Sổ tay “Cổ vấn học tập”	2018-2021	QLSV	
TC.17.02.05	Công bố cuốn “Những điều cần biết cho sinh viên”, các thông báo trên website, cổng thông tin và các kênh truyền thông khác (ảnh chụp màn hình, link)	ảnh chụp màn hình	QLSV	
TC.17.02.06	Biên bản họp Cổ vấn học tập	2018-2021	QLSV	
TC.17.02.07	Ảnh chụp các nhóm chat CVHT, CBL	ảnh chụp	QLSV	
TC.17.02.08	Báo cáo hoạt động CVHT các năm	- 433/BC-DHN ngày 10/10/2019 - 544/BC-DHN ngày 11/11/2020	QLSV	
TC.17.02.09	Trang thông tin Bangtinhuip (fb) Email group	Ảnh chụp	QLSV	
TC.17.02.10	QĐ bổ nhiệm ban chủ nhiệm các CLB	File lưu	ĐTN, HSV	
TC.17.02.11	Quyết định học bổng KKHT	2017-2022	QLSV	
TC.17.02.12	Quyết định giảm tiền ở Khu nội trú	2017-2022	QLSV	
TC.17.02.13	Quyết định hỗ trợ chi phí học tập	2017-2022	QLSV	
TC.17.02.14	Quyết định trợ cấp xã hội	2017-2022	QLSV	
TC.17.02.15	Quyết định trao học bổng cho sinh viên	2017-2022	QLSV	
TC.17.02.16	Kế hoạch/kết quả khám sức khỏe cho sinh viên nhập học	2017-2021	Trạm YT	
TC.17.02.17	Kế hoạch PharmaFest	2017-2021	ĐTN	
TC.17.02.18	Các tin tuyển dụng của các công ty	2017-2021	QLSV	
TC.17.02.19	Kế hoạch công tác sinh viên năm học	2020-2021	QLSV	
TC.17.02.20	Kế hoạch hoạt động năm học của ĐTN-HSV	2017-2021	ĐTN	
TC.17.02.21	Kế hoạch hoạt động năm học của ĐTN-HSV	2018-2021	ĐTN	
TC.17.02.22	Kế hoạch tổ chức các hoạt động của ĐTN	2018-2021	ĐTN	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.17.02.23	Ảnh chụp Cổng thông tin người học, website, fanpage	ảnh chụp	QLSV	
TC.17.02.24	Phiếu gửi thông tin cho phụ huynh	ảnh chụp	QLSV	
TC.17.02.25	Kế hoạch/báo cáo phản hồi của người học	2018-2022	ĐBCL&KT	

Tiêu chí 17.3:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.17.03.01	Quyết định phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu	- 558/QĐ-DHN ngày 01/7/2022 - 520/QĐ-DHN ngày 28/7/2021 - 489/QĐ-DHN ngày 05/7/2017	TCHC	
TC.17.03.02	Quyết định ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường ĐH Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TCHC	
TC.17.03.03	Kế hoạch/báo cáo phản hồi của người học		ĐBCL&KT	
TC.17.03.04	Cuốn Những điều sinh viên cần biết (2017-2021)	2017-2021	QLSV	
TC.17.03.05	Cuốn Sổ tay cố vấn học tập (2018-2021)	2018-2021	QLSV	
TC.17.03.06	Báo cáo Tổng kết năm học của QLSV (từ năm học 2017-2018)	2018-2022	QLSV	
TC.17.03.07	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của QLSV cho HN CCVC (từ năm 2017)	2018-2022	QLSV	
TC.17.03.08	Báo cáo tại HN CCVCNLĐ (từ năm 2017)	2017-2021	TC-HC	
TC.17.03.09	Biên bản họp giao ban ban	2017-2022	TC-HC	
TC.17.03.10	Báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp	2017-2022	ĐBCL & KT	
TC.17.03.11	Báo cáo kết quả phản hồi của SV sau tốt nghiệp 1 năm	2017-2022	ĐBCL & KT	
TC.17.03.12	Kế hoạch cải tiến sau kết quả phản hồi		ĐBCL & KT	

TC.17.03.13	Biên bản họp cán bộ lớp	- 275/BB-DHN ngày 27/9/2017 - 193/BB-DHN ngày 31/5/2018 - 82/BB-DHN ngày 14/3/2019 - 86/BB-DHN ngày 28/2/2020 - 384/BB-DHN ngày 03/9/2020	QLSV	
TC.17.03.14	Báo cáo hoạt động của ĐTN, HSV		ĐTN, HSV	
TC.17.03.15	Biên bản họp của BGH với ĐTN, HSV		ĐTN, HSV	
TC.17.03.16	Báo cáo tổng kết công tác cố vấn học tập hàng năm	- 433/BC-DHN ngày 10/10/2019 - 544/BC-DHN ngày 11/11/2020	QLSV	
TC.17.03.17	Kế hoạch xây dựng bộ tiêu chí KPIs cho giảng viên	90/KH-DHN ngày 22/2/2022	TC-HC	
TC.17.03.18	Kết quả phản hồi của SV về hoạt động cố vấn học tập	2019-2021	ĐBCL & KT	
TC.17.03.19	Quy định công tác sinh viên	320/QĐ-DHN ngày 12/5/2017	QLSV	
TC.17.03.20	Quy định về công tác sinh viên nội trú, ngoại trú	894/QĐ-DHN ngày 02/11/2017	QLSV	
TC.17.03.21	Quy định công tác cố vấn học tập	719/QĐ-DHN ngày 08/9/2017	QLSV	
TC.17.03.22	Phân công nhiệm vụ trong ĐBCL&KT		ĐBCL&KT	

Tiêu chí 17.4:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.17.04.01	Ảnh chụp màn hình trang bangtinhup		QLSV	*
TC.17.04.02	Thông báo về thời gian tiến hành trích thu học phí, ký túc xá	- 150/TB-DHN (8/4/2021) - 517/TB-DHN (08/10/2021)	TCKT	
TC.17.04.03	Thông báo hỗ trợ mở thẻ BIDV CN3	- 115/TB-DHN (30/3/2018)		

		- 172/TB-DHN (15/5/2019)		
TC.17.04.04	Kế hoạch nhập học cho K76 và H1K2	472/KH-DHN (23/9/2021)		
TC.17.04.05	Quy chế đào tạo trình độ ĐH trường ĐH Dược HN	702/QĐ-DHN (16/9/2021)		
TC.17.04.06	Quy định về công tác cố vấn học tập Trường ĐH Dược HN	719/QĐ – DHN (08/9/2017)		
TC.17.04.07	Biên bản họp, tập huấn cố vấn học tập		QLSV	
TC.17.04.08	Ảnh chụp nhóm zalo; gmail cố vấn học tập	Ảnh chụp	QLSV	
TC.17.04.09	Báo cáo phản hồi từ NH về công tác cố vấn học tập	2019-2021	ĐBLC & KT	
TC.17.04.10	Bảng đối sánh kết quả phản hồi cố vấn học tập qua các năm	Bảng thống kê		
TC.17.04.11	Thông báo thực hiện các chế độ chính sách, miễn giảm học phí	572/TB-DHN (28/10/2021)		
TC.17.04.12	Thông báo học bổng	2021		
TC.17.04.13	Kế hoạch, chương trình tổ chức các hoạt động hướng nghiệp; ngoại khóa		ĐTN	
TC.17.04.14	Quyết định bổ nhiệm ban chủ nhiệm các câu lạc bộ	(có file lưu)	ĐTN, HSV	
TC.17.04.15	Báo cáo hoạt động các câu lạc bộ	(có file lưu)		
TC.17.04.16	Biên bản nghiệm thu sửa chữa, lắp đặt hệ thống điều hòa tại G		QLCSVC	
TC.17.04.17	Biên bản họp về phương án sử dụng nhà T2		Thư viện	
TC.17.04.18	Hợp đồng và BB nghiệm thu LAN tại nhà T1&T2		Thư viện	
TC.17.04.19	Thông báo truy cập thông tin thư viện		Thư viện	
TC.17.04.20	Danh mục tài liệu cập nhật		Thư viện	
TC.17.04.21	Kế hoạch xây dựng đề án chuyển đổi số Trường ĐH Dược HN	32/KH-DHN (12/1/2022)		
TC.17.04.22	Quyết định thành lập ban tư vấn và tổ soạn thảo đề án chuyển đổi số	752/QĐ-DHN (08/10/2021)		
TC.17.04.23	Báo cáo kết quả khảo sát người học trước khi tốt nghiệp	2018-2021	ĐBCL & KT	
TC.17.04.24	Báo cáo kết quả khảo sát người học sau khi tốt nghiệp	2017-2020	ĐBCL & KT	

TC.17.04.25	Bảng đối sánh kết quả khảo sát qua các năm	Bảng thống kê		

Tiêu chuẩn 18:

Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1

Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.18.01.01	Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.18.01.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN, 19/02/2021	HĐT	
TC.18.01.03	Quyết định phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu	520/QĐ-DHN ngày 28/7/2021	TC-HC	
TC.18.01.04	Chiến lược KHCN Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	
TC.18.01.05	Quy định quản lý hoạt động KHCN & SHTT của Trường Đại học Dược Hà Nội;	841/QĐ-DHN, 31/7/2018	QLKH	
TC.18.01.06	Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.18.01.07	Quy định hoạt động NCKH của người học	484/QĐ-DHN, 12/7/2021	QLKH	
TC.18.01.08	Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên - Năm 2017 - Năm 2019 - Năm 2021	- 1066/QĐ-DHN, 21/12/2017 - 119/QĐ-DHN, 31/01/2019	TC-HC	

		- 96/QĐ-DHN, 22/02/2021		
TC.18.01.09	Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2021-2025 của Trường Đại học Được Hà Nội	642/KH-DHN, 29/11/2021	QLKH	
TC.18.01.10	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm: - Năm 2018 - Năm 2019 - Năm 2020 - Năm 2021	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018 - 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.18.01.11	Hướng dẫn cán bộ nghiên cứu lập kế hoạch KHCN và xây dựng hồ sơ giảng viên, nghiên cứu viên hàng năm	- 440/DHN- QLKH, ngày 09/8/2019 - 623/DHN- QLKH ngày 21/9/2021	QLKH	
TC.18.01.12	Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức, người lao động Trường Đại học Được Hà Nội	705/QĐ-DHN, 21/9/2021	TC-HC	
TC.18.01.13	Quy chế thi đua khen thưởng	- 312/QĐ-DHN, 10/5/2017 - 895/QĐ-DHN, 05/9/2019 - 216/QĐ-DHN, 21/4/2022	TC-HC	

Tiêu chí 18.2

Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.18.02.01	Chiến lược KHCN Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	- 180/QĐ-DHN, 31/3/2020 - 295/QĐ-DHN, 29/4/2021	DHN	
TC.18.02.02	Kế hoạch thực hiện sau tự đánh giá và Kế hoạch cải tiến sau Đánh giá ngoài	Kế hoạch được ký	QLKH	
TC.18.02.03	Hợp đồng phát triển sản phẩm với công ty cổ phần Traphaco	692, 693, 694/ HĐ-NC&PTSP ngày 31/10/18	QLKH	
TC.18.02.04	Danh mục đề tài KHCN cấp Quốc gia giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ đề tài cấp Quốc gia (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.18.02.05	Danh mục đề tài KHCN cấp Bộ giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ đề tài cấp Bộ (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.18.02.06	Danh mục đề tài KHCN cấp Tỉnh, Thành phố giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ đề tài cấp Tỉnh, Thành phố (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.18.02.07	Danh mục Hợp đồng dịch vụ giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ Hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng, Biên bản thanh lý)	QLKH	
TC.18.02.08	Danh mục Hợp đồng CGCN giai đoạn 2017-2021	Hợp đồng	QLKH	
TC.18.02.09	Quy định tổ chức và hoạt động nhóm NCM của Trường	908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021	QLKH	

TC.18.02.10	Các văn bản liên quan đến việc xét chọn và công nhận nhóm NCM (Thông báo, Quyết định thành lập Hội đồng, Biên bản xét chọn, Quyết định công nhận)	- 678/TB-DHN, 15/12/2021	QLKH	
TC.18.02.11	Thưởng cho bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp Trường sau nghiệm thu	107/TB-DHN, 28/3/2021	QLKH	
TC.18.02.12	Quyết định thưởng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế	340/QĐ-DHN, 18/5/2022	QLKH	
TC.18.02.13	Phê duyệt Chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường Thông báo chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường năm 2020	- 881/QĐ-DHN, 14/10/2020 - 493/TB-DHN , 15/10/2020	QLKH	
TC.18.02.14	Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2021-2025 của Trường Đại học Dược Hà Nội	642/KH-DHN, 29/11/2021)	QLKH	
TC.18.02.15	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018 - 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.18.02.16	- Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược KHCN giai đoạn 2016 – 2020	604/BC-DHN, 24/12/2020	QLKH	
TC.18.02.17	- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm	2017-2022	QLKH	

Tiêu chí 18.3

Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.18.03.01	Chiến lược KHCN Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	- 180/QĐ-DHN, 31/3/2020 - 295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	

TC.18.03.02	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm: - Năm 2018 - Năm 2019 - Năm 2020 - Năm 2021	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018 - 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.18.03.03	Kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm của đơn vị	Kế hoạch gửi vào email QLKH	Bộ môn	
TC.18.03.04	Kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm của cá nhân	Kế hoạch gửi vào email QLKH	Bộ môn	
TC.18.03.05	- Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	- 96/QĐ-DHN, 22/02/2021	TC-HC	
TC.18.03.06	Phần mềm lý lịch khoa học online	www.qlkh.hu.edu.vn	QLKH	
TC.18.03.07	- Bảng tổng kết giờ NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên (2017-2021)	Bảng tổng kết giờ có chữ ký của Trưởng QLKH	QLKH	
TC.18.03.08	- Báo cáo tổng kết năm học của QLKH (2017-2021)	Báo cáo có chữ ký của Trưởng QLKH	QLKH	
TC.18.03.09	- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước và phương hướng công tác năm học sau của Trường (về công tác khoa học công nghệ)	203/BC-DHN, 04/8/2017 436/BC-DHN, 06/9/2021	TC-HC	
TC.18.03.10	Hồ sơ liên quan đến ban tư vấn và tổ soạn thảo quy định chế độ làm việc của GV, NCV	473/DHN-TC-HC, 23/8/2022	TC-HC	
TC.18.03.11	Báo cáo đánh giá hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2016-2020	362/BC-DHN, 02/8/2021	TC-HC	

Tiêu chí 18.4

Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.18.04.01	Công văn rà soát Đề án xác định vị trí việc làm của Trường Đại học Dược Hà Nội	306/DHN-TC-HC, 27/5/2021	TC-HC	
TC.18.04.02	Bản mô tả công việc của vị trí việc làm Quản lý khoa học		QLKH	
TC18.04.03	Quyết định thành lập nhóm chuyên trách quản lý, tư vấn, giám sát hoạt động SHTT	132/QĐ-DHN, 19/02/2019	QLKH	
TC.18.04.04	Kế hoạch thực hiện sau tự đánh giá và kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài	Kế hoạch gửi ĐBCL&KT ngày 16/3/2018	QLKH	
TC.18.04.05	Chiến lược KHCN Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	
TC.18.04.06	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm: - Năm 2018 - Năm 2019 - Năm 2020 - Năm 2021	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018 - 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.18.04.07	Quy định quản lý hoạt động KHCN & SHTT của Trường Đại học Dược Hà Nội;	841/QĐ-DHN, 31/7/2018	QLKH	
TC.18.04.08	- Thường cho bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí	107/TB-DHN, 28/3/20218	QLKH	

	cho đề tài KHCN cấp Trường sau nghiệm thu			
TC.18.04.09	- Phê duyệt Chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường - Thông báo chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường năm 2020	- 881/QĐ-DHN, 14/10/2020 - 493/TB-DHN , 15/10/2020	QLKH	
TC.18.04.10	Hướng dẫn triển khai đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương	210/TB-DHN, 21/5/2020	QLKH	
TC.18.04.11	Phiếu khảo sát giảng viên, nghiên cứu viên và người học về hoạt động NCKH năm 2021, 2022		ĐBCL&KT QLKH	
TC.18.04.12	Tổng hợp kết quả phản hồi của giảng viên, nghiên cứu viên và người học về hoạt động NCKH của Trường	2021-2022	ĐBCL&KT QLKH	
TC.18.04.13	Kế hoạch cải tiến sau khảo sát về hoạt động NCKH		QLKH	
TC.18.04.14	Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.18.04.15	- Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội	484/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	

Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1

Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.19.01.01	Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Dược Hà Nội	02/QĐ-DHN, 19/02/2021	TC-HC	
TC.19.01.02	Quyết định phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu	520/QĐ-DHN ngày 28/7/2021	TC-HC	
TC.19.01.03	- Quyết định cử tham gia lớp tập huấn	- 197/QĐ-DHN, 12/3/2019	QLKH	

	- Chứng nhận tham gia khóa đào tạo về SHTT	- 831/QĐ-DHN, 05/10/2020 - Bản photo chứng nhận		
TC.19.01.04	Quy định quản lý hoạt động KHCN & SHTT của Trường	841/QĐ-DHN ngày 31/7/2018	QLKH	
TC.19.01.05	Tổ chức các buổi tọa đàm khoa học về sở hữu trí tuệ	- 19/DHN-QLKH, 14/01/2019 - 67/TB-DHN, 28/2/2019 - 271/TB-DHN, 29/6/2020	QLKH	
TC.19.01.06	Mô hình tổ chức hoạt động của BK Holding	http://www.bkholdings.com.vn/vn/		
TC.19.01.07	Quyết định ban hành Quy định Quản lý hoạt động SHTT trong Trường Đại học Dược Hà Nội	483/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.19.01.08	Mô hình chính sách SHTT của WIPO dành cho các học viện và viện nghiên cứu	2022	Cục SHTT	
TC.19.01.09	Quy chế Quản trị Tài sản trí tuệ của Trường Đại học Dược Hà Nội	133/QĐ-DHN ngày 15/3/2022	QLKH	
TC.19.01.10	Quyết định thành lập Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh	657/QĐ-DHN, 18/8/2017	QLKH	
TC.19.01.11	Quyết định bổ sung thành viên Hội đồng đạo đức	234/QĐ-DHN, 14/3/2018	QLKH	
TC.19.01.12	Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh	659/QĐ-DHN, 18/8/2017	QLKH	
TC.19.01.13	Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường ĐH Dược Hà Nội	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.19.01.14	Danh mục và hồ sơ đề tài các cấp giai đoạn 2017-2022	2017-2022	QLKH	

TC.19.01.15	Danh mục đề tài khóa luận, luận văn, luận án giai đoạn 2017-2021	2017-2022	Thư viện	
TC.19.01.16	Danh mục sách, giáo trình giai đoạn 2017-2022	2017-2022	Thư viện	
TC.19.01.17	Danh mục và hồ sơ các đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích	2017-2022	QLKH	
TC.19.01.18	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường	- 1286/QĐ-DHN, 26/10/2018 - 1063/QĐ-DHN, 09/10/2019 - 726/QĐ-DHN, 30/9/2021	TCKT	
TC.19.01.19	Phê duyệt chương trình đề tài KH&CN trọng điểm cấp Trường giai đoạn 2020-2025	- 881/QĐ-DHN, 14/10/2020 - 493/TB-DHN, 15/10/2020	QLKH	
TC.19.01.20	- Danh sách bài báo quốc tế được thưởng - Quyết định thưởng bài báo quốc tế	- 340/QĐ-DHN, 18/5/2022	QLKH	
TC.19.01.21	Quy trình đăng ký, thẩm định, thực hiện và nghiệm thu đề tài KHCN cấp Trường	2016	QLKH	
TC.19.01.22	Hướng dẫn triển khai đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương	210/TB-DHN, 21/5/2020	QLKH	
TC.19.01.23	Các quy trình hướng dẫn triển khai đề tài cấp Trường (Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường);	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.19.01.24	Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	11/2014/TT-BKHCN, 30/5/2014	Bộ KHCN	
TC.19.01.25	- Danh mục bài báo giai đoạn 2017-2022		QLKH	

	- Danh mục đề tài giai đoạn 2017-2022 - Danh sách đơn đăng ký sáng chế giai đoạn 2017-2022			

Tiêu chí 19.2

Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.19.02.01	Quy chế quản trị tài sản trí tuệ	133/QĐ-DHN, 15/3/2022	QLKH	
TC.19.02.02	- Phiếu khai báo TSTT - Cam kết bảo mật thông tin		QLKH	
TC.19.02.03	Hướng dẫn đăng ký sáng chế		QLKH	
TC.19.02.04	Danh mục các quyết định chấp nhận đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích 5 năm (2017-2022)	2017-2022	QLKH	
TC.19.02.05	Danh mục hợp đồng bản quyền xuất bản sách 2017-2022	2017-2022	Thư viện	
TC.19.02.06	CSDL số khóa luận, luận văn, luận án	https://elib.hue.edu.vn/opacdigital	Thư viện	
TC.19.02.07	Chương trình/ khóa/ lớp tập huấn, tọa đàm về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo 5 năm (2017-2022)	2017-2022	QLKH	
TC.19.02.08	Quyết định, công văn cử viên chức tham dự các lớp tập huấn, khóa đào tạo về SHTT	- 197/QĐ-DHN, 12/3/2019 - 831/QĐ-DHN, 05/10/2020 - 337 DHN-QLKH, 24/6/2019	QLKH	
TC.19.02.09	Danh sách chuyên gia SHTT, Đổi mới sáng tạo và chương trình các buổi tập huấn, tọa đàm		QLKH	

TC.19.02.10	Các hợp đồng thương mại hóa các tài sản trí tuệ	- Danh mục hợp đồng dịch vụ KHCN - Hợp đồng khai thác bản quyền với nhà xuất bản	- Viện CNDP - Thư viện	
TC.19.02.11	- Quyết định công nhận các báo cáo, video kỹ thuật đạt giải tại Hội nghị KHCN Tuổi trẻ ngành y tế lần thứ XX - Danh sách đạt giải xuất sắc Hội nghị KHCN Tuổi trẻ ngành y tế lần thứ XX	- 2372/QĐ-VĐ, 27/11/2021 - Phụ lục Danh sách đạt giải	VĐ	

Tiêu chí 19.3

Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.19.03.01	Đề án vị trí việc làm của QLKH		QLKH	
TC.19.03.02	Danh mục sáng chế, giải pháp hữu ích giai đoạn 2017-2021		QLKH	
TC.19.03.03	- Rà soát các quy chế, quy định, quy trình trong các hoạt động của Trường - Kết quả rà soát các văn bản quản lý thuộc hoạt động NCKH và SHTT năm 2021	71/DHN-TCHC ngày 22/02/2021 File gửi TC-HC ngày 02/7/2021 và 20/01/2022	TC-HC QLKH	
TC.19.03.04	Quy định quản lý hoạt động SHTT trong Trường	483/QĐ-DHN, 12/7/2021	DHN	
TC.19.03.05	Quy chế Quản trị TSTT của Trường	133/QĐ-DHN, 15/3/2022	DHN	
TC.19.03.06	- Báo cáo tổng kết năm học của QLKH (bao gồm báo cáo về hoạt động SHTT) - Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ và phương hướng thực hiện năm tiếp theo từ 2017-2021	- 64/DHN-QLKH, 14/02/2020 - 43/DHN-QLKH, 28/01/2021	QLKH	

	- Báo cáo thông tin về hoạt động sở hữu trí tuệ gửi Cục SHTT			
TC.19.03.07	Biên bản họp Ban tài liệu học tập			
TC.19.03.08	Ý kiến khảo sát xây dựng đề án chuyển đổi số	48/DHN-QLCSVC ngày 27/01/2022	QLCSVC	
TC.19.03.09	Kế hoạch Xây dựng đề án chuyển đổi số Trường Đại học Dược Hà Nội	32/KH-DHN ngày 12/01/2022	QLCSVC	

Tiêu chí 19.4

Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.19.04.01	Báo cáo kết quả khảo sát về công tác quản lý TSTT	File báo cáo kết quả khảo sát	ĐBCL&KT	
TC.19.04.02	Kế hoạch hoạt động KHCHN&SHTT - Năm 2018 - Năm 2019 - Năm 2020 - Năm 2021	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018; - 346/KH-DHN, 05/9/2019; - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020; - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.19.04.03	Góp ý Quy định về hoạt động KHCHN & SHTT của Trường	159/DHN-QLKH, 22/3/2018	QLKH	
TC.19.04.04	Quy định về hoạt động KHCHN & SHTT của Trường	841/QĐ-DHN, 31/7/2018	QLKH	
TC.19.04.05	Thành lập Ban tư vấn và tổ soạn thảo Quy định quản lý hoạt động SHTT trong Trường	168/QĐ-DHN, 27/3/2020	QLKH	
TC.19.04.06	Quy định quản lý hoạt động SHTT trong Trường	483/QĐ-DHN, 12/7/2022	QLKH	
TC.19.04.07	Quy chế quản trị TSTT của Trường	133/QĐ-DHN, 15/3/2022	QLKH	

TC.19.04.08	Nhóm chuyên trách quản lý, tư vấn, giám sát hoạt động SHTT	132/QĐ-DHN, 19/2/2019	QLKH	
TC.19.04.09	Chương trình/ khóa/ lớp tập huấn, tọa đàm về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo 5 năm (2017-2022);	2017-2022	QLKH	
TC.19.04.10	Quy định định mức giờ làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	- 1066/QĐ-DHN, 21/12/2017 - 119/QĐ-DHN, 31/01/2019 - 96/QĐ-DHN, 22/02/2021	TC-HC	
TC.19.04.11	Danh mục bài báo giai đoạn 2017-2022: + trong nước + quốc tế		QLKH	
TC.19.04.12	Danh mục sách, giáo trình xuất bản giai đoạn 2017-2022		Thư viện	
TC.19.04.13	Danh mục bằng/ đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích 2017-2021		QLKH	
TC.19.04.14	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm		QLKH	
TC.19.01.15	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo năm học và Báo cáo Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm		TC-HC	

Tiêu chuẩn 20:

Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1

Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

TC.20.01.01	Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030, tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN, 12/3/2020	HĐT	
TC.20.01.02	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch Tổng thể phát triển trường đại học Dược đến năm 2020	2772/QĐ-BYT, 03/08/2009	BYT	
TC.20.01.03	Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030	1280/QĐ-DHN ngày 31/12/2016	QLKH	
TC.20.01.04	Chiến lược KHCN Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	
TC.20.01.05	Kế hoạch hoạt động của trường ĐH Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
TC.20.01.06	Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2021-2025 của Trường Đại học Dược Hà Nội	642/KH-DHN, 29/11/2021)	QLKH	
TC.20.01.07	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018 - 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.20.01.08	Chiến lược phát triển HTQT giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	1278/QĐ-DHN, 31/12/2016	HTQT	
TC.20.01.09	Chiến lược Hợp tác quốc tế của Trường giai đoạn 2021-2025	299/QĐ-DHN, 29/4/2021	HTQT	
TC.20.01.10	Các báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm và phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo từ năm 2017 đến 2022	- 28/BC-DHN ngày 16/01/2018 - 43/BC-DHN ngày 24/01/2019 - 06/BC-DHN ngày 07/01/2020 - 09/BC-DHN ngày 12/01/2021 - 58/BC-DHN ngày 25/01/2022	TC-HC	
TC.20.01.11	Báo cáo giám sát và đánh giá của Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm	02/NQ-HĐTDHN ngày 13/01/2022	HĐT	

	vụ năm 2022 của Trường Đại học Dược Hà Nội			
TC.20.01.12	Quy trình thẩm định, phê duyệt, triển khai, báo cáo, giải ngân dự án, chương trình hợp tác	QT.HTQT.03	HTQT	
TC.20.01.13	Quy định quản lý hoạt động KHCN & SHTT của Trường Đại học Dược Hà Nội;	841/QĐ-DHN, 31/7/2018	QLKH	
TC.20.01.14	Quyết định ban hành Quy định Quản lý hoạt động SHTT trong Trường Đại học Dược Hà Nội	483/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.20.01.15	Hướng dẫn triển khai đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương	210/TB-DHN, 21/5/2020	QLKH	
T.20.01.16	Các quy trình hướng dẫn triển khai đề tài cấp Trường (Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường);	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.20.01.17	Quy định quản lý hoạt động KHCN & SHTT của Trường Đại học Dược Hà Nội;	841/QĐ-DHN, 31/7/2018	QLKH	
TC.20.01.18	Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.20.01.19	Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HUP	02/NQ-HĐTDHN ngày 19/02/2021	HĐT	
TC.20.01.20	Quyết định thành lập phòng Quản lý khoa học	2549/QĐ-BYT ngày 02/12/1997	QLKH	
TC.20.01.21	Hướng dẫn cán bộ nghiên cứu lập kế hoạch KHCN và xây dựng hồ sơ giảng viên, nghiên cứu viên hàng năm	-151/DHN-QLKH ngày 20/3/2018 -440/DHN-QLKH ngày 09/8/2019 -592/DHN-QLKH ngày 05/10/2020 -623/DHN-QLKH ngày 21/9/2021	QLKH	
TC.20.01.22	Kết quả đánh giá xếp hạng về NCKH: Kết quả xếp hạng 4 sao của Hệ thống xếp hạng đối sánh chất lượng đại học Việt Nam và khu vực – UPM (University Performance Metrics)	http://upm.vn hoặc https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/30-dai-hoc-lan-dau-tien-duoc-xep-hang-gan-sao-	QLKH	

		20200818070425809.htm		
TC.20.01.23	Trang web HUP mảng NCKH	http://hup.edu.vn/cpbdv/pqlkh/noidung/Lists/Gioithieuchung/View_Detail.aspx?ItemID=1 (ảnh chụp màn hình website)	QLKH	
TC.20.01.24	Thông tin đối ngoại trên trang web HUP mảng HTQT (Việt – Anh)	http://hup.edu.vn/cpbdv/phtqt/noidung/Lists/Gioithieuchung/View_Detail.aspx?ItemID=3	HTQT	

Tiêu chí 20.2

Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.20.02.01	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch Tổng thể phát triển trường đại học Dược đến năm 2020	2772/QĐ-BYT, 03/08/2009	BYT	
TC.20.02.02	Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030, tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN, 12/3/2020	HĐT	
TC.20.02.03	Kế hoạch hoạt động của trường ĐH Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	09/NQ-HĐTDHN ngày 02/7/2021	HĐT	
TC.20.02.04	Chiến lược KHCN Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	
TC.20.02.05	Chiến lược phát triển HTQT giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	1278/QĐ-DHN, 31/12/2016	HTQT	
TC.20.02.06	Chiến lược Hợp tác quốc tế giai đoạn 2021-2025	299/QĐ-DHN, 29/4/2021	HTQT	

TC.20.02.07	Quy định quản lý hoạt động KHCN & SHTT của Trường Đại học Dược Hà Nội;	841/QĐ-DHN, 31/7/2018	QLKH	
TC.20.02.08	Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.20.02.09	Quy định tổ chức và hoạt động nhóm Nghiên cứu mạnh của Trường	908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021	QLKH	
TC.20.02.10	Quy chế Quản trị Tài sản trí tuệ của Trường Đại học Dược Hà Nội	133/QĐ-DHN ngày 15/3/2022	QLKH	
TC.20.02.11	Quyết định ban hành Quy định Quản lý hoạt động SHTT trong Trường Đại học Dược Hà Nội	483/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC.20.02.12	Hướng dẫn triển khai đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương	210/TB-DHN, 21/5/2020	QLKH	
TC.20.02.13	Các quy trình hướng dẫn triển khai đề tài cấp Trường (Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường);	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.20.02.14	Thống kê đoàn ra giai đoạn 2017-2021		HTQT	
TC.20.02.15	Thống kê Hội thảo, lớp tập huấn giai đoạn 2018-2021		HTQT	
TC.20.02.16	Thưởng cho bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp Trường sau nghiệm thu (TB số 107/TB-DHN, 28/3/20218)		QLKH	
TC.20.02.17	Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	- 1066/QĐ-DHN, 21/12/2017 - 119/QĐ-DHN, 31/01/2019 - 96/QĐ-DHN, 22/02/2021	TC-HC	
TC.20.02.18	Danh mục các bài báo quốc tế có đồng công bố của các chuyên gia trong và ngoài nước		QLKH	

TC.20.02.19	Khen thưởng cho các bài báo quốc tế đăng trên tạp chí ISI năm 2020 và 2021	340/QĐ-BYT ngày 18/05/2022	QLKH	
TC.20.02.20	Danh mục đề tài KHCN cấp Quốc gia giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ đề tài cấp Quốc gia (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.20.02.21	Danh mục đề tài KHCN cấp Bộ giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ đề tài cấp Bộ (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.20.02.22	Danh mục đề tài KHCN cấp Tỉnh, Thành phố giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ đề tài cấp Tỉnh, Thành phố (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.20.02.23	Danh mục Hợp đồng dịch vụ giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ Hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng, Biên bản thanh lý)	QLKH	
TC.20.02.24	Danh mục Hợp đồng CGCN giai đoạn 2017-2022	Hợp đồng	QLKH	
TC.20.02.25	Danh mục đề tài KHCN cấp Trường giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ đề tài cấp Trường (QĐ phê duyệt, đề cương, BB nghiệm thu)	QLKH	
TC.20.02.26	Danh mục người học tham gia đề tài KHCN các cấp giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ đề tài các cấp	QLKH	
TC.20.02.27	Danh mục đề tài báo cáo Hội nghị KHCN của sinh viên giai đoạn 2017-2022	Kỷ yếu, chương trình Hội nghị	QLKH	
TC.20.02.28	Danh mục sáng chế, giải pháp hữu ích giai đoạn 2017-2022		QLKH	
TC.20.02.29	Danh mục bài báo trong nước giai đoạn 2017-2022	Bài báo toàn văn được xuất bản	QLKH	
TC.20.02.30	Danh mục bài báo quốc tế giai đoạn 2017-2022	Link bài báo	QLKH	

TC.20.02.31	Thống kê nguồn thu từ các chương trình hợp tác công tư, xã hội hóa giai đoạn 2017-2022 (đến thời điểm lấy số liệu thống kê)		HTQT	
TC.20.02.32	Danh sách MOU trong nước 2017-2022		HTQT	
TC.20.02.33	Thống kê MOU có yếu tố quốc tế giai đoạn từ năm 2017 -2022		HTQT	
TC.20.02.34	Báo cáo kết quả triển khai công tác HTQT giai đoạn 2016-2020	236/BC-DHN, 28/5/2021	HTQT	
TC.20.02.35	Báo cáo kết quả triển khai KH và nhiệm vụ trọng tâm công tác HTQT năm 2021	38/BC-DHN ngày 18/1/2022	HTQT	
TC.20.02.36	Kết quả thực hiện MOU ký kết giai đoạn 2017-2022		HTQT	
TC.20.02.37	Danh mục tạp chí ISI uy tín có đăng tải các công bố khoa học của Trường giai đoạn 2017-2021	Link bài báo	QLKH	
TC.20.02.38	Thống kê CSDL Khoa học công nghệ		QLKH	

Tiêu chí 20.3

Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.20.03.01	Về việc phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu	520/QĐ-DHN ngày 28/7/2021	TC-HC	
	Về việc phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu	982/QĐ-DHN ngày 17/11/2020	TC-HC	
	Quyết định phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu	558/QĐ-DHN ngày 01/7/2022	TC-HC	
	Vv phân công công tác của các thành viên Ban Giám hiệu;	489/QĐ-DHN ngày 5/7/2017	TC-HC	
	Phân công công tác của các thành viên BGH.	1101/QĐ-DHN ngày 24/9/2018	TC-HC	
TC.20.03.02	Quyết định thành lập phòng HTQT	54/QĐ-DHN, 16/1/2009	TC-HC	
TC.20.03.03	Quyết định thành lập phòng Quản lý khoa học	2549/QĐ-BYT ngày 02/12/1997	TC-HC	

TC.20.03.04	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN, 19/02/2021	HĐT	
TC.20.03.05	Quy định chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ-DHN, 24/12/2021	TC-HC	
TC.20.03.06	Quyết định thành lập các Ban chuyên trách của Hội đồng trường Trường ĐHDHN NK 2020-2025	1023 QĐ-HĐTDHN ngày 27/11/2020	HĐT	
TC.20.03.07	Các báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm và phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo từ năm 2017 đến 2022	- 28/BC-DHN ngày 16/01/2018 - 43/BC-DHN ngày 24/01/2019 - 06/BC-DHN ngày 07/01/2020 - 09/BC-DHN ngày 12/01/2021 - 58/BC-DHN ngày 25/01/2022	TC-HC	
TC.20.03.08	Báo cáo giám sát và đánh giá của Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN ngày 13/01/2022	HĐT	
TC.20.03.09	Báo cáo kết quả triển khai công tác HTQT giai đoạn 2016-2020	236/BC-DHN, 28/5/2021	HTQT	
TC.20.03.10	Báo cáo kết quả triển khai KH và nhiệm vụ trọng tâm công tác HTQT năm 2021	38/BC-DHN ngày 18/1/2022	HTQT	
TC.20.03.11	Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược KHCN giai đoạn 2016 – 2020	604/BC-DHN, 24/12/2020	QLKH	
TC.20.03.12	Báo cáo định kỳ đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ	File báo cáo của chủ nhiệm đề tài	QLKH	
TC.20.03.13	Kết quả lấy ý kiến phản hồi về công tác HTQT năm 2020	722/DHN-HTQT ngày 16/11/2021	HTQT	
TC.20.03.14	Kết quả lấy ý kiến phản hồi về công tác HTQT năm 2021	806 DHN-HTQT ngày 24/11/2021	HTQT	

TC.20.03.15	Báo cáo kết quả khảo sát của Giảng viên, NCV về hoạt động NCKH, sở hữu trí tuệ của Trường năm 2021, 2022		ĐBCL&KT	
TC.20.03.16	Kết quả thực hiện công tác HTQT 2017-2022	-651/DHN-HTQT ngày 30/11/2017 -168/DHN-HTQT ngày 10/04/2019 -222/DHN-HTQT ngày 29/4/2020 -105/DHN-HTQT ngày 10/3/2021 -108/BB-DHN ngày 10/3/2022 -20/DHN-HTQT ngày 11/1/2022 DHN - 38/BC-DHN ngày 18/01/2022		
TC.20.03.17	Các công văn HUP gửi các đơn vị về báo cáo kết quả thực hiện công tác HTQT từ 2017-2022	CV giai đoạn 2016-2020	HTQT	
TC.20.03.18	Công văn HUP gửi các đơn vị về lấy ý kiến phản hồi công tác HTQT năm 2020 và năm 2021	722/DHN-HTQT ngày 16/11/2020	HTQT	
TC.20.03.19	Kết quả thực hiện MOU có yếu tố quốc tế giai đoạn 2017-2022		HTQT	
TC.20.03.20	Kết quả thực hiện MOU trong nước giai đoạn 2017-2022	Phòng HTQT nhận nhiệm vụ từ T10/2020	HTQT	
TC.20.03.21	Danh mục thỏa thuận hợp tác trong nước 2017-2022		HTQT	
TC.20.03.22	Hội thảo đánh giá 3 tháng thực hiện thỏa thuận hợp tác giữa HUP và Sở Y tế Hà Nội		BM DLS	
TC.20.03.23	Thống kê đoàn ra của HUP 2017-2022		HTQT	
TC.20.03.24	Thống kê hội thảo, lớp tập huấn		HTQT	
TC.20.03.25	Thống kê sản phẩm đầu ra dự án, chương trình hợp tác 2017-2022 (danh sách chương trình CPD; danh sách học liệu, tài		HTQT	

	liệu tham khảo; danh sách thiết bị được đầu tư...)			

Tiêu chí 20.4

Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.20.04.01	Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược KHCN giai đoạn 2016 – 2020	604/BC-DHN, 24/12/2020	QLKH	
TC.20.04.02	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm		QLKH	
TC.20.04.03	Các báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm và phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo từ năm 2017 đến 2022	- 28/BC-DHN ngày 16/01/2018 - 43/BC-DHN ngày 24/01/2019 - 06/BC-DHN ngày 07/01/2020 - 09/BC-DHN ngày 12/01/2021 - 58/BC-DHN ngày 25/01/2022	TC-HC	
TC.20.04.04	Báo cáo giám sát và đánh giá của Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN ngày 13/01/2022	TC-HC	
TC.20.04.05	Báo cáo kết quả triển khai công tác HTQT giai đoạn 2016-2020	- 236/BC-DHN, 28/5/2021	HTQT	
TC.20.04.06	Báo cáo kết quả triển khai KH và nhiệm vụ trọng tâm công tác HTQT năm 2021	- 38/BC-DHN ngày 18/1/2022	HTQT	
TC.20.04.07	Kế hoạch hoạt động HTQT giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030	- 328/KH-DHN ngày 31/12/2016	HTQT	
TC.20.04.08	Kế hoạch HTQT giai đoạn 2017-2022	- 24/KH-DHN ngày 20/1/2017 - 76/KH-DHN ngày 01/3/2018 - 89/KH-DHN ngày 19/3/2019 - 229/ DHN- HTQT ngày 28/5/2020	HTQT	

		- 110/KH- DHN ngày 10/3/2021		
TC.20.04.09	Thông kê MOU có yếu tố quốc tế giai đoạn từ năm 2017 -2022		HTQT	
TC.20.04.10	Thông kê MOU trong nước 2017-2022		HTQT	
TC.20.04.11	Thông kê nguồn thu từ các chương trình hợp tác công tư, xã hội hóa giai đoạn 2017-2022 (đến thời điểm lấy số liệu thống kê)		HTQT	
TC.20.04.12	Kết quả thực hiện MOU có yếu tố quốc tế giai đoạn 2017-2022		HTQT	
TC.20.04.13	Kết quả thực hiện MOU trong nước giai đoạn 2017-2022		QLKH HTQT	
TC.20.04.14	Danh mục bài báo trong nước giai đoạn 2017-2022	Bài báo toàn văn được xuất bản	QLKH	
TC.20.04.15	Danh mục bài báo quốc tế giai đoạn 2017-2022	Link bài báo	QLKH	
TC.20.04.16	Danh mục bài báo trong nước có người học tham gia	Bài báo toàn văn được xuất bản	QLKH	
TC.20.04.17	Danh mục bài báo quốc tế có người học tham gia	Link bài báo	QLKH	
TC.20.04.18	Danh mục đề tài KHCN cấp Quốc gia giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ đề tài cấp Quốc gia (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.20.04.19	Danh mục đề tài KHCN cấp Bộ giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ đề tài cấp Bộ (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.20.04.20	Danh mục đề tài KHCN cấp Tỉnh, Thành phố giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ đề tài cấp Tỉnh, Thành phố (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.20.04.21	Thông kê Hội thảo, lớp tập huấn giai đoạn 2017-2022		HTQT	
TC.20.04.222	Danh mục báo cáo tại hội nghị, hội thảo trong nước giai đoạn 2017-2022	Kỷ yếu, chương trình Hội nghị	QLKH	
TC.20.04.23	Danh mục báo cáo tại hội nghị, hội thảo quốc tế giai đoạn 2017-2022	Bài báo, chương trình Hội nghị	QLKH	
TC.20.04.24	Thông kê nguồn thu từ các chương trình hợp tác công tư, xã		HTQT	

	hội hóa giai đoạn 2017-2022 (đến thời điểm lấy số liệu thống kê)			
TC.20.04.25	Thống kê nguồn thu từ hoạt động KHCN hàng năm (giai đoạn từ năm 2017 -2022): - Đề tài KHCN cấp Nhà nước, Bộ, Sở nhánh và tương đương - Chuyển giao công nghệ (Aslem) - Hoạt động KHCN khác	MC dùng chung lưu tại phòng TCKT	TCKT	
TC.20.04.26	Thống kê chi NCKH hàng năm (giai đoạn từ năm 2017 -2022): - Đề tài KHCN cấp Nhà nước, Bộ, Sở nhánh và tương đương - Chuyển giao công nghệ (Aslem) - Hoạt động KHCN khác (Chi tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN Chi NCKH của sinh viên)	MC dùng chung lưu tại phòng TCKT	TCKT	
TC.20.04.27	Thống kê dự án, chương trình hợp tác 2017-2022		HTQT	
TC.20.04.28	Thống kê CSDL KHCN		QLKH	
TC.20.04.29	Thống kê sản phẩm đầu ra dự án, chương trình hợp tác 2017-2022 (danh sách chương trình CPD; danh sách học liệu, tài liệu tham khảo; danh sách thiết bị được đầu tư...)		HTQT	
TC.20.04.30	Danh mục Hợp đồng dịch vụ giai đoạn 2017-2022	Hồ sơ Hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng, Biên bản thanh lý)	QLKH	
TC.20.04.31	Danh mục Hợp đồng CGCN giai đoạn 2017-2022	Hợp đồng	QLKH	

Tiêu chuẩn 21:

Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1

Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.21.01.01	Các nghị quyết của Đảng uỷ trong giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐU	

TC.21.01.02	Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ soạn thảo XD Chiến lược KH dài hạn HĐ phục vụ và kết nối cộng đồng	47/QĐ-DHN ngày 27/01/2021	TC-HC	
TC.21.01.03	Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học	12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19 tháng 5 năm 2017	Bộ GD&ĐT	
TC.21.01.04	Nghị quyết V/v thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội	01/NQ-HĐTDHN, ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.21.01.05	Công văn tổ chức triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.	733/DHN-KT&KĐCL, ngày 13/12/2019	ĐBCL&K T	
TC.21.01.06	- Bổ sung chính sách KN&PVCĐ (Mục V (5.1) của chiến lược KN-PVCĐ 2021 - 2025 - Quyết định của Trường ĐH Dược HN về Ban hành chiến lược kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH Dược HN, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1088/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.21.01.07	- Kế hoạch KN&PVCĐ giai đoạn 2021-2025	709/KH-DHN, ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.21.01.08	- Quy định quản lý hoạt động KN&PVCĐ	1034/QĐ-DHN , ngày 30/12/2021	TC-HC	
TC.21.01.09	QĐ cử Đoàn cán bộ và SV của trường ĐH Dược HN tình nguyện hỗ trợ phòng chống dịch Covid19 tại TP Hồ Chí Minh	620/QĐ-DHN, ngày 23 tháng 8 năm 2021	TC-HC	
TC.21.01.10	Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCĐ	QT.TCHC.202 1.04 Ngày 10/12/2021	TC-HC	
TC.21.01.11	Kế hoạch xây dựng Chiến lược hoạt động KN&PVCĐ	33/KH-DHN ngày 26/1/2021	TC-HC	
TC.21.01.12	Các biên bản thỏa thuận với các trường nước ngoài, công ty dược từ năm 2017-2022	2017-2022	HTQT	
TC.21.01.13	Các hợp đồng chuyển giao công nghệ -Thỏa thuận tài trợ giữa VPDD	- ngày 09/12/2020	QLKH	

	GLAXOSMITHKLINE PTE TẠI TP.HỒ CHÍ MINH VÀ TRƯỜNG ĐH DƯỢC HN, -Thỏa thuận tài trợ giữa VPDD GLAXOSMITHKLINE PTE TẠI TP.HỒ CHÍ MINH VÀ TRƯỜNG ĐH DƯỢC HN, -Thỏa thuận tài trợ giữa VPDD GLAXOSMITHKLINE PTE TẠI TP.HỒ CHÍ MINH VÀ TRƯỜNG ĐH DƯỢC HN, - Thỏa thuận tài trợ tiếng việt đã ký	- ngày 07/9/2020 - ngày 04/5/2021 -Ngày 9-9-2021		
TC.21.01.14	Hợp đồng tư vấn giữa Nhà trường và các đối tác 2017-2022	2017-2022	QLKH	
TC.21.01.15	http://www.hup.edu.vn	Bài viết đăng trên website Trường		
TC.21.01.16	- BC kết quả phản hồi của SV về lĩnh vực hoạt động KNPVCD tháng 6/2021. - Báo cáo kết quả phản hồi của SV về lĩnh vực KNPVCD 2021,	- Ngày 30/7/2021 - Ngày 28/7 2021	ĐBCL&K T	
TC.21.01.17	Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của GV, NCV	96/QĐ-DHN ngày 22/02/2021	TC-HC	
TC.21.01.18	Bộ chỉ số KPIs hoạt động KN&PVCD của GV	90/KH-DHN ngày 22/2/2022	TC-HC	

Tiêu chí 21.2

Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi thu thập	Ghi chú
TC.21.02.01	Danh sách các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trước năm 2017		TC-HC	
TC.21.02.02	Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học thông qua	12/2017/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi thu thập	Ghi chú
	một số tiêu chí đánh giá về hoạt động phục vụ cộng đồng trong trường đại học	ngày 19/5/2017		
TC.21.02.03	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học	34/2018/QH 14 ngày 19/11/2018	Quốc hội	
TC.21.02.04	Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến 2030, tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020	HĐT	
TC.21.02.05	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học	99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019	Chính phủ	
TC.21.02.06	Quyết định số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 v/v thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo	768/QLCL-KĐCLGD	Bộ GD&ĐT	
TC.21.02.07	Hướng dẫn về việc tổ chức triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	733/DHN-KT&KĐCL ngày 13/12/2019	ĐBCL&KT	
TC.21.02.08	Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng mã số	QT.TCHC.2 021.04 ban hành ngày 10/12/2021	TC-HC	
TC.21.02.09	Quyết định của Trường ĐH Dược HN về Ban hành chiến lược kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH Dược HN, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1088/QĐ-DHN ngày 27/01/2021	TC-HC	
TC.21.02.10	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng năm học mới	Theo từng văn bản	TC-HC	File MC
TC.21.02.11	Quy định quản lý hoạt động KN&PVCĐ	1034/QĐ-DHN , ngày 30/12/2021	TC-HC	
TC.21.02.12	Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Trường ĐH Dược Hà Nội	1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.21.02.13	Hình ảnh tổ chức hoạt động, các thông tin có liên quan trên trang thông tin điện tử của Trường		TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi thu thập	Ghi chú
TC.21.02.14	Tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp	Theo từng văn bản	ĐT	File MC
TC.21.02.15	Biên bản ký kết hợp tác giữa Trường ĐH Dược Hà Nội với các trường đại học trong nước	Theo từng văn bản	TC-HC	File MC
TC.21.02.16	Biên bản ký kết hợp tác giữa Trường ĐH Dược Hà Nội với các trường đại học nước ngoài	Theo từng văn bản	HTQT	File MC
TC.21.02.17	Biên bản ký kết hợp tác giữa Trường ĐH Dược Hà Nội với các cơ sở thực tế	Theo từng văn bản	ĐT	File MC
TC.21.02.18	Cử đoàn CBSV của Trường tình nguyện hỗ trợ PC dịch COVID-19	620/QĐ-DHN ngày 23/8/2021	P.TC-HC	
TC.21.02.19	Chương trình lễ xuất quân đoàn CBSV tình nguyện tham gia phòng, chống dịch COVID-19 tại TP.HCM	Ngày 24/8/2021	P.TC-HC	
TC.21.02.20	Công văn tham gia cuộc thi video clip về phòng/chống dịch COVID-19	31/CĐDHN ngày 31/8/2021	Công đoàn	
TC.21.02.21	Tổ chức pha chế nước rửa tay khô để phòng, chống dịch bệnh COVID-19	86/QĐ-DHN ngày 14/02/2020	P.TC-HC	
TC.21.02.22	Báo cáo đánh giá hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2016-2020; phương hướng và nhiệm vụ 2021-2025	362/BC-DHN	P.TC-HC	
TC.21.02.23	Báo cáo kết quả phản hồi của VCNLD về KNPVCD 2021	30/7/2021	P. ĐBCL&KT	
TC.21.02.24	Báo cáo kết quả phản hồi của SV về lĩnh vực KNPVCD 2021	28/7 / 2021	P. ĐBCL&KT	

Tiêu chí 21.3

Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.21.03.01	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm (2017-2021)	- 28/BC-DHN ngày 16/01/2018;	HCTH, TC-HC	

		- 43/BC-DHN ngày 24/01/2019; - 06/BC-DHN ngày 07/01/2020; - 09/BC-DHN ngày 12/01/2021; - 58/BC-DHN ngày 25/01/2022		
TC.21.03.02	Báo cáo tổng kết năm học của phòng SĐH	2017-2021	SĐH	Lưu tại Phòng SĐH (chưa có)
TC.21.03.03	Báo cáo tổng kết năm học của phòng QLKH	2017-2021	QLKH	Lưu tại Phòng QLKH(chưa có)
TC.21.03.04	Báo cáo tổng kết năm học của Viện CNDPQG	2017-2021	CNDPQG	Lưu tại Viện CNDP(chưa có)
TC.21.03.05	Báo cáo tổng kết năm học của Trung tâm DI&ADR QG	2017-2021	ADR	Lưu tại ADR(chưa có)
TC.21.03.06	Báo cáo tổng kết của Công đoàn	2017-2021	CĐ	Lưu tại VP CĐ(chưa có)
TC.21.03.07	Báo cáo tổng kết năm học của ĐTN	2017-2021	Đoàn TNCS HCM	Lưu tại VP ĐTN(chưa có)
TC.21.03.08	Kết quả so chuẩn, đối sánh các tiêu chí phần đầu chính về đảm bảo chất lượng giáo dục	2017-2019; 2019-2020; 2020-2021	ĐBCL&KT	Chưa có 2020-2021, Phòng ĐBCL cung cấp(chưa có)
TC.21.03.09	Công văn tổ chức triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động KN&PVCD	733/DHN-KT&KĐCL ngày 13/12/2019	KT&KĐCL	

TC.21.03.10	Thông báo kết luận cuộc họp Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục	108/TB-DHN ngày 12/3/2020	KT&KĐCL	
TC.21.03.11	Quyết định về việc Ban hành bộ chỉ thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, bộ chỉ số thị trường, bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi	1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.21.03.12	Quyết định ban hành Chiến lược hoạt động KN&PVCĐ của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.21.03.13	Quyết định ban hành Kế hoạch hoạt động KN&PVCĐ của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	709/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.21.03.14	Quyết định ban hành Quy định hoạt động KN&PVCĐ của Trường Đại học Dược Hà Nội	1034/QĐ-DHN ngày 30/12/2021	ĐBCL&KT	
TC.21.03.15	Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCĐ	QT.TCHC.2021 .04	ĐBCL&KT	
TC.21.03.16	Quyết định ban hành Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	96/QĐ-DHN ngày 22/02/2021	TC-HC	
TC.21.03.17	Công văn góp ý cho dự thảo bộ tiêu chí KPI cho giảng viên	203/DHN-HC- HC ngày 04/5/2022	ĐBCL&KT	
TC.21.03.18	Báo cáo đánh giá hoạt động KN&PVCĐ giai đoạn 2016-2020; phương hướng và nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025	362/BC-DHN ngày 02/8/2021	TC-HC	
TC.21.03.19	Thư mời sinh viên ĐH UKM - Malaysia	175/DHN- HTQT ngày 12/4/2019;	HTQT	
	Thư mời sinh viên ĐH UCL -Bỉ	647/DHN- HTQT ngày 31/10/2018;	HTQT	
	Kế hoạch giảng dạy cho đoàn sinh viên khoa Dược – ĐH Mahidol – Chương trình trao đổi sinh viên 2017	203/DHN- HTQT ngày 03/5/2017	HTQT	

	Kế hoạch giảng dạy cho đoàn sinh viên khoa Dược – ĐH Paul Sabatier Toulouse III – Chương trình trao đổi sinh viên 2017	202/DHN-HTQT ngày 03/5/2017	HTQT	
	Công văn đề xuất chuyên đề tự chọn cho sinh viên quốc tế	803/DHN-HTQT ngày 23/11/2021	HTQT	
	Kế hoạch thực hiện tổng thể Đề án chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên và dịch chuyển sinh viên ASEAN + 3	486/KH-DHN ngày 30/9/2021	HTQT	
TC.21.03.20	Quyết định ban hành Quy chế Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Dược Hà Nội	346/QĐ-DHN ngày 12/6/2014	HTQT	
	Hồ sơ đánh giá điểm rèn luyện của người học hàng năm (thông báo, phiếu đánh giá, kết quả đánh giá, BB thông qua HĐ thi đua khen thưởng)	2017-2021	QLSV	Lưu tại Phòng QLSV(c hưa có)
TC.21.03.21	Quyết định mở lớp đào tạo liên tục về dược lâm sàng	- 10/QĐ-DHN ngày 05/01/2021; - 567/QĐ-DHN ngày 21/7/2020; - 1062/QĐ-DHN ngày 21/10/2019; - 1494/QĐ-DHN ngày 18/12/2018; - 307/QĐ-DHN ngày 09/5/2017	SĐH	
TC.21.03.22	Quyết định mở lớp đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược	- 862/QĐ-DHN ngày 08/11/2021; - 21/QĐ-DHN ngày 14/01/2021;	SĐH	

		- 918/QĐ-DHN ngày 29/10/2020; - 1294/QĐ- DHN ngày 06/12/2019		
TC.21.03.23	Quyết định mở lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	- 478/QĐ-DHN ngày 12/7/2021; - 596/QĐ-DHN ngày 06/8/2020; - 1041/QĐ- DHN ngày 14/10/2019;	SĐH	
TC.21.03.24	Quyết định mở khóa tập huấn/lớp đào tạo về Cảnh giác dược	- 384/QĐ-DHN ngày 01/6/2022; - 355/QĐ-DHN ngày 26/5/2020; - 1247/QĐ- DHN ngày 28/11/2019; - 1353/QĐ- DHN ngày 20/11/2018; - 381/QĐ-DHN ngày 05/6/2017	SĐH	
TC.21.03.25	Cổng thông tin điện tử của trường	www.hup.edu.vn	Trường Đại học Dược Hà Nội	
TC.21.03.26	Danh mục sáng chế được công nhận	2017-2022	QLKH	Lưu tại P.QLK H(chưa có)
TC.21.03.27	Danh mục hợp đồng chuyển giao công nghệ (Hợp đồng)	2017-2022	QLKH	Lưu tại P.QLK H(chưa có)
TC.21.03.28	Danh mục hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng, Biên bản thanh lý)	2017-2022	QLKH	Lưu tại P.QLK H(chưa có)
TC.21.03.29	Quyết định thành lập Tổ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, hướng nghiệp và tư vấn việc làm	1191/QĐ-DHN ngày 18/11/2019	TCCB	
TC.21.03.30	Quyết định cử cố vấn hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp	1192/QĐ-DHN ngày 18/11/2019	TCCB	

TC.21.03.31	Cổng thông tin điện tử của Trung tâm DI&ADR Quốc gia	canhgiacduoc.org.vn	ADR	
TC.21.03.32	Quyết định thành lập Ban soạn thảo xây dựng Thông tư ban hành Danh mục thuốc không kê đơn	4863/QĐ-BYT ngày 09/9/2016	BYT	
	Quyết định thành lập Ban soạn thảo và Tổ thư ký xây dựng chuẩn năng lực của Dược sĩ và cao đẳng Dược Việt Nam	5204/QĐ-BYT ngày 16/11/2017	BYT	
	Quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập và các Tiểu ban chuyên môn xây dựng Thông tư ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc tân dược thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế	1629/QĐ-BYT ngày 26/4/2017;	BYT	
	Quyết định thành lập Ban soạn thảo xây dựng Thông tư hướng dẫn việc bồi dưỡng Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người hướng dẫn thực hành trong đào tạo khối ngành khoa học sức khỏe	1424/QĐ-BYT ngày 23/02/2018	BYT	
	Quyết định thành lập Ban soạn thảo xây dựng Hướng dẫn thực hành hoạt động dược lâm sàng cho dược sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm	5947/QĐ-BYT ngày 02/10/2018	BYT	
	Quyết định phê duyệt danh sách ủy viên các Ban chuyên môn của Hội đồng Dược thư Quốc gia Việt Nam III	37/QĐ-TTDD-DTVN ngày 13/8/2020	BYT	
	Quyết định thành lập Hội đồng Dược thư Quốc gia Việt Nam III	6694/QĐ-BYT ngày 05/11/2018	BYT	
	Quyết định thành lập nhóm kỹ thuật về giám sát kháng thuốc giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020	370/QĐ-BYT ngày 10/02/2017	BYT	
	Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc	2885/QĐ-BYT ngày 11/5/2018	BYT	

	Quyết định thành lập Ban soạn thảo xây dựng Thông tư ban hành nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn và danh mục được liệu thuộc danh mục loài, chủng loại được liệu quý, hiếm, đặc hữu phải kiểm soát	5865/QĐ-BYT ngày 18/12/2019	BYT	
	Quyết định soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Tài liệu hướng dẫn kỹ năng bán thuốc tốt cho người bán lẻ thuốc	462/QĐ-BYT ngày 17/9/2020	BYT	
	Quyết định Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018	2953/QĐ-BYT ngày 10/6/2021	BYT	
	Quyết định thành lập Ban soạn thảo Danh mục tương tác thuốc chống chỉ định tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	4545/QĐ-BYT ngày 25/9/2021	BYT	
	Quyết định thành lập Ban soạn thảo xây dựng đề án phát triển dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	4285/QĐ-BYT ngày 05/9/2021	BYT	
	Quyết định thành lập Hội đồng xem xét các chỉ định của thuốc Tacrolimus không có trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc được cấp phép và không có trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm hồ sơ đăng ký thuốc được cấp phép	2643/QĐ-BYT ngày 28/5/2021	BYT	
	Quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn xây dựng “Mẫu phiếu phân tích sử dụng thuốc”	1928/QĐ-BYT ngày 20/4/2021	BYT	
	Quyết định thành lập Hội đồng xem xét hồ sơ thực phẩm bảo vệ sức khỏe	26/QĐ-ATTP ngày 20/01/2021	BYT	
TC.21.03.33	Hồ sơ hỗ trợ VC- NLĐ; VC-NLĐ đã nghỉ hưu không may bị bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn (Đề xuất, Quyết định)	2017-2022	Công đoàn	lưu tại VP Công đoàn(chưa có)
TC.21.03.34	Công văn ủng hộ quỹ “Vì biển đảo Việt Nam”	10/CĐDHN ngày 25/02/2021	Công đoàn	
	Phiếu kế toán	BC 039 ngày 31/03/2021	ĐUK các trường ĐH, CĐ HN	

TC.21.03.35	Công văn ủng hộ người nghèo an sinh xã hội, hưởng ứng phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo” năm 2020	47/DHN-CĐ DHN ngày 19/10/2020	Công đoàn	
TC.21.03.36	Công văn quyên góp ủng hộ cán bộ viên chức ngành Y tế, đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi lũ lụt năm 2020	56/CĐDHN ngày 17/11/2020	Công đoàn	
TC.21.03.37	Công văn kêu gọi nhắn tin ủng hộ chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”	23/CĐ-DHN ngày 05/4/2018	Công đoàn	
TC.21.03.38	Hưởng ứng tham gia dự án Uprace	- 35/CĐDHN ngày 18/9/2020; - 65/CĐDHN ngày 01/11/2021;	Công đoàn	
TC.21.03.39	Hình ảnh tham gia hoạt động chạy bộ thiện nguyện			
TC.21.03.40	Kế hoạch tổ chức kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7	- 180/KH-DHN ngày 21/7/2017; - 244/KH-DHN ngày 10/7/2018; - 261/KH-DHN ngày 17/7/2019; - 305/KH-DHN ngày 21/7/2020; - 339/KH-DHN ngày 20/7/2021;	TCCB, TC-HC	
TC.21.03.41	Công văn quyên góp, ủng hộ hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang phòng chống dịch COVID-19	- 22/CĐDHN ngày 27/5/2021; - 08/QĐ-CĐDHN ngày 01/6/2021;	Công đoàn	
TC.21.03.42	Công văn tham gia cuộc thi video clip về phòng/chống dịch COVID-19	- 31/CĐDHN ngày 31/8/2021;	Công đoàn	
TC.21.03.43	Quyết định cử đoàn Cán bộ và sinh viên của Trường Đại học Dược Hà Nội tình nguyện, hỗ trợ phòng, chống dịch COVID-19 tại Thành phố Hồ Chí Minh	620/QĐ-DHN ngày 23/8/2021	TC-HC	

TC.21.03.44	Công văn về việc danh sách viên chức, người lao động, học viên, sinh viên tham gia “Mạng lưới thầy thuốc đồng hành” tư vấn cho người dân trong hoạt động phòng, chống COVID-19	919/DHN-TC-HC ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.21.03.45	Hồ sơ tổ chức các hoạt động Hiến máu nhân đạo	2017-2022	ĐTN CSHCM	Lưu tại VP Đoàn (chưa có)
TC.21.03.46	Hồ sơ tổ chức các hoạt động khám bệnh và phát thuốc miễn phí	2017-2022	ĐTN CSHCM	Lưu tại VP Đoàn(c hưa có)
TC.21.03.47	Thư mời chương trình “Bánh chưng xanh”	- Ngày 09/01/2019; - Số 02/2021/CV-ĐTN ngày 18/01/2021	ĐTN CSHCM	
TC.21.03.48	Hồ sơ tổ chức hoạt động tư vấn hướng nghiệp	2017-2022	ĐTN CSHCM	Lưu tại VP Đoàn(c hưa có)
TC.21.03.49	Hồ sơ đánh giá điểm rèn luyện của người học hàng năm (thông báo, phiếu đánh giá, kết quả đánh giá, BB thông qua HĐ thi đua khen thưởng)	2017-2022	QLSV	Lưu tại PhòngQ LSV(ch ưa có)
TC.21.03.50	Hồ sơ hoạt động thanh tra giám sát đào tạo (công văn, kế hoạch, mẫu biểu thanh tra về hoạt động KN&PVCD, báo cáo thanh tra về hoạt động KN&PVCD)	2017 -2022	ĐBCL&KT	Lưu tại Phòng ĐBCL &KT(ch ưa có)
TC.21.03.51	Quyết định về việc ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	- 598/QĐ-DHN ngày 22/12/2009; - 1010/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TCCB, TC-HC	
TC.21.03.52	Nghị quyết ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm DI&ADR QG	11/NQ-HĐT DHN ngày 10/3/2022	HĐT	
TC.21.03.53	Nghị quyết ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ dược phẩm QG	10/NQ-HĐT DHN ngày 10/3/2022	HĐT	

TC.21.03.54	Kế hoạch tài chính 6 tháng cuối năm 2020, năm 2021	509/KH-DHN 26/10/2020; 04/NQ- HĐTDHN 26/4/2021	HĐT	
TC.21.03.55	Thống kê nguồn thu từ các lớp đào tạo liên tục 2017-2021	2018-2022	TCKT	Lưu ở Phòng TCKT (chưa có, MC dùng chung)
TC.21.03.56	Thống kê nguồn thu từ hoạt động KHCN	2018-2022	TCKT	Lưu ở Phòng TCKT (chưa có, MC dùng chung)
TC.21.03.57	Một số khoản chi của Trường	2017-2021	TCKT	Lưu ở Phòng TCKT (chưa có, MC dùng chung)
TC.21.03.58	Báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên về hoạt động KN&PVCD tháng 6/2021		ĐBCL&KT	
TC.21.03.59	Báo cáo kết quả phản hồi của viên chức, người lao động về hoạt động KN&PVCD tháng 6/2021		ĐBCL&KT	

Tiêu chí 21.4

Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.21.04.01	Kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo theo nhu cầu xã hội	76/DHN-SDH ngày 21/02/2022 106/DHN-SDH ngày 11/03/2022	SĐH	
TC.21.04.02	Kế hoạch hoạt động năm học của Công đoàn	Hàng năm	CĐ	

TC.21.04.03	Kế hoạch hoạt động năm học của ĐTN-HSV	Hàng năm	ĐTN	
TC.21.04.04	Kế hoạch PharmaFest các năm	Hàng năm	ĐTN	
TC.21.04.05	Kế hoạch/Thông báo mở lớp đào tạo liên tục của các lớp	Hàng năm	SĐH	
TC.21.04.06	Kế hoạch tình nguyện khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí các đợt	Hàng năm	ĐTN	
TC.21.04.07	Kế hoạch Ngày hội hiến máu tình nguyện các đợt	Hàng năm	ĐTN	
TC.21.04.08	QĐ điều động đoàn đi hỗ trợ TP.HCM trong đợt dịch Covid-19	620/QĐ-DHN, ngày 23/8/2021	TC-HC	
TC.21.04.09	Các quyết định khen thưởng	2017-2022	TC-HC	
TC.21.04.10	Kế hoạch khảo sát, phiếu ks, dữ liệu ks gốc, báo cáo kết quả thu thập thông tin Phản hồi của viên chức, người lao động về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	2021, 2022	ĐBCL&KT	

Tiêu chuẩn 22:

Kết quả đào tạo

Tiêu chuẩn 22.1:

Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC22.01.01	Báo cáo tốt nghiệp hàng năm, Bảng phân tích đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học.	Các năm	ĐT	
TC22.01.02	Biên bản họp xét tốt nghiệp hàng năm	Các năm	ĐT	
TC22.01.03	Quyết định số 635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021 về tuyển sinh và đào tạo trình độ TS	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SĐH	
TC22.01.04	Quyết định số 768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021 về tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS	768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	
TC22.01.05	Báo cáo về tuyển sinh và đào tạo sau đại học với Bộ GD &ĐT	2017-2022	SĐH	

TC22.01.06	Quy định công tác Cố vấn học tập	719/QĐ-DHN ngày 08/9/2017	QLSV	
TC22.01.07	Các quyết định ngừng học, thôi học, vào học tiếp 2017-2022	2017-2022	QLSV	
TC22.01.08	Báo cáo hoạt động CVHT các năm	433/BC-DHN ngày 10/10/2019 544/BC-DHN ngày 11/11/2020	QLSV	

Tiêu chuẩn 22.2:

Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC22.02.01	Quyết định số 635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021 về tuyển sinh và đào tạo trình độ TS	635/QĐ-DHN ngày 25/8/2021	SĐH	Bổ sung các quyết định trước
TC22.02.02	Quyết định số 768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021 về tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS	768/QĐ-DHN ngày 15/10/2021	SĐH	Các quyết định trước
TC22.02.03	Kế hoạch giảng dạy và thời khóa biểu cho các khóa	2017-2022	ĐT SĐH	
TC22.02.04	- Báo cáo tốt nghiệp hàng năm, Bảng phân tích đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học.	Các năm	ĐT	
	- Biên bản họp xét tốt nghiệp hàng năm	2017-2022	ĐT SĐH	
TC22.02.05	Bảng đối sách nội bộ về tỷ lệ tốt nghiệp giữa các khóa	Các năm	ĐT SĐH	
TC22.02.06	Đường link công bố tiến trình, thời khóa biểu của tất cả các khóa, từng học kỳ	2017-2022	ĐT SĐH	
TC22.02.07	Thông báo kết quả học tập của người học cảnh báo kết quả học tập	2017-2022	QLSV	
TC22.02.08	Hội nghị khoa học, Hội nghị nghiên cứu sinh của Trường	Các năm	Trường ĐH Được Hà Nội	Bổ sung bb và quyết định

Tiêu chuẩn 22.3:

Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.22.3.01	Danh mục Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo đã ban hành	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.02	Kế hoạch khảo sát thực trạng việc làm và phản hồi về chất lượng đào tạo từ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.03	Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng việc làm và phản hồi về chất lượng đào tạo từ cựu sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.04	Công văn báo cáo gửi Bộ GD&ĐT về việc làm của sinh viên hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.05	Đường link công khai báo cáo tình hình sinh viên sau tốt nghiệp	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.06	Báo cáo đối sánh tình hình việc làm của Dược sĩ tốt nghiệp Trường đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020	2/2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.07	Báo cáo điều tra lao động việc làm từ 2017-2021, Tổng Cục Thống kê	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.08	Báo cáo tổng kết hoạt động đoàn thanh niên, Hội sinh viên	2017-2022	ĐTN. HSV	
TC.22.3.09	Kế hoạch thu thập thông tin phản hồi của sinh viên đại học trước khi tốt nghiệp về khóa học tại trường hàng năm 2017-2022.	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.10	Kế hoạch thu thập thông tin phản hồi của học viên trước khi tốt nghiệp về khóa học tại trường hàng năm 2017-2022.	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.11	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên trước tốt nghiệp, hệ chính quy về hóa học tại trường hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.12	Báo cáo kết quả khảo sát học viên trước tốt nghiệp	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.13	Kế hoạch khảo sát ý kiến của người sử dụng lao động	2017-2022	ĐBCL&KT	

TC.22.3.14	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người sử dụng lao động hàng năm 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.3.15	Danh sách trích yếu giảng viên thỉnh giảng của Trường	2017-2022	TC-HC	
TC.22.3.16	Danh mục đề tài hướng dẫn DSKKI và DSKKII	2017-2022	SĐH	
TC.22.3.17	Danh mục và MOU ký với các cơ sở thực tế giai đoạn 2017-2022	2017-2022	HTQT	
TC.22.3.18	Kế hoạch và các quyết định phân công CBHD sinh viên tại các cơ sở thực tế hàng năm	2017-2022	SĐH	
TC.22.3.19	Thông kê danh mục các đơn vị đăng thông tin tuyển dụng qua Trường	2017-2022	QLSV ĐTB	

Tiêu chuẩn 22.4:

Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.22.04.01	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người sử dụng lao động hàng năm 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.02	Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng việc làm và phản hồi về chất lượng đào tạo từ cựu sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2017-2022	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.03	Kế hoạch ĐBCLGD Trường Đại học Dược Hà Nội hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.04	Báo cáo đánh giá , rà soát thực hiện chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD của trường giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030	591/BC-DHN 10/12/2020	ĐBCL&KT	
TC.22.04.05	Chiến lược ĐBCLGD của HUP giai đoạn 2021-2025	296/QĐ-DHN 29/4/2021	ĐBCL&KT	
TC.22.04.06	Báo cáo đối sánh tình hình việc làm của Dược sĩ tốt nghiệp Trường đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020	2/2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.07	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên trước tốt nghiệp, hệ chính quy về hóa học tại trường hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	

TC.22.04.08	Kết quả tổng hợp phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.09	Kết quả tổng hợp phản hồi của người học về học phần hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.10	Báo cáo kết quả khảo sát từ giảng viên và người học về các hoạt động của Trường hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.11	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo của Trường Đại học Dược Hà Nội	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.12	Bảng tổng hợp ý kiến góp ý, đề xuất của các đơn vị tại Hội nghị công chức-viên chức hàng năm	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.13	Biên bản họp giao ban ban hàng kỳ	2017-2022	TC-HC	
TC.22.04.14	Biên bản họp giao ban đào tạo hàng kỳ	2017-2022	ĐT	
TC.22.04.15	Biên bản họp hội đồng khen thưởng, kỷ luật sinh viên hàng năm	2017-2022	QLSV	
TC.22.04.16	Biên bản hội đồng xét tốt nghiệp hàng năm	2017-2022	ĐT	
TC.22.04.17	Các quy trình khảo sát các bên liên quan	2017-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.18	Hồ sơ Kế hoạch cải tiến của các đơn vị sau phản hồi	2017-2022	Các đơn vị	
TC.22.04.19	Báo cáo tổng kết công tác ĐBCL hàng năm của các đơn vị	2018-2022	ĐBCL&KT	
TC.22.04.20	Biên bản họp rà soát CTĐT, đề cương chi tiết học phần hàng năm	2017-2022	ĐT SDH	

Tiêu chuẩn 23:

Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chuẩn 23.1:

Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.23.01.01	Quy định chế độ làm việc và giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên - Năm 2017 - Năm 2019 - Năm 2021	- 1066/QĐ-DHN, 21/12/2017 - 119/QĐ-DHN, 31/01/2019	TC-HC	

		- 96/QĐ-DHN, 22/02/2021		
TC.23.01.02	Chiến lược KHCN Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	
TC.23.01.03	Hướng dẫn cán bộ nghiên cứu lập kế hoạch KHCN và xây dựng hồ sơ giảng viên, nghiên cứu viên hàng năm	- 440/DHN- QLKH, ngày 09/8/2019 - 623/DHN- QLKH ngày 21/9/2021	QLKH	
TC.23.01.04	Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	1010/QĐ- DHN, 24/12/2021	TC-HC	
TC.23.01.05	- Danh mục đề tài KHCN cấp Quốc gia giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ đề tài cấp Quốc gia (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiem thu)	QLKH	
TC.23.01.06	- Danh mục đề tài KHCN cấp Bộ giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ đề tài cấp Bộ (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiem thu)	QLKH	
TC.23.01.07	- Danh mục đề tài KHCN cấp Tỉnh, Thành phố giai đoạn 2017- 2021	Hồ sơ đề tài cấp Tỉnh, Thành phố (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiem thu)	QLKH	
TC.23.01.08	- Danh mục đề tài KHCN cấp Trường giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ đề tài cấp Trường (QĐ phê duyet, đề cương, BB nghiem thu)	QLKH	
TC.23.01.09	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm: - Năm 2018	- 96a/KH- DHN ngày 01/4/2018	QLKH	

	- Năm 2019 - Năm 2020 - Năm 2021	- 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021		
TC.23.01.10	- CSDL về hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên (Phần mềm Quản lý LLKH; Phần mềm thư viện điện tử)	www.qlkh.hu.edu.vn	QLKH	
TC.23.01.11	- Bảng tổng kết giờ NCKH của GV, NCV các năm học (Bảng tổng kết giờ NCKH hàng năm) - Bảng xếp hạng của Nhà trường trên hệ thống UPM	Bảng tổng kết giờ có chữ ký của Trường QLKH	QLKH	
TC.23.01.12	- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm	2017-2020	QLKH	
TC.23.01.13	- Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược KHCN giai đoạn 2016 – 2020	604/BC-DHN, 24/12/2020	QLKH	
TC.23.01.14	Kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài	Kế hoạch gửi ĐBCL & KT	QLKH	
TC.23.01.15	- Phê duyệt Chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường - Thông báo chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường năm 2020	- 881/QĐ-DHN, 14/10/2020 - 493/TB-DHN, 15/10/2020	QLKH	
TC.23.01.16	- Thưởng cho bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp Trường sau nghiệm thu	107/TB-DHN, 28/3/2021	QLKH	
TC.23.01.17	- Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường (<i>hỗ trợ chi phí đăng ký sáng chế, patent</i>)	726/QĐ-DHN, 30/9/2021	TCKT	

Tiêu chuẩn 23.2:

Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC23.02.01	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm: - Năm 2018 - Năm 2019 - Năm 2020 - Năm 2021	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018 - 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC23.02.02	- Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội	484/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	QLKH	
TC23.02.03	Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sỹ	768/QĐ-DHN, 15/10/2021	SĐH	
TC23.02.04	Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ dược học	635/QĐ-DHN, 25/8/2021	SĐH	
TC23.02.05	Báo cáo tổng kết năm học	2017-2021	TC-HC	
TC23.02.06	- Danh mục bài báo trong nước có người học tham gia	Bài báo toàn văn được xuất bản	QLKH	
TC23.02.07	- Danh mục bài báo quốc tế có người học tham gia	Link bài báo	QLKH	
TC23.02.08	- Danh mục giải thưởng KHCN của sinh viên	Quyết định công nhận	QLKH	
TC23.02.09	Kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài		QLKH	
TC23.02.10	Phiếu khảo sát giảng viên, nghiên cứu viên và người học về hoạt động NCKH năm 2021		ĐBCL&KT QLKH	
TC23.02.11	- Danh mục đề tài báo cáo Hội nghị KHCN của sinh viên giai đoạn 2017-2021	Kỷ yếu, chương trình Hội nghị	QLKH	
TC23.02.12	- Danh mục sinh viên đăng ký nghiên cứu khoa học giai đoạn 2017-2021	Phiếu đăng ký thực nghiệm NCKH	QLKH	
TC23.02.13	Quy định quản lý đề tài KHCN cấp Trường	769/QĐ-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC23.02.14	- Thuởng cho bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh	107/TB-DHN, 28/3/20218	QLKH	

	phí cho đề tài KHCN cấp Trường sau nghiệm thu			

Tiêu chuẩn 23.3:

Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.23.03.01	Căn cứ xây dựng loại hình và số lượng các công bố khoa học	- 26/QĐ-HĐCDGSNN, 08/11/2021 - 151/QĐ-HĐQL-NAFOSED, 09/8/2019 - 99/2019/NĐ-CP, 30/12/2019	HĐCDGSNN NAFOSED Chính phủ	
TC.23.03.02	- Danh mục bài báo quốc tế giai đoạn 2017-2021	Link bài báo	QLKH	
TC.23.03.03	- Danh mục bài báo trong nước giai đoạn 2017-2021	Bài báo toàn văn được xuất bản	QLKH	
TC.23.03.04	- Danh mục các đơn vị (cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, ...) hợp tác có công bố chung giai đoạn 2017-2021	Bài báo toàn văn được xuất bản Link bài báo	QLKH	
TC.23.03.05	- Danh mục tạp chí ISI uy tín có đăng tải các công bố khoa học của Trường giai đoạn 2017-2021	Link bài báo	QLKH	
TC.23.03.06	- Danh mục báo cáo tại hội nghị, hội thảo quốc tế giai đoạn 2017-2021	Bài báo, chương trình Hội nghị	QLKH	
TC.23.03.07	- Danh mục báo cáo tại hội nghị, hội thảo trong nước giai đoạn 2017-2021	Kỷ yếu, chương trình Hội nghị	QLKH	
TC.23.03.08	- Danh mục báo cáo tại hội nghị, hội thảo của Trường giai đoạn 2017-2021	Kỷ yếu, chương trình Hội nghị	QLKH	
TC.23.03.09	Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo và tham khảo giai đoạn 2017-2021		Thư viện	

TC.23.03.10	Quy định chế độ làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên	- 119/QĐ-DHN, 31/01/2019 - 96/QĐ-DHN, 22/02/2021	TC-HC	
TC.23.03.11	- Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2021-2025 - Kế hoạch hoạt động KHCN 5 năm và hàng năm	- 295/QĐ-DHN, 9/4/2021 - 642/KH-DHN, 29/11/2021	QLKH	
TC.23.03.12	- Báo cáo tổng kết năm học; - Báo cáo Hội nghị viên chức, người lao động; - Phiếu đánh giá, phân loại viên chức hàng năm	2017-2022	TC-HC	
TC.23.03.13	Quy trình khảo sát các bên liên quan	QT.ĐBCLKT.16	ĐBCL&KT	
TC.23.03.14	Báo cáo kết quả phản hồi của giảng viên, nghiên cứu viên về hoạt động NCKH	2021-2022	ĐBCL&KT	
TC.23.03.15	Tổng hợp các ý kiến về Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo năm học và Báo cáo hội nghị viên chức, người lao động hàng năm	2017-2022	TC-HC	
TC.23.03.16	Kế hoạch ĐBCL về hoạt động NCKH hàng năm	2017-2022	QLKH	
TC.23.03.17	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch ĐBCL về hoạt động NCKH hàng năm	2017-2022	QLKH	
TC.23.03.18	- Thường cho bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp Trường sau nghiệm thu	107/TB-DHN, 28/3/20218	QLKH	
TC.23.03.19	- Phê duyệt Chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường - Thông báo chương trình đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường năm 2020	- 881/QĐ-DHN, 14/10/2020 - 493/TB-DHN , 15/10/2020	QLKH	
TC.23.03.20	- Quy định tổ chức và hoạt động nhóm NCM của Trường	908/QĐ-DHN ngày 23/11/2021	QLKH	
TC.23.03.21	- Các văn bản liên quan đến việc xét chọn và công nhận nhóm	678/TB-DHN, 15/12/2021	QLKH	

	NCM (Thông báo, Quyết định thành lập Hội đồng, Biên bản xét chọn, Quyết định công nhận)			
TC.23.03.22	Quyết định, Chương trình Hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức; các Quyết định cử/ hoặc đồng ý cho viên chức tham dự hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế	2017-2022	QLKH	

Tiêu chuẩn 23.4:

Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.23.04.01	Quy chế Quản trị Tài sản trí tuệ của Trường Đại học Dược Hà Nội	133/QĐ-DHN ngày 15/3/2022	TC-HC	
TC.23.04.02	Quyết định ban hành Quy định Quản lý hoạt động SHTT trong Trường Đại học Dược Hà Nội	483/QĐ-DHN ngày 12/7/2021	TC-HC	
TC.23.04.03	Chiến lược KHCN Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	
TC.23.04.04	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm: - Năm 2018 - Năm 2019 - Năm 2020 - Năm 2021	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018 - 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.23.04.05	- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; - Quy định chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; - Quy chế quản trị TSTT của Trường	- 01/NQ-HĐTDHN, 30/10/2020 - 1010/QĐ-DHN, 24/12/2021	HĐT TC-HC QLKH	

		- 133/QĐ-DHN, 15/3/2022		
TC.23.04.06	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm	2017-2021	QLKH	
TC.23.04.07	- Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược KHCN giai đoạn 2016 – 2020	604/BC-DHN, 24/12/2020	QLKH	
TC.23.04.08	Thông báo, chương trình các lớp tập huấn, tọa đàm về SHTT	- 409/TB-DHN, 03/10/2019 - 526/DHN- QLKH, 10/9/2020 - 81/DHN- QLKH, 05/3/2019 - 87/TB-QLKH, 19/3/2019 - 226 TB-DHN, 18/6/2019 - 78 TB-DHN, 26/2/2020 - 179/TB-DHN, 27/4/2020	QLKH	
TC.23.04.09	Thông báo, chương trình các buổi sinh hoạt khoa học	- 271/TB-DHN, 29/6/2020 - 582/TB-DHN, 07/12/2020 - 100/TB-DHN, 05/3/2021 - 546/TB-DHN, 19/10/2021	QLKH	

Tiêu chuẩn 23.5:

Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

TC.23.05.01	Kế hoạch KHCN và SHTT hàng năm: - Năm 2018 - Năm 2019 - Năm 2020 - Năm 2021	- 96a/KH-DHN ngày 01/4/2018 - 346/KH-DHN ngày 05/9/2019 - 538/KH-DHN ngày 9/11/2020 - 538/KH-DHN, 15/10/2021	QLKH	
TC.23.05.02	- Danh mục đề tài KHCN cấp Quốc gia giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ đề tài cấp Quốc gia (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.23.05.03	- Danh mục đề tài KHCN cấp Bộ giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ đề tài cấp Bộ (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.23.05.04	- Danh mục đề tài KHCN cấp Tỉnh, Thành phố giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ đề tài cấp Tỉnh, Thành phố (Hợp đồng, thuyết minh, Biên bản nghiệm thu)	QLKH	
TC.23.05.05	- Danh mục Hợp đồng dịch vụ giai đoạn 2017-2021	Hồ sơ Hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng, Biên bản thanh lý)	- QLKH - VCN DPQG	
TC.23.05.06	Thông báo, công văn phân bổ kinh phí đề tài	- 125/K2ĐT-NCKH, 20/02/2017 - 368/K2ĐT-NCKH, 05/4/2021	BYT	
TC.25.01.07	Biên bản họp công khai dự toán thu chi NSNN và phân bổ kinh phí hàng năm từ 2018-2022	64/BB-DHN ngày 9/02/2018; 46/BB-DHN ngày 29/1/2019;	TCKT	

		83/BB-DHN ngày 27/02/2020; 66/BB-DHN ngày 08/02/2021; 106/BB-DHN ngày 4/3/2022		
TC.23.05.08	Chiến lược KHCN Trùng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	295/QĐ-DHN, 29/4/2021	QLKH	
TC.23.05.09	Biên bản kiểm tra, xác nhận kinh phí đề tài	Năm 2017-2021	Bộ KH&CN	
TC.23.05.10	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm từ 2017-2021	-836/QĐ-DHN ngày 10/10/2017; -1286/QĐ-DHN ngày 26/10/2018; -1016/QĐ-DHN -ngày 9/10/2019; -668/QĐ-DHN ngày 1/9/2020; -726/QĐ-DHN ngày 30/9/2021	TCKT	
TC.23.05.11	Tổng hợp chi cho hoạt động KHCN hàng năm 2019-2021 (trích Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân).	2020-2022	Ban TTND	
TC.23.05.12	Thống kê chi hoạt động KHCN 2017-2021	29/4/2022	TCKT	
TC.07.01.13	Quy trình thanh toán tiền NCKH	2015	TCKT	

Tiêu chuẩn 24:

Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chuẩn 24.1:

Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.24.01.01	Chiến lược đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Trường ĐH Dược Hà Nội	01/NQ-HĐTDHN ngày 12/03/2020	HĐT	
TC.24.01.02	Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH Dược Hà Nội	1034/QĐ-DHN ngày 30/12/2021	TC-HC	
TC.24.01.03	Kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	709/KH-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.24.01.04	Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH Dược Hà Nội	QT.TCHC.2021.04	TC-HC	
TC.24.01.05	Kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo theo nhu cầu xã hội	76/DHN-SDH ngày 21/02/2022 106/DHN-SDH ngày 11/03/2022	SDH	
TC.24.01.06	Kế hoạch, báo cáo kết quả của hoạt động PharmaFest các đợt		ĐTN	
TC.24.01.07	Kế hoạch, báo cáo kết quả của hoạt động tình nguyện khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí các đợt		ĐTN	
TC.24.01.08	Kế hoạch, báo cáo kết quả của hoạt động Ngày hội hiến máu tình nguyện các đợt		ĐTN	
TC.24.01.09	Kế hoạch thăm các trung tâm điều dưỡng thương binh các năm		TC-HC	
TC.24.01.10	Hội thảo với các đơn vị Bệnh viện/SYT/doanh nghiệp cuối năm		ĐT	
TC.24.01.11	Biên bản họp giữa BTV ĐTN với BTC PharmaFest, Đội TN, CLB Máu các đợt		ĐTN	

Tiêu chuẩn 24.2:

Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi thu thập	Ghi chú
TC.24.02.01	Thực hiện hoạt động so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường	754/DHN-KT&KĐCL ngày 26/12/2018	ĐBCL&KT	
TC.24.02.02	Về việc triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, thống kê các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	733/DHN-KT&KĐCL ngày 13/12/2019	ĐBCL&KT	
TC.24.02.03	Kết luận cuộc họp Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục	108/TB-DHN ngày 12/3/2020	TC-HC	
TC.24.02.04	Bộ chỉ số thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi	1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020	TC-HC	
TC.24.02.05	Báo cáo đánh giá hoạt động KN&PVCĐ giai đoạn 2016-2020; phương hướng và nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025	326/BC-DHN ngày 02/8/2021	TC-HC	
TC.24.02.06	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.24.02.07	Báo cáo hội nghị viên chức, người lao động	Hàng năm	TC-HC	
TC.24.02.08	Báo cáo tổng kết hàng năm học	Hàng năm	TC-HC	
TC.24.02.09	Báo cáo công tác Đoàn hàng năm	Hàng năm	ĐTN	
TC.24.02.10	Báo cáo Tổng kết hàng năm của tổ chức Công đoàn	Hàng năm	Công đoàn	
TC.24.02.11	Quy định hoạt động KN&PVCĐ	1034/QĐ-DHN ngày 30/12/2021	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi thu thập	Ghi chú
TC.24.02.12	Quy trình quản lý hoạt động KN&PVCĐ	QT.TCHC.2021.04 ngày 10/12/2021	TC-HC	
TC.24.02.13	Báo cáo đánh giá hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2016-2020; phương hướng và nhiệm vụ 2021-2025	362/BC-DHN	TC-HC	
TC.24.02.14	Kết quả thanh tra giám sát năm học	Hàng năm	TC-HC	
TC.24.02.15	Kết quả so chuẩn đối sánh	Theo từng văn bản	TC-HC	
TC.24.02.16	Báo cáo kết quả phản hồi của viên chức, người lao động về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng 2021	28/7/2021 17/9/2022	ĐBCL&KT	
TC.24.02.17	Báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên về lĩnh vực phục vụ và kết nối cộng đồng 2021	28/7/2021 17/9/2022	ĐBCL&KT	
TC.24.02.18	Báo cáo phản hồi và nhu cầu đào tạo lớp “Độ ổn định thuốc”	6-7/11/2021	SĐH	
TC.24.02.19	Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo liên tục về dược lâm sàng năm 2021	6-7/11/2021	SĐH	
TC.24.02.20	Thư cảm ơn từ các Sở lao động TBXH	Theo từng văn bản	TC-HC	
TC.24.02.21	Thư cảm ơn từ các BV, sở KHCN	Theo từng văn bản	TC-HC	
TC.24.02.22	Thư cảm ơn của CB phường Phan Chu Trinh	Theo từng văn bản	TC-HC	
TC.24.02.23	Kế hoạch hoạt động KNPVCĐ 2021-2025	709 ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.24.02.24	Quyết định vv tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	1736/QĐ-TTg ngày 18/10/2021	TC-HC	

Tiêu chuẩn 24.3:

Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.24.03.01	Công văn số.triển khai thực hiện nhiệm vụ theo thông tư số 12/2017		ĐBCL&KT	
TC.24.03.02	Tổ chức triển khai thực hiện, lưu trữ minh chứng liên quan đến các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	733/DHN-KT&KĐCL 13/12/2019	ĐBCL&KT	
TC.24.03.03	Báo cáo kết quả thực hiện năm học và phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo của Trường	Hàng năm	TC-HC	TC-HC lập danh mục
TC.24.03.04	Hồ sơ tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo của tất cả các đơn vị	Hàng năm	TC-HC	Lưu tại TC-HC
TC.24.03.05	Báo cáo tổng kết các mảng hoạt động của Trường tại HNCCVC	Hàng năm	TC-HC	TC-HC lập danh mục
TC.24.03.06	Hồ sơ đánh giá điểm rèn luyện của người học hàng năm (thông báo, phiếu đánh giá, kết quả đánh giá, BB thông qua HĐ thi đua khen thưởng)	Hàng năm	QLSV	Lưu tại QLSV
TC.24.03.07	QĐ về việc ban hành Quy định chế độ làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên.	96/QĐ-DHN 22/02/2021	TC-HC	
TC.24.03.08	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN 24/12/2021	TC-HC	

TC.24.03.09	Kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2021-2025	709/KH-DHN 24/12/2021	TC-HC	
TC.24.03.10	QĐ về việc ban hành “Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Dược Hà Nội”	1034/QĐ-DHN	TC-HC	
TC.24.03.11	Quy trình quản lý hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	QT.TCHC.2021.04 10/12/2021	TC-HC	
TC.24.03.11	Chỉ số thông tin ĐBCL bên trong của HUP	Hàng năm	ĐBCL&KT	
TC.24.03.12	Báo cáo kết quả phản hồi của viên chức, người lao động về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tháng 6/2021 Báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên về lĩnh vực hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng T6/2021	2021	ĐBCL&KT	
TC.24.03.13	Báo cáo kết quả khảo sát các lớp đào tạo liên tục	Hàng năm	SDH	

Tiêu chuẩn 24.4:

Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.24.04.01	Báo cáo tổng kết các hoạt động của các chức năng, các đơn vị hàng năm	Hàng năm	TC-HC	
TC.24.04.02	Báo cáo kết quả khảo sát các lớp đào tạo liên tục	Hàng năm	SDH	
TC.24.03.03	Báo cáo đối sánh về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	2021	TC-HC	
TC.24.04.04	Báo cáo kết quả khảo sát hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên	Hàng năm	ĐBCL&KT	
TC.24.04.05	Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý các hợp đồng khoa học, dịch vụ của Trường	Hàng năm	QLKH	

TC.24.04.06	Kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động tặng quà cho các Trung tâm điều dưỡng thương bệnh binh hàng năm	Hàng năm	CĐ	
TC.24.04.07	Báo cáo tổng kết hoạt động pha chế dịch rửa tay khô	Năm 2019	CĐ	
TC.24.04.08	Quyết định cử đoàn cán bộ, sinh viên hỗ trợ chống dịch trong TP HCM	620/QĐ-DHN, ngày 23/8/2021	TC-HC	
TC.24.04.09	Kế hoạch và kết quả ngày hội hiến máu toàn trường hàng năm	Hàng năm	ĐTN	
TC.24.04.10	Kế hoạch và tổng kết kết quả đoàn khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí hàng năm	Hàng năm	ĐTN	
TC.24.04.11	Kế hoạch và kết quả thăm trung tâm bảo trợ trẻ em	Hàng năm	ĐTN	
TC.24.04.12	Kế hoạch và kết quả chương trình gói bánh tặng quà tết nguyên đán hàng năm	Hàng năm	ĐTN	
TC.24.04.13	Thống kê danh mục kèm thư cảm ơn của các tổ chức, cá nhân	Hàng năm	CĐ, ĐTN	
TC.24.04.14	Kế hoạch và kết quả khảo sát về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường	2021	ĐBCL&KT	
TC.24.04.15	Kế hoạch cải tiến sau phản hồi của các đơn vị sau phản hồi về hoạt động KN&PVCĐ năm 2021	2021	ĐBCL&KT	

Tiêu chuẩn 25:

Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chuẩn 25.1:

Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.07.01.01	Quyết định ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội	598/QĐ-DHN	HCTH-DHN	
		22/12/2009		
		1010/QĐ-DHN		
		24/12/2021		

TC.07.01.04	Chiến lược tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	1279/QĐ-DHN 31/12/2016	HĐT-DHN	
TC.07.01.05	Chiến lược tài chính của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025	298/QĐ-DHN 29/4/2021	TCKT-DHN	
TC.07.01.06	Kế hoạch phát triển 5 năm của Trường Đại học Dược Hà Nội (2021-2025)	09/NQ-HĐTDHN	HĐT-DHN	
		2/7/2021		
TC.07.01.07	Kế hoạch hoạt động tài chính Trường Đại học Dược Hà Nội (giai đoạn 2021-2025)	388/KH-DHN	TCKT-DHN	
		12/8/2021		
TC.07.01.08	Dự toán thu chi NSNN hàng năm từ năm 2018 - 2022 và kế hoạch trung hạn 03 năm tiếp theo	415/DHN-TCKT	TCKT-DHN	
		9/8/2017		
		402/DHN-TCKT 12/7/2018	TCKT-DHN	
		413/DHN-TCKT 26/7/2019	TCKT-DHN	
		428/DHN-TCKT 27/7/2020	TCKT-DHN	
		499/DHN-TCKT 4/8/2021	TCKT-DHN	
TC.07.01.10	Kế hoạch tài chính 6 tháng cuối năm 2020, 2021, 2022	509/KH-DHN 26/10/2020;	TCKT-DHN	
		04/NQ-HĐTDHN 26/4/2021		
		17/NQ-HĐTDHN 22/4/2022		
TC.07.01.27	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm	15/3/2018; 15/3/2019; 16/3/2020; 29/4/2021;	TCKT-DHN	

		2022.		
TC.07.01.28	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân hàng năm 2017-2021	04/12/2017;	Ban TTND	
		15/01/2018; 17/12/2018;		
		15/01/2019; 19/12/2019;		
		18/02/2020;		
		31/12/2020;		
		22/01/2021;		
		5/1/2022		
TC.07.01.34	Công văn thảo luận, đóng góp ý kiến cho Báo cáo tại Hội nghị viên chức, người lao động năm 2017-2021	673/DHN-HCTH	TC-HC-DHN	
		15/12/2017		
		720/DHN-HCTH		
		12/12/2018		
		725/DHN-HCTH		
		10/12/2019		
		816/DHN-TC-HC		
		28/12/2020		
		930/DHN-TC-HC		
		31/12/2021		
TC 07.02.11	Quyết định phê duyệt dự án mua sắm hàng năm	2041/QĐ-BYT 22/5/2017	BYT	
		3581/QĐ-BYT 12/6/2018		
		3139/QĐ-BYT 15/7/2019		
		3448/QĐ-BYT 05/8/2020		
		2727/QĐ-BYT 01/6/2021		
TC 07.02.11	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục xây dựng và sửa chữa hàng năm	764/QĐ-BYT 07/03/2017	BYT	
		279/QĐ-BYT 17/01/2018		

		4444/QĐ-BYT 27/9/2019		
		4831/QĐ-BYT 20/11/2020		
		3184/QĐ-BYT 30/6/2021		
TC 07.02.19	Dự án mua sắm 2017-nay	2017-nay	DHN	
TC.25.01.01	Biên bản họp công khai dự toán thu chi NSNN và phân bổ kinh phí hàng năm từ 2018-2022	64/BB-DHN 9/02/2018	TCKT-DHN	
		46/BB-DHN 29/1/2019		
		83/BB-DHN 27/02/2020		
		66/BB-DHN 08/02/2021		
		106/BB-DHN 4/3/2022		
TC.25.01.02	Kế hoạch kinh phí hàng năm từ 2018-2021	26/03/2018	TCKT-DHN	
		26/03/2019		
		26/03/2020		
		29/04/2021		
TC.25.01.03	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm và phương hướng công tác năm học tiếp theo	203/BC-DHN 04/8/2017	TC-HC-DHN	
		297/BC-DHN 10/8/2018		
		300/BC-DHN 9/8/2019		
		380/BC-DHN 28/08/2020		
		436/BC-DHN 6/9/2021		
TC.25.01.04	Hợp đồng kinh tế cung cấp phần mềm kế toán	01200609/HĐKT-EIE	EIE-DHN	
		10/7/2006		
TC.25.01.05	Hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán EIE	2006	Công ty Điện - Điện tử - Tin học EIE	

TC.25.01.06	Báo cáo kết quả thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính hàng năm	30/01/2018	TCKT-DHN	
		12/2/2019		
		52/BC-DHN 10/2/2020		
		47/BC-DHN 29/01/2021		
		44/BC-DHN 20/01/2022		
TC.25.01.07	Thông kê cơ cấu nguồn thu hàng năm 2017-2021	21/5/2018	TCKT-DHN	
		20/5/2019		
		20/5/2020		
		10/5/2021		
		29/4/2022		
TC.25.01.08	Thông kê cơ cấu chi hàng năm 2017-2021	21/5/2018	TCKT-DHN	
		20/5/2019		
		20/5/2020		
		10/5/2021		
		29/4/2022		
TC.25.01.09	Thông kê kết quả chỉ tiêu tài chính của các hoạt động hàng năm	21/5/2018; 20/5/2019; 20/5/2020; 31/12/2020; 29/4/2022	TCKT-DHN	
TC.25.01.10	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược tài chính Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030	617/BC-DHN	TCKT-DHN	
		(31/12/2020)		
TC.25.01.11	Đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán hàng năm (trích Dự toán thu chi NSNN hàng năm từ năm 2018 - 2022 và kế hoạch trung hạn 03 năm tiếp theo)	415/DHN-TCKT	TCKT-DHN	
		9/8/2017		
		402/DHN-TCKT 12/7/2018	TCKT-DHN	
		413/DHN-TCKT 26/7/2019	TCKT-DHN	

		428/DHN-TCKT 27/7/2020	TCKT-DHN	
		499/DHN-TCKT	TCKT-DHN	
		4/8/2021		
TC.25.01.12	Thông báo/ Quyết định công khai dự toán ngân sách nhà nước từ 2018-2022	366/TB-DHN	TCKT-DHN	
		8/12/2017		
		68/TB-DHN		
		26/02/2018		
		486/TB-DHN		
		4/12/2018		
		501/TB-DHN		
		12/12/2018		
		533/TB-DHN		
		28/12/2018		
		48/TB-DHN		
		31/01/2019		
		63/TB-DHN		
		28/02/2019		
		192/TB-DHN		
		31/5/2019		
		488/TB-DHN		
		11/11/2019		
		34/TB-DHN		
		22/01/2020		
		35/TB-DHN		
		22/01/2020		
		88/TB-DHN		
		28/02/2020		
		181/QĐ-DHN		
		31/3/2020		
		200/QĐ-DHN		
		15/4/2020		
		686/QĐ-DHN		
		1/9/2020		

		974/QĐ-DHN		
		12/11/2020		
		1008/QĐ-DHN		
		26/11/2020		
		1124/QĐ-DHN		
		30/12/2020		
		73/QĐ-DHN		
		3/2/2021		
		137/QĐ-DHN		
		29/03/2021		
		153/QĐ-DHN		
		1/4/2021		
		322/QĐ-DHN		
		6/5/2021		
		414/QĐ-DHN		
		11/6/2021		
		704/QĐ-DHN 17/9/2021		
		835/QĐ-DHN 03/11/2021		
		1073/QĐ-DHN 31/12/2021		
		16/QĐ-DHN 11/01/2022		
		64/QĐ-DHN 08/02/2022		
		140/QĐ-DHN 23/3/2022		
		141/QĐ-DHN 23/3/2022		
TC.25.01.13	Thông báo công khai dự toán, quyết toán thu chi ngân sách nhà nước tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm từ 2017-2021	673/DHN-HCTH	TC-HC-DHN	
		15/12/2017		
		720/DHN-HCTH		
		12/12/2018		
		725/DHN-HCTH		

		10/12/2019		
		816/DHN-TC-HC		
		28/12/2020		
		930/DHN-TC-HC		
		31/12/2021		
TC.25.01.14	Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý, 6 tháng, 9 tháng, năm 2017-2021	2018-2022	TCKT-DHN	
TC.25.01.15	Thông báo công khai tài chính năm học (biểu 24/21)	10/10/2017	TCKT-DHN	
		5/12/2018		
		30/10/2019		
		30/9/2020		
		20/09/2021		
TC.25.01.16	Thông báo/ Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm	366/TB-DHN	TCKT-DHN	
		8/12/2017		
		490/TB-DHN		
		4/12/2018		
		549/QĐ-DHN		
		16/07/2020		
		302/QĐ-DHN		
		29/04/2021		
		990/QĐ-DHN		
		17/12/2021		
TC.25.01.17	Thống kê kết quả chỉ tiêu tài chính của các hoạt động (các chỉ tiêu tại Chiến lược tài chính 2021-2025)	29/04/2022	TCKT-DHN	
TC.25.01.18	Kế hoạch thu thập thông tin phản hồi về lĩnh vực tài chính của Nhà trường giai đoạn 2016-2020	01/10/2022	ĐBCL&KT-DHN	
TC.25.01.19	Tổng hợp kết quả phản hồi về lĩnh vực tài chính của Nhà trường 2016-2020	24/10/2022	ĐBCL&KT-DHN	
TC.25.01.20	Kế hoạch thu thập thông tin phản hồi về lĩnh vực tài chính của Nhà trường năm 2021	5/5/2021	TCKT-DHN	

TC.25.01.21	Phiếu phản hồi về lĩnh vực tài chính của Nhà trường	2021	DHN	
TC.25.01.22	Dữ liệu thu thập thông tin phản hồi về lĩnh vực tài chính của Nhà trường (2021)	2021	DHN	
TC.25.01.23	Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi của cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường về lĩnh vực tài chính	15/6/2021	DHN	
TC.25.01.24	Bản tổng hợp ý kiến góp ý cho hội nghị công chức, viên chức năm 2017-2021	12/2017;	TC-HC-DHN	
		12/2018;		
		12/2019;		
		12/2020;		
		01/2022		
TC.25.01.25	Báo cáo tự kiểm tra tài chính, kế toán hàng năm từ 2017-2021	64/DHN-TCKT	TCKT-DHN	
		30/01/2018		
		06/DHN-TCKT		
		8/1/2019		
		31/DHN-TCKT		
		20/01/2020		
		49/DHN-TCKT		
		29/01/2021		
		49/DHN-TCKT		
		27/01/2022		

Tiêu chuẩn 25.2:

Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.25.02.01	Nghị quyết về việc thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045	01/NQ-HĐT DHN ngày 12/3/2020	TC-HC	
TC.25.02.02	Bộ chỉ số thị trường, Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi	1170/QĐ-DHN ngày 31/12/2020	ĐBCL&KT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.25.02.03	Báo cáo Hội nghị viên chức người lao động	Hàng năm	TC-HC	
TC.25.02.04	Báo cáo tổng kết năm học	Hàng năm	TC-HC	
TC.25.02.05	Hội đồng nghiệm thu các đề tài khoa học	Theo từng văn bản	QLKH	
TC.25.02.06	Báo cáo kết quả tuyển sinh hàng năm hệ đại học	Hàng năm	ĐT	
TC.25.02.07	Báo cáo kết quả tuyển sinh hàng năm hệ sau đại học	Hàng năm	SĐH	
TC.25.02.08	Quyết định tốt nghiệp hàng năm hệ đại học	Hàng năm	ĐT	
TC.25.02.09	Quyết định tốt nghiệp hàng năm hệ sau đại học	Hàng năm	SĐH	
TC.25.02.10	Quyết định thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Dược Hà Nội nhiệm kỳ 2020 - 2025	3676/QĐ-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2020	BYT	
TC.25.02.11	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội	02/NQ-HĐTDHN ngày 19/2/2021	TC-HC	
TC.25.02.12	Kết quả thanh tra đào tạo	Hàng năm	ĐBCL&KT	
TC.25.02.13	Thanh tra tuyển sinh và nhập học	Hàng năm	ĐBCL&KT	
TC.25.02.14	Kết quả các chỉ số của Bộ chỉ số thị trường của Trường Đại học Dược Hà Nội		ĐBCL&KT	
TC.25.02.15	Báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh chỉ số đảm bảo chất lượng cốt lõi	Năm 2022	ĐBCL&KT	
TC.25.02.16	Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	294/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
TC.25.02.17	Chiến lược Khoa học công nghệ của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025	295/QĐ-DHN ngày 29/4/2021	TC-HC	
TC.25.02.18	Chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Dược Hà Nội, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	1008/QĐ-DHN ngày 24/12/2021	TC-HC	
TC.25.02.19	Biên bản cuộc họp Hội đồng Khoa học đào tạo	Theo từng văn bản	TC-HC	
TC.25.02.20	Biên bản cuộc họp giao ban đào tạo	Hàng năm	TC-HC	
TC.25.02.21	Biên bản cuộc họp giao ban khối ban	Hàng năm	TC-HC	
TC.25.02.22	Bảng xếp hạng các trường Đại học của UPM	Hình ảnh chụp Bảng xếp hạng	https://upm.vn/university/rating	